Văn xuôi lãng mạn VIỆT NAM 1887 – 2000

Tập IV – 1976-2000

Nhà xuất bản TP. HỒ CHÍ MINH

Nhà xuất bản VĂN HÓA SÀI GÒN

Văn xuôi lãng mạn VIỆT NAM 1887 – 2000

Tập IV – 1976-2000

Sưu tầm, tuyển chọn:

HỮU NHUẬN *(Chủ biên)* – HOÀNG LẠI GIANG

CAO THỊ XUÂN MỸ – TRẦN THỊ MAI NHÂN

Biên tập kỹ thuật, tổ chức và đầu tư bản thảo:

NGUYỄN VĂN ĐƯỢC ©

* Chúng tôi thành thật xin lỗi tất cả các tác giả và gia đình các tác giả (nếu tác giả đã qua đời) khi chưa có điều kiện tiếp cận với tác giả và gia đình tác giả để xin phép đưa tác phẩm của quí bác, anh và chị vào trong bộ tuyển này. Xin quí bác và anh chị cho chúng tôi địa chỉ hoặc điện thoại để tiện liên lạc.

Địa chỉ liên lạc: Nhà Xuất bản Văn hóa Sài Gòn – 310 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. ĐT: 8376585 *hoặc* Nhà Xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh – 60-62 Nguyễn Thị Minh Khai. ĐT: 8223637.

Văn xuôi lãng mạn VIỆT NAM 1887 – 2000

Tập **IV** – **1976-2000**

Nhà xuất bản TP. HỒ CHÍ MINH | VHSG Nhà xuất bản VĂN HÓA SÀI GÒN

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Thời gian qua, đã có nhiều công trình nghiên cứu, sưu tầm biên soạn về Văn học Việt Nam thế kỷ XX được xuất bản. Dụng ý của những soạn giả và các nhà xuất bản là muốn sưu tầm, hệ thống hóa và bước đầu thẩm định, phân tích, xếp loại những sáng tác của các nhà văn trong một thế kỷ đã cho ra đời những đứa con tinh thần của mình.

Công việc này, xét đến ngọn nguồn của sự nghiêm chỉnh trong học thuật quả tình là không đơn giản. Trở ngại đầu tiên là quan niệm về thể loại, và tiêu chí xếp loại. Thứ đến là giới hạn của thời gian, điểm dừng của sự chọn lựa, sưu tầm.

So với lịch sử phát triển Văn học chữ viết từ khởi thủy đến nay, Văn học Việt Nam thế kỷ XX đã có những thành tựu đáng ghi nhận, đặc biệt là thời kỳ 1930-1945. Trên văn đàn xuất hiện nhiều tác phẩm, tác giả của đủ loại khuynh hướng sáng tác và tư tưởng. Đó là thời kỳ nở rộ của văn, thơ, truyện ngắn, tiểu thuyết, ký sự... với nhiều phong cách khác nhau. Văn học Việt Nam những năm sau đó tiếp tục xuất hiện nhiều tác giả mới.

Riêng lĩnh vực văn xuôi, hẹp hơn nữa là **các tác phẩm văn xuôi lãng mạn** cũng đã góp phần làm sinh sắc, tươi mới và phong phú cho vườn văn học nước nhà. Sự phong phú ấy không chỉ nhìn ở khối lượng tác phẩm mà còn thể hiện ở đặc điểm riêng trong phong cách sáng tạo của nhà văn.

Chẳng hạn, đọc các tác phẩm văn xuôi của Xuân Diệu, Thạch Lam, Thanh Tịnh, Hồ Dzếnh... những nhà văn đã khắc họa bao nhiêu mảnh đời, thân phận con người bằng một lối viết rất riêng, vừa chi tiết, cụ thể, vừa sắc nét mà lại tình cảm nhẹ nhàng, như gió thoảng. Giới phê bình có người xếp họ là nhà văn hiện thực, là nhà văn lãng mạn; có ý kiến lại xem đấy là phong cách sáng tác hiện thực – trữ tình.

Cho ra đời một bộ sách bao quát nhiều thế hệ nhà văn với phong cách sáng tác không đồng nhất của thời gian trên

một trăm năm (1887-2000) với hàng trăm tác giả, trên hàng chục ngàn trang theo 4 giai đoạn – mỗi gian đoạn là 1 tập, mỗi tập có nhiều quyển, quả là không dễ dàng chút nào với Nhóm biên soạn. Mở rộng giới hạn khác với thông lệ xưa nay đã khó nhưng không khó và phức tạp bằng việc tuyển chọn tác phẩm và giới thiệu tác giả, nhất là các tác phẩm và tác giả có một thời xôn xao dư luận, khen chê khác nhau. Làm sao để không bỏ sót, mà lại không rơi vào tập hợp một cách xô bồ, lại phải phù hợp với tiêu chí của mình tự đặt ra (văn xuôi – lãng mạn – hấp dẫn, nội dung lành mạnh) là thử thách lớn nhất cần phải vượt qua.

Văn học là tấm gương phản ánh xã hội. Văn học là nhân học. Đọc kỹ thơ văn Lý – Trần của thời phong kiến Việt Nam tự chủ, nghệ thuật văn chương đã đi đúng vào quĩ đạo của tâm thức con người. Đến **Chuyện người con gái Nam Xương, Chinh phụ ngâm, Tang thương ngẫu lục, Truyện Kiều...** thì vấn đề con người được đặt ra một cách sinh động, thống thiết. Đó là bước tiến của văn học, của ngôn ngữ, nhưng là ngôn ngữ Hán – Nôm thời trung đại.

Làm bộ sách **VĂN XUÔI LÃNG MẠN VIỆT NAM (1887-2000)**, cái mốc khởi đầu 1887, chính là năm xuất hiện truyện vừa đầu tiên bằng chữ quốc ngữ **Thầy Lazaro Phiền** của Nguyễn Trọng Quản, Nhóm biên soạn muốn gửi một thông điệp tới các bạn đọc về kho tàng tác phẩm của nhà văn bằng chữ quốc ngữ thời cận, hiện đại. Qua đó chúng ta có dịp hiểu thêm tiếng nói, chữ viết, ngôn từ của một thế kỷ đã qua, để ta càng yêu thêm tiếng Việt.

Đối chiếu với những tiêu chí mà Nhóm biên soạn đặt ra và đọc hàng chục ngàn trang tác phẩm, chúng tôi không nghĩ đây là một thể nghiệm mà là một công trình khoa học nghiêm túc, công phu. Nhưng dẫu sao đây vẫn là công trình của một nhóm, nên không tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót.

Chúng tôi cũng như Nhóm biên soạn rất mong nhận được sự đóng góp của tất cả các bạn đọc xa gần, trước hết là các nhà văn, nhà nghiên cứu, phê bình văn học để lần tái bản được hoàn hảo hơn.

NXB TỔNG HỢP TP.HCM – NXB VĂN HÓA SÀI GÒN

LỜI ĐẦU SÁCH

Lâu nay, khái niệm văn học lãng mạn thường được dùng để chỉ dòng văn học công khai hợp pháp trước 1945, bị đóng khung trong khoảng vài thập niên trước Cách mạng Tháng Tám. Và như vậy, mảng văn học Cách mạng, văn học hợp pháp ở các đô thị tạm bị chiếm từ 1945-1954 hoặc ở Sài Gòn từ 1954-1975 thường bỏ qua, không được tính đến.

Chúng tôi quan niệm văn học hiện đại Việt Nam, có một quá trình phát triển liên tục, tuy từng lúc, từng nơi có những đột biến tùy theo những biến cố xã hội chính trị thay đổi.

Với đầu đề **"Văn xuôi lãng mạn Việt Nam từ năm 1887 đến năm 2000"**, chúng tôi muốn mở rộng đối tượng tuyển chọn cả về không gian và thời gian. Nếu giai đoạn 1930-1945 là thời kỳ tiểu thuyết lãng mạn Việt Nam đạt đến đỉnh cao thì không có nghĩa là trước và sau đó dòng văn học này bị đứt đoạn. Tuy không hoàn toàn giống với quan niệm chúng ta ngày nay nhưng khái niệm tiểu thuyết đã xuất hiện trên bìa sách một số tác phẩm xuất bản từ đầu thế kỷ. Giờ đây, văn chương không còn thuần là những câu chuyện kết thúc có hậu, đề cao nhân nghĩa lễ trí tín, trung hiếu tiết nghĩa... Cái *tôi* mang màu sắc tiểu tư sản đã xuất hiện. Quyền tự do yêu đương được đề cập. Cái văn mạch này vẫn được tiếp tục ở các vùng bị tạm chiếm sau này. Tuy mang nhiều yếu tố tiêu cực và bị ảnh hưởng nhiều trường phái văn học hiện đại phương Tây, nhưng với tinh thần gạn đục khơi trong, chúng ta vẫn có thể ghi nhận ở một số tác giả những đóng góp nhất định cho nền văn học dân tộc ở thể loại này.

Từ sau Cách mạng Tháng Tám, đặc biệt từ sau ngày đất nước thống nhất, các nhà văn đã thực sự đứng trong hàng ngũ có tổ chức, sáng tác theo phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa nhưng như vậy, yếu tố lãng mạn không phải không nổi bật ở một số tác phẩm.

Mở rộng đối tượng tuyển chọn, chúng tôi muốn đưa đến bạn đọc một cái nhìn bao quát về sự phát triển của một dòng

văn học, đa sắc màu, trong đó truyện dài, truyện vừa, truyện ngắn, tiểu thuyết lãng mạn là những thể loại đã hiện hữu trong suốt cuối thế kỷ 19 sang thế kỷ 20.

Trong việc bố cục và sắp xếp thứ tự các tập, chúng tôi theo trật tự thời gian, các tác giả sinh trước, tác phẩm xuất bản trước được xếp trước và ngược lại[1].

Trong công trình này chúng tôi cố giữ nguyên phong cách, ngôn ngữ của từng tác giả ở mỗi vùng miền khác nhau ở các thời kỳ khác nhau, mà không lấy ngôn ngữ Hà Nội hiện tại làm chuẩn mực. Khi thật cần thiết, đối với một số phương ngữ cổ lâu nay không còn dùng, chúng tôi đặt cạnh, trong mốc vuông ([...]) từ tương đương thông dụng hiện nay. Các chú thích đánh dấu bằng chữ số la-tinh (1,2...) là của tác giả, đánh bằng dấu hoa thị (*) là của người sưu tầm tuyển chọn. Đọc bộ tuyển này bạn đọc sẽ thấy sự phát triển của văn học chữ Quốc ngữ từ Nam Bộ ra Bắc Bộ và sự hòa nhập của dòng văn học lãng mạn trong nền văn học Việt Nam. Sự mộc mạc giản dị gần với lời ăn tiếng nói đời thường coi như tuyên ngôn của các nhà văn Nam Kỳ tự buổi sơ khai cho đến cái tinh tế, cái hàm xúc sau này ở các nhà văn trong cả nước là một bước tiến đáng kể của nền văn học Việt Nam nói chung và dòng văn học lãng mạn nói riêng.

Trong quá trình làm công việc sưu tầm tuyển chọn này chúng tôi có nghĩ đến giai đoạn năm năm (từ năm 2000 đến năm 2005). Nhưng cân nhắc lại, chúng tôi thấy những tác phẩm và tác giả xuất hiện trong thời gian này cần phải có thêm thời gian để công luận kiểm nghiệm, sau đó chúng tôi sẽ mở rộng công trình, và như vậy công trình sẽ bảo đảm được đầy đủ hơn tính trung thực và khách quan.

Đây là công việc phức tạp và có phần khó khăn, có thể còn nhiều ý kiến tranh cãi. Do những hạn chế của những người tuyển chọn – về trình độ, về tư liệu... nên chắc chắn còn có chỗ bất cập. Chúng tôi luôn chờ nghe những lời chỉ giáo, góp ý của bạn đọc gần xa.

---

1. Sự sắp xếp ở đây mang tính tương đối, bởi có những tác giả lớn tuổi hơn, nhưng tác phẩm lại xuất hiện sau. Trường hợp này chúng tôi thường sắp tác phẩm ra đời trước.

LỜI GIỚI THIỆU

HOÀNG LẠI GIANG

Chưa một lần tôi dám nghĩ ở Việt Nam đã từng có *chủ nghĩa lãng mạn* trong văn học. Bởi một điều đơn giản, hoàn cảnh xã hội Việt Nam chưa có đủ điều kiện để hình thành một chủ nghĩa về mặt lý luận và cả trong thực tiễn.

Chủ nghĩa lãng mạn trong văn học ở châu Âu thực chất đã manh nha từ thế kỷ XVII, nhưng mãi tới thế kỷ XIX mới đạt tới những thành tựu rực rỡ với những đúc kết hoàn chỉnh về mặt lý luận. Cũng như nền văn học Việt Nam hiện đại, dòng văn xuôi lãng mạn Việt Nam hiện đại ra đời và phát triển gần như cùng với sự phát triển của chữ quốc ngữ. Mặt khác, chế độ khai thác thuộc địa của thực dân Pháp đã làm xuất hiện ở Việt Nam, đặc biệt là ở các đô thị lớn, một tầng lớp trí thức Tây học và lớp tiểu tư sản thành thị đông đảo. Được tiếp thu những thành tựu mới của văn hóa phương Tây, những tầng lớp này ngày càng thấy rõ tính chất lạc hậu, phản tiến hóa của chủ nghĩa phong kiến với mọi thứ lễ giáo, tôn ti gò bó kìm nén con người. Lần đầu tiên, vai trò cái tôi, quyền sống của con người cụ thể được chú ý và đề cao. Nhiều nhà văn nối tiếp nhau khai thác ngày càng sâu tâm lý xã hội này. Và đấy là cơ sở quan trọng để hình thành dòng văn học lãng mạn Việt Nam. Ở mặt khác tác động của trường phái văn học lãng mạn Pháp nói riêng và văn học lãng mạn phương Tây nói chung đối với dòng văn học lãng mạn Việt Nam vào nhiều thời điểm khác nhau là rất lớn.

Công bằng mà nói, những nhà văn lãng mạn Việt Nam đã "tiêu hóa" được những gì mà họ tiếp nhận từ bên ngoài. Và đó là cơ sở cho sự đón nhận của độc giả Việt Nam. Thời đó, văn chương chữ nghĩa ở Việt Nam không phải *rẻ như bèo* mà đã bắt đầu có giá.

Những nhà văn Việt Nam, ngoài ảnh hưởng các trào lưu văn học lãng mạn châu Âu, họ còn chịu tác động bởi hoàn cảnh xã hội Việt Nam khi Đảng Cộng sản Đông Dương ra đời. Một dòng tư tưởng mới, tiến bộ tràn vào Việt Nam qua nhiều

con đường khác nhau. Khát vọng giải phóng dân tộc một lần nữa lại được nhen nhóm, thắp sáng hy vọng trong nhân dân. Đó là những yếu tố tích cực tác động không nhỏ vào tư tưởng trí thức, đặc biệt là các nhà nghệ sĩ, thổi một luồng sinh khí mới lạc quan vào tư duy các nhân vật. Cùng lúc là tư tưởng chống lại hệ thống phong kiến vốn lạc hậu kéo dài hàng nghìn năm đã làm cho dân chúng chìm trong cùng khổ!

Những nhà lãnh đạo văn nghệ cách mạng có lý do để cho rằng dòng văn học lãng mạn Việt Nam giai đoạn 1930-1945 mang nhiều nét tiêu cực, đẩy hàng loạt thanh niên vào con đường tình ái trụy lạc mà xao nhãng đấu tranh giành lại nền độc lập. Trong thực tế, không phải không có những thanh niên như thế. Họ lao vào tình yêu, họ quên đi đất nước đang còn hằn đầy những vết giày của quân xâm lược. Khi gặp những tác phẩm văn học lãng mạn hợp với quan niệm sống của họ, họ dễ tiếp nhận và trở thành những con người thừa, lạc lõng...

Nhưng xét ở mặt khác, tư tưởng cách mạng vào thời ấy mới chỉ là những đóm lửa le lói, không phải dễ ai đã nhìn thấy, để tin yêu và dấn thân. Dòng văn học lãng mạn đột phá vào hệ thống tư tưởng phong kiến lạc hậu, bảo thủ, tiêu diệt tự do con người mà xã hội phương Tây đã giành lại được từ hơn thế kỷ trước. Cuộc đấu tranh này vô cùng phức tạp, thăng trầm bởi chủ nghĩa phong kiến đã thống trị ở ta cả ngàn năm. Cho đến hôm nay, ở đầu thế kỷ 21, chúng ta vẫn còn nhận ra tính gia trưởng, sự áp đặt, sự bất khả kháng trước nhiều hiện tượng mang đậm dấu ấn của lễ giáo phong kiến.

Chấp nhận điều này, chúng ta mới thông cảm cho những nhà văn lãng mạn một thời đã mạnh dạn công phá vào thành lũy của chế độ phong kiến Việt Nam. Nói một cách khác, văn học lãng mạn là một cứu cánh cho những tiêu chuẩn về đạo đức mới, tiến bộ hơn của một thời.

Nhưng văn học lãng mạn Việt Nam không chỉ có tình yêu, không chỉ có ướt át, sa đọa, mà tự thân nó còn chất đầy những tình cảm, những cảm xúc đặc biệt, tính chất thanh cao, nét đẹp hài hòa, khát vọng chiến thắng những lề thói hủ bại, và chống lại ở nhiều dạng ức chế về thể chế chính trị tàn bạo của quân xâm lược, dù còn ở mức hết sức nhẹ nhàng, đơn giản. "Các nhà văn lãng mạn coi động lực của nhận thức là thể nghiệm sự mâu thuẫn của cái hữu hạn và cái vô hạn, nỗi buồn

do không đạt được tới cái vô hạn, thái độ mỉa mai đối với bản thân...".[1]

Những nhà văn Việt Nam đi vào dòng văn học lãng mạn không hẳn tất cả đều tiêu cực, đều quên nợ non nước, dù là trí thức du học thành đạt ngay tại chính quốc, các nước Nhật Bản hay phương Tây, và những nhà văn học ngay trong nước nói chung đều là những người có lòng tự trọng, trong mỗi người đều mang tấm lòng của người dân mất nước. Có người yêu nước, do gặp hoàn cảnh, đi được với Cách mạng. Có người tự tìm cho mình một chỗ đứng trong sự nghiệp như thể hiện lòng yêu nước của mình. Thực tiễn 30 năm chiến tranh đã cho chúng ta khẳng định điều đó.

Vào đầu thế kỷ XX, ở Việt Nam hình thành 3 dòng văn học: Dòng văn học cách mạng mới ra đời khỏe mạnh, mang đầy khí thế tiến công, vạch trần được tội ác của chủ nghĩa thực dân và bọn phong kiến đồng thời vạch ra những lý tưởng để phấn đấu, vươn tới. Dòng văn học thứ hai là dòng hiện thực phê phán chủ yếu vạch trần và lên án xã hội thực dân phong kiến mục nát, bóc lột tàn tệ và làm tha hóa con người. Nhiều tên tuổi lớn xuất hiện ở dòng này như Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Công Hoan, Nguyên Hồng, Nam Cao... Và dòng thứ ba là văn học lãng mạn. Trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, dòng văn học cách mạng luôn bị cấm đoán, tác giả luôn bị chính quyền thực dân đàn áp, tác phẩm hầu như chỉ được lưu hành bí mật hoặc bán công khai. Dòng văn học hiện thực phê phán cũng luôn luôn bị chế độ kiểm duyệt thực dân can thiệp một cách thô bạo, cắt xén. Chỉ có dòng văn học lãng mạn là được hợp pháp, công khai. Và do hoàn cảnh đặc biệt của Việt Nam, dòng văn học này còn tiếp tục phát triển ở những vùng bị tạm chiếm ở miền Nam cho đến sau ngày thống nhất đất nước năm 1975.

Ba dòng văn học này cùng tồn tại trên một đất nước trong nhiều thập kỷ, cùng phục vụ nhân sinh, cùng hướng thiện, cùng lên án cái ác, bảo vệ cái thiện, nhưng đại diện cho ba ý thức hệ khác nhau.

Đánh giá như vậy chính là bày tỏ một thái độ rộng rãi, bao dung và trung thực với lịch sử. Chính điều đó giúp chúng

---

1. *Từ điển triết học*, NXB Văn hóa Thông tin, tr.617.

ta có được một kho tàng văn học tiềm tàng, dòng này bổ sung cho dòng kia, tạo thành một bức tranh văn học phong phú, đa sắc màu. Thời gian đã cho chúng ta những bài học về việc tự mình làm nghèo đi bao nhiêu di sản văn hóa do tiền nhân tạo lập mà đáng lẽ ra, hơn ai hết chúng ta phải giữ gìn và coi đó là tài sản vô giá của một dân tộc có cả nghìn năm văn hiến ở phía sau. Điều đó chính là cách tự làm "giàu" lên biết bao nhiêu so với nền văn học của nhiều nước trên thế giới.

Sự uốn nắn về đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội được vạch tại đại hội Đảng lần thứ VI đã mở ra cho chúng ta một chân trời mới, những nhà văn nghệ nhìn lại chính mình rõ hơn trong việc đánh giá nền văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa, nền văn học hiện thực phê phán và đặc biệt là dòng văn học lãng mạn mà một thời chưa được đánh giá đúng mức hoặc thậm chí bị phủ nhận.

Ngay trong dòng văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa, chúng ta vẫn thấy không ít những tác phẩm mang đậm yếu tố lãng mạn. Chính những nét mơ mơ thực thực, những yếu tố huyền ảo lúc lung linh như những giọt sương, lúc bàng bạc như trầm cảm, lại cũng như thăng hoa, bay bổng, đầy chất lý tưởng như men say đưa con người vượt qua những thử thách gay gắt, khốc liệt... để có thể làm nên những kỳ tích lịch sử.

Không ít những tác phẩm hiện thực xã hội chủ nghĩa chứa trong nó những mầm mống phản kháng những tiêu cực, phản khoa học theo kiểu lập trường "nhập khẩu" một thời đã đi ngược dòng đạo đức truyền thống, hạn chế sự phát triển của đất nước. Đấy là hệ lụy của một thời ấu trĩ, một thời coi thường quy luật phát triển xã hội mà nhân loại đã từng trải qua và từng thành công.

Những tác phẩm như vậy, lúc đầu còn le lói, thấp thoáng, run rẩy trước một xã hội tràn ngập tinh thần xả thân. Nhưng dần dần nó lại được độc giả chấp nhận và suy cho cùng chính những tác phẩm ấy không hề làm nhụt chí một ai, ngược lại nó còn thổi bùng lên những khát vọng, những lý tưởng cao đẹp dù hãy còn... rất xa. Tất nhiên không phải không có những phần tử cơ hội nhân thời đổi mới tư duy bộc lộ những thái độ quá khích, đem vận mệnh của dân tộc ra mỉa mai, châm chọc, cười chê! Điều quan trọng là độc giả chúng ta rất tinh, rất nhạy và cũng rất bản lĩnh. Một dân tộc như dân tộc Việt

Nam đâu phải dễ đánh lừa. Tất nhiên những tác phẩm như vậy thường không mang giá trị nghệ thuật, nó khiên cưỡng và gán ghép thô vụng.

Có thể có người không đồng quan điểm với nhóm biên soạn khi khẳng định trong dòng văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa vẫn có những tác phẩm mang tính lãng mạn. Chúng tôi nghĩ vấn đề không có gì mới, bởi nhà văn nào cũng đều mang trong mình tính lãng mạn, tính hiện thực và tính lý tưởng. Không ít người gọi bộ: *Những người khốn khổ* của V.Hugo là tác phẩm lãng mạn. Ngược lại vẫn có nhiều người cho đó là tiểu thuyết hiện thực. Người nào cũng có cái lý của mình. Thực chất ba tính lãng mạn, hiện thực và lý tưởng hòa quyện như một bản chất, một đặc thù trong tư tưởng mỗi nhà văn.

Ở Việt Nam, khi nêu khái niệm "văn học lãng mạn" thì ý nghĩa nội hàm của cụm từ này không hoàn toàn mang nghĩa thông thường về trường phái hay thể loại thuần túy. Và sự giới hạn ý nghĩa ở đây cũng không thể rạch ròi. Có nhà văn hiện thực phê phán tiêu biểu nhưng lại có những tác phẩm rất rõ nét yếu tố lãng mạn và ngược lại. Nguyễn Công Hoan, tác giả của *Kép Tư Bền* và *Bước đường cùng* cũng là tác giả của *Lá ngọc cành vàng, Tắt lửa lòng*... Và những truyện ngắn của Thạch Lam như *Nhà mẹ Lê, Hai đứa trẻ*... đứng rất gần với các truyện hiện thực phê phán của Nam Cao, Nguyên Hồng... nhưng tác giả này vẫn là cây bút tiêu biểu của văn xuôi lãng mạn những năm 30 thế kỷ trước với các truyện ngắn *Dưới bóng hoàng lan, Gió đầu mùa*...

Và ở miền Bắc sau 1945 hay cả nước sau 1975, nền văn học thống nhất theo phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa. Nhưng nói thế không có nghĩa là có sự đứt đoạn, gãy khúc rạch ròi ở đây. Phương pháp sáng tác, bút pháp của nhà văn mặt nào đó có sự liên tục và kế thừa. Chính vì thế, khi chọn tuyển bộ **Văn xuôi lãng mạn Việt Nam từ năm 1887 đến năm 2000** nhóm tuyển chọn không dừng lại ở năm 1945 (ở miền Bắc) hay năm 1975 (năm đất nước độc lập thống nhất).

Trên tinh thần đó, nhóm sưu tầm tuyển chọn đã mở rộng phạm vi dòng văn học lãng mạn mà lâu nay vốn đóng băng trong giai đoạn 1930-1945 ra thời kỳ từ cuối thế kỷ thứ XIX, thời kỳ hình thành dòng văn dọc viết bằng chữ Quốc ngữ. Người khởi đầu dòng văn học này là nhà bác ngữ học Trương Vĩnh ký với nhiều áng thơ văn mang đậm tinh thần dân tộc,

đặc biệt là tập Ký sự: *Chuyến đi Bắc Kỳ năm Ất hợi* (1876). Đây là một tập ký sự mẫu mực, không phải của một thời – mà cho tới hôm nay, đây vẫn là một áng văn bất hủ, uyên bác, trung thực giữa một thời tao loạn. Nhưng Trương Vĩnh Ký không phải là nhà sáng tác. Người sáng tác đầu tiên là học trò của ông, Nguyễn Trọng Quản với truyện *Thầy Lazaro Phiền.* Người đương thời gọi đây là *Kim thời tiểu thuyết.* Chính *Thầy Lazaro Phiền* là tác phẩm khơi nguồn cho dòng văn học chữ Quốc ngữ. Người đọc sau này dễ dàng thông cảm cho những chuẩn mực của tiểu thuyết hay truyện của thời hiện đại mà Nguyễn Trọng Quản chưa đạt tới. Nhưng viên gạch đầu tiên bao giờ cũng mang giá trị quan trọng mà những người đi sau luôn trân trọng và ghi nhớ.

Từ truyện *Thầy Lazaro Phiền* – năm 1887 – đến năm 1925 chúng ta đã có hàng loạt tiểu thuyết và truyện vừa, truyện ngắn trong đó nổi bật lên một số cây bút tiểu thuyết như Hồ Biểu Chánh, Hoàng Ngọc Phách, Nguyễn Trọng Thuật... Tác phẩm của họ tuy mới ra đời nhưng đã đánh dấu một bước tiến dài trong dòng văn học chữ Quốc ngữ nói chung và dòng văn học lãng mạn nói riêng, đáp ứng được đòi hỏi của độc giả đương thời... Và từ năm 1932 tới năm 1945 đó là thời kỳ nở rộ của dòng văn học chữ Quốc ngữ. Đây cũng là thời kỳ hàng loạt các văn nhân thi sĩ lãng mạn tài hoa xuất hiện như Thế Lữ, Xuân Diệu, Lưu Trọng Lư, Nhất Linh, Khái Hưng... Ngoài những Nhà xuất bản, còn có những tờ báo chuyên đăng tải các tác phẩm văn học, như *Phong hóa, Ngày nay, Tiểu thuyết thứ bảy, Phổ thông bán nguyệt san*... Với sự ra đời của Tự lực văn đoàn, văn học lãng mạn Việt Nam mặc nhiên hình thành tổ chức, đội ngũ. Giải thưởng hàng năm của Tự lực văn đoàn là giải thưởng văn học có uy tín trước năm 1945.

Về mặt chính trị, cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là một dấu son rực rỡ trong công cuộc giành lại nền độc lập cho dân tộc sau hơn 80 năm đô hộ của đế quốc Pháp. Và tiếp sau đó là cuộc kháng chiến chống Pháp rồi chống Mỹ. 30 năm chiến tranh, đất nước và con người Việt Nam có những xáo trộn, những cuộc chia ly khách quan và chủ quan, có đúng đắn và sai lầm... Hoàn cảnh xã hội đó đã ảnh hưởng không ít tới sự phát triển và đánh giá, đặc biệt là đối với dòng văn học lãng mạn.

Thực tế lịch sử Việt Nam trong một thời kỳ dài, đất nước bị chia cắt, mỗi vùng miền theo một chế độ chính trị khác

nhau, nền văn học cũng hình thành những dòng khác nhau. Chọn lựa trong những dòng văn học ở các vùng miền theo những chế độ chính trị khác nhau để tìm ra những giá trị đích thực của từng tác phẩm bao giờ cũng khó hơn là lẩn tránh, "quên đi" hay phủ nhận.

Làm một tuyển tập văn xuôi lãng mạn Việt Nam hơn một thế kỷ đã qua, chúng ta không thể không nhìn lại văn học những vùng miền ở các thời kỳ khác nhau để xem trong đó có những gì còn có thể nhập vào mạch chung của nền văn học dân tộc, trên tinh thần gạn đục khơi trong như đường lối văn nghệ của Đảng.

Đại hội Đảng lần thứ VI được xem là một mốc lịch sử cho sự đổi mới tư duy của những nhà lãnh đạo Việt Nam. Trên tinh thần hòa hợp và hội nhập, khép lại quá khứ nhìn về tương lai, nền văn học ngày càng có điều kiện phát triển theo xu hướng cởi mở và thông thoáng hơn. Nhiều công trình văn học đồ sộ và khoa học là nền tảng cho những công trình tiếp nối như công trình **Văn xuôi lãng mạn Việt Nam từ năm 1887 đến năm 2000** của chúng tôi hôm nay. Trên 100 năm ấy có biết bao nhiêu hạt châu, hạt ngọc của dòng văn học này đã bị thời gian và hoàn cảnh xã hội che khuất.

Mặc dù đã có hơn 5 năm trực tiếp với công trình này, có những lúc khó khăn tưởng không vượt qua nổi bởi những quan điểm khác nhau, những cách đánh giá khác nhau, nhưng rồi cuối cùng chúng tôi lại thống nhất được với nhau, tiếp tục cho đến khi tạm thấy yên lòng.

Mặc dù vậy chúng tôi vẫn không bao giờ dám quên rằng mọi sự lựa chọn dù là tập thể vẫn mang tính chủ quan. Điều quan trọng là những người tuyển chọn đã cố gắng công tâm, lấy khoa học làm phương châm. Ở đây chúng tôi đặc biệt chú ý tới dư luận bạn đọc qua công luận, qua bạn bè đồng nghiệp theo các *tiêu chí* sau:

Một là tác phẩm đó phải là sáng tác văn xuôi – truyện dài, truyện vừa, truyện ngắn, tiểu thuyết đã được in thành sách, hoặc in trên các báo công khai.

Tiêu chí thứ hai là tính lãng mạn. Như trên chúng tôi đã đề cập, mỗi tác phẩm dù được sáng tác trong giai đoạn cách mạng, giai đoạn "hiện thực xã hội chủ nghĩa" thì vẫn có không ít tác phẩm mang đậm yếu tố lãng mạn. Tính lãng mạn ở đây

thường mang tính tích cực, mang nét đẹp của cái thiện, cái thanh cao của con người truyền thống, sống có lý tưởng và luôn khát khao với lý tưởng, đấu tranh cho cái đẹp, cái chân thiện mỹ.

Tiêu chí thứ ba là tác phẩm đó phải hấp dẫn, mang nội dung lành mạnh, mang tính xây dựng và được độc giả chấp nhận - thường được tái bản nhiều lần. Ở đây giá trị nghệ thuật là rất quan trọng để xác lập tiêu chí hấp dẫn. Có thể có một số tác phẩm nào đó được một số người nào đó nhất thời hết lời ca ngợi, nhưng qua thời gian, không còn ai nhắc tới nữa. Những tác phẩm như vậy chỉ làm tròn trách nhiệm của nó trong một hoàn cảnh lịch sử nhất định.

Để làm một công trình đồ sộ như công trình **Văn xuôi lãng mạn Việt Nam từ năm 1887 đến năm 2000**, chúng tôi đã phải tìm và đọc hàng ngàn tác phẩm, để khỏi bỏ sót tác phẩm nào đáng được đưa vào, phân loại và đánh giá cho chính xác giá trị tác phẩm theo các tiêu chí trên. Nhóm tuyển chọn đã thể hiện rõ tinh thần xây dựng và khát khao về một nền văn học đa chiều, phong phú về màu sắc nhằm lưu lại cho kho tàng văn học Việt Nam một thể loại mà bất kỳ một nền văn học ở nước nào cũng phải có. Điều này không phải chỉ có ý nghĩa trong hôm nay mà cả cho mai sau. Các thế hệ con em chúng ta có thể nhìn vào những giá trị như công trình này mà suy nghĩ về cha ông, tự hào về cha ông một thời như thế mà làm nên những sự nghiệp lớn!

Công trình này lúc đầu mang tên *Một thế kỷ tiểu thuyết lãng mạn Việt Nam* do anh Hữu Nhuận làm chủ biên và chị Cao Thị Xuân Mỹ và Trần Thị Mai Nhân cộng tác tuyển chọn. Nhưng sau nhiều đắn đo suy nghĩ, chúng tôi thấy nên mở rộng công trình ra ở các thể loại truyện, truyện ngắn và mốc thời gian. Như vậy công trình mới đầy đủ hơn, thỏa mãn hơn mong mỏi của độc giả. Do hoàn cảnh công tác, hai chị Cao Thị Xuân Mỹ và Trần Thị Mai Nhân không có điều kiện đi tiếp công trình. Tôi, người viết bài giới thiệu này đã cùng anh Hữu Nhuận tiếp tục.

Sự mạnh dạn này dẫu sao cũng là sự mạnh dạn của những người khai phá. Một công trình văn học kéo dài hơn trăm năm lại chưa một lần được các nhà phê bình, lý luận văn học nhắc tới... chắc chắn không thể nào tránh khỏi thiếu sót. Rất mong được độc giả, được bạn bè đồng nghiệp lượng thứ và góp ý cho nhóm biên soạn để lần tái bản được hoàn thiện hơn./.

LỜI DẪN
Tập IV
(1976-2000)

Ngày 30 tháng tư năm 1975 đất nước Việt Nam đã sang trang sau trên một trăm năm bị giặc Pháp xâm lược và 30 năm chiến tranh khốc liệt. Biết bao nhiêu người mẹ mất con, người vợ mất chồng ở cả hai phía. Đất nước hòa bình thống nhất, nhưng vết thương chiến tranh thì còn dai dẳng nhiều năm sau... Rồi cuộc chiến tranh biên giới Tây Nam, cuộc chiến tranh biên giới phía Bắc... cùng với nền kinh tế khó khăn và những mối quan hệ truyền thống thay đổi đã tiếp tục đẩy đất nước vào thế khủng hoảng.

Nền văn nghệ thống nhất một lần nữa lại đứng trước những thử thách còn mất của dân tộc, đặc biệt là tổn thương về lý tưởng một chủ nghĩa xã hội thống nhất đang trong giai đoạn bất hòa sâu sắc.

Tất cả tình hình xã hội trong và ngoài nước ấy đã trực tiếp hay gián tiếp tác động vào tâm tư, tình cảm của từng nghệ sĩ, của từng nhà văn. Đó là lý do rõ ràng cắt nghĩa vì sao, sau cuộc chiến tranh dài dặt suốt 30, nền văn nghệ Việt Nam với biết bao tấm lòng cao cả, biết bao tấm gương anh hùng lại khan hiếm những tác phẩm có giá trị, đứng được trong lòng độc giả. Nhiều nhà văn day dứt trước sự hy sinh cao cả của đồng đội, đồng chí mình khi ngòi bút bất lực trước trang giấy – sự day dứt của những người có lương tri.

Phải trước và sau giai đoạn đổi mới – 1986 – nền văn nghệ Việt Nam mới bắt đầu có sự chuyển mình. Nhiều nhà văn đã tìm lại được cảm hứng, tự mở những con đường đi riêng đến với độc giả. Có những tác giả là chiếc gạch nối của thời chống Pháp và chống Mỹ như Nguyễn Minh Châu, nhưng cũng không ít tác giả còn rất trẻ tuổi đời và tuổi nghề nhưng vốn sống thì ăm ắp... như Bảo Ninh. Những tác phẩm của họ khơi gợi đúng mạch ngầm của lòng tự hào dân tộc, khơi gợi

dậy quá khứ đầy thử thách một thời của chính họ và đồng đội trong cùng chiến hào và từ đó suy nghĩ về trách nhiệm của người đương thời ở mặt mạnh và mặt yếu, mặt đúng và mặt sai... Một số tác phẩm ra đời trong thời kỳ này cho tới hôm nay vẫn còn đứng được. Tất nhiên vẫn có những tác giả quá khích. Những tác phẩm như vậy thường không bền vững trước thử thách nghiệt ngã của thời gian.

Thời gian luôn là "vị độc giả" nghiêm khắc nhất, sàng lọc tinh tế nhất nhằm giữ lại những giá trị sáng tạo thực sự, những tài năng thực sự...

Chúng tôi may mắn khi xây dựng bộ sách "Văn xuôi lãng mạn Việt Nam từ năm 1887 đến năm 2000" đã có được trong tay nhiều bộ tuyển văn học của từng tác giả và nhiều tác giả, những bộ tinh tuyển, những bộ từ điển văn học, từ điển danh nhân...

Có những tác giả rất nhiều tác phẩm, nhưng so với tiêu chí đã đề ra, chúng tôi không thể chọn dù một hoặc hai truyện ngắn. Tinh thần của chúng tôi là cố không để sót bất cứ một tác phẩm nào dù dài hay ngắn. Bởi suy cho cùng đấy chính là những tinh hoa văn hóa, những giá trị tinh thần của dân tộc. Cố gắng bồi đắp cho kho tàng văn hóa dân tộc ngày càng phong phú hơn đấy là trách nhiệm của mỗi người cầm bút – của nhà văn và của cả nhà nghiên cứu. Nhưng mặt khác chúng tôi cũng luôn giữ các tiêu chí đã đề ra ngay từ đầu.

Với tinh thần đổi mới tư duy của Đảng, chúng tôi coi tất cả những nhà văn Việt Nam, dù trước đây đứng ở bên kia chiến tuyến, nhưng hôm nay sống giữa lòng chế độ ta hoặc đang ở nước ngoài mà lòng vẫn đau đáu nỗi nhớ nước, thương nòi, vẫn ăm ắp tình cảm về dân tộc và xây dựng cho nền văn hóa mới ngày càng tốt đẹp... đều là những ngòi bút cần được tôn trọng và cần có chỗ đứng trong bộ tuyển này. Và đây cũng là cách thể hiện tinh thần hòa hợp dân tộc của Đảng nhằm đoàn kết xây dựng một nước Việt Nam giàu mạnh, giàu mạnh về tinh thần cũng như giàu mạnh về vật chất.

19-7-2005
Hoàng Lại Giang

NGUYỄN MINH CHÂU
(1930–1989)

Ông sinh ở Quỳnh Lưu, Nghệ An. Tốt nghiệp thành chung năm 1945. Ông vào Huế học trường Kỹ nghệ. Tháng giêng 1950 ông học chuyên khoa trường Huỳnh Thúc Kháng – Nghệ An. Và cũng từ đó ông gia nhập quân đội.

Nguyễn Minh Châu vốn người hiền lành, rụt rè và luôn luôn chịu lắng nghe. Nhưng khi cầm bút thì ông là một nhà văn dám nghĩ và dám viết theo chính trái tim mình, dữ dội, quyết liệt. Và đọc kỹ trong cái dữ dội, quyết liệt ấy người ta vẫn thấy một Nguyễn Minh Châu mơ mộng, một Nguyễn Minh Châu lãng mạn trong cái hiện thực trần trụi như cuộc đời vốn có.

Ngay cuốn đầu tiên: Cửa sông (1966 – NXB Văn học), ông đã đặt ra nhiều vấn đề gay cấn, không phải ai lúc đó cũng chấp nhận. Càng về sau, Nguyễn Minh Châu càng nổi lên như một hiện tượng văn học đáng được độc giả trân trọng bởi những chiêm nghiệm từng trải của ông, những tư duy mang tầm triết học của ông dưới một văn phong thật bình dị và sáng sủa.

Rất tiếc ông ra đi hơi sớm, để lại nhiều thương tiếc trong lòng bạn đọc.

Tác phẩm chính: Cửa sông (tiểu thuyết, 1966); Những vùng trời khác nhau (truyện ngắn, 1970); Dấu chân người lính (tiểu thuyết, 1977); Lửa từ những ngôi nhà (tiểu thuyết, 1977); Những người đi từ trong rừng ra (tiểu thuyết, 1982); Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành (truyện, 1983); Bến quê (tuyện ngắn, 1985); Mảnh đất tình yêu (tiểu thuyết, 1987); Cỏ lau (truyện vừa, 1989)

*

MẢNH TRĂNG CUỐI RỪNG

(truyện ngắn)

Ngọn bấc cháy đã gần lụi chợt bùng lên nổ lép bép trong chiếc ống bơ sữa bò đựng dầu cặn. Ngoài rừng sâu tĩnh mịch vọng lại tiếng suối chảy và tiếng kêu khắc khoải, tha thiết của đôi chim trống mái.

Đã khuya rồi mà hơn mười anh em lái xe vẫn còn kẻ nằm người ngồi ngổn ngang trong chiếc lán nứa xiêu vẹo của tổ xăng dầu, chưa ai chịu đi ngủ. Sau tấm bìa che bớt ánh sáng, ngọn đèn dầu cặn tỏa một cụm khói lớn, soi tỏ hơn chục khuôn mặt dầu dãi và chiếu hắt ra ngoài đoạn đường mấp mô những hố bom và vết bánh xe tải sâu ngập gối.

Đêm nay mưa dầm, trung đội lái xe được dịp trở về gần đông đủ. Cái lán nứa rất ồn ào, thỉnh thoảng một dịp cười vang lên chuyển cả rừng. Không biết ở trên đời còn có cảnh gì vui và náo nhiệt hơn những đêm như đêm nay, những chiến sĩ lái xe sau nhiều chuyến rong ruổi trên các ngả đường nay trở về gặp mặt nhau. Sau hàng chục đêm thức chong bên tay lái, tưởng như họ cứ nằm xuống là con mắt sẽ díp lại, vậy mà chẳng ai buồn ngủ cả. "Xong chưa nào, đến lượt tớ kể nhé?" – Người này chưa nói hết, người khác đã dặn trước như thế bằng giọng hết sức háo hức. Hình như trong đầu từng người đang xôn xao vô vàn hình ảnh trên dọc đường, và chính lúc này, những hình ảnh ấy đang chen lấn nhau đòi sống lại.

– Xong chưa nào, đến lượt tôi kể nhé! – Một anh nằm trong góc tối nói. – Một đêm, đầu tháng ba năm nay, chuyến xe chở hàng của tôi xuất phát từ kho K3. Lần ấy đồng chí lái phụ của tôi đánh xe đi nhận hàng thay tôi, vì tôi đang bận dự cuộc họp các lái xe lâu năm ở tiểu đoàn bộ. Ở tiểu đoàn ra, tôi sẽ đón xe của mình dọc đường và đi hàng luôn. Hãy nói về cậu lái phụ của tôi một chút. Đấy là một đồng chí tân binh vui, trẻ, làm việc xốc vác nhưng tính tình hơi lẳng lơ một tý. Câu chuyện tôi kể đây xảy ra hồi tôi chạy mấy chuyến đột xuất bên đường miền Tây. Con đường miền Tây dạo ấy đang mùa mưa lũ, nhưng địch cũng đánh rát lắm; những quãng qua khe qua ngầm nhất là quãng cầu Đá Xanh, anh chị em giao thông đang vật nhau với địch để quyết giữ con đường lên biên giới.

Hôm đó trời vừa tối, mưa lác đác, tôi ở tiểu đoàn bộ ra đường đứng đợi xe bên đầu dốc bản Vang cháy. Một mảnh ni lông gói chiếc võng dù cắp bên nách, chiếc đèn pin khoác lủng lẳng trước ngực, tôi đứng hút thuốc lá phì phèo với cái vẻ ung dung, thư thái. Phải nói, làm anh lính lái xe suốt mùa khô sang mùa mưa, con người như đã gắn vào buồng lái được một phút nhàn rỗi như thế thật hiếm và quý hóa. Tôi đứng tréo chân tựa bên gốc cây bên đường, thở khói

thuốc vòng tròn và ngắm vầng trăng khuyết mỏng manh bằng con mắt mơ mộng. Nhưng rồi chẳng được lâu. Tôi bắt đầu sốt ruột thấy xe cộ cứ lao qua vun vút trước mặt như ngựa đua, thế mà chẳng thấy đồng chí lái phụ đánh xe lên. Trời tối càng lâu, nỗi sốt ruột của tôi càng tăng. Tôi hết sức lắng tai vẫn chẳng nghe tiếng máy chiếc "Gát" quen thuộc. Tôi bực quá đỗi! Giữa thời chiến, xe mình chỉ cần vượt lên thiên hạ nửa vành bánh, khi qua phà qua ngầm đã đủ nhàn. Hơn nữa, chuyến này, tôi đã dự định sẽ chạy sớm, giao hàng sớm để kịp quay về giấu xe ở rừng săng lẻ. Giấu xe ở đó thật chắc chắn, lại gần nơi người chị ruột của tôi công tác. Tôi đã xin phép cấp trên, trong chuyến đi hàng này sẽ ghé thăm chị tôi. Chị tôi biên thư cứ phàn nàn: "Đã hơn ba năm chưa được gặp cậu Lãm đấy!" Nhưng dầu sao đó cũng chỉ là một việc riêng.

Tôi đang bực và lo xe không lấy được hàng hay gặp trở ngại gì, thì đồng chí lái phụ đánh xe lên, từ dưới chân dốc, đã bóp còi inh ỏi như xe chữa cháy. Mặc tôi gắt, đồng chí lẳng lặng trao phiếu hàng cho tôi, vui vẻ đặt vào trong cốp gói xôi lạc và một bi đông nước đường. – "Chúc anh đi may mắn nhé!" anh chàng vui tính nháy mắt ranh mãnh, rồi phát mạnh vào vai tôi một cái đau điếng. Xong, anh chàng co chân nhảy xuống đường. Chuyến này, theo phân công của trung đội, chỉ mình tôi đi. Tôi vẫn thường nhận một mình một đầu xe. Đồng chí lái phụ làm việc ở nhà. Từ biệt tôi xong, đồng chí phụ lái vừa đi qua mấy bước đã quay lại nắm tay nện vào cánh cửa xe sầm sầm:

– Anh Lãm này, theo phiếu giao hàng, tôi kiểm lại thấy thiếu một chiếc lốp. Tôi đã bắt anh kho ký nhận vào trong phiếu rồi đấy nhé!

– Được. – Tôi trả lời và rất bằng lòng về công việc ấy.

– Còn một cái nữa, cái này có nhưng mà không ghi trong phiếu...

– Còn gì nữa?

– Phía sau, có một người ngồi nhờ lên cầu Đá Xanh đấy. Tôi ngạc nhiên hết sức, hỏi vặn:

– Sao cậu tự động vô nguyên tắc thế hử?

– Nguyên do thế này, anh ạ... Thế này...

Mặc dù những lý do cho đi nhờ xe đồng chí lái phụ trình bày đều hợp lý, tôi vẫn giận đồng chí ấy. Tôi đoán ngay con người đang ngồi sau kia nhất định là một cô gái. Và, trước mặt tôi liền hiện ra cảnh tượng hết sức quen mắt: một bên là cái vẻ nũng nịu của một cô nàng ôm chiếc nón trắng đứng sát cửa xe, một bên là những câu hỏi ỡm ờ của "anh tài phụ" của tôi đang ngồi vắt vẻo trong buồng lái, một nụ cười và một đốm thuốc lá ló ra ngoài. Thế là đủ tai hại cho tôi rồi! Tàn cho được câu chuyện ấy thì xe lên sớm làm sao được?

Đồng chí lái xe phụ đã quay về phía sau từ lúc nào. Tôi vẫn còn ngồi phân vân mấy giây. Xe chạy qua bao nhiêu chặng nguy hiểm mà trong xe lại có người đi nhờ? Nhưng chẳng lẽ bây giờ bảo người ta xuống đi bộ? Thôi được! Tôi quyết định đi. Trước lúc mở máy, tôi quay lại nhìn qua tấm lưới sắt gắn sau lưng, chỉ thấy *tối mò mò như hũ nút* và mùi cao su mới xông sang. Chẳng hiểu người khách đi nhờ ngồi ở góc nào.

– Ai ngồi trong đó? – Tôi lên tiếng, giọng hỏi chẳng lấy gì làm ôn tồn lắm.

Không có tiếng đáp. Chỉ thấy động lịch kịch giữa các chồng lốp ôtô ở phía sau. Rồi lại nghe tiếng kêu lục cục *khẽ như gà con cựa trong ổ*. Tôi đoán câu chuyện trao đổi giữa tôi và đồng chí lái phụ, "người khách" đã nghe rõ hết, và bây giờ thấy tôi lên tiếng hỏi, người ấy sợ. Chắc người ấy đang phấp phỏng sợ tôi không cho đi nhờ. Nhưng người đó là ai?

– Có ai ngồi sau đó? – Tôi nhắc lại câu hỏi, lần này giọng đỡ gay gắt hơn.

– Tôi đây... Tôi nhờ đồng chí lên cầu Đá Xanh một tẹo.

Quả tôi đoán chẳng sai. Rõ ràng tiếng trả lời của một người đàn bà, một cô gái, *tiếng nói trong lắm và rất bình tĩnh, cứng cỏi* nữa là khác.

Mặc, tôi vẫn hỏi gặng:

– Đàn ông, hay đàn bà?

– Đàn ông!

– Thôi đi cô, đáng lý tôi đã mời cô xuống, đây là xe chở hàng quân sự! Cô lên cầu Đá Xanh có việc gì?

– Em là công nhân giao thông. Anh gì ban nãy đã xem chứng minh thư rồi. Em về trên đơn vị có chút việc.

Tôi hỏi bừa một câu cho vui:

– Việc gì? Hay là cô đi thăm chồng hay người yêu.

– Em đi thăm người yêu đấy.

Tôi vội nổ máy và trong bụng cũng phát hoảng lên vì cái cách con gái ăn nói đối đáp bạo dạn nhường ấy. Nhưng nghe giọng nói, chẳng phải giọng một câu nói đùa. Biết đâu đấy, biết đâu cô ta nói thật?

– Các cậu ơi, hãy chịu khó đợi một chút! – Đồng chí lái xe đang kể chuyện nằm khuất trong bóng tối lên tiếng kêu gọi. Mọi người đang nóng lòng muốn biết lý lịch cô gái đi nhờ xe. Họ cứ làm ồn ào thúc giục đòi kể tiếp.

Ngoài rừng vọng tiếng suối chảy tràn trên đá và tiếng đôi chim kêu rụt rè ở hai góc rừng. Người kể chuyện khom lưng qua góc ngoài tấm sạp nứa, đôi mắt nheo tít lại vì khói, *thổi tắt ngọn lửa xanh cháy trong lòng chiếc ống sữa bò. Căn lán phút chốc chìm trong bóng tối* đầy tiếng động kì lạ của đêm rừng. Câu chuyện lại được kể tiếp.

– Các đồng chí đừng sốt ruột vì cô gái. Hãy để cô ta ngồi đấy giữa hàng chồng lốp ôtô... Bây giờ, tôi kể xen vào một câu chuyện nhỏ, chuyện riêng của tôi. Tôi có một người chị ruột làm cán bộ ở một hạt giao thông quãng cầu Đá Xanh. Cách đây bốn, năm năm, trong chúng ta có đồng chí nào hay chạy con đường miền Tây, chắc còn nhớ cảnh tấp nập, đông vui của công trường xây dựng cầu Đá Xanh.

Từ ngày đầu mới mở công trường, chị Tính, chị tôi, đã có mặt. Chị tôi ở tổ đá. Những người con gái làm đá đông lắm, có hàng trăm cô. Trong tổ đá của chị tôi có một cô tên là Nguyệt. Phải, Nguyệt là trăng. Cái tên khá đẹp! Đấy là một cô học sinh mới rời ghế nhà trường đi kiến thiết miền Tây. Chị tôi coi Nguyệt như một cô em gái, rất yêu mến Nguyệt, bởi lẽ cô ta rất ngoan ngoãn và tích cực. Bức thư nào gửi về cho tôi, chị Tính cũng nhắc đến tên người con gái ấy, kể lể đủ các đức tính tốt đẹp. Rồi trong một bức thư, chị tôi bảo: "Chị đã tính toán, đã nhắm cô Nguyệt trên này cho cậu. Trên đời khó tìm được một người con gái như thế!" Bức thư sau, chị tôi

giục tôi lên "xem mặt", và nói: "Chị cũng đã nói thẳng ý định của chị với cô ấy. Nó chỉ đỏ bừng mặt lên không nói gì. Nhưng khi nào chị nói chuyện về cậu, về cái chuyện cậu trốn nhà đi tuyển bộ đội, cô ta ngồi nghe rất chăm chú. Cậu tranh thủ lên ngay nhé. Nguyệt nó cũng đang muốn gặp cậu. Chỉ cần hai người gặp nhau một lần là xong thôi!" Hồi đó, sau khi đi bộ đội, tôi làm chiến sĩ lái xe phụ thường chạy các tuyến đường ngoài Bắc. Tôi cũng đi vào chuyến miền Tây, có ghé vào công trường thăm chị Tính và cô Nguyệt, nhưng không gặp cả hai người. Trong những bức thư gửi cho chị tôi, tôi thường viết thêm đôi câu hỏi thăm Nguyệt và ngụ ý hứa hẹn gặp Nguyệt. Chắc chắn Nguyệt sẽ được xem tất cả những lá thư của tôi gửi cho chị Tính nên đã hiểu biết về tôi ít nhiều. Giữa chốn rừng núi heo hút, một bức thư đến đều xem như của chung của mọi người.

Bẵng đi mấy năm, chị tôi về Hà Nội học. Rồi xảy ra cuộc kháng chiến chống Mỹ; tôi xuất ngũ rồi tái ngũ. Bao nhiêu đường sá miền Tây và miền Trung, địch bắn phá dữ dội! Tôi chưa kịp lấy vợ nhưng câu chuyện cô Nguyệt và những bức thư của chị Tính tôi đã quên từ lâu.

Chị Tính đi học gần hai năm lại quay về tuyến đường miền Tây. Từ nơi rừng núi quen thuộc, chị lại biên thư cho tôi, lần này kể chuyện địch bắn phá cầu Đá Xanh, chuyện các đơn vị giao thông quyết bảo vệ đường cho xe chạy. Những chuyện ấy với tôi chẳng có gì lạ. Nhưng lạ lùng hết sức, chị tôi nói quả quyết Nguyệt vẫn nhớ và đang chờ tôi. Qua mấy năm, có bao nhiêu người hỏi, nhưng *cô ta đều trả lời đã trót hẹn với một người rồi.* Chị tôi cho biết Nguyệt đang làm ở ngầm, một nơi rất ác liệt, vẫn ở gần chị. Cô ta giờ đã lớn, càng ngoan ngoãn, dũng cảm và lại xinh đẹp hơn trước nữa kia.

Thú thật, lần này cầm lá thư của chị Tính, tôi rất sung sướng và cảm động. Và cũng thật kỳ lạ! Qua bấy nhiêu năm sống giữa bom đạn và tàn phá, mà một người con gái vẫn giữ bên lòng hình ảnh một người con trai chưa hề gặp và chưa hứa hẹn một điều gì ư? Trong lòng cô ta, cái sợi chỉ xanh nhỏ bé và óng ánh, qua thời gian và bom đạn, vẫn không phai nhạt, không hề đứt ư? Hạnh phúc người con gái ấy đem đến cho tôi quá nhiều. Cho nên tôi cảm thấy mình như một kẻ chịu ơn. Tôi phải gặp Nguyệt! Tôi quyết định biên thư cho chị tôi, hẹn ngày gặp Nguyệt! Đấy là cái ngày mà tôi đã

được đại đội cho phép nghỉ. Sau chuyến xe chở lốp lên kho tiền tiêu, tôi sẽ quay về cánh đồng săng lẻ giấu xe, rồi ghé vào chỗ chị Tính làm việc. Ở đó, chị Tính sẽ dẫn tôi xuống đội của Nguyệt. Tôi sẽ ở lại chơi một hôm, với tư cách là... khách của đội nữ công nhân giao thông bến ngầm.

Chiếc Gát lăn bánh rất êm trên đường. Đêm rừng thật vắng vẻ và yên tĩnh. Tôi đặt nhẹ mấy ngón tay trên vòng lái, mắt nhìn phóng về phía trước, và hình dung trước lúc tôi đến giữa đám các cô gái nghịch như quỷ sứ. Gặp tôi, Nguyệt sẽ nói rất ít, còn các cô bạn thì sẽ làm loạn lên. Nhưng chẳng hề gì, họ đều là những người bạn của anh em lái xe, đều là những người con dũng cảm, chân thực và mến khách. Tôi đi được mươi cây số thì gặp một đoàn xe xích kéo pháo kềnh càng xuôi xuống, đành phải đỗ xe bên đường để tránh. Tôi tranh thủ chui xuống gầm xe, soi đèn pin xem lại chiếc bóng đèn. Tôi đang loay hoay vặn chiếc bóng thì nghe tiếng hỏi bên cạnh:

– Anh đi bóng quả táo hay quả dưa đấy?

– Ai kia?

– Em đây mà.

À, cô gái đi nhờ xe. Trong *ánh đèn gầm hắt xuống mặt đường* hiện ra ngay trước mũi xe một đôi *gót chân bóng hồng, sạch sẽ,* đôi dép cao su cũng sạch sẽ, gấu quần lụa đen chấm mắt cá. "Ra vẻ cô này không phải người lao động rồi – Tôi nghĩ. – Hay là người ta đi thăm chồng hay đi thăm người yêu thực?"

Tôi chui từ gầm xe, đưa hai tay dụi mắt:

– Chào cô, lần sau nếu xe dừng, cô đừng nhảy xuống như thế này nhé!

– Nhưng mà ngồi trong ấy mùi cao su khét quá, anh cho em đứng ngoài này thở một tý.

Qua làn ánh đèn tù mù của đoàn xe xích lao đi ầm ầm bên cạnh, tôi kịp nhận thấy vẻ xinh đẹp của cô gái, một vẻ đẹp giản dị và mát mẻ như sương núi tỏa ra từ *nét mặt, lời nói và tấm thân mảnh dẻ,* khác hẳn với nhiều cô gái công trường thường cô nào cũng thấp và đẫy đà. Cô ta mặc áo xanh chít hông vừa khít, mái tóc dày

tết thành hai dải. Chiếc làn và chiếc nón mới trắng lóa khoác ở cánh tay một cách nhẹ nhàng.

Tôi hỏi:

– Cô làm ở ngầm Đá Xanh hay chỉ về đấy thăm ai?

Trên khuôn mặt sáng sủa thoáng một nét e thẹn:

– Em làm ở ngầm...

– À quên, tôi chưa kịp hỏi tên cô đấy nhé.

– Em là... Nguyệt!

– ... À thế...!

Tôi vờ như không, vội đưa mắt ngắm cô gái một lần nữa thật kỹ lưỡng. Rồi, tay mở rộng cánh cửa buồng lái, tôi vồn vã mời:

– Sau ấy mùi cao su khét lắm đấy. Mời cô lên... Bên cạnh còn chỗ ngồi...

Đoàn xe kích kéo pháo năm mươi bảy mới khỏe làm sao. Đường sá núi non cứ rung chuyển ầm ầm. Trái tim tôi cũng muốn nảy lên trong lồng ngực.

Cô gái cố ý ngồi sát mé cửa, chiếc làn cói ôm gọn trong lòng, giữa hai chúng tôi để một quãng cách rộng. Thú thật, trong đời lái xe của tôi, chưa bao giờ tôi mời một cô gái lên ngồi trong buồng lái. Đây là một trường hợp đặc biệt. Tôi với tay bật *ngọn đèn nhỏ trong buồng lái.* Cô gái ngắm "cái nhà" cỏn con của tôi bằng cặp mắt tò mò và hơi rụt rè.

Tôi bắt đầu hỏi dò khéo léo:

– Ở đội ngầm của cô, có nhiều cô tên là Nguyệt lắm thì phải?

– Sao anh biết?... Đội em có ba Nguyệt. Nhưng một người đã hy sinh, chỉ còn em và một chị nữa là hai thôi.

– Cô Nguyệt hy sinh bao giờ? – Tôi vội hỏi, rõ ràng nghe tiếng nói của mình mà như của người khác.

– Cách đây đã ba, bốn tháng, trong trận địch ném bom đánh sập hẳn cầu Đá Xanh. Chị ấy chiến đấu dũng cảm lắm, mà ngày thường lại hiền lành, ai cũng tiếc.

– Cô ấy có chồng chưa?

– Chưa. Hình như mới có người yêu.

Tôi nắm vòng lái thật chặt. Mặt đất dưới bánh xe như đang nghiêng ngả, đảo lộn. Tôi cho xe đi chầm chậm và lại hỏi:

– Còn cô Nguyệt thứ hai?

– Chị ấy đã bốn con rồi! Chúng em thường gọi đùa là chị Nguyệt "lão". Sao anh hỏi tỉ mỉ vậy?

Tôi thở phào và nói đùa một câu nhạt thếch.

Lòng tôi rối như tơ vò. Chẳng lẽ lại đi hỏi thăm cô ta có biết chị Tính hay không? Chỉ cần hỏi thế, mọi sự sẽ vỡ ngay, nhưng tôi vẫn không muốn hoặc không dám hỏi. Tôi không muốn đi sâu vào câu chuyện riêng giữa chuyến công tác. Thế nhưng rồi tôi vẫn cứ phải phân vân: trong hai người con gái, một trẻ và xinh đẹp ngồi bên cạnh, và một người đã chết anh dũng, ai là người đã *từng mang canh cánh trong trái tim tuổi trẻ mối tình đầu* đối với tôi suốt mấy năm, mà tôi lại tỏ ra hờ hững? Một trong hai người, ai là người tôi sắp tìm đến, ai? Người tôi sắp tìm đến là ai? Câu hỏi ấy cứ xoay trong óc tôi như một cái dùi nung đỏ bỏng rát. Nếu Nguyệt đã hy sinh thực thì tôi sẽ mang mối hận mãi mãi.

Xe đang lao qua quãng dốc. Từng mảnh rừng, lèn đá, những bãi gianh ngổn ngang hố bom từ trên cao rơi áp xuống tấm kính buồng lái. Tôi đang đi bỗng như có *linh tính*, vội đạp phanh cho xe chậm lại. Qua tấm kính trước mặt, hiện ra một *ngọn đèn pháo sáng xanh lét run rẩy soi lòe nhòe* ở trên đầu.

– Không nghe tiếng máy bay sao lại có pháo sáng hử! – Tôi nghe ngóng và thốt lên.

Từ đầu, cô gái vẫn ngồi chống khuỷu tay lên thành cửa nhìn ra ngoài. Cô quay vào, nói:

– Không phải đâu. Trăng đó anh ạ.

Trăng thật. Hôm nay đầu tháng. Từ đầu hôm, *tôi vẫn đi giữa đêm trăng mà không biết*. Cô gái vẫn bình thản ngồi nhìn ra ngoài trời. Tôi quẹt diêm châm một điếu thuốc rồi tăng số cho xe phóng nhanh hơn, trong lòng vẫn không hết ngượng. Già đời trong nghề lái xe, bom đạn nguy hiểm gặp đã nhiều, tôi vốn không phải anh nhút nhát, vậy mà không hiểu sao đêm nay *nhìn trăng ra pháo*

sáng! Qua tấm kính ướt hơi sương, mảnh trăng nằm giữa những tầng mây hiện ra tái ngắt, ánh sáng loe nhòe, mỗi lúc xe nảy lên hay vòng qua chỗ lượn, mảnh trăng lại *chập chờn lay động,* có lúc thấy rơi tõm xuống khoảng tối mịt mù của cánh rừng già như một trò chơi ú tim.

Khoảng gần khuya, trên các chỏm rừng, gió tây nam cuốn mây xám về một góc rồi thổi giạt đi. Gió thổi vào cành lá ngụy trang trên nóc xe ràn rạt. Trên đầu chúng tôi, khoảng trời đêm trên cao trở nên trong vắt, cao lồng lộng, trong khoảng sâu thẳm nổi lên một tiếng chim mơ hồ. Nhưng ở lưng các cánh rừng, sương trắng không biết từ đâu cứ đùn ra mãi. Dòng sông bên trái đường phút chốc biến mất, chỉ còn là sương trắng phủ kín, thỉnh thoảng mới thấy một chỏm rừng, một ngọn núi đá bên kia sông nhô lên, đen đủi và cô độc giữa một màu trắng xóa.

Xe tôi chạy trên lớp sương bềnh bồng. Mảnh trăng khuyết đứng yên ở cuối trời, *sáng trong như một mảnh bạc.* Khung cửa xe phía cô gái ngồi *lồng đầy bóng trăng.* Không hiểu sao, lúc ấy, như có một niềm tin vô cớ mà chắc chắn từ trong không gian ùa tới tràn ngập cả lòng tôi. Tôi tin chắc chắn người con gái đang ngồi cạnh mình là Nguyệt, chính người mà chị tôi thường nhắc đến. Chốc chốc, tôi lại đưa mắt liếc về phía Nguyệt, thấy từng *sợi tóc của Nguyệt, đều sáng lên.* Mái tóc thơm ngát, dày và trẻ trung làm sao! Bất ngờ, Nguyệt quay về phía tôi và hỏi một câu gì đó. Tôi không kịp nghe rõ vì đôi mắt tôi đã choáng ngợp như vừa trông vào ảo ảnh. *Trăng sáng soi thẳng vào khuôn mặt Nguyệt làm cho khuôn mặt tươi mát* ngời lên và đẹp lạ thường! Tôi vội nhìn thẳng vào đoạn đường đầy ổ gà, không dám nhìn Nguyệt lâu. Từng khúc đường trước mặt cũng *thếp từng mảnh ánh trăng...*

– Anh nhỉ? Có phải không nhỉ...

– Cô hỏi gì?

– Em hỏi có phải các anh lái xe đi nhiều nơi, chắc hẳn quen biết nhiều người lắm?

– Đời lái xe chúng tôi như con vạc ấy, cô ạ! Nay rừng này, mai qua suối kia, nhưng tháng này sang tháng khác vẫn làm bạn với đường, với trăng thôi.

Chẳng biết lúc ấy, ai mới móc miệng cho mà tôi bỗng trở nên ăn nói văn vẻ đến thế! Quá nửa đêm, chúng tôi đến gần cầu Đá Xanh thì trăng lặn. Chúng tôi không nói chuyện nữa. *Mảnh trăng đã khuất hẳn xuống khu rừng ở sau lưng.* Tôi bật chiếc bóng đèn quả dưa cho sáng hơn và bảo Nguyệt: "Cô chú ý nghe hộ, từ đây thường có máy bay"; Nguyệt vẫn thản nhiên ngồi nhìn ra ngoài: – "Anh cứ yên tâm, đoạn này, em quen lắm!"

Nguyệt hướng dẫn cho tôi đánh xe rẽ sang con đường xế về phía ngầm. Con đường thấp hẳn xuống quanh co, sục lên một thứ bùn quánh nhão nhoét quanh những hố bom cũ và mới. Tôi dán mắt qua mặt kính, thận trọng lái hai bánh trước tránh hai vệt bánh xe như hai cái rãnh thoát nước ở giữa đường. Có đoạn, bánh trước sục xuống rãnh sâu quá, *Nguyệt phải xuống "xi-nhan"* cho tôi kéo lên. Có đoạn không nhích lên được. Tôi phải cài số phụ, rồi tăng ga mãi. Không khí trong buồng lái nóng nực. Lốp xe quay tròn, xiết trên đá khét lẹt.

Nguyệt nhìn đoạn đường khó đi, nói như thanh minh:

– Chúng nó ném bom luôn, chúng em đã rải bao nhiêu đá mà đường sá còn ra thế!

Tôi vò chiếc mũ vải trong bàn tay, lau mồ hôi rồi tính đến lúc sắp phải từ biệt Nguyệt.

– Cô sắp xuống rồi chứ? Bao giờ xuống, cô bảo tôi để tôi dừng xe.

Đáng lẽ Nguyệt đã xuống ngang quãng trạm gác bến ngầm ở ngã ba, nhưng cô muốn đưa tôi đi tiếp sang bên kia sông. Cô cười, nói đùa:

– Anh đã cho em đi nhờ xe, lúc khó khăn lại bỏ anh ư!

Tôi nói rất nghiêm trang:

– Thế nào chúng ta cũng còn gặp nhau! Mà dù cô xuống từ dưới kia, tôi cũng không bao giờ nghĩ cô là một người khi khó khăn thì bỏ người khác.

– Sao vậy, anh?

– Trông cô, tôi biết...

Một làn nước hiện ra trước mặt. Đoạn ngầm Đá Xanh ngắn thôi, nhưng mấy hôm trước mưa lũ, nước dâng cao trên mặt đá đến

hơn một mét. Vừa đánh xe xuống, đã nghe nước tràn vào ống sả hơi ùng ục. Chiếc xe lắc điên đảo, lúc ngoi lên lúc hụp xuống như một con trâu nước dữ tợn. Ánh đèn chiếu sáng mặt nước loang loáng. Ra đến quá nửa ngầm thì nước sâu quá, xe không đi được nữa.

Nguyệt đứng bám bên cánh cửa hướng dẫn cho tôi đi đúng giữa hai hàng cọc tiêu. Cô vội nhảy ùm xuống nước, bảo tôi tắt đèn.

– Có máy bay à?

– Để em nghe kỹ xem đã. Anh cứ tắt đèn đi. Loáng đèn dưới nước trông xa lắm đấy!

Đèn tắt. Chưa bao giờ trời tối đến thế, chỉ nghe tiếng nước vỗ ì oạp vào tai xe. Tôi cố tiến, lùi nhưng xe chỉ lắc lư, vòng lái nặng như cối đá. Giữa đêm lạnh mà quần áo tôi ướt đẫm. Nguyệt để cả quần áo thế, nhanh nhẹn lội phăng sang bên kia bờ giúp tôi cột dây tời vào gốc cây. Tôi xoay sở như đánh vật một lúc, cuối cùng cũng đưa chiếc xe leo lên được tới quãng đường rải đá khấp khểnh.

Chúng tôi thở không ra hơi, đang mò mẫm cuốn dây tời thì máy bay đến. Từ sau rặng núi đá dựng đứng bên trái, bọn chúng ập đến như tiếng sét. Tiếng máy bay ầm ầm. Tôi vứt vòng dây sắt nặng trĩu trên tay, chạy nhào về phía xe. Vừa chạy được hai bước, tôi đã bị Nguyệt túm trở lại, nhanh và khỏe hết sức. Nguyệt đẩy tôi ngã vào giữa một vật gì rất cứng và sâu. Nghe hơi thở và tiếng nói của Nguyệt rất bình tĩnh: "Chúng đánh tọa độ đấy!"

Một *ánh chớp* giật mát lạnh, đất rùng lên một hồi. Lặng đi mấy giây, tưởng có thể nghe được tiếng vỗ cánh của một con dế rất nhỏ, bỗng đâu đất, đá và cành cây bé cành cây lớn rơi ầm ầm, rào rào. Tôi vừa kịp nhận ra mình đang đứng giữa một cái khe chỉ vừa một người hai bên là hai gốc cây to. Nguyệt đang nấp ở mé ngoài. Hai thằng địch khác lại sắp lao xuống, lại sắp một đợt khác! Tôi nắm tay kéo Nguyệt vào khe, nhưng Nguyệt nhất định không chịu. Nguyệt thét lên: "Anh bị thương thì xe cũng mất, anh cứ nấp đó!" Không ngần ngại, tôi bế xốc Nguyệt đặt giữa cái khe giữa hai gốc cây rồi chạy về phía xe đỗ.

Địch bắn hai mươi ly đỏ lừ, nghe rát cả mặt. Xe tôi vẫn đứng đó, lửa đã bén vào lốp. Tôi dập lửa, trèo lên xe, nổ máy. Nguyệt cũng vừa chạy đến bên cánh cửa.

– Cho xe chạy đi anh, nó còn tiếp tục đánh ngầm đấy!

– Chạy chứ!

Một loạt bom rất gần, hơi bom xô Nguyệt ngã dúi. Tôi kéo Nguyệt vào trong đóng cửa buồng lái rồi chẳng đèn đóm gì hết, cứ theo lời Nguyệt chỉ đường, tôi cho xe phóng. Địch quây tròn trên đầu như xay lúa, rất thấp, thả pháo sáng và bắn hai mươi ly. Mặc tôi cứ chạy, và Nguyệt cứ nói rành rọt như người bên cạnh:

– Anh ngoặt sang trái... Trước mặt có hố bom đấy... Chuẩn bị sắp lên một cái dốc có "cua"...

Qua một quãng khó đi và tối quá, Nguyệt nhảy xuống đi dò trước. Tôi cứ *nhằm cái bóng trắng nhờ nhờ của Nguyệt* trước mặt mà lái theo.

Lên quá độ hai kilômét, tôi dừng xe nép vào bên một "ta luy" cao có cây rậm. Tôi bật đèn buồng lái. Cái tôi trông thấy đầu tiên là có vết máu bên vai Nguyệt, vết máu chảy xuống đỏ cả cánh tay áo xanh. Chết thật, cô ta bị thương rồi! Không biết Nguyệt bị thương loạt bom đầu tiên, lúc tôi nấp dưới khe, hay khi cô vùng chạy theo tôi trở về xe? Thú thực, lúc ấy trong lòng tôi dấy lên một tình yêu Nguyệt gần như mê muội lẫn cảm phục.

Nguyệt nhìn vết thương, cười. Khuôn mặt hơi tái nhưng vẫn tươi tỉnh và xinh đẹp. Từ đầu đến chân, cô ta *ướt như một con công vừa tắm*. Tôi rút chiếc mùi xoa đầy vết dầu mỡ trong túi, buộc ngoài lần áo xanh để cầm máu. Tôi đề nghị đưa Nguyệt sang bên kia ngầm về đơn vị, nhưng Nguyệt gạt đi:

– Đây là giang sơn của em rồi. Anh đi đi, không trời sáng mất. – Rồi Nguyệt lại cười: – "Anh cứ yên tâm, vết thương chỉ sướt da thôi. Từ giờ đến sáng, em có thể đi lên đến tận trời được!".

Gà rừng đã eo óc gáy thưa thớt.

Tôi không thể bỏ xe được. Tôi đành từ biệt Nguyệt, nắm bàn tay thấm ướt máu rất lâu, và tôi nói một lời hứa đinh ninh: "Ngày mai, tôi quay về, nhất định tôi vào... thăm Nguyệt!".

Tôi lên xe, phóng như bay về phía tiền tiêu, với một tâm trạng vui sướng và rộn ràng rất lạ, và lại rất lo lắng cho Nguyệt, lúc nào *cũng thấy trước mặt bóng một người con gái mặc áo xanh*, một bên

cánh tay buộc chiếc mùi xoa của tôi, với chiếc làn và chiếc nón trắng mới, cô ta đang đi trở lại về phía ngầm. Có lúc, tôi lại thấy cô quay lại *khuôn mặt đẹp lộng lẫy đầy ánh trăng...*

– Thế nào, kể tiếp đi! Ngày hôm sau sống chết cậu cũng phải mò tới cái đội nữ công nhân ấy chứ? – Những người nghe chuyện vẫn tỉnh như sáo. Có lẽ đã hai ba giờ sáng. Gà rừng gáy eo óc, thưa thớt. Nghe tiếng đôi chim trống mái gọi nhau đã *gần hơn*.

– Đêm ấy tôi chạy nhanh đến như vậy, nhưng lên đến tiền tiêu giao hàng cho kho xong, thì trời đã gần sáng. Thế là không kịp quay về rừng săng lẻ giấu xe nữa, đành đánh xe đi giấu ngay ở đây. Và lại hí húi đi kiếm lá ngụy trang, tháo xăng, nấu cơm ăn. Thật chán hết sức! Thế là bay đi một ngày phép!

Đại đội trưởng lại bố trí cho tôi đi một chuyến nữa lên tiền tiêu vào ngay đêm sau. Lần này, tôi kịp ghé thăm chỗ hạt giao thông của chị tôi, cũng đóng không xa đội nữ công nhân phụ trách ngầm.

Lán đội nữ công nhân giữa khu rừng săng lẻ rất đẹp. Con gái bao giờ họ cũng chu đáo và chăm chỉ chứ không tềnh toàng như chúng mình. Lán họ ở sạch sẽ, ngăn nắp, có nhà ăn, nhà câu lạc bộ... Thấy tôi đến, chẳng phải chỉ chị Tính, mà các chị em khác đều niềm nở, toàn là những tay ăn nói khiếp cả. Nhưng còn tôi lòng dạ nào mà đối đáp với họ! Việc đầu tiên là tôi quan sát thần sắc của chị Tính: hai ngày qua tôi đã tin chắc chắn không thể nào sai được rằng người con gái mình đang tìm gặp thì đã gặp, nhưng đến đây, tôi lại nghĩ Nguyệt có thể là người con gái đã anh dũng hy sinh từ cách đây ba, bốn tháng.

Chị Tính dẫn tôi vào nhà, và trách:

– Hôm kia, sao cậu không về? Nguyệt nó chỉ tranh thủ lên được có một hôm, đợi cậu suốt ngày không thấy, cô ấy lại phải về dưới ty rồi!

Thế là trống ngực tôi không đánh nữa. Tôi tò mò hỏi:

– Cô ấy về dưới ty làm gì!

– Cô ấy đang dở học lớp đảng viên mới ở dưới đó.

Hai chị em chúng tôi đang dở chuyện thì một chị to béo, trạc gần bốn mươi, hai tay cắp hai cái bì đựng măng xồng xộc đi vào và hỏi:

– Đâu, cậu Lãm, em trai chị Tính tới mà sao không đến trình diện với tôi hử? – Chị túm lấy tôi trong hai bàn tay hộ pháp: – Mặt mũi sáng sủa đấy chứ, lái xe à? Tôi hỏi thế này nhé, anh đã biết tội của anh chưa?

Chị Tính cứ ôm miệng cười. Còn tôi thì chẳng hiểu gì cả. Lát sau, mới biết chị làm tổ trưởng nấu ăn của đội, đấy chính là chị Nguyệt "lão", một người bạn thân thiết của chị tôi từ lâu.

Chị Nguyệt "lão" vui vẻ "mắng" tôi một hồi nữa, đầy những "có sao", "có sao" mấy năm trời để cho "cái Nguyệt" nó đợi đỏ mắt, có muốn "tìm hiểu" người ta hay không thì cũng phải bảo một câu chứ! Rồi chị kể: hôm nọ, "nó" trở lên đây, đi nhờ xe vận tải của một anh bộ đội, xe bị bom dọc đường, may mà chỉ bị thương rất nhẹ thôi.

Chị hỏi: "Anh vẫn chưa biết mặt nó, hử?" rồi kéo tuột tôi đến trước một hàng ảnh nhỏ xíu dám chi chít trên tờ giấy bao xi măng giữa nhà câu lạc bộ.

Chị Nguyệt "lão" chưa kịp trở, tôi đã nhận ra tấm ảnh của Nguyệt. Cách đây mấy tháng, trông cô như *một con chim non* đang tập bay. Nguyệt đang đứng cheo leo giữa lưng núi, trên vai vác một chiếc máy khoan, đôi mắt đen láy ngây thơ nhìn ra xa. Nhìn bức ảnh ấy, tôi không khỏi nhớ những ngày rộn ràng xây dựng những chiếc cầu. Ngọn núi Nguyệt đang đứng chính là một ngọn trong dãy núi đá xanh cao sừng sững nằm bên trái bến ngầm. Ngày khởi công xây dựng chiếc cầu ở đây, đội đá của công trường có hàng trăm cô. Tháng này sang tháng khác, với một sợi dây da bảo hiểm buộc ngang lưng, họ dũng cảm trèo lên những tầng đá cao, chọn những vỉa đá *xanh đẹp* nhất về xây cầu. Chiếc cầu làm trong gần hai năm mới xong, *xanh biếc và đẹp như một giấc mộng,* nhưng vừa khánh thành được mấy tháng thì máy bay Mỹ đã đem bom tới phá sập.

Buổi chiều hôm đó, chị Tính và chị Nguyệt "lão" tiễn tôi ra đến bờ sông. Chị Nguyệt "lão" giơ nắm tay to lớn ra trước mặt tôi: "Khối anh cán bộ khá hẳn hoi muốn yêu nó. Nó chỉ chờ gặp anh đó thôi! Coi chừng cứ phóng xe chạy biến đi, tôi không có dây tơ hồng

nhưng đã có dây trói lợn trói anh lại!" Tôi vội vàng nhét vào trong chiếc túi cấp dưỡng nhọ nhem của chị một chiếc phong bì niêm rất cẩn thận. Suốt buổi trưa, tôi đã mượn giấy bút biên cho Nguyệt lá thư đầu tiên.

Ra đến rừng săng lẻ, tôi chưa về chỗ giấu xe vội, mà men bờ sông ra ngoài cầu. Con sông miền Tây in đầy bóng núi xanh thẳm, hai bên bờ *cỏ lau chen với hố bom, chiếc cầu bị cắt làm đôi* như một nhát *dìu phang rất ngọt.* Ba nhịp phía bên này đổ sập xuống, những phiến đá xanh lớn rơi ngổn ngang dưới lòng sông, chỉ còn hai hàng trụ đứng trơ vơ giữa trời. Tôi đứng bên bờ sông, giữa cảnh một chiếc cầu đổ và lại tự hỏi: qua bấy nhiêu năm tháng sống giữa cảnh bom đạn và tàn phá những cái quý giá đó chính bàn tay mình xây dựng nên, vậy mà Nguyệt vẫn không quên tôi sao? Trong tâm hồn người con gái nhỏ bé, tình yêu và niềm tin mãnh liệt vào cuộc sống, cái *sợi chỉ xanh óng ánh ấy,* bao nhiêu bom đạn giội xuống cũng không hề dứt, không thể nào tàn phá nổi ư?

... Người kể chuyện tự nhiên ngừng bặt như đang lắng nghe tiếng trả lời đâu từ trong lòng mình. Những người bạn cũng không hỏi, không đòi kể tiếp và nói chuyện ồn ào như những lần trước.

Hẳn đã gần sáng. Ngoài rừng sâu, đôi chim gọi nhau suốt đêm đã im tiếng, có lẽ chúng đã *tìm thấy nhau.*

Chân trời phía rừng Tây bỗng ửng sáng. Rồi *trăng đội chỏm cây từ từ nhô lên.* Từng chiếc lá đùng đình trên nóc lán *lóe sáng như những mảnh bạc.* Ánh trăng khuya lặng lẽ soi *đầy trên mái* và đoạn đường đầy vết xe trước cửa. *Người kể chuyện ngẩng lên ngắm mảnh trăng* vừa lên rồi nằm xuống giữa những người bạn lái xe. Anh giục:

– Ngủ thôi các cậu! Mai còn chạy...

*

NGƯỜI ĐÀN BÀ TRÊN CHUYẾN TÀU TỐC HÀNH

(truyện ngắn)

1.

Tôi biết chị Quỳ từ trước đây nhiều năm, vào một hoàn cảnh hơi đặc biệt.

Một chiếc xe chở tôi vào viện quân y lúc ba giờ sáng. Tôi nằm ở phòng cấp cứu đến chiều ngày hôm sau thì được chuyển về một vùng có vẻ thôn dã yên tĩnh. Đêm đầu tiên phải ngủ một mình ở phòng chờ đợi, nửa đêm thức giấc tôi bỗng phải hoảng lên vì những đợt tiếng kêu rùng rợn ở phòng bên.

Cho đến lúc ấy tôi mới biết rõ căn phòng mà tôi đang nằm, ngoài cửa ra vào còn có một cửa sổ trổ ra bờ sông phía sau nhà, và áp vào những chấn song cửa sổ hình tròn bằng sắt, một khuôn mặt không biết xuất hiện ở đấy từ bao giờ, đang nhìn vào phòng tôi.

Đêm có trăng, một thứ ánh trăng sáng rỡ vằng vặc chiếu xuống ngoài bờ sông, nhưng sát bên cửa sổ, những tàu chuối to bản cùng những cành cây ăn quả um tùm che lấp gần hết, chỉ thấy một vài mảng vàng của ánh trăng rớt xuống một mái tóc đàn bà buông xõa ôm trùm lấy một khuôn mặt không thể nào xác định được già hay trẻ, đẹp hay xấu. Vả lại căn bệnh bắt buộc tôi trong khi nằm cứ phải bấu chặt cả mười ngón tay vào thành chiếc giường cá nhân bằng sắt, cái cổ chỉ khẽ ngúc ngắc quay sang phải hay sang trái là tức khắc trời đất đã quay lộn nhào. Tôi cũng không còn khả năng nhớ lại được thật chi tiết khi nửa đêm cái khuôn mặt đàn bà với mái tóc xõa nói với tôi những gì, nhưng chỉ nhớ người ấy nói dài lắm, trong đó có một ý chính là bảo tôi hãy yên tâm, cái người đang kêu to ở phòng đợi bên cạnh là một đồng chí bị thương sọ não, sáng sớm ngày mai sẽ được chuyển đi cấp tốc bằng máy bay về viện quân y 108 ở Hà Nội.

Sáng sớm hôm sau, một cô y tá đến dẫn tôi sang nằm chung với các đồng chí thương binh bên một căn phòng sáng sủa và rộng

hơn. Rồi một cô hộ lý mang quần áo, chăn màn, đệm nằm, những trang bị cho các bệnh nhân và thương binh nằm bệnh viện. Rồi lại có hai cô y tá hay hộ lý khác nữa; người bưng bữa ăn điểm tâm sáng, người đến đo nhiệt độ hàng ngày và dặn dò những quy định điều trị.

Ngay trong buổi sáng đầu tiên đó, giữa các nữ nhân viên quân y, tôi nhận ra người đàn bà đã xuất hiện trước cửa sổ lúc nửa đêm. Tôi nhận ra được có lẽ trước hết bằng giọng nói. Tất nhiên, tôi rất ngạc nhiên khi nhận ra được người đàn bà đó.

Chính thức ra chị chỉ là một y sĩ nhưng trong mấy ngày đầu, tôi vẫn tưởng chị là một bác sĩ. Lúc bấy giờ trong cái buổi sáng đầu tiên đó, khi chị bước vào phòng chúng tôi bằng những bước đi thoăn thoắt nhưng đầy vẻ uyển chuyển, duyên dáng thì cả gian phòng bệnh dường như thoắt sống dậy. Các thương binh đang nằm đều nhổm cả lên. Những đồng chí đang cạo râu liền lau hết bọt xà phòng trên mặt. Những người đang ăn sáng cũng buông thìa, đũa. Chỗ này chào chị Quỳ, chỗ kia gọi chị Quỳ... Và cả tôi, thú thật, cũng cố gượng đau, cố chịu đựng một cơn quay tít mù của cả gian phòng để được chứng kiến một phút cái quyền uy của một người đàn bà.

Chị đến thăm bệnh tôi trước tiên. Chị kéo chiếc ghế con ngồi bên giường, hỏi cặn kẽ vết thương cũ trên đầu, ghi đầy hết những trang giấy trong bản bệnh án mở rộng đặt trên đùi. Phải kể như một đặc điểm nổi bật, người nữ quân y sĩ ấy có một giọng nói nghe đầm ấm và rất trong, và cũng như thân hình chị, giọng nói cũng uyển chuyển. Khuôn mặt hơi gầy, không đẹp lắm nhưng theo tôi, rất thông minh, và đặc biệt, ngoài trẻ con ra, tôi chưa hề được gặp một khuôn mặt người lớn nào mà lại cứ luôn luôn thay đổi sắc thái như vậy.

Tôi nằm điều trị ở đây cơ chừng được khoảng một tuần lễ thì bỗng xảy đến một chuyện khiến cho tất cả các anh em nằm cùng phòng với tôi hết sức ngạc nhiên là chính chị Quỳ, đồng chí nữ quân y sĩ rất tận tụy và duyên dáng của họ cũng trở thành một bệnh nhân, ngay trong khoa thần kinh chúng tôi.

Vào một buổi chiều, cũng vẫn bằng cái dáng điệu nhanh nhẹn và đầy tự chủ mọi ngày, nữ quân y sĩ Quỳ bước vào phòng trưởng

khoa thần kinh với một chồng hồ sơ bệnh án cắp bên nách và chiếc ống nghe khoác lủng lẳng trước ngực, để bàn giao công việc cho người khác. Thay chị là một người nam, một bác sĩ. Trước mặt chủ nhiệm khoa, chị bàn giao mọi công việc của mình đang làm dở dang rất tỷ mỷ và chu đáo, dặn dò người bác sĩ mới những điều cần chú ý theo dõi đối với từng *ca* một, xong rồi chị vui vẻ đi thẳng xuống phòng hành chánh tự nhận lấy cho mình các thứ trang bị của một bệnh nhân. Chiều hôm đó trên gác có một cô thuộc tiểu đoàn vận tải đường thủy vừa ra viện. Người bác sĩ vừa mới nhận bàn giao liền chỉ định chị Quỳ nằm vào chỗ cái giường vừa bỏ trống.

Chị Quỳ vào viện, tuy là một bệnh nhân cũng như chúng tôi nhưng chị làm việc suốt ngày. Hình như người nữ quân y ấy thuộc loại người đàn bà không làm việc là không thể chịu được, hoặc là rất sợ sự rỗi rãi? Chị không được khám bệnh và cho thuốc như các y sĩ và bác sĩ khác, tất nhiên, nhưng vẫn giành cho mình cái quyền được làm các công việc của hộ lý và một vài công việc lặt vặt của y tá. Chị nhận phần việc bưng thức ăn cho tất cả các bệnh nhân và thương binh bất động. Chị giúp các cô hộ lý phân phát quần áo sạch và thu quần áo vừa thay ra chất vào một đôi quang gánh đi giao cho nhà giặt. Chị chạy đi đưa nhiệt kế lần lượt cho các giường và với một chiếc bút chì bi ngày trước dùng ghi bệnh án, ghi nhiệt độ hàng ngày cho từng người, vào những tấm bảng treo dưới chân giường. Chị chủ động tự giới hạn công việc của mình chỉ đến đấy, còn các công việc đi sâu quá vào chuyên môn như tiêm, hướng dẫn uống thuốc, tuy chỉ là công việc của một y tá, những thứ công việc dưới trình độ của mình nhưng chị cũng không bao giờ làm.

Ở trong bệnh viện người ta thường nhàn rỗi, cho nên chẳng có lý gì câu chuyện người nữ quân y sĩ, một con người luôn luôn chủ động và sống có chừng mực, rất giỏi chuyên môn, thăm bệnh rất chính xác, lại tận tụy, bỗng trở thành một bệnh nhân thần kinh – lại chẳng khiến cho mọi người phải luôn luôn bàn tán, và muốn tìm hiểu để biết.

Nhưng cũng trong khoảng thời gian đó có những đợt thương bệnh binh xuất viện ồ ạt, là vì đang giáp tết, chỉ còn dăm ba hôm nữa là đến tết âm lịch. Ngoài một số đông đã lành bệnh, nhiều người có gia đình hay có người quen ở gần cũng được phép ra ngoài ăn

tết, ra giêng lại đến tiếp tục điều trị. Cho nên ở trong khoa chúng tôi số bệnh nhân giảm hẳn đi. Càng cận ngày tết, những người còn ở lại trong viện sống với nhau thân tình như cùng trong gia đình.

Một buổi sáng, sau bữa điểm tâm, tôi đang đi men bức tường từ trong nhà ra sân định tìm một chiếc ghế ngồi chơi thì trông thấy chị Quỳ từ trên gác xuống, chị liền chạy tới dìu tôi.

– Đồng chí muốn đi đâu?

– Tôi muốn ra ngoài trời một lát – tôi chỉ chiếc ghế gỗ có lưng tựa đặt bên những vồng hoa mới được trồng đón xuân – nằm trong nhà từ hôm đến đây tới giờ, thấy bức bối, chồn chân quá!

Người nữ quân y sĩ đưa tôi đến chiếc ghế rồi chị cũng ngồi ghé xuống bên cạnh:

– Đến hôm nay đồng chí có thấy đỡ hơn không?

– Hơn nhiều, chị ạ! Ban ngày thấy đỡ chóng mặt hơn nhiều. Khi nằm gối đầu thật cao như chị dặn, tôi đã có thể ngúc ngắc cái đầu mà không việc gì.

– Còn giấc ngủ?

– Mỗi đêm được khoảng bốn, năm tiếng.

– Vậy thì đừng uống mê-trô-mát nữa. Phải tự luyện lấy giấc ngủ, bằng cách nào đó thì luyện. Giấc ngủ sinh lý tự nhiên bao giờ cũng tốt hơn, chóng bình phục hơn.

Sau một vài câu chuyện, tôi mạnh bạo, thẳng thắn hỏi chị:

– Như đồng chí... xin lỗi, tại sao lại phải nằm viện?

Không thể ngờ câu trả lời rất nhanh nhẹn, thoải mái:

– Các anh ấy bảo rằng tôi mắc bệnh mộng du. Đồng chí chắc không hiểu hả? Tức là, cũng là một dạng của thần kinh. Bất kể ban ngày hay ban đêm, hễ khi nào bệnh phát lên là đi lang thang và sống trong một tâm trạng tưởng tượng gây ra do ảo giác.

Tôi không khỏi bật cười:

– Vậy mà thần kinh với lại tâm thần! Tôi nghĩ... trên đời này khó có ai hiểu rõ mình cặn kẽ như chị.

Người nữ bệnh nhân cười rất duyên dáng và ý tứ khẽ đặt một bàn tay lên bàn tay tôi:

– Xin lỗi, đồng chí... cũng là một người biết nói chuyện đấy!

Tôi hỏi tiếp:

– Tại sao biết mình không có bệnh tật gì cả mà đồng chí vẫn chấp nhận làm một bệnh nhân? Không phải chỉ có một mình tôi mà các anh em thương binh và bệnh nhân trong khoa ta, ai cũng thắc mắc như vậy?

Người nữ bệnh nhân chợt nhìn tôi bằng cặp mắt van lơn:

– Không. Tôi có bệnh.

– Tôi chả tin.

– Cái đêm đầu tiên, đồng chí mới đến đây chả phát hoảng lên vì căn bệnh của tôi đó sao? Người đàn bà đứng ngoài cửa sổ chính là tôi.

– Tôi nhận ra đồng chí ngay buổi sáng hôm sau, tôi đáp, khi đồng chí đến khám và làm bệnh án cho tôi. Chứ không phải tôi không biết.

Người nữ bệnh nhân lại nhìn tôi như van lơn, cố gắng thuyết phục rằng mình là người mắc bệnh:

– Đấy, đồng chí thấy sợ chưa?

Tôi lắc đầu:

– Đến bây giờ tôi vẫn nhớ cái lúc đồng chí đứng ngoài cửa sổ nhưng tôi vẫn không tin đồng chí là một người mắc bệnh thần kinh hay tâm thần. Đến bây giờ tôi vẫn nghĩ rằng ngay trong lúc đứng ngoài cửa sổ, đồng chí vẫn bình thường như lúc này ngồi đây.

Người nữ bệnh nhân cúi xuống, lát lâu sau mái tóc búi cao rất đẹp ngẩng phắt lên:

– Thật ra thì cũng không hẳn hoàn toàn như lúc này. Là tôi nói thật đấy.

Ngừng một lát rất lâu, người đàn bà lại mới nói tiếp:

– Tôi đoán đồng chí làm một thứ nghề gì đấy cũng ít nhiều am tường tâm lý con người. Hẳn đồng chí cũng biết rằng ngay một người sống có ý thức thì cũng có một đôi khi, tôi nói là có đôi khi thôi – Quỳ nhấn mạnh – sống ngoài ý thức, không hoàn toàn làm chủ được mình, cũng có lúc cáu giận, cũng có khi làm xong rồi nghĩ

lại mới thấy là sai, là không thực sáng suốt như lúc sau này nghĩ lại. Tôi đoán hẳn đồng chí cũng là một người khá từng trải trong cuộc sống, cho nên tôi muốn nói với đồng chí kỹ hơn về chuyện này – Quỳ suy nghĩ một lát rồi bỗng lắc đầu – mà thôi, đồng chí chưa khỏe hẳn. Có lẽ để đến hôm nào khá hơn đã!

– Chị đừng ngại – tôi vội nói, nóng lòng muốn được nghe kỹ hơn về câu chuyện khá lý thú của người nữ quân y sĩ – sở dĩ tôi lại phải vào "ngồi tù" ở đây là do vết thương cũ trên đầu, và cũng do thời gian vừa qua làm việc quá sức thôi, chứ tôi vẫn là một người bình thường, ngay bây giờ tôi vẫn là một người trí óc bình thường, như đồng chí đã biết rồi đấy!

– Vâng, tôi xác nhận – Quỳ mỉm cười – với tư cách là một y sĩ đã có lúc theo dõi và chữa bệnh cho đồng chí. Không những trí óc bình thường mà đồng chí còn biết cách nói chuyện rất khéo nữa! Nhưng mà tiện đây, tôi cũng xin nói thêm để đồng chí biết một điều mà tôi đã nhận xét thấy nhưng chưa thể nói với đồng chí: Ngay cái căn bệnh chóng mặt lúc nào cũng thấy trời đất và cuộc đời quay mòng mòng mà đồng chí đang mang trong người, có phải rằng nó lại tái phát, xin lỗi, vì... cũng có một lúc nào đó, đồng chí sống hết mình – Quỳ như muốn nhấn mạnh chữ "hết mình" – đồng chí đã sống hết mình, trong cái vòng đua chen danh lợi địa vị, cạnh tranh, đố kỵ kịch liệt với người khác không?

Tôi bỗng giật thót, suy nghĩ, trong bụng đã chịu nhưng vẫn cãi:

– Tôi chẳng hiểu chị định nói chuyện gì cả!

Quỳ như không để ý, vẫn nói tiếp:

– Bon bớt những tham vọng. Sống sao cho lương tâm trong sáng, có sự quân bình, thoải mái trong tâm hồn, cũng là một cách chữa bệnh.

Tôi bật cười chế riễu:

– Tôi chưa thấy một người làm nghề thầy thuốc nào mà lại có những phát minh định dùng đạo đức để chữa bệnh như chị.

– Chẳng có gì kỳ quặc cả – bất ngờ người nữ quân y sĩ như cầm tay tôi lôi tuột ra chỗ ánh sáng – một lần nữa tôi xin phép được

xin lỗi vì phải nói thẳng, chẳng qua là đồng chí vẫn còn quá nhiều ham hố tham vọng trong cuộc sống, cho nên đã cố làm ra vẻ dốt nát, không biết gì đấy thôi! Đồng chí biết thừa ra rằng tất cả những thầy thuốc bệnh thần kinh đều phải nghĩ trước hết đến sự quân bình về đời sống tinh thần – Quỳ bỗng như vừa sực tỉnh ra, chỉ cười rất duyên dáng – thật là vô tích sự, tự nhiên tôi lại đâm ra nói chuyện căng thẳng với đồng chí. Thôi, được rồi, đồng chí vẫn còn thắc mắc có sao... như thế này mà tôi lại là một bệnh nhân thần kinh phải không?

– Vâng, tôi vẫn chưa hết được thắc mắc...

– Vậy thì, nếu đồng chí không cảm thấy mệt, tôi sẽ kể chuyện này, ngay bây giờ... Tôi lấy chồng cách đây một năm – Quỳ kể – Anh ấy là một kỹ sư cơ khí, một kỹ sư giỏi, thậm chí rất giỏi, nghĩa là một người đàn ông có học thức và cũng rất thông minh, tất nhiên ở trong lĩnh vực khoa học. Nhưng cả trong cuộc sống chung giữa vợ chồng đồng chí cũng cần biết rằng tôi không thể chê trách anh ấy được một điều gì cả. Thật đúng thế! Chúng tôi sống với nhau rất hòa thuận, quý trọng nhau và có hạnh phúc. Với một người chồng, tôi không mong ước gì hơn. Nếu có điều gì đáng phàn nàn là chúng tôi vẫn còn mỗi đứa một nơi.

Kể đến đấy, Quỳ ngừng lại và cứ ấp úng mãi. Chị ngẩng lên nhìn theo hút những bệnh nhân cuối cùng được về nhà ăn tết đang lao xao cười nói, bắt tay từ biệt các nhân viên quân y và khuất dần sau rặng cây, rồi thu cặp mắt về, hơi nghiêng mái đầu xuống ngắm mấy bông hoa cúc vàng cứ sáng bừng lên giữa cái vồng đất nâu.

Tôi tỏ ý ân hận:

– Tự nhiên tôi đâm ra thắc mắc hơi tò mò quá. Hay là thôi, chị...

– Không, không nói với đồng chí thì tôi cũng phải nói với một người khác. Bởi vì tôi không thể tự trò chuyện với mình suốt đời được. Tôi nghĩ đây cũng là một điều đang còn non yếu của tôi. Mà tôi nghĩ đồng chí là một người biết nghe. Không phải ai cũng biết nghe.

Quỳ lại bắt đầu câu chuyện lại từ đầu. Nhưng sau những câu ca ngợi chồng và hạnh phúc riêng của mình lại được lắp lại, Quỳ lại ấp úng, lại ngừng rồi bất ngờ chị nhìn thẳng vào tôi, hỏi:

– Tôi xin hỏi nghiêm túc nhé, đồng chí nghĩ gì về đàn bà?

Tôi suy nghĩ rồi cũng nghiêm trang đáp:

– Tôi không am hiểu đàn bà nhiều lắm và thú thật tôi lại là một anh dát, tôi chỉ có thể nghĩ rằng... tốt nhất là nên tránh xa họ.

– Còn có điều gì khác mà đồng chí nghĩ về họ nữa không?

– Tôi lại nghĩ có lẽ tôi là một người bảo thủ: Người đàn bà nào cũng phải nên làm đầy đủ công việc của một người vợ và một người mẹ.

Quỳ cúi đầu xuống có vẻ như thấp hơn, nét mặt đầy thông minh trở nên đượm buồn:

– Vậy thì theo đồng chí, có một tính cách gì chung cho tất cả mọi người đàn bà không?

Tôi đáp chị bằng một câu bông đùa:

– Thời ngày xưa thì người ta ví đàn bà với rắn độc, quỷ dữ và sư tử Hà Đông, còn thời bây giờ, người ta ví đàn bà với các giống hoa: Hoa lan, hoa hồng, hoa huệ. Có thứ hoa gì tên là hoa Quỳ không?

– Không – Quỳ đáp khẳng định.

– Tôi nói điều này chắc chắn là không phải với chị...

– Đồng chí không phải nói thêm nữa – Quỳ ngắt lời tôi một cách vội vàng – mà cũng chẳng có gì là không phải. Tôi đã biết đồng chí sắp nói điều gì rồi! Tuy mới hăm bảy tuổi nhưng tôi đã sống trọn cuộc đời của tôi cách đây từ nhiều năm...

Ngừng một lát, người nữ bệnh nhân lại nói tiếp bằng một giọng rất buồn:

– Tôi hiểu được ý đồng chí muốn nói rằng tôi thuộc loại những người đàn bà nguy hiểm. Có phải thế không?

– Thú thật tôi có nghĩ thế – tôi đáp thành thực – ngay từ cái lần đầu mới gặp chị, ngay trong cái buổi sáng lần đầu tiên trông thấy chị, tôi đã nghĩ thế.

Quỳ thở dài rất khẽ. Chị ngồi im lặng, vẻ cam chịu, những ngón tay thon hình búp măng đan vào nhau đặt úp trên cặp đùi dài, cặp mắt nhìn xuống, những bông hoa cúc vàng rực rỡ ngay bên chân. Khuôn mặt mỗi lúc càng trở nên buồn bã.

Thật khó diễn tả cho thật chính xác cái nét buồn trên khuôn mặt Quỳ lúc bấy giờ. Nó có cái gì giống như khuôn mặt của một kẻ biết mình phạm tội, vừa thật thà, chân thành đến tội nghiệp lại vừa ngấm ngầm kiêu hãnh đến khó hiểu. Những người đàn bà như Quỳ, tôi nghĩ trộm trong bụng, đối với cái đám đàn ông chỉ có thể hoặc là cướp đoạt lấy người ta hoặc bị người ta cướp đoạt; hoặc thống trị đàn ông hoặc bị đàn ông thống trị, thì mới tìm được sự yên ổn. Chứ khó có thể tìm đến với nhau bằng một thứ tình yêu thường tình được. Và rồi, tôi thầm phỏng đoán, suốt đời cho đến già sẽ là một cuộc săn tìm hư vô, trong con người sẽ luôn luôn có một phần ý thức của ma quỷ nhập vào, và có lẽ, rồi cuối cùng chỉ có ý thức về trách nhiệm và bổn phận mới đánh chết được cái ý thức ma quỷ bất trị đó.

– Trong những lúc đi lang thang một mình – Tôi hỏi Quỳ – chị hay nghĩ những điều gì?

– Những điều mà suốt đời tôi không có.

Tôi lại đem ra khuyên giải người đàn bà những điều mà chị đã khuyên tôi:

– Có bao giờ chị nghĩ rằng biết sống tự chủ và có chừng mực cũng chưa đủ, mà một người đàn bà thông minh và có quá nhiều ước vọng như chị còn phải kiểm soát cả những ý nghĩ của mình không?

– Có. Tôi vẫn phải tự chữa lấy bệnh cho mình. Sau mỗi lần bỏ đi lang thang, tôi đã cố gắng nhớ lại rằng mình đã nghĩ gì rồi ghi vào một cuốn nhật ký. Rồi thỉnh thoảng giở ra đọc lại xem căn bệnh của tôi tiến triển lên hay xuống.

– Tôi nghe nói, xin lỗi, có một thời chị sống tung hoành khác đời lắm?

Người nữ quân y sĩ trở nên ngượng nghịu:

– Ai mà chẳng có một thời trẻ hả đồng chí? Mười hai năm về trước, tôi tốt nghiệp lớp mười. Đã có giấy gửi về gia đình gọi đi học

một ngành khoa học tự nhiên ở nước ngoài nhưng hồi đó, cũng như nhiều người con gái khác trong chống Mỹ, tôi đã từ chối không thiết đi học nữa mà khoác ba lô đi vào Trường Sơn, ở đây, tôi đã thử sức với đủ mọi thứ công việc, không còn sót một việc gì: Diễn viên văn công, đánh máy, cấp dưỡng, in ly tô, giao liên dẫn đường, y tá, chụp ảnh, viết báo, vác súng đi lùng biệt kích, gác nghĩa trang liệt sĩ và thậm chí một hồi còn lái xe nữa.

– Tôi muốn hỏi một câu... hơi tò mò. Được không chị?

– Cũng được thôi...

– Chị đã yêu ai và những ai đã yêu chị, hồi trong Trường Sơn?

– Có lẽ hơi nhiều... Từ đồng chí tư lệnh mặt trận đầu bạc đến cậu học sinh mới nhập ngũ má còn bụ sữa. Đấy là tất cả những người đã theo đuổi hoặc ngầm yêu tôi. Những chuyện ấy đã qua đi lâu rồi và tôi không còn muốn dấu đồng chí làm gì, mong đồng chí đừng cho tôi là kiêu ngạo hoặc thiếu khiêm tốn (!); bởi phải nói ra cái điều đã thuộc về quá khứ này, tôi cũng thấy nó xấu hổ thế nào ấy. Bây giờ thì tôi đã nghĩ khác, nhưng thực tình hồi bấy giờ ngày nào tôi cũng sống như ở giữa một ngày hội, người tôi lúc nào cũng lâng lâng, cứ khắc khoải, tôi ăn rất ít mà trong bụng lúc nào cũng thấy no. Vùng quê tôi con gái đi vào Trường Sơn đông lắm, thành phố nhỏ của tôi cũng có đến trăm đứa. Chúng tôi, cái lớp con gái ấy có may mắn là được sống cái thời trẻ thật là sôi nổi và cũng thật gian khổ hết mức. Riêng với tôi, trong khi các chị em khác có người bị bệnh sốt rét đến rụng trụi cả tóc thì tôi không hề bị sốt rét quật, tôi cứ trơ ra, da thịt vẫn trắng trẻo đỏ đắn, không bao giờ phải bỏ việc nằm một chỗ. Và tôi làm việc gì cũng được, tôi nhanh trí, sáng ý. Tôi lại không dút dát, quá rụt rè cả thẹn như nhiều chị em khác, cũng không ngổ ngáo như một vài chị em khác. Tuy vậy, tôi sống rất tự nhiên, thoải mái, tận tâm với mọi việc và hết lòng đối với mọi người. Thế rồi tự nhiên tôi đi đến đâu cũng có người yêu tôi. Tôi như một nàng công chúa ở trong rừng. Tuy chỉ là một hạ sĩ nhưng uy quyền của tôi lớn lắm, thậm chí một lần, một trung đoàn trưởng đã phải nhờ tôi lên trình bày với tư lệnh mặt trận một đề nghị rất chính đáng của anh, và lần ấy với cái tính thẳng thắn của

tuổi trẻ, tôi đã dám cả gan quở trách vị tư lệnh sự thiếu sâu sát tình hình đơn vị, trong khi ra những quyết định.

Tôi bưng miệng cười, hỏi Quỳ:

– Có kết quả không?

Quỳ cũng cười nhỏ:

– Có chứ, sau khi gặp nói chuyện với tôi, đồng chí tư lệnh ấy đã thân chinh đi kiểm tra đơn vị, sau đó đã rút lại cái quyết định cũ.

Tôi lại hỏi Quỳ:

– Chị có ý kiến nhận xét gì về những người theo đuổi chị hồi đó?

– Tuy thuộc nhiều lứa tuổi và địa vị, cấp bậc nhưng họ đều là những người đàn ông đứng đắn, dũng cảm có thừa. Họ đều là những người anh hùng cả. Cũng có rất nhiều người tài hoa, thông minh. Tôi quý trọng tất cả những người đã theo đuổi tôi. Đến hôm nay kẻ còn sống thì đã có vợ con, người hy sinh thì đã nằm lại nơi chiến trường mãi mãi.

– Chẳng lẽ chị chẳng yêu ai cả hay sao?

Quỳ ngồi lặng đi rất lâu:

– Đây là cả một vấn đề có liên quan đến cái bệnh tật khiến tôi phải ngồi đây, mà ngay từ lúc đầu tôi muốn nói với đồng chí. Tôi cũng đã yêu một đôi người, nhưng sau một thời gian gặp gỡ, làm quen, trò chuyện, nghĩa là "tìm hiểu", thì tôi thôi. Tôi không còn cảm thấy yêu người ta nữa. Những năm về sau này, sau khi đã lấy chồng, những khi ngồi một mình và suy nghĩ thật bình tĩnh, tôi mới thấy rằng trong những ngày tháng ấy đã tập hợp lại trong các cánh rừng Trường Sơn những con người thật là đáng quý. Tất cả tinh hoa của nam giới đã dồn về đấy. Vậy mà khi đang sống giữa Trường Sơn trong những năm chiến tranh, tôi đã không kịp hiểu ra cái điều đó. Tôi thật ngu dại, với những người đàn ông đáng quý nhất trong số những người đáng quý ấy, tôi đã không coi họ là những con người đang sống giữa cuộc đời,mà lại đòi hỏi nơi họ, một thánh nhân. Tôi đã đi tìm cái tuyệt đối không bao giờ có. Tôi đã rồ dại, bởi chính tôi, một đứa con gái bình thường, được những người đàn ông ở trong rừng cưng chiều quá! Chính họ đã đào luyện nên tôi cùng với cái quan niệm sai lầm của tôi, và họ phải chịu hậu quả.

Bởi chính họ không sao làm được như tôi muốn, một thánh nhân. Không tài nào làm được! Thậm chí, một người như anh ấy cũng không tài nào làm được, khi anh ấy đang còn sống.

– Ai?

– *Anh ấy,* một trung đoàn trưởng mới hăm chín tuổi.

– Có phải là người đã có lần cậy chị...

– Đúng. Anh ấy đấy. Đồng chí ạ!

Tôi kêu lên:

– Chắc phải là một con người tuyệt diệu?

– Nhưng anh ấy đã chẳng còn nữa!...

2.

Mấy ngày cuối năm sáng nào tôi cũng cố men theo một bức tường ra ngồi ở chiếc ghế gỗ. Chung quanh chân khóm cúc, vào các buổi chiều, Quỳ thường dùng một chiếc bai đào cỏ đem lá kín hết cái vồng đất nâu. Mấy bông cúc vàng càng khoe vẻ rực rỡ trên vuông cỏ mới trồng. Tôi ngồi một mình nhìn sương lãng đãng bay trên cái bờ cây xanh ngắt ngăn cách khu quân y viện và cánh đồng.

Tôi ngồi đợi chị Quỳ từ trên gác xuống. Mặc dầu đã cố làm ra vẻ bình thản không quay lại nhưng tôi cũng có thể hình dung thấy cái dáng uyển chuyển đầy quyến rũ của một thân hình phụ nữ có chiều cao, thanh mảnh và đặc biệt bao giờ cũng đi đứng rất thẳng, đang bước xuống từng bậc trên cái cầu thang xây gạch lộ thiên. Hôm nào Quỳ cũng xuống trễ. Có buổi sáng tôi phải ngồi hết ngắm hoa lại ngắm sương giăng ngoài cánh đồng hàng giờ đồng hồ. Quỳ không muốn kể chuyện riêng của mình nữa, tôi biết. Tuy ngày nào cũng trễ, nhưng rồi cũng xuống, ngồi xuống bên tôi sau khi xem xét, sửa lại mấy miếng cỏ bằng sự chăm chút và nâng niu.

Tôi không giục, không hỏi. Mái đầu với búi tóc cao vẫn nghiêng xuống miếng cỏ mới trồng, chị lại tiếp tục câu chuyện.

– Làm một người con gái được những người con trai giỏi giang luôn luôn chú ý đến cũng thú nhưng cũng mệt lắm đấy, đồng chí ạ!

– Chị nói với tôi bằng một giọng rất nhỏ và tỏ ra hết sức xấu hổ, y như đã làm một điều gì phạm tội.

– Một người đàn bà như chị luôn luôn bị những người đàn ông giỏi giang quấy rầy là phải – tôi đáp. – Không những thời trẻ mà cả bây giờ chị cũng chưa hết mệt đâu!

– Nhưng có bao giờ đồng chí hình dung nổi – Quỳ bỗng nói một mạch – một người con gái như tôi, trong cái hồi đó, đã phải van xin chạy theo một người đàn ông, một thanh niên mới hăm chín tuổi nhưng đã được giao phó nắm sinh mệnh hàng ngàn chiến sĩ. Hẳn đồng chí đã đoán biết cái người ấy là ai rồi chứ? Đừng có nghĩ tôi yêu anh ấy vì cái chức trung đoàn trưởng. Cái chức vụ ấy đối với tôi, chẳng là cái gì cả. Không những lúc ấy, mà bây giờ cũng vậy, nhìn ai, tôi cũng chỉ nhìn vào con người. Đó là một người cũng giống như mọi người con trai ưu tú khác mà tôi đã gặp: dũng cảm, đứng đắn, có tài năng, đẹp trai. Điều gì đã khiến tôi chú ý đến anh ấy, chú ý nhiều đến thế, khi tôi làm y tá ở một trạm phẫu và anh ấy được khiêng từ sở chỉ huy tiền phương của trung đoàn về đấy đã được một tuần lễ. Điều ấy chỉ xẩy đến trong một khoảnh khắc: Hôm đó một loạt B52 trùm lên những dãy hầm thương binh khiến cho sau khi vừa ngoi lên khỏi cửa hầm, tôi tưởng như tất cả đều đã nát ngấu như tương; lúc bom rơi, tôi đang cúi khom lưng thay băng trên vết thương của anh ấy và trong cái khoảnh khắc đầu tiên của loạt bom nổ, tôi ngẩng lên, không ngờ bắt gặp một cặp mắt điềm tĩnh đến như thế, một cặp mắt không hề chớp, lạnh lẽo như một ánh thép đang nhìn ra cái khoảng không gian đỏ ối như một miếng tiết ngoài khung cửa hầm.

Những ngày sau, tôi mới chợt khám phá ra: Lâu nay anh ấy cũng nhìn mình bằng cặp mắt ấy, không hề chớp, không hề mảy may xúc động. Tôi mới chợt khám phá ra: cái con người này chẳng coi mình đáng là cái gì cả. Lúc lòng tự ái bất ngờ bị xúc phạm cũng là lúc tôi nhận ra mình đã yêu anh ấy. Tôi không hề để lộ ra, không tâm sự với một ai, vậy mà ai cũng biết. Mọi người chung quanh đều coi rằng: tôi và anh ấy, chúng tôi phải là một cặp, như một điều tiền định. Hôm anh ấy lành vết thương trở về đơn vị, tôi chia tay với anh ấy một cách bình thường như mọi nhân viên khác của trạm phẫu thuật, thậm chí hơi lạnh nhạt. Tôi cũng cố tỏ ra điềm tĩnh và

gan dạ. Như một cuộc thi gan với chính mình. Sau đó không bao lâu trung đoàn của anh ấy đánh một trận thắng lừng lẫy, báo chí, đài phát thanh nói không ngớt về trung đoàn K... Tôi thì lại chỉ mừng thầm vì anh ấy cùng trung đoàn tham dự chiến dịch đã trở về. Thế rồi tôi sinh ra cái tính cầm cái gì trên tay cũng làm đổ, cũng đánh vỡ. Bác sĩ trưởng trạm phẫu thuật tiền phương, một sinh viên y khoa vừa tốt nghiệp, một trong những người đang theo đuổi tôi, gọi tôi tới. Bác sĩ trưởng trạm muốn tỏ ra cho tôi biết mình cũng là một người cao thượng, bịa ra một công việc gì đó và cử tôi đến trung đoàn K. Tôi đi liền. Hai ngày sau, đến trước anh ấy, mặt tôi lúc nóng bừng như vừa được lôi trong lửa ra, lúc tái nhợt như vừa vớt dưới nước lên. Vừa trông thấy tôi "dẫn xác" đến như kẻ mất hồn là anh ấy hiểu được tất cả. Về sau anh ấy mới chịu thú nhận rằng anh ấy đã yêu tôi, bị tôi "đánh đổ" bắt đầu từ khi ấy những lúc ấy ngoài mặt anh ấy vẫn tỉnh khô. Tôi vừa van lạy như một con nô lệ vừa rút súng K54 ra dọa. Anh ấy cười, mắng tôi là đồ trẻ con rồi đuổi tôi đi, bắt buộc tôi phải rời ngay khỏi trung đoàn anh ấy.

Thì hóa ra tôi đến đấy, không phải là một vùng rừng trú quân bình thường mà là một khu vực trận địa bố trí sẵn của trung đoàn. Trung đoàn của anh ấy đang cùng một số trung đoàn khác thiết lập một cái "bẫy", bí mật chờ địch dẫn xác đến. Điều đáng lưu ý ở đây là có sự không nhất trí giữa anh ấy và tư lệnh cái mặt trận vừa mới được thành lập. Căn cứ trên bản đồ, đồng chí tư lệnh đã ra lệnh chỉ định trung đoàn anh ấy đứng chân giữa một khu vực địa hình bất lợi, không thể đánh địch được thật hay, không hiểm. Anh ấy đã đề nghị sửa lại cách bố trí toàn mặt trận nhưng không được chấp nhận.

Đồng chí ạ, Quỳ nói tiếp, người ta nói tình yêu làm cho mù quáng nhưng càng nghe anh ấy nói, tôi thấy mình càng trở nên sáng suốt, minh mẫn và tỉnh táo. Bằng tất cả sự hiểu biết của tôi, tôi tin anh ấy đúng. "Tôi biết đồng chí T., tôi nói với anh ấy, tôi có thể trình bày rõ ý kiến của anh và thuyết phục "cụ ấy" được".

Ban đầu anh ấy hơi phân vân nhưng rồi về sau cũng ưng thuận dùng tôi như một sĩ quan liên lạc, một người thay mặt mình để trình bày cái phương án bố trí tác chiến của mình với cấp trên một lần chót. Về chuyện này, tôi đã nói với đồng chí rồi, và về sau, Quỳ

nói bằng giọng đầy tự hào, sau khi cái trận đánh ấy kết thúc, lại thắng lợi dồn dã, mới thấy anh ấy đã góp một phần rất quan trọng, nếu không muốn nói là phần quyết định.

– Một con người tài giỏi tuyệt diệu như thế, tôi vội hỏi Quỳ, cớ sao chị lại không thể mãi mãi yêu anh ấy. Chị còn đòi anh ấy cái gì?

– Sau trận đánh mà tôi vừa kể, Quỳ đáp, anh ấy được điều động về cơ quan bộ tư lệnh và tôi cũng được gọi về làm phóng viên của tờ tin. Chúng tôi được ở gần nhau. Chúng tôi yêu nhau chừng được một năm. Giá anh ấy vẫn ở dưới đơn vị chiến đấu, vẫn ở lại cái trung đoàn K. ấy, và tôi vẫn là một nữ y tá của đội phẫu thuật tiền phương, thì có lẽ không sao cả. Chúng tôi phải sống xa nhau nhưng mãi mãi tôi còn được đứng đàng xa để ngưỡng mộ anh ấy, như một con chiên ngẩng mặt ứa lệ chiêm ngưỡng một bức tượng thánh.

Sống gần kề hầu như ngày nào cũng gặp nhau, tôi mới có dịp được thấy anh ấy cũng mừng rỡ hí hửng khi được thăng cấp, mới có dịp được trông thấy anh ấy cũng ăn, ngủ, đi lại, cũng chăn một đàn gà riêng, đánh một cái quần "xà lỏn" đi phát rẫy, cũng yêu người này, nói xấu sau lưng người kia. Và, anh ấy lại có mồ hôi tay, hai bàn tay lúc nào cũng dấp dính. Mỗi lần tôi phải cầm lấy bàn tay anh ấy là lại thấy trên bàn tay mình một cảm giác dấp dính, và lạnh. Mỗi lần anh ấy đặt bàn tay lên vai, lên mái tóc tôi, tôi phải tự nghĩ thầm trong lòng rằng đó là bàn tay của anh ấy, người mình đang dốc lòng yêu, bàn tay của một người mà mình đã thấy không thể thiếu được trong cuộc đời, tuy vậy, vẫn không thể xua đuổi hết cảm giác dấp dính trên bờ vai và mái đầu. Rồi dần dần, dường như tôi phải chịu đựng cái tật ra mồ hôi tay của anh ấy, biết là anh ấy chẳng có tội vạ gì cả.

Vào những ngày cuối năm ấy, trung đoàn K. luôn về vùng sâu dưới đồng bằng bị lộ, đánh một trận thất bại, trung đoàn bị thương vong gần nửa và những anh em còn lại có phần giao động. Bộ tư lệnh quyết định điều anh ấy trở về. Tình thế lúc này đang rất cần sự có mặt của anh ấy, hai bàn tay tài giỏi, kỳ diệu của anh ấy, hai bàn tay lúc nào cũng dấp dính mồ hôi của anh ấy đã nhanh chóng

sắp đặt lại tổ chức của trung đoàn K. đang xộc xệch, lấy trở lại khí thế, tinh thần truyền thống của trung đoàn. Chỉ cần một thời gian ngắn, khoảng vài tháng sau, người trung đoàn trưởng cũ đích thân mang trung đoàn lại luồn xuống vùng sâu dưới đồng bằng, ngay khu vực "tứ giác sắt" ở một vùng ven thành phố, đánh một trận rất hiểm rửa hận cho trung đoàn K.

Hồi bấy giờ tôi đang làm "tờ tin", cũng được coi như một nhà báo mặt trận, một nhà báo được cưng chiều, cho nên cũng được biết nhiều và có một cái nhìn rộng rãi. Trận đánh lần thứ hai của trung đoàn K., nói thế nào để đồng chí có thể hình dung ra được nhỉ? nó giống như một mũi tên độc ngấm dần vào lòng tự tin của các nhà quân sự vạch chiến thuật, chiến lược bình định của Mỹ. Sau khi bị cái trận ấy, phải mất nửa năm sau, bọn chỉ huy Mỹ – ngụy mới loay hoay tìm ra cách bố phòng mới, nhưng lòng tự tin đã đánh mất, chẳng còn mảnh đất nào ở dưới đồng bằng khiến chúng còn thấy an toàn nữa.

Về phía ta, cho đến bây giờ, trận đánh ấy vẫn được đem ra giảng ở các học viện và trường quân sự, xem như một mẫu mực về tính táo bạo và động tác chuẩn bị chiến trường của người chỉ huy. Cũng dưới con mắt người chỉ huy, một trận như vậy mà thương vong chưa đầy chục người là ít, rất ít. Nhưng đau đớn biết bao, trong số những người đã ngã xuống có anh ấy. Lúc bấy giờ đã tờ mờ sáng, một bầy "cán gáo" bật đèn đỏ bay ầm trời bắn rốc két và thả đạn cối xuống một vùng đồng nước mênh mông, thỉnh thoảng nhô lên một vài đám lau sậy.

Cho đến bây giờ thì mọi người đều biết rằng tôi đã rời bỏ anh ấy, tôi đã "đá" anh ấy, và cũng chẳng biết vì duyên cớ gì. Chung quanh vẫn nghĩ tôi là một đứa con gái khó hiểu, và cũng khó mà chiều được.

Biết nói thế nào được, chẳng lẽ nói với mọi người rằng tôi không thể chịu đựng được cái tật ra mồ hôi tay của anh ấy? Chỉ biết rằng, một lần nữa, tôi đã chạy đến với anh ấy như một con bé quá rồ dại, để được nhìn thấy hai bàn tay anh ấy đã dập nát cả.

Vẫn cái trạm phẫu thuật mà tôi từng làm một nữ y tá. Bác sĩ trẻ tuổi Thương vừa mổ cho anh ấy xong, một cuộc giải phẫu kéo

dài bốn tiếng đồng hồ; người bác sĩ đã từng theo đuổi tôi lúc bấy giờ đang ngồi trên một chiếc ghế băng đặt trước cửa căn hầm *hậu phẫu* chăng mấy múi dù pháo sáng, khuôn mặt thư sinh rất điển trai cúi gục xuống, điếu thuốc lá mới đốt kẹp giữa hai ngón tay đã rơi xuống dưới chân ghế từ bao giờ. Bác sĩ Thương ngước lên nhìn tôi, hai con mắt mệt mỏi và trống rỗng, suốt trong thời gian phục vụ ở đây, tôi chưa hề bao giờ thấy sau một ca mổ mà đồng chí ấy mất nhiều sức như thế.

– Nếu đồng chí không bận việc nhiều, bác sĩ Thương nói với tôi bằng một giọng buồn bã, hãy ở lại giúp chúng tôi chăm sóc anh ấy.

– Tình trạng anh ấy thế nào hả đồng chí?

– Đồng chí và tôi, bác sĩ đáp, chúng ta sẽ cố hết sức.

– Nghĩa là thế nào? Tôi hỏi.

– Nghĩa là, bác sĩ Thương đáp, đồng chí sẽ đóng một vai trò rất quan trọng, đồng chí đến đây như thế này là rất tốt.

Anh ấy sống thêm được bốn ngày nữa.

Về sau này, trong những lúc lang thang một mình, tôi cứ tự hỏi trong tình trạng với một cơ thể nát nhừ như thế mà anh ấy vẫn sống thêm được bốn ngày, là do công tác hậu phẫu tuyệt vời của bác sĩ Thương và tất cả anh chị em của trạm phẫu thuật, hay là do tôi, sự có mặt của tôi, sự ăn năn hối hận của tôi, sự cầu xin của tôi, tình yêu chân thành tha thiết như tôn giáo của tôi. Hoặc cũng có thể do sức lực đang thì trẻ mà anh ấy có. Hoặc cũng có thể, chỉ vì anh ấy muốn nói với tôi cho bằng hết, bằng lời nói và cả bằng ánh mắt, vẻ mặt, tất cả khát vọng và lý tưởng cuộc đời của mình.

Trong những đêm lang thang, dù trời tối hay có trăng như mấy cái đêm cuối cùng tôi được thức thâu đêm chăm sóc anh ấy, bao giờ trước mắt tôi cũng hiện ra cái ánh mắt trầm tĩnh như một ánh thép ấy, tôi cúi xuống rối rít hôn khắp khuôn mặt gầy gò, vàng vọt, quấn đầy băng trắng, rồi tôi bật khóc khi nhìn thấy một nét xao động của tình cảm như một đợt sóng nhỏ bất ngờ dậy lên từ cặp mắt trầm tĩnh. Tôi biết anh đã tha thứ cho tôi, anh vẫn còn yêu tôi. Cặp mắt anh nhìn tôi rất lâu. Tôi hiểu ý anh. Tôi vội vã cầm lấy bàn tay anh (chỉ thấy một khối bông băng có thấy cái bàn tay đâu), tôi cầm lấy cái khối bông băng ấy ấp lên má lên môi, lên mái tóc, lên

khắp khuôn mặt tôi. Tôi lại nghĩ đến những lời nói đứt quãng, khó nhọc, thỉnh thoảng thốt lên từ giữa cặp môi khô luôn luôn run rẩy của anh, mà tôi phải công phu nhặt từng tiếng chắp lại mới hiểu hết.

Đặc biệt riêng ngày thứ ba, anh ấy như khỏe hẳn ra, trí nhớ trở nên sáng láng và nói chuyện nhiều.

Anh ấy nói với tôi nửa tâm sự nửa như một lời giối giăng, rằng cuộc đời một thanh niên mới hai mươi chín tuổi của anh thế là sắp chấm dứt; trong hai mươi chín năm thì mười hai năm làm lính, mười một năm đi học. Từ những năm còn nằm ép bụng trên sống lưng con trâu dữ nhất đàn mà hợp tác xã giao cho gia đình nhà anh nuôi, anh đã mơ tưởng sau này lớn lên sẽ chế tạo được một chiếc máy cày, anh nói điều ấy bằng giọng thì thầm vào bên tai mẹ anh, khi hai mẹ con ngồi sát bên nhau trên một mảnh chiếu cũ trải giữa cánh đồng làng vào một vụ vừa gặt hái xong, chỉ còn trơ gốc rạ mới cắt.

– Trong khi mọi người ngước mắt nhìn những lát đất cứ cuồn cuộn được xới lên dưới hàng lưỡi cày – anh nói – thì anh, suốt cả buổi tối chiếu phim tài liệu, anh chỉ chú ý quan sát để tìm hiểu bằng những nguyên lý cơ học nào mà cái khối máy móc đồ sộ có thể vừa tự vận hành lại vừa kéo theo sau nó một cái khung sắt lắp một hàng lưỡi cày nằm chênh chếch?

Từ khi còn mặc quần với giải rút buộc lên cổ, anh đã biết nói chuyện với cái cuốc, cái cày, đã lon ton chạy theo các nhân viên thủy văn ở trọ trong xóm hàng ngày đi đo lưu lượng dòng sông trước làng, anh đã ngạc nhiên đến bàng hoàng vì sự tài tình của chiếc xe đạp. Như một Niu-tơn, anh đã nằm dưới một gốc cây ngoài vườn sau nhà hàng mấy giờ liền chỉ để rình nhìn một chiếc lá, một cái quả rơi xuống đất. Trong xó nhà, anh chất đủ các thứ máy móc, có thứ bằng gỗ, thứ bằng sắt. Hồi học cấp ba, anh đã phát minh ra được một cái máy vừa xay lúa vừa sàng gạo.

Thế rồi anh bước vào trường đại học cơ điện năm mới mười sáu tuổi. Anh ngốn kiến thức khoa học như một kẻ suốt đời đói khát được người ta cho ăn cỗ. Anh trở thành một sinh viên xuất sắc nhất lớp ngay từ năm thứ nhất. Sang năm thứ hai, mới vào trường được ba tháng thì anh trúng bộ đội. Hôm anh nhận được tờ giấy báo tin đã trúng tuyển vào bộ đội, một cậu học cùng khoa chế tạo máy với

anh, cậu Ph., nắm lấy cánh tay anh kéo ra một ngôi quán tận ngoài đường sắt. Trong số các sinh viên học giỏi trong khoa chế tạo máy, chỉ có Ph. là đáng để cho anh kiêng nể. Cho đến bây giờ anh vẫn nghĩ rằng cái thằng ấy thông minh hợp anh. Cái thằng bạn học cùng lớp ấy thực sự có dáng dấp một nhà phát minh. Điều anh hơn cậu ta là niềm khao khát học hỏi của một sinh viên nông thôn từ tấm bé đã phải sống chung đụng với một nền cơ học thô sơ, quá thô sơ. Vùng quê anh là một nơi ở xa đường cái, rất xa xôi hẻo lánh. Từ tấm bé cho đến lúc lớn, nhìn vào nhà nào anh cũng chỉ thấy hai thứ máy là cái máy đèn dầu hỏa và chiếc xe cút kít bằng gỗ. Anh đã phải nhìn thấy cảnh những ông già đầu bạc, những em bé giơ cao những chiếc cuốc rất nặng bổ xuống một cánh đồng đất rắn như gang. Sau một vụ cuốc ải, anh cầm lấy bàn tay mẹ anh, sờ vào lòng bàn tay mẹ anh như sờ vào một tấm da trâu...

Hôm ấy, Ph. rất ngạc nhiên thấy anh, một thằng say mê học hành và học giỏi như thế, đã xếp sách vở lại một cách nhẹ nhõm, vui vẻ. Nhưng đến bây giờ, thú thật với em, cho đến tận bây giờ, anh vẫn còn thấy đau lắm, tiếc lắm, vì đã phải xếp sách vở. Vì anh vẫn đầy lòng tin vào hai bàn tay của anh.

Em ạ, ngày chiến thắng rồi sẽ đến, chiến tranh rồi sẽ qua đi, anh sẽ vui biết mấy, sung sướng biết mấy, nếu được sống, miễn là được sống, miễn là được cùng với mọi người sống ở trên đời và được yêu nhau, và miễn là mỗi đứa chúng ta có hai bàn tay, chỉ cần chúng ta có hai bàn tay thôi, em nhỉ?

Trời ơi, Quỳ nói như kêu lên với tôi, giá đồng chí có thể thấu hiểu được lòng dạ tôi lúc ấy?

Lúc ấy tôi cứ ngồi ôm chặt lấy hai bàn tay quấn đầy bông băng của anh ấy trước ngực tôi, với một niềm thương tiếc khôn cùng.

Dù có phải xông vào lửa đạn, dù có phải dùng hai bàn chân trần dậm lên vách đá tai mèo, dù có phải lặn xuống tận đáy biển khơi hay băng qua sa mạc cháy bỏng, dù có phải đi khắp cùng trời cuối đất, thì tôi cũng không từ nan, tôi cũng xông đi, nếu lấy về được để trả lại cho anh ấy đôi bàn tay luôn luôn dấp dính mồ hôi. Và rồi tôi thấy mình thật ngu dại, một điều ngu dại không sao cứu vãn được, vì đã có một lúc xa lánh ruồng rẫy anh ấy, và tôi cứ ngồi

ngẩn ngơ thương tiếc hai bàn tay tài giỏi của anh ấy đã bị bom đạn giặc cướp mất, hai bàn tay không những chỉ có ích cho chiến tranh mà cả cho hòa bình mai sau, hai bàn tay của một người đánh giặc và xây dựng đất nước!

Phút lâm chung của con người ấy là cái phút mà lần đầu tiên trong đời, tôi cảm thấy thật sâu sắc nỗi bất lực của mình. Suốt trong bốn ngày, tôi không hề chợp mắt lấy một phút, chỉ sợ anh chết giữa lúc mình ngủ. Đến nỗi tôi tin rằng nếu tôi vẫn thức, bao giờ cũng ngồi bên anh ấy, thì anh ấy không thể nỡ bỏ tôi ra đi được. Có đôi lúc ngồi bên, tôi thấy anh chợt mỉm cười, một nụ cười đến là khó hiểu. Tôi không tin một người như anh lại có ý nghĩ mãn nguyện trước khi rời bỏ cuộc đời. Anh đã trao gửi lại cho tôi bao điều tâm sự. Anh đã nói với tôi hết, trừ cái nụ cười bí ẩn.

Lúc bấy giờ chừng khoảng đã gần chiều, tôi đang đứng xây lưng về phía anh trước một chồng thạp gỗ làm chỗ kê một chiếc bếp dầu hỏa. Tôi đang lúi húi thái mấy nhát sâm bỏ vào nước sôi chuẩn bị bón cho anh, chợt như có linh tính báo, tôi quay lại. Tôi chợt thấy cặp môi anh ấy tự nhiên bợt trắng và như đang đông cứng lại trong cái nét cười bí ẩn lan khắp khuôn mặt. Khuôn mặt đã gầy võ đi giống như một đĩa dầu đang cạn đến giọt cuối cùng. Tôi kêu lên một tiếng, chắc là tiếng kêu của tôi cũng đã lạc giọng đi.

Các anh chị em phục vụ trong trạm phẫu thuật và hầu như tất cả thương binh đều chạy đến, có đồng chí người quấn đầy băng cũng cố lết đến. Bác sĩ Thương cạy hàm răng anh ấy cố đổ cho được mấy thìa nước sâm nhưng tôi liền đẩy bác sĩ ra. Tôi biết, chỉ có tôi mới cứu vãn được tình thế này. Như một đứa trẻ hà hơi cho một con chim non, tôi cúi xuống sát mặt anh ấy, gắn làn môi mình lên cặp môi của anh đang đông cứng lại. Lúc bấy giờ, trước mặt các anh chị em đứng vây chung quanh, tôi cũng không còn biết xấu hổ nữa, tôi áp khuôn ngực nóng hổi sự sống của mình lên khuôn ngực đang lạnh giá dần của anh ấy.

Tôi áp tai vào ngực anh ấy, cảm thấy lặng ngắt như khi áp tai vào một chiếc đồng hồ đã chết. Tôi vẫn không nản. Tôi quyết không chịu thua. Tôi quyết đánh thức lại cái sự sống đang thoi thóp trong cơ thể anh ấy. Tôi quyết xua tan làn tử khí đang vây bọc

chung quanh tôi và anh ấy. Tôi quyết tâm dấn thân vào giữa cõi chết để giành lấy anh ấy trở về, giành lấy tình yêu, trí tuệ và sự sống trở về.

Thế rồi cuối cùng anh ấy cũng không thể nỡ bỏ tôi ra đi cho được. Tôi khóc nức lên khi nghe trong lồng ngực anh ấy, trái tim lại đập trở lại. Thân thể anh ấy lại nóng ấm dần lên. Mọi người đứng chung quanh cũng đều ứa nước mắt, sung sướng và ngạc nhiên quá đỗi, khi trông thấy anh ấy đã lại chớp mắt được, cặp môi mềm trở lại mấp máy. Tôi thì tôi lại thấy được, đôi bàn tay anh ấy đang động đậy như muốn giơ lên. Tôi lại cầm lấy cái nắm bông băng, áp lên môi, lên mặt, lên mái tóc tôi. Tôi mãn nguyện khi được nghĩ rằng bàn tay anh đang vuốt ve tôi, cặp môi mấp máy đang gọi tên tôi, và trong cái chớp mắt đầu tiên, khuôn mặt tôi đã hiện ra. Chắc là anh ấy sẽ nghĩ rằng tôi vẫn luôn luôn ở cạnh anh ấy.

Nhưng tôi và bác sĩ Thương dù đã cố gắng hết sức, dù tình yêu thống thiết của tôi từng giây phút níu giữ, anh ấy cũng đã ra đi. Tôi chỉ có thể cầm tay anh ấy trên cuộc đời thêm mười một tiếng đồng hồ nữa. Trong mười một tiếng đồng hồ, nghĩa là gần suốt đêm hôm ấy, tôi không dám rời mắt khỏi khuôn mặt anh ấy, và suốt đêm, tôi lại thấy cái nụ cười bí ẩn luôn luôn trở lại cứ phảng phất trên cặp môi anh ấy, cũng giống như cặp mắt luôn luôn trầm tĩnh, vô cùng trầm tĩnh trong mọi hoàn cảnh của anh ấy mà tôi vẫn không bao giờ có thể quên được, khi anh ấy đang chiến đấu và làm việc, như một nét đặc trưng của con người.

Ba giờ sáng hôm sau, anh ấy mất.

Chiến sĩ và cán bộ trung đoàn K. bươn rừng lũ lượt kéo về đứng kín chung quanh hai mái lán che trên chiếc hầm thùng mà anh ấy nằm. Thậm chí có cả một số lính ngụy bị bắt hoặc ra hàng trong trận vừa qua đang ở gần đây cũng xin phép được sang viếng anh ấy, người tổ chức và chỉ huy cái trận đánh khiến họ vẫn chưa hoàn hồn.

Đồng chí tư lệnh mặt trận, có một hồi thành kiến và ghét anh ấy, trong lúc đọc bài điếu văn rất thống thiết, mấy lần phải ngừng lại, rút mùi xoa lau cặp mắt đã đỏ hoe.

Mọi người đều rất lấy làm ngạc nhiên khi thấy tôi không có mặt trong lúc đưa anh ấy đến nơi yên nghỉ cuối cùng.

Như một con chim đã mất bạn, tôi rúc vào một xó nhà, leo lên tấm sạp nằm ken bằng thân cây sậy của một cô y tá, tôi trùm chăn kín. Tôi rúc sâu vào trong tấm chăn, chưa bao giờ sống ở trên đời tôi cảm thấy lẻ loi cô độc như vậy, mặc dầu những anh chị em chung quanh lúc này ai cũng đều thương tôi. Đến bây giờ tôi mới hiểu được thực sự tình yêu nó là gì. Tôi nằm im mà tâm hồn tôi vật vã. Hình như đến bây giờ tôi mới bắt đầu thực sự yêu anh ấy. Đến bây giờ tôi mới hiểu được trong tất cả mọi sự mất mát, thì mất một con người là không có gì bù đắp được, không sao lấy được. Tôi cần gì những nghi thức nghi lễ, những vòng hoa và bài điếu văn? Tôi chỉ cần anh ấy. Tôi chỉ cần có anh ấy bằng xương bằng thịt, bên cạnh tôi. Trong lúc mọi người bàn tán, thương tiếc, kể ra bao nhiêu công đức, thành tích và nết tốt của anh ấy thì tôi, tôi chỉ nghĩ đến những tật xấu của anh ấy. Vì chỉ có nghĩ đến những tật xấu, thì anh ấy lại mới hiện ra và đi về phía tôi, xích lại gần với tôi, như là một con người thật, bằng xương bằng thịt. Nhưng dù sao thì cũng là đánh lừa mình. Anh ấy chết rồi còn đâu?

Tôi đã nằm suốt ba ngày. Người tôi chỉ còn cái xác. Và hai con mắt sâu hoắm, thăm thẳm. Đêm đêm cô y tá mà tôi vẫn coi như một đứa em gái khi tôi đang công tác ở trạm phẫu thuật này, hai tay bưng bát cháo, miệng mắng mỏ, cô ta mắng tôi hết lời, hết mắng lại dỗ dành. Cô ta chỉ sợ tôi chết, hoặc phát điên. Dỗ tôi ăn không được, cô bé nông thôn chất phác ấy chui vào trong chăn nằm với tôi, ôm lấy ngang lưng tôi, nói rì rầm: "Em lạy chị, chị khóc lên một tiếng!". Nhưng tôi vẫn không khóc được. Hai con mắt và cả người tôi như đã bị vắt kiệt hết nước. Rồi cô bé khóc. Đến bây giờ tôi mới sực nghĩ rằng từ ba giờ sáng hôm ấy, bao nhiêu người đã khóc anh ấy, cả đồng chí tư lệnh mặt trận, chỉ riêng có tôi là không.

Chiều ấy tôi tung chăn ngồi dậy. Trùm lên đầu tấm khăn sợi của cô y tá, tôi bước ra sân. Trời đất vừa được sắp đặt lại. Mọi vật vừa chạy lùi ra xa, rất xa tôi. Mọi âm thanh vang đến tai tôi nửa thực nửa hư. Thấp thoáng trước mắt tôi lại hiện ra cái nụ cười bí ẩn của anh ấy.

Đồng chí bác sĩ Thương đang đứng trước sân. Trông thấy tôi, bác sĩ không dám hỏi han một câu nào. Tôi đi qua trước mặt bác sĩ như một người dưng, thậm chí cũng chẳng biết là ai nữa. Tôi đi quá mấy bước mới nhận thấy có một bàn tay đàn ông nắm lấy cánh tay tôi dìu đi. Đến lúc bấy giờ tôi mới nhận ra là bác sĩ Thương.

Tôi được đưa đi qua vài vạt rừng nhỏ sau lưng trạm phẫu, đến một dòng suối. Qua bên kia suối, trước mắt tôi bỗng hiện ra một bãi cỏ xanh mướt. Ở chỗ này ngày xưa vốn là con đường vào núi kiếm củi, tôi quen lắm, làm gì có cái bãi cỏ xanh tươi bát ngát, y như vừa từ trên trời rơi xuống.

Bác sĩ Thương giải thích cho tôi, đây là tất cả những gì gọi là nơi yên nghỉ cuối cùng của anh ấy: Các chiến sĩ và cán bộ của trung đoàn K. sau khi chôn cất anh ấy xong, mỗi người xén một vuông cỏ đem lát trên nấm mộ và thế là tự nhiên hàng ngàn con người đã lát kín mặt đất rừng bằng cái màu xanh mơn mởn trước mắt tôi. Tôi lột hai chiếc dép cao su ra khỏi chân, trên mười đầu ngón chân của hai bàn chân trần, tôi rón rén dậm lên những ngọn cỏ. Không biết bác sĩ Thương nghĩ thế nào mà tôi thấy anh ấy vội vã đi đến bên ngôi mộ, nhặt hết tất cả những vòng hoa đã héo tàn đem vứt đi. Tôi cũng đi đến bên nấm đất lùm lùm. Tôi đứng giữa tình yêu thương thật lặng lẽ của những người lính trung đoàn K. Nỗi đau khổ trong lòng tôi tự nhiên vơi bớt đi, như vừa được chia sẻ. Nhưng cũng ngay trong cái lúc ấy, mỗi ngọn cỏ như thì thầm với tôi rằng anh ấy đã chết, thực đã chết rồi. Tôi bỗng òa lên khóc nức nở.

*

Những năm về sau, cho đến tận ngày chiến tranh chấm dứt, trung đoàn K. vẫn là một trung đoàn khiến cho các đơn vị bạn phải kính nể và anh em chiến sĩ trung đoàn K. vẫn coi tôi như người nhà, một người lính đặc biệt của trung đoàn.

Với công việc phóng viên tờ tin, mỗi lần trở về đây vào dịp trước hoặc sau một trận đánh, một chiến dịch, bao giờ tôi cũng được bắt gặp trở lại với một cái gì rất quen thuộc của anh ấy: Một tân binh bổ sung về trung đoàn K. chỉ sau nửa năm hoặc một năm là đã được cái tập thể ấy nhào nặn theo truyền thống của trung đoàn. Bất kỳ một cán bộ nào của trung đoàn trong chiến đấu hoặc trong

sinh hoạt hàng ngày cũng đều mang trong người những nét phong cách riêng của anh ấy: Đó là cặp mắt trầm tĩnh và cách đánh táo bạo, thói quen trinh sát chiến trường tỉ mỉ, bám địch rất chắc, không bao giờ hời hợt. Đó là tình yêu thương giữa cán bộ và chiến sĩ, một sự gắn bó hết sức đặc biệt giữa đồng chí, đồng đội, giữa những người lính cách mạng với nhau.

Trong đời tôi, chưa một lần thứ hai nào được thấy một người lại có thể ảnh hưởng đến những người khác nhiều như thế, đem lại cho chung quanh nhiều như thế.

Nhiều năm về sau – khi ấy tôi làm đại đội trưởng một đại đội lái xe toàn là nữ – nhân một chuyến cùng đơn vị ra hậu phương nhận hàng, vô tình trên một chặng dừng chân, tôi ghé vào một ngôi chùa bên đường. Mặc dầu giữa thời buổi chiến tranh suốt đêm ngày máy bay Mỹ gầm rú ầm ầm và đạn cao xạ nổ từng chập, ngôi chùa vẫn giữ một vẻ u tịch, lặng lẽ. Tôi từ trong xóm đại đội xe của chúng tôi đang trú quân đi ra, ban đầu cũng tưởng ngồi buồn, lững thững dạo chơi bên ngoài rặng vải phía sau chùa, nhưng tự nhiên tôi có cảm tưởng y như có ai đang vẫy gọi tôi đàng sau các cánh cửa nặng nề bằng gỗ mộc đóng liệt bản đã dầu dãi vì mưa nắng. Cổng chùa đã bị bịt lại bằng những phiến gỗ thông tháo ra từ những hòm đồ quân dụng, lại chằng giây thép rất cẩn thận. Tôi hăm hở leo qua bờ tường và nhiều đống hòm gỗ sơn đen đựng ngòi nổ đạn pháo cao xạ chất phía trong sân, lại khom lưng chui qua nhiều đoạn giây điện thoại và giây phơi quần áo mắc võng xuống đẩy cánh cửa chùa bước vào.

Người vẫy gọi tôi hiện ra ngay trước mặt tôi, sừng sững một bức tượng ngàn mắt ngàn tay ngồi chễm chệ trên tòa sen, được đặt trên một cái giá gỗ cao ngất. Tôi đứng ngẩn ngơ trước bức tượng hồi lâu, rồi y như có một thứ tâm linh nào đó mách bảo cho tôi biết, lập tức tôi liền nghĩ ngay đến cái trung đoàn K. và *anh ấy* đang ở một nơi rất xa xôi, cả hai như vừa hòa chung vào nhau trong hình ảnh một con người có ngàn mắt ngàn tay, trong cái màu vàng son đã long lở trên thớ gỗ. Tôi chạy tới mở toang hai cánh cửa giữa. Tôi lại đứng lặng ngắm bức tượng kỳ lạ đã có từ bao thế kỷ, trong tiếng chim sẻ gọi nhau láu táu trên mái ngói đã rêu phong và tiếng *míc*

của ta vừa xuất kích đang bay trên một vùng trời phía bắc, vùng trời có chiếc cầu như một vệt sáng.

Rồi tôi chợt nghĩ ra, cả con người tôi bỗng run rẩy vì sung sướng bởi cái điều khi đứng một mình đã chợt nghĩ ra, chợt tự nhiên khám phá thấy: Hóa ra cuộc sống từ bao đời đã là như thế, con người là một sự kết tinh của những tinh hoa; hóa ra thời nào cũng có những con người như anh ấy, tập trung trí tuệ và tài năng trác tuyệt của nhân dân, và mang trong lòng tất cả khát vọng cháy bỏng của nhân dân. Tôi ngạc nhiên đến sững sờ trước sức tưởng tượng kỳ diệu của một người thợ chạm gỗ, bất chợt trong giây phút đã mách bảo cho tôi thấy trí tuệ và niềm mơ ước của nhân dân là không bao giờ mất được, là bất tử.

Bức tượng gỗ kỳ lạ ngồi trên tòa sen chẳng có một nét nào giống anh ấy nhưng vừa ngắm vừa suy nghĩ lại mới thấy chính là anh ấy.

Tôi kính cẩn tiến lại gần: Một ngàn con mắt gỗ toát lên vẻ trầm tĩnh đang rọi nhìn vào cái hỗn độn để tìm ra cái quy luật. Tôi nâng vạt áo quân phục dính đầy dầu mỡ của tôi lên lau sạch những lớp bụi bám trên một ngàn bàn tay nhưng vừa chạm tới, vạt áo tôi đã ướt đẫm mồ hôi y như mồ hôi người cứ dấp dính toát ra từ chất gỗ.

Tôi sợ hãi lùi ra xa, ngước nhìn khuôn mặt: Tự nhiên tôi bỗng hoảng hốt khi nhận ra đang phảng phất trên cặp môi bằng gỗ, vẫn cái nụ cười ấy, cái nụ cười bí ẩn mà tôi đã trông thấy rất nhiều lần hiện lên trên cặp môi anh ấy trước khi chết.

Và, cho đến lúc này thì tôi cũng vừa mới sực hiểu. Phải, cho đến tận hôm nay, khi trông thấy cái nét cười đã ngưng đọng trên thớ gỗ thì tôi mới chợt tìm ra được sự bí ẩn của nó.

Hình như suốt thời gian tôi ra công chăm sóc anh ấy, níu giữ anh ấy giữa cõi sống một cách bất lực, cũng là lúc diễn ra một cuộc đối thoại quyết liệt và không lời, thầm lặng giữa tôi và anh ấy: một đằng tôi quyết giữ anh ấy làm một con người thực giữa cõi trần thế, một con người sống bằng xương bằng thịt với những nết tốt và thói xấu. Một đằng, anh ấy quyết tâm làm một thánh nhân.

"– Em sẽ không còn đòi hỏi ở anh một con người tuyệt đối hoàn mỹ (dường như lúc nào tôi cũng nói như cầu khẩn) anh hãy cứ mừng vui hí hửng khi được thăng cấp. Hãy sống tự nhiên, anh hãy cứ yêu người này, ghét bỏ người kia, anh hãy cứ mặc bộ quần áo, đội chiếc mũ mà em không thích. Em càng yêu anh gấp ngàn vạn lần đôi bàn tay luôn luôn dấm dáp mồ hôi của anh!

"Không! (dường như anh ấy nhìn tôi âu yếm rồi nở một nụ cười bí ẩn) anh không sống được nữa! Anh sẽ phải rời bỏ cuộc đời! Mọi người sẽ vì thương tiếc mà quên đi mọi thói xấu và khuyết điểm của anh: Anh đã quyết tâm làm kỳ được như em đã đòi hỏi.

Tôi ngước nhìn lên cái nụ cười bí ẩn đầy vẻ đắc thắng, nụ cười bằng gỗ như đang chế nhạo tôi.

Tuy mọi điều không đâu này đều do tôi tưởng tượng ra nhưng nó cứ ám ảnh tôi, bám riết lấy đầu óc tôi. Đồng chí nên biết rằng tuy là đàn bà nhưng tôi vốn là một đứa con gái giàu trí tưởng tượng và cũng hay suy nghĩ...

Kể đến đây, Quỳ chợt hỏi tôi:

– Đồng chí thấy tôi sống mà cứ luôn luôn nghĩ ra những điều cắc cớ, lạ lùng như thế này thì mệt quá, có phải không?

– Tôi ngồi nghe mà đã thấy mệt – Tôi đáp.

– Đấy, đồng chí phải ngồi nghe mà cũng đã thấy mệt – Quỳ bỗng hoảng lên. – Không chừng chính tôi lại làm cho bệnh của đồng chí nặng lên cũng nên. Thật là hôm nay tôi vô ý vô tứ quá. Có lẽ tôi nên ngừng ở đây...

3.

Tôi cũng đã thấy mệt thật. Nghề của tôi là cứ phải đi hóng chuyện thiên hạ. Có lẽ do biết lắng nghe cho nên thỉnh thoảng có người đem tâm sự đời mình ra thổ lộ với tôi một cách vừa ngại ngùng vừa tin cậy, tuy vậy tôi chưa hề gặp một người nào lại có nhiều ý nghĩ đến là lạ lùng, đến là khác đời như người nữ quân y sĩ duyên dáng này. Đôi lúc tôi đã chợt nghĩ, hay là chị có bệnh thật, nhưng không tin được. Nếu bảo chị có bệnh thì những người lành chúng ta cũng không thể nghĩ ra được những điều sâu sắc và

nhất là chí tình chí nghĩa đến làm chúng ta cũng phải cảm động như chị. Tuy vậy, tuy không phát biểu thẳng ra với chị, nhưng tôi cũng thấy chị có chút gì đó hơi lệch lạc mà tôi chưa hoàn toàn đồng tình trong cách nghĩ về một con người thực. Ví dụ như chị, một con người thực đang sống, nhưng tôi có thấy chị có gì xấu đâu?

Bệnh của tôi cũng có phần tăng lên trong mấy ngày qua. Đáng lẽ tôi không nên quá ham hố, đúng như chị nói, sáng nào cũng men bức tường ra ngồi sẵn ở chiếc ghế gỗ ngoài sân. Vì thế cho nên mấy hôm liền tôi cố gắng nằm trong giường mà không đi ra ngoài. Để có thể sớm trở về cơ quan tiếp tục làm việc, tôi cũng phải tự chữa bệnh cho tôi. Tôi hỏi một cô hộ lý mượn thêm mấy chiếc gối, kê đầu thật cao để tránh những cơn chóng mặt, nhưng thỉnh thoảng vẫn phải quay mặt nhìn ra sân, ở ngoài đó, hình như bao giờ cũng thấy một thân hình đàn bà thật gọn ghẽ và nếu nhìn dưới một con mắt khác, tấm thân người đàn bà không những trẻ trung mà còn toát ra một vẻ đẹp cao quý đầy sức quyến rũ.

Người đàn bà đó chính là chị Quỳ, ít nhất cũng riêng đối với tôi, chị không thể lẫn với bất cứ một người đàn bà nào khác trong viện. Ngày nào chị cũng để ra mấy tiếng lúi húi trồng cỏ ở các vồng hoa ngoài sân. Lác đác trên các luống đất đã được đập tơi phô ra cái sắc đất mùa xuân màu nâu nhạt, các anh chị em nhân viên trong viện quân y đã trồng các cây cúc, cây đào, cây hồng v.v... tất cả đều đang đơm hoa, và Quỳ đánh những vuông cỏ tận ngoài cánh đồng giáp con đường sắt đem về lát kín chung quanh chân các gốc hoa. Vẫn với một chiếc bai nhỏ, người nữ bệnh nhân làm công việc ấy một cách lặng lẽ, chăm chút.

Trong những ngày phải nằm một chỗ nhìn ra như vậy, không biết từ bao giờ, con người tôi hình như cũng đã nhiễm phải chứng mộng du của Quỳ. Thời giờ hàng ngày của tôi thường được đánh dấu bằng mấy chuyến tàu tốc hành ngoài con đường sắt. Chẳng biết có gì thực là khác không nhưng dưới con mắt tôi nằm trong giường ngó ra thì những chuyến tàu tốc hành thường chạy qua ngoài cánh đồng vào những giờ nhất định bao giờ cũng chạy nhanh hơn, hối hả hơn những chuyến tàu thường, và bao giờ nó cũng khuấy lên ở trong tôi những ý nghĩ đến là vẩn vơ không đâu nhưng đều không vượt ra ngoài các mối băn khoăn do câu chuyện của Quỳ đã để lại.

Ừ nhỉ, tôi nghĩ, người chồng Quỳ hiện tại, vào cái ngày sắp năm cùng tháng tận này, dù công tác bận bịu đến thế nào chắc cũng thu xếp vào với chị. Đến với một người vợ như vậy, nhất thiết người ta phải đến bằng một chuyến tàu tốc hành.

Có lúc ý nghĩ của tôi lại như muốn nắn lại con đường sắt chạy đâm thẳng về phía những rặng núi xanh mờ phía tây, và ngồi trên con tàu, giữa cơ man hành khách, không phải người chồng của Quỳ, mà chính chị. Trong một ngày cuối năm, chị hối hả quay trở lại rừng, một vùng rừng đẹp đẽ và linh thiêng nhất của đời chị, tìm đến bên một dòng suối, bên kia dòng suối là một bãi cỏ tươi tốt. Trên mười đầu ngón chân trần, chị rón rén dậm lên những ngọn cỏ. Trong cái sự vắng lặng của một vùng rừng có một thời thật là chật chội và đông đúc, một vùng rừng như vẫn còn niêm phong lại bao niềm vui, nỗi buồn và những khát vọng sâu xa nhất của con người, mỗi lá cỏ tươi tốt sẽ lặng lẽ vuốt ve bàn chân chị và mách bảo cho chị mọi điều. Chị sẽ nhẹ nhàng lật lên một vuông cỏ. Chị sẽ cầm lấy trái tim vẫn còn hồng hào của mình lên ngắm nghía rồi lại để lại như cũ.

Có lúc trí tưởng tượng hoang đường của tôi lại hình dung ra một con tàu chạy lơ lửng không bám vào con đường sắt, và cả đoàn tàu chỉ có một người hành khách duy nhất: Chị đang đáp con tàu mộng du lang thang đi tìm kiếm cái chân trời của những giá trị tuyệt đối hoàn mỹ, những con người tuyệt đối hoàn mỹ, cái điều chẳng bao giờ có, cơn khát cháy lòng của một tâm hồn đàn bà quá ham hố.

Thế rồi vào một buổi trưa, khi chuyến tàu tốc hành 9 giờ 15 phút (nhưng đến trễ gần ba tiếng) chạy qua chiếc cầu sắt sơn xám rồi vừa thở hí hóp vừa từ từ dừng trước một ngôi nhà ga đứng tựa lưng vào bìa rừng thì đứng ở đấy, các bệnh nhân và những nhân viên quân y, dù là những người có gia đình vợ con ngay bên cạnh, cũng đều thấy nao nao trong lòng. Chuyến tàu cuối năm đông nghẹt hành khách, kẻ lên người xuống tấp nập, ai cũng ăn mặc kha khá hơn ngày thường một chút và ai cũng có vẻ vội vã.

Trong đám khách vừa xuống, người ta thấy một người đàn bà đã già, đi chân đất, mặc áo nâu đổi vai, dáng vất vả, và vẻ mặt có

vẻ lo lắng, đang chen chúc giữa đám đông. Lúc bấy giờ cửa toa đầu chật như nêm, quang gánh, túi xách, ba lô cứ tắc nghẹn ở ngay giữa bậc lên xuống. Người đàn bà gánh trên vai một đầu một chiếc rọ lợn nhốt một đôi gà và đầu kia, một chiếc túi vải nâu nhỏ để lòi ra một đòn bánh tét. Chiếc đòn gánh bị xô đẩy quá dữ và người đàn bà già nua chợt hốt hoảng khi nhìn thấy bên dưới cái bậc lên xuống mà mình đang đứng rất cheo leo là một khoảng đất sâu hoắm trải đá cuội. Giữa lúc ấy có một anh bộ đội trẻ vừa xuống tàu vội vã chạy tới chìa tay ra cho người đàn bà níu lấy để bước xuống.

Ra khỏi ga, hai người chia tay nhau, sau khi người lính chỉ dẫn tỉ mỉ đường vào viện quân y. Khuôn mặt người đàn bà già nua biểu lộ một niềm cảm kích. Bà đi lộn trở lại dọc con đường sắt chừng một cây số. Sau khi đi qua chiếc cầu sắt, người đàn bà rẽ xuống một con đường viền cỏ, hai ống quần vải đen đã bạc xắn cao để lộ ra cặp chân đen đúa và nứt nẻ bước líu ríu trên con đường đất chạy ngoằn ngoèo giữa cánh đồng gió thổi lồng lộng.

Trưa ấy, trong gian phòng nữ trên gác, Quỳ quấn chặt trong chiếc chăn bông đang ngồi giữa một đống sách vở và những tập giấy bồi in ly tô rất dày, thì nghe báo có mẹ đến. Chị xô tấm chăn ra, nhẩy hai bậc một trên cái cầu thang xây gạch lộ thiên. Chị suýt bật khóc khi nhìn thấy giữa những làn gió lạnh như roi quất vào ngôi nhà tranh nhỏ ngoài trạm gác viện quân y bà mẹ vẫn quẩy chiếc đòn gánh trên vai, đang đứng nép vào bên hàng rào giây thép gai để tránh rét. "Cơ khổ, Quỳ kêu lên trong khi ôm chầm lấy mẹ, trời rét mướt thế này, mẹ vào làm gì? Mẹ không nhận được thư con ư? Làm sao mẹ hỏi đường vào được đây?". Hai ngày sau, sau khi ở ngoài ga trở về, thấy tôi đang ngồi trên chiếc ghế gỗ ngoài sân, Quỳ lên gác thay quần áo rồi trở xuống, mang xuống cho tôi một chiếc bánh tét.

Chị ngồi hai bàn tay đặt lên nhau, con mắt nhìn rọi xuống một ngọn cỏ vàng áy giữa những ngọn cỏ xanh tốt mơn mởn, cái búi tóc trên mái đầu lần này quấn thấp hơn và tôi tưởng như thấy bao bọc lấy chị vẫn nguyên vẹn cái tình thương yêu mộc mạc và giản dị của người mẹ.

Tôi hỏi thăm về tình hình của bà mẹ trên đường về bằng tàu hỏa, an ủi chị hãy yên tâm chứ không nên quá lo lắng rồi sau đó, thú thực, tôi cũng lúng túng không biết làm cách nào nối lại câu chuyện đang bỏ dở, hơn nữa, tôi lại còn muốn hỏi chị một vài điều đang còn băn khoăn về những chuyện chị đã kể. Tôi bật máy lửa châm một điếu thuốc, ngồi suy nghĩ. Tôi vẫn nghĩ về đồng chí trung đoàn trưởng trẻ tuổi, con người trác việt mà chị vẫn gọi bằng "anh ấy" bằng tất cả tấm lòng âu yếm và trân trọng.

– Tôi lại tò mò... muốn hỏi chị một điều – Tôi nói.

Quỳ không nói gì, cũng chẳng hề thay đổi cách ngồi đi một tý nào. Tôi đã sinh ngại. Nhưng với lòng can đảm có thừa của một con người quá ham hố trong nghề nghiệp của mình, tôi quyết định bộc lộ ra mối băn khoăn lâu nay. Tôi hơi nghi ngờ về tình yêu trong lòng chị đã có đối với anh ấy. Thói thường khi con người ta đã thực yêu nhau thì cái xấu cũng trở thành tốt. Có thực chị đã yêu anh ấy? Tôi vẫn chưa trả lời cho tôi được, khi mà anh ấy và chị được thuyên chuyển về sống bên cạnh nhau, chị lại tìm cách xa lánh, ruồng rẫy anh ấy, chỉ vì một cái tật ra mồ hôi tay và một vài chút tính nết nhỏ nhặt.

Quỳ vẫn ngồi nguyên như thế, lắng nghe tôi nói. Thế rồi bỗng nhiên sau đó một lát tôi bỗng phát hoảng lên. Nhìn sang đã thấy chị như một con chim bị bắn gẫy cánh, gục đầu trên cánh tay đặt dọc trên thành ghế, dấu khuôn mặt đã đầm đìa nước mắt trong cánh tay áo trắng của bệnh nhân.

Tôi lúng búng trong miệng mấy tiếng gì đó tỏ ý hết sức ăn năn, hối lỗi rồi ngượng ngập đứng dậy, như một đứa trẻ táy máy nghịch súng vô tình bắn chết người rồi tìm cách bỏ chạy, vừa chạy vừa khóc.

Nhưng Quỳ đã nắm tay giữ tôi ngồi lại. Quỳ không để ý mấy tiếng "xin lỗi" – cái trò lịch sự ngớ ngẩn của tôi, bất ngờ chị hỏi tôi:

– Đồng chí vẫn nghĩ... người mẹ vừa tận ngoài Hà Nam Ninh vào thăm tôi, là mẹ tôi thực sao?

Tôi càng ngạc nhiên. Tôi chợt hiểu. Mấy ngày qua khi người đàn bà đang còn ở đây, tôi đã hơi ngờ ngợ vì thấy hai người chẳng

có nét nào giống nhau cả. Thế rồi tôi bỗng phỏng đoán ra tất cả mọi việc.

– Chắc là bà mẹ anh ấy phải không chị? – Tuy hỏi vậy nhưng trong ý nghĩ tôi đã thấy như một điều chắc chắn.

– Cũng không phải đâu! – Quỳ lắc đầu lại hỏi:

– Có phải các anh lâu nay vẫn kiêng dè phải nói với mọi người những điều buồn có phải không?

Tôi chưa kịp đáp thì chị lại hỏi thêm:

– Cả sự hy sinh nữa.

Tôi không cải chính.

– Tôi biết là tôi đang làm đồng chí phải mệt vì chuyện đời mình – Quỳ nói chậm rãi, và một nỗi buồn sâu xa lan dần trên khuôn mặt đầy sinh động, lát lâu sau chị lại mới nói tiếp – chính vào giữa cái thời kỳ chúng tôi được sống gần nhau, và về phía tôi, cứ vài ba ngày lại phải đi công tác, không được nhìn thấy anh ấy, xin thú thật, tôi thấy nhớ anh ấy quá, nhớ đến nỗi có khi muốn vứt quách công việc đấy băng rừng chạy về, được nhìn anh ấy chốc lát rồi lại đi. Cũng thú thật, hồi bấy giờ mà thấy ai theo đuổi hoặc có nhiều cảm tình với mình, tôi chỉ thấy ghét.

– Lại càng thấy mệt – Tôi nói xen vào.

– Vâng, mệt! Cho nên tôi cố tránh cái mệt ấy. Bằng cách chỉ gần gũi quan hệ với những anh em chiến sĩ chẳng có gì đáng gọi là giỏi giang, nổi bật, những anh em thường lẫn vào cả một đám đông mà người ta chỉ biết tới khi hình dung ra một cái phiên hiệu đại đội, trung đội, hoặc thậm chí những anh chàng xấu trai, những cậu đánh nhau dát bị chung quanh coi thường, nói tóm lại, những con người chẳng bao giờ được các cô gái để mắt tới và được các đồng chí coi là một nhân vật.

Hồi đó mỗi lần đi công tác hoặc đơn vị chuyển địa điểm, tôi đều tìm cách được cùng đi với đồng chí Hậu. Anh cùng tuổi với tôi hoặc hơn một hai tuổi thôi chứ không nhiều. Anh chẳng phải là người xấu, mặt mũi cũng tạm trông được, chỉ phải mỗi một nhược điểm, ít nói. Hồi ở đơn vị mới được gọi lên, anh cũng là một phóng viên của tờ tin như tôi nhưng về sau trong "tòa báo" phát hiện ra

anh viết lách không được, giao thiệp cũng không được vì vụng nói, trong khi cùng đơn vị đi lãnh gạo, anh có thể cõng trên ba mươi cân, vào rừng lấy củi, anh biết chặt, biết bó, biết gánh. Trong tòa báo chúng tôi có một viên đá in ly tô, mỗi lần chuyển quân, ai cũng ngại mang. Có lẽ anh nghĩ rằng mình không viết bài được thì cõng đá, cho có công việc làm và cũng là công bằng. Thế rồi dần dà từ công việc thường xuyên cõng viên đá in ly tô trong các lần hành quân, anh trở thành một nhân viên chuyên in ấn. Bộ quân phục mặc trên người cũng như bộ xếp trong ba lô, cái nào cũng dính bê bết đầy dầu mực.

Hình như anh là một người không có cá tính riêng, không có nhu cầu và sở thích riêng. Lắm lúc tôi cứ nghĩ giá anh không có những hạt trứng cá trên mặt và một thân hình hơi nhô về phía trước để có thể giữ viên đá bọc trong một cái túi vải gai nằm ngang trên lưng thì anh em chung quanh chẳng còn biết nhớ ra anh bằng cái đặc điểm gì.

Hậu giống như một cái máy chỉ thu mà không phát. Đi công tác với Hậu tôi có cái thú là chẳng phải nghe những lời tán tỉnh và nhất là thường được Hậu giúp đỡ. "Anh Hậu này, quai dép của tôi tụt rồi". "Anh Hậu này, tôi đói bụng rồi!". "Anh Hậu này, đến chỗ ngã ba "tọa độ" là tôi không thể chạy được đâu nhé!". Thật ra trong số những người con trai sống chung quanh, có nhiều người cũng chỉ chờ tôi thốt lên những lời như thế. Nhưng tôi chỉ thốt lên với Hậu. Tôi chỉ thích sống ỷ lại vào Hậu, bởi với con người này, mình có thể yên tâm nhận sự giúp đỡ mà không phải nghĩ đến sự trả lại, không phải lo lắng sau đó sẽ bị quấy rầy. Một người chẳng đẹp trai, chẳng có gì xuất chúng, ngoài cái tài đeo đá, chẳng có chút tài năng gì, quần áo thì dây bẩn đầy mực đen cứ loang lổ, mỗi ngày nói vài tiếng, thử hỏi làm sao có thể mơ tưởng đến một người con gái như tôi? Cho nên tự nhiên tôi thân với Hậu, thân đến mức không còn phải giấu giếm một điều gì.

Lần ấy tôi và Hậu được các đồng chí phụ trách chính sách mặt trận giao nhiệm vụ đi đến kho N, kiểm kê lại một lượt tất cả kho tàng. Đường đi mất gần hai ngày mới thấu. Trên dọc đường, mới sang ngày thứ hai, tôi đã thấy nhớ *anh ấy* ở nhà. Tôi đã đem tâm sự với Hậu. Hậu ngồi nghe chăm chú. Tôi nhìn anh chỉ thấy hai tai

đang lắng nghe, trong một dáng ngồi nghiêng nghiêng, một bàn tay vịn vào viên đá, một bàn tay lơ đễnh đưa lên mặt nặn trứng cá, những mụn trứng cá cứ đỏ rựng lên khiến cho khuôn mặt anh hình như trở nên to ra và có một vẻ đờ dẫn đến khó coi.

Rồi tiếp đó, trong khi ngồi nghỉ, tôi đem ra kể hồi mới vào chiến trường đang còn làm cấp dưỡng, có một cậu là trung đội phó trinh sát đặc công hẳn hoi mà tính nết cũng y như Hậu, ít nói lắm, trước khi đi đánh nhau lần nào cũng tình nguyện xuống làm bếp một buổi, đi đánh nhau về, lần nào cũng đem cho tôi một cái gì nho nhỏ tước được của địch. Về sau các anh chị em trong tổ cấp dưỡng chế chọ, cậu ta không xung phong xuống làm bếp nữa, cũng không dám cho quà chiến lợi phẩm nữa, đi ra suối tắm trông thấy tôi kín nước cũng lánh mặt. "Thế rồi sau ra sao?" Hậu bỗng hỏi tôi. "Chỉ có thế, sau không biết ra sao!" tôi đáp. "Quỳ có biết là cậu ấy yêu Quỳ không?". "Có". "Quỳ có nghĩ gì không?". "Không, lúc ấy tôi còn nhỏ dại lắm!". "Giá như bây giờ?". "Bây giờ ư, thì tôi ghét thậm tệ!". Ngay sau đó tôi liền kêu lên với Hậu: "Giá như bao giờ anh cũng mở mồm mở miệng ra nói chuyện như hôm nay có vui hơn không? Đi đường cho đỡ mệt!". Rồi tôi nghịch ngợm đặt một bàn tay lên ngực Hậu: "Này anh Hậu, đã có bao giờ anh yêu chưa? Chắc chắn chưa hử?".

Xẩm chiều chúng tôi đến một dãy lèn đá. Kho N là kho riêng của phòng chính sách. Trước kia ở đây là khu kho tiền phương, đã từng chứa chật trong các ngách hang hốc đủ mặt hàng quân nhu, quân trang, những kho đạn và vũ khí lớn nhỏ. Từ ngày mặt trận chuyển sâu vào phía trong thì kho tiền phương cũng được chuyển đi theo, ở đây biến thành kho hậu phương. Hai chúng tôi soi đèn pin đi sâu vào một cái hang chất đầy ba lô cũ, mỗi ba lô chứa lỏng lẻo vài bộ quân phục cũ, vài thứ đồ dùng lặt vặt, phía sau lưng mỗi ba lô đã có gài sẵn một tấm bìa các tông viết mấy hàng chữ. Đó là kho ba lô của các đồng chí tử sĩ của tất cả các đơn vị trong mặt trận gửi về phòng chính sách, để chuẩn bị chuyển ra các tỉnh ngoài hậu phương.

Đồng chí đã có bao giờ trải qua một sự việc mà sau đó tình cảm ý nghĩ, cách nhìn con người và cả cách sống của mình đổi khác đi không? Không ư? Tôi thì có. Đấy, trong cái chuyến đi ấy.

Quả đúng vậy, tôi đã tìm thấy trong những chiếc ba lô sờn cũ ấy cách nhìn cuộc đời và cả quan niệm sống của tôi về sau này, rồi có lẽ cho cả suốt cuộc đời tôi.

Ban đầu cũng chỉ là vô tình, trong lúc cùng Hậu làm công việc kiểm kê đồ đạc, tôi cầm lấy một cuốn nhật ký dấu tận dưới đáy một chiếc ba lô, giở ra đọc. Tôi đọc thấy tên tôi trong đó. Ban đầu thì tôi vẫn tưởng cái cô Quỳ nào đó, người yêu của người chiến sĩ đã hy sinh – là người ngoài hậu phương, nơi quê hương của anh. Ừ, thì cũng có gì là lạ, trên đời thiếu gì người con gái tên là Quỳ. Tôi vẫn tiếp tục đọc. Chữ viết không đẹp nhưng dễ đọc. Giữa lúc đó, Hậu gọi tôi lại. Hậu trao cho tôi một cuốn nhật ký khác, cuốn này chỉ bé bằng bàn tay, mất bìa, đã nhầu nát, chữ viết nguệch ngoạc rất khó đọc.

Đọc một lượt cả hai cuốn xong, tôi mới biết cả hai đồng chí tử sĩ này, khi sống đã từng gặp tôi, yêu tôi. Tôi vội vã lục tung cả hai chiếc ba lô. Tôi nóng lòng muốn tìm tấm ảnh của hai đồng chí ấy nhưng đều chẳng thấy. Đồng chí thứ nhất – tên là Khôi – viết rằng đồng chí ấy có một lần được ngồi ăn một bữa cơm với tôi ở bên một khúc suối. Đồng chí ấy sướng đến muốn phát khóc lên khi thấy tôi cầm đũa gắp trong hộp thịt ra một miếng thịt ngon nhất bỏ vào bát đồng chí ấy, nhưng lại chưng hửng, lấy làm buồn phiền bởi đến khi chia tay nhau, đồng chí ấy giơ bàn tay ra thì tôi lại nắm lấy chiếu lệ, tôi đã nắm bàn tay người tử sĩ ấy một cách hờ hững và lỏng lẻo.

Đồng chí Hậu và tôi làm cật lực suốt hai ngày mới xong tất cả mọi việc, sau đó mặc Hậu thúc giục, tôi nhất định không chịu ra về. Tôi cũng đã quên anh ấy ở nhà. Hình ảnh anh ấy sao cứ nhạt nhòa đi. Tôi giở ra đọc cho kỳ hết tất cả các cuốn nhật ký tìm thấy trong những chiếc ba lô. Gần nửa số các đồng chí tử sĩ đã để lại nhật ký. Lâu lâu tôi lại tìm thấy trên những trang giấy tên tôi. Có cả một bài thơ khá hay viết để ca ngợi tôi khi tôi làm một chiến sĩ giao liên. Nhà thi sĩ đã mất gọi tôi bằng "em".

Đêm đêm, trong cái hang đá lạnh ngắt và tối om, chờ khi Hậu đã ngủ say, tôi len lén trở dậy. Tôi thì thầm gọi tên từng người, từng trái tim đã từng yêu tôi nay đã ngừng đập. Khôi. Hà. Lâm. Hùng. Nhã. Văn... Không một lời đáp. Lòng hang vẫn im vắng và

tối mò. Lần đầu tiên trong đời tôi cảm nhận được như thế nào là sự im lặng. Tôi ngồi thâu đêm trong không khí im lặng thăm thẳm của lòng hang đá. Tôi chợt nghĩ đến những chữ vô cùng trừu tượng và thiêng liêng như Đất nước, Tổ quốc, rồi tôi úp mặt vào cả một dãy những chiếc lưng ba lô, nơi đọng nhiều mồ hôi của những người chiến sĩ ở chiến trường nhất.

Tôi úp khuôn mặt đầm đìa nước mắt của tôi vào giữa mặt vải thô nhám của những bộ quân phục sờn cũ, để tìm lại hơi hướng của những con người chưa hề quen biết, mà tôi đã mắc một món nợ lớn không bao giờ trả được.

Tôi hình dung thấy khuôn mặt từng người liệt sĩ vô danh cũng giống hệt khuôn mặt những người chiến sĩ mà tôi đã vô tình gặp và đùa bỡn, chào hỏi nhau bâng quơ trên dọc đường hàng ngày. Tôi lại còn hình dung thấy làng quê của từng anh với những người thân sống chung dưới một mái nhà, những bờ đê, một khúc sông ngầu phù sa chảy qua làng, một lối ngõ, tiếng tre kẽo kẹt và màu hoa xoan tím rắc ly ty trên vạt đất ẩm, và chiếc gầu sắt tây chạm vào thành giếng khơi kêu lanh canh.

Trên đường về, nhìn lên vách đá hay lá cây, tôi đều thấy một khuôn mặt người lính vừa đi khuất phía sau.

Hậu chỉ lo tôi đổ ốm dọc đường.

Chúng tôi về đến ngã ba "tọa độ" vào một buổi chiều. Trời vừa mưa dầm vừa có mù, một thứ mù đùng đục như sữa đánh đổ xuống đất vừa múc lên, màu vàng vàng, bọc kín lấy cả một vùng đất bát ngát lô nhô đầy thân cây đổ và hố bom. Tôi vẫn được tiếng là một đứa con gái gan chả kém gì con trai nhưng đi qua đây vẫn không khỏi sờ sợ, hơi lạnh xương sống. Nhưng đấy là lượt đi, còn lần này trở về, tôi như một kẻ vô tri vô giác. Tôi thẫn thờ bước đi y như kẻ đã bị ai lấy mất hồn. Hậu giục tôi đi nhanh hơn và chỉ lâu lâu mới dám khẽ giục tôi một câu. Ra đến giữa bãi tọa độ thì dép của tôi bị tuột quai. Sau khi ngồi lại xâu dép cho tôi, Hậu bảo tôi: "Quỳ ốm rồi, hay là để tôi cõng Quỳ chạy nhanh qua chỗ này?" Tôi lắc đầu. Một đám đông bộ đội đi lấy gạo từ dưới vùng giáp ranh lên đang chạy vượt lên qua trước mặt chúng tôi, mỗi người cõng một chiếc gùi đựng đầy gạo rất nặng. Các anh em ấy vừa chạy vừa ngoái cổ

lại, kêu to: "Muốn tâm sự thì để lúc khác, chạy nhanh lên kẻo nó "cắt hộ khẩu" cho bây giờ!".

Tôi thật ngu dại quá! chính cái tính đa cảm ngu xuẩn đã khiến tôi mất sáng suốt. Chính tội đã giết Hậu. Chúng tôi đã vượt ra khỏi bãi tọa độ chừng được nửa cây số chứ không ít. Nhưng nếu đồng chí ở trên chiến trường lâu hẳn biết rằng trong một loạt bom tọa độ bao giờ cũng có hai quả cắt sau cùng rơi tản mát rất xa và chẳng biết đâu mà lường trước được.

Mà lúc ấy nào tôi có biết gì đâu. Tôi đang đi lững thững sau lưng Hậu tay xách đôi dép dính đầy đất nhão, ba lô thì đã đưa cho Hậu khoác dùm, bỗng thấy Hậu bất ngờ quay hẳn người lại giơ tay xô tôi ngã xuống rồi nằm hẳn người lên trên che cho tôi. Tôi chỉ nghe được trong thảng thốt một cái rùng mình của mặt đất rồi cành cây lớn, cành cây bé cũng như tảng đất to bằng cái cối đá rơi thình thịch xuống chung quanh.

Nếu không có Hậu thì hôm nay tôi chẳng còn ngồi đây nói chuyện với đồng chí nữa. Anh ấy bị một mảnh bom chém trúng đầu. Lúc tỉnh lại, tôi cõng Hậu đem đặt giữa một bãi đất bằng phẳng. Trong phút hấp hối Hậu mở mắt nhìn tôi, sao mà cái nhìn cứ đau đáu đến là khó hiểu?

Phải mất hàng tuần lễ sau khi đã chôn cất Hậu và tôi đã khóc khô kiệt đến giọt nước mắt cuối cùng trong người tôi, nhân một buổi lục cái ba lô của anh ấy mà tôi vẫn cất giữ như một thứ của riêng cùng mấy thứ đồ đạc gói chung với cái tảng đá trong tấm vải gai lấm đầy mực, tôi đã tìm ra cuốn nhật ký của anh ấy.

Làm sao tôi biết được, không thể nào ngờ, chính cả Hậu cũng yêu tôi. Hậu yêu tôi suốt trong thời gian chúng tôi sống chung với nhau mà tôi không hề biết. Tôi sững sờ cả người. Sao lại có người con trai kín đáo và vị tha đến như thế? Tôi đã nhầm lẫn. Đời tôi là một chuỗi những điều nhầm lẫn và dại dột khiến xúc phạm đến chung quanh. Lắm lúc tôi nhận thấy chung quanh vẫn quý mến, vẫn cho tôi là một người tốt, chỉ vì lòng độ lượng của người đời quá lớn, chỉ vì những người sống chung quanh quá rộng lượng đối với tôi. Như Hậu, Hậu vẫn yêu tôi, quý chiều tôi, coi trọng tính mạng

của tôi hơn tính mạng của mình, mà vẫn biết chắc chắn tôi không dành một chút tình yêu nào đáp lại Hậu, lại còn chế nhạo Hậu.

Vậy mà suốt một năm ở với Hậu, tôi đâu có biết Hậu đã yêu tôi bằng tình yêu của tất cả những người yêu tôi cộng lại. Tôi đọc thấy trong cuốn nhật ký bọc vải (một vạt trước của mảnh áo quân phục, tôi biết vì thấy một hàng khuyết trên tấm vải ka ki Nam Định cũ bọc tấm bìa các tông của cuốn nhật ký) có thời kỳ Hậu yêu tôi, rồi vì ghen anh "đá" tôi, rồi không chịu được sự ghét bỏ trong lúc vẫn yêu tôi nồng nàn, tha thiết, anh lại nối lại, lại yêu tôi gấp nhiều lần hơn trước.

Gần hai năm sau khi Hậu hy sinh, lúc ấy ở ngoài miền Bắc đang ở giai đoạn chiến tranh phá hoại ác liệt, tôi dẫn đại đội nữ lái xe ra tận công trường 800 gần Hà Nội lấy hàng. Vào một đêm trong chuyến đi xa nhất ấy, tôi đã phải ghìm lòng không ghé về nhà, bởi tôi muốn dành tất cả thời gian cơ động để ghé vào gia đình Hậu.

Bây giờ thì đồng chí đã có thể đoán bà mẹ vừa từ ngoài Hà Nam Ninh vào thăm tôi là ai. Hồi tôi tìm đến lần đầu tiên, tuy gia đình chưa được chính quyền địa phương chính thức báo tử cho Hậu, nhưng bà mẹ đã biết tin con đã hy sinh trong chiến trường rồi. Tôi đã nói với mẹ rằng tôi là người yêu của Hậu. Đồng chí đừng ngạc nhiên. Tôi cũng đã nghĩ hết mọi nhẽ. Thậm chí tôi lại còn tự hỏi mình rằng, nếu có một phép mầu nhiệm nào đó khiến tôi có thể làm cho Hậu sống lại thì tôi có yêu Hậu không?

Phải, nếu Hậu sống lại, tôi vẫn chỉ có thể coi Hậu như một ân nhân, và một người đồng chí, một người bạn tốt nhất ở trên đời, tôi lại càng quý Hậu hơn trước và lại nói với anh, thổ lộ với anh hết mọi điều tâm sự.

Tuy vậy, khi nói với mẹ Hậu rằng tôi là người yêu của Hậu, tôi đã làm theo một cái gì như lời kêu gọi của trái tim tôi, một nhu cầu riêng tôi. Tôi đã nói dối bằng tất cả tấm lòng chân thành của tôi đối với vong linh Hậu. Nếu ở một nơi nào ngoài cõi đời này, Hậu có biết tôi nói dối thì với tấm lòng độ lượng, hẳn Hậu cũng rất thông cảm với tôi.

Từ bây giờ, tôi coi mẹ Hậu như một người mẹ thứ hai của tôi. Khi đã lấy chồng cũng như khi chưa lấy chồng, mỗi năm vài ba lần

hoặc khi rảnh rỗi công việc, tôi lại đáp tàu hỏa trở về ngôi nhà gỗ cũ kỹ ấy, giải chiếu xuống cái nền đất mát rượi gối đầu lên cánh tay nhìn qua ngạch cửa, lại thấy những mảng nắng đuổi nhau trên một cái giải sáng lấp lánh như dát bạc rồi tiếp tục đuổi nhau trên những bãi cỏ, bãi mía xanh rờn, bên kia con sông Châu, lại được trông thấy cái dáng người mẹ quê mùa đang lúi húi làm lụng giữa ngôi vườn cây trái um tùm và khi chợt ngửng lên, lần nào cũng vậy, sau câu chào hỏi vồn vã của tôi, bao giờ mẹ tôi cũng kêu lên một tiếng: "Cha mày, tàu bè khó khăn, chen chúc thế này, về làm gì luôn cho khổ hả con?".

4.

Người nữ quân y sĩ kể tiếp:

– Như tôi đã nói với đồng chí, chuyến công tác trở về khu kho hậu phương, khi trở lại đơn vị, tôi đã trở thành một con người khác.

Đối với *anh ấy* tự nhiên tôi đâm ra hay giận dỗi. Tôi thích xa lánh, ruồng rẫy, ruồng bỏ anh ấy, con người duy nhất được tôi yêu và tôn thờ. Lúc nào sống gần anh ấy trong không khí ấm cúng, hạnh phúc hoặc được anh ấy cưng chiều, vuốt ve, tôi đều lặng thinh, tôi ngồi im không đáp lại. Tự nhiên tôi toàn nhìn thấy nhược điểm và khuyết điểm của anh ấy, và tôi thấy mình thật vô tình và ích kỷ, vô tình và ích kỷ với những người đã chết.

Tôi cũng biết như thế là vô lý nhưng tôi không thể làm khác được.

Chỉ đến khi anh ấy lại được điều trở về nắm trung đoàn K, sau cuộc thất trận dưới đồng bằng, tôi lại mới thấy hết sức thương anh ấy, đến lúc bây giờ tình yêu lại mới trở lại với tôi, và một lần thứ hai, tôi lại mới nhận thức ra tình yêu là gì.

– Tình yêu là gì? – Quỳ chợt ngừng câu chuyện, hỏi tôi – Có bao giờ đồng chí nghĩ đến cái định nghĩa muôn đời làm cơ khổ mọi người ấy không?

– Không – tôi đáp – tôi không thích những định nghĩa.

– Vì sao?

– Tôi thích cứ để cho mọi vật muôn vẻ hiện ra như nó đang có tự nhiên ngoài cuộc đời, tôi không thích đem chúng giới hạn trong những định nghĩa.

– Cũng là một quan niệm độc đáo. Vậy đồng chí hãy nghe tôi kể tiếp đây. Vừa ban nãy, đồng chí có ý muốn hỏi về tình yêu của tôi đối với anh ấy...

– Bây giờ thì tôi đã rõ! – tôi vội đáp – tôi lại còn rõ thêm vì sao đến tận phút cuối cùng, chị vẫn giữ vững quyết tâm cứu sống anh ấy. Quyết tâm ấy là do tác động tâm lý đối với chị sau chuyến đi công tác trở về khu kho hậu phương...

– Như vậy là đồng chí ít nhiều hiểu tôi – Quỳ nói rất sẽ sàng – Chẳng hiểu sao trong người tôi lúc ấy có một niềm tin đinh ninh rằng tình yêu của tôi có thể cứu sống được hết tất cả mọi người, cứu sống được cả anh ấy. Lại một điều ngu xuẩn!

– Trong thực tế, anh ấy đã sống thêm được mười một tiếng đồng hồ. Tôi an ủi Quỳ.

Chị lắc đầu:

– Nhưng cuối cùng tôi cũng chẳng làm gì được hơn nữa.

Tôi cố lái câu chuyện sang một hướng khác:

– Chị chuyển sang phụ trách đại đội lái xe từ bao giờ?

– Khi tôi đã chán nghề làm "tờ tin". Sau khi anh ấy mất, tôi đâm ra chán công việc viết lách. Công việc viết lách, cũng như tình yêu mà tôi tưởng hết sức nhiệm mầu, chẳng cứu sống được một ai cả. Vì thế mà sau đó tôi đã quyết định lao vào hành động, lao vào mọi công việc khó khăn nhất của nam giới. Tôi đã quyết định xin đi học lái xe. Cũng nhân đây tôi phải nói để đồng chí thấy rõ hơn là sau khi anh ấy mất, bác sĩ Thương hình như có một đôi lần muốn ngỏ lời với tôi. Tôi đã viết cho bác sĩ một bức thư rất dài trong đó tôi nói một cách xa xôi để đồng chí bác sĩ trẻ tuổi mà tôi hết sức quý mến ấy biết rằng từ nay trở đi – ít nhất làm trong những năm đang còn chiến tranh – tôi không còn có thể yêu một người nào khác nữa. Nơi có bãi cỏ xanh, tình yêu của tôi đã để lại ở đấy cùng với *anh ấy*.

Thời gian đó, tôi vừa tốt nghiệp một khóa đào tạo lái xe cấp tốc chỉ có bốn tháng. Tuy vậy tôi đã có thể ngồi sau tay lái một cách khá vững vàng trên những chặng đường địch đánh phá. Khóa học vừa kết thúc, đồng chí chính ủy hậu cần mặt trận đã đích thân xuống tận nơi tìm tôi và gợi ý giao nhiệm vụ cho tôi về phụ trách N. 68. Tôi xin một ngày để suy nghĩ. N. 68 là một đại đội lái xe nữ (nhưng kỳ thực chỉ có hai trung đội với vài chục đầu xe vừa chạy được vừa hỏng nằm một chỗ). Các chị em đã từng lái xe ở chiến trường lâu năm. Bệnh nghề nghiệp đã làm cho một số tính nết trở nên méo mó. Đừng bao giờ quên rằng đàn bà bao giờ cũng là những cái cực. Rất thùy mị, kín đáo, chừng mực, nhưng hãy cẩn thận, chỉ trong phút chốc đã như kẻ bị ốp đồng. Chơi ngông thế, có chị em nửa đêm một mình một xe bật đèn lên chạy. Có cô suốt đời sống giữa rừng bom đạn, chỉ diện quần áo trắng. Đã có hai đồng chí nam một trẻ một già về làm đại đội trưởng, đã phải lần lượt cuốn gói bỏ chạy. Đồng chí chính ủy hậu cần xuống thăm thấy mọi người đang ăn cơm, liền niềm nở hỏi thăm: "Các đồng chí ăn cơm với gì?" lập tức được trả lời: "ở đây các chị em bữa nào cũng được ăn cơm với thịt", một cô tiếp luôn: "thịt gì cũng được ăn cả rồi, trừ thịt thủ trưởng là chưa".

Tôi đã lập lại trật tự ở cái đơn vị gồm toàn những người lính cùng giới một cách quá vất vả. Nhưng rồi nghĩ cho đến cùng tôi thấy các chị em đều là những người tốt cả, tất cả đều là những người con gái có chung hoàn cảnh như tôi. Qua họ mà tôi cũng hiểu thêm được về tôi.

Vào một buổi tối mưa dầm ướt át, bác sĩ Thương đến tìm tôi. Đầu đội một chiếc mũ tai bèo ướt sũng kéo xuống sát cặp lông mày thanh tú, những ngón tay dài và gầy guộc vuốt những giọt nước nhỏ li ti đọng hai bên hõm má lởm chởm những sợi râu, anh ngồi xuống chiếc ghế làm bằng những dóng tre lồ ô ghép vào nhau với cái dáng ủ rũ và đẹp như một chàng sinh viên đang vào giữa lúc đói khát và thất tình. Rồi sau đó anh ngước lên nhìn tôi bằng hai con mắt mệt mỏi. Trời ơi, hình ảnh ấy của anh – của một người thầy thuốc sau một ca mổ quá ít hy vọng – khiến tôi chợt nhớ đến cái lần tôi trông thấy anh ngồi trước tấm vải dù pháo sáng của căn hầm hậu

phẫu, sau khi mổ cho anh ấy, một ca mổ chưa lần nào khiến bác sĩ mất nhiều tâm sức như thế.

Tự nhiên tôi hối hận về bức thư đã gửi. Tôi đã ngộ nhận về chính mình. Rằng trong tất cả mọi người đàn ông trong khu rừng chiến tranh này, không còn ai khiến cho lòng tôi phải xúc động được nữa.

Cho đến bây giờ thì bác sĩ Thương đã lấy vợ và có hai con, hiện đang làm viện trưởng của một viện quân y trên vùng biên giới phía bắc. Con người đàn ông đáng yêu mà về sau này đồng chí sẽ rõ, tôi đã thất hứa, tôi đã thất hứa với cả lòng tôi, không hề mảy may ghét giận tôi, vẫn coi tôi như một người bạn gái. Mỗi năm một lần vào dịp nghỉ phép, thế nào anh cũng để ra mấy ngày cuối cùng vào thăm tôi, hỏi han sự học hành trong nghề chuyên môn của tôi.

Lắm lúc tôi giống như một bà lão ngồi ôn lại quãng đời đầu xanh tuổi trẻ, lại thấy hiện ra cái buổi tối hôm ấy, bên ngọn lửa đèn đỏ quạch nổ lép bép lẫn trong một vùng khói, bên trong một chiếc lon sữa bò đựng dầu cặn khiến cho căn lán cứ sực nức lên một thứ mùi hăng hắc, người bác sĩ ngẩng lên nhìn tôi rồi lại cúi xuống và bên này chiếc bàn, tôi trộm ngắm từng cử chỉ và nét mặt của anh, giá như lúc bấy giờ anh quên bức thư của tôi đi, hoặc coi nhẹ nhàng lời tôi đã viết trong thư hơn một chút, anh cứ nói thẳng ra rằng đã từ rất lâu, anh yêu tôi.

Không một lời gạn hỏi, buộc ép hay cầu xin, chỉ với một thái độ kiên nhẫn và đầy lịch sự, anh chờ đợi đến ngày sau chiến tranh.

Vâng, tôi nhớ ra rồi, liền sau đó thấy anh vẫn im lặng, tôi đã vô tình thốt lên một câu gì đó, hình như tỏ ý phàn nàn về việc anh đã làm việc quá sức khiến cho anh hiểu nhầm là tôi thương hại anh. Tôi thấy anh liền sửa lại tư thế ngồi, cử chỉ trở nên nhanh nhẹn, hoạt bát. Và cho đến lúc bấy giờ tôi mới biết anh đến tìm tôi để bàn với tôi một công việc hệ trọng có liên quan đến số phận của hàng trăm thương binh đang gửi tính mạng vào trong tay anh.

N. 68 chúng tôi chưa làm công việc chuyển thương binh ra hậu phương bao giờ. Đó là một thứ công việc đã được đặc trách giao cho một đại đội gồm những đồng chí lái xe nam giới đầy dũng cảm và tinh thần trách nhiệm.

– Thuốc men đã cạn sạch, kể cả các thứ thuốc kháng sinh – bác sĩ Thương nói, không phải tiếng nói mà là một tiếng rên xiết. Đến lúc bấy giờ tôi mới hiểu cái dáng ủ rũ của anh vừa mới mấy phút trước đây.

Tôi hỏi:

– Z. 1 hiện giờ nằm đâu?

– Vẫn bị kẹt ngoài phía bắc ngã ba S. Không sao vào được! – bác sĩ Thương kêu lên.

Do đã làm y tá ở trạm phẫu thuật cho nên chỉ mới nghe vậy là tôi đã hiểu. Hơn một tháng nay, con đường ra hậu phương gần như tắc hẳn. Địch tập trung đánh ngã ba S. và gần một chục trọng điểm khác rất ác, đại đội Z. 1 đặc trách việc chuyển thương binh ra ngoài hậu phương sau chuyến đi chuyển thương binh vừa qua không quay trở về được, cho nên không những thương binh ở đây ứ đọng lại không đưa ra tuyến ngoài được mà thuốc men cũng không có cách nào chuyển vào. Kháng sinh hết. Thậm chí bông băng cũng hết. Đã từng ở với nhau lâu, tôi còn lạ gì tính nết bác sĩ Thương. Anh ấy có thể chết để cho thương binh của anh sống. Với tài ba chuyên môn nhưng không một viên thuốc trong tay, thử hỏi nỗi khổ tâm của anh đến đâu?

Tôi tiễn bác sĩ ra khỏi khu vực trú quân rồi trở vào nhà ngồi bóp trán suy nghĩ.

Tôi có thể động viên các chị em xung phong chạy một chuyến thay Z. 1 chuyển số thương binh đang nằm ứ đọng lại ở đây. Việc ấy không khó, nhất định các chị em sẽ xung phong. Nhưng làm như thế, liệu tôi có làm một công việc phiêu lưu và nhất là cấp trên có để cho chúng tôi làm hay không? Làm sao một đám đàn bà con gái có thể đưa anh em thương binh – hàng trăm sinh mạng thương binh chứ không ít – qua lọt được cái cửa tử S. trong khi chính Z. 1 và bao đơn vị khác toàn là các chiến sĩ lái xe nam giới sừng sỏ đang phải ôm nhau nằm lại bên ngoài cái trọng điểm hoặc rải rác trên dọc đường?

Đồng chí cũng không tin là chúng tôi có thể làm được công việc ấy phải không? – Quỳ hỏi tôi.

Thế mà chúng tôi đã làm được, cái đám đàn bà con gái chúng tôi đã làm được, cũng như trong chiến tranh, con người ta đã làm được bao nhiêu việc khác vượt ra ngoài sức mình, đến lúc ngồi nghĩ lại cũng không hiểu sao lúc ấy mình lại thông minh và có dư sức đến như thế.

Trong chuyến ấy, N.68 chúng tôi cũng có những tổn thất. Nhưng thôi, hãy cứ biết rằng sau một chuyến đi như vậy, N.68 của tôi đã như một kẻ vừa lột xác.

Và xin nhớ cho một điều rằng, ngay trong cái đêm bác sĩ Thương đến tìm tôi, sau khi nghe tôi thông báo tình hình đang cần chuyển thương binh ra tuyến ngoài gấp – nếu không sẽ có người chết, thì chính các chị em xưa nay vẫn được liệt vào hàng yếu kém đã là những người đầu tiên đứng lên đòi tôi phải cứu lấy thương binh, và ngày hôm sau cả đại đội nữ đã rủ nhau sang trạm phẫu thuật. Rồi họ kéo nhau lên trực tiếp gặp chính ủy hậu cần. Tôi cũng bị cái làn sóng ấy kéo đi vào trong một lúc, tôi hiểu được như thế nào là những người đàn bà. Tôi hiểu được chính tôi bấy lâu nay. Tôi đã trông thấy, trong một phút, tất cả cái phần sâu thẳm như một thứ thiên phú riêng của tâm hồn những người đàn bà chúng tôi: Đó là bản năng chăm lo, bảo vệ lấy sự sống của con người – do chính chúng tôi mang nặng đẻ đau sinh ra. Đó là tình thương người bẩm sinh của nữ tính – sợi giây thần kinh đặc biệt nhạy cảm của nữ giới chúng tôi.

*

Cũng bằng con mắt và tâm hồn nữ giới như vậy, chúng tôi xót ruột nhìn những cánh đồng hoang hóa trải ra bát ngát chung quanh các đồn bốt, vị trí địch vừa rút chạy.

Sau hàng chục năm không cày cấy, mặt đất dưới chân rắn như gang, và nứt nẻ – những vết nứt rộng như những con đường giao thông hào, và hố bom, dây thép gai, và mìn, bàn chân đặt lên mặt đất vừa được giải phóng mà vẫn như đặt vào đất địch, vẫn rón rén đầy thận trọng và thỉnh thoảng ở đâu đó lại khiến cho mình phải giật bắn người lên vì một tiếng nổ, chỉ lát sau đã thấy một chiếc cáng đi qua, trên đòn cáng phủ trùm một chiếc chiếu hay tấm chăn.

Những ngày đầu chấm dứt tiếng súng sau Pa-ri, trời sao mà trong vậy. Tôi đã đi khắp các vùng vừa được giải phóng chật hẹp, ở đâu trời cũng trong xanh, trời cứ xanh ngắt đến nỗi nhìn lên lá cờ Mặt trận Giải phóng vừa may đem treo lên chỉ thấy một vệt vải đỏ, trong khi ấy, dưới mặt đất cứ xạm đen bởi màu thuốc súng để lại.

Ừ cũng lạ, hồi đang còn chiến tranh, mỗi lúc ra vùng giáp ranh để xuống đồng bằng, phải đi qua những cánh đồng bỏ hoang chung quanh chân các đồn bốt, mình vẫn thấy tiếc, vẫn thấy xót ruột, nhưng chỉ đến sau ngày hòa bình mới càng thấy tiếc từng tấc đất bỏ hoang – từng tấc đất mà bao nhiêu người đã phải rỏ máu để giành lấy.

Hồi bấy giờ đại đội N.68 chúng tôi rút ra ngoài vùng giáp ranh, đóng giữa một thôn công giáo dài dằng dặc hơn năm chục nóc nhà mà chỉ có chưa đầy ba chục người toàn bà già, ông già và trẻ con. Đấy là những ngày mùa hè năm 1973 ở Quảng Trị. Đến bây giờ ngồi nghĩ lại những ngày ấy, thế nào tôi cũng phải bất giác sờ vào lòng bàn tay mình và trước mắt tôi lại hiện ra cái cảnh những người già và trẻ con nâng những chiếc lưỡi cuốc rất to nặng lên quá đầu, bổ xuống dấu vết những luống cày hơn chục năm về trước.

Vào một buổi sáng, tôi đang đứng cuốc ải với mấy người dân trong xóm thì trông thấy đồng chí sư đoàn trưởng của sư đoàn đã từng tác chiến liên tục suốt cả chiến dịch 1972 ở đây và hiện đang giữ tuyến cắm cờ, đi đến.

– Ở bên kia – ông giơ tay chỉ một ngôi nhà mái vòm nằm đằng sau tuyến cắm cờ của quân ngụy chừng năm trăm thước – đó là ngôi nhà của sở nông lâm súc. Ngày năm ngoái khi chúng chưa phản kích ra, một lần đi trinh sát tôi đã ngủ lại một đêm trong ngôi nhà ấy. Đồng chí Quỳ có thể đoán có thứ gì bên trong không?

– Vũ khí – tôi đáp – có lẽ chúng đã dấu cả một nhà đầy những hòm đạn pháo lớn?

– Không – đồng chí sư đoàn trưởng cười – máy cày! Đây chính là một kho máy cày. Toàn máy cày Nhật loại nhỡ.

Chẳng ngờ tôi và vị sư đoàn trưởng khét tiếng – một con người của chiến trận – không biết từ bao giờ đã gặp nhau trong một ý nghĩ.

– Vậy thì có cách gì đột nhập sang lôi về được vài chục chiếc mà cày vỡ đất trong dịp vỡ hoang này thì đỡ tốn công sức nhiều lắm! Tôi sốt sắng nêu ý kiến ngay.

– Nhưng tôi hỏi: các đồng chí lái xe chừng có thể sử dụng được máy cày không?

– Được. Mày mò vài buổi rồi cũng cày được – tôi đáp.

Một cuộc tập kích bằng hỏa lực cối 82 lẫn ĐKZ rót sang bất ngờ sáng trưng cả đêm tối, đẩy lùi tuyến phòng ngự của quân ngụy về phía sau ngôi nhà mái vòm.

Đám con gái lái xe chúng tôi nai nịt, trang bị gọn gàng, xách súng tiểu liên xung phong lên sát sau lưng những người lính chiến đấu. Chúng tôi đột nhập ngôi nhà của sở nông lâm súc, sau mấy lần dừng lại thanh toán các tổ đề kháng.

Mắt tôi hoa lên, có lẽ đứng trước một kho vàng cũng chẳng sung sướng đến thế. Cả một nhà kho chứa đầy những chiếc máy cày còn mới toanh. Nhưng ôi thôi, chúng tôi đã xem xét hết một lượt, chiếc máy cày nào cũng chỉ còn là một đống sắt. Ngôi nhà nhìn từ đàng xa tưởng lành lặn, không ngờ khi đứng bên trong nhìn lên mới thấy cái vòm mái rách nát khắp mọi chỗ y như bị xé. Những trận bom B.52 của Mỹ dội xuống trong những trận giành đi giật lại tuyến phòng ngự cuối năm ngoái đã làm tiêu ma mọi công cụ sản xuất, làm ăn.

Mấy ông già và trẻ con vùng mới giải phóng, cùng với bạt ngàn bộ đội vẫn khẩu súng khoác sau lưng, lại dàn hàng ngang đứng mổ từng nhát cuốc, mỗi nhát cuốc làm tóe ra một tia lửa trên mặt ruộng. Lưỡi cuốc bập xuống, cảm thấy hai cánh tay tê dại như muốn văng theo với cán cuốc, còn mặt đất vẫn gan lỳ chỉ sứt mẻ một tý chút.

Trong khi ấy thì trong các làng xóm vẫn còn tiêu điều và nát như tương (trong chiến dịch phản kích của quân ngụy hồi cuối năm 72, Mỹ đã mưu toan dùng B.52 thiêu hủy hết tất cả các làng xóm) chỗ nào cũng mới mọc lên những chiếc lò rèn. Tiếng búa đập chí chát vang khắp trong các làng xóm có bộ đội trú quân. Sau trận tàn phá của bom Mỹ như nạn hồng thủy vừa tràn qua, cuộc sống của con người y như vừa mới bắt đầu.

Tôi đi lang thang khắp trong vùng đồn bốt cũ, nhặt sắt về rèn dao, liềm, cuốc...

Thế rồi trong một lần ngồi trước ngọn lửa vàng rực nóng đến phát ngột lên của cái bệ rèn, tôi chợt nhớ lại cái giấc mơ của một chú bé, vào một đêm ngồi bên người mẹ giữa cánh đồng, chú bé nói thì thầm vào tai mẹ rằng lớn lên chú sẽ chế tạo một chiếc máy cày, y như chiếc máy cày trong phim.

Tôi đắm chìm trong cái giấc mơ thuở nhỏ của anh ấy.

Tôi trở về miền Bắc với hai bàn tay đầy chai, khoác ba lô tìm đến một ngôi làng hẻo lánh. Tôi lật bàn tay của người mẹ anh ấy ra nhìn. Chao ôi, đôi bàn tay đầy những vết sẹo từ bao đời, đôi bàn tay đầy những nốt u chai sạn từ bao đời.

Rồi tôi trở lại chiến trường lần cuối cùng làm thủ tục chuyển hẳn ra miền Bắc.

Đó là những ngày cuối năm 1974. Hôm đó cũng là một ngày cận tết như thế này. Năm đó lập xuân sớm. Cỏ trong rừng cứ xanh mượt. Tôi rút dép ra cầm tay, tôi trở về đây lần cuối để từ biệt anh ấy. Trên đôi bàn chân trần như ngày nào tôi rón rén bước đến bên cái nấm đất lùm lùm và tôi ngồi xuống, chừng như nghe thấy được chung quanh mình tiếng tí tách của những ngọn cỏ non đang nhú lên, hàng triệu ngọn cỏ non đang đội đất ẩm nhú lên.

Tôi đưa bàn tay nhẹ sờ lên những ngọn cỏ trên nấm mộ.

Cả một vùng rừng sao mà im ắng? Lòng rừng như rộng thêm ra. Tiếng con chim nào đó hót trên cành cây nghe sao mà hoang vu. Từ sau những vũng sương trắng mờ ảo giữa những thân cổ thụ đen sạm đứng chen chúc, một thanh niên mặc sơ mi trắng, tay ôm một chiếc mũ cát bên trong dấu một cuốn sách bìa cứng, đi lại phía tôi rồi ngồi xuống bên tôi. Anh ấy đấy! Tôi hình dung ra anh ấy bằng vào một tấm ảnh chụp mà cho đến bây giờ tôi vẫn còn cất giữ. Anh ấy hiện ra trước mắt tôi lúc bấy giờ không phải như khi tôi được sống gần và yêu anh ấy – một người chỉ huy quân sự rất trẻ và hình như đã báo trước một tài năng – mà là một sinh viên năm thứ hai khoa chế tạo máy của trường đại học cơ điện, thuở mười lăm năm về trước. Bằng vào mấy chữ viết ở mặt sau tấm ảnh, tôi biết anh ấy chụp nó trước khi đi bộ đội. Trong tấm ảnh cũ của thời học

sinh, không chỉ có một mình anh ấy mà có những năm khuôn mặt. Tất cả hãy còn trẻ, rất trẻ, quá trẻ, tất cả đều ở cái tuổi chưa đến hai mươi và riêng anh ấy, mới mười bảy. Một hàng những mái đầu xanh. Một hàng những cặp mắt rất sáng và u buồn với một vẻ kiên định khác thường nhất loạt nhìn về phía trước, về phía cái đám cháy đang cuốn xoáy lấy tất cả lòng họ ở phía trước.

Đồng chí hãy lắng nghe tôi hỏi đây, đồng chí cũng có một thời trẻ có phải không? Lớp đồng chí thuở trẻ thường mơ ước những điều gì, thường hay dự định làm những công việc gì, thế hệ của đồng chí thuở ấy hay hát những bài hát gì?

"– Đừng đánh thức nó dậy, đừng đánh thức nó dậy!" trong những năm sống trong rừng Trường Sơn có những khi ngồi một mình, tôi lại cứ phải tự chế ngự, tự răn khuyên mình hãy đừng để cho những mơ ước của thời đi học không biết từ xó xỉnh nào trong lòng mình cứ sừng sững hiện về. Tôi sợ nhất những lúc ấy. Và chắc anh ấy cũng vậy. Suốt những năm đánh giặc, chắc chắn chẳng có phút nào anh ấy quên niềm mơ ước trở thành một kỹ sư chế tạo máy tài giỏi, giấc mộng từ khi còn chưa đến tuổi cắp sách đến trường.

Hồi đi học, tôi có được đọc một cuốn tiểu thuyết rất hay của bà An-na Dê-góc. "Những người chết còn trẻ mãi". Nhưng dường như phải đến bây giờ, khi đến ngồi bên nấm mộ của anh ấy, tôi mới hiểu nhà nữ văn sĩ Đức ấy đang nói chuyện với tôi, bà viết cuốn sách ấy cho tôi, cho riêng tôi.

Tôi nhận ra mình phải làm gì, như người vợ của người cộng sản bị bọn phát xít giết hại. Trước khi chết, anh ấy chưa kịp để lại cho tôi giọt máu của anh ấy, nhưng anh ấy đã tâm sự, đã thổ lộ với tôi hết tất cả mọi điều nếu còn sống anh ấy có thể làm, có thể cống hiến cho cuộc đời. Làm sao cho mọi người sống và làm ăn đỡ cực nhọc, vất vả. Cái điều gọi là niềm mơ ước lớn lao cho mai sau của anh ấy cũng chỉ có vậy.

5.

Mùa xuân năm sau khi đã chuyển ra hậu phương, hễ có dịp nghỉ là tôi bỏ hết thì giờ vào việc đi tìm một người

– người đó cũng có mặt trong tấm ảnh, đứng ngay sát cạnh anh ấy. Người ấy chính là chồng tôi bây giờ.

Người ấy tên là Ph., người mà trước khi mất, anh ấy đã có nhắc đến với những lời đánh giá rất cao. Tôi đã phải đi tìm khắp mọi nơi suốt gần nửa năm mới thấy.

Vào một buổi sáng đẹp trời, tôi xách một chiếc làn cói bên trong gói rất cẩn thận mấy chiếc bánh mì kẹp thịt và mấy thứ hoa quả, đi lần dọc theo một bức tường đá. Tôi đi rảo bước, mặt cúi gầm xuống. Bức tường đá xây rất cao bên này và dãy tường vi thấp có nhiều cành cây bằng lăng đâm tua tủa ra ngoài của một tòa án ở bên kia có một khoảng cách là một đoạn đường rải nhựa sụt lở và vắng tanh, như một cái phố cụt. Ở bên chân bức tường thấp của ngôi tòa án bên kia đường có một đám đông người đang ngồi. Họ phần nhiều là đàn bà, người nào cũng để trước mặt một chiếc túi hay một chiếc làn đựng các thức ăn. Cũng như không khí chung quanh, mặt mũi người nào cũng buồn tư lự. Tất cả đều ngước những cặp mắt mệt mỏi đầy vẻ chờ đợi nhìn sang một cái cửa lớn trổ giữa bức tường đá ở bên kia đường: hai cánh cửa sắt một khép một mở, đàng sau lưng một đồng chí công an mặc áo vàng, đeo súng ngắn đang đi đi lại lại, có thể nhìn thấy những bức tường xây quanh co và những con đường hẹp trải nhựa bên trong khu trại giam.

Lần đầu tiên tôi đi đến trước một nhà tù, như bị lạc đến một thế giới ngoài quả đất. Tôi hơi ngượng với bộ quân phục trên người, rón rén đi đến ngồi sau lưng một nhóm đàn bà đã luống tuổi mà tôi đoán là những bà mẹ của các phạm nhân. Người ta quen nhau đã lâu, ở đây tôi là kẻ mới đến. Mọi người xúm vào hỏi thăm và bảo cho biết phải ngồi đợi hàng tiếng đồng hồ nữa. Qua các câu chuyện trao đổi rì rầm không bao giờ ngớt nổi lên chung quanh và câu chuyện của một người trạc ngoài năm mươi, vẻ phúc hậu, như trút bầu tâm sự với tôi, tôi được biết hầu hết những con người đang ở sau cái bức tường đá cao vút kia trước đây chỉ mấy năm đều là những thanh, thiếu niên ngoan ngoãn và lương thiện.

Hai tiếng đồng hồ sau, khi con nắng gắt của một ngày giữa hè đã chiếu xói vào một cái khuôn cửa sắt han gỉ và vạt áo quân phục sau lưng tôi đã nóng rực lên, tôi mới trông thấy một người đàn

ông tiều tụy mặc một bộ quần áo nhàu nát màu gỉ đồng, từ trong một khoảng tối om y như một cái hang, đi về phía tôi.

Đứng trước mặt tôi là một ông lão già (thực ra năm ấy Ph. mới băm nhăm) khuôn mặt xương xương, môi mỏng, hai vệt ria mép được xén cắt rất tỉ mỉ, tỉa tót, bộ ria mép "đáng tiền" như nhạo báng cái đầu trọc nhẵn thín ở phía trên. Nhưng điều khiến tôi chú ý nhất trên khuôn mặt Ph. là cặp mắt của một người như đã chết rồi, chết từ lâu rồi, mí mắt vẫn mỏng, cặp lòng đen vẫn đưa đẩy nhưng một nỗi tuyệt vọng ghê gớm đã xâm chiếm trọn vẹn lấy mọi tia nhìn.

Chúng tôi đứng nói chuyện với nhau qua một cái khuôn cửa sắt không có chấn song. Tôi nhìn anh ta. Anh ta nhìn tôi. Lần đầu tiên chúng tôi gặp nhau. Trước đây chưa ai biết ai cả.

– Xin lỗi – Ph. vừa nói vừa đưa hai con mắt hằn học nhìn tôi – xin lỗi, chị là ai nhỉ?

– Tôi là một người đàn bà từ chiến trường B ra – tôi đáp, cố gắng đừng để cho câu nói có vẻ trịnh trọng. Câu nói đầu tiên này của tôi với Ph., tôi đã nghĩ trước.

Lúc bấy giờ dọc theo một cái hiên tráng xi măng quá hẹp chỉ vừa đặt bàn chân, trước mỗi khuôn cửa sắt hẹp không có chấn song lại có một cuộc tiếp xúc giữa tù và thân nhân. Người ta không ai nói to, mặc dầu không có lệnh cấm nói to. Phạm nhân đứng trong cũng như thân nhân đến thăm đứng bên ngoài đều trao đổi, trò chuyện với nhau bằng cái giọng rì rầm. Trong khi đó trên cái mái hiên lợp phi-brô xi măng, từng bầy chim sẻ đáp xuống gọi nhau ríu rít làm rộn cả một góc khu trại giam.

Tiếng chim sẻ làm cho đầu óc tôi bớt nóng đi một chút, và bớt lạ lẫm, bỡ ngỡ đi một chút. Tôi ngắm nhìn anh ta. Cũng chưa biết nói gì tiếp, tôi đứng im. Trước đây gần hai tháng, người thủ trưởng cơ quan của Ph. vừa chép miệng vừa cho tôi hay rằng cả khắp miền Bắc này, trong toàn ngành chỉ có năm ba người có trình độ như Ph.

Vẫn đồng chí thủ trưởng cơ quan của Ph. cho tôi biết thêm, mọi việc xảy ra đối với Ph. như hiện giờ bắt đầu từ một người đàn bà. Bề ngoài nhu mì, tươi tắn, bề trong là một con rắn độc – đồng chí ấy nói một cách giận dữ, vì cái con vợ đẹp nhưng quá hư hỏng, mà anh ta, một trí thức đầy tài năng đã đánh mất mình, trở thành

một kẻ sống giả dối, xoay sở, hám tiền bạc, trở thành một kẻ biến chất vô liêm sỉ, phạm tội biển lận quỹ công một vố lớn, và suýt nữa thì lại còn phạm tội giết người nữa.

Thú thật lúc này người đàn ông đang đứng trước mặt tôi làm tôi hơi ghê sợ. Và căm ghét. Với chút tài năng và tri thức chuyên môn, anh ta đã làm nên công trạng gì, đã cống hiến được gì chưa thấy đâu, chỉ thấy anh ta phá hoại xã hội, trong lúc ấy thì ở chiến trường bao nhiêu người đã đổ máu, biết bao người đã hy sinh? Cũng chẳng phải nói đâu xa, chung quanh anh ta ở ngay hậu phương miền Bắc đây trong những năm chiến tranh phá hoại, có biết bao người chiến đấu, và làm việc quên mình?

"Tôi là một người đàn bà ở chiến trường B ra" câu nói tôi vừa đáp cứ vang ngân bên tai tôi. Tôi nhận thấy trong lời đáp ấy hình như có cái gì mình vẫn còn nghĩ đến mình. Lòng tôi chợt dịu lại. Với con người đang đứng trước mặt tôi, tôi không còn thấy quá ghê sợ, cũng không còn thấy quá căm ghét nữa. Tôi chỉ còn nghĩ đến mục đích của công việc làm của tôi. Trước mắt tôi, "con người phá hoại xã hội hậu phương" đã biến đi, chỉ còn lại đó một người đàn ông đang tuyệt vọng, một trí tuệ đang cần cấp cứu, đang cần được hồi sinh.

Tôi cũng không còn thấy ghê tởm với cái xã hội vừa bước chân vào, không còn thấy ngạc nhiên, lạ lùng, cũng không còn thấy ngượng nghịu với bộ quân phục mặc trên người.

Đến lúc bấy giờ ở trong tôi chỉ còn nỗi lo về chính mình, không có đủ lòng độ lượng nếu người đàn ông đang nhìn tôi đầy hằn học kia sẽ lên tiếng chửi mắng, lăng nhục mình, hoặc bất ngờ quay ngoắt trở về trong gian phòng giam.

Hình như người đàn ông – vốn thông minh, phần nào đoán được những điều tôi đang nghĩ. Anh ta nhìn tôi suốt từ đầu đến chân, cái màn sương mầu xám tro của nỗi tuyệt vọng và hằn học bao bọc lấy ánh mắt đã có phần nào mỏng dần.

– Anh còn nhớ anh Hòa không? – Tôi vội vàng hỏi.

– Hòa nào?

– Anh Hòa học với anh cùng một khoa chế tạo máy ở đại học cơ điện.

– Lâu lắm rồi nhưng vẫn nhớ, tôi vẫn nhớ Hòa. Anh ấy học giỏi và trẻ nhất khoa chế tạo máy. Nghe nói ở trong bộ đội Hòa làm lên đến chức to lắm.

– Anh ấy hy sinh rồi!

Ph. đứng ngẩn ra, mãi lâu mới nói:

– Hòa hy sinh hồi nào vậy hả chị?

– Đã lâu. Trước khi mất, anh ấy có dặn tôi khi nào trở về miền Bắc, đến thăm anh.

Một lần nữa trong lòng tôi lại vẩn lên những cảm giác ghê tởm ban nãy, không biết khi tôi bịa ra cái lời cuối cùng, giọng nói của tôi có cái gì mỉa mai không? Chỉ thấy trên khuôn mặt Ph. lộ ra một vẻ đau đớn. Rồi anh ta thất sắc đi khi cầm lấy trên tay tôi tấm ảnh có khuôn mặt mình chụp hơn mươi lăm năm về trước, tấm ảnh tôi tìm thấy trong đáy ba lô của anh ấy sau ngày anh ấy mất.

Ph. tìm mọi cớ khéo léo từ chối không chịu nhận quà tôi đưa vào. Tôi nài ép mãi cuối cùng anh ta mới chịu nhận một quả na nhỏ nhất còn ương và còn nguyên một chiếc lá trên đầu cuống.

Từ bây giờ tháng nào tôi cũng đáp tàu hỏa hoặc những chuyến xe ca tràn ngập tận nóc những dân buôn bán, đến cái thành phố ấy thăm Ph.

Lần thứ hai tôi trở lại, Ph. lánh mặt. Tôi hiểu, con người ta không ai muốn phơi bày ra mãi cái mặt xấu xa nhất của mình, nhất là phơi bày ra trước một người có lòng tốt, thiện chí. Lần thứ hai trở lại cái ngôi trại giam ấy, về phía mình, tôi cũng phải tự hỏi riêng mình: mình đang làm một việc gì đây? Tôi nhận ra ở trong tôi đang có một cơn khát ghê gớm, cơn khát của một sự hồi sinh của một tài năng. Nhất quyết tôi phải đưa cái người đàn ông tội lỗi ra khỏi tình trạng chán chường, tuyệt vọng hiện tại, trả anh ta trở về với công việc của anh ta, tôi phải làm sống lại một khả năng và trí tuệ đang chết.

Tôi biết là tôi điên rồ nhưng tôi vốn là đứa con gái điên rồ, khác đời. Ngồi trên toa tàu hỏa chen chúc và chạy chậm như dẫn rượu, tôi nhìn ra những cánh đồng bên ngoài và tưởng thấy Ph. phong phanh trong tấm áo màu gỉ đồng, cặp mắt thông minh chứa

đầy hy vọng của một nhà phát minh đang đi bên một chiếc máy cày. Tôi nhớ lại hai bàn tay dập nát của anh ấy.

– A, chào người đàn bà ở "chiến trường B ra". – Ph. vừa thốt lên với tôi bằng giọng chế nhạo, vừa đưa những ngón tay khô và gầy lần đóng một chiếc khuy áo trước ngực. Chỉ còn mấy phút nữa là hết giờ gặp. Tôi đẩy về phía anh ta chiếc làn mà tôi đã mua đủ các thứ bánh trái và hoa quả chất vào, trong bụng không hề thấy giận anh ta về câu nói mỉa mai mình.

– Tôi lại đến thăm anh, vì lời dặn của anh Hòa. – Cực chẳng đã, tôi phải nhắc lại câu ấy. Cả khuôn mặt anh ta dăn dúm lại. Tôi kịp nhận ra anh ta đã có ý ăn mặc cẩn thận trước khi ra gặp tôi. Sau đó tôi nghe anh ta hỏi thăm tôi ở cách đây có xa không. Vẫn như lần trước, anh ta chỉ nhón hai ngón tay nhặt một trái cây nhỏ. Lòng tự trọng. Giá anh ta nhận tất cả như tôi hằng mong thì chưa chắc tôi đã vui đến thế, trên suốt chặng đường quay trở về. Người đàn ông ấy đã đánh mất hết tất cả, chỉ còn giữ lại một chút lòng tự trọng, để cho tôi còn tin cậy.

Lại một mùa hè nữa đã đến. Những cây bằng lăng bên ngôi tòa án lại nở những bông hoa màu tím nhạt trên các cành đâm tua tủa trên đầu tôi, mỗi lần tôi trở về cùng mọi người ngồi đợi bên cái chân tường nhìn thẳng sang hai cánh cổng sắt. Tôi không còn thấy lạ lẫm mỗi khi đặt chân vào bên trong hai cánh cổng ấy nữa. Có lẽ tôi đã hiểu thêm cuộc đời, từ một phía khác. Cuộc đời không có thánh nhân, cũng như không có một người nào mà tâm hồn hoàn toàn không thể cứu chữa được nữa.

Lần thứ ba, anh ấy đã chịu nhận quà của tôi đưa vào.

Ph. đã nói với tôi hết, về cái khúc đường đời vừa qua của mình.

Ph. kể rất tỉ mỉ. Mỗi tháng, một lần tôi đến, anh kể một ít, không hề giấu giếm cả những ý nghĩ.

Ph. bảo tôi là một đức Thánh, để cho anh ấy xưng tội. Thật ra tôi có làm được gì đâu ngoài việc tháng tháng đến thăm, mang theo một ít quà, và lắng nghe anh ấy tự dằy vò mình.

Những tháng về sau anh ấy nhờ tôi mượn đem vào cho anh ấy những cuốn sách và mỗi lần tôi đến, anh ấy đem quà của tôi chia đều cho tất cả anh em phạm nhân. Rồi anh ấy xắn tay áo lên

chữa điện, chữa máy nước. Anh ấy giúp các đồng chí trợ huấn mở được một lớp học văn hóa, vừa học văn hóa vừa học nghề chữa các thứ máy thông dụng, do chính anh ấy đứng ra giảng dạy.

*

Một năm sau, anh ấy mãn hạn tù.

"Con người ta không một ai nên luyện cho mình thói quen nhá cơm tù!". Câu nói vui miệng tự nhiên tôi thốt lên với Ph. vào giữa hôm ấy, vậy mà thiêng quá!

Buổi trưa hôm ấy khi anh ấy ra trại, các anh em phạm nhân khuân từng chồng sách tiếng Nga và tiếng Đức ra ngoài giúp, những cuốn sách mà theo yêu cầu của anh ấy, tôi đã ra sức lùng kiếm mang vào, để cho anh ấy đọc. Vậy mà nào có ngờ được hai tháng sau, viện nghiên cứu cứ vẫn ưu ái và trọng tài anh ấy đã cử cán bộ tổ chức đến gọi ra tiếp tục làm việc. Nhưng đi làm chưa được bao lâu, anh ta đã bỏ việc.

– Tôi chán đời... – anh ta nói bằng giọng bực dọc, cáu kỉnh – tôi đã chán cuộc đời này như chán ngấy cơm nếp nát. Thà cứ cho tôi lại vào quách trong trại giam, ăn miếng cơm gạo hẩm với rau muống luộc chấm nước muối, có lẽ tôi lại làm việc được nhiều hơn, tôi còn có ích hơn.

Tôi nhìn anh ấy đang thọc sâu hai bàn tay vào túi quần, đứng giữa một cái sàn gạch bẩn thỉu, con mắt nhìn dán xuống hai bàn chân xỏ trong đôi guốc mộc mà quai guốc làm bằng một đoạn xăm xe đạp cắt ra. Vô tình tôi mở ra nhìn vào bên trong một cái hòm gỗ có quai xách nhét dưới gậm giường ngay bên chân tôi, thấy một bộ đồ chữa xe đạp, những móc lốp, những kìm, búa, những nhựa vá săm. Tôi mạnh tay đóng sập cái nắp hòm đồ lại, đẩy sâu vào gầm giường.

– Bước đầu cơ quan người ta bố trí anh làm một nhân viên cấp thấp là phải – tôi cố nén một cơn giận – thậm chí quét nhà, chạy giấy hay thường trực cũng là phải!

– Chị đừng hiểu nhầm tôi! – anh ta quát lên.

Tôi thò tay vào gầm giường lôi tuột cái hòm đồ chữa xe đạp ra giữa nhà.

– Một kỹ sư cỡ chuyên viên chế tạo máy của nước nhà ta đấy! Chính anh cũng biết rõ anh có thể làm được gì cơ mà? – tôi không còn kìm được cơn giận nữa – trong khi anh Hòa anh ấy chiến đấu hy sinh trong chiến trường B thì ở ngoài này anh sa ngã, anh phạm tội, anh phá phách xã hội? Trí thức mà thế à? Anh không biết xấu hổ hử?

– Tôi thích làm một thằng chữa xe đạp ngồi đầu phố hơn. Tôi thích làm việc gì thì mặc xác tôi! Đừng có nhẩy xổ vào cuộc đời người khác, đừng lăng nhục tôi! Tôi yêu cầu chị bước ngay ra khỏi nhà tôi!

Tôi liền đứng dậy. Hai chúng tôi đứng đối mặt nhau như hai kẻ thù, dưới chân là cái hòm đồ chữa xe đạp. Giữa lúc ấy bỗng nghe có tiếng gõ cửa. Tôi quay lưng đi thẳng ra. Một người đàn bà ăn vận sang trọng và hơi diêm dúa, vừa nhìn thoáng đã thấy là một người đàn bà trẻ đẹp, đứng ép lưng vào bức tường ngay bên khuôn cửa hẹp, có vẻ như đang muốn nhường lối cho tôi đi ra.

Tuy chưa hề được gặp bao giờ nhưng có một cái gì đấy rất nhậy cảm của đàn bà bảo cho tôi biết đấy là người vợ đã ly dị của Ph. Không biết từ nhan sắc hay từ quần áo, vẻ rực rỡ của người đàn bà càng khiến cho tôi chỉ muốn rời khỏi ngay chốn này. – Tự nhiên tôi cảm thấy trạnh lòng.

Bằng một vẻ cuống quít, Ph. đi theo tôi. Khi Ph. đi lướt qua trước mặt, người đàn bà đưa tay ra ngăn lại. Anh ấy xô người đàn bà về một bên, chực nắm lấy bàn tay tôi.

Tôi rẩy bàn tay anh ấy ra, vội vã như người chạy trốn. Tôi lúng túng, hấp tấp mở khóa xe đạp.

Ra đến dãy phố lớn hai bên hè lấp đầy từng đống than bùn chung quanh chân mấy cây bàng vừa thay lá đang khoe những tán lá xanh non mơn mởn, tôi vẫn thấy Ph. chạy theo phía sau. Vừa muốn đạp thật nhanh, bứt lên thật xa, vừa muốn dừng xe lại. Nhưng tôi đã phóng thật nhanh.

Ra đến ngoài cánh đồng, tôi không quay mặt lại lần nào nhưng cũng thấy một người đàn ông chân đất, phong phanh trong tấm áo bông tím đã bợt, đang chạy theo và gọi tôi. Trong tiếng gió đồng thổi lồng lộng, tiếng gọi của Ph. khẩn thiết như một lời kêu cứu.

Tôi đạp xe bảy tiếng đồng hồ liền không nghỉ, không dừng uống nước, máu dồn lên đầu nóng ran, ngay chập tối trong ngày hôm đó tôi đã trở về cái viện quân y của tôi.

Gian phòng bằng nứa rất nhỏ tôi ở có ai đã thắp đèn. Một chiếc ba lô cóc lấm đầy đất vứt chỏng chơ ngoài hiên, ngay trên đống củi trong bóng tối. Người khách lạ nào mà kỳ cục thế này nhỉ?

Cánh cửa liếp mở toang, gió thổi đưa đi đưa lại trên cái họng tre kêu cót két. Tôi bước vào nhà, trông thấy đang ngồi trên chiếc ghế độc nhất trong nhà một người đàn ông vận quân phục, mái đầu cúi gập xuống ngực, hai con đỉa trên hai vai áo quân phục nhô lên sát tai, ánh đèn dầu soi lờ mờ trên nửa khuôn mặt đã gần khuất lấp đen sì những râu.

Tôi vẫn chưa dứt ra được cái tâm trạng rất phức tạp đang ngổn ngang suốt trên chặng đường trở về. Chủ nhà đã về mà ông khách vẫn ngồi gập mái đầu xuống, không hề thấy động đậy.

Tôi liền tiến gần sát. Tự nhiên nước mắt tôi ứa ra. Ký ức đổ về trong lòng tôi dạt dào như một dòng thác bất ngờ tuôn chảy. Tôi nghe tiếng dao, kéo gieo lách cách vào lòng chiếc đĩa sắt tráng men, mùi ê-te và những vệt máu thấm vào bông băng. Những cánh rừng xông lên mùi đất ẩm, mùi lá mục và chớp bom B52 nháng loáng trên mặt lá.

Mọi điều làm tôi phiền não suốt cả một ngày hôm ấy trở nên vớ vẩn, vô nghĩa. Người ngồi trước mặt tôi đây mới chính là con người khiến tôi thực sự yêu quý, mới thật sự là người thân thiết nhất của đời tôi.

Bác sĩ Thương ngẩng lên. Anh đã tỉnh dậy, đưa cả hai bàn tay lên dụi mắt. Nhìn nét mặt đang còn ngơ ngác và lại còn có phần nào hốc hác hơn xưa của anh, tôi cứ tưởng từ sau cái đêm mưa dầm trong rừng anh đến tìm tôi ở đại đội nữ lái xe, anh trở về xắn tay áo lên và đeo găng vào tay, tiến hành một ca mổ đầy căng thẳng và dài đến tận bây giờ.

– Quỳ đã về đấy ư? – Anh chợt trở nên hết sức bối rối – chết thật, tôi ngồi đợi... ngủ quên khuấy đi mất lúc nào chẳng biết.

– Anh Thương!... Suýt nữa thì tôi đã khóc òa lên vì trong phút chốc như nhìn thấy tất cả những khuôn mặt người sống, kẻ chết. Tôi chỉ muốn chạy lại ôm chầm lấy anh như ôm lấy tất cả.

– Anh ở tận đâu về vậy hử, mà nom cứ y như một tên phỉ thế này? Tôi cố nói đùa một câu để che giấu sự cảm động.

– Xa lắm, xa lắm, tận tây nam – Hình như anh cũng cố nói đùa để che lấp vẻ bối rối – đang đói sắp chết rũ xuống rồi đây bà chủ nhà ạ!

– Khổ, thật tội nghiệp anh!

Tôi vội vã cởi áo ngoài treo lên mắc, liếc nhanh lên tấm gương treo trên cây cột buơng, sửa lại mái tóc:

– Anh đến từ bao giờ, anh Thương?

– Từ chiều. Một cô ở gian cuối dãy mở cửa cho tôi vào. Hôm nay chị có việc đi đâu xa lắm phải không?

– Vâng...

Tôi vặn thật to bấc đèn bếp dầu hỏa nấu nước nóng cho anh rửa mặt rồi mới thổi cơm...

Ăn cơm xong, anh ngồi nhấp từng ngụm nước nhỏ, sẽ sàng hỏi tôi:

– Tôi khác trước đi nhiều phải không?

– Không. Anh chỉ có hơi già đi và gầy hơn chứ không khác. Anh chẳng có gì khác.

– Tôi về đây... tìm Quỳ – Anh bắt đầu nói đến cái điều vô cùng hệ trọng mà ngay từ lúc mới nhận ra anh đang ngồi ngủ gật trước ngọn đèn, tôi đã nghĩ ngay đến, và trong lúc ngồi thổi cơm cho anh ở dưới bếp, tôi đã phải nghĩ đến vỡ óc – tôi về đây tìm Quỳ... Bao năm nay, tôi vẫn nhớ lời Quỳ hẹn, khi nào hết chiến tranh...

Phải, đây chính là cái giây phút quyết định cả cuộc đời tôi – cuộc đời hạnh phúc ngày sau của tôi. Mà tự tôi, tôi phải lựa chọn lấy một người đàn ông chứ chẳng có ai buộc ép tôi cả. Tôi phải lựa chọn lấy, giữa tình yêu, hạnh phúc và cái trách nhiệm của tôi đối với Ph., cũng là cái *giấc mơ của anh ấy* mà tôi mang nặng trong

lòng khi trở về hậu phương, như một người mẹ mang thai. Và tôi đã lựa chọn.

Sẽ chẳng bao giờ tôi còn đánh mất đi một cái gì lớn hơn, quý báu hơn; đồng chí ạ, chỉ còn một chút xíu nữa là có lẽ tôi đã kêu thét lên một tiếng vô cùng đau đớn, vì cái con người vô cùng yêu quý đang ngồi trước mặt, tôi sắp đánh mất, tôi sắp phải từ chối anh ấy! Tôi cũng sắp phải từ chối và đánh mất tất cả hạnh phúc tình yêu của tôi!

Thấy tôi gục đầu xuống ngồi im lặng rất lâu, quá lâu, bác sĩ Thương chợt thu mình lại:

– Không biết bây giờ ý Quỳ thế nào?

Từ trong cổ tôi trào ra một tiếng nấc:

– Anh Thương! em không nói hết với anh ngay bây giờ được đâu... Anh thông cảm cho em, anh tha lỗi cho em... !

Rất lâu sau, tôi mới nghe bác sĩ Thương thốt lên một tiếng thở dài nhỏ:

– Tôi bận quá, có lẽ tôi, ... tôi đã trở về muộn quá!

*

Kể đến đấy, Quỳ lại ngồi yên lặng, như những lần trước, còn lâu hơn những lần trước.

– Hôm ngồi nói chuyện với chị lần đầu tiên – tôi phá tan bầu không khí yên lặng một cách rụt rè – quả thực, tôi đã hiểu sai về chị.

– Thực là oan... – Quỳ nói rất nhỏ và như đang lắng nghe một tiếng động gì đó từ rất xa – thực là oan, nếu anh cho tôi là một người đàn bà... nguy hiểm.

Tôi bỗng hăng hái lên:

– Nhưng trong tình yêu, chị đã muốn làm một thánh nhân...

Thấy tôi vừa thốt lên đã im bặt, chị quay sang nhìn tôi, khích lệ:

– Anh nói tiếp đi.

– Chị đã cứu vớt được một con người, một trí tuệ – tôi vội vã động viên chị. – Không những thế, tôi lại còn nghe anh chị em ở

đây nói, anh Ph. bây giờ là một chuyên viên đầu ngành. Nếu không có chị... một người vợ trong gia đình, như một đức thánh...

– Tôi là một con người có nhiều mâu thuẫn. Anh đừng gán cho tôi những điều mà tôi không có! Tôi đâu có phải thần thánh gì, mà vẫn là một con người, một người đàn bà bình thường như mọi người đàn bà. Cả với điều đó, dần dà trong nhiều năm, tôi cũng mới nhận ra.

– Anh Ph., vào dịp tết này, có vào với chị được không?

– Anh ấy bận lắm. Rất bận. Trong mấy ngày cuối năm này, tôi phải biên thư động viên anh ấy luôn, để cho anh ấy yên tâm làm việc.

Chuyến tàu tốc hành của một ngày cuối năm mà có lẽ chị đã cảm nhận thấy và hình như đang đón đợi từ lâu với những toa tàu dài dằng dặc đông nghịt hành khách đang xé bầu không khí giá rét, nặng nề lao vút đi ngoài cánh đồng trước mặt khu quân y viện.

Trong lúc chị Quỳ ngồi chăm chú nhìn theo đoàn tàu tốc hành với một vẻ thèm khát cháy rực trong ánh mắt, thì về phần tôi, trong trí tưởng tượng, tôi cũng đang chăm chú nhìn rõi theo cái đoàn tàu tâm tưởng cuối năm vừa rúc hồi còi khởi hành, từ một ngôi nhà ga nằm ẩn kín tận trong rừng sâu. Người đàn bà trẻ tuổi vận quân phục ngồi trước mặt tôi đang bước những bước chân thành kính, rón rén trên một vùng cỏ xanh mượt. Mỗi lá cỏ như thầm thì nhắc nhở về một mối tình sâu nặng, đẹp đẽ đã qua, và mặt đất lặng lẽ trao lại vào hai bàn tay chị cái trái tim hồng hào của chị. Chị bước lên con tàu sau khi cúi hôn lên một cái nấm đất, và đoàn tàu đang hổn hển băng mình lao vun vút đi giữa sông hồ, làng mạc, giữa hơi thở nóng hổi của cuộc đời.

*

Buổi sáng ngày đầu năm.

Một dải sương tím sà xuống trên những luống cỏ. Cũng như từ bao giờ ở trong rừng, cỏ mùa xuân xanh biếc một màu trên đó những đóa cúc vàng, những bông hồng nhung đỏ với cánh hoa mỏng manh được đẽo gọt, chạm trổ bởi bàn tay kỳ tài của thiên nhiên mùa xuân, đang khoe sắc.

Thời gian và không gian như vừa mới được lột ra, mới tinh khôi. Sau một đêm, y như được đánh thức dậy bởi một chiếc gậy thần, mọi con người đều trở nên tốt đẹp, tươi mới, với những ý nghĩ đầy tốt lành.

Các bệnh nhân và thương binh xúng xính trong những bộ quần áo trắng sạch sẽ mới thay, tất cả mọi người đều đang đổ ra ngoài hiên bắt tay nhau, ồn ào chúc nhau chóng lành, năm mới khỏe hơn năm cũ. Nhưng mọi người vẫn cảm thấy thiêu thiếu đi một cái gì đó.

"Chị Quỳ đâu?" "Chị Quỳ đâu nhỉ?" người nào cũng hỏi. Trong ấn tượng mọi người vẫn còn in lại hình ảnh quyến rũ và đầy sức sống của Quỳ trong buổi liên hoan tất niên đêm qua.

Tôi chạy lên gác. Trên chiếc giường kê áp tường vẫn còn chiếc chăn bông chưa gấp và một ngọn đèn nhỏ soi xuống một đống sách chuyên môn khổ to in ly tô trên giấy bổi để mở trên chiếu. Một nữ bệnh nhân cho biết Quỳ đang ở dưới nhà bếp làm bữa cỗ đầu năm mới với các đồng chí anh nuôi.

Chiều đến hai chúng tôi ra ngồi trên chiếc ghế gỗ ngoài sân.

Người nữ quân y sĩ cột lên mái tóc dầy nặng của mình một chiếc khăn xanh nhỏ rồi quay về phía tôi, tuyên bố: – Tôi đã kể hết với đồng chí.

Tôi nhận thấy trên làn má mịn màng của chị ửng lên một chút màu hồng, như phấn mùa xuân vừa thoa lên, nhưng dưới mắt lại hiện ra lờ mờ một chút quầng thâm, không nhìn kỹ không thể trông thấy. Chắc đêm qua chị lại đi lang thang.

– Tốt nhất, sang năm mới chị nên có một đứa con đi! – cuối cùng tôi nói, như một lời chúc đầu năm.

– Đồng chí khuyên tôi... hơi nhiều quá đấy, nhưng là một lời khuyên tốt lành – Quỳ nghiêm trang đáp.

Năm 1983

NGUYỄN DẬU
(1930–2002)

Ông tên là Trương Mẫn Song, quê Hải Phòng. Tham gia kháng chiến từ đầu cách mạng, Nguyễn Dậu được điều về Ban quân báo với biệt danh Ngọc Đông.

Sau hòa bình 1954, Nguyễn Dậu chuyển ngành về công tác ở xưởng phim, rồi biên tập viên nhà xuất bản Phổ Thông, tuần báo Văn Nghệ, Sở Văn hóa Hà Nội.

Nguyễn Dậu viết khá đều đặn. Theo thời gian các tiểu thuyết và truyện ngắn được ra đời, khẳng định một nhà văn tâm huyết với nghề, với bạn đọc. Đôi lúc dư luận cũng xôn xao về một vài tác phẩm nào đó của ông, nhưng chưa bao giờ ông nhụt chí. Ngòi bút ông vẫn cần mẫn cày trên từng trang giấy. Văn ông thâm thúy, sâu sắc và có phần trào lộng, lại có khi đầy chất thơ, chất trữ tình, chất lãng mạn.

Tác phẩm chính: Đôi bờ (tiểu thuyết, 1958); Mỏ hầm (tiểu thuyết, 1961); Vòm trời Tĩnh Túc (tiểu thuyết, 1963); Nàng Kiều Như (1993); Ánh đèn trong lò (truyện ngắn, 1962); Huệ Ngọc (truyện ngắn, 1962); Con thú bị ruồng bỏ (truyện ngắn, 1994); Rùa Hồ Gươm (truyện ngắn, 1994); Đôi hoa tai lấp lánh (truyện ngắn, 1995); Hương khói lòng ai (truyện ngắn, 1995); Phật tại tâm (truyện ngắn, 1997); Bảng lảng hoàng hôn (truyện ngắn, 1997).

Ngoài sáng tác, Nguyễn Dậu còn là nhà dịch thuật.

*

RÙA HỒ GƯƠM

(truyện ngắn)

KHỌM ĐEN

Đền Ngọc Sơn là một thắng cảnh nằm ở giữa hồ Hoàn Kiếm. Gọi là Ngọc Sơn Từ, nhưng có lẽ chữ "đảo" đúng nghĩa hơn chữ "sơn" nên trên nhiều câu đối và văn tự chữ Hán để lại, các cụ trước kia thường gọi là "Ngọc Đảo". Khoảng gần hai trăm năm trước, đảo chỉ là một gò đất hoang, một gian miếu nhỏ bằng mái gianh vách đất để thờ Hà Bá (thần sông). Tại sao giữa hồ lại

thờ sông? Người ta biết rằng một vệt trũng nhiều đầm hồ kéo dài từ Chèm Vẽ, qua hồ Tây, hồ Trúc Bạch, cống chéo hàng Lược, hồ Gươm (tên cũ là hồ Tả Vọng), hồ Bảy Mẫu, hồ Thiền Quang, rồi Đuôi Cá, Yên Duyên v.v... chính là luồng cũ của sông Hồng. Sông Hồng đã đổi dòng, để lại một dải dấu ấn. Năm tháng trôi qua... Cư dân bốn phương dồn về sinh sống, đã bồi trúc, vùi lấp, chia cắt dòng cũ thành từng mảng dâm hồ như bây giờ. Khoảng trên dưới một trăm năm trước, những người Hoa kiều xin phép quan sở tại nhà Trịnh, ra Ngọc Đảo dựng một miếu thờ Quan Công. Rồi, mấy chục năm trước đây, khi thành phố Hà Nội phát triển, tiểu thị dân và thị dân lớp danh vọng đã cùng nhau quyên góp dựng nên một ngôi đền Ngọc Sơn, trong đó có thờ Đức Trần Hưng Đạo, Đức Văn Xương Đế quân, còn mé hậu cung vẫn thờ cha con ông "mặt đỏ râu dài" có thanh long đao và ngựa xích thố. Hàng năm, từ xuân chí đông, ngày sóc ngày vọng, đặc biệt là những ngày *đản* (ngày sinh) của ba vị thánh đế kể trên, người Việt và người Tàu đua chen đến lễ bái rất đông đúc. Ngôi đền được xây đi dựng lại, chiếc cầu vào Đảo Đền cũng được dựng nhiều lần, và rồi định hình như hiện hữu là khoảng từ năm 1942 đến bây giờ.

Tôi buộc phải dông dài đôi chút về ngôi Đền rất quen mắt và rất lạ mắt này, chỉ vì ở dưới lòng hồ và xung quanh Đền có cư trú, sinh sống và tồn tại một loài sinh linh chẳng ai thèm quan tâm, nhưng thiếu nó thì hồ Gươm cũng chẳng còn mảy may ý nghĩa – đó là những con Rùa, một thủy sinh vật có mặt từ thời tiền sử, nhưng nổi tiếng và đi vào lịch sử dân tộc từ khi có chuyến du thuyền của Lê Lợi vào khoảng non năm trăm năm trước.

Thật ra, những con vật thuộc loài thủy tộc có cái đầu rụt, có cái mai to như cái nong phơi thóc kia, không phải là Rùa, chúng chỉ có họ gần với rùa (kim quy) mà thôi, từ những năm còn thơ ấu, tôi đã thuộc lòng một bài vè đố về giống sinh vật này: – *"Da, da trâu. Đầu, đầu rắn. Chân, chân vịt. Thịt, thịt gà"*. Chúng đích thực là những con ba-ba to. Trẻ con quanh khu bờ hồ, và lũ câu cá thường kiêng kỵ gọi chệch đi là ba-biêu. Mà không phải chỉ riêng có ba-biêu. Còn có con *nhệch*, con *chẹm*, con *giải*, con *míp* v.v... Về ngoại hình, mấy thứ này in hệt nhau, chỉ phân biệt được chúng ở màu da, hoa văn trên đầu cổ, đặc biệt là hình dáng cái mũi và màu sắc hoặc

xanh, hoặc đỏ nâu, hoặc vàng đất, hoặc rằn ri trên vành mép của chúng. Rùa – rùa chính cống cũng có đấy. Chúng rất nhỏ, con to nhất chỉ bằng cái rá vo gạo. Phần nhiều mai rùa màu nâu sẫm, hoa văn hình lục lăng, da cổ và da chân đều mang màu xanh rêu với những ngấn chỉ màu trắng nhợt. Loại rùa này có mặt ở dưới hồ, là do thiện nam tín nữ đến lễ thánh mua chúng từ muôn nơi về đây thả xuống hồ, gọi là *phóng sinh lấy phúc.*

Những con to lớn nhất thường nổi lưng hoặc phơi mình trên bãi đất ở chân tháp đều thuộc loại ba-biêu. Có một con to nhất, từ đầu tới đuôi dài bằng chín lần bề ngang của những phiến xi măng cạp ven hồ. Mỗi phiến rộng ba mươi xăng-ti-mét, vậy là nó dài hai mét bảy. Mấy con kia nhỏ hơn, ngắn hơn, chỉ chừng hai mét mốt.

Con to nhất nói trên sống thui thủi, độc thân. Da nó đen như da trâu, mép nó xanh như cọng rau, bốn chân màu vàng nghệ, hay lên bờ phơi nắng thu vào mùa hanh heo, nằm gan lì hàng nửa ngày không nhúc nhích. Trẻ con câu cá đặt tên cho nó là "ông khọm" – có lẽ vì nó cao niên nhất, và hiền từ nhất chăng?

"Ông khọm" thuộc loài giải (ô quy). Nhưng quái thay, giống giải sao có thể hiền từ được? Năm xưa, 1948-1949, bộ đội chống Pháp chúng tôi đóng ở miền Chí Chủ, Thanh Cù thuộc tỉnh Phú Thọ, gần nơi đóng quân của mấy chiếc đầm hồ khá lớn, có nhiều loại giải mép xanh, mép vàng. Chúng kéo trâu bò xuống đáy hồ, chúng đớp cẳng bộ đội, chúng nổi tiếng là giống ác quái. Đơn vị dùng mìn và lựu đạn, tiêu diệt được vài con. Thịt chúng ngon, thơm, song dai, có thớ sợi như thịt trâu già.

"Ông khọm" gây cho tôi nhiều nghi vấn. Cụ thủ từ Đền Ngọc Sơn thì quả quyết rằng "khọm" hiền từ đi vì đã tu hành đắc đạo từ vài nghìn năm nay. Chính "khọm" chứ không phải ai khác, đã là kẻ trêu chọc vua Lê, nổi đầu lên cho vua Lê hoảng sợ phải tung kiếm vàng ra trấn áp. Rồi chính "khọm" đã ngậm kiếm nổi lên dâng trả vua Lê, để lại cho lịch sử Việt Nam một vài dòng thần thoại ly kỳ và đẹp đẽ. Trong lòng riêng, tôi nghĩ rằng "khọm" không giữ bản chất giải nữa, khọm hiền đi, vì đã sống quá lâu. Khi đến giai đoạn chót của một kiếp sinh vật, thì bất cứ con người hay muông thú nào

cũng tự cảm thấy và tự biến đổi tính chất để chờ đón những giây phút hủy thể.

"Khọm" không hề gây phiền phức cho người. Ai cũng rõ rằng: về mùa hè có hàng trăm cháu bé xuống hồ bơi lội, tắm rửa, rồi mỗi khi cá úi toàn hồ, thì dân phố bốn xung quanh và cả người qua đường đều "làm chủ" mặt hồ, tất cả ùa xuống kín đặc mặt nước, chẳng ai bị sày tí vẩy nào vì *giải*, *nhệch*, *chẹm* và *míp* cả.

Duy có một lần vào khoảng cuối năm 1969, một anh chàng đánh dậm ở đâu đến bị "khọm" hành hung. Nghe tiếng kêu oai oái như một kẻ cắp bị chọc tiết, tôi và ông Từ vội chạy ra. Dưới nước, cạnh gốc si già, anh chàng đánh dậm, mặt cắt không còn hạt máu. Toàn thân anh ta bị tạt về mé này, tạt về mé kia bởi một sức mạnh siêu nhiên lắc anh ta như quả lắc đồng hồ. Mặt nước ngầu sủi từng lớp bọt và bùn kêu ùng ục. Người đánh dậm gào thét cầu cứu. Ở bắp đùi anh ta bị một vật tròn tròn, đen nhánh, to như cây cột đình ngậm chặt. Những người hiếu kỳ ở ven hồ đều đổ xô cả vào xem quang cảnh ấy. Thần kinh căng thẳng, tôi vừa thương hại người bị hành hung vừa kinh ngạc. Nỗi kinh ngạc của một tài tử dạy hổ khi thấy con thú thuần dưỡng của mình bỗng nhiên trở mặt hung dữ. Tôi khẽ bảo ông Từ:

– Ông Khọm, bác ạ.

Ông Từ bác bỏ ngay lập tức:

– Anh nhìn nhầm hay sao ấy. Đời nào ông Khọm lại thế?

– Đúng Khọm, bác ạ! Không thể nhầm được. Nước da đen như da trâu mộng kia kìa. Mười mấy con biêu dưới hồ này có con nào da đen đâu?

Ông Từ há hốc mồm nói nhỏ:

– Có lẽ Khọm thật. Thế này thì lạ quá! Thời buổi bom đạn này đến chúng sinh cũng đốc chứng ra... Từ đời bố tôi, rồi qua sang đời anh tôi, đến đời tôi là thứ ba, chưa bao giờ thấy lũ *biêu* dưới hồ cắn người.

– Bác vào kho bếp lấy cho cháu mượn chiếc đinh ba.

– Không! Không! Anh định đâm chết Khọm à?

– Còn người sắp bị nó quật chết kìa, bác tính sao? Mà cháu chỉ dọa nó để cứu thằng cha đánh dậm thôi.

Dưới nước, người rủi ro vẫn chịu cực hình. Thật quái ác, con Khọm văng vật anh ta như con mèo văng vật một quả bóng nhỏ. Tôi hiểu rằng con vật đang hết mức tức tối. Thằng cha kia đã trêu chọc gì nó? Có lẽ đã sơ ý quật cái đòn ống vào đầu Khọm chăng?

Với chiếc đinh ba nắm trong tay, tôi bước xuống mép nước. Trong lòng có chút phân vân: Không thể để người đánh dậm bị con thú hành hung mãi; chỉ một cái vập đầu vào đá tảng dưới hồ, tính mệnh anh ta coi như xong. Nhưng tôi cũng không nỡ phóng đinh ba vào đầu hoặc vào mình con ô qui già nua nhất hồ được. Tôi phân vân và trù trừ. Theo quan niệm đông y, mỗi sinh vật có một yếu huyệt trên thân thể. Chẳng hạn con người có yếu huyệt á-môn và mệnh-môn; con rắn có yếu huyệt ở tam-thốn và thất-thốn; con cá có yếu huyệt ở chính hai mắt, còn con rùa, hoặc họ nhà rùa (tortueus) có yếu huyệt ở gần lỗ bài tiết dưới đuôi. Bị điểm trúng hoặc bị bóp mạnh vào những yếu huyệt ấy, cả người lẫn vật đều đờ ra và có thể tử thương – Song, con rùa đang chìm sâu dưới đáy bùn, chỉ vươn dài đầu cổ lên khỏi mặt nước, làm sao có thể chạm đúng phần đuôi nó?

Bí thế tôi đành quật đinh ba vun vút xuống mặt nước. Con Khọm lúc này đã nhận ra tôi đang lội tới gần nó. Chắc chắn không phải nó sợ tôi, song nể thì có. Đã gần mười năm nay, nó biết rằng tôi không dữ với nó, nghĩa là không thọc gậy vào đầu nó, không ném đá lên lưng nó, mà hàng ngày còn cho nó ăn, khi thì những chiếc bánh mì mốc, khi thì ruột gà. Lại cũng đã có nhiều đêm nó từ dưới nước bò lên nằm cạnh gốc cây bàng, phơi cái mai đen nhẫy to như một mặt sập gụ, đầu rụt ngắn, mắt thô lố ngắm trời đêm, ngắm ánh sao. Những lúc ấy tôi thường ngồi cạnh nó, cũng mở chong mắt ngắm trời đêm, ngắm ánh sao, miên man nghĩ tới những con người, những thằng ngợm, những vị hiền nhân và những lũ ma quỷ trên thế gian... Tóm lại, nó nhận ra tôi. Vẻ tinh khôn giấu trong thân hình trì độn, nó biết rằng tôi không bằng lòng, nên nó vội há miệng – cái miệng phía trong hàm đỏ như một chậu máu – nhả người đánh dậm ra. Nó lúc lắc cái cổ dài, đôi mắt tròn xoe, long lanh như muốn phân bua cùng tôi rằng vì sao nó phải điên khùng như vậy. Ít giây

sau, nó lặng lẽ chìm mình mất dạng, sủi bọt nước bơi về phía bên Thủy Tạ.

Tôi dìu người đánh dậm vào bờ. Hắn lả lướt, nghiêng cả khối lượng cơ thể phải tới sáu mươi nhăm ký vào người tôi.

Cán bộ bên Sở Văn Minh, nhân viên sở Cá và cả mấy chú công an nữa cũng vào Đền. Họ nháo nhác, ồn ào và hống hách lên tiếng. Kẻ thì sẵn sàng lập biên bản, nếu đây là vụ cướp giật rồi nhảy xuống hồ. Kẻ thì lập tức trừng trị nếu như xảy ra chuyện quây lưới bắt cá trộm. Kẻ thứ ba thì ôn tồn nhưng rắc rối hơn, ấy là xét nét xem có gì vi phạm di tích lịch sử không. Không có gì đáng lưu tâm, không có gì đáng cho họ phải vênh váo quát tháo, và cũng không có gì có thể "doanh lợi" trong cái chuyện cỏn con này, nên các vị đã lặng lẽ rút lui cả.

Tôi dìu kẻ đánh dậm ngồi xuống thềm hiên (Tây hiên). Trên đùi hắn hằn rõ hai hình móng ngựa đối xứng, trợt da và đỏ lòm máu. Tại sao lại có vệt máu hình móng ngựa? Còn nhớ vào một thời điểm nào đó trước đây, tôi được xem một bức vẽ nổi tiếng của một danh họa, vẽ một con rùa rất lẫm liệt uy nghi. Răng rùa đều hàng, trắng trẻo, đẹp không kém hàm răng của bất kỳ một tài tử màn bạc nào. Từ đấy, mỗi lần nghĩ tới con rùa trên bức tranh nghệ thuật, tôi lại thấy bàng hoàng. Sự thực thì họ nhà rùa, từ rùa đến vích, đồi mồi, ba ba, chẹm, míp và giải v.v... tổ tiên chúng vốn là một nhánh của giống khủng long bốn chân thời tiền sử thoái hóa, di huyết thành bọn chúng hôm nay. Chúng chưa bao giờ có răng cả, hai cái hình móng ngựa chính là hai xương hàm chúng đã được sừng hóa, rắn như thép, dùng để bắt giữ, kẹp gắp những con mồi, chứ không có chức năng cắn xé.

Sau khi được ông Từ chuồm cho ít nước nóng, tôi đã bôi thuốc đỏ, tiêm giảm đau, rồi gắn băng dính cho người đánh dậm. Hắn đã hoàn sức và hoàn hồn. Hắn bắt đầu cử động, vung vẩy chân tay... Trời đất ạ, lúc này tôi mới thấy hết tầm vóc lực sĩ, cao to, cuồn cuộn gân cốt của hắn. Chân dung của hắn là thế này đây: tóc tỉa đuổi, mắt tròn, lông mày rậm, da nâu, chân tay như một đô vật thượng thặng; trên ngón tay đeo hai chiếc nhẫn vàng phải đến mỗi nhẫn hai đồng cân. "Hắn đâu phải kẻ đánh dậm?". Tôi tự nhủ như vậy,

rồi liếc nhìn ông Từ. Nhưng ông già vốn thuần hậu, không kịp phát giác ra điều đó.

Người đánh dậm bất ngờ nện nắm tay như búa xuống mặt bàn gỗ lim, làm nảy tung cả đĩa chén đầy nước. Hắn gầm gừ:

– Các ông phải bồi thường tôi. Các ông đã để rùa dìm chết tôi.

Ông Từ kinh hoàng trước sự trở mặt hết sức bất ngờ đó. Và chính tôi nữa, tôi cũng hoàn toàn bị đột ngột. Người đánh dậm nghiến răng, trợn mắt quát:

– Thế nào? Lũ phát vãng này? Có chịu bồi thường không? Nếu không, tôi sẽ xin các ông tí "me" (máu) đấy.

Chúng tôi càng căng thẳng. Trong ngôi đền này, suốt ngày đêm, suốt năm tháng chúng tôi phải tiếp xúc, phải chào đón, phải đề phòng, phải xua đuổi với đủ mọi loại người. Từ các thượng khách quốc gia, các đoàn tham quan có học vấn uyên thâm, có phong cách văn hóa cao, các đoàn người hành hương cả tin nhưng đức hạnh, đến bọn buôn bán, bọn trộm cướp và lừa đảo, có lẽ, chưa bao giờ chúng tôi gặp phải một thằng súc vật hơn cả súc vật như thằng đeo nhẫn vàng này.

Tôi nhũn nhặn hỏi lại hắn:

– Này, người anh em, sao lại có chuyện kỳ quặc thế nhỉ? Chính tôi vừa mới cứu người anh em mà.

Hắn lì lợm hỏi vặn:

– Các ông đã nuôi con rùa kia, đúng thế chứ?

– Chuyện hơi lạ đấy.

– Lạ à? Lạ cái con củ... Con rùa ấy là rùa di tích lịch sử thuộc hồ này, đúng không?

– Về điều này thì có phần đúng.

– Thế hồ và đền này là do các ông trông coi?

– Cũng có phần đúng!

– Các ông liệu mà "xử" với tôi cho "phải đạo" đi.

– Như thế nào nào?

– Bồi thường chứ còn thế nào nữa. Tôi hỏi các ông, chó nhà các ông cắn người, các ông có bồi thường không? Tôi không cứng gân thì chết với nó rồi.

Lúc này ông Từ đã điềm tĩnh đôi chút, ông già yếu, hiền lành, chỉ choáng váng trước những gì hung bạo, còn về mặt đấu lý đấu lẽ, ông lão không kém cạnh gì ai.

– Thì cho là vậy đi, chó nhà có quyền cắn đuổi kẻ trộm, vậy rùa nhà cũng có quyền cắn đuổi kẻ trộm chứ?

Thằng tráo trở lại đập mạnh tay xuống bàn thét lớn:

– Tao mà lại thèm ăn trộm cắp của các ngươi à? Tao tuyên bố sẽ phạt tiền bồi thường gấp đôi, vì lão già dám bảo tao là trộm cắp. Nếu không, nhắc lại, sẽ xin tí "me" đấy. Đây không biết đùa đâu. Đây đã nói một là một...

– Anh vừa nói hồ này của chúng tôi. Anh đã được phép của chúng tôi chưa mà xuống đánh dậm? – Ông Từ hỏi.

– Này, không lý sự nữa. Có bồi thường không thì bảo?

– Bồi thường bao nhiêu?

– Hai đồng cân vàng!

Tôi im lặng khá lâu. Trong im lặng, tôi quan sát nét mặt của tên tướng cướp súc vật nọ. Lòng trắng trên mắt nó nhiều vằn đỏ gay gắt, dấu hiệu chứng tỏ hắn dám liều lĩnh và không từ một sự liều lĩnh nào. Tôi gọi hắn là "tướng cướp súc vật" không phải tôi tùy tiện lăng mạ người ta. Tôi biết có những loại trộm cướp khác. Quanh bờ hồ, những năm đế quốc Mỹ đánh phá, đã xuất hiện nhiều tay anh chị ghê gớm, và thậm chí tôi biết rõ từng đứa nhà ở đâu, gia đình ra sao, tính nết thế nào. Hung hãn! Đó là tính cách chung của chúng! Nhưng không phải đứa nào cũng mất hết tính người. Có đứa cũng khá hào hiệp, nhân ái, và vị tha cứu giúp kẻ khác. (Mênh mông cái thế giới tội ác này, viết bao nhiêu trang cũng không đủ được!) Song, bẩn thỉu như cái thằng đánh dậm này đã khiến tôi ngạc nhiên. Hình như trong tiềm thức, trong "bộ nhớ" của tôi đã có "lưu trữ" hình ảnh về hắn, nên tôi cảm thấy bứt rứt, bần thần. Chính lời nói của hắn đã giúp tôi nhớ lại: *"Hai đồng cân vàng"*. À, phải, hắn đấy!

Chuyện xảy ra chưa lâu lắm, mới vào khoảng đêm Nôen vừa qua. Trời rét! Mưa phùn uốn cong theo gió quật vun vút vào da thịt. Các cửa hàng và nhà cửa ven hồ đều đóng kín mít. Đêm của Đức Chúa ra đời, mọi lối đi, mọi gốc cây và thảm cỏ, ghế đá và lan can cầu, chỗ sáng trưng và nơi kín mít, đều đông nghịt trai gái. Kẻ có áo mưa, vẫn tay cầm tay thủng thẳng dạo gót, tâm tình. Kẻ không mang áo mưa đều dồn ùa vào quán giải khát Thủy Tạ. Một số không ít thì từng đôi đứng nép vào gốc cây, ôm ấp, hôn hít và làm tình theo cái kiểu kỳ lạ nhất.

Những đêm Hà Nội có lễ hội, tôi thường một mình đi nhàn tản, hoặc đứng lặng lẽ ở sân đình Trấn Ba mà âm thầm ngắm nhìn dòng người xuôi ngược tấp nập xung quanh Bờ Hồ. Tiếng ôtô, tiếng xe máy, tiếng người kêu gọi ồn ào... Và tôi đứng đó, có cảm giác như đứng trên tâm điểm của chiếc đèn kéo quân khổng lồ, lòng người buồn rầu nghĩ về đời mình, về đời của những sinh mệnh đang bon chen, mưu tính, vất vả ngược xuôi, thấy xiết lòng một suy cảm về hai tiếng "phù du" trên cõi thế mênh mang bể khổ này. Giữa lúc tôi đang trầm tư chìm mình vào một bài thơ chữ Hán theo Đường luật đang rạo rực trong đầu thì một chuyện gì đó xảy ra bên phía nhà Thủy Tạ.

Nơi đó, dưới ánh sáng đèn Nê-ông trắng lóa đang nhốn nháo trăm người hò hét, xô xát. Rồi một bóng người lao xuống hồ. Tiếp đó là tiếng hàng ngàn viên gạch ném theo, tiếng người hò la, tiếng còi inh ỏi của công an và thanh niên cờ đỏ.

Bóng người nhảy xuống hồ đã biến mất vào những màn mưa phùn và gió bấc, vào những đợt sóng rào rạt lạnh buốt. Tôi rùng mình nghĩ tới cái thằng cha táo tợn nào đó. Chắc là hắn cướp giật một cái gì đấy. Chà! Chà! Trời buốt lạnh như thế này...

Chẳng mấy chốc, công an, cờ đỏ và hàng trăm người cùng chạy vòng theo bờ nước, rồi họ tung cổng gỗ, kéo ùa vào trong đền Ngọc Sơn. Họ cho tôi biết rằng có một tên "lính mổ" đã cướp giật một túi vàng và tiền của khách giải khát. Chắc chắn hắn sẽ bơi vào ẩn nấp trong những bụi dứa, bụi si mọc um tùm quanh đảo. Trong số người săn đuổi và người hiếu kỳ tò mò kia, tôi nhận ra khoảng vài chục thằng cướp và cắp ở quanh khu vực này. Chúng cũng gậy gộc, cũng

nhăm nhăm đá củ đậu trong tay. Bọn này thường diệt cướp và cắp hăng hái hơn cả công an, cờ đỏ, bởi vì những tên cướp cha vơ chú váo kia đã dám hành nghề trên "lãnh địa" của chúng. Không rõ lẽ gì, tôi lại thấy lo thay cho tính mạng của thằng cướp táo tợn kia. Hắn không thể bơi mãi dưới mặt nước rét buốt. Thế nào hắn cũng vào bờ. Hắn sẽ không thể sống quá mười phút bởi trận đòn hội chợ. Trong thời Mỹ bắn phá, người Hà Nội đã từng biết có khá nhiều lưu manh chết tươi con nòng nọc do đám đông đánh đập vô tội vạ. Con người lúc bấy giờ mới dữ dội làm sao?

Trong khi người ta lùng sục các bụi cây, thì tôi phóng mắt nhìn khắp mặt nước. Từ lâu, tôi đã quen nhìn mặt nước trong đêm tối, và chỉ loáng sau, tôi đã nhận ra một cái đầu người nhấp nhô ngoài xa. Thằng quỷ phải có một sức khỏe lạ lùng mới chịu đựng nổi nhiệt độ thấp suốt từ nãy tới giờ. Hắn cũng có một trí khôn ma mọi cho nên cứ bơi chậm rãi, tránh xa những quầng sáng của các ánh đèn.

Máu "săn" từ thời hoang dã của tổ tiên chắc là còn di truyền trong từng tế bào tôi, nên tôi nóng người lên, hăm hở vác cái thuyền gỗ tam bản từ trong bếp chạy ra mép nước. Một anh công an có đèn pin và súng lục định nhảy lên thuyền. Nhưng (lại cũng chẳng biết vì sao) lập tức ngăn anh ta lại, tôi nói:

– Thuyền nhỏ không chở nổi hai người – Anh cứ để mình tôi thôi. Nếu tìm thấy, tôi sẽ "điệu" nó vào bờ cho các anh.

– Bác cẩn thận đấy. Nó rất to lớn, lại có dao nhọn. – Anh công an dặn dò.

– Anh cứ yên tâm. Tôi cũng có mái chèo gỗ lim đây. Lo gì?

Nói xong tôi lao vút thuyền ra giữa hồ. Thằng cướp vẫn làm động tác bơi chậm chạp, điềm tĩnh. Thần kinh căng thẳng, tôi ghìm thuyền để phòng ngừa. Hắn quay nhìn tôi, thản nhiên bơi tiếp. Gió thổi dữ dội. Sóng nước tung tóe văng lên cổ tôi như dao cứa. Sau một lúc thi gan với nhau, tôi đành lên tiếng trước:

– Này thằng đểu! Mày định bơi suốt đêm nay chăng?

Có lẽ thấy tôi hiền, hiền từ vóc người đến giọng nói êm êm, nên thằng cướp đột nhiên quay phắt lại, nhanh không tưởng được, chỉ chớp mắt hắn đã bíu được hai tay vào mạn thuyền. Trong đêm

tối, nhưng tôi cảm thấy rất rõ mặt hắn đã bị rét buốt làm cho nhợt nhạt, biến dạng. Tuy vậy, hổ gầy còn oai, hắn đanh giọng bảo tôi:

– Ông nên quay vào đi, đừng chạm đến tôi. Quay vào đi!

– Nếu tao không quay vào bờ thì sao?

Thằng cướp nhếch mép cười gằn:

– Thì tôi sẽ dìm thuyền. Tôi sẽ xin ông tí "me". Cùng lắm là mạng đổi mạng. Ông chưa biết tôi là ai đấy thôi. Đừng đùa!

– Thế thì mày nhầm! Mày cứ dìm thuyền đi, mày sẽ biết ở dưới nước, tao vờn mày như vờn một con chó con. Tao chỉ "nể" mày ở trên cạn thôi...

Im lặng. Thằng cướp thở hổn hển. Hai hàm răng hắn va vào nhau lập cập. Rõ ràng hắn đã kiệt sức. Nếu cứ tiếp tục bơi, có lẽ do thân nhiệt tỏa nóng, hắn còn dễ chịu hơn. Lại chừng vài phút nữa trôi qua, đột ngột, thằng cướp quẳng con dao dài, sáng, và nhọn về phía tôi. Tôi hỏi hắn:

– Mày định thế nào đấy?

Tên cướp lộ vẻ phờ phạc nói trong cơn run rẩy:

– Con đầu hàng bố! Bố hãy tha cho con! Con rét lắm rồi.

– Không tha mày được. Mày đã trắng trợn cướp giật của người ta. Mày đã làm hại bao người rồi...

– Con không cướp giật của người tử tế. Con "nẫng" của bọn trấn lột bên cầu Chui đấy thôi. Con đã "tăm" chúng nó từ mãi Yên Viên về đây... Con xin bố, bố tha cho con. Lên bờ bây giờ con sẽ chết ngay vì đòn hội chợ mất.

– Phải! Đó là cái chắc!

– Con lột của bọn cướp khác thì có gì là đáng "tịch"...? Con còn nuôi bốn đứa con nhỏ, bố ơi... Con sẽ biếu bố hai đồng cân vàng trên ngón tay con đây. Bố không thương con thì thương các cháu vậy... Con chết, tội nghiệp chúng nó lắm!

Lòng tôi mềm xìu. Trời ơi! Sao cái thằng đốn mạt này nó lại biết cách giẫm đúng vào lòng tôi? Bốn đứa con? Ôi! Tôi cũng có bốn đứa con. Hiện giờ chúng nó cơ cực ở nơi sơ tán, cứ chiều thứ bảy là mỏi mắt mong bố thồ gạo, củi, dầu hỏa, bột mì và ít cá tươi cho

chúng. Hỡi đấng linh thiêng ngự trị nơi nào đó trên thiên đường huyền hoặc? Đấng linh thiêng hãy chứng giám cho, làm sao tôi có thể góp phần tiêu diệt một người bố của bốn đứa trẻ nhỏ?

Tôi quát vào mặt thằng cướp:

– Buông tay ra! Bơi vào Tháp Rùa mà "lặn"! Tao quay về đây! Vàng của mày thì giữ lấy mà nuôi con!

Thằng cướp rời hai bàn tay, bơi đi. Quá chục sải tay, tôi đã không còn thấy nó đâu nữa.

Thấy tôi quay về với con thuyền trống rỗng, có hàng trăm tiếng lầu bầu nguyền rủa tôi là đồ vô tích sự, đôi mắt "cặp-bà-lời" (tôi đeo kính lão). Thây kệ mọi điều tiếng ồn ào tôi quay vào nhà, xin ông Từ một chén rượu để uống cho ấm dạ.

Lúc này, hôm nay, sau một tuần lễ, thằng khốn kiếp đang gầm ghè đòi "phạt" chúng tôi đây. Mặc cho hắn tác oai tác quái, tôi vẫn không động đậy. Tôi mải nghĩ xem vì sao hắn lại đánh dậm dưới hồ. Cũng chẳng khó khăn gì việc tìm đáp án. Chắc chắn đêm hôm xưa nó đã quẳng túi vàng với tiền xuống bùn. Hôm nay đóng vai người đánh dậm, chắc là để mò tìm cái túi đó. Và hắn đã bị rùa "Khọm" trừng phạt...

Thằng ểu nhìn hai chúng tôi, một già yếu, một gầy còm, giọng nói sắc lạnh hơn:

– Thế nào, có nộp phạt không? Hai đồng cân vàng "nôn" ra, nhanh lên! Lũ phát vãng!

Tôi điềm nhiên tiến lại gần hắn, hai tay chắp lại, lấy giọng nói nhỏ, như niệm thần chú:

– "Con còn nuôi bốn đứa con nhỏ... Bố không thương con thì thương các cháu vậy... Lên bờ bây giờ con sẽ chết ngay vì đòn hội chợ...!".

Ông già thủ từ ngẩn mặt ra, không hiểu tôi tụng niệm cái gì. Thằng ểu đã hiểu. Hắn tròn xoe mắt, há hốc mồm nhìn tôi rất kỹ, rồi thình lình quay người chạy một mạch ra khỏi cầu Thê Húc. Từ đó tôi không bao giờ gặp lại hắn.

Tối hôm ấy tôi ra gốc si ngồi "nhấc" cá. Lẽ ra tôi định ngồi cho đến khuya, nhưng mới câu được vài ba con trê già, bỗng thấy cá

nhảy lung tung khỏi mặt nước. Tôi chán ngán đứng lên, trong miệng làu bàu:

– Lại "Biêu" vào rồi. Những của nợ này quấy rầy quá đi mất!

Đúng Biêu vào thật. Từ đáy nước một cái mặt tròn màu đen sẫm từ từ nổi lên – chính Khọm! Nhận ra tôi là bạn quen, Khọm không lặn mà còn tiến vào gần hơn. Vẫn theo lệ thường, tôi quẳng cho Khọm một con trê to. Con vật tinh khôn há rộng miệng đớp cái "tóp", rồi lắc cổ hai ba cái nuốt chửng. Xong xuôi, nó im lìm, cổ dài từ từ rút vào trong mai, chỉ còn chừa ra hai mắt, một khoảng trán và hai lỗ mũi hin hít, sít nhau, tròn tròn như hai lỗ của chiếc ống nhòm loại lớn.

– Tại sao vậy hả người anh em? – Tôi tủm tỉm cười trò chuyện với cái ô quy – Nó, cái thằng cướp vô pháp vô thiên ấy, nó đã làm gì người anh em? Nó đập ống dậm vào đầu, hay nó choảng đá vào "mái nhà" của người anh em? Người anh em đã nổi hung trừng phạt nó – thế ra bậc đạo đức chân tu như người anh em mà cũng còn tính hỏa, cũng biết nổi giận, cũng biết hằn thù kia đấy? Chả trách được lũ chúng sinh người trần mắt thịt cứ luôn luôn kèn cựa, sát phạt và hãm hại lẫn nhau như một lũ chó dại.

Về sau nhiều năm, đột nhiên con ô-quy này biến mất. Với thân hình đồ sộ thế, nó chẳng thể lọt vào một cửa cống nào. Còn chuyện thoát xác thành tiên, chỉ là điều hoang đường, vui tai trẻ lên bảy.

Tôi biết rằng ở gần tháp Rùa có một cái lỗ to rộng, sâu ghê gớm. Một lần theo ròng một con cá chép, tôi đã bị sa xuống cái lỗ bùn đó. Chẳng rõ có phải Khọm đã đào khoét soạn sửa cho mình nơi an nghỉ cuối cùng sau hơn nghìn năm chứng kiến mọi triều đại, mọi tang thương, mọi hưng phế của thế giới loài người tràn đầy bất công, mờ bụi và ti tiện hay không?

THẰNG NHẮNG

Trong số mười bảy con rùa hồ Gươm, có một con khiến tôi thấy là đặc sắc và đáng lưu tâm. Nó không to lắm, chỉ bằng chiếc vành xe bò. Nó khác hẳn đồng chủng và đồng bọn về hình hài, lại càng khác biệt về tính cách. Trước hết "mái nhà" (cái

mai) của nó không bèn bẹt mà khum khum nhô cao như một chiếc mũ sắt của lính Đức phát xít. Trên mai có lằng nhằng hoa văn trắng đen như vải dù. Đầu nó giống hệt đầu chó Ái Nhĩ Lan, còn cổ thì dài và rằn ri, cũng hai màu đen trắng. Nó tinh nghịch và linh hoạt nhất hồ. Tôi đặt cho nó một cái tên riêng là thằng Nhắng. Ước đoán, tấm mui đồ sộ và những chiếc vuốt dài nhọn ở hai chi trước, nó cũng phải có trên ba trăm năm tuổi đời.

Nhắng suốt ngày bơi và lội quanh hồ để săn cá chép. Nếu lặn lội ở sát đáy bùn, nó đi thành một vệt rất thẳng, cứ cách một hai mét lại nổi quầng lên bốn mảng bùn sủi sục. Nếu bơi lửng lơ, thỉnh thoảng nó lại trồi đầu lên, mép ngậm đầy rong rêu. Khi biết có nhiều người đi theo ngắm nhìn, nó càng nghịch ngợm. Nó mở thao láo cặp mắt lồi như hai mắt cá vàng, miệng kêu ké ké, hai lỗ mũi phun nước, đầu lắc bên này, lắc bên kia, đập cho nước bắn văng sang hai bên, rồi vèo vèo lướt nhanh, nổi cả toàn thân, như một con vịt vừa bay vừa chạy trên mặt sóng. Giây phút ấy thật là đẹp. Rùa không còn ý nghĩa của từ "chậm – như – rùa" nữa. Nó sinh động, tràn đầy sức sống và biểu thị lòng yêu đời, yêu thiên nhiên muôn vẻ. Đã nhiều lần, đóng vai một du khách nhàn tản quanh bờ hồ, nhập vào giữa đám đông, tôi cũng như mọi người đi theo xem con Nhắng đùa nghịch. Lạ lùng thay chỉ cần ba tiếng vỗ tay hai – nhanh – một – chậm rất vang, lập tức thằng Nhắng nhận ra tôi giữa đám đông. Nó múa tít cái đầu chó Ái Nhĩ Lan có cặp mắt lồi và cái trán dô bướng bỉnh rồi hướng về tôi, nó bơi gần bờ hơn. Ánh mắt xanh lè như lân tinh của nó có một vành trắng như sữa bao bọc, nhìn tôi chằm chằm như muốn hỏi:

– "Ông bạn đấy à? Sao ông lại bỏ Đền mà ra đây cùng lũ người ngu ngốc và độc ác?"

Ngu ngốc ư? Không hoàn toàn đúng! Đây chỉ là lũ người vô công rồi nghề, lũ người bị xã hội chà đạp và chà đạp lại xã hội, lũ người gây tội lỗi to hoặc nhỏ, đồng thời cũng bị lãnh đủ những trừng phạt ít hoặc nhiều. Họ không ngu ngốc như thằng Nhắng tưởng. Còn độc ác thì quả có thế, mà còn hơn cả trí tưởng tượng của giống rùa nhiều.

Một thằng trẻ tuổi nào đó, ném về phía con Nhắng một hòn ngói đỏ. Thế là sau hòn ngói khơi mào, lác đác vài hòn đá ném theo, cuối cùng là rào rào hàng trăm hòn và tảng đá bay xuống hồ. Có hòn đã rơi đúng mui rùa, vang lên một tiếng "bộp" nảy bật lên như một cú thia-lia. Trước khi lặn hẳn, để tránh xa cái thế giới tràn đầy độc địa kia, nó còn kêu ké-ké và nhìn tôi bằng tia mắt oán trách:

– "Đồng loại của ông là thế đấy!"

Đặt mình ngồi phịch xuống một chiếc ghế đá, lòng tôi trĩu nặng. Tôi nhìn lũ người tàn tệ, không nói năng gì, song tê tái hờn căm.

Một con rùa tung tăng dưới nước có hại gì cho loài người. Nhưng người ta đã đua nhau ném đá.

Về đến đảo Đền, tôi lập tức lao ra bụi dứa bên cạnh cây cơm nguội già đang chết khô để xem xét "thái độ" của Nhắng. Những tưởng nó hẳn buồn, hẳn giận tôi vì tôi đã có những đồng loại mà nó gặp hồi nãy. Tôi gạt những mảng lá dứa dại ra, nhìn vào trong bụi. Nhắng đã nằm nghỉ ở đó thật. Cái đầu chó trán dô có đôi mắt lồi của nó nhô khỏi mặt nước. Thấy tôi, nó vươn cao đầu lên, đôi mắt nhay nháy như mắt anh hề, còn miệng thì ngậm chặt một con cá mè khá to, phần đuôi của con cá mè trắng đang giãy bần bật. Nhắng nhìn tôi với vẻ tươi vui không có chút gì buồn phiền như tôi cứ hay đa tâm suy tưởng. Nó xóc mạnh con mồi. Chỉ loáng sau, hai hàm móng ngựa của nó đã nghiến đứt con cá. Nó nuốt nửa phần trong miệng, phần đuôi của con cá rơi xuống nước, nó không thèm nhìn đến nữa. Tính nết của Nhắng lạ nhất trong số rùa dưới hồ. Khác hẳn đồng loại, chẳng bao giờ nó nuốt cả thân con cá. Bao giờ nó cũng nghiến đứt và nuốt chửng chỉ có một nửa. Mỗi lần thấy nửa thân cá trắm, chép, hoặc mè nổi rạt vào bờ, bập bềnh cạnh khóm dứa, cành si, tôi biết ngay là cái trò của Nhắng, "tác phẩm" của Nhắng.

Sự hồn nhiên và vô tư của Nhắng như một liều thuốc an thần đối với tôi. Tôi nhẹ nhõm đứng lên, miệng lẩm bẩm:

– Chúc Nhắng bình an vui vẻ!

Hôm nay ngày đản đức Thánh Trần Hưng Đạo Đại Vương. Từ các cửa sổ, các khe ngách, khói nhang tỏa ra mù mịt. Mé trong bên

gian đại bái, các cụ ông, cụ bà, các ông, các bà, các bác, các anh, các chị, hội viên hội phả Ngọc Sơn Từ, đang hành lễ. Dăm mười cụ cao vọng và cao niên nhất đang đội mũ mấn, áo thụng, hốt bạc, bài ngà làm lễ chúc thánh Trần uy linh muôn thuở. Những người khác cũng áo dài, khăn xếp đang bận bịu dâng hương hoa, trầu cau và biện lễ mặn ngọt. Trong số hơn trăm vị hội viên của hội phả chỉ có một người lập dị ăn mặc không giống những người khác. Thông thường, cứ ngày đản của Thánh Văn Xương đế quân – vị thần văn học – hoặc thánh Trần hoặc ngày tuẫn nạn của cha con ông Quan Công, hội phả đều cử lễ rất quan trọng. Tất cả hội viên đàn ông đều khăn xếp áo the, đàn bà đều vấn khăn áo dài. Riêng chỉ có ông Tư Mã là tứ thời com-lê, mũ phớt, giày da. Mùa rét ông đội mũ dạ, áo vét len, đi giày da đen. Mùa hè ông đội mũ "phớt" nilông pha lụa, com-lê tơrôpican (nhiệt đới hóa) xỏ giày da hai màu. Trông ông, với cách ăn mặc chải chuốt, với nước da đỏ au, với ánh mắt linh lợi, với nụ cười như giễu cợt cuộc đời, người ta có cảm giác ông như một du khách nước ngoài, hoặc một viên chức cao cấp trong một phái bộ ngoại giao. Tên thật của ông khác kia, nhưng tôi gọi ông là ông Tư Mã bởi vì ông có cái phong thái của Tư Mã Tương Như bên Tàu ngày xưa: đẹp trai, hào hoa, coi giàu sang là sự hèn mạt, coi địa vị là chuyện ngu ngốc, coi đố kỵ và tham lam là việc bẩn thỉu nhất trong muôn điều bẩn thỉu. Và ông cũng rất giống ông Tư Mã Tương Như ở chỗ tôn thờ sắc đẹp, phụng sự tình yêu. Với ưu thế bề ngoài, nếu cần, ông có thể quyến rũ gái như bọn đàn hát cung văn quyến rũ những cô đồng bóng son trẻ... Nhưng ông không thuộc loại nhắng nhít bậy bạ. Đầu óc thông minh, năm hai mươi hai tuổi, ông đã đậu cử nhân luật, sửa soạn đi nhậm chức tri phủ ở Vĩnh Yên. Song ông thờ ơ với kiếp sống quan trường, chỉ đêm ngày cùng bạn bè văn chương thơ phú. Một lần chàng Tư Mã đưa chị gái đi lễ chùa Bà Đa, thấy trong chùa có một ni cô tên gọi Diệu Tịnh với sắc đẹp khiến ông rung động. Từ hôm đó chàng Tư Mã ngày nào cũng vào lễ chùa, mỗi ngày lại gửi tặng ni cô một bài thơ. Ni cô xé thơ, đốt thư. Tư Mã lại gửi, lại viết. Sợ hãi, ni cô phải lánh vào chùa Láng. Nửa năm sau, lần mò ra tung tích Diệu Tịnh, ngày nào chàng tri phủ đào nhiệm cũng vào lễ chùa Láng. Ni cô Diệu Tịnh đành phải trốn biệt vào mãi trong chùa Hương. Một năm sau, khi biết tin Diệu Tịnh ở

chùa Hương, chàng Tư Mã si tình lại vào thuê nhà ở Thiên Trù, rồi ngày ngày leo núi vào chùa trong dâng hương cầu nguyện. Trước khi đạt đẹp cuộc tình, chàng đã trở thành vận động viên trèo núi giỏi nhất Đông Dương. Cứ thế kiên nhẫn gần một năm trời, sư cụ trưởng lão chùa Hương biết chuyện đã khuyên Diệu Tịnh hoàn tục:

– Tiền oan nghiệp chướng đấy con ạ. Con hãy về trần đền nợ cho sạch, kẻo còn bị quấy mãi không thôi. Bao giờ trả xong nợ, cửa từ bi sẽ lại đón con.

Bây giờ họ đã có bảy mặt con với nhau, đã ngoài sáu chục tuổi nhưng vẫn rất xinh đẹp, một bước không rời nhau. Ngày Sóc, ngày Vọng nào cũng đưa nhau vào đền lễ bái rất sùng và rất chăm, như một đôi uyên ương khăng khít.

Chẳng hiểu vì lý do bí ẩn nào mà ông Tư Mã lại tự nhiên kết thân với tôi, dù rằng tôi đã âm thầm giấu kín tung tích. Có lẽ người này thấy một chút mình ở trong người kia chăng? Hay là sự phân thân của chỉ một người? Ông không tin rằng tôi là một phó cạo, cho dầu ông đã tấm tắc khen ngợi tay dao tay kéo lành nghề của tôi. Ông có học vấn uyên thâm, lại ham văn chương thơ phú, khi biết rõ nỗi lận đận của tôi, ông kết gắn với tôi âu cũng là cái sự "mặc nhiên nhi nhiên" vậy. Ông đã tặng tôi hai câu thơ khiến tôi hữu, cảm ơn ông như một người tri kỷ: *"Bởi tài hoa quá đời ghen. Bởi trong trắng quá đời lèn cho do!"*

Là một hội viên của hội phả Ngọc Sơn, ông chăm lo đóng góp, quyên cúng và điều hành quản trị hội, nhưng ông rất thờ ơ với việc ăn uống và những buổi mạn đàm thế sự. Khi các cụ kia nói nhiều về chính trị, về đất nước, về chiến tranh, về Á – Âu thì ông Tư Mã chỉ nháy mắt cười với tôi rồi ngâm nga câu thơ, có lẽ là của bà Hồ Xuân Hương:

– Một đàn ngô ngọng đến xem chuông. Nó bảo nhau rằng "ấy ái uông..."

Đàn ngô ngọng đây, theo tôi hiểu rõ cũng là những nhân vật khét tiếng và khạc ra lửa một thời. Kìa! Cụ họ Phạm, giàu nhất phố Hàng Bạc ngày xưa. Cụ có ba người con trai. Người thứ nhất làm cán bộ to trong chính phủ cộng hòa xã hội chủ nghĩa. Người thứ hai làm quan to trong chính phủ của Nhật Hoàng. Người thứ

ba làm một nhà điều hành cỡ bự tại vương quốc Thái Lan. Cụ Phạm đã nhiều lần khoe với tôi về lá số tử vi thiên hạ có một không hai của cụ. Kể cũng lạ thật đấy. Ngoài ba người con trai lừng danh đó ra, cụ còn có ba nàng dâu cũng rất kỳ lạ: một Pháp, một Nhật, một Thái Lan... Kìa! cụ phó hội trưởng, râu tóc bạc phơ, phong cách linh lợi, người ta quen gọi cụ là Vi.. Cụ Vi đã từng làm Tổng đốc Quảng Yên và Thái Bình, chém đầu cộng sản như chém chuối. Thế mà cụ đàng hoàng tai qua nạn khỏi, ấy là nhờ mấy ông con rể trung cao cấp trong chính phủ. Và kia nữa, cụ Phan, cố vấn danh dự của Hội. Cụ Phan rất ít khi có mặt, song cụ được trọng vọng bậc nhất và luôn được nhắc đến mỗi khi hội phải họp hành. Bởi vì cụ là tiêu biểu cho danh vọng, cho số mệnh lạ lùng, hiếm có. Thời còn vua Bảo Đại, cụ là một trong "tứ trụ triều đình", thời Pháp Nhật cụ làm quan Khâm sai đại thần; còn thời kỳ có nhà nước dân chủ cụ còn to tát hơn: phó thủ tướng chính phủ. Về cụ Phan có lẽ vì cụ "sang" quá nên cái hội phả này muốn "bắt quàng" làm họ. Tôi chưa thấy cụ Phan vào Đền lần nào.

Với các nhân vật lỗi lạc như thế mà ông Tư Mã hỗn xược dám gọi là "đàn ngô ngọng" thì thật láo quá, đáng ghét quá. Mỗi lần họp hội phả, giữa ông Tư Mã và các cụ thường xảy ra chuyện một bên thì giễu cợt, một bên thì thâm thù. Hôm nay nhân có ngày đản đức thánh Trần, với tư cách ủy viên ngân quỹ và hành lễ mà ông Tư Mã lại mặc đồ Âu phục, nên các cụ bỉ bai ông đủ điều. Cộng thêm với các việc ông bênh vực bà Đinh Thị Cườm hôm xưa, nên các cụ đem ra bàn về việc ông Tư Mã có nên kết nạp làm hội viên hay không?

Tôi bước vào chậm nên không rõ câu chuyện diễn biến thế nào, chỉ thấy ông Tư Mã cười ha hả, không có gì là bực dọc. Bởi lẽ ông vốn là người coi khinh mọi hư danh phù phiếm, nên ông chỉ nói năng điềm tĩnh, nhưng không phải không mỉa mai, chua chát:

– Tôi quý cái hội này vì nó thờ Văn Xương đế quân. Các ông thì có thật sự yêu quý vị thần văn học đâu. Các ông chỉ là một lũ a dua thời thế, lợi dụng các hội này để làm các trò ma quỷ. Tôi xin cáo biệt ngài! Xin không bao giờ cùng hội cùng thuyền với các ngài, hỡi các ngài khả kính vạn lần! Hỡi các ngài chỉ biết tận dụng danh nghĩa vị thần Văn học để mưu danh đoạt lợi.

Bình thường tôi vốn nóng nảy gấp mười lần ông Tư Mã. Thế song, vào đúng lúc ông nóng nảy thì tôi lại thấy có nghĩa vụ khuyên can ông. Tôi kéo ông về phòng riêng của tôi, pha trà rót rượu và mời ông xơi mấy quả mơ chùa Hương người ta mới tặng tôi. Nhìn những quả mơ mòng mọng, màu vàng óng, phơn phớt lông tơ, ông Tư Mã cứ lặng lẽ mãi, mấy ngón tay nhẹ nhàng mân mê, miệng rên se sẽ điều gì đó. Hiển nhiên ông có chút rung lòng khởi cảm. Tôi biết vô tình tôi đã gợi lại khung cảnh chùa Hương, nơi ông để lại một mảng tim xanh non trẻ. Ông mỉm cười, bao nhiêu buồn bực tiêu tan đi sạch.

Một lúc sau, tôi đem chuyện những con rùa dưới đáy hồ nói lại với ông. Tưởng ông cũng buồn như tôi, nhưng không, ông điềm đạm bảo tôi rằng:

– Thế đấy, bạn ạ. Con người bây giờ thật sự lạ lùng. Tôi không thể cắt nghĩa được vì sao đâu. Vì sao nhỉ? Xã hội bây giờ hơn hẳn mọi xã hội cũ. Người ta đã được giải thoát khỏi nỗi nhục vong quốc, được săn sóc đến phẩm hạnh bằng mọi hình thức đoàn thể, từ lúc còn bé, được phổ biến và chỉ bảo những điều cao đẹp nhất với lý tưởng huy hoàng nhất. Thế mà, vì sao nhỉ, con người lại vị kỷ, hung bạo – Ngưng lời đôi chút, ông Tư Mã đăm đăm nhìn tôi – Có lẽ ông hiểu, ông bạn ạ.

Tôi bần thần đáp lời:

– Không! Tôi không hiểu. Tôi...

Ông Tư Mã đốp chát, gạt tay vào không khí, nhìn tôi:

– Đúng thế. Ông hiểu. Tôi biết là ông hiểu nhưng không dám nói ra. Tôi cũng tồi tệ như ông, nghĩa là tôi hiểu mà không dám nói ra. Một cái gì đó, một cái gì nặng nề, nguy hiểm, đè nặng và đe dọa, khiến chúng ta không dám thành thực bộc lộ điều mà ta đang cảm nghĩ, đang đớn đau...

Một lần, vào khoảng mười giờ đêm, trời có trăng nhưng bị mây mờ che khuất, nên bầu trời chạng vạng, tranh tối tranh sáng, ông Tư Mã từ ngoài sầm sầm chạy qua cầu Thê Húc vào tìm tôi. Ông hớt hơ hớt hải, sắc mặt nhợt nhạt hẳn đi:

– Chúng nó bắt rùa! Chúng nó giết rùa...!

Tôi bàng hoàng kêu to:

– Chúng nó là bọn nào?

– Bọn "người" chứ còn bọn nào nữa. Có thể là bọn lưu manh. Cũng có thể là bọn trục lợi. Tóm lại, một lũ vô nhân tính.

Tôi mặc vội vàng quần áo. Ông Tư Mã nói thêm:

– Mang theo cả thuốc men trong túi thuốc của ông nữa.

– Sao vậy? Để cấp cứu cho rùa à?

– Không! – Ông Tư Mã gần như hét lên – Cứu người! Có một cô gái phản đối việc bắt rùa. Cô ngăn cản chúng nó. Bọn lưu manh đã đấm đá cô gái chết ngất đi.

Tôi đeo vội túi thuốc vào người, rồi cùng ông bạn già chạy băng qua cầu Thê Húc. Câu chuyện thật khủng khiếp. Khoảng gần mười giờ đêm, trời ngột ngạt, nóng bức, lại thêm nỗi mất ngủ vì mất điện, vì chốc chốc lại một đợt còi báo động "máy bay Mỹ cách Hà Nội hai mươi cây số..." ông Tư Mã đi sang mép hồ, ngồi hóng mát trên một chiếc ghế đá, nơi gần mấy căn hầm trú ẩn. Toàn thành phố vắng ngắt. Trên các ghế đá chỉ còn thưa thớt bóng người: mấy anh bộ đội lỡ độ đường, vài ba kẻ buôn xuôi bán ngược và vài cô gái bán trôn nuôi miệng.

Cũng vào chính lúc yên tĩnh này, bọn rùa mò vào mé bờ gần bến tàu điện. Chỗ này nước nông, chúng bò vào, phơi nhô cái mai khum khum để kiếm thức ăn: vỏ chuối, lá bánh, xác gà, xác mèo và những đống xương bò xương lợn từ những nhà gần đó đổ xuống. Bọn lưu manh đã dùng đầu nhọn của cuốc chim bổ phập vào mai rùa. Bốn năm thằng đồng lực hất ngửa rùa ra, rồi khênh lên những chiếc xích lô đợi sẵn. Rùa, hay đúng hơn là ba-ba sẽ bị đem về các xóm bờ sông, mà cũng có thể là vào các quán ăn nổi tiếng ở Hàng Buồm, ở Ô Quan Chưởng... Ông Tư Mã đã thấy chúng hất lên xe hai con to bằng chiếc nong phơi thóc. Còn con thứ ba có cái mai nhô cao như hòm xe tải, màu rằn ri, khỏe quá đã kéo bốn năm thằng khốn nạn xuống hồ. Bọn chúng phải rời tay ra. Mai rùa mang theo cả lưỡi cuốc xuống nước.

Nơi gần ghế đá ông Tư Mã ngồi có một cô gái trẻ, chắc là làm nghề "đi đêm". Cô đã gào thét lên cho dân phố xá và đồn công an

gần đó biết. Chúng lập tức chạy lại bịt miệng và đấm đá cô. Một tên còn kề dao nhọn vào cổ cô dọa:

– Mày kêu một tiếng nữa thôi, "bố" sẽ cho mày đẫm "me" ngay. Đồ bớp, không biết các "bố" mày là ai à?

Một thằng choai choai nhất, chừng mười lăm tuổi, đã sờ nắn hai bầu vú cô một lúc, rồi cười ha hả:

– Bọn anh vội quá, nếu không thì... Thôi, tạm biệt "em gái" xinh tươi! Nhớ đừng bẻm mép đấy.

Rồi chúng lên xe xích lô, lượn rồng rắn trên đường. Khi qua cửa đồn công an, chúng còn hét to – "Các anh công an ơi, sao mà yêu các anh thế!".

Lúc hai chúng tôi ra đến bến tàu điện, quang cảnh đã rất yên tĩnh. Tôi nhìn mặt hồ, lẩm nhẩm trong miệng:

– Con thứ ba có cái mai nhô cao, màu rằn ri à?

Thấy tôi thẫn thờ như bị lạc hồn, ông Tư Mã vỗ vai tôi:

– Phải rồi, cái con có hoa văn loang lổ. Nhưng sao ông có vẻ buồn thế?

Tôi vẫn đăm chiêu tư lự:

– Liệu có phải "thằng Nhắng" không nhỉ?

– Thằng Nhắng nào?

Tôi thở dài, mỉm cười:

– Có lẽ tôi phải sang bên sở Văn Minh bảo việc này cho họ biết.

Ông Tư Mã tròn xoe mắt kính nhìn tôi, mở rộng vành mép, nhưng cười không thành tiếng:

– Tại sao lại phải báo với sở Văn Minh?

– Ông cũng biết đấy: họ quản lý hồ, đền và lẽ dĩ nhiên họ quản lý cả rùa dưới hồ.

Bạn già chép miệng, vừa ngắm tôi vừa nhè nhẹ lắc đầu:

– Mười mấy năm nay quen biết nhau, giờ tôi mới thấy là ông cũng thuộc loại có lúc cực kỳ đần độn. Trên đời này duy chỉ có người "chập mạch" như ông mới quan tâm đến lũ rùa thôi. Chẳng ai người

ta mảy may lưu ý đâu. Vào cái lúc nửa đêm như bây giờ, họ săn sóc đến thứ khác, không ai hoài hơi nghĩ đến lũ rùa cả. Ngay trước mắt kia, xin ông hãy lo lắng cho cô gái bị chúng đánh trọng thương cái đã.

Cô gái khốn khổ mà cái lớp cặn bã trong xã hội gọi là bớp, là bóng, là phò, là phẽo v.v... đang nằm lả lướt trên ghế đá. Hai gò má của cô bị thằng nào đó có móng tay dài, cào thành mười vệt rớm máu, cộng thêm cả những cú đấm bầm tím trên trán, trên mắt.

Sau khi biết chắc rằng cô đã bị choáng vì đau đớn, chứ không phải giả vờ, tôi liền ẵm bồng cô lên, đi vòng mép hồ, qua cầu, đưa về phòng của tôi. Ông Tư Mã chạy vội về nhà riêng, mang tới một ít sữa, đường và ít bột mì. Tôi tiêm thuốc trợ tim và giảm đau cho cô. Bọn khốn nạn đã đánh cô gái bằng những cú đòn hiểm độc, toàn đấm đá vào mạng sườn và bụng dưới. Tôi lo rằng cô sẽ bị tổn thương tới gan và lách. Ông Tư Mã thì dỗ dành cô uống sữa và ăn súp bột mì, như chăm lo một đứa con nhỏ. Tuy nhiên trong khi săn sóc cô gái, tôi vẫn không rời ý nghĩ về thằng Nhắng. Một cái gì nóng rát, sốt bỏng và lo âu nghiến ngấu trong ruột tôi, khiến tôi bồn chồn không yên.

Sáng sớm hôm sau, bên Sở Văn Minh, chẳng rõ vì sao lại biết chuyện nhanh thế, đã cho gọi tôi sang, nghiêm khắc và vặn vẹo rằng: vì sao đêm qua lại có gái điếm trong phòng tôi? Họ tuyệt nhiên không đả động gì, chẳng rõ tí gì, về việc những con rùa lịch sử bị tiêu diệt.

Một trận mưa hỏi cung và kết án dồn vào tôi. Mãi sau, tôi mới gọn ghẽ trả lời:

– Tôi có nói sự thật, các vị sẽ không thèm hiểu và cũng chẳng thèm tin. Vì vậy, chuyện này các vị cứ hiểu thế nào xin tùy thích. Tôi đã bị bôi nhọ không chỉ một vài lần!

Nói xong, tôi lẳng lặng ra về, mở đầu một ngày mới của cái nghề phó cạo vỉa hè. A! Nghề phó cạo! Quả thực tôi đã "bị" tích lũy, đã "bị" chứa đựng, đã "bị" lôi cuốn và đích thân lao vào những câu chuyện lạ lùng, muôn màu, như bịa đặt. Có tới hàng nghìn điều lớn nhỏ suốt mười năm bốn tháng rưỡi làm cái nghề vít đầu vít cổ thiên

hạ. Trên tấm gương cỡ nhỡ của tôi, có dán một đôi câu đối khá hóm hỉnh, do ông Tư Mã viết, và dán:

"Tông đơ dao kéo vài ba chiếc,
Mạnh hơn tiểu thuyết chín mười pho"

Đó là mười năm đau khổ đến tuyệt đỉnh, nhưng cũng hấp dẫn đến tuyệt đỉnh.

Nhà văn L.M. đã đến, quỳ xuống đất, lạy tôi, bảo tôi dọn về. Nữ nghệ sĩ đàn Tơrưng nổi tiếng đã đến khóc như mưa, bảo tôi dọn về. Một Viện trưởng Viện văn học đã đến cắt tóc và cũng luôn kiếm lời an ủi. Nhưng quả có lắm kẻ độc ác. Họ xúi bẩy đồn công an gần đấy hành hạ tôi. Đuổi, phạt, tịch thu đồ nghề. Thôi thì đủ kiểu. Một chú công an trẻ đã rơm rớm nước mắt, sau nhiều tháng phạt tôi:

– Cháu được lệnh phạt chú không biết mỏi, mà chú lại nộp phạt không biết mệt. Tội nghiệp chú, mà cũng tội nghiệp cháu lắm, chú ơi!

Tôi vui vẻ bảo với anh công an nọ:

– Đây là khúc bi hùng ca cực kỳ đẹp đẽ của chú, sao cháu lại muốn chú dẹp bỏ? Mà cháu chớ có nản cái công việc phạt chú. Vì đó là trách nhiệm của cháu, cháu cứ việc làm tốt phận sự. Nói thế thôi, chứ rời chiếc tông đơ ra chú và các con chú biết sống ra sao? Chẳng lẽ một cái nghề lương thiện, không thể dối trá, bịp bợm ai, cũng không được phép làm sao?

Số phận của tôi thật khó hiểu! Ai dính dáng tới tôi, chưa nói đến chuyện tình ái, cũng đã hẩm hiu rồi. Cả chú công an này cũng thế. Vì nới lỏng việc phạt tôi, chú đã bị chuyển đi về địa bàn khác, nhường chỗ cho một anh công an khét tiếng sắt đá, thô lỗ, tính chiến đấu cao...

Đó, tôi lại lạc đề rồi. Tôi xin quay lại chuyện cô gái điếm vì muốn cứu đàn rùa mà bị lũ lưu manh hành hung.

Kiều Như có một tên thật na ná như vậy. Cô sinh trưởng tại một phố gần chợ Hàng Da, trong một gia đình gồm bố giáo học và các anh, các chị đều là giáo học. Còn cô đang theo học đại học về văn sử! Một hôm hung tinh đã chiếu vào đầu cô. Cô cùng một bạn trai đi chơi công viên Thống Nhất. Họ ngồi thêu dệt ước mơ trên

một ghế đá dưới lùm cây ngay cạnh ánh đèn rực sáng. Có một gã trong đội cờ đỏ đã đến quát tháo, đuổi bạn trai của cô đi rồi giữ cô lại. Hắn đòi một điều kiện, rồi sẽ để cô về. Cái điều kiện bỉ ổi đó đã làm cho cô giật gân cánh tay – tát vào mặt hắn hai cái cháy bỏng. Trời đất, dám làm nhục một đội viên cờ đỏ?

Ngày hôm sau, ban giám hiệu nhà trường nhận được một biên bản rằng nữ sinh viên Kiều Như đã cùng bạn trai hủ hóa tại vườn hoa, lại còn hành hung và lăng mạ nhân viên chính quyền..., thì thật đáng để người ta loại bỏ không thương tiếc, với một hậu quả coi như chấm hết tất cả. Gia đình giáo học của cô bị một cú sét đánh. Tất cả, từ bố đến các anh các chị gần như ngất xỉu vì chuyện này. Gia đình bị bôi nhọ, việc tiến thân của các anh các chị cũng sẽ bị dây dưa bởi đứa em gái hư hỏng, nên ngoài bản án xã hội, cô còn bị lãnh bản án gia đình – trục xuất khỏi mái nhà ruột thịt máu mủ. Cô đã xin vào làm phụ động ở vài công trường, công sở. Nhưng nơi nào cũng chỉ được vài ngày. Người ta nhẹ nhàng mời cô nghỉ, vì lý lịch đáng tởm quá.

Những gì thông minh và dịu dàng, lễ phép và đoan trang, hiền hậu và e ấp không còn trong cô nữa. Vỉa hè và vườn hoa, và những "vòm sới" đen ngòm đã biến cô thành một con điếm tinh quái, một nữ chúa mưu mẹo, một thủ lĩnh lừa đảo có học vấn cao... Cô đã là bạn, là đồng bọn của những phụ lái xe ba trợn ba trạo, của những thằng "lính mổ", những gã trấn lột. Nạn nhân của cô được cô chọn lọc. Cô tránh né và độ lượng với lớp công nhân, nhân viên nghèo khổ, nhưng sẵn sàng róc đến tận xương và vét đến khánh kiệt những thằng cha đầu cơ tích trữ, buôn gian bán lận, hoặc lớp con ông cháu cha. Với phong cách trí thức, một khuôn mặt diễm lệ đượm buồn, một cuốn sách tiếng Pháp hoặc Nga trong tay, một cách đi đứng uyển chuyển từ tốn, một lối ăn nói nhã nhặn có duyên. Đó, bằng ngần ấy thứ, vừa là vũ khí vừa là ưu thế, cô đã "diệt" và "bắt sống" không biết bao nhiêu loại "tù binh" thuộc cả hai loại đoan trang và cặn bã trên khắp địa bàn Hà Nội và đô thị lớn.

Cuộc sống có những oái oăm lạ lùng vừa thăng bằng vừa mất cân bằng. Vào cái đêm như đêm nay, cô ngồi ở ghế đá ven hồ điều khiển một băng "lính" đi diệt bọn thuốc phiện và ngà voi từ khu Tư ra, thì bất ngờ xảy ra vụ rùa. Như người ta nói: "Qua sông dài biển

rộng không chết đuối, lại chết sặc trong rãnh nước", cô đã bị lũ "nhãi ranh" không tên tuổi kia quật đổ một cách thảm thương!

Mối lo lắng của tôi về "thằng Nhắng" dần dần tăng lên không phải không có sở cứ. Đã bốn năm buổi liền, với chiếc cần câu trong tay, mắt nhìn các bờ bụi và mặt nước bao la, tôi vẫn không thấy tăm hơi của Nhắng đâu cả. Mọi lần thì khác, mỗi khi câu cá, tôi thường thấy nó lởn vởn ở gần hoặc mé phải, hoặc mé trái, hoặc ở tít ngoài xa. Nhiều lúc nó cũng quấy rầy và gây phiền phức cho tôi. Bọn rùa đi tới đâu, lũ cá thường chạy mất tiêu, không thể nào câu được. Có con còn nghiện ăn thính, chúng thường lặng lẽ mò tới đớp gọn nắm thính gạo rang, rồi lại lặng lẽ biến đi, có lúc thật êm, có lúc cày bùn lên, và dù lưỡi câu có đóng vào người chúng thì chúng dứt đứt dây câu dễ dàng như ta giằng đứt một sợi chỉ nhỏ.

Hầu như Nhắng không rời chỗ tôi câu lần nào. Nếu như tôi là một nhà văn có cây bút thiếu tự trọng, thì tôi sẽ tán rộng ra rằng: Nhắng đối với tôi như một con chó săn của tôi ở dưới nước. Nó bơi từng vòng rộng và dồn những đàn cá lớn vào chỗ tôi câu. Viết thế cũng đẹp mà vui đấy chứ? Sự thực không có thế. Nó lởn vởn ở gần vì biết rằng khi kết thúc buổi câu, thế nào tôi cũng quẳng cho nó một con cá to, có thế thôi. Giống rùa, ba-ba với tốc độ chậm chạp không thể đuổi kịp cá lớn. Thức ăn chính của nó là tôm càng, rong rêu. Chúng cày bùn lên để đớp những con ốc, con màng tang nhuyễn thể và loài giun đỏ sống dưới lớp bùn nhầy. Chuyện ăn cá to của rùa chỉ là chuyện "chó ngáp phải ruồi" thôi. Thế này, trong lúc nằm nghỉ, nó thu rụt bốn chân và đầu đuôi lại, như một tảng đá vô tri giác ở đáy nước. Phần lớn loài cá không bị mắc lừa. Chép và trê có râu. Từ ngọn râu như ngọn ăng-ten chúng phóng ra những dòng điện sinh vật vô cùng yếu ớt, nhưng đủ để thăm dò mồi ăn và chuyện lành dữ chung quanh mười bốn mét bán kính . Một số cá không có râu, thì vành môi và lớp nhầy giữa hai hốc mắt đảm nhiệm chức năng đánh hơi và thăm dò, xử lý tin tức nhận được từ vi âm dưới nước. Tóm lại, chúng đủ khôn ngoan để phân biệt giữa tảng đá thật với tảng đá giả. Nhưng, mọi sinh vật đều có biểu hiện giống nhau về tâm thần kinh. Có con người thông thái và con người lẩm cẩm, thì cũng có con cá ranh mãnh và cá đần độn. Thỉnh thoảng có con cá cực to lù lù dẫn xác đến mũi rùa để tìm chỗ cọ mình...

Sang đến ngày thứ mười, tôi vẫn không thấy Nhắng đâu. Trong tôi, bắt đầu chuyển từ lo lắng sang thành mối đau. Cứ như lời ông Tư Mã thì Nhắng đã vùng thoát xuống hồ. Bây giờ chắc bị vết thương hành hạ, nó rúc vào góc nào đó ngoài chân tháp rùa để dưỡng thương. Mà cũng có thể nó đã chết vạ chết vật ở đáy bùn. Song chưa chắc đã chết. Nếu chết, xác nó đã nổi lên.

Tôi bỏ công việc cắt tóc kiếm ăn thiết thực mất ba ngày. Suốt ba ngày đó, tôi âm thầm chèo thuyền tam bản đi quanh hồ, sục tìm mọi nơi mọi chốn. Ba ngày có mưa rây, có bão rớt, mặt hồ ăm ắp như chậu nước đầy. Nước từ các cửa cống, các mặt đường trong thành phố trút cả xuống hồ, sóng nước bị ngầu đục mang màu vàng khè, hôi thối và bẩn thỉu, lềnh phềnh toàn rác rưởi.

Sang ngày thứ mười lăm, giữa lúc tôi đang mải mê tỉa tóc cạo râu cho khách, ông Tư Mã đến tìm tôi. Ông cho biết có một con rùa bị bệnh cứ lồm ngồm bò vào gần sàn nhà Thủy Tạ, người ta đã lấy gậy đánh nó, lấy đá ném nó, nhưng nó không chịu xuống nước. Rồi ông nói nửa thật nửa đùa, hài hước là bản tính ông:

– Ông nên đi nhận mặt xem có phải cậu "quý tử" Linh Quy nhà ông không, mà thuốc men băng bó cho cậu cả.

Tôi vội vã xin lỗi các quý khách trong vòng mười lăm phút đoạn nhảy lên xe máy "Môbilét 54" của ông Tư Mã. Khu Thủy Tạ đông nghẹt người. Người ta nhảy lên lan can xi măng của cửa hàng, trèo lên cành cây cột điện, và xắn cao quần lội cả xuống hồ để xem con rùa. Có người quá nhàn rỗi, có người tò mò hiếu động, có người thích những chuyện rùm beng giật gân. Một con rùa khổng lồ, rùa thần thoại của lịch sử tự nhiên lại nhao vào bờ, lên trên cạn, thì trách nào người xem chả đông? Hiếm có lắm!

Từ xa tôi đã nhận ra nó. Tôi thở dài, nhói lòng nhói ruột, bảo cùng ông bạn già:

– Đúng thằng Nhắng rồi! Khốn khổ thân nó...

Bạn tôi gật gật đầu:

– Tôi không biết thằng Nhắng nhà ông, nhưng tôi nhận đúng con bị cuốc chim bổ sụt vào lưng.

Tôi buồn bã vỗ tay hai nhanh một chậm cho nó sớm nhận ra người bạn, đoạn tôi lội tới gần nó.

Con Nhắng bị thương nặng. Vết thương trên mai nó bằng miệng bát, tỏa mùi thối khăm khẳm. Một vài nhân viên sở cá và mấy anh cán bộ phòng đồ cổ thuộc sở Văn Minh, đã đuổi nó xuống nước. Nhưng người ta hất nó xuống, nó lại lồm cồm bò lên, bốn chân dựng cao, như một con rùa trong phim hoạt họa.

Bên trong phần mai bị bổ vỡ, ruột gan nó bắt đầu thối rữa. Từng đàn cá nhỏ: mương, rô, màng-tang, mại-cờ v.v... cứ rúc vào trong chỗ vỡ đó mà rỉa xé ruột gan nó. Đau đớn không chịu nổi, Nhắng đành phải trốn lên bờ.

Nước mắt trào tuôn tự lúc nào không rõ, tôi nhìn cảnh người ta khuân Nhắng lên xe đưa đi...

Ít tháng sau, Nhắng được đi vào lịch sử thực sự, nghĩa là được đặt vào tủ kính. Người ta thông báo rằng một mảnh đạn rốc két của đế quốc Mỹ đã sát thương Nhắng. Cố nhiên là tôi im lặng. Tại sao tôi phải nói rõ nguyên nhân cái chết của con vật khốn khổ nọ? Khi còn sống, Nhắng bị lãng quên dưới đáy hồ, thậm chí bị xua đuổi, bị hành hạ, nhưng khi Nhắng chết, được khen ngợi, được truy tặng, điều đó chẳng lẽ không phải là điều tốt đẹp sao? Nghĩa tử là nghĩa tận kia mà?

Dù sao – nếu có vong hồn – thì xin vong hồn Nhắng hãy ngậm cười nơi chín suối. Di hài của Nhắng sẽ tồn tại đời đời...

Buổi tối hôm ấy, tôi đang ngồi rầu rĩ ở giữa đình Trấn Ba thì Kiều Như đến thăm tôi. Những vết xây xước trên má, và những điểm thâm tím trên mặt cô vẫn còn. Cô thanh mảnh, uyển chuyển và thướt tha trong chiếc áo cánh lụa màu thiên thanh. Cô đã đội nón trắng, rồi dùng hai chiếc khăn lụa màu mỡ gà làm quai nón to rộng, khéo léo che kín được những vết sẹo đáng buồn trên hai gò má.

Cô mang đến tặng tôi khá nhiều vật phẩm, những thức mà đã lâu tôi có nằm mơ cũng không dám nghĩ tới: sữa, lạp xưởng, thịt quay, và cả một thỏi giò nạc rất thơm. Tất nhiên tôi một mực từ chối. Nhưng cô khéo nói, khéo đến nỗi tôi xiêu lòng:

– Em không tặng ông. Em tặng các em gái con ông ở nơi sơ tán. Ông làm ơn mang giúp em về nơi sơ tán cho các em gái. Em biết các con ông cũng... "ấy" lắm. Nhé, ông mang đi giùm em...

Tôi vội lảng sang chuyện khác:

– Cái con rùa hôm nọ, vì nó mà cô bị hành hung ấy mà, hôm nay người ta mang nó đi rồi. Chắc chắn nó không sống được...

Kiều Như cười rất tươi:

– Em biết chuyện rồi ông ạ. Nó thế lại hóa may. Còn ông và em,... chúng ta còn thua nó. Ta nên mừng cho nó!

– Sao cô lại có thể vui vẻ thế được? – Tôi trầm ngâm nói nhỏ.

– Tại sao em lại không vui? Em đã trả được thù cho con rùa, trả được thù cho em. Em cần phải vui chứ!

– Tôi hiểu không nhầm thì các bạn cô đã trừng trị bọn lưu manh giết rùa hôm nọ?

Kiều Như đanh gọn trả lời tôi trong thoáng mắt bừng bừng sát khí:

– Có vay có trả. Luật đời là thế.

Tôi rùng mình tưởng tượng những cảnh đâm chém mà người con gái này là tâm điểm.

Về sau, người con gái mảnh mai uyển chuyển ấy còn là đầu mối của biết bao chuyện lạ, trong đó có một cuộc "phiêu lưu tai tiếng" của tôi. Nhưng điều đó không nằm trong khuôn khổ câu chuyện này...

TRẦN CÔNG TẤN
(Sinh 1933)

Khi viết văn còn dùng một số bút danh khác như Tân Sắc, Trần Diệu Phong, Xomboang, Vathana... Quê ông ở Triệu Phong – Quảng Trị.

Trần Công Tấn tham gia quân đội từ những năm thiếu thời, ở Bình Trị Thiên khói lửa. Sau ông chuyển qua hoạt động ở Lào và Cam pu chia. Ở đâu ông cũng là một chiến sĩ, một cán bộ xuất sắc. Tính tình vui vẻ, cởi mở, ông lại có cách nói chuyện, kể chuyện rất có duyên, cười chảy nước mắt. Ở đâu có Trần Công Tấn ở đó có những trận cười ra nước mắt...

Ngoài công việc ông say mê là viết văn, ông còn là một nhà báo có uy tín.

Những năm chống Mỹ cứu nước ông công tác ở tuyến lửa, ở Hội Văn học Nghệ thuật Quảng Bình. Sau này tình hình càng ngày càng căng thẳng, ông gởi con ra Hà Nội nhờ bạn bè giúp. Vợ ông đi theo trường – ông vẫn trụ lại Quảng Bình công tác.

Đất nước thống nhất, ông về công tác ở Hội Văn học Nghệ thuật Bình Trị Thiên. Năm 1980 ông vào công tác ở Tổng cục Cao su – đóng tại Tp. Hồ Chí Minh, rồi sang báo Đại đoàn kết. Hiện nay ông cùng gia đình sống tại Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Tác phẩm chính: Con ngựa của tôi (truyện ngắn, 1948); Thần voi và voi thần (truyện ngắn, 1958); Cô pháo thủ (truyện ký, 1966); Đường ra biển rộng (truyện ký, 1967); Tiếng nói dưới dòng sông (truyện ký, 1968); Dòng suối mát (truyện ngắn + ký, 1969); Chỗ gặp nhau (truyện ngắn, 1972); Suối trong rừng (tiểu thuyết, 1980); Đara nơi đâu (tiểu thuyết, 1980); Hoa lục bình trôi (truyện ngắn, 1982); Mối tình tan vỡ (truyện, 1988); Hoàng thân Xuvanuvông và đất nước triệu voi (Dịch – truyện ngắn – bút ký, 1985); Thương Thương (tiểu thuyết, 1997); Ba đời chồng (truyện ngắn, 2002)...

Những truyện chúng tôi chọn trong tập này được Trần Công Tấn viết trước và phổ biến trên công luận trước năm 2000.

*

BA ĐỜI CHỒNG

(truyện ngắn)

Trong đơn vị quân giải phóng Lào cùng đi với tình nguyện quân Việt Nam chúng tôi có một đôi vợ chồng trẻ. Đó là anh trinh sát Bun Mi và chị liên lạc Xao Bua. Dạo ấy, chúng tôi kéo nhau về đánh giặc Pháp ở vùng sông Xê-bang. Muốn đến đó phải vượt hai trăm cây số đường rừng hiểm trở. Đôi chân của Bun Mi bị sưng to, đầy vết gai cào rớm máu, tím bầm. Anh em Lào bảo rằng trong khi Bun Mi đi điều tra vị trí giặc ở Pác-hin, chân anh bị vướng phải chông lông nhím. Tuy đau lắm, nhưng Bun Mi vẫn cố theo đơn vị. Mà cũng không còn cách nào khác, đơn vị chỉ có một con ngựa trắng giống Sầm Nứa dành cho liên lạc viên Xao Bua. Chị phải mang tin tức từ đại đội đến tiểu đoàn và truyền đạt lệnh của tiểu đoàn điều khiển cuộc hành quân.

Hôm bộ đội sắp đến bản Đông thì gặp một đoạn đường nhiều suối đèo, đá lởm chởm rất khó đi. Xao Bua từ tiểu đoàn trở về, thấy chồng lầm lì nhúc nhắc bước, chị rất lo ngại. Cứ đà này Bun Mi có thể bị rơi lại dọc đường. Xao Bua dắt ngựa đến bên chồng, thủ thỉ:

– Anh ạ, đại đội trưởng đồng ý em nhường ngựa cho anh.

– Thế nào? – Mới đầu Bun Mi ngạc nhiên, sau chợt hiểu sự chăm sóc của vợ, anh nói như ra lệnh: Không! Cô còn dùng ngựa làm nhiệm vụ, chân anh vẫn tốt.

Xao Bua khẩn khoản.

– Nào, cầm lấy dây cương. Anh đi như thế em chẳng yên tâm tí nào.

– Không mà, đừng bận bịu vì anh.

Xao Bua cố nài chồng:

– Hôm nay, em không phải lên tiểu đoàn nữa đâu. Với lại tiểu đoàn bộ hành quân cách đại đội ta một kí lô mét thôi. Có chuyện gì em chạy bộ vẫn kịp.

Bun Mi xẵng giọng:

– Đã bảo không cần ngựa mà. Nói dai mãi!

Lời nói nặng của Bun Mi khiến Xao Bua bực mình. Thấy thái độ hai người hơi căng thẳng, chúng tôi chưa kịp góp ý giảng hòa thì Xao Bua đã nhảy phắt lên lưng ngựa, ra roi. Bị cú roi bất ngờ, con ngựa chẳng hiểu đầu đuôi ra sao, nó lồng lên lao đi một cách hốt hoảng. Bun Mi nhìn theo bóng vợ xa dần, anh lúng túng gõ đầu gậy xuống những hòn đá bên đường, vẻ hối hận. Vừa bước thấp bước cao, anh phân trần với chúng tôi:

– Tính cô ấy thế chứ tốt lắm, chẳng biết giận lâu đâu.

Bun Mi cố bước nhanh cho kịp mọi người, giọng hóm hỉnh:

– Các đồng chí chưa biết đấy chứ... tôi là người chồng thứ ba của cô ấy đấy!

Chúng tôi ngạc nhiên:

– Là thế nào? Cô ấy trẻ thế mà đã ba đời chồng?

– Đúng như vậy đấy! – Bun Mi tủm tỉm cười – Đầu đuôi là thế này: hồi đó tôi bị thương, mẹ cô ta nhận tôi về nuôi. Hôm lành vết thương, sắp được trở lại đơn vị tôi bèn mời Xao Bua đi múa "lăm vông". Mẹ Khiêm liền trừng mắt dọa tôi: "Con gái mẹ đã qua hai đời chồng rồi đấy! Mày đi chỗ khác mà rủ rê". Nghe mẹ nói mà tôi sửng sốt: Bua mới mười tám tuổi, hát hay, thêu dệt giỏi, trông như "đệc-nọi"[1] thế mà đã hai đời chồng! Tiếc thầm trong bụng, từ đó tôi mới sinh ra cái chuyện đi hỏi bà con trong làng về Xao Bua, nên cả làng đoán biết tôi yêu cô ta. Bấy giờ, họ kể chuyện hai đời chồng trước của Bua cho tôi nghe...

Bun Mi kể lại cuộc tình duyên của mình với cô gái đẹp Xao Bua. Giọng anh như cao hẳn lên, mắt ngời sáng. Anh quên đôi chân sưng đau và con đường dài gian khổ. Anh càng bước nhanh thêm, núi rừng ngàn cây như lùi lại sau anh. Lúc ấy, chỉ còn chúng tôi lắng nghe anh. Giọng anh như hòa cùng tiếng gió lay lá rừng xào xạc và tiếng chim muông ríu rít trên ngàn cây.

Đầu năm 1951, trong trận đánh giải phóng vùng Chốt-nhày, Bun Mi bị trúng đạn vào chân phải, đơn vị đưa anh cùng số thương binh về điều trị tại bản Hin-lạt.

---

1. Nhóc con.

Dạo ấy, quân giải phóng còn gian khổ lắm, ai bị thương nhẹ cứ việc mang gửi nhà dân. Mỗi gia đình nhận nuôi một người. Bun Mi được gửi vào nhà mẹ Khiêm – mẹ của Bua. Mẹ Khiêm đã ngoài sáu mươi tuổi nhưng còn khỏe mạnh lắm. Tính mẹ hiền hậu, ít nói, nhưng khi đã nói thì hay pha trò. Suốt ngày mẹ ngồi xe guồng sợi sót chỉ cho Xao Bua dệt vải. Mẹ có thói quen là luôn mồm nhẩm tính cái gì không thành tiếng, cứ y người nói thầm. Lắm khi Bua phát cáu, gắt mẹ:

– Muốn hát mẹ cứ hát, muốn đếm mẹ cứ đếm to lên, chứ làm gì mà thì thầm như nói chuyện với ma vậy?

Mẹ Khiêm cười:

– Ấy là tao nhẩm tính cái đường chồng con cho mày đấy.

Từ khi Bun Mi về ở trong nhà, mẹ Khiêm như được vàng. Mẹ quý anh bộ đội trẻ ấy lắm. Còn Xao Bua thì hết lòng tìm thầy, chạy thuốc lo lắng cháo cơm hôm sớm cho Bun Mi. Một tháng sau, khi vết thương ở chân Bun Mi vừa khỏi thì mắc phải vết thương lòng: anh thầm yêu Xao Bua, nhưng vì còn thắc mắc nhiều điều, lòng anh day dứt, đau khổ. Xao Bua đẹp, đáng yêu, điều đó tất nhiên. Nhưng cô gái ấy đã qua hai đời chồng. Mà cả hai người trước vẫn không sống được với cô ta. Vì sao? Mẹ Bua ác lắm chăng? Hay là Bua làm cao? Vì sống hoang toàng quá mà bị chồng ruồng bỏ, hay Bua bỏ chồng? Rồi Bua sẽ sống ra sao? Các anh chồng kia chừng nào sẽ trở lại với Bua? Bao nhiêu câu hỏi đến mệt óc. Lắm khi Bun Mi tự an ủi mình: "Thôi đi cậu! Cả đất nước Lào còn khối con gái, việc gì cứ dính vào cô gái đã hai chồng. Đời lính ta còn đi chiến đấu chống kẻ thù trên khắp đất nước. Ta sẽ được đến Viêng Chăn, Mường Luống, ta sẽ gặp biết bao nhiêu cô gái xinh đẹp, "Cu roạp Viêng-xai"[1] mà. Đúng rồi, cóc cần"...

Nói gì thì nói, hình ảnh Bua vẫn hiện ra trước mắt. Bun Mi nghĩ bụng: "Xao Bua – cô gái bông sen. Tên thì hiền, người sao mà dữ, mắt con gái gì mà to, tròn thế? Con mắt ấy hay liếc chết người lắm đấy. Lại bộ ngực nữa, lưng ong ấy nữa. Ăn mặc thì chỗ nào cũng hoa "pặc ngân pặc khẳm"[2]. Tóc thì dài lê thê, lại ướp nước hoa,

---

1. Hoa hồng Viêng Chăn (tiếng Thái Lan, ý nói con gái thủ đô Lào rất đẹp).
2. Thêu bạc, thêu vàng.

chân tay cứ như múa ấy. Ngữ ấy thảo nào lắm chồng! Ít nhất Bua cũng kiếm được chục chồng nữa. "Khôn ngám bò men mía hau"[1] mà! Cha ông ta đã nói đúng. Thôi, suy nghĩ lắm mà làm gì. Cóc cần!

Bun Mi mới hô xong cái "khẩu hiệu" cóc cần ấy, thì Xao Bua đi rừng đã về. Cô thoăn thoắt bước lên cầu thang, đến đặt xuống gối Bun Mi trái xoài chín mọng, mồm liến thoắng:

– Ăn xoài đi em trai của chị. Chờ đấy rồi ăn cơm. Đừng có ra nắng mà vỡ đôi cái đầu!

Bao giờ cũng thế, Xao Bua thoắt cái về, thoắt cái đã đi. Bun Mi lúng túng chưa kịp nói câu nào để trị cái tội gọi em, xưng chị, thoắt cái Xao Bua đã mang ống nước xuống cầu thang, ra suối. Đôi mắt anh chàng trinh sát trẻ ta mới dán chặt vào bóng lưng ong mềm mại, uyển chuyển xa dần. Ấy thế là Bun Mi đã chết mê chết mệt mà quên ngay lời tự hứa với mình, quên luôn cả giận hờn và sự nghi ngờ cô gái lắm chồng ấy.

Một tháng cũng đã nhanh chóng trôi qua, chỉ còn mươi hôm nữa thương binh trở lại mặt trận. Bun Mi càng sốt ruột muốn tìm hiểu cho xong câu chuyện rắc rối nọ. Đừng mãi chẳng được, một hôm Bun Mi mạnh dạn hỏi thẳng Xao Bua. Chờ lúc mẹ Khiêm đi hái nấm, Bun Mi đến chỗ Bua nấu bếp. Anh đang ngập ngừng thì Bua đã chụm tròn môi bắt chước tiếng người già, vừa vờ ho, vừa hỏi Bun Mi:

– Đói rồi hả con? Đây, mẹ cho nắm xôi ăn trước đi rồi hãy đợi cá chín.

– Không đùa nữa, có tin đây này – Bun Mi nghiêm giọng – Mười ngày nữa thương binh ở làng phải đi cả rồi.

– Còn anh thì ở lại? – Xao Bua nheo một mắt, nghiêng đầu hỏi, vẻ khiêu khích.

– Cũng đi chứ! – Bun Mi thở dài buồn rầu – Ở lại thế nào được. Việc quân sự mà.

– Vậy thì em mừng, nhà rộng ra.

– Thế... Thế cô không thích bộ đội ở trong nhà?

---

1. Người đẹp chẳng phải vợ mình (tục ngữ Lào).

– Bộ đội thì thích chứ.

– Còn tôi? – Bun Mi tiu nghỉu, hỏi rất khẽ – Còn tôi?

– Anh ấy à? – Xao Bua cười, cúi xuống nói rất nhanh – Anh thì ở thêm chật chỗ.

Bun Mi bị "tấn công" liên tiếp. Anh chưa bao giờ lúng túng như vậy. Lính trinh sát đứng trước miệng súng giặc là thường, nhưng bây giờ anh đang đứng trước Xao Bua, trước sự bí ẩn mà Bun Mi muốn hiểu biết. Cuối cùng anh không chịu bị động mãi, thế chủ động và sự dũng cảm của người lính trinh sát đã thức dậy trong anh. Bun Mi "nổ súng" phản công lại:

– Tôi hỏi thật nhé... Cô đã hai đời chồng rồi phải không?

– Phải!

Tiếng "phải" nghe rất rành rọt và gọn như tiếng hòn sỏi rớt tũm xuống giữa dòng sông. Bun Mi như bị trúng thêm một viên đạn nữa. Giọng anh run run, thất vọng:

– Thế hiện... hiện nay họ ở đâu?

– Một người ở trong nước Lào, một người ở dưới nước Việt.

Chỉ trả lời có thế, Xao Bua như chẳng bận tâm gì đến câu chuyện đó, cô loay hoay với bếp lò. Bun Mi đứng sững như mất hồn, mắt anh hoa lên, đầu choáng váng. "Có đúng như vậy không. Nếu đúng như vậy thì chấm dứt chăng! Không, không thể như thế được. Phải tìm hiểu để biết rõ hơn nữa". Anh tự trách mình sao hiểu Xao Bua quá chậm. Vết thương đã buộc chặt anh trong nhà mẹ Khiêm suốt cả tháng dài. Những điều xảy ra trong nhà thật khó hiểu, nhưng anh chẳng biết hỏi ai. Bun Mi nhớ một lần có anh liên lạc ở mặt trận phía Đông Bắc trở về thăm làng Hin-lạt, anh ta đã ghé nhà trao cho mẹ Khiêm một mảnh giấy. Mẹ Khiêm trao cho Bua. Tối đến, Xao Bua thì thầm đọc cho mẹ nghe. Chẳng biết chuyện gì nói trong mảnh giấy mà khi đọc xong, Xao Bua đã ôm lấy mẹ, cười sung sướng. Còn mẹ Khiêm thì vừa mếu máo, vừa kêu lên:

– Ôi! Nó vẫn còn sống. Thế mà cứ tưởng nó chết ngay đêm đó. Mừng cho nó. Lạy Phật! Lạy ngài Xuphanuvông phù hộ cho nó.

Nghe thế, Bun Mi chẳng hiểu chuyện gì cả. Nhiều lần anh muốn đi hỏi bà con dân làng, nhưng vết thương đã níu anh lại. Mẹ

Khon, chị La, mẹ Phoòng hay đến nhà, nhưng hỏi người ngoài việc nhà mình đang ở thật bất tiện. Nay vết thương đã lành hẳn, không thể để câu chuyện trôi qua mãi được. Mười ngày nữa Bun Mi đã phải xa làng Hin-lạt, xa Bua rồi. Phải đi hỏi cho ra. Hỏi mẹ Khon, mẹ Phoòng, chị La, anh Thoong. Nếu cần thì hỏi cả làng, nhất định có người hiểu rõ chuyện Xao Bua. Nghĩ thế, Bun Mi vội vàng tụt xuống cầu thang mặc Xao Bua gọi giật giọng:

– Kìa ông "tướng"! Vết thương mới khỏi thì cũng phải bước từ từ chứ!

Chân Bun Mi vẫn bước, mồm lẩm nhẩm: "Hừ! Không thể từ từ được!"

Một con gà trống đậu trên cành cam sưởi nắng bất thần vỗ cánh gáy vang lên làm Bun Mi càng bực mình. Con gà nghiêng đầu nhìn ông khách hăm hở leo lên cầu thang nhà nó – nhà mẹ Khon.

*

– Cái đêm ấy trời tối đến nỗi để hạt ngọc thần giữa bàn tay cũng chẳng nhìn thấy – mẹ Khon nhóp nhép nhai trầu, chậm rãi kể – Hồi cái đồn bản Mày chưa bị bộ đội ta về thiêu cháy, làng Hin-lạt này không cất đầu lên được. Nào quan đồn bắt rào làng, lập tề, nộp gái, nộp sưu thuế, thôi thì đủ chuyện. Đêm nào cũng có người chết. Khi thì nó đi phục kích bắn chết người mình, khi thì người mình bí mật về giết chết mấy thằng hung ác. Ôi! Lạy Phật, thật là nó rối tinh cả lên!

Mẹ Khon nhai trầu nói đã khó nghe, lại cứ loanh quanh mãi làm Bun Mi sốt ruột. Anh nhắc khéo, nhưng mẹ chẳng chịu vào chuyện chính ngay cho. Bun Mi ngắt lời mẹ:

– Hồi ấy Xao Bua trốn tránh vào đâu, hở mẹ?

– Thì còn biết trốn đâu nữa. Nhưng con bé đằng nhà bà Khiêm nó có họ với vua Chăm-pa-xắc[1], nên tụi lính chẳng dám động đến sợi tóc của nó.

---

1. Tỉnh Chăm-pa-xắc lúc ấy đặt riêng ra thành một vương quốc.

Mẹ Khon ngừng kể, loay hoay tìm miếng trầu mới. Bun Mi xua đuổi được những mối ngờ về số phận của những cô gái trong vùng địch, nhưng còn việc chính nữa, anh liền hỏi thẳng:

– Còn anh chồng của...

– Ừ, anh chồng... mẹ Khon cười tủm – Cái thằng đóng vai chồng con Bua dạo ấy, người cũng trăng trắng, cao cao giống con đấy. Đêm ấy quả là đêm tối trời thật, mẹ đốt đèn đi đóng cửa chuồng gà, chợt nghe có tiếng bì bõm ngoài ruộng. Mẹ đoán người bên ta về, mà không, là giặc đi rình. Mẹ sợ quá mới lần sang nhà bà Khiêm có con Bua nó hát cho đỡ run. Quãng gần nửa đêm, mẹ cũng chưa dám về nhà. Khốn khổ thằng con trai mẹ cũng bị giặc bắt đi lính bốn năm nay, mẹ phải sống cô đơn với cái nhà trống. Tội nghiệp thế đấy, con ạ.

Mẹ Khon rưng rưng nước mắt khi nhắc đến con trai và chuyện cũ. Bun Mi càng sốt ruột vì mẹ vẫn đi ngoài lề chuyện anh muốn hỏi.

Nâng tà áo thấm nước mắt, mẹ Khon kêu lên:

– Y lí! Thật là một đêm tối trời chưa từng có... Nửa đêm con Bua hát mỏi miệng rồi nó ngủ luôn trong buồng. Mẹ đang cuốn sợi giúp bà Khiêm thì bỗng súng đầu làng nổ, cuối làng nổ, đạn nó cứ bay veo veo như mèo kêu. Ôi lạy Phật, sợ quá. Mẹ nghe tiếng hô hoán ồn ào: "đứng lại", "bắt lấy"... Tây nó chạy thình thịch khắp làng, lát sau nghe đánh soạt một cái, thấy ở đầu cầu thang có người bò lên. Thố! Mẹ cứ run thế này này... Còn con Bua thức dậy từ bao giờ đã cầm con dao nhọn đứng thập thò nơi cửa buồng. Cái thằng bò lên nhà ấy mà, nó ở trần chỉ mặc có cái "phá-xà-lùng"[1]. Con Bua giơ dao chực chém. Nhưng thằng kia, nom vẻ mặt chẳng phải bộ Lào gian, hắn tự dí súng lục vào ngực hắn và nói rất nhanh:

– Lục du may mù Côm-ma-đam![2]

Bà Khiêm chưa biết tính toán cách nào thì con Bua đã cất dao, vội cởi chiếc áo đang mặc rồi kéo tay thằng cán bộ vào buồng. Mẹ

---

1. Loại quần một ống của đàn ông.
2. Con ở trong đơn vị Côm-ma-đam.

nghe Xao Bua nó bảo thằng kia: "Đừng có thẹn. Nằm xuống đây nhanh lên". Lúc đó, bà Khiêm và mẹ mới hiểu ý con Bua, liền thổi tắt đèn giả vờ ngủ. Được một chốc thì ánh đèn pin chiếu loang loáng, bọn giặc kêu: "Đây rồi! Cầu thang nhà này có vết bùn mới lắm". Bọn Tây leo lên cầu thang rầm rập. Cả cái nhà sàn rung lên như sắp sập. Ôi ba hồn bảy vía mẹ không còn. Một thằng hỏi: "Này! Hai con khỉ già kia!". Khốn khổ, thời buổi loạn lạc, già như mẹ mà chúng gọi bằng khỉ. Mẹ cha nó, mình không bằng tuổi bà nội nó ấy à? "Mày có thấy thằng cộng sản nào chạy vào đây không?". Nó chiếu đèn tìm quanh rồi rọi thẳng vào buồng con Bua. Ba thằng đến dí mũi súng vào chỗ thằng cán bộ và con Bua đang nằm. Mẹ và bà Khiêm liền chạy theo kêu lên: "Các ngài không biết nể trời, nể Phật gì hết. Các ngài vào nhà kiêng, nửa đêm nửa hôm ai lại sục vào buồng vợ chồng người ta mới cưới. Ma bắt các ngài đi! Trời Phật vặn cổ các ngài đi! Vợ chồng người ta ngủ với nhau mà các ngài cũng muốn xem ư?". Một thằng ngụy đánh bà Khiêm một báng súng, bà nằm giữa nhà kêu làng xóm rồi dọa sẽ kiện đến nhà vua. "Chuyện gì thế mẹ?" – Thằng cán bộ giả vờ tỉnh dậy, giọng ngái ngủ hỏi. Còn con Bua vừa lầm bầm rủa độc vừa giả vờ mặc áo. Vậy mà giặc nó cũng sợ mình đấu tranh và nó cũng biết thẹn. Cả bọn chửi rủa om sòm rồi bỏ đi. Ôi! Thật ông trời có con mắt che chở cho cán bộ cứu nước. Cũng may cái bọn Tây và ngụy ấy ở Pạc-xê mới đến, nó chẳng biết con Bua chưa chồng. Còn cái bọn lính cũ đóng ở bản Mày thì đứa nào chẳng biết con Bua mới mười sáu tuổi. Chẳng qua nó sợ là sợ cái oai của vua Chăm-pa-xắc một tí thôi. Đêm đó, con Bua còn đi dò đường dẫn thằng cán bộ ấy ra khỏi làng. Sợ giặc còn để người rình mà! Con Xao Bua gan nó như gan cọp, còn mẹ thì ôi... lúc đó ra rừng e chết mất. Gần sáng, con Bua trở về ngồi khóc tấm tức, nó bảo lúc thằng cán bộ ra khỏi làng được một chốc thì nghe súng nổ ở cửa rừng. Nó đoán chắc thằng cán bộ bị Tây phục kích, chẳng biết thoát được không. Từ đó, mất tin tức thằng cán bộ, con Bua cứ ân hận mãi về chuyện dẫn cán bộ "rút lui" cũng không tròn. Cuối năm đó, bộ đội mình về giải phóng bản Mày thì thằng cán bộ ấy cũng về. Nó làm anh đại đội, nó đến thăm gia đình bà Khiêm và tặng con Bua một cái khăn hoa thật đẹp. Hắn bảo của vợ hắn gửi tặng Xao Bua để biết ơn cứu chồng. Chính phủ cũng gửi cho Bua một cái giấy khen. Mãi đến lúc đó, dân làng mới biết chuyện con

Xao Bua lập mưu vợ chồng giả để cứu cán bộ đó chứ. Ừ, cái thằng được con Bua cứu ấy mà, nó gọi con Bua bằng chị và bảo: "Đánh thắng được đồn bản Mày trong đó có công của chị Xao Bua cứu hai người cán bộ Pa thệt Lào và tình nguyện quân Việt về điều tra vị trí giặc"...

Lần mối đến đó, Bun Mi liền vồn vã giục:

– Mẹ ơi! Mẹ kể tiếp đi. Có lẽ Bua cứu anh bộ đội Việt cũng như cách cứu anh bộ đội Lào đấy mẹ nhỉ?

Mẹ Khon vẫn chậm rãi nhai trầu:

– Cũng thế cả. Nhưng, không may cho cái thằng người Việt gặp phải hôm bọn lính bản Mày theo dõi. Hôm đó đúng vào ngày "Bun Hốt-nạm"[1], trai gái các làng đến dự bun đông nghịt. Bọn lính trên đồn xuống ghẹo gái rất đông nên bên It-xa-la Lào và tình nguyện quân Việt mới trà trộn được để điều tra tình hình địch. Mới đầu còn lộn bậy chẳng thằng nào nhận ra thằng nào. Về sau chúng mới tình nghi theo dõi thằng người Việt, vì thằng ấy nói tiếng Lào cứng quá. Bọn chỉ điểm báo cho bọn lính vây bắt, thằng Việt đang bí đường chạy, vừa may con Xao Bua trong đám đông bước ra kéo thằng Việt vào bụi, hai anh chị giả vờ ngồi ôm nhau tình tự. Một lát sau tên quan ba Thào Nát như con lợn rừng hồng hộc đến, lăm lăm súng lục bảo:

– Cô Bua! Cô là cháu vua Chăm-pa-xắc chúng tôi biết rồi. Cô đừng bao che cho cộng sản!

Chả là cái thằng Thào Nát hắn cũng muốn lấy con Bua làm vợ nhưng chẳng được. Con Bua liền mắng vào mặt hắn:

– Đây là chồng tôi. Các ông không có quyền xúc phạm đến chúng tôi.

Tên Thào Nát nhe răng vàng cười hềnh hệch, rồi quay lại hỏi thằng người Việt mấy câu. Vì nói tiếng Lào cứng quá nên thằng Việt bị lộ. Thào Nát hô lính bắt cả hai đứa. Chúng không dám trói con Xao Bua vì sợ sau này mang vạ với vua. Khi chúng dẫn hai đứa về gần đồn thì trời cũng vừa tối. Con Bua liền lén cởi trói cho thằng Việt, cả hai đứa chạy trốn vào rừng. Bọn lính không dám bắn theo vì sợ trúng phải cháu vua. Vì trời tối quá nên hai đứa lạc nhau.

---

1. Ngày lễ "tưới nước" giống như tết Nguyên đán ở ta.

Thằng Việt chạy về với bộ đội Việt mãi đến nay chưa thấy trở lại. Con Bua trốn biệt theo du kích mãi đến ngày giải phóng Hin-lạt mới về làng. Từ đó, người làng đặt cho con Bua cái tên "cô gái qua hai đời chồng" đấy chứ...

Nghe đến đấy Bun Mi đã sốt ruột muốn về. Mẹ Khon vui miệng, định kể chuyện nữa nhưng Bun Mi đã tụt xuống thang, vội vàng chạy về nhà. Đến nơi, thấy Xao Bua đang ngồi nén xôi vào "típ"[1], Bun Mi bước đến phát yêu vào lưng Bua, reo lên:

– Người ta biết cả rồi nhé! Đừng đánh lừa người ta mãi nhé...

*

Chiều đến, đoàn quân dừng lại bên một thác nước. Bộ đội chuẩn bị thổi cơm chiều, Bun Mi cũng vừa kết thúc câu chuyện của anh:

– Mười ngày sau khi đã nghe chuyện mẹ Khon kể, chúng tôi liền cưới nhau. Lấy nhau rồi, Xao Bua đòi đi theo chúng tôi ra mặt trận. Mẹ Khiêm không ngăn con. Mới đầu vào bộ đội, Bua làm cấp dưỡng, nhưng nay đã thành một liên lạc viên chiến đấu của tiểu đoàn rồi đấy.

Một tia nắng chiều vạch mây chiếu xuống thác nước đang đổ ầm ầm tung bọt trắng ngần. Ánh sáng mặt trời và bụi nước tạo thành một chiếc cầu vồng màu hồng, tím nhạt, vàng đậm và xanh màu ngọc bích vắt vẻo bắc qua rừng cây. Xao Bua dắt ngựa vòng lại trước chỗ Bun Mi, giọng chị thủ thỉ làm lành với chồng:

– Đưa cái "gà mèn" đây em đi lấy nước nóng cho mà ngâm chân.

Bun Mi cười theo:

– Biết mà! Biết là chẳng giận lâu đâu mà!

Xao Bua lườm chồng. Cả hai anh chị cùng cười. Tiếng cười của họ hòa lẫn trong tiếng nhạc trầm trầm rạt rào của thác nước, của gió rừng chiều xôn xao trên muôn ngàn hoa, lá.

Thamuông – Chămpaxắc
1953

---

1. Cái giỏ làm bằng tre dùng đựng xôi.

HƯƠNG TRÀM

(truyện ngắn)

Thân tặng Hoài Vũ

Sáng mùng 1 Tết, Láng – một cô gái xinh đẹp vùng đất mía Bình Lợi – đưa tôi đi viếng đài tưởng niệm liệt sĩ căn cứ cũ Vườn Thơm. Ở đó, Láng đã kể cho tôi nghe về câu chuyện tình yêu của ba má mình... "Năm đó quê em chặt hết tràm và thơm để trồng mía. Lúc nhổ thơm, má em nói: "Thế là căn cứ Vườn Thơm sẽ chỉ còn lại cái tên thôi con ạ!"... Lúc chạy xuống theo kênh Rau Răm, đến ngã ba gặp kênh Xáng Nhỏ, má bảo ghé bờ cho má thắp nhang. Má cắm nhang lung tung trên các gò đất. Nơi đây thời đánh Mỹ, là căn cứ của Tiểu đoàn 6. Nhiều chiến tích anh hùng, nhưng cũng lắm đau thương. Anh em hy sinh, ông Bảy Mập và bà con mình đều đem về đây chôn cất. Dũng sĩ Tư Đen ở Tiểu đoàn Quyết tử của Biệt động Thành cũng nằm xuống chỗ này. Má bảo cứ cắm nhang như vầy, không phải mộ của ba con thì cũng trúng đồng đội của ổng, đều là chiến sĩ hy sinh vì đất, vì nước. Em nhớ lúc chặt thơm thì má tiếc, nhưng khi chặt tràm thì má khóc. Má mân mê cái bông tràm đã héo úa, đưa lên mũi hít hít mà nước mắt ràn rụa. Em hiểu cái rừng tràm, cây tràm, hương tràm đã đi sâu vào tâm can, vào kỷ niệm đời má. Em lớn lên từ thuở nằm nôi cho đến lẫm chẫm tập đi, bập bẹ tập nói chỉ thấy có má. Khi em đã biết hỏi đến ba, thì má chỉ lặng lẽ khóc. Nhưng dần dà từng khúc chắp, đoạn nối qua lời má kể, em cũng nhận ra được hình bóng người cha thân yêu của mình. Lúc tròn tuổi mười tám, vác mía mệt quá muốn nghỉ, em bèn nằm vùi đầu lên đùi má. Má ngồi ôm lấy em, áp cả mặt em vào bộ ngực căng tròn của má, rồi kêu lên: "Ui chao anh Hoài có biết Láng nhà mình giống anh như khuôn! Láng ơi, con lấy chồng đi rồi sinh cho má một bé trai nghen. Cháu của bà nhất định phải giống ông ngoại như đúc"... Má ôm mặt em mà hôn hít, mà xuýt xoa và nói như mê, như sảng. Em nhìn má mà ứa nước mắt. Ba Hoài của em là người như thế nào mà cuốn hút má đến thế. Mối

tình ngắn ngủi bất hạnh của hai người sao mà da diết, đắm đuối đến nhường ấy!"...

*

Thời đánh giặc, người Bình Lợi sơ tán khắp nơi. Chị du kích Nguyễn Thị Lê được cấp ủy cử đi Vàm Cỏ Tây dự lớp huấn luyện biệt động. Người trực tiếp chỉ bảo cách đánh giặc cho Lê là anh Hoài. Hai người tập lăn lê bò toài trong rừng tràm. Tình bạn chiến đấu gắn bó đã đưa họ đến tình yêu. Sau khi học tập xong, Lê được trở về công tác tại địa phương mình. Ít lâu sau đó, đơn vị biệt động của Hoài cũng được tăng cường về Bình Chánh. Tổ chiến đấu của Hoài được cử về Bình Lợi đã làm cho lũ giặc mất ăn, mất ngủ. Bị thiệt hại nặng, chúng càng hung hăng bố ráp hòng trả thù. Đêm đêm đi hoạt động trở về, Hoài đã ém quân giữa những bụi tràm rậm rạp quanh Láng Le, Bàu Cò. Lê đã cùng chị em du kích tiếp tế, chăm sóc anh em biệt động. Thường xuyên sống cạnh kề cái chết chỉ trong gang tấc, Hoài – Lê càng yêu nhau thắm thiết, và họ đã dâng hiến cho nhau tất cả. Thế rồi, một đêm đi công tác nội thành trở về qua miếu Ông Lão, tổ của Hoài bị phục kích. Hai bên đánh nhau dữ dội. Nhiều tên giặc bị bắn chết nhưng chúng đã kịp tiếp viện đến bủa vây tổ của Hoài. Sáng hôm sau, cơ sở nội thành báo ra địch đưa ba anh biệt động – một đã chết và hai bị thương nặng, về bốt cầu Bình Lợi. Từ đó Hoài mất tích. Bên ta đã cho người đi dò la khắp nơi, vẫn không tìm ra dấu vết tổ biệt động của Hoài. Người thì bảo địch đã chở cả ba về trại giam Hố Nai. Kẻ lại nói chính mắt họ đã thấy mấy ông ấy đều chết và địch đã bỏ xác họ trong rừng tràm. Lê như người điên dại, đêm ngày ngơ ngẩn đi tìm Hoài và đồng đội của anh. Rồi đơn vị biệt động Bình Chánh chuyển qua địa bàn khác. Lê đành chịu mất tin tức Hoài.

Cuộc tình ngắn ngủi, nhưng để lại một hình hài nẩy nở trong Lê như nhụy hoa đã kết quả. Lê chê cơm, tanh cá suốt cả tháng trời nhưng vẫn buơn bả, lặng lẽ đi tìm Hoài khắp những vùng tràm quanh Bàu Cò, Láng Le. Lê lại đến cái gò nhỏ nổi lên mặt nước mọc đầy tràm – nơi cái đêm hạnh phúc Hoài đã bẻ lá tràm xếp xuống cỏ làm nệm, xây tổ cho đôi uyên ương được một đêm sống bên nhau. Mãi đến bây giờ, bên tai Lê vẫn còn vang rõ giọng Bắc

ngồng ngọng, ngọt ngào tha thiết của Hoài: "*Nê* ơi! Anh *nàm* vậy có *nỗi* với *Nê* không? Nhưng nhỡ mai anh chết, mà không gửi được kỷ *liệm nại* cho Nê, anh khổ *nắm*!"... Đêm đó, trên lá tràm êm, trong hương tràm ngây ngất, Lê nằm lặng lẽ nhìn bầu trời đầy sao và lắng nghe giấc ngủ ngon lành của Hoài. Gió nổi lao xao trên mặt nước Láng Le và đàn le ăn đêm kêu lên những tiếng "kẹc kẹc", âu yếm gọi nhau. Xa xa ngoài kênh Năm Căn vọng đến tiếng bìm bịp báo con nước lớn, ròng. Ánh pháo sáng như ngái ngủ rọi chập chờn. Tiếng máy bay phản lực ầm ầm vút qua bầu trời làm Hoài tỉnh giấc. Lê ôm hôn anh và âu yếm hỏi: "Cái "kỷ liệm" anh gửi em mà thành thì đặt tên con là gì?". Hoài cười thích chí: "Nhất định thành chứ. Mình cùng chiến đấu ở đây, có con với nhau ở đây thì nhất định tên con *nà Náng* rồi. Con *Náng* em *Nê – Náng Nê!*". Lê mỉm cười, cốc nhẹ vào đầu anh và bắt anh phát âm cho đúng giọng Nam Bộ: Láng Le. Rồi Lê giải thích cho Hoài nghe vì sao mà gọi là láng. Là cái bàu nước nhưng rộng bao la hơn bàu thì gọi là láng. Láng có nhiều gà nước, vịt trời, le le đến ăn ở, thì gọi là Láng Le. Hoài hiểu ra, cười rúc rích và hỏi vặn lại: "Vậy nhỏ hơn cái bàu thì gọi là cái gì. Cái vũng, cái hồ hay cái ao?". Họ lại ôm ghì lấy nhau mà mơ ước ngày độc lập sẽ về dựng nhà cạnh Láng Le mà trồng thơm, trồng mía, trồng tràm...

Sau khi mất tin tức của Hoài, tiếp đến là những ngày chiến đấu ác liệt và công tác căng thẳng. Lê vẫn không nguôi thương nhớ và lặng lẽ lao vào cuộc tìm kiếm Hoài. Chín tháng sau, Lê sinh ra bé Láng. Ngày đất nước được độc lập, thống nhất thì bé Láng được 8 tuổi. Thời gian vẫn lặng lẽ nặng nề trôi, nhưng Lê vẫn hy vọng một ngày nào đó người yêu sẽ trở về. Chiến tranh đã chấm dứt hơn mười năm, Láng đã bước vào tuổi mười tám, xinh đẹp hơn cả má ngày xưa. Ngày xưa ấy, má vốn nổi tiếng đẹp người, đẹp nết nhất trong đám nữ du kích Bình Lợi. Bây giờ vẫn còn nhiều người theo đuổi nhưng má Lê chỉ lặng lẽ cười. Láng bảo má chọn lấy một người trong số đó cho đỡ cô đơn, nhỡ ra Láng phải theo người yêu về Củ Chi xa. Má vẫn lặng lẽ lắc đầu và có khi còn hãnh diện khoe: "Ba mày ngày đó đẹp trai và dũng cảm hết sẩy!"...

Mùa gió chướng năm rồi, má đưa Láng đi tìm ba ở ven hai bờ Vàm Cỏ Tây. Giáp mặt với rừng tràm đầu tiên, má khuyu xuống

không bước nổi nữa. Láng phải dìu má đi từng bước. Gió chướng rùng rùng nổi lên làm rối tung mái tóc dài của má. Rừng tràm lắt lay ngàn lá như chào đón má. Nơi đây là chỗ hò hẹn, là mối tình đầu, là nụ hôn đầu đời má gửi cho ba. Bây giờ má còn đây mà ba đi đâu. Có một bài hát mà khi ca sĩ Thu Hiền cất giọng lên là má khóc. *"Bầu trời thì cao, cánh đồng thì rộng. Hương tràm bên em mà anh đi đâu?!"*. Hẳn là trong đầu má, trong tim má đã vang lên giai điệu buồn thương, nhung nhớ mà má đã tự hẹn với lòng mình:

Dù đi đâu và xa cách bao lâu
Em vẫn có hình anh, giữa bóng tràm bát ngát
Em vẫn thấy mắt anh trên lá tràm xanh ngắt
Em vẫn nghe tình anh trong hương tràm xôn xao...

Khi nén hương Láng cắm trên đài tưởng niệm các liệt sĩ ở Vườn Thơm đã tắt, Láng đứng dậy bảo tôi: "Thôi! Ta về đi anh!". Lúc tôi gạn hỏi về cuộc sống của người mẹ bây giờ, Láng xua tay như gạt đi một cái gì đó vướng mắc vô hình và nói tránh sang chuyện khác: "Bình Lợi quê em đã là xã anh hùng trong kháng chiến, nay trong lao động hòa bình, cũng giữ vững được truyền thống tốt đẹp xưa. Toàn huyện có 2.000ha mía thì Bình Lợi đã chiếm đến 1.200ha, đang phấn đấu để đạt 500.000 tấn mía mỗi năm"...

– Còn mẹ của Láng thì...

– Thì chẳng sao hết. Má em vẫn là một lao động xuất sắc trong nghề trồng mía. Nhưng có điều má vẫn không nguôi thương nhớ và chờ đợi ba. Có khi bắt gặp má khóc thầm, em gặng hỏi, má nói: "Má trồng lên cây ngọt cho đời nhưng lòng má đắng cay đau khổ vì chưa tìm được ba của con". Rồi má hỏi có phải người làm bài thơ *Đi trong hương tràm* là đồng đội của ba hay sao mà tả đúng bóc chuyện yêu đương của ba má. Má muốn tìm gặp ông thi sĩ để dò hỏi tin tức của ba. Má đã thuộc nằm lòng bài thơ ấy và nhiều khi lẩm nhẩm hát thầm theo giọng người ca sĩ, nhưng lại cố ý thay đổi một vài từ:

Dù đi đâu và xa cách bao lâu
Dù gió mây kia đổi hướng thay màu
Dù trái tim em không theo anh được
Một thoáng hương tràm cho ta bên nhau...

Tôi không hiểu người làm ra bài thơ và người phổ nhạc bài thơ đó có phải là đồng đội của Hoài hay không. Nhưng tôi trân trọng và vô cùng thông cảm với người đàn bà ở Láng Le phải chịu bao nỗi đau riêng, hàng chục năm qua, lặng lẽ đi tìm kiếm lại hình bóng mối tình son sắt của mình...

Bình Chánh, mùa gió chướng 1997

*

RỪNG BẠC ĐẦU THƯƠNG NHỚ

(truyện ngắn)

Những ngày ở Tà Lài, tôi chú ý đến một ông già đầu bạc phơ, chiều chiều ngồi chẻ nứa, đan lờ bên sông Đồng Nai. Người Châu Mạ trong xóm Ka Lúi kể ông tên Tánh, nhưng nói giọng lơ lớ như người S'Tiêng. Ông Tánh cũng ở độ tuổi cổ lai hi rồi nhưng rất mê nhạc. Không vào rừng đặt bẫy thì ra sông đặt lờ. Cứ xong việc là ông Tánh về nhà mở cát-sét nghe ca hát suốt ngày. Người Ka Lúi không gọi Tánh bằng ông, bằng thằng gì cả mà cứ gọi tên trống không. "Tánh đan cho mình cái lờ thật chắc vào nghe. Cái cũ, cá lọt đi chơi hết".

Tánh đan lờ, vừa bán vừa dùng. Cái lờ là một loại dụng cụ để bắt cá, đan bằng tre hay nứa hai đầu nhỏ, giữa phình ra, cá đã vào lờ thì không ra được. Vừa đan, Tánh nghêu ngao hát: *"Công anh chẻ nứa đan lờ. Để cho con cá vượt bờ nó đi"*... Đêm đêm Tánh mang lờ ra sông, chỗ ông đã chặt tre ngăn dòng chảy, thả chuôm, đặt lờ vào đó rồi về. Sáng mai ra kéo lờ lên, đổ cá ra rổ. Tôm cá vào nhiều, thì mang ra chợ bán lấy tiền đong gạo, mua rượu, mua rau. Cá ít thì đem về kho, làm thức ăn. Người Ka Lúi nói Tánh sống như ma. Ông nghe hát, uống rượu một mình, rồi một mình nói chuyện với cây cỏ. Có khi ông đứng nói chuyện với cây thiên tuế cả buổi. Lại gọi cây bằng em nữa mới lạ chớ. Họ kể nhiều chuyện bí hiểm về ông già Tánh, gợi cho tôi một sự tò mò. Một buổi chiều khi qua trước cửa nhà Tánh, tôi nghe ông đang mở nhạc Phan Huỳnh Điểu. Giọng

Bảo Yến đang hát thơ Xuân Quỳnh: *"Những ngày không gặp nhau biển bạc đầu thương nhớ"*... Kế đó là giọng Thu Hiền yêu da diết với lời thơ Hồng Đào: *"Yêu nhau sao chẳng nói, để chiều buồn mênh mông"*. Trời ơi! Cái ông già Bảy Điểu lãng mạn đến thế lại còn có ông thính giả sắp kề miệng huyệt rồi mà còn *"Anh yêu em sao chẳng biết để con đò lênh đênh sang sông. Làm cho nổi sóng gió trong lòng!"* Tôi đứng nán dưới gốc mận, muốn nghe hát nữa. Nhưng hết bài "Sang sông", cái cát-sét trở lại bài đầu *"Thuyền và biển"*. Nghe đi nghe lại một vài bài cũng chán, tôi đằng hắng thật to và đánh bạo bước vào nhà. Tánh đang nằm tréo chân chữ ngũ, đầu trên cái gối mây, tay gác trán, rung đùi. Thấy có người lạ vào, ông với tay tắt máy, lồm cồm dậy nhìn tôi. Mắt ông đỏ hoe, có ngấn nước. Tánh đưa tay áo quệt ngang mắt. Rõ ràng ông đang khóc. Tôi rụt rè nói: "Chào bác!". Tánh buông một tiếng: "Chào!", như ném viên cuội xuống ao "bủm!". "Cha này tiếc lời lắm đây" – Tôi nghĩ. "Chắc khó bắt chuyện". Tôi bèn bịa lý do vì sao mình đột ngột vào nhà Tánh: "Thưa bác, cháu muốn hỏi thăm nhà cô ca sĩ người Châu Mạ, tên là KaThinh. Cháu công tác ở Đài Đồng Nai, đang đi sưu tầm dân ca của các dân tộc. Bác biết mà"... Tánh khoát tay chặn lời tôi: "Ờ, biết. Để chỉ cho!"

– Bác thích ca hát. Chắc bác biết các làn điệu dân ca. Bác người S'Tiêng hay Châu Mạ?

– Tui a? Quảng Trị.

– Vậy cháu cũng người Quảng Trị nè. Bác Triệu Phong hay Hải Lăng.

– Tui dân Chợ Cạn, Triệu Phong. Anh người Quảng Trị thật a? Nếu thiệt dân Quảng Trị phải biết câu này: *"Trăng lên côi đôộng Mu Rùa. O cho tui "đ" một cái, đến mùa tui trả khoai lang"*. Tôi bật cười: "Động Mu Rùa gần làng Phường Sơn của cháu. Vậy mình là đồng hương!". Tánh quàng đôi tay gầy ôm người tôi, vỗ vào lưng: "Trời! Lâu lắm mới có người Quảng Trị ghé qua. Ngồi. Ngồi. Uống rượu hí? Dân Quảng Trị mình cực nhất nước. Hè? Vì rứa mà cái câu ca dao, hò vè để lại cho con cháu cũng khổ. Mà vì khổ lắm mới có cái ông Ba Duẩn đi làm cách mạng!"

Chỗ ông Tánh đãi rượu tôi là cái giường ọp ẹp trải manh chiếu rách. Nằm ngủ cũng đó mà bàn ăn, nơi nghe nhạc cũng đó. Trong căn nhà tuềnh toàng còn có cái bàn bằng tre. Trên bàn là cái rương gỗ, chắc là để đựng áo quần. Trên mặt rương có bức hình lồng kiếng đàng hoàng. Có lẽ sang nhất trong nhà là bức hình đó: một cô gái trẻ, tuổi chừng đôi mươi, tóc xõa ngang vai, mặc quân phục lính ngụy, đeo lon trung sĩ. Chắc là con cháu gì của ông già. Hớp vài ngụm xị đế trong vắt với đồ mồi là mấy vuông đậu phụ, chấm mắm tôm, tôi nhìn quanh hỏi: "Bác Tánh ở một mình?". Ông già trừng mắt hỏi lại tôi: "Sao lại một mình? Hai đó chớ". Và ông đưa tay chỉ hình cô gái trung sĩ. Đó là buổi đầu làm quen với Tánh. Suốt thời gian công tác ở Tà Lài tôi đến chơi với ông luôn. Hôm thì mang theo chai "Lúa mới", hôm thì lít "Gò Đen" kèm gói lòng chó, bọc dựa mận. Ngồi với Tánh lâu ngày mới thấu tỏ đây là một con người thừa sống, thiếu chết, biết đủ mọi thứ trên đời nhưng chưa biết mùi đàn bà là gì. Rất biết yêu, nhưng chỉ yêu có một người với một mối tình sâu nặng nhưng đơn phương. Đơn phương chịu đựng, đơn phương đau khổ... Mối tình với cô gái trung sĩ đang ngự trên rương áo quần của ông đặt trên cái bàn tre ấy. Chuyện Tánh kể trong các bữa nhậu cứ lan man, câu nọ xọ việc kia, phải chắp mãi mỗi lần một ít, mới có đầu có đuôi.

Thuở nhỏ. Tánh theo cha là một ông đội kiểm lâm ra đóng đồn tận Rú Nầm ở Hà Tĩnh. Tánh biết tiếng Pháp, thường nói về bố mình bằng giọng nửa tây nửa ta "Mông Papa mình làm Xécvítxờ đề dô-ê-phô-rê" tức là nước và rừng. Theo cách nói bây giờ là "lâm nghiệp" ấy. Ông cụ có công biến cái dãy đồi trọc thành Rú Nầm với rừng thông cổ thụ, bạt ngàn. Tánh biết cả tiếng Anh. Ông kể khi lớn lên, bố Tánh cho theo học trường Nông-Lâm-Súc ở Huế, sắp được văn bằng kỹ sư thì Mỹ vào, ngụy ráo riết bắt lính. Tánh trốn chui nhũi mãi rồi cũng bị bắt. Một lão đại úy coi tù ở nhà lao Thừa Phủ được thuyên chuyển vào Biên Hòa, liền cho Tánh theo làm lính hầu vì Tánh biết cả tiếng Pháp lẫn tiếng Anh. Lão đại úy tên là Điện. Nguyễn Thúc Điện. Nhưng tính tình hơi điên điên khùng khùng nên mọi người gọi hắn là đại úy "điên nặng". Hắn thích vừa đánh tù vừa uống rượu. Hắn nói: "Đánh nát thịt da, thân tù bật máu tươi ra, mình nhìn mà uống rượu mới đã". Cách chơi gái cũng vậy. Hắn

rên lên: "Có trói, có đánh bật máu, vừa hành hạ vừa làm tình mới sướng!". Vào Biên Hòa được mấy tháng, thằng Điện được điều lên thượng nguồn sông Đồng Nai, coi trại tù Tà Lài. Tánh lại theo hầu Điện. Không chỉ biết tiếng Anh để tán cố vấn Mỹ xin rượu, xin thuốc lá cho Điện, Tánh còn biết nấu món "bún bò dò heo" và "lợn giả chó" rất tuyệt, nên Điện không rời Tánh ra được. Hắn quý Tánh hơn vàng!

Ở trại tù Tà Lài có những người lính và cán bộ Việt cộng cỡ bự. Nếu khủng bố tra tấn hoặc dụ dỗ mua chuộc được vài người khai báo ra những cơ sở bí mật của đối phương, thì cái lon đại tá chẳng mấy chốc sẽ đeo trên cổ áo Điện. Hắn mê gái, mê ăn nhậu và mê quyền chức như điên. Tra tấn, khai thác chẳng được gì, Điện bèn nghĩ ra mỹ nhân kế. Hắn xuống trung tâm Thúy Nga xin quan trên biệt phái một cô gái đẹp về thực hiện mưu ma của hắn. Ngày đầu tiên người đẹp đến trại, Điện đã sà vào tán ngay. Nhưng cô trung sĩ này cứng lắm: "Thưa đại úy, tôi đến đây thực thi nhiệm vụ của Phượng Hoàng, chớ không phải làm người tình của ngài!". Điện cụt hứng còn Tánh thì bàng hoàng: "Rừng Cát Tiên bây giờ mới có tiên hiện về thật. Trung sĩ Trần Hoàng Thanh có mái tóc đen nhánh bỏ dài sau lưng. Với đôi mắt huyền ấy, hai lúm đồng tiền và cái răng khểnh ấy đáng giá ngàn vàng. Giọng nàng trong trẻo đến thánh thót. Phải nói nàng mặc quân phục hay áo dài đều đẹp như nhau. Tánh ngẩn ngơ và ước mơ đến một người tình, người vợ đẹp như Thanh. Trong lòng nẩy nở một cái gì đó khó nói ra, nhưng anh đã tự nhận biết hình ảnh Thanh đã nằm gọn trong trái tim mình.

Điện giao nhiệm vụ cho Hoàng Thanh phải mê hoặc, quyến rũ cho được tên Việt cộng cứng đầu Lê Bằng. Nghe đồn Bằng là một trong các con hùm xám rừng chiến khu Đ. Chiêu hồi lôi kéo được Bằng về với quốc gia, có lợi hơn đánh tan một trung đoàn quân Bắc Việt.

Hoàng Thanh đã thâm nhập nơi giam giữ Lê Bằng. Có khi cùng đi làm lao công với anh, cùng chia nhau nắm cơm tù. Suốt hai tháng trời áp dụng các ngón nghề của CIA dạy thực hiện kế mỹ nhân, chẳng hiểu sao càng ngày Thanh càng kính phục và như bị anh Việt cộng hớp hồn. Điều đó không qua được con mắt chó sói của Điện. Nhưng hắn cứ để vậy xem sao.

Một đêm, Tánh đang ngủ say thì bị Điện dựng dậy, thét lên: "Con chó cái và thằng Việt cộng trốn rồi!". Tánh mắt nhắm, mắt mở trèo lên xe jeep, ngồi sau lưng Điện. Trưởng trại tù gầm lên: "Bọn đi lùng gọi về báo đã tìm thấy con chó cái đó ở chỗ gốc cây thiên tuế. Còn thằng Bằng "vù" rồi!".

Xe chạy từ Tà Lài về bến Ghềnh rồi bỏ xe chạy bộ vào rừng. Năm sáu cái đèn ba pin giọi thẳng vào gốc cây thiên tuế. Hoàng Thanh bị trói như đứng tựa vào gốc cây, đầu tóc rũ rượi. Thằng Điện xộc đến, cười ré lên ằng ặc như bị ai bóp họng...

Kể đến đoạn này Tánh như bị nấc, giọng nghẹn lại rồi ngắc ngư nói: "Cây *thiên tuế vòng* này có tên khoa học là *Xicat xiếcxinalít eo*, thân gỗ, hình trụ mọc thẳng đứng cao đến 12 mét. Cây này đơn độc mọc cạnh cây bằng lăng hoa tím. Mỗi lần theo tù đi đốn gỗ mình hay qua lại nơi đây nên thuộc lòng cái cây thiên tuế đơn độc này"...

Tôi đang sốt ruột muốn biết kết cục câu chuyện nhưng tiếng Tánh đã lạc đề, liền giục: "Rồi sao nữa? Ai đã trói Hoàng Thanh? Kể nốt đi!".

"Hãy yên!" Tánh đưa tay vuốt vuốt bộ ngực gầy – "Ờ! mình nhớ lại rồi... Thằng Điện hét lên: "Diễn kịch khéo quá hí. Hú hí với nhau chán chê rồi bày ra trò bị trói cho thằng kia thoát êm, hí". Hắn xé toạc áo Thanh để phơi ra bộ ngực trần, rồi nghiến răng, gầm lên: "Thằng Việt cộng phá trinh mày rồi hí, con chó cái? Hắn chưa mần chi được thì để tau mần!". Nói rồi hắn kéo quần Thanh xuống. Tánh kéo áo thằng *điên nặng* trong lúc hắn đang mở thắt lưng, tụt quần. Tánh năn nỉ hắn muốn làm gì hãy đưa "cô ấy" về trại đã. Thằng Điện lại gầm lên: "Kệ tau. Để tao chơi đứng. Tao phải hiếp nó ngay trước mặt tụi bây để trị tội phản bội của nó". Qua ánh đèn pin, Tánh nhìn rõ đôi mắt căm hờn của Thanh. Tánh bỗng kêu lên "Thưa đại tá, để em cởi trói đem hắn về tắm rửa sạch sẽ cho đại tá dùng!". Hai chữ "đại tá" Tánh cố tình gọi nhầm như gáo nước lạnh giội lên cái đầu bốc lửa của tên đại úy. Hắn phán: "Được. Đưa nó xuống sông kỳ cọ thật sạch, rồi đem ngay về phòng tao!". Thằng Điện ra đường, lái xe phóng thẳng. Tánh rút dao găm, cắt dây trói và nói thầm với Thanh: "Em đừng sợ, tôi đã có cách".

Bọn lính canh tù lục tục bỏ về. Tánh quàng súng ra sau lưng, đưa Thanh xuống sông nhưng chẳng phải để tắm rửa gì. Hai người ẩn nấp, lắng nghe tiếng giày bọn lính xa dần, liền trở lại chỗ cây thiên tuế, nhặt lại chiếc áo cho Thanh mặc, rồi cùng nhau đi trốn. Họ nhắm hướng sông Đồng Nai, cắt rừng đi ngược lên. Qua Bàu Sấu, rồi Bàu Chim. Đi ngày, đi đêm cố tránh thật xa đồn Tà Lài, tránh sông, tránh đường ô tô. Đói, họ đào trộm củ mì, bẻ chuối, đu đủ ở rẫy của người S'Tiêng, Châu Mạ. Ngày thứ ba họ đến được ĐakLưu, nhắm hướng K'lokít, K'Heng. Rừng càng rậm, họ càng yên tâm vì bọn lính Tà Lài không dám truy tìm trong vùng có lính Giải phóng của Mặt trận. Ngày thứ tư, Thanh rã rời trên lưng cõng của Tánh. Đêm cuối cùng Thanh nói: "Bỏ em lại, anh trốn về quê với vợ con đi. Em có người bà con ở Cát Lộc. Em sẽ nương náu ít lâu ở đó, để chờ tìm anh Bằng". Tánh nói rõ mình chưa vợ con gì nhưng không về quê mà sẽ đưa súng ra hàng Mặt trận. Đêm cuối cùng trước lúc chia tay họ ẩn nấp trong một hang đá cạnh con suối nhỏ róc rách chảy. Trời lạnh. Tánh ôm chặt Thanh vào lòng. Thanh thủ thỉ tâm sự chuyện mình đã bị Bằng thuyết phục như thế nào và hằng tháng nay Thanh đã yêu Bằng. Yêu say đắm, da diết nhưng phải tìm cách cho Bằng trốn. Thanh không thể trốn theo Bằng vì nghĩ mình là con Thiên Nga, là tay chân CIA Mỹ, vì yêu mà trốn theo không khéo vạ lây cho Bằng. Thanh đành ở lại và tự hẹn với mình sẽ tìm Bằng khi hết chiến tranh. Được ôm người mình thầm yêu, trộm nhớ trong vòng tay, Tánh sung sướng đến nghẹn lòng. Nhưng anh chỉ nằm lắng nghe. Thanh nói: "Em không như thằng Điện nghĩ đâu. Người cách mạng họ cao thượng lắm. Em vẫn trong trắng để chờ đợi khi gặp lại Bằng. Nói dại miệng: nếu sau này anh Bằng rủi có làm sao, em sẽ đi tìm Tánh". Tánh lại xiết chặt Thanh vào lòng và nhiều lần định nói bật ra: "Anh cũng yêu em Thanh ơi! Anh cũng yêu em ngay từ lần đầu mới thấy em"... Nhưng Tánh vẫn kìm được mình và vẫn lặng lẽ nằm im rồi ngủ thiếp đi"...

"Sau giải phóng mình quay về rừng Nam Cát Tiên và làm kiểm lâm, gác rừng, giữ rừng, trồng rừng". Tánh lại lạc mạch câu chuyện tình yêu đang hấp dẫn tôi. Nhưng mặc kệ, cứ để ông ta lạc đề lần nữa xem sao. Tánh tiếp: "Mình bỏ nghề kiểm lâm khi thằng bạn cùng đội gác rừng bị bắt bỏ tù". Đó là chuyện cậu Thoài, chồng của

cô gái hát hay và dệt thổ cẩm đẹp nhất xóm Ka Lúi, mà lần đầu gặp, Tánh đã chỉ nhà Ka Thinh cho tôi đến sưu tầm dân ca. Tánh kể rằng có một bọn lâm tặc vào rừng cưa trộm gỗ quý và săn bắn bò Gaur quý hiếm. Thoài đã ngăn chặn chúng nhưng chúng vẫn lì lợm không nghe, lại còn bắn Thoài. Để tự vệ, Thoài bắn trả nhưng không may một thằng lâm tặc bị trúng đạn, chết. Tòa xử thế nào mà bọn ăn trộm vô tội và anh bảo vệ rừng phải ngồi tù. Bất công thế, nguy hiểm thế đành ra khỏi ngành kiểm lâm. Bỏ nghề, không lương tiền, Tánh đi đặt bẫy kiếm thịt ăn và đi bán thịt rừng ngoài chợ Tà Lài. Đến khi thấy trên một tờ áp phích có in hình chú cu li hay chú gấu con đang rơi nước mắt, kêu van loài người bằng câu tiếng Anh: "Xin đừng mua tôi – Đu nót bai mi!". Vậy là động lòng trắc ẩn, Tánh liền bỏ nghề đặt bẫy bắt thú rừng, chuyển qua nghề đan lờ, đơm cá.

Tôi lại hỏi: "Biết khổ thế sao lại vào nghề kiểm lâm?". Tánh hợp một ngụm rượu, đưa tay áo chùi mép rồi cười hề hề: "Thì mình học nghề nông-lâm-súc mà. Không làm nghề rừng thì làm gì". Ông kể tiếp nhờ đem súng đi tìm Mặt trận nên sau giải phóng được trên cho đi giữ rừng. Tánh không theo lời khuyên của Thanh: Ông không về Quảng Trị quê hương cưới vợ, sinh con mà quay lại Nam Cát Tiên với hy vọng một ngày nào đó Hoàng Thanh sẽ trở lại tìm ông ở Tà Lài. Ngày ngày ông vẫn đến thăm cây *Thiên tuế vòng* đơn độc, để tìm lại hình bóng Hoàng Thanh, nơi hai người đã bắt đầu cuộc trốn chạy khỏi kẻ ác.

Và Hoàng Thanh đã trở lại Tà Lài tìm ông. Lúc này Tánh đã vào cái tuổi sáu mươi lăm, hơn Thanh mười tuổi. Thanh đã ôm Tánh mà khóc vì tuyệt vọng, vì đau khổ bởi suốt hai mươi lăm năm lặn lội khắp nước vẫn không tìm được Bằng. Cho đến bây giờ trên các báo vẫn tiếp tục đăng tin tìm mộ liệt sĩ. Hàng trăm ngàn chiến sĩ hy sinh vẫn nằm rải rác trên khắp đất nước chưa tìm hết được. Nỗi đau khổ đó không riêng Thanh mà của chung tất cả những người mẹ, người vợ, người tình...

Thanh vẫn ở vậy chờ Bằng và Tánh vẫn ở vậy chờ Thanh. Dịp gặp nhau bên gốc *Thiên Tuế* trong rừng Nam Cát Tiên gần đây, Tánh những muốn kêu lên: "Thanh ơi! Anh đã yêu em biết chừng nào. Ba mươi năm qua chỉ ước mơ gặp lại em để nói ra cái điều

chưa nói được với em rằng anh yêu em. Anh yêu em trọn cả cuộc đời. Cho đến bạc phơ đầu vẫn chưa nói được với em lời cuối, Thanh ơi!".

Tánh chợt dằn mạnh cái vỏ chai hết nhẵn rượu xuống vạc giường tre ọp ẹp, nói: "Con Ka Thinh mua cho tôi mấy bài hát của ông Phan Huỳnh Điểu. Ông Điểu là ai mà hiểu tôi đến tận ruột gan vậy? Con Ka Thinh vậy mà giỏi. Chồng bị tù vẫn nén đau khổ, làm việc, thăm nuôi chồng chu đáo, lại còn lên truyền hình ca hát, lại dệt những tấm thổ cẩm đẹp cho đời... Còn tôi... Còn tôi"...

Hình như rượu đã ngấm, Tánh với tay bật cái nút pờ-lay. Giọng Bảo Yến lại vang lên ngọt ngào, thiết tha: *"Những ngày không gặp nhau, biển bạc đầu thương nhớ!..."*

Tánh bỗng nhìn tôi, đôi mắt đỏ kè, ngấn nước và quát lên: "Sao? Làm sao?" Rồi giọng đã nhừa nhựa, ông hỏi tôi: "Sao chưa có thằng cha nào làm bài thơ: "Rừng bạc đầu thương nhớ... Hè?"

Tánh lặng lẽ đưa hai bàn tay thô ráp, chai sạn ôm lấy mái đầu bạc. Ông chợt gục xuống hỏi cái vỏ chai: "Bây giờ em vẫn ở dưới Biên Hòa chờ anh phải không Thanh?"...

Báo Phụ nữ chủ nhật – năm 2000

MA VĂN KHÁNG
(Sinh 1936)

Tên thật là Đinh Trọng Đoàn, sinh ngày 1-12-1936. Quê ở phường Kim Liên, quận Đống Đa, Hà Nội.

Ma Văn Kháng tham gia quân đội từ rất sớm và được đi học ở khu học xá Trung Quốc. Tốt nghiệp ĐHSP Hà Nội, ông có một thời gian dạy học ở Lào Cai. Sau đó, ông làm phóng viên, từng là Tổng biên tập, phó Giám đốc NXB Lao Động, là ủy viên BCH, Ủy viên Đảng Đoàn Hội Nhà văn khóa V, Tổng biên tập tạp chí Văn học nước ngoài.

Ma Văn Kháng từng có trên 20 năm sống và làm việc ở vùng cao Tây Bắc nên rất am hiểu phong tục tập quán của bà con các dân tộc ở đây. Không phải ngẫu nhiên mà nhà văn lấy bút danh là Ma Văn Kháng. Bút danh (cũng là bí danh) ấy thể hiện tình yêu và sự gắn bó của ông đối với vùng đất được ông coi là quê hương thứ hai của mình. Nhà văn viết khá nhiều về cuộc sống, sinh hoạt của người dân miền núi và gặt hái được những thành công đáng kể về mảng đề tài này.

Tác phẩm chính:

+ Tiểu thuyết: Đồng bạc trắng hoa xòe (1974), Vùng biên ải (1983), Trăng non (1984), Mưa mùa hạ (1982). Mùa lá rụng trong vườn (1985), Côi cút giữa cảnh đời (1989), Đám cưới không có giá thú (1989), Chó Bi, đời lưu lạc (1992).

+ Truyện ngắn: Ngày đẹp trời (1986), Vệ sĩ của Quan Châu (1988), Trái chín mùa thu (1988), Heo may gió lộng (1992), Trăng soi sân nhỏ (1994), Ngoại thành (1996), Vòng quay cổ điển (1997)...

***Mùa lá rụng trong vườn** là tiểu thuyết được nhận giải thưởng loại B của Hội Nhà văn Việt Nam năm 1986, được chuyển thể thành kịch bản phim.*

*

MÙA LÁ RỤNG TRONG VƯỜN

(tiểu thuyết)

1.

Phố chạy tới đây có vẻ như đã đuối sức.

Nhà thưa thớt dần và mặc dầu mặt đường vẫn giữ nguyên vẻ đường bệ của một trục đường chính trong thành phố, tới đây hai bên đường chỉ còn lác đác dăm ba cái biệt thự nhỏ, xinh xắn, kiến trúc theo kiểu châu Âu cuối thế kỷ trước, mái nhọn, nhiều ngóc ngách, góc cạnh. Những năm gần đây, thành phố phát triển về phía tây và kéo dân cư về phía đó. Đoạn phố này, bên lẻ đánh từ số Một, bên chẵn đánh từ Hai hóa thành cái đuôi của một đường phố lớn.

Xa cái náo nhiệt của trung tâm, nơi đây vắng vẻ, yên tĩnh, đến mức có cảm giác nó bị lãng quên, bị gạt ra khỏi đời sống phố phường. Ở đây có thể nghe thấy tiếng người lê dép, tiếng trục xe ba gác lăn khục khịch, cót két trên đường. Ở đây, mùa hè inh ỏi tiếng ve và lao xao vòm lá rậm ngọn gió đùa, mùa đông cảm nhận được tiếng sương rơi và hơi gió lướt của tàu lá liệng rơi trên mặt đất.

Căn nhà yên ắng nhất ở đoạn phố này là căn nhà số Một đứng đầu phố. Đó là một căn nhà gác nhỏ trong một khu vườn nhỏ, có cổng sắt. Căn nhà không còn toàn vẹn, sau một trận hỏa hoạn cách đây chục năm, nay nó chỉ còn có căn gác và tầng trệt ở phía mặt tiền nhìn ra đường phố, căn nhà yên lặng gần như suốt ngày, gần như quanh năm, hòa hợp với môi trường sống vì trú ngụ ở đây chỉ có ba bốn người, mà toàn là người lớn cả. Căn nhà chỉ mất đi sự yên ả cố hữu vào quãng năm giờ chiều. Lúc ấy có một người phụ nữ đạp xe về, đeo lỉnh kỉnh những là gạo mì, rau củ, ở sau xe, ở tay lái; chị gọi cổng, ầm ĩ và vui vẻ; lúc ấy mới cảm thấy có hơi người, có sự sống động ở nơi này.

Nhưng cũng chỉ lúc ấy mà thôi. Còn thì lặng yên, như bây giờ, đang cữ đông rét mướt, lại là những ngày giáp Tết Nguyên đán; ở đây, trong tĩnh mịch, nghe tiếng pháo lẻ tẻ từ trung tâm thành phố vẳng về, dửng dưng, không nghĩ ngợi, không cảm xúc. Dường như tất cả đều đã ổn thỏa, ngay ngắn, trật tự rồi, không còn phải lo

toan, sắp xếp hoặc bàn bạc, cũng chẳng phải tính toán, nghĩ suy, đề phòng một tai biến nào đó có thể xảy ra.

Cứ nghe tiếng người đàn ông ngáy trong căn phòng khách đã dọn dẹp để đón Tết thì cũng thấy cảm giác an toàn đó. Trạc năm mươi, to béo, phục phịch, người đàn ông mặc quần áo bộ đội này nằm, đầu ghếch lên tay chiếc đi văng, chân duỗi thò ra ngoài ghế, hai tay chắp bụng, tư thế hết sức thanh thản, và thả ra những tiếng ngáy thật rầm rĩ và thoải mái. Giấc ngủ thật sâu, nhưng buông thả, rõ ràng nó là sản phẩm của một người đặt mình là ngủ, không hay trằn trọc, suy nghĩ.

Người này ngủ, không hề hay biết tất cả những gì xảy ra ở kề mình. Cho tới lúc nghe tiếng một người phụ nữ xoe xóe trong căn buồng, anh mới cựa mình, he hé mắt.

– Quý hóa chưa kìa! Ngủ như hổ ngủ, gọi hết cả hơi mà không ra đỡ hộ người ta một tay. Để cả con mèo đen ở đâu đến nhẩy lên bàn thờ mà không biết! Định ngủ đến nửa đêm, hả? Năm hết Tết đến rồi, không dậy nhúc nhắc chân tay một tí, còn định nằm ăn vạ đến bao giờ? Rõ thật, hết ngày dài lại đến đêm thâu chưa?

Rõ ràng là nói đay đả, thân thiết kiểu vợ chồng, nhưng cũng phải sau một câu trách cứ ác khẩu và âu yếm như thế nữa, người đàn ông mới uể oải ngồi dậy. Người đó là Đông.

– Có việc gì nữa đâu! – Đông gãi cái đầu mới húi, đưa đẩy hai con mắt lờ ngờ nhìn người phụ nữ đứng giữa hai cái làn nhựa nặng trịch, đầy ụ hàng Tết.

– Chịu ông thật! Phố xá người ta ầm ầm sắm sửa, mua bán. Quả gấc vọt lên trăm rưỡi. Gạo nếp lên hăm nhăm. Chỗ máy nước đang có đánh nhau vì lá dong. Chỗ tránh tàu, ô tô kẹp phải cái xe bò chở toàn mút. Sao mà lắm chuyện kinh cả người. Thế mà ông cứ bình chân như vại!

– Nghe cô nói cứ tưởng loạn đến nơi rồi.

– Chứ lại không à! Cứ tổ tôm tổ tép mãi vào. Nửa đêm mới mò về, lăn ra ngáy còn biết cái gì nữa. Đấy, củi ngoài sân vẫn chưa bổ hộ! Thế đã đi gọi thằng Máy nước, bảo nó thông đường ống cho chưa? Cũng lại chưa! Nhưng mà thôi, chẳng khiến nữa. Cô Phượng đâu? Cũng lại không biết!

Lại được nghe những câu trách móc thân yêu và cảm thấy làn da mát tê mê, ấm ấm trong cái nguýt dài thân thương của vợ, Đông dứng dậy tủm tỉm thú vị rồi cúi xuống nhặt bộ quần áo đặt trên tay cái đi văng.

– Ối giời, lại còn chưa tắm hộ nữa cơ đấy. Để dành làm của hả? Chết thôi, ấm nước người ta đặt trên bếp điện khéo sôi cạn từ tám tỏng rồi còn gì!

Người phụ nữ vừa xong xóc mắng yêu ông chồng ngộc nghệch, vừa đưa tay bứt mạnh hàng khuy, mở bung cái áo măng tô san khoác ngoài, vứt lên lưng nghế, rồi ngửa đầu lắc lắc mái tóc uốn điện đã duỗi dài trong một điệu bộ con gái hết sức trẻ trung. Tóc chị, rậm, đen, đầy sinh lực, rất hợp với vóc người tầm thước, đậm đà, nở nang, cân đối cùng với khuôn mặt tròn đã định hình ở tuổi bốn mươi, nhưng còn giữ được nguyên vẻ tươi mát và duyên dáng; hai con mắt lá dăm dài, lóng lánh dưới cặp mày rộng, đen nhánh, cái mũi hơi hớt đem lại dáng nhẹ nhõm, thơ ngây cho khuôn mặt và khiến đôi gò má cao không trở nên lộ liễu; cái cằm lẹm phía trái, một nốt ruồi to đậu ở đó, tạo nên cái đặc sắc riêng khiến khuôn mặt trở nên dễ nhớ, không lẫn với nhiều khuôn mặt khác.

Lúc ấy, ngoài cửa buồng có tiếng dép bước vội vàng. Người phụ nữ quay ra cửa, chưa kịp cất tiếng gọi thì bỗng một người phụ nữ trẻ, thanh mảnh đã nhanh nhẹn bước vào.

– Chị Lý! – Người phụ nữ mới vào không giấu nổi sự mừng rỡ, thật thà – Chị về muộn thế! Ối chị sắm Tết nhiều thế kia à! Em rút bếp điện từ nãy cơ. Thấy anh Đông ngủ, ngáy to quá, em không dám đánh thức anh dậy tắm.

Lý hất tóc ra sau lưng, dẫu môi:

– Ông ấy đã ngủ thì súng có nổ bên tai ông ấy cũng mặc. Cần thì cứ lay gọi. Không dậy thì đấm, đá, cấu, véo, tát. Có ai ngủ khiếp thế bao giờ không? *Con* ngáy thả ra rầm nhà. Ông cụ nằm ở trên gác nghe thấy cũng mất cả ngủ đấy.

– Chuyện, người ta ngủ bù... mấy năm ở Trường Sơn – Đông đang luồn thắt lưng qua những con đỉa ở cái quần mới, ngẩng lên. Lý trề môi, dài giọng:

– Bù... không có cái lối ấy nhé. Thời nào thanh khoản thời ấy. Bù! Thà cứ nói toẹt ra: đêm, tớ còn thức hội họp tổ tôm với các cụ...

Đông cười trong cổ họng, nhìn người phụ nữ trẻ:

– Ăn được, ngủ được là tiên, cô Phượng ạ. Ở Trường Sơn, tôi đặt mình xuống bao giờ cũng hẹn đồng đội: Thấy tớ ngáy, cứ việc đấm, cho tha hồ đấm.

– Chả bù cho anh Luận nhà em. Sao mà khó ngủ thế! Mười đêm thao thức cả mười. Không chuyện cơ quan lại chuyện phố xá, bạn bè.

– Này thôi! – Lý kéo tay người phụ nữ tên Phượng – Cô đi đâu đấy? Hai cái làn nặng gẫy cả tay mà gọi hết hơi chẳng ma nào ra đón cả.

– Em ở bên nhà ông thợ mộc – Phượng đáp, bỗng lui lại một bước, hai con mắt to trên gương mặt gầy, vụt sáng rỡ – Úi, chị Lý, chị có cái áo mới đẹp quá! Đẹp quá. Vải gì mà bóng mà mịn thế, chị? Chị may đo à? Anh Đông lại ngắm chị em một tí nào! Đẹp quá! Đẹp thật, chị Lý ạ.

Trong tiếng reo trầm trồ của Phượng, Lý ta hết cơn bực dọc. Chị cười nhỏn nhẻn, nhìn xuống ngực, ngắm hai bên sườn áo và người như bừng nở trong một cơn bồng bột dội lên bất ngờ. Cái áo đẹp thế chứ! Áo liền mũ. Vải téc len, màu sô-cô-la, cao sang từ chất vải tới sắc màu, kiểu cách. Chưa hết! Còn lần bông lót trong. Chưa hết! Còn cái khóa. Chưa hết, khi cái khóa kéo tuột xuống, mắt Phượng lại một lần nữa chói lóa vì những mảng màu đối lập, nóng ấm ở cái áo len khuôn bó thân hình Lý và Lý lại một lần nữa hiện ra dưới một sắc hình khác hẳn thường ngày. Lý trẻ trung, mới mẻ. Lý rực rỡ, lập dị, lạ mắt vô cùng.

– Có hợp với mình không? Hình như vai hơi rộng nhỉ? – Lý dồn dập sung sướng – Hợp với da mặt mình đấy, Phượng nhỉ? Này trông, cái khuy tay của nó. Được đấy chứ! Người quen họ để lại cho đấy. Chưa bóc tem nhé!

– Bao nhiêu hả chị?

– Năm ngàn rưỡi! Giá hữu nghị đấy. Nó *hô* một câu, mình *hét* cũng một tiếng. Thế là xong. Cũng chưa hay bằng cái áo lông gấu Bắc cực, cô biết bao nhiêu không? Hai mươi tư ngàn.

– Trời!

– Hé hé... Đúng là cô nàng tỉnh lẻ mới về thành phố. Này, cô em ơi, một khi đã quyết định ăn chơi là không sợ tốn kém nhé!

Nhìn Phượng run rẩy lắc lắc hai bàn tay còn ướt và ngơ ngác như sợ sệt. Lý cười ré lên đắc chí và mãn nguyện. Hai gò má thoáng hơi phấn hồng của chị rực lên vì kiêu hãnh. Chị thấy mình đẹp mình sang, mình giàu. Còn cô em dâu chồng đứng cạnh chị lúc này thì sao mà héo hắt, quê mùa tội nghiệp thế. Cái quần lụa nhầu, ống hẹp. Cái bu dông ximili màu cỏ úa, cổ lỗ.

Cảm giác thấy mình trội hơn người khác làm Lý vui. Nhưng khi thấy giữa mình và Phượng là một khoảng cách quá rộng và nhất là bỗng cảm thấy Phượng đơn sơ, gầy guộc, ánh mắt ẩn giấu một vẻ tủi thân thế nào, chị liền dịu lại.

– Cô gói bánh hộ lão thợ mộc cột nhà cháy đấy à, Phượng? – Lý kéo khóa áo, chuyển câu chuyện.

– Vâng. Vợ ông ấy hôm nay còn nằm bệnh viện, chị ạ.

– Ôi giời. Cái mụ đa tình ấy thì quanh năm suốt tháng có lúc nào xa rời được cái bệnh viện. Hết sẩy, lại nạo, lại thắt buồng trứng. Còn cái thằng cha ấy, cô có biết không, nó có chết đứ đừ ra đấy, tôi cũng cứ kệ thây. Ai lại, thằng Dư con tôi hồi lên năm, đẹp như hòn ngọc, mà nó dám bẹo tai thằng bé! Cái thằng cha ấy ấy mà – Ghé sát má Phượng, Lý hạ giọng thầm thì.

Đông rũ phành phạch cái áo, quay lại thấy hai người phụ nữ đang bưng miệng rít rít cười, liền dóng:

– Các cô bàn bạc, cười cợt cái gì mà bí mật thế?

Lý buông tay, cúi xuống một cái làn nhựa:

– Chị em chúng tôi bàn: Sẽ ký quyết định ăn chơi xả láng, ông có chịu không? Còn cười? Cười cái lão rậm râu sâu mắt.

– À, nếu thế thì tôi không thuộc loại ấy. Thôi, tôi đi tắm đây.

Đông ôm quần áo, đi ra phía cửa, bỗng đứng sững vì tiếng Lý gọi giật. Anh quay lại, chưa hiểu chuyện gì, thì một bó mùi già xanh đậm, lấm chấm hoa trắng Lý mới móc từ dưới cái làn nhựa đỏ lên, đã lẳng tới giữa ngực. Lý nói như ra lệnh:

– Thả cái bó mùi nầy vào chậu nước nóng tắm tất niên cho nó thơm. Cái quần *si* đâu, sao không lấy mà mặc? Lúc nào cũng như mới từ chiến khu về ấy! Nhớ cắm bếp để nước cho ông cụ tắm. Nhớ, hay lại quên? Thật là người đời! Không hiểu tại sao tôi lại lấy ông đấy, ông Đông ạ.

Phượng cúi xuống, nhấc cái làn xanh, tủm tỉm cười. Bà Lý bốn mươi rồi mà tính tình còn trẻ quá. Bà đối với ông chồng, thật đành hanh mà cũng thật nồng nàn. Còn ông chồng thì hiền lành đến mức ngờ nghệch, đối với vợ như chú em ngoan trước bà chị gái tận tình và lắm điều. Hai cái làn nhựa đã được chuyển tới cạnh bộ xa lông kê ở giữa căn buồng. Đó là một căn buồng rộng, vuông vức, vẫn dùng làm phòng khách, nơi ăn uống, hội họp khi Tết nhất, giỗ chạp của cả gia đình. Từ bộ xa lông nhìn sang trái là cái lò sưởi gạch; bệ lò nay đặt bàn thờ – ở đó lúc này đã có mâm ngũ quả, một chai rượu chanh, lấp lánh mấy khung ảnh. Ba mặt tường khác treo mấy bức phong cảnh và tĩnh vật vẽ bằng sơn dầu, thưa thoáng mấy sợi vạn niên thanh nuôi trong mấy cái chai thủy tinh nhỏ.

Đông đi tắm. Buồng đóng cửa, ấm sực. Lý kêu mới ăn phở còn no, cởi áo bay, gieo mình xuống đi văng, ngửa cổ, lim dim mắt. Và khi thấy Phượng cúi xuống hai cái làn, chị liền bật dậy, kéo tay Phượng cùng ngả lưng vào thành ghế với mình.

– Khoan hãy rỡ các thức trong làn ra. Nghỉ tí đã, Phượng. Hà... Phượng này, mấy anh em nhà ông Đông mỗi ông một tính một nết, nhưng ông nào cũng y sì ông nào ở cái đức... ở bẩn. Ông cả Tường ngày trước thế nào tôi không biết. Chứ ông Luận nhà cô thì cũng vậy. Thằng Cừ giờ chẳng biết trôi giạt đến chân trời góc bể nào cũng rứa. Còn thằng út Cần thì chẳng hiểu đi học ở nước ngoài về có khá hơn được tí nào không, chứ hồi còn ở nhà thì cũng một duộc với ông Đông. Quần áo đi đá bóng về, để xuống dưới chiếu, cha mẹ ơi, hôm sau lại lấy ra... mặc. Một hôm, thấy khăn khẳn, mình cứ nghĩ... quái, có con chuột chù chết ở đâu.

Lý cười rung cả ngực. Phượng đập tay Lý:

– Còn cái thói ăn cơm trưa xong, tống tất cả mâm bát rếch vào gầm giường, để đấy, ngủ cái đã nữa chứ, chị?

– Cái đó thì nhất rồi – Lý nhổm dậy, mắt ràn rụa vì cái cười quá độ – Về ăn mặc lôi thôi thì ông Đông nhà tớ thuộc loại *cao thủ*. Phượng ạ, lắm lúc mình cứ tự hỏi: Không hiểu tại sao mình lại lấy ông Đông? Mình thì thích cẩn thận, ưa sạch sẽ, lịch sự. Mình thích sống đàng hoàng, mình không chịu thua kém ai. Đói một tí chịu được. Nhưng ra đường, đến xí nghiệp mặc rách, mặc xấu, để người ta coi thường là mình không có chịu. Đằng này, ông ấy tứ thời quần nhàu, áo bạc. Mà có phải không sắm sửa cho ông ấy đâu! Dắt tay ra tận cửa hiệu, đo may cho một bộ *téc gan* hẳn hoi. Mặc đúng một hôm đám cưới cô với chú Luận, rồi nhét tủ. Hôm rồi lấy ra thì ... ôi thôi... ông chuột ông ấy xơi ngay một cái đầu gối, một ống tay rồi. Thế là đi đời nhà ma cả bộ comlê giờ phải trên nghìn bạc.

– Anh Luận em, từ ngày chuyển sang làm phóng viên cũng đỡ...

– Khoan, chưa hết – Lý xua tay, tranh lời Phượng – Đã thế lại còn lúi xúi. Về mặt này. Luận nhà cô hơn ông Phật nhà này nhiều. Chú ấy hoạt bát, gãy gọn, lắm lúc nghe chú ấy nói những điều cao siêu, tôi chẳng hiểu, nhưng cứ mẻ. Còn ông Đông thì cứ như ngậm hột thị. Người ta thì quen từ ông giám đốc đến thằng bảo vệ cơ quan, xí nghiệp đằng vợ. Đằng này thì chẳng biết ai vào với ai. Có phải vì là cấp tá, là ông nọ ông kia mà kiêu căng thì nó cũng hớn hở cái mặt mình. Đằng này lại chỉ vì... *bẽn nẽn*. Cha mẹ ơi, lon trung tá lĩnh về, cất vào tủ, giờ còn mới nguyên. Huân chương gần chục cái, đựng đầy một bát ô tô giấu trong tủ. Rõ là cái áo gấm đi đêm chưa! Bảo đeo vào là lắc: "Chả cần", "Chẳng cần thiết". Giờ ra đường khác gì thằng xích lô, thằng chữa xe đạp. Mà chữa xe đạp xích lô giờ nó còn sang gấp vạn.

– Anh quen tác phong giản dị như hồi ở chiến trường.

Phượng nói. Nhưng Phượng thật không ngờ câu nói có dụng ý thanh minh cho Đông, để cho câu chuyện qua đi, lại như khơi vào một khía cạnh khác trong tâm tư Lý. Lý bật chồm dậy, xiết chặt

tay Phượng, giọng đang nhuốm vẻ bỡn cợt bỗng cao vóng lên và có mùi vị cay chua thế nào:

– Chẳng thà cứ như hồi ông ấy ở chiến trường, tôi lại thích, lại sung sướng. Đấy, mười lăm năm trời, tôi một thân một mình đẻ con, nuôi con trông nom hai cụ, bảo ban thằng Cừ, thằng Cần. Ôi, nuôi cái thằng Dư vất vả quá con cầu tự. Rồi thầy dạy tư âm nhạc, vẽ, ngoại ngữ... Tôi không nói ngoa: Con tôi không sướng nhất thì cũng nhì ở đất Hà Nội này. Đấy, ông ấy đi vắng. Nói thì có vẻ vô lý, nhưng thật là thế, ông ấy không có nhà, tôi lại thấy dễ chịu, thấy nhẹ nhõm.

Lý khoanh tay, ngả đầu vào ghế. Mặt chị mất hẳn cái vẻ sắc sảo, lịch lãm. Cả cái sắc tươi rờn cũng mất. Chị lờ đờ như bâng khuâng và có vẻ như khó hiểu với cả chính mình. Vô lý hay thật là như thế? Ý nghĩa sâu kín nào ẩn dấu trong những câu nói mập mờ ấy? Và đôi mắt lá răm thắm thiết của Lý kia hằn một nét đăm chiêu như là luyến nhớ đang bộc lộ ý nghĩ gì của Lý? Lần đầu tiên Phượng hiểu: Người phụ nữ này không giản dị hoàn toàn như Phượng. Lý là một con người có một độ sâu khác thường về tính cách và do đó khó hiểu với Phượng. Phượng mới sống gần chị có ít ngày thôi.

Im lặng, lòng Lý xôn xao về những xúc cảm vừa bị khuấy động. Nhưng chỉ một lúc sau, chị bứt ngay khỏi trạng thái lờ lững, trở lại với bản lĩnh sôi động. Hai tay chị sục vào hai cái làn, thoăn thoắt. Và giọng chị lanh lảnh, liến thoắng.

– Phượng này, đây là chai *Lúa mới* nhé. Tranh nhau mãi với chúng nó mới được đấy! Thằng cung tiêu đem một giành từ Nhà máy Rượu về. Tớ phải ra ngay: "Để tao hai chai trả công tao đi liên hệ đấy. Hứ, để cho giám đốc! Giám đốc đâu có cái lý ăn tranh của công nhân. Đưa đây!" Cái xúp lơ này để xào thịt bò. Măng lưỡi lợn đây, ngâm luôn đi. Miến Việt Trì đấy, khéo gẫy. Còn đây là thịt để gói bánh. Cô rửa lá chưa? Đậu xanh thế nào rồi?

– Lá em rửa rồi, còn đậu xanh, anh Luận bảo chờ anh ấy đi công tác ở Hải Hưng mua về.

– Lại còn chờ? Bao giờ chú ấy về?

– Có lẽ tối nay.

Lý thở đánh thượt:

– Rõ đau đẻ còn chờ sáng trăng! Thôi, tôi mua đây rồi. Gớm phố xá đông quá. Mà cái gì cũng tăng giá. Kẹo, tám đồng một cân. Gà sống thiến, trăm rưỡi rồi. Thật là ăn tiền, ăn tiền! Chết thôi. Tiền! Tiền! Tiền là trên hết! Này cô trông miếng thịt có ngon không? Có tay trong cũng có khác chứ. Để tôi lọc chỗ thăn làm mọc. Ba cân rưỡi giá cung cấp. Chưa đầy chục bạc, bằng cho không!

Hai cái làn đã rỗng không. Trên mặt bàn, dưới nền đá hoa là bức tranh tĩnh vật ngổn ngang, mầu mỡ, đầy phong vị Tết nhất. Trên bàn, dưới đất là cuộc trưng bày, là vật chất hóa tính lo toan tỉ mẩn, tài tháo vát, chu đáo và sự khéo khôn, thành thạo của Lý. Miếng thịt lợn ba chỉ, khổ mỡ dày nửa gang tay, chềnh ềnh, trắng ngộn. Cà chua đỏ hồng. Cà rốt đỏ gạch. Miếng bóng vàng ngậy. Bó hành xanh bóng. Hoa xúp lơ trắng ngà... Tất cả chỉ là thịt, là rau, là miếng sống, miếng chín vẫn ăn cả thôi mà sao vẫn hiển nhiên vẻ đặc sắc khác thường!

Phượng nâng hai cái túi ni lông trĩu những bánh kẹo, mứt Tết, đặt lên mặt bàn, sung sướng:

– Thế là đủ hết cả rồi.

– Im, để nghĩ xem nào.

Lý hét, đập tay lên trán mặt nhăn nhăn miệng lẩm bẩm:

– Bánh, kẹo, mứt, bia gia đình mua rồi. Pháo mua rồi. Tiêu sọ có rồi. Cô nhớ rang và xay hạt tiêu đi nhé. Ông cụ, tiếng thế khó tính về ăn uống lắm đấy. Một hôm tôi làm bún chả, chỉ thiếu một tí hạt tiêu mà cụ bỏ bữa đấy! Còn gì nữa nhỉ? Vịt, gà mai mua, rõ ràng bấc thì qua, hàng quà thì tới. Cái cặp chả! Lại quên mua rồi!

– Bánh đa nem, chị?

– Đấy, không nhắc lại quên. Phiếu được một trăm lá, có một ông ở Sở đi Liên Xô tham quan, tôi gửi cho thằng Dư rồi. Tôi sẽ mua ngoài bù vào. Gì nữa nhỉ? Khéo lại ăn phải cháo lú. À, húng lìu, cà ri, sáng mai cô nhắc tôi mua nhé. Đấy suýt quên, ớt! Sáu hào một quả đấy! Còn để ở xí nghiệp, mai đem về. Ông Đông nhà này ấy à, bữa nào không có ớt là phàn nàn suốt buổi, ăn ớt cứ ngon như ăn kẹo. Rõ thật người đời. Đàn ông mà thích ăn ốc, cô bảo có kỳ không. Ăn được cả rổ, mút chùn chụt như ma xó, đến khiếp!

– Chị chiều anh Đông thật đấy!

Không để ý tới lời khen của Phượng, mặt Lý thản nhiên. Rồi, đột nhiên, mắt chị chớp mạnh, những sợi mi cong hất lên như những tia mắt và chị như reo lên:

– A, hoa! Năm nay hoa đắt lắm, cô ạ. Cành đào gầy còm toàn hoa mãn khai mà gần trăm bạc. Hôm qua chính mắt mình nhìn thấy một thằng tặng một con mười bông hồng, mỗi bông năm chục.

– Thế thì thôi hoa đi, chị ạ!

– Thôi thế nào – Lý thảnh thơi – Đã ăn chơi là không sợ tốn kém. Đâu khắc có đó. Để tôi lo. Mai sẽ có. Bí mật nhé, để ông cụ bất ngờ. Con mụ phó phòng vật tư ở xí nghiệp tôi, ra cái điều ta đây là vợ ông thứ trưởng mới được đề bạt, hôm qua mua một cây quất ba trăm đồng, vác đến xí nghiệp cốt để khoe thiên hạ, thật là quá trêu ngươi mình. Tôi sẽ kể cho cô nghe về con mụ này sau. Nhưng... tôi cũng đã mua một cây quất năm trăm đồng rồi.

– Trời!

Dường như không nghe tiếng kêu kinh ngạc của Phượng, Lý nhằn nhằn làn môi dưới, mãi mê theo đuổi một ý nghĩ nào đó, rồi chợt ngẩng lên, bất ngờ:

– Ông cụ có nhà không?

– Em vẫn thấy có tiếng ông ho trên gác. Buổi trưa nay ông có khách.

– Ai thế?

– Một bà tóc bạc, trông mô phạm như bà giáo. Hình như bà đến chữa mắt cho ông, chị ạ.

Lý tủm tỉm:

– Bà lang Chí đấy. Các cụ già sắp xuống lỗ rồi mà còn tình tang ra phết.

– Tuổi già kể cũng buồn. Em thấy hình như ông lo nghĩ chuyện chú Cừ lắm...

– Buồn cóc gì. Cậu chưa biết đâu. Tháng nào các cụ chả họp tổ hưu ở đây, cãi nhau í ỏm, thơ văn ông ổng dốc ra thâu đêm.

Phượng bật cười. Nhưng ngay lúc ấy, cả hai bỗng cùng đứng dậy. Và Lý nhanh nhẩu xỏ chân vào đôi guốc cao, lộp khộp chạy ra cửa, rối rít:

– Ông... Ông để con. Ông để con...

Ông Bằng, bố chồng của Lý và Phượng đang ì ạch bê một chậu cúc đại đóa từ ngoài sân vào; tới cửa buồng, định đặt xuống nghỉ, nhưng vừa thấy hai cô con dâu chạy ra đỡ, ông liền mắm môi, hào hển kêu: "Mặc ba, mặc ba", rồi lại còng lưng, khạng nạng thực hiện nốt công việc nặng nhọc còn dang dở với một sự cố gắng phi thường.

Chậu cúc được đặt ở góc nhà. Và ông già gần bảy mươi gần như ngã xuống cái ghế bành, ho sù sụ một hồi rồi ngã mái đầu bạc như cước vào thành ghế, mắt cố đẩy làn mi dày nặng như hai miếng cau khô, nghiêng nghiêng một ánh cười mãn nguyện. Những bông cúc vàng tươi vẫn đang còn xao động, rung rinh, tỏa cái vui tươi sáng, ấm áp ra khắp gian buồng, và không gian nhỏ hẹp bị đóng kín trong gian buồng, tách biệt với khoảng trời chiều ngoài kia đang mù mịt sương giá, chợt dấy lên một mùi thơm thanh khiết và nguyên sơ của mùi đồng nội.

– Đẹp đấy. Đẹp đấy, các con ạ. Để bê chậu nữa ở ngoài vườn vào. – Ông Bằng thì thào, gật gù.

Lý nhanh nhẩu:

– Ông để tí nữa con bê vào. Khổ, ông yếu, sức đâu mà ông cố.

– Ờ ờ... Ba định sum họp gia đình và họp các cụ tổ hưu nhân ngày tết ở đây.

Ông già xoa xoa hai con mắt. Mắt ông bị khô cộm mấy năm nay. Rồi hai con mắt ông lặng lẽ và khó nhọc, he hé mở, đưa cái nhìn dịu dàng và bỡ ngỡ ra khắp gian buồng, xuống cái ve áo vét lấm chấm nhụy hoa cúc vàng. Không khí thoáng vẻ trang trọng và mơ màng.

Hai người phụ nữ vẫn đứng với một vẻ rụt rè, kính trọng. Cái phong thái ấy trong quan hệ bố chồng – nàng dâu vốn là cố hữu ở gia đình này; nó từ ông Bằng tỏa ra từ khung cảnh nếp sống của cái gia đình vốn coi trọng tinh thần, đạo đức tỏa ra, nhuần thấm vào mọi người, củng cố và nhân lên, kể từ khi Lý về làm dâu, sống

ở đây đã hai chục năm, và Phượng, sau gần chục năm trời công tác ở tỉnh lẻ, giờ mới được chuyển về sống với chồng trong căn nhà này, trong thành phố này.

Sự kính nể phản ánh một nền nếp gia giáo cổ truyền, hơi cách bức, đã trở nên lạc lõng và hiếm hoi vào những ngày này, được tạo ra từ chính bản thân ông Bằng. Con người là phong cách. Ông Bằng là vậy: đĩnh đạc, khoan hòa, mực thước, cẩn trọng đến khắc khe. Ông sống cố định với những chuẩn mực đã xác định, và luôn gắng sức tạo nên sự ổn định trong tâm tưởng bằng một bản lĩnh kiên nghị, có ý thức, ngay từ khi còn là một công chức bưu điện trẻ, sau đó là nhà giáo, nhà báo, từ khi chưa có dấu hiệu lão hóa và xuất hiện căn bệnh mùa thu của đời người – bệnh cao huyết áp.

Sự kính trọng có sắc thái dè dặt của hai cô con dâu, tuy vậy cũng còn là một sự tế nhị một cách né tránh những phật lòng, bất ý thường hay đột ngột xảy ra ở tuổi già, có thể gây ra những chuyện bất hòa vô cớ trong gia đình và gây tổn thương một cơ thể già nua đã xơ cứng các động mạch và trái tim đã quá mệt mỏi sau hơn bẩy chục năm trời liên tục làm việc. Tuổi già, tuổi bất thường. Bất thường về bệnh tật, bất thường về tâm tính. Bà cụ Bằng về cõi tiên cách đây ba năm, sau một thời gian dài đốc chứng trở thành một bà lão ác nghiệt, hành hạ hết con trai đến con dâu, từ những chuyện không đâu, gây nên những cảnh lục đục, tưởng đến tan hoang cả luân thường. Ôi, cái gia đình gồm hai ông bà xưa nay không hề có điều tiếng, với năm anh con trai, năm hòn ngọc quý, anh là liệt sĩ, anh đóng trung tá, anh làm nhà báo, anh đi học nước ngoài... anh nào cũng đẹp người đẹp nết, cùng mấy con dâu cán bộ nhà nước, cô nào cũng đảm, cũng dễ nom, ưa nhìn, cái gia đình rất đáng tự hào về sự hòa mục, tiêu biểu cho các quan hệ của con người trong xã hội mới, vậy mà những ngày gần đây đã xuất hiện một sự đột biến theo chiều hướng xấu, thấp thoáng những dấu hiệu của sự lủng củng, bất hòa, bất ổn trong các mối tương giao, khiến các thành viên tinh ý phải phấp phỏng lo ngại về một cuộc khủng hoảng khó tránh khỏi đang ở nhãn tiền. Gia đình, giọt nước của biển cả, cá thể của xã hội, liệu có vững vàng trong cuộc sống xây dựng đang có nhiều khó khăn, lắm bê bối này?

– Ông xơi nước ạ – Phượng nâng chén trà bằng hai tay, nhỏ nhẻ.

Ông Bằng đỡ chén nước, nâng lên ngang tầm mắt. Hương chè và hơi ấm phả vào các giác quan ông. Mắt ông hấp háy, nhóng nhánh.

Lý tinh ý, reo:

– Mắt ông ... mắt ông đỡ rồi ạ.

– Ờ ờ... – Ông Bằng nhấp ngụm trà, gật gật – Ba cũng chưa hiểu nguồn cơn thế nào. Bà lang Chí bà ấy chữa, chỉ bằng cách xoa vuốt...

– Ông ạ, ở phố gì có ông lang nổi tiếng chuyên chữa bệnh bằng thôi miên. Gọi là cách chữa bằng điện sinh vật, hay thần giao cách cảm gì ấy.

Ông Bằng cười, nhìn cô con dâu lớn tuổi biết nhiều chuyện vặt, liếc nhìn cái bàn ngổn ngộn đồ sắm Tết.

– Ờ, cũng là nghe đồn thế. À, thế các con đã mua sắm hàng Tết rồi à. Chặc! Sao mà nhiều thế!

– Toàn là tem phiếu tiêu chuẩn cả, ông ạ.

– Ờ, lúc này đồng tiền hiếm hoi, nên tiềm tiệm thôi, các con ạ. Lý thì dẫu sau cũng đã ổn định. Còn Phượng, mới chuyển về thành phố, còn phải lo sắm sửa cho gia đình con cái. À, ba muốn hỏi việc chuyển công tác của Phượng đến đâu rồi. Ngồi xuống đây, các con!

Phượng ngồi xuống đi văng cùng Lý, mân mê hai bàn tay, khe khẽ:

– Dạ, anh Luận đưa đơn của con đến, họ nhận. Họ hẹn mùng năm Tết đến để họ xem mặt.

Lý phì cười:

– Cứ như xem mặt cô dâu không bằng. Phượng, hôm nào để chị bôi son, đánh phấn cho.

Ông Bằng chớp chớp mắt. Lý được đà:

– Phải biết cách, chứ đừng như các nàng choai choai chanh cốm đua đòi ăn chơi ở xí nghiệp chị. Chỉ tổ thiên hạ họ cười, họ khinh cho. Ai lại đánh phấn mà không bôi kem nền. Cha mẹ ơi, nóng bức, mồ hôi nó mới chảy ra, phấn nó mới vón cục lại, mặt mũi

loang lổ, cứ như hề. Phượng này, nói thế thôi, chứ được nhận vào làm ở xí nghiệp ấy thì cũng bỏ công trang điểm má hồng răng đen đấy, cô ạ. Phúc lợi nó nhiều lắm. Năm ngoái, cả xí nghiệp nó dẫn điệu nhau đi chơi chùa Hương cơ. Ba ạ, con biết tay tổ chức ở xí nghiệp ấy. Chính con cũng định xin sang đấy. Nhưng, họ đòi tiêu chuẩn cao lắm. Phải tốt nghiệp đại học kinh tài này. Phải là đảng viên nữa này. Thế thì con xin rút lui có trật tự ngay.

Ông Bằng gật gù. Lý quay sang Phượng, càng liến láu:

– Cô Phượng này, cái thằng tổ chức mặt thịt nùng nục ấy, nó phải nhận cô là nó cay lắm đấy. Cũng là do Luận nó quen tay giám đốc. Chứ nó định cài người của "ê kíp" nó cơ! Không thì cũng phải bạc nghìn!

Ông Bằng cắn môi dưới, đưa tay lên bóp thái dương. Không hề hay biết ông bố chồng đang khó chịu về cách ăn nói của mình, Lý càng hăng hái:

– Tức điên lên cơ, ông ạ. Hôm nó tiếp con, nó vừa lấy ráy tai nó vừa đọc đơn của con. Rồi nó đặt đơn của con xuống, giáng luôn một câu: "Cô học lớp mấy rồi mà chữ viết như gà bới thế này?".

Cả ông Bằng và Phượng cùng bật cười. Và Lý, khôn ngoan vậy, khờ khạo vậy, cũng bật cười theo.

Ông Bằng gõ ngón tay lên mặt bàn, chậm rãi:

– Thôi được rồi, họ nhận Phượng thế là may. Ba hỏi Phượng: Mấy năm vừa rồi, ở Hoàng Liên Sơn, con làm công việc gì?

– Nó làm quản lý nhà ăn ở trường sư phạm huyện – Tranh lời Phượng, Lý đáp sỗ.

Phượng vội chữa:

– Các anh ấy cũng cố bố trí, sắp xếp lại, nhưng chưa được, ba ạ.

– Họ muốn vòi tiền cô thì có! – Lý vênh mặt táo tợn.

Ông Bằng nhìn cô con dâu đáo để, chép miệng:

– Sao lại nghĩ đen tối thế, Lý?

– Sự thật đấy, ông ạ – Lý xưng xỉa – Ông nghỉ hưu rồi, ông ít tiếp xúc với thực tế, ông không hiểu, đời bây giờ tệ lắm, ông ạ. Có tiền là xong hết!

Ông Bằng lắc lắc đầu. Mặt Lý nghênh nghênh, đầy tự tin. Lý ăn nói độc địa tợn tạo quá. Chẳng lẽ tổng kết toàn bộ cuộc sống chỉ cần một câu đơn giản như thế? Ông đưa mắt nhìn Phượng hơi ngây dại, nhưng hai con mắt dịu ấm, trong veo. Phượng không sắc cạnh, lém lỉnh, dễ nhớ như Lý! Nhưng mặt Phượng ánh lên tinh thần hài hòa, hợp lý, tin cậy hơn. Ấn tượng này có lẽ sẽ theo ông cho đến ngày ông rời bỏ cõi đời này.

– Ba hỏi vậy là muốn biết con còn nhớ nghiệp vụ kế toán không, Phượng ạ – Ông Bằng giải thích, trở lại câu chuyện.

Phượng hiền hòa:

– Con còn nhớ ạ. Nhưng, con cũng sẽ đi học hỏi thêm ở mấy xí nghiệp bạn.

– Ừ, thế là đúng – Ông Bằng thở phào – Dù thế nào thì thật thà, chân thành vẫn là hơn, con ạ. Ai thế nào, mặc. Mình tự quyết định lấy phẩm giá của mình, thế mới đúng. Còn việc gia đình, con có định đưa cháu Nga về ngay không? Bà ngoại cháu nữa, vẫn ở trên ấy hay chuyển về dưới này?

Không để Phượng kịp đáp, Lý chồm ngay sang phía ông Bằng, giọng thấp xuống, nhưng vẫn hết sức xấn xổ:

– Ông ạ, dẫu sao nước cờ cao vẫn là nhún nhường. Con định thế này: Để tạo điều kiện thuận lợi về công tác cho Phượng, tối ba mươi Tết này, cả nhà sum họp, ta mời tay tổ chức xí nghiệp Phượng tới, mời nó ăn, cho nó thấy gia đình ta. Mình đâu phải loại hèn kém, muốn đề ép là được!

– Không được! Không được... Không nên như thế. Thế này...

Ông Bằng xua xua tay. Nhưng, ông chưa kịp nói hết ý, đã nghẹn lời, rũ xuống ho một hồi. Và ngoài sân có tiếng người, rồi ở cửa buồng có tiếng giày da bước cộp cộp vội vã.

– Ối! Cả nhà tụ họp ở đây, vui quá! Ba! Chào chị Lý, Phượng.

Người bước vào cất tiếng reo hoan hỉ là Luận chồng Phượng. Luận trắng trẻo, cao dong dỏng, mặc áo vết tít xuy màu tím than, trạc bốn mươi, dáng thanh nhẹ, trẻ trung.

Theo sau Luận là Đông. Đông vừa tắm xong, hai tai to như tai Phật đỏ ửng, co ro, cúm rúm, lù dù bước vào, chúi ngay xuống ghế cạnh ông Bằng, xuýt xoa kêu rét quá, xin Phượng ngụm nước chè nóng.

Lý phắt đầu lại phía Luận, hất hàm:

– Tưởng tối mịt mời về! Đậu xanh gói bánh đâu?

Luận đứng sửng, khuôn mặt trái xoan linh lợi đờ ra một giây, rồi chợt hiểu, giang rộng hai cánh tay, thở phù một hơi:

– Chẳng có gì cả! Bị tịch thu hết rồi!

Lý nhảy ra khỏi ghế, dậm chân, xỉa tay:

– Bịa! Bịa! Tịch thu! Nói dễ nghe nhỉ? Có hốc xì thì có! Tịch thu! Ai tịch thu? Thẻ nhà báo đâu, sao không chìa ra.

Luận nhếch miệng như cười như mếu:

– Ai tịch thu? Thuế vụ chứ ai nữa! Lệnh của Nhà nước cấm vận chuyển lương thực, thực phẩm ngày Tết. Thế mà lại quên mất không xin cái giấy nhận thực của huyện.

– Hà há!... Đẹp mặt chưa – Lý vỗ tay đồm độp, cười ha hả – Chị em tôi mà tin ông thì có ngày dã họng. Phượng ơi, mày thấy chưa? Tao bảo mà, các lão đàn ông nhà này toàn là hạng vô tích sự cả. Nhưng này thôi, để tôi kể một câu chuyện về bọn thuế vụ cho mà nghe...

Ồn ào náo động cả căn buồng. Đầy ắp những chặp cười, những lời phiếm luận. Nổi lên giọng Lý chanh chua, những âm thanh, giọng điệu biến thái đột ngột và những thành ngữ, tục ngữ phi lý, lạ tai. Ông Bằng thấy đầu ù ù, có cảm giác mình vừa bị cuộn vào, vừa bị đẩy ra, đứng ngoài rìa một vòng xoáy càng lúc tốc độ và sự ồn tạp càng tăng.

Phượng thu dọn những đồ sắm Tết vào hai cái làn xong, ý nhị tách ra khỏi cái vòng xoáy của những câu chuyện càng lúc càng trở nên tạp nham vô bổ, đi đến bên ông Bằng, cúi xuống:

– Ông ạ, nước chắc đã nóng rồi, con mời ông đi tắm ạ – Rồi Phượng ngẩng lên, nhẹ nhàng – Các anh chị ơi, yên lặng để ông cho ý kiến về tổ chức Tết xem như thế nào...

Ông Bằng đứng dậy, thấy như chòng chành:

– Thế này, các con ạ. Lúc nãy, ba chưa nói hết ý. Đúng là việc Phượng chuyển công tác về dưới này là việc vui mừng của gia đình ta, có khách khứa, bè bạn tới càng vui. Nhưng, ba muốn Tết là Tết riêng của gia đình. Khách, các con để khi khác. Mấy khi gia đình ta được sum họp thế này. Tết này đã vậy, còn Tết sau, biết thế nào...

Từ ngữ có giá trị là tự thân và cùng với chúng là giọng nói, một giọng nói trầm trầm trong khung cảnh một chiều đông áp Tết, đã khiến cho những câu nói của ông Bằng giống như một giai điệu buồn, để lại những vang hưởng bùi ngùi và xao xuyến trong căn buồng, do vậy cái không khí Tết nhất đang tíu tít, hào hứng, bỗng như mất đi cái sinh khí hồ hởi, phấn chấn, kể cả khi ông Bằng đã đi tắm và hai người phụ nữ đã xách hai làn hàng Tết nặng xuống bếp.

Còn lại trong buồng là Đông và Luận.

Hai anh em cao bằng nhau, nét mặt, cử chỉ hao hao nhau, nhưng vóc dáng và tính cách thì hoàn toàn khác nhau, như cái cây cùng gốc lại chẽ thành hai cành, hướng về hai ngã đối lập nhau.

Luận hoạt bát, nhạy bén, xông pha trong cuộc sống, vừa là tính nết bẩm sinh, vừa là những đặc tính được hấp thụ từ nghề làm báo quen rộng biết nhiều. Đông trái lại, chậm chạp, thản nhiên, u ị, hơi mù mờ, dường như khách quan với tất cả mọi sự kiện, kể cả việc quan thiết đến mình.

– Uống nước đi, cậu lại hút à, Luận?

– Em hút thử một điếu thôi. Vừa rồi gặp một ông sành thuốc, ông bảo cách thưởng thức thuốc lá ngon. Thế này, anh Đông – Luận châm điếu thuốc, rít một hơi dài, rút điếu thuốc lá khỏi miệng, giơ lên – Hút khoảng hai xăng ti mét như thế này, lúc ấy mới thật là khói của nó. Thế! Hút tiếp, không thở ra, đưa khói lên mũi, vào chỗ

này – Luận chỉ vào đoạn sống mũi gần hai khóe mắt, thích thú, như đối với một phát hiện lạ – Khứu giác cảm nhận mùi vị tập trung ở đây.

Đông thì lì, không bị hấp dẫn:

– Thế cậu có dò tìm được tin tức thằng Cừ không?

Luận dụi đầu điếu thuốc xuống nền nhà:

– Để em nói nốt về việc hút thuốc lá đã. Nghĩa là nhiều khi ta sống trong cuộc mà chẳng hiểu cho tới ngọn ngành nó là thế nào cả – Luận cười khẽ. – Còn việc thằng Cừ. Em đã hỏi nhiều nguồn tin. Đích xác là nó đã *đi* rồi.

– *Đi* rồi!

– Chắc chắn là thế!

– Hừ, chắc chắn là thế.

Luận có cảm giác Đông hơi thu mình, nhỏ bớt lại, khi chậm rãi lặp lại câu nói của anh. Mặt Đông lặng tờ, hàng ria lấm chấm có sợi bạc vẽ một nét trang trọng trên mặt Đông. Đông không dửng dưng trước sự kiện này. Mặt Đông hơi tái đi. Và Đông như thả cả tấm lưng đồ sộ vào lưng chiếc đi văng, sau khi lừ đừ hai con mắt nhỏ tìm kiếm quanh quẩn một cái gì đó vu vơ và vô nghĩa.

Sự kiện này thật nghiêm trọng. Thằng Cừ, đứa con thứ tư trong gia đình, em của Đông, Luận, cái thằng được cả nhà quan tâm, lo lắng, đã di tản, đã bỏ tổ quốc, chạy ra nước ngoài rồi. Cái thằng hư đốn, mất dạy từ nhỏ. Không giống anh cả Tường, Đông, Luận. Không bằng cả thằng Cần em nó hiện đang học kỹ sư ở nước ngoài, sắp tốt nghiệp. Luận đã cứu nó khi nó bị bộ đội kỷ luật sa thải về tội ăn cắp quân trang. Nhục quá! Nhưng, nghĩ nó là em, lại thương nó cũng đã bốn năm lặn lội Trường Sơn đánh Mỹ, xin cho nó học nghề ở một xí nghiệp lớn. Nó có vẻ tu tỉnh. Đùng cái nó được đi học lắp máy một năm ở nước ngoài. Mừng quá, tưởng đây là dịp nó gây dựng lại tinh thần cho cuộc đời riêng vốn đã có vệt nhơ. Nhưng, một năm sau, gặp nó từ nước ngoài về, nó nói thẳng thừng: "Biết khổ thế này, tôi chẳng về nước nữa!". Luận tức giận, cố nén: "Cậu hãy nhìn vào chỗ sáng đi". Nó cười khẩy: "Có chú, ông Đông đấy, hai mùa kháng chiến, giờ trung tá về hưu, tiều tụy, không hứng

khởi, không vô vọng, chỉ một hoạt động là tổ tôm... Tôi chán!". Cái thằng khốn, nó xưng là tôi. Nó coi thường, coi khinh một giá trị là Đông. Rồi nó sẽ chà đạp lên mọi giá trị tinh thần khác nữa cho mà xem. Đông uất, nhưng không thèm chấp, không thèm đáp, kệ Luận lăn lóc, bám sát nó. Quả nhiên, nó bảo Luận: "Tôi quyết định bỏ vợ đấy, ông Luận ạ". Luận gào: "Mày tồi quá! Mày thử hỏi ý kiến ba đi, rồi mày sẽ hiểu". Nó cười nhạt, đểu giả: "Ôi, ba lạc hậu hàng thế kỷ. Luật lệ, đạo đức gì mà cổ quái. Chán nhau rồi thì phải bỏ nhau thôi, ông ạ". Luận quát: "Mày câm mồm đi, lúc mày đóng quân ở Ninh Bình, mày tán tỉnh nó, mày có ý nghĩ đê mạt ấy không?". Đông không nói, như kẻ đứng ngoài cuộc, chỉ nhìn nó lừ lừ, tưởng như thân hình hộ pháp của Đông sắp sửa lao vào nó mà đấm cho thỏa giận. Chỉ còn Luận rát cổ đấu khẩu với nó, lúc uất quá chửi nó là đồ vô giáo dục, thằng ăn cháo đá bát, tên phản bội. Luận sục xuống xí nghiệp nó làm, gặp Đảng ủy, giám đốc, công đoàn yêu cầu quản lý nó thật chặt. Êm được một tháng, đã mừng mừng, đùng một cái có giấy từ xí nghiệp nó về: "Truy nã Lê Ngọc Cừ về tội đào nhiệm".

– Từ lâu, em đã nghĩ vào mùa khô, biển lặng, có lẽ nó sẽ đi. Em biết nó ngấm ngầm chuẩn bị. Thằng này hư hỏng quá nặng rồi.

– Sao cậu biết nó ngấm ngầm chuẩn bị? – Đông hỏi, không nhúc nhích.

– Chị Lý bảo thế! Nó bán dần đồ đạc đem từ nước ngoài về. Nó cặp kè chơi bời với đứa con gái hư ở phố này. Nghe nói mỗi đứa đi phải nộp hai chục ngàn.

– Sao bà Lý không bảo tôi?

Luận châm lại điếu thuốc, rít một hơi:

– Cuộc sống thật hết sức phức tạp. Mỗi gia đình, mỗi con người thật không đơn giản.

– Có gì mà phức tạp hết sức?

– Như hiện tượng thằng Cừ, em nghĩ ngợi rất nhiều – Đông nhăn trán:

– Có gì mà phức tạp. Nó nhiễm độc tư tưởng tư sản, hưởng lạc. Có vậy thôi!

– Cái đó có. Nhưng cụ thể? Và còn những mặt khác?

– Nó đánh mất lý tưởng!

– Thì ai chả nói thế được. Nhưng, vì sao? Vì sao? Chứ chỉ một câu kết tội thế, giải quyết được gì! Đừng nên từ một khái niệm để xem xét con người. Phải tiếp cận nó, đặt nó trong các mối liên hệ mà xem xét một cách thực sự cầu thị. Có thế mới tìm được giải pháp đảm bảo cho nó không tha hóa, để nó phát triển lành mạnh.

– Thôi cậu đừng có bênh che nó – Đông chồm lên, và thật bất ngờ, giáng nắm đấm xuống mặt cái bàn nước – Tôi có súng, gặp nó, tôi bắn chết luôn!

Luận chùng người lại, có cảm giác nghe thấy tiếng súng nổ bên tai. Đông lừ mắt, như bồi thêm một phát súng nữa cùng với một cú đập bàn nhỏ hơn:

– Nó là một thằng phản động!

– Về cái nghĩa...

– Theo nghĩa chính xác của từ đó – Đông ngồi thẳng dậy – Cậu hiểu không? Tháng tư năm 1975, tôi gặp nó ở Xuân Lộc, lúc ấy ta đang bao vây Sài Gòn. Nó kêu với tôi: Đói, khổ lắm anh ơi. Lúc đó tôi đã muốn bắn chết mẹ nó đi cho rồi. Hừ, còn bây giờ, nó sẽ hại cả nhà. Bà Lý bảo thế đấy!

Người Luận có một cơn rung nhè nhẹ. Thằng Cừ sẽ hại cả nhà! Nghĩa là thế nào. Vì nó là một thằng phản bội tổ quốc? Nó sẽ làm điêu đứng số phận của thằng Cần, thằng Dư đang học ở nước ngoài và Phượng mới chuyển công tác về? Hay nó chỉ trực tiếp làm khổ vợ con nó? Và liệu ông cụ có chịu nổi vết đau này? Lý tinh nhạy lắm, đã nhìn ra những gì chưa xuất hiện. Còn Đông tiếp nhận ý kiến của vợ theo kiểu tư duy thô sơ, giản đơn, một chiều như Đông vốn có.

Luận ngửng lên, cố rũ ra khỏi ám ảnh nặng nề:

– Anh Đông ạ. Chuyện thằng Cừ, nếu không phân tích rõ ràng thì sẽ hoang mang. Mà lúc này, lại rất cần tỉnh táo. Đặc biệt trong các bi kịch có dính líu đến gia đình, mình càng phải thật rành rẽ để khỏi cuống, để tìm được tận gốc mà chữa.

– Có gì là phức tạp lắm đâu! Cậu hay vòng vèo quá!

– Anh vừa nói, theo em, ý ấy chưa toàn diện. Quy hết như thế, chẳng có ý nghĩa gì, ngoài ý nghĩa chính trị của vấn đề.

Đông lung bung câu nói đó trong miệng, quay mặt nhìn ra cửa. Luận hơi cúi xuống:

– Anh ít ở nhà, ít quan tâm tới nó, không hiểu hết nó, từ những điều nhỏ nhất trong đời sống hàng ngày. Không kể nó hỗn láo từ lúc nhỏ, như đi học về mở mâm cơm ra, thấy thức ăn không vừa ý, chửi luôn: "Nó cho bố nó ăn thế này đây". Không kể cái tính tắt mắt, ăn vụng từ miếng giò, quả trứng chị Lý mua cho thằng Dư hồi nhỏ. Không kể cái tồi tệ đớn hèn của thằng con giai đi bộ đội mà viết thư về chỉ kêu đói, kêu khổ và xin tiền gia đình. Nó hư hỏng ở mặt khác kia. Em kể anh nghe. Một lần, bà cụ mắng nó, đại để là không biết đến công lao sinh dưỡng, mang nặng đẻ đau, nuôi nấng, bú mớm của cha mẹ. Anh có biết nó trả lời thế nào không? "Thôi đừng đạo đức giả nữa. Tôi có khiến các người cho tôi ra đời đâu!". Lúc ấy, em đang rút dép, em run cả hai bàn tay. Uất quá, em lẳng cái dép vào người nó. Một lần khác, nó ở bộ đội về nghỉ phép, em hỏi nó: "Nghe nói, cậu lấy vợ có con rồi. Sao không nói với ba, mẹ và dẫn cô ấy về nhà?" Nó nhún vai: "Ồi, chuyện ấy có gì mà quan trọng thế!". Nghĩa là thế nào? Nó đủ các tính xấu của thói ích kỷ, hèn nhát, vân vân, và vân vân. Nhưng đáng sợ hơn, đáng lưu tâm hơn là ở chỗ này: Rõ ràng là có một lối sống đang có nguy cơ hình thành: Coi tất cả chuẩn mực đạo dức là đạo đức giả, vô bổ, vô lý; coi tất cả các quan hệ tình cảm thiêng liêng với Tổ quốc, gia đình, bố mẹ, anh chị em là vô nghĩa.

Luận ngừng lời. Đông có nghe không mà mặt vẫn ngoảnh ra ngoài cửa sổ. Chắc chắn là Đông không tiếp nhận ý kiến của Luận đâu. Thấy Luận im, Đông từ từ quay lại:

– Cậu hay lý sự, phức tạp hóa các vấn đề quá!

Luận cười, cố giấu vẻ chua chát:

– Thôi, bảo lưu mọi ý kiến đã. Bây giờ nó đi rồi. Hậu quả thế nào cũng có và phải giải quyết, anh ạ.

– Đến Công an, nói: Chúng tôi từ nó. Thế thôi!

– Đơn giản thế thôi à? – Luận nhăn nhăn trán, ngẩng lên – Thôi được. Còn việc này: Có nên để ba biết sự thật không?

– Ý cậu thế nào?

– Không nên! Hiện nay, cụ mới chỉ biết là nó bỏ việc ở xí nghiệp mà cụ đã buồn lắm rồi. Cụ đã viết thư kể việc này với tất cả mọi người thân thích trong nhà, kể cả chị Hoài, vợ anh cả Tường ngày trước. Em sợ sức khỏe của cụ không chịu nổi... mặc dù em biết cụ luôn luôn tự chủ, muốn giữ thế cân bằng.

Trời, chị Lý, bàn tay chị là bàn tay vàng. Trông chị lọc thịt kìa: Lưỡi dao bài mảnh như cái lá lúa, sục vào tảng thịt, rạch rạch, tở từng lát dài, gọn như xén, trông đã phát thèm. Miếng thịt gói bánh to bản, dày vừa độ, có cả mỡ, cả nạc, ướp muối tiêu, không ướp nước mắm sợ để lâu bánh thiu, xếp đầy ụ hai cái bát ôtô. Chõ đỗ đồ vàng tươi, nóng hổi. Mắt nhìn, miệng nói mà hai tay mềm mại thoăn thoắt vận chuyển, tăm tắp trong mọi động tác. Tấm lá bọc lau miết, sạch bong. Hàm răng nhỏ trắng ngời tước cái cọng lá. Những ngón tay búp măng vặn cái lạt giang mềm óng ả. Một tiếng đồng hồ, gói gọn thon lỏn yến rưỡi gạo nếp. Tất cả, vừa nãy, còn ngổn ngang thúng, mẹt, nồi niêu, gạo, đỗ, lá, lạt, giờ đã chặt chịa ba chục cái bánh gói không khuôn mà chiếc nào cũng giống chiếc nào, cao thành, vuông góc, đều như đúc.

Một ngày ngắn ngủi qua, toàn bộ công việc chủ yếu của cái Tết lớn đã đâu vào đó. Phượng như cái bóng bám theo Lý, chịu sự điều hành, chi phối của Lý. Lúc nắm đỗ, khi bỏ củi, lúc rửa rau, khi bóc tỏi. Phượng là cái tay cái chân của Lý, nhất nhất mọi việc đều thực hiện theo sự chỉ đạo của Lý. Cạnh Lý, Phượng càng lúc càng thấy mình lóng ngóng, tuềnh toàng, nhạt nhẽo thế nào.

Lý thật hoạt, thật vui, thật khéo, thật là người làm chủ công việc. Lý cười ha hả, cười hết cỡ và hoàn toàn tự nhiên, không bị ràng buộc, ăn nói thật bỗ bã, lắm khi thật bặm trợn mà nghe vẫn không chối tai.

– Mày có tin không, Phượng? Có lần tao cắt tiết trâu rồi đấy.

– Thật à, chị?

– Chẳng có khỉ khô gì cả. Ai làm được cái gì, tao cũng không chịu lép. Khắc làm, khắc quen. Lão giám đốc bảo tao: "Cô Lý, xem

ra cô là người năng động, coi kho phí đi, tôi điều cô sang chạy vật tư, ưng không?".

– Được, tao bảo, ông làm quyết định đi. Thử tay nghề nhau một tháng nhé. Tốt, phải tăng lương đấy. Tao sang, một tháng bao nhiêu ách tắc, lưu cữu, cứ là bay. Bột nhẹ có rồi, kếp có rồi, sắt thép có rồi, nhưng nằm chết dí ở Cảng đã nửa năm nay. Để tôi giải quyết. Đưa hai nghìn đây. Tao chỉ đóng một tiếng, năm ôtô tải đến, đích thân tao xuống cảng. Một tuần sau, kho xí nghiệp đếch còn chỗ nào mà nhét nữa.

– Chị tài quá.

– Tài cóc khô gì! Chẳng qua là vì lão trưởng phòng không sai khiến nỗi bọn con gái và mụ vợ lão thứ trưởng bị thịt trong phòng. Lão này năm chục cái xuân xanh, chưa vợ, xấu như ma, giàu ghê gớm, nhưng lại cứ hay ken két nguyên tắc rởm. Tao bảo lão: "Ông ơi, ông phải biết nịnh nọt quân của ông, phải biết ra lệnh, lại phải biết bưng phở cho họ xơi. Đời phải biết nựng nọt, cưng chiều nhau chứ. Nịnh cũng tùy chỗ mới là xấu. Chứ vợ chồng nịnh nhau, chiều chuộng nhau thì xấu ở chỗ nào? Giờ lão trưởng phòng là thần nịnh. Lúc nào cũng "Cô Lý thân mến", "Cô Lý thân quý". A, lão thủ thỉ, cũng có duyên ra phết. Nhưng, ông ơi, tao bảo lão, phải giữ khoảng cách đấy nhé. Tôi, gái có chồng rồi, cứ cặp kè nay đi công tác với ông, mai đi chạy hàng với ông, không giữ gìn thì làm bia miệng cho thiên hạ đấy. Lão nghe mặt cứ đực ra.

Lý cười như nắc nẻ. Công việc hòa quyện hai người. Chuyện tâm tình quấn quít say sưa mà Lý vẫn không sao nhãng mảy may công việc.

– Thôi, nổi lửa cho nồi bánh đi, Phượng! Nhớ đun đều. Nghe lạch xạch là cho nước thêm. Đặt cái chậu thau nước lên nắp thùng này cho nó nóng.

Cái thùng bánh cao lù lù. Giục Phượng, nhưng Lý cũng xắn tay áo ra sau bếp, vác bao trấu mua dự trữ đã hơn tháng nay vào, rải quanh bếp.

Lửa bén củi, cháy một khối vàng đậm dưới đáy thùng, liếm chồm lên cạnh thùng, lơ lơ xanh. Ngoài sân, tối nhập nhoạng. Khu

vườn quẩn hơi sương trắng mờ. Cái cổng sắt bị hơi gió tạt chốc lại rung cành cạch. Pháo nổ ở cuối phố đì đọt vọng lại.

Lý kéo cái thớt đại gỗ nghiến ra cửa bếp, đặt miếng thịt bò định thái để nấu sốt vang, sực nhớ lại bỏ đấy chạy vào nhóm bếp dầu rán mỡ. Phượng nhấp nhỏm quanh thùng bánh:

– Có con mèo đen nó quẩn quanh trong vườn chị Lý ạ.

– Mèo hoang đấy, hôm nọ tớ thấy nó tót cả lên bàn thờ.

– Mình nên nuôi con mèo, chị ạ. Nhà lắm chuột quá.

– Mèo nuôi phải có thần nó mới ở lại với chủ – Lý cúi xuống cái thớt – Tớ đã mua về hai con. Đo đuôi, ném que đo xuống một chỗ, kéo tai nó đi quanh chỗ đó ba vòng rồi bắt nó lạy ông thổ công, nó vẫn ị bậy, tức: đánh cho một trận, nó bỏ đi liền. Càng may, tớ kinh cứt mèo lắm. À này, lạc ngâm đường ở trên buồng được rồi đấy. Lên vớt ra, đem xuống đây hong đi, Phượng. Thôi chết, cái bếp dầu hỏ bấc hay sao?

Lý đứng dậy, lộp khộp đôi guốc cao, chạy vào phía sau bếp.

Phượng lên buồng vớt lạc, lát sau qua sân xuống bếp, vừa đi vừa lắc rổ lạc còn ướt.

– Ối trời!

Chỉ suýt nữa là Phượng buột rơi rổ lạc ngâm xuống đất. Kinh quá! Lợi dụng lúc Lý chạy vào dập lửa bếp dầu, một con mèo đen như cục than, đã lẻn vào định cắp miếng thịt bò còn nằm nguyên trên thớt. Nhưng, nó mới chỉ kịp hập miệng vào miếng thịt, Lý đã quay ra và sự việc đã xảy ra nhanh như một tia chớp. Lý nhanh hơn con mèo, và con mèo đã nhận trọn cú đá hết sức giận dữ của Lý, như một búi giẻ bắn vọt ra sân.

Phượng kinh hãi, sững lại ở cửa bếp quay mặt đi. Trong cửa bếp, lửa hắt vàng ngời, Lý đã ngồi thái thịt điềm nhiên như không có chuyện gì xảy ra.

– Con mèo khéo chết mất, chị Lý ạ – Phượng run rẩy, lách qua cửa bếp.

– Kệ cha nó!

Lý đáp thản nhiên. Lưỡi dao sần sật chạm thớt. Lát sau, Lý chọt ngẩng lên, nhìn ra sân, reo:

– A, ông Luận, xuống giúp chị em tôi một tay chứ!

Luận thật, Luận mới đi đâu về, người ẩm sương, len qua cửa, ngồi xuống cạnh bếp gần Phượng, quay lại:

– Có việc gì chị cứ sai bảo đi.

– Này, có biết ăn thịt mèo không? Có con mèo hoang hay vào ăn vụng lắm, bắt làm thịt đi. Tớ làm thịt mèo giỏi có tiếng từ hồi sơ tán đấy!

Phượng rùng mình. Lý cười khành khạch, tiếng cười hòa với tiếng pháo từ xa dội về càng lúc càng dầy. Luận nghênh tai, tủm tỉm:

– Ngày Tết, ai lại ăn thịt mèo. Có cách này trừng phạt mèo hay hơn. Bắt được cô nàng, ta buộc bánh pháo vào đuôi.

– Có thừa pháo!

– Chị Lý, Phượng này, bọn phe có đứa chơi ngông ngày ông Táo chầu giời, đốt bánh pháo dài ba mét.

– Ba mét đã ăn thua gì! – Lý ngẩng lên, bĩu môi – Năm mét, thả từ gác hai xuống tới đất. Đám cưới con bạn tôi đấy. Nó là y sĩ, chẳng hiểu tử vi thế nào mà lão thầy xướng: Số cô sẽ là hoàng hậu. Thế có điên không! Năm kia nó cưới một ông giáo khổ mà hớn hở quá, đốt một lúc năm trăm đồng tiền pháo. Ngu hết chỗ nói. Cưới với chả xin. Biết là khổ mà cứ lao vào.

Luận nghiêng nét mặt, nhìn bà chị dâu. Giọng bà này tròn nuột, âm vang mà ý tứ thì thật ngộ, thật bất ngờ!

Phượng cúi xuống đẩy gộc củi, ngẩng lên chép miệng, bâng khuâng:

– Khổ, không biết Tết này chú Cừ bơ vơ ở nơi nào!

– Nhắc đến cái thằng ích kỷ hại nhân ấy làm gì – Lý khẽ gắt, đứng dậy, cầm bát thịt cất vào trạn – Này, ông Luận, ông và ông Đông chuẩn bị đón nhận hậu quả việc thằng Cừ đi nhé.

Luận ngẩng lên:

– Chị Lý, sao chị bảo thằng Cừ là thằng ích kỷ hại nhân?

– Rõ quá rồi còn gì. Thứ nhất, nó ăn cắp trứng gà của thằng Dư con tôi. Thứ nhì, nó đi nước ngoài về, không cho tôi đến một cái mù xoa, mà tôi thì nuôi dạy nó tốn không ít công của. Thứ ba, nó bán len cho tôi, len nó đem từ Tây về ấy, đắt hơn bán cho người khác. Rõ chưa?

– Rõ! – Luận cười, gật mạnh đầu.

Phượng thở dài:

– Chỉ thương vợ con chú ấy.

– Ai bảo nó dại.

Lý quay ra, ngồi xuống bếp nấu bánh, buông một câu thật gọn. Luận nhíu nhíu cặp mày:

– Sao chị lại bảo vợ thằng Cừ dại?

– Chứ còn gì! Tất cả những đứa lấy chồng lúc hai mươi tuổi đều là dại, là ngu hết. Cả tôi cũng vậy, cũng ngu, cũng dại.

Trời! Cả Luận và Phượng cũng bị sửng sốt, bất ngờ. Bà Lý lại nổi cơn hùng hổ bất thường rồi. Người phụ nữ này có thể rất ý nhị, kín đáo, lại có thể, thoắt cái trở nên tàn nhẫn, trắng trợn vô cùng. Giờ là thế, giờ là tung thả không giới hạn, là dốc tuột những chuyện Phượng chỉ nghe cũng đủ đỏ rừ cả mặt.

– Các cậu phải biết là, tớ mười ba tuổi từ nhà quê lên đất Hà Nội này, đã biết ngay rằng: Làm thân con gái phải biết giữ mình. Hé! Khôn ba năm dại một giờ là vậy. Đón dâu buổi sáng, buổi chiều cô dâu lại lên bàn đẻ. Có đứa ở xí nghiệp tớ thế đấy. Đó là dại, là ngu, Phượng à, mày có con gái, mày phải dạy nó đanh đá thật lực vào, đối với bọn con giai phải cay như hạt tiêu sọ, phải tính toán trước sau. Cái lão Đông, anh trai ông ấy, ông Luận ạ, ngót ba chục cái lá vàng rơi, hồi ấy trông cũng bảnh, mà không hiểu sao mới chỉ có dăm ba lần gặp nhau mà mình đã cảm chàng cơ chứ. Lão chẳng biết gạ gẫm. Ngộc nghệch, đơn sơ vô cùng. Nhưng nếu gạ cũng đừng hòng. Tuy vậy, tớ vẫn dại. Một là vớ phải bà mẹ chồng ác nghiệt chẳng kém ai. "Này, thằng Đông kia, chết mẹ thì hết mẹ, chứ chết vợ này lấy được vợ khác, con ạ". Mới làm dâu được nửa tháng, đã nghe được câu ấy, hỏi có điên ruột lên không? Nhưng tớ không điên. Tớ ngọt nhạt: "Thưa mẹ, mẹ nói lại với ba con câu ấy để ba con

nghĩ xem thế nào đã, có phải hay hơn không ạ". Hé hé... Đó là một cái ngu của tớ.

Luận đưa đẩy:

– Còn điều ngu dại thứ hai?

– Đáng lẽ phải để đến bốn mươi như bây giờ hãy lấy chồng.

– Ha! Tình yêu tuổi bốn mươi! Một đề tài độc đáo đấy.

Luận kêu, ngạc nhiên một cách thành thật. Nhìn Luận hau háu đón chờ. Lý rành rọt:

– Cậu có hiểu không, vì tuổi bốn mươi mới có kinh nghiệm sống, mới hiểu đời, hiểu người, mới chín chắn, chín tới, chín nẫu ra.

– Chín thì có chín, nhưng hơi già, chị ạ.

– Chả già tẹo nào cả. Tình yêu không có tuổi!

Vấn đề nghiêm túc đây, Luận nghĩ. Lý vẫn không đổi giọng:

– Mười tám, đôi mươi thật ra chỉ biết sơ sơ thằng chồng mình mồm ngang mũi dọc, mắt mọc hai bên thôi, chứ đã biết tâm tính, triển vọng nó thế nào. Đã làm gì có kinh nghiệm nhận xét người. Như tôi lấy ông Đông, lúc mười bảy tuổi. Mười bảy tuổi, hồn nhiên thì có, nhưng ai dám đảm bảo là đã lựa chọn đúng người mình sẽ chung sống suốt đời được?

– Chị nói thế chưa hoàn toàn đúng. Vấn đề là phải dắt dìu nhau, tạo ra sự hòa hợp về tâm lý trong cả quá trình chung sống chứ. Nghĩa là cả hai bên phải chủ động!

Lý lắc đầu, môi nhếch cái cười mệt mỏi:

– Thế thì sống với nhau vất vả quá. Mà đời thì vốn đã khó nhọc lắm rồi.

– Hay tuyệt! Được rồi! Vậy chị quan niệm người chồng lý tưởng của chị phải thế nào. Biết nựng nọt, cưng chiều vợ chăng?

– Cậu nghe lõm chuyện tôi với cô Phượng vừa rồi, hả? Dơ! – Lý thưởi dài môi dưới, chao chát – Lầm rồi, cậu ạ! Nịnh nọt nhau chỉ là chuyện trong nhà thôi. Còn ở ngoài xã hội, người chồng phải làm hãnh diện cho người vợ. Hãnh diện, cậu hiểu không?

Có một góc tối nào đó trong Luận vừa được những câu nói hết sức tự tin của Lý tạo thành một tia lửa điện soi tỏ. Lý đã tự bộc

lộ. Và Phượng, vào lúc này, bỗng như đột ngột phát hiện ra cái bí ẩn trong tâm thái người chị dâu chồng ở cái buổi chiều hôm qua, khi hai người trò chuyện nhắc tới những ngày Đông ở chiến trường. "Chẳng thà cứ như hồi ông ấy ở chiến trường, tôi lại thích, lại sung sướng". Phải, Đông ở chiến trường thì Lý có một ông trung tá trong nỗi nhớ, một ông trung tá được miêu tả hết sức trừu tượng, nhưng đầy hãnh diện, trước mọi người. Còn bây giờ là Đông xương thịt cụ thể như mọi người, đã về hưu, không tạo ra một giá trị mới nào, sống đơn giản, bằng lòng với một đời sống thường nhật buồn tẻ, khiến lắm lúc Lý bật lên cái câu hỏi bề ngoài tưởng như chỉ mang sắc thái đùa cợt mà kỳ thực có lập lờ một nỗi niềm: "Tại sao tôi lại lấy ông Đông nhỉ?".

Thấy Luận đăm chiêu, Lý quay lại, hất hàm trịch thượng:

– Thế nào? Sai à?

– Phải suy nghĩ đấy.

– Có gì mà phải suy nghĩ. Tất cả nó bày ra cả đấy thôi.

Luận lắc đầu. Bà Lý này sâu sắc đấy mà cũng nông nổi đấy, khôn ngoan đấy mà cũng nhẹ dạ đấy.

– Chị Lý này. Chị nói thế cũng chỉ đúng một phần thôi. Vợ chồng, ngoài cái tình còn có cái nghĩa. Sống với nhau lâu còn có cái nghĩa tào khang, đá vàng, trăm năm. Thế cho nên, *đói no có thiếp có chàng, còn hơn chung đỉnh giàu sang một mình.*

– Nhưng, *một ngày tựa mạn thuyền rồng, còn hơn chính thất nằm trong thuyền chài!*

– Chị tài lắm!

Luận rên nho nhỏ. Lại một lần nữa Luận bị bất ngờ, Luận lại không nắm bắt được bà chị dâu. Người phụ nữ bốn mươi tuổi này thật phong phú, dồi dào và đậm đặc tình cảm, ý nghĩ. Chị như có một cái động cơ đốt trong luôn luôn đầy năng lượng. Cả ngôn ngữ chị cũng sặc sỡ sắc màu; lung linh, góc cạnh; trong khi Đông cứng nhắc, phẳng bẹt thế nào. Chị hướng về cuộc sống hàng ngày, nghĩ ngợi, day dứt về nó, hẳn không ít, trong khi Đông lại hết sức bình lặng, coi mọi chuyện là hết sức đơn giản, rõ ràng.

Phượng bỗng đứng dậy, đi ra ngoài cửa.

– Cái gì ngoài ấy đấy, cô? – Lý nhìn ra, hỏi.

– Hình như con mèo đen nó không làm sao. Em thấy nó vừa chạy qua đây.

– Kệ cha nó. Giống hoang nó sống dai lắm.

Lý đứng dậy, xốc lại bao tải trấu, bốc một nắm, ném vào lòng bếp:

– Chú Luận này, hôm qua ông cụ nói, cái câu cuối cùng ấy, ý là thế nào?

– Hình như Sở nhà đất họ muốn ông cụ nhượng lại căn nhà này cho một ông thứ trưởng. Họ sẽ xây lại mấy gian cháy đổ. Còn mình họ bố trí xuống khu lắp ghép.

– Tôi dứt khoát không có đi đâu cả. Thằng Dư con tôi ba năm nữa tốt nghiệp về nước, nó phải có một căn buồng ở đây.

– À, là nghe loáng thoáng vậy.

– Nếu phải đi thì tiếc quá – Phượng đứng ở cửa bếp, nói ra ngoài trời đêm – Tiếc nhất là khu vườn.

Chẳng ai hưởng ứng lời Phượng. Chỉ có khu vườn nhỏ bỗng rào rào rung lá và lộp độp buông sương. Cây trong đêm có một ngôn ngữ riêng. Hình như chúng mừng rỡ. Mùa rụng lá sắp qua rồi.

Ngoài cổng có tiếng mở khóa và lao xao tiếng cười. Mấy bóng áo choàng đi qua vườn cây, rồi có tiếng reo mừng, chào đón. Các cụ tổ hưu đã đến họp buổi cuối năm.

Luận chống tay, đứng dậy, dậm dậm hai bàn chân tê cứng trong đôi giày da cũ:

– Thế nào, kế hoạch Tết ra sao, chị Lý?

– Mai, ba mươi: chơi chợ hoa, đi làm đầu. Tối, cúng tế gì thì cúng tế, rồi ăn cỗ tất niên.

– Mồng hai Tết phải về làng thăm hỏi, chúc Tết họ hàng chứ. ông cụ nhắc đấy. Chị, giờ là dâu trưởng.

– Dâu trưởng! – Lý dài giọng – Dâu trưởng là bà Hoài, vợ ông cả Tường chứ?

– Nhưng ông ấy đã hy sinh, bà ấy đã đi lấy chồng khác rồi còn gì.

Nồi bánh sôi lục ục. Lý đạp cái bao tải, trấu đổ tóe quanh bếp lửa.

– Kệ, tớ không đi! Đồ ăn thức uống tớ đã chuẩn bị đủ. Ba ngày Tết, ông nào bà nào đói cứ việc bóc bánh ăn với thịt mỡ, dưa hành, thịt gà, thịt đông dấy. Tớ có kế hoạch của tớ. Khác đi, chứ có một kiểu mãi à? Lúc nào cũng một điệu nhạc thì ớn xương sườn lắm. Mà Phượng này, ra giêng, tôi với cô xin phép đi chơi hội hè cho nó sướng cái thân. Tội đếch gì. Khổ mãi rồi! Cái già nó xồng xộc đến sau lưng rồi còn gì.

Lý chợt ngẩng lên, nghênh ngóng về phía căn buồng lúc này đã ran ran tiếng nói cười, bật kêu:

– Kia kìa, các cụ còn yêu đời nữa là mình! Đấy đấy, có nghe tiếng các cụ đọc thơ xuân không, Phượng?

2.

Thiên nhiên đi đến một bước ngoặt.

Hàng me gầy viền hai bên lề đường phố bị cái rét gai góc tuốt sạch đến từng vẩy lá nhỏ, một chiều áp Tết bỗng rưng rưng nơi đầu cành, dòng nhựa chuyển cái vui và sự sống tiềm ẩn bật lên những chấm lộc vàng, li ti như những điểm sáng, bừng dậy cả khung trời vẫn còn nhiều mây xám. Xuân thiên nhiên gặp gỡ xuân trong lòng người. Sự hài hòa, cộng cảm đem lại ý nghĩa và vẻ đẹp rực rỡ cho tự nhiên, thổi vào cảnh đời thường nhật tưởng như đã nhàm chán một sự sống non trẻ, một nhịp điệu mới mẻ lạ thường.

Hăm ba tháng chạp ông Táo chầu giời. Lý thắp hương trên bàn thờ, làm mâm cỗ nhỏ, nói đùa: Tôi cung đón chu đáo để ông Táo lên báo cáo với Giời toàn những điều tốt đẹp của gia đình ta nhé! Hăm tư Tết, trời đột ngột tăng độ nóng, đào hoa mãn khai hết, đã tưởng hỏng mất một niềm vui mở đầu 365 ngày dài. Nhưng may hăm bảy Tết, gió mùa về. Gió đem hơi mưa về, giăng màn hư ảo trên khắp các phố phường. Cảnh vật giảm đi độ sáng, nhưng lại thêm nhiều mơ mộng, xôn xao.

Pháo nổ rộ từ chiều hăm tám Tết. Tiếng pháo lọt vào nhà ông Bằng, nghe xa vẳng. Căn nhà xây dựng theo kiến trúc châu Âu cuối

thế kỷ trước, vốn nhiều buồng, đủ chỗ cho gia đình ông Bằng và bốn năm gia đình khác nữa. Nó nguyên là của một công chức cao cấp người Pháp, nay thuộc quyền sở hữu của Nhà nước. Năm 1970, ở đây xảy ra một vụ hỏa hoạn vì chập điện, cứu được có non nửa tòa nhà. Bốn năm gia đình kia dọn đi nơi khác. Sở nhà đất dỡ bỏ những khung nhà cháy, thu gọn lại, nay căn nhà chỉ gồm có bốn buồng chính. Hai buồng ở phía dưới thì một vốn là buồng của Cừ và Cần, nay dùng làm phòng khách chung, một nữa, nhỏ hẹp hơn là của Luận, giờ có thêm Phượng về ở cùng. Trên gác hai buồng, buồng rộng hơn là của vợ chồng Đông-Lý.

Ông Bằng ở căn buồng nhìn ra mặt đường phố. Buồng có diện tích chừng mười sáu mét vuông, nhưng có một phong thái riêng, giản dị, nghiêm túc và tràn đầy nghị lực.

Cái giường đôi bằng đồng, kiểu cổ, cao lênh khênh kê sát tường, được che một tấm màn gió. Cái bàn nhỏ trên có máy chữ, hộp bút, lọ hoa, ảnh kỷ niệm và mấy cuốn sách đang đọc, kê sát cái tủ sách âm ấp tự điển, sách tra cứu, các cặp hồ sơ lưu giữ, ở kề cái lò sưởi xây. Có đến chục cái ghế đặt rải rác khắp buồng, kể cả cạnh cái bể cá vàng dài một mét để không từ ngày bà Bằng quá cố, để chủ nhân có thể ngồi đọc sách, ghi chép bất cứ chỗ nào khi ngẫu hứng.

Thật sự đây là một căn buồng làm việc. Cảm giác khiêm nhường, thoải mái tràn ngập tâm hồn người khi bước vào đây. Ánh sáng lọt qua vòm lá nhãn ngả bên cửa sổ, tỏa vào dịu dàng, dễ chịu. Tất cả đồ vật đều nhỏ nhắn thanh tao, như được tuyển chọn kỹ càng. Không có đồ vật phản ánh bước phát triển tân kỳ của kỹ thuật điện tử, ngoại trừ cái bếp điện đặt dưới bộ tranh trúc quân tử bốn bức treo song song, kỷ vật vô giá của cha ông. Độc đáo nhất có lẽ là cái máy hát quay tay cổ lỗ, sợi dây nối liền ông già với thế giới âm thanh ông vẫn hay vặn nghe đĩa hát lúc giải lao, và gần như chỉ nghe một bản duy nhất, bản "Vườn khuya" cổ điển.

Căn phòng tuy vậy hơi nặng nề, ít biến động, không có lợi cho trí tưởng tượng bay bổng, nhưng có ích cho tư duy trầm tĩnh, tập trung.

Tuổi bảy nhăm, đạt đến phong thái ấy là phải quá rồi. Hơn nữa, chính con người ông Bằng là vậy. Ung dung tự tại, ý chí nghị

lực một cách thâm trầm, cốt cách ấy càng cố định sau đoạn trường mấy chục năm đã trải, gian nan không ít, cơ cực đã nhiều. Đã cùng anh em thợ thuyền xông vào chiếm sở Bưu điện và giương cao lá cờ đỏ sao vàng những ngày tháng tám năm 1945 ở thành Nam. Đã khẳng khái giã từ mọi tiện nghi quen thuộc, mọi mơn trớn vỗ về, vác ba lô đi theo kháng chiến. Đã có lúc bị kẹp giữa các trận càn Xitrông, Măngđarin, Amphibi của giặc. Cơm gạo đỏ, rau tàu bay. Máy bay giặc săn lùng, hút chết ở Yên Bái, Tuyên Quang. Đã có lúc bà Bằng mở quán cà phê, giải khát để kiếm sống. Đã có lúc hai vợ chồng xay lúa giã gạo thuê, kiếm thêm đồng tiền lưng gạo nuôi con, ngoài sinh hoạt phí của người nhân viên bưu điện. Mấy chục năm, tiếp xúc va chạm không ít. Bạn tốt lắm, kẻ xấu cũng chẳng hiếm. Lúc thênh thang vui vẻ, khi tủi hổ nhục nhã, nếm trải đủ vành. Hành trình trên cõi đời này như thế không còn là ít ỏi năm tháng, nay có thể càng yên tâm củng cố một cốt cách tinh thần riêng: Lấy sự bình ổn, cân bằng làm căn bản; dùng thiện tâm để đối xử, bằng sự giúp ích cho đời để hiện diện. Con cái được nuôi dưỡng trong tinh thần tu rèn bổn phận, *thực bất cầu bão, cư bất cầu an*, coi trọng đạo lý, rời xa phù phiếm, kết hợp đạo đức cộng sản và tinh hoa của cha ông. Gặp khi trắc trở thì kiên trì, nhẫn nại, không nao núng ngã lòng, bởi hiểu: Có cái thành công của kẻ tiểu nhân, có cái thất bại của người quân tử.

Đời ông Bằng khoảng hai chục năm trở lại gần đây nói chung là yên ổn. Đi dạy học từ năm 1955 đến năm 1960, ông được trò quý, bạn yêu. Chuyển sang làm báo, ông không thật tài năng, nhưng chỉn chu, thực sự cầu thị nên được đồng nghiệp trọng nể, tin cậy.

Sóng gió đời ông Bằng chỉ mới nổi lên vào những năm gần đây và hiện tại. Bà Bằng về già, trái tính trái nết mấy năm rồi mất. Bà mất, ông loạng choạng mất thăng bằng. Đau đớn quá! Một đời sống chung ấm êm hòa thuận đến lúc mỗi người sắp mỗi ngả, về với đất, lại sinh ra lủng củng. Nỗi buồn, nỗi ân hận, thêm cảnh bơ vơ trong bệnh tật, khi tuổi già đơn chiếc, khiến ông đã có những tháng ngày gần như tê liệt. Ông rơi vào trạng thái trầm uất mất nửa năm. Cái máy hát phủ đầy bụi. Nhưng đầu năm ngoái, một hôm, Luận chợt nghe thấy tiếng bản nhạc: "Vườn khuya". Anh chạy lên thì thấy ông

đang nổ máy chữ. Ông bắt đầu làm việc. Ông còn rất nhiều nghị lực điều chỉnh mình, giữ thăng bằng cho mình.

Luận hiểu cha. Anh hay lên trò chuyện với ông, nhất là những ngày gần đây, khi thằng Cừ bị xí nghiệp truy nã về tội đào nhiệm. Luận cũng rất muốn học hỏi ở cha – ông là một kho kiến thức cổ. Phần khác, anh lại muốn nâng đỡ ông. Ông đã già yếu, xưa nay rất kiêu hãnh về con cái và nề nếp gia phong, liệu ông có chịu đựng nổi trước cái sự biến ghê gớm – thằng Cừ hư hỏng đến mức bỏ ra nước ngoài không?

Nhưng, Luận cảm thấy cha anh hình như biết được ý định đó của anh. Ông tỏ ra mạnh mẽ hơn là anh tưởng. Một hôm ngồi nghe máy hát, Luận kêu: "Sao ba chỉ nghe độc một bản "Vườn khuya" thế?" và hôm sau mượn về của bạn cho ông một dĩa hát khác.

– Bản gì đó, con?

– Một hành khúc của Vácne, nhạc sĩ thiên tài Đức ạ. Cả đến Hítle nó cũng thích nhạc của ông, ba ạ.

Luận buộc miệng một câu nói sau. Quả nhiên, ông Bằng dúi ngay dĩa hát mới vào ngực anh, từ chối không nghe. Mấy hôm sau, Luận mới càng hiểu: Không phải cha anh chỉ yêu thích vẻ đẹp cân đối, mực thước, cổ điển. Ông bảo Luận:

– Tiếng Pháp có một câu chứa đựng ý tương tự. Nhưng, ông cha mình nói hay hơn nhiều: "*Tố nhân bất khả hữu khinh ngạo thái. Nhiên, bất khả vô khinh ngạo cốt*". Nghĩa là: Làm người không nên có cái dáng khinh ngạo, nhưng lại không thể không có cái cốt cách khinh ngạo.

Phải chăng ông muốn nói: Ông có cái cốt cách cứng rắn ẩn ở bên trong, đừng có tưởng ông chao đảo, thối chí trước các sự kiện đau lòng trong gia đình. Ông là trúc quân tử, gió bão không thể đổ, không thể gẫy.

Hăm bảy, hăm tám Tết, ông Bằng vẫn cặm cụi bổ máy chữ. Hay là ông muốn bộc lộ cái cốt cách khinh ngạo thế sự thường tình? Luận nghĩ vui. Nhưng ba mươi Tết, Luận rủ Đông lên buồng cha thì thấy buồng trống không.

Ông Bằng đi đâu?

Ngồi đợi chừng một tiếng, Đông đã sốt ruột muốn rút lui, Luận bảo: "Nán tí nữa. Anh đặt ấm nước đi. Nghe bản nhạc "Vườn khuya" này xong, thế nào cụ cũng về".

Luận quay máy, đặt dĩa. Xe xè vài giây, căn buồng liền như bị ru trong một giai điệu êm ả, nhịp nhàng. Và Đông, sao con người có cái đức quý hóa thế, đã ngửa cổ thiu thiu ngủ, khi cái dĩa hát lặp lại âm hình cũ với chút biến tấu nho nhỏ.

Vườn khuya thanh vắng, hoa đứng im, rải bóng mờ. Trời đêm xao xuyến...

Nhưng sao mà thiêng vậy, bản nhạc vừa hết, đã nghe tiếng ba toong chống lịch kịch ở cầu thang.

– Ba! Ba đi đâu về thế?

Luận chạy ra đón cha. Ông Bằng lụng thụng cái áo pa-đờ-xuy da, một tay xách đôi giày da cũ mới đánh xi thở hào hển:

– Ba đi chữa đôi giày, tạt lại thăm cụ giáo Cần có con mới hy sinh trên biên giới. Khổ! Ông cụ ủy mị quá!

Đông tỉnh, đứng lên, đi lại cái bếp điện. Nước sôi đến độ ba, sóng vỗ dào dạt thành ấm. Luận súc ấm trà. Ông Bằng cởi áo khoác, từ sau tấm màn gió, bước ra, nhấc đôi giầy, chặc chặc lưỡi.

– Lâu lắm mới ra phố, thấy nhiều cái lộn xộn quá.

– Cái gì mà ba bảo lộn xộn?

– Trẻ con hư quá. Nó đi xe đạp suýt đâm vào mình, còn quát mình: "Bố già về mổ gà ăn mừng đi nhé!". Hàng quán, ăn uống phè phỡn cũng lắm quá.

Luận gõ ngón tay trên mặt bàn:

– Thành phố hình như đã hình thành một lớp tư sản mới, chúng đang phá phách, khuynh đảo xã hội, ba ạ. Rồi phải dẹp thôi.

Ông Bằng cúi xuống, xỏ giầy:

– Nguy hiểm nhất là nó làm hư hỏng xã hội về đạo đức – Ông già ngẩng lên, chân ấn vào lòng giầy – Nhưng, người tốt còn nhiều. Người biết điều hay lẽ phải còn nhiều. Cái nền nhân văn còn vững. Ba cứ nói như việc bà lang Chí chữa mắt cho ba. Hai ngày một bận,

bà đến xoa vuốt. Nước không uống. Tiền không lấy. Chỉ vì cái nghĩa xóm giềng. Cái anh thợ giầy ở đầu phố cũng vậy. Chữa xong đôi giầy, hỏi giá, đáp: Cụ già rồi, làm gì ra tiền, thôi con chữa giúp cụ thôi. Không lấy tiền của cụ, con cũng có nghèo đi đâu.

Ông Bằng ngừng lời, bỗng nhìn thẳng vào mặt Luận:

– Luận này, đôi giầy của con...

Luận cúi xuống ngọ nguậy những ngón chân trong đôi giầy nâu lem luốc, mõm đã đứt chỉ, cười:

– Còn đi được, ba ạ.

– Không nên thế, đáng bao nhiêu đâu. Hôm họp tổ hưu vừa rồi, ba thấy, lắm ông xưa chức tước khá, nay hưu trí lại sinh ra tính cẩu thả, ăn mặc rách rưới, bệ rạc. Có phải là do khó khăn đâu! Các cụ xưa nói thế là *ỷ lão mãi lão*, dựa vào tuổi già, bán cả danh dự của tuổi già. Phải giữ gìn các con ạ. Giữ gìn từ những cái nho nhỏ nó là văn hóa, là nền tảng đạo lý đấy.

Ông Bằng ngước lên. Mắt ông lấp lánh tươi vui như phản chiếu cả một trời xuân ngoài kia. Luận hiểu: Tất cả những điều cha vừa nói, dẫu có chút khiên cưỡng, đều toát lên cái thâm ý giáo dục con cái. Và hơn nữa: Cha anh đang nói với chính mình, để tự ổn định mình. Dựa vào một nền tảng tinh thần vững bền để chống lại tất cả cái xấu đang tàn phá cuộc sống. Đó là cách ông chủ động tạo sự cân bằng trong cuộc sống của ông. Ông đang có nguy cơ bị chao đảo vì sự kiện thằng Cừ.

Đông bưng chén trà, đặt trước mặt ông Bằng:

– Ba có đi chơi chợ hoa không, ba?

Ông Bằng lắc đầu:

– Mấy hôm ba có hứng thú làm việc. Vào tuổi ba, tạo được hứng thú khó lắm.

– Ba đang nghiên cứu vấn đề gì đấy ạ? – Luận hỏi.

– Ba vừa hoàn thành một bài góp vào cuốn *"Một trăm năm chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam"*. Bây giờ, nhà xuất bản Ngoại văn lại đặt ba viết một bài về lòng tri ân của người Việt. Ba sở đắc vấn đề này lắm. Ba đã đọc xong một tập thơ về hội đền Hùng.

Người Việt mình đẹp lắm, các con ạ. Có lẽ sau Tết, ba sẽ đi mấy hội hè truyền thống để sống lại cảm xúc về dân tộc, rồi ba mới viết.

Đông chép miệng:

– Ba nên dưỡng sức ba ạ.

– Ấy chết, phải làm việc chứ – Ông Bằng quay lại nhìn Đông, hơi gắt. Đông ngồi cạnh cái bể cá rỗng, lục túi tìm cái díp làm bằng sác giơ đạn, đưa lên cái cằm nhẵn thín, tìm sợi râu còn sót.

Luận nghĩ: Làm việc cũng là phương thức cân bằng của cụ đây, rồi nhấc ấm trà rót tiếp vào chén ông Bằng:

– Có một đề tài có ý nghĩa vào lúc này, ba nên nghiên cứu ba ạ – Luận ngừng giây lát – Gia đình! Gia đình Việt Nam! Một phạm trù quan trọng chứ, ba!

– Gia đình Việt Nam! – Ông Bằng hơi bị bất ngờ.

– Vâng – Luận dằn giọng – Con cho rằng, người Việt mình có nhiều cái bí ẩn, độc đáo. Gia đình cũng có nhiều cái đáng nói lắm, nhất là lúc này. Về nhân loại thì gia đình trải qua các hình thái: Tạp hôn cực kỳ lang chạ, huyết tộc, punaluan, đối ngẫu, một vợ một chồng. Nghĩa là... gia đình là một yếu tố năng động. Ở nước ta, từ cách mạng tháng Tám đến nay, gia đình đã biến đổi như thế nào, đáng nghiên cứu lắm chứ, ba?

Lần này thì chính ông Bằng bị anh con trai hấp dẫn vì sự uyên bác của anh ta. Ông nhíu mày, đăm đăm:

– Đúng, đúng, Ba nhớ... danh từ *Familia*, theo tiếng La Mã, thoạt đầu chỉ toàn thể những người nô lệ thuộc quyền sở hữu một người nào đó.

Luận đặt cả hai tay lên bàn, mặt ngời vẻ thông minh:

– Con làm báo, đi nhiều nơi, con có nhận xét thế này: Những năm gần đây, người ta có khuynh hướng trở về quy tụ với gia đình, gia tộc.

– Cái đó là đúng chứ!

– Vâng. Nhưng có một thời kỳ người ta có ảo tưởng là có thể coi nhẹ các quan hệ gia đình. Các quan hệ cha con, vợ chồng, anh em... hình như không có cái gì phải bàn bạc nữa.

– Ba đọc báo nước ngoài thấy có nhà xã hội học nói: Sau thời đại ti vi, tủ lạnh, con người sẽ đi đến đâu? Phải quay về với các giá trị tinh thần thôi. May dân tộc mình không có vấn đề đó.

"Ông cụ lại tự bảo vệ". Luận nghĩ hào hứng.

– Cái khuynh hướng củng cố gia đình, gia tộc, theo con, nó thể hiện một sự phản ứng, chống lại cái vô đạo lý lúc này hình như có hơi nhiều lên. Không hiểu vì không khí tết nhất gợi nhớ không mà con bỗng thấy sao lúc này cái ý nghĩa thiêng liêng của gia đình, tổ tiên lại gia tăng lên đến mức kỳ lạ thế. Gia đình hình như là cái nơi cố thủ để bảo vệ phẩm giá. Con thấy thế này: Xã hội đang có bước chuyển, cái xấu xa tồi tệ có cơ hoành hành dữ. Con người đang đứng trước sự lựa chọn: Trở nên tốt đẹp và có thể phải chịu khổ sở về vật chất hay là đểu giả, tàn bạo và sống sung sướng về mặt vật chất. Ví dụ như ba vừa nói về lũ trẻ con hư, rõ ràng ba muốn mình giữ được tư thế, uy tín, ba phải im lặng, nghĩa là phải hèn đi một tí. Ba có nói đến bọn ăn chơi phè phỡn. Có bọn đó. Đừng tưởng chúng không quan hệ đến ta. Chúng là số ít nhưng chúng tấn công ta, đánh vào từng gia đình ta. Gia đình bây giờ phải là lô cốt cố thủ. Gia đình phải là nơi không có sự chi phối của đồng tiền, ở đó con người sống với nhau bằng những tình cảm thật sự. Ở cơ quan con, ông Tổng biên tập là một chiến sĩ cách mạng lão thành, ông chịu cái đau ghê gớm là khi hoạt động ở trong Nam, vợ ở ngoài Bắc bỏ ông, đi theo một gã lái buôn. Vừa rồi ông tụ họp gia đình làm một cái lễ thượng thọ cho bà cụ lên tám mươi. Tết năm nay, ông làm một cuộc đại tập họp gia tộc. Hỏi, ông bảo: Để củng cố nền nếp đạo đức.

Luận dừng lại vì thấy mấy lần ông Bằng đã định ngắt lời anh. Rõ ràng là ông Bằng muốn nói, ông sợ bị Luận lôi cuốn. Ông sợ bị những thực tế phũ phàng Luận dẫn ra làm ngả nghiêng. Vừa thấy Luận ngừng là ông nói luôn và kỳ lạ, mắt ông sáng lên, đầy vẻ đắc chí:

– Về việc thượng thọ của bà cụ ông Tổng biên tập, con chưa hiểu Luận à. Cái đó nói lên mặt nhân văn của văn hóa Việt Nam chứ đâu có phải quay về với hủ tục. Đây ta nói về mặt con người. Đời người dài dằng dặc. Phải có gì thay đổi, dù là chút ít, nghĩa là

phải tăng lên giá trị, để mà vui sống chứ. Người dân thường, người già cả lấy gì làm những cột mốc sung sướng ấy. Lễ thượng thọ đó. Chưa nói dịp đó giáo dục lòng tôn kính cho con cháu. Bí ẩn đó, con. Bí ẩn như cái yêu cầu về con người mà ba đã có lần nói: đừng có *thái* khinh ngạo, nhưng lại cần có cái *cốt* khinh ngạo mọi sự tầm thường. Còn về gia đình, ba đồng ý với con – Ông cụ lái ý kiến của Luận theo chủ ý của mình – Gia đình với hàng nghìn năm tồn tại có cơ sở bền vững lắm. Mỗi gia đình có một nền nếp văn hóa riêng. Ba có làm một công việc gọi là ghi gia phả, đúng hơn là bút ký gia đình – Ông già chỉ cuốn sổ dày bằng cái gối ở trên bàn – Tất cả ở đó. Ông nội con, đỗ cử nhân năm nào, nhà cửa sa sút, phẫn chí với cường quyền về ở ẩn, đi móc cua bị rắn cắn chết ngày nào. Tường hy sinh năm nào. Đông cưới vợ lên chức, đẻ thằng Dư năm nào, có hết... Một gia đình có cái bề dày lịch sử trong một xã hội tốt đẹp như bây giờ, thật đáng yên tâm.

Ông Bằng dừng lại, ho. Mặt ông xám nhạt đi. Và hình như huyết áp tăng, mắt ông sập mi, ông đưa tay vỗ nhè nhẹ mái đầu. Trong giây phút, Luận thấy thương cha vô kể. Cha anh đã chống cự lại một cách nhiệt thành những gì làm xao xuyến ông để giữ sự ổn định. Ông né tránh thực tế. Ông dùng cái đẹp lấn át cái xấu. Khổ! Vào buổi hoàng hôn của cuộc đời, khi nhận thấy sự sâu sắc cùng cực của nỗi cô đơn, khi nguồn vui duy nhất là sự tiếp xúc với con người và thấy con cái phương trưởng, ông lại gặp phải những điều đau lòng.

Luận thấy ân hận vì đã dẫn câu chuyện đi quá sâu làm mệt cha. Và nhất là đưa ông tới gần nỗi đau buồn đang ám ảnh ông: Chuyện thằng Cừ hư đốn mà anh và Đông đã thỏa thuận giấu biệt ông, giảm nhẹ đến mức tối đa tội lỗi của nó, nếu ông hỏi tới. May mà ông cố tình lẩn tránh. Lẩn tránh và tự mình tăng cường đức tin, mặc dầu là có chút gượng gạo.

Đông vừa rụt được một cái râu quặp ở dưới cổ, giơ cái nhíp lên; nhắm một bên mắt, nhận dạng cái râu quái quỷ, rồi khoan khoái xoa cằm, đứng dậy, đi ra cửa sổ.

Dưới đường bỗng đùng đoành nổ một tràng pháo.

Tìm được cớ để thoát ra khỏi sự lúng túng. Luận bước ra cửa sổ, reo:

– Ôi chà! Đông quá kìa. Ba ra xem trẩy hội, ba! Các bà đi lễ chùa đông không. Xem mọi người sửa soạn Tết mới biết, từ trong sâu xa dân ta còn tàng ẩn một sức sống mãnh liệt.

Ông Bằng qua cơn váng vất, ngẩng lên:

– Cái Tết còn có sức động viên lớn lắm, con ạ.

– Nhưng, ba ạ, con thấy trong sự vui chơi có pha tạp chút ít màu sắc hưởng lạc thái quá. Ba cứ thử xem mọi người ăn mặc. Có vải nội đâu. Toàn pho Canađa, técgan, sốtxuni.

Ông Bằng trầm tĩnh:

– Có thể là do giao lưu thông tin quốc tế mà thu nhận một lối quen tiêu xài các vật phẩm cao cấp trong khi kinh tế còn quá thấp kém.

"A, ông cụ độ lượng ghê! Hay đó là sự biến thái cần thiết trước những đổi thay không chấp nhận không được?" Luận nghĩ.

Đông quay vào nhà, ngồi phịch xuống ghế, cau có:

– Tôi cho là ngốc, là vô lý hết chỗ nói: No ba ngày Tết, đói ba tháng hè.

– Đời người phải có những giây phút hưng phấn, những lúc nghỉ ngơi, từ đó bồi bổ thêm năng lượng để tiếp tục sản xuất ra của cải vật chất chứ.

– Cậu nói như sách, như tiểu thuyết.

– Tiểu thuyết thì có gì là sai. Mà anh có bao giờ đọc tiểu thuyết đâu?

– Tôi chẳng cần đọc. Tôi đã vào sống ra chết, đủ mùi rồi. Văn chương các anh nhạt thếch so với cái tôi đã biết.

– Không đọc mà lại nói là nhạt thếch – Luận cười mép – Cứ sống rồi nghĩ theo những lối mòn sơ lược như thế, nên...

Đang nói, Luận vội ghìm. Anh đã chệch sang một chủ đề khác, và ít lâu nay đã dự cảm thấy sự bất trắc của đời ông anh.

Không hay biết, Đông lại rút cái díp, đặt lên cằm, thản nhiên:

– Đời có gì phức tạp lắm đâu. Anh chỉ hay vẽ chuyện.

– Đời phức tạp là do nó vốn thế, chứ ai bịa ra được. Còn anh, đời thật đơn giản, cho nên cứ đủng đỉnh ngày ngủ, tối tổ tôm. Giản đơn quá mà. Việc gì phải lo nghĩ cho nó rắc rối.

Luận đã không kìm được mình. Có lẽ vì thái độ vừa kẻ cả vừa thờ ơ của Đông. Nhưng, Đông không hề phật ý vì cái giọng gay gắt như lên án của Luận, ngả người cười khì khì thật hồn nhiên:

– Ông ơi, ông đọc sách đã nhiều mà chưa thấy được ý nghĩa câu này: *Làm trai mà đánh tổ tôm. Uống chè mạn hảo, ngâm nôm Thúy Kiều*. Ông đã biết thế nào là ù chi nhảy chưa? Có người cả đời chơi mà không ù như vậy được ván nào đấy. Úi cha, đang chờ mà bốc được con *chi* thì sướng phải nhảy lên như điện giật ấy chứ!

Đông dừng lại, thấy Luận lạnh nhạt, liền hạ giọng:

– Nói thật với cậu: Tôi đã năm chục tuổi đầu, kinh qua việc đời không ít. Giờ, tôi không kiêu đâu. Tôi coi mọi sự đều đơn giản và tôi tin là tôi không sai lầm được.

– Không sai lầm không có nghĩa là đã đầy đủ.

Luận phắt đầu lại, gần như quát lên.

Đông không tự ái, lại vỗ đùi cười hà hà nhắc lại cái câu cửa miệng muôn thuở: "Đời không phức tạp lắm đâu ông ơi".

Người bị tác động vì câu nói của Luận lại là ông Bằng. Ông ngơ ngơ hai con mắt. Ông tự hỏi: Ông, bẩy mươi lăm tuổi, đã đủ từng trải để xử sự với mọi người phức tạp của đời sống chưa? Chuyện thằng Cừ đào nhiệm – Ông mới biết đến đó và đang cố để tin sự bất hạnh chỉ đến mức đó – lại canh cánh trong lòng ông.

Bấy giờ, ở dưới bếp là hai chị em dâu Lý – Phượng. Hai người đang tíu tít nấu nướng, sửa soạn cho bữa cỗ tất niên đêm ba mươi.

Lý như biến đổi thành người phụ nữ khác, trẻ ra đến hơn chục tuổi, kể từ gương mặt tới ăn diện, giọng nói. Trưa nay, lúc Lý đi làm đầu rồi đeo cây quất năm trăm đồng về, nhìn Lý, Phượng đã ngỡ ngàng. Không ngờ kiểu uốn diện *sì tôn* làm cho mái tóc cũn cỡn và như là xơ xác, lại hợp với mái đầu và khuôn mặt Lý thế. Mặt

Lý tròn, hồng nõn như vừa bóc đi lớp da đã quen nắng gió mọi ngày. Đôi môi cũng khác, như môi của ai đó, nho nhỏ, cong nhẹ ở mép trên và ở làn môi dưới, nét son như là quá tay, tạo nên một vẽ trễ tràng, hờn dỗi rất ngây thơ. Cặp gò má cao được san đều vì phía dưới má ửng lên một sắc hồng đậm và hai con mắt lá dăm vốn sắc, nhóng nhánh sáng, đong đưa một cái nhìn vừa vui tươi vừa lẳng. Cái mũi, nguyên cái mũi dường như vẫn vậy, hớt lên một chút, tạo nên một điểm sáng tinh thần: Sự thanh tao hơi có chút cao ngạo. Gương mặt đẹp, phản chiếu rất rõ niềm hưng phấn của Lý, sự tự ý thức về ưu thế bẩm sinh của mình. Và, thấy thoáng sự phô trương tình tứ muốn làm vừa lòng ai đó.

Chính Lý, với gương mặt ấy, khi nhận ra vẻ thán phục trong con mắt nhìn của Phượng, cũng có chút bối rối. Chị hổn hển, tiếng nọ lấp tiếng kia.

– Có trẻ quá không, Phượng? Mình sợ không hợp với tuổi tác, công việc. Nhưng mà, có lẽ là tại cái dáng của mình. Đấy, hồi thằng Dư học lớp 10, mình đưa nó đến cơ quan, ai cũng bảo là hai chị em. Khi nãy, vừa ở hiệu làm đầu ra, gặp luôn hai thằng mất dạy đi xe đạp: "Em ơi, có đi với các anh không?" Chúng vẫy tay, nheo mắt. Tiên sư bố đồ oe con, con tao còn đáng tuổi anh chúng mày đấy.

Phượng lắc đầu. Không, rất hợp với chị, chị Lý ạ. Đứng cạnh Lý rực rỡ, Phượng thấy mình như xám nhờ đi. Cái cảm giác nhợt nhạt về mình khiến sự tiếp xúc lại trở nên e dè, nhất là Phượng còn bị ám ảnh về những lời tâm sự bức bối của Lý chiều qua, cô hiểu: Con người này không bình thường đâu.

Nhưng, tiên cảm và thiên kiến ban đầu lại lập tức phai mờ. Cảm tính, dễ xúc động, chỉ lát sau, Phượng lại đã bị Lý lôi cuốn.

Căn bếp nhỏ náo động trong một nếp trật tự đến kỳ lạ. Từ trước tới nay, mình Lý lo toan việc cơm nước cho cả nhà. Ông cụ Bằng và Luận từ ngày chuyển ngành về làm báo ở thành phố, ăn cơm chung với gia đình Lý. Lý quán xuyến mọi việc chi tiêu trong cái gia đình lớn này. Bà quản gia thật là một người có tài nội trợ, gia chánh, nữ công. Và bây giờ bà om sòm, vui vẻ sai phái, cắt đặt, thúc giục và cùng làm mọi việc với Phượng.

Căn bếp xếp gọn gàng, đồ nào thứ nấy, không thiếu thốn, chắp vá. Dao to, dao nhỏ, hơn chục con đã thuê mài tinh tươm từ nửa tháng nay. Thịt gà luộc chặt dao phay lưỡi sáng rợn, nhát nào đứt nhát ấy, thẳng như kẻ chỉ. Hạt tiêu, hành mỡ, cà ri, húng lìu, mì chính, bột canh, nước mắm và các loại đã sẵn sàng. Và các món xào, nấu, hầm, luộc, rán, quay... theo một thứ tự đã định, lần lượt hiện ra trên hai cái mâm đồng đánh sáng choang, với những bát đĩa sứ Giang Tây trắng bong, viền chỉ vàng, cao quý như những đồ mỹ nghệ. Những thứ ấy bà Bằng để lại, Lý thu vén cất giữ ở cái kho nhỏ trên gác, cạnh buồng mình – cái kho chỉ Lý có chìa khóa.

Một bàn tay tháo vát, chăm chỉ và hết sức khéo léo đã chăm sóc cái gia đình có ba người đàn ông bẩm sinh vốn phóng tâm coi nhẹ và xa rời chuyện cơm nước này.

Chính Phượng bị Lý thu hút mãnh liệt. Chưa ở đâu Lý hiện lên đẹp toàn vẹn như ở công việc này. Chị thực hiện cái thiên chức cao quý của mình với một sự say mê vô cùng, tận tụy vô cùng. Không một dấu vết của sự cẩu thả, tắc trách. Không một chi tiết tùy tiện, được chăng hay chớ, tất cả đều phải đạt tới đỉnh điểm của yêu cầu, không một mảy may nhân nhượng, kể từ cái màu trắng ngọc ngà quý phái của lòng bát đĩa đến cách bày từng từng lớp lớp và cách thả những cánh rau thơm. Lý trút vào công việc tất cả sự sung sướng và kiêu hãnh vì được bộc lộ mình. Mọi việc, dù to dù nhỏ, cũng đều hút hồn chị. Và những gì gọi là vật chất cụ thể, đã biểu hiện ra, nhờ bàn tay chị động vào, nhờ con mắt chị soi tới, nhờ ánh tâm hồn chị soi xuống, đều óng ánh cả lên. Con người này hòa quyện toàn năng với công việc, hóa thân vào công việc, dù là công việc bếp núc. Con người này tạo ra xung quanh mình một lực lôi kéo và một trường hấp dẫn đến mê mẩn.

Người phụ nữ này dễ thương biết bao. Người phụ nữ này đáng yêu, đáng quý biết bao, vào ngay lúc này, ở công việc bình thường này. Phượng có cảm giác vừa rõ rệt mê đắm như thế – cảm giác này sẽ theo đuổi Phượng, thành một khắc khoải khôn nguôi, cả những năm tháng dài tiếp nối sau này nữa.

Hai người phụ nữ mê mải cho ra đời các món ăn, đến nỗi quên cả chuyện trò. Tới lúc Lý làm món vịt tần. Phượng nhìn chị nhồi

hạt sen vào bụng con vịt mổ moi, không dừng được, thốt lên lời khen, Lý mới đáp:

– Mình có được trường lớp khỉ nào đâu. Dọn về ở chung với ông cụ bà cụ nhà này hôm trước, hôm sau đâm đầu vào bếp luôn. Dạo đó, bà Hoài, vợ ông cả Tường mới về quê tái giá. Ông Tường đi B năm 1959, hy sinh năm đó. Nghe các cụ nói bà Hoài gái quê rất ngoan nết, rất đảm. Tớ đảm nhận bữa cỗ một mình, đủ hết cả các món. Hai cụ ăn, gật gù, chịu con bé sành. Còn thế nào nữa cậu biết không, lấy ông Đông được hai năm, xin vào làm nhân viên cửa hàng mậu dịch, họ thử tay nghề xong là nhận liền.

– Bà cụ chị dạy từ hồi chị còn bé à?

– Làm gì có ai dạy! Mình mồ côi bố mẹ từ lúc chưa đầy mười tuổi. Mười ba tuổi được ông chú bà thím có cửa hiệu ở Hà Nội thương tình đem lên thành phố cho ăn học và dạy nghề may cho. Quê ở Phủ Lý, nhưng mình là nữ sinh Hà Nội đấy, cô mình ạ. Nhưng, mình chỉ học hết lớp ba thôi. Dạo đó, cạnh nhà có một chị nữ sinh Đồng Khánh thân với mình lắm. Chị này lấy một ông quan Ba tàu bay ngụy. Ôi trời, hai vợ chồng ăn diện ngất trời. Chị vợ nấu nướng tài ba không chê được. Mình hay sang chơi, học lỏm chị ta mọi cách nấu nướng.

Lý nhấp nhỏm, lát sau với tay lấy cái làn cói treo ở tường, kéo ra một khúc giò chắc nịch còn bọc lá, dài hơn gang tay. Một lần nữa. Phượng lại kinh ngạc về sự chi tiêu của Lý. Một lần nữa, Lý lại thương hại cô em dâu chồng:

– Đúng là chồng nào vợ ấy. Cái lão Luận nhà cô cũng vậy, tiêu cái gì cũng kêu: Chết, thế thì hết nửa, hết một phần ba tháng lương còn gì.

– Nhưng...

– Tôi nói cho cô hay. Không cần thì một xu cũng không bỏ ra.. Cần thì bạc nghìn cũng quăng. Chuyện cây quất năm trăm đồng tôi kể cho cô nghe một phần rồi. Cái chính là tôi chiều ý cụ. Nhưng, tôi cũng muốn chơi cho mụ ấy một vố. Vợ thứ trưởng thì đã là cái gì! Con gái thì xấu như ma, y sì mẹ, mà cứ đòi yêu thằng Dư con tôi. Tôi lờ đi không cho gặp. Mụ ấy cay với tôi lắm. Ghen với tôi đủ thứ. Voi đu chuột chù cũng đủ. Cũng son phấn, cũng mốt nọ kiểu

kia, cũng bồ bịch như ai. Rồi thế nào mụ này cũng chết. Để cô xem tôi nói có đúng không nhé. Lại còn thế này nữa chứ. Thấy tôi mua cây quất to hơn, đẹp hơn, cay như ớt, lại lên giọng đạo đức: "Lý này, cậu tiêu pha, sắm sửa thế nào, chứ không chị em người ta dị nghị đấy!". Tớ điên lên, độp cho một câu: "Chị ạ, trạng chết thì chúa cũng băng hà, em đâu có sợ, chị".

Lý cười, cắt khoanh giò, xắt hình nan hoa, đặt lên hai cái dĩa men, sắp vào mâm, đứng dậy bẻ lưng rồi ngồi xuống bóc tỏi cùng Phượng.

– Nói đến cái chết lại nhớ... A, hồi B nó đánh Hà Nội cậu ở trên Lào Cai à? Tớ lúc đó làm ở công ty ăn uống thành phố. Úi giời, lần đầu tiên thấy người chết, ai mà chẳng rụng rời cả chân tay. Nhưng Phượng ạ, hình như lúc ấy bom đạn rầm rầm nó kích thích hay sao mà chẳng sợ nữa. Tớ đẩy cả xe bánh ra trận địa pháo. Cái hôm nó đánh đúng trận địa, nói cậu lại bảo bịa, đúng là phải đi nhặt từng mảnh thịt người, rửa nước cho sạch, rồi cho vào túi nylông chôn. Thật đấy, vừa làm tớ vừa khóc vì thương bộ đội, Phượng ạ.

Lý ngước lên, chớp chớp rồi hai con mắt mở ra, đen láy, chân tình.

Phượng cảm động:

– Sau chị chuyển về xí nghiệp hiện giờ à?

– Còn lâu – Lý nghiêng đầu, cọ mái tóc vào bờ vai tròn gãi ngứa. – Để tớ kể hết chuyện chết chóc đã. Chính tớ suýt chết một lần rồi đấy.

– Chị bị thương à?

– Đâu có! Tại cái lão thợ mộc cột nhà cháy kia kìa. Lão có một thằng con rất mất dạy, chính nó lôi kéo thằng Cừ nhà này. Thằng Cừ vốn đã hư, lại được thằng kia dạy ăn chơi, bia bọt, hút xách, hỗn láo. Con lão trèo cây sang hái trộm nhãn và ăn cắp của mình cái khăn voan. Mình xồng xộc sang, định bắt quả tang. Đang đứng chửi thì cha mẹ ơi, cái gì nó ngoạp vào bọng chân mà nhói một cái thế này! Quay lại thì, ối giời... con chó lông xù, mắt đỏ như hai hòn than. Chó dại! Đang mùa chó dại. Chết tôi rồi. Tớ mới chạy về nhà. Vừa chạy vừa kêu. Lão Đông quát: Làm cái gì mà ầm ĩ lên thế! Chết ngay được đâu! Thật tớ còn oán lão đến già. Được cái, Luận

nhà cậu là anh nhanh nhẹn, hắn mới dìu tớ ra cổng, gọi xích lô, đưa tớ lên cơ quan phòng dịch họ tiêm cho bảy ngày liền. Thật là hết cả hồn!

Phượng cười thành tiếng cùng Lý. Bà Lý này ngộ thật. Bà ghé sát tai Phượng:

– Luận nhà cậu tình cảm ra phết. Ngồi trên xích lô cứ rên hờ hờ: "Tôi chết mất chú Luận ơi!", thế mà hắn ta cũng xanh xám cả mặt mày, và rơm rớm nước mắt. Luận nhà cậu tốt, chỉ phải cái không thực tế với hoàn cảnh thực tế xã hội bây giờ. Hôm nọ hắn hỏi mình: "Chị Lý sao không học bổ túc văn hóa nhỉ? Chị thông minh, học chắc chắn là đến đầu đến đũa được đấy". Ối giời, thời buổi này, tiến sĩ giáo sư thì cũng ngày hai bữa lo ăn, sinh viên thì có đứa bạc mặt vì chạy việc. Học mà làm gì! Cái lão Đông nhà tớ thì việc gì cũng chẳng màng, chẳng sốt sắng gì hết. Mà cậu này. Kể cả ông cụ. Chưa thấy cái nhà nào cổ hủ như cái nhà này. Chỉ thịnh đạo lý, sách vở... Thế thì suốt đời đói nghèo là phải. Này, nhưng ông anh chồng cô cũng biết ghen ra trò đấy.

Lý cúi xuống, cái cằm nõn như tì trên làn xương quai xanh trắng ngần, cười nhỏn nhẻn:

– Kể cho mà nghe. Một hôm đang ngồi bỗng thấy lão ta thở dài đánh phọt một cái. Hỏi. Lão im. Gặng mãi lão mới buông một câu: "Biết thế này lấy cô vợ đui, què, mẻ, sứt cho xong!". Thì ra anh chàng ghen. Ghen với cái thằng trưởng phòng vật tư hồi trước sáng nào cũng đi xe máy qua đèo mình đến xí nghiệp. Khốn nạn, cái thằng cổ châu Á, má châu Phi, mà răng Thổ Nhĩ Kỳ, dáng đi Ả Rập. Tớ nghĩ thế, im re. Một tháng liền mặc cái quần lụa bạc và đánh một cái áo nhuộm pin đèn hồi chiến tranh hay mặc. Một hôm lão hỏi: "Áo trắng đâu sao không mặc?". Tớ đáp: "Mặc thế không sợ người ta cướp mất vợ anh. Vợ anh đẹp như cái tép kho tương. Kho đi kho lại nó trương phềnh phềnh". Lão tủm tỉm cười. Hết cơn! Dạo đó, lão chưa về hưu!

Lý ngẩng lên, mắt liến láo đảo quanh, rồi cúi xuống:

– Thật ra, cái lão trưởng phòng vật tư ấy mà, chỉ phải cái dại gái. Xấu khổ xấu sở mà đi si tình! Nói riêng với cậu nhé. Tiền nong

ăn tiêu thế này phần chính là dấn vốn của tớ cũ và tiết kiệm của ông Đông, phần nửa là tớ vay của hắn ta.

– Chết chị đừng nên thế.

Phượng thốt kêu. Lý lắc đầu lia lịa:

– Đừng lo! Với lại hắn ta giàu lắm. Này, thằng cha kỳ lắm cơ. Một lần tao lên phòng chơi, đang ngồi, bỗng "bịch" một cái sau lưng. Thì ra một cái ba lô ở gác xép rơi xuống. Mở ra, toàn là vé số. Lão ham chơi xổ số lắm. Mà số đỏ, trúng bạc nghìn luôn xoành xoạch.

Lúc ấy đã ngả chiều. Hai mâm cỗ đã sắp sẵn, chỉ còn hai bếp dầu đang đun nồi mọc, nồi vây. Hai người phụ nữ đang lau bát đĩa, bỗng cùng ngẩng lên. Luận đứng ở cửa bếp từ lúc nào, đang hít hít:

– Chốc nữa được ăn cỗ của chị Lý thật bằng ăn yến của vua rồi. Nấu ăn ngon nhất Hà Nội này là chị đấy, chị Lý ạ.

Lý đặt chồng bát con xuống mâm, cười tung tóa:

– Thật là chẳng được miếng thịt miếng xôi, cũng được lời nói cho tôi vui lòng. Gớm, nghe mà mát cả ruột. Ông Đông nhà cậu không bao giờ nói nổi một góc câu của cậu đâu. Đến gọi mình ông ấy cũng có bao giờ gọi là *em* đâu. Có lúc còn gọi là *mẹ thằng Dư* nữa kia! Quê quá xá. Này, nhưng cậu Luận, không phải nịnh. Đi bóc tỏi!

Phượng bật cười, Luận đứng ngay đơ:

– Nói thật lòng mà chị bảo là nịnh. Phải nói là chị tài thật. Món gì chị làm cũng ngon. Như cái món dưa muối khô, phải nói là rất tuyệt. Nhưng, chị Lý ạ, em sợ nhất là mùi tỏi.

– Rõ thật khẩu thiệt đãi can qua chưa! Thế thì đi rửa rau sống. Phượng rang ít lạc, chốc nữa cho hai anh em nhà hắn vừa nhắm rượu vừa đấu hót cho mà nghe.

– Chị Lý ạ, chị chiếu cố cho, tay em bị nẻ...

– Ông *xương* nó vừa vừa chứ!

Lý nguýt ông em chồng, cười khanh khách, nhấc rổ rau đi đến cạnh Luận:

– Này, chú Luận, mấy ông con bàn chuyện gì từ trưa tới giờ thế?

– Tào lao ấy mà.

– Này, tôi bảo. Ông cụ đang có lộc, có khước, cứ nói thẳng cho ông cụ biết chuyện thằng Cừ trốn ra nước ngoài đi, việc gì phải giấu.

Luận lúng túng:

– Chị bảo cụ có lộc, có khước...

– Này – Mặt Lý lóe sáng ranh mãnh – có biết sáng cụ đi chữa giầy rồi đến nhà ai không? Bà Chi lang vườn! Các cụ hẹn nhau sau Tết đi chơi hội đấy – Lý chợt nghiêm mặt, đổi giọng – Còn việc nữa, chú phải nói với cụ ngay đi. Tôi không có đóng vai dâu trưởng ngày Tết dắt díu nhau về làng đâu nhé. Dâu trưởng là bà Hoài. Ước gì bà ấy hiện ra đây lúc này nhỉ!

Trong bếp, Phượng nhìn ra, bỗng nhiên lặp lại ý của Lý:

– Ừ, ước gì chị Hoài hiện ra ngay trước cổng bây giờ nhỉ. Anh Luận à, lâu lắm rồi em chưa được gặp chị ấy đấy. Giờ mà chị Hoài lên đây ăn Tết thì hay quá anh nhỉ!

Cầu được, ước thấy. Người phụ nữ mà Lý và Phượng cùng ao ước hiện ra, thật như đã hiện ra ngay trước cổng nhà, vào đúng lúc cả nhà đang tíu tít vào buổi cúng tất niên chiều ba mươi Tết.

Nghe tiếng chuông điện Phượng chạy ra cửa. Trước hai cánh cổng sắt là một phụ nữ nông thôn trạc năm mươi, người thon gọn trong cái áo bông trần hạt lựu. Chiếc khăn len nâu thắt ôm một khuôn mặt rộng có cặp mắt hai mí đằm thắm và cái miệng tươi. Người phụ nữ đeo một cái tay nải nặng, dáng vừa đi bộ từ ga xe lửa về, không có cái vẻ ngác ngơ lạ lẫm, nhưng hai con mắt đậm vẻ bồi hồi.

Phượng kéo cánh cửa sắt, dè dặt:

– Bác... bác hỏi ai ạ? Có phải bác là... là chị Hoài không ạ?

– Cô Phượng đấy ư?

Phượng quay ngoắt về sau, reo to:

– Chị Hoài! Chị Hoài lên, anh Đông, chị Lý, anh Luận ơi!

Sự việc diễn ra quá ư đột ngột! Đông, Lý, Luận hấp tấp từ phòng khách ùa ra vệt đường lát xi măng đi qua vườn cây ra cổng, nhìn thấy chị Hoài thật rồi mà vẫn còn ngơ ngơ ngác ngác, nửa tin

nửa ngờ. Chị Hoài lên! Lên đúng chiều ba mươi Tết! Thật ngoài sức tưởng tượng! Trong tâm ức vẫn là có bóng chị Hoài. Chị Hoài, vợ anh cả Tường liệt sĩ. Chị Hoài, dâu trưởng, nết na, thùy mị. Trong tiềm thức vẫn sống động một chị Hoài đẹp người, đẹp nết. Nhưng bây giờ, chị Hoài đã có một gia đình riêng với những quan hệ riêng, lo toan riêng nên vẫn nhớ, vẫn quý vẫn yêu chị đấy, mà lại không dám, không nỡ níu kéo chị về mình. Quan hệ của chị ở gia đình này đã thuộc về quá khứ. Kỷ niệm của chị ở đây đẹp nhưng buồn, chị có quyền quên mà không ai được trách cứ.

Phượng sôi nổi, nồng hậu:

– Em mừng quá, chị Hoài ơi! Để em xách tay nải cho.

Lý ôm chầm người phụ nữ đã một thời là dâu trưởng, nức nở:

– Đúng là có linh tính nhé. Chị xem lời em nói có thiêng không? Em vừa nói: Ước gì chị Hoài hiện ra bây giờ nhỉ.

– Hơn hai chục năm nay chị Hoài chưa lên Hà Nội rồi đấy – Luận nói.

– Làm gì! Đám cưới chú và cô Phượng chị còn lên dự cơ mà. Mới có chín năm thôi. Bận quá. Nhà nông chẳng bao giờ hết việc. Ông đâu?

Luận ra vẻ thành thạo:

– Tháng này đã cấy đâu chị? Ông ở trên nhà, có lẽ sắp xuống đấy.

– *Dưng* mà còn rỡ khoai tây, còn họp Đại hội. Định đi từ sớm kia, mà công kia việc nọ cứ dồn tới.

– Cứ vứt toạch công việc một chỗ đã, chị ạ, – Lý chêm, hai mắt tít lại – Đời người chỉ những lo cùng lo, có chết!

– Ông có khỏe không, hai cô?

– Ông không khỏe lắm, chị ạ – Phượng đáp, chưa hết mừng rỡ – Gặp chị ở ngoài đường không chắc em đã nhận ra được đâu. Hôm cưới em, chị mặc áo vét như cán bộ kia.

Luận đi cạnh chị Hoài, nghiêng nghiêng đầu:

– Thì chị vẫn là chủ nhiệm chứ, chị Hoài?

Người phụ nữ cười:

– Vẫn, nhưng tôi chuyển sang làm chủ nhiệm hợp tác xã đan dệt thảm ngô rồi. Đấy, cái bãi soi hồi chú về chơi, đi thuyền ra, xem chọi trâu ấy, giờ bạt ngàn là ngô. À, cô Phượng chuyển được công tác về dưới này rồi nhỉ. Thôi thế cũng mừng. Rồi lo cho bà, cho cháu về dần cô ạ.

Phượng nắm tay chị Hoài:

– Sao chị biết em chuyển công tác về dưới này?

– Ông viết thư cho tôi. Ông kể hết. Cả chuyện cậu Cừ. Thế nên tôi mới sốt ruột, phải lên ngay. Tôi sợ ông buồn.

Đưa mắt nhìn Phượng, Luận nhận ra Phượng buột khỏi tay chị Hoài. Phượng cúi mắt chớp chớp vì một cảm kích bất ngờ. Người phụ nữ tưởng đã cắt hết mối dây liên hệ với gia đình này, vẫn giao cảm, vẫn chia sẻ buồn vui và cùng tham dự cuộc sống của gia đình này. Luận đi tụt lại phía sau cùng Phượng, anh muốn gần gũi Phượng trong mối đồng cảm này. Phía trước, Lý kéo tay chị Hoài, vui vẻ quá mức, cùng Đông đưa chị vào phòng khách.

Trong phòng khách đã bày cỗ cúng, Đông súc ấm pha trà, Lý xà xuống tay nải cùng chị Hoài.

– Chẳng mang được cái gì lên đâu – Chị Hoài xởi lởi – Cái Ngoan, thằng Tung cứ nhét vào, rồi giục: Mẹ đi đi, không ông buồn, các chú, các cô mong! Đây là gạo nếp tăng sản của nhà. Cái giò thủ anh ấy gói đây, ông thích ăn giò thủ lắm đấy, cô Lý ạ. Còn bọc nầy là sắn dây. Trẻ con nó giã, nó rây đấy. Ở nhà, trồng bờ ao, có quả hai cân bảy kia. Ờ, cho nó leo bờ tường. À, ông thợ mộc còn đấy không? Mấy con rồi? Chú Đông tóc bạc nhưng vẫn khỏe nhỉ! Cháu Dư có hay gửi thư về không? Cô Lý trông không nhận ra được nữa. Trẻ như gái mười tám ấy!

Lý tít mắt, hai má hây hẩy:

– Ông Đông sắp thành ông Di Lặc rồi, chị ạ. Còn em... bệnh đấy chị ơi...

Cầu thang có tiếng ba toong chống lịch kịch. Phượng và Luận chạy ra chân cầu thang.

Ông Bằng đã xuống hết bậc. Đã đến lúc phải xuống để cúng, cũng là lúc ông nghe thấy xôn xao tin chị Hoài lên. Ông cố đi cho

ngay ngắn. Trông ông cao, gầy hơn mọi ngày, nhưng trang trọng, chỉnh tề hơn, mặc dầu vẫn là bộ comlê đen, kẻ sọc mờ, cái khuy chéo. Có lẽ do gương mặt ông ánh lên cái cảm xúc của con người trước ngưỡng cửa của năm mới, do con mắt đã qua khỏi căn bệnh, sáng dậy, át đi vẻ già nua, tàn lụi và nỗi ưu tư còn ghi vết ở trên trán, và nếp da xệ ở hai bên cằm.

Ông sững lại khi nhìn thấy Hoài, mặt thoáng một chút ngơ ngẩn. Rồi mắt ông chớp liên hồi, môi ông lật bật không thành tiếng, có cảm giác ông sắp khóc òa.

Hoài gần như không chủ động được mình, chị lao về phía ông Bằng, quên cả đôi dép, đôi chân to bản, gót nứt nẻ thâm đen, dẫm trên nền đá lạnh, kịp hãm lại khi còn cách ông già hai hàng gạch hoa.

– Ông!

Người phụ nữ thốt lên một tiếng nấc. Và giọng ông Bằng bỗng khê đặc, khàn rè:

– Hoài đấy ư, con?

Phượng quay mặt đi, mắt ngấn lệ không nỡ nhìn cảnh gặp gỡ, không nỡ thấy đôi chân nứt nẻ của chị Hoài, ngực dội lên những cơn sóng nghẹn ngào và hai cánh mũi se se cay. Cảnh gặp gỡ vui mừng nhiễm một tiếc thương, đau buồn, ê nhức cả tim gan.

Ông Bằng nén xúc động, rút khăn tay, chấm kẽ mắt:

– Anh ấy và các cháu vẫn khỏe cả chứ, con?

– Thưa ông, bốn cháu của con nhờ trời vẫn khỏe mạnh cả. Cháu đầu đi bộ đội đóng ở Hà Tuyên vừa rồi hết nghĩa vụ, về xã tham gia sản xuất. Cháu thứ hai học lớp mười. Cháu gái thứ ba học lớp tám. Cháu trai út học lớp sáu. Nhà con, cảm ơn ông, vẫn được bình thường. Anh ấy giờ tham gia Ủy ban xã. Lẽ ra, anh ấy thu xếp công việc được cũng lên kính thăm ông dịp này. Cả các cháu nữa, bốn đứa, đứa nào cũng đòi đi. Nhất là thằng lớn, nó cứ bảo mấy lần nó qua Hà Nội mà chưa được vào nhà thăm ông, lần này rỗi rãi nó phải đi...

Câu chuyện của người phụ nữ nông thôn có cái vẻ kể cà đã đưa cuộc gặp gỡ ra khỏi những chấn động tình cảm bất thường. Và

Lý đã hí húi xếp xong mâm cúng, nhẩy từ cái ghế đẩu xuống, xoa xoa hai bàn tay rất ý tứ trước ông Bằng:

– Ông ạ, con đề nghị thế này, hàn huyên còn nhiều chuyện, để lát nữa tha hồ. Giờ, mời ông lại khấn cho lễ cúng gia tiên bắt đầu ạ.

Mọi người rạt ra, để trống một khoảng rộng trước bàn thờ.

Ông Bằng soát lại hàng khuy áo, chỉnh lại cái cà vạt, ho khan một tiếng, dịch chân lại trước mặt bàn thờ.

Hương cháy, uốn cong một đoạn tàn, bốc tỏa một làn khói ảo mờ. Hai cái bánh chưng bọc lá xanh tươi, buộc lạt điều, xếp cạnh mâm ngũ quả và những chén rượu xinh xắn đặt rải hàng ngang trước bệ thờ. Ngọn đèn dầu lim dim in cái chấm vàng vào dẫy khung ảnh sát tường. Ảnh song thân ở chính giữa; bên trái, ảnh bà Bằng mặt hoa da phấn, tóc vấn khăn nhung, phía phải, ảnh anh cả Tường áo trấn thủ ô quả trám, mũ calô nghiêng, nét đã phôi pha.

Ngước mái đầu hói, riềm tóc lơ thơ đã bạc hết, ông Bằng chắp hai tay trước ngực. Khói hương và khung cảnh trầm tĩnh đưa hiện tại về quá khứ. Thoáng cái, ông Bằng như quên hết xung quanh và bản thể. Dâng lên trong ông cái cảm xúc thiêng liêng rất đỗi quen thân và tâm trí ông bỗng mờ nhòa, phiêu diêu lãng đãng gần xa, ẩn hiện tầng tầng lớp lớp những ảnh hình khi tỏ khi mờ, chập chờn trong chiêm bao. Thưa thầy mẹ đã cách trở ngàn trùng mà vẫn hằng sống cùng con cháu. Con vẫn văng vẳng nghe đâu đây lời giáo huấn ông cha, tiên tổ. Con vẫn đinh ninh ghi khắc công ơn sinh thành dưỡng dục của thầy mẹ, gia tộc, ông bà, cha mẹ, tổ tiên, con như thấy từ trong tâm linh, huyết mạch sự sinh sôi nẩy nở, phúc thọ an khang của cháu con đời đời nối tiếp trong cộng đồng dân tộc yêu thương. Và em, cùng con trai cả của ba mẹ. Em cùng con đã mất và vẫn hằng sống, hằng vui buồn, chia sẻ, đỡ nâng dắt dìu tôi cùng các cháu, các con, các em...

Trong giây lát, nhập vào dòng xúc động tri ân tiên tổ và những người đã khuất, ông Bằng lâng lâng trong những hoài niệm hư ảo, thoát trần. Nhưng ông chỉ ở trong dòng tình cảm trôi lững lờ đó trong giây phút. Quá khứ không cắt rời với hiện tại. Tổ tiên không tách rời với con cháu. Tất cả liên kết một mạch bền chặt thủy chung.

Bởi vậy, ông lại trở về với những ngày đang sống, với những người đang sống. Mắt ông bỗng cay xè. Lòng ông lại bồn ngộn. Và ông vội cúi xuống, bật trên đôi môi những lời cầu khấn thành kính và run rẩy.

– Hôm nay ngày ba mươi tháng chạp năm Bính Tuất, buổi tất niên, con cùng các nam tử, nữ tử, tôn tử...

Rõi theo lời cha, Luận bỗng bấm tay Đông. Mặt Luận biến sắc. Rõ ràng là khi kể các con trai, ông cụ đã gạt tên thằng Cừ. Lý ngọ nguậy không yên, lát sau, ghé tai chị Hoài, hí hửng: "Chị ơi, em biết khấn đúng bài kinh nhà Phật cơ".

Mắt chị Hoài đăm đăm ngước lên bàn thờ. Và khi ông Bằng vừa buông tay chắp, rút mùi xoa lau mắt, lui ra, chị liền thế chân ông cụ, hai tay nâng lên trước ngực.

Thật là một mâm cỗ quá ư thịnh soạn vào cái thời buổi đất nước còn nhiều khó khăn sau hơn ba mươi năm chiến tranh và so với đồng lương có hạn của cán bộ, công nhân, viên chức lúc này.

Tràn trề lên mặt bàn, chạm cả vào cành quất Lý cố tình để sát vào mâm cỗ cho bữa ăn thêm đẹp, thêm sang, là la liệt bát đĩa ngồn ngộn các món ăn. Ngoài các món thường thấy ở cỗ Tết như gà luộc, giò, chả, nem, măng hầm chân giò, miến nấu lòng gà, xúp lơ xào thịt bò... – món nào cũng mang dấu ấn tài hoa của người chế biến – là các món khác thường như gà quay ướp húng lìu, vịt tần hạt sen, chả chìa, mọc, vây...

Đặc sắc nhất, mà có lẽ Lý muốn bộc lộ khiếu năng, cùng tấm lòng mình nhiều nhất ở đó, là các món vịt tần, vây và mọc, nhất là món mọc. Chị đã rất tỉ mỉ, và kỹ tính hết sức khi chế biến món này. Miếng thăn được lựa chọn, giã thật nhuyễn nhừ thay cho giò sống. được chính tay chị trộn với mộc nhĩ, nấm hương, rồi nặn thành từng viên tròn trĩnh. Nồi nước dùng đảm bảo phải trong veo. Và chính tay chị vớt, chia đều ra các bát nhỏ.

Mọi người vào mâm, hân hoan khác thường.

Hàng bên kia là ba chị em dâu. Phượng vẫn giản dị. Cũng không có gì hơn là cái áo budông *simili* màu đỏ úa và cái khăn

nilông màu cà phê sữa. Chị Hoài cởi bỏ cái khăn. Hóa ra chị búi tóc, trông như một bà má miền Nam và rất thành thị. Nổi bật vẫn là Lý. Lý lộng lẫy trước hết nhờ ấn tượng của trang phục, cái áo bay Đức màu hạt dẽ có mũ buông ở phía sau, đồng màu với cái quần may ống vẩy – đúng mốt đang thịnh hành, chị rất hài lòng về cái tổ chức, và sự bật nổi về hình thức của mình. Dưới ánh đèn nêông, tất cả đường nét trên gương mặt chị, tất cả sắc màu và kiểu cách đều bộc lộ hết vẻ đẹp tới độ cần thiết và gây một ấn tượng tâm lý mạnh mẽ với mọi người. Lý đẹp và sang như một diễn viên trên sân khấu; chị tỏa ra xung quanh một không khí thơm tho, hơi đài các, nhưng đáng yêu.

Hào hứng, sáng tươi nữa là Luận. Dong dỏng thanh nhẹ trong bộ comlê tím than tuy cũ nhưng vừa giặt là cẩn thận. Luận có cái dáng thanh nhã của đàn ông thành phố. Buồn hơn cả vẫn là Đông, một thái cực đối lập với vợ. Đông không chịu chi phối của ngoại cảnh. Ngồi cạnh ông Bằng. Đông vẫn bộ quần áo bộ đội mùa đông kín cổ, nhầu nhầu.

Ông Bằng đưa mắt qua tất cả các con trai, con dâu lên tiếng trước tiên – Ông muốn giữ thế chủ động:

– Hôm nay, ba rất vui. Nhưng, có một điều ba thấy chưa hài lòng. Đó là cây quất. Lý mua bao nhiêu? Những năm trăm... Tốn kém quá!

Mọi người đổ xô nhìn vào cây quất vòm bồng nở, trĩu trịt quả đang rung rinh. Nhưng, Lý đã nhanh nhẩu:

– Thưa ông, ông tha lỗi cho con, con đã không xin phép ông trước. Thật tình thì con muốn nhân dịp vui sum họp này, có một cây cảnh tặng ông. Vả lại, hoa vô giá, cá vô ngần ông ạ.

Luận cười rất tươi, đế thêm:

– Thôi, Tết nhất ông cũng cho phá luật một tí chứ ạ.

À lên một hồi cười tán thưởng. Ông Bằng gật gật đầu:

– Ba rất cảm động, các con ạ. Hôm nay sum họp, vậy là còn thiếu có Cần, nhưng nó cũng sắp về – Ông cụ lại cố tình lờ thằng Cừ trong danh sách con cái – Đặc biệt nhất là hôm nay có Hoài. Hoài ạ, thứ lỗi cho ba, ba thì thật không ngờ. Dân tộc mình sống

có nghĩa, có tình, có những cái đó mới còn đất nước này. Ba muốn trước tiên chúc con, chúc vợ chồng con và các cháu...

Sáu cái cốc cùng nâng. Thân mật và xôn xang lời chúc qua lại và tiếng keng của thủy tinh động chạm.

– Em chúc chị Hoài thật khỏe thật vui.

– Thưa ông, con chúc ông mỗi năm mỗi khỏe.

– Chúc cô chú Luận sang năm có thêm thằng cu.

– Thế thì em chịu, em chỉ bằng chị Lý thôi.

Luận giơ cốc:

– Một con là đủ rồi.

Lý lanh chanh:

– Chưa đủ.

– Còn chị? Thôi chị ơi. Một đứa trẻ ra đời là toàn xã hội thêm công thêm việc đó.

– Xã hội nào! – Lý the thé – Tôi cai rồi. Chứ tôi muốn, ai cấm được tôi. Dào ôi, vẽ lắm. Con tôi, tôi để tôi nuôi chứ!

– Chị chưa uống đã say rồi. Sinh đẻ ít, có kế hoạch là vũ khí chống nghèo đói đó, chị Lý ơi.

– Còn lâu mới say nhé – Lý quát – Tôi hỏi chú. Ông có tới năm con. Ai nuôi cho ông?

Luận lừ mắt bà chị dâu. Đừng nên nhắc con số 5, động lòng ông cụ. Rồi lảng chuyện. Luận ngồi xuống, ghé về phía cha:

– Ba ạ, cây quất dẫu sao chơi rồi cũng còn sử dụng quả của nó được. Chứ cành đào năm sáu trăm bạc, mãn khai hết hoa là bỏ.

Ông Bằng lắc đầu:

– Xưa người sành chơi đào đĩa cơ. Chứ mua cành đào mấy trăm bạc về chơi chỉ là lối chơi của anh trọc phú hợm của.

– Đúng là chơi hoa đã có mấy người biết hoa! – Lý ve vé đi tới, nghiêng xuống giữa Luận và ông Bằng, vừa nói vừa đặt xuống bàn hai cái bát xinh xắn, ý nhị – Ông xơi món này cho nóng ạ.

Luận giật lên, kêu to liên tiếp:

– Ối! Vây! Lại cả mọc nữa! Hoan hô chị Lý! Bà này cự phách thật. Bằng chiêu đãi quốc tế đây.

Lý cười mãn nguyện:

– Phải thế chứ, không ông nhà báo đã đi ăn món bát đĩa thiên hạ lại chê!

– Xuân thu nhị kỳ thôi, bà chị ơi. Còn quanh năm suốt tháng... rau muống với cà thâm thôi.

Lý giẫy nẫy:

– Điêu chưa kìa! Ông xem Luận nó điêu không? Có bữa nào con lo mà không có miếng thịt, miếng đậu không? Không có à, cô Phượng có biết không, là lão ta rên rẫm liền: "Ăn thế này sao đủ calo mà làm việc được, chị Lý ơi!".

Phượng bụm miệng cười. Đông ngẩng lên, nghênh ngào:

– Ơ, đĩa ớt để đâu rồi?

– Vừa có một hớp mà đã say! Đỏ lòm lòm ở ngay trước mặt ông không là ớt thì là cái gì đây – Lý đay đả, vui vẻ ngồi xuống chỗ.

Không khí giản dị, đầm ấm dần. Và những câu chuyện đổi trao đã nổi lên râm ran, luôn chuyển dịch đề tài. Chuyện về các món ăn và giá cả. Chuyện gia đình chị Hoài. Hồi ức về những ngày đã qua, về cái Tết cổ truyền, về hội hè tháng giêng, về các tệ lậu đang làm nhuốc nhơ bầu không khí tâm lý xã hội. Và, lát sau, Đông và Luận lại kéo nhau vào cuộc đấu khẩu ít lâu nay đã thành thông lệ mỗi khi hai người ngồi với nhau. Có hơi men, Đông bốc, hăng cả lên. Bảo vệ quyết liệt cái thú chơi tổ tôm vì nó "thanh tao" và có "dân tộc tính" (!) Đông lại còn cố lôi kéo cả ông Bằng về phe mình.

– Kệ, hoài hơi mà nghe hai lão gàn – Lý bấm tay chị Hoài – Chị ăn món tần vịt em làm đi. Có được không, chị?

– Cô làm khéo lắm.

– Về hưu em sẽ mở cửa hàng ăn đấy, chị ạ.

– Chị cho em một chân phụ động nhé – Phượng ngoảnh lại vui đùa.

Chị Hoài nhìn Phượng, khe khẽ:

– Cô Phượng này, thế vợ con chú Cừ giờ ra sao?

– Em đang lo lắm chị ạ.

– Thế bao giờ cô đón cháu Nga về dưới này.

– Em định ổn định xong công tác, nhà cửa, hộ khẩu, với lại để cháu học hết năm học đã. Thời buổi này, làm kế toán, tài vụ, em cũng lo lắm chị ạ.

– Cứ nguyên tắc, chính sách mà làm, cô ạ. Còn vợ con chú Cừ, cô bàn với vợ chồng chú Đông, chú Luận xem nên giúp đỡ thế nào. À mà cô ấy đã biết tin chú ấy chưa?

– Còn đang giấu cả ông đấy.

– Chị biết. Ông trông vẻ ngoài thì vui, nhưng khí sắc thì kém, xem ra phiền muộn nhiều.

Lý chỉ nhấm nháp qua loa, còn nhập vai bà chủ bữa tiệc kiêm người phục dịch, hết nhấp nhổm xem xét, lại lượn đi lượn lại tiếp rượu, thêm món.

Thấy Đông vừa hỉ hả nâng cốc với ông Bằng, Lý vội bước lại, lừ mắt nhìn chồng:

– Anh Đông, ông bị bệnh đấy!

Luận đẩy cao hai ống tay áo:

– Ba để con thay. Nào, nào anh Đông. Trăm phần trăm nhé!

– Nửa thôi. Vì hôm nay giao thừa, còn phải đi chơi. Hôm nào có thằng Cần ở Liên Xô về, sẽ *đấu* thật sự.

Ông Bằng ngồi hai tay chắp bụng, giữa cái không khí tà tà của bữa ăn đang huyên náo dần. Một hớp rượu, một bát mọc, nửa bát vây, đã no ứ lên rồi. Phần nữa, không được vì cảm động vì bồn chồn. Gia đình và sự sum họp đêm giao thừa, có gì đầm ấm, thiết tha hơn. Kỳ diệu thay thời khắc này. Thiêng liêng thay cái tế bào xã hội nhỏ nhoi này. Nhỏ nhoi vậy mà là nền móng, mà kết hợp trong nó bao quan hệ. Tình cha con, vợ chồng, anh em, những quy tắc luân lý bất thành văn, bám rễ sâu vào huyết mạch, tâm cảm, giằng níu mọi người trong những giao kết, liên hệ vừa nghiêm chỉnh vừa thân mật. Nghĩ về gia đình, lòng ông bao giờ cũng êm ả, bao giờ ông cũng cố gắng tạo ra cảm giác yên lòng. Nhưng, ông biết là

ông đã cưỡng lại sự thật, nhất là từ những giây phút cuối cùng khi ông đứng trước bàn thờ nghi ngút khói hương. Gia đình ông, cái vùng không còn yên ổn nữa, nó đã phản chiếu tất cả cuộc sống ngoài đời; vả chăng mỗi người là con, là vợ, là chồng trong các mối quan hệ thì đồng thời cũng là một con người xã hội với tất cả những dấu ấn của thời đại. Sở nguyện của ông về một sự an bằng đã trở nên bấp bênh. Bà Bằng mất, ông đã một lần chịu đựng nỗi bơ vơ trong khoảng thiếu hụt. Ông không nệ cổ, thụ động. Ông vùng vẫy. Ông cần bạn và ông đã tìm thấy người bạn đó. Nhưng, việc đó giờ đây cũng có vẻ trớ trêu thế nào. Sum họp nhắc nhở đến kẻ vắng mặt, giờ ông mới nhận ra điều đó. Nghe Hoài và Phượng thì thầm, lòng ông lại nhói lên chuyện thằng Cừ hư đốn. Với bản lĩnh chủ động, ông lại chống đỡ, giữ thế quân bình. Thành ra, trong suốt bữa ăn ông cứ lửng lơ giữa hai trạng thái: Tin cậy và lo sợ, an toàn và bất ổn. Mãi tới lúc Lý kêu rạng rỡ: "Sắp giao thừa rồi", ông mới trở lại nhập cuộc, mới lại nghe thấy tiếng nói của các con trai, con dâu. "Ông ạ – Hoài nhìn ông ngập ngừng. Chú Cần có viết thư cho con, có nói chú ấy sẽ về xây dựng gia đình, chú ấy hỏi ý kiến con: Có được không?". Đông quay lại lè nhè giọng rượu: "Thế là nó bỏ cái phó tiến sĩ để về lấy vợ à!". Phượng thì thào bâng quơ: Giờ này ở ngoài ga còn nhiều người nhỡ tầu, khổ, đêm đông rét mướt thế này, chắc gia đình họ mong lắm.

"Ngoài trời, mù mịt tối, mưa lâm thâm". Lý xuống bếp xách phích nước lên nói vậy. Đêm ba mươi, lại như thời tiết của bao nhiêu đêm ba mươi đã qua trong đời người. Lý pha cà phê, giọt cà phê điểm nhịp thời gian trong cái cốc rỗng.

– Cho tôi chè thôi, cô Lý.

– Chị cứ uống đi đêm nay hai chị em thức nghe đài – Phượng nói, đứng dậy thu bát đĩa. Lý kêu: "Để tất cả đấy, Phượng. Mai hãy còn bát ăn, không phải rửa".

Tất cả chợt lặng đi, như nghe ngóng, đón đợi cái gì đó từ xa xăm.

Ông Bằng nghe rõ tiếng tim mình đập. Thời gian đang dò dẻ những bước chân nho nhỏ. Kim giây đồng hồ trên tay Lý nhích chậm chạp. Lý bê cái ghế đẩu, đứng lên, mắc bánh pháo trước cửa buồng.

Ôi giao thừa, cái đứt đoạn ước lệ chia thời gian trong chiều dài vô tận thành từng chặng.

Giao điểm của cũ mới, dấu chân của năm cũ, nốt nhạc đầu tiên của một hành khúc mới, sao mà gây cho ta nhiều hồi hộp đón chờ.

Rồi đột nhiên ngực ông Bằng giật nhói, Luận vụt đứng dậy. Lý xòe diêm. Pháo ngoài phố vắng đã nổ. Những quả pháo đầu tiên Lý châm ngòi lên tiếng. Căn buồng ran ran. Ngoài cửa sổ, cả một vùng trời đang ắng lặng bỗng bùng bùng náo động, hừng hừng đỏ, lấp lánh lửa pháo. Phượng kéo chị Hoài cùng chạy ra sân. Hai người đứng lại trong vườn cây, ngước nhìn trời. Vòn vọt bay lên, tỏa trên vòm trời đêm những vệt, những chùm pháo sáng tím biếc, hoa cà, xanh chói, đỏ tươi.

Trong buồng, những người còn lại trở về ghế ngồi.

Đã bước một bàn chân lên bậc thềm năm mới. Bàng hoàng cái cảm giác đón nhận những điều chưa được biết. Thời gian đã mở ra một chiều dài mới mẻ và hành trình lại tiếp tục với những xúc cảm tinh khôi, phấp phỏng trước mọi rủi may khôn lường.

Phá vỡ cái không khí mờ mịt, bâng khuâng của khói pháo và cảm nhận, Luận đứng dậy định chúc ông Bằng nhưng ông già đã kéo áo Luận:

– Để ba nói mấy câu – Mắt ông chớp chầm chậm, ngần ngừ lướt qua Đông, Luận, Lý.

– Các con ạ, sang năm mới, ba chúc tất cả các con: Cái may mắn, cái tốt đẹp sẽ đến nhiều và vững bền mãi mãi. – Ông dừng lại một lát, nuốt khan một hơi và gập mặt xuống, cổ nổi gân như đang có cơn co rút – Lúc này ba đang sung sướng, ba hạnh phúc vì thấy các con phương trưởng, nên người. Tường ơi, con đã hy sinh vì nước, con không hiểu con đã có một người vợ quý đến dường nào...

– Ba!

– Luận để ba nói. Ba không sao đâu. Ba thật sự sung sướng, hạnh phúc. Còn nỗi đau đớn...

– Ba! – Luận kêu, lần này thật sự hoảng hốt và bàn tay vội nắm lấy tay ông già.

– Cứ để ba nói – Ông Bằng cựa cánh tay bị giữ – ba chịu đựng được. Các con đừng giấu ba nữa. Ba cũng không tự huyễn hoặc mình nữa. Chuyện thằng Cừ hư đốn, ba biết hết. Nó làm nhuốc nhơ gia đình, làm tủi hổ vong linh mẹ nó. Nhưng các con ạ, ba chắc chắn là nó không bỏ ra nước ngoài đâu – Ông ngẩng lên, thái độ hiển hiện vẻ tự vệ – Nó không tệ như thế được! Thực tế không thể có như thế được!

Lúc ấy, ở đám đất cạnh bếp, chị Hoài cầm đèn soi Phượng gieo hạt mướp hương. Rồi chị ngắt một cành mít non. Đem cành lộc vào nhà, chị nhận ra căn buồng chỉ còn có Lý. Mâm bát rếch đã thu vào một cái rỗ lớn để ở góc buồng. Lý soi mặt trong cái gương nhỏ cầm tay, thắt lại lưng áo, chiếc ví da đen láng thủng thẳng nơi khuỷu tay. Thấy chị Hoài, Lý cười:

– Chị hái lộc rồi à? Bây giờ em mới đi đây. Chị buồn ngủ thì cứ ngủ trước với cái Phượng nhé. Ông, anh Đông và chú Luận vừa kéo nhau lên gác rồi.

3.

Ai có thể đếm được đã bao năm tháng, bao đời người đã đi qua mà cái Tết về đại thể vẫn là một?

Tết gia đình.

Tết dân tộc.

Tết đậm đà phong vị cộng đồng, quãng giải lao giữa hai chặng đường gian nan, vất vả.

Vẫn là ngày hăm ba cúng ông Táo, đêm ba mươi cúng tất niên, hái cành lộc. Vẫn là ngày mồng một he hé cửa đón đợi người xông nhà, dặn dò nhau ý tứ giữ gìn kiêng cữ cho khỏi dong cả năm dài. Ngày đầu xuân, cơm nguội không rang để cho đời khỏi khô kháo, nhà không quét để cho tài lộc khỏi thất tán. Vẫn là mùi hương hoa ngan ngát nơi bàn thờ ấy. Vẫn là làn không khí mới mẻ, hơi bỡ ngỡ, trịnh trọng. Vẫn những gương mặt cởi mở, chan hòa giữa khung cảnh trời đất tươi đẹp vì được niềm phấn chấn của con người giao hòa. Lời chúc mừng tựu trung vẫn mang sắc thái tinh hoa của nền văn hóa dân tộc, phản chiếu những khát vọng hài hòa của con người

về một đời sống no đủ, ấm áp và cao đẹp giữa các quan hệ gia đình, đồng bào, bè bạn, thầy trò.

Tết thoát khỏi cái xuất xứ từ làng quê cổ truyền ứng với thời gian nông nhàn, nhưng vẫn còn đầy đủ những nhân tố văn hóa truyền thống và trong sâu xa, vẫn là điểm hội tụ sáng đẹp triết lý nhân sinh cao cả về sự hài hòa của con người với tự nhiên, vẫn là cái biểu trưng về một cuộc khởi hành mới, dẫu biết còn gian nan mà vẫn lạc quan, hy vọng.

Ba ngày Tết, gia đình ông Bằng gần như là một khối đơn nhất. Ngày mồng một, họ ở nhà đón khách. Ngày mồng hai, tất cả kéo về làng. Thuần phong mỹ tục hội tụ mọi người trong một cảm quan nhất quán "Mồng một thì ở nhà cha. Mồng hai nhà mẹ, mồng ba nhà thầy", ngày mồng ba ông Bằng, Đông, Luận đến thăm các thầy giáo cũ của mình.

Ông Bằng qua cơn xúc động bất thường đêm trừ tịch, vốn tràn đầy nghị lực, đã trở lại thăng bằng, với bộ mặt tinh thần thật hào hứng, từ sáng mồng một Tết đón ông thợ mộc hàng xóm đến xông nhà, bà lang Chí và các cụ trong tổ hưu đến chúc Tết. Ông cũng đến chúc Tết họ, ở lại nhà bà lang Chí gần một giờ đồng hồ. Và ngày mồng ba, ông già bảy nhăm tuổi khép nép như một chú học trò nhỏ cùng bạn đồng khoa đến thăm ông thầy đã gần chín chục tuổi cung kính chúc Tết thầy, xin thầy mấy chữ làm kỷ vật. Ba ngày Tết, Đông cũng tạm rời bàn tổ tôm, đóng vai ông con trưởng khá thành thục. Chị Hoài tham dự mọi hoạt động như một thành viên chính thức của gia đình. Phượng ngoan ngoãn hiền từ, hòa làm một với sinh hoạt cả nhà.

Chỉ có Lý là tách hẳn ra.

Chỉ có Lý là không chịu bó mình vào khuôn khổ gia đình.

Ba ngày Tết, Lý chỉ tạt qua nhà để thay bộ áo khác. Ngày mồng một, trời mưa phùn, Lý mặc áo "pun", quần "jin". Ngày mồng hai, mưa ngưng gió lặng, Lý mặc áo len dệt ngoài áo dài hoa vạt cao. Ngày mồng ba, trời trở lạnh Lý khoác áo lông hải ly như bao phụ nữ quý tộc phương Tây ngày trước. Gặp Phượng, Lý khúc khích: May cho tao quá, bà Hoài đóng vai dâu trưởng đi với ông Đông, đẹp *hết xẩy*. Ngày hôm sau, chị níu Phượng ở cổng: Phượng ơi, ông Đông

hỏi, bảo tao phải gác xí nghiệp nhé. Ngày hôm sau nữa, chị ôm Phượng, riết róng: Phượng ơi, vào tuổi bốn mốt là sang bên kia dốc của cuộc đời rồi. Tao buồn quá. Tao sợ chết quá. Tao đi xin thẻ, lão thầy bói bảo tao năm nay có hạn. Mà Tết sắp hết rồi, thế có sầu không!

Nghe trong giọng nói, kiểu nói hơi trẻ con, có một nỗi khắc khoải không yên và một cơn phóng túng bột phát.

4.

– Chị Hoài, chị ngắm cái gì đấy?

Thoáng nghe tiếng xe máy phanh kít rồi lại rồ máy vụt đi, đã nghe thấy giọng Lý reo lanh lảnh ở ngoài cổng. Trong làn sương mờ lúc chiều xuân, từ khu vườn nhìn ra, nhận được ngay ra Lý vừa chụp cái mũ liền áo lên che đầu, lách qua khe mở của hai cánh cổng sắt, bước vào. Lý đang nghỉ phép, để kéo dài thêm niềm vui của cái Tết ba ngày ngắn ngủi. Ai đó vừa đèo xe máy đưa chị về.

– A, chị trồng hộ em cây quất ra vườn rồi cơ à? Cám ơn chị Hoài quá!

Lý đứng lại, tháo đôi găng tay đen, xoa gương mặt nõn nà ướt hơi mưa sương, lại hớn hở reo.

Chiều xuân ẩm đang ngả bóng mờ trong khu vườn.

Đó là một khu vườn nhỏ thường thấy ở những biệt thự xinh xắn trong thành phố này. Người dẫu có thế nào, cũng vẫn còn quyến luyến cây xanh. Và, căn nhà nhỏ nằm giữa cho cây xanh bao quanh như bức tranh thu nhỏ lại, nói lên một điều phổ quát cao xa: nền văn minh của con người trỗi lên giữa tự nhiên và họ còn nhớ mãi điều đó.

Ở thành phố, đất vốn đã hiếm. Ở đây, vườn cây, chỉ được dành một khoảng hẹp, chủ yếu là ở bên phải căn nhà, thêm chút ít ở phía sau và lấn lên cái nền phần nhà đã phá sau cơn hỏa hoạn. Tuy vậy, không gian chật chội vẫn đủ thu xếp cho cuộc hội tụ của cây. Khu vườn vẫn rõ nét sức sống cây xanh nhiệt đới và đậm đà phong cách tao nhã, thể hiện tính thiết thực và năng khiếu thẩm mỹ của con người.

Mở lối đón từ cổng vào là hai cây thông bách tàn yểu điệu nghiêng mình. Tiếp đó, phía trái là bụi trúc nhỏ tỉa tót kỹ càng, gây cảm giác khó chịu về vẻ cằn cỗi, giả tạo của kiểu núi non bộ, nhưng bù lại, phía đối diện xanh um một khóm mai xanh thả bóng rườm rà. Dọc theo bờ tường, áp sát gốc mai, chạy về phía sau khoảng hơn ba chục thước là phần chính của khu vườn. Nơi đây không theo một hàng lối, khuôn thước nhất định, những mít, ổi, nhãn, vải, táo, sấu, xoài chen nhau từng tấc đất không thừa thãi, nhưng thoải mái giao cành. Tất cả các chủng loại dường như đều cùng một lứa, giờ cao ngang tầm nhau và đang ở thời kỳ sung sức nhất. Cây nào cũng như được chọn trong đồng loại, ngùn ngụt sức sống, khiêm nhường đứng cạnh nhau, tạo nên một mảng xanh xẫm, nhạt dần sắc độ khi vòng sang phía trái căn nhà và chấm dứt ở hàng tường vi giới hạn phía sau, nơi cư trú của các loại hoa thảo. Ở đây rậm rì các bụi xa căn, bạc hà. Ở đây, layơn thập thò những tai hoa mảnh như lụa, cạnh những khóm ngọc trâm hoa trắng như tuyết và những chậu cúc đơn, cúc đại đóa vàng rượi như một vệt nắng vừa rớt xuống.

Cạnh bếp là cái nền phần nhà đã cháy, lởm xởm xanh mờ cỏ gà dưới chân một cái xà đơn, đôi bánh xe goòng, mấy quả tạ gang, dụng cụ tập tành của mấy người đàn ông trong nhà. Ở đó, mấy ngày nay đã xuất hiện một cái dàn làm bằng tre khô, nó chờ đợi những hạt mướp hương chị Hoài mang lên, Phượng gieo đêm ba mươi Tết, nảy mầm, vươn ngọn leo lên.

Vào mùa này, chim chưa trở lại, cây qua mùa lá rụng đang bật nẩy chồi non, khu vườn tỏa một làn không khí tươi lành và thanh tịnh, rất dễ chịu. Nơi đây, sau những giờ làm việc mệt mỏi, ông Bằng có thói quen hay đi đi lại lại để thư giãn. Cũng có lúc ông ngồi ngả lưng xoải dài tay chân, trên cái ghế đá đặt dưới một cây táo. Cây có một khuôn mặt dịu dàng, dưới bóng cây, mệt nhọc được giải tỏa và những phiền tạp trong đời sống thường ngày được thanh thải khỏi tâm hồn.

Dừng lại dưới bóng cây, nhìn thấy người phụ nữ nông thôn đang vun đất quanh cây quất mới trồng, Lý có một giây bỡ ngỡ, xa lạ. Tưởng như lần đầu tiên Lý nhìn thấy chị và khu vườn. Trong giây lát, vai Lý thõng xuống, chị thở một hơi dài, có cảm giác tất cả các đầu dây thần kinh và mạch máu đều buột ra khỏi hai điểm

căng níu, mềm xỉu đi. Sau mấy ngày cuốn mình trong vui chơi ồ ạt, náo động. Lý vừa bắt gặp một nhịp điệu khác hẳn – nhịp điệu êm ả, thư thái của khu vườn.

Quả thật khu vườn có một nhịp điệu riêng.

Và bây giờ, đó là nhịp đều đặn, khoan thai của cây chổi trong tay chị Hoài, và tiếng lăn rào rào của lá khô theo hơi gió tạt trên nền đất ẩm.

– Chị Hoài, chị quét làm gì! Có lần em quét, ông không nghe, ông bảo: Để lá khô cho nó tự nhiên.

Lý thốt nói, rồi tần ngần gỡ cái khăn quàng cổ, mắt thoáng bần thần như đang cố nhớ lại cái buổi Lý quét lá cuối cùng.

– Quét một tí cho nó sạch. Cũng có việc gì nữa đâu. Thăm hỏi hàng xóm, người quen thì cũng suốt lượt rồi. Cô Lý này, lúc rỗi rãi, bắc cái ghế ra đây ngồi chơi, không có con ruồi con muỗi cũng thích lắm, cô ạ. Mùa hè, ừ, chỉ ít nữa thôi, ngồi ở đây ngửi thấy cả mùi thơm hoa hoàng lan từ nhà ông xích lô đầu phố đưa về kia. Thơm lắm! Tôi nhớ, cái hồi tôi ở đây, cái phần nhà kia chưa cháy, chiều chiều gia đình ta, bà lang Chí, và mười mấy gia đình nữa đem ghế ra đây ngồi chơi, trò chuyện vui lắm.

Người phụ nữ tựa cán cây chổi cọ vào thân cây nhãn. Câu nói dài, nhuần nhụy, đưa nỗi nhớ về tít xa. Chị đang nhớ! Nỗi nhớ dâng tràn cặp mắt hai mí đằm thắm và gương mặt hồn hậu. Rồi chẳng cần biết Lý đang nghĩ gì, chị bước lên, giọng bỗng náo nức lạ thường:

– Cô Lý ơi, cây mít này hồi tôi lấy anh Tường nó mới bói quả đầu tiên, thế mà giờ nó đã lớn chừng này rồi. Còn cây táo này, tôi nhớ anh Tường trồng, ngọn nó chỉ cao bằng chú Luận hồi đó. Tôi nhớ, anh Tường ba mươi, hơn chú Đông năm tuổi. Chú Luận chỉ mới mười bốn mười lăm. Cây táo lớn quá, nhưng tôi vẫn nhớ cái dáng ngả, chẽ ba cành của nó.

Người phụ nữ đi trong vườn cây, thỉnh thoảng lại dừng lại vỗ nhè nhẹ vào từng thân cây, như người mẹ đi xa về vỗ về, ve vuốt những đứa con yêu. Thân thiết quá, cây vải, cây nhãn này, chị mang từ quê lên. Khóm trúc kia chị tưới tắm, bắt sâu bọ măng cho nó. Cây ổi nọ chị hái búp sao làm thuốc cho bà, cành cụt nọ chị cắt làm chạc súng cao su cho Cừ và Cần.

– Tôi còn nhớ những buổi chiều hè, ông ngồi đọc sách ở cái ghế đá dưới gốc táo kia. Từ hồi nhà dọn về đây đã có cái ghế ấy rồi. Còn khu vườn, hồi đó còn thưa lắm. Nắng chan hòa cả. Chú Đông, chú Luận hay tập thể dục ở đây. Tôi kéo một cái dây thép từ bờ tường kia tới ống nước cạnh nhà, phơi quần áo của cả nhà vẫn chưa hết chỗ. Dạo đó tôi làm ở công trường xây dựng nhà máy thuốc lá Thăng Long. Một hôm tôi đi làm về, anh Tường bảo tôi cùng anh ra ngồi ở cái ghế đá kia. Anh nói với tôi: Hoài à, anh đi lần này không chắc đã về...

Người phụ nữ buông lững câu nói, quay đi, đưa tay che mặt. Lý rơm rớm nước mắt, Lý không thật hiểu cái gì vừa xảy ra ở Lý, ở chị Hoài. Lý không có kỷ niệm. Lý chỉ nhớ lũ con nhà ông thợ mộc cột nhà cháy hay trèo tường sang hái trộm hoa quả và có lần lấy cái khăn *voan* của Lý.

– Anh Tường đi Nam năm *năm chín*, chị nhỉ? – Lý hỏi, như buột miệng.

– Năm ấy đấy, cô ạ – Người phụ nữ quay lại, giọng nghèn nghẹn – Năm ấy quân ta bắt đầu mở đường giải phóng miền Nam, tôi nhớ lắm. Tôi nhớ *năm nhăm*, anh ấy cưới tôi.

Mặt người phụ nữ hơi gằm xuống. Chị đưa tay, gạt sợi tóc mai vương trên má, giọng bỗng nhỏ hẳn đi:

– Anh ấy biết tôi từ năm *bốn nhăm*, cô Lý ạ.

– Trời, lâu thế kia ư?

Người phụ nữ ngẩng lên, đôi mắt thật kỳ lạ, trẻ như mắt thiếu nữ, lóng lánh sáng. Và đôi môi chị se khô tỏa ra một nét cười vừa sung sướng vừa ngượng ngùng:

– Nó là cái duyên, cái số, cô Lý ạ. Dạo đó, đơn vị anh ấy đóng hai tháng ở làng tôi, luyện tập để đi Nam tiến. Cô biết phong trào Nam tiến hồi đó chứ! Cả làng tôi giã bánh dầy làm lương khô cho các anh. Ôi, sao hồi ấy vui thế! Cối giã bánh thậm thịch suốt ngày suốt đêm. Tôi vuốt bánh. Vuốt bánh vất vả lắm, cô Lý ạ. Nếp nhuyễn dính chặt vào chầy, phải kéo, phải vuốt thật khéo. Thế rồi một hôm lúc đơn vị anh sửa soạn lên đường, anh đột ngột gọi tôi ra cạnh cây rơm "Cô mình này – Anh nói – đôi tay em đẹp quá. Em có bằng lòng làm vợ anh không?". Tôi rủn hết cả chân tay. Rồi anh ấy đi.

Thình lình năm *năm tư* anh trở về làng tôi. "Cô mình còn nhớ anh không?". Câu đầu tiên anh ấy hỏi tôi thế! Tôi không trả lời, bật khóc tấm tức. Sao lúc ấy tôi lại khóc nhỉ?

Mắt người phụ nữ dàn dụa. Cảnh ngày nào như đang tái hiện. Chị lắc đầu, rồi ngẩng lên, hoài cảm vẫn vương vấn trong tâm trí.

Nhưng, hình như không quen phô bầy quá lâu kỷ niệm riêng, chị liền quay mặt lại nhìn Lý và vỗ nhẹ vào thân cây vải đứng cạnh, giọng hửng lên:

– Cô Lý này, cây nó cũng biết cảm xúc, biết nghe nhạc đấy. Ông bảo tôi thế. Có lần, ông đọc sách, kể cho tôi, anh Tường nghe. Có một nhà vũ đạo Ấn Độ sáng nào cũng tập múa mười lăm phút theo tiếng đàn ở vườn hoa. Ông nhận ra những bông hoa ở đấy bao giờ cũng nở sớm hơn ở những nơi khác.

"Bà này quê mùa mà lãng mạn ghê!". Lý nghĩ, mỉm cười, ra khỏi sức lôi cuốn của câu chuyện của người phụ nữ nọ. Thực sự là Lý đã đứng lặng nghe chị nói. Lý đã hết sức cảm thương quý mến chị.

– Cô Lý ạ – Người phụ nữ sáp lại cạnh Lý, giọng trầm trầm, buồn mênh mang – Tôi quý nhất gia đình ta ở cái nghĩa, cái tình. Tôi tiếc quá. Giá mà tôi có một đứa con với anh Tường.

Vườn cây như rung động, rào rào chuyển lá.

Ngẩng lên, Lý muốn thoát ra khỏi những quyến rũ ủy mị. Chị nhận thấy, trên cành nhãn, cành vải, nhu nhú những hạt sương treo, trông như những giọt nước mắt.

Hai người đi vào nhà thì gặp Luận chạy xộc ra.

– Chị Hoài, chị Lý đã thấy Phượng về chưa? Quái sao giờ này còn chưa về là thế nào nhỉ? – Giọng Luận lo âu thái quá. Lướt qua Luận, Lý quay mặt đi, giọng tưng tửng:

– Ngày đầu đi làm để người ta xem mặt đã chứ!

Chị Hoài nhìn Luận, mắt chớp chớp, ngần ngừ:

– Ừ, ngày đầu nhận việc chắc còn phải gặp các phòng, các ban, còn bàn giao nên cô ấy về muộn một tí đấy thôi, chú ạ.

Luận ậm ừ, mặt càng đăm chiêu. Anh đang chờ vợ đi làm buổi đầu tiên về. Buổi đầu tiên kết quả thế nào? Càng chờ càng sốt ruột. Thông thường, buổi đầu tiên không thể quá giờ được. Nhẩm tính rồi. Lấy xe cho là mất năm phút. Từ xí nghiệp về đây, già dặn là hai mươi phút. Vậy năm giờ kém năm là có mặt ở cổng rồi. Thế mà bây giờ đã sáu giờ mười. Chiều nay Luận ở nhà viết bài. Viết xong, ngồi chờ. Chưa bao giờ được hưởng thú thẩm mỹ là chờ vợ đi làm về rồi cùng ăn cơm, cũng như mấy ngày Tết hưởng cái hạnh phúc nho nhỏ là đi thăm hỏi mọi người cùng vợ. Hai người đã xa cách nhau gần chục năm trời, nhiều lúc như lãng quên cả những niềm vui của đời sống đôi lứa. Nhưng, càng chờ càng sốt ruột. Đường phố giờ cao điểm đầy xe, kẻ đi ẩu không ít, Phượng lại mới ở tỉnh lẻ về. Tai họa, còn những gì nữa, nguýt ông em chồng:

– Thôi, mặc lão, chị. Cứ như vợ chồng mới cưới không bằng.

– Thì chú cứ vào ăn cơm trước đi. Ngộ nhỡ cô ấy còn gặp bạn bè, còn rẽ vào đâu đó mua bán cái gì thì sao nào!

Nói với lại như để trấn an Luận xong, chị Hoài mới chịu theo cái kéo tay của Lý, lên gác, vào buồng vợ chồng Lý.

Mấy ngày chơi ở đây, đây là lần đầu tiên chị vào buồng vợ chồng Lý. Những lần lên gác, thu dọn buồng ông Bằng theo một thói quen từ ngày làm dâu đã xa, chị có gặp Lý nhưng chưa bao giờ Lý mời chị vào buồng. Cứ nghĩ, cô ấy giữ kẽ, hay có điều gì không tiện phô phang cho người khác biết. Nào ngờ, căn buồng tuềnh toàng và thiếu ngăn nắp quá. Lạ nữa là một người ưa đẹp và khéo như Lý sao lại để nơi ăn chốn ở luộm thuộm như vậy. Cứ như nơi ăn ở tạm bợ. Buồng rộng, đồ đạc có vẻ nhiều, nhưng tất cả đều gói kín trong các bao tải, túi ni lông, hòm gỗ, hòm sắt dưới gầm giường, gầm tủ, và chất đống ở một góc nhà. Không có sự kê dọn, bài trí, ngoại trừ cái giường mô đéc chân lùn kê trước cái tủ gương kiểu cổ, trán tủ, bệ tủ chạm khắc chim hoa rườm rà. Góc buồng đối diện với đống đồ đạc bọc gói là nơi để những là ngựa gỗ, xe đạp con, búp bê, bàn tính, bàn cá ngựa, những đồ chơi bằng nhựa, chắc là của Dư, con Lý hồi còn nhỏ. Từ cái khung xe đạp kiểu *Mifa* bao bọc kín các tuýp, chị để hở cái càng *phuốc* nguệch ngoạc sát vào tường.

Chị ngồi đây, em pha nước – Lý vứt cái áo khoác trên giường – Chị nhìn nhà em xem, có đúng là tiếng cả nhà không? Gói, bọc, hòm xiểng kia là của người ta gửi. Mình, đến cái bàn nước cũng không có. Ơ, cái phích nước đâu rồi. Quỷ tha ma bắt cái nhà ông Đông lại xách đi hội tổ tôm rồi. Chị Hoài ạ, không ai vô tích sự như cái nhà ông Đông này. Hôm Tết, lập lá số tử vi cho ông ấy, ông thầy bảo: ông ta mệnh *vô chính diệu*, tức là loại người chẳng làm nên cơm cháo gì cả. Thật cứ tức anh ách mà phải chịu. Chị ngồi đây, em cắm điện, đun ít nước nhé!

– Thôi nước nôi làm gì! Cô ngồi đây, chị em nói dăm ba câu rồi tôi phải đi một lát.

– Chị định đi đâu bây giờ?

– Hôm qua gặp bà Chí, bà ấy lại mời đến chơi. Cũng là chỗ quen thân ngày trước cả. Ờ, cái buồng này ngày trước chú Đông, chú Luận ở đây. Ông bà ở bên kia. Ông rèn tập con giai ráo riết lắm, nhất là cậu Cừ. Còn ở dưới nhà, buồng vợ chồng cô Phượng xưa là kho hẹp lắm.

Lý nghiêng đầu, gỡ cặp tóc, thuỡi cái môi dưới:

– Thì chị bảo, ở cái nhà này, có ai sướng bằng nó không? Tự dưng được hưởng hết mọi thứ. Chuyển công tác về thành phố này, nhà cửa có sẵn này. Nhẽ ra cái buồng ấy là của em, em lấy để dành cho thằng Dư chứ. Lại còn cái ông Luận, trông có mẽ thế thôi chứ lương phóng viên ăn nhằm gì. Không có ông cụ dúi cho, nay trăm này, mai trăm khác, thì có ối ra đấy mà ăn tiêu.

– Chết tôi tưởng... ông cụ thì làm gì có tiền.

– Thế thì chị không biết rồi – Lý trợn mắt – Sổ tiết kiệm này. Lại còn nhẫn, xuyến bà cụ. Bán đi thì cũng vẫn còn. Chị thấy buồng cụ không? Toàn những thứ đáng tiền cả đấy – Lý thở đánh thượt – Thật, khổ nhất cái nhà này là em. Đứng mũi chịu sào, trăm cái tội cái nợ đổ lên đầu em hết. Chị tính, Tết vừa rồi, tiêu pha thế chứ tốn kém bạc nghìn chứ ít à. Rồi bây giờ, cái Phượng nó lại về đây. Em bảo nó: Ăn chung là dứt khoát không nên rồi. Nhưng ăn riêng, ở riêng vậy cũng phiền lắm. Mình ngộ may có được cái này cái khác, thiên hạ người ta nói ra nói vào...

– Anh em trong nhà ai lại thế!

– Ôi giời, hoàn cảnh nó sẽ nẩy nòi ra cái tính ấy chứ chị. Chung quy lại là cái *mệnh* em. Mệnh em là mệnh *thoa xuyến kim*, tức là chuyên đi làm cho người khác hưởng, như là cái thoa, cái xuyến, vàng thật đấy, nhưng là để trang sức cho người ta thôi, chị ạ.

Chị Hoài cười gượng:

– Cô còn tin số mệnh thế kia à!

– Khoa học đấy chị ạ. Bây giờ, bọn em, đứa nào cũng chăm lễ bái lắm nhé...

Đang sôi nổi, Lý bỗng dừng. Dưới sân có tiếng kêu thất thanh của Luận. Tiếng Luận nghe hốt hoảng lắm. Chị Hoài vội bước ra cửa, chạy xuống thang gác.

Luận và Phượng đang đi vào nhà. Mặt Phượng cúi gầm. Cái khăn không thắt, để hờ trên vai.

– Phượng mất xe đạp rồi, chị Hoài ạ.

Luận nói, cố giữ giọng bình tĩnh, Chị Hoài kêu giật:

– Mất lúc nào, cô?

Phượng đứng lại, hai con mắt đỏ hoe, giọng ngàn ngạt:

– Em dựa xe ở trước cổng xí nghiệp, khóa hai khóa. Nửa tiếng sau ra thì không thấy đâu nữa.

– Thế đã tìm hết các nơi chưa? Báo cơ quan, trình công an chưa?

Chị Hoài hỏi dồn. Lý xuống từ lúc nào, đứng ở cân cầu thang, tay chống nạnh, nghe chị Hoài nói xong, rít:

– Có mà tìm đằng giời! Thằng cha nào xông nhà cô năm nay? Có phải lão thợ mộc không?

Chị Hoài nắm tay Phượng, xót xa:

– Thôi vào nhà đi đã, Phượng. Cứ bình tĩnh. Sao tay em lạnh giá thế này!

Lý đủng đỉnh bước ra, nhìn Luận, nhơn nhơn:

– Của đi thay người cũng là may đấy, cậu Luận ạ. Bây giờ ăn trộm ăn cắp, nó tinh vi lắm. Hai khóa đã đi đến đâu. Nó còn xịt cả ête vào cho ngủ mê mệt đi rồi mới vào khuân đồ đạc kia. Hừ, có

của thì phải chịu khó mà giữ chứ. Hai khóa! Chứ mười khóa mà mất thì cũng cứ mất!

5.

– Chưa được vào! Chưa được vào!

Đông ngập ngừng ở ngưỡng cửa, láng máng nghe thấy tiếng Lý hắt ra. Trời sáng lờ mờ. Đám tổ tôm chơi bù mấy ngày Tết kéo một mạch cho đến tận giờ. Giờ, Đông buồn ngủ quá. Buồn ngủ thật. Đến lạ, đứng dậy ra khỏi cái chiếu tổ tôm là mắt đã díp lại rồi.

Lý lại quát một lần nữa. Nhưng cơn buồn ngủ nó không cần biết, nó cứ đẩy Đông vào. Mắt hấp him, chân lệt xệt, tay quờ quờ, dáng điệu cử chỉ y như những đêm đi chơi khuya về, không dám bật đèn. Đông lần mò sờ soạng tìm cái giường.

Đông đã tìm thấy cái giường, sờ trên chiếu thấy những quân bài tú lơ khơ bừa bộn, gạt đi, ngẩng lên thấy lờ mờ một hình khối thân thể phụ nữ sáng mờ và tiếng kéo áo loạt xoạt, biết là Lý vợ mình, nhưng không cưỡng được cái ngủ, chẳng nói được một câu, lăn ạch xuống giường.

Lý đã dậy và từ lâu đã đứng trước gương. Nghe thấy tiếng Đông ngáy, quay lại, vứt cái áo vừa túm lấy che ngực lườm chồng một cái thật nặng, rồi lại trở về với bóng hình mình trong gương.

Lý đang soi gương thử chiếc *xu chiêng* mới, chiếc *xu chiêng* ni lông, cỡ bốn mươi, màu da người.

Trong gương, bây giờ là một cô gái mình trần, đẹp mỡ màng. Gương tầu, soi rất thật mặt, mà lại như soi một người khác, một thiếu nữ đã nẩy nở chín mùi, hoàn thiện về thể chất và sắc đẹp được trời phú bẩm của mình, chị hướng sự chú ý tới cái đẹp thiên về bề ngoài, và ít lâu nay bỗng nảy sinh một khoái cảm mới: ngắm mình gần như khỏa thân trước gương mỗi sớm mai trở dậy. Như giờ đây, chị yêu thích vẻ sắc sảo, hào hòa của mỗi đường nét trên mặt mình, và làn gương theo thế đứng mỗi lần thay đổi của chị, lại một lần hiện lên đến táo bạo những nét hình uyển chuyển như biến ảo, khiến chị ngợp trong kiêu hãnh và thân hình như nở bung vì đã tới tột đỉnh của hài lòng. Chị cười với mình trong gương. Chị đưa con

mắt lá dăm tình tứ liếc mình trong gương. Chị uốn éo đi lại trước gương. chị yêu thích làn da trắng hồng mơn mởn thanh tân và nhiều lúc xoa vỗ bắp tay, bả vai, bộ ngực hừng hực sức sống của mình, chị rơi vào trạng thái đê mê nhục cảm.

Lý thuộc loại phụ nữ qua thời thiếu nữ mới thật sự hoàn chỉnh vẻ đẹp giới tính. Vào tuổi bốn mươi, chị đẹp đầy đặn, toàn vẹn và thuần thục.

Thực ra, cô nữ sinh Lý, ngay từ những năm đầu lên thành phố vừa học vừa tập nghề may dưới sự bảo trợ của ông chú bà thím giàu có, hiếm con, tốt bụng, trông đã ngồ ngộ, hay hay lắm rồi. Những câu đùa chớt nhả, những lời ướm hỏi bóng gió và cái lối tán tỉnh cô cái ý thức về ưu thế của mình và cô đã ra sức chăm chút cho nó. Tuổi mười lăm, da óng ả, tuyết nhung, mắt lóng lánh sáng trong. Lý đã thấy thinh thích cái nhìn đưa đẩy, một cái vuốt má nghịch ngợm của một người đàn ông. Cửa hàng may *"Mon tailleur"* của ông Lý ở cạnh nhà vợ chồng viên quan ba tàu bay chính quyền Bảo Đại. Cô vợ là nữ sinh trường Đồng Khánh, lấy chồng, bỏ học, ở nhà chỉ lo việc nội trợ. Viên quan ba đã tứ tuần còn rất trai lơ, mỗi lần ở sở về, đi qua cửa hàng may hay ngó vào nhay nháy mắt, và tìm mọi cơ hội để vuốt má Lý. Đó là thói quen của gã đối với Lý, nhất là những lúc Lý sang chơi hoặc giúp đỡ vợ chồng ông ta việc này việc nọ. Còn cô vợ mỗi sớm tha thướt cái áo dài hoa hiên ra chợ, ngồi ở các hàng bún gà, sào vịt, giò chả ngon lành nổi tiếng, đến chín giờ, đủng đỉnh xách hai cái làn đồ ăn về qua, thế nào cũng ngó vào cái cửa sổ Lý vẫn ngồi học và tập may, thánh thót: "Cô Lý chăm quá! Chưa đi học kia à? Hay là thôi học, sửa soạn lấy chồng đấy? Để chị làm mối cho một ông quan ba nhé. Thích quan ba tàu bay hay tàu bò nào?".

Một ngày kia, trước mặt cô thiếu nữ xuất hiện một chàng trai sĩ quan, mũ đính sao vành vàng, lưng kênh kênh khẩu K.54. Thành phố vừa đón các chiến sĩ từ vùng kháng chiến về giải phóng. Vợ chồng viên quan ba tàu bay đã tếch vào Nam. Nghe ngon nghe ngọt, ông chú bà thím cũng rục rịch ra đi. Lý đã không nghe theo lời mơn trớn, vỗ về và dọa dẫm của ông bà chủ hiệu may *"Mon tailleur"*. Lý theo tiếng gọi của trái tim thiếu nữ. Trong cái thiện cảm và kính trọng của người thành phố với những chiến sĩ giải phóng mình, có

cảm mến rồi yêu tha thiết ngay anh đại úy quân đội nhân dân Việt Nam nọ sau vài lần anh đến nhờ *lovê* hộ một cái gấu quần, lộn cổ hộ cái áo sơ mi. Tình yêu của cô nữ sinh tập sự thợ may với anh bộ đội gốc trai thành phố ra đi kháng chiến chín năm, giờ đóng lon quan ba, được hình thành sau khi thành phố sạch bóng quân thù được hai tháng. Nhưng phải tới năm 1960, họ mới tổ chức đám cưới.

Lấy Lý, Đông mãn nguyện. Lý xinh đẹp, ít học nhưng thông thạo thực tiễn và đảm đang. Lấy Đông, Lý cũng mãn nguyện. Cái mộng thành vợ một sĩ quan như cô nữ sinh Đồng Khánh áo hoa hiện có một thời vẩn vơ, lưu giữ trong tâm trí Lý bị những cảm quan mới mẻ và thực tế dữ dội của cuộc sống làm tan loãng. Đông gần như xa nhà suốt từ năm 1961 cho đến tận khi hòa bình lập lại. Anh chỉ được sống với vợ trong những ngày nghỉ phép năm, hoặc về thủ đô họp hành, học tập. Năm 1963, Lý mới sinh thằng Dư và dọn về ở hẳn với ông bà Bằng; khi ấy chị Hoài đã đoạn tang chồng, trở về quê, và Lý theo lời khuyên của Đông, đã xin vào làm ở một cửa hàng ăn uống của thành phố.

Tựu trung Lý vẫn là một phụ nữ thông minh, quyền biến, đầy ý chí tự lập. Chị một mình nuôi con, ngay từ lúc thằng Dư còn trứng nước, nhất định không hé răng nhờ cậy sự giúp đỡ của ông bà nội nó. Có vài cuộc va chạm mẹ chồng nàng dâu đã xảy ra, nhưng không để lại không khí căng thẳng ở ngoài mặt. Đông về phép thấy vợ vất vả: Nuôi con, nội trợ gia đình, tham gia công tác, nhưng thấy mọi việc đều suôn sẻ thì yên lòng. Quả thật thằng Dư khỏe mạnh, được Lý chăm sóc hết sức chu đáo, từ miếng ăn, manh áo tới việc học hành. Và trong sự chăm nom của Lý, hai đứa em sau rốt là thằng Cừ và thằng Cần – Luận đã đi bộ đội – cũng sống rất thoải mái như con nhà khá giả. Đông quý vợ vô cùng. Chính vì vậy đã có lần làm nổi cơn ghen của bà mẹ, bà đòi nọc Đông ra để đánh roi vì tội cả gan nghe vợ, và ông thiếu tá Đông lúc đó, cũng đã chấp nhận để giữ được mọi sự thuận hòa.

Đông từ lúc còn là học trò trường Bưởi đã tham gia phong trào học sinh cứu quốc. Mười sáu tuổi, gia nhập Trung đoàn thủ đô ra đi kháng chiến, theo gương anh cả Tường, công nhân nhà máy điện, đã xung phong Nam tiến. Kháng chiến lần thứ hai, Đông đều ở nơi đầu sóng ngọn gió, lúc khu 4, khi Trường Sơn, lúc B, khi B biên

biệt. Cuộc sống chiến sĩ tạo cho Đông một nếp sống, nếp nghĩ lành mạnh, giản dị. Anh hoàn toàn yên dạ về gia đình. Trong khi bạn bè không ngớt lo âu về gia đình thì Đông gần như vô lo, kể cả việc tiêu pha lương xướng.

Lý đã không phụ lòng Đông. Chị yêu chồng, quý con. Trong những năm ấy, chị có cái tâm lý của người phụ nữ đã yên bề gia thất, một người mẹ đã có một đứa con trai kháu khỉnh, một người vợ đang có một ông chồng sĩ quan ngoài tiền tuyến. Vả chăng có đôi ba anh chàng si tình bị vẻ đẹp cái thời gái một con của chị hấp dẫn, tỏ ra quyến luyến chị thì chị cũng vô tình không để tâm tới, hoặc vì bận rộn mà không có sự cảm nhận tinh tường. Chị có đọc tiểu thuyết xưa đâu mà rung động với những mối tình thầm. Thực ra, chị có nhận được mấy lá thư tình. Có một ông thiếu tá nào đó gửi cho chị một lá thư dài: "Lý không biết tôi đâu. Nhưng, tôi biết em. Mai tôi đi vào mặt trận rồi, tôi muốn nói lời cuối cùng với em: Tôi yêu em, từ lâu rồi, mặc dầu đã biết rằng... đã muộn, đã lỡ". Chị bảo ông ta là hâm, là ngớ ngẩn, và đưa lá thư ấy cùng những lá thư tương tự cho các bạn xem để cùng... cười. Vớ vẩn hết, tất cả những tình đầu, tình thầm, tình muộn, tình lỡ làng...

Những ngày ấy đẹp dung dị biết bao!

Những ngày ấy, Đông ở xa mà chị sung sướng.

"Ông trung tá nhà tao được cái đức ăn, đức ngủ là không ai bằng. Một cân gạo một bữa, tao không nói ngoa. Còn ngủ, đặt mình chưa đầy phút đã thành chiến sĩ thi đua kéo gỗ ngành lâm nghiệp rồi!". Chen vào lời bà bạn, chị lanh chanh kể về chồng mình với một thái độ kiêu hãnh, yêu quý không che giấu.

Ngày ấy, cuộc sống bình dị và rất khác bây giờ. Chiến tranh thu hút toàn bộ nghị lực của mọi thành viên dân tộc và mặt trận hướng dẫn đạo đức, tình cảm của con người. Ngày ấy, có thể sống gian khổ, thiếu thốn mà không kêu ca. Ngày ấy, những đòi hỏi cá nhân bị dồn ép lại. Ham muốn khát khao không có hoàn cảnh kích thích, con người chưa phải đối đầu với cuộc sống bị nhiều ngoại cảnh chi phối.

Giờ thì cuộc sống triển khai trên hai hướng: phong phú hơn và phức tạp hơn. Lý cũng vậy, không ra ngoài lệ đó. Điều riêng biệt

của chị có lẽ chỉ là ở chỗ: khi vào buổi ổn định, chị bỗng đẹp hẳn lên và cá tính chị thật sự phát triển hết mức.

Một bận chị đang đi trên hè phố, bỗng nghe thấy một tiếng gọi hết sức nồng nàn: "Lý, Lý ơi". Chị đứng lại trước mặt ông già mặc quân phục xanh, đeo quân hàm đại tá, cố nhớ mà không nhớ được ông là ai. "Tôi là người cách đây gần hai chục năm đã gửi một lá thư cho Lý. Chà, Lý vẫn trẻ và có phần đẹp hơn hồi ấy". Ông tự giới thiệu và ghi địa chỉ. Hóa ra ông đại tá đã về hưu này ở cạnh cửa hàng may *"Mon tailleur"* ngày trước và ông chính là tác giả của lá thư thổ lộ mối tình muộn mằn với Lý đã đem ra giễu cợt cùng bạn bè. A, hóa ra đời lắm cái lắt léo, éo le, kỳ lạ và lý thú mà Lý chưa hề được hưởng thụ hoặc không biết mà hưởng thụ. Ôi, Lý đẹp và khôn ngoan. Đã có cuộc ghen thầm của mấy anh trong phòng. Đã có sóng gió giữa mấy anh vợ bìu con díu. Sóng gió chao đảo cả ông giám đốc đã có cháu nội. Ông không một lời nói quyến rũ, không một cử chỉ bờm xơm với Lý. Nhưng, một hôm ông cắp cặp đi. "Tớ đi vì cô em đây, Lý ạ". Ông nói vậy với vẻ tiếc nuối thành thật. Trời! Lòng đàn ông mà không ngờ cũng âm thầm, kín đáo và sâu sắc vậy!

Những chuyện ấy có thể để lại dư âm dai dẳng và nuôi những con cuồng hứng đột khởi thầm lặng trong Lý; nhưng có lẽ cũng chỉ vậy thôi, nếu như không có những nhân tố kích động khác. Đông trở về, do cá tính và sự hun đúc của môi trường, sống với những quan niệm khác chị. Chị đáng yêu và được nhiều người quý chuộng. Cạnh những người biết trọng cái đẹp thật sự, cũng không ít kẻ ưa thích ham muốn chị ở cái phần tăm tối trong chị, cái phần này chị cũng dư thừa, dồi dào như cái tốt của chị.

Cuộc sống đang pha tạp. Những khó khăn tất yếu của đoạn đầu trên chặn đường thời kỳ quá độ, đang làm nẩy sinh những thói xấu ghê người. Giao lưu thông tin và những ảnh hưởng tứ xứ đang kích thích bản năng bấy lâu bị dồn tụ. Chị bừng lên, đẹp hơn, giới tính bộc lộ đầy đủ hơn và đáo để hơn. Những ao ước trong sáng lớn dậy cùng những khát vọng mây mù. Yêu đời nồng nhiệt và những hoan lạc thầm kín cùng bộc phát. Cũng như hình bóng chị trước gương, chị vừa là vẻ đẹp tự nhiên cao quý, vừa là vật chất hóa những thèm muốn tục lụy tầm thường. Ở chỗ nào chị giữ được mình

trong vòng giới hạn và cái đẹp truyền thống, giữ vị trí chủ thể thì ở nơi ấy, chị đáng yêu, đáng quý xiết bao!

Nhưng, chị đã bước vào những ngày sống bất ổn rồi, nhất là từ sau cái Tết vừa qua, và trước hết là trong quan hệ với chồng, thể hiện tập trung nhất ở cái câu cửa miệng: Tại sao tôi lại lấy ông nhỉ? biến thái từ một câu đùa nghịch thành nơi bộc lộ nỗi bực dọc thật sự có chút mỉa mai cay đắng.

Giờ đây, trong buổi bình minh ảm đạm, ngắm mình trong gương. Lý nhớ lại con người đã gây xáo động cho mình và những ngày vui vẻ ở cái Tết vừa qua. Ba ngày tết, hai người cuốn lấy nhau và sau đó hứa hẹn gặp gỡ vào những hội hè tháng giêng. Hắn khen chị đẹp tuyệt trần, hắn nức nở trước sự khéo léo của chị. Hắn nâng niu, chiều chuộng chị, cung đốn đủ mọi nhu cầu, kể cả nhu cầu quái ác nhất của chị. Trước mặt chị, hắn dám mở một chai Martel hơn nghìn bạc. Hắn đi đôi giày thửa tận Pari. Và hút thuốc mỗi điếu bằng lương một ngày của chính hắn. Nào có phải ai xa lạ. Hắn chính là kẻ tung tiền cho chị vay. Hắn chính là gã trưởng phòng vật tư xấu giai, quá lứa ở xí nghiệp chị... Chị khác xưa, hắn giàu hơn lên rất nhiều. Bà bác từ Pari gửi của về và trúng số độc đắc, đó là hai nguồn giàu có của hắn. Và gã đàn ông năm chục cái xuân xanh ấy đã biến thành một tên bẻm mép, thông thạo đủ các lối ăn chơi, hưởng lạc xa lạ, khi có Lý bên cạnh, gã trắng trợn xướng cao cái triết lý sống vì đồng tiền và lên tiếng chửi rủa đạo đức giả tạo, phong kiến, cổ hủ.

Lý cười thầm anh chàng dại gái và dơ dáng ấy. Đừng tưởng đã lung lạc được chị. Hắn chỉ là nơi vui chơi chốc lát của chị thôi. Chị có thể bứt ngay khỏi hắn. Chị là người có bản lĩnh. Nhưng, rời xa hắn trong chốc lát, chị đã cảm thấy như thiếu một cái gì đó, và ít hôm nay, cái hình ảnh cô nữ sinh Đồng Khánh, vợ viên sĩ quan tàu bay ngụy, mặc áo hoa hiên đi chợ tưởng đã quá cũ kỹ, lại về ám ảnh chị với cái hồn riêng của nó. Chị bước chân vào một địa hạt mới lạ và ngơ ngác: Ôi, ra là vậy, có một cuộc sống tràn trề hưởng thụ của những kẻ sung sướng và ta, ta đã quá lâu lầm lụi, cơ cực đủ mọi phương diện mà không hề hay biết.

– Tổ tôm lắm vào, sáng bảnh mắt ra còn ngủ! Làm rơi hết cổ bài của người ta rồi.

Nghe tiếng Đông ú ớ nói mê, Lý quay lại, cúi xuống nhặt những quân bài tú-lơ-khơ rơi xuống đất, vừa gắt vừa đẩy chân Đông vào trong giường.

Đông choàng dậy vì giật mình:

– Kinh quá! Mê một giấc đến sợ.

– Còn là mê nhiều!

Đông gãi gãi cái đầu, lờ mờ:

– Ồ, cô bói bài tây đấy à? Mặc áo vào chứ không là cảm lạnh đấy.

Lý đập mạnh cửa tủ sau khi đã vứt cỗ bài vào đó, hậm hực:

– Cảm lạnh chứ ốm lăn ra đấy cũng chẳng được một lời thăm hỏi của ông đâu.

– Ốm thế nào được mà ốm!

– Ốm thế nào được! Ông thì có quan tâm đến ai! Còn nhớ cái lần tôi bị chó dại cắn không? Quá người dưng! Thật còn nhớ đến già.

Đông đã tỉnh hẳn, đứng dậy, nhét áo vào trong quần:

– Sao hồi này cô cứ hay tạo ra những chuyện tức tối không đâu thế!

– Tức tối không đâu. Có thế nào người ta mới tức chứ.

– Cô thử nghĩ xem, hoàn cảnh mình: con lớn đi học nước ngoài, hai vợ chồng khỏe mạnh, đồng lương không đến nỗi, có gì đáng phàn nàn nữa. Còn xã hội thì cũng có gì phức tạp lắm đâu.

Lý mặc áo, quay lại, nhoe nhoe đôi môi mỏng còn dấu son:

– Đơn giản quá nhỉ. Thế cho nên cứ tổ tôm tối ngày mà.

– À, mỗi người có một cái thú. Cô thì thích hội hè, Tết nhất...

– Thế cho nên có biết chuyện gì vừa xảy ra đâu.

– Chuyện gì?

Đông ngửng lên, sửng sốt. Không còn là những chuyện va chạm rất vô cớ ít lâu nay vẫn thường xảy ra giữa hai vợ chồng nữa. Lý hơi cúi xuống, rít:

– Cái Phượng nó mất xe đạp rồi.

– Sao? Thế nào mà lại mất xe đạp? Làm thế nào bây giờ?

Không trả lời ngay những câu hỏi dồn của Đông, Lý đứng trước gương, sửa lại mái tóc, rồi quay lại, nhấc cái túi da, khinh bạc, và khiêu khích:

– Làm thế nào à? Dâng cho nó cái xe đạp *Mifa* treo kia kìa chứ còn thế nào nữa. Hừ, mưu mô của thằng Luận ghê thật.

Đông gần như thét lên:

– Trời, sao cô lại có ý nghĩ tai quái thế!

Lý quay gót, lững thững đi ra cửa. Nhưng, tới ngưỡng cửa, chị quay ngoắt lại, mặt tím bầm vì tích tụ uất ức kìm nén mà giọng thật lạnh lùng:

– Ông Đông này, không hiểu tại sao tôi lại lấy ông nhỉ? Hừ, kể cũng lạ thật. Thôi, tôi đi làm đây. Trưa nay, ông đem tiền đi mà ăn phở. Cả chiều cũng vậy. Còn tôi, tôi đi ăn bún, ăn thịt bò khô cho nó đỡ háo. Tôi đã bảo thẳng con Phượng rồi đấy. Từ nay, tôi không phải hầu hạ thằng nào, con nào hết.

– Kìa, chị mua dưa cho em đấy à? Để đấy em thái. Chị Hoài, chị chuẩn bị ra ga đi. Anh Luận em đang xếp hàng mua vé rồi.

Phượng giật con dao bài ở tay chị Hoài. Mẹt dưa đã đầy. Chị Hoài đứng dậy:

– Họ gánh qua đây, có đồng một cân, rẻ quá. Nhà có vại dưa như có thức ăn khô để dành, cô ạ.

– Thôi, chị mặc áo bông, chít khăn vào đi.

Vội vàng, hai người thu xếp hành trang, đi ra cổng. Đông không ở nhà. Ông Bằng cũng đi vắng.

– Để em xách tay nải cho. Giá em còn cái xe đạp, em đèo chị đi thì có phải chị đỡ vất vả không?

– Có gì đâu. Hai chai nước mắm cô cho. Bốn mét vải hoa, hai đôi bít tất, ít sách bút cô chú cho. Nhẹ tênh ấy mà. Cô Phượng à, hôm qua tôi lên buồng rửa ấm chén cho ông, ông đưa tôi tiền, tôi

bảo: Con định đưa biếu ông đây, sao ông lại cho con. Ở nông thôn tiếng thế cũng đỡ. Ở đây, mỗi đồng mỗi tốn, cô ạ.

Hai người đi trên hè phố. Chốc chốc chị Hoài lại rẽ vào chào người quen ở hàng phố. Sắp đến ga hai chị em mới thủ thỉ được với nhau.

– Bao giờ chị em mình mới lại gặp nhau được, chị Hoài nhỉ? Mấy ngày vừa rồi, em bận quá, chẳng giúp gì được chị.

– Có gì mà giúp. Công tác của cô thế nào rồi?

– Lạ nước lạ cái, cũng còn nhiều cái khó, chị ạ. Em chỉ muốn sớm ổn định để đón cháu về. Vậy mà mọi việc còn ngổn ngang bời bời. Hộ khẩu của em cũng chưa nhập được. Vừa rồi, lại mất cái xe đạp. Sao mà em đoảng thế!

– Đừng buồn, em ạ. *Khôn ngoan chẳng lọ thật thà* đâu. Dẫu sao thì thuận lợi cũng được sáu, bẩy phần rồi.

– Vâng, em cũng biết thế.

– Phượng này, em định nấu ăn riêng đấy à?

– Vâng.

– Cũng phải thế thôi Phượng ạ. Lúc khó khăn này...

Câu nói bị buông lửng. Đã đến cửa ga. Hai người quay mặt lại nhau. Phượng lảng cái nhìn đi nơi khác vì nỗi bùi ngùi nhớ thương chợt dâng lên nơi khóe mắt. Phượng sắp phải xa một con người có cuộc đời không may mắn mà tình nghĩa mặn mà, nhân hậu, thủy chung vô cùng rồi.

– Phượng ạ, chị mới hiểu em thôi, nhưng chị thấy em là một người tốt, em sẽ là người rất tốt. Cố gắng em nhé. Không gì bằng đức độ, em ạ... Lý nó khác với chị em mình đấy.

Mí mắt ngấn nước, Phượng khẽ gật đầu.

– Gia đình mình tiếng thế cũng không ít chuyện đâu, Phượng ạ.

– Em biết.

– Chị rất thương em.

– Lúc này em chỉ áy náy vợ con chú Cừ, chị ạ. Em định xin nghỉ phép xuống chỗ cô ấy xem thế nào.

– Về chuyện Cừ, hôm rồi chị có nói với chú Đông rồi. Cừ nó hư thật. Nhưng nó là ruột thịt, có điều kiện gần gụi thì phải bảo ban nó. Trẻ tuổi, nó dại dột, lại dễ phẫn. Một mai nó biết nghĩ lại thì cũng nên rộng lòng tha thứ. Còn vợ con Cừ, nếu có khó khăn gì, em biên thư cho chị. Giúp được việc gì, chị sẽ cố! Thương người như thể thương thân, em ạ.

– Vâng, em sẽ biên thư đều cho chị.

– Còn việc này nữa, chị định nói với Lý, nhưng nghĩ Lý không chắc hiểu được, nên lại thôi. Chị cũng đã nói với Đông rồi, nhưng chú ấy ậm ờ, không hiểu ý tứ thế nào. Đó là chuyện của ông. Ông hồi này yếu quá. Hàng ngày lên dọn dẹp buồng ông, em phải chú ý làm việc này nhé, chị thấy ông buồn buồn vì vắng vẻ quá. Bà mất quả là ông thiếu mất một người đỡ nâng, bầu bạn. Chị dò ý ông, ông có ý ngại. Chị liền đến thẳng nhà bà Chí. Ý chị muốn hai ông bà sống gần gụi nhau cho có bạn bè lúc già cả, em ạ. Rồi ai cũng vậy thôi.

Lần này thì Phượng hoàn toàn bất ngờ. Cô nắm chặt hai bàn tay người phụ nữ giầu lòng nhân ái và đầy tinh thần trách nhiệm, mắt rưng rưng, không muốn xa rời.

Có tiếng còi tầu tu tu ngoài sân ga và tiếng bánh xe thép lăn cùng tiếng va đập của các quả đệm nối toa. Hành khách đang nằm, ngồi ngả ngốn trong phòng chờ, chồm dậy nhốn nháo.

Rút tay khỏi tay Phượng, chị Hoài cúi xuống kênh vạt áo bông, đoạn nhìn Phượng, tần ngần:

– Phượng này, nghe chị nói nhé. Nếu em mến chị, quý chị thì em phải nghe lời chị. Em vừa mất xe, em lại mới chuyển công tác về đây, lúc khó khăn hoạn nạn, chị chẳng có gì giúp được em. Lúc lên đây, chị có dắt theo ít tiền định biếu ông, mua quà cho các cháu...

– Chị Hoài!

– Kìa, chị nói rồi cơ mà.

– Không! Không! Em không lấy tiền chị cho đâu.

– Chị có! Chị có! Chị ối tiền!

Luận từ phòng đợi tầu nhảy ra, tay cầm vé, tay ôm bọc bánh mì hơn chục cái, thấy hai người phụ nữ giằng đẩy nhau, đoán ngay ra nguyên cớ câu chuyện, liền la to:

– Ơ kìa, chị Hoài! Sao lại thế? Vé đây, chị cầm lấy bánh mì em gửi cho bọn nhóc ở nhà. Chị theo em vào lối cửa xe đạp. Nhanh lên, tầu trả phép đông lắm!

6.

Những đợt sóng cồn Tết nhất đã im lặng. Hết giờ giải lao, cuộc sống lại trở về nhịp điệu thường nhật hàng ngày.

Phượng đã đi làm đều đặn.

Mất xe đạp, hai vợ chồng mất cái phương tiện duy nhất để đi lại cho nhanh chóng. Phượng phải dậy sớm hơn. Năm giờ, bếp dầu xanh biếc. Sáu giờ rưỡi, ăn sáng, xới cơm, xẻ thức ăn ra hai cái cặp lồng. Loanh quanh đến bẩy giờ hai vợ chồng mới ra khỏi cổng. Và Phượng phải sấp ngửa để kịp có mặt ở xí nghiệp lúc 8 giờ. Từ nhà đến xí nghiệp xa đến sáu cây số.

Đó là một xí nghiệp in cỡ trung bình, nằm ở phía tây thành phố, có hơn trăm công nhân, gồm hai phân xưởng: xếp chữ và in, với một cái văn phòng có gần chục con người. Bộ phận văn phòng làm việc ở căn nhà sát hè phố. Tầng trên là hai buồng của hai ông chánh, phó giám đốc. Tầng dưới là một căn buồng rộng, nơi làm việc của các nhân viên hành chính, tài vụ, kế toán, gồm toàn phụ nữ, dưới quyền chỉ huy của một bà trưởng phòng, kể từ ngày đến nhận việc Phượng vẫn chưa được gặp – bà đang nghỉ phép kết hợp với Tết.

Căn buồng là một thế giới của phụ nữ với bao chuyện hết sức pha tạp và vui vẻ. Các cô ở đây đều ít tuổi hơn Phượng và phần lớn đều xinh xắn, dễ coi. Ngay từ hôm đầu đến làm việc, Phượng đã nhận ra điều hết sức quý báu ở cái tập thể lao động nữ nho nhỏ này: Đó là sự tận tụy và nền nếp quy củ của nó. Rõ ràng là nó đã được điều khiển bằng một thái độ nghiêm túc cần thiết của một người nào đó.

Phượng hòa hợp với bầu không khí cần mẫn, giản dị ở đây. Ngồi vào bàn là cô cắm cúi biên chép, quay máy tính. Xí nghiệp không lớn, tổng doanh thu không nhiều, các khoản mục cũng giản đơn. Tuy vậy, cũng phải mất một thời gian để tìm hiểu ngọn nguồn của các sự việc. Công việc lặng lẽ thu hút Phượng. Phượng có thể say mê âm thầm làm việc suốt buổi, mặc xung quanh ầm ĩ, ồn ào, đến nỗi giờ giải lao các cô cùng phòng phải vào kéo Phượng ra, bắt Phượng tham dự vào các trò chơi tuổi trẻ của các cô.

Như hôm nay, sau giờ thể dục giữa giờ, các cô đẩy Phượng đến cái bàn nước ở giữa buồng. Cá cô làm trò gì vậy? Đoán tuổi thọ hay xem nốt ruồi? Không, hôm nay các cô đang cược nhau xem cô Thụy Lan nhân viên đánh máy, bụng đã to kềnh kệnh, sắp nằm chỗ, sẽ đẻ con giai hay con gái. Cô Thụy Lan bị dằn bàn tay xuống mặt bàn. Một cô rút chiếc nhẫn vàng ở tay mình, bứt sợi tóc buộc vào cái nhẫn. Và khi Phượng bị đẩy đến sát cái bàn với tư cách nhân chứng thì cái nhẫn đã được thả lửng lơ giữa lòng bàn tay và kẽ hai ngón cái – trỏ của cô Thụy Lan. Ở cả hai nơi, cái nhẫn đều lắc lư phân vân. Phượng chưa hiểu thế nào thì các cô đã phá lên cười. Và cô Thụy Lan ộ ệ bê bụng đi về bàn máy xụng xĩu cãi rằng: Mẹ cô bảo chửa con so to thế thì nhất định là con giai!

– Con gái!

– Con giai!

Lập tức căn buồng chia thành hai phe. Phe nào cũng lớn tiếng la, tưởng như bên nào la to hơn thì bên ấy thắng cuộc.

Nhưng, chợt cả hai phe cùng im bặt.

Rồi lịch kịch tiếng guốc chạy về chỗ.

Rồi lào xào tiếng bảo nhau chuyền qua các bàn: *Má ấy sắp lên đấy!*

Má ấy sắp lên đấy. Má ấy là ai vậy?

Phượng hỏi cô ngồi bên cạnh. Cô này đáp sõng, nhưng lửng lơ: Bà ấy, chứ còn ai vào đây nữa! Thế là thế nào? Không khí vừa có vẻ sợ sệt, ái ngại, lại vừa có vẻ khích bác, ghét bỏ. Chẳng lẽ phụ nữ lại sợ phụ nữ đến thế! Mà bà phụ nữ này là ai vậy? Thôi, Phượng

hiểu rồi. *Má ấy* là bà trưởng phòng! Chỉ có bà ấy thôi. Phượng thở phào. Thật lòng, Phượng rất muốn gặp bà, như một sự trình diện.

Về tổ chức thì Phượng đã gặp ông trưởng phòng rồi. Ông là con người đứng đắn chứ không phải loại người xấu như Lý đã nói. Nhưng, nói chuyện với ông thật không thoải mái một chút nào. Mặt ông lạnh băng. Suốt buổi ông giảng đạo đức mà lại nói toàn những điều sơ đẳng, vỡ lòng. Ông bảo đây là xí nghiệp nhỏ, nhỏ hạt tiêu, nhưng có truyền thống đứng đầu ngành in từ nhiều năm nay, được chọn vào đây là một vinh dự đặc biệt. Vì ở đây chẳng những tiền thưởng cao, phúc lợi nhiều, mà đây còn là hòn đảo tươi đẹp của chủ nghĩa xã hội, công nhân ở đây tay nghề vững, tuyệt đối không có hiện tượng tham ô, móc ngoặc, tham gia thị trường tự do như nhiều nơi khác.

Dừng lại để hút thuốc lào, rồi ông đẩy về phía Phượng cái đơn xin chuyển công tác của Phượng: "Cô ghi vào cuối lá đơn: *Tôi xin cam đoan tự lo lấy hộ khẩu, tem phiếu và nhà ở.* Rồi về gặp bà trưởng phòng! Nhớ, từ nay đi đâu; làm gì, phải xin phép bà ấy!".

Cái lối nói ấy chứng tỏ ông không biết đang nói chuyện với ai. Phượng hơi phật lòng, nhưng chịu đựng.

Vậy là còn phải gặp bà trưởng phòng.

Bà ấy là người thế nào? Muốn sao thì đó cũng là một câu hỏi của những kẻ mới đến với người đứng đầu đơn vị. Bà ấy là người thế nào? Phượng muốn hiểu. Thì cũng chẳng phải dò hỏi ở đâu, lâu la gì. Các cô nhân viên có thói quen nhận xét người phụ trách mình bất cứ ở nơi nào. Nhiều khi còn nhại tiếng, bắt chước dáng điệu cử chỉ của bà nữa. Cũng là một trò vui! Tổng hợp tất cả những ý kiến rải rác thì có thể hiểu như sau: Bà là một phụ nữ đứng đắn, xốc vác với công việc, nhưng tính khí quá thất thường, lắm lúc rộng rãi xởi lởi rất đáng yêu, nhiều khi khắt khe, xoi mói và có những ý nghĩ, việc làm rất quái gở, rất đáng ghét. Về đời riêng, bà đã bốn sáu bốn bẩy tuổi, nhưng vẫn sống độc thân. Nghe đâu, trước bà và ông giám đốc ở xí nghiệp này có tình ý với nhau, sau không hiểu vì lý do gì mà không lấy được nhau. Đối với bà, các cô không ra yêu, không ra ghét, e dè sợ sệt cũng không hẳn.

Phượng giở sổ sách ghi chép, nhưng thấp thỏm mong được gặp bà trưởng phòng hôm nay.

Và bà đã xuất hiện, xuất hiện một cách thật bất ngờ so với sự chờ đợi của Phượng.

Cứ tưởng, như miêu tả của các cô trong phòng, bà sẽ như sấm sét khi hiện lên trước mắt Phượng. Nhưng mà không, lúc ấy căn phòng im phắc, chỉ nghe thấy tiếng lướt nhẹ rất ý tứ của một đôi dép mỏng và một hơi gió thoảng qua mặt Phượng có mùi nước hoa thanh tao như hương huệ.

Phượng rời bỏ tập hồ sơ lưu, ngẩng lên, bỡ ngỡ. Hoàn toàn không như Phượng hình dung. Bà trưởng phòng trạc ngót năm mươi, vóc dáng nhỏ nhắn, mặc áo sơ mi cổ kiểu chữ K, gương mặt hơi se sắt, có đôi mắt hơi lồi như mắt người cận. Bà đang cầm chiếc gương nhỏ trong lòng bàn tay, mặt nghiêng nghé soi mái tóc, soi cặp môi và bấm một cái mụn nhỏ ở dưới cằm. Khuôn mặt, dáng điệu bà toát lên vẻ linh hoạt và có cái gì đó như là sự pha tạp giữa phong cách lịch sự, tinh tế với dung mạo của những thói tục tầm thường.

Nghe tiếng chào khe khẽ của Phượng, bà như giật mình, nhét vội cái gương vào túi, hai con mắt nheo lại, tỏa ra một vẻ thiện cảm, ưu ái đầy giới tính. Phượng liền đứng dậy với thái độ thông cảm gần gũi và kính trọng thật sự. Nhưng, bà đã bỏ cái bàn, nhanh nhẹn bước lại phía Phượng, với một vẻ vồn vã hơi xô bồ và quá mức:

– A, Phượng, kế toán mới của bọn mình phỏng? Bắt tay đồng chí nào. Tôi đi phép thăm bà cụ tận trên Cao Bằng. Có nghe anh giám đốc nói về đồng chí rồi. Ngồi xuống đi. Chị em, đồng chí với nhau cả thôi mà. Thế nào, có cái xe đạp lại bị nó nẫng mất, hả!

Ở gần càng thấy mùi nước hoa, phấn sáp nồng nàn tỏa ra từ bà. Người phụ nữ đã luống tuổi này còn ưa làm dáng. Giọng bà là giọng kim, và ngôn từ từ miệng bà tuôn chảy như dòng suối bồng bột, rất trẻ trung:

– Thế nào, cô Phượng đã xây dựng gia đình chưa?

– Em đã có một cháu gái hơn tám tuổi rồi ạ.

– Thế đăng ký thôi nhé. Một con thôi – Bà giơ một ngón tay lên, miệng cười rất tươi – Tôi sợ nhất là các cô choai choai tơ lỡ. Cái

lý ở đâu đầu năm đẻ, cuối năm lại bê bụng. Đã không biết ngượng lại còn bô bô: – Em phải tranh thủ đẻ, thủ trưởng ạ. Tôi chỉ ưa loại đã chồng con yên ấm. Loại này họ hiền, bảo còn biết nghe, cũng không thiết chuyện nhăng nhít.

– Báo cáo chị, về phần công tác của em...

Phượng giở một cái cặp bìa. Có những việc phải nhờ bà hướng dẫn, phải hỏi người phụ trách. Nhưng, bà đã đưa tay đẩy cái cặp bìa ra rìa bàn, kéo ghế ngồi xuống cạnh Phượng. Và sau khi đưa cái nhìn dò xét ra chung quanh để thẩm tra, bà mới ghé sát vào mặt Phượng, hạ giọng thầm thì:

– Báo cáo đếch gì! Có gì cậu cứ hỏi lão giám đốc. Tớ không biết. Nầy, cậu ngồi sát lại đây...

Thì ra bà muốn tâm sự một cách hết sức thân mật với Phượng. "Này, *đàng ấy* cũng là đảng viên, tớ nói để *đàng ấy* nắm tình hình phòng mình. Tiếng là phòng tiên tiến liên tục, nhưng quần chúng toàn lại đầu bò đầu bướu cả đấy! Phức tạp ghê cả người!". Bà mở đầu vậy rồi cứ thế, chuyển xổ ra, vòng vo, lộn xộn, rối rắm. Lắm lúc Phượng không hiểu bà định nói gì. Mãi sau Phượng mới hiểu dụng ý buổi tâm sự của bà: Bà thanh minh, bà kể công lao, tài năng bà, không thế sao trị nổi các cô ở đây? Các cô ở đây, sáu cô, cô nào cũng rắc rối. Cô Thụy Lan mới lấy chồng đã vác bụng, nay nghén, mai động thai, lại hay gây gổ với mẹ chồng. Cô Quyến cũng đánh máy, đi chậm trừ điểm thi đua, *lo vê* cái mặt lên, cãi bậy, cậy chồng mới đi Nhật Bổn về có tặng ông giám đốc cái bật lửa ga. Cô Ngoãn lấy chồng già về hưu làm nghề thầy cúng chui, ăn quà như mỏ khoét, dám nói: Lương tôi không đủ tiền bơm xe... vân vân. Nhưng phức tạp nhất thì phải nói tới cô Ngọc thủ quỹ. Đó, cái cô tết đuôi sam, mặt có nốt tàn nhang, ngồi ở góc phòng, cạnh cái két sắt đấy. Hừ, bướng, lại hỗn láo, dám ngang nhiên tuyên bố: "Tôi mà làm giám đốc thì tôi cho mụ trưởng phòng về hưu ngay!".

– Này, cậu theo dõi hắn hộ tớ. Mấy tháng nay cặp kè với lão trưởng phòng kỹ thuật béo ị. Đồng ý là trai chưa vợ, gái chưa chồng thì có quyền. Nhưng, là ông giời thì cũng phải báo cáo tôi, tôi là chi ủy, là thư ký công đoàn ở đây!

Trời, những chuyện như thế ngồi ở quán bún ốc nói mới hợp, chứ sao lại nói vào lúc này. Mà nói bao giờ cho hết. Trong khi đó việc chính là chuyên môn thì bà lại gạt đi.

May quá, cửa sau vừa có một người đàn ông béo trắng, đeo kính cận bước vào tìm gặp bà.

Bà rời bàn Phượng, đứng lên, đi cùng với người đàn ông nọ ra trước cửa, dừng lại bàn bạc cái gì đó với ông ta, rồi quay lại.

Bà đi qua tất cả các cô nhân viên, trừ cô Ngọc thủ quỹ, hỏi thăm công việc của họ, phàn nàn vài câu về một vài việc trái khoáy nào đó hoặc đùa bỡn tí chút với họ. Cuối cùng, bà đi đến cái bàn máy chữ của cô Thụy Lan, cái cô hay gây gổ với mẹ chồng.

– Thế nào, tối qua tôi đến thăm cô, không thấy cô có nhà.

Cô Thụy Lan dừng bàn tay trên máy, quay lại.

– Chị mới đi phép về à? Tối qua em xếp hàng mua gạo.

– Ừ, tôi về buổi trưa. Này, bụng to thế mà xếp hàng mua gạo có ngày nó chen cho bẹp ruột!

Đang nói, bà bỗng dừng, đột ngột cất tiếng thông báo cho cả phòng biết bên căng tin trưa nay có cửa hàng thực phẩm vào bán hàng. Rồi rất tự nhiên, bà ghé người chống khuỷu tay xuống cái bàn máy của cô Thụy Lan, tiếp tục:

– Tối qua tôi nói chuyện suốt với bà cụ. Bà cụ cũng có phần sai. Nhưng mà cậu... người ta già cả, đừng có chấp...

Tiếng bà cứ thế nhỏ dần, nhỏ dần...

Phượng chìm vào công việc.

Thói quen chu đáo, cẩn thận hút hết tâm sức Phượng. Phượng quên hết việc nhà và xung quanh.

Tới lúc Phượng ngẩng lên thì căn buồng đã vắng người. Đã đến giờ nghỉ trưa. Các cô rủ nhau xuống hợp tác xã mua vịt và cá biển. Ngoài hiên có tiếng quét quẹt quẹt. Lát sau, bà trưởng phòng tay cầm cái chổi cùn bước vào:

– Làm đâu bỏ đấy! Cứ bừa cả ra!

Nét mặt bà không còn cởi mở như khi sáng. Mặt sầm lại tích tụ cơn tức tối, bà cằn nhằn, đi trở về cái bàn kê ở góc nhà.

– Ai để cái giẻ lên bàn tôi đây?

Nghe tiếng bà quát hỏi lần thứ hai, Phượng đang mở cặp lồng cơm ngoảnh lại, rụt rè:

– Em không rõ chị ạ. Từ nãy em vẫn ngồi đây.

Tưởng thế là xong, không ngờ. Phượng vừa bắt đầu ăn cơm trưa thì trận lôi đình nổ ra. Bà trưởng phòng đập thình thình cái bàn, giậm chân và đi đi lại lại hùng hổ, chốc chốc lại rít lên một hồi giận dữ:

– Đừng tưởng tôi không biết! Vải thưa che được mắt thánh, hả! Đừng có xỏ lá, ba que! Đừng có cậy tài, cậy giỏi. Đại học mà đã là cái gì! Ôi giời! Có giỏi, đấu trực diện với tôi đây này! Tôi thách đấy! Thách đấy!

Thế là thế nào, bà nói ai vậy? Phượng cắm mặt xuống cái cặp lồng. May, các cô đã đi mua hàng về. Cô Thụy Lan xách một cặp vịt cỏ, mặt đỏ hây hây. Hai con vịt ngoái cổ, quạt cánh phành phạch, kêu cạc cạc vang nhà. Bà trưởng phòng bước tới, hầm hầm nét mặt:

– Vứt hết cả ra ngoài kia! Tôi yêu cầu! Đây là cái chợ gà vịt của các chị à!

Bà quát. Bà mắng. Bà yêu cầu. Sao bà lại có thể đổi thay tính khí nhanh chóng như thế? Buổi sáng, có những phút bà dịu dàng, đôn hậu biết bao!

Không hiểu chuyện cái giẻ và con vịt sẽ còn ầm ĩ đến bao giờ, vì theo các cô, bà trưởng phòng có tính nói dai, nhớ dai đến kinh người. Nhưng, lúc ấy có chiếc ôtô chở giấy in bấm còi đi qua cổng phụ vào sân. Tiếng máy ôtô át hết mọi náo động. Bà trưởng phòng tọt vào cái ngách sau chiếc tủ đứng, lát sau trở ra, bà mặc bộ quần áo bảo hộ xanh nhạt. Đứng giữa phòng, bà vỗ tay đôm đốp:

– Nào các cô! Mỗi người một tay chuyển giúp giấy trên ôtô vào kho nào. Cố một tí cho nhanh kẻo đổ mưa xuống thì khốn. Nào, tôi yêu cầu!

Buổi bốc vác giấy chạy mưa hôm ấy cung cấp những tư liệu khác hẳn với mọi ấn tượng Phượng đã có về bà. Như một người lao

động thực thụ, bà thoăn thoắt leo lên ôtô, mở mui, rỡ bạt, bắc cầu, rồi nhẩy xuống đất, bà mắm môi mắm lợi lăn, đẩy, kê, kích những cuộn giấy lớn to bằng cái bánh xe máy kéo. Hết giờ, các cô vội vã ra về, còn lại bà và Phượng, bà bắc thang leo lên nóc nhà kho mái bằng, quét hết lá rụng giữa lúc trời đổ mưa, vì sợ mái đọng nước, sinh ra giột kho.

Bà là người về cuối cùng buổi chiều, sau khi đã đi kiểm tra toàn bộ khóa tủ, khóa bàn, khóa cửa phòng giám đốc. Bà là người đến văn phòng đầu tiên buổi sớm mai. Cô tạp vụ chưa tới. Bà tự động đun nước, quét nhà. Tám giờ, chè đã ngấm. Bà rót nước mời chị em lại uống và hội ý. Bà sơ kết buổi bốc giấy chiều qua, khen chê từng cô, từng việc rất sòng phẳng, công bằng. Bà nói, giám đốc có chi một số tiền thù lao cho việc bốc giấy, thôi thì khỏe bù yếu, chia đều cho mỗi người mười lăm đồng vừa vặn đủ, bà tiếng vất vả hơn cũng chỉ xin lĩnh như mọi người. Mọi người đều hể hả, vui vẻ như bà.

Nhưng, tan họp, bà lại nổi cơn giận dữ. Không hiểu chỉ là vô tình hay đó thật sự là một hành động cố ý của một kẻ quái ác nào cứ muốn trêu chọc xỏ xiên mà hôm qua thì mặt bàn bà có cái giẻ, hôm nay lại có một cái búa và mấy cái đinh.

Phượng can:

– Có thể là mấy anh thợ điện, thợ mộc đóng cái gì đó rồi để quên, chị ạ.

– Sao mà cô thật thà thế – Bà vuốt cái giọng cao vút lên – Thợ điện nào! Thợ mộc nào! Cái đứa nó xỏ tôi nó ở ngay trong phòng này này. Hôm qua thì nó ví tôi chỉ là cái giẻ rách vứt đi thôi. Còn hôm nay nó muốn ví tôi là thằng Pônpốt – Iêngxari đóng đinh vào đầu người đấy, tôi còn lạ!

Trời! Phượng vừa rùng mình, vừa nén cười:

– Chị nghĩ xa xôi quá.

– Còn cô thật thà quá thì bị nó ăn thịt có ngày!

Suốt sáng ấy bà trưởng phòng cáu bẳn, hết rầy la việc này lại trách móc cô kia. Cả đến lúc một anh thợ điện hớt hải chạy vào phòng, bô bô: Lúc chiều qua, tôi vào đây uống nước, có để quên cái

búa với ít đinh ở chỗ nào ấy nhỉ, các cô? Bà vẫn chưa dứt được cái mạch tức tối ấy.

Nhưng, đã xảy ra gần như là một sự biến hình tính cách của bà trưởng phòng. Ấy là một buổi trưa, đang giờ nghỉ, phòng vắng, chỉ có một mình Phượng nằm nghỉ trên ba cái ghế mây ghép lại ở góc phòng.

Vừa thiu thiu, Phượng bỗng sực tỉnh vì nghe thấy tiếng hai người nói chuyện.

Hé mắt, Phượng nhận ra ông giám đốc và bà trưởng phòng.

Ôi, bà trưởng phòng đích thực mà sao có cảm giác không phải là bà! Vẫn con người ấy, trang phục ấy, mà sao giờ lại mềm mại duyên dáng thế. Những tiếng gọi *anh* xưng *em* ngọt ngào. Những lời thỏ thẻ êm ái, dịu dàng, và giọng điệu, ngôn ngữ thì ngọt ngào cái hương vị đắm say của tình yêu chân thật. Giá ông giám đốc cũng nói một giọng như thế thì đây là một cặp uyên ương già đang tình tự. Nhưng, ông giám đốc tóc bạc, lại ngửa cổ, gác đầu lên cái tựa ghế mây, lim dim mắt, như ngủ.

– Kìa, anh uống nước em mới pha đi. Chè Thái đấy, để dành mãi mà không xuống lấy. Sợ à?

Nghe cái giọng hờn mát ấy, ông giám đốc mở mắt, nhấc đầu lên. Khuôn mặt ông thời trẻ chắc đẹp, giờ vuông vức, sáng láng tinh anh.

– Bận quá, lắm việc quá! – Ông giám đốc xoa xoa hai mắt, lắc đầu mệt mỏi.

Bà trưởng phòng ngúng nguẩy rồi phụng phịu:

– Em đã bảo anh bao nhiêu lần rồi mà anh có chịu nghe đâu. Mệt thì nghỉ. Phải đi Việt – Xô khám đi. Khổ, hay là nằm nghỉ ở nhà lại sợ *con mẹ kia* nó bỏ đói! Thế nào, *con mẹ kia* nó bắt phải mua đường phên để về làm tết bánh trôi bánh chay à! Rõ võng hãnh quá! Đây cầm lấy quả cam này mà ăn cho nó mát phổi. Sau Tết, người dễ háo lắm đấy. Kìa, môi nứt nẻ hết rồi. Đừng uống rượu nữa. Có nghe không? Buồn thì chịu vậy chứ biết làm thế nào!

Lát sau, vào buổi làm việc chiều.

Trạng thái tinh thần vui vẻ của bà trưởng phòng kéo dài gần hết buổi làm. Sắp hết giờ, Phượng đi đến bàn bà.

– Báo cáo chị, em có chút việc riêng, em muốn xin nghỉ phép.

Thật bất ngờ, bà hất nửa con mắt qua cái phần trên của cặp kính lão, nhìn Phượng như nhìn một kẻ xa lạ:

– Muốn gì thì phải có đơn! Mà cô mới vào làm, đã phép tắc gì.

– Chị ạ, em có việc rất cần.

– Tôi không giải quyết! Cô có đi đến đâu, tôi cũng không giải quyết.

Phượng gần như phải cắn răng để nén nhịn tủi cực và thật sự buồn: Một con người thất thường như thế mà lại ở cương vị này ư?

7.

– Phượng! Cô làm bánh trôi đấy à? Để đấy tớ xem nào. Sao lại xay bột khô, hả đồ khỉ. Lần sau nhớ phải xay bột ướt nhé. Đưa phích nước sôi đây. Pha thêm nước lã vào. Nóng già thôi. Để tớ ngào cho.

Lý xô vào buồng, như một hơi gió, lại như một xoáy lốc bất thình lình, giằng cái xoong bột, đổ nước, thọc tay vào bóp, ngào. Người phụ nữ tươi đẹp này chứa trong mình toàn những dự định bất ngờ với kẻ khác. Sau Tết, tự dưng hai người xa lánh nhau. Chị Hoài về Lý trơ trẽn giành giật tất cả số gạo, thịt chị mang lên và bóng gió khích bác Phượng là kẻ ngồi mát ăn bát vàng. Sáng nay chủ nhật, đột nhiên tới, chẳng thanh minh xin lỗi, xắn tay áo chủ động điều hành mọi việc. Còn bất ngờ gì nữa?

– Thôi, được rồi đấy – Lý rửa tay, vẩy – Bột này phải để độ năm tiếng cho nó nở hết. Rồi tớ sẽ bảo cách. Bánh trôi, bánh chay là thứ bánh dễ làm nhất. Còn bây giờ, mặc áo vào, đi với tớ, Phượng. Đi, đi. Hay lắm. Phượng à!

Chuyện gì vậy? Mặt Lý hơn hớn, nhâng nhâng. Tay Lý nắm chặt cổ tay Phượng, kéo, lôi. Qua phố. Qua chợ. Mặt trời loe lóe sau làn mây đục, tỏa hơi ấm. Mặt Lý phủ nhẹ một làn hơi mồ hôi. Lý

cười toét miệng. Đi nhanh lên một tí mày. Muộn là hết tim gan đấy. Trời, thì ra bà ấy kéo Phượng đi ăn bún mọc.

– Ở Hà Nội mà không biết bún mọc thì tẩm lắm, Phượng ạ.

– Nhưng mà...

– Nhưng mà cái gì! Tôi khao!

– Chị có gì mà khao?

– Đã gọi là khao thì hẳn là phải có lý do chứ!

Chưa bao giờ Phượng biết tới món quà cao cấp dành cho những kẻ lắm của nhiều tiền này. Và còn lâu, còn lâu nữa, những người thuần lương như Phượng mới biết được những món ăn như cái món bún mọc, tức bún giò sống này. Nhưng, thật không ngờ, nơi bán cái món ăn đắt tiền ấy lại ở trong một cái ngõ nhỏ. Và chỉ là một gánh hàng xuềnh xoàng, đặt trên vỉa hè, cạnh cái cống nước chảy sùng sục. Khách mấy chục con người, chẳng kỳ quản cảnh quan ngoại cảnh, bâu quanh gánh hàng, ngồi trên ghế dài, ghế ngắn, ngồi cả trên hòn gạch, bệt trên vỉa hè và cả dưới lòng đường. Trước cái gánh là một cái chõng sơ sài, trên chõng: một rá thịt gà, một chậu tim gan lợn, bát ớt, chai mắm, lọ dấm. Một bên gánh là cái thùng nước dùng lúc nào cũng sôi cuộn, giò sống nặn tròn liên tục thả vào và chìm lên lặn xuống như trong một cái guồng quay. Đặc sắc hơn cả là gã chủ hàng. Tóc uốn điện xoắn tít, mặt trái xoan, môi tô son, vai hẹp, ria mép lún phún. Gã luôn tay bốc bún, múc nấm hương, gia hạt tiêu, rưới hành mỡ, thái tim gan, chan nước giò trước mấy chục cánh tay khách tua tủa chia tiền. Toàn những giấy năm chục, một trăm mới cứng xòe trong những bàn tay đeo nhẫn mặt ngọc, mặt kim cương. Toàn các ông, bà các cô cậu béo tốt, phây phây, môi nhờn bóng, quen ăn ngon mặc đẹp và ở nơi công cộng vẫn cứ bộc lộ tính háu ăn và sự thô lỗ.

Lý ôm cái ví, đứng ở ngoài rìa đám khách, mặt vênh vênh, mắt khíp một vệt nhỏ vuốt dài, rồi hất hàm rất quyền thế và thân thuộc:

– Hai ba mươi nhé!

Cái giọng rất đàn chị ấy tưởng như là rơi vào khoảng không, không ngờ được ngay sự tiếp nhận của gã chủ hàng. Gã ngẩng lên

nhìn Lý, rạp cái cổ ngỏng vừa hèn hạ vừa thích thú, rồi quay ngang, với đám khách hàng nhâu nhâu xung quanh.

– Các bác thông cảm nhé. Bà chị tôi!

Thoáng cái, Lý đã bưng hai bát bún ra. Đỡ một bát, Phượng run cả tay. Trời, bát bún mọc, cái bát sứ dày, nặng ù ụ một lớp giò sống viên tròn cùng là tim gan lợn thái mỏng nhưng to bản và bún trắng muốt, nuột nà từng sợi, sâm sấp trong làn nước dùng nhoang nhoáng vàng ánh sao mỡ nổi ở rìa bát.

Bát bún sang quá. Chưa bao giờ ăn quà ở chỗ đông người. Cũng không có thói quen ăn quà. Và càng chưa bao giờ Phượng ăn một món quà giá một bát đã bằng gần nửa tháng lương như thế này. Phượng lúng túng. Nhưng Lý thản nhiên hết sức. Vừa ngồi xuống đã ghé môi vào bát:

– Á, xuyt, hôm nay nước của nó khá đấy. Hừ, cũng bõ công. Ăn đi, ông hoàng, bà chúa đến đây cũng thua tớ hết. Mà đã ăn quà là phải đến hàng quen, ở trong các ngõ ngách.

Phượng ăn nhỏ nhẻ. Lý và sùm sụp. Loáng cái đã hết nửa bát. Ngẩng lên, gõ đũa canh cách vào cạnh bát, môi Lý cười bóng nhoáng:

– Cậu ăn đi, ăn mừng tớ, Phượng ạ. Đấy, nhân bảo như thần bảo, có sai đâu. Con mụ vợ lão thứ trưởng hay ganh ghét với tớ ấy mà, còn nhớ không, con mụ ấy chết rồi!

– Chết rồi? – Phượng đặt bát bún xuống ghế, hoảng hốt.

Lý cười ngặt nghẽo:

– Không phải chết là chết thật đâu. Có lần tớ đã nói với cậu rồi ấy. Ra cái điều thuyền đua thì lái cũng đua. Như ma lem mà cũng bồ bịch. Vừa rồi dẫn giai vào nhà. Bọn con cái nó rình nó bắt được. Nó thu hết quần áo, bắt hai anh chị ký biên bản. Nhục ơi là nhục!

Phượng đặt hai cái đũa lên bát bún còn hơn một nửa tự dưng nghẹn đắng thế nào. Phượng hiền từ, nghe chuyện ấy, vừa kinh sợ, vừa động lòng trắc ẩn. Sao Lý lại ăn mừng? Lý không chịu thua kém ai, Lý phải hơn mọi người là thế ư? Nếu không phải là tai ngược thì đúng là Lý đồng bóng rồi! Mà tiền ở đâu để Lý tiêu hoang như vậy?

Lý cười khanh khách, bưng bát bún của Phượng lên:

– Ăn nốt đi chứ! Lại có *kén* rồi hay sao đấy! Cố mà ăn đi. Ông nhà nước sắp đánh thuế cao lắm, thằng này nó đang định tếch đi nơi khác đấy. Nó mà tếch đi là mất một chỗ ăn ngon. Ăn đi! Tội đếch gì mà bóp mồm bóp miệng!

Phượng bỏ bát bún, đứng dậy, cố giữ lịch sự chứ không thì nôn ọe ra mất. Đường về, nỗi khó chịu của Phượng mỗi lúc một tăng. Lý ngông ngược hết mức. Đang phởn, Lý bất chấp mọi đạo lý. Chạm phải một bà già, mình trái mà Lý mắng bà té tát, gọi bà là *mụ phò*. Lý mua rau, mua thịt, đành hanh kẻ cả, như ăn cướp của người ta, người ta đòi vứt tạch ngay xuống đất. May mà có Phượng sửa chữa những lỗi lầm ấy kịp thời.

Về tới nhà, Lý lăn ra giường, đòi uống nước. Uống hết hai cốc nước lọc, Lý chồm dậy: "Để đấy, tao không khiến mày sờ vào". Một mình Lý xắt đường phên, nặn bánh. Ngón tay Lý véo, nặn, xoay nhoay nhoáy núm bột. Mắt Lý đau đáu cuốn hút. Lý trộn đường, vừng, đậu làm nhân bánh chay. Lý thái dừa nhỏ mướt như sợi miến. Lý kêu: Hương bưởi đâu, không mua à? Rồi chạy lên buồng lấy một cái lọ nhỏ xuống, mở nắp đã thơm ngào ngạt cả buồng.

Lý thả bánh vào nồi nước đang sôi cuộn rồi ghé lưng nằm xuống giường, đưa cánh tay lên đè hai con mắt.

Chắc Lý mệt, ngủ. Phượng ngó vào nồi nước. Những viên bánh chín nổi lờ đờ. Bỗng Lý chồm dậy, oang oang:

– Phải ba chìm bẩy nổi mới vớt được, Phượng. Bánh chay vớt ra phải đổ nước bột đao vào ngay, không là nó *vỡ nước*, rồi rắc hương bưởi lên.

Lý nằm ềnh trở lại, ruỗi soạt chân tay, ngáp rồi mở mắt thao láo nhìn trần nhà:

– Phượng biết bà lang Chí chưa? Bà ấy định kết bạn với ông cụ nhà này đấy. Đời bà ấy thật khổ. Ba lần chết chồng. Con không có.

Phượng im lặng. Chưa hiểu ý tứ Lý thế nào? Lý lại quái ác như đối với bà vợ ông thứ trưởng nào đó chăng? Nhưng, chẳng cần Phượng đáp, Lý đã lại chồm dậy, như một kẻ lòng dạ bất an, chân

khua tìm mãi mới thấy đôi guốc, rồi lại lặng hồi lâu, mắt lờ đờ, thở một hơi dài buồn thỉu:

– Này, Phượng, ai ví đời phụ nữ chìm nổi như cái bánh trôi, kể cũng đúng nhỉ! Nghĩ đời chúng mình thật khổ, Phượng ạ. Đàn ông, dẫu sao họ cũng có cái vui của công việc, với bạn bè. Đàn bà, con gái, chồng con rồi, chỉ còn có chồng con thôi... thế mà... Lắm lúc nản ghê cơ, chẳng thiết sống nữa, Phượng à.

Đột ngột ngừng nói, Lý đứng phắt dậy, như thành một Lý khác, hỏi: Phượng có đi chùa Hương không, rồi đi ra cửa, về buồng.

Phượng còn lại trong buồng, ngẫm nghĩ mãi về những điều Lý đã bộc lộ, và bỗng thấy vừa thương vừa ái ngại vô cùng cho Lý.

8.

Người, xe đạp, xe máy, ô tô đang đi, đang chạy với tốc độ bình thường, bỗng như bị kích động, dún chân, tăng ga, lao lên phía trước.

Cái gì đã xảy ra? Tan tầm chiều nay là lúc nổi cơn dông chuyển mùa? Hay một tai nạn trên đường phố? Tới lúc nhìn thấy đầu chiếc *barie* sơn đỏ ló ra, Phượng mới hiểu, sắp có đoàn tầu hỏa chạy ngang qua.

Đoạn đường như con sông thắt eo, hẹp lại, bỗng chốc nghẽn ứ người. Chiếc *barie* mới đẩy ra chắn được một phần ba mặt đường đứng khựng, không nhích thêm được một phân nào nữa. Mặc tiếng còi gắt gỏng của người gác đường, người, xe đạp, xe máy cứ tranh nhau dấn lên, tranh thủ lúc tàu chưa tới vượt sang bên kia con đường sắt. Lại thêm nghềnh ngàng ở giữa lòng đường một chiếc xe bò chở cát nặng. Đoạn ấy hơi dốc. Con bò kéo xe đã già, nhoài cổ, lưng nổi cục từng đốt xương, cố gắng lắm mà móng cứ trượt lên mặt đường nhựa, trong khi ấy, trên càng xe, gã đánh xe vẫn ngồi, tay cầm cái xẻng cán dài, miệng chửi liên hồi con vật khốn khổ nọ.

Phượng len tới chiếc xe bò. Có tiếng một người la to. Rồi nghe thấy tiếng còi tầu rúc ở khúc đường ngoặt. Con bò già, dáng chừng sợ, nhây nhớt mũi rãi, đã gắng sức kéo chiếc xe lên được vài chục phân, chân lẩy bẩy, sắp bước vào đường ray. Nó yếu quá. Nếu nó

tới được đường ray thì nó cũng không đủ sức kéo chiếc xe qua được hai thanh ray. Huống hồ nó có thể tụt lại theo chiều dốc. Phượng không đành vượt lên trước con bò. Cô ấn bàn tay vào thành xe, giúp con bò một lực đẩy và lòng hết sức lo sợ. Con bò có thể rụi xuống ngay bây giờ. Kìa, nó chuệnh choạng, chân nó run bần bật. Kìa... Phượng hét một tiếng kinh hoàng. Con bò không còn hơi sức để bước cho ngay ngắn nữa, nó thụt một chân trước xuống cái khe hẹp giữa hai thanh ray kép. Chiếc xe mất thăng bằng, nghiêng về một bên, hất gã đánh xe xuống. Và không thể tưởng tượng được, cái kẻ gọi là con người, là gã đánh xe kia, mặt bỗng đỏ hằn lên, vung cái xẻng, nện tới tấp xuống lưng con vật lúc này sắp đổ nghiêng vì chân bị kẹt cứng vào cái khe hẹp và cái càng xe đè ép vào một bên sườn. Mấy người đàn ông quay cả lại quát gã đánh xe. Tiếng la ó, sợ hãi nổi lên rầm rầm. Phượng cảm thấy như chính bàn chân mình bị kẹp, đau chói lên tận óc, vội đưa hai tay đỡ cái càng xe đã nghiêng xuống mặt đường. Không cứu được nữa rồi. Nghe thấy khặc một tiếng xương gẫy, cái cổ chân con bò bị kẹp vặn chéo một vòng, con bò đổ nghiêng, kéo theo cái càng xe rơi đánh ịch, đè hẳn lên cổ nó. Gã đánh xe bước lên, ngoạc miệng: "Đ. mẹ mày, mắt mù à!". Con bò trợn một bên mắt, thở phào phào.

Đầu tầu hỏa phì phịt khói, lừ lừ hiện ra. Phượng cùng mấy người nhẩy ra đường ray, khua tay, gào thét như điên dại. Rất may, cái đầu tầu đã kịp hãm lại. Và bấy giờ mọi người mới có thể xúm lại để nhấc con bò khốn khổ đã gẫy chân dậy.

Rời khỏi nơi vừa xảy ra tai nạn kinh khủng này Phượng đi như chạy, trong một cảm giác mù mịt, u ám, nặng nề. Cô về tới cái cổng sắt nhà mình, dừng lại hồi lâu, mệt rã và buồn nản đến mức không muốn bấm chuông gọi người ra mở cổng.

Dạo này, theo yêu cầu của Lý, cổng phải khóa bên trong để phòng trộm cắp. Luận đi công tác vắng nhà luôn, mỗi lần Phượng gọi cổng là một lần phiền. Ông cụ thì già cả, ốm yếu, lịch kịch chống cái ba toong từ gác xuống, ra được tới cổng là vất vả. Đông thì lần nào cũng mắt nhắm mắt mở, có hôm tìm chìa khóa mất hàng giờ. Chẳng mấy khi Lý ra mở cổng, chị vắng nhà luôn vì bận rộn công việc chạy vật tư cho xí nghiệp: mấy hôm nay Lý lại đi chơi hội. Cực chẳng đã phải nhờ Lý ra mở cổng thì mặt Lý nặng như chì. Hôm

rủ đi ăn bún mọc thì cậu cậu tớ tớ là thế, vài hôm sau đã lại đổi mặt lạnh nhạt; Phượng cứ như một kẻ ăn nhờ ở đậu, gây phiền hà cho Lý vậy.

Họ đã ăn riêng từ hôm chị Hoài về. Ông Bằng ăn với vợ chồng Đông – Lý. Cái sự tất nhiên nó phải vậy, nó nên vậy, mà cũng lắm điều buồn phiền. Bởi vì, cái bếp còn dùng chung. Bữa cơm, nhà nào ăn gì, nó bầy cả ra đấy. Lý có cái đùi gà, miếng thịt bò, khúc ba tê, cứ phải giấu giấu giếm giếm, nghĩ mà não cả lòng. Người phiền muộn nhất trong việc này là Phượng, và ông Bằng. Ông Bằng bỏ bữa luôn, tự cảm thấy việc chia rẽ đau lòng hơn sẽ có lúc xảy ra. Tuần lễ nay, Phượng chuyển việc nấu nướng, ăn uống lên buồng ở nhượng lại cái bếp cho Lý. Nhà chỉ có hai người lớn, ăn uống cũng giản tiện.

Mở cửa cho Phượng chiều nay là Đông. Đông có vẻ mệt mỏi, hai mắt trũng sâu, má phải sưng vều, mấy hôm nay chuyển thời tiết, kêu nhức răng.

Thấy cô em dâu, Đông nhếch một cái cười méo như nếu:

– Ơ, xe đạp đâu mà cô đi bộ về?

Phượng ậm ừ và thấy mình mệt rã rượi.

Nhưng tất cả những mệt nhọc, buồn phiền, kinh sợ đều đã dừng lại ở ngưỡng cửa căn buồng nhỏ.

Đẩy cửa bước vào, khi sau lưng cánh cửa buồng đã khép, tựa lưng vào đó, Phượng thở đều đều, có cảm giác rất rõ mình đang tươi tỉnh lại.

Căn buồng có một bầu không khí riêng, thân mật và yêu đời.

Buồng hẹp, ghép hai giường cá nhân thành một giường đôi, chỉ còn hở một lối vừa người đi. Khoảng trống phía trong là nơi làm việc, bếp núc. Gần cửa sổ là cái tủ nhỏ để sách, cơ quan thanh lý Luận mua được. Cũng là đồ thải loại, một cái bàn nhỏ và một cái ghế đẩu kê ở góc buồng. Luận thích viết và đọc sách ở nơi kín đáo. Cửa sổ dành làm nơi đứng ngắm khu vườn cây.

Bếp dầu, rổ bát, xô nước đặt cạnh chân bàn. Một cái mâm gỗ đặt trên nền nhà. Thế là có thể ngồi ăn ngon lành rồi. Một cuộc sống còn hết sức đơn sơ, như sự đơn sơ của các tiện nghi trong nhà. Chưa có gì đáng gọi là đồ đạc ngoài cái đài con chỉ có sóng trung đặt trên bàn.

Đã quen sống như vậy từ lâu rồi. Phượng không có mặc cảm mình nghèo. Còn Luận xưa nay vốn coi nhẹ vật chất, sống như kẻ mộng du, mê say theo đuổi sự làm giầu về một phương diện khác: trí tuệ, tình cảm, đạo đức.

Họ đã qua thời yêu đương tuổi trẻ. Họ đã là một gia đình hoàn chỉnh. Nhưng, sau chín năm xa cách, Luận đi bộ đội, Phượng về tỉnh nhỏ, đây là lần đầu tiên họ được sống lâu bên nhau. Gần Luận, Phượng mới hiểu ra rằng, trước kia chị chưa thật hiểu anh. Chị mới chỉ thấy cái phần anh bộc lộ, chỉ thấy căn nhà, tầng gác mà chưa hiểu cái phần nền móng của công trình. Luận là một kẻ say mê, nồng nhiệt đến cực điểm và thẩm mỹ hướng hoàn toàn về vẻ đẹp tinh thần, vẻ đẹp bên trong. Coi năng lực là lạc thú trường cửu của con người, coi sự phong phú về tình cảm, tư tưởng là giá trị căn bản của con người. Luận tham lam ngốn ngấu các kiến thức đủ loại, miên man trong các khu rừng học vấn, thích đào sâu suy nghĩ, để phát hiện ra chiều sâu của sự kiện và tự mình bồi bổ tư cách mình. Luận có một bộ óc thật khỏe, anh có thể theo đuổi nghiền ngẫm một vấn đề gì suốt mấy đêm liền. Luận đối lập với thói dung tục, nhưng anh nhuần nhụy, uyển chuyển không cứng nhắc, một chiều. Luận là sự dồi dào, giầu có và năng động. Anh lôi cả Phượng đi theo chiều hướng mình vạch ra. Anh bảo Phượng ổn định công tác xong là phải đi học tiếng Nga, và cả tiếng Anh nữa. Và chỉ trong vòng chưa đầy tuần lễ, anh đã dúi cho cô gần chục cuốn sách, cuốn nào cũng "Em nhất thiết phải đọc". Sống một cách có ý thức đầy tinh thần trách nhiệm, Luận khác với Đông ở điều căn bản ấy. Luận là người trong cuộc, người đương thời thực sự. Về mặt này, nghề làm báo bồi bổ cho anh cái ý thức bám chặt vào cuộc đời, sống với nó và hết lòng vì nó. Về mặt này, may mắn thay, Phượng hài hòa với chồng.

Căn buồng có một không khí hài hòa hiếm có như thế.

Nơi đây, họ sống cần kiệm, giản dị mà không thô sơ, nghèo nàn. Phượng không tài hoa, khéo léo như Lý – Luận cũng không câu nệ đến mức phải bỏ việc để xách nước cho vợ tắm và coi đó là đạo đức tuyệt đỉnh của người chồng. Đây là vũ trụ thu nhỏ, ở đó sống chung hai con người hiểu nhau, tôn trọng nhau và dắt dìu nhau. Ở đây có cả hạnh phúc chăn gối thân mật mà không suồng sã, thô bạo. Ở nơi đây, chị là sự dịu dàng, êm ái, bản năng nhân từ, tinh tế, bền bỉ, sâu kín. Anh thông minh, khách quan, ý chí, duy ngã, mạnh mẽ. Chị cụ thể hơn, anh trừu tượng hơn. Trên cái nền chung, hai người đắp đổi, bù trừ cho nhau, tạo nên một khối liên hệ bền vững hơn tất cả các hợp đồng, khế ước ràng buộc, chi phối nhau; tới mức tình trạng tinh thần người này quyết định âm điệu cuộc sống người kia.

Chiều nay, Phượng rất tha thiết được gặp chồng. Chị muốn được kể cho anh nghe tất cả những điều chị đã thấy, những ý nghĩ chị đang manh nha. Chị sẽ kể về bà trưởng phòng và hỏi anh: nên đánh giá bà thế nào, quan hệ của bà đối với ông giám đốc là thế nào và có phải vì thiếu năng lực mà các thói tật, như tính ưa quyền hành ở bà, phát sinh? Chị sẽ kể lại cái ấn tượng ghê rợn: con bò già khuyu ngã, gã đánh xe đánh con bò bằng cái xẻng, như vậy thì gã có phải là con người? Anh sẽ phân tích, biện giải say sưa. Cũng có lúc anh bí. Lúc ấy anh thường nói: "Đời phức tạp ghê thật". Khi nói câu ấy, người ta như vượt lên tầm cao, nhìn cuộc sống một cách bao quát. Cuộc sống vốn là đối tượng suy nghĩ, tác động của anh. Và chị được an ủi, khích lệ rất nhiều sau những lần trò chuyện với anh. Cuộc sống muôn vẻ, chị là một vẻ đẹp chắc chắn, chị sẽ kiên trì nhẫn nại như vẫn hằng sống, không ai có thể đưa chị chệch ra khỏi nếp sống ấy.

Phượng đã kiên nhẫn. Chín năm xa chồng, sống ở một huyện miền núi heo hút, làm một công việc không phù hợp với trình độ, năng lực, chắt chiu nuôi con và mẹ già. Trong chị, dường như đã xuất hiện khả năng kiềm chế và nhẫn nại. Đó là một trong những nét đặc sắc nhất trong tính cách của chị.

Cơm đã nấu xong, nhìn ra sân, Phượng vẫn thấy Đông ngồi nhổ râu trên cái ghế đá dưới cây táo. Một lúc sau, thấy Đông đứng dậy, dùng dằng nửa muốn ra cổng, nửa muốn ở lại. Mấy hôm nay Lý vắng nhà, Đông ăn uống ở đâu?

– Anh Đông, em mời anh với ông vào xơi cơm.

Phượng ra sân, nhìn Đông, nhỏ nhẻ mời. Đông gãi cái gáy rậm, ngập ngừng:

– Ông đi chơi hội bên Bắc Ninh sáng nay. Hồi này nghe đâu ông ăn ở cửa hàng ăn.

– Chết, thế mà em không biết. Anh vào ăn với em vậy.

– Tôi... tôi ăn rồi.

– Anh ăn lúc nào! Thôi, vào ăn với em cho vui đi.

Đông lại gãi gãi gáy, mặt ngô nghê hẳn đi:

– Phiền quá nhỉ? À, nhưng mà cô có nấu cơm tôi đâu.

– Em có nấu cả phần anh mà.

Vào bữa, khi đã vui, Đông mới nói thật: dạo này, bữa nào Lý vắng nhà, anh nhịn luôn. Phần vì ngại nấu, phần vì không có thức ăn. Đêm đói, không ngủ được, có hôm, phải mở cổng ra phố ăn phở. Hết tiền thì rang mấy củ lạc ăn cho đỡ cồn cào.

– Chết thôi, lần sau chị đi vắng, anh cứ bảo em nhé.

– Sợ phiền cô.

– Có gì mà phiền. Anh cứ hay nghĩ thế!

Đông cười hiền lành, chân thật. Cái nét cười ấy, chưa bao giờ Phượng thấy. Đông thật chất phác, lành mạnh. Trông Đông ăn cũng thấy nét ấy. Ăn hết một bát, đưa Phượng xới lại "xin cô", đỡ bát cơm, lại "cám ơn cô", rất ý tứ. Và miếng nào gọn miếng đó, bát cơm ăn hết sạch bong. Vừa nhai vừa gật gù, trông vừa ngồ ngộ, vừa tội nghiệp.

– Ơ kìa, cô không ăn cứ nhường tôi mãi.

– Đâu nào, em chia đôi đĩa trứng đấy chứ. Phần em đây. Còn đây là phần anh. Ơ kìa, anh đau răng, đừng ăn cháy.

– Thôi, thôi, tôi chỉ cần dưa và nước mắm là có thể ăn đủ bẩy bát cơm. Cô có ớt cho tôi một quả.

– Đấy, em đoảng thế đấy, ớt có mà không lấy cho anh.

– Cám ơn cô.

– Anh Đông ạ, anh Luận em y như anh, gắp cho miếng thịt, miếng trứng là cứ giẫy nẩy lên. Về sau anh ấy mới nẩy ra sáng kiến: Chia khẩu phần. Dưa rau thì thôi. Anh ấy bảo: Anh cần ăn mà em cũng cần ăn để làm việc. Ít thì chia ít, ăn theo khẩu phần là hợp lý nhất trong hoàn cảnh hiện nay.

– Thế có bao giờ Luận xin thêm không?

Ra ông Đông này cũng nghịch ra dáng. Phượng bật cười:

– Không, nhưng cũng quá trẻ con. Em ngoảnh đi là gạt luôn thêm sang phần của em. Em biết thì kêu: Đây là của tôi tặng cô, cô không nhận là thiếu tình nghĩa. Có hôm gắp cho em, em rụt lại, miếng thịt rơi tọt xuống đất. Thế là càu nhàu: Cô này bất lịch sự.

– Khá lắm.

– Anh Đông này, anh Luận em thế mà không biết nấu cơm đâu nhé.

– Nó lười thì có. Bộ đội mà không biết nấu cơm có chết. Nó lười đấy. Đã thế phân công cho nó rửa bát.

– Kể ra nấu thì cũng được, nhưng vừa nấu vừa chúi vào quyển sách, cơm khét cũng mặc. Lại có hôm xào rau, có một mớ mà lúc múc ra đầy ụ một bát, hóa ra xào cả cái giẻ rửa bát. Còn rửa bát ấy à, khoắng khoắng mấy cái là xong, lại còn lý sự: Cơm chứ gì mà bẩn!

– Há! Thằng này khá!

Đông cười, nhưng môi vẫn mím, hai má phồng miếng cơm đang nhai. Đông nhai rất ngon. Miếng dưa ròn rau ráu, ngon như miếng thịt. Rồi dịch ra đầu nồi đòi xới lấy. Đĩa trứng hết, lại xẻ nước dưa sang, tráng rất khéo, rồi trút cả vào bát cơm.

– Sao? Cô cười gì thế! Lính thì phải *tráng* mà.

– Trông anh ăn ngon quá. Đến cuối bữa vẫn thấy ngon.

– Nhưng ai nuôi tôi thì sạt nghiệp đấy.

– Anh cứ nói thế. Anh Luận em mà ăn được như anh, giả dụ có thiếu, em cũng nhường hết cho anh ấy ăn. Anh Đông ạ, em ấy mà, không hiểu sao em ăn nhiều cũng được, ít cũng được. Hồi ở Hoàng Liên Sơn, nhiều bữa thiếu gạo em chỉ ăn một bát thôi cũng đủ. Còn sắn, khoai, em ăn trừ cơm bao nhiêu ngày cũng được.

Đông gật gật đầu, không hiểu anh nghĩ gì. Nhưng rõ ràng là anh vui. Bữa cơm đạm bạc mà ngon, vui. Có lẽ vì thái độ ân cần của Phượng.

Nhưng, đột nhiên Đông đặt bát cơm xuống mâm:

– Cô Phượng ạ, có lẽ tôi sắp đi làm đấy.

– Anh lại vào bộ đội à?

– Ba mươi năm bộ đội rồi còn gì! Tôi định xin vào một hợp tác xã thủ công chẳng hạn.

– Nhưng anh có nghề gì mà định xin vào hợp tác xã.

Câu hỏi hết sức thật thà của Phượng không ngờ làm Đông ngớ người. Anh nhấc bát cơm, ngắc ngứ, và một miếng rồi ngẩn ra:

– À ừ ừ... những thằng lính bọn tôi là thế đấy. Hừ, như tôi bây giờ, làm công tác chính trị, tuyên huấn... thì được. Còn nghề khác thì... Nhưng, cô Phượng này, tôi có thể làm kế toán được chứ. Trước cách mạng, tôi học đến đệ nhị đấy.

– Kế toán có nghiệp vụ kế toán. Phải học mới làm được. Nhưng anh không làm được đâu!

– Sao, khó thế cơ à?

– Khó thì không khó. Cái chính là phải có tính nguyên tắc.

– Tôi có tính nguyên tắc.

– Nhưng cũng phải biết vận dụng... Anh làm thì sẽ rối tinh hết lên ấy chứ.

Phượng cười, Đông bật cười theo và công nhận rằng mình đuểnh đoảng, không quen tỉ mẩn, cụ thể. Nhưng Phượng đã thôi cười, mặt nghiêm hẳn đi:

– Em nói đùa thế thôi. Mà sao anh lại phải đi làm kế toán? Nói thế không phải là em coi thường việc ấy. Nhưng sao anh lại phải đi làm khi anh đã được quyền nghỉ?

– Thế thì tôi sẽ có cách. Nhưng mà vẫn sinh lời.

– Chăn nuôi à?

– Không! Tôi sẽ chơi xổ số!

Lần này thì Phượng phì cười thật sự. Quả là ông anh chồng cũng có lúc hóm ra trò. Nhưng, Phượng biết ngay là mình lầm. Đông hơi cúi xuống, mặt bần thần, ngắc ngứ một lát rồi như bị thúc ép, tọt ra một câu nói nghe như của một người khác vậy:

– Phải có cách sinh lợi, cô Phượng ạ.

Lúc ấy, thật bất ngờ, cánh cửa buồng bị một hơi gió đẩy, két một tiếng, he hé mở và từ từ ló vào một cái đầu mèo đen tuyền.

Phượng vội đứng dậy, rón rén bước ra, nhẹ nhàng ngồi xuống cạnh ngưỡng cửa, chúm môi hồi hộp gọi: Miu miu... Nghe tiếng gọi âu yếm ấy, con mèo bạo dạn lọt cả thân mình vào. Đó chính là con mèo đen đêm ba mươi bị Lý trừng phạt bằng cú đá trời giáng.

– Anh xẻ cho em ít cơm ra cái đĩa, anh Đông.

Phượng rối rít, khe khẽ gượng nhẹ, chỉ sợ làm kinh động, con mèo sẽ sợ hãi chạy đi mất. Nhưng, khi đĩa cơm nhỏ đặt xuống trước mặt nó, nó ngước lên nhìn Phượng, có lẽ thấy có thể tin cậy được nên kêu *meo* một tiếng như cám ơn và cúi xuống. Thì ra cô nàng đói. Khốn khổ chưa, lông thì xác xơ, xương sườn thì nổi từng giẻ, cái đuôi thì trụi thùi lui như bị cháy.

– Thôi, ăn xong thì ở lại đây bắt chuột nhé.

Phượng định giơ tay vuốt lưng con mèo, nhưng sợ nó hãi lại rụt tay, quay về phía Đông:

– Anh Đông ạ, hôm nay lúc đi làm về, qua chỗ đường tầu hỏa, em gặp một chuyện rất thương tâm. Có một con bò già kéo chiếc xe cát rất nặng, thế mà...

– Chào hai người! Có gì mà vui vẻ thế!

Cùng với tiếng đẩy cửa là tiếng Lý lảnh lót từ ngoài vẳng vào đã đột ngột cắt đứt dở chừng câu chuyện Phượng đang kể.

Phượng đứng dậy niềm nở, tự nhiên:

– Chị Lý! Chị mới đi hội chùa Hương về à?

Lý, vai đeo cái túi thổ cẩm, bước vào, không đáp, khủng khỉnh lướt qua mặt Phượng, môi dưới thuỗi một cái cười lửng lơ và hai con mắt khim khíp lia ngang mặt Đông một cái nhìn có ẩn ý giễu cợt:

– Biết ngay là ông Di Lặc xuống đây ăn chực mà! Ơ kìa!

Chính là sự có mặt của con mèo đen đã khiến Lý kêu lên hai tiếng kinh ngạc khi chị vừa xoay người lại.

Con mèo đã trở thành một nhân tố ngẫu nhiên trong câu chuyện của con người. Nhận ra có tiếng người lạ, nó ngừng ăn, ngửng phắt lên. Nó đã nhận ra Lý, kẻ đã đá nó một cú tưởng chết bữa nào. Nó chun mình lại, thoắt giữ thế thủ, mắt lóe xanh. Không chịu nổi cái nhìn hằn thù của con vật, Lý giậm mạnh guốc, quát một tiếng; con mèo nhanh như cắt, nhún chân tót lên bậu cửa sổ, vọt ra ngoài sau khi *ngoeo* một tiếng căm giận.

– Em cho nó ăn để dụ nó về bắt chuột cho nhà mình, chị Lý ạ. Sao hồi này chuột ở đâu vỡ tổ ra lắm thế. Chị đi hội chùa Hương có vui không?

– Vui! Vui nhất là gặp ông cụ nhà này và bà lang Chí. Già rồi mà leo núi khỏe ra phết.

Sao giọng Lý lại bỡn cợt, mai mỉa thế! Phượng cúi xuống, nhấc đĩa cơm mèo. Ngồi phịch xuống giường nhìn Đông cầm đôi đũa gạt chéo qua miệng, mắt Lý kéo một vệt nguýt sắc lẻm:

– Để sẵn gạo thịt đấy, chỉ có việc nấu mà cũng lười!

Phượng ngoảnh lại dàn hòa:

– Em phải mời gẫy đũa vỡ bát anh ấy mới chịu ăn cho đấy.

– Ăn thì thủng nồi trôi rế ra, ai mà chịu được. Hừ, không hiểu sao tôi lại lấy phải ông nhỉ, ông Đông.

Trời, sao Lý lại có thể sỗ sàng, tàn tệ đến thế! Sao Lý lại ngang nhiên xúc phạm một người chồng hiền lành, thật thà như thế! Và Đông, sao lại im lặng?

Đông chống tay, đứng dậy, cười khì một tiếng ngắn ngủn:

– Thôi, bà ơi. Hỏi thế làm gì? Nó là cái duyên cái số mà.

Lý trợn trừng:

– Ông tin là có số, hả? Vậy thì hôm nay là ngày lành tháng tốt, ông đã đến hỏi ông chủ nhiệm hợp tác xã thủ công phường chưa? Lại chưa? Sao mà lần khân thế. Nếu người ta không nhận, nếu sợ lụy người ta thì ra ngay cổng này mà lập cái quán bán nước chè đi. Sĩ mãi! Khối ông úy ông tá cũng làm thế cả đấy.

Có một cái gì đó vừa vỡ ra trong Phượng. Phượng đã hiểu ra nguồn cơn câu chuyện rồi. Cô cúi gằm xuống thu dọn bát đĩa rếch, tới lúc nghe thấy tiếng tay Lý gạt sạt sạt trên chiếu, cô mới ngẩng lên. Lý vừa nghiêng túi thổ cẩm đổ ra chiếu một đống mơ chùa Hương vàng ửng và đứng dậy:

– Cho ít mơ đấy. Này, cô Phượng, tôi hỏi: Sao chưa làm đơn xin xí nghiệp phân phối nhà ở cho là thế nào nhỉ?

Phượng đứng dậy, vốn không quen nghĩ lắt léo, không thể đoán ra được ý gì nữa ẩn chứa trong câu hỏi vừa rồi của Lý. Thấy Đông tặc lưỡi đánh vào chân răng và nhìn quanh, Phượng vội rút cái ngăn kéo bàn:

– Anh Đông lấy tăm này.

– À... cám ơn cô Phượng! Cái răng sâu tệ hại quá!

Đông vui vẻ nhót một cái tăm, vô tư như quên hết những gì vừa xẩy ra, nhưng anh vừa cắm que tăm vào miệng, chưa kịp xỉa, Lý đã đẩy vai anh, gắt:

– Lần chần mãi. Đi thì đi dứt đi. Cưa đứt đục suốt đi. Hay là để tôi cầm tay dẫn đi nữa. Tháng sau tôi không còn ở nhà đâu!

– Sao?

– Tôi sắp đi Sài Gòn một tháng. Nhưng đừng lo. Tôi sẽ gửi gạo, tiền cho ông ăn ở đây. Mãn nguyện chưa?

Cái giọng đùa cợt ác ý của Lý. Phượng đã nhận ra.

Chiều hôm đó vào khoảng sáu giờ chiều, đã lấy xong tư liệu để viết bài, ở một xã nổi tiếng có năng suất lúa cao, Luận bỗng nẩy ra ý định: Trở về nhà ngay đêm nay, bằng cách đi bộ.

Quãng đường phải vượt dài gần ba mươi cây số hoàn toàn không phải là một khoảng cách ngắn với đôi chân. Anh nhà báo

bỗng muốn ôn lại kỷ niệm thời xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước. Không! Thử thách những năm đánh giặc chỉ là để tin hơn vào năng lực tiềm tàng và ý chí của mình. Nhưng sự thực là: Đã xuất hiện một trạng thái hưng phấn đột khởi, một cơn hứng bất tử của sức sáng tạo, ở một trái tim đàn ông nồng nhiệt và đầy tràn nghị lực.

Mười hai giờ đêm, con người ấy đi tới mục tiêu mà vẫn cảm thấy sung sức. Luận đứng ở cổng ngắm căn buồng nhỏ nơi chỉ có tình yêu, nơi sống ngoài qui luật đồng tiền, sung sướng hít thở hoa nhãn non về đêm thoảng như hơi sữa mẹ. Quyết định không bấm chuông điện, Luận trèo cổng vào. Đứng một lát ở vườn cây, nhận hơi mát từ các vòm lá tỏa, thấy buồng Phượng mở cửa sổ, anh bỗng nảy ra ý nghĩ nghịch ngợm và nồng nàn. Nhẹ nhàng bám tường, anh leo lên cửa sổ nghĩ tới cùng lúc thiên tình sử Kim Trọng vượt tường sang Vườn Thúy và gã trai nổi loạn Pétsôrin[1].

Căn buồng lặng tờ.

Phượng thính ngủ, giật mình choàng dậy. Nhận ra tiếng Luận, Phượng vẫn chưa hết bàng hoàng. Đèn không bật, khuôn cửa sổ đón nguồn sáng mờ ảo của cả một trời sao và bóng Luận đi tới, như trong một giấc mơ kỳ lạ.

– Em đang mơ về con. Em thấy răng của con có một chiếc bị sâu, em sợ quá. Có lẽ là buổi chiều em thấy anh Đông đau răng. Sao anh về khuya thế? Trời, anh đi bộ? Còn nhớ hồi anh sắp vào mặt trận, anh đi bộ ba ngày liền lên thăm em ở Lục Yên Châu. Anh có mệt lắm không?

Không đáp, Luận kéo Phượng lại gần mình, sát cửa sổ. Sao bỗng dưng anh có cảm giác rất quái quỷ: Anh sắp xa cách Phượng, y như hồi anh lên cái huyện miền núi xa xăm ấy chia tay Phượng. Chiến tranh đang độ ác liệt. Anh không còn ý niệm về không gian, thời gian và quên hết những điều định nói.

Phải một lúc sau tâm trí Luận mới trở lại yên tĩnh. Anh nghĩ: Mình vừa sống lại những giây phút gặp gỡ Phượng thời yêu đương sôi nổi đã cách đây mười năm. Mười năm trước, khi ấy Luận học trường Tổng hợp và Phượng bên Kinh – Tài. Mới đó mà hai người

---

1. Nhân vật trong truyện "Một anh hùng thời đại" của Lécmôntốp.

đã trải qua một chặng đường dài kinh khủng. Ý nghĩ ấy làm anh xốn xang.

– Anh nhớ ra rồi, anh phải về với em ngay đêm nay, không thể chậm hơn. Phượng ạ – Giọng Luận đã thật hơn – Anh muốn nói chuyện với em. Anh vừa ở một xã đồng bằng Bắc Bộ. Anh không nói toàn bộ, toàn cảnh. Anh nói một khía cạnh nhỏ, rất nhỏ của cuộc sống ở đó cho em nghe.

Luận dừng lại, nhìn vợ thiết tha:

– Phượng à, cuộc sống thật kỳ lạ vì con người vẫn là một cái gì bí ẩn. Dân mình cũng có cái gì đó bí ẩn lạ lắm, em ạ. Anh kể em nghe một chuyện khiến anh vô cùng xúc động. Có một cụ ông, một lão đồng chí...

Phượng hơi ngước lên và nghe thấy trong tiếng nói của chồng tích tụ bao tâm tư của chính anh. Anh đang kể cho chị nghe chuyện một lão đồng chí, bây giờ là lão đồng chí, còn năm 1930, khi được đoàn thể giao nhiệm vụ ra nước ngoài hoạt động, tạm biệt người vợ trẻ ra đi, thì còn trẻ hơn Luận bây giờ.

Khi ấy hai vợ chồng họ có một con. Biền biệt mười lăm năm trời xa cách, năm 1945, cách mạng thành công, đồng chí ấy đã là một cán bộ cao cấp. Trở về thăm lại gia đình, đồng chí ấy thấy cảnh tượng gia đình mình khác hẳn lúc mình ra đi. Người vợ đã có thêm ba con nữa với người chồng khác vừa chết bệnh xong.

– Em có hiểu không, đồng chí ấy có thể bỏ người vợ cũ của mình mà hoàn toàn không ngại dư luận lên án và lương tâm cắn rứt – Luận trở lại giọng luân lý khúc chiết thường khi – Không ai trách ông cả. Ông có thể lấy một người vợ khác, trẻ hơn, đẹp hơn. Vậy mà không. Ông về với bà vợ cũ và săn sóc ba đứa con bà y như đứa con duy nhất của mình. Tới nay, cả bốn người con đều đã trưởng thành. Đến thăm ông cụ, anh hỏi, ông cụ điềm nhiên đáp: *"Tôi vẫn thương bà ấy, chứ tôi không giận. Hoàn cảnh nước mình nó đã vậy, biết làm sao được!"*. Anh trào nước mắt, ngay lúc ấy muốn phục xuống chân ông, lạy ông. Em ạ, dân mình khổ quá. Những chuyện tình xưa như Tống Trân – Cúc Hoa, Phạm Công – Cúc Hoa... truyện nào cũng đẫm nước mắt cơ cực! Cơ cực quá! Có dân tộc nào khổ như

dân tộc mình! Trong hoàn cảnh ấy, con người muốn sống được phải lớn lao, cao thượng lắm, em à.

Vào đúng mạch nguồn những suy nghĩ đã nấu nung, những cảm xúc đã tích lũy, giọng Luận lại chứa chan, dạt dào:

– Em ạ, anh cũng đã gặp trong một xóm nhỏ xã ấy, ba cặp vợ chồng. Ba chị đều khá xinh lấy ba anh thương binh; anh thì cụt cả hai tay, anh cụt hai chân, anh thì cụt một tay một chân. Thấy các chị ấy săn sóc chồng mà anh không cầm được nước mắt. Anh nhớ tới đời chị Hoài, lại như nhìn thấy đôi gót chân nứt nẻ của chị. Phượng à, còn một chuyện riêng của anh, chưa bao giờ anh nói với em. Anh ra mặt trận, chiến đấu bẩy, tám năm trời và đã trở về với em như một điều kỳ diệu. Thật là kỳ diệu đấy, em ạ. Một lần, anh và một đồng chí nữa trên đường tiến quân phải qua một cây cầu địch chiếm giữ. Có bao điều nguy hiểm bí ẩn ở cây cầu ấy, ai mà biết được! Một trong hai người, anh hoặc đồng chí đó phải vượt qua cầu trước. Anh tự nguyện. Nhưng đồng chí ấy dằn anh xuống: "Tôi đi. Đồng chí có vợ con, rủi có hy sinh, vợ con đồng chí sẽ cực lắm!". Đồng chí ấy băng lên cầu. Và đã hy sinh ngay sau đó mấy giây. Thằng địch vì thế lộ hết hỏa điểm... Anh trở về đơn vị, như một kẻ mất hồn. Sau mới biết: đồng chí ấy có vợ và hai con vừa bị bom Mỹ chết ở Hải Phòng.

Phượng trào nước mắt. Chị run cầm cập, ôm chặt chồng và nép vào ngực anh.

Luận xoa vai vợ, hơi cúi xuống:

– Phượng à, có nhà thơ nói: Tình yêu là cái phép lạ hàng ngày. Anh không biết các dân tộc khác họ thế nào. Nhưng anh nghĩ, dân tộc mình thật sự là một dân tộc có cái phép lạ hàng ngày đó. Dân tộc mình sống có nghĩa, có tình sâu sắc, một nghĩa tình gừng cay muối mặn, tao khang, vì đã qua lửa đạn, gian truân. Em cứ nghĩ mà xem: không có lòng nhân hậu, vị tha, sự hy sinh và nhẫn nại thì sao mà có tình yêu được, làm sao biết sống làm người được! Bây giờ, trong những ngày đất nước đang khó khăn này, nghĩ sâu về điều đó, anh thấy như được bồi bổ thêm sức mạnh.

Phượng lau mắt, chị cảm thấy mình vừa được tỏa rạng trong một nguồn sáng từ anh. Chị nhớ lại gần đây, ở những phút gần chị,

anh hỏi chị: Vì sao em yêu anh, chị nói đùa: Vì anh hay lý sự. Chị đã nói mà chưa nói hết. Anh gắn liền với cái cao đẹp trong cuộc sống bằng tất cả lý trí và tâm hồn, anh thích truyền đạt tất cả những thu nhận của mình với xung quanh.

Hai người đứng với nhau thật lâu, cho tới lúc nghe thấy tiếng lá chuyển ở vườn cây, Phượng mới như sực nhớ:

– Thôi chết, em đoảng quá. Em nấu cơm nếp cho anh ăn nhé.

– Thôi, để sáng mai anh ăn cả thể. Công việc của em vẫn bình thường chứ.

– Em định xin nghỉ phép để đi thăm vợ con Cừ mà chưa được.

– Để anh viết thư cho cô ấy đã. Có gì anh sẽ đi. Anh viết ngay bây giờ đây.

Luận bật đèn ở bàn viết. Có những lúc không thể không bắt tay vào làm ngay một việc nào đó, mặc dầu nhanh chậm không thật có ý nghĩa trên thực tế. Tính Luận vậy.

Luận ngồi vào bàn.

Hình như có tiếng sấm xa và lộp độp tiếng hạt mưa rắc trên mái nhà. Cuối xuân rồi, trời đêm ấm áp đang chuyển sang phần sáng.

– Anh à, thế nào em cũng đi đón con về, em nhớ nó quá.

– Ờ, thế em muốn để con mất một năm học à?

– Kìa anh!

Chợt, Phượng kêu khe khẽ.

Luận quay lại, tay vẫn cầm bút. Như một sự kỳ lạ của đời thường, trên cửa sổ vừa nhảy lên một con mèo đen. Nó nhìn căn buồng rồi thu mình ngồi im như thể đây là nơi nó vẫn hằng ăn, ở vậy.

9.

Ngày đã dài hơn. Thời gian như trẻ lại.

Chớm hạ, ngày nào cũng như ngày nào, vào quãng ba giờ chiều, cái nắng đầu mùa chợt nhợt đi. Những tầng mây đen nặng

chứa các điểm dông bão lừ lừ bay về thành phố. Gió mùa Đông Nam đang hấp tấp đuổi theo những lưỡi khí lạnh chưa kịp rút của mùa đông, vượt lên, đột ngột hóa lạnh. Mưa đổ xuống thành phố. Những cơn mưa ngắn ngủi, mạnh như thác đổ.

Mưa mùa hạ ào ào cảm giác hứng khởi.

Ếch nhái ở góc vườn rậm nổi điệu nhạc i uôm hào hứng, những đám cưới của loài sinh vật này tắm gội trong mưa chợt rơi chợt tạnh, cũng ngắn ngủi, ồn ào như những cơn mưa. Mưa giội xuống mặt đất một nguồn sinh lực mới và những hàng me bên hè phố ngày nào chỉ loi thoi mấy chồi lộc, giờ nhánh, cành đã xanh đầm lá non.

Cây trong vườn nhà ông Bằng tốt tươi hơn ở những nơi khác. Kể từ khi xuân sang, trên lá cành của chúng đã thấy có sự hăm hở khác lạ. Giờ thì nhãn đã ra hoa. Lặng lẽ, trên những chòm lá cao tít, hồng bấy lá non, hoa ngoi lên, ngầu ngầu một sắc nắng nhẹ, như phấn thông vàng. Hoa gọi ong. Cây mít bật những chồi hoa cánh mở đầy đặn. Rồi sấu. Lạ, vải kết quả từ lúc nào mà nhanh vậy. Một sớm mai trở dậy, đứng dưới gốc sấu hoa rụng đầy, mịn xanh như bột đậu đỗ, ngẩng lên cành vải đã thấy những chùm quả non nhỏ, xanh như ngọc.

Cây trong vườn năm nay hứa hẹn một mùa quả sai, theo một vòng sinh thái quen thuộc, mà vẫn có gì lạ lẫm khác thường. Hay là cây cùng hoa rung cảm với giai điệu du dương của bản *Vườn khuya* cổ điển? Hay là cây đã xúc động vì câu chuyện tình yêu và hơi bàn tay ve vuốt, êm ái của chị Hoài?

Vào đêm, đứng ở vườn cây mới thấy sự kỳ ảo của hương cây, hương hoa. Trong thanh lặng, hoa các loài, từ cúc, nhài đến nhãn, vải bốc tỏa, thơm nồng dậy. Không khí trong sạch, tĩnh mịch lạ, đến nỗi thấy phảng phất cả một dải hương hoàng lan từ đầu phố về họp hội; và dường như có thể nghe thấy tiếng ngọn mướp hương Phượng và chị Hoài gieo đêm ba mươi Tết vươn mình, với những cánh tay mảnh như tơ, bắt cành leo lên dàn.

Vào những đêm trong sạch, đẹp trời nhất ở đầu mùa hạ ấy, con mèo đen hay bị kích động; nó thường kêu ở trên mái nhà.

Nó nguyên là một con mèo hoang từ nhỏ. Không hiểu nó từ đâu tới. Nó quẩn quanh ở căn nhà này từ quãng ông táo chầu giời.

Chiều ba mươi Tết, nó đột nhập vào bếp và bị Lý trừng phạt quá nặng. Nhưng, mèo vốn là loài có sức sống dai bền. Hơn nữa, nó lại là con mèo hoang. Nó vẫn sống, nhưng gầy còm, xơ xác. Tình cờ nó đến buồng Phượng. Phượng không xua đuổi, lại còn cho nó ăn. Nó trả ơn bằng việc đuổi hết lũ chuột hay đến buồng Phượng quấy phá. Được ăn uống có điều độ, con mèo đen hồi sức rồi béo dần. Bộ lông nay đã mượt, lại đã có cái dáng óng ả của lứa tuổi thanh tơ, nó đẹp đến nỗi có thể gọi nó là con mèo nhung được rồi. Tuy vậy, thật tình nó vẫn chưa thích sống gần người, nó vẫn nhớ đời sống lang thang.

Vào đầu mùa hạ năm nay, đêm nào nó cũng đi lang thang. Quãng mười giờ, nó nhảy từ buồng Phượng, qua cửa sổ, ra sân. Sau khi đi quanh nhà một vòng, nó phắt lên cây. Nó chuyền từ cành nhãn sang cành vải, sùng sục tìm tổ chim trong các chùm lá rậm, rồi bắt đầu cào cấu thân cây và phát ra những tiếng kêu man rợ. Từ lúc đó nó đã trở thành con vật hoang dại. Nó bám theo ống nước, leo lên mái nhà. Ôi, cái mái nhà dốc bốn chiều mái, nhô cao giữa đêm đen thăm thẳm, thật là một vùng hoang sơ vắng vẻ, trơ trọi giữa vũ trụ mịt mùng; ở đây nó có thể tha hồ buông thả, thả sức kêu gào.

Nó kêu, nó gào, nó rít. Thoạt đầu còn ra tiếng mèo dại, càng lúc sau càng biến âm, lạc giọng, lạc tiếng, không có một con vật nào phát ra những âm thanh như thế cả. Ngoãu! Ngoãu! Ngoãu! Đó là tiếng khóc giận dữ, đớn đau, là thanh âm khùng nộ, là nỗi niềm phẫn khích. Tưởng như nó đã tích vào đó cả tiếng sấm sét gió mưa, cả tiếng ếch nhái gọi nhau hoan lạc lúc chiều, giờ mới phát ra.

Tất cả chim sẻ ngủ đêm trong trần nhà nghe tiếng con mèo hóa dại kêu đều im thin thít như đã chết cứng. Và lũ chuột có cảm giác bị hàng ngàn con mèo điên bao vây, cuống cuồng lao chí mạng xuống tầng dưới căn nhà, rồi biến vào các hốc, hang ngoài khu vườn.

Từ lúc con mèo hoang bắt đầu lên cơn động dại, Lý đã thức dậy trong mơ màng. Lý vừa mơ một giấc mơ thật thú vị. Chị sẽ nằm trong chăn, co người lại, lưng quay về phía Đông, để nối tiếp giấc mơ bỏ dở đó; và sẽ giữ mãi trạng thái khoái cảm ấy trong cơn mơ – tỉnh, tỉnh – mơ, cho tới buổi sớm mai khi chim sẽ ríu ran cất tiếng gọi ngoài vườn.

Đẹp và lạ nhất trên đời này là những giấc mơ. Không cái gì mất mát, rơi vãi đi cả. Trí nhớ là một anh thủ kho thật mẫn cán. Ở đó có tất cả những bóng hình của những cái đã qua. Cả những ngày Tết vui chơi vừa rồi. Cả cái cô nữ sinh Đồng Khánh vợ viên quan ba tầu bay ngày nào mặc áo hoa hiên mỗi trưa đi qua khung cửa hẹp nhà Lý, tưởng như chỉ là một ảnh hình, một hương sắc thoáng qua rồi tan biến vào hư vô. Vậy mà ta, còn cả, còn hết, mà lại có phần rực rỡ hơn, thắm tươi hơn. Lý lại gặp lại người phụ nữ đài các, sung sướng ấy. Chị ta vẫn trẻ như thế, vẫn mặc áo hoa hiên như thế, đi giữa kinh thành Ba Lê, nơi Lý chỉ biết lờ mờ do đọc vụng trộm cuốn *Bí mật thành Ba Lê* do anh ta cho mượn. Chỉ khác, bây giờ người phụ nữ quý phái ấy là chủ một khách sạn và chồng chị ta, cái ông quan ba tầu bay ấy, đã giải nghệ, trở thành ông chủ một hãng đồ chơi điện tử. Hai người vẫn là vợ là chồng của nhau, nhưng được tự do thả mình theo một *mốt* sống mới của những con người hiện đại: Một vài tuần, các cặp vợ chồng thân nhau lại đổi vợ đổi chồng cho nhau một vài ngày (!). Hiện đại gì mà lại quái gở thế! Bằng con vật à? Lý ngây ngô muốn hỏi thì có tiếng đáp ngay bên cạnh. Hóa ra viên quan ba tầu bay ngồi ở ghế lái, đang lái chiếc Pơ giô 405 có máy điều hòa đưa Lý đi chơi. Xe phóng ghê cả người. Ơ kìa, thế nào mà ban ngày ban mặt mà đường vẫn sáng ánh đèn thủy ngân. Lý hỏi thì ông ta đáp: "Nước Bỉ nợ đầm đìa mà ăn chơi xả láng vậy đó, em". Tiếng *em* nghe ngọt lịm mà làm Lý bủn rủn. Lý chưa kịp trấn tĩnh thì ông ta đã ghé sang Lý, rạo rực: "Anh ở cạnh nhà Lý, anh đã viết thư cho Lý. Giờ, em là vợ anh rồi, Lý à". Lý kêu thất thanh, ông ta cười, biến ngay thành *anh ta*. Đúng, là anh ta, anh trưởng phòng xấu trai, kệch cỡm, hay trúng xổ số, giầu có, hay cho Lý vay tiền, đã cùng Lý đi chơi Tết, chơi hội, có nhiều sách báo phương Tây, hay cho Lý xem ảnh và đã có lần kể cho Lý nghe cái tục lệ đổi vợ đổi chồng hiện đại trên kia (!).

Ôi! Cái người đàn ông năm chục tuổi đầu chưa vợ nọ với những đầu mày cuối mặt, giọng điệu ỡm ờ, cử chỉ mơn trớn, cách nói lạ tai, tiêu sài vô độ, lối sống khác người, vừa hay hay vừa lố bịch, cứ lởn vởn quanh Lý, thức dậy trong Lý tất cả những chuyện tưởng như là vô nghĩa mà kích thích Lý vô cùng.

Sau cái Tết ngắn ngủi, đã có những ngày như hẫng hụt, Lý lang thang vô định.

Đã có những cơn tâm thần khủng khoảng. Đã có những lúc quăng mình hoàn toàn, bất cần vào các đám hội hè, vui chơi thỏa thích.

Đã có những buổi vẩn vơ một mình trên ghế đá. Đã có những đêm ngột ngạt, trơ trọi trong căn buồng vắng Đông đi chơi tổ tôm chưa về.

Đã rừng rực khát khao tiền bạc, giầu sang, phú quí. Đã nổi cơn nồng nã với kẻ sung sướng hơn mình và thề sẽ đạp trên dư luận đạo đức để đạt ước muốn.

Nhưng, cũng đã có những ngày hồi tỉnh, hổ thẹn với chính mình. Đạo lý như một vành đai nhân hậu. Công luận như một mệnh lệnh ân tình của xã hội. Lương tâm còn sáng, trí thông minh còn đủ để nhận biết. Còn gã trưởng phòng thì thật xấu trai, lố bịch và sự làm giầu mới ám muội làm sao. Đã có nhiều lúc Lý căm ghét anh ta. Đồ hợm của! Đồ gian manh! Đồ nịnh đầm! Đồ mất dạy! Ngôn ngữ anh ta bỉ ổi! Thủ đoạn của anh ta xảo trá! Âm mưu của anh ta tàn ác! Đã có hôm cùng anh ta đi ăn một bữa đặc sản trở về, Lý ghê tởm móc họng nôn ọe hết ra. Đã có lúc thấy những tranh ảnh tởm lợm trong sách báo anh ta đưa cho xem, Lý đỏ mặt bỏ đi và nguyền sẽ không bao giờ đặt chân tới căn buồng đó nữa.

Ấy là những buổi chiều đi làm về, Lý đứng ở cái sân hoa nhãn hoa vải rắc đầy mặt đất, lắng nghe những âm thanh dặt dìu của gió hút trong các chùm lá biếc. Trong sâu xa, Lý cũng là kẻ yêu đời, sáng trong. Lý hân hoan nhìn Phượng đổ òa gáo nước tưới gốc mướp hương, reo vui với một ngọn mướp nhoài xa trên giàn. Lý nhớ thương chị Hoài, kể lại cho Phượng nghe chuyện chị vỗ về âu yếm từng cây xanh. Và thấy Phượng dạo này xanh nhợt, Lý hiểu Phượng rất nhớ con. Đã có lúc Lý hăng hái nhận việc chạy hộ khẩu cho hai mẹ con Phượng.

Đã có những phút đòi vượt ra khỏi vòng cương tỏa, nhưng đã xẩy ra sự thu mình tự nguyện, trở về yên vui trong những nền nếp, chuẩn mực ổn định. Những ngày ấy chợt ấm, chợt lạnh như tiết trời tháng tư, cảm xúc không xác định. Như chiều nay, *anh ta* hỏi: "Lý

nói câu cuối cùng đi: Đi Sài Gòn hay không đi? Để còn đặt vé máy bay. Ông giám đốc bảo: tùy phòng xếp sắp". Xí nghiệp đang cần nhựa cao su, phụ tùng các loại máy, hóa chất, nhưng đi cả tháng trời biền biệt với *anh ta*? Con mắt có lẹo của *anh ta* nheo nheo đầy ẩn ý. Hứa hẹn những cuộc tiêu pha thỏa thích, hay nhắc nhở những món nợ Lý vay phải trả. Đời đã vay là phải trả. Nhưng, anh ta cười rất lẳng: Tiền của tôi cũng là tiền của Lý thôi! Này, bỏ ngay cái thói quen dùng tiền mua chuộc bẩn thỉu đi. Con này khinh. Con này biết tỏng chuyến này đi, anh sẽ lợi dụng hàng, tiền, xe cộ xí nghiệp kiếm riêng bạc vạn rồi. Đã thế thì, xin chào. "Không đi! – Đi" "Không đi! – Đi". Ngột lên một cảm giác sinh tử. Lý bối rối quay đi: "Để tối nay về suy nghĩ đã!".

Đi – Không đi! Đi – Không đi! Bây giờ đây tỉnh dậy lúc đêm hôm, trong tiếng mèo kêu thảm thiết, phương trình đã hoán đổi số hạng, nhưng vẫn chưa có nghiệm số! Tắt rồi cháy, cháy rồi lại tắt những dục vọng ngút lửa. Những lời tỉnh táo vang thầm. Những biện hộ trỗi dậy.

Trên mái nhà, tiếng con mèo càng lúc càng khẩn thiết. Lý ngồi hẳn dậy vì thấy có chuột leo qua cái chăn mình đắp. Đông cũng thức giấc lúc đó.

– Mê một giấc kinh quá! – Đông lẩm bẩm, chùi nước rãi rớt ra mép – Đến Xuân Lộc thì gặp thằng Cừ. Vừa nói mấy câu, một quả đạn pháo ở đâu rót tới nổ đánh ùng, chết ngay hai đồng chí bên cạnh. Máu me lênh láng...

– Đừng nói nữa!

Lý thét, áp tay vào tai, ngực dội lên dẹp xuống.

Đông đã lại cất tiếng ngáy rờn rờn. Giá như là một người khác chứ không phải là Lý. Người đó sẽ an ủi Đông và thương Đông vô cùng. Đông đáng được đền bù sau những gian nan đã chịu. Giá như là một người đàn ông khác chứ không phải là Đông. Người đó sẽ quãi tay kéo Lý, dịu dàng: "Thức làm gì thế Lý, ngủ đi em, mai còn đi làm".

Nhưng, không đổi khác được. Đông tốt lành, nhưng xa cách, ít lắng nghe, gắn liền vô tình với hoang vắng, vô tích sự. Và Lý thì vốn chông chênh, càng lúc này càng chông chênh.

Ngoău! Ngoău! Ngoău! Con mèo gào càng lúc càng ai oán, như tiếng gào của một linh hồn ma quái đau khổ và đói khát hiện về đòi báo oán. Con mèo đứng trên nóc buồng Lý. Sao lại thế? Lý sởn gai gà. Con mèo muốn trả thù Lý về cú đá thập tử nhất sinh hôm nào chăng? Tiếng nó như gai cào vào da thịt Lý.

Ngoău! Ngoău! Con mèo hoang nhất định trả thù. Nó sẽ kêu cho tới lúc Lý phải thua.

Một tiếng đồng hồ sau, Lý bừng bừng những cảm giác bệnh hoạn, chị lao ra cửa với những ý nghĩ hết sức quái đản. Giá lúc ấy Đông tỉnh giấc, và gọi: "Lý, em đi đâu? Sao mặc phong phanh thế?"...

Nhưng, vườn cây có hơi sương đêm rười rượi mát và hương hoa thơm thức tỉnh Lý. Chị ngồi ở cái ghế đá dưới cây táo, lát sau thở một hơi dài buồn rã rượi: "Thôi đi một chuyến cho đỡ buồn!".

Nửa đêm về sáng ấy có cơn mưa rào.

Mưa tạnh, nghe thấy tiếng người văng vẳng như gọi đò: "Anh Luận ơi" ở ngoài cổng, Phượng tỉnh giấc, chạy ra.

Đứng trước hai cánh cổng sắt là một người phụ nữ và hai đứa trẻ. Người phụ nữ nhỏ nhắn mặc bộ quần áo bảo hộ xanh bạc, đi đôi giầy vải không dây, vai đeo một cái ba lô cũ bẹp rúm, mặt vêu vao, héo hắt, hai con mắt đỏ hoe. Hai đứa trẻ trạc năm, sáu tuổi, cao xấp xỉ nhau, chân đất, quần cộc, lem luốc, trán dô che hai con mắt gườm gườm chứa chất nỗi hằn thù. Tất cả đều ướt nhèm và run rẩy.

Thoáng qua Phượng một linh cảm sợ hãi và nhận ra cái dáng nét quen quen ở khuôn mặt hai đứa bé, Phượng ngồi thụp xuống, ôm chầm lấy đứa nhỏ:

– Cô Cừ phải không? Tôi là Phượng, vợ anh Luận. Hai cháu đây à? Lớn quá nhỉ! Vào nhà đi!

Vợ Cừ bỏ cái nón rách, thở đánh phào, nhột nhạt:

– Em nhận được thư anh Luận, vừa lúc nông trường người ta...

– Tôi biết rồi. Thôi, vào nhà đi đã. Khổ, ướt hết cả rồi. Tầu Nam lên từ lúc mười hai giờ kia mà.

– Em xem nhầm địa chỉ anh Luận ghi. Xuống tầu, ba mẹ con hỏi thăm, đi đến nơi thì người ta bảo: không có ai là Luận ở đây cả. Thế là lại lộn lại. Mưa ướt, đường xa, thằng Quân em cứ èo ẹo đòi bế. Em bảo chúng: "Quân anh, Quân em cố đi đi, mẹ mệt sắp đứt hơi rồi đây".

Người phụ nữ đưa mu tay quệt đuôi mắt, vừa nói vừa lếch thếch dẫn hai con vào nhà. Và khi tới buồng Phượng, hai đứa trẻ liền leo tót lên giường, thì chị ngồi phệt xuống đất, không thể kìm nén lâu hơn được nữa, bật lên tấm tức:

– Khổ quá, ở trên tầu xuống, tay em giữ chặt hai cháu, dẫn chúng ra cửa, chỉ sợ chúng lạc. Người chen vào chen ra lộn xộn, chẳng hiểu thế nào mất hết cả hai bọc quần áo, chăn màn. Cả cái túi em để ví tiền với giấy tờ nông trường họ cấp cũng chẳng còn.

Phượng đã dự đoán được phần nào độ bi thảm của câu chuyện khi thoạt nhìn thấy vợ con Cừ ở cổng, nhưng không ngờ lại tiếp xúc ngay với nỗi bất hạnh của vợ con Cừ khi vừa gặp gỡ như thế này. Phượng xua xua tay, như để lấy lại sự bình tĩnh cho chính mình:

– Thôi, cô và hai cháu lên được đây là mừng lắm rồi. Chúng tôi ở trên này sốt ruột lắm về tình hình cô ở dưới đó. Khó khăn gì rồi cũng tìm cách gỡ được. Ở đây, đã có các bác. Giờ, đi tầu mệt, ba mẹ con nghỉ đi tôi nấu ù nồi mì ăn cho đỡ đói đã nhé.

Phượng nhóm bếp dầu, đặt nồi.

Vợ Cừ vẫn ngồi dưới đất, vò vò khăn tay giụi mắt, nức nức mấy tiếng rồi òa lên nức nở.

– Cô Cừ... – Phượng gọi giật giọng ngột lên lo sợ.

– Chị ơi, đời em, đời hai con em thế là hỏng hết cả rồi. Em đang đứng máy dệt chiếu thì nhận được thư anh Luận. Chưa kịp bóc xem thì ông đội trưởng báo lên gặp tổ chức nông trường ngay. Lên tới nơi, nghe người ta nói, em mới biết: anh Cừ anh ấy chạy ra nước ngoài rồi. Chị ơi, em ngất ngay lúc bấy giờ. Các chị cùng đội vội đưa em đi bệnh viện và trông hai cháu hộ em. Được một tuần, em ra viện thì nhận được quyết định của nông trường cho... thôi việc.

Không nghe Phượng gọi, vợ Cừ gục đầu xuống thành giường, giọng càng nhức nhối hoang mang:

– Chị ơi, em đâu có ngờ. Khi anh ấy phục viên, em bảo: Thôi, anh cứ về thành phố, ở đấy có các anh các chị, có điều kiện học hành, không phí tuổi trẻ đi. Anh ấy được đi nước ngoài học kỹ thuật một năm, em mừng quá. Các cháu đi khoe khắp hàng xóm. Rồi anh ấy về, có lần viết thư cho em, còn bảo: cố gắng chịu đựng ít lâu nữa rồi anh thu xếp cho ba mẹ con lên làm việc ở trên này. Em có ngờ đâu anh ấy lừa dối mẹ con em. Bây giờ thế này em biết làm thế nào! Mẹ em thì đã tám mươi, lại mù lòa. Anh trai em thì thương binh, những bẩy tám cháu, vợ lại yếu đau. Không có hai cháu thì em thắt cổ em chết ngay rồi, chị ơi...

Nước mắt Phượng ứa ra hai khóe mắt. Cơ cực, thảm thương đến thế này cơ ư? Phượng cố nén mà giọng vẫn cay xè:

– Cô Cừ, lúc này phải bình tĩnh. Rồi ta sẽ bàn cách. Anh Luận đi công tác về, anh ấy sẽ bàn với anh Đông. Không lo, cô Cừ ạ.

Vợ Cừ mếu máo:

– May mà em nhận được thư anh Luận, em mới theo địa chỉ anh ghi, tìm lên được tới đây, chứ không thì mẹ con em bơ vơ, biết nương tựa vào ai bây giờ. Từ ngày lấy nhau, anh Cừ anh ấy có cho em biết địa chỉ nhà ta đâu, chị ơi.

Hai đứa trẻ hoàn toàn không biết đến những nỗi đắng cay của người lớn. Từ nãy chúng đã leo lên giường, mỗi đứa ôm một cái gối đâm nhau. Rồi tranh nhau cái chăn để chùm đầu. Rồi cãi nhau chí chóe. Cho đến khi nồi mì chín, Phượng dọn mâm thì chúng nhẩy xuống đất, sà vào mâm, tranh nhau ngồi đầu nồi.

– Quân anh, Quân em ngoan nào. Để bác múc cho không bỏng.

Người mẹ uể oải nhắc hai đứa trẻ. Chúng không nghe, cứ đòi múc lấy và múc thật đầy bát. Rồi tranh nhau bát đẹp bát xấu, thìa nhỏ thìa to. Rồi thi nhau xúc lấy xúc để, đến nỗi mấy miếng đầu nóng, nhổ phì phịt cả xuống đất. Khổ, hai đứa đều đói ngấu và không được dạy bảo chu đáo nên bộc lộ tính háu ăn, không vâng lời một cách thật tự nhiên.

– Bỏ ra! Bỏ ra! Mẹ bảo có nghe không, Quân em?

Nhoáng cái, mỗi đứa đã ăn hết hai bát. Bỗng vợ Cừ đặt đũa xuống mâm, cầm tay thằng Quân em, nó vừa giật cái thìa của thằng Quân anh, không cho thằng Quân anh ăn. Mẹ nó dỗ ngọt nó không nghe, liền cầm cái thìa, giật, nó mím môi mím lợi giữ chặt.

– Quân anh ăn đũa vậy. Chốc nữa bác ra cửa hàng mậu dịch mua hẳn một chục cái thìa đẹp cho Quân anh.

Nhưng thằng lớn nhất định không nghe.

Vợ Cừ giật cái thìa không được, tức quá liền phát liên tiếp mấy cái vào tay thằng Quân em. Thế là thằng bé òa khóc, rồi vừa chửi mẹ vừa đạp liên hồi vào mâm mì. Phượng vội bê mâm mì lên giường. Lập tức, thằng bé chồm vào thằng lớn. Nó cắn. Thằng lớn kêu oai oái, vùng ra được, chạy ra sân. Thằng bé liền phóng theo.

Phượng đặt nồi mì vào chân giường:

– Cô ăn đi, tôi ra gọi các cháu vào cho.

Vợ Cừ tay chống đầu, giàn giụa:

– Con nhà tai ác quá! Kệ chúng nó, chị ạ.

Ngoài vườn, hai đứa trẻ đã tót lên cây vải, réo tên nhau chửi, rồi phát hiện ra vải đã có quả non, thế là thi nhau bẻ. Phượng gọi thế nào chúng cũng cứ lờ đi, như không nghe thấy.

Trong nhà, vợ Cừ cứ ngồi trước bát mì ăn dở. Khi Phượng quay trở vào thì người phụ nữ khốn khổ đã gục đầu vào mép giường. Phượng lay gọi, hốt hoảng bế xốc cô lên giường, cô vẫn bằn bặt. Phượng vội tìm lọ dầu cao xoa thái dương, đánh dọc theo sống lưng cô lát sau cô mới he hé mắt và liền ngay đó, thiếp đi.

Lúc ấy, Phượng mới thở phào và nước mắt lại ứa ra. Trước mắt Phượng là gương mặt một phụ nữ trẻ vô cùng tội nghiệp. Còn trẻ lắm, chỉ độ hăm nhăm hăm sáu tuổi thôi. Và lúc này, trong giấc ngủ thiếp đi vì mệt nhọc, buồn nản, đớn đau, ở nơi tin cậy này, mới thấy đó thật là một khuôn mặt phụ nữ nông thôn mới quen với đời sống nông trường, còn rất nhiều vụng dại. Nét mày tỉa theo kiểu làm dáng, thô vụng, mỏng mảnh cong vút trên làn da trán xanh xao có những đường gân tím mờ. Đôi môi hơi mím, thỉnh thoảng lại múm mím làm rung động hàng lông tơ lớt phớt ở phía trên môi. Và như

một sự nhầm lẫn, mấy đường nhăn khổ ải đã hằn in trên vầng trán nhỏ cạo sạch tóc con.

– Hai cháu yên lặng để mẹ ngủ. Mẹ ốm đấy.

Phượng nghẹn đắng quay lại bảo hai đứa trẻ vừa len lén đi vào. Chúng mới tụt từ cây vải xuống vì bị ai đó vừa quát mắng.

Chẳng nói chẳng rằng, hai đứa bé leo ngay lên giường rúc vào hai bên mẹ, lục sục một lúc, rồi nằm im.

Lát sau nghe thấy tiếng chúng ngáy khe khẽ như tiếng dế rúc. Cùng với hình mẹ chúng ruỗi dài. Phượng rùng mình vì có cảm giác đó là ba nạn nhân mới được đưa từ nơi xẩy ra tai nạn về. Chưa bao giờ Phượng mong Luận về đến như thế!

Tiếng quát khiến hai đứa trẻ sợ hãi phải tót từ cây vải xuống là của Đông.

Vào buồng Phượng, nghe Phượng kể lại toàn bộ câu chuyện bi đát của vợ con Cừ, Đông đưa mắt nhìn lướt qua khuôn mặt của ba con người đáng thương nọ rồi ngồi xuống, thở hắt ra:

– Cái thằng Cừ khốn nạn thật!

Sau khi xổ ra cái câu ấy với một giọng nói gần như bình thản, Đông gãi gãi gáy, lẩm nhẩm một câu gì đó, rồi Đông ngồi im.

Phượng thu dọn mâm bát xong, quay lại thì Đông đứng lên:

– Cô Phượng này, vợ Cừ là công nhân gì nhỉ?

– Cô ấy có nghề dệt chiếu.

– Hừ, gay đấy! Gay đấy!

Gay đấy! Thì rõ ràng là gay go, là khó khăn rồi. Nhưng, điều Phượng chờ đợi ở ông anh chồng là khác kia. Thà rằng Đông cáu kỉnh, Đông quát tướng lên: "Thằng Cừ nó làm bậy thì nó phải chịu, chứ vợ con nó có tội gì! Cơ sở nào bắt cô ấy thôi việc là bậy bạ hết sức!". Rồi đùng đùng nổi giận: "Tôi sẽ kiện việc này lên tận Chính phủ, lên tận Quốc hội cho mà xem!". Đàn ông phải thế. Không thể im lặng hoặc chiếu lệ, hoặc buồn nản, trước bất công đối với con người.

Nhưng, Đông thì chỉ lẩm bẩm: gay đấy, gay đấy, rồi lại ngồi xuống thừ ra, không hiểu nghĩ ngợi gì.

– Cô định thế nào bây giờ, cô Phượng?

Câu hỏi ấy lẽ ra phải là của Phượng với Đông. Nhưng Phượng chưa kịp đáp, Đông đã lại tiếp:

– À, bao giờ Luận nó về nhỉ?

– Đợt công tác này, anh ấy không hẹn!

– Hừ, thế thì gay đấy! – Đông lại thở dài – Bây giờ trước mắt là ăn ở ngủ nghê ở đâu, học hành của trẻ con thế nào.

– Hai đứa trẻ chưa đến tuổi đi học.

Phượng đáp hơi sẵng, Đông đập tay vào đùi:

– Ờ, nhưng còn việc làm? Gay đấy. Sống thế nào được ở cái đất thành phố này, nếu không có việc làm? Cô ấy... hừ, khó đấy, ốm yếu, con dại, lý lịch lại thế.

Mặt Đông đờ ra, những lúc khác thì Phượng thấy rất tội nghiệp, nhưng lúc này thì cô thật sự giận ông anh chồng quá.

– Về nơi ăn chốn ở thì anh không phải lo – Phượng sẵng – Cô ấy và hai cháu đã đến cái nước này thì em phải cưu mang. Không lẽ để ba mẹ con cô ấy đói khát. Thiếu thì bán chác cái này cái khác đi, hoặc là vay mượn. Còn để kiếm sống đơn thuần thì không phải là khó – Giọng Phượng trong cơn tức giận càng lúc càng rành rọt, sáng láng – xem ra cô ấy là người tần tảo chứ không phải loại hèn kém. Từ ngày cô ấy có con, Cừ nó có đoái hoài gì đâu. Đến cái địa chỉ gia đình nó cũng không cho biết. Đi nước ngoài về, nó không hề cho vợ con được một tí gì gọi là có.

– Cái thằng khốn nạn thật!

– Cùng lắm thì ra đón gánh rau đầu chợ, bán cuối chợ, hay mở quán nước chè, bán dăm cái kẹo, ba mẹ con cũng đủ sống. Nhưng không lẽ thế! Cô ấy đã có mấy năm làm công nhân. Đẩy người ta xuống thì dễ nâng người ta lên mới khó. Cũng còn là vì tương lai của hai đứa trẻ nữa. Chúng phải được sống trong môi trường tập thể. Trong việc này, lý lịch cô ấy có gì xấu xa mà anh lại nói thế! Chẳng lẽ cô ấy đã phải chịu cái cực cái khổ do cái đứa vô trách

nhiệm gây ra, giờ lại phải gánh chịu cả cái đau đớn về mặt tinh thần nữa!

Chưa bao giờ Phượng nói một thôi dài như vậy. Và những câu nói mạch lạc, gẫy gọn, biểu đạt tình cảm một cách hết sức rõ ràng của Phượng đã khiến Đông dẫu còn đang mù mờ lảng đảng, cũng phải sửng sốt vì bỗng nhận ra một nhân cách mới mẻ, ngoài sự đánh giá của mình, đang đối diện với mình. Trước nay, anh vẫn coi Phượng là một phụ nữ tốt theo cái nghĩa thường tình. Giờ thì không phải thế! Phượng hiền từ, chân thật, hợp lý, hài hòa, đầy lòng yêu thương, có thể rung động xót xa trước mỗi con vật bị hành hạ. Nhưng, còn hơn thế nữa, Phượng còn cứng cỏi, mạnh mẽ, bộc lộ ngay thẳng nỗi bất bình trước sự ngang trái và dám đón nhận cái trách nhiệm giúp đỡ những kẻ đang lâm vào cảnh ngộ không may ở đời.

Trong giây phút đối diện với bản lĩnh tuyệt đẹp và cao cả ấy, Đông hơi cúi xuống, lòng không khỏi phát sinh những mặc cảm về sự thiếu hụt của con người mình.

– Thôi, để Luận về, tôi sẽ bàn với nó xem. Gay đấy, nhưng cũng phải cố thôi – Đông ngáp một cái, nhìn Phượng, giọng rầu rầu – Cô Phượng thông cảm. Lẽ ra, tôi phải đứng ra cáng đáng việc này. Nhưng tính tôi, cô biết rồi đấy, vụng về vô tâm, lại ít kinh nghiệm. Mà cô Lý thì cô cũng biết rồi. Lý phải nói là rất tốt. Không có tay cô ấy thì tôi đâu yên tâm xa nhà mấy chục năm. Có điều là cô ấy cũng có chỗ khác người. Nhịn nhường, bỏ qua đi vẫn là hơn. Tình vợ chồng vốn là khó nói. Hơn nữa, dịp này cô ấy lại đi vắng, không quyết định được. Đấy, sự thật thì nó cũng đơn giản như vậy thôi.

Đông ngừng lời, vẫn nhìn Phượng, như sợ đôi mắt Phượng soi vào tâm tư, liền chuyển câu chuyện:

– À, có một vấn đề, tôi muốn hỏi ý kiến cô. Ông cụ đi chơi hội, nay mai về, có nên nói cho cụ biết mọi chuyện của vợ Cừ không?

Phượng đứng dậy theo Đông, dứt khoát:

– Cụ đi hội về, anh phải gặp cụ nói ngay. Nói, cụ phải thương chúng. Chúng vô tội, chúng là nạn nhân, phải cứu giúp chúng.

Đông gật đầu, lừng lững đi ra cửa, lên gác.

Lát sau, anh ôm một đống lỉnh kỉnh những là xe đạp trẻ con, ngựa gỗ, đồ chơi bằng nhựa và một xếp quần áo cũ đi xuống, vào buồng Phượng, giọng khấp khởi như vừa hoàn thành thắng lợi một nghĩa vụ quan trọng:

– Cô Phượng này, những thứ này của thằng Dư hồi nhỏ. Tôi đem cho hai đứa nó chơi. Chỗ quần áo cũ này, cô lựa, cắt may lại cho chúng. Khổ! Đúng là chó cắn áo rách! Thôi, đành cố vậy, chứ biết làm thế nào!

10.

Bỗng dưng căn nhà, khu vườn như có thêm một hơi thở sinh động của đời sống, kể từ ngày vợ con Cừ lên. Hai đứa trẻ phá vỡ cái nhịp sống bề ngoài có phần trầm lặng của khung cảnh. Chúng đuổi nhau, tranh nhau, đánh chửi nhau om sòm. Thằng Quân em học đâu cái thói cắn người làm thằng Quân anh nhiều khi khóc thét lên, khiến Phượng lắm lúc sợ hết hồn.

Hai đứa leo lên cây vải, cây nhãn, vặt quả non, không ăn được thì đập phá, rồi bắt tổ chim, đốt tổ bọ xít. Quả là những đứa trẻ quen lêu lổng và giỏi giang trong việc tìm thú vui chơi. Chúng mò mẫm trong các góc vườn bẩn thỉu, vớt nòng nọc, bắt cóc nhái chơi, và có lúc còn định rủ nhau leo lên nóc nhà để bắt chim sẻ.

Đã quen và nhờn với Phượng, chúng không hề nghe lời Phượng, lại có lúc còn dọa lại Phượng, nên các thói tật ở môi trường mới cứ tiếp tục phát triển. Mỗi chiều đến lúc phải tắm rửa thì mới thật là một phen ầm ĩ. Mẹ chúng phải kéo, phải lôi chúng tới phuy nước, chúng cấu, cắn, đấm, đạp và chửi lại mẹ, cho tới lúc cả hai đứa lồng ra khỏi tay mẹ mới thôi.

Quả là hai đứa trẻ mất nết, hỗn láo quá! Mà lại tai ác. Cả đống đồ chơi quý của thằng Dư hồi ở nhà, Lý đã có ý thu vén. Đông liều đem xuống cho chúng chơi, chỉ được hai hôm đã lổng chổng lơ chơ, vứt quăng mỗi nơi một thứ. Con ngựa thì bị chúng lôi ra chặt gẫy chân. Cái xe thì không hiểu bằng cách nào chúng tháo được cả ba bánh ra. Còn các đồ chơi nhựa thì ôi thôi, chưa được một ngày, cái đã bị dập nát, cái bị đè lên đến bẹp rúm. Chúng lục lọi khắp

gian buồng của Phượng, lại rình rập lên buồng Đông, thấy cái gì là lạ là lôi ra quăng quật cho tan tành. Chúng rình con mèo đen, tóm được nó, bị con mèo cắn chúng mới chịu buông, chứ không thì chưa biết những chuyện gì sẽ xảy ra với con mèo.

Vợ Cừ âu sầu ngày nào cũng khóc ba bốn bận. Cũng lại là nếp sống chểnh mảng việc dạy dỗ con cái đã quen, giờ thêm sự bối rối trong cảnh ngộ bi đát, nên cứ mặc cho hai đứa con muốn sao thì vậy, bực lắm thì quất chúng vài roi cho qua chuyện thôi.

Đi làm về, Phượng lại vất vả thêm vì cái gia đình nho nhỏ mới đến này. Mới chưa đầy tuần, số gạo mì dự trữ đã hết veo, hăm nhăm cuối tháng đã phải cắp sổ đến nói khó với cửa hàng lương thực xin mua trước dăm cân vào tiêu chuẩn tháng sau. Vất vả nữa vì bất lực trong việc bảo ban hai đứa trẻ. Ngọt, chúng khinh nhờn. Sẵng, chúng trơ lì. Cuối cùng phải lôi Đông ra dọa: "Có đi rửa chân tay không bác mách bác Đông bây giờ". "Có buông nhau ra không? Bác Đông ra thì chết bây giờ". Còn mẹ chúng mỗi khi thấy hai đứa đánh nhau lại réo khàn khàn: "Ới, bác Đông ơi ơi..."

Nhìn hai đứa trẻ, những bóng hình của một tai biến gia đình, mà não cả lòng. Kể cả khi chúng không lếu láo, không đánh chửi nhau, lúc có mặt Đông. Nhác thấy bóng Đông là chúng lủi. Chúng sợ cái thân hình hộ pháp của Đông hay Đông có cái dị tướng ẩn uy hiếp chúng? Không hiểu, nhưng hai đứa như đã ký một hợp đồng ngầm, hễ thấy Đông là lẻn ra rìa nhà, cùng tặc tặc lưỡi và vênh mặt đi ra cổng. Chúng không biết chào hỏi, cũng không nói với ai một lời, ngoài mẹ chúng.

Một hôm Phượng mua cam về, cho mỗi đứa một quả.

– Cám ơn bác đi – Phượng nhắc hai đứa.

Thằng anh không nói, điềm nhiên bóc cam ăn. Thằng em bị Phượng thúc một lần nữa, liền giấu cam ra sau lưng, nghênh mặt lên nhìn Phượng, rồi nhoai cái cổ gầy:

– Ông đ. cám ơn, làm gì nào!

Vợ Cừ đang ngồi khâu, thét giật:

– Tát chết bây giờ! Không cho nó ăn nữa! Có cám ơn bác không?

Thấy con vẫn ương, vợ Cừ liền bỏ kim chỉ, chạy lại, giơ tay tát nó một cái. Thằng bé lạng người đi, không khóc, dẩu mỏ chửi mẹ và bác một câu rất tục, rồi văng ra cổng:

– Ông đ. thèm ở nhà này nữa.

Mẹ nó chỉ tay, hét:

– Có giỏi mày cứ đi đi! Rõ đồ vô phúc chưa!

Phượng vội đuổi theo thằng bé, nó đã mất hút. Đông phải đi tìm. Tận chiều mới lôi được nó về nhà. Nó cào rách cả vạt áo sơ mi của Đông. Đông quát:

– Hư, bác gửi chúng mày vào trại trẻ.

Câu dọa thường tình ở hoàn cảnh này không ngờ gây hậu quả tệ hại. Vợ Cừ đang giọt ngắn giọt dài, quay phắt lại, gào:

– Nó không có bố dạy, mất dạy lắm rồi. Bác cứ cho nó vào trại trẻ mồ côi đi! Giời ơi là giời!

Đông đứng lặng, cảm thấy mình có lỗi, lát sau bỏ đi.

Phượng rơm rớm nước mắt, đi đến bên vợ Cừ!

– Cô Cừ, cô phải bình tĩnh chứ!

– Chị ơi – Vợ Cừ úp mặt vào người Phượng, tức tưởi – Em chẳng thiết gì nữa đâu. Em muốn chết quách đi cho nó nhẹ đời, chị ơi ơi...

Người phụ nữ đã quẫn. Cay cực càng nghĩ càng bị đẩy tới đỉnh. Chồng bỏ. Con hư. Thân mình bơ vơ. Chị bị dồn ép từ ba bốn phía. Và bây giờ, trước mắt là cái vực sâu vô vọng, rỗng không.

Phượng lo sợ quá! Đêm nằm không dám ngủ, chốc chốc lại ngoái nhìn xem vợ Cừ có còn nằm đó không. Vườn có nhiều cây cành là là mặt đất, chỉ sợ vợ Cừ phẫn quá hóa điên, đêm ra đó thắt cổ tự tử. Đã tính lên bảo Đông thức canh chừng hộ, nhưng buồng Đông khóa trái cửa: Đông đã lại đi chơi tổ tôm. Mấy hôm nay, Đông lầm lì hẳn đi, lại có ý né tránh. Lý đi đã gần tháng, biền biệt không tin tức. Đông nghĩ ngợi về việc đó, hay không muốn dây vào câu chuyện phức tạp này.

Chưa bao giờ Phượng mong chồng về đến như thế. Phượng dạt dào yêu thương, Phượng sẵn sàng hỉ xả, Phượng cứng cỏi, dám đứng mũi chịu sào, nhận trách nhiệm. Nhưng Phượng vẫn rất cần một người tri kỷ đồng tâm, đồng hành, có một tầm hiểu biết đủ sức chỉ dẫn, biết khích lệ khi gặp trắc trở – một người bạn mà có thì luôn yên lòng. Người đó, không ai khác là Luận. Một lần nữa, Phượng hiểu Luận là quý giá như thế nào đối với mình.

May quá, đêm ấy Luận về.

Lần này Luận đi ô tô về, không phải do phát sinh một trạng thái cảm hứng mãnh liệt như lần trước mà do bỗng cảm thấy sốt ruột một cách khác thường. Lúc Luận về, vợ con Cừ đã ngủ. Hai vợ chồng ra vườn nói chuyện.

Sáng hửng, Phượng nhóm bếp dầu nấu mì.

Luận ngồi pha trà, chờ vợ Cừ rửa mặt xong, gọi lại. Vợ Cừ vừa ngồi xuống ghế đã lấy khăn tay chấm mắt sụt sịt:

– Bác mới về đêm qua ạ.

Luận gật đầu, vẻ đăm chiêu hằn rõ trên gương mặt:

– Tôi về đêm qua. Đã nghe Phượng kể hết mọi chuyện rồi. Ý kiến tôi thế này. Lúc này mà cô quẫn trí là hỏng hết mọi việc. Chúng tôi ở trên này đã dự tính tình hình này nên đã viết thư cho cô. Bây giờ, chuyện cũ bỏ đấy đã. Trước mắt là lo việc làm và nuôi dạy hai đứa trẻ.

Hai đứa trẻ đã dậy. Không hiểu sao thấy Luận cả hai đều nem nép, ngồi im thin thít. Có lẽ vì cặp mắt sâu nhiều nghĩ ngợi của Luận và giọng Luận rắn rỏi, mạch lạc.

– Hai đứa trẻ là hai cái mầm sống kia kìa. Tôi, cô Phượng, cô, phải lo cho chúng. Đừng để chúng bị thiệt thòi. Cô có hiểu ý tôi nói không?

– Dạ.

Phượng đang quấy nồi mì nghe tiếng dạ của vợ Cừ, lòng yên tĩnh hẳn đi. Luận, chỉ có Luận mới tỏa ra được niềm tin cho người khác đến như thế. Chỉ có Luận mới có được cái cốt cách vững vàng và tươi sáng như thế trong hoàn cảnh bế tắc này. Chị nhìn hai đứa trẻ ngồi chồm hỗm trên giường, cười:

– Quân anh, Quân em nghe bác Luận nói chưa? Ngoan, tối bác đưa đến cơ quan xem ti vi.

– Chủ nhật cho đi xem bách thú, đi tầu bay nữa – Luận quay lại, thêm – Đã cháu nào được đi tầu bay chưa nào?

Vợ Cừ sụt sịt:

– Em cũng biết tấm lòng của anh chị, nhưng lắm lúc em thấy tủi quá, nhục quá!

– Cô chỉ nghĩ vớ vẩn – Luận nói, rõ ràng – Chuyện xẩy ra không phải lỗi tại cô, tại sao cô lại chuốc lấy cái tủi, cái nhục. Lúc hoạn nạn này mới cần nhờ nhau. Tôi biết cô còn ngại cái gì. Tất nhiên là bọn tôi không giàu có. Sống bằng đồng lương thôi. Nhưng, với cô Phượng thì cô không lo. Tôi cũng không tốt bằng cô ấy đâu! Tóm lại, khó thì tìm cách gỡ, gỡ dần. Tôi đang nghĩ cách. Nhưng cô phải bình tĩnh, chứ rối bời lên là không giải quyết được gì đâu.

Mặt vợ Cừ hưng hửng. Phượng bưng mâm mì đặt xuống đất, tươi tỉnh:

– Nào, ăn mì đã. Cô Cừ, Quân anh, Quân em, anh Luận.

Luận bưng bát mì, cảm thấy cái nhìn sung sướng, trân trọng của vợ với mình, lại đặt xuống, thanh thoát!

– Đã chết ngay đâu mà cuống. Phụ nữ các cô là hay cạn nghĩ lắm. Đã là trẻ con thì tất nhiên là nó nghịch, nó dại. Có gì mà hết hồn, mà rầm rĩ cả lên.

Phượng lườm yêu chồng:

– Thế mới cần có nam giới, mới cần có anh chứ!

Vợ Cừ hỉ mũi, nhìn hai đứa trẻ đã bắt đầu ăn ngượng nghịu:

– Nghe anh nói em yên dạ được vài phần. Hai đứa nghe rõ lời bác chưa? Hư làm bác rối trí, bác ghét, bác không cho xem ti vi, bách thú nữa đâu đấy.

Buổi chiều, Đông ngủ trưa dậy, ngó qua cửa sổ xuống thấy một người phụ nữ mặc quần áo bảo hộ lao động xanh bạc đang cặm cụi rẫy cỏ, cuốc đất ở khoảng đất cạnh giàn mướp hương. Chung quy lại, vấn đề là ở chỗ: có thái độ đúng, có năng lực tổ chức, trên một

cơ sở là có tinh thần trách nhiệm cao với con người. Đông biết: Luận đã về.

Đông đi xuống nhà tìm Luận. Xuống đến giữa cầu thang, anh gặp ông Bằng:

– Ba... ba đi hội về rồi ạ?

– Ờ, ba đi Đền Hùng về. Luận nó vừa gặp ba ở cổng nó nói chuyện ba mới biết vợ con Cừ nó lên, có lẽ ba, anh và Luận, ta phải bàn bạc, Đông à.

Nghe thấy tiếng một đôi giầy gót nhỏ cập cạch ở chân cầu thang, Đông nhìn xuống. Một người phụ nữ nhỏ nhắn, áo trắng, quần đen, tay cắp cái ô, tay xách làn đang đi lên. Người phụ nữ đó là bà lang Chí.

– Ông có bộ trúc quân tử quý quá, ông ạ. Thế nào ông đã bớt mệt chưa? Ấy ấy... để bộ ấm chén đó tôi súc cho. Được rồi... được rồi, để tôi quét. Ông ngồi đây rồi tôi xem lại mắt cho.

Lại như những lần trước, vào tới buồng, bà Chí treo ô, đặt làn, lại bắt tay làm những việc trong nội thất một cách thành thạo và tự nhiên. Người phụ nữ này cũng như ông Bằng, khát khao một tình bạn, khi tuổi đã xế tà. Ông muốn có bạn tâm tình, mong có người đỡ đần. Bà, thêm tấm lòng từ mẫu lương y, đỡ nâng người khác như một nhu cầu thiết thân.

Giờ thì họ đã quen thân, nhất là từ sau Tết, qua mùa hội cổ truyền của dân tộc. Cái Tết mở ra một chuỗi hội hè nơi làng quê. Ông Bằng không bỏ sót một hội nào. Không phải chỉ do ý thức của một người đang nghiên cứu về dân tộc. Hành hương về nơi cội nguồn, ông muốn tìm lấy cái nền tảng căn bản để vững tin trong những ngày sóng gió này. Dẫu ngoài miệng phủ định, trong thâm tâm, ông vẫn lo sợ khôn nguôi về một sự đổ vỡ tinh thần trong gia đình mà tiêu biểu là sự kiện thằng Cừ. Lòng không yên ổn, ông phải tìm sự yên ổn từ nơi nguồn cội.

Ông đã tìm được sự yên ổn. Có lẽ sự yên ổn còn toát ra từ bà bạn già cùng đi, người hàng xóm ngày xưa, bà lang nhân từ, người bạn tri kỷ của ông. Hai người đã nhích lại gần nhau, nhờ cùng nhập

vào cuộc trẩy hội mùa xuân và trong sâu xa, cả hai đều hiểu: nhờ tấm lòng, sự chắp nối của chị Hoài. Đến hội Đền Hùng thì họ thật sự cảm thông với nhau về mọi phương diện. Hướng về lịch sử, cả hai đều bồi hồi những cảm nghĩ yêu thương đất nước trong những ngày gian khó. Tràn trề cảm hứng, cả hai lắm lúc như trẻ thơ, ngẩn ngơ trong hoài cảm tri ân và trước sự tráng lệ, huy hoàng của nền văn hóa dân tộc.

– Ông ngồi ra đây, để tôi xem lại mắt cho nào. Sao mặt ông mất thần sắc thế? Ông có mệt không?

Lại như bao lần ông ngoan ngoãn như đứa trẻ, nghe lời bà, ngồi trên chiếc ghế gần cửa sổ và bà Chí lại bắt đầu những công việc của một bà lang nhân hậu. Bà nhỏ nhắn, da trắng, phúc hậu, dịu dàng. Từng cử chỉ của bà, như từ tâm hồn bà tỏa ra, là sự dịu dàng thân ái. Đời bà là một chuỗi những mất mát thiệt thòi. Phải, bà không được hưởng cái hạnh phúc thiêng liêng và giản dị như rất nhiều người. Ba lần lấy chồng, ba lần để tang chồng, không một người con. Người chồng thứ nhất chết ở nhà lao đế quốc năm 1944. Người thứ hai hy sinh ở Điện Biên Phủ. Và người thứ ba ngã xuống trong chiến dịch Hồ Chí Minh. Nhưng, đau thương đã chắt lọc lại, kết tinh lại thành sự yêu thương kẻ khác. Đó là một trong những điều kỳ diệu ở thế gian này. Ông Bằng cảm thấy bằng tâm linh và cảm giác tất cả sự kỳ diệu từ bà toát ra mỗi khi ở cạnh bà. Lần này không khí quanh bà như có một luồng điện nhỏ rung động. Và bàn tay bà mảnh dẻ như chiếc lá thần, lướt qua mi mắt ông trong một động tác xoa vuốt nhẹ như hơi gió thoảng, để rồi sau đó khi ông mở mắt, một thế giới mới mẻ sẽ hiện lên với các màu sắc lạ lùng. Bà lang đôn hậu, nhân ái, cao quý ơi, thế giới đẹp quá nhờ tay bà! Ông muốn kêu lên như vậy và sau những nấn ná, đắn đo, ông quyết định sẽ phải nói với bà cái điều hệ trọng này: Người già đang đông lên trên thế giới này, người già phải tìm đến với nhau, bà ơi...

– Kìa, mặt ông sao nhợt xám như thế? Ông có mệt lắm không?

Đáp lại tiếng bà Chí, ông già lắc lắc đầu. Ông lại cưỡng lại thực tế. Nhưng rõ ràng ông thấy mình không có cảm giác an toàn, bình ổn và may mắn như mọi lần.

Mắt ông lờ đờ nhìn bốn bức trúc quân tử treo song song trên tường. Trúc dẫu đốt cháy vẫn ngay thẳng. Trúc mọc trên đá; với một số mùn nghèo nàn, trúc vẫn sống mạnh mẽ. Gió lay, trúc chỉ nghiêng ngả chứ không đổ, không gẫy.

Không! Tinh thần của bộ tranh cũng không an ủi được ông. Sự thực là phũ phàng, ông lẩn tránh không được. Vợ con Cừ đã có mặt ở đây, thế nghĩa là mọi sự đã rõ ràng rồi.

Ông chợt kêu thảng thốt và đớn đau.

– Ông làm sao thế?

Bà Chí hốt hoảng. Nhưng một lần nữa, ông Bằng lại giấu sự thật:

– Không... không... bà Chí à.

– Ông không chóng mặt chứ, ông Bằng?

– Không...

– Thế mà tôi tưởng. À, ông Bằng này – Người phụ nữ khẽ khàng ngồi xuống cái ghế nệm, thở một hơi dè sẻn – Ngày mai là ngày giỗ nhà tôi. Anh ấy hy sinh ở nhà lao Quảng Trị năm 1944, dạo đó tôi mới mười tám... Tôi muốn mời ông và các cụ tổ hưu...

Đôi tay khô héo của ông Bằng vội bập lấy thành ghế. Ông cảm thấy hơi bị choáng. Ông cố cưỡng lại. Đầu ông lắc lắc. À ra vậy, những tình cảm sâu xa luôn luôn chỉ hướng cho con người. Bà Chí là vậy. Và ông, bối rối của ông từ lúc Luận báo tin vợ Cừ lên chứng tỏ là mối quan hệ của ông với thằng Cừ, dẫu nó đã lớn và hư, vẫn không hề mất đi.

Ông mở mắt vì nghe thấy tiếng gõ cửa khe khẽ và tiếng bước chân thong thả của bà Chí ra mở cửa.

– Con chào ông cụ, con chào bà ạ. Hai cháu chào ông, chào bà đi.

Phượng như hiện ra ở giữa khuôn cửa, hai tay dắt hai đứa bé. Ông Bằng nhận ra ngay chúng là con Cừ, là cháu ông.

Ông quên phắt bà Chí, dứt cả cơn hoang mang, bỏ lại tất cả mệt nhọc, như lao ra cửa, đón hai đứa cháu.

– Kìa Đông, con trông chữ hai đứa nhỏ nó tô. Cái đuôi chữ g y hệt nét chữ các con hồi nhỏ.

Ông Bằng ngồi ở bàn nước với Đông, hất hàm về phía bàn làm việc, ở đó thằng Quân anh và thằng Quân em đang tập làm quen với bút sách.

Hai đứa trẻ được Phượng đưa lên trình diện ông Bằng hôm ấy, nhưng hai hôm sau chúng mới chính thức bước vào học tập. Chúng có vẻ sợ sệt, tâm tính khác hẳn hôm mới đến. Có lẽ là vì sống với những người đàn ông lớn tuổi. Còn ông Bằng thì hào hứng thật sự. Đó là điều bất ngờ với chính ông. Đây không phải là cuộc vật lộn của nghị lực với hoàn cảnh bất như ý như thường khi vẫn xảy ra trong ông. Đây là cảm hứng chứa chan từ trong tâm khảm. Chính là hai đứa trẻ đã nâng đỡ ông già, đem lại sự cân bằng tâm lý cho ông.

– Đúng là không có ai dạy dỗ nên hư lắm – Ông Bằng nhìn hai đứa trẻ – Mẹ thì bận công bận việc. Lêu lổng quen thân rồi. Đủ hết các thứ tiếng lóng. Nói tục ghê người. Cơm ăn không mời. Thấy ông là lảng.

Đông uể oải:

– Bố chúng nó thế thì dạy gì!

Câu nói bình thường mà vô tình tàn nhẫn với ông Bằng. Ông lặng đi một lát, rồi chép miệng:

– Khổ! Người lớn còn có bao nhiêu chuyện rắc rối thì trẻ con khó mà tránh khỏi hư hỏng. Nhưng mà... còn dạy được. Mà xem ra cũng sáng dạ. Hát có giọng ra dáng.

– Giả ông cái bút chì đây, ứ ừ.

– Của ông chứ! Của ông chứ của mày à!

Hai đứa trẻ bỗng nhảy chồm lên, kêu thét và díu vào nhau. Ông Bằng đập cạch cái thước vào cạnh bàn, điệu bộ, giọng nói y hệt ông giáo ngày xưa:

– Trật tự nào! Không được xưng ông – Giọng ông mềm lại – Bút chì gẫy thì đưa ông vót. Có gì phải thưa ông. Nhớ chưa? Nào, có việc gì?

Thằng Quân anh chẳng nói chẳng rằng rút cái bút chì đã gẫy đang ngậm ở mồm ra, vứt tạch lên mặt bàn.

– Thôi được, lần này ông tha. Lần sau phải nói: Thưa ông, bút chì cháu bị gẫy. Không thì ông phạt quỳ. Nhớ chưa?

Chẳng đứa nào đáp.

Ông Bằng nhặt cái bút chì, mở ngăn kéo, lấy con dao díp.

Ông vót bút chì.

Ông lại vót bút chì, không phải cho các con: Tường, Đông, Luận, Cừ, Cần. Ông vót bút chì cho hai đứa cháu nội. Ông lại cầm tay uốn nét chữ cho mỗi đứa. Lại uốn nắn từng lời ăn tiếng nói, cử chỉ, hành vi cho mỗi đứa. Một đời người, những việc ấy, đã bao lần lặp lại.

Ông Bằng đã vót xong cái bút chì.

Ôi, cái kiểu vót bút chì của ông! Lưỡi dao bén chạy khoanh một nét vòng quanh cái đầu bút. Rồi lưỡi dao dưới sức tì của ngón cái, bấm nhẹ một cái. Mảnh gỗ cong vênh như được hớt nhẹ đi và cái đầu chì lộ ra, không quá tầy, không quá nhọn, ngậm chum chúm trong lớp gỗ vân vân.

– Kìa, Quân em, ngồi thẳng lên. Thế! Cao đầu lên! Cách vở hai gang tay, nhớ chưa, cháu?

Ông Bằng bước lại chỉnh thế ngồi cho thằng bé. Ông đặt hai tay vào sườn nó, xốc nhẹ người nó lên. Cử chỉ rất quen thuộc ấy gây xôn xao cho chính ông. Phải, bằng lý trí ông khước từ thằng Cừ, nhưng trong ông vẫn lai láng tình máu mủ ruột rà.

Đông có nhận ra trong động tác vót bút chì và cử chỉ vừa rồi của cha ẩn chứa một cái gì đó dễ xúc động. Nhưng, thoáng qua ấy tan biến ngay. Năm mươi rồi, tiếp nhận cái gì mới là khó. Đông đã cố định, đã qua rèn đúc để ổn định. Đông khó thích nghi với hoàn cảnh mới. Đông không quen với sự phức tạp. Anh lại có tâm lý của người đã được quyền ngơi nghỉ, vô lo, mãn nguyện vì trở về cư trú ở một gia đình đầy đủ về vật chất và nhìn bề ngoài, thật yên ổn về tinh thần.

Đông phản ứng với việc thằng Cừ hư đốn rất rành mạch. Đông thờ ơ với nỗi bất hạnh của vợ con Cừ. Hai biểu hiện tiêu biểu ấy

chứng tỏ Đông là con người giản đơn và thụ động. Với Lý, trong ứng xử, thái độ thụ động còn được bổ sung bằng sự nhịn nhường trong quan hệ vợ chồng. Vả chăng, ở cái nhà này, xưa nay Đông chỉ là người hưởng thụ chứ chưa hề phải lo toan một trọng trách nào, từ việc nuôi dạy con cái tới miếng ăn hàng ngày.

Ông Bằng đã đưa hai đứa trẻ vào việc thi vẽ con gà và hứa có thưởng cho cháu nào vẽ đẹp. Ông vẫn mơn man sung sướng trong nguồn mạch yêu thương.

Nhìn Đông cầm cái díp bằng sác giơ đạn nhổ râu, giọng ông thật sáng tươi:

– Đông này, tháng nào thì em Cần nó về nước?

– Nghe đâu là... tháng bẩy, ba ạ.

"Nghe đâu là...", lời Đông đay lại một lần nữa trong ông Bằng.

– Ba không hiểu tại sao nó lại bỏ dở việc học sau đại học để về nước, chỉ vì một con bé. Nó đỗ xuất sắc, được chọn ở lại học tiếp cơ mà?

Đông gãi gãi gáy:

– Bây giờ lớp trẻ nó thế đấy, ba ạ. Con cũng không hiểu nó nghĩ thế nào. Đời thì giản dị mà chúng cứ làm rối tinh lên. Được ở lại học thì phải ở lại học chứ!

Ông Bằng mím môi, ngập ngừng:

– Thế... việc thằng Cừ...

– Con tin chắc là nó đã trốn ra nước ngoài rồi. Con cho rằng nó có cái mầm phản bội, ích kỷ từ lâu rồi.

– Con nói nó nặng quá. Ba không tin nó bỏ trốn ra nước ngoài. Ba chắc nó chỉ vì yêu đương mà bỏ đi đâu đó thôi.

– Loại như nó bỏ đi là tất nhiên thôi.

– Ba không tin! Thế thì là phản bội rồi còn gì!

– Thì hẳn là thế – Đông giật được một cái râu, hơi nhổm lên – Cho nên, theo con, ba nên có một động tác: làm một cái đơn đưa tới Ủy ban khước từ nó, không chịu trách nhiệm về nó...

Mặt ông Bằng tối sầm lại, ông đưa tay bóp thái dương, cảm thấy mặt cứ nằng nặng dần và ưng ửng nóng dần lên. Huyết áp

tăng hay sao? Đông làm ông khó chịu. Đông gây xung động đột ngột trong huyết mạch ông? Đông hờ hững lãnh đạm. Cái gì cũng mù mờ, cũng không biết, nhưng lại quyết đoán và cứng nhắc, Đông không lăn xả vào cuộc sống như Luận, cũng không gắng gỏi điều chỉnh cuộc sống như ông. Đông thản nhiên quá hóa ra tàn nhẫn vô tình.

– Ba làm sao thế?

Đông hỏi giọng bình thản. Ông Bằng buông tay, mặt nghiêm như kẻ vận khí công, lấy lại thăng bằng trong cơ thể.

– Nói thế, chứ ai mà dám tuyên bố hết trách nhiệm với ai được, hả Đông! – Ông Bằng nói, giọng hơi mai mỉa, khi mắt đã đỡ hoa – Hôm qua, Luận có nói với ba nhiều chuyện. Ba cho nó ít tiền để mua xe. Khổ, hai vợ chồng không có được cái xe đạp.

– Nó mất xe mà, ba!

– Cái đó ai chả biết – Ông Bằng sẵng – Nhưng ba cho nó, nó không nhận. Hai vợ chồng nó, lương bổng thế, tiền đâu mà mua xe. Giờ lại cáng đáng cả việc sinh hoạt của ba mẹ con vợ Cừ. Chúng gánh vác sao nổi?

Đông thở một hơi dài, nhẹ nhõm:

– Kể cũng gay đấy. Nhưng, con chắc là lo được. Phượng nó đảm đang, cứng cáp chứ không mềm yếu như trước đây con tưởng đâu, ba ạ.

– Lo được! Cụ thể là lương hai đứa eo hẹp, thu nhập thêm không có. Lại còn phải gửi tiền nuôi con, nuôi mẹ.

– À ừ... kể ra thì cũng gay – Đông lầm bầm – Nhưng bây giờ thì ai mà chẳng có khó khăn...

Ông Bằng ngả vào lưng ghế. Ông có cảm giác Đông nói những lời vô nghĩa. Đông rất khác ông. Ông đã già, nhưng ông vẫn muốn lo toan. Lo toan cho tất cả, cho đến chết. Lo cho cả Đông.

– Đông này, sao vợ con đi Sài Gòn công tác lâu thế? Anh nên đến...

Câu nói thể hiện sự lo toan của ông Bằng bị tiếng kẹt cửa làm đứt đoạn. Cửa mở một vệt sáng hẹp. Đứng ở chỗ đó, vợ Cừ vừa từ dưới nhà hớt hải chạy lên, hai mắt nao nao lo sợ:

– Thưa ông, ông có thư ạ.

Cầm lá thư, ông Bằng run cả hai tay. Thư từ nước ngoài gửi về. Nét chữ của Cừ... đuôi chữ g y hệt hai đứa trẻ đã tô, hơi phình ra, rất đẹp mắt.

11.

Thưa ba!

Con có thư này về cho ba và các anh trong nhà từ đất nước Canada xa xôi. Trước hết, con có hai điều xin với ba: thứ nhất, con vẫn đặt mình ở vị trí con ba, dù là đứa con hư, đáng bị nguyền rủa, khước từ; thứ hai, con mong ba tuổi già sức yếu và các anh chị dẫu có bận rộn và ghét bỏ con thế nào cũng sẽ đọc kỹ hết lá thư của con, một lá thư dài và là lá thư cuối cùng của con.

Ba kính yêu, giờ đây con mới hiểu ra nhiều điều giản dị, khi con thắp ngọn nến trong cái đêm ba mươi Tết ở xứ sở xa lạ này. Tết ở đây, không có hoa đào, pháo đỏ, bánh chưng xanh. Tết chỉ đến với lòng con lúc này đang dửng dưng hiu quạnh và gọi con nhớ đến gia đình.

Con nhớ đến gia đình ta. Con đã sống ở nhiều gia đình bạn bè trong những ngày lang thang. Mỗi gia đình có một nề nếp riêng, một kiểu cách quan hệ riêng. Nói ví dụ, có những gia đình mâm cơm bưng lên, ai có mặt thì ăn, ai chưa về thì ăn sau; ở gia đình ta thì khác. "Ngày có hai bữa cơm sum họp...". Ba nói vậy và coi những cái quy định ấy là nền nếp văn hóa. (Thú thật, lúc đói hoa cả mắt mà phải chờ chực ở mâm cơm, con rất oán ba; lớn hơn, con cho ba là cổ hủ). Con đã thấy ba cố gắng duy trì cái nền nếp có trăm ngàn điều nhỏ nhặt ấy mà cốt lõi là xây dựng một gia đình hòa thuận, tôn ty trật tự, trên kính dưới nhường, trọng nghĩa khinh tài, hướng về sự phát triển đạo đức tinh thần là chủ yếu...

Con đã được sống trong cái nền nếp đó với tất cả những sung sướng và phiền hà do nó gây ra, cũng như con được hưởng tình thương yêu và sự hà khắc – yêu cho vọt – của ba mẹ.

Thật sự đã có lúc con phát ngán lên được vì có dạo gần như bữa cơm nào ba cũng rơm rớm nước mắt nói: Khổ, ông nội các con

ngày xưa bất đắc chí, một bận đi móc cua, móc phải hang rắn, bị rắn cắn chết. Bữa cơm thật là cực hình. Thôi thì đủ hết các lời răn dạy. Cầm bát phải thanh tao. Gắp thức ăn mà đút tỏm ngay vào mồm là không được. Hết cơm, ôm cái bát không, chờ mẹ và xong, ngước lên, nhỏ nhẻ với vẻ van nài: "Con xin mẹ bát cơm ạ". Và khi đưa cả hai bàn tay kính cẩn nhận bát cơm thì không được quên "Con cám ơn mẹ ạ". Đầu bữa, cuối bữa, mời và vô phép cơm thì mới thật là lê thê, rắc rối làm sao...

Cơm trưa xong, nhất thiết phải đi ngủ trưa. Vì những cây ổi, cây nhãn ngoài vườn, con khốn khổ với cái quy định ác nghiệt này. Vào ngủ, Cần nằm với mẹ, con nằm cạnh ba. "Đưa tay đây, nhắm mắt vào". Đến bây giờ con vẫn còn cái cảm giác nóng ấm trong bàn tay ba giữ chặt. Lúc đó, con nghĩ nó như cái còng số tám vậy.

Tất cả đều thành quy phạm. Nhất là trong các mối quan hệ. Trên bảo sao, dưới phải nghe vậy. Cấm cãi, cấm làu bàu. "Người ta mắng chửi mày là mong cho đời mày sáng sủa lên, vậy mặt mày phải tươi tỉnh lên chứ! Lại còn khóc, lại còn nấc à? Có câm ngay không?". Mẹ nói vậy, thật sự tin ở điều mình nói. Còn con thì lúc đó không tin điều ấy là đúng. Mãi mãi con không quên cái ngón tay trỏ của ba dứ dứ vào trán con rồi bất thình lình dúi một cái làm đau thắt tim con, đồng thời với tiếng rít qua kẽ răng: Ai cho phép mày cãi? Đó là lúc ba bình tĩnh. Còn khi bất thường thì là một cái bạt tai ê ẩm mặt mày.

Với mẹ thì có quy củ hơn; "Lên giường kia nằm xuống. Lần sau còn hút thuốc lá nữa thì mấy roi. Mười hử? Bây giờ mẹ đánh năm, còn nợ năm nhé!". Cái roi mây dẻo mềm quất vun vút, đau quắn đít. Đau thì sẽ khỏi nhưng nhục nhã thì lưu lại mãi trong tâm khảm khi con đã vào tuổi thiếu niên. Và có lần con đã tự hỏi: "Ta phạm một tội lỗi nặng hay sao mà đến nông nỗi ấy!". Con sẽ trở lại vấn đề này ở đoạn thư dưới.

Cái lối trừng phạt căn cứ theo những quy phạm của ba mẹ ấy để lại di chứng rất lâu. Sau này, một chuyện nực cười xảy ra, ông sĩ quan Đông về nghỉ phép, lúc ấy đã hơn bốn chục tuổi đầu mà cũng bị bà mẹ đòi nọc ra quất roi, chỉ vì ông đã tỏ ra nghe vợ chứ không nghe lời mẹ. Người ta bảo đó là tuổi già dở người, trái nết

báo hiệu cụ sắp quy tiên. Nhưng con thì cho rằng: hài kịch ấy là sự tiếp tục truyền thống đạo đức vừa hay vừa dở của gia đình ta.

Trốn học, lười biếng, chữ xấu, ăn nói hỗn láo, hay đánh nhau, hay trèo cây... con là đứa bé đã chịu đủ các hình phạt nghiêm khắc của ba mẹ. Chuyện thì nhiều. Nhưng con nhớ nhất là chuyện này.

Một ông bạn nào đó đi công tác ở nước ngoài về tới chơi với ba. Hôm sau ông đến, báo: ông mất cái đồng hồ quý ở buồng ba. Buồng ấy chỉ có ba và con. Thế là kẻ hứng chịu trận đòn lôi đình là con. Thật là một trận thừa chết, thiếu sống "Nhà này không có nòi giống đó". Mẹ tuyên bố vậy, còn ba thì tái mét mặt mày, hổn hển dúi ngón tay trỏ vào trán con khi con lồm cồm bò dậy từ cái giường chịu đòn "Mày đi đâu thì đi! Bao giờ nên người hãy về gặp tao".

Dạo đó con mười ba tuổi. Vâng, con quả là đứa bé hư nhất nhà. Không chăm chỉ thông minh như anh Luận, như em Cần, không đường hoàng đĩnh đạc như anh Đông.

Con đáng bị trừng phạt. Nhưng, sau cái trận đòn đồng hồ kinh khủng ấy, thì con tự hỏi: "Ta không ăn cắp, nhưng giả sử ta có lấy cái đồng hồ ấy, thì chẳng lẽ chỉ vì cái đồng hồ mà ta bị vùi dập đến nhục nhã như thế? Ừ thì ta hư. Nhưng có nghĩa lý quái gì một việc cỏn con như ăn vụng quả trứng của thằng Dư, không thuộc bài, đấm thằng bạn? Chúng là quái gì mà khiến ta bị đánh bị chửi đến khốn khổ khốn nạn?".

"Đạo đức giả cả thôi mày ạ". Một thằng bạn lớn tuổi của con vì tội lỗi gì đó bị tù, ở tù ra bảo con vậy. Con muốn nhảy lên, ôm hôn nó, nó đã tổng kết ra cái điều con đang muốn tìm. Phải, đạo đức giả cả thôi. Người ta đánh mi vì sợ mang tiếng với ông mất đồng hồ. Người ta bắt ne bắt nẹt mi để giữ gìn danh giá một gia đình trí thức. Bóc trần ra, mọi người chỉ vì mình cả thôi. Con đã nghĩ và sống thế suốt từ tuổi mười ba đến tuổi mười tám.

Hết lớp mười, con thi trượt. Nhưng con trúng tuyển bộ đội. Những năm tháng sống đời bộ đội có lẽ là những năm tháng đẹp nhất đời con, dẫu rằng con vẫn bị phàn nàn nhiều lắm. Thực sự, có lúc con tưởng như đã thoát khỏi những quan niệm độc hại đã làm con trở nên ích kỷ từ hồi thiếu niên. Nhưng, hằn học lại trở lại

lòng con ít lâu sau. Cần học sau con hai năm. Nó là đứa con có thiên tư. Nó thi học sinh giỏi toàn quốc và được chọn ra nước ngoài học tập. Con có so sánh buổi gia đình tiễn con nhập ngũ và buổi đưa Cần đi ra nước ngoài! Ôi! Người ta chỉ quí trọng kẻ nào đem lại lợi ích, danh vọng cho người ta thôi!

Con đóng quân ở Ninh Bình, chưa tham chiến. Buồn vui lộn xộn. Và càng đinh ninh sự vô nghĩa lý của đạo đức. Vậy thì hãy chăm lo cho riêng mình đi. Thư viết cho ba mẹ, phải kêu khổ mạnh vào, cốt tróc cho được nhiều tiền là được. Và tuổi trẻ thì cứ tự do tùy hứng, có gì là thiêng liêng đâu. Một năm sau con có con với một cô công nhân dệt chiếu cói của công trường. Thì cũng có gì là quan trọng nhỉ. Ra mặt trận, một viên đạn, thế là xong. Hơn nữa, chuyện sinh hoạt vặt vãnh thôi. Ai chẳng vì mình! Năm 1976, vì một án kỷ luật, con phải ra khỏi bộ đội. Con rẽ qua nông trường nọ. Tội gì mà phải tìm nơi nương tựa ở đâu. Ít lâu sau, con có thêm một đứa con nữa với cô thợ dệt chiếu – cũng có gì là quan trọng? Rồi sau đó con về Hà Nội và được anh Luận giúp đỡ, được đi học công nhân nguội ở nước ngoài.

Một năm sau con về nước, như ba đã biết. Đó là những ngày phức tạp, rối rắm nhất trong đời con. Con phải nói ngay điều này, không lại có sự ngộ nhận: nước ngoài không phải là nơi làm hỏng người ta đâu. Kẻ hư hỏng chẳng qua là vì đã có sẵn cái mầm hư hỏng rồi.

Con đã có cái mầm đó, vâng, con vốn coi thường tất cả những giá trị tinh thần cao quý, thiêng liêng. Ba, anh Đông, anh Luận thì lại coi giá trị tinh thần là tất cả. Con vốn hằn học. Con đối lập với gia đình. Và con quyết sống theo lôgíc của con!

Lúc đó, Ngọc Liên xuất hiện và dần dà trở thành yếu tố quan trọng quyết định bước ngoặt của đời con. Điều rắc rối là quan hệ của cô dệt chiếu với con. Cái phút buông thả, kệ sự đời, không ngờ lại gây tai họa đeo đẳng đời con. Ngọc Liên cũng có tâm trạng như con. Chồng Liên, cán bộ về hưu kiếm ăn bằng nghề buôn gà, nghiện ngập. Liên bị ép gả, không yêu hắn, thậm chí căm hờn hắn. Chúng con dan díu, liên minh với nhau trong bế tắc. Giải thoát bằng con đường nào? Sống nghèo nàn, bị ràng buộc trong quan hệ với cô dệt

chiếu thì không có gan. Vả lại, từ trong quan niệm đã coi đạo đức là con số không vô nghĩa rồi còn gì. Cái gì hợp với mình, cái đó là đạo đức. Vậy thôi!

Thế là con và Ngọc Liên quyết định!

Trời, thế là bắt đầu một cơn ác mộng kéo dài cho tới tận hôm nay.

Chúng con trốn chui trốn lủi, rồi đóng tiền, lên tầu ở một bờ biển phía cực Nam đất nước. Thật khốn nạn! Lên tầu rồi mới biết bị lừa. Tầu cũ. Chạy được hơn ngày trời đã cạn dầu. Và hết nước ngọt. Trời, chỉ còn biết phó mặc đời cho sóng bể. Trẻ con lả vì khát. Người lớn điên vì khát. Thôi thì liều, cứ nước biển mà nốc. Cồn cào, khát lại càng khủng khiếp hơn. Rồi cái ăn hết. Hơn hai chục con người, bới, lục từ cọng rau tới thanh gỗ mục để nhét vào mồm cho dạ dày đỡ lép.

Màn đêm buông xuống mới thật kinh khủng! Xung quanh là vực thẳm. Trên tầu là hai chục xác người lử lả. Rồi bỗng nhiên có người la hoảng: Tầu thủng rồi. Thế là dù có sắp chết cũng phải vùng dậy tát nước, bịt lỗ thủng. Có người chết ngất tại chỗ. Hôm sau hai đứa trẻ ỉa chảy chết. Mẹ chúng ôm chúng, không còn hơi để khóc. Cũng không dám rời con. Cuối cùng, con chết khô, đành phải thả nó xuống biển. Vừa tới nước, cá mập lao tới liền.

Ngày thứ năm, trời vừa sáng, thấy một chấm đen ở chân trời, có người kêu: "Có tầu tới cứu ta rồi!". Mọi người bò dậy, thều thào reo. Con và Liên nhìn nhau sung sướng.

Nhưng, nhảy xuống tầu là bảy thằng Thái Lan trần trùng trục, xăm đầy ngực hình đàn bà lõa thể. Chúng túm lấy Liên và hai cô gái nữa. Con phát điên lên vì nghe thấy tiếng kêu gào tuyệt vọng của Liên. Thôi, con không dám kể lại cảnh nhục nhã đau đớn ấy nữa, dẫu rằng cảnh đó diễn ra không chỉ một lần.

Tới đây con đã có thể kết thúc thư được rồi. Lập luận đã đủ dẫn chứng. Nhưng ba và các anh chị cứ để con nói tiếp ít câu nữa thôi. Cuối cùng con đã tới xứ sở con định tới. Nhưng tới nơi rồi thì mới biết đây không phải nơi mình định tới.

Xứ sở ta định tới là nơi nào?

Con và Liên đều rối loạn cả.

Xa rời những tiêu chuẩn đạo đức, con người thành thú dữ tàn bạo ngay. Đó là điều giờ đây con mới hiểu.

Ba ơi, giờ đây nghĩ lại những bực dọc, oán giận thuở nhỏ của con với ba mẹ, gia đình, con muốn khóc. So sánh điều kiện vật chất giữa con và ba hiện nay thì ba không bằng. Nhưng so sự hà khắc của ba để giữ gìn luân lý cho con với sự tự do ở đây, thì cho con chọn sự hà khắc ở ba.

Con sống ở một trại tị nạn. Công việc là xúc tuyết, đổ xăng nhớt. Lương đủ sống. Nhưng bây giờ mới tỉnh ra cái điều con vẫn bảo là đạo đức giả: Làm kẻ nô lệ dẫu có đeo đầy vàng thì cũng vẫn nhục. Chính là một thằng lính ngụy đã ngạc nhiên khi biết con đã là lính trung đoàn 95B, sư 7, đánh Xuân Lộc hồi 1975. Nó bảo con: "Tôi tưởng chỉ có bọn tôi quen làm nô bộc cho kẻ khác mới đi thôi chớ!".

Con run hết cả người lên.

Con đã đánh mất cái gì quí giá lắm. Ngọn nến đêm 30 Tết gọi con về kỷ niệm xưa. Mỗi người chỉ có thể thuộc về một dân tộc nhất định, từ trong tâm hồn. Con người sống có hai nhu cầu: vật chất và tinh thần. Phá bỏ đạo đức thì gặp ngay hung bạo. Khinh rẻ giá trị tinh thần thì đời sống rỗng, hoang tàn. Đọc báo Mỹ thấy nhan nhản tin người tự tử vì thấy đời phi lý. Vừa rồi, tám trăm thằng thanh niên Mỹ, con nhà khá giả cả, hẹn nhau đến một hòn đảo, cùng uống thuốc độc tự tử.

Thưa ba, con nói lộn xộn quá. Con không hiểu đã làm sáng tỏ ý nghĩ của con chưa. Con đã oán giận một cái gì đó, cay cú một cái gì đó. Rồi lại ước ao một cái gì đó. Bây giờ thì vỡ mộng, phản tỉnh với cái ước ao, tiếc nuối cái đã oán giận, cay cú.

Con đã thất vọng hoàn toàn. Liên đi làm điếm, chuyện này cay đắng với tâm lý người có lương tâm thì ở đây nhiều kẻ cho là bình thường. May thay, ở con vẫn còn chút ít di sản tinh thần, đạo đức của ông cha, con còn biết phẫn uất.

Đời con lung tung thế. Sướng có, khổ có. Hưởng thụ lắm, đau đớn nhiều. Nhưng, cuối cùng con đã đi tới một cái đích. Cuộc sống là sự phát hiện liên tục. Hành trình của một đời người nếu làm sáng

tỏ một chân lý nho nhỏ thôi thì cũng là có ích. Con đã đi tới cái đích và thấy rằng chỉ có cái chết mới nói lên được hết giá trị của sự khám phá đó của con. Sống nữa cũng bằng thừa!

Thuốc ngủ liều mạnh ở đây bán tự do ê hề, chắc là vì có nhiều người phát hiện ra chân lý như con (!). Con sẽ uống thuốc đó khi viết hết những dòng này.

Con cầu mong ba, các anh chị mọi sự như ý.

Một đứa con bất hiếu,
bất hạnh của gia đình.

Kinh khủng quá! Phượng nghe lá thư, hai tay ôm má, người run lên từng đợt. Luận mới về, lên phòng ông Bằng khi vợ Cừ vừa đưa lá thư lên. Ông Bằng bị choáng vì phong bì lá thư nước ngoài có chữ Cừ, không dám đọc, bảo mấy anh em xuống nhà dưới đọc trước.

Luận đọc, nhiều lúc phải ngừng vì Đông tức giận chửi vung. Đông bỗng trở nên một kẻ đa ngôn. Và bây giờ khi Luận đọc xong lá thư, căn buồng bỗng im phắc.

"Đông sẽ chửi rủa!". Luận nghĩ. Đông chửi thật, chửi rất ác:

– Thằng khốn kiếp! Điên loạn! Tôi không tin nó.

Rồi Đông cởi khuy cổ, giọng tụt xuống một nấc:

– Tôi nhớ, khi bà cụ hấp hối, cằm đã rụt lại, tôi cúi xuống, bà cụ còn cố đưa tay cài cho tôi cái khuy cổ. Chỉ một cử chỉ ấy thôi cũng đủ để cho con cái hiểu lòng mẹ cha, quên hết giận dỗi, huống hồ là...

Luận nhìn Đông, cảm động: Đó là câu nói hay nhất của Đông mà Luận được nghe. Đông không hoàn toàn khô cứng như Đông đang biểu hiện hay Đông đang tự khai thác chiều sâu tàng ẩn của mình? Luận nói:

– Quả là cuộc vật lộn giữa hai cách sống đã xảy ra ở trong thằng Cừ. Rất may là sau khi vỡ mặt thì nó đã tỉnh ngộ. Sống vị kỷ, sống để hưởng lạc thì sẽ độc ác tàn bạo ngay.

Đông vò đầu, bực dọc:

– Tôi không tin nó.

– Em thì em tin. Văn hóa dân tộc mình đủ sức làm con người lớn lên, đủ sức tỉnh ngộ kẻ lầm lạc. Nói một điểm này thôi: Bây giờ có một số người thấy đời phi lý quá, sống rồi cũng chết, vô nghĩa! Nhưng người mình không xem xét vấn đề một cách ích kỷ như thế. Chết, đâu có hết. Chết còn để lại cho con cháu cái gì chứ. Tuy nhiên, ý kiến của thằng Cừ cũng nên lắng nghe. Quả là gia đình ta có quá nghiêm khắc với con cái, mắng mỏ, đánh đập, xúc phạm đến lòng tự trọng của nó không ít. Em nhớ: quả là cái buổi tiễn thằng Cần đi học nước ngoài có quá hân hoan, còn cái lúc thằng Cừ đi bộ đội tiễn đưa, có cái tâm lý: Nó đi, để bộ đội người ta giáo dục nó nên người. Trong giáo dục con người, động cơ tốt phải đi kèm với phương pháp đúng nữa. Tuổi trẻ vốn nhạy bén với bất công.

Phượng thầm thì, tê tái:

– Cậu ấy không có một dòng nào cho vợ con, tệ quá!

– Cho nó chết mẹ nó đi – Đông gắt – Quân đê mạt! Nó phủ định đạo lý, nó bêu riếu cả tôi!

Luận trầm ngâm:

– Chuyện thằng Cừ là một hiện tượng xã hội đáng để ta suy nghĩ. Có một loại người do hoàn cảnh ngang trái, từ nhỏ đã ấp ủ những quan niệm sai về đạo lý rồi cứ trượt mãi, cuối cùng thế nào cũng nổi loạn, phủ nhận những tình cảm nhân văn, tôn sùng lối sống vị kỷ. Cuối cùng của nổi loạn là bế tắc! Hóa ra, vật chất không làm yên ổn họ được. Đã là con người thì vẫn phải có cái gì đó thiêng liêng để vì nó mà sống chứ!

– Thằng nào nổi loạn thì đem bắn! – Đông quát.

Ký ức Luận lại hằn nét cái lúc Đông đòi bắn thằng Cừ hôm nào. Mặt đỏ ửng, hơi bực, nhưng Luận cười nhạt:

– Nhiều khi bắn cũng chẳng giải quyết được tận gốc vấn đề.

Mặt Đông chuyển sang màu tái nhợt. Trong anh đang dồn tích những bức xúc. Anh đang bối rối vì câu nói dở dang của ông Bằng hỏi tình hình Lý đi công tác Sài Gòn. Ông Bằng có ý nghi ngại, anh biết. Và anh cũng đã ở trong tâm trạng không bình tĩnh khi nghe thư thằng Cừ.

Luận gằn giọng, cố ý:

– Có điều là hãy cảnh giác. Đừng có dửng dưng bên cạnh những mối nguy hiểm nó đang định phủ định ngay mình. Và cũng đừng cứng nhắc, phải biết uyển chuyển, chấp nhận những chỗ hợp lý.

– Cậu nói ai?

Bất ngờ, thật rất bất ngờ, Đông chồm lên, với một độ nhạy cảm kỳ thường, túm chặt cổ áo Luận. Mặt Đông bệch bạc mà hùng hổ.

Luận quay mặt đi, tránh cái nhìn của Đông. Anh em ruột mà chưa khi nào nói cho thật hết với nhau những ý nghĩ về bà Lý, về chính ông ấy. Tất nhiên bà Lý không hoàn toàn xấu với Đông, về căn bản là lành mạnh.

Đông buột tay, tự thấy hành động của mình là thô lỗ, người như xẹp hơi. Hai anh em cùng cúi đầu, lảng ra. Sẽ phải nói với nhau. Mỗi người cần phải nhìn lại mình, nhìn lại người thân mình, sau sự kiện kinh khủng này. Nhưng, chưa phải là lúc này.

Lúc ấy, như có linh tính báo, Phượng đứng dậy, mặt bỗng thất sắc. Trên gác, ngay sau đó, có tiếng vợ Cừ la hoảng:

– Các anh các chị ơi, ông làm sao thế này!

Mọi người vội chạy lên gác.

Ông Bằng đã ngã sóng soài trên sàn nhà, cạnh cái ba toong, cái mũ phớt lăn ra cửa. Hình như ông định đến nhà bà Chí, ông muốn tìm một chỗ dựa tinh thần.

Hai đứa trẻ ngồi im phắc trên hai cái ghế, tay còn đang cầm bút chì. Luận và Đông vội vực ông Bằng dậy, Phượng hớt hải chạy ra cổng gọi xích lô.

Những cảm xúc không được giải tỏa tạo nên những ổ kích thích ở vỏ não, gây phản ứng tăng huyết áp đột ngột trong cơ thể ông Bằng. Ông chưa đọc thư của Cừ, những nguyên một việc lá thư của nó từ Canada về cũng đã làm ông choáng. Trước nay ông không tin, không muốn tin rằng nó tồi tệ đến mức ấy. Giờ thì nghị lực, ý chí của ông không giữ nổi ông trong trạng thái bình ổn, thăng bằng; thực tế phũ phàng quá!

12.

Phượng vừa bước vào phòng làm việc đã thấy đám các cô túm tụm ở bàn trà:

– Tao đoán trúng *phoóc* nhé. Cái Thụy Lan xổ thị mẹt!

– Ngọc ơi, thế là mất cho chị cốc chè đỗ đen đá rồi nhé.

– Thì tớ đố cậu con Quý đẻ thằng cu hay cái hĩm nào?

– Con giai tao cũng quý, con gái tao càng yêu.

– Em xin chị...

Các cô quay lại một cô bụng đã nổi chùm chũm đang kì cạch đóng guốc ở góc phòng.

Phượng đi đến bàn của mình, ngồi xuống. Chợt một cô trong đám quay lại, như sực nhớ.

– Chị Phượng ơi, chị có đồng ý không?

Đồng ý cái gì? Phượng chưa kịp hiểu thì một cô khác đã chạy lại, ôm hai vai Phượng, nói như thét vào tai cô:

– Bầu chị làm trưởng phòng, chị có ưng không?

Trời! Thế là thế nào? Phượng ngơ ngác. Các cô lại cười ré lên. Rồi lại xúm xít xì xào. Xì xào cái gì? Không gì khác, lại chuyện bà trưởng phòng. Này, xưa bà ấy yêu mê mệt ông ấy. Thư nào từ mặt trận gửi về cũng có một túm tóc gửi kèm. Bà ấy tinh quái lắm. Không bao giờ muốn ai hơn mình đâu. Bà ấy mà đến thăm nhà đứa nào thì đứa ấy cứ liệu hồn...

Một cô xách cái túi ni lông căng phồng len xanh len đỏ đi vào đã phá vỡ cuộc tụ họp đầu giờ. Hóa ra các cô tản ra để chia len đan thuê cho mậu dịch.

Nhưng kìa... như một hơi gió lướt, bà trưởng phòng đã vào văn phòng. Một cô đang cầm con len đỏ quay lại:

– Báo cáo thủ trưởng, mất điện, không đánh máy được ạ.

– Thế đóng guốc được, hả? Len để đấy, tôi chia. Tôi yêu cầu. Mở hết cửa sổ ra! Không có điện mà chịu à?

Bà trưởng phòng hầm hầm đi tới bàn làm việc, đưa mắt kiểm soát mặt bàn xem có đứa nào định ví bà là cái giẻ hay coi bà như

Pôn pốt – Iêngxari như hôm nọ không (!). May, mặt bàn sạch trơn. Bà cúi xuống, chúm môi thổi bụi rồi ngồi xuống, như là bâng quơ:

– Đừng có hòng mà so bì với tôi. Mười sáu tuổi tôi đi bộ đội. Hai mươi tuổi tôi là chi ủy. Chồng Mỹ tôi là đại đội trưởng thanh niên xung phong. Nứt mắt ra mà đã vây vo. Cứ tưởng cái bằng đại học của các người là to lắm, hả?

Bà móc máy ai vậy? *Các người* đây là những ai? Lâu nay bà và cô thủ quỹ vẫn học hắc với nhau. Cô thủ quỹ có bằng đại học. Chẳng lẽ giờ Phượng cũng bị kéo vào mối bòng bong này. Phượng cũng tốt nghiệp đại học mà.

Nhưng, một cô ở phòng thường trực đã đi qua bàn Phượng, tới bàn bà trưởng phòng:

– Báo cáo thủ trưởng.

– Cái gì, lại chuyện đêm qua chứ gì! Có bắt được quả tang trên trai dưới gái không. Tôi đã yêu cầu hết giờ phải về hết cơ mà, sao cô lại cho họ ở lại?

– Báo cáo chị.

– Tôi yêu cầu...

– Dạ, ngoài phòng khách có người muốn gặp ông giám đốc.

– Sao không nói ngay. Bảo họ chờ đấy! Tôi ra ngay. Giám đốc! Cái gì cũng giám đốc.

Bà trưởng phòng kéo lại tà áo, đi ra.

Phượng mở cặp bìa, ngẩn ngơ mất một lát vì những câu nói của bà trưởng phòng.

– Thật quá trâu cày! – Bà trưởng phòng đã giải quyết xong công việc ở ngoài phòng thường trực, quay vào đi đến bàn Phượng – Giám đốc, lương chỉ bằng anh trưởng phòng Sở, mà trăm tội đổ vào đầu. Hết vật tư, lại thương nghiệp, lại công an đến gặp. Tớ cũng ngán việc ở đây lắm rồi, Phượng ạ. Nhưng, lão ấy bảo tớ: thôi cố giúp anh cho tới lúc anh về hưu. Chứ không tớ về đi cày cho nó nhẹ nợ. Cậu thấy đấy, trình độ tớ thì có hạn thôi. Nhưng công việc hành chính nó phức tạp lắm, không có những người cứng tay lái là hỏng.

Giọng bà là giọng phân trần tâm sự, thật dễ nghe và lôi cuốn Phượng. Nhưng đột nhiên bà nghiêng về phía Phượng, giọng thấp hẳn xuống, mắt khim khíp lia về phía cô thủ quỹ:

– Có biết chuyện gì xẩy ra đêm qua không? Cậy tài cậy giỏi mãi. Khôn ba năm dại một giờ là thế. Với lão béo ấy.

Thì ra là vậy. Nhưng sao giọng bà lại hí hửng thế? Suốt từ hôm vào làm việc tới giờ, chỉ rặt nghe những chuyện đại loại như thế này. Chưa bao giờ Phượng được bà bảo ban, hướng dẫn nghiệp vụ, bàn bạc công việc cả.

Và bây giờ, bà ra đứng trấn ngay trước bàn Phượng, tiếng như chuông reo:

– À, Phượng, tớ đến nhà cậu rồi đấy nhé. Cái vườn quý nhỉ. Giá không bị cháy thì tha hồ mà ở. Giời, hai thằng bé con cô gì nhỉ, quá quỷ sứ nhà giời.

Ra là bà đã đến nhà Phượng đúng lúc Đông, Luận, Phượng đưa ông Bằng đi bệnh viện. Lúc ấy chỉ có vợ Cừ ở nhà. Vợ Cừ tiếp bà, nhưng vì ruột gan đang rối bời nên không nhớ tên, không nhớ cả khuôn mặt, dáng hình bà. "Bà ấy xem vườn, xem hoa, xem mấy luống rau và giàn mướp. Rồi bà ấy hỏi chuyện em, hỏi chồng ở đâu, làm gì? Chị ở nhà có đối xử tốt với hàng xóm không, có buôn bán gì không? Em không còn hơi sức nào mà nói, bà ấy xoắn xuýt hỏi hết điều này đến điều khác". Lúc ấy Phượng cũng chẳng còn lòng dạ nào hỏi thêm vợ Cừ. Rồi sự việc cũng rơi vào quên lãng.

– Này – Bà trưởng phòng cúi thấp xuống, mắt hấp háy, vừa đắc chí vừa có vẻ ái ngại thay cho Phượng – Gia đình cậu hóa ra cũng rắc rối nhỉ.

– Có gì đâu ạ?

– Thì thằng em chồng di tản nhé. Giờ đến con vợ nó...

– Vợ chú ấy thì có tội gì?

– Không có tội gì thì tại sao người ta lại sa thải – Bà cong tớn vành môi, đắc thắng, nhưng rồi hạ giọng ngay – Cuối cùng, người khổ nhất là cậu, có đúng không? Tớ hỏi thật cậu nhá: Cậu lấy gì mà nuôi cái của nợ ấy?

– Chị bảo... không lẽ bỏ mặc vợ con chú ấy?

– Đấy, tính cậu giống tính tớ. Đa cảm lắm. Đa mang nhiều. Tớ biết: Có phải hồi này cậu không đem cơm trưa đi ăn không? Khổ thế đấy. Nhưng này, tớ bảo thật. Dứt khoát đi, ăn riêng ra. Sống mỗi người mỗi nhà. Không là làm ơn nên oán đấy – Bà ngừng một lát rồi tiếp – Phượng này, để tớ chia cho cậu ít len mậu dịch về đan mà kiếm thêm nhé. Hừ thời buổi này... Này, các cô, chỗ len mới đem về đâu, đưa cả lại đây? Tôi yêu cầu!

Câu cuối cùng bà nói toang toang với cả phòng. Với tư cách là trưởng phòng kiêm tổ trưởng nữ công.

Sắp hết giờ làm việc buổi chiều, Phượng đang lúi húi thu xếp sổ sách thì thấy bà trưởng phòng bê một cái bếp dầu xanh nhoáng đi qua.

– Chuyến này căng tin phân phối đến lần tớ. Tớ nhất định không nhường cho đứa nào nữa.

Bà nói, giọng hậm hực. Nhưng đặt cái bếp dầu lên mặt bàn, bà quay lại đám các cô ở chỗ đánh máy, giọng lại cao vót lên, lảnh lót rất vui:

– Đứa nào nói tao sắp lấy chồng đấy! Đã chuẩn bị được đồ mừng chưa mà bảo tao lấy chồng?

Đám các cô reo ầm ầm:

– Có ngay đây. Nhưng *má* ơi, *má* lấy ai đấy, *má* ơi?

– Lấy thằng đàn ông tai *lo-vít*, đít lồng bàn, chứ còn lấy ai nữa.

Lại được một trận cười thỏa thuê.

Một tiếng sau, khi Phượng đang làm kết toán quý một thì bà sầm sập đi tới.

Trong thâm tâm, Phượng chỉ muốn bà đi chỗ khác, để mình tiếp tục làm việc. Nhưng bà lại kéo ghế ngồi, đòi Phượng cho xem sổ lương tháng vừa rồi. Mới chỉ lướt qua hàng đầu danh sách lương, bà đã dằn quyển sổ xuống bàn:

– Cô làm ăn thế này là thế nào?

– Sao ạ?

– Tại sao cô lại trừ nợ một trăm đồng của ông giám đốc?

Phượng buông bút, từ tốn:

– Thế này, chị ạ...

– Tôi biết tỏng đi rồi. Ông ấy nợ hai nghìn chứ gì?

– Vâng, hai nghìn này là tiền ông ấy mua xe máy riêng. Năm ngoái, ban kiểm tra Sở làm việc đã kết luận là chi bất hợp pháp, phải bồi hoàn. Biên bản hãy còn đây. Còn cả chữ ký của ông giám đốc đây ạ.

– Các ông ở Sở thì biết quái gì!

– Đó là chính sách, nguyên tắc tài chính chị ạ.

– Chính sách với chả nguyên tắc! Người ta là giám đốc, ba mươi tuổi Đảng có lẻ, cống hiến cho dân cho nước suốt từ Cách mạng tháng Tám đến nay. Cấp xe riêng thì không cấp. Người ta mua thì kêu là bất hợp lý.

Chả lẽ Phượng lại phì cười. Hiểu biết của bà sao lại đơn sơ thế, lý lẽ của bà sao mà cảm tình thế. Cứ như một bà nông dân thời xửa thời xưa nào đó đang lý sự với Phượng vậy.

– Cô xóa ngay con số một trăm ấy đi cho tôi!

– Không được chị ạ.

– Tôi yêu cầu!

Bà đập bàn đánh chát rồi bỏ ra giữa phòng.

Đầu giờ làm việc buổi chiều, bà trưởng phòng đến bàn Phượng, kéo ghế ngồi xuống, thấp thỏm:

– Thế nào, cậu có xóa hộ tớ không?

Giọng bà bình dị, không vương chút quyền uy. Mà chữ nghĩa thì rất lạ: *hộ tớ*. Sao lại *hộ tớ*? Phượng khe khẽ:

– Thế này, chị ạ...

– Thôi, tôi biết cả rồi.

– Chính ông giám đốc cũng đã ký biên bản đồng ý bồi hoàn, chị ạ. Chị để em lên gặp ông ấy...

– Không được!

Bà đứng phắt dậy, tưởng bà nóng giận, nhưng không mặt bà thoáng buồn buồn:

– Phượng ạ – Bà lại ngồi xuống, giọng như tê dại – Khổ, cái lão ấy, con người đoan chính, trung trực, đứng đắn lắm. Chỉ vì lỡ một chút – Bà thở dài, mắt long lanh ướt – Cùng làng tớ đấy, Phượng à. Cùng đi bộ đội một ngày với nhau. Chống Mỹ, tớ phụ trách thanh niên xung phong ở tít trong B3. Bặt tin. Rồi có tin đồn tớ chết. Khổ! Nhưng, cũng do lão tham đẹp, tham trẻ nên giờ mới điêu đứng thế. Cậu không biết *con mẹ ấy* đâu! Thành nanh đỏ mỏ, quái ác có một không hai là nó. Hành lão quá hành đầy tớ. Lương tháng thiếu một hào cũng không được với nó đâu. Về đến nhà là *a lê hấp* ra cọ chuồng lợn. Cái xe máy cũng là do *con mẹ ấy* xui ngon xui ngọt. Khổ! Giờ trong túi là nhẵn củ kiệu. Thương quá!

Giọng bà thủ thỉ, chân thật. Cái giọng ấy làm Phượng nhớ tới buổi trưa hôm nào bà ngồi non nỉ với ông giám đốc. Và Phượng giờ đây bỗng hiểu ra ngọn ngành câu chuyện này. Ông giám đốc thật lòng ra sao, Phượng chưa thể nói được. Còn bà trưởng phòng, thật tình bà còn thương ông; không dám vượt qua vòng luân lý, nhưng bà vẫn chưa quên, còn thiết tha níu giữ cái tình yêu thuở trẻ đã không được kết thúc như mong muốn.

Lòng luôn mở rộng đón nhận, cảm thông với những xót xa, thiệt thòi của mọi đời người, Phượng, trong giây phút đẹp nhất ấy và cũng là yếu đuối ấy, đã chấp nhận yêu cầu của bà trưởng phòng.

Nhìn Phượng đưa ngòi bút gạch một nét đậm qua con số 100 ở khoản trừ nợ của ông giám đốc bà trưởng phòng mắt chớp chớp cảm động rồi ngồi im. Bà trưởng phòng, người phụ nữ tính nết thất thường, không có cái căn bản trong nhận thức và đức độ, tư duy còn thô thiển, thật sự không phải là con người độc ác, không đủ điều kiện để nhập vai lãnh đạo mà cứ đóng vai ấy, đó là nguyên nhân của những trò bi hài hằng ngày, đã và sẽ còn làm khổ Phượng và mọi người. Nhưng, bà lại có thể gần gụi, đáng chia xẻ ở khía cạnh con người bình thường của bà; con người này đã thiệt thòi đã bị tổn thương, nhưng vẫn giữ riêng mình một góc đời dào dạt yêu thương; người phụ nữ phức tạp nhất, khó chiều nhất mà Phượng đã gặp, chiều nay đã trở nên một con người Phượng rất xót thương và đáng được thể tất.

Lòng xót thương người khác hơn cả bản thân mình là một nét đặc trưng nữa trong tính cách của Phượng mà Luận đã phát hiện ra. Dường như trong Phượng đã có thêm khả năng thích nhậy với khổ đau của kẻ khác, sẵn sàng đền bù cho họ. Kể từ ngày vợ con Cừ lên, Phượng đã chịu đựng liên miên sự vất vả, thiếu thốn với một độ giản dị khiến Luận phải kinh ngạc. Chị không một lời than, không một biểu hiện khó chịu, thậm chí như không cảm thấy mình đang gánh chịu cho kẻ khác.

Bởi vì, với thu nhập của họ, nguyên việc trang trải sinh hoạt của vợ chồng cùng đứa con và người mẹ già một chốn đôi nơi vô cùng tốn kém đã phải dè sẻn lắm lắm mới có thể không rơi vào cảnh vay mượn. Gánh vác thêm vợ con Cừ thì thật là quá sức. Vợ Cừ giữ ý, bữa cơm chỉ ăn tí chút gọi là. Riêng hai đứa trẻ vô lo thì cũng phải nói nhỏ với nhau là chúng ăn khỏe quá. Rồi còn đồng quà tấm bánh, cái khăn mặt, miếng xà phòng... mỗi thứ mỗi tốn.

Một chiều sẩm tối, Luận từ bệnh viện thăm cha về nhà. Buồng vắng. Mở mâm cơm thấy có bát ô tô cơm lùm lùm, bát canh mồng tơi, mấy miếng cà và chục con tôm rang, chỉ vừa đủ một người ăn. Không nỡ ăn anh đi tìm Phượng.

Vào hè, nước trở nên một nhu cầu lớn.

Cả phố chỉ còn vài cái máy công cộng chảy nước đều đặn. Luận lên cái máy đầu phố, ở đó, từ xa đã nhìn thấy thùng, xô xếp hàng rồng rắn dài tới vài chục mét. Sắp tới cái máy nước, anh chợt nhìn thấy Phượng đang kéo tay vợ Cừ đi ngược trở lại. Vợ Cừ cuỡng, một tay giằng tay Phượng, tay kia cầm cái đòn gánh, người ngả ngược chiều, miệng kêu khẩn khoản:

– Chị cứ để em làm, chị Phượng.

– Cô Cừ, cô làm thế tôi không bằng lòng đâu – Phượng giật tay vợ Cừ, chợt nhận ra Luận liền gọi to, mừng rỡ – Anh Luận!

Buông tay vợ Cừ, Phượng đi tới trước mặt chồng:

– Cô ấy cứ đòi đi gánh nước thuê. Em nhất định không cho.

Vợ Cừ ngồi thụp xuống, hai tay ôm đầu, tấm tức khóc.

Luận cúi xuống:

– Cô Phượng cô ấy làm thế là đúng đấy. Đã đến nỗi nào mà phải thế. Cô làm thế, cô coi tôi là cái gì?

Phượng xốc nách vợ Cừ đứng dậy, giọng lấn át:

– Cô này lạ nhỉ! Cô có nghe tôi không?

– Em nghe, nhưng mà...

– Chẳng nhưng mà gì cả. Nào, tôi với cô về. Khéo hai ông tướng lại dông lên cơ quan anh Luận xem ti vi rồi cũng nên. Vứt đòn gánh lại cho anh Luận anh ấy quẩy nước về.

Chờ cho hai người phụ nữ đi khuất. Luận mới quay lại cái máy nước. Hai cái thùng của anh cách máy còn xa. Anh đứng vào bóng một cây me, nói chuyện với mấy người hàng xóm quen về bệnh tình ông Bằng. Lát sau, họ ra máy. Và đúng như anh dự đoán. Phượng đã ra, sau khi tìm cách đưa vợ Cừ về.

– Anh về ăn cơm đi. Để nước đấy cho em.

Ngọn đèn đường mới bật rãi ánh sáng qua tán lá me, tỏa một làn sáng mờ mờ trên mặt Phượng. Chỉ suýt nữa Luận kêu thành tiếng: Phượng tiều tụy, xanh xao quá. Tất cả khó nhọc đã phản ánh trên mặt Phượng gầy guộc và ở bộ quần áo vá, hai gấu quần rách xơ. Đời sống ở một thời điểm căng thẳng vốn đã lắm khó khăn. Giá cả lên vòn vọt. Đã có lúc cầm chục bạc đi chợ, ứa nước mắt mang về mấy mớ rau. Thịt trứng mua theo tem phiếu quá ít ỏi, chỉ có thể dành cho hai đứa trẻ. Đã phải giật tạm người nọ người kia. Đã phải thức đêm để đan len kiếm thêm đồng nào hay đồng ấy. Đã phải bỏ hết công sức cho mảnh vườn để kiếm ít rau cho đỡ phần chi tiêu. Đã phải tính đến việc bán cái nhẫn cưới và bộ áo vét của Luận để trả nợ nần. Ước ao về một khoảng thời gian rộng rãi cho sự bồi bổ trí tuệ đã có lúc phải tạm quên đi.

– Anh Luận, anh về ăn cơm đi.

Luận nhìn vợ, tràn ngập yêu thương:

– Anh ăn rồi. Em về ăn đi. Sao em cứ nhịn nhường cho anh thế?

– Em ăn thật rồi mà.

– Phượng, em nói dối anh phải không?

Hình như Phượng không nghe thấy chồng. Chị nghênh nghênh mái tóc cặp:

– Anh Luận, anh có thấy mùi hoa hoàng lan không? Đấy, cây nó kia kìa. Ngửi thấy mùi thơm của nó, em lại nhớ chị Hoài ghê cơ. Chốc nữa em sẽ xin ít hoa đặt lên bàn thờ. Chị Hoài dặn thế, anh ạ.

Cùng với tiếng vòi nước chảy xè xè, Luận nghe tiếng nói của Phượng trong mùi thơm dậy nồng nàn đêm hè của hoa hoàng lan.

13.

Lý nhảy chồm chồm:

– Thôi thế là vợ Cừ *trúng số* rồi nhé. Không còn phải than thân trách phận gì nữa nhé. Thật là ăn mày được xôi gấc, mèo mù vớ cá rán chưa! Rõ là tự dưng nhé!

Buổi trưa mùa hạ, vườn cây im lặng, lách tách tiếng chim sâu chuyền cành. Tiếng Lý cất lên, khuấy động bầu không khí bằng lặng như chuỗi nghịch âm thật chói tai, gai góc và đột ngột quá với Phượng.

Phượng mới từ phố về, đang ngẩn ngơ nhìn những nụ hoa mướp vàng xuộm lay động những cánh ong. Phượng vừa phải bán cái nhẫn vàng duy nhất, vật kỷ niệm mẹ cho ngày lấy Luận, để lấy tiền bù thêm vào khoảng trống hụt trong việc chi tiêu của gia đình. Từ ngày vợ con Cừ lên, đời sống mỗi lúc một quẫn bách. Vợ Cừ vẫn chưa xin được việc làm.

Trong tâm trạng hiu hiu buồn ấy, Phượng thấy Lý. Lý đi thẳng từ cổng vào, tay xách cái làn nhựa nặng toàn xoài chín, tới cạnh Phượng, và có những lời nói, cử chỉ bất thần như vậy.

Phượng còn chưa hiểu nguồn cơn thì hai con mắt người phụ nữ nọ đã tóe lên những tia sáng chói gắt, vừa phớn phở vừa cay cú.

– Thật đúng là ngu si hưởng thái bình nhớ! *Quả* này hẳn là to lắm đây. Cô Phượng này, tôi vừa gặp ông Luận nhà cô đi bán bộ áo vét cũ. Thôi, cũng chẳng đi đâu mà thiệt cô ạ!

Thôi, thế là Phượng hiểu bà chị dâu chồng, con người thinh nhậy với các sự kiện, với cái giọng điệu ngôn ngữ con buôn nọ, định nói gì rồi. Phượng muốn khóc quá. Cay đắng và trớ trêu đến thế là cùng! Người phụ nữ này mới từ Sài Gòn về, nghe hơi câu chuyện

Cừ mới từ Canada gửi thư về qua lời Luận lúc vội vàng, chưa hề biết đến nội dung bi thảm của câu chuyện, đã lập tức nổi cơn cuồng nhẫn ghen tức, nhẫn tâm và vô lý đến thế kia ư?

Lý đang cháy lửa ghen trong lòng. Máu đổ dồn mặt. Lý hồng hộc thở như ngựa chạy đường xa.

Sau một tháng trời đi công tác xa trở về, Lý đã khác trước quá nhiều, từ giọng nói, điệu bộ, khuôn mặt. Khác đến nỗi Phượng có cảm giác trước mắt mình là một con người hoàn toàn xa lạ, đến nỗi không dám nói ngay với Lý cái sự thật phũ phàng là Cừ đã chết rồi, còn đâu nữa mà gửi tiền, gửi hàng về cho vợ con.

Mặt Lý tròn phính, bừng một màu men hồng bóng lộn của nắng gió phương nam. Mắt Lý tô xanh, lẳng và táo tợn. Tóc Lý uốn gọn trong cái mũ vải có lưỡi trai xòe to cum cúp che trước mặt. Cái mũ màu trắng sang trọng thường thấy những thiếu nữ nhởn nhơ đội ở ngoài bãi biển. Cái quần *côn* đắp hai túi sau mông, thon bó dưới ống, mầu sáng làm nổi bật cái may ô láng như sa tanh đỏ gắt nịt lấy người, tôn sự đầy đặn của đôi tay trần nuột óng và một bộ ngực nhô cao như đắp nặn, ngạo nghễ và thách thức.

Cảm giác tinh tế của Phượng đã được xác nhận đúng. Vẻ ngoài của Lý phản ánh trung thực những đổi thay bên trong. Chuyến đi, thoạt đầu như một hành động bất mãn, dần dần đã tạo được hứng thú. Những dùng dằng, do dự, sau một tháng trời gặp lối sống ăn chơi, đã có thêm cơ sở quyết định dứt khoát. Tất nhiên, Lý không phải là kẻ dễ bị sai khiến, lung lạc. Chị vốn tinh khôn, giỏi tính toán. Nhưng, như vậy đời Lý cũng đã xuất hiện một bước ngoặt. Gã trưởng phòng vô lại đã tìm mọi cách lôi kéo người phụ nữ rừng rực ước muốn cả tốt lẫn xấu mà chưa được thỏa nguyện này; gã hiểu những thiếu thốn về mặt tinh thần của Lý, gã chết mê chết mệt người phụ nữ đa tình không thỏa nguyện trong cuộc sống với chồng này; lần này gã chưa đạt được ước muốn, nhưng đã đưa Lý tiếp cận sát sạt lối sống hưởng thụ, tiêu xài và kiếm chác phi nhân cách, một khía cạnh tiêu cực của thành phố khổng lồ, mới giải phóng này. Lý bị ngợp. Lý dò dẻ ướm thử. Chuyến đi công tác kết hợp buôn lậu của gã cán bộ thoái hóa đã đưa lại một cơ sở nữa cho quan hệ của họ. Lúc đầu là sự quyến rũ của sắc đẹp nay gia thêm liên minh tài

chính. Lý còn lưỡng lự, nhưng những khát muốn thấp kém trong Lý đang rắp ranh rỡ lồng chui ra.

Trên khuôn mặt đẹp của Lý, chuyến đi ma quỷ đã để lại những nét trơ tráo, vô sỉ.

Nhìn khuôn mặt Lý, Phượng gai gai cả người. Khuôn mặt ấy có cái tinh thần hết sức giống khuôn mặt mụ đàn bà ngồi mua vàng ở cái ngõ Phượng đến bán nhẫn sáng nay. Một gã cò mồi đón Phượng, dẫn Phượng đi. Quanh quanh một lúc lâu, gã đưa Phượng vào căn nhà kiệt cùng của cái ngõ hẻm bẩn thỉu, tối tăm nọ. "Đưa đây!". Trong bóng tối mờ mờ, phát ra một tiếng nói hết sức trịch thượng. Và khi cái đèn cồn phụt lửa đốt cái nhẫn cháy đỏ lên để thử độ vàng thì hiện ra trong ánh lửa xanh xanh vàng vàng một cái mặt đàn bà trắng bự, có cặp môi vén như môi ngựa và hai con mắt tinh quái, nanh ác như mắt quỷ. "Vàng chín!" mụ phán. Phượng kinh hoàng. Sao giữa cuộc đời tốt đẹp này lại có các xó xỉnh tởm lợm thế? Nhận tiền xong, Phượng cắm cổ đi như chạy.

Không cần để ý đến Phượng, Lý nhấc làn xoài, đi vào nhà, mặt vênh vênh như mặt kẻ sẵn sàng gây chuyện.

Vợ Cừ xách cái cuốc, từ buồng Phượng ló ra, suýt chạm vào Lý, vội thụt đầu vào, rụt rè chào:

– Chị đã về rồi ạ?

Sững lại, Lý nghiêng mặt nhìn người phụ nữ trẻ đang gằm mặt lo lắng, cười một tiếng cụt lủn:

– Thế nào, sửa soạn mà ra bưu điện nhận tiền, nhận hàng thằng Cừ nó gửi về chứ?

Vợ Cừ ngẩng lên, ngơ ngác rồi chợt hiểu, nước mắt vòng quanh:

– Chị ơi, em đang đứt từng khúc ruột đây.

– Thôi mà... – Lý cười nhạt – Cứ vui lên, cô ạ. Thằng Cừ tiếng thế nó cũng là đứa có tình, có nghĩa đấy! Có thế nào đừng quên chị nhé.

Không cần biết vợ Cừ phản ứng thế nào, Lý quay ngoắt, thoăn thoắt leo lên gác. Chị xộc vào buồng ông Bằng, mở cửa, đóng cửa thình lình. Rồi chạy huỳnh huych về buồng mình.

– Ông Đông! Ông Đông!

Đông đang ngủ giật mình choàng dậy đã thấy sập tới lù lù trước mặt, giọng giật đùng đùng:

– Ông Đông, ông ở nhà mà cũng như không! Có phép đâu mà lại như thế được!

Đông giụi mắt, vẫn chưa hiểu tình thế:

– Cái gì mà ầm ầm thế?

– Còn cái gì à! Tỉnh chưa? Gióng tai mà nghe tôi hỏi. Tại sao ông để vợ con thằng Cừ chiếm cái buồng của ông cụ? Cả cái buồng khách, chiếu nhà Phượng nó trải đầy sàn, nó rắp tâm chiếm cái buồng nhãn tiền mà chịu, hả? Đống đồ chơi của thằng Dư con tôi đâu hết rồi? Trời ơi, có ai ngu dại đến như thế không? Không hiểu tôi ăn phải bùa mê thuốc lú nào mà lại đâm đầu lấy ông, hả ông Đông?

Câu cuối cùng diễn đạt nỗi ấm ức quen thuộc với sắc thái cay uất quyết liệt hơn, xốc vào tâm cảm Đông. Đông tỉnh hẳn, Đông đang nóng lòng chờ Lý về. Những ngày qua, anh đã bắt đầu thấy khúc mắc trong khi nghĩ về Lý, nhưng đây là lần thứ hai anh thấy bị xúc phạm: lần thứ nhất là câu nói của Luận sau khi đọc thư thằng Cừ. Lúc ấy Đông tự ái. Còn bây giờ, Đông bình tĩnh hơn. Bình tĩnh hơn, Đông nhìn Lý, nhận ra vợ mình đã thay đổi quá nhiều. Có một cái gì đó đã vượt ra khỏi con người Lý hôm qua, và quá xa cách anh.

Không để Đông nói, người phụ nữ như bị ma ám này đẩy cái làn xoài vào góc nhà, rồi vùng ra cửa. Chị lại xộc sang buồng ông Bằng. Cái mành trúc này. Cái thảm đay này. Cái gương này. Bộ trúc quân tử này... Giật. Cuốn. Tháo. Cái bếp điện này, cuộn dây lại. Cái vỏ chăn này, kéo mạnh. Hai thằng Quân anh, Quân em đang ngủ trưa cạnh cái chăn mỏng theo một thói quen mới được ông nội rèn cặp, giật bắn mình ngồi dậy, nhẩy phịch xuống đất, kêu "Mẹ ơi" và chạy tọt ra cửa. Cùng lúc, từ bên hai đứa trẻ, tót lên cửa sổ một bóng đen mềm mại. Con mèo nhung! Nó đứng ở bậu cửa sổ, chun cái lưng gù lên, định thần và lập tức phóng hai con mắt xanh lét giận dữ về phía kẻ gây chuyện. Chợt nhớ lại những ám ảnh ghê rợn đêm nào có tiếng mèo kêu trên mái ngói, Lý hốt hoảng ném mạnh cái gối vào nó. Con mèo *ngoăn* một tiếng bực tức, nhảy vọt ra ngoài.

Đông quay lại đã thấy ở giữa buồng một đống đồ linh tinh. Và Lý đứng cạnh đó, cái mũ đã bỏ ra, xõa tóc thề ngang vai, hai tay chống sườn, mặt hằm hè nhễ nhại mồ hôi.

– Không thằng nào, con nào được phép bén mảng đến cái buồng ấy của tôi.

Đông lừ mắt:

– Cô này ăn nói hay nhỉ?

– Buồng này là của tôi! Là của tôi! Là của thằng Dư! Vểnh tai lên nghe rõ chưa, hả!

Đông quay đi, trống không:

– Tự ý ông cụ bảo hai đứa trẻ lên ở với ông cụ đấy!

– Tự ý! Ông ơi, ông còn ngủ đến bao giờ mới thôi! Đó là cái mưu mô của thằng Luận và cô em dâu quý hóa của ông đấy, ông ạ. Rồi nó còn đưa con nó, đưa mẹ nó về đây nữa kia. Đã mở mắt ra chưa? Con nặc nô ghê gớm thế. Hừ, cả vợ thằng Cừ nữa, nó được phép ai mà dám bước chân vào cái nhà này? Đây là nhà vô chủ, hả? Đây là quán chợ, hả? Giời, cái buồng bây giờ hỏa hồng không dưới năm chục ngàn đâu.

Trong Đông, thực sự đã xảy ra một cuộc đổ vỡ. Lần trước, khi Lý nói: Luận và Phượng bày mưu mất xe đạp, anh chỉ nghĩ: Bà này tai quái, nông cạn kiểu đàn bà cũ kỹ. Lần này thì không phải vậy.

Nhưng, Đông nói thế nào bây giờ? Đông xưa nay không có thói quen chăm sóc mọi mặt, kể cả mặt tinh thần, cho bất cứ ai. Đông trách Lý thì cũng là trách mình. Đông cũng không quen trao đổi, bàn luận với vợ.

Mặt đỏ bứ, Đông ngắc ngứ:

– Cô quái ác quá. Có gì phức tạp lắm đâu. Mới đi về chưa hiểu đầu cua tai nheo thế nào, thì phải hỏi đã. Vợ Cừ nó lên khi cô đi vắng, làm sao nó nói với cô được!

– Dào ôi... lý sự. Ờ, cứ lý sự đi. Cứ nhiếc đi!

– Ăn nói lạ nhỉ.

– Chẳng có gì là lạ cả. Đây cứ quái ác đấy! – Quá mù ra mưa rồi, mắt Lý đã giần giật tia lửa man dại. Chị nhẩy vào giữa đống

chăn màn đồ dùng mới đem từ buồng ông Bằng xuống, chân giẫm đạp liên hồi và giọng giật từng hồi, đành hanh và trọn trạo:

– Chẳng phải lụy thằng nào con nào hết! Đây tay trắng lập nên cơ đồ. Đây phải có quyền. Đạo đức giả mãi! Đời chỉ là một chữ T thôi. Ôi giời ơi, sao tôi lại lấy phải cái con người như thế nhỉ? Ông Đông, ông sống không cần cái gì, không ước ao gì. Còn tôi, tôi không thể sống như thế được! Tôi cần sung sướng! Tôi không chịu kém đứa nào! Tôi cần ti vi, tủ lạnh, xe máy! Tôi không phải là vàng để trang trí cho kẻ nào hết. Tôi làm ra tôi phải hưởng... Ôi giời ôi, cứ nhiếc đi. Sống lâu mới biết đêm dài là thế! Khổ nhục cái thân tôi. Thế là tôi mất hết. Mất hết rồi, có biết không? Rồi con mẹ khọm Chí nó còn kéo về đây đú đởn nữa, có biết không!...

Chưa bao giờ, Đông gặp cái cảnh tai ngược đến như thế! Không quen ứng xử, anh chỉ còn có thể quát thật thô lỗ một câu, rồi bỏ đi. Và cái câu cuối cùng của Lý thật sự đã đưa anh vào tình huống ấy.

– Câm ngay! Tôi cấm cô động đến chuyện cụ và bà Chí. Đồ vô đạo đức!

Đông đấm mạnh vào bậu cửa, quát rồi đi ra khỏi phòng, xuống thang. Lần thứ hai Đông cáu bộc phát, kể từ hôm anh bất thình lình túm cổ áo Luận.

Còn lại trong buồng là Lý với cơn ghen tức, nỗi xót của và lòng phẫn nộ mỗi lúc một tăng thêm.

Đang ăn cơm trưa, nghe tiếng kêu khóc vật mình vật mẩy của bà chị dâu ở trên gác, Luận đặt bát cơm xuống:

– Quỷ sa tăng hiện hình ở nhà này rồi!

Vợ Cừ rưng rưng nước mắt:

– Khổ quá! Chỉ tại mẹ con em...

– Cô đừng nghĩ lẩn thẩn nữa! – Luận khẽ gắt.

Phượng quay sang chồng:

– Anh Luận ạ, hôm qua em đã viết thư cho chị Hoài, hỏi xem chị ấy có thể giúp gì cho cô Cừ được không? Còn từ hôm nay, cô ấy

sẽ phụ đan len với em. Cô ấy đã học được khối kiểu đan rồi. Chịu khó, ngày cũng được chục bạc, anh ạ.

Vợ Cừ lại sập sùi:

– Em làm anh chị vất vả quá! Thật em đâu muốn thế!

Luận nhìn hai đứa trẻ đang ngây ra nghe chuyện người lớn, bảo chúng ăn đi, rồi xếp đũa vào mâm.

– Cô cứ yên tâm. Tôi đã làm đơn gửi Liên hiệp Công đoàn tỉnh và Ban thanh tra, khiếu tố Tổng công đoàn về việc họ buộc cô thôi việc vô lý. Một mặt tôi đã gặp Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ và nhờ cơ quan báo của tôi can thiệp. Còn cô, không việc gì phải sợ bà Lý. Bà ấy là cái gì? Mà có là gì đi nữa thì cũng không thể chi phối, dọa nạt, ăn hiếp ai được!

Luận chống tay đứng dậy. Cơn tức sôi âm ỉ. Anh đi ra cửa. Thấy Đông ngồi thẫn thờ ở cái ghế đá và nghe thấy tiếng dép phụ nữ đi xuống cầu thang, anh liền chống tay lên hông, quát:

– Quỷ nó về ám cái nhà này rồi nên giờ nó mới suy đồi đốn mạt đến thế này!

Nghe tiếng chồng quát, Phượng vội buông bát, chạy ra định bụng kéo chồng vào. Xưa nay, Luận là sự nồng nhiệt nhiều khi thái quá.

Nhưng, đã không kịp rồi.

Lý vừa xuống hết cầu thang, lệt xệt lê đôi dép *tông* màu đỏ gạch, vừa đi vừa xoắn mớ tóc rối, tới cửa, đứng lại ngay đằng sau Luận.

– Anh Luận! Anh chửi ai đấy mà chõ mõm ra ngoài sân? Việc gì phải thế. Anh cứ nói thẳng vào mặt tôi đây này có hay hơn không?

Như chỉ chờ có thế, Luận quay phắt lại, gằn:

– Tôi nói thẳng với chị đấy!

– À, thế thì tôi cũng xin nói thẳng vào cái mặt anh, rằng: các người cũng chẳng tốt đẹp, mỹ miều gì đâu.

Lý bỏ tay xoắn tóc, rút hai bàn tay lên sườn, nét môi vênh cong đầy vẻ thách đố và ngực nhô hẳn về phía trước, sẵn sàng lao vào trận chiến sinh tử, nhưng giọng đay đả lại trơn tru, mát mẻ vô

cùng. Luận cũng không ngờ sự bùng nổ của mâu thuẫn vốn đã âm ỉ lại là cuộc đụng độ giữa anh và bà chị dâu. Anh vốn có thiện cảm với bà chị dâu này, vẫn hằng nghĩ: chị sống phức tạp, pha trộn cả vẻ đẹp sắc sảo của giới tính lẫn những nét thô kệch do thiếu văn hóa, nhưng có thể cảm thông, chấp nhận được.

Nhưng, lúc này người phụ nữ này dường như đã để mất hết vẻ mỹ lệ đáng quý, chỉ còn trơ lại những nét trâng tráo, hoang rợ.

Quả thật, hai con mắt Lý bỗng giống hai tụ điểm kính lồi phát ra những tia chói gắt. Sau vài giây yên lặng, chị chồm lên, cử chỉ hết sức dữ tợn mà những câu rủa xả lại mượt mà, trôi chẩy, tựa như những câu học thuộc lòng:

– Vểnh tai ra mà nghe cho rõ nhé. Tiên trách kỹ, hậu trách nhân. Anh có biết rằng, con vợ anh nó có được chỗ chui ra chui vào là nhờ ở cái con quỷ sa tăng nào không? Và vợ anh cùng với anh đã ăn cháo đá bát như thế nào không? Định mồi chài ai? Định chiếm đoạt cái gì? À, cứ vỗ ngực ta đây là cao thượng, là tốt đẹp nữa đi! Tốt đẹp thì về nhà đóng cửa dạy con vợ của anh đã nhé. Đối xử với anh chồng phải đứng đắn nhé. Đừng có cơm rồi lại muốn ăn quà nhé! Đừng khỏi vòng cong đuôi nhé!

Tồi tệ đến thế là cùng. Đối đáp bốp chát, ăn miếng, trả miếng, chửi vỗ mặt nhau, đánh đá hàng tôm hàng cá, thơn thớt dựng chuyện vu khống đê tiện một cách nanh ác, trơ tráo như thế này thì thật không còn gì để đáng nói nữa. Luận cố ghìm mình, gầm một tiếng gì đó, rồi quay đi, nhổ bọt:

– Thật là xấu hổ!

Phượng từ nãy đứng sau Lý, run bần bật, mặt tái mét, vừa ức vừa ngượng thay cho Lý khi nghe Lý đặt điều ê chệ cho mình, nhưng vừa thấy Lý xắn tay áo lồng lên, liền nén nỗi riêng, chạy lên, nắm tay Lý nghẹn đắng:

– Thôi, chị Lý, em xin chị.

– Mày bỏ tao ra! – Lý giẫy giụa – Nó nhổ bọt ai? Tao phải sòng phẳng với nó. À, cả con vợ thằng khốn nạn Cừ kia nữa, mày cũng định bênh thằng nhà báo đểu giả kia phải không? Mày lên đây có giấy tờ gì không? Mày có trình báo với ai ở cái nhà này không? Bỏ tao ra! Đồ chó ghẻ có mỡ đằng đuôi! Nó cậy nó là thằng nhà

báo, hả? Chúng mày không sống nổi với tao đâu! Ối giời ơi, sao thân tôi khổ thế này hả giời!

Lý lăn đùng ra đất, mắt sặc tiết, chân đạp, tay đấm, rồi ôm mặt khóc hức hức một cách rất oan uổng, xót xa.

Ngoài sân, Đông rời cái ghế đá, lẳng lặng cúi đầu, đi ra cổng.

14.

Không thể ở lại một giây nào nữa, Luận ra sân rồi cắm cúi đi ra cổng. Anh nhác thấy bóng Đông ngồi trên ghế đá, mặt Đông lầm lì chứa ẩn cơn bùng nổ, lúc ấy anh muốn nhảy xổ tới Đông mà gào: "Ông là một kẻ vừa không biết thích ứng, vừa nhu nhược. Ông mở mắt mà xem cái tổ ấm của ông, nó đã thành cái tổ quỉ chưa? Ông cũng là tội phạm".

Chưa bao giờ Luận lại có ý nghĩ cay độc, thô lỗ đến như thế!

Xưa nay, Luận bao giờ cũng điềm tĩnh. Nhưng hôm nay thì Luận bối rối.

Trưa ngả chiều, thành phố như cái lò nung, nóng oi, ngột ngạt. Không ai có thể hình dung rằng mới ngày nào, cũng đường phố này, cái rét lại se sắt, gai góc đến nỗi những cây bàng lá đầy đặn thế kia mà lả tả rụng dần lá cho đến kỳ trơ khấc những nhánh, cành xương xẩu; còn bây giờ, bàng lợp xanh lớp lớp tầng tầng, tán trên tán dưới, như những ô dù tỏa bóng tròn xuống mặt đường đang mềm nhũn vì nhựa chảy.

Mặt trời mới sáng đã như quả cầu lửa và hun đốt thành phố suốt ngày. Rét cũng khốn khổ. Suốt cả một mùa đông lạnh, Luận chỉ có độc một bộ vét thay đổi và đã phải đem đi bán rồi. Đôi giầy da duy nhất chống chọi với cái buốt tấy sưng ngón chân thì đã há mõm, rách cạnh. Cái rét hành hạ người nghèo. Nhưng, nóng cũng không sung sướng hơn. Ngày nóng, đêm nóng, lại thêm muỗi hút máu. Quạt điện không có, quạt tay chỉ một lúc đã rã rời. Lắm đêm không ngủ được, trằn trọc, oán giận cả ông Trời, sao ông phung phí năng lượng đến như thế? Sao lại có thể vô lý đến như thế được?

Cả cái đường phố này cũng là sự tập hợp quá mức những cái vô lý. Đường thì hẹp mà người, xe lại quá nhiều. Nhất là ở cái ngã

tư Luận vừa phải dừng lại đây: người, xe cứ xô lấn chen đẩy nhau, lấn chiếm mặt đường, bất kể một quy tắc tối thiểu, mà chẳng ai chịu đứng ra chỉ huy, xếp sắp lại. Vô lý quá! Dưới ánh nắng hè gay gắt, hàng trăm con người phải ùn lại chỉ vì một cái tầu sắp đi qua! Sao tàu hỏa lại đi qua thành phố ở đúng chỗ đông người qua lại này? Thằng cha nào thiết kế mà vô lý đến mức như vậy? Vô lý hơn nữa là chờ đã mười lăm phút. Mười lăm phút đứng dưới lửa thiêu. Phát điên lên được! Mồ hôi ròng ròng chảy, đẫm ướt cái áo ni lông rồi. Mặc thế nào được nữa, lại phải giặt...

Nhưng, vô lý hơn nữa là hai mươi phút sau thì cái *barie* mở? Hóa ra không có tầu! Hóa ra người gác ghi tưởng là có tầu! Người bây giờ mới ồ lên, chen lách, cả một khối loạn xà ngầu, càu nhàu chửi bới. Không phạt người gác đường thì thật vô lý. Làm lãng phí thời gian của năm trăm con người, tạm tính như thế, mỗi người hai mươi phút, tổng cộng là bao nhiêu giờ? Kẻ làm sai phải bị bắt đền! Sao không bắt đền? Sao không phạt?

Nhưng, nghĩ đi nghĩ lại cũng không hoàn toàn như thế. Vì trong cái đám đông hỗn độn đứng chờ đường mở ấy có những kẻ vô tích sự, không có một sự sáng tạo có ích nào hết, thậm chí có cả bọn ăn bám, bọn phá hoại nền kinh tế, văn hóa của đất nước nữa.

Bọn chúng đầy rẫy và đang sống nhơn nhơn. Chúng mặc áo quần, đi giầy mốt mới nhất. Chúng đem văn minh về ư? Vô lý. Chúng làm vẩn đục xã hội. Chúng làm tủi hổ Phượng và những người lương thiện, nghèo nàn. Chúng ăn cắp cái xe của ta. Chúng ăn cướp của cải của xã hội để tiêu xài, hành lạc. Chúng là những kẻ đang đứng, ngồi trong các quán ăn, quán uống kia. Ôi! Sao lại có cái mặt giống Lý thế! Lý thật. Rất nhiều 1, 2, 3, 4,... 9, 10... Hàng chục Lý. Lý nào cũng tràn trề khoái lạc, ngông ngạo và thô tục.

Luận vượt qua ngã tư, bước vào một cái phố nhỏ, ở cuối phố có tòa nhà của cơ quan anh.

Cái phố hẹp làm anh tức mắt. Cả hai hàng bằng lăng cũng làm anh khó chịu. Cây đã nhỏ lại vặn vẹo mà hoa thì bung từng chùm, lại khô như giấy. Như một sự chắp vá. Và rõ ràng là có biển báo đường một chiều mà ba tên mặt áo *phông* vàng in hình tây đầm

ôm nhau vẫn cứ nghễu nghện bá vai nhau đạp xe ngược chiều. Luận chỉ muốn xô ra chặn ba gã nọ lại, hét: "Có mắt không hay là mù?".

Nhưng Luận thấy mệt óc quá rồi.

Anh uể oải đi đến cơ quan.

Tạch tạch tạch... tiếng những con chữ đập vào ru-lô đang nẩy đều đều, bỗng ngừng phắt.

Luận ngó vào phòng thường trực. Ông thường trực đeo kính lão số 4 dừng máy chữ, đứng dậy lúng túng, ngắc ngứ. "Ta bị anh chàng phó tổng biên tập tương lai bắt quả tang đánh máy thuê trong giờ hành chính và đánh bằng máy cơ quan". Chắc là ông nghĩ vậy nên vội vàng lấy tờ báo phủ lên cái máy chữ.

– Bác ơi, ông Tổng biên tập đến chưa bác?

– Dạ dạ... ông ấy đang ở trên gác ạ. Lúc nãy có xuống tìm anh đấy ạ.

Luận vào buồng mình, cố quên đi vẻ tội nghiệp của ông già thường trực. Anh mở cặp bìa lưu trữ bài chuyên đề, bài của phóng viên, thư bạn đọc. Nóng quá anh kênh cái cổ áo. Không làm việc thì thật vô lý. Nhưng làm gì? Cuộc sống dữ dội, so với nó tất cả đều nhạt nhẽo đến thảm hại.

– Anh Luận uống nước chè tươi đi. Nồng nực chỉ có món giải khát này là mát mẻ, bổ phổi thôi, anh ạ.

Ông thường trực xách cái ấm nhôm nước chè tươi vào rót ra cốc, đặt lên bàn Luận, cung cách rất nể trọng. Trước nay chưa bao giờ có chuyện này. Khổ, ông vẫn có ý e ngại Luận về cái việc sai trái của ông vừa rồi.

– Có tin tức gì mới không, bác?

Luận cố làm cho ông già ra khỏi mặc cảm. Ông gãi cái cổ mướt mồ hội.

– Dạ, chỉ có tin tức về giá cả thôi ạ. Gạo lên mười sáu rồi. Ở phố tôi hôm qua có cái đám cưới nguyên gà đếm được mười lăm gánh. Họ mời tôi phải cáo cho là đi công tác xa – vì ở nhà, không đến thì bất lịch sự, mà đến thì xoàng cũng phải phong bao năm

chục. Thế là đành phải lựa chọn giữa hai cái. Năm chục! Trong khi một trang đánh máy thuê được có năm hào!

Lại một sự vô lý!

– A, Luận đến rồi đấy à?

Ông Tổng biển tập người cao, tóc bạc trắng vẻ thông minh từ gác xuống, vừa bước vào vừa nói. Ông thuộc thế hệ thanh niên lớn lên thì gặp phong trào cách mạng. Năm 1944, đang học trường Bưởi, được giác ngộ, ông đi hoạt động luôn. Ròng rã mấy chục năm, ông chịu nhiều đau khổ: bị địch bắt, bị đánh chết đi sống lại nhiều lần, bị đẩy ra Côn Đảo, ở nhà con chết, vợ bỏ đi lấy chồng khác, trở về bị nghi ngờ, xác minh sự thật trong tù làm đi làm lại, nhưng con người chịu những thiệt thòi ghê gớm ấy vẫn ung dung tự tại, tự tạo thế ổn định để sống và làm việc. Luận rất quý ông và ông gần với Luận ở khía cạnh luôn có ý thức chủ động với cuộc sống có nhiều điều không như ý.

– Mời thủ trưởng uống chè ạ.

Ông thường trực lại vào, đặt một cốc chè tươi nữa lên bàn, mời ông Tổng biên tập, rồi gãi gãi đầu đi ra.

Ông Tổng biên tập xốc xốc tập giấy trên bàn:

– Mình đã đọc kỹ mấy bài viết của cậu. Bài có tình, có lý, có sức thuyết phục. Nhưng có một điều mình phải nói với cậu, mình có cảm giác, cậu rời bỏ cái vị trí lâu nay cậu vẫn đứng vững – Ông thở mạnh – Mình nói thật: cậu đừng gào lên như thế!

– Sao? – Luận hơi nhổm dậy – Cần phải gào, phải thét lên chứ?

Ông tổng biên tập lắc lắc đầu:

– Đừng để đau khổ lấn áp lý trí!

Trong giây phút yên lặng chỉ có nụ cười thương cảm của ông Tổng biên tập là hình sắc trong không gian, người Luận như hẫng một cái. Ông Tổng biên tập, người bạn vong niên, con người không để bản thân thiên kiến chi phối khách quan, con người ấy như nhìn thấu tim gan anh, đã dùng một câu nói ngắn ngọn để thâu tóm thái độ của anh trước hiện thực.

Luận cảm thấy như bị phơi trần ra. Nhưng anh là một sức đề kháng dai bền; anh phản công ông Tổng biên tập:

– Tôi sợ anh hơi khô cứng. Hay là anh ít thực tế? Cái xấu, sự vô lý đang đầy rẫy ngoài đời, không lẽ cứ để chúng hoành hành mãi?

– Đau khổ quá dễ hoang mang đấy.

– Chẳng lẽ tôi không được quyền phẫn nộ.

– Phẫn nộ của lý trí thì được.

– Trời, phải là người đã từng đau.

– Chẳng lẽ tôi không phải là người trong cuộc?

Luận im ngay khi ông Tổng biên tập nói câu ấy. Anh hiểu con người này hoàn toàn có tư cách phát ngôn như thế. Và ông nói điều gì thì đó là những điều ông đã thể nghiệm.

Lát sau, Luận khe khẽ:

– Tôi đứng trên vị trí bảo vệ những nguyên tắc đạo đức xã hội chủ nghĩa và những tinh hoa văn hóa của dân tộc. Anh có thấy vấn đề đạo đức là vấn đề chính trị không. Bọn hư hỏng chúng nó có ưa gì thể chế của chúng ta?

– Cậu nói đúng – Ông Tổng biên tập gật đầu – chúng ta phê phán nhằm cái đích lớn. Nhưng phải nhận ra điều này: chúng ta đã làm những cái hết sức vĩ đại, nhưng cũng đẻ ra một số cái tồi tệ. Xã hội không bao giờ đạt tới một sự hoàn chỉnh lý tưởng. Chủ nghĩa xã hội – ta chưa có đâu – nếu hiểu là sự trong sạch hoàn toàn thì là ấu trĩ, thiếu nghiêm túc về chính trị. Cái xấu, cái vô lý như cậu nói, chính là sản phẩm của chúng ta, của chính chúng ta, hiểu theo nghĩa khái quát. Lịch sử phải trả giá để biến cải nó. Cậu dùng chữ *tố cáo* là chưa ổn? Cậu tố cáo ai? Cậu trắng án à? Điên dại hay là mất hết niềm tin? Nên nhớ: Dũng cảm chịu đựng trên *cơ sở* phân tích khoa học cũng là một đức tính, là một đức tính cần thiết bên cạnh đức tính bình tĩnh!

Ông thường trực lại xuất hiện. Ông mời ông Tổng biên tập đi nghe điện thoại ở phòng bên.

Luận còn lại một mình trong phòng. Cuộc tranh luận bị bỏ dở. Chưa chắc ông Tổng biên tập đã đúng cả. Nhiều lần như thế rồi,

nhưng chưa lần nào cuộc tranh cãi với ông lại để lại dư vang như thế trong Luận.

Luận nhớ lại tất cả cảm xúc của ngày qua. Nhớ lại tấn bi kịch gia đình, nhớ lại những gì anh đã thấy ở xã hội, đường phố... Gia đình, đường phố, cơ quan, xã hội, các tập thể con người, những môi trường sống khác nhau mà đồng dạng, gắn liền. Anh đã nổi cơn bi phẫn, từ vị trí nạn nhân. Có bao giờ con người hài lòng với mặt tốt của hiện thực. Nhưng, đó không phải là tầm cao tư tưởng anh cần vươn tới. Căm phẫn là cần, nhưng không khó với bất cứ ai có lương tri. Cái cốt cách cao ngạo với mọi sự tầm thường thì từ ông Bằng, đã có rồi. Chửi rủa càng là sự dễ dàng. Một chỗ đứng cao hơn, mà vẫn là kẻ trong cuộc, mà không phải là bàng quan, là chai lì, vô cảm là thế nào?

Đêm xuống từ lúc nào.

Luận ra khỏi phòng, cảm thấy vẫn như đang ở trong cơn nhiễu loạn.

Ông thường trực tránh cái đám cưới mười lăm gánh gà ngủ lại ở cơ quan, đang ngồi trong căn phòng chật hẹp nhấy những ngón tay trên cái máy chữ Rơ-manh-tông già nua. Khổ, ông nghèo, lại những sáu đứa con nhỏ.

– Anh Luận ơi, vào giội mấy gáo nước cho mát mẻ rồi hãy về.

Ông thường trực ngẩng lên nói vui vẻ, rồi lại chúi xuống tiếp tục công việc trên bàn máy, dáng điệu hoàn toàn thoải mái, khác hẳn thái độ sợ sệt khi ông đánh máy thuê trong giờ làm việc.

Luận sững lại, trong anh chợt lóe lên một tia sáng bất ngờ từ sự so chiếu hai thái độ ở hai hoàn cảnh khác nhau của ông già. Cái thiện, cái hợp lý bao giờ cũng có sức mạnh tự thân. Và thiên hướng trở về với cái thiện, cái hợp lý là mạnh mẽ, ở ngay cả lúc cái xấu còn mạnh.

Luận đứng ngẩn. Hóa ra sự mất thăng bằng trưa và chiều nay của anh là biểu hiện nỗi tuyệt vọng của anh và thái độ khinh ngạo của anh với bà chị dâu.

– Đi tắm cái đã. Mai, bảo ông Đông đến xí nghiệp bà Lý đặt vấn đề thẳng thắn. Ông Đông phải phân tích cho bà Lý hiểu cái sai của bà ấy.

Luận vào nhà tắm. Nửa tiếng sau trở ra trong cảm giác mát mẻ, thảnh thơi. Anh đứng chải đầu cạnh ông thường trực vẫn đang kỳ cạch gõ máy chữ.

– Anh Luận này – Ông già quay lại tươi tỉnh – Anh có biết cái đám cưới nguyên gà mười lăm gánh là của ai không? Một cô y sĩ. Cô này đẹp như hoàng hậu. Đã có chồng. Nhưng cuộc sống vất vả. Ở bệnh viện cô này làm có một tay chuyên gia Thụy Điển, nó yêu cô ta. Thế là hai vợ chồng cô y sĩ này bàn bạc rồi ly dị nhau. Đó là tôi nghe người ta đồn vậy. Cô y sĩ sẽ lấy thằng Thụy Điển. Anh chồng cũ sẽ được cô chu cấp mỗi tháng ba nghìn đồng để nuôi con. Họ đã thực hiện đúng như hợp đồng. Anh xem, bây giờ người ta lựa chọn có thực tế không? Mà cạm bẫy vô đạo đức giăng có khiếp không?

Trời! Trong Luận như có một vụ nổ ngầm. Và mồ hôi lại vã ra đầy người anh như trước lúc tắm.

15.

Mùa hè ấy là một mùa hè nóng nực, bức bối nhất mà Luận đã từng sống. Nhiệt độ không khí ngoài trời có ngày lên tới bốn mươi độ, cái độ kỷ lục. Và bây giờ, khi cái mùa hè nóng nực, bức bối ghê gớm ấy đang chậm chạp qua đi, mỗi ngày nhiệt độ tụt xuống một chút và buổi tối đã thoáng hơi sương thu, ký ức Luận vẫn nổi lên hình ảnh hàng dãy thùng xếp hàng dài ở các vòi nước công cộng. Mùa hè trở nên hữu tình với cái ấn tượng người ngồi la liệt trên hè phố suốt đêm, trong đêm vắng tiếng người nói chuyện lao xao từ đầu phố vọng lại, khiến Luận có cảm giác thành phố thật chật chội, bí bức.

Mùa hè ấy thật đáng ghi những dòng đậm nét vào *Bút ký gia đình* vì các sự kiện đã xảy ra. Ông Bằng vẫn nằm bệnh viện và đã liệt nửa người; vợ Cừ vẫn sống với tâm trạng của kẻ đứng trơ vơ bên lề đường hắt hủi.

Mùa hè ấy Luận phải làm một việc bất đắc dĩ. Đến một cơ sở sản xuất để phản ánh, điều tra với tư cách một phóng viên, việc ấy Luận đã quá quen. Nhưng, đến để đề nghị giải quyết một việc thuộc nội bộ gia đình thì mới có một lần, với chuyện thằng Cừ hồi nào. Phượng tán thành thái độ có trách nhiệm của Luận về việc Lý, yêu cầu Luận giục Đông đến xí nghiệp Lý. Luận hòa giải với ông anh, đặt vấn đề thẳng thắn với ông. Nhưng ông anh lại ầm ừ: "Ừ, kể cũng được... Nhưng nó cũng có cái khó... Với lại, đây là chuyện gia đình...". Đông lừng khừng, rồi bỏ hẳng. Luận nghĩ về tấn thảm kịch thằng Cừ, lại nhớ chuyện đồn đại rất đáng sợ về một cô y sĩ nào đó bỏ chồng lấy gã chuyên gia Thụy Điển, như nhớ tới những lời cảnh tỉnh, đành phải một mình đến thẳng xí nghiệp bà chị dâu, gặp Đảng ủy, Giám đốc, Công đoàn, kể lại tình hình vợ chồng Đông – Lý, những diễn biến gần đây và yêu cầu đừng để Lý đi công tác xa, vì theo anh, một mối nguy hiểm đã lấp ló hiện ra có thể dẫn đến những tai hại không lường, sau chuyến đi Sài Gòn vừa rồi của Lý.

Thật sự là thiện ý, là trong sáng, nhưng Luận vẫn chuẩn bị đón nhận sự trả thù của Lý. Người phụ nữ này đáo để và giàu tự ái lắm. Nhưng, hình như không có việc gì xảy ra, ngoài việc một hôm Phượng hỏi anh: không hiểu sao bà trưởng phòng lại nói chuyện với các cô nhân viên trong phòng rằng không thể tin cô Phượng được. Đồng thời, bà ta lại tiếp tục xét nét quá quắt đối với mỗi cử chỉ, hành vi, lời nói của Phượng. Bà đã nhận được thư vu cáo của Lý? Hay là vì Phượng đã gặp ông giám đốc, thông cảm với ông về việc hoãn trừ nợ ông cho đến tháng tới, ông bảo: "Cô cứ trừ đi cho tôi thanh thỏa. Khổ quá! Cô ấy cứ lo hộ tôi làm gì!"?

Chuyện có vẻ êm ngay trong gia đình. Trừ một đêm nghe thấy tiếng ầm ầm ở buồng vợ chồng Đông – Lý, sáng sau thấy mặt Đông nằng nặng. Vợ Cừ ỏn thót: "Chị Phượng ạ, anh Đông anh ấy quát to lắm. Hình như anh ấy tát chị Lý. Em đứng ở dưới vườn lúc đó, em nghe thấy cả tiếng xô đẩy đồ đạc kia! Nhưng tịnh không nghe thấy tiếng chị Lý nói!".

Rồi yên tĩnh. Yên tĩnh bắt đầu từ Lý.

Yên tĩnh như những đêm cuối hạ đầu thu ở khu vườn cây đã bắt đầu đứng lá. Đêm sao đã nhạt. Bóng tối nhòe vì hơi sương đã

đậm. Con mèo đen leo lên cây, có lúc làm gãy một cành cây khô, nhánh cây rơi xuống đất, gieo một tiếng động ngắn ngủi, hiền hiền. Đông dọn sang buồng ông Bằng, nói là để trông nom buồng cha. Thỉnh thoảng Đông lại vặn máy hát. Đĩa cũ, kim mòn, tiếng nhạc thả ra rè rè:

Vườn khuya thanh vắng, hoa đứng im, rải bóng mờ. Trời đêm xao xuyến...

Ngập ngừng mùa thu đến.

Đã thôi cái nắng chói lói, gắt gay. Mỗi sáng đi làm Lý mặc áo sơ mi dài tay nhuộm pin đen hồi đánh Mỹ. Chị dịu lại như được ướp sương thu. Chị làm lành trở lại với Phượng và vợ Cừ rất nhanh, rất dễ. Một hôm đi làm về, chị xách cái làn xộc thẳng vào buồng Phượng:

– Phượng ơi, kinh khủng quá! Con mụ vợ lão thứ trưởng ấy mà, bị tụi con nó đánh, xé tan cả quần áo ra. Lão nhân tình thì bị khu phố họ triệu ra trụ sở, lập biên bản. Hóa ra hai đứa canh tỵ buôn kim cương, đô la cậu ạ! Thế có tởm không?

Vợ Cừ đang ngồi nhặt rau, ngẩng lên láu táu bắt chuyện:

– Em đi gánh nước, thấy công an họ khám một nhà ở gần phố, lấy ra cả một bao tải tiền.

– Cho chúng nó chết! – Lý nghiến răng – Thật là ăn thịt bò mà lo ngay ngáy chưa! Cô Cừ thấy có phải không? Cứ rau muống mà ngáy o o như chị em mình mà sướng!

Rồi như sực nhớ, giọng Lý hạ xuống, vuốt dài mềm như mây:

– À, cô Cừ này, để tôi hỏi cho một chỗ làm. Cấp dưỡng có được không? Lúc đầu cứ thế đã, cô ạ. Khổ!

Nghĩ người lại nghĩ đến mình. Cam lòng chua xót nhạt tình bơ vơ là thế! Cô nấu canh rau đay à? Này, cho xóc cua mà nấu cho trẻ nhỏ nó ăn. Cua giờ cũng ba hào một *ông* đấy!

Lý sà xuống cạnh vợ Cừ, tanh tách nhặt rau. Vợ Cừ thật thà khen chị Lý mặc áo nào cũng đẹp. Lý giới thiệu cái áo nhuộm ngụy trang thời đánh Mỹ mặc đẩy xe bánh đi bán dưới mưa bom bão đạn: "Tớ còn lên gác thượng tiếp đạn cho cao xạ đấy! Nam giới có ông nhát bỏ mẹ. Máy bay nó xay lúa ù ù quanh Hà Nội, cứ chúi đầu

vào gầm cầu thang, cấm có dám ló mặt ra!". Ba người cười khanh khách. Tưởng như trước đó giữa họ chưa hề xảy ra chuyện gì đáng tiếc.

Với Luận, sự trở lại quan hệ bình thường có khó hơn. Luận là đàn ông, lại vốn là kẻ hay khinh ngạo sự tầm thường, xấu xa. Cuộc va chạm như vậy thật là sự xúc phạm quá nặng nề. Cứ nghĩ: rồi đây khó mà có thể còn nhìn được mặt nhau nữa kia. Nhưng, chính Luận đã tự giải thoát mình, kể từ sau lúc trò chuyện với ông Tổng biên tập. Sau cùng là lòng tốt của anh xưa nay bao giờ cũng thắng những cái xấu vặt vãnh của anh. Hơn nữa, anh vẫn tin bà chị dâu. Cái áo nhuộm màu pin đèn như chứng chỉ của sự hồi tâm, Lý vẫn gây được cảm mến ở anh.

Một chiều, Luận đi công tác về thấy ba người phụ nữ lúi húi ở vườn rau, vừa xới đất vừa trò chuyện rất vui vẻ. Anh đi tới thì bà chị dâu ngẩng ngay lên, mặt tươi roi rói, bắt chuyện với anh một cách hết sức tự nhiên và thân thiết đến bất ngờ:

– Chú Luận hồi này trông có da có thịt ra dáng rồi đấy. Phượng, mày bồi dưỡng cho ông ấy, hả? Này, thế nào năm nay chú cũng được tăng lương, lên chức đấy, chú Luận à!

Luận cười mặn mà:

– Sao chị biết, chị Lý?

– Tôi trông chú có lộc tôi biết chứ! Đúng không nào?

– Bà này chắc mới nghe lỏm được cách xem tướng số rồi.

– Bất biết! Tôi hỏi chú: có đúng là sắp được lên chức không? Trả lời đi!

– Đúng. Nhưng có gì là quan trọng!

– Không quan trọng! – Lý chống cuốc, đứng thẳng lên – Y sì như ông anh trai. Không quan trọng! – Thế thì tại sao tổ chức người ta không bạ ai cũng đề bạt bừa đi. Nói thật nhé, từ ông cụ tới mấy anh em trai nhà ông ấy, sống cứ như trên mây. Cái lý ở đâu lại khinh rẻ tiền bạc, vật chất, coi thường chức vụ nhỉ?

– Giỏi! Giỏi! Bà này lý luận nghe cũng được đấy. Luận gật gật đầu, Lý đắc chí:

– Nghe được quá đi chứ! Này, ông Đông nhà ông cũng thua tôi chứ tưởng. Này Phượng này, ông Đông tẩm ngẩm tầm ngầm mà văn hay ra phết. Dạo này ông ấy chăm viết thư cho thằng Dư lắm. Viết xong lại đưa tớ xem. Tớ bảo: "Tả cảnh, kể chuyện hay thế này, giá đi làm báo, làm nhà văn, có khi chức tước, bổng lộc còn khá hơn đấy!". Ông ấy vặn: "Trung tá rồi, còn đòi gì nữa!". Tớ đốp luôn: "Tôi mà có trình độ, có quá trình như ông, tôi phải... đại tá!".

– Ha ha... – Phượng, vợ Cừ bật cười vui vẻ.

Luận cười rũ:

– Bây giờ chị chỉ huy cả ông trung tá thì mặc nhiên kém nhất chị cũng là đại tá rồi còn gì!

Khu vườn rau nho nhỏ ran ran những chuyện đời linh tinh, kéo con người lại gần nhau. Phượng khen Lý mát tay trồng cây nào tốt cây ấy. Lý khuyên vợ Cừ trong khi đợi việc, hãy nuôi lợn. Nuôi lợn thu nhập một tháng bình quân ba trăm. Khối người nhờ nuôi lợn mà có xe, có đài, có nhà. Nuôi lợn đi. Lý sẽ mua hộ bột cá cho. Lý thành thật: "Cô khổ, tôi yên lòng sao? Chị em với nhau, không thương nhau thì thương ai?". Chuyển sang chuyện ông Bằng, bà Chí, Lý chép miệng: Bà Chí cũng thật tội nghiệp. Một đời nhân hậu, một đời thiệt thòi. Hai cụ làm bạn tuổi già cũng hợp cảnh, hợp tình. Rồi tới chuyện thằng Cần sắp đi học ở nước ngoài về. Lý hùng hổ: "Nó muốn lấy vợ, tôi sẽ giới thiệu cho nó một em *hết ý*!"

Luận vui hòa hợp. Thiện cảm đằm thắm với bà chị dâu lại trở lại với anh. Nhưng khi thấy bà chị dâu tươi đẹp đang sống phóng khoáng, ồn ã, nay khoác cái áo nhuộm pin đen, thu mình trong một đời sống khuôn khổ, giản dị, anh lại thấy ái ngại thế nào. Lý hình như đang cố khép mình lại. Lý không giống Phượng. Phượng sống như thế vì bản chất Phượng là vậy.

Một đêm khuya, ngồi đan cạnh chồng, Phượng nói:

– Anh Luận ạ, lúc chị Lý dựng chuyện vu khống em, em thấy xấu hổ cho chị ấy quá. Em nghĩ: thôi thế là chẳng còn chị em gì với nhau nữa đâu. Nhưng thấy chị ấy nghĩ lại thì em quên hết, em mừng quá, em lại thương chị ấy.

Luận gật đầu:

– Anh tin ở tác dụng của công luận, ở sự giáo dục của cơ quan, đoàn thể, tin ở chính chị ấy nữa. Với lại em đã thấy mặt gã trưởng phòng vật tư ở xí nghiệp chị ấy chưa? Xấu xí, gian ngoan kinh hồn. Bà Lý nhà ta đẹp như hoàng hậu, lại thông minh sắc sảo. Lãnh đạo xí nghiệp họ khen bà ấy hết lời đấy, em ạ.

– À, nói chuyện hoàng hậu em lại sực nhớ! Chị Lý hôm qua cũng kể cho em nghe chuyện cô y sĩ lấy gã Thụy Điển đúng như anh kể. Chị ấy bảo: Cô y sĩ ấy là bạn chị, hồi Tết đi xem bói, người ta bảo: cô sẽ là hoàng hậu. Chị ấy kể chuyện ấy mà giọng cứ như không mới sợ chứ anh.

Nghe giọng Phượng, Luận biểu vợ anh vẫn bị ám ảnh vì độ ghê tởm của câu chuyện và chị đang phấp phỏng một mối lo, do liên tưởng xa gần, Luận vội nói:

– Ai thì cũng phải lựa chọn, em ạ. Ta cũng vậy. Có điều ta thì dứt khoát vì sự vững vàng của ta. Chị Lý có gì đó hơi bấp bênh, nhưng, anh tin chị ấy biết đâu là giới hạn.

Hai vợ chồng tiếp tục bàn về Lý và mừng lo thấp thỏm. Nhưng, một hôm cả hai đều giật mình lo sợ vì một tin vợ Cừ đưa ra: Đông dọn lên ở tại buồng ông Bằng, nói là để trông nom buồng ông cụ, nhưng thật ra là cách ly Lý; hai người sau lần xô xát, Đông tát Lý, vẫn chia rẽ ngấm ngầm và bây giờ sống ly thân nhau.

Luận bần thần mấy ngày liền về tin này. Cô vợ Cừ xem ra cũng thóc mách, hay để ý, cũng lắm lời. Thực hư chuyện này là thế nào? Nếu thật thế thì nguy hiểm. Đông từ sai lầm này bước sang sai lầm khác. Đông bỏ mặc Lý trong lúc chị đang rất cần sự nâng đỡ, khích lệ.

Hai người bảo nhau theo dõi thật sát mọi biểu hiện của vợ chồng Đông – Lý, nơi chi phối bầu không khí gia đình. Họ nhận ra, sau một thời gian như là hoàn lương – có lẽ do xí nghiệp chị kiểm điểm phê bình chị gắt gao – Lý lại như thời tiết đầu thu, bắt đầu rơi vào một trạng thái ngả nghiêng bất định. Có ngày, liền hai buổi chị vào bệnh viện thăm ông Bằng, về, ứa nước mắt kể: ông cụ gầy quá, cô đơn quá. Nhưng, hôm sau chị lại ngồi xoen xoét rủa xả bà Chí một cách hết sức nhẫn tâm. Rồi một hôm Lý hiện ra với áo, quần, mũ, giọng điệu, vẻ mặt y như hôm ở Sài Gòn về. Có bữa, chị

chửi gã trưởng phòng vật tư như một tên vô lại đểu cáng nhất thế gian. Lại có khi khen gã hết lời, như gã là một anh hùng xuất chúng, sành điệu ăn chơi. Một hôm anh đang cùng Phượng hái rau muống, chị bỗng thở dài:

– Khổ, thân phận đàn bà chúng mình. *Mênh mông mặt nước cánh bèo. Tránh sao cho khỏi sớm chiều đầy vơi.*

Phượng chưa kịp hỏi, Lý đã tiếp:

– Nhưng... đàn ông như ông Đông nghĩ cũng tội! Lẽ ra ông ấy nên lấy một bà ở nhà quê, một bà thật tốt, một bà chủ nhiệm hợp tác xã, một bà chủ tịch xã chẳng hạn.

Rồi Lý lại hay vắng nhà và mỗi lần trở về lại nhóng nhánh từ ánh mắt đến môi cười. Nhưng, hôm sau đã lại xam xám cái áo nhuộm pin đen, sùm sụp cái nón, xách cái cặp lồng cơm, lặng lẽ đi làm.

Một trưa, chị từ xí nghiệp, đạp xe về, xô vào buồng vợ chồng Luận – Phượng, lăn ạch ra giường, đập chân đập tay ầm ĩ:

– Cho tao hớp nước chúng mày ơi, rồi tao báo một tin rất hay. Chết! Đầu thu gì mà oi quá! Trời này đứa nào chửa non thì đứa ấy chết.

Luận bưng cốc nước tới:

– Cứ tưởng chị bị con chó dại nhà ông thợ mộc cắn.

Lý giật cốc nước, uống ừng ực, hết cốc nước, vứt cốc ra giường, bật ngửa ra, cười một tiếng ngắn khoan khoái:

– Luận này, nghĩ lại mới biết hồi ấy mình... ngu!

– Sao lại ngu?

– Ngu vì khóc tùm lùm, vì chẳng hiểu số mệnh là cái khỉ khô gì cả. Hôm rồi lão tử vi của tớ, bảo tớ: khéo dư nước mắt quá. Chết sao được. Năm ấy là năm vượng của cô mình đấy.

Nhổm dậy, quệt nước sót ở mép, Lý tiếp, giọng quang quác:

– Hai cậu không tin tử vi, số mệnh hả? Tùy! Còn tớ, tớ hoàn toàn tin rồi đấy. Nói ngay cái đợt đi Sài Gòn vừa rồi. Bói bài tây hai mốt quân. Bốc bốn lần đều gặp con chín rô. Quái, sao lại thế?

Kệ! Cứ đi! Thế mà hóa ra... Thiêng! Hỏng ăn một quả mất năm ngàn bạc!

Không hề giấu giếm hành động buôn bán phi pháp bấy lâu của mình, Lý tông tốc kể ra vài dẫn chứng nữa để chứng tỏ sự hiệu nghiệm của khoa bói toán, môn tử vi, rồi trợn mắt:

– Còn điều này... không phải gần đây mình với ông Đông mới hay có mâu thuẫn với nhau đâu. Từ lâu rồi cứ cảm thấy ở gần nhau là vương vướng, khó chịu thế nào ấy. Nó là do cái gì? Do hai đứa mệnh khác nhau. Mình mệnh Kim, ông Đông mệnh Mộc. Kim Mộc xung khắc nhau.

Bà này đi thêm một bước vào một cái cạm bẫy nữa rồi. Nguy hiểm. Luận nghĩ, kêu thảng thốt:

– Thôi, thôi bà ơi, bà dẹp hộ cái tiệm tử vi, tướng số chuyên gây chuyện tan cửa nát nhà thiên hạ đi cho!

Lý phùng má, mắt lá dăm nguýt một hơi dài vút:

– Được! Thế còn chuyện con y sĩ lấy thằng Tây, đám cưới mười lăm gánh gà?

– Sao?

– Nó là bạn tôi, có lần tôi kể rồi đấy. Nó mệnh Thủy. Mà là Thiên hà Thủy, nghĩa là cực kỳ. Đầu năm nay, lão thầy tử vi khác, lại một lần nữa đoán nó sẽ làm hoàng hậu. Ai cũng bảo thằng cha này mê lú, hươu vượn. Lấy chồng nhà giáo, hai con, nghèo rớt mồng tơi, cơm ăn không đủ nói gì hoàng hậu. Giờ thì mới ngã ngửa ra. Nó nhảy một phát lên ngai hoàng hậu, đã thấy chưa?

– Hoàng hậu?

– Chứ còn gì? Hỏi rằng cả thành phố này ai đã giầu bằng nó. Vợ vua xưa cũng bằng nó à? Mỗi tháng cho chồng cũ ba nghìn. Sắm cho hai con, hai cái *một linh ba*... Lại còn cô dì, chú bác...

Không kìm nén được, Luận đấm xuống thành giường và gào lên:

– Hoàng hậu gì nó! Nó là con điếm! Nói một cách khác, nó chọn con đường làm điếm. Tử vi, tướng số là để trang trí, biện hộ cho sự nhuốc nhơ của nó! Kỳ thực là chính nó chọn lựa, nó quyết định thân phận nó chứ. Dù có thế nào cũng không thể bênh vực hay ca ngợi một hành động như thế được. Chuyện ấy, với rất nhiều

người chúng ta là nỗi nhục. Chị cũng nên hiểu như thế. May mà dân tộc ta, tuyệt đại đa số lại có một nền tảng văn hiến vững vàng và cao đẹp.

Hình như Lý có bị chạm nọc. Có lẽ vì cái giọng quá thống nhất và cái dụng ý hướng dẫn chị quá lộ liễu của Luận. Nhưng, chị lờ đi vì bí. Chị nhảy xuống giường rút từ túi áo ra một tờ giấy gấp tư vung tay thét:

– Thôi, miễn đấu hót! Tin mới toanh đây. Một bức điện tôi mới nhận được. Ngày kia, thằng Cần về nước. Tôi đã thuê một chiếc xe con để gia đình ta đi đón chú ấy. Nào, chuẩn bị đi.

Hôm ấy, với Phượng là một ngày có cảm giác thu rõ rệt nhất.

Khi mọi người đã lên chiếc Vônga màu kem sữa Lý thuê để ra sân bay, Luận mới nhận ra: trên xe, ngoài anh lái nhỏ con đeo ria con kiến, còn một nhân vật mới, lạ. Một cô gái. Cô ngồi ở băng ghế thứ ba. Vốn đã cao hơi quá khổ, lại ngồi ở hàng ghế được tôn cao hơn hai hàng ghế trước, nên cô cứ phải gù gù cái lưng. Cô có khuôn mặt dài, hơi choắt, trông vừa non dại vừa từng trải. Lý giới thiệu ngay khi Luận vừa quay lại: đó là cô em kết nghĩa của Lý. Và ghé tai Luận, Lý thì thầm:

– Con ông *cốp* đấy. Trẻ thế mà sắp tốt nghiệp đại học ngoại thương rồi đấy.

Luận đoán ngay được ý định của bà chị dâu. Chính vì vậy mà anh đâm ra giữ kẽ. Vồn vã, cô bé lại có ấn tượng là anh vụ lợi, cố tình vun vén cho thằng em mình. Mà chuyện đã biết thế nào!

Trên xe, không khí bỗng thành tẻ.

Đông ngồi trên ghế cạnh tay lái, tay cầm díp sạc-giơ đạn, tay lần mần tìm râu cằm. Mặt Đông vẫn ù ì, nhưng không còn cái sắc diện vô tư như trước. Không giao cảm với Lý, rõ ràng là Đông có mặt ở chuyến đi đón này là vì trách nhiệm, chứ không phải là vì hứng thú.

Sốt sắng với công việc đón Cần và được biểu hiện rõ rệt nhất là Lý. Chị bỏ tiền thuê xe, tổ chức cho mọi người đi đón. Và xe vừa chạy chị đã yêu cầu lái xe rẽ vào một hiệu phở để mọi người điểm

tâm. Một người chị dâu lo toan việc của em chồng như thế, vào lúc này, đâu có nhiều.

Quả thật, xem cung cách Lý thúc giục mọi người ăn nhanh để kịp tới sân bay trước 12 giờ, thấy cái vẻ quán xuyến chu đáo, tận tình của bà chị dâu, cảm mến trân trọng lại dâng lên trong lòng Luận. Anh nhớ lại cái Tết vừa rồi, những thiện cảm của anh, sự phát hiện ra tính cách phong phú đặc sắc, đầy giới tính của chị. Anh nhớ đến những lời khen của xí nghiệp Lý với Lý khi anh tới đó để phản ánh tình hình vợ chồng Đông – Lý hôm nào: "Chị ấy là con dao pha của chúng tôi đấy. Thật tình từ ngày chị ấy sang phòng vật tư, xí nghiệp chúng tôi đỡ lo hẳn đi khâu nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị". Ông giám đốc nói vậy. Bằng trực giác, Luận thấy ông thành thật và công bằng. Lý rất đáng được ngợi khen, về cơ bản, chị không phải là người xấu. Nhưng, khẳng định vậy trong Luận lại trỗi dậy một tình cảm mới lạ: Luận thấy tiếng tiếc thế nào. Phải, giá như... Nhưng, có nên giả định như vậy không, khi tất cả dường như đã ở vào một trật tự ổn định.

Bàn luận câu chuyện với một điều kiện giả tưởng, là Đông có bản lĩnh hơn, trách nhiệm hơn, Lý biết giới hạn mình trong cái ngưỡng xã hội quy định, biết tuyển chọn, thanh lọc bản thân mình, thì chỉ có ý nghĩa đáp ứng một nhu cầu tình cảm mà thôi.

Người gây sôi động trong xe là Lý. Chị chia kẹo cho mọi người, lại châm cả thuốc lá cho anh lái, khiến anh lái phởn, buông một câu lẳng lơ và kệch cỡm hết mức: "Gớm, thuốc lá thơm hẳn *nên*! Giá cứ được *niên* tục thế này nhỉ". Và Lý thích chí, sằng sặc cười.

Lập tức trong Luận lại diễn ra một chuỗi khâu tư duy phân tích, như anh đã từng phân tích hành vi đánh máy ngoài giờ – trong giờ của ông thường trực cơ quan, như anh phân giải tích cách ông anh trai và bà chị dâu vừa rồi. Cái cười sằng sặc – sự quá mức, đã phá vỡ tính hợp lý, chập nhận được của hành động. Cuộc sống bao giờ cũng có ranh giới. Ai không phân biệt nổi ranh giới thì kẻ đó còn ở trong trạng thái bản năng.

– Ồ nhỉ, cô Phượng đâu? Sao cô ấy không đi, chú Luận?

Sự nhớ, Lý quay sang Luận, Luận xuýt xoa:

– Đấy, vội quá, chưa thông báo kịp cho chị và anh Đông. Đêm qua cùng lúc nhận được thư và điện của chị Hoài. Chị ấy điện: *"Cho tất cả vợ con chú Cừ về tôi ngay"*. Mừng quá, hai chị em tíu tít chuẩn bị, sáng nay kéo nhau ra bến ô tô từ lúc ba giờ sáng.

Đông quay lại, hỏi một câu rất thừa:

– Cả hai thằng nhóc cũng đi à?

Không ai đáp lời Đông. Lý thở nhè nhẹ:

– Thôi, thế cũng là xong. Này, chú Luận, cô ta cũng mỏng mày hay hạt, không đến nỗi nào, thế mà đớn quá. Đàn bà đâu có cái ngữ ấy. Phải như tôi, tôi kiếm hai cái thúng đi buôn rau, tôi ra ga gồng thuê gánh mướn. Chứ tôi chẳng thèm ăn chực của ai một bữa. Rồi tôi cũng nuôi con tôi bằng sào bằng gậy như ai, chứ tôi chẳng chịu lép.

– Thực ra Phượng không muốn để cô ấy như thế. Vả lại, còn là vấn đề danh dự.

– Danh dự! Danh dự thì lên thẳng tòa áo đỏ áo đen mà kiện chứ. Nói thật, đời này lắm anh sĩ không phải lối. Động một tí là lên án vật chất. Không có vật chất thì sống bằng cái gì? Là người, phải biết làm ra tiền, phải biết sinh lợi, biết làm kinh tế chứ!

"Đáo để, hay và cũng có cái hợp lý!". Luận nhìn Lý nghĩ, không nói.

Từ ghế trên, Đông lại ngoái xuống:

– Về chỗ bà Hoài thì ổn rồi. Nhưng, còn công ăn việc làm? Điện vắn tắt thế, biết thế nào!

Luận nhận ra Lý bĩu môi. Phải như mọi khi thì chị đã mắng cho Đông mấy câu. Sao Đông có vẻ bàng quan và ngốc nghếch đến thế. Nhưng, sau cái bĩu môi, Lý quay đi, chép miệng:

– Dẫu sao thì ở nông thôn cũng dễ sống hơn.

Luận nhìn ra cửa xe:

– Chắc chắn là giải quyết được công ăn việc làm thì chị ấy mới điện thế chứ! Ai chứ chị Hoài thì có thể hoàn toàn tin cậy được.

– Thế tôi thì chú có tin cậy hoàn toàn không?

Đột ngột, hết sức đột ngột, Lý hơi nhổm lên và Luận bị bất ngờ vì câu hỏi của bà chị dâu đến nỗi ngớ ra đến mấy giây, không sao đáp được. Tại sao bà ấy lại đưa ra một câu hỏi hết sức phức tạp và ý nhị như vậy vào lúc này? Đùa bỡn hay ngớ ngẩn? Thật lòng muốn biết giá trị mình hay định trêu chọc người khác? Nhưng kìa, mắt Lý nao nao ngóng đợi và lo lắng chân thật, rất chân thật.

– Về khả năng làm ăn, tính toán – Luận đáp, cân nhắc – và nhiều mặt khác, chị hơn hẳn Phượng và nhiều người khác. Nhưng mà này, chị định bắt mọi người bỏ phiếu tín nhiệm đấy, hả?

– Đâu có!

– Chị nên nhớ là, người được một trăm phần trăm phiếu bầu, chưa chắc đã hay hơn anh được bảy mươi phần trăm đâu nhé.

Câu chuyện bị Luận dẫn dắt vào một địa hạt rắc rối so với hiểu biết của Lý và may thay đã tạo điều kiện cho chị bỏ cuộc một cách thật tự nhiên.

Lý nhìn ra ngoài kính xe.

Ngoại thành chớm thu huy hoàng hòa sắc xanh, vàng.

Cỏ mượt đậm ven đê. Lúa con gái đứng cây. Vòm trời thanh tao, nhẹ nhõm. Và nắng có dáng hình mong manh, vừa đủ hong khô không khí. Mặt trời vàng nhòe ở phía sau xe, nhiều lúc như đùa rỡn, chiếu một vệt dài qua kính sau, qua cô gái, tới cái cặp tóc nhôm sáng trắng của Lý.

– Chú Luận này, thế đơn và thư chú viết đi kiện về chuyện vợ con Cừ đến đâu rồi?

Lý không ngồi yên được, lại bắt chuyện. Luận đáp:

– Chưa có kết quả, chị ạ.

– Khó lắm đấy. Công cốc thôi, chú ơi.

– Khó cũng phải theo đuổi đến cùng.

– Biết là không được thì theo đuổi làm gì?

– Cứ làm đúng lương tâm, dẫu trong hoàn cảnh nào, chị Lý ạ. Vì như đắp cái đập chặn sông Đà. Nước chạy băng băng. Đá đổ xuống. Một hòn. Một trăm hòn. Một ngàn hòn. Cứ trôi. Nhưng rồi... một hôm đứng lại. Thế là cái đập sẽ đứng chân, nổi lên.

Câu chuyện lại bị Luận kéo vào lĩnh vực triết luận, Lý quay ngang quay ngửa, kêu nắng quá. Luận quay lại sau, thấy cô gái vẫn ngồi im trong vệt nắng chiếu từ đuôi xe lên.

– Cô bị nắng rồi. Lên chỗ tôi, tôi xuống ghế ấy cho.

Luận leo qua lưng ghế. Ngồi xuống, anh thấy Lý quay lại, mặt ngập trong nắng. Bỗng nhiên, lòng anh se lại. Chưa bao giờ anh nhìn thấy mặt bà chị dâu bị soi tỏ, phơi bày trong nắng sáng gần cậu đến như thế. Cái nắng thoáng hơi hanh hao làm se khô làn da, Lý đã mất đi cái tuyết nhụy, cái men sinh lực thường thấy. Đuôi mắt chị lộ những nếp nhăn chân chim. Cả làn môi không son cũng đã phảng phất lớp vảy da khô khô. Cái nốt ruồi ở cằm gây ra ấn tượng thô thiển cho khuôn mặt. Và ở đám tóc mai buột ra khỏi cặp của Lý, mắt Luận bỗng thấy vương vướng: một sợi tóc bạc trắng. Luận nén một hơi thở. Lý đã đầy đủ dấu hiệu của thời kỳ luống tuổi rồi!

"Khổ, sao cứ cựa quậy, vùng vẫy cả khi có thể sống yên ổn. Bản chất con người là thế chăng? Ừ, thì xa rời đạo lý thì biến thành quỷ sa tăng ngay. Nhưng, chị ấy thật ra đã có gì đáng gọi là vô luân? Nếu có sai lầm nặng hơn thì cũng dễ hiểu thôi. Ít tư duy, sống bằng bản năng, trực cảm, giờ đây cũng không ân hận áy náy như ông thường trực đánh máy trong giờ hành chính từng áy náy. Nhưng, khuôn mặt đã khô khô, heo héo kia nói lên cái gì đó thật tội nghiệp, đáng để mọi người xót thương. Người phụ nữ này đã sống đau khổ, vất vả nhiều hơn là sung sướng trong quãng đời vừa qua".

Mặt hướng ra ngoài cửa xe mà không nhìn thấy gì. Luận mải mê biện hộ cho bà chị dâu của mình.

Xa thành phố, đường thưa xe, vắng người.

Đã nhìn thấy biển báo: sắp tới sân bay Quốc tế.

Bỗng Luận quay vào. Lý vừa ôm cô gái, cười rúc rích.

– Có chuyện gì mà vui thế, chị Lý?

Cô gái bưng miệng. Lý lắc đầu, cười nhếch:

– Con bé này nó tưởng máy bay hạ cánh. Hóa ra ông Đông ông ấy ngáy.

Quả thật, Đông đã ngửa cổ, đầu gối lên thành ghế, nhắm mắt ngủ, điềm nhiên ngáy từ lúc nào. Tiếng ngáy ấy dội vào Luận, đưa nỗi nghi ngại vừa xao lãng trở lại tâm trí anh.

Họ nhận ngay ra Cần, từ trong phòng kiểm soát của Công an và Hải quan sân bay. Năm năm trời, Cần cao vọt lên, hơn cả Luận, nhưng giống hệt Luận ở khuôn mặt xương xương, kiên nghị và đôi mắt sâu chứa chan tình cảm. Hai cẳng tay dài nghêu xách hai cái valy. Cần là người khách đầu tiên của chuyến máy bay ra cửa. Và đặt phịch hai cái va-ly xuống đất, anh như vồ lấy mọi người:

– Anh Đông, chị Lý, anh Luận? Ba đâu? Chị Phượng đâu? Vợ anh Cừ và hai đứa trẻ đâu?

Những câu hỏi dồn dập bị ngắt quãng giữa chừng vì Lý giới thiệt cô em kết nghĩa với Cần.

– Cám ơn cô nhé! – Cần bắt tay cô gái, quay lại Đông – Trời, em cứ tưởng thế nào cũng gặp ba ở sân bay cơ đấy.

Đông chậm rãi:

– Ba bị mệt mấy tháng nay.

– Sao chị Phượng viết thư cho em không thấy nói.

Luận cười:

– Cậu về, chắc ba sẽ khỏi.

Lý ngó vào phòng kiểm soát, rồi quay lại:

– Đồ đạc cậu còn những gì nữa, để ở đâu, để chị mang.

– Em chỉ có hai cái valy này thôi. Còn hai cái xe đạp và mấy thứ lặt vặt em gửi tầu chậm, ba ngày nữa sẽ về.

Lý thở hắt ra.

– Chị thuê riêng một chiếc xe đi đón cậu, mất những sáu trăm đồng cơ đấy.

"Nói giá tiền thuê xe, bà ấy đã phá vỡ một vẻ đẹp thật sự". Luận nghĩ, tiêng tiếc.

Mọi người ra xe. Cần chui vào xe đầu tiên:

– Chị Lý thuê xe làm gì. Để em đi ôtô buýt của nhà ga có đỡ tốn không?

– Cậu học đâu cái thói bủn xỉn *rởm* thế! – Lý nguýt cậu em chồng.

Luận nghĩ: "Câu này được. Thêm cái nguýt rất có tình. Nhưng từ *rởm* là của bọn con buôn".

– Em sốt ruột lắm rồi – Cần rũ rũ cái cổ áo rộng. – Lên máy bay, chỉ muốn vèo một cái tới nhà. Thôi, chạy giúp đi, anh lái ơi.

– Cậu này lạ nhỉ. Để xem có cái gì mua ăn cho đỡ đói đã nào. Năm năm xa cách còn chịu được nữa là...

"Một câu rất hay, rất Việt Nam". Luận nghĩ.

Đông ngồi bình thản ở ghế trên. Cô em kết nghĩa của Lý chạy đi đâu, trở về xe với một nón đầy dưa chuột, ngồi vào giữa Lý và Cần. Lý liến thoắng. Cần nhận dưa chuột cô gái mời, chưa ăn, quay lại băng ghế sau, đột ngột:

– Anh Luận này, em định tháng sau cưới vợ đấy! Anh Đông, chị Lý thấy thế nào?

"A, cái thằng khôn. Nó hiểu dụng ý của bà Lý. Nó biết vai trò định đóng của cô gái tội nghiệp nọ. Nó dứt khoát ngay để dễ quan hệ về sau. Nó khác mình. Phải mình, mình cũng cứ ngọt nhạt vài câu với cô bé. Lớp trẻ bây giờ thẳng thắn hơn, hay ít tế nhị hơn?"

Luận lại sa vào mạng lưới kiến giải tâm lý.

Từ ghế trên, Đông ngoái lại với Cần:

– Cậu phải xin ý kiến ba và bàn bạc với các anh chị trong nhà đã chứ.

Riêng Lý không nói một câu. Mặt chị sa sầm ngay tức khắc.

Một nét tính cách nổi bật nữa của Lý chứng tỏ người phụ nữ này thật phong phú: chị rất ưa thích quyền hành. Thèm muốn sai khiến người khác và khoái cảm đã hằn vết trong tâm hồn chị. Đặc điểm này đồng thời là mặt tốt và mặt xấu trong tính nết chị. Chị thích đảm trách, dám đứng mũi chịu sào. Luôn tự coi mình hơn

người, chị khinh thường người và muốn mọi người phải khuất phục mình.

Điều đó giải thích được một phần lý do Đông vẫn tồn tại và thích hợp với chị trong thời gian qua. Đông thụ động, ỷ lại hoàn toàn vào chị. Chị thỏa mãn vì được quyền chi phối Đông. Chị nổi cơn tự ái ngay lập tức, một khi quyền lực của chị vốn được chị đồng hóa với bản thân, bị phủ nhận. Tất nhiên, có những lý do khác, nhưng việc chị lạnh nhạt và hay khích bác vợ Cừ, còn là do vợ Cừ và những người khác đã vượt mặt chị, không nhờ cậy, lệ thuộc vào chị.

Cũng như khi ý định xe duyên cho em chồng bị gián tiếp bác bỏ, chị nổi cơn uất ức ngấm ngầm và sa vào các suy luận thiển cận, các đầu mối bất mãn thời gian qua đã tạm bị lãng quên, lại bật lên với một sức công phá khác thường.

Xuống xe, Luận đã thấy bà chị dâu trở thành một con người khác hẳn lúc ra đi.

Và bây giờ.

Sau năm ngày đi công tác xa trở về, Lý lại càng khác nữa. Bước vào cổng nhà đã thấy mặt chị đỏ bừng hơi men, đầy vẻ nanh nọc.

Lý vừa hoàn thành xuất sắc một nhiệm vụ quan trọng của xí nghiệp. Cái máy ép nhập từ nước ngoài về đã nằm ở cảng sáu tháng nay. Càng để lâu càng khó tìm. Và những thủ tục phiền hà trong việc quản lý, giao nhận đã khiến cho xí nghiệp mất hết hy vọng có thể nhận được nó. Trưởng phòng vật tư đích thân đi lại giao dịch gần chục lần mà chưa có kết quả. Lần này, giám đốc mời chị đảm nhiệm. Người phụ nữ này có một khiếu năng giao thiệp và tài xét đoán tuyệt vời. Chỉ ba ngày sau, vượt qua các hàng rào thủ tục, chị đã lôi ra được cái máy từ dưới một quả núi lộn xộn những hàng hóa, vật tư khác ở một góc hẹp của bãi hàng. Đúng năm ngày, cái máy to lù lù đã đứng ở trước cửa xí nghiệp trước sự thán phục thật sự của mọi người. Thưởng 1.000 đồng! Giám đốc xí nghiệp tuyên bố, ký lệnh.

Chao ôi! Chị ngây ngất vì vinh quang, lòng tràn ngập cái cảm giác mình là nhật vật trội nhất, tài năng nhất, có quyền hành cao

nhất ở lúc này. Lúc này, nhiều trục trặc, lắm khập khễnh, lúc này cần sự xuất hiện của những kẻ khôn ngoan, giỏi xoay chuyển, nhậy tính toán và có gan làm. Một tháng trời ở Sài Gòn vừa rồi đã khẳng định những khả năng xuất sắc của Lý ở mặt này. Chị đã xông pha, đã khôn khéo gạt đi hàng núi khó khăn trong việc mua bán, vận chuyện hàng trăm tấn sắt thép, cao su, kếp, hóa chất quý, đem lại cho xí nghiệp hàng chục nghìn tiền lời. Chị đáng được mọi người, kể từ ông giám đốc, kính nể trọng vọng. Chính cái thái độ khiêu khích của chị hôm từ Sài Gòn về là bắt nguồn ở cả đây nữa: chị mê man kiêu căng và ý thức mãnh liệt về vai trò của mình.

Bây giờ Lý cũng đang ở trong tâm trạng đầy kích động đó. Chị và gã trưởng phòng vừa từ một quán ăn đặc sản ra. Chiều thu mát, về tới nhà, rượu vẫn còn giần giật trong mạch máu, chị ngùn ngụt những ý nghĩ liều lĩnh, bất cần đời.

Trong trạng thái tinh thần như vậy, Lý lên gác, sầm sập đi thẳng vào buồng ông Bằng, nơi Đông ở – họ vẫn sống ly thân.

Trong buồng, Đông mặc may ô, quần đùi đang ngủ. Chị nhận thấy ở giữa buồng, một chiếc quạt nhựa, trắng nhãn hiệu *Orbita* đang mải miết quay và hiểu ngay việc gì đã xảy ra trong mấy ngày chị đi vắng. Số hàng gửi tầu chậm của Cần đã về.

Nghe tiếng động, Đông nhổm dậy, uể oải dụi mắt, hơi có vẻ bị bất ngờ:

– Nghe cô Phượng nói, cô đi một tuần với về.

– Thích thì về, ai cấm được. Cái quạt chết tiệt này thằng Cần nó trả công cho đấy hả?

Đông lừ đừ, hiền lành:

– Nó nói: Em đi học về, chẳng có gì, biếu anh chị cái quạt...

– Quý quá!

– Nó đang băn khoăn về khoản tiền thuê ô tô... Nó nói, nó sẽ kiếm cách trả lại...

– Tốt quá! Ai chê tiền mà phải ướm!

Đông ra sau cánh cửa, mặt quần dài, chép miệng:

– Thôi thì cũng là một chút kỷ niệm. Vả lại mình có thiếu thốn gì.

– Tôi đi ăn trộm, ăn cắp được, hả?

– Không phải thế – Đông nhún nhường – Nhiều đứa em chúng còn nghèo...

– Hừ, lo cò trắng đứng nắng giữa trời. Nó cho ai những gì?

Đông ngồi xuống giường, mặt đần đần. Thật sự là Đông muốn hòa giải với Lý. Sống một mình trong cảnh ly thân ít hôm nay. Đông thấy buồn. Anh nghĩ: nên chiều Lý, và nếu cần thì xin lỗi Lý về cái tát nóng nảy hôm nọ, là mọi việc sẽ trở lại bình thường. Có tuổi cả rồi, càng nên nhân nhượng và tốt nhất là bỏ qua, lờ đi, như xưa nay vẫn xử sự. Đời có gì phức tạp lắm đâu. Thấy vợ căn vặn, Đông hơi ngẩng lên, chậm rãi:

– Nó cho vợ chồng Luận cái xe đạp *sipo*. Nó biếu ông cái đài quay đĩa, nhưng ông không nhận. Còn chị Hoài, vợ con Cừ, mỗi người được một cái áo len. Lương sinh viên, dành dụm mua quà thế cũng là nhiều rồi.

Nói câu cuối cùng, thật sự Đông muốn kêu gọi lương tri, sự biết điều của Lý. Nhưng, hiệu quả của cái thiện ý đó lại hoàn toàn trái ngược. Lý thấy mình bị khinh miệt. Còn hơn thế nữa. Khó có thể nói Lý đang bị những tình cảm gì chi phối vào lúc này. Lòng tham lam ngạo ngược. Thói đố kỵ ganh ghét kiểu đàn bà. Cảm giác bị xúc phạm. Nỗi ấm ức vì những điều bất như ý trong quan hệ với Đông... Tất cả càng lúc bật lên, hòa trộn với nhau, tạo nên một cơn phẫn khích có độ sâu cay khác thường.

Chị nhìn Đông, mắt lạnh như thép, rồi bước ra cửa sổ:

– Này, hỏi nó cho ra nhẽ đi: có phải nó định cưới vợ rồi dắt díu nhau về cái nhà này không? Cả con Phượng nữa, mẹ nó, con nó. Cả mụ khọm Chí nữa... Có phải các người định kéo nhau tùng đảng về đây không?

Lại cái giọng điệu tàn nhẫn ác độc và Lý lại vi phạm điều Đông đã giao hẹn: không được xúc phạm đến tình cảm thiêng liêng giữa ông Bằng và bà Chí. Đông gầm một tiếng. Lành dễ cục, trong phút chốc, Đông bệch bạc cả mặt mày. Giống như lúc nắm cổ áo

Luận. Giống như khi nghe điều nọ tiếng kia về Lý hôm rồi, anh đã tát Lý.

Hình như đã dự đoán được cơn giận bất thần của Đông và hình như Lý chỉ chờ có vậy. Chị quay ngay lại khi Đông vừa dứt tiếng gầm, đủng đỉnh đi ra cửa và nhếch mép cười nhạt:

– Đừng có giở thói vũ phu, cục súc ra với tôi! Tôi chỉ nhịn anh một lần duy nhất đó thôi đấy, anh nhớ cho. Hừ, thật là lạ! Thế nào mà tôi lại là vợ ông được nhỉ?

Đông run đến từng ngón tay. Lại một lần nữa, Lý công khai phơi bày độ sâu tận cùng của bất mãn. Anh cay đắng và bất lực quá. Thô bạo, vô ích. Mà dịu dàng cũng chẳng có ý nghĩa gì nữa rồi.

Như được thể, đã định đi ra, Lý quay lại:

– Còn điều này nữa, tôi phải nói ngay, kẻo sau lại trách. Ông cụ có nằm xuống thì liệu mà bảo ban nhau thu xếp, chứ đừng có gào: bà dâu trưởng đâu? Tiền tôi kiếm được không phải là để cung phụng cho các người! Xin nhớ cho!

Lý đã vượt qua mọi sự lường trước của Đông. Nhưng Đông đã trở nên dễ bộc lộ thái độ hơn. Đây không còn là quan hệ giữa hai vợ chồng, cay đắng mà phải ngậm tăm. Đây là tình người bị chà đạp tàn tệ khiến lương tri phải nổi giận.

Đông vụt đứng dậy, ngay lúc ấy, gào lên hai câu mà sau này nghĩ lại vừa thấy đúng, vừa thấy không nên: *"Cút ngay đi! Đồ nhẫn tâm!"*. Bởi vì, Lý nghe Đông rủa vậy, lại nhếch mép và bĩu môi ngạo mạn: *"Ông nhớ kỹ câu ông vừa chửi tôi nhé. Kẻo sau lại trách tôi"*.

16.

Ông Bằng mở mắt. Như lần trước, ông lại thấy những gương mặt thân thiết không nỡ xa rời, dù chỉ trong chốc lát.

Một đời người gắng gỏi, dùng nghị lực để chống chọi với mọi biến động, giờ đây, trên giường bệnh ông vẫn sống với thói quen và tinh thần ấy. Ông gắng giữ mình cho tỉnh táo. Tuổi năm mươi sự sống tính bằng năm. Tuổi sáu mươi, tính tháng. Và bảy mươi, ngày là đơn vị đo tính sự sống. Huống hồ bây giờ bệnh ông đang trầm

trọng. Ông đổ vì bệnh tuổi già, vì không chịu nổi nỗi đau trước việc thằng Cừ bỏ nước ra đi. May thay, Cần trở về. Từ ngày Cần về, ngày hai buổi các con đều đặn vào thăm ông – ông lấy lại được dần dần sự bình tĩnh trong tâm hồn, nhờ sự trìu mến của các con.

Chao ôi! Các con, đó là hình hài, máu huyết ông. Có gì thiêng liêng, cao quý hơn tình yêu đất nước, dân tộc, gia đình.

Đã xảy ra một sự việc mà ông cứ phải ngẫm nghĩ. Tuần trước, sau ngày các cụ tổ hưu đến thăm ông, bà Chí một mình đến. Bà lang phúc hậu đã có lúc tạo lập với ông một quan hệ tình cảm thân thiết, bóc cam cho ông ăn, hỏi ông có nhận được bà không thì ông gật đầu và đưa tay nắm tay bà, thầm thì, âu yếm: "Mình đi chợ về đấy à?".

Bà Chí buột tay, rơi con dao xuống đất. Thì ra ông nhìn bà Chí, lại ngỡ là bà vợ quá cố của ông. Ông tỉnh trong sự hồi tưởng và nghiệm ra rằng cái việc bà Chí làm giỗ người chồng thứ nhất là hoàn toàn hợp lý, hợp tình, dẫu việc đó lúc đầu có làm ông ngỡ ngàng, khó chịu. Cái tình, cái nghĩa vợ chồng dẫu có cách lìa đôi ngả vẫn cứ ngàn năm sắt vàng. Như ông bây giờ. Ông nhớ lại toàn bộ chi tiết cuộc sống chung của vợ chồng ông. Ông nhớ cái buổi đầu tiên ông gặp bà, ông là một cậu học trò, tan học, đi xe điện về làng, bà là một thôn nữ đang gánh rau muống từ ruộng lên. Gặp nhau bất ngờ, bà cúi xuống thèn lẹn, lí nhí chào, rồi cắm đầu gánh gánh rau chạy. Ông nhớ ngày bà ốm, rụng hết tóc ông ngồi cạnh giường bà, đọc cho bà nghe cuốn truyện nôm "Tống Trân – Cúc Hoa", mắt bà ướt nhoèn nước mắt. Lúc ông nhớ đến đoạn ấy, bà Chí chợt hỏi ông. Bà vẫn thường hay trao đổi sách để ông đọc. Hình như bà nhắc tên một cuốn bà đưa ông xem hôm hai người đi hội đền Hùng. Nhưng ông lắc đầu, nói: Không nhớ! Ông chỉ nhớ cuốn "Tống Trân – Cúc Hoa" bìa đỏ, do nhà sách Bình Dân ấn hành năm 1936 thôi!

Bà Chí tủi, rơm rớm nước mắt. Lát sau, Phượng đến kể lại: thấy bà Chí ở bệnh viện ra, nét mặt rất buồn, ông mới choàng tỉnh, rồi chép miệng thở dài. Biết làm sao được! Sự bền vững của các mối quan hệ tình cảm gia đình là tự nhiên, vốn có. Chồng quý vợ. Cha yêu con. Cái tình đương nhiên ấy cũng ngàn năm tồn tại, vĩnh hằng tồn tại, như tình yêu đất nước, giống nòi vậy thôi. Người thì có hàng

tỷ trên thế gian này, nhưng mỗi người chỉ thuộc về một dân tộc, một quốc gia và sinh ra, lớn lên từ một gia đình duy nhất mà thôi.

Khi Đông, Luận, Cần vây quanh giường ông Bằng, ông có cảm giác rõ rệt nhất về niềm hạnh phúc gia đình. Vắng mặt Tường, nhưng ông vẫn nhớ như in Tường đứa con cả, điềm đạm, nghiêm túc, chỉn chu nhất. Ông nhìn Đông, nhớ rõ Đông ngay từ nhỏ đã là đứa hảo tâm lành hiền, bị bạn bè gọi là *Đông tồ*, thiên tư không rõ Luận có lẽ là đứa con thông minh nhất, đi học tuần nào cũng được *bon point*[1] tư duy khúc triết, tâm hồn sáng sủa, trong khi Cần lại có thiên hướng thực hành. Khi đuôi mắt ông khép lại, ép ra hai giọt nước mắt, ông nhớ tới thằng Cừ. Thằng Cừ, chính nó đã gây ra cơn kịch phát bệnh của ông. Thằng Cừ, cái gai đâm lòng ông. Con dại cái mang. Mang suốt đời. Nghĩa là phải chịu, phải nhận. Cũng như bà vợ ông, nói tới nó bao giờ cũng chép miệng: "Thôi thì nó gánh tất cả cái xấu xa của cả mọi người".

Luận như hiểu tâm tình cha, hơi cúi xuống:

– Ba đừng nghĩ ngợi nữa, ba ạ.

Ông Bằng gật đầu.

Đông cắn môi. Đông còn đang bị choáng vì cuộc va chạm vừa rồi với Lý. Mặt Đông hằm hằm khi Luận nhắc tới Cừ. Đông nhếch mép:

– Cũng chẳng có gì phải buồn, ba ạ. Hình như mỗi gia đình phải có nhiệm vụ cung cấp cho xã hội một, hai đứa khốn nạn, ba ạ. Không thì xã hội tốt quá!

Luận giật mình đứng dậy, Đông nhìn cha. Sao Đông bỗng dưng cay độc thế? Sao lại nói như vậy với cha lúc này?

– Ba! Ba

Cần vội gọi vì thấy ông Bằng nhắm mắt.

Ông Bằng nghe tiếng Cần, hai con mắt cộm khô rồm rộp khó nhọc nút ra một kẽ sáng, rồi to dần.

– Ba! Ba có nhận ra con không?

---

1. Điểm tốt.

Ông Bằng gật khẽ:

– Ba nhớ, ở đền Hùng, quanh đền ông cha có 99 quả đồi, tượng trưng cho 99 con voi quay về chầu khi vua Hùng định đô, trong khi đó có một con voi quay đầu lên phương Bắc bị chém đầu. Người ta gọi con voi bị chém ấy là con voi bất nghĩa.

Luận khe khẽ ngồi xuống cạnh giường cha, rưng rưng. Cha anh giải thích sự kiện thằng Cừ bằng huyền thoại lịch sử! Không hẳn vậy. Nhưng hình như ông yên tâm với cách giải thích ấy, ông lim dim mắt.

Luận quay lại với Phượng:

– Phượng à, hôm nay lúc nào ông tỉnh, em đọc cho ông nghe lá thư của thằng Cừ. Như thế có lẽ tốt hơn, em à.

Hôm nay, ông Bằng tỉnh dậy muộn. Ông cảm thấy ngay có sự khác thường trong cơ thể. Cả đến những sợi tóc trên đầu, ông cũng cảm thấy chúng khô xác, nhẹ tênh. Và những ngón tay, ngón chân thì tê tê, buồn buồn như thể có kiến bò. Mở mắt, ông thấy như có đàn muỗi bay trước mặt. Lát sau, đàn muỗi tan, lại thấy vương vương một làn sương khói, thấp thoáng những bóng hình quái dị.

Thất thập nhi tòng tâm bất du cự. Bẩy mươi tuổi, không còn nhầm nữa. Đó là câu thầy giáo ông bút ký kỷ niệm cho ông hôm đến chúc Tết thầy, ngày mồng ba Tết năm rồi. Ông nghĩ, lại nhắm mắt.

Lát sau, nghe thấy một tiếng gọi thân thiết và hốt hoảng, ông vội mở mắt và nhận ra Phượng đang ghé xuống.

Ông tỉnh hẳn.

Mặt Phượng trái xoan, từng nét dịu dàng và hai con mắt Phượng đẫm một nỗi thương yêu, lo lắng chân thành. Đã xẩy ra một điều gì đó vô cùng huyền diệu trong ông, y như lúc chiều qua, Phượng đọc lá thư của Cừ cho ông nghe. Gương mặt Phượng đang tỏa xuống ông một làn sáng dịu, gây cho ông một cảm giác yên tĩnh, hợp lý và hài hòa. Ông thật sự mới quen thân với gương mặt này từ ít lâu nay thôi. Nhưng, tuổi bẩy mươi không còn nhầm lẫn nữa đâu. Gương mặt Phượng đoan trang, đôn hậu, đầy vẻ nhẫn nại cao quý. Trong

một cảm giác không rõ ràng, ông thấy có lúc gương mặt Phượng hao hao giống gương mặt chị Hoài. Lúc ấy, ông cảm thấy thật hạnh phúc, vì lại thấy tin yêu, vì gặp lại cái gì đó hết sức quý báu và thân mật. Hỗn loạn, hư hỏng chỉ là chốc lát, thiểu số. Con người không xấu đi. Con người vẫn đẹp, đẹp mãi, đẹp hơn lên.

– Con đấy à, Phượng?

Ông Bằng rưng rưng, Phượng cúi xuống thấp hơn, nghèn nghẹn:

– Ông, ông... ông thấy người thế nào ạ?

– Con vất vả quá... Con gánh chịu...

Phượng quỳ xuống cạnh giường ông Bằng, ngàn ngạt:

– Ông ạ, chị Hoài mới gửi thư lên.

– À...

– Ông à, vợ Cừ đã vào làm ở hợp tác xã dệt thảm của chị Hoài. Bà con ở đó rất thương, chia cho ba mẹ con cô ấy một gian nhà. Nghe tin ông mệt, chị Hoài lo lắm chị bảo thu xếp xong việc, chị lên ngay.

Nước mắt lọt ra hai giọt lớn ở đuôi mắt. Ông Bằng khóc. Khóc vì giọng Phượng nghe thương quá. Khóc vì sung sướng, vì thế gian còn nhiều người tốt quá, vì linh cảm sắp phải xa lìa mọi người.

– Ông, ông... ông có nghe con nói không?

– À... thế thằng Quân anh, Quân em thế nào, con?

– Hai đứa ngoan hơn hồi ở trên này, ông ạ.

Phượng lắp bắp, run rẩy. Ông Bằng lại cố mở mắt và ông trách mình sao lại không tiếp tục thu nhận khuôn mặt từ mẫu kia vào ký ức, thời gian còn ít lắm rồi.

Nhưng mở mắt lần này, ông nhận ra quanh mình còn ba bốn gương mặt nữa. Sát trái ông là một khuôn mặt trông ngờ ngợ như đã gặp ở đâu. Sắc sảo, thông minh, khôn ngoan, nhưng thiếu cái đằm ấm, khiêm nhường của phụ nữ.

– Ông có nhận ra con không? Con là Lý đây. Con mang trứng, chuối, cam cho ông, ông ạ.

"À, Lý!". Ông Bằng nghĩ mờ ảo. Đầu ông nghiêng về bên trái. Ở đó còn một gương mặt xa lạ: một cô bé tóc ngắn đứng sát cạnh Cần. Cô bé mấp máy môi chào ông.

– Ba ạ, đây là Vân, bạn con từ thời con học lớp 10.

– Dạ thưa bác, cháu đến kính thăm bác ạ.

Từ đôi môi xinh xắn của cô bé thoát ra những tiếng nói dịu ấm, rất ngoan. Còn trẻ lắm. Nhưng, cặp mắt của cô bé thật nghiêm và nét mặt, nét cằm toát lên vẻ cương nghị, đoan chính bất ngờ.

Ông Bằng gật đầu, yếu ớt:

– Các con khỏe cả chứ!?

Lý nhanh nhảu:

– Con bóc cam ông ăn ạ.

Cần ghé ngồi xuống cạnh giường cha:

– Ba ơi, con được phân công lên Công trường thủy điện Sông Đà rồi, ba ạ. Con là kỹ sư điện khí hóa, thành ra...

– Để ông nghỉ, chú Cần.

Phượng nhắc Cần kéo tay cô bé Vân ra cửa.

– Chị Phượng – Vân nhìn Phượng, e lệ – Anh Cần nói chuyện với em về chị nhiều lắm, hôm nay em mới được gặp chị.

– Em làm ở đâu?

– Em làm thợ ở xí nghiệp Nhuộm – Giặt – Là, chị ạ.

Phượng cầm bàn tay cô bé, nhấc lên. Cô bé cười. Bàn tay nhỏ, đẹp, am ám thuốc nhuộm.

Bỗng có tiếng Cần gọi. Phượng cùng Vân chạy vào. Lý vừa đi đâu. Cần nói: ông cụ muốn thay quần áo. Phượng kêu hoảng hốt:

– Chú và cô Vân về gọi anh Đông, anh Luận ngay đi.

Cô bé níu tay Phượng:

– Anh Cần về đi! Em ở đây với chị!

Đã đến những phút cuối cùng của một cuộc đời dài đặc nhưng là gắng gỏi của ông Bằng!

Khi Đông, Luận hấp tấp tới thì cơn tai biến kịch phát của căn bệnh ở ông Bằng đã xuất hiện. Ông đau nhói vùng ngực trái, tay chân đã hoàn toàn liệt và hơi thở chỉ còn thoi thóp, rất khó nhọc.

Bác sĩ tới, nghe tim ông, cho biết nhịp tim đã rối loạn, chắc chỉ còn có thể kéo dài sự sống vài phút nữa.

Trong vài phút còn lại cuối cùng đó, lạ thay, ông Bằng mở choàng mắt. Ông nhớ tới bà Chí, thấy ân hận vì mình đã có một sơ suất trong đối xử với ân nhân chữa bệnh, với người đã định giao kết tâm tình lúc tuổi già.

Nghe tiếng các con gọi, ông mới nhìn họ.

Bỗng nhiên, ông thấy thương các con và tin yêu các con quá. Các con, mỗi con một vẻ, nhưng vẫn chung cội nguồn với ông. Lòng vị tha, tình thương, cái cốt cách cao ngạo về phẩm giá con người, tinh thần trách nhiệm... tất cả phải trụ lại bền vững trước mọi thử thách, bão dông.

Luận quỳ xuống cạnh giường cha, cầm cuốn *Bút ký gia đình* ở đầu giường cha lên, nghẹn ngào:

– Ba... Ba có dặn gì chúng con không ạ?

– Các con ở lại... yêu thương nhau và mọi người. Thằng Cừ, lá rụng về cội, thương xót vong linh nó.

Cho ba xin lỗi bà Chí.

Giọng ông ngắc ngứ, đứt quãng. Bỗng Cần thét:

– Ba!

Phượng nắm tay ông Bằng. Mắt ông già đầy vẻ tiếc nuối lưu luyến, nhưng yên ả. Ông từ từ nhắm mắt.

Nước mắt ròng ròng, Luận đứng dậy, giở cuốn *"Bút ký gia đình"* để ghi ngày, giờ ông cụ đi. Anh nhận ra trang cuối cuốn sách có kẹp lá thư sám hối của thằng Cừ và có chúc thư của ông cụ.

Chúc thư viết:

– *"Ba mong các con yêu thương nhau, lấy cái chính ngăn cái tà, theo gương ông cha, giữ vững tinh hoa dân tộc, phục vụ Đảng, Tổ quốc, dân tộc. Ba, mẹ có một số tiền tiết kiệm là 3.000 đồng. Ba*

giao số tiền này cho Phượng vì nghĩ rằng với Phượng, con sẽ sử dụng số tiền này có ích nhất.

Vĩnh biệt!"

Lý ở đâu mới vào, đến cạnh Luận ghé mắt đọc chúc thư, rồi ngồi xuống chân giường ông Bằng, im lặng giữa những tiếng nức nở của mọi người.

17.

Mùa thu ấy buồn hơn bao giờ hết.

Sau khi về thọ tang ông cụ Bằng, chị Hoài và vợ Cừ đã đi. Mấy ngày sau, đến lượt Lý. "Tôi đi Sài Gòn công tác". Lý thông báo trống không như vậy, rồi lẳng lặng rời căn nhà.

Căn nhà trống vắng hẳn đi, sau cái chết của người thân.

Mùa thu ấy quạnh quẽ và lê thê trong mưa rây đầm đìa ướt khu vườn đã qua mùa rậm lá. Mùa thu ấy càng nhuốm màu thê thảm vì mất mát đã xảy ra, rồi càng trở nên thê thiết hơn vì nỗi lo sợ phấp phỏng về những mất mát kế tiếp có thể đến.

Lý, không một hồi âm.

Một tháng qua. Rồi bốn mươi chín ngày của ông cụ Lý vẫn chưa về.

Và bặt tin.

Nỗi lo ngại ngày một thấm nhiễm trên khuôn mặt Phượng. Còn hai người đàn ông thì mỗi lần gặp nhau là một lần lúng ta lúng túng. Cả hai hình như đều cùng nhận ra một cái gì đó, nhưng thấy nó quá tàn nhẫn, quá phũ phàng, nên không dám, không nỡ nói ra.

Một hôm, Phượng bồn chồn bảo chồng: "Em cho rằng – Phượng ngập ngừng, không dám nói hết – Hình như anh Đông quẫn hay sao ấy. Hồi này anh ấy bắt đầu chơi xổ số, có lần mua đến 100 vé, anh ạ. Hay là anh sang xí nghiệp chị ấy hỏi xem thế nào..." – Luận đi, chiều ấy về, ngồi trong buồng nhìn ra khu vườn, thở một hơi ám mờ cả ô kính cửa sổ. Xí nghiệp ấy họ trả lời: xí nghiệp lập một trạm thường trực ở Sài Gòn. Lý tình nguyện vào đó công tác vô thời hạn. Ở trạm này còn có gã trưởng phòng vật tư, thằng này đang bị kiểm

điểm; nó phao tin có người nhà ở Pháp gửi hàng về cho và trúng xổ số liên tục nên giầu có, kỳ thực giờ phát hiện ra mấy năm nay nó ăn cắp vật tư của xí nghiệp và buôn gian bán lận với bọn phe phẩy bên ngoài.

"Sao cô ấy không nói thật với mình là chuyển công tác vào trong đó. Hay là cố chấp câu mắng của mình hôm rồi để làm bừa?". Đông ngồi với Luận trên buồng ông Bằng, khắc khoải nghĩ.

Đã sang những ngày cuối thu.

Vòm trời bất động, không có thời gian, trùm lên thành phố một màn sương ảm đạm. Mặt đường ướt nhòe và phố phường như bị đẩy ra xa, bập bềnh ẩn hiện những ngôi nhà cao tầng, những tháp nước nổi chìm trong sương khói.

Khu vườn nhậy cảm với thời tiết và xúc động của những người chủ, đã vào buổi giao thời. Lá non trên cành nhãn cành vải đã thưa, màu xanh bóng bí ẩn của lá mít đã phai nhạt. Mướp thõng một quả lớn ở giữa giàn để làm giống, lá đang héo dần và rau muống khó nhọc trổ những chồi nhỏ teo, cằn cằn.

Tiết thu cuối mùa ủ dột từ lòng Đông.

Mỗi ngày Đông một biến đổi. Thoạt đầu anh nghi ngại, lo buồn, ít lâu sau anh hoang mang. Giờ, anh rầu rĩ... Cả một đoạn đời dài nối tiếp những ngày vô lo, vì phó mình cho một sự bảo trợ chắc chắn nào đó, chưa bao giờ Đông ngồi lặng hàng giờ trầm tư như bây giờ.

Chưa đầy hai tháng mà Đông đã như biến thành một ông già, mỗi ngày một nặng nề, thụ động, buồn nản thêm. Chính là một hôm cùng ăn cơm, Phượng phát hiện ra điều đó. Cô nghẹn đắng, không ăn được nữa, sau khi kêu: "Tóc bác Đông bạc hết rồi!".

Bữa ấy, Đông cũng chỉ ăn một bát.

Hai ngày sau, Đông kêu no inh ích, không muốn ăn, Luận hiểu: nhìn cảnh vợ chồng Luận yên ấm, Đông càng chạnh lòng.

Quả thật, vào những ngày này, Đông đang bị dồn tới cực điểm của cơn hoang mang. Phượng bảo chồng: "Anh xem có việc gì tìm cho anh ấy làm cho khuây khỏa". Tuần sau, Luận bảo anh trai: "Ở Viện bảo tàng Quân đội đang cần một người thường trực làm hợp

đồng". Nghe xong, Đông cúi đầu mắt chớp chớp, không đáp. Luận biết mình đã làm anh tủi thân.

Đông sa vào buồn tủi thật vì nhiều lúc thấy mình cô lẻ, trơ trọi giữa trống vắng. Cảm giác ấy do hai tình huống ép lại, sinh ra. Một là, ông Bằng mất, người cuối cùng của thế hệ trước đã măn. Còn cha, Đông đứng ở hàng thứ hai, có một sự che chắn phía trước. Nay, Đông đứng ở vị trí số một xa lạ, tiếp giáp với cái chết theo thứ tự. Hai nữa, việc Lý ra đi, dẫu chưa thành lời, nhưng chiều hướng xấu là rõ rồi. Và sự trống trải đã ở nhãn tiền càng ghê rợn xiết bao khi Đông đã ở vào tuổi này.

Chiều hôm ấy, khi chỉ còn mình Đông có ở nhà, một người đến cổng bấm chuông điện. Người này nói giọng Nam bộ, nói có người nhờ đưa một lá thư cho Đông. Đưa thư xong, người đó theo Đông lên buồng, lấy một bọc quần áo của Lý, cái xe đạp *Mifa* và mấy thứ vặt nữa mang đi.

Xẩm tối. Luận lên buồng mở tủ định xếp lại tài liệu, sách vở của ông Bằng thì thấy Đông ngồi, đầu ngoẹo trên cái tựa ghế mây, tay cầm một cuốn sổ nhỏ; dưới chân Đông tung tóe một cỗ bài tú-lơ-khơ Lý vẫn dùng để bói và những vé xổ số Đông mua chơi đã bị xé đôi.

Luận mở đĩa hát vì thấy không khí tẻ ngắt, hoang vắng quá. Lâu không chạy, đĩa bám bụi, toàn tạp âm. Bản *Vườn khuya* nghe trục trặc, lủng củng, Luận dừng máy, lau đĩa, thì Đông nghển cổ, tia nhìn vắng tanh:

– Thay bản khác đi! Bản ấy buồn quá!

Chưa bao giờ Luận thấy Đông tỏ ra quan tâm tới âm nhạc như vậy. Có lẽ Đông chỉ làm Luận bất ngờ khi Đông nói lại cái cảm xúc rất sâu sắc của anh lúc bà mẹ hấp hối còn cài khuy cổ áo cho anh. Và bây giờ.

– Nghe bản Hành khúc của Vacne nhé!

– Cái bản thằng Hítle nó thích chứ gì.

– Tất cả mọi người đều yêu nhạc của ông nhạc sĩ thiên tài nước Đức này, chứ riêng gì nó.

Đông im, lại ngoẹo đầu trên ghế.

Gian buồng rộn ràng một khúc quân hành mạnh mẽ, trong sáng, yêu đời.

Luận chúi đầu vào các ngăn tủ, đang mê man vì cái kho báu tư liệu dân tộc học mà ông cụ sưu tầm, tích lũy được, bỗng quay ra, thét lớn:

– Anh Đông!

Như một con thú bị thương, đang ngồi, bất thần Đông lao vào giường, dụi mặt vào gối, hai tay ôm đầu, nức từng tiếng một.

Khi Luận đến gần, Đông vẫn nằm sấp, tay móc túi lôi ra một lá thư nhầu nát, ném xuống sàn:

– Đọc đi! Thế là hết!

Luận ngồi xuống, nhặt lá thư, mở ra, vuốt. Mỗi chữ trong thư như một hạt sương lạnh buốt rơi vào tim Luận. Thư của Lý.

Vậy là mọi chuyện đã rõ ràng cả rồi.

Khi Phượng lên mời Luận và Đông xuống ăn cơm thì Đông bắt đầu nổi cơn giận dữ. Đông không còn là Đông mọi ngày. Mặt co rút trong một nỗi đau sinh tử, Đông đập bàn, gào lên thống thiết và uất hận:

– Khốn nạn! Tôi ghê tởm. Nó ăn phải bả tư sản, bả thực dân mới. Nó chết vì tiền bạc, ăn chơi, hưởng thụ.

Đông bị choáng. Cơn giận biến đổi con người từ bản tính. Luận định can anh thì Đông ném tạch quyển sổ nhỏ từ nãy anh vẫn cầm ở tay xuống sàn nhà, nói như quát:

– Thư nó nói: nó không thể sống chung được với tôi. Nhưng cậu xem những tờ cuối ở quyển sổ này sẽ rõ hết. Khốn nạn đến thế là cùng. Có đúng là mỗi gia đình phải cung cấp cho xã hội một, hai đứa khốn nạn không?

Luận nhặt quyển sổ, lật những trang cuối. Một bài thuốc nam có tác dụng tránh thai. Những con số, những phép tính cộng trừ, nhân, chia thể hiện việc tính toán trong buôn bán với một kẻ nào đó.

Luận thở dài. Sự kiện này đối với anh cũng quá bất ngờ và đau điếng. Nhưng anh biết, anh phải giữ mình hết sức tỉnh táo, nhất là khi Đông càng lúc càng trở nên khùng nộ như thế này.

Đông càng lúc càng cuồng nộ, lời rủa xả của Đông càng lúc càng nghiệt ngã, độc ác. Tâm trạng Đông như thế là dễ hiểu. Đông là nạn nhân của vở bi kịch gia đình này.

Nhưng, rốt cuộc nội dung của tấn kịch bi đát này là thế nào?

Trước mặt Luận là một hiện tượng phức tạp nhất của con người mà Luận đã gặp. Lý đã bỏ Đông ra đi, kết thúc một quá trình giằng co, tính toán. Sự kiện này không giản dị như một câu chuyện ngoại tình. Sai lầm của Lý là hiển nhiên rồi. Nhưng, trong sai lầm này của chị, phải chăng Đông và mọi người trong gia đình không có lỗi? Đất nước, sau ba mươi năm đánh giặc, đang ở vào một thời kỳ xây dựng với muôn vàn thiếu thốn khó khăn. Chưa bao giờ, con người đương đầu với hoàn cảnh một cách anh hùng bền bỉ, sáng ngời phẩm cách như thế. Nhưng cũng chưa bao giờ đời sống khó khăn lại kích thích tâm lý hưởng thụ vật chất, thói ích kỷ đến thế. Lý khôn ngoan, khi tỉnh táo hoàn toàn phân biệt được ranh giới đúng sai, nhưng dục vọng ở chị mạnh mẽ, càng tăng cường độ hơn khi mặt tinh thần của đời sống vốn thấp kém lại không được thỏa mãn. Chị thiếu người tri kỷ, hướng đạo. Chị không vượt qua được cái thô tục vốn có của tự nhiên, cái mà ở chị tích tụ khá đậm đặc, nhưng nhiều lúc bị hòa tan vào bối cảnh đời sống có chủ thể sáng tươi.

Từ lâu, Luận đã nhận ra điều đó. Anh thấy bà chị dâu mình đầy nhược điểm cạnh những ưu thế lớn lao. Lý giầu thực tiễn, nhưng nghèo tư duy, một tư duy năng động có khả năng hiệu chỉnh cả bản thân. Chị trong trẻo ở nhiều lúc, do bản chất yêu đời, ham sống, do nhạy cảm, tháo vát. Nhưng chị mong manh dễ thay đổi vì thiếu nền tảng, dễ bị kích động tức thời bởi các ý tưởng cuồng nhiệt, hoang đường.

Đức tính này bao giờ cũng phải được đảm bảo bằng những đức tính khác. Thiếu sự bảo trợ của những cái đẹp khác, những gì là đẹp là tốt trong bản chất chị bỗng trở thành bấp bênh. Chị khát khao một thứ hạnh phúc giới tính vừa cao cả, vừa tầm thường. So với Phượng, chị có mặt đẹp hơn, nhưng nhìn tổng thể, chị thô thiển,

xấu xí hơn. Chị luôn phân thân thành hai ngả. Chị đi trên một sợi dây chung riêng.

Chị đẹp biết bao khi mua cây quất biếu ông bố chồng, nhưng cũng ở hành vi ấy, chị bộc lộ thói ngông ngạo rất đáng ghét. Chị nhiều năng khiếu, giầu ý chí, nhưng thấp kém hẳn đi vì tính hiếu danh, thói đố kỵ, lòng ích kỷ và thái độ vụ lợi trắng trợn. Chị có làm được một số việc có ích cho xí nghiệp. Chị có mang trong mình những đặc tính cần thiết của con người ở thời kỳ lắm biến động này. Nhưng, sự phát triển này cũng nguy hiểm. Tính tháo vát, sự táo bạo của chị, trong hoàn cảnh nền kinh tế có nhiều yếu tố tiêu cực, trong cuộc sống chưa hoàn thiện, lắm cạm bẫy, chỉ một ly là biến thành thói xoay xỏa, lừa bịp, dối trá. Lý trí của chị vốn yếu ớt lúc đó không thể kiểm soát được bản năng chị nữa.

Các trạng thái tâm lý xót xa, tiếc nuối đã có lần nảy sinh, lại một lần nữa xuất hiện và đọng lại trong Luận. Tất nhiên là không đơn giản, nhưng Lý có thể trở thành một người vợ, một phụ nữ tốt đẹp hoàn toàn. Nếu như... sao lại nói vậy, một khi phương trình đã lập.

Chao ôi! Cuộc sống là một chuỗi ngày không hoàn toàn mãn nguyện. Đông và Lý quá khác nhau từ gốc gác, tâm lý, sở trường, sở nguyện. Đông và Lý, cả hai đã không tạo lập nên hệ thống tâm lý sinh hoạt phù hợp với hai cá tính. Cá tính đã không làm phong phú thêm, lại gây trở ngại cho nhau. Hơn nữa, với Lý có còn gây nguy hiểm. Và buồn thay, Đông đã không trở thành người hướng dẫn, người phụ trách tinh thần của vợ, lại còn sống chểnh mảng trong sự ỷ lại đã tập nhiễm thành bản tính.

Bi kịch tất yếu sẽ xẩy ra, dẫu có lúc Lý như là hoàn lương. Hòa hoãn chỉ là náu mình tạm thời. Thời cơ tới dồn dập: liên minh kinh tế với ma quỷ của Lý đã thành lập; ông Bằng mất, hy vọng về số tiền người con trưởng được thừa kế tan tành; mưu tác thành cho Cần không có kết quả; Đông vượt khỏi khuôn khổ phụ thuộc, trở thành một kẻ cục súc, vũ phu...

Lý bứt ra khỏi cuộc sống chung vô vọng, tẻ nhạt một cách thật dứt khoát.

– Con khốn nạn! Nó ăn ở hai lòng! Nó bội bạc tôi. Đối với nó, chỉ có tiền thôi. Vì tiền nó có thể giẫm đạp lên tất cả mọi thứ luân lý, đạo đức. Tôi kinh tởm nó!

Đông lại tiếp tục trút phẫn nộ.

Một phương sách vô bổ! Có ích gì nữa lúc này. Chưa kể, giận quá mất khôn, lời nói đã vượt quá sự thực.

Chính Đông cũng biết vậy nên chỉ lát sau, Đông thôi chửi, ngồi gục đầu xuống bàn.

Phượng nước mắt vòng quanh, lặng lẽ đi xuống gác.

– Bình tĩnh, anh Đông à.

Luận đến ngồi bên Đông. Nhìn mái tóc đã bạc trắng của ông anh trai, lòng Luận trào lên một nỗi xót thương vô bờ. Một đời gian lao, một đời xả thân vì sự nghiệp của đất nước, con người này trở về tuổi nghỉ ngơi đáng được sống an lạc trong hạnh phúc mà không kẻ nào được phép ghen tị. Đông trong sáng dưới một bề ngoài mờ nhạt. Đông thật sự quý trọng vợ. Đông đã tận hưởng cái vẻ đẹp vốn có của quan hệ gia đình và yên tâm rằng, dù đời có đen bạc đến đâu thì đây cũng là nơi trú ngụ yên vui nhất của đời anh... Anh đã ung dung thụ hưởng mà không mất công sức cấy trồng, chăm sóc, điểm tô cái quan hệ tự nhiên vốn đẹp đẽ này.

– Bình tĩnh, anh Đông à.

Nói gì hơn được, Luận lặp lại câu an ủi gần như vô nghĩa đó. Luận hiểu: làm sao mà Đông bình tĩnh được. Con người Đông chỉ quen với sự đơn giản. Đối mặt với tình huống phức tạp, rối ren là mất phương hướng, là nổi cục, là mất tự chủ ngay. Huống hồ lần ngày.

Cả tối đó, không ăn cơm, Đông nguyền rủa Lý và kẻ đã làm Lý sa ngã. Tối đó, Luận không rời Đông một bước.

18.

Thời gian trôi, tách dần con người ra khỏi sự kiện.

Mùa thu đã chấm hết. Cây trong vườn, trừ cây táo mang vẻ cằn cỗi, già nua rõ rệt. Mùa đông tới với những đợt gió mùa tràn

về như sóng. Chỉ một đêm ào ào gió lạnh, mặt đất đã lợp đầy một lớp lá rụng. Ngoài phố, me trụi dần lá. Bàng hóa thân, đỏ như son trên mỗi phiến lá rụng. Đường phố vắng, xao xác hẳn đi. Và đêm đêm Luận nằm ngủ có lúc giật mình tỉnh giấc. Quả khô, cành khô rụng trên mái gây xôn xao thương nhớ.

Đông co ro trong giá lạnh. Đã thôi chửi đời và thôi nguyền rủa Lý. Nhưng, nỗi đau thì mỗi ngày một ngấm thêm sâu. Đông chợt hiểu ra rằng, anh vừa mất đi một cái gì hệ trọng và thân thiết quá. Lần giở từng trang đời đã xa, anh nghiệm ra: Lý có nhiều thói xấu, nhưng sống bên chị, về cơ bản, anh vẫn thoải mái, yên vui. Chị là sắc màu, là nhịp điệu đời sống lúc nào cũng lấp lánh, tưng bừng bên anh. Với anh, chị là một người mẹ, một người chị tận tình. Chị là một sức hút với anh.

Gian buồng, căn nhà, khu vườn còn nhắc nhớ bao kỷ niệm thiết tha, còn vang ngàn tiếng chị, còn lưu giữ vẹn nguyên bóng hình chị. Khi mất rồi, anh mới hiểu biết giá trị của cái không còn. Đau đớn ngấm đến tận nơi sâu thẳm nhất, anh lại nổi cơn khùng, nhưng lần này ngấm ngầm và chỉ trút nỗi căm hờn vào kẻ đã quyến rũ vợ anh – gã trưởng phòng vật tư khốn nạn.

Trong bữa cơm với gia đình Luận, Đông có nói tới gã trưởng phòng nọ với lời đe dọa: nó gây gió, nó phải chịu bão. Luận giật mình thấy mắt Đông lúc ấy mất hết thần sắc y như khi Đông túm cổ áo Luận và lúc nói sẽ bắn chết thằng Cừ.

Phượng lo lắng bảo chồng: "Anh Luận, anh nên trông nom, theo sát anh Đông, ngộ nhỡ có chuyện gì...". Luận lên ở cùng buồng với Đông. Anh muốn khuây khỏa và kiềm chế ông anh: con người quen sống giản lược, bị dồn vào bức bách dễ manh động bột phát lắm.

Một buổi chiều, hai người ngồi uống nước trà và nghe nhạc Vácne. Bỗng Đông hỏi:

– Nhạc Vácne hùng tráng đấy chứ, có gì mà ông nhà ta không thích nhỉ?

– Chỉ vì nghe em nói Hítle nó thích nhạc này ông lại thôi – Luận đáp – Anh thấy không, ông cụ là người có học còn vậy. Con người có những định kiến cố định, phá vỡ, đổi thay không dễ đâu.

Đông im, như nghĩ ngợi.

Lát sau, Luận tiếp:

– Con người vượt ra khỏi cái quy định là rất khó. Em không muốn nói ngoại cảnh, thời đại, mà nói cái đã bị quy định ở trong mỗi con người.

– Duy tâm, định mệnh.

– Không hẳn.

– Thế nghĩa là thế nào?

– Thằng Cừ khởi đầu, kết thúc đều luẩn quẩn ở trong cái vòng hạn chế về tư tưởng, quan niệm, tầm văn hóa của nó. Chị Lý cũng vậy. Chị là nạn nhân của chính mình. Và anh, anh cũng nên rút kinh nghiệm.

Nói cái ý cuối cùng, Luận đã đắn đo, chờ đợi mãi. Luận nghĩ: Đông đã bình tâm, nên nói để Đông xem xét lại mình và tìm cách cứu vãn tình hình.

Nhưng, Đông vụt đứng dậy:

– Chẳng lẽ tôi là thằng khốn nạn à?

– Anh không hiểu ý em.

– Tôi, mấy chục tuổi Đảng, tuổi quân, có mặt ở chiến trường suốt hai cuộc kháng chiến, tôi là thằng đểu giả lừa lọc, phản bội, lưu manh, côn đồ à? Vì chịu ảnh hưởng của tôi mà cô ấy hư hỏng à?

Đông nói dồn dập, gắt gay và vẫn không vượt được ra khỏi sự sơ lược trong suy nghĩ.

Luận ngắt lời anh, giọng hơi bực:

– Không ai trẻ con, ngu dốt mà kết luận như thế. Anh tốt, nhưng anh chưa đủ những đức tính cần thiết. Cuộc sống phức tạp. Nhưng phải sống thực sự với nó, phải có trách nhiệm với nó, vì nó. Nói cụ thể là phải có trách nhiệm với cả từng con người. Càng ngày cá thể càng nổi lên, đòi hỏi ta phải chăm sóc nó, nhất là bây giờ khi những yếu tố làm tha hóa nó còn có trong cuộc sống.

Đang đà, Đông không kìm được:

– Chỉ có vấn đề, nếu nói từ gốc, là tôi chọn nhầm thôi. Cậu lý luận đặc sệt sách vở. Chiến tranh, tất cả tâm lực phải dành cho việc

đánh giặc. Người ở nhà phải tự lo lấy. Cô ấy hư đốn lẽ nào tôi phải chịu trách nhiệm?

Đông lại phủi tuột những ý nghĩ tốt đẹp về Lý, lại rơi vào trạng thái căng thẳng thần kinh. Lại bùng lên lời chửi rủa Lý, gã trưởng phòng và các thói tệ tư sản trong cuộc sống. Rồi những mặc cảm nhục nhã lại trở về, cay nhức tâm trí anh.

Cuối cùng, đến cao điểm, Đông tiến đến trước mặt Luận, hai mắt đỏ nọc và giọng lạc đi:

– Cậu mà còn bênh con đĩ ấy hả? Trời ơi, sao tôi không chết luôn lúc tiến đến cửa ngõ Sài Gòn cho rồi!

Luận ứa nước mắt vì câu kêu trời đau đớn ấy của Đông. Đông đứng lặng, to lớn, run rẩy, đầu bạc phếch, nước mắt xối trên hai gò má xám.

Chính lúc ấy, Phượng ra mở cổng vì có tiếng chuông gọi. Người gọi cổng chào Phượng, tự giới thiệu là cán bộ tổ chức xí nghiệp Lý cần gặp chồng Lý vì một việc rất cần kíp.

Đông vội lau mặt. Luận sửa soạn ấm chén xong, quay vào cái tủ sách, tiếp tục xếp dọn tư liệu, sách vở của cha.

Anh cán bộ tổ chức xí nghiệp Lý xách cái cặp da đen bóng, bắt tay Đông, ngồi xuống uống nước và sau một hồi kể cà những câu thăm hỏi xã giao, ấn ngón tay vào cái khóa cặp.

Luận vẫn quay mặt vào tủ, nhưng lắng nghe.

Đúng như Luận dự đoán, anh cán bộ tổ chức sau khi hỏi qua về quan hệ vợ chồng Đông – Lý, nhìn thẳng vào mặt Đông giọng thật nghiêm trang:

– Xin báo để anh biết, hiện thời chị Lý sống chung như vợ chồng chính thức với một người đàn ông. Anh này nguyên là trưởng phòng vật tư đơn vị chúng tôi, vừa rồi đã bị chúng tôi khởi tố vì tội tham ô. Toà chưa xét. Anh ta bị đuổi ra khỏi xí nghiệp, nhưng vẫn ở lại Sài Gòn và chung vốn buôn bán, phe phẩy với chị Lý. Việc dan díu này, chúng tôi biết từ lâu. Chúng tôi đã giáo dục nhiều lần. Tưởng chị ấy hối lỗi nên chúng tôi đã cho chị ấy vào công tác ở trạm thường trực trong Sài Gòn. Vì cũng nghĩ: chị ấy có khả năng tốt. Nhưng, thật không ngờ! Nay, tình hình như vậy, chúng tôi quyết

định kỷ luật sa thải chị ấy. Về việc này, gia đình ta có ý kiến gì không?

Trời! Luận gần như choàng dậy, vai đập đánh thình vào cánh tủ, cố kìm giữ để khỏi kêu thét lên: sao lại sa thải. Căn cứ vào những tội lỗi cụ thể nào mà sa thải? Xử sự như thế với chị ấy lúc này là nguy hiểm, tối nguy hiểm! Anh Đông! Anh phải cố can ngăn ngay, với tư cách là người hiểu chị ấy nhất, với tư cách là người bảo lĩnh cho chị ấy.

Nhưng, trái với lòng mong đợi của Luận, Đông vẫn ngồi im, bàn tay dầy xòa rộng úp vào mặt ngón cái và ngón trỏ bấm mạnh vào thái dương. Chắc là Đông đang tê dại trước một sự thật kinh dị và phũ phàng. Trong Luận lại vang lên lời kêu gào thống thiết: anh Đông phải có ý kiến ngay đi! Không thể xử lý như vậy được!

Nhưng kìa, Đông buột bàn tay che mặt. "Anh Đông, anh hỏi em đi, em sẽ xông lại tham gia ý kiến ngay". Mắt Luận nhìn Đông nóng nẫy, chờ đợi. Không, Đông không hỏi ý kiến Luận. Mặt Đông nùng nục bỗng nghiêm lại một cách ngờ nghệch, biến thái của cơn đau thất thần, lạc trí, và môi hé mở thoát ra một giọng nói gần như tuyệt vọng:

– Cái đó thì... tùy các đồng chí thôi!

Luận rung hết cả người lên, vừa lo sợ vừa giận dữ. Luận chỉ muốn nhảy lại quát tướng vào mặt Đông và anh cán bộ nọ. Luận muốn gào, muốn thét lên. Sao các anh lại quyết định một việc hệ trọng như thế trong khi thần kinh các anh không bình thường. Anh Đông, anh là một kẻ vô trách nhiệm hoàn toàn! Tôi có thể nói như thế qua sự việc này.

Luận lao xuống gác, đuổi theo người nọ:

– Đồng chí ơi, chính tôi đã nghe thấy các đồng chí ở xí nghiệp khen ngợi chị Lý hết mực. Tội trạng chị ấy chưa đáng đến mức kỷ luật ấy. Xử lý chị ấy như vậy là dứt khoát đẩy chị ấy xuống bùn, là cắt đường trở về của chị ấy. Đồng chí không nên căn cứ vào ý kiến của anh Đông, anh ấy lúc này còn đâu là sáng suốt! Các đồng chí nên gặp chị Lý một lần nữa đi.

Anh cán bộ tổ chức quay lại khép cổng, giơ tay chào Luận, hẹn sẽ tiếp tục trao đổi vấn đề này với Luận vào một hôm nào đó.

Luận quay vào khu vườn.

Phong phanh một chiếc áo len mỏng mà người Luận nóng bừng. Lòng giận sôi lên, anh ngước lên nhìn buồng Đông. Đông vừa bật đèn. Đông vừa vặn máy hát. Không! Không thể hời hợt và vô trách nhiệm như thế! Con người thông minh và đần độn, mạnh mẽ và yếu ớt thảm hại. Dưới tác động của một ngẫu nhiên bất hạnh rất nhỏ thôi, đời một con người cũng có thể xoay lật ngược chiều tức khắc. Con người, cần phải được thể tất, cần phải đỡ nâng, dắt dìu. Mai, mai Luận phải đến cái xí nghiệp ấy để phản bác cái quyết định tắc trách của họ với Lý. Đời Lý lại thêm một hiểm họa, phải nhanh tay cứu chị ấy.

Trời xẩm tối.

Đèn đường hắt vào, lấp lóa sáng trên những chùm lá nhãn già trong vườn. Dơi muỗi chao cánh vi vút, rối nát khung trời xám hẹp.

Lúc ấy, Phượng vừa tưới rau và vun cây quất xong. Chị ghếch cái cán cuốc vào thân cây táo, hồi hộp lo lắng vì thấy Luận mặt đăm chiêu vừa từ cổng đi vào, nhìn chị ngồi xuống cái ghế đá và úp mặt vào hai lòng bàn tay.

– Anh Luận, anh vào ăn cơm đi.

– Phượng à... anh buồn quá, em ạ.

Luận ngẩng lên. Mắt anh ngước theo hai cánh tay chị vừa nâng từ từ lên cao, vòng ra sau gáy, vơ mái tóc cặp lại. Hai cánh tay Phượng mảnh dẻ quá. Và nét tiều tụy trên vóc dáng chị mỗi lần anh nhận ra lại làm anh nao dậy tình yêu thương chị cùng với mỗi nỗi lo thắt ruột gan: chị đã có mang được ba tháng.

– Anh Luận ạ, số tiền ông để lại ba nghìn. Tang lễ cho cụ mất một nghìn rưỡi. Còn một nghìn rưỡi. Em định gửi cho mẹ con thằng Quân anh, Quân em.

Không thấy Luận đáp, Phượng cúi xuống. Chị hiểu, chính chị đang sốt ruột muốn biết người ở xí nghiệp Lý mang tin gì đến.

– Anh Luận, có chuyện gì thế?

Luận quay lại, lẫn trong tiếng thở dài.

– Chị Lý bị sa thải rồi, em ạ.

Bất ngờ như một luồng gió buốt đập trúng mặt, Phượng gằm mặt, chống tay vào lưng ghế. Chị bỗng thấy rét run. Cả cái nỗi sợ hãi truyền kiếp từ bóng tối hư huyền trong khu vườn phát sinh ra cũng làm chị nổi gai và gây gây như là lên cơn sốt.

Luận vội đưa tay kéo vợ ngồi xuống cạnh mình.

Họ đã đến với nhau đúng lúc họ cần đến nhau nhất. Cái cảm giác ấy rõ rệt nhất ở Luận, nên chỉ lát sau, anh đã cảm thấy trái tim mình trở lại trạng thái yên tĩnh thường khi.

– Em rét à, Phượng?

– Không. Em lo cho chị Lý quá. Sao họ lại quyết định thế, hả anh?

– Anh sẽ nghĩ cách giải quyết việc này – Luận nói khe khẽ – Thật ra, anh cảm thấy hình như việc chị Lý sa ngã làm anh đau hơn cả anh Đông: anh đã bỏ không ít công sức để ngăn chị ấy, nhưng buồn là kết quả không được như ý muốn. Chị Lý sai lầm, tự gây tai họa cho đời mình, điều ấy thì đã rõ rồi. Nhưng Phượng ạ, tại sao nghĩ về chị ấy, anh cứ day dứt khôn nguôi. Chị ấy có thể là một người tốt, một người rất tốt chứ. Em có cảm thông với ý nghĩ của anh không?

– Em hiểu.

– Nghĩ đến chị Lý anh muốn nói với em điều này nữa. Chị Lý không khác chúng ta đâu. Trong chúng ta cũng vậy: có cái xấu, có cái tốt. Cái xấu, nói chung mọi người đều biết nó là xấu. Vậy mà cuối cùng vẫn không tránh được. Ấy là vì dục vọng lại gặp những nhân tố kích thích – anh muốn nói thời đại ta đang sống, đang đặt ra sự lựa chọn gắt gay về cách sống cho mỗi người: trở nên tốt, khó; biến thành xấu, không khó. Anh muốn, sống bên nhau chúng ta phải lưu ý giúp nhau trừ bỏ cái xấu tiềm ẩn ở trong mỗi người. Em có rõ ý anh không? Chị Lý chỉ khác chúng ta ở mức độ, cường độ và sự điều chỉnh...

Bóng đêm trong vườn đã đậm đặc. Thoáng một hơi gió nhẹ. Lá nhãn khô rụng. Khoảng trời đêm như động đậy. Và Phượng thấy giọng Luận bỗng như cao lên, bồi hồi những xúc cảm mạnh mẽ, y như cái đêm hôm nào anh đi bộ ba mươi cây số trở về, leo cửa sổ vào nhà, ôm chị, trò chuyện với chị.

– Phượng à, cuộc sống chung của chúng mình đã được mười năm và trong mười năm đó là ba nghìn sáu trăm ngày vất vả của em. Anh tự hỏi: cái gì tạo nên sức mạnh của em trong những ngày đó? Có phải đó là lòng nhân hậu, sự kiên nhẫn chịu đựng, đức hy sinh cao quý và sức chống chọi cứng cỏi, bền bỉ của em không? Từ em, em đang tỏa những vẻ đẹp mạnh mẽ, bình dị và tự nhiên. Anh càng thấy tin yêu cuộc sống hơn, vì có em bên cạnh.

Phượng cúi xuống. Chị rung động vì những lời anh nói, nhưng không thể đi theo nguồn mạch cảm xúc của anh. Số phận Lý vẫn ám ảnh chị. Luận vừa ngừng, chị đã lay vai anh:

– Anh ạ, anh phải tìm cách gọi chị Lý về – Chị bám riết vai anh, giọng thấm nhiễm xót xa – Em thấy thương chị ấy quá. Em chưa nói hết với anh đâu. Chị ấy viết liên tiếp mấy lá thư cho xí nghiệp em, vu cáo em rất tệ. Em bị khổ sở với bà trưởng phòng. Nhưng, từ hôm chị ấy đi, không đêm nào em ngủ trọn vẹn. Có cách nào gọi chị ấy về không, anh? Nếu cần, anh bảo em đi Sài Gòn tìm chị ấy, em cũng đi.

Luận quàng tay qua lưng vợ, thấy rõ toàn thân chị rung từng đợt trong cơn nấc. Phải gọi Lý về, Lý không nên tùy hứng, bỏ qua công luận và luật pháp như vậy.

– Lẽ ra, chị ấy có thể đàng hoàng ly dị với anh Đông.

– Sao?

Bị Phượng giật vai, Luận quay lại nhìn vợ. Không thể ngờ, một câu nói gần như vô tình nhưng kết tinh bao tính toán, nghĩ ngợi của anh lại gây một phản ứng tức thời và hoảng hốt như thế với Phượng.

– Sao? Chị Lý li dị ấy à? Không! Không! Không thể được. Sống với anh Đông có thể chị ấy bực bội, khó chịu. Nhưng bỏ anh ấy lúc này... thì nguy hiểm lắm. Em không tán thành! Anh phải bỏ ngay ý kiến này đi! Nguy hiểm lắm!

Luận bị bất ngờ. Những lời Phượng nói toát lên ấn tượng về một lòng tốt thật sự, về sự tinh tế và hiểu biết sâu sắc. Luận bị bất ngờ. Một lần nữa anh phát hiện ra chiều sâu đặc sắc ở tâm hồn Phượng và thấy mình ngu xuẩn, tưởng là mới mẻ, nhưng hóa ra định căn cứ vào một định đề có sẵn, xa lạ, vốn có ở đâu đó, để giải

quyết một vấn đề có nhiều mầu sắc riêng hết sức phức tạp của cuộc sống này.

Luận nhìn vợ trân trọng, quý mến. Nhưng chị đã lại nép vào anh, rét run:

– Sao em lo cho chị Lý quá. Đêm hôm nọ em mê thấy chị ấy bị người đàn ông kia lừa gạt, chị ấy thắt cổ trên cành nhãn kia kìa, anh ạ.

Lúc đó, ngoài cổng có tiếng gọi. Cần từ Công trường Thủy điện Sông Đà về thành phố đêm thứ năm hàng tuần, đã dựng cái xe đạp, đứng chờ Phượng ra mở cổng. Khu vườn là nơi hò hẹn của Cần và Vân, cô bé người yêu.

19.

Chớm đông, lạnh heo heo, vừa đủ hồng má con gái. Cây trong vườn nhà ông Bằng thu hình gọn ghẽ. Những đêm trăng đầu mùa lạnh, mặt đất sáng lỗ đỗ dưới vòm cây óng ánh hơi sương. Trăng vào mùa này, quãng gần rằm, hay đứng chếch mái căn nhà gác, ghé xuống khu vườn, gợi một tứ thơ cổ điển.

Vào mùa này, khu vườn có vẻ đẹp thanh nhã riêng biệt. Đã có khu vườn hoa cổ nào xúc động vì điệu múa của đạo sĩ Ấn Độ mà ra hoa sớm hơn thường lệ? Còn khu vườn này chưa có ai nghiền ngẫm về sự kỳ diệu của cây trong mối quan hệ của nó với những con người trong nhà. Nhưng, hình như đã là hiện thực cái điều lạ lùng ấy. Hay ít ra thì cây vẫn nhớ rằng nó đã chở che, chứng kiến nhiều sự kiện. Ông bà Bằng đã ngồi trò chuyện dưới bóng cây. Tường và Hoài. Dưới bóng nó Luận tâm tình với Phượng. Và cây vẫn còn hoài niệm bâng khuâng cùng bàn tay vuốt ve êm ái của chị Hoài với từng thân cây. Cây là chứng nhân, cây rung động với những tâm tình chân thật. Và có khác chi câu chuyện cổ: táo trong vườn năm nay ra hoa sớm hơn lệ thường rất nhiều. Từ độ thu sang, hoa táo đã nở bung, trắng ngà cả một góc vườn. Những đêm thu trong vườn khuya thanh vắng, Cần ngồi tình tự với người yêu, khi đứng dậy nhẹ vuốt tóc cô, anh thầm thì:

– Hoa táo rụng đầy tóc em. Chúng trang điểm cho em, mặc dầu em không cần trang điểm.

Vân không cần trang điểm. Vì chính Vân xinh tươi, vì chính đoạn đời vừa qua của Vân rất đẹp. Cây táo chứng nhận điều đó. Nó đã nghe thấy họ nói yêu nhau khi cả hai vừa học xong lớp 10. Nó nghe thấy lời hẹn hò của họ, khi họ chia tay nhau.

Chia tay nhau, Cần đi học ở Liên Xô. Vân thì vào Đại học Sư phạm. Thầy mẹ Vân quyết định gả chồng cho cô để tìm nơi nhờ cậy. Chú rể được lựa chọn là một ông cán bộ góa vợ, bốn chục tuổi, có nhà riêng, có thế lực. Vân không nghe. Một năm liền giằng co, phá vỡ việc thi cử. Ông bố quyết định công bố tối hậu thư: *"Một là*, nghe thì trong ấm ngoài êm, có nhà cửa, gia đình và được tiếp tục thi vào đại học. *Hai là*, không nghe thì ra ngoài đường".

Bảo vệ tình yêu đến cùng, Vân chọn con đường thứ hai. Cô cậy cục xin vào làm thợ ở xí nghiệp Nhuộm – Giặt – Là. Ôi, cái xí nghiệp thuần các bà con mọn. Xí nghiệp Nhuộm – Giặt – Là! Cái tên lòng thòng, nghe ngộ nghĩnh, như cái tên xí nghiệp Bản lề – ốc vít. Một dãy chảo cỡ đại. Nhà xưởng lênh khênh, chống chếnh như cái lều tạm. Hàng dãy sào phơi. Cái sân lổn nhổn than sỉ. Nhưng, nó đã lo giặt là, nhuộm quần áo cho dân toàn thành, các mặt hàng cao cấp cho văn công, áo quần cho ngoại giao đoàn, trang phục của các cuộc duyệt binh, từ cái mũ của ông đại tướng tới cái áo của anh binh nhì. Nó là người nội trợ của nhiều gia đình. Buồn cười, một lần giặt áo cho một ông khách, thấy túi áo cồm cộm, giở ra, hóa ra là thư của con gái ông *"Ba ơi, ba mua cho con cái đồng hồ Longil nhé. Cái cũ có hai kim, phải lên dây, con không thích. Ba ạ, hè năm nay, ba, con và mẹ đi Sầm Sơn hay Nha Trang nghỉ hả ba? Con thích đi Vũng Tầu kia, ba ạ!"*. Có những người con gái sung sướng như thế. Và có những người con gái như Vân. Cả một ngày ngột ngạt trong hơi nước, mùi thuốc, hơi lò lửa. Lương bậc một, năm mươi đồng. Ăn chắt hà tiện một tháng không đủ. Quần áo may theo phiếu, không dám nghĩ tới *téc*, tới *xoa*, thớt mốt nọ, kiểu kia.

Nhiều người biết cô bé sống như thế, nhưng không hiểu cô bé lúc vào làm mười chín tuổi, nay đã hăm ba, bốn năm sống còn có thêm một ý nghĩa: bảo vệ tình yêu chân chính.

Cần dựa cái xe cuốc ở bờ tường, đứng dưới gốc táo chờ người yêu. Dưới gốc cây này, họ đã là hai con người hoàn toàn tự do gặp nhau. Rồi năm năm sau, mỗi người đi một quãng đường dài để ngẫm nghĩ thêm về mình, nung nấu thêm độ chín của tình yêu, họ mới lại gặp nhau, từ độ cuối thu này.

Sự thật là Cần đã vượt lên trước thời gian, đúng hơn là gạt bỏ cái thời gian bỗng dưng dôi ra, để trở về đúng thời hạn đã hẹn hò khi chia tay. "Năm năm nữa chúng mình sẽ cưới nhau". Năm năm học qua, vì đỗ xuất sắc, Cần được ở lại học tiếp ba năm nữa. Ba năm, vẫn còn trẻ. Nhưng, như thế là phụ lòng Vân, và tự cảm thấy như vậy là xử sự một cách ích kỷ.

Và Cần đã về đây, như lời hẹn.

Tình yêu cao quý của Vân không cho phép anh sai lời. Kể cả việc hàng tuần đạp xe từ Công trường thủy điện Sông Đà hơn trăm cây số về đây, đứng ở dưới gốc táo này, đúng lúc đồng hồ chỉ 8 giờ 30.

Tám giờ ba mươi phút, trăng gác mái nhà. Tám giờ ba mươi phút tiếng cổng mở như trong mơ và bóng Vân bước vào khu vườn, nhẹ tênh như không thật trong một không gian, thời gian ảo. Rõ ràng họ ở bên nhau, rõ ràng gương mặt Vân đây, mà vẫn như là chiêm bao.

Mặt Vân thon nhỏ, trắng mịn. Đôi mày uốn mềm, thanh nhẹ. Cái cổ như cái cọng hoa. Đôi mắt to vời vợi, hơi ngơ ngác. Cái áo vét ngắn từ thời học sinh còn lại. Tất cả vẫn giữ nguyên vẻ tươi mát, dẫu đã qua bao dập vùi, khổ ải.

– Anh đạp xe từ ba giờ chiều, lúc tan ca – Cần kể – Đạp theo tốc độ xe đua. Chỉ ít lâu nữa, anh sẽ thành tuyển thủ xe đạp đua – Cần cười – Chiều mai, anh lại có mặt ở công trường, bọn anh sửa soạn lấp sông. Bao giờ em lên đó xem, em sẽ thấy một cảnh tượng hết sức hùng vĩ – đó là giang sơn của bọn anh.

– Còn nếu anh đến xí nghiệp em – Vân tủm tỉm – Anh sẽ thấy một cảnh tượng hết sức tiêu điều.

– Không. Tiêu điều là bề ngoài thôi. Bên trong nó cũng hết sức lớn lao. Vì có những người như em ở trong nó.

Vân cười. Vân đã quen với cách nói hơi khoa trương, chỉ có cách đó mới diễn đạt được niềm say mê lớn của Cần. Tất cả những gì Cần yêu đều được phóng đại lên với những kích thước bất ngờ, thú vị. Và những buổi trò chuyện của hai người dường như bao giờ cũng bắt đầu từ khung cảnh rộng lớn của cuộc sống, từ công tác của mỗi đứa, thu hẹp dần lại, trở về chuyện riêng của họ.

Cô kể cho anh nghe cuộc sống và công việc của cô. Cô không biết khái quát lớn. Cô kể những chuyện vặt như chuyện sắp duyệt binh, bọn cô bận lắm. Năm rồi xảy ra một chuyện đến giờ cô còn nhớ. Cái mũ ông đại tướng đội để duyệt binh là do bọn cô giặt là đó. Mười giờ tối, mũ ông giặt xong thì mới phát hiện: thợ may độn miếng vải mầu làm lót nên khi giặt, vải mầu thôi ra, làm lem nhem hết cả mầu trắng của cái mũ. Năm giờ sáng hôm sau, phải có mũ cho đại tướng rồi. Thế là thợ may cấp tốc may cái mũ khác. Ba giờ rưỡi xong. Đến phần giặt là của cô. Cô lo quá. Đại tướng nhất định phải có mũ đội chứ. Cả nước nhìn, hàng trăm phóng viên thế giới chĩa ống kính vào đại tướng, vào cái mũ của cô. May mà xong, và cái mũ đẹp ghê cơ. Còn một chuyện vừa xảy ra tuần trước, bọn cô nhuộm một cái áo cho một bà. Thế nào mà cửa hàng trả nhầm. Thế là bà đến làm om sòm lên: "Lấy cái áo của tôi để đặt lên bàn thờ ông bà ông vải các cô à..." "Chúng em đành góp tiền đền cho bà... anh à, nghề chúng em làm đẹp cho mọi người. Còn em, quần áo bây giờ vẫn còn mùi thuốc nhuộm hăng hắc đấy".

– Không, anh chỉ thấy mùi thơm.

– Táo chín tỏa mùi thơm đấy.

Cần hít mái tóc dầy của người yêu:

– Thơm từ tóc em. Công việc của em lầm lụi, vất vả, cứ nghĩ đến em là anh thấy mình có thể hy sinh hết thảy.

– Em thấy công việc của em cũng bình thường thôi. Nhưng, em hỏi câu này, anh phải nói thật nhé, anh có ân hận không?

– Ân hận gì?

– Yêu em ấy.

– Em nghĩ lạ.

Cô cười nhè nhẹ:

– Em không có nghề nghiệp gì ghê gớm. Em nghèo này.

Cần không đáp, lắc vai người yêu. Anh biết cô đùa. Anh thừa hiểu, cô cũng như anh. Họ, một thế hệ trẻ mới mẻ, đến với nhau bằng một tình yêu trong sáng hoàn toàn. Một tình yêu cả hai phía, người này yêu, có sự đáp trả của người kia; hai người thu hút nhau và hoàn toàn bình đẳng. Một tình yêu bền bỉ và có sức mạnh đến mức nếu không lấy được nhau thì đó sẽ là điều đau khổ lớn nhất đời họ; cho nên vì tình yêu đó, cả hai đã phải liều mình, dấn thân vào hiểm nguy mà không e ngại, nề hà. Một tình yêu xuất hiện với tư cách là sự say mê thuần túy hướng về cái đẹp, cái thiện, cái đúng, khiến cho toàn bộ sự xử sự với nhau chỉ dựa trên cơ sở đó, ngoài ra, không có một động cơ nào khác. Một tình yêu không chia sẻ như bản chất của nó. Một tình yêu duy nhất và tin cậy hoàn toàn đến độ cô có thể dâng hiến sự trinh bạch cho người yêu mà chẳng ngại ngần, vì không sợ một hậu quả xấu xa, nặng nề nào.

Vào lúc Cần say đắm nhất và trăng đã lên cao, khuất sau mái nhà, anh bỗng thấy Vân níu vai anh, sát vào má anh, giọng vừa đùa nghịch vừa nghiêm trang:

– Anh nghe em nói... nhà định làm mối cho anh một cô... rất giầu, rất xinh.

Cần thở một hơi dài, nóng nẩy:

– Họ không hiểu gì lớp trẻ chúng ta cả!

Anh kéo sát Vân vào mình. Anh và Vân, hai người chưa có được một tình yêu sâu lắng như Luận và Phượng. Thời gian đã có, nhưng chưa dài và thử thách chưa phải đã quyết liệt. Họ đang bước vào tình yêu và còn đang lâng lâng vì sự tráng lệ, huyền ảo của nó.

Có một lúc Cần như nghiêng ngả. Anh hổn hển:

– Vân, Vân à, cho anh cưới em nhé.

Anh thấy cô như ngột thở vì sung sướng sau câu nói như cầu khẩn của anh. Quả thật, cả anh lẫn cô đều chờ đợi cái ngày đẹp nhất trong đời họ, từ rất lâu rồi. Nhưng, anh thấy cô, lát sau bỗng lắc đầu khe khẽ:

– Anh à, thời gian đi, vừa lâu vừa chóng. Trưa nay, em xem lại sổ lưu niệm hồi chúng mình học lớp 10. Bạn em, chúng nó ghi:

Vân ơi, Vân cà chua ơi, vì hồi đó má đỏ hồng; *nhà văn tương lai ơi, Vân Rút-xki-iađức* (tiếng Nga) *ơi,* vì hồi đó em học giỏi hai môn này. *Cái bóng ma chia tay nó lù lù kia rồi. Mình sợ cái bóng ma ấy quá. Vân ơi, chúng mình lập một hội với nhau, năm năm nữa gặp nhau xem lúc ấy mỗi đứa đã thế nào. Có đứa nào lấy chồng chưa? Đứa nào trước, đứa ấy được gọi là... bác.* Em có ba đứa bạn thân lắm. Một đứa bị gọi là đứa mắc bệnh *đao,* vì nó chẳng có trí nhớ gì hết. Nó về làm thợ may và lấy chồng, đã có hai con...

– Kìa, em trả lời câu hỏi của anh đi!

Cần giục, Vân cười:

– Em huyên thuyên quá nhỉ. Không đâu nhé, anh ơi. Thế này, để em nói. Bác vừa mất. Đừng nên vội. Lui chút nữa, anh ạ. Mà sao em thấy em cứ như vừa học lớp 10 xong ấy. Việc hệ trọng, em cần chuẩn bị thêm tí nữa đã. Để đến Tết này, được không anh? Ơ, dỗi đấy à!

Cần buông tay ôm người yêu. Gục mặt trên vai cô, không nói, lòng anh vang thầm niềm quý trọng cô. Anh nhớ hôm *ba ngày* ông Bằng, cô đến thắp hương và đặt lên bàn thờ một mâm xôi với một con gà. Ai dậy cô cái lễ nghi rất hợp cách với vị trí cô như thế? Giờ, lời cô vừa nói có một chiều sâu gắn bó với đời sống tinh thần dân tộc mà anh đã có lúc vì say sưa mà có phần xao lãng.

Họ ngồi với nhau dưới cây táo đang đơm quả sai rất lâu, sung sướng, mãn nguyện về nhau, cho tới lúc có một tiếng động thật nhỏ và êm, như một cành cây khô buông rơi.

Vân quay lại, kêu:

– Con mèo, anh!

Một con mèo đen, từ hàng tường nhà ông thợ mộc nhẩy xuống, chạy qua sân, tới rìa căn nhà, dừng lại. Nó cúi xuống, nhả cái gì cặp ở trong miệng ra, quay lại, *ngoau* một tiếng dữ tợn.

– Nó cắp con nó, anh ơi.

Vân chạy lại, reo. Vừa lúc Phượng mở căn buồng, ngó ra, chúm môi, âu yếm gọi: miu miu... Rồi chợt ngẩng lên, Phượng reo: – Kìa, cô Vân, chú Cần! Nga ơi, cô Vân, chú Cần!

Con mèo đen liền tìm con lẻn vào buồng. Đó là con mèo đen quen thuộc đã ở hẳn với Phượng từ ngày Lý đi. Mấy hôm nay, nó đi đẻ ở đâu, giờ mới đem con về.

20.

Chợt có ngày hai mẹ con đang đi ở giữa phố cái Nga bỗng kêu: "Mẹ ơi, khói ở đâu ra thế này?" và cả hai mẹ con chìm trong màn sương xám như bụi tro bay. Cái cảnh tưởng như chỉ thấy ở miền núi vào những ngày mù sa làm cho con bé ngỡ ngàng. Nó ngỡ ngàng với tất cả. Kể cả việc nó được về thành phố ở với mẹ và bố. Phải mất gần một năm trời, mọi việc mới thu xếp xong, Phượng mới đưa được nó về đây. Con bé bị thiệt thòi nhiều quá. Nhưng nó đã được đền bù ngay: nó về đến thành phố thì cái tết vừa chớm tới. Tết đang chầm chậm về, càng chầm chậm càng vui nôn nao.

Cái tết đến theo tiếng pháo dẫn đường. Thoạt đầu, pháo nổ đì đẹt, thưa thớt, ở xa lắc. Rồi gần dần, đặc dày dần. Tới khi đường phố đã lấm tấm xác giấy hồng hồng và ở các cổng chợ, các ngã ba ngã tư, các quầy lá dong dựng lều bán mái thì đã là hăm ba tháng chạp – cái tết thật sự đã có hình có bóng.

Cái văn phòng Xí nghiệp In có bà trưởng phòng tính nết thất thường của Phượng – cái thế giới sinh động vui vẻ ấy đón nhận cái Tết sớm hơn hẳn nơi khác. Những tính toán chi tiêu sắm sửa cho cái Tết lớn dân tộc đã lầm rầm chen lẫn vào công việc thường ngày, rồi mỗi ngày tiếng nó càng to, có lúc lấn át cả tiếng nói công việc. Bà trưởng phòng, con người rất có năng lực dẹp bớt sự nhiễu loạn ấy. Bà quát luôn miệng để kéo sự chú ý của các cô vào công việc. Có lúc bà trề môi: "Tết với nhất, tốn tiền, mệt xác! Rồi lại còn dửng mỡ nữa chứ! Tôi yêu cầu! Tết năm nay cô nào còn đẻ nữa, cắt thưởng. Sao mà ham đẻ thế!".

Phượng bận rộn với công việc cuối năm. Hăm nhăm, hăm sáu Tết rồi vẫn còn hàng đống chứng từ hóa đơn chưa thanh toán, vào sổ. Còn quyết toán cả năm. Còn báo cáo tài chính với Liên hiệp xí nghiệp, với Ngân hàng. Năm nay xí nghiệp hoàn thành kế hoạch trước gần tháng, tiền thưởng khá to, nhưng làm cách nào rút được tiền mặt. Các cô đi qua, ghé lại bàn Phượng:

– Chị Phượng ơi, Tết năm nay vợ chồng con cái em trông cậy cả vào chị đấy!

– Hỏi cô thủ quỹ nhà các cô kia kìa! Bụng đã vượt mặt thế kia, còn có mà chạy! Cứ chuẩn bị mà treo niêu!

Cô thủ quỹ đã lấy ông trưởng phòng kỹ thuật. Bụng đã to xề xệ. Rõ ràng là chửa trước ngày cưới. Và Phượng thì bước đi đã thấy kềnh kệnh. Bà trưởng phòng nhằm vào hai cô mà ngấm nguýt, móc máy. Nhưng, trong bụng, bà lại hết sức mừng thầm: chửa đẻ thế, nhất là chửa như cô thủ quỹ, bị công luận coi thường, thì làm gì còn khả năng mà dám ganh với cái chức trưởng phòng của bà. Chửa đẻ thế, có tài giời cũng vứt.

Một hôm bà đến bàn Phượng lúc cô đang bận túi bụi. Phượng nghĩ chắc bà lại cự mình về việc mình trừ lương ông giám đốc từ tháng tới, hoặc là phàn nàn việc mình tự động lên gặp giám đốc đề nghị một số cải tiến trong việc kinh doanh của xí nghiệp hôm vừa rồi. Nhưng, không. Mặt hớn hở, bà trưởng phòng nghiêng nghiêng đầu, nhìn Phượng:

– Này, đã có tin tức gì về thằng Cừ chưa?

Trời sao bà nhớ chuyện ấy dai thế. Phượng lắc đầu:

– Chắc là chú ấy chết rồi.

– Có mà chết! – Bà trưởng phòng trợn mắt – Này, cô phải cảnh giác nhé. Thằng Tầu nó bắt bọn di tán, huấn luyện biệt kích rồi tung về ta làm gián điệp đi ra kia kìa.

Quái, Cừ nó ở Canađa và nó đã thất vọng tự tử rồi kia mà. Sao bà lại nhằng chuyện nọ sang chuyện kia thế? Bà nói vậy có ý gì? Phượng nghĩ.

Đã tưởng bà đi, Phượng cúi xuống quay cái máy tính. Nhưng bà cũng lại cúi xuống theo và chống khuỷu tay lên mặt bàn Phượng:

– Này, thế bà vợ ông Đông ra sao rồi? Tớ biết ngay con mẹ ấy nó bỏ lão Đông mà. Này, hồi nó viết thư đến xí nghiệp tố cáo cậu lăng nhăng với lão Đông, tớ mà không đứng ra bênh cậu thì còn là lôi thôi to. Bác ấy giờ ra sao rồi?

Lại lằng nhằng những chuyện vơ vẫn! Bà trưởng phòng thừa thời giờ quá, hay bà định giáo dục Phượng điều gì? Phượng hờ hững, khó chịu:

– Em cũng không rõ. Nhà em có viết thư vào Sài Gòn cho chị ấy rồi.

– Nó không dắt díu thằng kia đi đi tản tôi chớ kể? Mà này, cái lão Đông anh chồng cậu, một hôm tớ đến chơi, tớ đã gặp, trông mặt cứ như mặt thằng Tầu phải ấy nhỉ!

Trời! Sao mà nghĩ suy, nói năng độc địa thế!

Sau hôm ấy, cô thủ quỹ ghé tai Phượng, rít:

– Với mụ ấy phải ba không: không biết, không nghe thấy, không trông thấy. Mụ ấy chỉ muốn người khác lụn bại thôi. Chị có biết không, mụ ấy ghen tức với chị lắm đấy. Chị vừa có uy tín vừa có trình độ. Ông giám đốc rất thích những ý kiến chị đề xuất về tổ chức kinh doanh của xí nghiệp. Mụ ấy biết mụ ấy lạnh nhạt cả với ông ta kia. Em mà làm giám đốc, em cho mụ ấy nghỉ cho khỏe! Trưởng phòng gì mà vừa ngu vừa độc thế.

Quả thực bà trưởng phòng cũng lắm khi độc địa thật nhưng độc địa không phải là bản tính bà. Chẳng qua là do kém cỏi năng lực, ít hiểu biết quá, nên bà cứ sợ bị người ta khinh, bị người ta tranh quyền. Bà độc ác để tự vệ thôi. Trong sâu xa bà vẫn là một phụ nữ có trách nhiệm với cuộc sống và yêu thương con người.

Càng giáp Tết, bà càng biến đổi theo chiều hướng dễ chịu hơn. Hăm bảy Tết, bà thân mật bảo Phượng: "Tôi đe nẹt họ là để họ nên người thôi, chứ tôi hằn thù gì ai. Với lại làm lãnh đạo phải nghiêm, kinh nghiệm đấy, Phượng ạ. Rồi cũng đến lúc cậu làm trưởng phòng thôi. Nói thật đấy, cậu không vướng tí lý lịch rắc rối(!) thì tớ đã đề nghị cậu phó phòng rồi. Xem ra, chị em họ tín nhiệm cậu lắm đấy. Còn tớ, nói thật, sức tớ đảm đương việc này là cưỡng lắm. Tớ có được học hành gì đâu. Thực ra, đại học vẫn là hơn chứ!".

Không khí Tết nhất nhấn chìm tất cả những chuyện vặt vãnh, đưa con người trở lại trạng thái hồn nhiên thuần nhất. Hăm tám Tết, bà trưởng phòng đứng ở giữa phòng, the thé:

– Tôi nghỉ phép hai ngày để gói bánh chưng, ủy quyền cô Phượng thay tôi lãnh đạo phòng. Các cô, ai không biết gói bánh thì chiều ba mươi Tết tôi đến giúp. Ngày mồng một thế nào các cô cũng đưa các cháu đến chơi nhà mình nhé!

Và không khí trong văn phòng từ đó tưng bừng, ấm áp hẳn lên.

Càng áp Tết, Phượng càng nao nức. Tết này, có bé Nga. Bà ngoại bảo có thể cũng sẽ về ăn Tết cùng. Cần và Vân thì hứa dứt khoát về ăn Tết cùng anh chị, Phượng sẽ phải đảm nhiệm công việc nội trợ của cả nhà.

Chiều hăm chín Tết, Phượng xách cái làn nặng những đồ sắm Tết về tới nhà. Cái Nga mở cổng, reo:

– Mẹ ơi, con xếp hàng mua lá dong, mua lạt, mua thịt phiếu của bác Đông, của bố mẹ, chú Cần, cô Vân rồi. Mai gói bánh rồi gửi tổ phục vụ Phường luộc, mẹ ạ.

Cái Nga giành cái làn, vẹo cả một bên sườn, tha vào nhà. Phượng vào khu vườn, ngồi xuống cái ghế đá dưới gốc táo, muốn tĩnh tâm trong chốc lát, sau những phút căng thẳng trong công việc mua bán vừa rồi.

Khu vườn thật yên tĩnh và sạch quang. Trên đầu Phượng, cây táo chẽ ba cành tỏa thành một màng rộng dầy đặc những chùm táo xanh mọng. Góc vườn, cúc tỏa hương nồng thơm. Cây quất không có quả, nhưng vòm lá bồng bồng vẫn gợi bóng xưa. Cây quất Lý mua, chị Hoài trồng, Phượng vun tưới, nhìn nó lại nhớ bao nhiêu chuyện đã qua. Cây quất đưa cái Tết năm ngoái về gần. Tưởng như còn quanh quất đâu đây cái buổi chiều ba mươi làm cơm cúng tất niên, Lý la hét, sai bảo Phượng và say mê chế tác các món ăn. Buổi chiều lạnh ấy ấm hẳn lên từ lúc chị Hoài, từ ước ao của Lý của Phượng, hiện ra trước cổng. Còn đâu đây hương khói buổi cúng. Và bữa cỗ đêm ấy tan, chị Hoài và Phượng đi gieo hạt mướp, khi ấy bầu trời bỗng lập lòe các sắc mầu pháo sáng và bùng bùng tiếng pháo nổ rền.

Còn đó cả âm thanh và hình bóng.

Còn đó mái nhà này.

Một năm qua, dưới mái nhà này đã xảy ra bao chuyện buồn vui. Ai có thể ngờ được căn nhà yên tĩnh, ở đầu cái phố dài yên tĩnh, lại chỉ có được sự yên tĩnh bề ngoài. Gia đình, cái giọt nước của biển cả, có ai ngờ lại là một vùng chứa nhiều sóng gió đến thế. Ôi, cái vùng tưởng là tĩnh lặng, cái vùng hay bị lãng quên trong mối quan tâm hàng ngày, có ai ngờ lại là nơi khởi thủy, chung cục của lắm điều bất hạnh và những niềm hạnh phúc. Thật ra thì bản chất cuộc sống vốn là sống động. Và mọi sự xáo trộn thế nào cũng phải tự tìm lấy sự ổn định, sự hợp lý. Hãy từ cửa sổ gia đình mình nhìn ra cuộc đời; và từ cuộc đời hãy chiếu rọi ánh sáng vào mỗi căn nhà, như thế mọi điều sẽ sáng tỏ.

Ôi, cái năm dài dặc đầy những biến cố hãi hùng. Giờ đây, nhìn lại nó, nghĩ về tất cả những điều đã xẩy ra, Phượng lại thấy rưng rưng. Thương quá ba mẹ con Cừ và chị Hoài. Thương quá bác Đông. Thương quá anh Luận. Và với Cừ, Phượng có lúc chợt sa nước mắt xót xa. Còn Lý thì Phượng vẫn thương nhớ canh cánh bên lòng. Phượng không giận cả bà trưởng phòng. Với mọi sự sa sẩy lầm lỡ, Phượng đều mủi lòng. Phượng sẵn sàng chia sẻ với mọi người. Phượng chỉ muốn mọi người tốt đẹp, sung sướng. Làm tất cả mọi việc có thể làm được để cho mọi người tốt đẹp, sung sướng. Phượng sẽ không bao giờ mệt mỏi, ngại ngùng. Để trở nên người tốt, phải dám chọn lựa sự vất vả, để được yêu thương mọi người, phải dám đón nhận sự hy sinh; sự hy sinh, đó là một vẻ đẹp mãi mãi tươi mới.

Cái Nga từ trong nhà chạy ra, gọi qua hơi sương: Mẹ ơi, mẹ ở đâu? rồi ào tới, liến láu:

– Mẹ ơi, con mèo đen nó lại tha con nó từ buồng bác Đông xuống buồng nhà mình rồi, mẹ ạ. Mẹ ơi, bác Lý...

– Sao, con?

– Bác Lý mẹ bảo là đi công tác ở Sài Gòn ấy, có khi bác ấy sắp ra, mẹ ạ. Bưu điện họ đưa báo Tết đến. Có một lá thư của nông trường cô Cừ với một lá thư ở Sài Gòn gửi ra. Bố và bác Đông đang đọc báo Tết ở trong phòng, nói với con là thư của bác Lý mà.

Phượng đứng dậy, tim đập trĩu một bên ngực.

Trong buồng khách, Đông và Luận vừa kê dọn căn buồng xong, đang ngồi ở bộ xalông đọc báo Tết. Trên bàn thờ có thêm ảnh ông Bằng đang nghi ngút khói hương.

Đông, trông đã có dáng ông già, đeo kính lão, đang loạt xoạt giở một tờ báo, thấy mẹ con Phượng bước vào, ngẩng lên:

– Nào, hai mẹ con đã sắm sửa được những gì rồi?

Cái Nga lanh chanh lục cái làn nó mang vào từ nãy, kéo ra nào pháo, nào mứt, nào bánh.

Luận với tay sang Đông:

– Anh cho em mượn cái kính.

– Đã phải đeo kính rồi cơ à? Nặng lắm, số ba đấy!

Luận mắc kính vào mắt:

– Đã đến lúc rồi. Thế mới biết mình chóng già.

– Còn trẻ với ai nữa!

Phượng đang nhấc chai rượu từ trong làn ra, ngẩng lên, tủm tỉm cười. Luận bỗng giật kính khỏi mắt, xoa mặt, lắc lắc đầu:

– Nặng quá! Hoa cả mắt! Anh Đông, Phượng này năm nay báo Tết Văn nghệ thành phố, Quân đội, Khoa học... có đăng tất cả là năm bài của em. Ký bút danh hết. Đố anh với Phượng tìm được đấy.

– Về những đề tài gì?

– Chủ yếu là về các vấn đề đạo đức. Nhưng có cả khoa học.

– Năm Quý Hợi, chắc anh viết về con lợn! – Phượng đùa. Luận gật đầu, hồn nhiên:

– Còn rộng hơn nữa. Về vũ trụ, thời tiết, mặt trời. Năm nay hết chu kỳ có bầm đen trên mặt trời, thời tiết sẽ thuận hòa hơn. Chắc sẽ được mùa. Có một bài ký gửi tặng chiến sĩ biên giới phía Bắc nữa.

– Tham thế! – Phượng nguýt yêu chồng.

Luận cười. Đông đận đà:

– Sẽ tìm ra thôi. Đọc văn của cậu tôi biết chú!

Luận bị bất ngờ:

– Văn em thế nào?

– Văn là người – Đông chậm rãi – Mà con người cậu thì nồng nhiệt, tình cảm đậm đà bộc phát mạnh nên cũng có lúc quá khích. Nhưng, không sao, thế là đẹp lắm rồi!

– Chà, giỏi thật! Không ngờ ông anh giỏi thế! Nhưng, em chưa đẹp đâu.

Phượng trìu mến nhìn chồng, không ngờ Đông nói rất đúng với điều mình thầm nghĩ. Chị đặt chai rượu lên bàn, lại kéo một bó mùi già từ dưới đáy làn lên nói: Mai cả nhà sẽ tắm lá thơm.

Luận cười, cũng như Phượng, muốn truyền cái vui sang Đông.

Nhưng, Đông buông tờ báo, nhìn bó mùi già, liền quay mặt đi. Đông vui sao được, sau những xáo trộn ghê gớm vừa qua. Đông không có những biểu hiện giận dữ và đau đớn nữa. Cái bản lĩnh chiến sĩ đã ức chế những gì thái quá, giúp anh đứng vững ở tư thế con người. Nhưng, Đông vẫn không sao giấu được mình. Nỗi đau đã kết thành cục, đã trở thành một phần con người Đông. Tuyệt vọng xâu xé Đông, Đông nghiến răng chịu đựng, tự trách móc dằn vặt mình. Đông vẫn khóc thầm. Phượng đã thấy nhiều đêm anh đi tha thẩn trong vườn. Anh vẫn nhớ Lý. Lý vẫn sống trong anh, với những bản sắc riêng không thể phai nhòa. Lý vẫn sống cả với Phượng.

"Đêm qua em mê thấy chị Lý trở về. Chị bị cái thằng đánh xe bò đập bằng cái xẻng, máu mê đầm đìa, áo rách tả tơi. Em đưa chị vào nhà. Chị khóc, sụp xuống chân anh Đông, anh ạ".

Sáng nay, Phượng kể với Luận như vậy và rùng mình vì giấc mơ. Quái dị quá, nhưng như thế cũng còn hơn là Lý biền biệt, mất tăm.

"Chị Lý có ra không, anh Luận, anh Đông?". Mắt Phượng đưa qua Luận, Đông, ngong ngóng một câu giải đáp.

Đông, dường như đang cố gắng gạt ra khỏi tâm trí những ngẫu sự và cố quên đi không khí gợi nhớ một chiều áp Tết, chú mục trên từng trang báo để tìm bài của ông em.

"Có thư của Lý đâu! Chắc họ nói quấy quá cho cái Nga khỏi hỏi thóc mách đó thôi – Phượng nghĩ bộn bề – Cái Nga chín tuổi. Lớn chút nữa, nó sẽ biết chuyện này thực hư thế nào. Có con gái

phải dậy cho nó cái tính cay như hạt tiêu đối với bọn con trai. Đêm hăm bảy Tết năm ngoái, Lý nói vậy".

Đông bỗng đặt tờ báo xuống, quay ngang quay ngửa:

– Luận này, nếu như nội dung lá thư của nông trường là họ nhận lại vợ Cừ về làm thì ta nên giải quyết thế nào nhỉ? Còn một vấn đề nữa: Sở nhà đất hôm qua đến, họ định xây lại chỗ nhà bị cháy, tôi đã đồng ý rồi.

Phượng đứng dậy, cùng cái Nga đi xuống bếp. Có thư của nông trường gửi vợ Cừ thật. Nhưng, chưa ai bóc. Không hiểu nội dung thế nào? Còn Lý, có thư từ gì đâu!

Ba mươi Tết, ngay từ sáng, Phượng đã vào bếp.

Nấu nướng cỗ bàn mấy ngày Tết cho gia đình, đó là việc của Phượng. Từ lâu, chị đã trở thành người nội trợ và hơn nữa, chị đã là linh hồn của cuộc sống ở căn nhà này, nơi hoàn toàn chỉ có tình yêu thương chi phối các quan hệ hàng ngày.

Bé Nga giúp mẹ rửa rau, vo gạo, tỉa hoa su hào, đu đủ ngâm dấm ớt. Phượng nấu các món ăn. Vừa làm chị vừa cố nhớ lại từng cử chỉ, từng lời dặn của Lý. Và nhiều lúc chị đứng ngẩn, quên hết, vì âm hưởng sâu xa và hồi niệm rực rỡ của những ngày Tết năm ngoái. Hôm qua, Luận từ xí nghiệp Lý về nhà, mặt hớn hở, nhưng đứng ở trước bếp, bỗng như là bâng quơ: "Tết này mà có bà Lý thì có phải vui không?". Phượng không tiện hỏi, nhưng hiểu: như thế là Luận đã đạt được ý muốn. Lý không bị kỷ luật sa thải nữa. Khổ! Lý không hoàn toàn xấu, không hoàn toàn sai. Lý có thể là người tốt, rất tốt. Tội nghiệp Lý! Thật là thế, như Luận vẫn hằng nói, chứ không chỉ là không khí Tết gợi mở lòng khoan thứ và tình thương yêu.

Chiều sâm sẩm mâm cỗ mới làm xong và được bưng lên phòng.

Căn phòng đã được bày y hệt năm ngoái. Hai góc phòng đặt hai chậu cúc đại đóa. Trên bàn, cái Nga để một lọ *xu-xi* vàng ngà. Luận vừa đánh, bứng cả cây quất từ ngoài vườn vào, đặt ở giữa phòng, rồi đứng ngẩn ngơ ngắm nó. Cử chỉ ấy nói lên một lời: Luận còn rất thương rất nhớ bà chị dâu.

Mâm cỗ bầy xong thì chợt cái Nga reo to:

– Chú Cần! Chú Cần, mẹ ơi!

Cần dắt cái xe đạp cao lênh khênh từ cổng vào, tóc rễ tre ướt nhoáng, áo bay màu lá chuối ướt nước mưa phùn, đẫm hai mảng lưng, tua tủa ria mép, mặt tươi rói:

– Cô Vân đâu, chú Cần? – Đông, Luận, Phượng cũng quay ra, hỏi.

Cần dựng xe, nhảy vào nhà, xốc cái Nga lên, chút chút vào hai má nó:

– Đã được nghỉ đâu. Còn phải lo quần áo cho các vị đi tiếp khách ngày Tết.

– Tết nhất phải cho người ta nghỉ chứ! – Luận nói.

– Thôi, nghỉ bù cũng được. Với lại, em hẹn rồi, 11 giờ, tan ca Vân sẽ đến – Cần nói, quay nhìn mọi người, phân bua – Lát nữa, em sẽ đi đón Vân. Bây giờ tiện có các anh chị, em tranh thủ hỏi ý kiến luôn nhé.

– Ngồi vào ghế đi đã. Làm gì mà sốt sột thế.

– Em và Vân định tổ chức cưới ngày mồng hai Tết.

Luận và Phượng cùng kêu:

– Gấp thế cơ à?

– Vì mồng năm Tết bọn em bắt đầu vào một chiến dịch rất quan trọng.

Luận gật đầu. Phượng cắn môi, định nói thì Đông rút tay ra khỏi ống tay áo bông. Tóc bạc phếch, mặt Đông khổ não, nhưng trông Đông trịnh trọng. Thế hệ trước đã mãn cả rồi. Giờ, Đông là người thứ nhất của thế hệ sau trong gia đình.

– Thôi được, ông cụ mất cũng đã nửa năm rồi. Không câu nệ lắm chuyện ấy. Nhưng tôi hỏi cậu vài điều đã.

Giọng Đông cân nhắc, già nua:

– Việc này là chung thân đại sự, cô cậu đã tính kỹ chưa? Tình yêu không nên chỉ là hồn nhiên, không nên coi là chuyện giản đơn.

– Chúng em yêu nhau từ hồi còn học lớp 10 và đã qua năm năm thử thách.

– Tôi biết. Nhưng, cậu nên hiểu: gia đình chịu ảnh hưởng rất ghê gớm của xã hội. Liệu cô cậu có đủ vững vàng trước mọi khó khăn của cuộc sống không? Trước hết, có dám hoàn toàn chịu trách nhiệm về nhau không? Tất nhiên, cơ sở của nó là tình yêu, là sự tự giác, là bản lĩnh từng người.

Luận đưa mắt nhanh cho Đông. Luận hiểu, trong những lời thuần vẻ lý trí ấy có máu thịt, linh hồn Đông, Đông đang gắng khám phá sự thật và cố truyền kinh nghiệm sinh tử cho người em.

Nhưng, hình như là Cần thiếu nghiêm túc đón nhận lời Đông. Cần cười, đầu lắc lắc:

– Anh tưởng bọn em chưa hề phải chịu tai họa do cái tồi tệ của xã hội gây ra sao? Vân bị đe dọa, và chọn con đường không khuất phục như thế nào thì có lần em đã nói với các anh, chị rồi. Gần đây, em được biết, ông bố Vân ngoặc với ông tổ chức Bộ em, quyết phá việc của chúng em. Nhưng có hề gì. Bất trắc chẳng lung lạc được bọn em đâu. Kể cả việc nay mai, trúng tuyển nghĩa vụ, em vào bộ đội, đi lên biên giới xa tít, và Vân lại sống kham khổ như cũ mươi năm nữa, bọn em cũng đủ sức mạnh sống đẹp, sống kiểu mẫu.

Đông hơi bị bất ngờ vì cách nói đại ngôn của Cần. Mỗi thế hệ, mỗi lớp người có một kiểu đi riêng. Lớp em Đông, rất khác Đông, trí tuệ hơn, có ý thức và tự tin hơn.

– Cuộc sống phức tạp lắm chứ không đơn giản đâu.

Đông chép miệng, Luận như chồm lên. Đông đã tiến một bước dài từ câu nói của miệng quen thuộc một năm trước đây: "Đời có gì là phức tạp lắm đâu!" tới câu nói vừa rồi. Luận hào hứng:

– Không phức tạp không gọi là cuộc sống. Bản chất con người là vậy. Suốt đời con người chuyển động. Ai cũng có một cái đích lựa chọn để đi tới. Đích đúng thì hạnh phúc cho mọi người. Còn đích sai thì tai họa, chí ít cũng làm phiền xung quanh. Còn cái xấu cái tốt thì thời đại nào chả có. Đừng sợ cái xấu. Cái xấu cũng là của mình, ở mình thôi! Phải chăm lo cho từng người. Cá tính mãi mãi tồn tại và đòi hỏi được quan tâm.

Cần ngẩng lên lắc lắc cái đầu rậm, đầy vẻ cả quyết:

– Em cho rằng, công nghiệp hóa xong thì sẽ thanh toán hàng loạt cái xấu!

– Chưa hẳn đâu – Đông lắc đầu – Mức sống và lối sống là hai vấn đề khác nhau.

Cần găng:

– Hai vấn đề, nhưng có quan hệ với nhau. Em vừa về nước đã nghe chuyện cô y sĩ nào đó bỏ chồng, nói chính xác là được sự thỏa thuận của chồng, để lấy gã tư sản Thụy Điển. Mức sống cao, không có chuyện kiếm chác trong quan hệ vợ chồng.

Luận nhổm hẳn người lên:

– Nhưng có một thực tế là: không nhất thiết thật giầu có mới sống đẹp được. Rách vẫn thơm được. Mỗi người đều có thể sống đẹp được; không nên đổ lỗi cho hoàn cảnh; nhưng cũng không nên quá khắt khe với sai lầm của con người, con người đang ở trong tiến trình của nó, nó còn vật lộn dai dẳng với bản thân nó, hãy giúp nó. Cần đi học nước ngoài về, cần lưu ý điều này: đứng vững trên mảnh đất than bụi đầy bùn này mà ngửa mặt đón nhận thế giới. Dân tộc mình đẹp, biết sống làm người lắm. Nhân nghĩa, vị tha, hết lòng cho nhau. Không có cái đó, lạc lối ngay.

Cần gật đầu, đầy vẻ hiểu biết:

– Em không phản đối anh. Nhưng lúc này mà cứ nhấn mạnh đạo đức, e không hợp. Đói nghèo lâu quá rồi.

– Cả hai mặt đều phải đồng thời. Theo tôi – Luận dằn mạnh – đó là vì bản chất con người là một sinh thể tự nhiên – con người có nguồn gốc động vật – nhưng là một sinh thể tự nhiên tính người. Ta vừa phải thỏa mãn nhu cầu *con* và nhu cầu *người* của con người. Nhưng thỏa mãn nhu cầu *con* là để phát triển nhân cách *người*. Cuộc cách mạng của chúng ta không gì khác hơn là làm cho con người sống sung sướng về vật chất và cao đẹp về tâm hồn.

Đông cụ cựa, khó chịu vì anh nhà báo hay lý sự quá. Nhưng Luận vẫn chưa chịu thôi. Hạ giọng, Luận nhìn Cần:

– Riêng về địa hạt gia đình, cậu dẫu sao cũng là anh lính mới đó, Cần ạ.

– Tất nhiên, em sẽ luôn luôn hỏi ý kiến anh chị.

– Cậu có biết một năm ở nước ta có bao nhiêu đám cưới không? Năm mươi vạn. Tức là mỗi năm có một triệu thanh niên bước vào cuộc sống gia đình.

Phượng ngẩng lên, ngạc nhiên thích thú về thông tin Luận vừa truyền đạt.

Đông quay ngang, như ông chủ tọa cuộc họp:

– Cô Phượng có ý kiến gì về việc cậu Cần không?

Phượng khe khẽ:

– Mồng hai Tết, chỉ sợ không báo kịp cho chị Hoài, Chị Hoài viết thư có dặn...

– Không lo! – Cần đứng dậy – Em sẽ mượn xe máy, sáng mai mồng một Tết về đèo chị Hoài lên.

Đông gật:

– Được đấy. Nhân thể cậu chuyển lá thư Nông trường họ gửi cho cô Cừ, bảo cô ấy đọc xem họ nói gì. Rồi bàn với chị Hoài luôn. Tôi chắc, họ gọi cô ấy về nông trường.

Chị Hoài lên! Mắt Phượng và mắt bé Nga cùng lóe sáng. Chị Hoài! Một năm qua, đó là khuôn mặt Phượng lưu giữ lâu nhất trong tâm ức. *"Bao giờ cậu Cần cưới vợ, cô Phượng ở cữ, cô Lý về, nhớ điện cho tôi lên"*. Chị Hoài viết vậy. Bao giờ Lý về? Lý có về không? Tưởng như bóng hình Lý vẫn còn lẩn quất đâu đây, giữa câu chuyện của mọi người, trong đáy mắt âu sầu của Đông, trong khắc khoải của Luận, trong giấc mơ của Phượng, trong đón chờ vô tư của bé Nga.

Giá mà Lý bỗng hiện ra. Lý sẽ đứng ra điều khiển lo toan cho cái đám cưới mồng hai Tết của Cần và Vân. Sẽ vui lắm. Sẽ mừng lắm. Mừng cho một trong năm mươi vạn gia đình hàng năm hình thành. Gia đình, cái hình thái kết hợp lạ nhất của loài người, nơi thu nhỏ của đời sống xã hội, rồi đây sẽ có nhiều sắc thái mới mẻ trong các mối quan hệ, nhưng ước mong yên vui cho mọi gia đình sẽ là ước mong muôn thuở. Mong cho con người mỗi ngày một phong phú về cá tính, được phát triển trong một môi trường lành mạnh,

thuận lợi, ngày một giỏi giang, một tốt đẹp lên, dẫu còn gian nan, nhọc nhằn, dẫu kẻ thù còn độc ác bạo tàn, kế hiểm mưu sâu.

Đông quyết định chờ Cần đi đón Vân về rồi cả nhà mới ăn cỗ.

Cái Nga níu vai Phượng, ríu rít:

– Mẹ ơi, con với mẹ đi gieo hạt mướp đi.

Hai mẹ con ra vườn.

Lát sau, gieo xong mướp, cái Nga vào nhà. Phượng đi sau con. Nhưng Phượng phải dừng lại ở cửa buồng vì bỗng nghe thấy tiếng Đông dóng to lên như nổi nóng rồi sau đó là tiếng Luận khẽ khàng, kín đáo:

– Anh đừng nên bất công với chính anh. Chỉ cần con người có khuynh hướng trở về với cái thiện là ta phải giơ tay ra đón nó. Nhất là người đó là của mình. Cái xấu nhiều khi là ngẫu nhiên. Con người, chứ không phải là gì trừu tượng... Phải tha thứ, như xí nghiệp người ta đã xóa bỏ dự định sa thải chị ấy ấy. Trong việc này, ta chưa có thói quen, tha thứ sai lầm của phụ nữ, xem ra có vẻ khó. Nhưng, anh thì em tin anh vượt được cái khó này. Em tin cả chị ấy.

Thư chị ấy nói: *Thà em chịu cái khổ, cái buồn ở nhà còn hơn sống như hiện nay*. Đó là chị ấy nói sự thật. Anh đừng chấp; cũng không nên tự ái. Sống ở đây, chị ấy chưa thỏa mãn đâu. Nhưng, ít ra chị ấy cũng thấy ra chân lý: sống đẹp đạo đức vững vàng, sung sướng hơn sống vô luân. Buông thả mãi rồi cũng chán, anh ạ...

Phượng run hết chân tay. Hóa ra có thư của Lý thật. Và hai người đàn ông có điều cần bàn bạc riêng nên vẫn giấu chị.

Luận đang thuyết phục Đông, thuyết phục bằng tất cả tâm hồn và lòng nhiệt thành. Đông sẽ phản ứng? Đông sẽ nói gì!

Không, Luận vẫn nói, thôi thúc:

– Anh đồng ý, em ra Bờ Hồ đánh điện khẩn cho chị ấy ra ngay bây giờ.

Im lặng, lần này mới thật nghẹt thở. Tim Phượng nén chặt, cơ hồ nó sẽ vỡ mất. Cầu cho Đông đồng ý. Anh Đông, anh gật đầu đi. Anh Đông, hay anh nói: "Mặc cậu! Tùy cậu!" cũng được. Bản chất chiến sĩ cao thượng và kinh nghiệm đời sẽ gạt đi cái khó để anh giải quyết thỏa đáng, đúng đắn sự kiện này. Chị Lý hoàn toàn có

thể trở nên một người tốt. Anh Luận, ra bưu điện ngay đi, không em ăn cỗ đêm nay không ngon, không cái tết này sẽ mất vui, không em sẽ thương, sẽ lo, mãi mãi đau đáu trong lòng.

Chợt, Phượng giật thót mình. Một chùm lá nhãn già rụng, rơi sượt qua người Phượng. Phượng chợt nhớ tới lời ông Bằng nói về Cừ khi ông hấp hối. Mùa rụng lá trong vườn cây sắp qua, tuy vẻ tiêu điều của nó thì còn ở lại trên cây một thời gian lâu nữa. Vẻ sầu thương của cảnh quan cũng như khía cạnh bi đát của cuộc sống là hiện thực và dễ hiểu, nhưng hình như con người luôn luôn muốn phủ nhận chúng, muốn chế ngự chúng và bao giờ con người cũng muốn, cũng cần giữ tư thế chủ động, vươn tới, đạt được sự hợp lý, hài hòa, dầu có phải chịu bao nhiêu khó nhọc.

Cái Nga bỗng ló ra cửa, thất thanh:

– Mẹ ơi, mẹ đâu rồi?

Một lần nữa, Phượng giật mình. Bé Nga ập vào chị, thủ thỉ: "Mẹ ơi, có phải bác Lý bác ấy làm sao phải không, mẹ? Bố với bác Đông lên gác rồi. Con thấy bác Đông không nói gì, nhưng bác ấy khóc, mẹ ạ".

Chính lúc ấy Phượng cũng ứa nước mắt. Phượng thương tất cả mọi người.

Năm 1985

HOÀNG NGỌC HÀ
(Sinh 1936)

Sinh ngày 1-1-1936 tại quê xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, Nghệ An.

Nhà văn tốt nghiệp Đại học Kinh tế Kế hoạch, từng là cán bộ Đoàn, thường vụ Thành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Hà Nội, từng giữ chức Giám đốc NXB Hà Nội.

Là người say mê văn học từ thuở thiếu thời nhưng cuộc đời lại gắn liền với hoạt động đoàn thể nên bà đến với văn chương hơi muộn màng. Năm 1989, khi về làm việc tại nhà xuất bản Hà Nội, nhà văn mới thực hiện ước mơ viết văn của mình. Nhà văn đã được tặng giải C của tạp chí Tác phẩm mới (1995) cho truyện ngắn Chị và em.

Tác phẩm đã xuất bản hầu hết là tiểu thuyết:

Chuyện tình của người mẹ (1990), ***Hoàng hôn buồn*** *(1991), Lệ đắng (1992), Nắng lạnh (1992), Hoa nước mắt (1993), Tia nắng mong manh (1994), Nỗi buồn lặng im (1995)...*

*

HOÀNG HÔN BUỒN

(tiểu thuyết)

PHẦN I

1.

Ấy Dạ là một xóm quý tộc thuộc dòng Tuy Lý Vương. Vào những năm ba mươi thế kỷ này, ở đây vừa mang dáng nét của một làng quê trù phú, vừa có sắc diện của một thị trấn tĩnh mịch.

Những tòa nhà cổ, nhà ngang dãy dọc, mái ngói thấp lè tè, cửa sổ bé tí teo, những dãy tường hoa bao bọc các khu vườn um tùm cây cối. Xen lẫn với những biệt thự kiểu Pháp xinh đẹp duyên dáng, cùng với những vườn cây xanh rợp mát, bồn hoa rực rỡ, có những dãy hàng rào sắt thanh mảnh bao quanh.

Ven bờ sông Hương có một tòa biệt thự lớn, đó là nhà của bác sĩ Hoàng Đức San. Ông học ở Pháp về. Vợ ông là bà Thục Hiền, cháu ngoại Tuy Lý Vương.

Vào năm 1940, ông khoảng bá mươi hai, bà cũng đã ba mươi. Hai ông bà có hai con trai và một bé gái. Cậu Hỷ lên tám, cậu Hân lên sáu và bé Thanh vừa đầy tuổi tôi. Đó là một gia đình hạnh phúc.

Cùng ở trong tòa nhà đó có gia đình ông Hoàng Đức Kỳ, em ruột ông San. Ông Kỳ vừa được bổ nhiệm vào ngạch tham tá tại tòa Khâm Huế. Vợ ông là bà Thanh Cầm, một thiếu phụ hai mươi lăm tuổi rất xinh đẹp. Bà là cô giáo trường nữ học Đồng Khánh. Họ có cô con gái lên ba thật kháu khỉnh tên là Lệ Ngọc, và một cậu con trai lên một, tên là Hưng.

Cô bé Ngọc là "cục cưng" của cả hai gia đình, bởi bé hiếu động, thông minh nhưng lại rất ngoan.

Gia đình ông Kỳ bề ngoài thật đẹp đôi, cư xử thật đúng mực, nhưng hình như hai vợ chồng trẻ này không đầm ấm như gia đình người anh. Hai vợ chồng ở hai phòng riêng. Căn phòng thứ ba là của bé Ngọc, cu Hưng và chị vú.

Còn ông San thì hai ông bà ở chung một phòng, một phòng dành riêng để ông San làm việc. Căn phòng lớn dành cho tất cả lũ trẻ và chị vú.

Còn phòng khách và phòng ăn, cả hai gia đình dùng chung.

Toàn bộ dãy nhà ngang là phòng ở của những người giúp việc, nhà bếp với các công trình vệ sinh.

Nhà có một khu vườn rộng, phía trước toàn trồng hoa, phía sau là vườn cây ăn quả, thoai thoải chạy dài tận bờ sông. Ở đó có bến lát toàn đá xanh, những tảng đá rộng và phẳng. Về mùa hè đếm được mười hai bậc. Còn về mùa lũ có khi nước lên tận mé vườn.

Chiều hôm ấy, ông San ngồi nói chuyện với ông Kỳ trong vườn. Bữa cơm chiều đang được bà Thục Hiền đích thân coi sóc sao cho nhà bếp chế biến món ăn đúng với khẩu vị, vừa thanh tao theo lối Huế, vừa đậm đà của xứ Nghệ.

Ông Kỳ nói giọng trầm trầm:

– Anh ạ, Phạm Văn sắp đi Pháp. Anh ấy thi điểm cao lắm nên được cấp học bổng.

Ông San gật đầu:

– Một người đàn ông có trí tuệ và có cá tính.

– Và tài hoa nữa! – Kỳ thở dài nói thêm.

Mấy cây hồng bạch, hoa nở rộ. Những đóa hoa về chiều đã xòe cánh hết cỡ. Gió thoảng nhẹ cánh hoa rụng lả tả xuống luống cỏ, tưởng như những bông nắng còn trốn lại chưa chịu lặn cùng mặt trời đã khuất sau rặng núi.

Giọng ông Kỳ trầm hẳn xuống:

– Giờ này mà Cầm vẫn chưa về!

Ông San im lặng, ông biết lúc này có lẽ Cầm đang tranh thủ những giờ cuối cùng để tâm tình với Phạm Văn, có lẽ họ đang dạo chơi trong vườn hoa dọc ven bờ sông Hương. Ông hiểu người em dâu xinh đẹp, nết na của mình. Cô ấy đã cố gắng hết sức mình để sống trọn nghĩa với Kỳ, em trai ông, người chồng mà cô đã tự nguyện gắn kết cuộc đời vì sự hợp lý chứ không phải vì tình yêu.

... Kỳ và Văn là bạn học với nhau ở trường Albert Sarraut. Hai người không thân nhau vì cá tính rất khác nhau. Phạm Văn sống trầm lặng, tiết kiệm và học giỏi. Còn Đức Kỳ thì đẹp trai, học hành lơ là và ái tình lãng mạn. Tuy vậy Kỳ thông minh nên cả hai đều đỗ tú tài cùng một khóa.

Thanh Cầm học trung học ở Đồng Khánh – Huế. Trong một kỳ nghỉ hè cô ra Hà Nội ở chơi nhà người chị ruột là bà Thanh Hải vợ ông Đôn làm dược sĩ cao cấp. Ở đó cô đã gặp Phạm Văn và lập tức họ chú ý đến nhau. Khi Cầm trở về Huế, Phạm Văn đã gửi cho cô những bài thơ tình và anh cũng nhận được những bài thơ họa lại. Thế là họ yêu nhau.

Gia đình Phạm Văn ở nông thôn nên muốn anh lấy vợ nhà quê để giúp các cụ cai quản ruộng vườn bởi anh là con trai trưởng. Anh nhất quyết từ chối, song gia đình cứ tổ chức cưới, mặc dù anh không chịu về. Đám cưới không có chú rể. Nhưng dù sao anh cũng đã là người có vợ!

Thanh Cầm nghe được tin ấy, cô choáng váng đau khổ và oán giận anh vô cùng.

Đức Kỳ thì say mê một cô Hoa kiều rất đẹp, nhưng gia đình không cho lấy. Bởi gia đình gia giáo không ai đi lấy người ngoại bang. Gia đình quyết định đi hỏi vợ cho Kỳ. Nhờ có sự mai mối nên gia đình Kỳ đã đi hỏi Thanh Cầm cho cậu tú Kỳ.

Trong tâm trạng thất vọng, bất lực trước những lễ giáo phong kiến. Cả hai người đồng ý tổ chức lễ cưới. Vả chăng đây là một cuộc hôn nhân tương xứng mọi bề. Họ đều đẹp đẽ, có học vấn và môn đăng hộ đối. Gia đình Thanh Cầm là viên chức Sở công sứ, lại còn buôn bán khá giàu có. Còn ông cụ thân sinh ra Kỳ đã đỗ tiến sĩ và là quan Tổng đốc của tỉnh.

Đám cưới thật linh đình. Các quan khách sang trọng trong tỉnh đều đến dự. Cả tỉnh trầm trồ về sự danh giá của hai gia đình và thán phục sắc đẹp của cô dâu.

Nếu nhìn bức ảnh cưới, bây giờ treo ở phòng khách thì thấy nét mặt rạng rỡ hạnh phúc của đôi vợ chồng trẻ hồi ấy. Vậy mà ngay đêm tân hôn, lúc hai người vào với nhau trong căn phòng cưới sang trọng, họ chợt thấy bẽ bàng! Họ không thể gọi nhau bằng tiếng "Anh và em" được – Mặc dù Kỳ hơn Cầm năm tuổi.

Trên chiếc giường Hồng Công bằng đồng mạ bạc, sáng lóng lánh, trải nệm trắng tinh, với đôi gối thêu loan – phượng thật tinh xảo. Màn tuyn mua tận bên Pháp trắng mỏng như sương dăng... Hai người nằm cách xa nhau tận mép giường, mắt đăm đăm nhìn trần nhà, không ai nói gì. Yên lặng hồi lâu, tưởng chừng như cả cuộc đời đã trôi qua đến ngày tận cùng!

Kỳ hỏi trống không bằng tiếng Pháp:

– Có ân hận vì lấy mình không?

Cầm thở dài nói trong nước mắt:

– Một quyết định sai lầm!

Hai người quay lưng với nhau, mỗi người thả hồn bay theo hình bóng tình yêu của mình. Rồi họ ngủ thiếp đi chẳng màng đến nhau!

Từ bấy đến nay, năm năm đã trôi qua, họ đã có hai con với nhau. Cô gái đầu lòng lên ba, có cái tên đẹp và buồn: Lệ Ngọc – Giọt nước mắt trong veo!

...

Ông San nhìn em trai, ông hiểu nỗi bồn chồn pha lẫn ghen tuông của Kỳ. Ông nói nhẹ nhàng:

– Sống có nghĩa với nhau là đáng trọng lắm. Anh rất tôn trọng nhân cách của Phạm Văn.

Kỳ nói lúng túng:

– Em chỉ lo Cầm về một mình, mà trời thì tối rồi!

– Đừng lo, sắp về rồi đấy. Thôi ta vào nhà đi!

Cứ mỗi khi chiều buông xuống mà mẹ chưa về là bé Ngọc lại muốn khóc: "Mạ ơi, sao mạ chưa về?". Chị vú dẫn Ngọc ra bờ sông ngồi hóng mát và cũng là để Ngọc không đòi mẹ nữa.

Dòng sông Hương vời vợi tiếng hò đò đưa làm khắc khoải lòng người:

Chiều chiều trước bến Văn Lâu
Ai ngồi, ai câu, ai sầu, ai thảm
Ai thương, ai cảm, ai nhớ, ai trông
Thuyền ai đậu bến sông Hương
Buông câu mái đẩy, chạnh tình nước non!

Tiếng hò vang vang lan tỏa khắp dòng sông, dìu dặt dắt tâm hồn thơ ấu của bé Ngọc đi vào cõi mộng huyền thoại. Em thổn thức gục đầu vào lòng vú, rồi em ngước nhìn đôi mắt buồn của vú đang hướng nhìn xa xăm về phía núi Ngự Bình.

Em hỏi nhỏ:

– Vú ơi, sao vú buồn thế?

– Vú nhớ cu Sáo của vú ở quê.

– Cu Sáo lớn chưa hả vú?

– Sáo cũng bằng tuổi em đấy, bé Ngọc của vú ạ.

– Vú cho Sáo lên đây chơi với em.

Trong lòng bé Ngọc cồn cào một tình yêu thằng cu Sáo ấy. Bởi thằng cu ấy nhất định phải vui và hiền như vú. Mà Ngọc thì yêu vú nhất nhà.

Vú nói giọng buồn buồn:

– Vú cũng muốn đưa Sáo lên chơi lắm, nhưng mà vú đi ở, thì làm sao đem con theo được?

– Mai em xin mạ cho Sáo lên vú nhé!

– Ấy đừng! Bà sẽ mắng vú đấy!

– Mạ không mắng đâu, vú đừng lo.

– Bé Ngọc ngoan! Em phải hứa với vú là không nói gì với bà, nghe chưa em?

Vú bế Ngọc lên lòng, ru hời giọng não nề:

Con chim buồn, con chim bay vô núi,
Con cá buồn, con cá chúi xuống sông,
Anh buồn, anh uống chén rượu nồng,
Em buồn, em ăn miếng trầu không giải buồn!

Bé Ngọc ôm chặt lấy vú, mắt nhòa ướt đẫm, em cảm thấy thổn thức một nỗi buồn lạ lùng, càng buồn lại càng thấy yêu và nhớ mông lung. Em yêu mạ, yêu vú, yêu thằng cu Sáo, một thằng bé quê nào đó mà cả đời em chưa biết mặt.

Bỗng có tiếng xe kéo nghiến sỏi lạo xạo trước sân. Ngọc buông vội vú ra, co chân chạy lao ra cổng.

Bà Thanh Cầm thanh mảnh trong tà áo dài màu thiên thanh, bước xuống xe, Ngọc nhào chúi vào lòng mẹ, em khóc nức nở.

– Mạ ơi, sao mạ về muộn thế!

Thanh Cầm ngồi thụt xuống áp mặt vào ngực con, nàng khóc nghẹn ngào: "Trời ơi, sao tôi khổ thế này!". Nàng khóc vì nỗi đau đớn chia ly, mà có lẽ là cuộc vĩnh biệt với tình yêu mãi mãi: "Phạm Văn của em, mà không phải của em". Nàng nấc lên mà nỗi chua xót vẫn không sao thoát ra được.

Bé Ngọc cũng khóc nhưng vì những xốn xang trong lòng. Cô bé cảm thấy yêu tất cả mọi người, mà không biết làm sao để có thể yêu tất cả, tất cả...

2.

Cô giáo Thanh Cầm nổi tiếng, không chỉ vì sắc đẹp lộng lẫy, mà còn được mọi người hâm mộ vì cô dạy học sinh rất giỏi. Các bậc cha mẹ yên lòng thấy con cái mình chăm chỉ, ngoan ngoãn và rất thích đi học. Đó là điều lạ ở một trường kỷ luật nghiêm ngặt.

Lệ Ngọc lên năm đã được mẹ xin cho vào học cours Enfantin (như lớp vỡ lòng). Bé đi học sớm một tuổi.

Từ đó bé không được luôn luôn ở gần vú nữa. Vú bận bế ẵm chăm sóc thằng Hưng, em trai của Ngọc.

Ngọc đi học về tha thẩn chơi với hai người anh, con trai của bác San. Anh Hỷ hơn Ngọc năm tuổi, anh Hân hơn Ngọc ba tuổi. Tuy vậy Ngọc rất thân với hai anh. Cô bé tuy nhỏ mà nhanh nhẹn, còn hai anh thì hiền lành lại cận thị nữa. Nhưng mà Ngọc thì sùng bái hai ông anh ấy lắm. Các anh đã học đến lớp Nhất với lớp Nhì. Các anh đọc sách nhiều và kể chuyện rất hay.

Ngọc yêu hai anh lắm, yêu thật sự đấy! Cứ đi học về nhà, trước tiên là tìm hai anh để kể chuyện ở trường. Những chuyện linh tinh, vậy mà cả hai anh đều chăm chú lắng nghe.

– Các anh biết không? Hôm nay ở cửa sổ lớp em, có một con chim sâu cứ chăm chú nhìn em học nhé!

Hỷ mỉm cười độ lượng về sự bịa đặt ấy. Còn Hân hỏi lại một cách nghi ngờ:

– Chim sâu mà đứng ở cửa sổ thì anh không tin.

– Nhưng mà nó đậu ở cành cây táo gần cửa sổ lớp em. Nó cúi xuống nhìn em, thật mà!

Hân lại bảo:

– Thế là nó cúi xuống tìm sâu đấy, chứ nó nhìn em mà làm gì? Chim sâu nó sợ người.

Ngọc phụng phịu:

– Nhưng con chim sâu ấy nó yêu em, nó không sợ em đâu.

– Tại sao? – Hân hỏi vặn lại.

– Tại em bắt sâu cho nó ăn. Em bắt bao nhiêu! Để trên lá cho nó.

Cả hai cậu con trai gật gù đã có vẻ tin. Thanh Cầm chợt đi vào nghe được cuộc trò chuyện đó, nàng hiểu vì sao hôm nay con gái bị điểm kém. Nàng hỏi Ngọc:

– Thế ra vì con mải nhìn chim sâu, cho nên giờ Pháp văn con không trả lời được cô giáo phải không?

Ngọc "quên" chưa kể cho hai anh nghe về việc mình bị phạt đứng úp mặt vào tường.

Thanh Cầm hỏi hai cậu con trai:

– Hôm nay cháu Hỷ, cháu Hân học được mấy điểm?

Hỷ rạng rỡ khoe ngay:

– Cháu được mười điểm toán, mười điểm Pháp văn.

– Cháu cũng thế! – Hân tự hào nói vậy.

Thanh Cầm quay sang bảo với con gái:

– Thấy xấu hổ chưa Ngọc? Em của hai anh mà mình thì lại học dốt! Mạ buồn về con gái của mạ lắm!

Ngọc cũng buồn, bởi hai anh đều nhìn Ngọc buồn bã. Ngọc cảm thấy mình có lỗi thật sự.

Tuy vậy đến cuối năm học ấy Ngọc cũng được nhận phần thưởng danh dự, bởi em là một học sinh thông minh và rất ngoan nữa. Chỉ hay đãng trí thôi!

Nghỉ hè! Đó là những ngày hạnh phúc tràn trề của ba anh em.

Sáng tinh mơ, khi trời còn mờ mờ tối, mà mặt sông thì lại rạng ngời lấp lánh. Ngoài vườn tiếng chim ríu ran vui vẻ chuyền cành. Ngọc rón rén bò khỏi giường, vú không biết được, vì giường vú kê sát giường cu Hưng. Còn giường Ngọc kê gần cửa. Cô bé mặc nguyên chiếc váy ngủ hồng, nhón chân đến phòng các anh gõ nhè nhẹ, thì thào gọi:

– Dậy, dậy, sáng rồi!

Hai cậu con trai khe khẽ mở cửa sổ, mặc nguyên may-ô, quần đùi trèo cửa sổ nhảy ra vườn. Cả ba lủi nhanh ra bờ sông chơi.

Sương mai ướt đẫm cả đầu và áo, khoái nhất là được đi chân đất, suốt ngày lúc nào cũng phải đi dép rất vướng.

Chim tu hú từ cồn Hến lảnh lót thiết tha kêu. Bên cồn, vòm cây xanh thẫm ẩn hiện đầy bí ẩn. Làn khói xám lượn lờ trên các mái tranh lấp ló sau rặng cây. Làng chài đang luộc hến để lát nữa đem lên chợ bán. Hến là món ăn của người nghèo, cả ba đứa chưa bao giờ được ăn, vì người lớn sợ mất vệ sinh. Một hôm, vú đã mua một bát cơm hến để ăn riêng, ba đứa nhón tay bốc ăn vụng, thấy thật là ngon! Niềm ao ước của ba anh em là tập bơi thật giỏi, để lúc nào đó bơi sang cồn Hến, tha hồ ăn hến thỏa thích thì thôi.

Hôm ấy ba đứa dò dẫm ra vườn, Ngọc dẫn đầu, cô bé mắt to tinh như mắt mèo, còn hai cậu con trai đã cận thị lại không mang kính nên phải lần theo sau. Thường các buổi sáng lũ chim con ra ràng, theo chim bố mẹ ra đầu cành tập bay chập choạng và hay bị rơi xuống đất. Ngọc mắt tinh nhìn thấy ngay, cô bé vồ được con nào thì giao cho các anh ôm giữ trong lòng bàn tay.

Nhưng hôm đó Ngọc lại nhìn thấy dưới gốc cây bốn quả trứng bé như trứng chim sáo. Lạ quá!

– Hai anh ơi, chim đẻ trứng dưới gốc cây đây này.

Hỷ quỳ xuống xem xét, cau mày suy nghĩ:

– Chim gì lại đẻ trứng dưới đất nhỉ?

Hân nhận xét:

– Lũ chim này lười quá, không chịu làm tổ.

Ngọc vừa nhặt trứng bỏ vào vạt váy, vừa nói:

– Không phải lười đâu, chắc là chim mẹ sợ chim con ngã, nên đào hốc cây làm tổ.

Cả ba anh em trở về phòng, tìm một cái hộp, lấy chiếc tất lót vào, rồi bỏ bốn quả trứng vào đấy, lấy cái mùi xoa phủ lên, đặt dưới cây đèn ngủ để sưởi ấm. Việc ấp bốn quả trứng ấy là niềm vui suốt ngày của ba đứa bé. Chúng bàn chuyện làm lồng chim, rồi lo lắng việc sẽ cho chim con ăn như thế nào?

Nhưng chỉ đến ngày hôm sau là chúng đã quên bẵng ngay bốn quả trứng ấy, để lao vào trò chơi mới. Trò đi câu cá mương, hay trò đi bắt ve ve. Nhưng mà trò chơi không bao giờ chán được là nhảy

xuống sông ngụp lặn. Ông bà San biết lũ trẻ con thường trốn đi bơi không có người lớn, mà chẳng thể cấm được. Bởi vậy đã cho làm một cái vòng quây, như cái đăng cá ở bến sông. Trẻ con được phép bơi trong phạm vi đó. Lũ trẻ thì chẳng cần học cũng biết bơi theo bản năng như chó bơi vậy! Hai cậu con trai bơi giỏi, còn bé Ngọc thì chân tay khua lung tung, bập bềnh chìm nổi như quả bưởi.

Bơi chán chê rồi lũ trẻ lại leo lên cây, mỗi đứa ngồi cheo leo vắt vẻo trên một cây, như lũ khỉ con, nhòm sang vườn hàng xóm réo gọi lũ bạn.

Một buổi sáng khi chúng đang ngồi trên cây, bỗng nghe trong nhà hét thất thanh, cả ba tụt xuống, vội vàng chạy vào nhà. Trong phòng ngủ của hai cậu con trai, trên giường có bốn con rắn hổ mang bé tí tẹo như chiếc đũa con đang ngọ nguậy.

Bà Thục Hiền biết tội này là do lũ trẻ con. Bà cầm cây roi quát hai cậu con trai:

– Có phải hai thằng "giặc" này bắt rắn vào nhà chơi không?

Bà đét mạnh roi xuống thành giường: Vút, vút!

Hai cậu ấm sợ dúm lại, tay vội vã che đít, mắt ngước nhìn mẹ, mà miệng thì ríu cả lưỡi không nói được. Thanh Cầm nhìn mấy con rắn, rùng mình rền rĩ:

– Khiếp quá!

Ngọc ngước đôi mắt trong sáng nhìn bác gái, nhìn mẹ, cô bé không thể hiểu được tại sao bốn con rắn xinh thế mà cả nhà lại hãi hùng đến như vậy?

Cô bé vội vã chạy tìm cái hộp giấy để bốn quả trứng chim hôm nọ, trong hộp chỉ còn một nhúm vỏ trứng. Nó cầm chiếc hộp đến trước bác gái, rồi vui vẻ nói:

– Thưa bác, không phải các anh bắt rắn đâu, đó là bốn quả trứng chim, lại nở ra bốn con rắn đấy ạ.

Bác Thục Hiền càng quát to hơn:

– Đứa nào đầu têu trò ấp trứng rắn này? Có phải cái thằng anh to đầu này không?

Hỷ vẫn đứng im, lúc này cậu mới vỡ nhẽ, trứng ấy là trứng rắn. Đôi mắt vẫn thất thần vì sợ.

Ngọc thấy bác mắng oan các anh quá, liền thưa:

– Thưa bác, cháu "đầu têu" ạ. Cháu nhặt trứng này dưới gốc cây. Các anh cận thị chẳng nhìn thấy đâu. Các anh chỉ tìm hộp với bật đèn sưởi thôi.

Bác Hiền vẫn không tha tội cho lũ trẻ, bác vẫn bắt hai cậu con trai nằm xuống giường để đét đít.

Ngọc cũng lũn cũn đến nằm bên cạnh hai anh để xin chịu đòn.

Thanh Cầm vội nói hoảng hốt:

– Để bắt mấy con rắn lại đã.

Chị vú gạt bốn con rắn vào cái hộp giấy.

Trong lúc hai cậu con trai rùng mình chờ đòn thì Ngọc hé mắt nhìn bác, chờ đợi xem bị đòn thì như thế nào? Từ bé Ngọc chưa bị đánh đòn bao giờ cả. Lần này được cùng nằm chờ bị đánh đòn với hai anh, em cảm thấy mình cũng lớn bằng các anh.

Vậy mà bác gái chỉ vút cho mỗi anh một roi, còn đến lượt Ngọc thì bác lại nói:

– Bé Ngọc bác tha cho, vì con đã tự nhận lỗi rồi!

Quả thật là bác gái đã coi thường Ngọc quá chừng!

Khi lồm cồm bò dậy, Ngọc hỏi nhỏ hai anh:

– Đánh thế có đau không?

Hỷ im lặng, Hân nói giọng thản nhiên:

– Ăn thua gì! Có hôm anh bị những ba roi kia.

Thanh Cầm ngạc nhiên nhìn vẻ mặt đầy thất vọng của con gái vì không "được" đánh đòn.

Vú bảo với lũ trẻ:

– Dẫn vú ra gốc cây ấy để vú trả lại con cho rắn, nếu không thì rắn mẹ sẽ trả thù đấy.

"Rắn mà biết trả thù. Lạ nhỉ!". Ngọc nghĩ. Ngọc dẫn đầu, hai chân thoăn thoắt chạy trước, vú cầm cái hộp đựng rắn đi theo, đằng sau hai cậu bé đã kịp mang kính chạy theo ra, đến gốc cây xoài, Ngọc ngồi thụp xuống, hai bàn tay bé xíu nhặt lá khô vứt ra, bên

dưới lộ ra một cái hốc nhỏ. Vú đổ bốn con rắn cùng với vỏ trứng vào đấy rồi lấy lá khô đậy lại. Vú lầm rầm khấn khứa.

Ba đứa trẻ, hai tay chắp lại như đi lễ chùa.

Thủ tục thả rắn thật là nghiêm trang! Ba đứa trẻ thích thú đến nghẹn thở vì trò chơi mới lạ này.

Trong nhà bà Thục Hiền nói với Thanh Cầm:

– Con bé Ngọc của thím đáng yêu quá! Cứ nhìn cái mông nó ngọ nguậy mà mình muốn bật cười.

Thanh Cầm tủm tỉm cười với chị dâu:

– Chị không cho nó một roi, xem ra nó lại buồn đấy!

Bà Thục Hiền vừa đi vừa cười, lắc lắc đầu:

– Con bé thật ngộ quá!

Bé Ngọc là lẽ sống, là niềm vui của Thanh Cầm, là sự điều hòa không khí ngượng ngập giữa hai vợ chồng.

Có những đêm thao thức một mình trong phòng riêng. Tiếng hò mái đẩy da diết lan tỏa khắp mặt sông, hòa vào ánh trăng tràn qua cửa sổ. Ánh sáng xanh huyền ảo, cùng tiếng hò ngân trong suốt, đã dẫn nàng ra ngồi ngoài bến sông. Nước mắt cứ trào ra, trào mãi! Cảnh vật huyền diệu nhường này, mà sao cuộc đời lại cô đơn đau khổ đến thế!

Nhìn trăng, nàng khắc khoải nhớ đến Phạm Văn, một nỗi nhớ nhức nhối tan nát cõi lòng.

Nếu không có bé Ngọc có lẽ nàng đã...

Nhìn dòng sông, nước lặng lờ thẫm tối, nàng rùng mình.

Bé Ngọc, sợi dây mảnh mai đã níu giữ nàng với cuộc đời này, đã chiếu rạng những tia nắng vui lấp lánh vào cuộc sống lạnh lẽo của nàng.

3.

– Bác Thơ, Bác Thơ!

Cả nhà reo mừng, bé Ngọc chạy xô ra trước, lao vào hai cánh tay dang rộng của bác, ôm cổ và hôn lia lịa lên mặt lên mũi bác.

Bác Thơ ôm xiết cô bé, bế bổng lên, hai giọt nước mắt cảm động lăn trên đôi má gầy, đôi mắt trầm tĩnh u buồn bỗng lóe lên một tia vui sướng:

– Hòn Ngọc của bác, niềm vui của bác!

Tình yêu của người bác già với cô cháu bé thật lạ lùng. Bác Thơ yêu cháu gái hơn con đẻ của mình. Và bé Ngọc gắn bó với bác hơn cả với cha đẻ. Đến nỗi giữa hai bác cháu có mối thần giao cách cảm. Có lần Ngọc bị sốt cao, mê sảng ở Huế, thì bác Thơ ở Vinh bồn chồn lo âu, bác phải đánh điện hỏi ngay: "Ngọc có khỏe không?"

Người ta bảo tuổi hai bác cháu hợp nhau, nhưng có lẽ đúng hơn cả là vì bác Thơ không có hạnh phúc gia đình.

Bác gái là một phụ nữ nông dân rất tốt, do gia đình cưới cho từ lúc mười một, mười hai tuổi. Bà là người nhân hậu, đức độ nhưng mà đơn sơ, cam chịu. Còn ông thì lại là một giáo sư trường quốc học Vinh, nổi tiếng dạy giỏi và còn là một nhà thơ tài hoa. Hai ông bà chỉ có một người con trai duy nhất. Họ hầu như không chung sống với nhau. Bà ở quê trông nom ruộng vườn. Ông ở thành phố. Tuy vậy ông không bỏ vợ mà cũng chẳng cưới vợ hai. Ông là con trưởng và là cây cột cái của toàn đại gia đình. Sau khi cụ Nghè mất đi, ông phải dạy dỗ, dìu dắt cả lũ em học hành và hướng dẫn vào đời. Ông xây dựng gia đình cho mỗi đứa em, và rồi phải hàn gắn mỗi khi có rạn nứt của từng gia đình. Bởi vậy ông đành hy sinh hạnh phúc riêng để giữ sự ổn định cho cả đại gia đình.

Ông Thơ đến thăm gia đình nào là ở đấy bừng lên niềm vui ấm áp.

Hai bà em dâu rối rít, người chạy đi bưng đến chậu nước rửa mặt, người đi cất mũ, ba-toong, rồi lại sai bảo anh bếp đi chợ, chị sen dọn phòng nghỉ...

Ông Thơ bế đặt bé Ngọc xuống đất, ôm choàng vai hai người em trai, nói đùa với hai cô em dâu:

– Nào, hai chú ấy có tội lỗi gì, các thím khai cho tôi biết!

Bà Thục Hiền vui vẻ nói:

– Sao nghỉ hè một tháng rồi, mà bây giờ anh mới vào với chúng em? Mong quá là mong!

– Cũng phải về quê mấy ngày, lo tu bổ nhà thờ họ, thăm mộ thầy mẹ nữa.

Kỳ hỏi một cách vô tình:

– Chị có khỏe không!

– Bà ấy thì có ốm bao giờ! – Ông Thơ sa sầm mặt, đáp.

Ông San kéo anh vào phòng mình, cả ba anh em trai nói chuyện hàn huyên suốt buổi sáng chủ nhật. Hai cô em dâu chuẩn bị bữa tiệc trưa với tất cả tài khéo léo nội trợ của con gái Huế.

Bữa cơm thật vui vẻ, ông Thơ pha trò hóm hỉnh đến nỗi bà Thục Hiền và Thanh Cầm phải buông bát để cười. Lũ trẻ con thì mắt sáng rực, chăm chú nhìn bác, sẵn sàng phá ra những tràng cười như pháo.

Chiều hôm ấy ông Thơ gọi Thanh Cầm ra vườn, hai anh em ngồi bên bờ sông tâm sự. Trước kia Cầm đã từng là học sinh của ông, ông rất quý cô học trò nhỏ thông minh và tinh tế này. Chính ông đã tác thành cho Kỳ và Cầm.

Hai anh em ngồi xuống chiếc ghế đá, dưới tán lá rợp mát của vườn cây. Dòng sông Hương trong xanh cứ lững lờ chảy hoài, chảy mãi. Thanh Cầm mắt đăm đăm nhìn những vẩy sáng cứ vô tình nhảy nhót lăn tăn theo vệt sóng.

Cả hai vẫn im lặng khó nói. Ông Thơ rút khói thuốc lá châm hút, rồi hỏi:

– Phạm Văn có viết thư về không?

Đôi mắt đen ngấn nước, chợt òa tuôn chảy, Cầm ôm mặt, hai vai rung lên, mái đầu lắc lắc đau khổ:

– Em đã bảo Văn đừng bao giờ viết thư nữa. Em muốn quên đi tất cả quá khứ. Thế mà em lại không thể nào quên được anh ơi! – Nàng nói nghẹn ngào trong nước mắt.

Ông Thơ im lặng rít thuốc, điếu thuốc cứ đỏ rực lên hối hả cháy, tàn thuốc bay lả tả.

Ông từ tốn nói:

– Dù sao em cũng đã có hạnh phúc là "Được yêu". Hãy giữ gìn lấy những gì đẹp đẽ của tình cảm để mà sống tốt hơn. Văn đã xử

sự đúng đắn. Dứt hẳn nhau ra như thế, để rồi quý trọng nhau suốt đời.

Cầm ngước đôi mắt đau khổ nhìn người anh chồng với ánh nhìn biết ơn vô hạn:

– Vâng, em hiểu. Em đã cố gắng để gần Kỳ, cố tìm tình cảm để yêu anh ấy. Vậy mà chúng em không thể nào yêu nhau được. Biết làm thế nào bây giờ?

Cầm thốt lên bất lực một cách đau đớn.

Ông Thơ chậm rãi nói:

– Tình yêu thì không thể nào gượng ép mà tìm được đâu. Em đừng cố gắng vô ích. Nhưng mà tình thương thì em có thể tìm được, rồi nếu hiểu được nhau, thì tình yêu có thể nảy sinh dần dần.

Cầm vân vê tà áo, nói nho nhỏ:

– Em sẽ cố gắng, em xin hứa với anh em sẽ giữ gìn gia đình êm đẹp.

– Cám ơn em! Sống nhân hậu sẽ được cuộc đời trả lại cho mình sự tốt đẹp, em ạ.

Cả hai anh em đều hiểu rằng, những điều nói ra chỉ là để tự trấn an mà thôi. Bởi sự thể đã như vậy thì đành chấp nhận vậy! Nhưng mà có được sự đồng cảm, thì sự chịu đựng cũng vơi nhẹ nỗi lòng nhức nhối.

Bỗng trong nhà nghe tiếng la hét thất thanh. Thanh Cầm hốt hoảng chạy vào. Ông Thơ lững thững bước đi chầm chậm. Ông buồn day dứt, một nỗi niềm không giải thoát được. Những tâm hồn nồng nhiệt mà phải sống trong ức chế tình cảm, thì đó là một sự đầy ải âm thầm. Ông đến với người em dâu bằng tình thương đó, chứ không phải bằng quyền thế của người anh cả trong gia đình, đòi hỏi phải gìn giữ nền nếp gia phong.

Cả nhà nhốn nháo, tất cả đều trèo lên bàn, lên ghế đứng. Những đôi mắt hãi hùng nhìn đăm đắm xuống nền nhà. Cầm vừa bước vào đã bị kéo ngay lên đứng trên bàn ăn. Ông Thơ thì trèo lên bờ lan can gạch. Hóa ra là mấy mẹ con nhà rắn kéo nhau vào nằm

khoanh giữa phòng khách. Rắn mẹ khoanh tròn, bốn rắn con nằm giữa, thản nhiên, đàng hoàng như chẳng hề có gì đe dọa cả. Anh xe đi ủng, tay cầm một cây gậy dài xua xua. Chị vú thắp hương nghi ngút khói, khấn lầm rầm. Lát sau rắn mẹ bò trước, lũ rắn con rối rít trườn theo sau ra vườn.

Hôm sau bà Thục Hiền cho mua rất nhiều tỏi rải khắp vườn. Từ đó chẳng thấy rắn đâu nữa. Người ta bảo rắn kỵ tỏi.

Câu chuyện về rắn trở thành huyền thoại trong những buổi nói chuyện râm ran giữa đám người làm, bọn trẻ con ngồi hóng chuyện, háo hức tròn mắt lắng nghe.

Chị vú nói:

– Đó là mẹ con nhà rắn vào tạ ơn chúng ta đã cứu mạng con nó đấy. Giống rắn tinh khôn thế!

Anh bếp nghiêm trang nói:

– Rắn là loài vật linh thiêng. Nó vào nhà là báo điềm phát đạt. Nhà này rồi sẽ có phúc lớn!

Anh xe quay sang dặn dò mọi người:

– Cái gốc cây rắn ở là nơi thiêng lắm, Thần rắn ngụ tại đấy. Cấm không ai được đái bậy vào đấy nhé!

Từ hôm ấy sáng nào ba đứa trẻ cũng ăn cắp ba cây hương trên bàn thờ rồi thắp cắm vào gốc cây. Bé Ngọc hái hoa cắm vào lọ mực cũ, cô bé trịnh trọng đặt lọ hoa ngay trên tổ rắn. Cả ba đứa đứng nghiêm trang chắp tay lễ. Trong đầu óc lũ trẻ thì con rắn hổ mang ấy đã được phong THẦN. Từ đấy bé Ngọc cảm thấy yêu quý loài rắn, một giống vật mà ai cũng ghê sợ. Nhưng đối với Ngọc thì đó là một con vật biết ơn nghĩa, và là điềm tốt lành cho mọi nhà nữa.

Sau bữa cơm chiều ấy, Ngọc nhận thấy một không khí khác thường. Người lớn tụ tập cả ở phòng khách. Bác Thơ ngồi ở đi-văng, bác San và ba Ngọc ngồi ở ghế xa-lông. Còn bác Thục Hiền với mạ Ngọc ngồi ở ghế mây. Tất cả đều im lặng nghe bác Thơ nói chuyện gì đó.

Ba đứa trẻ lấp ló chen nhau vào ngồi xệp trên tấm thảm. Bác Thơ bảo:

– Trẻ con ra sân chơi, để người lớn nói chuyện.

Hai cậu con trai ngoan ngoãn đứng dậy đi về phòng trẻ con. Còn Ngọc thì sán đến bên bác Thơ, chúi đầu vào lòng bác: "Ứ ừ, cháu muốn ngồi với bác cơ!"

Thanh Cầm trừng mắt:

– Ngọc! Con không ngoan rồi.

Ngọc cãi:

– Con chỉ thích ngồi với bác Thơ thôi. Con bịt tai lại không nghe chuyện của người lớn đâu.

Bác Thơ ôm Ngọc lên lòng:

– Ừ được, Ngọc ngồi đây với bác.

Cô bé vui thích ôm cổ bác Thơ hôn mãi. Cô bé biết thế của mình có chỗ dựa, mà tất cả người lớn ở nhà này đều sợ bác Thơ, chẳng ai dám trái ý của bác đâu. Nết xấu làm nũng của Ngọc ngày thường đâu có thấy? Ông Thơ nói tiếp câu chuyện:

– Chiến tranh thế giới rất dữ dội, bọn Đức đã chiếm Pháp và tấn công Nga. Ở châu Á thì bọn Nhật đã đánh chiếm gần hết Trung Hoa rồi. Tình hình chính trị gay gắt ấy đang ảnh hưởng rất lớn đến Đông Dương. Chiến tranh tất yếu sẽ lan đến chúng ta.

Thanh Cầm nhìn anh với ánh mắt háo hức:

– Em chỉ mong Nhật lật thằng Pháp đi. Dù sao thì dân châu Á cũng sẽ tôn trọng nhau hơn. Chứ thằng Pháp khinh bỉ dân An Nam. Nhục không chịu được!

Ông Thơ cau mày tỏ vẻ khó chịu, khiến cô em dâu vội im thin thít. Ông từ tốn nói:

– Thím ngây thơ lắm. Thuyết Đại Đông Á của Nhật chỉ là chiêu bài thực dân thôi. Đã đi xâm chiếm nước khác thì làm gì có sự tôn trọng đối với dân thuộc địa? Đừng hy vọng hão!

Ông San không thích chuyện chính trị, ông nói lảng sang chuyện khác:

– Đã là chiến tranh, tất sẽ có tàn phá. Vậy mà xem ra dân mình chủ quan quá. Bọn Nhật ném bom nhiều nơi rồi mà trong này chẳng ai chịu đào hầm hào gì cả. Đến cả trường học mà cũng chả có hầm hố gì hết.

Bà Thục Hiền thực tế hơn, bà góp chuyện theo cách nghĩ của bà:

– Anh Thơ ạ, em chỉ lo rồi đây thóc cao gạo kém, không hiểu rồi cuộc sống sẽ ra sao? Có lẽ rồi chi tiêu phải tiết kiệm, để còn dự trữ ít vàng, phòng khi loan lạc còn có cái mà sống chứ? Em thì chẳng cần Đức thắng hay Pháp thắng. Chẳng cần thuyết Đại Đông Á hay Tiểu Đông Á gì cả. Chỉ cầu mong sao đất nước yên hàn, cho lũ trẻ đỡ khổ.

Ông San thấy vợ nói ngang quá, ông gạt đi:

– Bà cần hay không cần thì chiến tranh vẫn là chiến tranh. Tránh làm sao được? Còn chi tiêu tiết kiệm là việc của bà. Bà phải tự liệu lấy chứ!

Ông Kỳ từ nãy đến giờ vẫn ngồi im lặng nhổ râu, lúc này ông xen vào câu chuyện một cách lạc đề:

– Thôi thì chiến tranh thì mặc nó. Có lo cũng vậy thôi. Hôm nay có anh Thơ ở đây, em muốn thưa với anh về việc sắp tới chúng em sẽ dọn nhà ở riêng. Em đã thuê được một vila nhỏ năm phòng. Ở cùng trong một khu vườn với anh Nguyễn Đào ở trên phố.

Ông Thơ lo ngại hỏi lại:

– Các em ở riêng liệu có tiện không? Tổ chức một cuộc sống riêng là vô cùng tốn kém đấy!

Ông San trầm ngâm nói:

– Em cũng bảo với Kỳ và Cầm như vậy. Nhưng mà chú thím ấy cũng muốn tự lập.

Thanh Cầm nhỏ nhẹ thưa:

– Anh chị San cưu mang chúng em đã ba năm nay rồi. Nay Kỳ đã được bổ nhiệm tham tá, em nghĩ là chúng em tự lập được. Vả lại các cháu của anh chị đã lớn cả, nhà cửa chật chội quá, em thấy thật không tiện chút nào.

Bà Thục Hiền thành thực nói:

– Thưa anh, em với Cầm đã bàn với nhau rất kỹ mọi nhẽ. Cũng phải ở riêng thôi. Dù thân yêu nhau đến mấy thì: "Sống mỗi người một nhà, già mỗi người một mồ". Lúc đầu chắc chú thím ấy sẽ lúng túng, em sẽ cho hai người đầy tớ đến giúp tạm, cho đến khi nào chú thím ấy thuê được người. Còn "meuble" thì em sẽ san sẻ cho, lúc đầu chưa phải mua sắm gì nhiều. Vả lại hai nhà cũng gần nhau. Đây lên đấy chỉ một cây số, rồi sẽ chạy đi chạy lại những lúc tối lửa tắt đèn.

Ông Thơ gật gù hài lòng, lúc đầu ông tưởng là hai gia đình xích mích chuyện gì. Nay nghe Thục Hiền nói vậy, ông yên tâm. Ông chỉ mong sao mọi người đều sống hòa thuận với nhau. Ông hiểu rằng tuy hai cô em dâu tính nết khác nhau, nhưng đều là người có học thức, có nền nếp gia giáo cho nên xử sự rất biết điều. Vả lại phụ nữ họ suy nghĩ rất thiết thực cho nên giải quyết mọi việc rất phải lẽ.

Ông Thơ phấn chấn nói:

– Các thím nghĩ rất phải. Này thế là ở gần anh Nguyễn Đào hả? Đào là bạn thân với anh từ thời đi học Ecole Normale Supérieure ở Hà Nội. Đó là một con người mô phạm và tài năng. Được, mai anh sẽ đi thăm anh ấy. Được ở gần anh ấy thì anh yên tâm lắm.

Trong lúc người lớn nói chuyện, bé Ngọc đã nhẹ nhàng lủi trốn ra, em chạy ngay đến phòng của hai anh, mật báo tin buồn rất quan trọng đó:

– Anh Hỷ, anh Hân ơi. Chúng mình sắp phải xa nhau rồi. Ba mạ em sắp dọn nhà đi nơi khác.

Cả hai cậu con trai sửng sốt:

– Sao vậy? Sao lại dọn nhà?

– Em không biết. Bác Thơ không muốn cho dọn đâu, nhưng mà bác Hiền với mạ em thì bảo là : Sống mỗi người phải một nhà, già mỗi người phải một mồ. Nghe thế có sợ không?

Cậu Hỷ trầm ngâm buồn, cậu Hân thì nói:

– Thế cứ để chú thím ấy dọn đi, còn Ngọc cứ ở lại đây cũng được.

Ngọc lắc đầu:

– Cơ mà như vậy thì mạ em buồn lắm!

Cả ba anh em nhìn nhau, thật chẳng biết nên như thế nào bây giờ?

Câu chuyện dọn nhà ở riêng của hai gia đình, là một nỗi buồn ghê gớm đối với lũ trẻ con. Điều đó đối với chúng còn nghiêm trọng hơn cả chuyện chiến tranh nhiều!

Tuy vậy, chỉ một lát sau, cả ba anh em lăn quay ra ngủ. Vú phải bế Ngọc về phòng, lột áo quần để thay váy ngủ vào. Ngọc ú ớ nói mơ:

"Con ở với hai anh cơ!"

4.

Ngọc đã được đến ở nhà mới, em thấy rất vui, bởi vì nhà mới thật là tuyệt vời! Tuy rằng ở đây không có bến sông như nhà ở Vỹ Dạ. Nhưng mà ở phố mới này rất sang trọng. Đường trải nhựa, đèn điện sáng trưng. Tất cả các nhà dọc phố đều là vi-la mới xây. Nhà nào cũng có một khu vườn bao bọc, trồng đầy hoa.

Nhà của ba mạ Ngọc ở trong một khu vườn rộng, trong đó xây hai tòa nhà. Nhà lớn tám phòng là nhà của bác Đào, nhà nhỏ năm phòng là nhà của gia đình Ngọc. Hai nhà cách nhau một khoảng sân rộng. Mỗi nhà lại có một dãy nhà ngang nhiều phòng nhỏ để người giúp việc ở. Lại có nhà bếp, nhà tắm, nhà xe nữa. Nếu chơi trốn tìm ở đây thì tha hồ chỗ để ẩn nấp. Trước mỗi nhà lại có vườn hoa, vườn nhà Ngọc trồng toàn hoa hồng. Dàn hoa ở cổng thì trồng hoa ăng-ti-gôn trắng và hồng. Nhưng lạ nhất là ngay ngoài cổng có một bụi trúc ngà rất to. Có lẽ bụi trúc đẹp quá, nên những người làm đường không nỡ chặt nó đi.

Bác Đào có hai anh con trai là anh Tuấn và anh Dũng, trạc tuổi anh Hỷ và anh Hân của Ngọc và một cô con gái tên là Bội Linh hơn Ngọc một tuổi. Hai cô bé lập tức thân nhau ngay.

Hai cô gái tìm được một cái hốc trong hiên nhà và chúng xây dựng thành nhà búp bê. Ngọc có một con búp bê đẹp tóc vàng, mắt xanh. Bội Linh lấy gối của mình làm giường cho búp bê, rồi hai đứa

bắt đầu chơi đồ hàng. Chúng nhổ cây lan tóc tiên làm hành, hái hoa cỏ may làm vừng, nhặt hoa ăng-ti-gôn trắng làm cơm... Hai cô bé đang say sưa bán hàng, bận rộn dọn dẹp thì Dũng xuất hiện. Cậu bé trán dô, da đen nhẻm hai mắt tròn thao láo. Cậu ta đứng chắp tay sau lưng nhìn bọn con gái đang chơi, vẻ mặt khinh bỉ vô hạn!

Bội Linh gườm gườm nhìn anh rồi nói nhỏ với Ngọc:

– Đừng chơi với anh Dũng, Ngọc nhé. Anh ấy hay phá lắm.

Linh xoay người ngồi che con búp bê. Ngọc liếc nhìn cậu con trai có bộ mặt nghịch ngợm ấy, cô bé cảm thấy thích, có lẽ anh này sẽ có lắm trò lạ!

Dũng sấn đến bên Linh, giật lấy con búp bê ngắm nghía. Linh kêu lên:

– Ngọc, đòi lại ngay đi. Anh ấy phá hỏng đấy!

Ngọc đến bên cạnh ngước nhìn Dũng, hỏi vui vẻ:

– Anh Dũng cũng thích búp bê à?

– Ừ! – Dũng đáp cộc lốc.

– Con trai mà cũng thích búp bê thì cũng giống con gái!

Ngọc nói một cách hồn nhiên. Nhưng Dũng tức điên lên, cậu ta quát:

– Anh mà giống con gái à? Không thèm!

– Thế thì anh trả búp bê cho em.

Dũng định trả, nhưng nghĩ sao Dũng lại giơ cao con búp bê không cho Ngọc giằng, cậu ta nói:

– Anh phải tập bơi cho nó.

Dũng xăm xăm chạy ra bể nước, Ngọc thú vị chạy theo, Bội Linh hét lên:

– Đừng, đừng! Làm hỏng búp bê đấy!

Dũng ném con búp bê vào bể nước, nó nổi lềnh bềnh. Cậu ta reo lên:

– Thấy chưa, búp bê biết bơi rồi đấy!

Ngọc vui thích reo hò theo:

– Búp bê biết bơi rồi! Nhưng mà nó mặc cả quần áo mà bơi à?

Dũng nhặt con búp bê lên, lột quần áo ra, rồi lại ném nó vào nước. Cả ba đứa thích thú cho búp bê trôi bập bềnh từ bờ này sang bờ bên kia.

Dũng hào hứng bày thêm trò mới:

– Bây giờ anh với Ngọc làm ba mạ búp bê nhé!

Ngọc vui vẻ nói:

– Được!

Bội Linh hỏi:

– Thế Linh làm gì?

– Làm vú! – Dũng thản nhiên nói – Bây giờ vú bế búp bê về nhà.

Bội Linh vớt búp bê ra, thì tóc nó bong ra, đầu trọc lốc, hai mắt tụt khỏi hố mắt rơi vào trong bụng, lông mi lủng lẳng như hai con sâu róm bám trên bờ mắt.

Thế là hỏng mất búp bê. Hai cô bé sững sờ, Dũng lại vui vẻ nói:

– Thế là búp bê chết rồi, bây giờ ta làm đám ma chôn nó.

Lúc ngày Ngọc mới thấy tiếc quá, cô bé khóc nức nở:

– Bắt đền đấy, bắt đền anh Dũng đấy!

Dũng phấn chấn bảo:

– Sao "mạ nó" lại khóc như thế, phải khóc là "con ơi, con chết rồi" chứ!

Ngọc càng gào to hơn. Bác Đào ở trên nhà vội chạy ra. Bác biết ngay là cái thằng Dũng ngỗ ngược lại trêu chọc trẻ con. Dũng thấy ba ra liền co cẳng chạy mất. Anh Tuấn chạy ra thấy búp bê bị "tử thương", anh liền mang vào lắc cho hết nước. Rồi lấy cồn da trâu dán lại tóc, lông mi. Lấy cồn-foóc dán lại mắt. Thế là búp bê lại lành lặn. Chỉ có điều nó không còn khóc "éo éo" như trước nữa.

Thanh Cầm hào hứng sắp xếp, trang hoàng căn nhà riêng của mình. Niềm vui sướng được làm chủ, đã làm cho Cầm trở nên dịu

dàng niềm nở với chồng. Kỳ cũng hoạt bát hẳn lên. Tính thờ ơ vô vị của anh biến mất.

Hai vợ chồng đi mua sắm đồ đạc với sự tâm đắc hợp ý nhau lạ lùng.

Phòng khách kê bộ xa lông nhẹ thanh lịch: một cái bàn kính nhỏ, hai ghế phô-tơi gỗ cẩm đệm mây. Một cái đi-văng dài cũng đệm mây, với hai cái púp nhỏ. Đó là xa-lông mốt nhất thời bấy giờ, thay thế loại xa-lông đồ sộ nặng nề kiểu cổ.

Phòng ngủ hai vợ chồng kê một đôi giường cỡ nhỏ, loại 1,2m, kê song song. Ở giữa có để một cái "table de nuit" gỗ cẩm, trên để chiếc đèn đêm và có một cái giá sách nhỏ để những quyển đang đọc. Phía gần cửa sổ kê bàn phấn của Cầm có tấm gương ba mặt và một cái ghế tựa nhỏ.

Phòng trẻ con có ba giường. Giường Ngọc gần cửa sổ, còn giường cu Hưng với giường vú kê liền nhau. Có một tủ com-mốt sáu ô kéo để quần áo của lũ trẻ.

Phòng làm việc của ông Kỳ kê một bàn giấy lát mặt kính, có nhiều ô ngăn kéo. Một tủ nhỏ. Các giá sách kê ba mặt tường cao tận trần, đầy ắp sách.

Phòng ăn thì có bộ bàn ăn sáu ghế và một tủ búp-phê, là quà tặng của ông San cho hai vợ chồng.

Sự mua sắm xa hoa đó là tiền công của ông Thơ cho. Còn tiền tiết kiệm bấy lâu nay của hai vợ chồng chỉ đủ để mua một cái xe đạp mới cho Kỳ và một cái xe tay cho Cầm đi dạy học.

Cầm sắm sửa dụng cụ nhà bếp toàn bằng nhôm sáng loáng. Hồi đó dùng đồ nhôm là sang trọng lắm.

Nàng may lại toàn bộ chăn gối, màn mới tinh. Rèm cửa, chao đèn màu xanh thiên thanh...

Có thể nói sau tám năm cưới nhau, bây giờ họ mới thật sự đi vào niềm vui cuộc sống vợ chồng.

Trong nhà thuê ba người giúp việc, anh xe kiêm làm vườn. Chị bếp kiêm giặt giũ. Chị vú trông nom hai đứa trẻ và lau dọn nhà cửa.

Thuê người làm nhiều hay ít là biểu hiện mức sống sang trọng của gia đình ấy. Như nhà ông San thì thuê tới sáu người làm và một gia sư.

Các gia đình trí thức, thường hàng tháng đều có một cuộc mời khách đến ăn cơm giữa các bạn bè thân thiết.

Còn các gia đình thương gia thì hầu như tháng nào cũng có giỗ chạp, cúng bái gì đó để mời quan khách.

Thực ra để sống cho bằng bè bạn tầng lớp quý phái của thành phố, thì hai vợ chồng phải hết sức tính toán chi ly để chi tiêu sao cho vừa đủ. Và nỗi lo âu thiếu hụt ngân sách gia đình đã đè nặng lên cuộc sống trưởng giả của họ. Nhiều đêm đang ngủ, Cầm phải bật dậy lấy sổ chi tiêu để tính toán lại.

Nhưng niềm vui được sống sang trọng như tất cả các ông đốc, ông tham, các bậc trí giả lớn của thành phố khiến cho Cầm rất hãnh diện. Hơn nữa các bạn bè đến thăm đều trầm trồ thán phục cách bài trí nội thất rất có "goût". Còn các ông bạn chồng thì đều ngẩn ngơ trước sắc đẹp mê hồn của bà chủ nhà trẻ tuổi. Sắc đẹp được chiêm ngưỡng thì sắc đẹp càng lung linh sáng chói. Chính Kỳ cũng bất ngờ trước vẻ kiều diễm của vợ.

Trước đây, đột nhiên anh cưới được vợ đẹp mà chả cần chinh phục, khiến anh thấy việc đó cũng tầm thường. Bây giờ trước sự hâm mộ của bạn bè, anh mới chợt hiểu ra rằng mình đã sở hữu được "vật báu". Cầm nổi bật giữa các bà mệnh phụ bởi cô không chỉ đẹp mà còn có trình độ học vấn và cư xử lịch thiệp.

Dù sao niềm vui của sang trọng, cũng không khỏa lấp được nỗi trống trải của hai tâm hồn không đồng điệu. Tuy rằng sự ngăn cách đã phá vỡ, nhưng từ đó cho đến tâm đầu ý hợp thì còn một khoảng cách mênh mông chẳng nhìn thấy bến bờ nào! Họ tránh sự khác ý nhau bằng im lặng. Trong bữa cơm khi phải ngồi đối mặt, họ tránh nói chuyện với nhau bằng cách chăm chú lắng nghe bé Ngọc huyên thuyên kể chuyện:

– Mạ ơi, con đã học chia "Verbe" rồi nhé!

– Con thử đọc mạ nghe xem nào?

– Con thấy chữ Pháp vô lý lắm. Tại sao một chữ "être" mà chia ra thì thành những chữ khác hẳn. Sao lại "Je suis", "Nous sommes", "Ils sont"?

Ông Kỳ nói át ngay:

– Con cứ phải học thuộc như thế, không được thắc mắc.

Ngọc cãi lại bướng bỉnh:

– Con không thích thuộc sự vô lý ấy.

Ông Kỳ ngạc nhiên nhìn con gái. Trước kia ông học thì thầy dạy như thế nào là ông học như vậy, chứ làm gì suy luận lôi thôi như đứa bé này? Con bé này rồi sẽ khó dạy dỗ lắm đây!

Còn Thanh Cầm thì tìm cách làm sao cho con bé thông hiểu. Nàng hiểu tính nó mà không chấp nhận thì nó không chịu học. Nàng lại thích cái nết ương ấy của nó, nàng nói nhẹ nhàng:

– Đó là đặc điểm của tiếng Pháp. Mình học tiếng nước người ta thì phải chấp nhận sự khác lạ của họ thôi. Tây thì chẳng giống ta, đành phải học thuộc con ạ!

Ngọc ngước nhìn mẹ, cô bé đã chấp nhận sự vô lý mà tất nhiên ấy: "Vâng, con sẽ học thuộc".

Tối ấy, khi vào phòng riêng, ông Kỳ nói với vợ:

– Cô dạy dỗ thế nào mà con gái ngày càng bướng bỉnh.

Thanh Cầm khó chịu nói:

– Cuộc đời mà chỉ gật đầu chấp nhận thì chẳng còn là con người nữa.

Ông Kỳ nghĩ là vợ nói kháy, ông khó chịu hỏi:

– Không phải là con người thì là con gì?

– Là không phải con người! – Cầm dấm dẳn.

Mỗi người vào giường riêng của mình lấy sách ra đọc. Không ai nói gì với nhau nữa. Mà có nói cũng chẳng thể hiểu nhau được. Tuy bây giờ họ đã ngủ cùng phòng mà vẫn là hai người hai thế giới riêng!

Một hôm Thanh Cầm đang ngồi trên nhà thì nghe tiếng con gái la lối om sòm với chị vú. Vú đang tắm cho Ngọc. Bé Ngọc thích vầy nước cho nên khi nào tắm xong cũng không chịu ra khỏi chậu nước, bao giờ cũng phải bế thốc lên nhà.

Thanh Cầm chạy xuống xem sự thể thế nào, thì thấy Ngọc bíu chặt lấy thành chậu, cô bé hét với vú:

– Vú phải trả lời Ngọc, thì Ngọc mới thôi tắm.

Vú đành chịu thua:

– Ừ, thì em hỏi vú đi!

– Đố vú, "một" là số nhiều hay số ít?

Vú buồn cười quá:

– "Một" thì ít chứ nhiều làm sao được.

– Đúng! Thế thì "hai" là số nhiều hay số ít?

– "Hai" thì cũng ít, chứ sao lại nhiều được?

Ngọc khoái chí quá:

– Vú sai rồi! "Hai" là số nhiều, vì có "ét" (s)

Vú ngạc nhiên quá:

– "Ét" là cái gì?

Ngọc nghiêm trang giảng:

– Cứ "hai" trở lên là phải có "ét", vú hiểu chưa?

Vú ngớ người:

– Em nói sao vú không hiểu. Sao "hai" lại phải "ét".

Ngọc giảng giải rất nghiêm khắc:

– Vú không cần hiểu, mà cứ phải thuộc. Đó là đặc điểm của tiếng Pháp. Phải chấp nhận sự khác lạ của tiếng nước họ.

Thanh Cầm cười rũ rượi. Con bé bắt chước giọng của nàng để bắt vú học tiếng Pháp!

Khi Cầm vừa cười vừa kể lại cho chồng nghe câu chuyện ngộ nghĩnh của con gái, thì ông Kỳ đăm chiêu:

– Tôi lo tính khí của con bé này quá. Nó là một thằng con trai. Bà mụ nặn nhầm nó thành con gái. Rồi phải lấy lá số tử vi xem số phận nó ra sao?

Cầm nói giọng hơi bực:

– Nó sinh vào mồng một tết. Số nó nhất định tốt! Mà tính nó thế thì sau này nó sẽ làm chủ đời mình, chứ chẳng cam chịu một bề như tôi đâu.

Ông Kỳ thở dài, cứ nói với nhau được hai câu là bắt đầu khó chịu với nhau rồi. Ông im lặng cúi xuống tiếp tục đọc sách. Thanh Cầm cũng vào phòng lấy sách ra đọc. Sách là "người hòa giải" có hiệu lực giữa hai người.

Ngọc thì gắn bó với mạ, nhưng thằng Hưng thì bám chặt lấy ba. Nó là một thằng béo tròn, mặt xinh như búp bê. Tính khí nó khác hẳn Ngọc. Ăn thì rất nhiều mà nói thì rất ít. Nó kém Ngọc hai tuổi nhưng lớn gần bằng chị.

Trong bữa cơm Ngọc thì nói chuyện liến thoắng quên cả ăn. Hưng thì kiên nhẫn xúc hết thìa này đến thìa khác. Ông Kỳ cứ phải mắng Ngọc:

– Ăn đi! Thôi đừng nói nữa.

Hưng nói theo ngay:

– "Khóa máy nói lại!", chị Ngọc khóa máy lại.

Ngọc tức điên lên quát em:

– Hưng, "tắt máy ăn đi", ăn nhiều quá!

Thế là mạ bênh Ngọc, ba bênh Hưng. Vì vậy hai đứa cứ ra sức cãi nhau mãi.

Về sau chị vú phải bế Hưng ra ngoài hiên, bón cho nó ăn. Còn Ngọc thì vẫn cần ngồi ăn cùng bàn, để cho ba mạ khỏi phải nói chuyện với nhau. Đã có Ngọc nói cho cả hai người nghe rồi.

5.

Lệ Ngọc tính tình hiếu động, thiếu kiên nhẫn. Nên tuy thông minh mà môn tiếng Pháp không giỏi. Vậy mà năm

học ấy Ngọc đã phải đọc một bài diễn văn dài bằng tiếng Pháp. Mà lại đọc rất hay!

Hằng năm Hoàng hậu Nam Phương đến thăm trường Đồng Khánh vào dịp kỷ niệm thành lập trường. Vì ngài là "mẹ đỡ đầu" của nhà trường.

Bà Martin, hiệu trưởng, năm ấy đã quyết định thay đổi cách đón tiếp. Bởi lần này bà được tin là Hoàng hậu không phải đi một mình, mà sẽ có cả Hoàng tử và Công chúa cùng ngự giá.

Người đọc lời chúc mừng sẽ không chọn nữ sinh trung học như mọi năm, mà sẽ chọn học sinh tiểu học. Bà hiệu trưởng tự mình đi chọn. Không hiểu vì sao, bà vào lớp Préparatoire (như lớp hai bây giờ), vừa trông thấy Ngọc là bà chỉ định ngay cô bé sẽ đọc diễn văn. Đó là một vinh dự quá lớn đối với một cô bé mới hơn sáu tuổi, và chưa hiểu tiếng Pháp.

Thế là suốt mười ngày, Thanh Cầm phải tập cho Ngọc học thuộc lòng một bài diễn văn bằng tiếng Pháp dài hai trang giấy khổ to. Ngọc phải đọc diễn cảm, lên giọng, xuống giọng, uốn lưỡi. Rồi lại phải biết ngước mắt nhìn, mỉm cười đúng chỗ, đúng lúc. Vậy mà Ngọc chẳng hiểu tí gì nội dung đang đọc.

Ngọc còn phải tập bước đi khoan thai, đầu ngẩng cao, lưng thẳng mà mềm, biết nhìn chăm chú mà dịu, biết tươi nét mặt mà không hớn hở lộ liễu v.v... Tóm lại là Ngọc bị "hành hạ" khốn khổ! Nếu không phải vì cái viễn cảnh sẽ được diện một bộ váy xa tanh phủ voan trắng, thắt nơ trắng, đeo găng tay trắng, đi giày nhung trắng. Bộ áo mà đích thân bà hiệu trưởng chỉ đạo kiểu cách... thì có lẽ bé Ngọc sẽ không đủ sức can đảm để chịu đựng cuộc "tra tấn" bẻ queo tính hồn nhiên, hiếu động của em, để mà tập làm quý tộc!

Thỉnh thoảng bà Martin đến thăm mang quà cho Ngọc: mấy thanh sô-cô-la, cân táo tây, hộp bích quy... Bà nghe Ngọc đọc thử, rồi bà uốn giọng bắt phát âm sao cho đúng giọng người Paris.

Sự chăm sóc đặc biệt ấy của bà hiệu trưởng khiến cho Ngọc trở thành nhân vật trung tâm của toàn trường. Tất cả sự chăm sóc dồn ép ấy làm cho Ngọc trở nên ngơ ngác, mặt đầy lo âu, em không ăn được, ngủ thì nói mê sảng.

Ông Kỳ rất khó chịu về việc gò bó trẻ con như vậy, ông nói với vợ:

– Thôi, bắt học thuộc là đủ rồi. Để cho nó hồn nhiên mới dễ thương. Cái thói học đòi quý tộc thật vô duyên hết sức!

Thanh Cầm đang say sưa trong vai trò huấn luyện con gái trở thành quý phái. Việc Ngọc được giới thiệu với Hoàng hậu là một vinh dự rất lớn mà nhiều người ao ước, không phải ai cũng đạt được.

Nàng cáu với chồng:

– Ông thì chẳng bao giờ tự rèn luyện mình. Mà thấy người ta chịu khó tập tành thì ông lại ngáng trở. Ông để mặc tôi dạy con gái. Nó phải là đứa con gái có giáo dục tử tế, chứ đâu có thể lông bông như cỏ dại mọc hoang được?

Ông Kỳ thở dài bỏ vào phòng giấy của mình.

Ngày trọng đại ấy đã đến!

Ngay từ sáng sớm, Ngọc đã bị "hành hình" thật sự.

Một chậu nước nóng to, pha "eau de cologne" đã sắp sẵn. Ngọc còn ngái ngủ đã bị lôi dậy thả vào chậu nước mà tắm gội. Rồi cặp uốn tóc, sấy cho ốp. Sau đó Ngọc được quấn vào một cái khăn bông rất to, bế đặt vào ghế, bắt ăn một cái bánh mì và uống một cốc sữa to tướng. Mà Ngọc thì ghét sữa lắm. Xong xuôi thì Ngọc được đặt lên giường, bắt đầu mặc quần áo. Sao mà mặc nhiều đến thế! Mặc quần áo lót bằng lụa mỏng, rồi đến một cái áo đầm sa tanh trắng như ngọc trai, bên ngoài phủ một áo voan mỏng như sương. Rồi đi đôi tất trắng dài, lại thắt cái nơ trắng to như cái mũ. Mặc vào xong xuôi là cấm chạy nhảy. Thế thì có khổ không?

Thanh Cầm ngắm nghía Ngọc rất hài lòng, nàng thoa một thoáng phấn hồng lên má và bôi tí son lên môi cho con gái. Vú thì thào thán phục, chảy nước mắt vì xúc động:

– Thiên thần của vú, nàng tiên của vú!

Còn bố Ngọc lúc này cũng bằng lòng ra mặt:

– Chà! Con gái của ba xinh quá là xinh!

Cầm vui vẻ liếc mắt nhìn chồng vì lời khen đó. Nàng bắt con gái đứng trên giường diễn thử trước công chúng là: ba, mạ, thằng Hưng, vú, còn anh xe với chị bếp cũng lấp ló sau cửa để xem.

Chẳng hiểu sao Ngọc quên lung tung, đọc câu nọ xọ câu kia. Thanh Cầm lo lắng nhìn con gái, nàng rên lên thấy con gái bỗng rối loạn lúng túng, rồi lại gãi vai, gãi lưng, ngọ nguậy chân. Nàng điên tiết chỉ muốn tát cho Ngọc mấy cái. Gãi là hành vi thấp kém của những kẻ hèn mọn, vậy mà con gái nàng sắp ra mắt Hoàng hậu lại thò tay gãi!

Nàng rít lên:

– Tại sao lại gãi?

Ngọc gần phát khóc, em mếu máo:

– Nhưng mà con gì cứ đốt vào vai con.

– Không được gãi hiểu chưa?

Thanh Cầm lấy nước hoa bôi vào chỗ ngứa. Ông Kỳ nhìn con bé đóng vai quý tộc khổ sở quá, ông lắc đầu, bỏ đi ra.

Hôm ấy Thanh Cầm mặc rất lộng lẫy. Áo gấm màu hồng phấn. Vấn khăn màu hỗ hoàng (màu cá vàng) đi hài nhung đỏ. Đó là y phục qui định của Hoàng hậu cho các cận thần của ngài. Các nữ giáo viên hôm ấy đều mặc như vậy cả. Tuy nhiên áo dài thì nhiều màu sắc khác nhau.

Ngọc ngắm mẹ, em sung sướng thấy mẹ đẹp quá:

– Mạ ơi, mạ đẹp như tiên sa vậy!

Cầm dặn dò con, giọng đầy lo âu:

– Con cố gắng đừng để mạ phải xấu hổ với trường nhé!

Ngọc ngoan ngoãn gật đầu "Vâng ạ" mà lòng những sợ hãi: nhỡ quên thì sao?

Hai mẹ con lên xe tay đến trường. Trường Đồng Khánh hôm ấy thật rực rỡ. Ngoài cổng cờ phướn đủ màu. Tất cả nữ sinh đều mặc áo dài trắng, quần trắng như tuyết, đứng xếp hàng suốt từ cổng vào hội trường.

Xe tay vừa đỗ xuống, tất cả đều xôn xao lên:

– Xem kìa, bé Ngọc xinh quá!

Thật là thích khi được khen! Ngọc vui sướng nhìn các chị và sao mà yêu các chị đến thế.

Trong hội trường chỉ có các cô giáo và mỗi lớp chỉ được cử mười học sinh giỏi nhất làm đại biểu.

Dãy ghế của lớp Ngọc là hàng trên cùng, Ngọc ngồi chính giữa, các bạn cũng đều mặc áo dài trắng, quần trắng, chỉ mỗi Ngọc mặc váy đầm. Cả hội trường thán phục nhìn Ngọc. Các chị lớn tự nhiên cũng tỏ ra nể trọng Ngọc, một con bé nhóc mà thực ra ngoài vẻ kháu khỉnh thì chẳng có tài năng gì đặc biệt hết!

Đúng tám giờ, xa giá của Hoàng hậu Nam Phương đến. Ngài đi trên chiếc ôtô màu đen. Hoàng tử cùng hai Công chúa đi trên một chiếc ôtô khác, tiếp đến là xe của các quan cận thần đi hộ giá.

Bà hiệu trưởng và các cô giáo ra tận xe rước ngài vào. Hoàng hậu đẹp vô cùng, bà cao lớn, làn da trắng như ngà, cổ cao, khuôn mặt trái xoan, trán phẳng như cẩm thạch. Đặc biệt dáng vẻ thật cao quý, khi ngài cười như tỏa rạng niềm hân hoan cho mọi người.

Bảo Long, cậu bé bảy tuổi, thanh mảnh, trắng trẻo, trán cao, một cậu bé thật xinh trai. Còn Công chúa Phương Mai thì béo tròn nom rất giống Bảo Đại, Công chúa Phương Lan lại giống Hoàng hậu nhưng mà gầy mảnh mai. Cả ba người có dáng vẻ thật đường hoàng, bước đi khoan thai, tự tin, nhưng vẫn giữ được vẻ hồn nhiên dễ thương. Nhưng mà chẳng ai biết nói tiếng Việt Nam cả. Họ chỉ biết nói tiếng Pháp. Nghe nói các vú nuôi đều là đầm hết. Song Hoàng hậu thì nói giọng Nam Bộ dịu dàng. Tiếng nói của ngài trầm, âm vang như tiếng đàn pianô.

Phía trước hội trường, trên bục gỗ có trải thảm đỏ hoa văn vàng, kê một dãy ghế khoảng mười chiếc. Hai chiếc ở giữa cao hơn một chút, có tay ngai hình hai con rồng ngóc đầu cao thiếp vàng. Đó là ghế của Hoàng hậu và Hoàng tử. Hai Công chúa ngồi hai bên. Còn tất cả các quan hầu đều phải đứng hết, mặc dù ghế còn bỏ trống rất nhiều.

Bà hiệu trưởng lên đọc lời chào mừng, rồi bà giới thiệu với Hoàng hậu từng cô giáo của nhà trường. Giới thiệu đến cô nào, thì

cô ấy tiến lên một bước chắp hai tay kính cẩn cúi gập người chào. Sau cùng bà hiệu trưởng giới thiệu Ngọc lên đọc lời chúc tụng. Ngọc khoan thai đứng dậy, em bước đi nhẹ nhàng mà chững chạc, em đến trước Hoàng hậu quỳ xuống chào, rồi lại đến trước Hoàng Tử quỳ chào lần nữa. Sau đó em đứng lên, mở cái cặp bìa da thiếp nhũ vàng, mở tờ giấy lụa viết bài diễn văn bằng mực tàu đen, nét chữ cực đẹp. Em bắt đầu đọc, giọng vang trong trẻo, phát âm rất chuẩn, giọng đặc Paris. Em đọc thật dễ thương, thỉnh thoảng đến đoạn ca ngợi Hoàng hậu, em còn ngước mắt nhìn ngài với ánh mắt biết ơn nữa. Em ngắt câu, dừng nghỉ, lật trang rất đúng. Vậy mà em đâu có đọc theo bài viết. Em đọc thuộc lòng!

Khi Ngọc mang bài diễn văn lên dâng Hoàng hậu và quỳ xuống cúi chào, thì Bảo Long chạy xuống ôm hôn Ngọc vào má, rồi cầm tay dắt lên bục, để Ngọc ngồi bên cạnh, đẩy Công chúa Phương Mai ra ghế ngoài. Quả thật là một tình huống bất ngờ, phá cả lề luật vua tôi! Các quan hầu nhốn nháo cả lên, nhưng chẳng ai dám can ngăn Hoàng tử. Còn Hoàng hậu thì mỉm cười. Ngọc ngồi trên cao nhìn xuống tủm tỉm cười với các bạn. Bảo Long quay sang nói chuyện bằng tiếng Pháp với Ngọc, nhưng em dốt tiếng Pháp, nghe chẳng hiểu gì cả, nên em cứ gật đầu nhè nhè và mỉm cười lễ độ. Nhờ Ngọc ít nói như vậy mà lại được khen là "có giáo dục". Chứ nếu mà thạo tiếng Pháp, thì có lẽ Ngọc sẽ nói hăng lắm, bởi lúc đó em đang phấn chấn.

Khi ban lời chỉ giáo, Hoàng hậu đã nói:

– Nhà trường đã giáo dục học sinh rất tốt. Qua cô đại biểu bé nhỏ này, ta đã thấy học sinh có trình độ học thức vững vàng, và nhà trường còn quan tâm đến việc nâng cao phẩm giá và đức hạnh cho học sinh nữa...

Sau đó Hoàng hậu đi thăm khu vực ký túc xá, thăm phòng sinh vật, phòng vật lý, thăm cả sân chơi của học sinh nữa. Ngài ban khen bà hiệu trưởng.

Tan buổi lễ, bà Martin bế Ngọc lên hôn lia lịa vào má và đến bên cô giáo Thanh Cầm cám ơn về sự dạy dỗ con gái rất ngoan. Ngay trong ngày hôm đó, nàng đã được bà hiệu trưởng quyết định tăng một bậc lương.

Niềm vui ấy khiến Cầm quên mất lòng căm ghét bọn thực dân. Bởi vì dù sao trên việc này, bà hiệu trưởng đã tỏ ra công bằng trong đánh giá công lao của nàng. Về đến nhà Cầm vui vẻ kể tất cả mọi chuyện với chồng. Ông Kỳ nghiêm trang lắng nghe, mặt không hề xúc động. Hồi lâu ông mới nói:

– Cô dạy học năm năm nay, học sinh đều giỏi, vậy mà mụ ta có tăng lương cho đâu. Thế mà chỉ dạy con bé Ngọc thành con vẹt thì lại được thưởng ngay một bậc lương! Thế mà lại gọi là công bằng được hay sao?

Thanh Cầm ngẩn người vì sự thật ấy. Niềm vui tan biến. Một cơn giận đột ngột trào lên. Giận bản thân mình đã cố gắng làm một việc vô ích. Nàng lại oán Kỳ, người đã phá tan niềm hứng khởi của mình!

Nhưng mà không hẳn là vô ích đâu. Bởi sau hôm ấy, Ngọc đã học hành khá hẳn lên. Môn tiếng Pháp tiến bộ khá nhanh. Nhất là tác phong đi đứng, nói năng, chào hỏi... Ngọc đã trở nên một cô gái có ý tứ, nên em càng dễ thương hơn.

6.

Thanh Cầm chăm chú đọc báo, tin chiến sự làm tim nàng nhói đau. Chiến tranh đã lan đến Việt Nam, nhưng điều đó không quan trọng bằng nước Pháp đã bị Đức chiếm. Nàng chẳng yêu gì nước Pháp, nhưng mà ở đó có "Tình yêu" của nàng. "Trời ơi! Giờ này anh đang ở đâu?". Nỗi lo âu bồn chồn mà không thể thổ lộ cùng ai càng nhức nhối.

Ông Kỳ đi làm về, vui vẻ nói với vợ:

– Bà có nhớ cậu Tráng Liệt và cậu Tráng Cử cùng làm một sở với tôi không?

– Có phải hai anh em ấy người nhỏ nhỏ đen đen không? Họ ở Bến Ngự chứ gì?

– Đúng! Hai cậu thông phán ấy sắp trở thành Hoàng tử rồi đấy!

Cầm bỏ rơi tờ báo, ngạc nhiên hỏi:

– Sao lại thế được?

– Đó là hai con trai Cường Để. Nhật đang dựng Cường Để làm vua, để chuẩn bị thay Bảo Đại khi Nhật chính thức chiếm Đông Dương. Nhật thắng Pháp thì phải thay vua khác chứ!

Cầm thở dài:

– Chẳng lẽ Nhật mà cũng vớ vẩn vậy sao? Bảo Đại là "bị thịt" mà lại thay cái lão già vô học ấy thì chỉ là một thứ "bị rác". Vua như thế thì thật tởm quá!

Ông Kỳ mỉm cười thấy vợ hưởng ứng câu chuyện của mình, ông nói lên suy nghĩ từ bấy lâu nay:

– Đã là bù nhìn thì vua nào cũng chỉ là cái "bị" mà thôi! Tôi nghe nói chỉ có Cụ Nguyễn Ái Quốc mới là bậc tài cao đức trọng. Chỉ mong Cụ về nước để đuổi hết cái lũ bù nhìn ấy đi.

Cầm nói nhấm nhẳn:

– Cả nước ai ai cũng mong như vậy chứ chẳng phải một mình ông!

Nàng nói vậy nhưng lòng lại chợt nghĩ: "Anh ở bên ấy có gặp được Cụ không?". Nàng nghĩ về Cụ không những với lòng sùng kính mà còn với một tình cảm thiết tha bởi mối liên quan mơ hồ của tình yêu nữa.

Kỳ nghe giọng Cầm bắt đầu ngúng nguẩy, ông im lặng đi vào phòng bật đài nghe tin. Ông hồi hộp theo dõi tin chiến sự ở Nga. Nghe nói Đức đang bị Nga phản công dữ dội.

Thế nhưng chiến tranh lại đem đến những niềm vui bất ngờ cho trẻ con. Ở trường học sinh được nghỉ một buổi học để tập chạy xuống hầm tránh bom. Lũ học trò reo mừng, bởi đây là một trò chơi hấp dẫn. Cứ nghe tiếng trống đổ hồi ba tiếng một, lập tức cả lớp đứng dậy lần lượt từng bàn nối đuôi nhau, lom khom chạy ra tăng-xê. Cô giáo lùa cả đàn lạch bạch chạy như lùa vịt xuống ao. Cả lũ cười rúi rít cắn đuôi nhau chảy theo luồng chữ chi, chen chúc ngồi xổm

dưới đáy hào. Chỉ tiếc là mãi chẳng thấy máy bay đến ném bom. Thành thử chưa biết được báo động thật là thế nào?

Ở nhà Ngọc, bác Đào và ba mạ Ngọc chung nhau đào một cái hầm có mái. Căn hầm là một chỗ có thể bày nhiều trò chơi thú vị. Vách và trần hầm được ken bằng những khúc tre già dầy khít. Sàn hầm được lát bằng những mảnh ván. Ngọc và Bội Linh định mang đồ hàng xuống đấy chơi, thì Dũng đã chiếm cứ mất căn hầm ấy để nuôi cóc.

Thế rồi một hôm có báo động thật, còi thành phố rú lên từng hồi, cả nhà chạy ra hầm. Bác Đào xuống trước, bỗng bác thụt lại:

– Trời ơi! Sao lắm cóc thế?

Mọi người cúi nhìn xuống thấy cóc ngồi xếp hàng suốt dọc hai bờ vách, giương những đôi mắt thao láo sợ hãi nhìn mọi người, phát ra tiếng kêu: "Khoọc, khoọc" loạn xạ.

Bác Đào túm lấy Dũng quát:

– Lại thằng quỷ sứ này bày trò nghịch ngợm phải không?

Dũng rúm người lại chuẩn bị đỡ đòn. Ngọc vội chạy lại bên bác Đào bênh Dũng:

– Bác ơi, không phải anh Dũng nghịch đâu. Anh ấy thả cóc xuống cho nó ăn muỗi đấy!

Bác Đào phân vân chưa đánh, thì Dũng đã giằng chạy trốn mất.

Anh xe mang một cái xô xuống hầm, bắt hết cóc đem thả ra ngoài cái ao tít xa.

Thế là được mỗi lần báo động thật thì lại chẳng ai xuống hầm được!

Mùa hè năm ấy nóng nực lạ thường. Một đêm tháng sáu, trăng vàng úa, cây cối ủ rũ đứng im phăng phắc. Ve ve ran ran kêu làm cho không khí càng ong óng khó chịu. Đến nỗi trẻ con như cu Hưng vốn ăn no ngủ khỏe mà cũng khóc quấy.

Thanh Cầm không sao ngả lưng nằm xuống được, giường chiếu nóng ran, khô ráp như chảo rang. Nàng đi ra, đi vào phàn nàn:

– Trời đất gì mà tai ác, nóng đến khô cả người!

Ông Kỳ nằm trong màn nói vọng ra:

– Có kêu ca thì trời vẫn nóng. Chi bằng im đi thì còn giảm được nhiệt lượng.

Thanh Cầm bực tức, nàng đi ra phòng trẻ con. Ngọc đang ngồi trong chậu vầy nước làm tung tóe ướt cả phòng. Cô bé thừa cơ vú bế cu Hưng đi dạo trong sân để ru nó ngủ, Ngọc đã múc nước đổ vào chậu, bày trò nghịch ngợm ấy.

Cầm hốt hoảng kêu lên:

– Chết thôi, Ngọc! Sao con lại ngâm nước vào lúc nửa đêm thế này? Ốm mất!

Ngọc vội vã bước ra khỏi chậu, em nhìn mẹ sợ hãi:

– Con xin lỗi mạ!

Cầm vội bế con lên, lau người cho con rồi đặt vào giường. Cô bé lập tức ngủ ngon lành. Có lẽ nhờ căn phòng ướt nước mà không khí dịu mát. Nàng bèn bưng chậu nước vào phòng mình vẩy ướt khắp sàn nhà và để chậu nước dưới gậm giường. Không khí đã dịu đi, nàng vừa đặt lưng xuống giường, chỉ còn kịp nghĩ "trẻ con thế mà tinh khôn hơn mình" rồi nàng ngủ thiếp đi.

Có tiếng chó sủa dai dẳng khẩn thiết ngoài cổng. Cầm tiếc giấc ngủ, mà không thể không choàng dậy. Ông Kỳ đã chạy ra đến cổng, Ngọc cũng nhón chân lén đi theo vẻ mặt đầy vẻ háo hức thú vị.

Con chó bẹc-giê thấy người ra đông nó đã thôi sủa, nhưng cứ chúi đầu vào bụi trúc mà gầm gào, hậm hực, đứng bên một cái thúng to ai đem để ngay đấy.

Bác Đào mở cổng đến bên cái thúng, giở cái mẹt ra và bà run rẩy kêu lên:

– A di đà phật, trời ơi!

Thanh Cầm bàng hoàng khi thấy bà Đào bế trong thúng ra một đứa bé mới sinh quấn trong một cái tã bông trắng tinh. Bà Đào

bế đứa bé vào nhà, bà vừa đi vừa lẩm bẩm: "Tội nghiệp, tội nghiệp quá! Chắc người mẹ nào đau khổ lắm đây".

Cầm ràn rụa nước mắt, nhìn thấy đứa bé mặc áo phin nõn trắng, đội mũ vải bông, quấn tã trắng, bên cạnh còn để sẵn một chai sữa có núm vú cao su.

Cuộc tình đau khổ nào đã dẫn đến cảnh đời bi thảm này. Dứt ruột mà bỏ rơi kết quả của tình yêu như thế này thì khủng khiếp quá!

Trong phòng khách ông Đào, người của cả hai nhà tụ tập gần đủ. Chỉ trừ anh xe phải ra khóa cổng cẩn thận. Thời buổi loạn lạc này phải cẩn mật lắm. Trộm cắp dạo này quấy nhiễu khắp nơi.

Lệ Ngọc và Bội Linh vui mừng sán đến bên cạnh bà Đào. Bà đang cho đứa bé bú chai sữa, nó háo hức mút ngon lành. Đó là một đứa bé gái rất xinh, mới sinh mà mớ tóc tơ quăn quăn, khuôn mặt đã có nét thanh tú, chân tay bụ bẫm. Hai đứa rối rít sờ nắn đứa bé, miệng xuýt xoa: "Em bé xinh quá là xinh!". Trong ý nghĩ của chúng thì đây là một con búp bê tuyệt vời nhất.

Ông Đào nét mặt đăm chiêu, rút thuốc châm hút, ngồi trầm ngâm suy nghĩ. Cả nhà ngồi lặng đi vì khó xử quá.

Ông Kỳ lên tiếng trước tiên:

– Có lẽ ngày mai mang nó đến cho các "Soeur" ở viện Dục Anh. Ở đó họ nhân đạo lắm, sự chăm sóc có thể tin được. Chúng ta sẽ gửi vào đấy một số tiền đảm bảo cho đứa bé. Tiền hơi nhiều, nhưng chúng ta sẽ góp lại.

Ông Đào đi đi lại lại rồi phân vân nói:

– Có lẽ cũng phải vậy thôi. Giá yên hàn thì ta nuôi cũng được. Nhưng mà chiến tranh thế này, biết làm sao khi chạy loạn mà lại có đứa trẻ nhỏ này?

Bà Đào lắc đầu, bà ẵm chặt đứa bé vào lòng, nó bú hết chai sữa đã ngủ yên. Bà nói chậm rãi mà giọng quyết đoán:

– Không! Số phận đã run rủi đưa nó đến đây, thì nó là con gái tôi. Từ ngày mai vú Linh sẽ không phải chăm sóc Linh nữa. Linh lớn rồi tự làm lấy được. Vú sẽ nuôi đứa bé này!

Bội Linh nhảy lên reo mừng. Còn Ngọc hơi buồn, em nói với bà Đào:

– Bác ơi, bác cho cháu chung với Linh em bé này nhé!

Cả nhà bật cười. Linh nói hồ hởi:

– Được rồi, em bé này là của chung hai đứa chúng mình. Ông Đào vui vẻ hẳn lên, dường như nỗi day dứt được giải tỏa. Ông nói:

– Tôi đặt tên cho con bé này là Thanh Trúc. Cả nhà đồng ý không?

Tất cả mọi người xôn xao đồng ý. Thanh Cầm hôn nhẹ lên má đứa bé, nàng nói:

– Cầu cho cháu lớn lên sẽ cứng mạnh như cây Trúc vậy! Nàng thầm nghĩ có lẽ ai đó biết được nhà này toàn những người nhân hậu, nên đã gửi gắm vào đây giọt máu yêu thương của mình.

Vì có đứa bé mà ông Đào nuôi một con dê cái, nó có hai con dê con rất xinh, nhảy nhót nghịch ngợm rất dễ thương.

Ngọc quên ngay em bé để chơi với lũ dê con đó. Cứ sáng sớm, vú Linh, bây giờ gọi là vú Trúc, dắt con dê mẹ ra buộc chặt vào cái cọc ở sân. Vú vắt sữa vào cái bình, rồi bỏ bình vào tủ lạnh, để cho bé Trúc ăn suốt ngày. Bé Trúc rất chóng lớn, da hồng hào mũm mĩm, vú bảo đó là nhờ sữa dê rất bổ. Thỉnh thoảng dê cho nhiều sữa, vú cho Linh và Ngọc mỗi đứa một cốc. Sữa dê rất ngậy, nhưng nếu uống từ từ từng ngụm nhỏ thì ngon hơn cả sữa bò.

Dũng nhận nhiệm vụ đi chăn dê, cậu ta lùa dê ra vệ cỏ. Ngọc đi theo Dũng để chơi với lũ dê con. Hai con dê con chỉ bé bằng con mèo, nhưng chân cao gầy, thành thử bước đi cứ lóng ngóng. Vậy mà nó lại hay nhảy nhót vòng quanh mẹ, thỉnh thoảng lại chúi đầu dưới bụng mẹ tợp mấy tợp rồi co chân chạy quẫng lên. Ngọc bế con dê trắng lên lòng, nó nghiêng cái đầu trắng muốt, cái mũi ướt vào cổ Ngọc rất ngoan. Nhưng con dê đen thì không chịu cho bế, hai chân cứ dũi đạp để chuồi xuống đất.

Một hôm Dũng bảo với Ngọc:

– Ngọc xem anh phi ngựa bằng dê nhé.

Dũng cưỡi lên dê, nắm lấy hai sừng, thúc dê chạy lồng lên. Ngọc thích chí vỗ tay reo hò cổ vũ. Dũng càng hăng, thúc dê phóng mãi, đến nỗi dê mướt cả mồ hôi hăng xì.

Thế là cả ngày hôm sau, dê mẹ không có một giọt sữa nào. Bé Thanh Trúc phải ăn cháo. Hai con dê con cũng đói, kêu be be suốt ngày.

Bác Đào tưởng dê ốm, định mời bác sĩ thú y đến khám bệnh cho thuốc, nhưng Ngọc đã mách:

– Con dê ấy không ốm đâu, nó khỏe lắm, hôm qua anh Dũng phi nó chạy nhanh như ngựa cơ mà!

Bác Đào gọi Dũng ra, lấy roi quất cho một trận, và cấm Dũng không cho đi chăn dê nữa. Việc ấy giao cho anh xe kiêm luôn.

Dũng giận Ngọc lắm, cậu ta gọi Ngọc là "con bép xép". Ngọc rất buồn vì anh Dũng không thèm chơi với nó nữa. Ngọc đành chơi đồ hàng, trò chơi của bọn con gái, tuy cũng vui, nhưng mà không thú vị bằng chơi với con trai.

Một tin vui lại đến với Ngọc. Em nhận được thiếp mời của Hoàng tử vào dự sinh nhật. Thiếp mời đề đích danh Lệ Ngọc, gửi cùng với ba thiếp để trống tên. Thật là vui, bởi Ngọc được đi dự lễ Hoàng Cung mà lại được đi cùng với ba bạn thân là Diễm Lệ, Thanh Thanh, Trúc Quỳ. Đó là bốn cô bé thường được cử đi dự các buổi lễ long trọng của Kinh Đô bởi vì các em là những học sinh giỏi lại xinh xắn và được giáo dục tốt. Các em đều là con gái của các cô giáo.

Niềm vui đó lại buộc các em phải luyện tập suốt cả tuần. Cô giáo Thanh Cầm lại được chỉ định tập tành cho cả bốn đứa. Lại tập đi đứng, cúi chào, cách ăn uống. Khó nhất là những câu hội thoại tiếng Pháp, cách nói cung kính với Hoàng tử, khác hẳn cách nói với bạn bè. Điều đó rất dễ lầm lẫn một cách tai hại!

Lần này trang phục của cả bốn đứa đều là áo dài và đi hài nhung. Ngọc mặc màu hồng phấn, đi hài nhung đỏ. Em rất vui thích thấy mình mặc giống mạ, chỉ không được vấn khăn màu hổ hoàng thôi.

Cô Huyền, một cô giáo dòng Tôn Nữ, được cử làm người dẫn đi.

Trong Hoàng Cung, giữa những tòa lâu đài cổ, mái ngói men, thấp lè tè, với những hàng cột chạm trổ cầu kỳ. Những hành lang thăm thẳm tối mờ mờ ẩm thấp.

Nổi lên một tòa nhà kiến trúc theo lối Pháp, cao ba tầng, cửa kính rộng, những bậc tam cấp cẩm thạch trắng. Vườn ngự uyển rộng mênh mông, cây cối vườn hoa đều trồng theo kiểu châu Âu. Có cả sân quần vợt và bể bơi.

Tất cả khách mời của Hoàng tử đều là trẻ con. Rất đông trẻ con Pháp, một số con cái các quan cận thần trong triều. Tất cả được mời vào phòng tiền sảnh. Một gian phòng rất rộng mà chẳng có đồ đạc gì cả. Sàn bóng như gương, đến nỗi khi bước đi cứ có cảm giác sắp trượt ngã. Thế mà tất cả đều đi đứng rất chững chạc, gật đầu chào nhau vui vẻ mà nghiêm trang. Tất cả đứng theo hình vòng cung, một nửa là trẻ con Pháp, một nửa là trẻ con Việt Nam, phía sau là người lớn. Ánh sáng rực rỡ từ ba bộ đèn chùm pha lê tỏa sáng phản chiếu qua các tấm gương lớn ốp hai bên mặt tường, khiến cho gian phòng như có ánh nắng mặt trời, nhưng lại mát rượi nhờ những quạt máy quay tít, nhìn từ dưới lên như những vòng tròn anh ánh bạc.

Các quan hầu mặc áo gấm thất thể, đeo bài ngà đi lại cung kính, xen lẫn với một số quan Pháp mặc com-plê đen, đeo ca-vát, đi đứng nhanh nhẹn, gõ giày cồm cộp.

Ngọc nhìn tất cả quang cảnh ấy phản chiếu trong gương, thành những hình ảnh được nhân lên nhiều lớp, em ngạc nhiên thấy sao mà đông đúc vô kể. Mải nhìn gương, em giật mình khi tiếng nhạc nổi lên, dàn nhạc binh mặc lễ phục trắng đứng mãi tận cuối phòng, tấu lên một khúc nhạc vui Pháp, tiếng nhạc vừa dứt thì Hoàng tử Bảo Long bước ra. Hoàng tử mặc áo dài gấm vàng, đội khăn vàng, đi hài vàng. Nhìn ông Vua bé ấy rất hay. Vừa xinh vừa buồn cười. Ông Vua bé ấy đi rất chững chạc oai nghiêm, đến giữa phòng thì gật đầu chào. Tất cả trẻ con vỗ tay rào rào. Hoàng hậu xuất hiện, ngài mặc áo dài màu hoàng yến thật lộng lẫy. Hoàng tử nói mấy câu tiếng Pháp cảm ơn tất cả khách khứa đã đến dự lễ sinh nhật.

Một cô bé Pháp, con gái ngài khâm sứ lên đọc lời chúc mừng, rồi hai cô bé Pháp khác mang quà tặng lên dâng cho Hoàng tử. Hai quan hầu chạy đến đỡ lấy. Hoàng tử lại nói mấy câu cảm ơn. Rồi lần lượt tất cả lên dâng tặng phẩm. Lệ Ngọc và các bạn cũng bưng một khay trên để một hộp gấm rất đẹp, chẳng biết để thứ gì trong đó. Ông quan hầu đỡ lấy để lên bàn. Lúc ấy trên bàn đã ngổn ngộn tặng phẩm.

Cuối cùng Hoàng hậu nói, giọng dịu dàng trìu mến:

– Hôm nay ta vui mừng được đón tiếp các con đến chúc mừng sinh nhật Hoàng tử Bảo Long. Thay mặt hoàng tộc, ta cám ơn tấm lòng chân thành của tất cả các con.

Sau đây mời các con và các quan khách cùng ra vườn dự yến mừng Hoàng tử...

Phần nghi lễ kết thúc.

Bàn yến được bày trong vườn. Không giống yến mà Vua thết các quan. Các bàn dài phủ khăn trắng, trên bày dao, nĩa, thìa, đĩa, cốc. Các món ăn kiểu Pháp. Gà quay để cả con, những đĩa xà lách đẹp như một bồn hoa nhiều màu, hoa quả bày thành núi... Ở bàn chính giữa có một cái bánh gatô đẹp như một tòa lâu đài trên có thắp tám ngọn nến lung linh.

Bảo Long lúc này đã thay áo gấm, mặc một bộ âu phục trắng, dáng đi nhanh nhẹn, mắt sáng lấp lánh, cậu ta đến trước bàn tiệc nói bằng tiếng Pháp:

– Xin mời tất cả vào bàn tiệc!

Nói xong chợt thấy Lệ Ngọc đang đứng với các bạn, cậu ta hớn hở chạy đến dắt tay Ngọc đi vào bàn giữa.

Tất cả Hoàng tộc sững sờ, đáng lẽ Hoàng tử phải dắt cô bé con ngài Khâm sứ đến bàn giữa để chủ tọa bữa tiệc. Thế mà cậu ta tự tiện phá bỏ nghi lễ đã dàn dựng sẵn.

Hoàng hậu ghé tai một quan hầu nói gì đó, lập tức ông này đến dắt cô bé Pháp đang lúng túng suýt bỏ về. Ông quan dẫn cô bé đến gần Hoàng tử, cậu ta vui vẻ bắt tay cô đầm con ấy. Thừa cơ ấy, một ông quan khác kéo Lệ Ngọc ra ngoài. Ngọc vui mừng thoát được tình cảnh gò bó, liền lao ra với các bạn, ăn uống thoải mái, rồi

chạy tung tăng khắp vườn. Chốc chốc lại trở vào bàn tiệc lấy thức ăn ra đĩa, rồi lại ra vườn ngồi ăn với nhau và đùa vui suốt cả buổi tối.

Tan buổi yến, cô Huyền đưa Ngọc về nhà, cô kể lại cho bà Thanh Cầm nghe câu chuyện Bảo Long lại một lần nữa chú ý đến Lệ Ngọc. Cô bảo là khi ông quan hầu kéo Ngọc ra, Bảo Long chào cô bạn Pháp xong thì quay lại không thấy Ngọc đâu, cậu ta định chạy đi tìm "cô bé mắt sáng", Hoàng tử gọi Ngọc như vậy. Nhưng cô Huyền đã được lệnh ngăn không cho Ngọc đến gần Hoàng tử. Bởi vì Hoàng tộc không muốn trong buổi lễ long trọng ấy Hoàng tử phá những nghi lễ đã định.

Thanh Cầm mỉm cười, nàng rất tự hào vì con gái được chú ý. Nhưng nàng lo ngại bởi vì rõ ràng là Hoàng hậu không bằng lòng.

Ông Kỳ nghe xong câu chuyện ấy, ông nói:

– Đó là chuyện trẻ con mà thôi! Đừng chú ý làm gì.

Câu chuyện ấy xảy ra trước khi Nhật đảo chính Pháp khoảng tám tháng.

Đến khi cách mạng Tháng Tám thành công, Vua Bảo Đại thoái vị cả gia đình Vua không ở trong hoàng cung nữa, mà về ở An Định Cung, gần An Cựu. Bà Nam Phương xin cho cả ba anh em Bảo Long, Phương Mai, Phương Lan vào học trường Đồng Khánh để tập nói tiếng Việt. Bảo Long là cậu con trai duy nhất của trường nữ học. Nom thấy cậu ta lủi thủi đứng một mình ở hiên. Ngọc chạy đến dắt cậu ta đi chơi. Vừa thấy Ngọc, mắt Bảo Long sáng lên vui mừng. Tuy vậy cậu ta không biết chơi đùa, đi lại cứ rón rén lặng lẽ.

Hai năm trước đây khi cậu ta là Hoàng tử đến thăm trường, với dáng vẻ cao sang và uy nghiêm, việc cậu ta hôn Ngọc và dắt lên ngồi bên cạnh là một việc đem đến vinh dự cho Ngọc, gây xôn xao cả trường. Thì bây giờ cậu Hoàng tử ấy trở thành một học sinh nói tiếng Việt không sõi, ngơ ngác sợ hãi giữa đám học trò nghịch ngợm,

việc Ngọc đến dắt cậu ta đi chơi, lại là một may mắn cho cậu ấy. Bởi vì ít ra là ở đây cậu cũng có một người bạn.

Lệ Ngọc dạy cho cậu ta tập nói, cậu ấy phải cố gắng lắm mới nói đúng dấu, và phát âm rõ lời.

Còn Phương Mai và Phương Lan thì nhập bọn con gái dễ dàng hơn. Mấy cô Công chúa đem đổi bánh gatô lấy hạt muồng luộc, lạc luộc và cũng rí ráu bóc vỏ ăn ngon lành.

Lúc chơi với bạn bè thì Hoàng tử và Công chúa có vẻ rụt rè sợ hãi, vậy mà khi các người hầu đến đón, thì lập tức các cô cậu ấy lại trở về với phong thái hách dịch. Ra lệnh cho họ cầm cặp, quát chị hầu khi chị ấy làm gì không vừa ý. Hoàng tử bước vào ôtô, đã có người chực sẵn mở cửa và sập cửa, với dáng điệu oai vệ, mắt nhìn thẳng phía trước!

Dù sao đối với Ngọc thì cậu Bảo Long bây giờ dễ thương hơn cậu Hoàng tử nhiều. Đó là một cậu bạn trai đầu tiên của Ngọc ở trường. Cậu ta rất phục tùng sự hướng dẫn của Ngọc, và chỉ chơi với một mình Ngọc mà thôi!

7.

Cách mạng Tháng Tám đem đến niềm vui rộn rã cho tất cả người lớn. Còn đối với trẻ con chưa ý thức được niềm tự hào của người dân của một quốc gia Độc lập, nhưng mà chúng vui sướng bởi vì không phải học tiếng Pháp nữa. Mà Ngọc là đứa mừng nhất, môn học ấy rắc rối Ngọc không thích.

Ông Kỳ đã trở thành cán bộ của cơ quan hành chính Trung Bộ. Ông được cử vào ban kiểm kê tài sản Hoàng cung. Đây là một ban rất quan trọng, phải chọn người tin cẩn lắm mới giao nhiệm vụ. Niềm vui sướng được Cách mạng tin cậy làm cho ông Kỳ trở nên hoạt bát.

Từ sáng sớm ông đã đến Sở, ở đó có ôtô đón cả đoàn kiểm kê đi vào thành nội. Không ai được mang theo túi cặp gì hết. Khi về phải qua sự khám xét của bảo vệ rất cẩn thận.

Hằng ngày đi làm về ông kể tỉ mỉ cho cả nhà nghe về tài sản của triều đình Huế. Thanh Cầm rất chăm chú lắng nghe. Ông Kỳ phấn chấn trước sự chú ý của vợ, ông nói:

– Triều đình nhà Nguyễn như một cái thùng rỗng. Cành vàng lá ngọc bị đánh tráo hết, chỉ toàn đồ giả.

Bọn Pháp đểu thật, Hoàng cung chỉ toàn một mớ đồ "Mỹ ký". Vàng ngọc chúng chở về Pháp hết.

Cầm bình luận đầy hứng thú:

– Thì Vua cũng là "Vua giả", nữa là tài sản! Tôi nghe nói Bảo Đại là con hoang, chứ đâu phải dòng dõi Hoàng tộc. Nhưng mà ông đã làm kiểm kê nhà riêng của Bảo Đại chưa? Nghe nói Nam Phương giàu lắm cơ mà?

– Bảo Đại là con hoang thì ai cũng biết cả. Nhưng mà các quan hầu khen ông ta cư xử tử tế lắm. Còn tài sản riêng của Bảo Đại và Nam Phương thì Chính phủ cho họ mang đi theo cả.

Người lớn mải nói chuyện say sưa, quên mất Ngọc cũng chăm chú lắng nghe, em hỏi bất chợt:

– Ba ơi, thế Hoàng tử cũng là Hoàng tử giả hay sao?

Em lo lắng, bởi vì dù sao thì Bảo Long cũng là bạn của em.

Ông Kỳ gạt phắt:

– Con chưa hiểu chuyện đó đâu. Đừng hỏi.

Ngọc bực lắm, em muốn biết sự thật:

– Nếu Bảo Đại là giả, thì Bảo Long cũng là giả chứ?

Thanh Cầm cũng không biết trả lời ra sao, nàng nói:

– Thôi, con chẳng cần hỏi nữa. Vua đã thoái vị rồi thì chẳng còn là vua nữa. Mà Hoàng tử cũng chẳng là Hoàng tử nữa. Mặc kệ họ con ạ!

Cách mạng đã thành công, nhưng ngân khố quốc gia gần như trống rỗng. Nam Triều bù nhìn thì chẳng còn gì, Chính phủ đô hộ Pháp đã bỏ chạy về nước. Bọn Nhật thì đầu hàng quân Đồng minh. Một đất nước kiệt quệ vừa trải qua trận đói khủng khiếp.

Những người trí thức yêu nước xót xa lo lắng cho tương lai đất nước. Khi Chính phủ cách mạng mở tuần lễ vàng, kêu gọi nhân dân đóng góp cho ngân quỹ quốc gia, có lẽ giới trí thức là những người hăm hở nhất trong việc đóng góp.

Thanh Cầm đã thu hết vòng xuyến tư trang được khoảng hơn ba lạng, nàng chỉ để lại một chiếc dây chuyền nhỏ cho con gái. Nàng đem nộp tất cả ngay trong buổi lễ khai mạc.

Trong bữa cơm nàng kể với chồng:

– Thế là trong sáng hôm nay chỉ có mấy gia đình trí thức là nộp nhiều, từ hai đến năm lạng. Còn các nhà giàu buôn bán bên phố, họ chỉ nộp có một hai lạng là cùng. Cái bọn giàu có, lại hay bủn xỉn!

Ngọc thấy mẹ vẫn để chiếc dây chuyền của mình lại, em dỗi, lăn ra khóc. Thanh Cầm bèn đem giấu cất vào tủ, nói dối là chiều sẽ đem nộp.

Nhờ vậy mà đến nay Ngọc mới còn lại vật kỷ niệm thiêng liêng duy nhất của mẹ để lại cho con gái.

Một hôm đi dạy học về, nét mặt Thanh Cầm sa sầm nàng vào thẳng phòng của chồng, ngồi xuống chiếc ghế tựa, cố kiềm chế để đừng bật khóc:

– Ông công tác ở Sở Tài chính, ông trả lời cho tôi biết là có sự ăn cắp vàng quyên góp không?

Ông Kỳ thở dài, ông ngần ngại trả lời:

– Tôi thì chẳng bao giờ lấy dù chỉ là một tờ giấy của công. Còn những người khác thì tôi không biết họ có ăn cắp không?

Nàng rít lên, giọng nức nở:

– Tôi đã dại dột tin tưởng, lột cả đến nhẫn cưới để đưa đi góp vào quỹ vàng. Vậy mà hôm nay tôi thấy con mụ Tân, vợ lão trưởng phòng của ông đeo cái vòng xuyến của tôi. Cái xuyến ấy không thể lẫn với ai được vì tôi đã khắc chạm vào đấy một nét hoa văn riêng.

Ông Kỳ sửng sốt, chính ông cũng đã từng cảm thấy tay trưởng phòng mới bổ nhiệm không có tư cách. Trước kia ông ta làm gì ở

đâu không rõ, nhưng từ khi về Sở thì bộc lộ máu tham lam. Thấy cái gì cũng vơ vét đem về nhà. Vậy mà cách mạng lại tin cậy giao cho nó làm nhiệm vụ kiểm vàng để nộp cho ngân khố quốc gia. Ông buồn rầu nói với vợ:

– Lão trưởng phòng này quả là tôi cũng chẳng tin. Nhưng mà có thể họ đổi đồ nữ trang để lấy vàng lá, vàng thỏi để dễ quản lý.

Cầm hét lên tức giận:

– Con mụ Tân trước đây buôn thúng bán bưng thì lấy đâu ra vàng lá với vàng thỏi mà đổi? Đúng là đồ ăn cắp!

Từ hôm đó tinh thần của nàng trùng hẳn xuống. Nàng từ chối không tham gia vào ban chấp hành phụ nữ cứu quốc. Nàng cũng không đi dự mít tinh, hội họp nữa. Hầu như ngoài giờ dạy học nàng không đi đâu, chỉ vùi đầu vào đọc sách. Nàng những tưởng tìm được niềm tin trong hoạt động xã hội để quên lãng được mối tình đau khổ, thế mà nàng lại mất nốt cả niềm tin ấy.

Pháp trở lại gây chiến, chúng đã chiếm Nam Bộ. Cả nước chuẩn bị kháng chiến. Cụ Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kêu gọi: "Ai có súng cầm súng, ai có gươm cầm gươm..." Đã thức dậy trong lòng mỗi người dân Việt Nam một khí thế bừng bừng, quyết không trở lại đời nô lệ.

Thanh Cầm như sống trở lại. Nàng quên đi chuyện mụ Tân ăn cắp vàng quyên góp. Nàng lao vào hoạt động xã hội. Ngày đêm may áo ấm cho chiến sĩ. Nấu cơm nắm lại thành nắm, làm ruốc thịt, muối vừng, đem ra ga để tiếp tế cho những đoàn quân đi Nam Tiến. Ngoài giờ dạy học, nàng đi đến các xưởng may áo trấn thủ, đóng gói để gửi đi.

Còn ông Kỳ thì đêm nào cũng đi dạy bình dân học vụ để diệt giặc dốt.

Ở gia đình đã cho anh xe thôi việc để tham gia vệ quốc quân. Chị bếp thôi việc về quê sản xuất, chỉ còn chị vú xin ở lại, chị đã ở với gia đình từ khi mới sinh bé Ngọc, chị đã coi đây là gia đình mình. Từ nay sẽ ăn cùng mâm với cả nhà.

Thật không thể ngờ được con người mảnh khảnh yếu đuối như Thanh Cầm mà bây giờ làm lụng suốt ngày. Về đến nhà là nấu ăn,

giặt giũ, lau dọn nhà cửa. Ngọc cũng làm cùng mẹ, em quét nhà, rửa cốc chén, lau bàn ghế, phơi phóng quần áo. Vậy mà Thanh Cầm khỏe hẳn ra, hồng hào lên. Nàng vừa làm vừa lẩm nhẩm hát những bài ca cách mạng.

Ông Kỳ vui vẻ phấn chấn cùng lao động. Ông xách nước, lau nhà, tắm cho cu Hưng. Trong cảnh vui vẻ náo nức ấy ông đã dạy cho Ngọc thổi sáo mồm. Hai bố con vừa làm vừa thổi sáo ríu ran. Thanh Cầm buồn bực vì con gái đã bỏ hết nền nếp giáo dục, mà nàng đã công phu rèn luyện bao lâu nay. Đứa con gái của nàng bây giờ nhanh nhẹn như một thằng con trai. Em đã lên lớp nhì rồi.

Đầu tháng mười năm bốn sáu, tình hình chiến sự toàn quốc căng thẳng. Huế có lệnh tản cư. Các công sở đã đóng hòm các tài liệu để chở ra Vinh. Ông Kỳ nhận nhiệm vụ đem ra trước, ông còn phải lo nhà để làm trụ sở cho cơ quan Ủy ban hành chính Trung Bộ.

Đầu tháng mười một, trường học đóng cửa, công sở nghỉ việc. Người lớn ai cũng lo âu, còn trẻ con thì vui mừng vì được nghỉ học. Thanh Cầm ở nhà một mình càng lo lắng. Nàng phát khóc vì tiền thì ít, mà vàng thì chẳng còn tí nào, lấy gì độ thân lúc loạn lạc?

Ông bà San đã đến thu dọn đóng gói đồ đạc giúp bà Thục Hiền an ủi Cầm yên tâm, khi nào tản cư thì hai gia đình sẽ cùng ra đi. Ngọc vui sướng nghe nói sẽ được đi cùng với các anh.

Nhà ông Đào phải cho vú bế bé Trúc về quê, cho vú cả mấy con dê đem về, và gửi vú một số tiền lớn nhờ nuôi hộ con bé.

Thật lòng chẳng ai muốn bỏ nhà bỏ cửa ra đi, nhất là các bà. Sắm sửa được một cơ ngơi đàng hoàng như thế, đâu có dễ dàng mỗi lúc mà vất bỏ tất cả? Thành thử cứ nấn ná mãi, hy vọng hão huyền là Kinh đô Huế chẳng phải là thành phố có ý nghĩa kinh tế, chính trị gì, thì may ra chiến tranh sẽ bỏ qua đi chăng?

Song đến mười bốn tháng mười một, lệnh tản cư triệt để. Chỉ còn chuyến tàu cuối cùng rời khỏi Huế, sau đó sẽ phá đường tàu hỏa. Thế là tất cả đành ra đi! Hầu hết các gia đình trí thức lớn của

thành phố đều đi trên chuyến tàu này. Một chuyến tàu dài dằng dặc, phải dùng hai đầu máy, một đầu kéo, một đầu đẩy.

Cả mấy gia đình được dồn lên một toa đen, toa chở hàng, chẳng có ghế ngồi, chẳng có cửa sổ. Hòm xiểng va li, túi xách để vào một góc, trải chiếu ra sàn mà ngồi nằm la liệt.

Ông San nói đùa với mọi người:

– Trước kia toàn đi toa "quan lớn" hôm nay mới được thử đi toa "quan lọn". Vậy mà lại vui!

Mà quả thật là trong toa tàu chở hàng này toàn là gia đình bác sĩ, thạc sĩ, kỹ sư, giáo sư... Những con người quyết gắn bó với cách mạng. Họ hiểu sự nhục nhã của những ngày làm việc với Pháp. Họ ra đi với niềm tin vào Cụ Nguyễn Ái Quốc, mà họ biết chính là Cụ Hồ Chí Minh.

Cuộc ra đi bỏ lại đằng sau tất cả cơ nghiệp, bỏ lại một cuộc sống an nhàn, sang trọng, với thói quen đài các quí tộc. Mà trước mắt thì chưa thể hình dung tương lai sẽ sống và làm việc thế nào?

Vậy mà họ ra đi vui vẻ, lòng thanh thản tin tưởng. Tiếng gọi của độc lập tự do, đã có sức cuốn hút họ ra khỏi những lo toan tầm thường hằng ngày. Trước mắt họ ngôi sao dẫn đường là Cụ Nguyễn Ái Quốc. Họ sống vì niềm tin đó, họ dấn thân vì hy vọng đó.

Chính nhờ sự lạc quan của các ông chồng, mà các bà vợ cũng yên lòng. Các bà đã có thói quen sống dựa vào chồng, sống vì chồng. Trong gia đình, người đàn ông trí thức có vị trí độc tôn tuyệt đối. Họ vừa là niềm tự hào danh vọng, vừa là người làm ra kinh tế nuôi cả nhà, vừa là ý chí quyết định cách sống.

Điều này khác hẳn các gia đình giàu có khác. Bởi vì các gia đình nhà giàu, có thể bà vợ là linh hồn. Cho dù vốn liếng là của chồng chăng nữa, thì các bà vẫn là người điều hành chính của gia đình.

Đoàn tàu chạy miệt mài suốt ngày đêm không hề dừng nghỉ ở ga nào, phải chạy thoát khỏi vùng chiến sự càng sớm càng đỡ nguy hiểm.

Tất cả lũ trẻ con háo hức mải mê ngắm cảnh. Những cánh đồng vừa gặt, gốc rạ xác xơ, xen lẫn với những thửa mạ xanh mướt như nhung. Những mái nhà xám lấp ló sau rặng tre, tất cả cứ lùi dần phía sau. Rồi đến những đầm phá ngập nước, trẻ con bơi lội cùng trâu bò... Tiếp đến những đồi núi trập trùng, những rừng cây âm u, vắng vẻ, những ngọn núi ảm đạm huyền bí. Tất cả những ấn tượng mới lạ đó tạo nên một nỗi sợ hãi mơ hồ. Những điều kỳ lạ mênh mông ngoài sức nghĩ của lũ trẻ đã làm rung động trí tưởng tượng non nớt của chúng.

Ngọc nói với hai anh của mình:

– Đọc truyện cho em nghe, toàn rừng núi, em sợ lắm.

– Gì mà sợ? – anh Hỷ ân cần hỏi Ngọc.

– Em chẳng biết nữa. Nhưng mà em thấy buồn và sợ, có lẽ ở đó có nhiều ma.

Dũng chen ngay vào trêu Ngọc:

– Đúng, nhiều ma lắm! Này nó sắp sửa bò vào cửa túm chân Ngọc lôi xuống...

Dũng thò tay sờ vào chân Ngọc. Cô bé tái xanh, hai chân co lại, lùi dần vào phía trong.

Dũng vẫn chưa tha:

– Kìa xem, ma trơi đang bay ra cả bầy kia kìa!

Trời chập choạng, đom đóm lập lòe từng đàn. Bỗng có con bướm đen to như bàn tay sà vào cửa đậu ngay trên trần toa tàu. Ngọc bưng mắt run rẩy, suýt òa khóc.

Bác Đào phải quát đuổi Dũng vào góc toa.

Đêm tối đen mù mịt mà không có đèn, về tối gió càng mạnh, cứ tạt hun hút vào toa. Ngọc ngồi nép vào mẹ, em bắt đầu nhớ nhà. Nhớ ngọn đèn lung linh dưới chao đèn xanh, nhớ bàn học trên đó có lọ mực thủy tinh, nhớ cả cái lồng chim yến, không biết vú ở lại nhà có nhớ cho nó ăn không? Ngọc thương vú quá, bây giờ chỉ còn mỗi mình vú ở lại, vú có sợ không? Em khóc thút thít:

– Mạ ơi cho con về nhà, con nhớ nhà lắm.

Thanh Cầm ngồi trong bóng tối cũng dàn dụa nước mắt. Một nỗi buồn nhớ đang nhấn chìm nàng trong thất vọng "Thế là từ nay chẳng còn hy vọng gì nghe được tin tức về anh nữa. Anh ơi giờ này anh ở đâu, anh có biết em đang trôi dạt về phương trời nào không?". Nàng cảm thấy mình đang chới với giữa sóng Đại Dương mênh mông, cô đơn trong buồn khổ, chìm sâu trong đêm tối. Tiếng khóc của bé Ngọc làm nàng giật mình. Con gái nàng cũng đang buồn, nỗi buồn thơ dại! Nàng dẹp niềm đau buồn của mình để tìm cách dỗ con:

– Đừng buồn con ạ. Ngày mai chúng mình sẽ được gặp bác Thơ. Chúng mình sẽ được sống cùng nhà với bác Thơ cơ mà!

Ngọc sung sướng ôm ghì lấy mẹ:

– Bác Thơ có đi đón chúng mình không?

– Có chứ! Con ngủ đi, mai dậy cho tỉnh mà gặp bác – Hai mẹ con chỉ nghĩ đến bác Thơ, mà quên là ông Kỳ mới là người nóng lòng mong đợi vợ con nhất.

Những ngày phải đi công tác xa gia đình, ông mới chợt cảm thấy khao khát không khí ấm cúng sống bên vợ con. Ông nhớ cả nét mặt bướng bỉnh của con gái, ông thích cả sự ngúng nguẩy của vợ. Suốt mười năm sống bên nhau, vậy mà cho đến lúc này, một tháng phải sống xa cách gia đình, ông mới thấu hiểu hết giá trị hạnh phúc giản dị mà quý giá đến chừng nào.

Thế là tất cả anh em họ Hoàng Đức đã tề tựu đầy đủ ở tòa nhà của cụ Nghè. Tòa nhà này bây giờ thuộc quyền thừa kế của ông Thơ.

Tòa nhà rộng mười phòng, chưa kể dãy nhà ngang. Một khu vườn rộng bao bọc, có giếng khơi, cây ăn quả đủ loại: mít, xoài, na nhãn, sấu, khế, ổi v.v...

Phía trước có vườn hoa, nhiều hoa quý, lại có một bể cá to, hòn non bộ đẹp như một hòn núi thật.

Ngọc say mê đứng ngắm hòn núi giả suốt ngày. Em tưởng tượng mình trở thành một cô bé tí hon như câu chuyện cổ tích của Ăng-đec-xen. Ông Thơ chiều nào cũng ngồi với cô cháu gái, kiên nhẫn kể sự tích từng ông Tiên bé tí xíu bằng sứ gắn trên mỗi ngọn núi.

Ngọc chăm chú lắng nghe, em thích thú đến nghẹn thở, em nói với bác:

– Bác ơi, nếu cháu trở thành cô tiên tí xíu thì bác sẽ gắn cháu ở chỗ nào?

Bác Thơ âu yếm ôm Ngọc vào lòng rồi nói:

– Bác không gắn cháu, mà thả cho cháu chạy khắp núi. Rồi cháu phải làm thêm nhà thật đẹp, chứ mấy cái đình kia xấu quá.

– Bác ơi, thế bác cũng trở thành tí xíu nhé! Rồi hai bác cháu mình cùng đi chơi trên núi nhé.

– Phải rồi! Cứ buổi sáng bác sẽ dạy cháu học. Nếu không cháu sẽ dốt hơn mấy ông tiên kia. Rồi bác cháu mình phải trồng hoa, phải trồng cây cho hòn núi đẹp hơn.

– Bác ơi, thế mạ cũng phải bé tí xíu nữa. Nếu không thì tối đến Ngọc nhớ mạ lắm.

Ông Thơ cười vang ôm ghì cô cháu gái:

– Đã biến thành tiên thì phải giỏi như tiên. Còn khi nào nhớ mạ thì lại trở thành người!

Cuộc "du ngoạn" trên hòn non bộ đầy hứng thú ấy phải dừng lại, khi người nhà đến báo là bác Thơ có khách.

Hóa ra khách lại là chú Hoàn và chú Quang học Đại học ở Hà Nội cũng vừa mới trở về. Hà Nội đã đóng cửa trường học để sẵn sàng chiến đấu.

Thế là đầy đủ tất cả năm anh em trai và hai cô em gái, các cô đang học trung học ở Vinh. Cô Thọ và cô Nam vui mừng ôm chầm lấy các anh trai, sung sướng kêu lên:

– May quá! Thế là đầy đủ chẳng thiếu ai. Bây giờ chiến tranh có nổ ra ngay cũng chẳng sợ nữa.

Không khí đại gia đình vui như tết. Mọi người tranh nhau kể chuyện tình hình căng thẳng gay gắt ở Hà Nội, ở Huế, với một giọng đầy hài hước.

Chú Hoàn nói:

– Các anh biết không? Khu học xá dạo này thỉnh thoảng lại mất nước. Có một hôm em đang tắm, vừa xoa xong xà phòng thì

douche hết nước. Thế là đến giờ học, đành phải lấy khăn bông lau rồi mặc áo đến bệnh viện thực tập. Sinh viên y khoa mà vừa thăm bệnh, vừa gãi, người cứ ngứa như điên. Đành bỏ giờ khám chui vào phòng tắm bệnh viện tắm lại. Bệnh nhân tưởng "bác sĩ" bị ghẻ ruồi!

Chú Quang kể:

– Có hôm em đang đạp xe giữa đường, thì bị xịt lốp, mà lại báo động. Thế là đành đạp rốn, về đến ký túc xá thì săm lốp tan ra như cái xơ mướp mà tiền thì hết, đang lo không có tiền mua lại săm lốp. Thế là may quá, nhà trường đóng cửa nghỉ học, thành ra khỏi phải chữa xe!

Chuyện trò vớ vẩn thế mà cả nhà cười rộ. Tiếng cười của niềm vui sướng đoàn tụ.

Nhưng mà niềm vui chỉ kéo dài được hơn một tháng. Lệnh cấp trên, thành phố Vinh phải phá tất cả nhà cửa "tiêu thổ kháng chiến" để ngăn không cho giặc Pháp đổ bộ. Vùng Thanh Nghệ Tĩnh phải được giữ vững để làm vùng căn cứ cho công cuộc kháng chiến.

Bắt đầu phá những tòa nhà lớn trước: Nhà ngân hàng, các công sở, cửa hàng vàng bạc, cửa hàng tơ lụa... Suốt đêm ngày tiếng gạch đổ ầm ầm như bom dội. Bụi vôi vữa bay mù mịt trắng xóa. Cảnh các gia đình ôm nhau khóc như nhà có tang. Các bà chủ mặt thẫn thờ đi nhặt nhạnh từng hòn gạch xếp cẩn thận, nâng niu từng mảnh kính, từng tấm cửa, vừa làm vừa khóc nức nở. Nhìn thật xót xa!

Ông Thơ bình tĩnh thu xếp đưa các em về quê. Ông San được bổ nhiệm làm giám đốc bệnh viện Liên khu bốn đóng ở Thanh Hóa, ông đưa cả gia đình đi theo. Thanh Cầm được phân công đi dạy học ở huyện Đức Thọ Hà Tĩnh, nàng đưa các con đi với mình. Ông Thơ và ông Kỳ vẫn ở lại thành phố Vinh, cơ quan tỉnh vẫn đóng ở đấy. Mọi người trước khi ra đi, đều đi vòng quanh khuông nhà thân yêu. Nơi mà mỗi anh em đều đã sinh ra và lớn lên ở đây. Cả tuổi ấu thơ, êm đềm trong tình yêu của cụ Nghè đối với từng đứa con như còn vương vất ở từng góc vườn, từng đồ đạc, cho đến từng mảnh tường... đều nặng tình nghĩa gia tộc thiêng liêng. Tổ ấm của dòng họ Hoàng Đức mấy đời trên mảnh đất này. Ai cũng cố tìm nhặt một vật gì đó để làm kỷ niệm.

Nhìn ông Thơ bình tĩnh, thậm chí còn cười đùa rất hóm hỉnh, khi tiễn các em lên đường. Không ai có thể hiểu được nỗi lòng của ông.

Cho đến khi bé Ngọc ôm cổ bác Thơ hôn, để xuống thuyền về Đức Thọ, chợt em kêu lên:

– Bác ơi, tóc bác tự nhiên bạc trắng hết cả! Mọi người mới sững sờ nhìn người anh thân yêu. Và lúc ấy mới hiểu ra sức chịu đựng nỗi đau đớn ngấm ngầm của ông thật nặng nề nhức nhối đến chừng nào?

Ông Thơ rút túi đưa cho Ngọc một cái hộp trong đó đựng tất cả các ông Tiên bằng sứ bé tí xíu, bác đã gỡ từ hòn non bộ. Bác nói với cháu gái:

– Khi nào nhớ bác thì mở mấy ông Tiên này ra mà chơi. Nhớ phải học giỏi như tiên nhé!

Hai giọt nước mắt lặng lẽ lăn trên đôi má hóp lại vì buồn đau. Bác áp mặt vào đầu Ngọc.

Nỗi đau không lên tiếng là nỗi đau thấm thía nhất!

8.

Đức Thọ là quê ngoại của Thanh Cầm, nhưng mà đối với nàng là nơi lạ lẫm. Bởi chưa bao giờ gia đình nàng ở đây cả. Nàng chỉ biết quê mình qua những câu ca dao:

Đức Thọ gạo trắng nước trong,
Ai về Đức Thọ thong dong con người.

May mắn là chị nàng, bà Thanh Hải lấy chồng quê ở đây, ông Đôn là dược sĩ cao cấp. Lúc này cả hai vợ chồng đã từ Hà Nội tản cư về tại làng Châu Phong, một làng đẹp nhất Đức Thọ. Gia đình ông Đôn khá giàu có, vừa có ruộng đất, lại có nhà cửa khang trang, cho nên dù là chạy loạn mà đời sống vẫn đàng hoàng ổn định.

Châu Phong là một làng trù phú, cây cối xanh tươi, có đồi Linh Cảm trồng toàn thông lá kim, soi mình trên dòng sông La nước trong như lọc. Có chợ Hạ chuyên bán tơ tằm và lụa. Con gái làng này nổi tiếng đẹp, làn da nõn nà, tóc dài chấm gối, giọng hát ví dặm trầm ấm âm vang.

Sắc đẹp của hai chị em Thanh Hải, Thanh Cầm có lẽ cũng là dòng máu của bà mẹ, vốn là con gái làng lụa Châu Phong này.

Bà Thanh Hải đã mua sẵn cho em gái một căn nhà gỗ ba gian xinh xắn trên một mảnh vườn nhỏ. Phía trước có hai cây bưởi đào, phía sau trồng đu đủ, chuối và trồng rau. Nhà có giếng khơi trong vắt. Bà chị vốn hiểu tính em gái, không thích ăn nhờ ở đậu, nên đã tạo cơ ngơi riêng cho em. Bà mua sắm đủ giường chiếu, bàn ghế, dụng cụ gia đình. Thậm chí cả thạp đựng đầy gạo, chạn bát, nồi niêu xoong chảo.

Bởi vậy khi mấy mẹ con Thanh Cầm vừa cập bến thì đã có sẵn nơi ăn ở đàng hoàng. Điều này đã an ủi nàng rất nhiều trong cảnh bơ vơ, một nách hai con, tiền nong chẳng có, chồng công tác xa.

Thanh Cầm được đi dạy ở trường tiểu học Mai Thủy, Lệ Ngọc và Đức Hưng đều đi học ở đấy. Ngọc học lớp nhì, Hưng học lớp tư (như lớp hai bây giờ). Lương tháng của nàng và phụ cấp của hai đứa con chưa đầy sáu mươi cân gạo một tháng. Tuy vậy cuộc sống ở đây thật dễ chịu. Thực phẩm thì rẻ, rau dưa tự trồng lấy, nuôi gà nuôi vịt thêm thì cuộc sống cũng sung túc.

Nhưng điều vui thích nhất là sự đùm bọc của bà con xóm giềng. Con người ở vùng quê này thật nhân hậu. Sáng sớm nhà hàng xóm hãm được ấm chè xanh là ra hiên nhà gọi í ới: "Nước chè chát ngon lắm, sang uống nhá!". Nhưng chỉ có người lớn sang uống với nhau.

Đêm trăng, nhà nào luộc được rổ khoai, rổ lạc lại gọi: "Sang ăn khoai nóng nhá!".

Ngọc vui sướng chạy từ nhà này sang nhà khác, vừa cầm củ khoai nóng chuyền từ tay này sang tay khác, thổi phù phù cho nguội. Vừa ăn vừa nghếch tai nghe kể chuyện Tam Quốc, chuyện con khái (hổ) thần linh, có khi cả chuyện ma nữa. Những câu chuyện rùng rợn, mà thú đến nỗi Ngọc phải len vào ngồi chính giữa cho đỡ sợ mà mắt vẫn không rời người kể.

Bạn bè của Ngọc ở đây đông lắm, chiều chiều rủ nhau cả lũ ra sông tắm truồng. Nước sông La trong như lọc, bãi sông thoai thoải ra tận giữa dòng, tha hồ tập bơi.

Ngọc còn tập gánh nước với các bạn, hai đầu hai cái vò nhỏ. Nhà có giếng, nhưng mà đi gánh nước với các bạn rất thích. Được hòa mình với các bạn là niềm vui sướng của tuổi thơ. Thanh Cầm xót xa nhìn tay chân con gái rám nắng, xây xước mà lo ngại. Nàng rất lo con gái còn bé mà làm lụng nặng nhọc thì sẽ thô xấu đi. Nhưng mà chẳng thể nào ngăn cấm được. Bởi lúc này đây, lao động chân tay mới là giá trị của con người chân chính!

Ông Kỳ thỉnh thoảng mới về thăm nhà một lần. Cơ quan ông đã dời đi tận Đô Lương, một huyện vùng núi phía Tây Nghệ An. Cách xa Đức Thọ bốn ngày đi bộ. Đường sá đã phá hết, để ngăn quân địch tấn công bằng cơ giới. Bởi vậy mà phương tiện giao thông duy nhất là đôi chân. Cũng như phương tiện vận tải duy nhất là xe cút kít. Mỗi lần về thăm nhà đi lại thật vất vả lắm.

Trong hoàn cảnh chồng ở xa, đời sống khó khăn, mà Thanh Cầm lại mới sinh thêm một con gái. Nàng đặt tên cho bé gái là Bảo Kim. Có lẽ nàng muốn nói đến cảnh sống hiện nay khó khăn quá, nàng chỉ ước ao có một ít vàng, thì sẽ quý bao nhiêu!

Lệ Ngọc trở thành lao động của gia đình. Em vừa đi học, vừa giặt giũ, nấu nướng, bế em... toàn bộ gánh nặng công việc nội trợ trút lên vai cô bé lên mười một.

Tuy rằng cu Hưng lên chín cũng đỡ đần những việc như chăn vịt, xách nước, đun bếp... Nó là đứa cần cù chịu khó, nhưng mà dù sao nó cũng là thằng con trai, vẫn mải chơi hơn...

... Năm mười hai tuổi Lệ Ngọc lên học cấp hai, em cao vóng lên, chân tay dài nghêu, người mảnh như lá lan, tóc dài chấm lưng đen mượt. Đôi mắt to sáng long lanh, nhìn em dễ thương như con hươu non.

Học sinh đặt biệt hiệu cho Ngọc là "Đèn pha" bởi đôi mắt sáng của em. Về sau có bạn lại gọi Ngọc là "An-pha", có thể từ chữ đèn pha mà ra. Hoặc là họ xếp em vào loại A chăng?

Tuy đang là nhóc con, nhưng mà các em bắt đầu chú ý đến sắc đẹp. Chuyện ấy bắt đầu từ việc các anh học sinh chuyên khoa làm ra tờ báo chữ to "Speaking Flower". Trong đó ghi đủ tên tất cả nữ sinh cấp hai và cấp ba.

Tờ báo ấy xuất hiện bí mật từ ban đêm. Sáng hôm ấy học sinh vừa đến trường thì xôn xao cả lên, bởi vì tất cả nữ sinh được xếp hạng sắc đẹp!

Chưa bao giờ có một tờ báo tường mà lại chấn động đến thế. Tất cả học sinh xúm vào đọc và ghi chép. Ngọc cũng chen vào xem, em thấy mình được xếp thứ tư. Thế có buồn cười không? Một cô bé chưa trở thành thiếu nữ mà cũng được đưa vào danh sách "hoa khôi".

Sự kiện đó bỗng nhiên làm cho các cô bé trở nên hay soi gương ngắm vuốt. Đang là những bé gái hồn nhiên, thậm chí hãy còn đi tắm truồng, lại trở nên e thẹn trước đám con trai. Mà tự nhiên bọn con trai choai choai cũng bắt đầu thích ngắm nghía bình luận về sắc đẹp bọn con gái.

Thanh Cầm lo lắng nghe con gái hớn hở kể:

– Mạ có biết các anh học sinh chuyên khoa đã ra tờ báo trường Speaking Flower không?

Thanh Cầm hỏi lại:

– Tờ báo "Hoa biết nói" ấy chắc là kể về đặc điểm các loài hoa phải không?

– Không phải đâu. Các anh xếp loại sắc đẹp nữ sinh. Có đủ tất cả bốn mươi tám nữ sinh từ lớp năm đến lớp đệ tam chuyên khoa[1].

Thanh Cầm tròn mắt kinh hãi:

– Sao! Ai đã làm chuyện bậy bạ ấy?

– Không biết ai làm cả. Mà buồn cười lắm mạ ạ, các chị lớp lớn đều bị xếp thứ bét. Còn mười đứa loại A đều là lớp năm lớp sáu cả!

---

1. Vào những năm 1949-1950 hệ phổ thông ở vùng kháng chiến, cấp II có từ lớp năm đến lớp bảy. Cấp III thì lại gọi là đệ nhất, đệ nhị, đệ tam chuyên khoa. Vì lúc đó đã học phân ngành.

– Thật nhà trường chẳng ra làm sao! Thầy hiệu trưởng có thu hồi tờ báo ấy ngay không?

– Khi thầy đến thì có một anh lột ngay tờ báo giấu biến đi. Nhưng mà chúng con đã thuộc thứ bậc của từng người rồi. Con được xếp thứ tư đấy mạ ạ.

Thanh Cầm cảm thấy phải ngăn chặn đà hưng phấn của con gái, nàng thở dài nói:

– Rõ thật chán quá! Đến như con mà cũng xếp thứ tư thì rõ là cách xếp loại ấy sai rồi.

Ngọc ngạc nhiên thấy mẹ chê mình xấu, em nói:

– Con không xấu, ai cũng bảo là con xinh.

Cầm thấy đã đến lúc cần cho con gái hiểu về cái đẹp của giới nữ. Nó đang vượt ra khỏi độ niên thiếu, và đang vươn lên để trở thành thiếu nữ.

Nàng lấy lại được vẻ thản nhiên nói với con:

– Thế là con chưa hiểu gì về chữ *đẹp* cả. Loại như con chưa thể coi là xinh, là đẹp gì hết.

– Tại sao ạ?

– Trước hết con chưa đủ lớn, nên cái đẹp và cả cái xấu đều chưa định hình. Còn lâu! Phải ít nhất ba năm nữa thì con mới là một thiếu nữ. Mà từ nay đến đó, nếu con tự biết rèn luyện thì may ra mới có thể thuộc loại "coi được".

Ngọc háo hức nhìn mẹ:

– Rèn luyện như thế nào? Mạ bảo cho con biết với!

– Người Pháp nói: "Bức tượng đẹp nhờ ở đường nét, con người đẹp nhờ ở tâm hồn".

Ngọc thất vọng thở dài:

– Đó là lời dạy đạo đức của người lớn. Con muốn là người đẹp thật cơ.

Thanh Cầm mỉm cười nhẹ nhàng nói:

– Con thật giống mạ lúc bé. Hồi đó bà ngoại dạy mạ là "cái nết đánh chết cái đẹp". Còn mạ thì cho là chỉ có ai xấu xí mới nói như vậy.

– Đúng thế mạ ạ!

– Không đúng đâu. Càng lớn mẹ càng nghiệm ra giữ được vẻ đẹp không quan trọng bằng giữ được "ấn tượng đẹp".

– Ấn tượng đẹp là gì ạ?

– Là làm cho mọi người cảm thấy mình đẹp. Bởi vì có nhiều người có nhan sắc của trời phú cho, vậy mà ai nhìn cũng thấy vô duyên.

– Mạ ơi, thế thì làm thế nào?

– Trước hết đừng bao giờ nghĩ là mình đẹp. Đừng ngắm vuốt, như vậy nét mặt mới tự nhiên. Người vô duyên nhất là các cô gái hay làm dáng!

Lệ Ngọc cảm thấy xấu hổ. Gần đây em hay soi gương, nói năng đi đứng mất tự nhiên. Em cứ luôn luôn sợ mình xấu.

Nàng nói tiếp:

– Điều thứ hai là đừng bao giờ nghĩ xấu về người khác. Đôi mắt đẹp là đôi mắt có ánh nhìn trìu mến. Giọng nói hay là giọng nói chân tình. Nụ cười đẹp là nụ cười dịu dàng. Mà điều đó lại tùy thuộc ở tâm hồn con người có tốt đẹp hay không? Nếu con không tin mạ, con cứ quan sát bạn bè xem. Với ai thì con cảm thấy đáng yêu, mà với ai thì con cảm thấy đáng ghét?

Ngọc ôm chầm lấy mẹ, em vui vẻ nói:

– Đúng! Con cũng thấy như thế. Nếu đẹp mà đáng ghét thì chẳng đẹp để làm gì mạ nhỉ!

Thanh Cầm ôm con gái vào lòng:

– Làm người dễ thương còn hơn làm người đẹp con ạ!

Hai năm sau lên lớp bảy, Lệ Ngọc đã trở thành cô thiếu nữ mười bốn tuổi. Da trắng hồng, mắt đen sáng ngời ngợi, hàm răng trắng bóng như ngọc trai, mái tóc dài chấm gối đen mượt tết thành

hai đuôi sam. Dáng người thon thả nhẹ nhàng. Em là một cô gái đẹp!

Tuy vậy em rất giản dị. Bởi vì nhà em nghèo, tiền lương của ba, mạ, chỉ đủ để sống tùng tiệm. Vả lại em cũng chẳng thích diện. Em ngại sự đỏm dáng.

Em lại đang học lớp bảy, lớp cuối cấp, cho nên học sinh phải dốc sức học hành. Thế mà mẹ Ngọc bắt đầu ốm, mẹ cứ bị những cơn đau thắt ngực, môi thì bợt bạt. Ngọc lo lắng vô cùng khi nhìn mẹ đi dạy học về là nằm vật ra giường, mắt nhắm lại, tay chân xõng xoài. Dì Thanh Hải bắt mẹ Ngọc phải nghỉ dạy, rồi cắt thuốc bắc uống. Nhưng mẹ vẫn yếu lắm.

Thế là công việc nhà, chăm sóc mẹ ốm, chăm sóc em bé... Tất cả đều dồn vào Ngọc. Vậy mà Ngọc học hành vẫn khá. Năm ấy Ngọc tốt nghiệp cấp hai, và đã đạt điểm lên thẳng cấp ba.

Mùa hè năm ấy là mùa hè kỳ diệu đối với Ngọc. Đám thiếu nữ thường hay tụ tập đùa vui với nhau. Thú vị nhất là những đêm trăng kéo nhau đi gánh nước, hai bọn con trai với con gái hát ví đối đáp nhau rất vui.

Loan rất bạo mồm, thường lên tiếng trước:

– *Trên trời trăng sáng điểm sao*
Nằm đêm không ngủ nhớ em nào hả anh?

Đám con trai đùn đẩy nhau, lát sau Từ cất lên giọng vỡ ồ ồ hát đáp:

– *Đồn đây là chốn Đào Nguyên*
Trăng thanh gió mát cắm thuyền dạo chơi.

Hương lanh lảnh cất giọng ứng đối rất nhanh.

– *Hỏi chàng quê ở nơi đâu?*
Mà chàng thả lưới buông câu chốn này?

Lũ con trai, con gái bắt chước các anh chị lớn hát ví. Chợt nhớ câu nào thì hát lên câu đó. Chứ có đối đáp được đúng câu đúng ý gì đâu?

Ngọc thì cứ rũ ra mà cười, cô bé không phản xạ kịp để ứng đối. Nhưng mà nhập bọn là đủ vui rồi.

Những cuộc đùa vui giữa nam và nữ như vậy là một niềm hứng thú tuyệt vời. Cuộc sống trở nên lung linh huyền diệu, và tình bè bạn bỗng trở nên thân thiết hơn.

Một hôm Ngọc đi học về, em gặp anh Thảo, là học sinh chuyên khoa, anh ở trọ học cạnh nhà Ngọc từ ba năm nay. Nhưng vì Ngọc chỉ là một cô bé nhóc nên các anh lớn chẳng chú ý. Hôm ấy anh Thảo đứng trước cửa, vừa nhìn thấy Ngọc, anh ấy đã kêu lên:

– Sao Ngọc lại lớn bổng lên từ lúc nào thế?

Ngọc cười hồn nhiên, cúi nhìn quần áo cũn cỡn của mình:

– Em lớn nhanh quá, thành ra quần áo ngắn hết! Anh Thảo nhìn em chăm chú, đôi mắt cận thị sau cặp kính chợt đờ đẫn, anh nói thì thào:

– Em như một nàng tiên giáng trần vậy!

Ngọc tưởng anh nói đùa, em cười hồn hậu:

– Mạ em bảo em không thuộc loại đẹp, chỉ là loại "được" thôi.

Anh Thảo im lặng không nói gì, anh vẫn nhìn Ngọc với vẻ nhìn kỳ lạ. Thốt nhiên Ngọc cũng thấy một luồng xao xuyến, em nhìn lại anh Thảo và cảm thấy anh thật dễ mến. Em chào lí nhí:

– Em về nhé!

Rồi em cúi mặt đi nhanh vào nhà, tim đập rộn ràng.

Thanh Cầm chợt nhận ra con gái dạo này bắt đầu lơ đãng, thường hay ngóng nhìn ra đường. Mỗi lần mấy cậu học sinh lớn đi qua là Ngọc bắt đầu bồn chồn. Mấy cây bưởi trước nhà ra hoa, hương thơm dìu dịu tỏa khắp vùng. Các cậu học sinh chuyên khoa thường đứng dưới cây bưởi ấy nhìn vào nhà. Nàng lo lắng nhìn con gái đang vào độ tuổi trăng rằm.

... Nàng nhớ lại hồi gặp Phạm Văn, nàng cũng chỉ vừa qua tuổi mười lăm, những bài thơ tình đắm say đã đưa nàng vào thế giới huyền diệu của tình yêu đầu tiên. Và cũng mối tình đầu ấy đã đầy đọa nàng vào nỗi đau khổ khôn nguôi suốt hai mươi năm qua.

Làm sao bây giờ? Làm sao cho con gái thoát khỏi cái vòng oan nghiệt ấy của tình yêu?...

Ngọc thường hay đến chơi nhà người chú, chú ấy dạy văn ở trường chuyên khoa. Một hôm chú ấy bảo với Ngọc:

– Cháu phải cố gắng học văn giỏi như cậu Thảo lớp chú dạy. Đó thực sự là một nhà văn tương lai.

Ngọc mượn bài văn mà chú đang chấm cho Thảo, phê tám điểm. Em ngồi đọc nghiền ngẫm, say sưa xúc động, em yêu từng nét chữ của anh.

Song em chẳng nhớ nổi một câu văn nào cả.

Một nỗi nhớ vẩn vơ, một thoáng vui vô cớ. Ngọc như người đang phiêu diêu bay bổng. Em trở nên mơ màng.

Một đêm hai mẹ con nằm nói chuyện với nhau, Ngọc chợt hỏi mẹ:

– Tình yêu là thế nào hả mẹ?

Nàng nhẹ nhàng vuốt tóc con:

– Con đang yêu ai phải không con?

Ngọc ôm choàng lấy mẹ, dụi đầu vào vai mẹ:

– Mạ ơi, con cứ hay nghĩ đến anh ấy, nhớ anh ấy nữa. Thế có phải là tình yêu không?

Thanh Cầm tự hỏi lòng mình "Thế nào là yêu nhỉ?".

Nàng nói lên tâm sự của mình:

– Mạ nghĩ có lẽ chưa phải tình yêu đâu con ạ. Mà có lẽ chỉ là lòng con "muốn yêu" thôi. Con ơi, ở đời được yêu là một hạnh phúc vô cùng lớn. Bởi vậy mà tình yêu không thể đến một cách đơn giản như là một ý thích ngẫu nhiên đâu. Sự lầm lẫn giữa "yêu" và "thích" là một tai họa cho cả đời!

Ngọc xoay người nằm ngửa, tay đặt sau gáy, em đăm đăm nhìn vô định:

– Mạ ơi, ngày trước mạ yêu như thế nào?

Cầm muốn trút bầu tâm sự bấy lâu vẫn đè nặng lên tâm hồn nàng:

– Mạ đã yêu một người, yêu lắm, mà không được sống với nhau.

– Ba với mạ có yêu nhau không?

Nàng phân vân, nhưng rồi nàng cũng nói thật:

– Ba với mạ chưa bao giờ yêu nhau cả. Nhưng mà bao giờ cũng quý trọng nhau.

Ngọc thở dài, em nói:

– Con cũng đoán ra như thế. Sống như vậy thật buồn! Thanh Cầm thắt tim đau nhói. Thế ra chẳng giấu được trẻ con điều gì cả. Chúng có cách nhìn thật rạch ròi mà chân thật. Cầm kể tiếp với con:

– Người mà mẹ yêu vừa tuyệt vời, vừa yếu đuối. Bởi vậy mà cả hai đều sống chẳng ra sống!

Ngọc nhổm dậy nhìn vào mắt mẹ:

– Sao vậy mạ? Nói đi mạ ơi!

Thanh Cầm kể lại mối tình của mình với Phạm Văn rồi nàng tự bạch với con gái nỗi lòng day dứt bấy lâu. Tuy nhiên nàng vẫn giấu tên người ấy:

– Mạ yêu bác ấy năm mạ mới mười lăm tuổi, còn bác ấy chỉ mới mười tám. Năm năm yêu nhau say đắm qua những bài thơ tình gửi cho nhau từ Hà Nội vào Huế. Mạ chiêm ngưỡng người mình yêu qua thơ, cho nên chỉ những nét lung linh tài hoa. Đôi bên sống trong mộng ảo, say đắm về vẻ đẹp của nhau, mà quên mất cuộc sống đời thường. Mà chính trong đời thường con người mới thể hiện hết bản chất thật của con người.

Lệ Ngọc ngạt thở, hai mắt trân trân nhìn mẹ:

– Mạ ơi, một người làm thơ hay, mà lại có thể có cuộc sống tầm thường được hay sao?

– Bác ấy có một tâm hồn đẹp, nhưng mà bác ấy không đủ bản lĩnh để giữ gìn một cuộc sống đẹp.

– Sao thế hả mạ?

– Nhà thơ, nhà văn có tâm hồn dễ xúc cảm, nên trong cuộc sống hay thương yêu mà cũng dễ tức giận. Bởi vậy họ hay nhân

nhượng hoặc hay quá khích, đó là hai mặt yếu đuối của tâm hồn, và thường là họ chịu thua.

– Thế sao bác ấy đã yêu mạ, mà không lấy mạ?

Mắt Cầm ướt đẫm, may nhờ đêm tối nên con gái nàng không nhìn thấy.

– Bác ấy yêu mạ, nhưng bác ấy không đấu tranh cho tình yêu. Gia đình cưới vợ ở nhà quê cho bác ấy. Bởi vậy mà mạ phải lấy chồng.

Lệ Ngọc nằm vật xuống giường, em tức giận:

– Đồ tồi! Thế thì mạ không cần nghĩ đến ông ta nữa.

Thanh Cầm im lặng. Con gái nàng làm sao hiểu nổi những đau đớn mà nàng đang gánh chịu? Khi đã mang một tình yêu sâu nặng, là sự hòa hợp của hai tâm hồn, là sự đồng cảm của hai trái tim. Phải chôn vùi một tình yêu như vậy, là đã bóp chết hẳn linh hồn cuộc sống. Sống mà vật vờ vô định.

Nàng nói với con gái:

– Bởi thế mà mạ thấy con định bước vào tình yêu một cách hồn nhiên, mạ lo sợ quá. Con ơi, tình yêu thì đến sớm, mà bản lĩnh con người thì hình thành muộn. Làm sao đủ tỉnh táo để mà hiểu nhau đầy đủ được. Cần phải kìm lòng mình lại. Phải biết sợ tình yêu vì mặt trái của nó con ạ.

Cả hai mẹ con lặng đi, chìm vào ý nghĩ riêng. Thanh Cầm nói để trút vợi nỗi lòng riêng, chứ nàng hiểu rằng con gái nàng làm sao hiểu được những điều sâu xa, mà nàng phải trải qua gần nửa cuộc đời mới chiêm nghiệm được.

Lệ Ngọc lắng nghe, em thương mạ quá. Em hiểu rằng mạ lo cho em, em cần phải tỉnh táo hơn. Em thở dài nhẹ nhõm rồi ngủ thiếp đi một cách vô tư. Bởi thực ra em chưa yêu, đó chỉ là những xúc động do em tưởng tượng ra mà thôi! Hình ảnh Thảo tan biến nhẹ nhàng, bởi vì em chẳng nghĩ đến anh nữa.

Ngọc bất ngờ biết mẹ lại ốm nghén. Sau lần về thăm nhà bốn tháng trước đây của ông Kỳ, bây giờ Thanh Cầm lại mang thêm một

nỗi lo âu mới. Nàng chấp nhận nghĩa vụ làm vợ và gánh chịu hậu quả của nó. Đành buông mình cho định mệnh thôi!

Nàng đến thầy số để xin lá số tử vi. Thầy đồ Cung tiếp nàng ân cần, nhưng thầy chỉ xem qua lá số của nàng, rồi quay sang Lệ Ngọc mỉm cười, thầy nói:

– Bà sinh được quý nữ. Tướng mạo rất sang. Bà cho tôi được lập lá số cho cô bé này.

Khi ghi ngày sinh tháng đẻ của Ngọc, thầy suy ngẫm hồi lâu rồi nói:

– Cô gái này rồi lập nên sự nghiệp. Nhưng mà cao số lắm. Đời tư sẽ khó khăn. Tuy thế lại được quý nhân phù trợ, nên cuộc sống sẽ sung sướng và lập được danh vọng. Đường con cái sẽ rất tốt...

Thanh Cầm sung sướng nhìn con gái. Nàng không định lấy số cho Ngọc, mà chỉ định hỏi về số phận của nàng và đứa bé sắp ra đời mà thôi.

Thầy đồ xem lá số của nàng rồi nói qua loa, hình như thầy cố tỏ ra là không có gì đặc biệt:

– Tuổi của bà và đứa bé này xung. Còn chờ ngày giờ sinh nữa thì mới tính được hết. Nhưng mà mệnh trời đã định. Bà có phúc lớn về đường con cái. Năm nay bà có hạn. Nhưng nếu vượt qua được thì năm sau vận may sẽ đến...

Làm người mẹ, khi nghe nói con cái sẽ có tương lai tốt đẹp là lòng phấn chấn, cho nên chẳng chú ý gì đến vận hạn xảy ra như thầy đã nói.

Hai mẹ con dắt nhau ra về vui vẻ.

Ngọc nói với mẹ:

– Thầy nói gì con chẳng hiểu. Cái gì cũng nói nước đôi. "Đã sang lại cao", thế thì tất nhiên rồi! "Lại vận hạn vượt qua thì vận may sẽ đến". Đoán thế thì ai cũng nói được.

Thanh Cầm bảo với con nhẹ nhàng:

– Đừng nói sàm sỡ thế con. Lời của thầy là phải suy ngẫm sâu lắm mới hiểu được.

Trước đây Thanh Cầm chẳng bao giờ xem tướng số. Nàng cho rằng nếu quả là có số mệnh thật, thì việc gì tiền định ắt sẽ xảy ra, chẳng cần biết trước làm gì. Nhưng từ những ngày cuộc sống nghèo túng, nàng luôn luôn cầu mong sự may mắn, lo âu sự rủi ro xảy đến thì nàng bắt đầu đi xem bói, đi xin quẻ. Thần kinh nàng không chịu đựng nổi những khó khăn triền miên hết năm này sang năm khác.

Lệ Ngọc đi học về đến nhà, em thấy mẹ ngồi khóc. Em vội vứt cặp chạy đến ôm lấy mẹ:

– Mạ ơi, có chuyện gì thế?

Thanh Cầm nghẹn ngào nói:

– Bác Thơ mất rồi con ơi!

– Trời ơi!

Ngọc ngã ngồi xuống đất, em sững người rồi bật lên khóc òa. Hai mẹ con ôm nhau khóc cho đến lúc trời sẫm tối. Ngọc đứng dậy vừa nức nở vừa đi lấy rá vo gạo nấu cơm. Hưng lẳng lặng đi múc nước, nhặt rau, nhóm bếp. Nó biết tin từ chiều, chính nó đã nhận bức điện báo tin ấy. Hưng đã ra vườn lặng lẽ khóc một mình. Chỉ Bảo Kim là chưa biết gì, nó chưa bao giờ gặp bác Thơ. Kim thấy cả nhà buồn nó ngạc nhiên lắm "người lớn mà cũng khóc". Rồi nó lăn ra giường ngủ tít.

Ngọc ngồi đun bếp, ngọn lửa bập bùng nhẩy nhót phản chiếu bóng đen nhấp nhoáng trên vách nhà. Em ngồi nhìn trân trân vào cái bóng vật vờ nghiêng ngả ấy, mà cảm thấy như hồn của bác Thơ hiện về. Em lẩm bẩm: "Bác ơi, vì sao bác ra đi đột ngột thế? Sao bác không báo mộng cho cháu? Hay là bác quên cháu rồi?". Bỗng tiếng lửa reo phần phật trong bếp, có lẽ bác Thơ đang trả lời. "Bác mất đột ngột, thành ra không kịp vĩnh biệt cháu".

Ngọc đứng bật dậy đến bên mẹ, em nói giọng tự tin:

– Bác Thơ mất đột tử đấy mạ ạ. Bác không ốm đau gì đâu.

Thanh Cầm rùng mình:

– Sao con biết?

– Bác Thơ vừa bảo với con như vậy.

Bà Cầm hoảng sợ:

– A di đà phật! Con nói gì vậy? Tâm thần con hoảng loạn rồi. Thôi con đi nằm một lát mà ngủ đi con.

Ngọc lẳng lặng đến nằm xuống bên em gái, em cảm thấy đau đầu dữ dội, em rên lên:

– Bác Thơ ơi, bây giờ bác ở đâu rồi?

Em lại vùi mặt vào gối mà khóc. Thế là sẽ chẳng bao giờ còn gặp bác nữa, bác ơi!

9.

Chiến tranh tàn khốc trùm lên vùng tự do. Đức Thọ là trọng điểm của những trận ném bom. Địch cho rằng đây là hậu cứ quan trọng để luyện quân, và là kho hậu cần cho mặt trận Lào.

Mỗi đợt oanh tạc là có một phi đội ba chiếc máy bay Spic-phai đen trùi trũi. Mỗi chiếc ném tám quả bom. Khi nào xuống hầm, cứ đếm đủ hai mươi bốn tiếng nổ xong là có thể leo lên khỏi hầm, chẳng cần chờ báo yên.

Với lũ học trò vô tâm, chúng thích nghi rất nhanh với không khí ác liệt ấy. Nhưng Thanh Cầm đã ốm yếu lại bụng mang dạ chửa, nàng không thể chịu đựng được sự khủng khiếp của bom đạn rền vang. Có lần nàng đã ngất ngay dưới hầm.

Bà Thanh Hải quyết định phải đưa Thanh Cầm về Diễn Châu, quê chồng, vùng này hiện còn yên ổn. Nhưng Ngọc đang học dở dang lớp tám, em vẫn ở lại Đức Thọ để học.

Nhà của Ngọc bây giờ thành nhà của cả một pô-pốt nữ sinh lớp tám, cùng góp gạo nấu cơm chung để ăn học. Nhà trường đã bị bom san phẳng. Cả trường phải vào núi học. Các chùa, miếu thờ, và dựng thêm lán dưới các vòm cây để học. Mà phải học vào ban đêm.

Tuy thế nhưng đi học thật vui vẻ. Mỗi đứa làm một cái đèn chai, cứ tối đến là cả lũ học trò tràn ra đường từng đàn như đom đóm lập lòe, kéo dài thành một hàng. Đám con gái đi giữa, còn con

trai đi trước và đi sau để xua chó. Quả thật Ngọc còn sợ chó hơn cả sợ máy bay.

Trong gian khổ mới hiểu được tình bạn học sinh gắn bó đùm bọc nhau. Có những lúc hết gạo, mấy tổ học sinh phải san sẻ cho nhau nấu cháo. Tổ nữ thường phải sẻ gạo cho tổ nam, bọn con trai ăn khỏe nên lúc nào cũng kêu đói. Có khi hết nhẵn gạo, hàng tuần lễ phải ăn bí đỏ, khoai lang trừ bữa. Vậy mà chưa lúc nào học sinh lại học hành chăm chỉ như trong thời kỳ gian khổ ấy.

Trước kia môn địa lý là Ngọc ngán nhất. Vậy mà năm ấy em lại say mê môn học đó. Thầy dạy địa lý là thầy Chuyên. Thầy bị thọt chân, nhưng nét mặt thầy thật kiên nghị và đầy suy tư. Thầy giảng bài với tất cả niềm say mê hiểu biết rộng. Thầy đã dắt dẫn học trò từ bài học mà bước đi trên từng vùng đất. Thầy thức dậy trong mỗi người niềm khao khát khám phá mảnh đất mình đang sống. Thầy hướng cho học trò nhìn ra thế giới, hiểu được đặc điểm từng miền đất, biết yêu những tính cách khác nhau của từng dân tộc.

Lệ Ngọc ngồi nghe thầy giảng bài mà quên cả trời đất. Đôi mắt nhỏ của thầy lóe sáng trí tuệ dưới hàng lông mày rậm. Giọng nói trầm trầm âm vang từ nét môi dày mà đầy biểu cảm.

Nếu thầy lúc ấy mà chú ý đến Ngọc thì có lẽ em đã yêu thầy rồi. Nhưng mà Ngọc lúc đó vẫn chỉ là một cô bé học trò nghịch như quỷ con.

Còn thầy đã hơn ba mươi tuổi, với cuộc sống khổ hạnh thầy hướng trí tuệ của mình vào niềm say mê học hỏi và nghiên cứu. Thầy sống đơn độc đầy mặc cảm về số phận không may do tàn tật của mình.

Ngọc không chỉ thích môn địa lý. Mà em chăm học tất cả các môn học. Mỗi môn em đều tìm được nét thú vị riêng. Em học đầy hứng thú và cảm thấy say sưa tiếp nhận những tri thức mà các thầy đang kiên trì truyền thụ dưới ánh sáng đèn dầu!

Việc hào hứng học tập của Ngọc có phần do lòng cảm phục nghị lực của thầy Chuyên. Em mang trong lòng một mối tình thầm lặng đối với thầy Chuyên. Người thầy mà em vừa kính trọng lại vừa thấy tội nghiệp quá!

Những ngày học hành miệt mài căng thẳng ấy, học sinh con trai cứ gầy nhẳng, có lẽ do ăn uống thiếu thốn quá. Thế mà bọn con gái thì cứ phây phây hồng hào. Tuổi dậy thì thật kỳ diệu.

Tình cảm của "cộng đồng học trò" thật gắn bó. Tai họa của một người là nỗi đau buồn chung. Niềm vui của ai đó là sự rộn ràng của cả bọn. Thậm chí thư riêng cũng trở thành nỗi mong ngóng chung.

Nhưng có một điều Ngọc vẫn giữ kín cho riêng mình. Tối nào đến lớp Ngọc cũng thấy trong ngăn bàn mình một phong thư. Em lẳng lặng đem đốt mà không dám mở xem. Em sợ! Em cũng chẳng biết ai gửi thư cho mình. Em nhớ mẹ đã nói: "Phải biết sợ tình yêu vì mặt trái của nó".

Có một hôm em vừa lấy lá thư ra, định đem đốt thì mấy bạn gái của em xô đến giật lấy. Một bạn đọc to lên trong lớp. Đó là một bài thơ tình của bạn Thanh Tùng. Một bài thơ rất xúc động, khá hay. Bạn Tùng đỏ mặt cúi gầm xuống bàn. Các bạn trai cười to trêu chọc. Các bạn gái truyền tay nhau xem.

Ngọc áy náy vì các bạn sỗ sàng quá. Suốt giờ học em phân tán tư tưởng. Đến giờ ra chơi em đến gặp Thanh Tùng, em dịu dàng nói với bạn:

– Xin lỗi bạn, vì mình không kịp đốt nên mới xảy ra như thế. Bạn đừng viết thư nữa. Dù sao mình cũng chẳng đọc đâu.

Thanh Tùng nhìn Ngọc trìu mến:

– Cảm ơn bạn, bạn tốt quá.

Không khí bạn bè trở lại tự nhiên. Nhưng từ hôm sau thì tối nào Ngọc cũng thấy trong ngăn bàn mình khi thì quả ổi, khi thì chùm doi, khi thì quả thị hay quả hồng... Ngọc thích hoa quả nên em ăn liền. Thanh Tùng sung sướng nhìn vẻ vui thích của bạn.

Vui tình bè bạn Ngọc nguôi ngoai nỗi nhớ mẹ. Nhưng thường cứ chiều đến, khi hoàng hôn nhuộm thẫm những vòm cây, tiếng chim xao xác về tổ, đâu đó văng vẳng tiếng ru hời, thì lòng Ngọc bỗng cồn cào một nỗi nhớ da diết. Nhớ đến nỗi em thầm gào lên "Mạ ơi, mạ ở đâu!" Em nhìn lên bầu trời thăm thẳm, chẳng biết đâu là cùng. Nhìn xuống mặt đất đen thẫm, tối tăm vô định. Tự nhiên

em cảm thấy niềm cô đơn khủng khiếp. Giá lúc này được ngồi cạnh mẹ, gục đầu vào lòng mẹ thì sung sướng biết bao! Vậy mà những ngày được ở cạnh mẹ, em đâu có hiểu được niềm hạnh phúc lớn lao đó. Em đi lang thang một mình cho đến lúc nghe tiếng các bạn réo gọi:

"Ngọc ơi, soạn sửa đi học!"

Em mới kịp chạy vào nhà thắp đèn, xách cặp chạy theo các bạn.

Thanh Tùng đến cạnh Ngọc hỏi:

– Lúc nãy bạn buồn nhớ mẹ hả?

Ngọc giật mình:

– Sao bạn lại biết?

– Mình đứng cách bạn một quãng, mình thấy bạn đang khóc.

Ngọc hơi bực mình vì xấu hổ:

– Theo dõi người khác là rất xấu!

Thanh Tùng vội thanh minh:

– Nhưng mình sợ nhỡ có con chó nào xổ ra, thì ai đuổi chó hộ bạn? Thanh Tùng nói rất chân thành.

Ngọc cảm động vì thành tâm của bạn:

– Mình nhớ mạ mình quá, không hiểu sao mình nóng ruột lạ lùng.

– Ngọc đừng nghĩ vớ vẩn! Chắc là cô vẫn khỏe thôi.

– Mình cũng biết thế, nhưng không hiểu sao mình cứ bồn chồn không sao yên tâm được.

Hai đứa đi bên nhau im lặng. Ngọc cảm thấy trút được nỗi lòng với bạn, em nhẹ nhõm hơn. Thanh Tùng thương bạn quá mà chẳng biết làm gì để giúp bạn khuây khỏa.

Một buổi chiều khi Ngọc đang lau bóng đèn, đổ dầu vào phao để chuẩn bị đi học. Thì một ông chú họ từ quê lên báo:

– Cháu về ngay, mẹ cháu ốm nặng lắm.

Ngọc sững sờ đánh rơi đèn xuống đất vỡ tan. Em không khóc được, không nói được, cứ đứng đờ ra. Các bạn xúm lại gói ghém đồ đạc hộ, rồi đưa Ngọc xuống thuyền để về quê nội.

Mưa xám phủ một màu u ám trên mặt sông. Thanh Tùng chạy xô đến, rẽ các bạn gái ra, cậu ta lội xuống sông đến gần thuyền, trao cho Ngọc quả cam rồi nghẹn ngào nói:

– Bạn đi ư? Trời! Thế là Ngọc đi ư!

Thuyền rời bến, các bạn đứng trên bến vẫy mãi. Ngọc đứng sững sờ trên mạn thuyền mắt nhòa đi. Em chợt thấy mình yêu người bạn trai ấy, người bạn chân tình âm thầm quý mến em. Nhưng bây giờ thì chẳng nói gì được nữa. Tất cả đã rời xa, rời xa mãi mãi... Thanh Tùng đứng giữa đám bạn trên bờ, dõi nhìn theo con thuyền nhỏ bồng bềnh mang người bạn gái mà em ngưỡng mộ đang rời xa. Lần đầu tiên em hiểu được nỗi buồn của li biệt.

Đi đò dọc rất lâu, phải bốn ngày sau mới về đến bến. Những ngày dài dằng dặc cô đơn trên chiếc thuyền, một mình Lệ Ngọc giữa trời nước mênh mông. Phía sau là mái trường rộn rã, là bạn bè thân yêu, là thầy giáo quý trọng... Tất cả đã thuộc về quá khứ. Còn phía trước là người mẹ. Người mẹ thân yêu nhưng mong manh quá. "Trời cao đất dày ơi, hãy cứu lấy mạ con. Mạ ơi! Đừng bỏ con lại trên cuộc đời này!" Ngọc ngồi khóc lặng lẽ một mình. Cuộc đời em như chìm mịt mùng trong làn mưa xám lạnh lẽo của mùa đông.

Ngọc run rẩy bước lên bờ, hướng về phía lèn Hai Vai mà đi về làng. Hòn núi đá sừng sững lạnh lẽo như chứa chất tất cả bí ẩn, hãi hùng trong cái hình dáng to lớn đen thẫm, chiếm một góc trời của làng quê em.

Em vừa đi vừa khóc, lầm rầm cầu nguyện không theo một bài kinh nào, mà theo nỗi lòng khắc khoải đau khổ của em. Người làng ai trông thấy em cũng niềm nở nhưng em chẳng còn trông thấy gì nữa, em cứ mải miết bước vô định bập bỗng.

Trời chập choạng tối, cánh dơi chấp chới hoảng loạn trên nền trời u ám. Trong căn nhà lá nhỏ, ngọn đèn dầu đỏ quạch, càng làm

cho gian nhà thêm tối tăm. Ngọc lao vào giường mẹ, mẹ em đang hướng ra cửa ngóng con.

Đã mấy ngày nay, Thanh Cầm cố sống để đợi con gái, thấy Ngọc, mắt nàng sáng lên mừng rỡ:

– Con gái của mạ!

Nàng trắng xanh như sáp ong, mớ tóc đen dài thơm mùi lá sả. Ngọc không thể biết được, bà con hàng xóm đã tắm gội cho mẹ em, để chuẩn bị sự ra đi một cách "mát mẻ".

Thanh Cầm bảo với con:

– Con đi rửa ráy rồi tối nay con ngủ với mạ.

Ngọc thấy mẹ tỉnh táo, em mừng lắm, em tưởng mẹ đã khỏe lại. Lúc này Ngọc mới nhận ra hai đứa em, Hưng và Bảo Kim đang ngồi co ro trên tấm phản kê ở gian giữa. Ngọc bế em gái lên hôn vào hai má bụ bẫm.

Bảo Kim nói:

– Chị Ngọc ơi, mạ đẻ em trai, được bảy ngày rồi.

– Thế em bé đâu?

Hưng trả lời giọng buồn thiu:

– Thím Cu Đức bế về nuôi hộ. Mạ ốm không có sữa cho em bú.

Ngọc không thấy ba, em hỏi:

– Ba có về được không?

Hưng lắc đầu:

– Cơ quan ba dời đi đâu mà chưa tìm ra địa chỉ, thành ra chưa ai đi báo tin được.

Trong những ngày kháng chiến ác liệt ấy, các cơ quan giữ bí mật về địa điểm, cho nên cứ dăm tháng lại dời đi nơi khác.

Tối đó Ngọc vào nằm cạnh mẹ, Thanh Cầm cảm thấy tỉnh táo khỏe hơn, nàng nói với con gái:

– Con nghe mạ nói, đừng ngắt lời mạ. Con đã mười lăm tuổi. Nhìn con mạ vừa thương vừa lo sợ. Con không còn là trẻ con nữa,

nhưng con chưa phải là người lớn. Làm sao con gánh vác nổi gia đình? Thế mà mạ lại phải ra đi, mạ biết mạ không qua khỏi được...

Ngọc ôm chặt lấy mẹ mà khóc:

– Đừng nói gở thế mạ ơi!

Thanh Cầm ứa nước mắt:

– Đừng khóc con, hãy nghe mạ nói. Ba con thì nhu nhược, lại không có đầu óc lo toan trách nhiệm, mà các em con thì non dại, lại thêm thằng bé mới sinh. Mạ đặt tên cho em bé là Đức Hiền. Cầu trời, khấn Phật phù hộ cho các con của tôi! Con ơi, dù có thế nào đi nữa thì cũng phải sống ngay thẳng trong sạch. Con phải tìm mọi cách để các em con được học hành đến nơi đến chốn, đừng để chúng trở thành lũ vô học ở đời. Mỗi đứa phải có nghề nghiệp mà sống lương thiện. Làm được người tử tế ở đời là một điều khó khăn lắm. Trời ơi! Rồi các con tôi sẽ ra sao đây? Mạ thì hai bàn tay trắng, chẳng còn một đồng một chữ nào. Chỉ còn mỗi cái dây chuyền này, mạ để lại cho con làm kỷ niệm, chứ chẳng giá trị bao nhiêu. Khổ cho các con quá!

Nói một mạch dài, nàng thỉu đi trên gối. Nước mắt dàn dụa, nàng nấc lên ngạt thở. Ngọc vội ngồi dậy đỡ mẹ nằm cao hơn. Nàng nói tiếp giọng yếu hẳn:

– Con ơi, mạ thương ba con quá, nhưng suốt đời mạ chưa hề yêu ông ấy. Mạ yêu một người khác, mạ đã kể với con rồi. Hôm nay mạ cho con biết bác ấy là ai. Đó là bác Phạm Văn, nhà thơ. Hiện nay bác là tiến sĩ văn học ở bên Pháp. Nếu sau này con có dịp nào gặp bác thì con thưa với bác Văn là mạ vẫn yêu bác ấy cho đến giờ phút chót của cuộc đời. Mạ gửi lời chào...

Thanh Cầm nấc lên và bắt đầu mê man. Nàng lầm bầm nói gì nghe không rõ nữa. Ngọc ôm lấy mẹ, chân mẹ đã lạnh cứng, cái lạnh cứ lan dần, lan mãi đến tận ngực, rồi mẹ thở hắt ra, đầu ngả trên gối. Gương mặt mẹ trở nên thanh thản, các nếp nhăn đau khổ giãn ra, và đôi môi như mỉm cười.

Ngọc khóc òa lên:

– Trời ơi, mạ ơi! Sao lại có thể bỏ con mà đi mạ ơi, mạ tỉnh lại đi mạ ơi...

Đồng hồ buông mười tiếng, như tiếng chuông cầu nguyện cho vong hồn nàng siêu thoát. Năm đó nàng vừa ba mươi tám tuổi.

Chẳng hiểu nơi chân trời xa xôi ở châu Âu, chàng có linh cảm được một con người yêu chàng bằng cả cuộc đời mình, nàng không còn nữa!

Nàng đã vĩnh biệt cuộc đời mà tình yêu thì còn lại.

Bà con làng xóm đã đến giúp mấy đứa trẻ khâm liệm mẹ. Ngọc đờ đẫn như tượng, em không khóc, không nói, không ăn. Em lẳng lặng làm mọi việc cần thiết cho người ra đi: tắm rửa cho mẹ, mặc áo xống, chải tóc, tết lại thành đuôi sam rồi lấy cái cặp ba lá trên đầu mình cặp cho mẹ. Em vuốt ve thân thể mẹ, ghi nhớ không quên một tí gì về người mẹ của em.

Nhưng nan giải nhất là không có áo quan. Chiến tranh bom đạn ác liệt đã lan đến vùng này, làm sao để ra tận Cầu Giát mà mua được?

Ở làng có một đơn vị bộ đội đóng quân, ông trung đoàn trưởng thấy tình cảnh của mấy chị em côi cút, ông cử bộ đội đi mua hộ áo quan chở về. Đích thân ông tìm cách để báo tin cho ông Kỳ về kịp đưa đám. Phải là ban chỉ huy quân đội mới hỏi được địa chỉ của cơ quan ủy ban tỉnh. Bộ đội với dân thật tận tình chu đáo, không khác gì tình nghĩa họ hàng.

Ngọc không biết tên thật của vị chỉ huy ấy, ngày đó tên cán bộ cũng thay đổi để giữ bí mật. Ngọc nghe các anh lính trẻ gọi là anh Bản.

Đến tối hôm ấy, ông Kỳ đã về đến nhà. Ông đứng trước linh cữu của vợ mà khóc.

– Cầm ơi, tôi có tội với em. Tôi đã đẩy em vào nông nỗi này, suốt đời em khổ sở vì tôi...

Nhìn một người đàn ông khóc thật đau đớn vô cùng. Mấy chị em ngồi nhìn bố khóc mà lòng tan nát. Đau khổ vì mất mẹ, chua xót vì thương bố.

Ngày hôm sau đưa tang, Ngọc như hóa đá. Em đi theo linh cữu mẹ như người vô hồn. Thỉnh thoảng em nấc lên từng hồi mà không thể khóc được. Lòng em đau quặn thắt, tưởng như đứt ruột. Các bác, các thím đứng bên cạnh bảo:

– Cố khóc lên cháu ơi, hay là cháu cố mà gào lên, nếu không thì cháu chết mất. Khóc lên đi cháu ơi, khóc lên cho mẹ cháu ra đi yên lòng...

Ngọc lặng lẽ lắc đầu, nỗi đau không thoát ra được đang giằng xé lòng em, đang hủy hoại tâm hồn em.

Mất mẹ là em mất tất cả!

Đám tang vợ xong, ông Kỳ phải trở lại cơ quan. Gánh nặng gia đình trút lên vai cô bé mười lăm tuổi.

Ngọc phải bỏ học. Em ở nhà để nuôi đứa em mới sinh được có bảy ngày. Em còn lo cơm nước cho Hưng đi học và trông nom Bảo Kim mới lên bốn.

Tiền nong một đồng cũng không có. Đời sống của bốn chị em là dựa vào phiếu phụ cấp tiêu chuẩn con cán bộ, mỗi đứa mười một cân gạo và mỗi năm hai thước vải. Nhưng mà hồi đó cuộc kháng chiến bước vào thời kỳ gay gắt, tất cả gạo dồn ra tiền tuyến. Cho nên có tháng xã chẳng có gì để phát cho các em. Bà con nông dân đã đùm bọc nuôi các em. Người có gạo san sẻ gạo, người có khoai cho khoai, nhà ai nấu được bát canh riêu cũng mang sang cho. Cả xóm yêu thương mấy đứa trẻ bơ vơ.

Khó khăn nhất cho Ngọc là nuôi đứa trẻ sơ sinh. Ngọc nấu cháo bón cho em ăn, đứa bé chỉ nuốt vài thìa rồi nhè ra. Nước cháo với muối làm sao bé nuốt nổi. Ngọc trào nước mắt nhìn em. Đứa bé thật hiền, chẳng hề khóc quấy, nhưng đôi mắt nó thật buồn. Đang bé tí mà sao đôi mắt nó buồn đến thế? Các thím có con đang bú, thỉnh thoảng đi qua ghé cho nó bú nhờ. Nhìn đôi môi chằm bặp bú lấy bú để của bé thì ai cũng thương. Khổ nhất là ban đêm, bé khát sữa không chịu ngủ. Ngọc phải bế em đi đi, lại lại, dỗ cho ngủ. Nhưng nó cứ rúc đầu vào ngực Ngọc đòi bú, rồi khóc nho nhỏ rất thương. Ngọc khóc theo em.

Có hôm không đành lòng, Ngọc phải bế em sang hàng xóm xin bú nhờ. Nửa đêm gió rét mưa phùn, chó cứ xồ ra sủa cắn, mà các

bà mẹ ban đêm ngái ngủ, con rúc cạn sữa. Chẳng ai có thể vui lòng cho em Ngọc bú được. Tình thương nào cũng có hạn độ thôi.

Thời buổi đói kém, sữa chẳng đủ nuôi con mình, lấy đâu mà cưu mang thêm cho đứa trẻ mồ côi?

Có hôm thím Cu Đức đi qua nhà không đành lòng nên ghé vào cho bé Hiền bú một tý. Nhưng thằng bé ngậm vú vào lại nhả ra khóc. Thím cũng khóc:

– Khổ quá cháu ơi, thím cũng đói mà!

Thằng bé ngày càng gầy tọp đi, nó không khóc nữa, đôi mắt to cứ nhìn đăm đăm thật buồn. Ngọc sợ nhìn ánh mắt trách móc ấy.

Hôm ấy đúng ngày cu Hiền tròn sáu tháng. Ngọc chuẩn bị nước nóng để tắm cho em. Khi Ngọc vào bế em ra tắm thì thằng bé lạnh cứng tự bao giờ.

Nó lặng lẽ chết, đôi mắt khép lại, nằm ngoan như ngủ.

Ngọc ngạc nhiên về mình, em thấy mình không hề đau xót, thậm chí còn thấy nhẹ nhõm nữa. Em tự nguyền rủa mình tàn nhẫn, nhưng vô ích! Lòng em cứ cảm thấy vui mừng vì đã thoát khỏi gánh nặng.

Mấy đứa em còn vô tình hơn. Hưng hỏi:

– Thằng Hiền chết rồi à?

Bảo Kim nhìn đứa bé chết, nó ghê sợ quay đi nói:

– Nom nó gầy như bộ xương, sợ thật!

Mấy chị em loay hoay không biết làm sao để chôn em. Vừa may lúc đó anh Bản đi công tác qua làng, ghé thăm Ngọc. Trước tình cảnh ấy, anh cho cậu cần vụ về đơn vị lấy mấy mảnh gỗ vỏ hòm đạn đóng cho bé một cái áo quan thật xinh như cái hộp đựng phích.

Ngọc tắm cho em, thay áo mới, quấn em trong cái tã rồi đặt em vào hộp. Các bác nông dân đào một cái huyệt cạnh mộ bà Thanh Cầm.

Ngọc đặt em nằm xuống huyệt, thì thầm nói:

– Sống khổ quá em ơi! Đi theo mạ thì hơn em ạ.

Ngọc nói để trấn an lương tâm mình, em cảm thấy chính mình đã để cho bé Hiền chết đói. Em là một kẻ ích kỷ đến tàn ác chăng? Ngọc nhìn hai đứa em, chúng thản nhiên cười đùa, không một đứa nào tỏ ra thương tiếc.

Có thể nào tâm hồn Ngọc đã khô cằn mất rồi? Có thể nào các em Ngọc đã trở thành kẻ nhẫn tâm?

Không có một ai thương yêu cái sinh linh bé bỏng tội nghiệp ấy. Nó sinh ra không được bú một giọt sữa nào của mẹ. Nó chết đi không có một giọt nước mắt nào rơi!

Mấy chị em Ngọc mất mẹ và mất luôn cả tâm hồn dịu dàng nhạy cảm. Những đứa bé mồ côi ấy mang một tâm hồn tàn tật suốt đời!

Ngọc lao vào công tác xã hội, em làm phó bí thư chi đoàn Thanh niên cứu quốc, em làm giáo viên bình dân học vụ, em làm cán bộ tính thuế nông nghiệp. Em lấp thời gian bằng công tác liên miên suốt ngày. Em không dám về nhà, căn nhà mà mẹ em đã bỏ các em mà ra đi, căn nhà mà thằng bé tội nghiệp đã chết vì đói.

Công tác xã hội đã gắn bó em với phong trào của nhân dân trong xã. Em háo hức tìm hiểu lý luận chính trị. Em không chịu nổi cuộc sống ngưng đọng.

Thỉnh thoảng anh Bản lại ghé thăm mấy chị em. Anh mang cho quà, khi là cân đường, khi là mấy thứ chiến lợi phẩm, hoặc là vài tập giấy viết. Anh nói chuyện với Ngọc về chủ nghĩa xã hội, về nước Nga Xô-viết, về cuộc kháng chiến đang vào giai đoạn tổng phản công...

Tuổi trẻ là tuổi náo nức hiểu biết. Mà chỉ có Bản là người duy nhất giúp em mở rộng tầm nhìn. Anh cho em mượn sách lý luận chính trị. Những quyển sách khô khan khó hiểu ấy mà Ngọc lại háo hức đọc. Đọc rồi ghi chép suy ngẫm. Ngọc yêu chủ nghĩa cộng sản từ đấy. Không phải là em giác ngộ cách mạng, mà là em cần có một niềm say mê, em cần lấp đầy chỗ trống của tâm hồn.

Em yêu người cộng sản qua hình ảnh anh Bản "Bộ đội Cụ Hồ". Một con người tận tình với dân, một vị chỉ huy mà khiêm tốn giản dị.

Ít lâu sau anh Bản đến từ biệt Ngọc để đi chiến dịch. Anh ôm Ngọc hôn vào trán, hai giọt nước mắt lăn dài trên đôi má xạm dầu dãi của tuổi tác và gian khổ. Hồi đó anh ấy khoảng bốn mươi tuổi.

Sau này có người nói với Ngọc đầy ác ý:

– Ông ta mê mày vì mày đẹp chứ đâu phải vì lòng tốt với dân!

Ngọc uất ức nói lại:

– Nói láo! Đừng bịa đặt để nói xấu người ta.

Người ấy lại cười mỉa mai:

– Thì thằng cần vụ của ông ta kể lại. Nó đọc trộm nhật ký của thủ trưởng. Hôm tao mời nó uống rượu, nó mới phun ra hết.

Ngọc nghẹn lại vì tức giận kẻ xấu bụng, vừa đau khổ vì Ngọc cũng thầm yêu anh ấy. Một tình cảm tự nhiên mà vô lý. Ngọc cố giấu kín, vì Ngọc sợ anh ấy khinh Ngọc. Em vẫn nghĩ rằng tình yêu là thứ tình cảm hèn yếu của những người tầm thường.

Dù sao Ngọc cũng rất cảm phục anh Bản. Anh là người có nghị lực để giữ đúng tư cách của mình.

Ngọc cảm thấy không thể sống dựa vào sự đùm bọc của bà con nông dân mãi được. Họ vốn đã đói nghèo, mà Ngọc thì đã lớn. Em nhận hai sào ruộng khoai, rồi đi làm đổi công để lấy công cày bừa. Thực ra đó là sự ưu ái của xã, bởi vì chủ yếu là bà con làm hộ, Ngọc có nhận phần ruộng mới được chia phần hoa màu. Em làm nghề nông không quen, chỉ đứng dưới nắng giữa đồng là em cảm thấy mình ngây ngất. Cuốc được vài nhát tay đã rã rời. Nhiều lúc em chỉ muốn nằm gục xuống luống đất để mà thiếp đi, trốn nỗi nhọc nhằn quá sức chịu đựng. Nhưng mà hôm nào em cũng vác cuốc ra đồng cùng tổ sản xuất. Em vừa làm vừa nguyện thầm: "Cứ làm! Cứ làm! Cứ làm cho đến chết đi. Không được dừng lại. Dừng lại là nỗi nhục". Em thấy cơ thể mình như lỳ ra, không còn cảm giác gì nữa. Em làm như cái máy. Ngọc không nói năng, không cười đùa, mà cũng chẳng nhìn ngó gì xung quanh.

Trong cảnh làm lụng khổ sai ấy, em thấy cuộc đời hoàn toàn bị chôn vùi. Em ghê tởm những câu chuyện đùa vui tục tĩu mà các

anh các chị nói với nhau một cách khoái trá. Mà hình như họ càng nói đến chuyện ấy họ càng hưng phấn, tìm ra thêm những chuyện càng trơ tráo hơn.

Một lần vào giờ nghỉ ăn trưa, em lặng lẽ mang phần khoai của mình đi vào mãi tận ngôi miếu trong một lùm cây. Em ngồi xuống vệ hè nghẹn ngào nuốt những miếng khoai khô, nước mắt cứ trào ra. Chợt em nghe tiếng lục đục trong miếu, em giật mình vội lau nước mắt, nhón chân ghé mắt nhìn qua khe cửa. Một cảnh tượng lạ lùng. Chị Nấm, người phụ nữ mà em quý trọng đang tốc ngược váy lên tận ngực. Một người đàn ông đang nằm đè lên chị. Hai người đang say sưa xoắn lấy nhau và thở hồng hộc...

Em buông rơi gói khoai và rón rén bỏ đi, xấu hổ đến cùng cực. Trời ơi! Sao cuộc đời lại khủng khiếp đến thế này?

Em thất vọng phát khóc lên. Sự cực nhọc của lao động dù sao cũng còn chịu đựng được. Nhưng mà sự trơ trẽn trong quan hệ giữa con người với nhau, làm mất đi niềm tin về cái đẹp của con người, khiến em chán đời.

Hết thời vụ, Ngọc chuyển sang việc tính thuế nông nghiệp. Công việc này của Ngọc cũng được tính thành công điểm để chia thóc cuối vụ.

Bà con nông dân rất yêu mến em vì tính cẩn thận. Em làm việc suốt ngày đêm mà không hề đòi hỏi gì. Thực ra chẳng phải vì em có ý thức phục vụ nhân dân, mà chỉ vì Ngọc cảm thấy cuộc đời bế tắc hoàn toàn. Em làm việc như điên để khỏi phải nghĩ ngợi gì. Em không thiết sống nữa!

Buổi tối, Ngọc đi dạy bình dân học vụ. Lớp của em có hai mươi người. Toàn các bác, các chú cán bộ xã. Trong đó có anh Khoai. Anh khoảng hai mươi tuổi, mồ côi cả cha lẫn mẹ từ lúc còn bé. Cha mẹ anh để lại cho anh ngôi nhà gỗ ba gian với mảnh vườn một sào. Căn nhà ấy xế cạnh nhà của Ngọc. Anh là người đảng viên cộng sản trẻ nhất xã. Tính anh lầm lì, suốt ngày không nói.

Ngọc đi làm lụng suốt ngày như vậy, nên đến khi lê chân về đến nhà là em lăn ra ngủ say như chết. Buổi sáng thức giấc dậy em đã thấy hai cái chum đầy nước. Trong cái chậu sành hôm nào cũng có mấy con cá chép hay cá quả, hoặc chục con ếch. Ngọc thầm

khen Hưng đã biết lo lắng giúp đỡ chị. Hưng dạo này đã biết theo các bác các chú đi bắt ếch, câu cá. Sao thằng bé lại sát cá đến thế, bắt được toàn cá to, ếch béo.

Ngọc đem làm thịt, nấu nướng chế biến ngon lành theo cách mẹ đã dạy. Bảo Kim sung sướng gắp thức ăn, em nói với chị:

– Dạo này chị cho ăn ngon như khi mạ còn sống.

Ngọc cảm động nhìn Hưng với ánh mắt biết ơn. Em nói với Kim:

– Đó là công của anh Hưng đấy. Nhưng mà từ nay Hưng phải để thì giờ mà học. Thỉnh thoảng hãy đi bắt một lần, chứ đêm nào cũng đi như thế thì học hành sao được? Ngọc nói với Hưng như vậy.

Hưng ngạc nhiên nhìn chị:

– Em bận học thi, cả tháng nay em có đi bắt cá nữa đâu?

Ngọc sửng sốt hỏi:

– Thế thì sao ngày nào cũng có?

– Em tưởng là chị mua?

– Chị làm gì có tiền mà mua?

Đêm ấy, Ngọc thức để chờ xem ai đã giúp mình? Trời động giông, không khí oi nồng tức thở. Ngọc quạt liên hồi cho em mà Bảo Kim vẫn toát mồ hôi ướt đẫm. Bỗng trời tối đen, gió thổi mạnh và chợt òa vỡ ra, mưa xối xuống như trút. Gian nhà lá trở nên tối tăm run rẩy dưới cơn thịnh nộ của thiên nhiên. Mưa như không bao giờ có thể ngừng được. Rồi những tia chớp rực sáng và tiếng sét xé trời, bỗng nhiên mưa ngừng hẳn.

Không khí dịu mát trong lành bao trùm không gian. Tiếng ễnh ương rền rĩ như một bài ca buồn thảm lê thê. Ngọc nhớ mẹ vô cùng, nỗi nhớ cứ mênh mang không làm sao mà thoát ra được. Ngọc nằm khóc thầm hồi lâu, rồi em thiếp đi chìm vào giấc ngủ.

Chợt nghe tiếng động khe khẽ ngoài hiên, em rón rén dậy nhìn qua khe liếp và thấy anh Khoai cao lớn, đen trũi, đang nhẹ nhàng trút nước vào chum. Rồi anh lấy cái giỏ đeo sau hông, đổ ếch vào

chậu, lấy cái rá đậy lại. Xong xuôi, anh nhẹ nhàng mở cổng đi về nhà.

Thế là Ngọc đã bắt gặp "chàng Tấm" nhưng lại không dám mở cửa. Ngọc hơi sợ anh thanh niên có vẻ dữ tướng ấy.

Ngọc không thể ngủ tiếp được, suốt đêm em nằm trằn trọc không biết nên xử sự ra sao? Không lẽ cứ ăn mãi của người ta, vì đó là nguồn sống của anh ấy. Mà đem trả lại thì xúc phạm lòng tốt. Anh ấy đã bí mật đem cho tức là anh ấy không muốn nhận một sự trả ơn nào. Làm sao bây giờ?

Sáng sớm hôm sau, Ngọc đi sang nhà anh Khoai, em đành nói thật:

– Anh Khoai, đêm qua em thấy anh cho chúng em ếch. Thế ra cả tháng nay anh đã nuôi chúng em.

Khoai lúng túng, tay cứ xoa gáy:

– Có gì đâu! Bắt được nhiều quá, thành ra phải nhờ o với mấy em ăn giùm cho.

Ngọc cười:

– Nhưng mà như vậy là anh làm cho mấy chị em em xấu hổ lắm. Lớn rồi mà vẫn ăn bám.

Khoai tròn mắt bàng hoàng. Chữ "ăn bám" đối với anh là một điều vô cùng xấu xa. Khi vào Đảng, Khoai đã hiểu là người không lao động mà lại ăn sung mặc sướng, đó là bọn "bóc lột ăn bám".

Khoai vội vàng bào chữa:

– Đó là tôi biếu o, chứ có phải o bóc lột tôi đâu?

Ngọc bật cười khi nghe Khoai nói vậy. Một đứa con gái bơ vơ côi cút, nghèo đến không có đồng xu dính túi, mà lại "bóc lột" cái anh chàng vạm vỡ kia ư, Ngọc nói:

– Từ nay anh rủ thằng Hưng cho nó đi cùng, tập cho nó biết kiếm ăn. Anh dạy nó làm lụng hộ em.

Khoai lúng búng nói:

– Cái nghề mò cua bắt ếch thì có gì mà phải tập. Để cho em nó học hành. Dốt nát như tôi thì mới phải làm cái nghề này.

– Nhưng mà bây giờ anh cũng phải học chữ. Vậy nó cũng phải tập làm lụng chứ?

Khoai giận dỗi chẳng nói chẳng rằng gì nữa. Ngọc đứng dậy ra về.

Tối đó Khoai gọi Hưng đi bắt ếch. Nhưng chỉ một lúc anh đuổi nó về, bắt đi ngủ để mai còn đi học.

Buổi sáng, Ngọc lại thấy ếch ở trong chậu, em mang sang trả Khoai:

– Em xin anh ba con vừa đủ ăn. Anh mang bán hết đi, lấy tiền mua giấy mà học.

Khoai cầm lấy rổ ếch mặt buồn rười rượi.

Ngọc thấy thương anh ấy quá. Sao lại có thể có con người tốt đến thế được?

Ông Hoàng Đức San được giữ chức giám đốc Sở Y tế. Nên ông đã chuyển về Nghệ An, công tác ở cơ quan khu ủy Liên khu Bốn.

Về đến đây ông bà mới biết tình cảnh ba đứa cháu sống đơn côi ở làng quê. Bà Hiền đã trách móc ông Kỳ:

– Chú là cái thứ người gì mà chú bỏ mặc lũ trẻ con sống bơ vơ với nhau không ai trông nom cả?

Ông Kỳ thở dài:

– Em cũng áy náy lắm mà không biết thu xếp thế nào?

Ông San trách em:

– Chú phải nghĩ đến tương lai của chúng nó chứ? Đành rằng họ hàng chẳng ai để cho chúng chết đói, nhưng mà phải cho chúng học hành tử tế. Bây giờ chú cho con Ngọc lên ở với tôi. Nó đã lớn phải có sự dạy dỗ của người mẹ. Chị Hiền sẽ lo lắng cho nó. Cho cả con Bảo Kim lên đây luôn, hai chị em nó trông nom nhau. Thằng Hưng thì đi theo chú. Chú kèm cho nó học hành.

Ông Kỳ rơm rớm nước mắt cảm động:

– Em cám ơn anh chị. Hai đứa con gái được chị dạy dỗ thì em yên tâm lắm.

Bà Thanh Hải nghe tin em gái mất, bà ngất đi và ốm liền mấy tháng. Hai chị em thương yêu gắn bó nhau từ tấm bé. Không chỉ trong đời sống, mà thấu hiểu nhau mọi trăn trở của tâm hồn. Cầm mất đi là sự mất mát không gì có thể bù đắp được.

Đến khi bà bắt đầu khỏe lại, bà đã đi bộ năm ngày trời để đến thăm các cháu.

Vừa trông thấy bà Thanh Hải, Bảo Kim đã chạy ra ôm chầm lấy rồi mếu máo khóc:

– Mạ ơi, mạ đi đâu mà bây giờ mới về?

Em bé đã lầm tưởng dì là mạ. Bởi dì giống mạ quá. Cũng khuôn mặt đôn hậu, cũng dáng người nhỏ nhắn, cũng hơi hướng thơm thơm.

Lệ Ngọc cũng khóc, em nức nở mãi không thôi. Lúc này em mới trút vợi những nỗi đau chứa chất bấy lâu.

Em gục đầu vào lòng dì mà cảm thấy như đã gặp lại mạ:

– Dì ơi, con khổ quá!... Em nghẹn lại không nói được nữa.

Hai dì cháu ôm nhau khóc hồi lâu.

Bà Thanh Hải ở lại với cháu một tuần. Bà sắp xếp lại nhà cửa, may áo xống cho mấy chị em. Đi đong gạo đổ đầy thạp, mua sách vở giấy bút cho Hưng. Bà để lại một số tiền cho các cháu. Rồi bà bế Bảo Kim về ở với mình. Bảo Kim ôm cổ dì sung sướng "Được đi với mạ". Em bé vẫn khăng khăng gọi "mạ", bởi vì em còn bé, em chưa biết về dì như chị Ngọc, anh Hưng.

Ông Kỳ về đón các con, nghe tin Bảo Kim đã về ở với bà Thanh Hải, ông vừa mừng vừa cảm thấy ân hận:

"Chính mình lại không lo lắng cho các con bằng các anh, các chị".

Lệ Ngọc vui sướng ôm chầm lấy cổ ba mà hôn lia lịa, thế là em sắp được về ở với bác San, thật hạnh phúc vô cùng. Về với bác San tức là về với chính gia đình thân yêu của em.

Hưng sung sướng tủm tỉm cười, em được đi với ba. Mà ba vốn hợp tính hợp nết em từ bé.

Lệ Ngọc đi khắp làng chào hết thảy mọi gia đình. Ai cũng mừng cho em và lưu luyến từ biệt em.

Cuối cùng em đến nhà anh Khoai. Anh buồn bã ngồi trên bậu cửa, vừa trông thấy Ngọc anh hỏi ngay:

– O sắp đi lên ở với ông bà San à?

– Vâng, em đến chào anh, lát nữa ba em sẽ đưa chúng em đi.

– Tôi sẽ gánh đồ đạc cho o, chứ o đi bộ không quen mà phải vác nặng thì đi không nổi mô.

Ngọc cảm động nhưng băn khoăn:

– Thế có làm mất công mất việc của anh không?

– Công việc cũng chẳng cần. Tôi sẽ đi giúp o.

Ngọc mừng rỡ:

– Anh tốt quá, khi nào anh cũng giúp đỡ chúng em. Mà chúng em thì chẳng giúp gì được anh.

Khoai cúi đầu thở dài:

– O giúp tôi nhiều lắm. Nhờ o mà tôi quyết chí học hành. Trước đây bao nhiêu lần mở lớp bình dân, mà tôi chán học, thành ra cứ mù chữ mãi. Bây giờ được học với o, mới có bốn tháng mà tôi đọc thông viết thạo.

Ngọc nhìn anh Khoai trìu mến biết ơn về lời nói chân thành ấy:

– Anh thông minh lắm, học rất giỏi. Anh cứ chịu khó học tiếp nhé. Rồi anh viết thư cho em kể chuyện làng xóm cho em biết với. Em mong thư anh lắm đó.

Khoai cười rất thật thà:

– Thế thì nhất định tôi sẽ học giỏi. Viết thư cho o mà chữ xấu thì "hổ ngươi" lắm.

Đến bốn giờ chiều thì cả mấy bố con cùng anh Khoai lên đường. Phải đi vào chiều tối mới dám đi đường quốc lộ. Ban ngày máy bay địch oanh tạc rất dữ.

Anh Khoai gánh quần áo sách vở và các đồ đạc linh tinh của hai chị em. Anh còn gánh thêm một thúng khoai, nói là để biếu ông bà San. Anh nói:

– Người nhà quê lên mà không có quà của làng quê là không phải lẽ. O cứ để tôi gánh cho cân hai đầu. Ăn thua gì ngần này. Đi dân công tôi gánh nặng gấp mấy lần ấy, chứ ngần này thì coi như đi dạo thôi!

Bầu trời thu cao lồng lộng, gió heo may trải dài hun hút trên đường cái. Cả mấy người cắm cúi bước đi vui vẻ. Ngọc ngoái lại nhìn làng quê, một vòm cây xanh thẫm, khiêm tốn nép mình dưới ngọn lèn Hai Vai. Một hòn núi đá vôi nghiêm nghị sừng sững chồi thẳng từ mặt đất lên. Ngọn lèn cứ bé dần, nhưng hầu như không bao giờ khuất mỗi khi Ngọc lại ngoái nhìn.

Ở đó những đau khổ cùng với lao động nhọc nhằn; ở đó tình yêu thương rộng lớn cùng với sự tính toán chi ly, ở đó Ngọc biết quý trọng người nông dân và biết sợ sự trần trụi của cuộc sống kém văn hóa.

Em về làng quê là một cô bé hồn nhiên thơ ngây. Em từ biệt làng quê với sự hiểu biết từng trải. Tưởng chừng như cả một cuộc đời đã trôi qua đằng đẵng. Vậy mà chỉ mới có mười tháng tròn. Em đang bước vào một thời kỳ mới. Thời kỳ tìm đường vào đời.

Lệ Ngọc đã mười sáu tuổi.

PHẦN II

1.

Thị trấn Rạng, là một vùng đồi ven sông Lam. Những đồi trập trùng bên dòng sông xanh trong chảy xiết. Các làng quê trải dài ven bờ sông, xanh ngắt một màu trù phú.

Nhà của gia đình ông San ở trên một ngọn đồi nhỏ. Căn nhà gỗ năm gian, tuy là mái tranh, tường vôi rơm, song lại làm theo

kiểu biệt thự: có cửa sổ lớn, có hàng hiên và giàn hoa. Từ cổng nhà có con đường thoai thoải dẫn thẳng xuống bến sông. Bờ bên này là bên lở, cho nên bến sông thẳm sâu, ai không biết bơi có thể hụt chân mà chết đuối. Sông Lam đẹp mà dữ dằn. Bởi vậy con người ở đây tính nết cũng vững chắc kiên cường, nhưng lại vui vẻ hồn nhiên như dòng sông quê hương.

Gia đình ông San bây giờ chỉ còn hai ông bà, cô Lệ Thanh 14 tuổi, Đức Hoan cậu trai út 10 tuổi, với một bà vú già. Hai anh con trai lớn là Hỷ và Hân đã đi học đại học Y khoa ở mãi tận Việt Bắc.

Cả nhà vui mừng đón Lệ Ngọc như người con gái đi xa lâu ngày trở về nhà. Bà Hiền ôm Ngọc ứa nước mắt, rồi bà lại đẩy Ngọc ra ngắm nhìn, lại ôm xiết vào lòng, bà thì thầm:

– Con gái tôi, tội nghiệp con gái tôi!

Ông San sung sướng nhìn hai bác cháu âu yếm nhau:

– Thế là con gái đã trở về nhà. Hai chị em tha hồ "rù rì" với nhau.

Ông biết Lệ Thanh và Lệ Ngọc rất hợp tính nết với nhau. Lệ Thanh kém Lệ Ngọc hai tuổi nhưng lớn xấp xỉ nhau. Thanh ngăm ngăm hồng, đôi mắt đằm thắm có hàng mi rợp đen, hàm răng đều đặn, mái tóc dày và dài. Thanh duyên dáng và hiền dịu.

Mỗi khi hai chị em ra đường, các cậu con trai đều ngoái nhìn và trầm trồ: "Hai bông hồng kìa, Hồng Bạch và Hồng Nhung".

Tuy nhiên trong gia đình này ít chú ý đến sắc đẹp. Điều mà cả họ Hoàng Đức quan tâm là sự thông minh và trình độ kiến thức. Ai dốt nát là nỗi nhục cho cả họ. Cho nên gia đình nào cũng đặt nhiệm vụ trên hết là con cái được học hành.

Lệ Ngọc trở lại đi học, cô phải học lại lớp tám. Niềm vui được ngồi trên ghế nhà trường, được đắm chìm trong những bài giảng, và thấy trí tuệ mình sáng dần lên với những kiến thức mới. Ngọc như được sống lại! Nhưng Ngọc không còn hồn nhiên vui đùa như các bạn đồng lứa. Giờ ra chơi cô đứng lặng lẽ nhìn các bạn vui đùa nghịch ngợm. Cô cảm thấy vui vui nhưng mà không làm sao để nhập bọn được.

Ngọc thường đứng tựa cửa nhìn các bạn vui chơi ở dưới sân. Có một bạn trai đến gần Ngọc, cậu ấy hỏi:

– Sao lúc nào mình cũng thấy bạn đứng một mình? – Ngọc quay lại thấy cậu Nhân, người cao vóng, mái tóc quăn bù xù, giọng vỡ khàn khàn. Chỉ có đôi mắt, đôi mắt kỳ lạ, nhỏ mà trong sáng. Ngọc nhìn thẳng vào đôi mắt ấy, cô cảm thấy mình thích người bạn mới ấy.

Ngọc nói giọng cởi mở:

– Mình thích nhìn các bạn chơi. Bạn thử quan sát mà xem. Lúc vui đùa tính cách con người thể hiện rất rõ. Không giống như trong lớp học, mọi bộ mặt đều phẳng lì như nhau.

– Thế à? Thế bạn thử nhận xét xem nào? Bạn mới vào học, bạn nói mình xem có đúng như mình hiểu không?

Ngọc cười, cô nói hồn nhiên:

– Bạn Lệ Dung là người đôn hậu, tôn trọng bạn của mình. Bạn Kim Thoa hơi tai quái, thích chọc tức làm khổ người khác. Còn bạn Tuấn thì không có tình cảm với ai cả, chỉ tìm hứng thú cho mình...

Nhân tấm tắc ngạc nhiên:

– Tuyệt đúng! Bạn có đôi mắt tinh anh quá. Mình cũng hơi sợ bạn đấy.

Ngọc giật mình, cô tùy tiện bộc lộ mình với một người chưa quen được bao lâu. Cô tìm cách nói lảng:

– Nói lăng nhăng thế, chứ chẳng phải mình nghĩ vậy đâu – Ngọc bỏ vào lớp ngồi, cô cảm thấy mình trở nên xa lạ với bạn bè. Cô không muốn nói chuyện với ai cả. Tìm được người bạn hiểu mình đâu có dễ dàng?

Nhân cũng vào theo Ngọc, cậu ta ngồi vào dãy ghế bên cậu chăm chú nhìn Ngọc và hỏi:

– Ngọc nghĩ gì đấy, bạn không thích nói chuyện với mình ư?

Ngọc chỉ cười:

– Chưa quen nhau, kể cũng khó trò chuyện.

Từ hôm đó Nhân thường chờ Ngọc để cùng về. Bạn bè xì xào trêu ghẹo ghép đôi. Nhưng mà Ngọc cũng chả quan tâm. Ngọc cần có bạn để trò chuyện, mà các bạn gái thì vô tư lự quá chỉ biết đùa vui ồn ào. Còn Nhân là người trầm tĩnh, thích suy tư. Cậu ta nói ít mà hiểu nhiều. Hơn nữa Nhân là người kín đáo, cho nên tâm sự với Nhân, Ngọc cảm thấy tin cậy.

Một hôm Nhân nói với Ngọc:

– Có lẽ mình sẽ chuyển sang trường sư phạm trung cấp, hoàn cảnh mình khó có thể tiếp tục học cao hơn được.

– Vì sao vậy?

– Mẹ mình ốm nặng, em thì đông. Bố mình đi bộ đội. Nếu học xong phổ thông cấp ba thì mình cũng chẳng thể ra Việt Bắc để học đại học được.

Một ý nghĩ chợt lóe lên, Ngọc nghĩ có lẽ mình cũng nên chuyển sang học sư phạm. Như vậy chỉ cần học một năm chuyên môn nữa là sẽ đi dạy học, và như thế là Ngọc có thể tự lập được.

Ngọc rất áy náy về việc đã lớn rồi mà vẫn phải sống nhờ cậy. Dù rằng bác San yêu thương Ngọc như con đẻ. Nhưng mà trong kháng chiến gia đình ai cũng thiếu thốn cả.

Ngọc nói với Nhân:

– Mình cũng sẽ xin sang sư phạm. Để mình xin phép bác mình đã.

– Như thế thì tuyệt quá. Chúng ta cùng làm đơn nhé.

– Bỏ học dở dang để tạt ngang kể cũng tiếc quá. Mình chỉ thèm được học mãi thôi! – Ngọc buồn bã nói vậy, Nhân thở dài:

– Hoàn cảnh như vậy nên cũng đành thôi! Sau này có điều kiện ta sẽ học thêm.

– Nhân là con trai, rồi Nhân sẽ có điều kiện để học tiếp. Còn mình là con gái, sau này chồng con rồi chắc gì còn có dịp để học nữa.

Nhân nhìn Ngọc thân thiết:

– Ngọc là người có nghị lực. Mình tin là bạn đã muốn học thì chẳng gì cản được bạn.

Ngọc im lặng, cô cũng chẳng tin mình có thể vượt được con đường mịt mùng phía trước. Nhưng mà chẳng thể nói trước được điều gì!

Trường sư phạm khai giảng đã được hai tháng nhưng vì còn thiếu học sinh. Vả lại Ngọc đã học lớp tám tức là đủ trình độ vào trường, bởi vậy Ngọc được nhận vào học ngay.

Nhưng Nhân lại không đi sư phạm. Cậu ấy được bộ đội về tuyển đi học kỹ thuật thông tin. Chiến tranh đã bước vào giai đoạn sử dụng vũ khí và phương tiện kỹ thuật. Giai đoạn tổng phản công đã đến gần, cần một thế hệ bộ đội trẻ có học thức.

Nhân ra đi trong một tâm trạng vừa phấn chấn vừa đau khổ. Mối tình đơn phương ngấm ngầm bấy lâu bây giờ trước giờ phút chia tay, Nhân cảm thấy bối rối quá. Thổ lộ hay là giấu kín?

Chiều hôm ấy, dòng sông Lam nước nguồn đổ về đỏ ngầu, cuồn cuộn. Những thân gỗ, bụi cây bị nước cuốn, xô đẩy nhau hung hãn như lũ thú đang săn đuổi nhau. Bầu trời đục ngầu sà thấp xuống tận ngọn cây. Không khí oi nồng ngột ngạt, trĩu nặng hơi nước. Vậy mà không sao mưa được, để giải thoát sự dồn ép của bầu trời nặng nề và dòng sông ứ nước căng tức.

Nhân và Ngọc thong thả đi dọc dòng sông giận dữ ấy. Áo Ngọc đẫm mồ hôi dính chặt vào da. Nhân cầm tờ báo cố quạt cho bạn. Nhân nói nho nhỏ:

– Ngọc ơi, đêm nay mình hành quân. Thế là từ nay mình phải xa bạn rồi.

Ngọc cười rạng rỡ vui vẻ:

– Bạn thật may mắn quá, thế là có điều kiện để đi học kỹ thuật. Bạn được sang Trung Quốc học phải không?

– Mình cũng nghe như thế, nhưng chưa được phổ biến chính thức, Ngọc ạ nhưng mà mình không muốn đi chút nào?

– Sao thế? Bạn lo cho mẹ bạn phải không?

– Không. Mẹ mình đã khỏi ốm rồi. Các em mình đã lớn, chúng sẽ thay mình giúp đỡ mẹ.

– Thế thì bạn cứ yên tâm mà đi học. Mình mà được đi như bạn thì mình sung sướng lắm.

– Ừ, ước gì Ngọc cũng cùng đi nhỉ!

Ngọc quay lại nhìn Nhân, và chợt hiểu đôi mắt biết nói ấy. Ngọc tìm cách lảng tránh:

– Bạn cố gắng học thật giỏi. Bạn sẽ trưởng thành sớm hơn chúng mình. Nhớ gửi thư về nhé.

– Ngọc có nhớ đến mình không?

– Nhớ chứ. Đã là bạn với nhau thì quên sao được?

Nhân im lặng, mắt nhìn xa xăm buồn buồn. Dòng sông đang lồng lộn như muốn phá vỡ bờ. Nhân dúi vào tay Ngọc một phong thư rồi nói vội vã:

– Đến giờ tập trung rồi, Nhân đi đây. Ngọc đọc thư sẽ hiểu lòng Nhân.

Ngọc cầm phong thư mà bàng hoàng.

Nhân nói tiếp.

– Nhân sẽ mãi mãi nhớ Ngọc. Nếu Nhân có hy sinh thì phút chót của cuộc đời Nhân cũng chỉ nhớ đến Ngọc. Còn Ngọc? Ngọc chưa hề nghĩ đến Nhân phải không?

Ngọc lúng túng.

– Nhân là bạn tốt của mình. Mình quên sao được?

– Chỉ là bạn thôi ư? Nhân cười buồn bã.

Nhân nắm chặt tay Ngọc, rồi ấp tay kia vào giữ chặt hồi lâu. Ngọc không rút tay lại, nhưng không thấy xúc động.

Nhân vội vã đi. Cái dáng cao lòng khòng, đầu tóc bù xù, nom giống như một cây cau. Một nét dáng thân thiết quá. Xuống hết dốc, Nhân ngoái lại vẫy, Ngọc vẫy lại. Cô bỗng cảm thấy hẫng hụt. Buồn!

Ngọc ngồi lại bên bờ sông một mình. Lúc này cô mới nhận ra mình nhớ Nhân lạ lùng. Rồi đây những câu chuyện vui buồn, những ý nghĩ vơ vẩn, những lo lắng băn khoăn, thì biết tâm sự với ai được.

Dòng nước mải miết dữ tợn vô tình cuốn trôi tất cả ra biển khơi. Dòng đời lúc này cũng đang chảy xiết. Chiến tranh bước vào giai đoạn như thác lũ, chưa biết số phận mỗi người sẽ sao đây?

Ngọc đứng dậy lững thững ra về, tay nắm chặt phong thư. Ngọc bỗng nôn nóng muốn biết Nhân nói gì với mình. Cô về phòng, khép cửa lại, run run mở phong thư.

Lệ Ngọc thân thiết ơi!

Vào giờ phút này Nhân mới hiểu là mình yêu quý Ngọc đến nhường nào!

Ngày mai ra đi rồi, tương lai đang mở rộng đón mình vào đời. Vậy mà mình lại không thể nào vui mừng như các bạn đồng đội được. Mình nhớ Ngọc, người bạn đồng cảm trong suy nghĩ, người bạn đã giúp mình cảm nhận mọi nét tốt đẹp của cuộc đời. Ở gần Ngọc mình cảm thấy mình tốt hơn, nhân hậu hơn.

Ngọc ơi, nếu mình nói: "Mình yêu Ngọc vô cùng" thì bạn có giận mình không? Trước đây mình chỉ mới thấy mình thân với bạn thôi. Vậy mà lúc này đây, sắp xa bạn, mình mới hiểu là mình yêu bạn biết chừng nào. Yêu đã từ lâu lắm rồi.

Thế nào là tình yêu thì mình cũng chẳng rõ nữa. Nhưng mà dù ở xa vạn dặm, mà nếu biết bạn vẫn nghĩ đến mình là đủ để mình sung sướng lắm rồi.

Mẹ mình trách mình là được đi thì mừng quá, mà chẳng tỏ ra quyến luyến gì gia đình. Mình biết thế là tệ quá! Song thú thật là mình chỉ nhớ có mỗi mình Ngọc thôi.

Ngọc dù không yêu mình, thì cũng đừng vì thế mà không cho mình yêu Ngọc. Mình chỉ muốn giữ được lòng tin với Ngọc.

Mình sẽ học thật giỏi, và khi đi chiến đấu sẽ thật anh dũng. Mình muốn Ngọc tự hào là có người bạn xứng đáng.

Thỉnh thoảng nhớ đến mình nhé.

Người yêu Ngọc suốt đời.
Văn Nhân

Ngọc đọc lại bức thư, và đọc lần nữa, lần nữa... Đến đêm khi vào giường thì cô đã thuộc lòng bức thư ấy!

Một niềm vui rộn ràng cứ thấm đượm lan dần. Ngọc mỉm cười mơ màng đi vào giấc ngủ.

Thế có phải là tình yêu không nhỉ? Chẳng lẽ tình yêu mà lại vui sướng trong giờ phút chia tay? Đêm ấy Ngọc nghĩ nhiều đến Nhân. Nếu có địa chỉ chắc Ngọc sẽ viết thư cho Nhân.

2.

Tháng "Việt – Trung – Xô hữu nghị" làm cho tất cả các thôn làng đều trở nên rộn rã. Cả một vùng bom đạn tơi bời mà bỗng nhiên ai ai cũng ca hát nhảy múa. Khắp đình làng, phố chợ đều rực rỡ áp phích cờ hoa.

Trong ác liệt tàn khốc, vậy mà khi có niềm vui thì cuộc sống bỗng trở nên rộn ràng vui sướng. Mọi người tự nhiên cảm thấy gắn bó với nhau.

Vừa ngớt trận bom, từ dưới hầm nhao lên, nhưng chỉ vừa nghe tiếng hát "yêu hòa bình Tổ quốc chúng ta"... là lập tức tất cả đều rung rinh đôi chân, đôi mắt lấp lánh nhìn nhau... Và nắm tay nhau nhảy mấy vòng, rồi mới bắt đầu đi làm lụng.

Không hiểu sao mà ai ai cũng tin ta nhất định thắng Pháp. Mặc dù máy bay địch tha hồ ném bom, mà chẳng có một phát súng nào chống lại.

Một hôm trên đường đến trường, Kim Thoa chỉ bức áp phích kêu lên:

– Này, các cậu ơi, xem tờ áp phích kia kìa.

– Sao? Có gì lạ đâu nào?

– Các cậu có thấy ba cô gái Liên Xô, Việt Nam, Trung Quốc trong tranh có nét gì lạ không?

– Nói nghe xem nào.

– Cái cô gái Việt Nam đứng ở giữa giống cái Ngọc quá.

– Ờ, đúng là giống thật!

Ngọc đứng sững lại nhìn. Hình như bức tranh cũng thoang thoáng giống. Một cô gái xinh với đôi mắt to và đôi đuôi sam dài. Đôi mắt to và cái miệng cười tươi. Mà thực ra thì loại hình như vậy giống tất cả các cô học sinh lúc đó. Ai mà chả có đôi đuôi sam? Ai mà chả xinh vào lứa tuổi mười sáu?

Vậy mà Ngọc bỗng xốn xang nghĩ đến anh họa sĩ ấy.

... Hôm đó Ngọc đang đứng tựa cửa nhìn các bạn đùa nghịch trong sân trường. Cô đang nhớ đến Nhân. Thì có một anh thanh niên khoảng hai bảy hai tám đến gần. Anh nói giọng miền Bắc:

– Cô cho phép tôi vẽ cô có được không?

Ngọc quay lại nhìn, ngạc nhiên về đề nghị đó.

– Dạ, không nên đâu anh ạ.

– Vì sao vậy?

– Em bận lắm, không thể làm mẫu được đâu.

– Không phải làm mẫu đâu. Tôi vẽ phác họa thôi mà. Cô cứ đứng như thế, mười phút là xong.

– Nhưng mà em chẳng có nét, vẽ em mà làm gì?

Anh họa sĩ cười rất dễ thương:

– Nhưng tôi thích dáng vẻ của cô.

Cuộc nói chuyện đó lọt vào tai một số bạn đứng gần đấy. Thế là câu chuyện loang rộng ngay lập tức khắp trường: "Ông họa sĩ mê cái Ngọc!".

Thực ra ông họa sĩ ấy chỉ ghé lại thị trấn này có một ngày để kiểm tra việc chuẩn bị triển lãm tình hữu nghị Việt – Trung – Xô. Và chiều hôm ấy anh đã trở về cơ quan.

Về sau cứ bức tranh nào có chữ ký tên anh, là các cô gái lại nhìn ngắm xoi mói và thế nào cũng tìm ra một nhân vật nào đó giống Ngọc!

Ngọc chỉ im lặng, nhưng mà lòng cô xao động, một thoáng tình cảm mơ hồ, một chút ngưỡng mộ tài hoa và như làn gió lay cành hoa, hương ngát càng tỏa xa man mác. Ngọc cảm thấy một niềm hâm mộ ưu ái với người họa sĩ mà cô chưa hề quen biết ấy. Cô luôn nghĩ tới anh.

Ngọc cảm thấy mình có lỗi với Nhân, lâu nay cô không còn nghĩ đến Nhân nữa. Trước đây cô thường mở bức thư của Nhân đọc lại, để ngắm nhìn nét chữ thân thiết. Vậy mà bây giờ dù cố gắng

đến đâu cô cũng không thích bức thư ấy nữa. Cô thầm trách mình "Mình thật chẳng ra làm sao cả. Vớ vẩn hết sức!". Vậy mà hình ảnh anh họa sĩ vẫn sống động dai dẳng bám lấy trí nhớ của cô.

Nhưng rồi niềm say mê học tập đã có sức thu hút tâm trí cô mạnh mẽ hơn cả. Cô không nghĩ đến ai nữa. Trước mắt là học thật giỏi để tìm được việc làm. Có làm chủ được đời mình thì mới giúp các em được.

Bước vào năm 1954, không khí vùng tự do bỗng như nóng rực lên. Suốt đêm ôtô tải chạy rậm rịch. Những khối đen lù lù nối đuôi nhau chạy. Không một ánh đèn chỉ thấy dòng chảy của đoàn xe trôi trong tiếng ầm ầm. Thỉnh thoảng tiếng còi chợt bật lên tắc nghẹn, rồi lại ầm ì kéo nhau đi.

Đến sáng ra thì đường quốc lộ lại vắng hoe, chỉ còn thấy lạch cạch những chiếc xe bò thủng thỉnh lăn như đi dạo. Những con bò lắc lư vừa đi vừa nhai.

Còn trên những ngọn đồi lại mọc lên những lùm cây tròn tròn như bát úp.

Công lao tạo nên những lùm cây ấy là nhờ các học sinh sư phạm tổ chức huy động thiếu nhi đi hái lá ngụy trang, phủ lên hàng trăm chiếc ôtô đỗ lại, chờ đến đêm lại lên đường ra tiền tuyến.

Công việc đơn giản ấy mà vô cùng gian khổ. Học sinh phải vào tận rú xa, gánh lá về. Một tốp học sinh khác phải gánh nước tưới lá liên tục. Đất Nghệ An cái nắng nóng buổi chớm hè rất dữ dội. Mặt trời lên là tất cả đều khô giòn. Giữ làm sao cho lá xanh dưới ánh nắng bốc lửa ấy là một kỳ công. Mỗi ngày lại phải thay lá mới. Còn cành lá cũ lại gánh về đem đến các bếp của bộ đội. Lúc này ở địa phương đang có các đơn vị luyện quân chuẩn bị chiến dịch.

Ban chỉ huy sư đoàn đóng ngay gần thị trấn. Bệnh xá dã chiến của sư, mượn trường cấp I để làm nơi khám chữa bệnh.

Lệ Ngọc cùng các em gánh đến bếp quân y. Anh phụ trách bệnh xá là Lê Tấn chạy ra đón:

– Cảm ơn các em!

Ngọc cũng xấp xỉ như các em lứa tuổi mười ba, mười bốn, nom cô cũng trẻ con chẳng khác gì mấy em thiếu niên.

Một em nghe Tấn chào vậy liền nói:

– Chị Ngọc là học sinh sư phạm, chị là phụ trách của chúng em.

Tấn mỉm cười:

– Xin lỗi cô, mời cô và các em vào uống nước.

– Cảm ơn bác sĩ.

Tấn vội thanh minh:

– Tôi chỉ mới là sinh viên y khoa, chưa tốt nghiệp bác sĩ đâu. Nhà trường cử chúng tôi đi phục vụ chiến trường.

Ngọc vui mừng rạng rỡ:

– Anh học đại học Y khoa Việt Bắc ạ? Thế anh có quen anh Hỷ và anh Hân không?

– Có chứ. Thế cô là em gái các anh ấy ư?

– Vâng!

– Thế thì thế nào tôi cũng phải ra thăm gia đình.

Cả nhà ông San vui sướng được biết có bạn của con trai mình đang ở ngay gần đây và sắp đến thăm. Lệ Thanh bảo với Ngọc:

– Ngọc này, chúng mình chuẩn bị món gì để đón anh Tấn nhỉ?

– Mùa này nhiều nấm mối, chúng mình chuẩn bị món gì để đón anh Tấn nhỉ?

– Mùa này nhiều nấm mối, chúng mình làm món nấm bọc thịt. Thêm món cá hấp nữa. Các thứ đó chắc bếp bộ đội chẳng bao giờ nấu.

Nhưng hôm Tấn đến lại là buổi chiều, anh không thể ở lại ăn cơm được. Bệnh xá dạo này đông thương binh, không lúc nào được ngơi việc. Chiều nay là Tấn phải tranh thủ trên đường đi xuống đơn vị thăm bệnh binh, mới tạt qua chốc lát.

Bà Thục Hiền ngắm nhìn Tấn hồi lâu, để hình dung về tình hình sức khỏe của các con. Bà bắt Tấn kể tỉ mỉ về đời sống và học hành ở trường.

Tấn đã kể về ngôi trường Đại học đầy bí ẩn ấy cho cả nhà cùng nghe. Những lán ở trong rừng, các phòng mổ phải căng dù làm trần để chống bụi. Các y sinh mặc bờ-lu màu lá cây... các giáo sư tài hoa và đức độ như thánh hiền. Các sinh viên học hành miệt mài dưới những ngọn đèn dầu được che kín... Chiều chiều họ ngồi đánh đàn và ca hát bên bờ suối, hoặc trong rừng cây. Họ thích hát khe khẽ những bài ca trữ tình như Sơn nữ ca, Dư âm, Đợi anh về, Bắc Sơn... Nhưng mà mỗi lần mở chiến dịch thì tất cả đều xung phong đi phục vụ, ai cũng muốn giành phần được phục vụ hỏa tuyến.

Tấn kể giọng trầm lắng say sưa, có lẽ anh đang hồi tưởng nhớ trường nhớ bạn. Anh hơi buồn khi nói:

– Tôi thật không may. Hôm phân công đi chiến dịch, thì đến phiên tôi đi lấy gạo. Thành thử lúc về đến nơi thì các cậu đã giành hết phần ra chiến trường, thế là tôi bị đẩy về hậu phương để phục vụ đơn vị huấn luyện.

Lệ Ngọc hơi bực khi nghe Tấn nói vậy. Cô nói chen vào:

– Ở đây bom đạn ác liệt, chứ đâu phải là nơi an toàn mà các anh coi thường vậy?

Tấn lắc đầu:

– Đã là chiến sĩ, mà ở hậu phương là "lính cậu" rồi. Hơn nữa muốn rèn luyện nghề nghiệp chuyên môn là phải ở nơi chiến đấu.

Bà Thục Hiền thở dài thầm tiếc cho các con trai của bà. Giá chúng về đây thì có phải là vẫn phục vụ được mà gia đình được đoàn tụ không?

Lệ Ngọc nhìn Lê Tấn, cô bồi hồi cảm thấy sao mà anh lại cao quý làm vậy? Một thanh niên có học vấn, nét mắt trầm tĩnh và chắc chắn là phải thông minh mà có lẽ tài hoa nữa. Anh và hai người anh của cô là một lớp thanh niên ưu tú, họ vừa là chiến sĩ dũng cảm, vừa là trí thức thời đại. Họ thật là đẹp đẽ nhường nào!

Tấn càng kể, càng say sưa. Nhiều lần anh nhìn Ngọc, bắt gặp ánh mắt hâm mộ, anh bỗng thấy một tình cảm xốn xang, một sự trìu mến mơ hồ.

Từ hôm ấy, hầu như ngày nào trên đường đi thăm bệnh ở các đơn vị, dù trái nẻo, anh cũng ghé lại nhà ông San. Cả nhà yêu mến

quý trọng anh như người trong gia đình. Nhiều lần anh đã ở lại ăn cơm.

Sáng hôm ấy, khi các đoàn xe ôtô vừa trở thành các "lùm cây", Ngọc và các em thiếu nhi mới trở về nhà định xuống bến sông để tắm thì kẻng báo động liên hồi.

Hai chị em Lệ Ngọc, Lệ Thanh vừa kịp chạy xuống hầm thì đã nghe tiếng máy bay ập đến, rồi bom trút xuống rung trời chuyển đất. Bà Thục Hiền ngồi dưới hầm, xếp bằng, hai tay chắp lại, mắt lim dim. Bà bình thản đọc kinh Phật. Bà hình như không hề nghe tiếng bom rền đạn xé. Có lẽ nhờ vậy mà tuy bà bị bệnh đau tim rất nặng, song bà đã "Thiền" để tự mình vượt được sự khủng khiếp của chiến tranh.

Bà đã được phép Chính phủ cho Zin-Tê để chữa bệnh, nhưng bà quyết ở lại cùng chồng kháng chiến đến cùng, quyết một lòng trung thành với Cụ Hồ.

Bà thường nói với cả nhà:

– Mỗi người có một cách thắng Pháp. Mạ thì thắng Pháp bằng "Thiền"!

Tiếng bom vừa ngớt, hai chị em Ngọc và Thanh vọt lên khỏi hầm, chạy vào nhà lấy túi thương lao ngay xuống đồi. Trong làng nhiều đụn khói bốc cao, nhưng phố xá thì nguyên vẹn. Nhưng mà bến sông thì bị phá sập. Hai chị em nhìn nhau bật cười:

– Chỉ chậm chút nữa thì có lẽ hai đứa vĩnh viễn nằm lại với dòng sông.

Tuổi trẻ hình như mọi việc đều chẳng có gì đáng sợ cả! Nhiều người đổ xô ra bến sông gào khóc, người nhà của họ đang tắm không kịp chạy về, nay đã biến mất tích tất cả.

Hai chị em nhào xuống bến, lập tức đào bới được một em thiếu nhi, em đó vừa cùng đi ngụy trang ôtô về. Bây giờ em đã im lìm bất động. Rồi tiếp tục tìm thêm được hai em nữa. Ngọc và Thanh vừa làm hô hấp nhân tạo vừa khóc. Các em vẫn còn nguyên vẹn, da thịt còn nóng hổi, mắt nhắm nghiền như ngủ.

Làm sao thức các em dậy được.

Trong lúc Lệ Ngọc vừa nức nở, vừa kiên nhẫn xoa bóp thì Lê Tấn nhào đến, anh gạt Ngọc ra, rồi ghé tai nghe. Anh vội vã lấy kim tiêm, tiêm thuốc trợ tim. Lát sau em đã nhấp nháy mi mắt. Ngọc vui sướng quên cả ý tứ, cô ôm chầm lấy Tấn mà kêu lên:

– Cám ơn anh quá!

Tấn mỉm cười nói nho nhỏ:

– Em giỏi lắm!

Tiếng em dội vào Ngọc như một luồng điện. Giữa bom đạn chết chóc mà hạnh phúc ập đến thật bất ngờ.

Hôm đó ở bến sông chết mất tám người, chỉ có mỗi em thiếu niên ấy được cứu sống mà thôi.

Một ngày khủng khiếp mà kỳ lạ quá!

Thế là họ đã yêu nhau, yêu mà không có một lời nào thổ lộ cùng nhau. Một tình yêu ngầm hiểu vậy thôi. Họ chưa có lúc nào ngồi nói chuyện riêng với nhau.

Bao giờ cũng là cùng ngồi trò chuyện với cả nhà. Chỉ có đôi mắt họ là hướng vào nhau, nhìn để hiểu nhau, và nhìn để mà âu yếm nhau nữa.

Khi Tấn ra về thì cả hai chị em cùng đưa tiễn anh xuống tận chân đồi. Họ bắt tay nhau giữ lâu hơn một chút, nhưng hơi ấm yêu thương đã truyền sang nhau. Niềm say mê càng kìm nén thì càng thấm đượm nồng nàn hơn.

Lúc nào Ngọc cũng nghĩ đến anh. Hình như trong anh đã quy tụ tất cả những nét đẹp trước đây của các bạn trai mà Ngọc đã từng quý mến. Hình như cả thế giới này chỉ có anh là người con trai duy nhất mà thôi!

Chiến thắng Điện Biên Phủ!

Niềm vui tỏa ra khắp mặt đất này. Mọi người bỗng đổi khác. Những đau thương mất mát dường như tan biến. Chỉ còn niềm tự hào, niềm vui sướng. Lòng tin bừng lên vào một tương lai rạng rỡ!

Ngay cả các ngôi mộ cũng phủ kín hoa đồi. Mọi người muốn mang niềm vui đến cho cả những người không còn được hưởng niềm vui chiến thắng.

Ngọc và Thanh ôm lấy bà Thục Hiền mà hôn:

– Mạ ơi Tây thua rồi! Thế là thằng Tây phải thua rồi! Bà Hiền đứng dậy đến bên bàn thờ, rút mấy nén hương thắp lên, bà nói:

– Để mạ khấn cho trời Phật và tổ tiên biết tin vui này. Các con đi mua cho mạ nải chuối với con gà. Mạ cúng tạ thần linh đã phù hộ cho Cụ Hồ và dân ta.

Hai chị em xuống đến chân đồi thì gặp ngay bác Bí thư khu ủy. Hai cô lại ôm chầm lấy bác và bắt bác phải nhảy bài "Yêu Hòa Bình".

Một ông già gần năm mươi tuổi mà vui sướng nhảy tưng tưng ngay dưới lòng đường phố, khiến cho cả phố càng bừng lên vui vẻ, ai cũng nhảy cũng hát. Mọi người chan hòa trong niềm yêu thương và tin tưởng. Họ cảm thấy yêu quí người cán bộ lãnh đạo cao nhất của vùng tự do Liên khu bốn ấy. Một tình yêu chan hòa giữa dân với Đảng một cách hồn nhiên.

Trong tình cảm rộn ràng đó, hình như Ngọc và Tấn tự nhiên quên bẵng nhau.

Lê Tấn ngày đêm làm việc, thương binh chở về ngày càng đông, anh hầu như không rời bệnh nhân.

Lệ Ngọc thì lao vào học tập, khóa học sẽ kết thúc sớm hai tháng.

Thỉnh thoảng Ngọc ghé vào bệnh xá để mang quà cho thương binh, nhưng ít khi gặp Tấn. Mà có gặp thì cũng chỉ cười với nhau, rồi Tấn lại mất hút trong phòng bệnh. Tấn cũng có khi ghé nhà, nhưng cô thì bận học ở trường hay đi làm công tác xã hội.

Họ cũng có nghĩ đến nhau nhưng chẳng thấy nhớ nhung gì. Lạ thế! Hình như tình yêu chỉ đến những khi buồn. Còn trong vui sướng thì ta yêu tất cả mọi người.

Hiệp định Genevơ ký kết, thế là hòa bình đã lập lại. Ông San được triệu tập ra Việt Bắc để chuẩn bị tiếp quản thủ đô. Cả nhà rộn rã chuẩn bị vào Hà Nội.

Lệ Ngọc tập trung ôn thi tốt nghiệp. Cô không còn tâm trí nào để nghĩ đến bất cứ việc gì khác nữa.

Lê Tấn chuẩn bị di chuyển bệnh xá, và anh chuẩn bị bàn giao để trở về trường tiếp tục học khi có lệnh gọi về.

Thật không thể nào hiểu nổi hai con người ấy. Chỉ ở cách nhau vài cây số mà mấy tháng trời họ không gặp nhau. Nếu thoáng thấy nhau ngoài đường thì họ vẫy gọi nhau như hai người bạn.

– Anh Tấn! Anh khỏe chứ!

– Em! Thi xong chưa! Giữ sức khỏe nhé!

Mãi cho đến hôm Lệ Ngọc thi tốt nghiệp xong. Cô đỗ loại giỏi. Tấn đến chúc mừng, và hôm đó lần đầu tiên họ đi nói chuyện riêng với nhau.

Họ đi thong thả dọc bờ sông. Chiều đến phủ một thoáng sương mờ trên mặt nước. Những ngọn đèn trên thuyền như nhòe đi. Thuyền lặng lờ trôi. Giờ này các gia đình vạn chài đang quần tụ trong khoang ăn cơm tối. Đó là thời gian hạnh phúc của họ. Vậy mà dòng sông như buồn lặng đi, vì không có tiếng hò ngân vang. Chiều buồn vắng vẻ!

Ngọc đi bên Tấn, họ giữ một khoảng cách không va chạm. Cảm giác ngượng ngập làm họ lúng túng.

– Ngày mai anh phải hành quân rồi. Chưa biết đến bao giờ mới gặp lại em – Tấn nói giọng đều đều buồn tẻ.

Ngọc ngước nhìn Tấn:

– Bác San viết thư về bảo là Bộ Giáo dục đã đồng ý nhận em vào Hà Nội dạy học. Em sẽ đi cùng gia đình vào Hà Nội khi tiếp quản thủ đô xong. Anh có vào Hà Nội không?

– Anh cũng sẽ trở về trường đại học Y khoa. Có thể chúng mình sẽ gặp nhau ở Hà Nội cũng nên.

Lệ Ngọc nhận ra cái giọng không mấy nồng nhiệt của Tấn. Còn cô cảm thấy tình cảm như nguội đi, mà không hiểu tại sao lại như vậy:

– Anh đi xa có còn nhớ đến em không?

– Nhớ chứ. Em là cô gái tuyệt diệu!

Ngọc cười ngờ vực, nhưng rồi cô cũng nói:

– Anh là người con trai đầu tiên mà em yêu. Thật đấy!

Tấn ôm choàng vai Ngọc ôm xiết, anh hôn lên mái tóc Ngọc. Cô nghiêng đầu vào vai anh. Nhưng rồi họ vội buông nhau ra. Họ cảm thấy mình vừa xúc phạm nhau, hình như tình yêu của họ chưa đủ độ chín để họ có thể say đắm quên mình cho nhau.

Tấn xem đồng hồ rồi hoảng hốt kêu lên:

– Thôi chết, bẩy giờ rồi. Đến giờ giao ca trực.

Cả hai bật cười, rồi cùng chạy gần đến bệnh xá. Họ vội vã chia tay nhau. Công việc làm họ quên mất là ngày mai phải xa nhau.

Lệ Ngọc lững thững đi về nhà một mình. Lòng phân vân "thế là tình yêu đấy ư?".

Trăng lên vượt quá ngọn cây. Một vành trăng ngời ngợi giữa bầu trời mênh mông thăm thẳm.

Trăng mới đẹp làm sao, mà cô đơn làm sao!

Một mình giữa vũ trụ thì càng đẹp lại càng buồn. Tiếng trống ếch rộn rã. Thiếu nhi đang tập để ngày mai chuẩn bị đón Tết trung thu hòa bình.

Ngọc chạy lại với các em. Niềm vui ào ạt trong hoạt động cũng khỏa lấp những trống trải bâng khuâng trong lòng một cô gái đang khao khát yêu thương mà chưa hiểu thế nào là tình yêu?

3.

Chiếc ôtô tải chở cả gia đình ông Hoàng Đức San lao đi trên đường số một giữa ban ngày mà không cài lá ngụy trang! Xe xuôi ngược gặp nhau vẫy chào nhau hỏi han rối rít, hình như tất cả các lái xe đều đã quen thân nhau hết thì phải.

– Đi đâu đấy?

– Đi Hà Nội đây.

– Chở ai đấy?

– Gia đình cán bộ tiếp quản thủ đô.

– Ái chà chà, sướng thật!

... Chiếc Molotova quân sự về tận nhà vào cuối tháng mười. Cả nhà được bốc gọn đưa ngay đi trong một buổi sáng. Ông San đã đi theo đoàn của Chính phủ vào thủ đô từ mồng mười tháng mười. Bây giờ cả gia đình mới được đưa vào, sau khi đã sắp xếp bố trí nhà ở xong đâu đấy.

Lệ Ngọc đã nhận được quyết định phân công đi dạy cấp 1 ở Hà Nội. Đó là nhờ ông San xin với Bộ trường Giáo dục, vốn là bạn học từ ngày xưa. Mà cũng vì hoàn cảnh gia đình cán bộ nên được chiếu cố. Ngọc mới được điều động về Hà Nội ngay như vậy.

Niềm sung sướng được về thủ đô, và niềm vui được đi công tác khiến Ngọc thấy cuộc đời như mở ra trước mắt một tương lai sán lạn.

Đau buồn, mất mát, lo âu bỏ lại phía sau!

Diện tích thùng xe chỉ khoảng hơn hai mét vuông. Vậy mà cả nhà năm người cùng với tất cả tài sản chín năm kháng chiến, vẫn còn thênh thang. Xe chạy lắc lư, cả nhà trải chiếu nằm ngồi, như trong nhà vậy.

Những rừng thông trùng điệp lùi dần phía sau. Làng mạc trù phú ngày càng nhiều hơn, rồi đến những thị trấn đông tấp nập. Hình như càng ra phía Bắc thì đất đai tươi tốt hơn, và con người cũng tươi vui hơn.

Đường xóc muốn hất tung tất cả xuống đất, nhưng chỉ làm cho mọi người bật cười. Hai cô gái đứng tựa thành xe, nhìn qua nóc ca bin để báo cho mọi người những ổ gà lớn. Đường phá hoại mới đắp lại nên mặt đường nham nhở lồi lõm. Có những đoạn hõm xuống như lòng chảo. Xe phải vừa chạy vừa gào rú vật lộn với con đường đầy thương tích.

Bà Thục Hiền chỉ chịu đựng được ngày đầu. Đến đêm thì bà đau lưng không sao trở mình được. Anh lái xe phải cho mượn cái

võng dù treo chéo thùng xe. Bà Hiền lại vui vẻ, bà vừa nằm đu võng vừa ca Huế. Cả xe lại rộn ràng niềm vui.

Đến những chặng nghỉ, tất cả ào xuống xe tìm giếng để rửa mặt mũi chân tay. Rồi lại tụ đến quanh mấy anh sĩ quan quân đội. Họ có đài bán dẫn với cái cần ăng-ten dài nghêu như cần câu. Đài phát tin với giọng nói éo éo không rõ lời. Có lẽ tại pin đã yếu quá. Nhưng tất cả đều ngây mặt lắng nghe, mắt lấp lánh niềm vui.

Mấy anh bộ đội trẻ thấy hai cô gái liền sán vào hỏi han:

– Mấy cô đi đâu?

Ngọc mải nghe tin, không nghe câu hỏi. Thanh vui vẻ trả lời:

– Chúng em vào Hà Nội. Ba chúng em đi tiếp quản thủ đô.

Một câu hỏi nhỏ vào tai Thanh:

– Thế chị cô tên là gì?

– Chị Ngọc – Thanh đáp. – Chị sẽ vào dạy học ở Hà Nội. Còn em là Thanh, em vào học cấp ba.

– Chị ấy bao nhiêu tuổi mà đã đi dạy?

– Chị ấy mới mười bảy tuổi thôi. Dạy cấp một ấy mà.

– Chị cô đẹp quá, mà cô cũng đẹp.

Thanh cười rộ:

– Bộ đội mà cũng nịnh đầm!

Các chàng bộ đội trẻ ngượng quá, lúng túng đỏ mặt. Nghe tiếng cười, Ngọc giật mình quay lại:

– Gì đấy Thanh?

– Các anh bộ đội bảo là Ngọc đẹp!

Lệ Ngọc cười bình thản. Cô đang nghĩ đến Lê Tấn.

– Các anh ở sư đoàn nào ạ?

– Bí mật!

– Thế các anh có biết anh Lê Tấn, quân y trưởng sư đoàn X không ạ?

Một sĩ quan trẻ bước ra nhìn Ngọc chăm chú rồi hỏi:

– Cô quen anh ta à?

Những đôi mắt tò mò, tiếng xì xào rì rầm.

Ngọc nhìn anh sĩ quan. Đó là một thanh niên tầm thước, khoảng hai sáu, hai bảy tuổi, mặc áo đại cán bốn túi mới tinh. Nom anh thật đẹp đẽ oai nghiêm. Anh ta lại hỏi tiếp:

– Cô quen Lê Tấn từ hồi nào vậy?

– Anh ấy đóng quân tại địa phương chúng em.

– Thế sao cô không hỏi thăm ai khác mà chỉ hỏi mỗi mình anh ấy thôi?

Ngọc khó chịu nhìn anh sĩ quan không quen biết ấy, cô đứng dậy lễ độ chào:

– Cũng tiện thì hỏi thôi ạ. Chào các anh.

Hai chị em cùng đi về xe. Thanh nói với Ngọc:

– Cái anh sĩ quan ấy nhìn Ngọc mới khiếp chứ!

Ngọc ngạc nhiên:

– Làm gì có chuyện ấy. Mình không thấy?

– Tại Ngọc mải nghe đài mà không chú ý.

– Kệ họ. Đừng chú ý làm gì.

Chuyến xe vui lại tiếp tục hành trình...

Vậy mà trên xe mấy người tóc tai bơ phờ quần áo dầu dãi. Đồ đạc cũ kỹ lỉnh kỉnh chất đống. Chẳng ai có thể hình dung được niềm vui sướng lớn lao đang tràn ngập tâm hồn những con người ấy.

Bà Thục Hiền tự hào mình đã chọn con đường đúng. Bây giờ bà trở về với tư cách người chiến thắng, mặc dù bà chưa hề đi công tác hay chiến đấu một ngày nào cả. Bà là "Dân kháng chiến, người của Cụ Hồ"! Bà vú già sung sướng hình dung ngày trở về quê thăm lại gia đình. Bà trung thành với gia đình này đã hai chục năm nay. Bây giờ bà là người của gia đình cán bộ tiếp quản thủ đô!

Còn Ngọc và Thanh lòng tràn ngập niềm hy vọng ở tương lai. Các cô lớn lên thật đúng thời thế. Các cô sẽ là dân thủ đô!

Cậu út Hoan thì vô tư chả nghĩ gì cả. Cậu ôm cây đàn măng-đô-lin đánh suốt ngày. Vả lại nhìn cậu là đã thấy niềm vui hồn nhiên rồi!

Tất cả những gì hiện ra trước mắt họ đều mang một vẻ đẹp lạ lùng kỳ ảo.

Xe vào địa phận Hà Nội thì dừng lại. Tất cả đều xuống xe, rửa mặt, chải đầu, thay quần áo. Anh lái xe cũng lấy bộ quân phục mới ra mặc. Bà Thục Hiền soi gương thoa tý son. Mọi người trở nên nghiêm trang tề chỉnh. Xe từ từ lăn bánh trên đường phố.

Thật hồi hộp đi vào đất thủ đô thân yêu.

Những tòa nhà lộng lẫy hiện ra. Trên các đường phố các cô gái thướt tha trong tà áo dài nhiều màu rực rỡ. Các cửa hiệu kính sáng lấp loáng. Đèn nê-ông làm cho những gian nhà sâu hun hút vẫn sáng như ngoài trời. Mấy anh cảnh sát ngụy vẫn được làm nhiệm vụ chỉ đường giao thông. Họ mặc những bộ quần áo trắng, đi găng trắng lịch sự, họ chỉ đường mà cứ đẹp như múa.

Tất cả đều văn minh quá, sang trọng quá. So với Huế thì Hà Nội đẹp và rộng lớn hơn nhiều. Thật hạnh phúc được sống trong một thành phố trật tự, sạch sẽ, đẹp đến như vậy.

Xe đỗ trước một khu nhà ba tầng khá đẹp. Ông San từ trên ban công tầng ba reo lên:

– Cả nhà đã đến!

Ông chạy băng như một thanh niên xuống ba tầng lầu. Lệ Thanh và út Hoan chạy đến ôm cổ bố:

– Ba ơi! Ba ơi! Rồi hai đứa tới tấp hôn bố.

Lệ Ngọc quay mặt đi vờ bận khuân đồ đạc, lén lau hai giọt nước mắt. Cô chợt thấy dù sao mình cũng chẳng có gia đình.

Ông San gỡ tay hai đứa con, ông đến bên Ngọc ôm lấy hai vai rồi hôn vào trán đứa cháu gái:

– Bác mong cháu quá, cứ lo cháu không kịp giấy tờ.

Ngọc sung sướng dụi mặt vào vai bác.

– Bác đã gửi kịp công văn của Bộ về, thành ra trường họ cấp giấy tờ ngay. Cháu cám ơn bác quá!

Ông San cười vui vẻ:

– Thế là cả nhà ta đoàn tụ. Hỷ và Hân đã về Hà Nội rồi, nhưng vẫn ở trong doanh trại.

– Hai đứa có khỏe không ông? – Bà Thục Hiền háo hức hỏi.

– Khỏe lắm. Bây giờ nhà ta có hai "Bác"!

Mọi người ngơ ngác, tưởng rằng có bác nào đến ở cùng.

Nhưng Lệ Thanh nhanh trí đã hiểu ra ngay:

– Phải rồi một Bác già, một Bác trẻ.

Cả nhà cười vang, mọi người chợt hiểu ra là nhà có hai bác sĩ. Anh Hỷ vừa tốt nghiệp bác sĩ được nhận bằng trước khi vào tiếp quản thủ đô. Còn anh Hân vẫn đang là sinh viên. Toa nhà này trước đây vốn là nơi ở của các trợ lý và nhân viên hành chính của trường đại học Y khoa vùng tạm chiếm. Nay hầu hết đã đi vào Nam, nên được dành lại để phân chia cho các bác sĩ từ vùng kháng chiến trở về. Mỗi gia đình được phân một căn hộ hai phòng, mỗi phòng hai mươi mét vuông. Có đầy đủ công trình phụ, và có ban công.

Nếu so với vi-la ở Huế thì đây chỉ là căn hộ quá xoàng xĩnh. Nhưng nếu so với cán bộ kháng chiến trở về, thì đây lại là một ưu tiên lớn.

Cả nhà vui mừng rạng rỡ thấy căn nhà có đầy đủ tiện nghi, bàn ghế, giường tủ... đèn điện sáng choang. Ông San tự hào vì sự quan tâm của chính phủ đối với trí thức. Còn bà San thì chỉ nói:

– Có sao sống vậy! Dù sao so với hồi kháng chiến thì có khá hơn.

Bà lập tức huy động cả nhà, trừ ông San, làm tổng vệ sinh. Cọ sàn nhà, lau rửa đồ đạc, lau chùi cửa kính. Tất cả đều sạch bóng, được xếp đặt thật hợp lý và ngăn nắp.

Hai hôm sau, ngày chủ nhật, Hỷ và Hân về thăm nhà. Hai cô em gái ôm chầm lấy các anh. Hai ông mặc áo đại cán, dận giầy đen, đi đứng nghiêm như người gỗ. Nói năng từng câu nhát gừng như báo cáo với chỉ huy.

Thanh hài hước nhắc:

– Báo cáo chỉ huy, cởi áo ra cho mát!

Ngọc ngắm nhìn các anh, cô ngạc nhiên thấy sao các anh lại nhỏ nhắn chứ không cao lớn như cô tưởng. Lúc bé bao giờ Ngọc cũng

chỉ đứng dưới nách các anh. Còn bây giờ cô cảm thấy mình "bình đẳng" về mặt thể chất.

Anh Hân nhìn các cô em gái cười, mắt hấp háy sau cặp kính cận – 4 (âm bốn).

– Các em lớn quá rồi. Thế này là mình lại có khối đứa xin làm em!

Ngọc thận trọng hỏi:

– Các anh có quen anh Lê Tấn, cũng là sinh viên Y khoa không?

Hỷ nghiêm trang hỏi:

– Sao em lại biết anh ấy?

Thanh nháy mắt ra hiệu, Hân cười xòa:

– À biết rồi. Tay ấy học hơn anh một lớp. Cần phải tìm hiểu cẩn thận đấy em ạ.

Ngọc đỏ mặt lúng túng nói:

– Em chỉ mới quen, chưa có ý gì đâu. Nhưng mà em muốn anh thử hỏi xem anh ấy là người thế nào?

Hỷ trầm ngâm nói với Ngọc:

– Em mới có mười bảy tuổi. Đừng nghĩ đến chuyện đó sớm quá.

Ngọc ngượng ngùng. Đúng là cô luôn nghĩ đến Lê Tấn. Cô không thấy nhớ, cũng chẳng cảm thấy yêu. Nhưng mà cô muốn được nhớ, được yêu một ai đó. Cuộc sống mà không được sống vì một người nào đó thật vô vị.

Ngọc được phân công về trường tiểu học số 1 cũng gần nhà. Cô dạy lớp nhất, đồng thời làm phụ trách thiếu nhi để chuẩn bị xây dựng đội thiếu niên Tiền phong.

Thế là Ngọc đã trở thành cán bộ Nhà nước. Ngày nhận được tháng lương đầu tiên, Ngọc cảm động đến mức cầm bút ký mà mắt nhòe ướt:

– Cám ơn chị!

Ngọc cầm phong bì đề tên mình bỏ vào túi.

– Đếm lại đã – Chị kế toán giữ tay Ngọc lại.

– Dạ thôi ạ! – Ngọc cười ngượng nghịu.

Chị kế toán túm lấy túi Ngọc, lôi phong bì ra:

– Em phải đếm lại. Đã nhận tiền là phải đếm, đối với ai cũng vậy. Em nên nhớ việc đếm lại là để cho người phát lương yên tâm, chứ không phải là nghi ngờ họ đâu. Sống là phải sòng phẳng như vậy mới giữ được quan hệ bền lâu.

Ngọc cảm mến chị nhân viên già của nhà trường. Bài học đầu tiên bước vào đời của Ngọc là như vậy.

Ngọc nhảy hai bậc cấp một lao lên nhà. Gặp bác Thục Hiền, cô ôm lấy bác rồi giúi nắm tiền vào tay bác:

– Bác ơi, lương của cháu đấy.

Bác Hiền xòe tay ra, nhìn những đồng tiền nhỏ nhoi mà vui sướng vô ngần:

– Để bác gửi nguyên số tiền này về cho ba cháu mừng.

Ông San trong phòng chạy ra tươi cười nói:

– Thế là thêm một đứa con nữa trưởng thành!

Tối hôm đó bà Thục Hiền mở một bữa tiệc nhỏ để mừng cô cháu gái từ nay có tư cách làm chủ gia đình, bởi cô đã đóng góp phần mình vào ngân quỹ chung.

Bà vú già tự đến rót vào cốc của Ngọc một ít rượu thuốc, từ trước đến nay bà chỉ rót cho ông San mà thôi. Đó là biểu hiện sự kính trọng đối với lao động chính của gia đình. Thủ tục đó làm Ngọc xúc động rớm nước mắt. Cô đứng dậy nâng cốc:

– Con xin chúc hai bác mạnh khỏe!

Lệ Thanh, út Hoan nâng cốc nước lọc có pha chút rượu vang:

– Chúc ba mạ mạnh khỏe!

Rồi liếc sang Ngọc, tủm tỉm cười:

– Chúc Ngọc sớm có tin vui mới!

Ông San cười ha hả:

– Chúc cháu có nhiều thành đạt. Nhưng chuyện vui thì hãy khoan khoan!

Ngọc nhận được thư của dì Thanh Hải. Em vội vàng bóc thư và ngốn ngấu đọc:

Cháu Lệ Ngọc yêu quí,

Được tin con đã đi làm, dì mừng quá. Dì cám ơn bác San vô cùng. Con phải cầu khấn Đức Phật phù hộ cho hai bác của con. Đó là hai con người nhân hậu và đức độ mà suốt đời con phải nhớ ơn.

Dì cứ nấn ná mãi, hôm nay dì phải bàn với con một chuyện hệ trọng, đó là Bảo Kim. Em gái con rất ngoan, học hành thông minh lắm. Dì đã định là sẽ nuôi em con đến lúc trưởng thành. Nhưng mà bây giờ thì hoàn cảnh của dì khó khăn quá.

Dì không thể ngờ được gia đình của dì lại bị quy là địa chủ. Mà cả đời dì chưa hề ăn một hạt gạo nào do phát canh thu tô. Mấy mẫu ruộng hương hỏa để giỗ chạp lại đứng tên bác, vì bác là con trưởng. Cho nên bây giờ bác và dì có lẽ sắp bị đấu tố. Mà từ bé đến giờ bác ở thành phố, chứ có ở quê đâu. Chỉ mấy năm kháng chiến có tản cư về quê, thì cũng là đi công tác chứ đâu có sống vì lợi tức ruộng đất.

Hiện nay bác ốm đau tim nặng, lại lo buồn nên quy hẳn. Dì đã xin phép xã cho bác ra Vinh chữa bệnh. Các anh chị thì bác xin cho đi học ở Vinh và ở Hà Nội cả. Còn dì sẽ ở lại quê để chịu đấu tố. Nghĩ mà cực nhục quá. Suốt đời sống lương thiện bằng nghề nghiệp bào chế thuốc của mình. Thế mà bây giờ trở thành một con mụ bóc lột địa tô! Âu cũng là sự thử thách của Trời Phật.

Dì đã cho Bảo Kim ra Vinh ở với ba của con, nhưng dì thương nó quá. Nó cần tình cảm người mẹ để chăm nom dạy dỗ. Còn ba con thì có lẽ không biết dạy dỗ con gái. Hơn nữa lại ở tập thể cơ quan, dì sợ rồi con bé sẽ khổ.

Con cố gắng tìm cách để chị em đùm bọc nuôi nhau. Dì nghĩ là không nên để bác San lại cưu mang thêm Bảo Kim nữa. Nhà bác chẳng được rộng rãi, mà hai anh thì đã lớn có lẽ cũng sắp lấy vợ.

Vậy con tính cách nào mà nuôi em gái của con.

Dì thương các con quá, mới lớn lên mà đã phải chịu đựng nhiều khắc nghiệt của cuộc đời.

Nhưng mà con cứ tin rằng mình ăn ở nhân đức thì rồi cuộc đời sẽ có phúc phận.

Dì nghĩ là: Sông có khúc, người có lúc. Ta cứ kiên nhẫn rồi sẽ vượt qua được.

Cho dì gửi lời kính chúc hai bác và các anh chị mạnh khỏe.

Chúc con gặp nhiều may mắn.

Dì của con
Thanh Hải

Lệ Ngọc ngồi sững sờ, dì Thanh Hải hiền hậu dịu dàng mà lại là địa chủ ư? Rồi dì phải bị sỉ nhục đấu tố ư?

Trời ơi, sao lại bất công đến như vậy? Cô hình dung dì hiện nay phải sống cô đơn ở nông thôn, một mình dì chịu đựng tất cả để chồng con được thoát khỏi cảnh khổ cực.

Làm sao bây giờ, biết làm cách nào mà nuôi em gái? Cô ngồi thẫn thờ ngoài ban công. Trời sẩm tối, đèn đường đã bật sáng. Những căn nhà trở nên giống hệt nhau, những khối đen đen với các ô cửa sổ sáng. Đằng sau các khung cửa ấy là những tổ ấm gia đình. Họ quây quần sum họp, vui buồn lo lắng có nhau. Còn Ngọc thì mấy chị em tan tác mỗi đứa một nơi. Nước mắt Ngọc trào ra. Cô khóc vì buồn khổ thì ít mà khóc vì ân hận thì nhiều. Nỗi ân hận là bấy lâu nay mình thật vô tâm, đã vui sướng một cách ích kỷ, mình bỏ rơi các em một cách vô trách nhiệm.

Bà Thục Hiền đứng lặng nhìn Ngọc khóc, bà đến bên cạnh đặt tay lên vai cháu gái:

– Có chuyện gì vậy con?

Ngọc đưa bác bức thư.

– Dì Thanh Hải bị quy là địa chủ. Bác ơi, dì con phải sống một mình để chờ bị đấu tố. Liệu dì có chịu đựng nổi không?

Ngọc nức nở, cô thương dì và cảm thấy mình hoàn toàn bất lực trước cảnh khổ của dì.

Bà Thục Hiền thở dài:

– Sao cảnh đời lại trớ trêu như vậy! Hai ông bà dược sĩ ấy mà lại là địa chủ được? Bác tin là có điều gì lầm lẫn ở đây. Thế nào rồi Cụ Hồ cũng sẽ nhìn thấy. Cụ mình sáng suốt khoan dung lắm. Thôi bây giờ con vào ăn cơm đã.

Hai bác cháu ngồi nói chuyện sau bữa cơm tối.

– Bác cứ suy nghĩ mãi về chuyện của con. Con cứ đón Bảo Kim ra đây. Thôi thì đùm bọc lấy nhau mà sống trong lúc khó khăn này.

– Con biết bác thương yêu chúng con, nhưng bác làm sao mà cưu mang tất cả mấy chị em con được?

Bà Hiền thở dài, bà cũng nghĩ lung lắm. Bà biết là hoàn cảnh lúc này không thể nào mang thêm gánh nặng, mà bỏ mặc thì không đành tâm.

– Nhưng mà chẳng nhẽ bỏ con bé con sống vất vưởng ở nhà tập thể với mấy ông vụng về như gấu! Rồi nó sẽ lớn lên và phải được giáo dục đức hạnh nữa. Bác lo cho Bảo Kim sẽ chẳng nên người tử tế nếu cứ để mặc nó sống như thế.

Ngọc thốt lên xót xa:

– Nhưng mà biết làm thế nào được bác ơi!

Bà Hiền nhìn Ngọc đăm đăm, rồi lưỡng lự nói:

– Hay là con lấy chồng. Tìm một người tử tế, có khả năng kinh tế khá để làm chỗ nương thân?

Ngọc sửng sốt, cô bàng hoàng về giải pháp ấy.

– Bác ơi, con mới mười tám tuổi, chẳng nhẽ lại lấy chồng? Mà lấy ai được. Làm gì tìm được người yêu dễ dàng như vậy?

Bà Hiền buồn rầu nói:

– Tìm chồng chứ không phải tìm người yêu con ạ. Bác thương con quá. Nhưng mà lúc này phải nghĩ đến em con. Chỉ có con mới cứu được nó mà thôi.

– Nhưng làm sao mà con tìm được người như thế?

– Bác sẽ tìm cho con – Bà Hiền ngập ngừng giây lát rồi nói tiếp. Bác có quen một người rất tốt. Anh ấy là một trí thức cỡ lớn, rất thông minh, vô cùng nhân hậu. Chỉ có hơi lớn tuổi. Mà cũng phải độ tuổi ấy mới có nhà cửa đàng hoàng được.

– Con thật lòng chưa hiểu nên xử sự thế nào là phải lẽ? Nếu con làm như vậy thì có là thực dụng không?

– Con không nên e ngại điều đó. Bởi vì con không phải tính toán cho mình.

– Vâng! – Ngọc thở dài, lòng ngổn ngang rối bời.

– Con ơi, sống ở đời sướng khổ là lẽ thường tình. Nhưng mà biết sống vì nhau, sống cho nhau, dắt díu nhau mà đi trong cuộc đời thì lúc sung sướng sẽ ấm áp hơn, mà lúc cực khổ đỡ cô đơn hơn. Xét cho cùng thì cuộc sống hạnh phúc là do ở cái thiện tâm của mình con ạ.

Ngọc gục đầu vào vai bà Hiền.

– Bác ơi, lòng bác nhân từ quá. Con muốn được sống như bác.

Đêm ấy Ngọc nằm trăn trở nghĩ đến đời mình. Cô chợt nghĩ đến Lê Tấn, lòng nhói đau. Đã tám tháng vào Hà Nội mà cô không hề nhận được tin tức gì của anh. Anh đã vào Hà Nội chưa? Hay là còn ở đơn vị? Tại sao chẳng có thư từ gì hết?

Mà nếu bây giờ có gặp Tấn thì chẳng biết nói với anh thế nào? Anh còn là sinh viên, cũng cảnh không nhà, không cửa như cô mà thôi.

Tâm hồn cô chưa kịp bừng nở thì đã cằn khô lại rồi.

Ngày chủ nhật nào hai chị em cũng phải tập nấu những món ăn đặc biệt. Bà Hiền bắt các cô gái học gia chánh. Bà thường nói:

– Con gái phải biết nữ công giỏi, mới làm vợ được. Người chồng quí vợ không phải ở cái sắc, mà ở tài nội trợ. Nấu ăn ngon là một cách giữ chồng đấy!

Còn lúc này, ngày chủ nhật là các con trai ở doanh trại về. Cho nên đó là ngày liên hoan gia đình.

Ngọc và Thanh đang làm vịt, bà Hiền hướng dẫn cách hãm tiết để đánh tiết canh, và làm món vịt quay. Hỷ và Hân làm chân phụ bếp để các cô em sai vặt. Lệ Thanh nói với các anh:

– Các anh bây giờ dưới quyền chỉ huy của chúng em.

– Xin phục tùng!

– Tập cho quen để sau này chịu đựng sự sai phái của vợ.

Hân phản ứng ngay:

– Anh chỉ phục tùng các em, chứ vợ thì đừng hòng nhé!

Thanh bĩu môi:

– Nhìn tướng anh là em biết, nếu có vợ đẹp thì có khi anh còn quỳ xuống hôn chân cơ đấy!

Hỷ tủm tỉm cười:

– Nếu có người đẹp yêu mình, thì mình sẵn sàng quì ngay!

Thanh lại quay sang trêu Ngọc:

– Thế thì Ngọc sau này chắc sẽ có người quỳ mọp!

Ngọc vừa lấy đũa quấy đều bát tiết vừa nói:

– Mình phải quỳ xuống chân người ta thì có.

Hân nhìn sang Ngọc, anh nói như chợt nhớ:

– À Ngọc này, cái thằng Lê Tấn ấy chẳng đáng cho em nghĩ về nó đâu. Anh chàng đang tấn công, tán tỉnh cô Thanh Lan, một sinh viên y khoa năm thứ nhất.

Ngọc sững người, cô hỏi giọng nghẹn lại:

– Thật không? Cô ấy có đẹp không?

– Mồm rộng như ếch. Nhưng mà cũng trắng trẻo. Vả lại bố cô ta có một tòa nhà lớn. Như vậy thật là tốt số!

Ngọc thở dài:

– Nếu ai có tòa nhà rộng rãi như vậy mà đi hỏi em, thì em cũng lấy liền!

Hỷ đến cạnh Ngọc hỏi nhỏ:

– Em nói cái gì vậy, sao lại thế được?

– Em nói thật đấy!

Hỷ cúi xuống nhìn Ngọc, anh thì thầm:

– Em có điều gì buồn trong cư xử của ba mạ anh hay sao?

Ngọc hốt hoảng:

– Không! Không phải đâu. Hai bác yêu quí em lắm. Nhưng mà em còn có trách nhiệm với các em của em nữa.

– Đừng nghĩ quẩn thế. Em còn trẻ, tương lai còn dài. Em phải thận trọng trong lựa chọn. Nếu không thì sẽ khổ cả đời người đấy.

Ngọc cúi xuống lén chùi giọt nước mắt đang lăn vội vã. Cô mím môi lại để đừng bật khóc, nước mắt tràn vào miệng mằn mặn. Cô nuốt dòng nước mắt, lặng lẽ khóc thầm.

Hỷ nhìn thấy tất cả, nhưng anh im lặng ngồi quay lưng che cho Ngọc, để đừng ai nhìn thấy nỗi buồn thầm kín của em gái. Anh tưởng là cô đau khổ vì Lê Tấn bội tình. Ngọc buồn vì Lê Tấn yêu người khác. Nhưng cô không đau khổ vì chuyện ấy. Tấn chỉ mới là bóng dáng chàng trai thoáng qua đời cô mà thôi. Nhưng mà đó là mối tình đầu mà cô hy vọng, với tất cả những mộng tưởng đẹp đẽ mà cô đã dựng lên. Vậy mà cuộc đời đã vội vã lật mặt trái trần trụi của nó lên một cách khắc nghiệt. Ngọc đau khổ vì sụp đổ niềm tin vào lòng người!

4.

Những nỗi buồn riêng tư đó không lấn át được niềm vui dạt dào của không khí bừng bừng Cách mạng khắp phố phường thủ đô. Mỗi người dân Hà Nội là một niềm tự hào sáng ngời của người chiến thắng!

Ngay cả những người không ra vùng kháng chiến, họ ở lại vùng tạm chiếm suốt chín năm. Những người đó cũng cảm thấy tự hào. Bởi họ đã tự nguyện từ bỏ một cuộc sống đầy hứa hẹn ở miền Nam, để ở lại với cách mạng. Mỗi người dân Hà Nội cũ đã phải kiên trì, khôn khéo, dũng cảm để giữ lại cho ta từng cỗ máy, từng căn nhà nguyên vẹn, từng tài sản lớn nhỏ. Họ đã bí mật mang cờ, thầm học các bài ca cách mạng để náo nức chờ đón Cụ Hồ và Chính phủ trở về thủ đô. Họ cũng là những người chiến thắng vẻ vang!

Ngọc được cuốn hút vào cuộc sống náo nức đó.

Mỗi buổi đến trường là một ngày hội. Các em học sinh đón chờ cô giáo như ngóng mẹ về chợ.

Mỗi giờ lên lớp Ngọc cảm thấy mình truyền lại cho các em không chỉ là kiến thức, mà đang dồn trút cho các em tình cảm đang dồn nén: tình yêu chủ nghĩa xã hội, tình yêu Tổ quốc, tình yêu Bác Hồ và tình yêu con người... Tình yêu ấy thật trừu tượng, nhưng mà thân thiết gần gũi lạ thường!

Bốn mươi em học sinh ngồi ngay ngắn, ngước những đôi mắt trong sáng háo hức đón nhận lời cô giáo.

Có thể các em chẳng hiểu hết lời cô nói, nhưng mà các em cảm nhận được tình cảm nồng nhiệt của cô giáo.

Ngoài giờ lên lớp, Ngọc còn làm phụ trách thiếu nhi. Đội thiếu niên tiền phong đã được thành lập. Các em được quàng khăn đỏ và cố gắng tỏ rõ vai trò gương mẫu của mình. Các em nhìn cô Ngọc để làm mẫu mực noi theo. Thậm chí các em đã bắt chước từ dáng đi, cách nói của cô. Được sống trong niềm ngưỡng mộ của các em học sinh, tự nhiên Ngọc thấy mình phải "tốt thực sự", không thể để cho các em thất vọng về mình được. Làm cho trẻ thơ mất lòng tin vào thần tượng là một tội lỗi nặng nề, gần như là phản bội vậy.

Ngọc cố gắng làm việc không tiếc sức, và luôn tự vấn lương tâm mình đã thật trong sáng chưa?

Cô yêu học sinh của mình và lo lắng cho từng em như ruột thịt vậy.

Một buổi sáng Ngọc đến lớp thì thấy các em xôn xao lo lắng đứng vây lấy em Thanh Quế. Vừa thấy Ngọc bước vào, Quế đã xô đến gục đầu vào vai cô giáo khóc nức nở.

– Cô ơi, bố mẹ em bắt em phải đi vào Nam.

Học sinh nhìn cô giáo vẻ cầu khẩn:

– Cô ơi, có cách nào cứu bạn ấy không?

Ngọc lo lắng vuốt tóc Quế.

– Để cô đến gặp bố mẹ em nhé.

Quế hoảng hốt:

– Đừng, đừng. Bố mẹ em không nghe ai đâu. Đồ đạc đã chở xuống Hải Phòng cả rồi. Tối qua em trốn đến nhà bạn Nga. Em

mang được vali quần áo đi. Bây giờ em phải trốn ngay, nếu không bố mẹ em sẽ đến trường tìm để bắt em về.

Ngọc lo toát mồ hôi. Cô dẫn Quế lên gặp hiệu trưởng. Thầy Nam là một ông giáo ba mươi năm trong nghề. Một con người đức độ, gắn bó gần như cả đời người với ngôi trường tiểu học này. Thầy nghe chuyện xong, thầy khuyên cả hai cô cháu:

– Chúng ta phải giúp em Quế ở lại Hà Nội, nhưng mà tôi và cô không thể công nhiên giữ em được. Như vậy gia đình sẽ kiện chúng ta vi phạm quyền tự do cư trú. Nên để em về ở nhà bạn dăm ngày. Khi chuyến tàu cuối cùng của bọn Pháp rời khỏi Hải Phòng. Lúc đó ta sẽ lo liệu thu xếp cho em sau.

Thầy rút ví, lấy hết tất cả tiền đưa cho Quế.

– Em cầm tạm mấy nghìn để đưa gia đình bạn. Em ở đấy ăn uống đỡ phiền.

Ngọc cũng lục túi mình còn sáu nghìn cô góp vào cùng thầy Nam, để cho Quế tiêu pha thêm.

– Thôi bây giờ em phải đi ngay. Cô sẽ cho phép Nga nghỉ học đưa em về nhà.

Quế ôm chầm lấy cô giáo khóc.

Rồi hai cô bé vội vã rời trường. Các bạn trong lớp ngấm ngầm dốc tiền túi, em nào cũng muốn giúp đỡ bạn. Ngày hôm sau các em đã góp được gần một trăm nghìn.

Suốt một tuần lễ tiếp đó, Ngọc phải đạp xe đến từng nhà họ hàng của Quế để tìm hiểu hoàn cảnh và tình cảm của từng gia đình đối với Quế. Cô hiểu rằng để tìm chỗ nương thân thì không khó. Nhưng để có một gia đình thật sự cho Quế, để em được sống hạnh phúc trong cảnh xa bố mẹ là một điều không dễ dàng.

Phần nhiều những gia đình khá giả đều tỏ ý ngần ngại. Họ không muốn thêm một đứa con gái bướng bỉnh ấy trong nhà. Tuy chẳng ai nỡ từ chối, nhưng thái độ thật miễn cưỡng.

– Vâng, cháu tôi chẳng may "rớt" lại, thì họ hàng cũng phải cưu mang thôi! Con cái mà tự ý bỏ bố mẹ là thứ người sống chẳng mấy nghĩa tình.

Ngọc chẳng biết nói sao với họ. Cô lại đi sang nhà khác. Cuối cùng Ngọc đến nhà một bà cô luống tuổi, cảnh gia đình thanh đạm. Bà có hai anh con trai đều đi bộ đội, nay bà ở một mình. Thấy Ngọc đến, bà vui mừng đon đả:

– Cô là cô giáo cháu Quế nhà tôi ạ?

– Thưa bác vâng. Hôm nay nhà trường cử tôi đến để thưa chuyện với bác về việc em Quế.

Bà cô chấm nước mắt, buồn rầu nói:

– Vâng. Anh chị tôi đã đi Nam cả rồi. Chẳng hay cô giáo muốn hỏi thăm tin tức cháu Quế hay sao?

– Thưa bác, hiện nay em Quế trốn gia đình để ở lại Hà Nội. Em không muốn đi vào Nam. Bây giờ em đang ở nhờ nhà bạn.

Bà cô ngạc nhiên, cảm động thốt lên:

– Khổ thân cháu tôi! Sao nó không đến nhà họ hàng? Mà họ nhà tôi thì đông lắm cơ mà?

– Thưa bác em Quế sợ gia đình tìm thấy nên phải đến ở nhà bạn. Còn bây giờ thì em lại sợ họ hàng trách mắng em về việc bỏ bố mẹ để ở lại một mình.

– Thương con bé quá! Bà cô nghẹn ngào nói – Bây giờ cô giáo có thể giúp tôi đến đón cháu về không? Cháu sẽ ở với tôi. Có rau ăn rau, có cháo ăn cháo. Tôi tuy nghèo nhưng mà cô cháu tôi vẫn quí nhau lắm.

Ngọc cảm động trào nước mắt:

– Bác thật nhân hậu quá! Tôi sẽ đưa em Quế về với bác.

Bà cô nắm tay Ngọc thổn thức:

– Quí hóa quá. Sao lại có người lại tốt đến thế! Yêu học trò như em út nhà mình.

– Bác cứ ở nhà, cháu sẽ đèo em Quế về cho bác.

– Ơn cô giáo quá!

Quế nghe nói được về với cô, em sung sướng lắm, vội vã soạn vali. Em nói với Ngọc:

– Cô em nghèo nhất họ, nhưng mà tốt nhất họ nhà em. Em sẽ cùng làm lụng với cô để kiếm sống.

Cả gia đình Nga vui vẻ tiễn hai người. Họ thành tâm vui mừng. Thế là Quế đã có gia đình thật sự của mình!

Giữ được một người ở lại với miền Bắc không thể chỉ là thắng lợi tinh thần. Mà cần phải yên tâm về cuộc sống của người đó thì mới thật đúng là thắng lợi của xã hội tốt đẹp.

Được làm việc miệt mài, được lo toan cho người khác là một hạnh phúc kỳ lạ mà thế hệ "hòa bình" (để phân biệt với thế hệ kháng chiến) lần đầu tiên được cảm nhận. Họ lao vào cuộc sống mới với sự hăng hái mê say. Những buổi nói chuyện chính trị đã lôi cuốn thanh niên đi nghe với niềm ngưỡng mộ thành kính.

Đức Phương là một cán bộ lãnh đạo thanh niên, một diễn giả chinh phục lớp tuổi trẻ. Lời nói của anh như thôi thúc mỗi người sống và làm việc quên mình. Được "quên mình" là niềm tự hào của đoàn viên!

Ngọc ngồi lặng đi mà nhìn Đức Phương. Anh cao dong dỏng, nét mặt thanh tú, vầng trán thanh khiết, đôi mắt nhỏ rực sáng, giọng nói hăng say... Anh là tượng trưng cho vẻ đẹp đầy trí tuệ mà Ngọc vẫn thường hình dung mỗi khi mơ mộng.

Mỗi lời của anh, Ngọc ghi nhớ làm phương châm hành động cho mình.

Một lần vào giờ giải lao, Đức Phương đến bên Ngọc hỏi chuyện thân tình:

– Cô công tác ở đâu?

Ngọc cảm thấy run lên vì xúc động.

– Dạ em làm giáo viên ở trường tiểu học số 1 ạ.

– A! Có phải cô là cô Ngọc, tổng phụ trách thiếu nhi không?

Ngọc sung sướng đến nghẹn thở:

– Sao anh lại biết em ạ?

Đức Phương trìu mến nhìn Ngọc:

– Tôi đã nghe báo cáo về cô. Cô là một phụ trách có tinh thần trách nhiệm cao, và có khả năng giáo dục thiếu nhi khá lắm.

Ngọc bẽn lẽn:

– Cám ơn anh đã khen. Nhưng mà em còn lúng túng trong công tác lắm. Hơn nữa em chẳng biết làm sao để tu dưỡng rèn luyện mình.

Đức Phương suy nghĩ rồi trầm giọng nói:

– Theo tôi nghĩ làm người tốt một cách bền bỉ, còn hơn là chỉ hành động anh hùng trong chốc lát. Hãy tốt một cách giản dị cô ạ.

Ngọc lắng nghe, tâm hồn rung lên vì những cảm xúc trào dâng. Ngọc thấy cuộc đời thật rộng lớn và cao đẹp. Làm sao để sống xứng đáng với một xã hội mới đang rộng mở. Ngọc thiết tha muốn mình được trở thành đảng viên.

Cô ngước nhìn Đức Phương bắt gặp luồng mắt của anh, tim cô đập rộn ràng. Nhưng mà ánh mắt của Phương chợt tắt ngấm. Anh vội vã bỏ đi, đến bên bàn uống vội chén nước. Anh đi lên bục tiếp tục buổi nói chuyện của mình.

Ngọc không sao tập trung tư tưởng để ghi chép được nữa. Cô nhìn Đức Phương không rời, nhưng anh hầu như không nhìn về phía cô nữa.

Ngọc được cử dẫn mười hai em thiếu niên đi tặng hoa ở sân bay, đón đoàn đại biểu Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô. Đó là vị Nguyên thủ Quốc gia đầu tiên sang thăm chính thức nước ta.

Suốt một tuần trước đó Ngọc phải tập cho các em cách ôm hoa, cách trao hoa, cách giơ tay chào. Rồi lại phải may sơ mi trắng, váy xanh, khăn quàng đỏ mới cho các em. Các gia đình tự nguyện bỏ tiền may áo váy cho con mình, bởi vì được cử đi tặng hoa là vô cùng vinh dự. Không những phải chọn các em ngoan học giỏi, mà lại còn phải xinh đẹp và quan trọng nhất là lý lịch không "liên quan" nữa.

Ngọc chợt nhớ lại cô đang đóng vai trò của mẹ cô trước kia.

Suốt đêm Ngọc thao thức không dám ngủ, cô chỉ sợ dậy muộn. Chốc chốc lại dậy xem đồng hồ. Dù đã để chuông, nhưng mà nhỡ nó kẹt dây không đổ chuông thì sao? Sáu giờ sáng là cô phải có mặt

ở Bắc Bộ phủ. Cô đã hẹn các em là sáu giờ rưỡi. Nhưng thật ra thì cán bộ vụ lễ tân hẹn là bảy giờ.

Tờ mờ sáng, Ngọc dậy soạn sửa, rồi nhẹ nhàng mở cửa dắt xe đi. Thế mà lúc Ngọc đến nơi đã thấy các em đang đứng đợi mình.

Mấy chị em cười ồ lên khi nghe chú lễ tân đến bảo là tám giờ xe ôtô mới đến. Vì chú ấy sợ các em đến muộn nên đã dặn phòng bị một tiếng đồng hồ!

Cuối cùng giờ chính thức máy bay hạ cánh là mười giờ. Thế nhưng chẳng ai bực mình, mà lại thấy là vui! Ngọc chạy đi mua mười ba cái bánh mỳ. Mấy chị em dậy sớm quá, chưa ai kịp ăn sáng cả.

Vụ lễ tân chở mười hai bó hoa về giao cho mỗi em một bó. Các em ôm giữ cẩn thận, thậm chí đi lại cũng rón rén, nâng niu từng nhành lá, từng cánh hoa.

Một thanh niên dáng vẻ trịnh trọng, khuôn mặt vuông vức, lông mày lưỡi mác, mắt nhìn gườm gườm. Tuy mặt com-lê mà điệu bộ vẫn đúng là công an. Anh ta yêu cầu phải tập trung hoa lại một góc để kiểm tra.

Ngọc nhìn anh ấy bới từng bó hoa mà xót xa quá. Cô nhẹ nhàng nói:

– Anh làm nhẹ tay kẻo hỏng hết hoa.

Anh ta im lặng càng mạnh tay vạch lá, rồi lại tháo cả bó ra xem. Ngọc rên lên:

– Trời ơi, thế thì lát nữa bó hoa sẽ tơi tả mất thôi!

Anh ta gằn giọng:

– Để yên tôi làm nhiệm vụ.

Ngọc nổi cáu to tiếng:

– Tại sao không kiểm tra lúc mới mua về, mà bây giờ mới làm?

– Im ngay! Anh ta quát.

– Tôi chẳng biết anh là ai. Hoa giao cho tôi thì tôi phải bảo vệ. Anh không được động đến.

– Hừ!

Anh ta nhấc khẽ tấm thẻ đỏ ra, Ngọc im bặt. Cô nhìn thấy thẻ ghi "Trần Hùng".

Khi ôtô bắt đầu lăn bánh, cả xe đều lặng ngắt, mọi khi các em mà lên ôtô là bắt đầu ca hát. Anh ta đến ngồi cạnh một em thiếu nhi. Em đó đứng lên bỏ sang ngồi ghế khác. Anh ta lại đến bên một em khác cố gắng tươi cười bắt chuyện:

– Em học lớp mấy?

Em ấy quay mặt ra cửa sổ vờ mải mê ngắm cảnh đường phố. Trần Hùng bất ngờ về thái độ lạnh nhạt đó của các em. Anh ta xuống cuối xe ngồi, rút thuốc lá ra hút một cách nóng nảy. Tàn thuốc vương vãi khắp sàn xe.

Khi xe đỗ lại, Hùng cố gắng nói nhẹ nhàng để lấy lòng các em:

– Các em xuống trước, anh sẽ trao từng bó cho từng em.

Các em chẳng nói gì, lặng lẽ nhận hoa rồi vào ngồi trong phòng chờ.

Ngọc vừa ngồi xuống ghế thì một anh bộ đội vui vẻ chạy đến:

– Chào cô Ngọc!

Ngọc vui sướng đứng dậy niềm nở bắt tay:

– Anh ạ!

Chào vậy nhưng Ngọc chẳng biết anh ấy là ai. Ngọc muốn niềm nở để tỏ cho cái anh "an ninh" ấy biết cô không thèm quan tâm đến anh ta.

Anh bộ đội tự giới thiệu:

– Tôi là Nguyễn Thành trước ở Sư đoàn X.

– Vâng!

Ngọc cố lục trí nhớ, nhìn nét mặt quen quen mà không sao nhớ ra được.

– Tôi đã gặp cô trên đường hành quân vào Hà Nội. Hôm ấy cô đi với cả gia đình trên chiếc Môlôtôva.

– À, vâng! – Ngọc vui vẻ nhận ra người quen cũ.

– Bây giờ anh công tác ở đâu ạ?

– Tôi công tác ở Bộ Tổng tham mưu. Còn cô công tác ở đâu?

– Em dạy học ở trường Tiểu học số 1.

– Thế cô đã gặp lại Lê Tấn chưa?

Ngọc sa sầm nét mặt:

– Không gặp! Và lại em cũng chỉ quen sơ sơ thôi mà.

Nguyễn Thành tươi hẳn nét mặt:

– Hôm nào tôi sẽ đến thăm cô nhé!

Vừa lúc đó có hiệu báo máy bay sắp đến. Nguyễn Thành vội vàng chạy đến hàng cán bộ quân đội, mà anh cùng đi đón đoàn đại biểu Liên Xô.

Còn Ngọc tập hợp các em soạn sửa lại quần áo, để ra sân.

Trần Hùng đến bên Ngọc hỏi:

– Cô quen cậu sĩ quan quân đội ấy à?

– Vâng!

– Có thân không? – Hùng lúng túng hỏi nhỏ.

Ngọc cười khẩy:

– Thân hơn là đối với anh. Anh ấy biết lịch sự với phụ nữ.

Trần Hùng cảm thấy như bước hụt. Anh ta muốn tỏ ra oai vệ, có quyền hành để làm cô giáo viên trẻ phải chú ý đến mình. Không ngờ anh chỉ làm cho mọi người e ngại tránh xa anh.

– Tôi xin lỗi cô.

– Anh chả có lỗi gì.

– Cô không thích tôi phải không?

– Trong công vụ thì cứ nguyên tắc mà làm thôi.

– Cô chưa trả lời câu hỏi của tôi – Anh ta vẫn cái giọng lục vấn như lấy khẩu cung.

– Tôi chẳng nghĩ đến anh, nên chả có ý niệm gì là thích hay không thích cả!

Hùng đứng thần mặt. Lũ trẻ con xếp hàng đi ra sân, vừa đi vừa nói nhỏ với nhau: "Ghét thế! Cô giáo mình chả thèm sợ anh ấy đâu!".

Lệ Ngọc cảm thấy không ghét anh ta chút nào. Cô mỉm cười, thì ra anh ta chỉ muốn tỏ ra mình rất quan trọng mà thôi.

Cũng là một cách làm dáng đấy!

Cuối giờ dạy học, Lệ Ngọc vừa ra khỏi lớp, đã thấy Nguyễn Thành đứng chờ ở phòng thường trực. Anh mặc bộ quân phục mới tinh. Là thẳng nếp, bên trong cổ áo đại cán lé ra chiếc cổ sơ mi trắng đỏm dáng.

Các em học sinh nhìn anh cán bộ quân đội oai vệ đẹp đẽ ấy bằng ánh mắt thán phục.

Ngọc mừng rỡ chạy đến:

– Anh mới đến ạ. Anh có phải chờ lâu không?

Thành đưa tay ra bắt:

– Tôi vừa đến khoảng mười phút.

Ngọc mời Thành vào phòng khách nói chuyện. Các cô giáo tìm cách ngấp nghé qua lại để nhìn xem anh bạn của Ngọc.

Nguyễn Thành tự hào thấy mọi người xì xào: "Anh ấy đẹp trai quá. Có lẽ cấp bậc cao đấy!".

Thành nói với Ngọc như đã thân tình từ lâu:

– Anh muốn đến thăm gia đình em có được không?

Ngọc ngạc nhiên thấy Thành gọi mình là EM một cách tự nhiên. Nhưng cô lại vui vui vì tình thân mật ấy.

– Gia đình em ở Vinh cả. Đây là em ở nhờ nhà bác.

– Thế anh đến nhà bác không được sao?

– Dạ không nên. Nhà bác em đông các anh chị nên nhiều khách, mà nhà thì chật chội.

Ngọc tìm cách từ chối. Cô không muốn anh đến nhà. Gia đình Ngọc chỉ quí trọng trí thức, không thích những cán bộ "tạt ngang". Nghĩa là không học hành gì mà thành cán bộ, sĩ quan. Ngọc rất hiểu điều đó. Tuy rằng các bác đối xử rất lịch sự với bất cứ khách nào đến thăm. Cán bộ chức vụ càng cao thì tiếp càng lễ độ một cách khách khí. Chỉ khi các bạn là trí thức, thì dù là người ở vùng tạm

chiếm hay vùng kháng chiến đều được đón tiếp niềm nở, thân tình. Đó không phải là sự phân biệt đối xử, mà chỉ là một thói quen giữa những dạng người hợp nhau mà thôi!

Thành hơi bực khi Ngọc từ chối anh đến nhà:

– Thế anh muốn nói chuyện với em thì đến đâu?

– Nói chuyện gì ạ? – Thật lòng Ngọc chẳng thấy có gì cần phải nói với nhau cả. Quen nhau ngẫu nhiên thôi.

– Ơ! Thế anh muốn làm quen với em để tìm hiểu thì phải nói chuyện chứ?

Ngọc phân vân về người bạn mới quen này. Anh ta đường đột quá. Ngọc nói lạnh nhạt:

– Anh ạ, em bận lắm. Ngoài giờ dạy học em còn công tác xã hội nữa. Chẳng thể hẹn anh được đâu. Thỉnh thoảng đi qua anh ghé trường chốc lát cũng được. Bây giờ em phải về kẻo muộn giờ rồi.

Thành đứng dậy bần thần:

– Anh sẽ đến thăm em luôn!

– Không nên anh ạ. Học sinh của em nó mà chú ý, sẽ phiền lắm.

Ngọc cảm thấy ngại Thành. Tuy vậy cô cũng có cảm tình với anh sĩ quan trẻ, đẹp trai và có chức vụ khá cao ấy. Anh ấy đã tự xưng danh cấp bậc là tiểu đoàn trưởng, ngay khi gặp Ngọc. Dù sao thì cách khoe khoang chức vụ ấy cũng kệch cỡm. Gia đình Ngọc thường hay chế giễu những người háo danh. Nhưng mà chức vụ cũng là một thứ "trang sức" cho nam nhi, nó cũng làm tăng vẻ đẹp đáng kể!

Ngọc vừa bước vào nhà đã thấy phòng bác San có khách, cô đi vào phòng trong. Bà Thục Hiền nghe tiếng Ngọc về liền chạy sang bảo:

– Ngọc, con chải đầu, thay quần áo rồi sang chào khách.

– Ai đến thế ạ?

Bà Thục Hiền mở tủ lấy cái áo lụa màu hồng phấn đưa cho Ngọc rồi nói:

– Giáo sư thạc sĩ Lê Thành Vân. Ông vừa ở Pháp về.

– Thôi bác ạ, con ngại gặp người lạ lắm.

Bà Thục Hiền nhẹ nhàng nói:

– Con đã lớn rồi, phải giữ phép lịch sự. Khách quí đến nhà thì phải ra chào. Thanh và Hoan đã sang chào rồi. Ngọc miễn cưỡng thay áo, chải tóc, rồi đi sang phòng khách.

Ngọc đứng ngập ngừng ở cửa, ông San vui vẻ gọi Ngọc:

– Lệ Ngọc vào đây! – Ông San quay sang ông Vân:

– Đây là cháu gái của "Moa". Con gái lớn của Kỳ đấy. Hiện nay "em" là giáo viên.

Ông Lê Thành Vân là một người đàn ông trạc bốn mươi, người mảnh mai, trán cao, dáng vẻ cao sang. Với vẻ mặt trầm tĩnh, da hơi tai tái. Ông quay sang nhìn Ngọc, đôi mắt lấp lánh sau đôi kính gọng vàng:

– Xin chào cô. Cô thật xinh đẹp quá!

Ông cười, hàm răng rất đẹp. Ngọc ngạc nhiên về vẻ đẹp quí phái của ông. Ngọc lúng túng đáp:

– Cháu cám ơn bác!

Ông khách lại cười vui vẻ:

– Tôi đã già vậy ư?

– Ngọc muốn tỏ ra lễ độ đấy thôi! – Bà Thục Hiền nói đỡ – Vả lại nghe nói anh quen với Kỳ nên Ngọc tôn trọng anh.

Ông San cũng cười:

– Tiếng Việt lôi thôi vậy đó. Cứ như Pháp nhân xưng chỉ hai loại: thân mật hoặc kính trọng, là dễ gọi nhất.

Ông Vân vẫn giữ nét mặt vui vẻ thân tình:

– Cô đi dạy học cả ngày ư?

– Dạ, chỉ dạy sáng thôi ạ. Nhưng mà buổi chiều thường phải đi làm phụ trách thiếu nhi. Còn tối thì đi sinh hoạt Đoàn thanh niên.

Ngọc nói trống không, vì không biết xưng hô ra sao cho phải phép.

Ông Vân không thể hiểu điều Ngọc vừa nói. Ông ngạc nhiên:

– Sao lại làm việc nhiều thế? Vậy nghỉ ngơi vào lúc nào?

Bà Thục Hiền đỡ lời:

– Đang tuổi thanh niên thì hoạt động cho vui vậy. Chứ có gia đình rồi thì phải bớt họp hành thôi!

Lệ Ngọc đã thoáng hiểu mục đích cuộc viếng thăm. Cô thấy sao mà ông ấy xa lạ quá. Không chỉ là khoảng cách tuổi tác mà còn là khoảng cách của lối sống, của cách nghĩ nữa. Cô lễ độ xin phép vào trong nhà để chuẩn bị cơm chiều.

Ông Vân mỉm cười chào Ngọc, nét mặt thật dễ mến. Lệ Thanh nhìn Ngọc, hóm hỉnh cô bé đùa cợt khi Ngọc đang cởi áo đẹp để mặc áo ở nhà.

– Ngọc cảm động không? Ông ấy đi xem mặt Ngọc đấy. Phải giương mục kỉnh mới nhìn thấy rõ!

– Thanh thấy thế nào! – Ngọc hỏi một cách nghiêm chỉnh.

Thanh ngạc nhiên thấy vẻ mặt Ngọc trang trọng quá, cô bé hỏi lại:

– Thế Ngọc cũng đồng ý à? Này, răng ông ấy là răng giả đấy nhé!

Ngọc giật mình. Quả là chuyện vặt ấy đã làm sụp đổ hoàn toàn một hình tượng, mà Ngọc đang cố tô vẽ để chấp nhận. Cô đang cần nơi nương tựa, cô định liều bước. Đêm ấy bà Thục Hiền nói với ông San:

– Ông thấy cậu Vân ấy được không? Tôi nghĩ cậu ấy có hơi già so với Ngọc. Song là một trí thức lớn, tư cách đứng đắn. Hơn nữa có nhà cửa, có kinh tế vững vàng, mà cũng là đảng viên Đảng Cộng sản Pháp nữa.

Ông San thở dài:

– Tôi thương con Ngọc quá. Mới mười tám tuổi lại xinh đẹp như thế. Tôi chỉ sợ Vân già rồi. Nó sẽ khổ cả đời.

– Nhưng chồng già thì được chiều chuộng. Vả lại Vân sống ở châu Âu, cậu ấy biết cách cư xử với vợ trẻ. Nhưng chính là tôi thương Ngọc, mà còn thương cả thằng Hưng với con Bảo Kim. Phải tìm nơi nương tựa cho cả lũ trẻ ấy nữa.

– Thôi thì tùy nó – Ông San thở dài nói tiếp: Bà phải nói cho Ngọc biết Vân đã có vợ và hai con ở Pháp. Không được giấu nó tí gì hết. Để nó tự quyết định.

Ngọc nằm thao thức, cô hình dung lại nét mặt ông thạc sĩ. Một dạng người mà gia đình cô vẫn hâm mộ, quí trọng. Nếu sống với ông ấy thì sẽ thế nào nhỉ? Ngọc không sao hình dung được sự gần gũi với con người đẹp đẽ, lịch sự, sang trọng. Mà đằng sau cái vỏ ấy là một ông già thực thụ. Già nua về cơ thể, xa lạ về cách sống, cách nghĩ.

Chợt hình ảnh Đức Phương choáng ngợp. Anh cũng là một trí thức, thật đẹp đẽ và khỏe mạnh. Phong cách phóng khoáng, tinh thần cách mạng sôi nổi.

Ngọc nhớ lại buổi nói chuyện về "lý tưởng cách mạng", Đức Phương đã thuyết trình cho các đối tượng Đảng. Anh nói thật giản dị mà sâu sắc:

– "Tôi không giải thích lý tưởng là gì, bởi hôm nay các đồng chí đến đây để tìm hiểu về Đảng, tức là các đồng chí đã tìm ra lý tưởng phấn đấu của đời mình rồi. Tôi muốn kể với các đồng chí tôi đã đến với Đảng như thế nào? Tôi là một sinh viên đã bỏ nhà trường đại học để trở thành cán bộ Đảng. Lúc đầu chỉ là do lòng yêu nước, và trào lưu cách mạng cuốn đi. Nhưng rồi trong chặng đường chiến tranh, tôi đã hiểu là được sống vì một mục đích cao cả, vì sự nghiệp của Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Từ bỏ những lợi ích nhỏ mọn hằng ngày níu kéo mình. Mình bỗng sống một cách cao thượng, mạnh mẽ. Thật hạnh phúc biết bao, khi được sống trong một tập thể bạn bè cùng chí hướng!..."

Giọng của Đức Phương trầm lắng, càng nói càng thiết tha. Ngọc đã nghẹn thở lắng nghe, hồn cô bay bổng theo những ước mơ được trở thành người chiến sĩ cách mạng. Và đêm nay ước mơ đó càng cháy bỏng.

Nếu được phép, Ngọc sẽ gặp anh để hỏi ý kiến. Ước gì được làm một người "bạn bè cùng chí hướng" với anh, thì Ngọc sẽ tự

nguyện suốt đời từ bỏ "những lợi ích nhỏ mọn" mà hiện nay đang níu kéo Ngọc vào một sự tính toán bỉ ổi.

Trời ơi! Giữa lý tưởng cao cả với những suy tính đời thường sao mà cách xa nhau vời vợi! Làm sao bây giờ!

Một tuần trôi qua, hai bác cháu đều tránh nói chuyện với nhau. Bà Hiền nhìn nét mặt phờ phạc, đôi mắt quầng thâm của Ngọc, bà hiểu được nỗi dằn vặt của cô cháu gái. Bà quyết định không đả động đến chuyện ấy nữa.

Ông Thành Vân đến thăm bà Hiền vào một buổi chiều. Lúc đó Ngọc còn bận công tác ở trường. Còn ông San chưa đi làm về.

Ông băn khoăn hỏi bà Hiền:

– Chị đã hỏi ý kiến cô Ngọc chưa?

Bà Hiền đứng dậy rót nước, hồi lâu sau mới nói:

– Tôi chưa hỏi, mà Ngọc cũng chẳng nói gì. Xem ra cô ấy cũng suy nghĩ lao lung lắm.

Ông Vân rút thuốc châm lửa hút. Ông trầm ngâm nói:

– Cô bé hồn hậu dễ thương quá. Tôi thật đã quá già, chỉ sợ làm cô ấy khổ.

Bà Thục Hiền thở dài:

– Tôi tin anh là người tuyệt vời. Ngọc được sống với anh thì chắc sẽ hạnh phúc lắm. Cuộc đời nó thật khổ quá, mà bây giờ càng khó khăn. Chẳng hiểu rồi anh có giúp đỡ được cho cả mấy chị em không?

Ông Vân suy nghĩ rồi buồn rầu nói:

– Tôi sẵn sàng làm mọi việc cho Ngọc. Nhưng thấy nét mặt bàng hoàng khi cô ấy nhìn thấy tôi, tôi hiểu tâm trạng cô ấy đang thất vọng ghê gớm. Ước gì tôi trẻ lại mười tuổi thì hạnh phúc biết mấy!

– Hai người chưa quen nhau. Nếu Ngọc hiểu được tâm hồn và trí tuệ của anh, có thể cô ấy sẽ say mê anh cũng nên.

– Tôi cũng hy vọng như vậy. Nhưng mà qui luật tuổi tác không làm cho thể lực đôi bên cân bằng được. Thú thật với chị, tôi mê cô

ấy ngay khi nhìn thấy. Nhưng mà nhìn lại mình, tôi thấy thương cô ấy quá!

– Thôi được để chờ xem. Nếu Ngọc chủ động đồng ý, thì sẽ rất tốt phải không.

– Tôi rất mong được như vậy.

Ngọc nhận được thư Bảo Kim. Em đã đi học lớp một. Bức thư chữ to tròn như hạt ngô, nhưng nét chữ ngay ngắn và viết không sai lỗi chính tả nào.

Chị Ngọc ơi!

Em bây giờ sống ở nhà tập thể cơ quan với ba và anh Hưng. Em nhớ mạ Hải quá. Ở đây chỉ có mỗi một cái giường nên anh Hưng ngủ trên bàn, còn em ngủ với ba. Hôm qua em sốt, đêm em đái dầm, anh Hưng đã đánh em. Chẳng ai chải chấy cho em cả, bây giờ em cứ gãi là chấy rơi xuống áo. Anh Hưng mắng em là ở bẩn. Nhưng mà em không ở bẩn, ngày nào em cũng tắm gội cả. Quần em rách, em phải mang nhờ bà Gù vá hộ. Bà ấy tốt lắm.

Chị Ngọc ơi, cho em ra ở với chị nhé. Sống ở đây buồn lắm, chẳng ai thèm nói chuyện với em cả.

Em của chị
Bảo Kim

Bức thư ngắn ngủi ấy mà Ngọc đọc đi đọc lại. Vừa đọc vừa khóc. Cô em gái bé bỏng côi cút ấy đang cần sự chăm sóc của bàn tay người mẹ. Ngọc cất bức thư không dám đưa ai xem. Cô sợ những lời nói ngây thơ mà đau khổ của em gái là sự thúc đẩy cho cuộc "hôn nhân tính toán" sớm trở thành sự thật. Cô muốn trì hoãn bước ngoặt đáng sợ ấy.

Làm ngơ trước sự khổ cực của một đứa bé là nỗi dày vò tinh thần ghê gớm. Ngọc không dám mở bức thư đọc lại.

Mỗi lần đi ngoài đường, nhìn thấy đứa bé nào trạc tuổi Bảo Kim là tim Ngọc nhói lên. Sao em bé ấy sung sướng thế, nom nó mới vui vẻ và sạch sẽ làm sao! Còn Bảo Kim của Ngọc thì sao khổ thế!

Nhiều lần Ngọc toan chủ động tìm gặp ông Vân. Ngọc muốn nói chuyện thẳng thắn với ông ấy, là Ngọc không yêu ông, nhưng mà cô hứa sẽ làm người vợ tốt. Nhưng rồi Ngọc cứ nấn ná, lần lữa mãi. Ngày nào cô cũng viện được cớ này, cớ nọ để biện hộ trước lương tâm là cô không phải kẻ ích kỷ, chẳng biết thương em gái. Mà chỉ vì quá bận mà thôi!

Sắp tết Trung thu. Phố xá bừng lên với bộ mặt tươi hơn hớn. Đủ loại hoa trái, đèn giấy, con giống rực rỡ sắc màu tràn ra đường phố. Đến người lớn cũng nô nức như con trẻ. Các ông bố, bà mẹ sau giờ làm việc hối hả lên Hàng Mã mua đèn Trung thu, rồi sang Hàng Đường mua bánh. Họ vừa đạp xe vừa ngắm nghía những món quà đẹp đẽ ấy với ánh mắt thú vị. Lũ trẻ con chạy ào ào trên hè phố, khoe nhau những cây đèn ông sao, những con thỏ đánh trống, những cái làn xinh xinh có đàn chim bông trắng muốt...

Trung thu đã biến tất cả mọi người trở thành ngây thơ hồn nhiên. Người lớn trẻ con hòa chung niềm vui rộn rã. Ngọc đạp xe giữa đường phố náo nhiệt mà lòng xót xa nghĩ đến em gái. Có ai nhớ mua cho nó một chút quà nào không?

Bỗng có tiếng gọi:

– Ngọc! Ngọc đi đâu đấy?

Ngọc quay lại thấy Nguyễn Thành đang hối hả đạp xe đến gần. Cô vui mừng kêu lên:

– Anh Thành!

– Sao nom Ngọc buồn thế?

Ngọc đang muốn trút vợi những buồn khổ chứa chất đè nặng lòng mình. Cô nói thật chuyện riêng của mình:

– Em có đứa em gái nhỏ, nó đang sống không có sự chăm sóc của người mẹ, em thương nó quá!

– Thế mẹ em đâu?

– Mẹ em mất lâu rồi. Còn ba em thì sống tập thể?

– Sao Ngọc không đón em gái ra sống với mình?

– Em muốn thế lắm, nhưng mà em cũng đang phải sống nhờ nhà bác.

Thành im lặng đạp xe. Ngọc nói tiếp:

– Em sẽ lấy chồng để ổn định cuộc sống rồi sẽ đón em gái ra.

Thành bất giác túm lấy tay Ngọc hỏi dồn:

– Lấy ai? Cô yêu người ta từ lúc nào?

– Ông ấy là một trí thức lớn. Ông ấy tốt lắm. Nhưng là bạn của bố em.

– Vô lý! Sao lại thế được?

– Ông ấy sẵn sàng cưu mang tất cả mấy đứa em của em. Ông ấy có điều kiện kinh tế và nhà cửa.

– Lão ta là tư sản à?

– Không phải đâu. Ông ấy là đảng viên Đảng Cộng sản Pháp vừa về nước. Ông là thạc sĩ. Hiện nay là giáo sư đại học của ta.

– Không thể nào như vậy được!

– Nhưng mà em quí trọng ông ấy. Đó là con người rất thông minh, nhân hậu. Và ông ấy cũng đẹp anh ạ.

– Không nên như vậy. Hôn nhân kiểu đó sặc mùi tư sản! Ngọc khó chịu lắm khi nghe Thành nói như vậy.

– Thôi. Đó là việc riêng của em. Anh chả nên can thiệp vào. Mỗi nhà mỗi cảnh, chẳng thể hiểu được đâu.

Thành nhìn thẳng vào Ngọc, anh hỏi rành rọt:

– Nếu anh đảm bảo chăm sóc các em Ngọc, thì Ngọc có đồng ý lấy anh không?

Ngọc sửng sốt bàng hoàng, cô nói giọng lạnh nhạt:

– Không! Em chưa biết anh là người thế nào. Mà anh thì không thể có điều kiện giúp đỡ gia đình em được. Đừng nói như vậy rồi sẽ mất hết cả tình bè bạn.

Thành nói giọng quả quyết:

– Nhất định anh không để cho em lấy lão già ấy đâu!

Ngọc cau mày giận dữ:

– Anh không được xúc phạm đến ông ấy. Thôi chào anh!

Ngọc quay ngoắt đạp xe về. Thành đứng sững nhìn theo, rồi anh lững thững đạp xe đi. Anh vui vẻ hòa vào dòng người đông đúc.

Anh gật đầu chào nhiều người quen. Rồi anh đến nhà một người bà con là tư sản. Ở đó có mấy chị em trên dưới hai mươi khá xinh, mà họ lại rất niềm nở thân mật với anh. Anh sẽ phá cỗ Trung thu ở đấy. Anh không còn nghĩ đến Ngọc nữa.

Thực ra Ngọc cũng có cảm tình với Thành. Nhưng lòng cô đang rối bời. Cô chưa quyết định gì về tương lai nên cô muốn tránh mọi rắc rối.

Nhưng nếu Ngọc dám tự thú, thì sâu xa trong tâm hồn cô, cô đã dành trọn sự ngưỡng mộ của mình cho một thần tượng. Cô say mê con người lý tưởng đó, chỉ có điều anh cao xa vời vợi, không chỉ là khoảng cách về không gian, mà là khoảng cách về cương vị, không cho phép cô làm quen với anh. Và cô nghĩ là anh đâu thèm chú ý đến một cô giáo tiểu học rất tầm thường này.

Ngọc âm thầm giữ kín mối tình đơn phương ấy! Người đó là Đức Phương, người trí thức cộng sản.

6.

Ông San là người vui tính. Về đến nhà là ông thường hài hước để trêu đùa các con.

– Giám đốc đã về. Sao không ra đón?

Hai đứa con đùa lại:

– Chỉ đón ba thôi! Giám đốc để cơ quan đón.

Ông đứng ở cửa, gật gù nói:

– Nhưng giám đốc có lương!

– Thế thì mạ ra đón.

– Giám đốc có quà. Ai đón nào?

– A! A! Thế thì đón mau!

Mấy đứa con ríu rít xách cặp, cất mũ, đem dép ra... Rồi ôm ông, hôn lên hai má. Đây là một gia đình vui vẻ hồn nhiên. Tuy vậy vai trò người chủ gia đình được tôn trọng tuyệt đối. Ông không bao giờ cáu gắt, nhưng mỗi ý kiến của ông đều được thực hiện nghiêm

chỉnh. Ông điều khiển mọi người bằng sự mẫu mực của mình và bằng tình thương đầy trách nhiệm của người cha, người chủ gia đình. Có mặt ông, bà Thục Hiền không bao giờ dám cáu gắt quát mắng con cái. Khi nào ông giận lắm, thì ông cau mày hỏi:

– Tại sao lại như thế được?

Hay là:

– Không thể làm như thế. Vậy là rất xấu!

Đó là lời chê trách nặng nề nhất. Nếu ông thở dài hoặc chỉ im lặng ngồi ăn qua quít, rồi đứng dậy bỏ về phòng. Như vậy là sự trừng phạt tinh thần khổ sở nhất đối với người gây ra sai lầm.

Hôm ấy ông San đi làm về nhưng không đùa. Ông im lặng đi về phòng mình. Cả nhà nhìn nhau e ngại. Bà Thục Hiền đỡ mũ cất đi, rồi lấy py-gia-ma, đưa ông thay. Bà không hề hỏi gì, mà bưng cốc nước chè nóng đến:

– Uống đi ông, chè giải nhiệt đấy.

Thanh và Hoan đến hôn lên má ông, rồi hai đứa lẳng lặng đi ra. Đó là cái lệ của nhà này. Không bao giờ gặng hỏi điều gì khi người ta không muốn nói.

Ông San vẫy Ngọc lại bên cạnh, kéo bà Hiền ngồi xuống rồi nói:

– Thành Vân bị nhồi máu cơ tim. Hiện nay đang cấp cứu ở bệnh viện.

Bà Hiền xúc động kêu lên:

– Có chuyện gì xảy đến với anh ấy ư?

– Tôi không rõ nguyên nhân của cơn "sốc" ấy. Nhưng may cấp cứu kịp thời. Hiện nay giáo sư Chung đang trực tiếp theo dõi. Chắc là không việc gì đâu. Bà nên vào chăm sóc anh ấy. Bởi ở đây anh không có gia đình.

Bà Hiền liếc nhìn Ngọc rồi hỏi ông San:

– Ngọc có nên vào không?

Ông San lắc đầu:

– Không nên! Theo tôi thì từ nay không nên đặt ra mối quan hệ gì nữa – Ông quay sang Ngọc nói tiếp – Cháu không cần suy nghĩ

gì đến việc đó nữa. Sức khỏe của Vân hiện nay thì không thể đặt vấn đề xây dựng gia đình được. Bà Hiền từ nay phải đảm nhiệm việc hằng ngày vào chăm nom anh ấy. Đừng để anh ấy cảm thấy cô đơn.

Bà Hiền thở dài:

– Tội nghiệp quá! Thật là tội nghiệp quá.

Ngọc nói với hai bác:

– Cho phép cháu vào chăm sóc ông ấy. Một mình bác Hiền thì vất vả quá. Ông ấy phải nằm bất động mà.

Một tình thương trỗi dậy. Ngọc cảm thấy mình sẵn sàng yêu ông ấy, nếu nhờ thế mà ông ấy khỏi bệnh. Ngọc bỗng thiết tha mong muốn được tự mình chăm sóc cho ông, được gần gũi ông, hầu hạ ông, để thấy ông hồi phục dần dần. Lúc đó ông sẽ là của Ngọc hoàn toàn!

Nhưng ông San lắc đầu:

– Đừng làm như vậy. Sự xúc động có thể giết chết anh ấy. Tình hình này có khi lại phải để anh ấy trở lại Pháp thôi! – Khi Ngọc đã đi ra, ông San giữ bà Hiền lại, ông nói rất khẽ:

– Có một bức thư nặc danh nào đó đã thóa mạ anh ấy về việc anh ấy định lấy vợ trẻ. Người nào đó đã nói là: "Suốt thời gian chiến tranh thì anh sống phè phỡn ở Pháp với vợ đầm. Nay hòa bình thì về nước giành quyền cao chức trọng, rồi lấy vợ trẻ chỉ đáng tuổi con mình". Cuối thư còn gọi anh ấy là "một tên tư sản, mang danh cộng sản để làm nhục Đảng".

Bà Hiền kêu lên:

– Trời ơi! Tên đểu cáng nào lại dám xúc phạm anh ấy?

Ông San buồn rầu nói:

– Chưa chắc đã là người xấu đâu. Bởi bức thư lời lẽ cũng đúng mực, phân tích lại hợp lý. Chính vì vậy mới đau!

– Đúng mực! Mà lại chửi người ta như thế.

– Thì chính mình cũng thấy cuộc hôn nhân ấy là vô lý cơ mà? Có điều người ngoài không thể hiểu hoàn cảnh bên trong của anh ấy và của Ngọc. Hơn nữa người nào đó chưa thể hiểu được phẩm cách cao thượng của anh ấy. Mà có tâm hồn cao thượng thì mới đau

đớn đến như vậy. Còn nếu là kẻ thực dụng thì họ cần quái gì thứ thư nặc danh ấy? Tôi đau lòng quá, bởi những con người tốt lại dầy xéo lên nhau, nhiều khi chỉ vì sự võ đoán chủ quan của mình!

– Tôi nói điều này ông đừng giận. Những người cộng sản như ông chỉ sống bằng nguyên lý chứ không sống bằng tình người, cho nên mới có những chuyện như vậy.

Ông San sững sờ nhìn vợ. Bà ấy đã nói một sự thật hiển nhiên. Mà có lẽ vì đúng sự thật quá nên ông tự ái:

– Bà chẳng hiểu gì về Đảng, đừng có mà xúc phạm!

Thấy chồng cáu, bà Hiền biết mình đã quá lời, bà đứng dậy nhẹ nhàng nói:

– Xin lỗi ông, tôi nói lung tung ông đừng để tâm.

Những người nào càng được hâm mộ, thì càng bị mọi người xét nét về đời thường. Mà thói thường thì cán bộ cấp dưới chẳng bao giờ ca ngợi cấp trên... May ra, nếu không nói xấu thì cũng là giễu cợt.

Chính vì thế mà trong những cuộc họp cán bộ, Ngọc thường được nghe đàm tiếu về Đức Phương.

Một anh phóng viên nói với anh cán bộ trung ương:

– Ông Đức Phương nhà ta thuyết trình mấy bài vừa rồi được thanh niên hâm mộ lắm. Vậy mà bài ghi chép của mình không sao hoàn chỉnh thành văn, để trở thành bài báo được. Gay thế!

Anh cán bộ nói:

– Cậu ngốc lắm! Bảo thằng thư ký ông ấy nó viết cho. Còn cái thuật nói của ông ấy là gây ấn tượng đậm, chứ ông ấy có cần cấu trúc cân đối đâu?

– Ông ta đẹp trai, tài hoa như thế thì thanh niên mê là phải.

– Con gái mê thì có! Nhưng giá mà các cô ấy biết ông ta có một bà vợ nhà quê, nay đang làm văn thư mà chữ thì xấu như gà bới. Lại còn hay ghen, và quát tháo chồng. Thế mà ông ta thì lại sợ vợ một phép! Chỉ có tài nghiêm khắc với cấp dưới thôi. Còn thì phục tùng vợ còn hơn sợ cấp trên cơ đấy!

– Thế à! Ông ta là trí thức lại là người Hà Nội, sao lại lấy vợ nhà quê nhỉ?

– Đó cũng là một cách chứng tỏ lập trường giai cấp vững vàng!

– Thì việc gì phải sợ vợ cơ chứ?

– Chị vợ kém văn hóa, được chồng tôn trọng lại cứ tưởng rằng chồng sợ mình, nên càng bộc lộ tất cả sự thô lỗ ra. Ông chồng sợ cãi cọ ồn ào thì xấu hổ, nên càng nín nhịn. Bà vợ được đà càng lấn lướt. Bi kịch như thế mà lại cứ lên gân dạy dỗ mọi người giữ gìn đạo đức!

– Cậu quá lời rồi đấy! Muốn chết hử?

– Tao chả cần, chẳng lẽ mày lại đi mách lẻo?

– Thật tình mình quí trọng ông ấy. Đó là một cán bộ cư xử với cán bộ tử tế lắm. Lại có năng lực thật sự. Thế mà đành sống cam chịu vậy sao?

– Tao thì không thích cái lối muốn "công nông hóa" mà không bằng lao động, lại rước một bà nông dân làm vợ để lấy cái thành phần bần nông. Tao cho đó cũng là loại cơ hội chính trị. Tao khinh!

– Có thể mày chưa hiểu hoàn cảnh éo le chăng? Nhỡ ra ông ta bị tấn công, rồi "chót dại" nên đành chịu vậy, thì sao?

– Nếu mà như vậy thì là thằng hèn! Không yêu mà lại làm chuyện ấy thì xoàng quá! – Hai anh cán bộ ấy hoàn toàn không biết mình đang phá sập thần tượng của Ngọc tận gốc. Một con người tài năng, thông minh, tốt đẹp như vậy mà lại là "thằng hèn" ư?

Ngọc hình dung trong trí tưởng tượng của mình một Đức Phương đang nhẫn nhục trước những lời đay nghiến của người đàn bà thô lỗ. Anh đành làm những việc lặt vặt trong nhà, để cho bà vợ yên lòng về sự bình đẳng giữa một người vô học với anh trí thức! Và sau đó thì anh phải thức đêm để hoàn thành công việc của mình, lúc bà vợ ngáy ngon lành!

Một người không làm chủ nổi gia đình thì làm sao có thể nói đến lý tưởng giải phóng giai cấp, nói đến quản lý xã hội được? Điều đó vô lý quá, Ngọc cố xóa ý nghĩ đó.

Từ hôm ấy Lệ Ngọc không còn nghĩ đến Đức Phương nữa. Những bài nói chuyện của anh, Ngọc vẫn ghi chép đầy đủ, song cô

không xúc động, không tâm niệm nữa. Cô như bị trùng hẳn xuống. Cô hoang mang tự hỏi: "Vậy lý tưởng thật ra là cái gì nhỉ?".

Thần tượng sụp đổ thì niềm tin tan biến!

Chỉ những lời đàm tiếu vẩn vơ. Nhưng mà đối với tuổi mười tám, tất cả đều trong sáng quá, đến nỗi chỉ một chút bụi bẩn vương vào cũng đủ để hoen ố.

Cô không cảm thấy thiết tha trở thành đảng viên nữa. Tất cả suy nghĩ của cô là làm sao nuôi được Bảo Kim. Đứa em thơ bé đang sống lủi thủi thiếu sự chăm sóc của bàn tay người mẹ. Đó là mục đích của đời cô lúc này! Khi mục đích sống lớn lao bị tan vỡ thì người ta quay về lo toan cái riêng tư.

Nguyễn Thành kiên nhẫn đến thăm Ngọc ở trường. Cô không thấy khó chịu nữa mà vui vẻ tiếp chuyện anh.

Cứ đến năm giờ chiều, Thành đứng đợi ở cổng trường. Các em học sinh đã quen gọi anh là "anh bộ đội của cô Ngọc".

Hai người dắt xe đi bộ nói chuyện. Họ đi loanh quanh để kéo dài thời gian gần nhau. Ngọc vẫn không muốn đưa Thành về nhà. Cô đã cảm mến anh, nhưng cô nhận thấy anh thô thiển trong lời ăn tiếng nói, tác phong lại nghênh ngang tự thị. Đó là điều mà gia đình cô rất khinh miệt. Cô rất sợ những khóe mắt giễu cợt, những nhếch mép khinh bỉ đối với anh ấy.

Một hôm Thành vui vẻ báo tin:

– Ngọc ạ, anh thuê được một căn phòng rồi.

Ngọc ngạc nhiên:

– Anh thuê làm gì? Anh ở trong doanh trại cơ mà!

– Anh muốn cưới em và đón Bảo Kim ra với em.

Lời nói đường đột vậy mà Lệ Ngọc không hề khó chịu. Có lẽ vì Thành đã nhắc đến Bảo Kim. Cô xúc động và nhận thấy anh ấy rất thật thà. Anh không hề nói về tình yêu, không có những tình cảm lãng mạn. Nhưng anh biết lo nỗi lo của Ngọc, biết tính toán cụ thể để tạo cuộc sống ổn định cho Ngọc.

Ngọc hỏi dè dặt:

– Anh thuê nhà của ai vậy?

– Bà chị họ của anh nhường lại căn gác trên ga ra cũng rộng rãi lại có bếp và nhà tắm riêng.

– Có phải bà chị mà anh thường chê họ là tư sản không? Anh có vẻ ghét họ cơ mà?

– Thế em bảo anh phải yêu bọn tư sản à?

– Nhưng sao anh lại đến ở chung với họ?

– Nhà họ rất rộng. Mà mình chỉ ở gian nhà của tay lái xe cũ, nay đổi thời thế họ bán xe ôtô đi, nên mới nhường chỗ đó cho mình.

– Em thấy họ tốt với anh đấy chứ. Cũng nên cám ơn họ mới phải anh ạ.

– Thì anh cũng đã cám ơn rồi! Chủ nhật tuần sau anh sẽ bảo mấy cậu lính ra sửa chữa những chỗ hỏng, rồi quét vôi sơn cửa. Anh sẽ đi mua sắm giường, tủ và đồ dùng gia đình. Tháng sau chúng mình sẽ cưới.

Ngọc sửng sốt:

– Sao vội thế? Chúng mình đã yêu nhau đâu?

– Em thật lãng mạn tiểu tư sản. Nếu em không yêu anh, sao lại đi nói chuyện với anh?

Ngọc hơi khó chịu vì bị động:

– Em nói chuyện với anh, vì em coi anh là bạn. Em chưa biết anh là người thế nào, và anh cũng chưa biết gia đình em là ra sao? Vậy mà lại định cưới sao được?

Thành nghiêm trang nói:

– Ngày mai anh sẽ mang lý lịch của anh đến để em xem. Em cũng làm một bản lý lịch có dấu chứng thực của tổ chức, để anh đem về nộp cho cơ quan anh.

Ngọc tức giận kêu lên:

– Em chẳng tuyển anh làm cán bộ mà cần đọc lý lịch. Mà em cũng chẳng xin việc ở cơ quan anh mà phải nộp lý lịch của mình.

Thành vẫn bình tĩnh giảng giải:

– Đó là qui định nghiêm ngặt của quân đội. Mà cơ quan anh lại là ngành cơ mật cho nên càng chặt chẽ hơn.

Ngọc tức điên lên:

– Nhưng mà em không yêu anh. Em chẳng cần gì đến thứ qui định ấy cả.

Thành vẫn cười vui vẻ:

– Thôi được. Anh sẽ tự đi lấy lý lịch của em. Chủ nhật tuần sau em đến nhà xem nhé.

– Nhà của anh, em xem làm gì?

Cô nhảy lên xe đạp vụt đi. Cô cảm thấy bất lực trước sự kiên nhẫn của anh. Cô lẩm bẩm "Sao lại có người đáng ghét thế?". Tuy bực bội như vậy nhưng thâm tâm cô lại cảm động. Chưa có ai thông cảm với nỗi đau khổ của cô như anh. Anh không hề giận Ngọc vì thái độ vô tình ấy. Anh vẫn yêu Ngọc mặc dù cô đã nhiều lần nói với anh là cô không yêu anh.

Cả trường xôn xao dư luận: Cô Ngọc sắp lấy chồng! Lũ học sinh trở nên thân thiết quí mến anh bộ đội ấy. Chúng vây quanh anh trò chuyện. Và anh ta thả sức khoa trương những chiến công, mà bao giờ anh cũng là giữ vai trò quyết định! Một vị anh hùng trong sự cả tin của trẻ nhỏ!

Ban giám hiệu nhà trường đã phải tiếp mấy cán bộ của Bộ Tổng tham mưu.

Ông Nam cuống quít kéo ghế, rót nước và cảm động đến mức nói ríu cả lưỡi:

– Mời các đồng chí ngồi. Thật vinh dự cho nhà trường quá. Các cán bộ cao cấp lại đến thăm trường tiểu học chúng tôi.

– Thưa đồng chí! – Ông sĩ quan trịnh trọng nói: Hôm nay chúng tôi thay mặt tổ chức đến để xin các đồng chí giúp đỡ chúng tôi một việc hệ trọng.

– Vâng! Vâng! Các đồng chí cứ nói. Chúng tôi sẽ hết lòng phục vụ các đồng chí – Ông hiệu trưởng lo âu, hai mắt mở to, hai tay xoa xoa rối rít.

– Chuyện cũng bình thường thôi. Chúng tôi muốn xin lý lịch của cô Lệ Ngọc.

– Chết! Cô Ngọc làm sao mà phải tra cứu lý lịch?

Hai ông sĩ quan mỉm cười:

– Không có chuyện gì đâu! Có đồng chí cán bộ của chúng tôi muốn tìm hiểu cô Lệ Ngọc để xây dựng gia đình. Bởi vậy cần phải có lý lịch của cô ấy để trình với tổ chức xét duyệt.

Ông hiệu trưởng vui mừng, ông thở phào nhẹ nhõm:

– Vậy ư? Thế thì tốt quá. Chúng tôi sẽ xin làm bản sao ngay bây giờ.

Trong lúc cô văn thư đánh máy bản lý lịch của Lệ Ngọc, thì ông hiệu trưởng nói chuyện với các cán bộ cao cấp của quân đội một cách "bình đẳng". Bởi giờ đây đôi bên đã là "sui gia" với nhau rồi!

Thế nhưng tất cả những chuyện ấy Lệ Ngọc không biết. Hay nói đúng Ngọc có lờ mờ biết mọi diễn biến ấy, nhưng cô không có can đảm ngăn lại. Cô chưa cảm thấy yêu Nguyễn Thành, cô chưa muốn gắn bó cuộc đời với anh ấy. Nhưng mà cô cũng không muốn từ chối. Dù sao cho đến bây giờ thì anh vẫn là người thông cảm hiểu biết hoàn cảnh của cô nhất.

Cô hoảng sợ trước mọi diễn biến quá nhanh chóng, và cảm thấy mình bị cuốn theo sự chủ động của Thành. Cô bất lực vừa muốn chống lại vừa muốn buông xuôi theo.

Vả lại Thành cũng là một người tốt. Anh là một cán bộ quân đội đã từng chiến đấu có thành tích. Anh là đảng viên, và anh cũng đẹp đẽ tuấn tú. Hơn nữa anh yêu Ngọc thật lòng. Tại sao Ngọc lại cứ muốn đi tìm tình yêu ở đâu? Hãy tìm tình yêu với anh ấy. Tình yêu là ở trong lòng của mình cơ mà?

Ngọc nhận được bức thư nét chữ rất lạ. Chữ xấu mà viết nắn nót. Cô lơ đễnh bóc thư, bởi vì cô thường nhận rất nhiều thư của những người không quen biết. Họ tỏ tình, hay nói chuyện vu vơ làm quen. Cô biết ơn lòng mến mộ đó nhưng mà cô chẳng còn tâm hồn đâu mà quan tâm đến những mối tình lãng mạn ấy. Đầu óc cô chỉ suy tính đến hoàn cảnh của mình. Vậy mà bức thư này lập tức làm cô xúc động mạnh mẽ. Thư của anh Khoai.

O Ngọc thân mến,

Hôm nay ra viện, tôi mới viết thư cho o, bởi vì tôi đã tưởng là mình chết. Trong trận Điện Biên Phủ tôi bị thương nặng, một mảnh đạn cắm vào phổi. May mà cấp cứu kịp và phải nằm bệnh viện hơn một năm trời, bây giờ lại khỏe như voi rồi. Tôi đã trở về đơn vị. Bây giờ tôi được giữ chức đại đội trưởng. Nhưng mà văn hóa mới lớp bốn. Bởi vậy Đảng cho đi học bổ túc văn hóa. Ở trường này tôi có một ông thầy tên là Thanh Tùng. Anh ấy nghe tôi là người Diễn Châu nên hỏi thăm o. Anh ấy cảm động nghe chuyện của o lúc bà mất.

Tôi vẫn chưa lấy vợ, mà cũng chẳng muốn lấy ai cả. Tôi lúc nào cũng nhớ đến o. Mà nhờ vậy nên tôi sẽ cố gắng học hành sao cho giỏi. Thật lòng lúc nào tôi cũng xấu hổ thấy mình dốt nát quá. Chức vụ thì Đảng giao cho trọng trách lớn. Vậy mà chữ nghĩa thì kém cỏi, nghĩ cũng buồn lắm.

Tôi viết mấy chữ để tin cho o biết. Khi nào tôi học xong cấp ba, mà đỗ lớp mười rồi, lúc đó tôi mới lại viết thư nữa cho o.

Chúc o phấn đấu tiến bộ, sớm trở thành đảng viên. Thư này tôi nhờ người đưa về Hà Nội, tìm nhà ông San để chuyển cho o. Tôi không biết nay o ở đâu, và đang làm gì.

Còn tôi học văn hóa ở trường Kiến An.

O nhớ gửi thư tin cho tôi biết.

Chào thân ái và quyết thắng
Nguyễn Văn Khoai

Ngọc gấp thư lại, lòng bâng khuâng nhớ về một thời sống trong sự đùm bọc của tình làng nghĩa xóm. Anh Khoai, con người chân

chất và tận tình đối với mấy chị em Ngọc. Mối tình thầm lặng ấy là một nét đẹp nhất của kỷ niệm làng quê.

Nhưng mà bây giờ Ngọc lại đang rơi vào hoàn cảnh mới. Những éo le của cảnh ngộ làm Ngọc chai cứng đi trước những mối tình thơ mộng, mộc mạc ấy. Cô gấp thư lại và cô không trả lời. Quá khứ đã qua đi, hãy giữ yên hoài niệm đó. Bởi vì dù sao chuyện ấy chẳng thể cứu vãn được gì, về những khó khăn mà Ngọc phải có trách nhiệm đối với gia đình. "Anh Khoai ơi, em vẫn quí anh mãi mãi, nhưng mà em sẽ không gặp lại anh nữa đâu". Ngọc nghĩ như vậy, khi bỏ bức thư vào ngăn bàn. Cô đã quyết tâm xây dựng gia đình với Thành.

7.

Đám cưới được tổ chức thật trọng thể. Đúng là một cuộc mít tinh vui vẻ, tại hội trường quân đội.

Cô dâu mặc áo sơ mi trắng, quần xanh lam. Chú rể mặc bộ quân phục mới tinh. Bộ đội đến dự đông đến nỗi phải đứng ngoài sân vì hết chỗ ngồi. Chủ trì đám cưới là thủ trưởng đơn vị và ông hiệu trưởng.

Lại có cả các em thiếu nhi quàng khăn đỏ lên tặng hoa rồi hát một bài đồng ca.

Chú rể lên hứa hẹn "Vui duyên mới không quên nhiệm vụ"...

Có mấy anh bộ đội hét lên "Hôn nhau đi!".

Tất cả ồn ào chen lấn để xem tiết mục hấp dẫn này.

Nguyễn Thành cười hớn hở định biểu diễn. Lệ Ngọc né người, cô đến bên micro nói:

– Hôm nay có cả các em thiếu nhi đi dự. Bởi vậy xin phép đừng làm điều gì không hợp trước các em.

Ông hiệu trưởng thở phào nhẹ nhõm. Ông rất lo những điều "thô lỗ" gây ấn tượng xấu cho học sinh. Đây là đám cưới của cô giáo với anh bộ đội. Những hình tượng mà các em hằng tôn kính.

Lệ Ngọc rời Thành, đến ngồi cạnh gia đình mình. Từ nãy đến giờ Ngọc cảm thấy gò bó cứ phải cặp kè bên một người xa lạ. Từ

giọng nói đến cử chỉ của anh đều làm cô ngượng ngùng như gây điều thất thố!

Ông San mỉm cười âu yếm nói với Ngọc:

– Con sống hạnh phúc nhé!

Bà Hiền thở dài:

– Thôi thì số phận đã định như vậy. Con phải biết sống sao cho đúng đạo lý vợ chồng.

Lệ Thanh ghé tai hỏi nhỏ:

– Ngọc có thật vui vẻ lấy chồng không?

Lệ Ngọc hiểu là mọi người lo lắng cho cô, bởi nhìn vẻ mặt khó đăm đăm của cô. Vả lại việc lấy chồng của Ngọc được quyết định vội vàng quá. Tuy cho đến nay chẳng ai có thể chê bai anh ấy điều gì cả. Một người còn trẻ mà đã có chức vụ cao. Lại là một thanh niên khỏe mạnh đẹp trai, mà lại có nhà cửa đàng hoàng. Một người chồng như thế còn gì nữa?

Hôm Ngọc dẫn anh ấy về nhà, mọi người lịch sự đón tiếp và nói chuyện vui vẻ suốt cả buổi chiều.

Nhưng Ngọc nhận thấy vẻ mặt chịu đựng của ông San, khi phải ngồi nghe Thành thao thao giảng giải về chiến lược, chiến thuật quân sự. Anh Hân kín đáo nhếch mép cười khi Thành dùng sai nghĩa một chữ Pháp. Còn bà Thục Hiền thở dài đứng dậy bỏ vào nhà trong, bà chỉ bình phẩm một câu:

– Nói nhiều quá!

Sau khi Thành ra về, cả nhà không ai nhận xét gì về anh ấy với Ngọc. Ai cũng tế nhị để không nói điều gì tổn thương đến Ngọc, bởi vì sự việc đã định đoạt rồi. Cả nhà cố gắng giúp đỡ Ngọc chuẩn bị đám cưới và thầm cầu mong những dự cảm của mình là sai lầm. Ông San nói với bà Hiền:

– Đừng thành kiến về cử chỉ thái độ. Người ta đi chiến đấu gian khổ. Đời sống lính tráng nơi chiến địa căng thẳng cho nên tác phong tềnh toàng vậy thôi! Quan trọng là có đạo đức cách mạng. Tôi mừng cho Ngọc gặp được người tử tế. Thế là tốt rồi!

Bà Hiền nét mặt chẳng mấy vui vẻ:

– Thì tôi có nói gì đâu. Anh ấy chắc cũng tốt. Chỉ có điều tôi e không hợp tính hợp nết nhau lắm. Chỉ sợ...

Ông San gạt đi:

– Thôi bà ạ. Chúng nó yêu nhau thì mọi việc sẽ êm đẹp cả. Chỉ cầu mong cho chúng nó hạnh phúc.

Sáng hôm sau ngày cưới, Ngọc tỉnh dậy với một cảm giác ê chề thất vọng. Cô không dám nhìn vào mặt chồng. Anh đang ngủ mê mệt. Cô nằm dịch xa, hoảng sợ nhìn cái cơ thể đàn ông lạ lẫm, thô thiển dưới ánh sáng ban mai soi rọi. Cô rùng mình vì những gì đã trải qua, hoảng sợ vì điều đó sẽ tiếp diễn mà không có cách gì trốn thoát được.

Thành thức giấc, anh ôm choàng lấy vợ, giọng ngái ngủ anh thì thào:

– Em đã thuộc về anh hoàn toàn.

Rồi anh ôm xiết lấy Ngọc mà dằn xuống. Cô quay mặt đi nín thở cam chịu. Nỗi đau đớn thể xác cùng với cảm giác bị chà đạp nhân phẩm, làm cho cô cảm thấy hình như sự cuồng nhiệt của chồng lại là sự tra tấn nhục hình. Cô nhắm mắt và cảm giác thời gian như kéo dài vô tận...

Khi chồng cô đã thỏa mãn, anh lăn xuống bên Ngọc và lại ngủ ngon lành.

Ngọc thở dài, cô rón rén đi xuống buồng tắm. Dòng nước mát không làm dịu đi nỗi nuối tiếc bản thân mình. "Mạ ơi, mạ đã nuôi dưỡng, chăm chút con. Vậy mà giờ đây con đã trao thân cho ai?".

Cô ngồi yên lặng một mình bên cửa sổ, và chợt cay đắng nghĩ: Lấy nhau thật dễ dàng. Nhưng bây giờ thì chẳng có cách nào quay về cuộc đời tự do trước kia nữa. Tại sao trước đây cô không hề nghĩ đến tình cảnh con cá mắc lờ? Vào thì dễ mà ra thì khó! Thôi cuộc đời đã an bài, chỉ còn cách phải sống tiếp làm sao cho có ích nhất. Phải làm một người vợ đúng với đạo lý con người...

Thành là con người tốt một cách đơn giản. Anh chẳng bao giờ suy nghĩ về cách cư xử của mình đúng hay sai. Anh chẳng hề quan tâm đến sự vui buồn của vợ. Nếu thấy Ngọc có vẻ mặt buồn buồn thì anh cho rằng cô đang mệt hoặc đói. Anh vội vã đi pha sữa hay mua bánh cho cô. Còn nếu thấy Ngọc lầm lì thì anh nghĩ rằng Ngọc buồn ngủ. Anh giành lấy việc Ngọc đang làm, để giục cô đi nằm nghỉ. Anh là một người chồng chiều chuộng vợ hết lòng.

Ngọc đi làm về đến cổng, anh chạy ra đón dắt xe vào. Rồi đi xách nước vào buồng tắm cho cô tắm. Vậy mà Ngọc thì ngày càng tiêu tan hy vọng về việc hòa hợp để tình yêu sẽ dần dần phát triển. Cô chán ngán sự săn đón của anh. Hai vợ chồng chưa bao giờ nói chuyện tâm đắc với nhau được. Thành cứ huyên thuyên kể những chuyện mà ai cũng đã biết, rồi lại bình luận một cách vô bổ. Vô duyên hết sức!

Khi nói về bạn bè thì giọng anh đầy hậm hực:

– Cậu ta dốt đặc cán mai mà lại được phong trung đoàn trưởng. Chẳng còn hiểu ra làm sao nữa.

– Em thấy anh ấy có tri thức khá rộng đấy chứ. Em nghe anh ấy phân tích tình hình cũng sâu sắc lắm!

– Sâu gì, chỉ được cái láu, giỏi nịnh cấp trên thôi!

Ngọc thở dài, cô không thích tính đố kỵ của Thành. Gia đình Ngọc không có thói quen đó. Khi nói về bè bạn của gia đình, bao giờ mỗi người cùng tìm những nét tốt đẹp để nói về họ. Còn với người xấu thì chỉ dùng lối châm biếm để vẽ chân dung một cách hài hước.

Ngọc thôi không tranh cãi nữa. Cô hoàn toàn mất hứng thú nói chuyện với anh.

Ngọc không dám lộ nỗi chán ngán của mình đối với chồng. Cô gắng sức làm theo ý anh, hiền lành, dễ bảo, lễ độ. Khi nói chuyện với bè bạn và họ hàng, cô hết lời ca ngợi anh là người chồng tốt. Cô muốn tạo một luồng tin về hạnh phúc của cô, để tự đánh lừa mình bằng những lời ca ngợi của những bè bạn xung quanh về: "Cái Ngọc tốt số, vớ được lão chồng chiều vợ như bà hoàng!".

Sống tẻ nhạt bên chồng, Ngọc càng nôn nóng muốn đón Bảo Kim ra. Nhưng cô cứ chờ đợi anh chủ động nêu vấn đề ấy lên. Song Thành hình như quên mất điều đó. Anh không hề đả động gì đến em gái của Ngọc.

Trong một bữa cơm, Ngọc rụt rè hỏi:

– Bao giờ chúng mình đón Bảo Kim ra?

Thành vừa ngốn ngấu ăn, vừa nói:

– Thế nào anh cũng sẽ đón. Khi nào tiện có chuyến xe, anh sẽ đưa nó ra.

– Em muốn đón sớm. Để nó sống thiếu sự chăm sóc, em xót lắm.

– Em đừng quá lo lắng như thế. Nó sống với ba thì có gì mà thiếu sự chăm sóc?

Ngọc im lặng, cô hiểu là Thành chưa muốn đón Bảo Kim. Cô im lặng ngồi ăn một cách uể oải.

Thành nói lảng sang chuyện khác:

– Anh đã mua cái đài Orion. Chiều nay anh sẽ lấy về. Em tha hồ nghe tin, nghe hát suốt ngày.

Ngọc vẫn im lặng. Đối với cô, tiện nghi ấy chẳng phải là thứ cô ao ước.

Thành lại nói tiếp:

– Anh sẽ mua cho em cái đồng hồ để đi dạy học.

Ngọc buông bát đứng dậy:

– Em không cần đồng hồ đâu. Đã có trống báo tiết học.

– Em sao thế, mệt à?

– Vâng.

Thành hớn hở:

– Em ốm nghén hả?

Ngọc cau mày:

– Chưa đâu!

Thành nói một cách nghiêm trang:

– Khi nào em sinh con, anh sẽ đón Bảo Kim ra.

Ngọc nhìn chồng kinh ngạc. Thì ra anh đã tính toán mọi bề thật chi ly!

"Lấy chồng bằng tính toán, thì sẽ bị đối xử lại cũng bằng toan tính". Đó là lẽ tất nhiên thôi! Ngọc chợt nhận ra sự thật đó một cách cay đắng!

Nhưng mà vết rạn nhỏ bị che lấp ngay bằng nhiều sự việc vui buồn khác nhau. Thời gian cứ trôi đi lê thê buồn tẻ trong sự ồn ào của Thành và sự lặng im của Ngọc. Họ vẫn sống hòa thuận. Và dư luận vẫn ca ngợi hạnh phúc của họ!

Thành về nhà, vẻ mặt nghiêm trang, anh báo tin:

– Anh được cử đi học ở học viện quân sự Trung Quốc.

Niềm vui bất chợt hiện lên nét mặt của Ngọc:

– Thế ư? Bao giờ anh đi?

– Anh sẽ học trong nước khoảng sáu tháng. Rồi sẽ đi Trung Quốc khoảng bốn hay năm năm.

– Thế thì tốt quá!

– Hình như em vui khi biết anh đi?

– Được đi học là điều đáng mừng chứ ạ?

Quả thực Ngọc vui mừng một cách vô ý thức thôi. Cô không cảm thấy xa anh là thiếu thốn, nên việc được đi học đúng là điều đáng mừng thật.

Tối hôm ấy khi vào giường Thành nói với vợ:

– Anh muốn chúng mình có con trước khi anh đi.

Ngọc im lặng, Thành chồm dậy nhìn Ngọc:

– Sao em lạnh lùng thế? Em không thích ư?

Ngọc dịu dàng nói:

– Có con thì em cũng thích!

– Nhưng mà em không nhiệt tình khi yêu nhau thì làm sao có con được?

– Việc ấy thì em không thích. Thật lòng em sợ!

Đó là điều thú nhận hết sức dại dột. Bởi vì Thành đã tìm cách để thức dậy dục tình ở người vợ lãnh cảm của mình.

Ngọc bàng hoàng trước sự cuồng loạn của chồng. Và quả là cô bắt đầu cảm thấy hứng thú. Một thoáng rùng mình đê mê, rồi toàn thân cô bị cuốn theo chồng một cách bất giác.

Nhưng khốn thay trong đáy sâu tiềm thức cô lại ghê tởm bản thân. Ham muốn trỗi dậy dữ dội, cô quay đi tránh mặt chồng. Cô nghe thấy tiếng thở hồng hộc, hình ảnh năm xưa cô thấy trong miếu tại làng quê, lại đang diễn trên chính thân xác mình.

Niềm hoan lạc bỗng tan biến, cô nằm sóng sượt... Thành thỏa mãn hỏi vợ với vẻ đắc thắng:

– Em có sướng không?

– Im đi cho em ngủ!

Lần đầu tiên cô cảm giác được khoái lạc và cũng là lúc cô nhận ra thú tính của mình. Không yêu thương mà hứng thú tình dục là một cảm giác kinh hoàng gần như là sự sa đọa vậy!

Sau lần đó Ngọc có thai. Thành phấn khởi rạng rỡ, anh nói với Ngọc:

– Anh sẽ đón Bảo Kim ra với em. Anh đi xa, em đỡ buồn.

– Nhưng bây giờ đang giữa học kỳ, sợ việc học hành của Bảo Kim dở dang.

– Mới học lớp một có gì mà lo? Nhỡ một năm thì học lại lớp cũng được – Thành thản nhiên nói.

– Không được làm lỡ việc học hành của Bảo Kim. Anh phải xin đủ giấy tờ để chuyển trường cho nó.

– Được. Em cứ yên tâm. Anh sẽ lo đầy đủ.

– Cám ơn anh! – Ngọc sung sướng nói rất thành thật.

– Mai anh xin xe, ngày kia anh sẽ về Vinh. Một tuần anh sẽ ra.

Ngọc nghĩ hóa ra anh ấy muốn đi lúc nào cũng sẵn xe. Thế mà đã gần một năm nay cứ lần lữa mãi.

Thành về Vinh để chào thầy mẹ trước lúc đi xa.

Anh đã gặp lại người tình cũ. Cô Bạch Tuyết là con một gia đình tư sản lớn ở Vinh. Cô ấy kém Thành chỉ một hai tuổi, sắc đẹp lộng lẫy, tính tình vui vẻ. Hai người quen nhau từ thuở đi học cùng trường. Thời đó Thành đầy mặc cảm về gia đình nghèo của mình. Ông cụ là viên chức nhỏ, bà cụ nội trợ trong một gia đình đông con. Trong lúc Bạch Tuyết là con cưng của gia đình giàu có. Sống trong nhung lụa, "nâng như nâng trứng, hứng như hứng hoa". Thành ngưỡng mộ nàng mà không dám mơ tưởng.

Thế rồi cách mạng Tháng Tám. Thời thế đổi thay. Thành trở thành sĩ quan quân đội, nàng là nữ sinh trung học, hai người trở nên thân thiết và rồi họ yêu nhau. Mối tình lãng mạn nên thơ sắp trở thành hạnh phúc thực sự, thì thời cuộc lại đảo lộn lần nữa. Công cuộc cải cách ruộng đất và cải tạo giai cấp tư sản đã ngăn trở mối tình của họ.

Thành là sĩ quan quân đội không thể xây dựng gia đình với con cái gia đình bóc lột. Thực ra chẳng có ai ngăn cản họ lấy nhau. Nhưng mà điều đó sẽ cản trở con đường thăng tiến của Thành.

Anh yêu Bạch Tuyết nhưng anh còn yêu danh vọng hơn! Anh lẳng lặng tránh nàng, bỏ rơi mối tình đầu thắm thiết.

Bạch Tuyết đã lấy chồng. Chồng cô cũng con gia đình tư sản. Một người đàn ông tháo vát, giỏi giang. Tuy vậy họ sống một cuộc sống đầy mặc cảm trước thành kiến của xã hội...

Được Thành đến thăm, một sĩ quan quân đội đến nhà là vinh dự lắm. Cả hai vợ chồng đều niềm nở đón tiếp. Bạch Tuyết quên ngay nỗi oán hận năm xưa, cô ríu rít tiếp đãi. Chồng cô đã tế nhị viện cớ bận việc, để xin đi công chuyện. Để vợ ở nhà tiếp bạn tình cũ.

Thành âu yếm hỏi Tuyết:

– Em sống có hạnh phúc không?

Bạch Tuyết khóc tấm tức đau đớn:

– Anh đã bỏ rơi em, giữa lúc gia đình em lao đao.

Thành cầm tay Tuyết an ủi:

– Anh chẳng thể nào làm khác được. Nhưng anh vẫn chỉ yêu có một mình em thôi.

Bạch Tuyết dằn dỗi:

– Anh lấy vợ trẻ đẹp. Cô ấy kém em đến sáu bảy tuổi. Lại là con nhà trí thức.

– Nhưng cô ấy làm sao đẹp bằng em được? Mà cái chính là cô ấy không yêu anh. Chỉ có em là thật lòng yêu anh mà thôi.

Bạch Tuyết quả thật rất đẹp. Cô cao lớn, da trắng ngần, ngực nở nang, khuôn mặt đẹp như tượng thần vệ nữ. Ngắm nhìn cô, tình yêu năm xưa lại bùng lên.

Nguyễn Thành ôm Tuyết hôn đắm đuối. Bạch Tuyết ôm chặt anh, vừa hôn vừa khóc. Tình yêu dồn nén bấy lâu bây giờ bùng cháy. Họ quên cả trời đất, lúc này danh vọng chỉ là vô nghĩa. Gia đình không tồn tại nữa. Chỉ có hai con người yêu nhau, họ say đắm nồng nhiệt ân ái...

Khi đã bình tĩnh lại, họ ngồi nói chuyện bên bàn. Thành nói rất chân thật:

– Em không hiểu nổi sự khổ tâm của anh. Phải sống với người vợ lạnh lẽo như tảng băng, mình cũng trở nên khô cứng đi.

Bạch Tuyết không giấu nổi niềm vui, cô hỏi dò:

– Sao em nghe nói cô ấy dễ thương lắm cơ mà?

– Anh cũng thương cô ấy lắm. Song không thể nào thức dậy tình yêu ở cô ấy được. Cô ấy không sống cho bản thân mình, cô ấy sống vì những mục tiêu ngoài bản thân.

– Lạ nhỉ?

– Chính anh cũng không hiểu nổi. Chẳng làm sao cho cô ấy vui vẻ lên được. Cô ấy chẳng thích cái gì cả. Hôm nay được gần em, anh mới hiểu thế nào là người "đàn bà" thật sự.

Bạch Tuyết cười, cô ôm cổ anh hôn tới tấp. Cô ngồi hẳn vào lòng anh. Thành dụi đầu vào ngực cô và cảm thấy mình như tan ra trong sự êm ái thân thương.

Họ lại ôm xiết nhau, và lại hòa vào nhau trong tình yêu khôn cùng của nhục thể.

Có lẽ đó là tình yêu đích thực, tình yêu của hai con người hợp nhau mọi bề!

Thành ra đi trong lòng thanh thản, không chút vướng bận. Lệ Ngọc mang bầu gần đến kỳ sinh nở. Nhìn người vợ nhỏ nhắn, quá trẻ so với trách nhiệm làm mẹ, cô chưa đầy mười chín. Anh cũng lo âu và thương xót.

Tuy vậy tâm hồn anh lại chỉ nhớ đến Bạch Tuyết – người đàn bà tuyệt vời mà anh không làm sao dứt được hình ảnh nàng khỏi tâm trí.

Chuyến tàu liên vận vừa chạy khuất sân ga Hà Nội là anh đã hoàn toàn không nhớ đến Lệ Ngọc nữa. Cô chỉ như người em gái mà anh phải có trách nhiệm đối với cuộc đời mà thôi. Anh sẽ chu tất đảm bảo đời sống cho Ngọc, và thế là anh yên tâm về đạo đức làm chồng rồi!

Anh là người đàn ông tốt bụng có tính toán. Anh cảm thấy cuộc sống của mình thỏa mãn hoàn toàn: Có người vợ ngoan ngoãn xinh xắn, có người tình nồng nhiệt rực rỡ. Con đường danh vọng đang mở ra thênh thang trước mắt. Quả là cuộc đời đã ưu đãi anh mọi bề. Anh đắc ý nhớ đến ông thầy xem tử vi đã đoán: "Anh là con người luôn luôn gặp may!"...

Chán ngắm cảnh, anh ngáp dài và lăn ra ngủ ngon lành trong nhịp lắc lư của con tàu.

Tổ quốc và gia đình đã lùi xa phía sau!

8.

Ngọc đi dạy học về đến nhà, bụng cứ nhâm nhẩm đau. Cô đi tắm xong thì thấy càng đau nhiều hơn, bèn đi nằm, hy vọng cơn đau sẽ dịu đi.

Bảo Kim lo lắng nhìn chị:

– Chị ăn cơm hay ăn cháo để em đi nấu?

– Chị phải vào bệnh viện thôi, có lẽ sắp sinh rồi!

– Làm thế nào bây giờ? – Bảo Kim lo lắng suýt khóc.

– Không sao. Chị đau hơi hơi thôi. Chị đạp xe được.

Hai chị em soạn những đồ đạc cần thiết cho vào làn. Ngọc vừa buộc làn ra sau xe, vừa dặn dò em gái việc nhà:

– Em phải nấu cơm ăn đủ hai bữa. Không được lười. Mai đến bác San báo tin chị đi sinh nhé. Mỗi ngày chỉ được thăm chị một lần vào buổi chiều thôi. Chị để tiền trong tủ, em đi chợ mua thức ăn và ăn quà sáng...

Bảo Kim ngước nhìn chị rụt rè nói:

– Em đi gọi xích lô cho chị nhé. Đi xe đạp lỡ ra...

– Thôi chẳng cần đâu – Ngọc gạt đi, cô muốn tiết kiệm. Một chuyến xích lô bằng tiền ăn ba ngày của hai chị em. Vả lại cô thấy mình khỏe mạnh.

Cô đạp xe chầm chậm. Trời chiều đã chuyển sang màu xám. Những ngọn đèn đường bật lên thành những quả đỏ sáng nhờ nhờ, chưa đủ sức chiếu sáng. Tuy mặt trời chưa lặn hẳn, song sự tấp nập của thành phố vào đêm đã rộn rã. Xe đạp, xe máy phóng hối hả, vui vẻ và lộn xộn. Hình như hàng hóa chỉ đợi đến giờ này để chảy tràn ra vỉa hè. Tiếng chào mời săn đón, ríu rít.

Ngọc nghiến răng ghìm cơn đau, gắng đạp xe. Đường Tràng Thi chỉ một đoạn ngắn, vậy mà sao lúc này lại xa thăm thẳm. Những luồng xe phóng vun vút hình như chỉ nhằm Ngọc để lao vào, cô chóng mặt, mồ hôi vã ra. Mỗi vòng bánh xe nhích lên là một sự cố gắng đến tuyệt vọng. Cô đạp xe không bằng đôi chân mà bằng ý chí níu giữ lấy sự sống.

Đến bệnh viện C, Ngọc loạng choạng dựa được xe vào cửa phòng khám là cô ngồi sụp xuống ngất xỉu. Mấy cô y tá chạy ra vực dậy, dìu Ngọc vào phòng hộ sản.

Mấy cô thì thào với nhau:

– Sao lại đi đẻ có một mình nhỉ?

Bà bác sĩ sản khoa, một phụ nữ luống tuổi đến cạnh Ngọc hỏi:

– Chồng của cháu đâu? Sao lại liều lĩnh đạp xe như thế?

– Anh ấy đi học nước ngoài ạ.

Ngọc bỗng quằn quại rên lên: "Mạ ơi, con đau quá!".

Bà bác sĩ thở dài: "Tội nghiệp, sinh con so mà có mỗi một mình!"

Mấy cậu bác sĩ trẻ nói với nhau: "Cô ta trẻ quá, có lẽ chỉ mười lăm mười sáu là cùng. Có khi là một ca nhỡ nhàng!".

Ngọc thoáng nghe tất cả những lời ngờ vực ấy. Nước mắt trào ra tủi nhục. Cô thấy mình bơ vơ giữa đám người xa lạ. Cô nói với y tá:

– Giấy tờ tôi để cả trong làn, chị lấy nộp hộ tôi. Khóa xe đạp cất hộ tôi với!

Bà bác sĩ bưng vào một bát phở dỗ dành Ngọc:

– Cố ăn đi con. Ăn cho có sức mà sinh nở.

– Cháu cám ơn bác! – Ngọc cảm động ứa nước mắt.

– Con bao nhiêu tuổi? – Bà âu yếm nhìn Ngọc như người mẹ.

– Dạ, cháu sắp hai mười rồi ạ – Ngọc nói tăng tuổi.

Bà mỉm cười:

– Bác đoán con chỉ mười sáu là cùng.

– Dạ cháu mười chín, thật đấy ạ!

Ngọc cố ăn được nửa bát, cơn đau lại dội lên, cô quằn quại nghiến răng để ghìm tiếng kêu gào.

Dịu cơn đau, bà Bác sĩ lại bắt Ngọc ăn tiếp.

Ngọc hào hển nói:

– Bác ơi, bao giờ thì sinh ạ?

– Còn lâu cháu ạ. Mới mở có hai phân thôi.

– Dạ mấy phân thì mới sinh được?

– Mười phân. Cháu cho bác biết gia đình cháu ở đâu. Cần phải có người nhà để lúc cần thiết thì hỏi ý kiến.

– Bác cháu là bác sĩ Hoàng Đức San, giám đốc bệnh viện Trung ương.

– Thế ư? Thế ra đều là chỗ bạn bè cả. Được rồi, bác sẽ gọi điện báo cho bác ấy biết. Này! Bác hỏi thật nhé, con có chồng không?

– Dạ có đấy ạ. Nhưng anh ấy là bộ đội, bây giờ đang đi học ở Trung Quốc.

Tuy Ngọc nói vậy, nhưng hầu như ai cũng đinh ninh cô là một cô bé "trót dại". Bởi vì khuôn mặt bầu bầu với vẻ ngây thơ và đôi mắt tròn sáng như mắt bồ câu, khiến cho cô có vẻ như một trẻ thơ.

Mà bệnh viện này thì chưa bao giờ thấy ai đi đẻ mà lại đạp xe đến một mình như vậy.

Ông San nghe điện thoại báo Ngọc đang ở bệnh viện. Ông vội vã cùng bà Hiền đến ngay.

Lúc ấy Ngọc đang thiu thiu ngủ. Chẳng hiểu sao vừa đau lại vừa buồn ngủ đến thế?

Cô thoáng nghe tiếng nói chuyện:

– Tôi sợ phải mổ. Tử cung mở chậm lắm, mà ối thì đã vỡ. Anh vào kịp là may quá. Cần phải quyết định ngay để kịp xử lý.

Ông San lo lắng suy nghĩ:

– Chị cố gắng cho đẻ được không. Mới con so mà mổ thì gay cho các lần sau.

Ngọc mở choàng mắt thấy hai bác, cô mừng rỡ. Bà Hiền vuốt nhẹ mái tóc của Ngọc, bà trách móc, giọng dịu dàng:

– Sao con lại liều lĩnh đến thế? Thật nguy hiểm quá, con đạp xe như thế nếu xảy ra chuyện gì thì bác ân hận suốt đời.

Ngọc nắm chặt tay bác Hiền, lòng dịu lại, cô cảm thấy yên lòng vì có tình thương của hai bác ở bên cạnh, cô cười nhợt nhạt:

– Nhưng mà lúc ấy con quýnh cả lên. Bảo Kim thì bé quá, mà con thấy mình cũng khỏe.

Ông San đến cạnh Ngọc, nói nghiêm nghị như ra lệnh:

– Con phải cố sức mà đẻ. Con có đủ sức khỏe để tự mình sinh con. Bác Thúy Liễu đây là bác sĩ sản khoa hạng nhất đấy.

Cuộc sinh nở khó khăn, phải kéo forcep. Nhưng mẹ tròn con vuông. Đứa bé trai nặng 3,5kg, khóc rất to. Đầu có bị xước da, nhưng không tổn hại gì đến sọ.

Khi bà bác sĩ bế đứa bé trao cho Ngọc, cô ôm con và rùng mình: "Thằng bé giống em Hiền". Cô nhìn đứa bé trân trân sợ hãi. Cô trao lại con cho bác sĩ. Hai dòng nước mắt lăn trên má.

Mọi người xúc động, họ thầm nghĩ có lẽ cô thấy đứa bé giống người bố bội bạc nào đó đã bỏ rơi con trai của mình chăng!

– Cháu đặt tên cho nó là gì? – Bà bác sĩ ân cần hỏi.

Ngọc buột miệng nói ngay:

– Dạ tên cháu là Đức Hiền ạ.

Cô muốn nhớ đến đứa em trai tội nghiệp đã chết vì đói sữa ở làng quê.

Bà bác sĩ gật gù hài lòng:

– Ừ phải. Tên ấy hay lắm! Bây giờ người ta thích các loại tên: Hùng, Dũng, Thắng... nghe thì hay mà không mấy đạo nghĩa.

Đứa bé lớn nhanh như thổi. Ngấn chân tay như buộc chỉ. Sữa của Ngọc căng hai bầu vú. Chỉ đặt tay nâng vú lên là sữa phun như vòi hoa sen. Đứa bé vừa bú vừa đùa, thỉnh thoảng lại nhả vú ra cười, sữa phun đầy mặt, cu cậu cuống quít bập vú, bú lõm má ngon lành.

Ngọc xót xa nghĩ "Bây giờ thì sữa thừa phải vắt bớt. Thế mà em Hiền chỉ cần có chút sữa thừa ấy thì nó đã được làm người".

Ngọc yêu con như điên như dại. Đứa bé là quy tụ tất cả tình cảm mà cô dồn nén lại. Cô hầu như quên mất Bảo Kim.

... Bảo Kim được ra sống với chị, em sung sướng như được về với mẹ. Hôm đầu mới ra Hà Nội, em ôm chầm lấy chị mà dụi đầu vào lòng, em thì thào:

– Chị thơm thế, sao mà em yêu chị thế!

Ngọc mua quần áo mới cho em. Tắm gội, cắt tóc cho em. Ủ hạt na vào tóc để trừ chấy. Ngọc sắm sửa cho em từ cái cặp đi học, cái mũ đến đôi dép, cái cặp tóc... Con bé mặt mày rạng rỡ. Niềm

vui đã trả lại cho Bảo Kim vẻ xinh xắn hồn nhiên của cô bé lên bảy.

Trước đây mặt em lúc nào cũng đăm chiêu, hầu như không nói không cười, mà em cũng chả khóc bao giờ.

Bảo Kim rất chăm học. Em học thật giỏi, tháng nào em cũng đứng đầu lớp. Mà việc nhà em cũng rất cần cù. Việc gì làm cũng cẩn thận. Em lo lắng cơm nước, dọn dẹp trong nhà. Bởi vậy mà dù mang thai, nhưng Ngọc vẫn đảm bảo dạy học tốt và vẫn tham gia công tác xã hội được.

Hai chị em sống vui vẻ, ấm áp, Ngọc chẳng hề nhớ nhung gì trong những ngày chồng đi xa.

Tuy rằng cô vẫn đều đặn viết thư cho Thành, cố gắng thể hiện tình cảm của người vợ phải có nghĩa vụ yêu thương chồng!

Những lúc rảnh rỗi, hai chị em ngồi trò chuyện. Ngọc chải chấy cho em. Bảo Kim thủ thỉ hỏi:

– Chị ơi, mạ có đẹp như chị không?

– Mạ của chúng mình đẹp lắm. Chị bằng sao được?

– Chị kể chuyện mạ cho em nghe với, em chẳng nhớ gì về mạ nữa.

– Mạ của chúng mình làm cô giáo.

– Cũng như chị ấy nhỉ?

– Ừ, nhưng mà mạ rất tài giỏi. Mạ nói tiếng Pháp như đầm. Làm thơ rất hay, mạ còn biết đàn tam thập lục nữa.

– Thế mạ có đánh chị bao giờ không?

– Có, hồi đó chị mải chơi, lại còn bướng nữa. Có một lần bị đánh đau nhất, là chị làm ngã em từ bậc thềm xuống sân.

– Thế chị có giận mạ không?

– Ai lại giận mạ? Mạ đánh vì chị cãi mạ: "Tại nó bò nó rơi, chứ con có xô nó ngã đâu?". Mạ đánh chị một trận, chị khóc om sòm. Còn em cũng khóc vì ngã đau, thế rồi mạ cũng khóc vì thương con quá.

Bảo Kim cười khúc khích:

– Thế là tại em mà chị bị đánh.

– Hồi đó chị vừa phải bế em vừa học. Được cái em cũng ngoan. Chị toàn bỏ em một mình để ngồi đọc sách.

Chiều nào Ngọc cũng phải kể về mạ cho em gái nghe. Bảo Kim cần phải có người mẹ trong trí tưởng tượng của mình. Còn Ngọc thì cần được nhớ lại mẹ bằng những hồi ức còn cháy bỏng đau đớn, tiếc thương.

Hai chị em gắn bó với nhau không chỉ là vì cuộc sống đơn côi, mà còn bằng hai tâm hồn khao khát tình mẹ. Hai chị em gái vẫn hằng nghĩ rằng không ai yêu thương nhau bằng họ! Thế mà... Khi Ngọc bế con ở bệnh viện về, Bảo Kim rất vui sướng vì có thằng cháu tròn xoay. Em thích nó như búp bê. Suốt ngày em chăm bẵm, bồng bế nó. Em gọi nó là cu Tròn.

Nhưng dần dần em nhận ra chị Ngọc không quan tâm đến em nữa. Tuy chị vẫn lo ăn, lo mặc, lo học hành cho em chu đáo, nhưng mà chị không âu yếm thân thiết với em như trước.

Khi em sốt, chị đưa thuốc cho em bảo uống, mà không ngồi bên xoa đầu, xoa ngực cho em. Những buổi chiều lúc bắt đầu chập choạng tối, là lúc em buồn nhất, em ngồi một mình đun bếp, mắt đăm đăm nhìn ngọn lửa bập bùng, mà nhớ mông lung. Lúc ấy thì chị Ngọc còn mải nựng âu yếm thằng con của chị.

Bảo Kim không ghen với cháu, em chỉ cảm thấy tủi thân vì tình yêu của chị đã dồn trút hết cho đứa bé ấy. Em lại trở về tính tình trầm lặng trước kia. Em càng ngoan hơn, nhưng em lẳng lặng ngắm nhìn suy xét. Em không thổ lộ với chị những nỗi niềm suy ngẫm thơ dại!

Một lần Ngọc đi giặt quần áo. Bảo Kim trông cháu. Bỗng nghe "huych" rồi đứa bé khóc thét lên. Ngọc vội nhúng tay rửa qua loa rồi chạy bổ lên nhà. Thằng bé ngã từ giường xuống sàn, nó khóc lặng đi. Ngọc chạy xô lại bế con lên: "Khổ thân con tôi!"

Bảo Kim cuống quít nói:

– Em vừa đặt nó lên giường. Em đến lấy quyển sách, thế mà nó bò nhanh quá thành ra rơi xuống sàn.

Ngọc không thèm chú ý đến em gái đang run rẩy vì sợ hãi. Cô vẫn lảm nhảm xuýt xoa:

– Con tôi đau quá! Mẹ thương, mẹ thương quá!

Bảo Kim vừa lo sợ vừa thương cháu, em đứng nép vào tường và khóc thút thít.

Ngọc bực bội quay lại quát, giọng gay gắt:

– Khóc cái gì! Đi xuống nhà giũ nốt chỗ quần áo.

Bảo Kim len lén đi xuống giặt. Đôi tay bé bỏng của em vừa gắng sức vò xát đống tã lót, em vừa khóc lặng lẽ, cảm thấy mình bị ruồng bỏ.

Cuộc sống với trăm ngàn nỗi lo âu cuốn Ngọc đi như một cơn lốc. Người mẹ trẻ vừa nuôi con, nuôi em bằng đồng lương ít ỏi của giáo viên tiểu học. Cô chi tiêu tằn tiện đến từng hào.

Buổi sáng cô chỉ dám mua hai hào xôi cho mỗi người. Mặc dù cô lúc nào ruột cũng xót như bào vì đang nuôi con, sữa lại xuống nhiều. Nhưng cô chẳng thể ăn thêm được. Tiền ít đã đành, song cô không muốn đứa em gái mặc cảm là bị phân biệt đối xử giữa hai chị em.

Một lần cô đi mua xôi về, vừa để lên bàn thì thằng cu Tròn tè ướt hết cả. Ngọc loay hoay thay tã cho con. Lúc quay lại bàn thấy Bảo Kim đang cấu phần xôi của mình bỏ sang phần chị. Bị bắt gặp, em lúng túng ngượng ngập:

– Xôi nhiều quá em ăn không hết, chị ăn giúp em.

Ngọc trào nước mắt thương em. Em muốn nhịn phần để chị ăn, thêm sữa cho cháu. Nhưng em nói dối để chị không từ chối.

Ngọc lúc nào cũng túng thiếu. Được ít thịt thì dành tất cả nạc để làm ruốc quấy bột cho con. Hai chị em chỉ rau dưa đạm bạc. Ngọc gầy sút hẳn. Chỉ còn hơn bốn mươi cân, da nhợt nhạt xanh tái, vai nhô ra. Nhưng mà thằng bé thì chóng lớn lạ lùng. Nó mũm mĩm, hồng hào, đẹp như trẻ con trong tranh Trung Quốc.

Thỉnh thoảng Nguyễn Thành gửi về mấy cân len, dăm thước vải, một ít thuốc men, Ngọc phải bán đi để thêm vào chi tiêu. Cô không dám may mặc cho mình chỉ giữ lại một số để đan lát, may quần áo cho con. Với con thì cô bao giờ cũng xa xỉ, cô may mặc cho

nó như Hoàng tử. Không thiếu một kiểu cách nào trên ca-tơ-lô mà cô không diện cho con.

Cảm thấy mình vô lý, cô dành một số len màu hồng đan cho Bảo Kim một cái áo dài tay. Em chưa có áo ấm, mà ở Hà Nội thì rét buốt chứ không như ở miền Trung. Cái áo khá đẹp nhưng mà Bảo Kim không chịu mặc. Em nói thác là mặc áo len ngứa ngáy khó chịu. Mà em ghét màu hồng lòe loẹt. Bởi vậy đến mùa đông, Ngọc đành mua cho em cái áo bông vải xanh. Em thích thứ áo giản dị đó nên vui vẻ mặc ngay.

Ngọc cảm thấy Bảo Kim cố gắng tằn tiện hết mức.

Sách vở giấy viết, em tận dụng từng mảnh giấy nhỏ. Bút chì còn một mẩu ngắn thì em cắm vào cái ống trúc để viết. Ngòi bút cùn, thì em mài lại cho nhọn để dùng.

Ngọc thường trêu em gái:

– Em là cô bé "cá gỗ"!

Ngọc không thể đoán biết được trong lòng Bảo Kim đang ngấm ngầm nỗi đau khổ thơ ngây. Em vừa rất yêu cháu lại vừa ghen với cháu. Em muốn làm một đối chứng lại với "cu Tròn hòn ngọc" của chị. Cu Tròn diện sang như ông hoàng, còn em giản dị như cô bé nhà quê. Thỉnh thoảng Ngọc mua quà cho em gái, bánh kẹo, hoa quả. Nhưng con bé chỉ nhấm nháp tí chút, rồi chờ chị ra ngoài là em bón cho cu Tròn ăn hết. Thằng bé khỏe mạnh nên cho gì nó cũng ăn tất! Thằng cháu thì lớn nhanh như thổi, còn dì nó thì còi cọc, lên tám mà chỉ bé bằng đứa lên sáu thôi.

Hai năm sau, Nguyễn Thành được về phép. Tin đó không làm cho ai vui mừng cả. Ngọc bồn chồn một nỗi ngại ngùng. Tuy rằng cô cũng xăm xắn dọn dẹp nhà cửa, giặt giũ giường chiếu, trang trí lại nhà sáng sủa, đẹp đẽ hơn. Bảo Kim giúp chị lau dọn, nhưng em buồn lắm. Em cảm thấy anh rể về thì chị của em càng quên lãng em hơn.

Còn cu Tròn thì nó chẳng cần ai ngoài mẹ nó.

Lệ Ngọc bế con ra ga Hàng Cỏ, chờ đón chuyến tàu liên vận từ Bằng Tường về. Sân ga đông nghịt. Các bà vợ hớn hở nhấp nhổm đợi tàu về. Các sĩ quan đại diện cơ quan ra đón cán bộ, đi đi lại lại vẻ nghiêm trang. Thỉnh thoảng tỏ ra quan tâm đến gia đình cán bộ, họ dừng lại hỏi han một vài chị về hoàn cảnh sinh sống. Có một anh đến gần Ngọc thân mật nói:

– Cháu bé bụ bẫm kháu khỉnh quá! Chị nuôi con khéo lắm!

– Cám ơn anh! – Ngọc lí nhí đáp miễn cưỡng.

Anh ấy lại đùa:

– Ông Thành số đào hoa lắm. Con gái Tàu mê lắm đấy. Khéo lại đã có dì hai ở bên đó rồi.

Một bà vợ ra đón chồng, ngồi gần đấy, nghe thấy thế nói chõ vào giọng đành hanh:

– Thế thì cứ cho cút luôn. Các ông tưởng là báu lắm đấy. Chị em chúng tôi chả cần.

Anh sĩ quan lại trêu chọc tiếp:

– Lại không khóc sưng mắt ấy à?

Ngọc vờ bế con xi tè, lánh đi nơi khác. Cô nghĩ bụng "giá mà cứ ở hẳn bên ấy lại hóa hay!".

Tiếng còi tàu lanh lảnh xé bầu không khí bắt đầu oi nồng của tiết đầu hè. Đám người xô dạt, dập dềnh hướng cả về phía bắc. Đầu tàu ló ra, lớn lên rất nhanh, rồi sầm sập chạy vào ga. Các cửa sổ toa tàu bỗng nở bung những khuôn mặt náo nức.

Ngọc bế con, mắt đăm đăm nhìn, để cố nhận ra giữa những khuôn mặt giống nhau như bột nặn, thử xem chồng mình là người nào.

Tàu dừng lại, từ các cửa toa tuôn xuống những sĩ quan "Trung Quốc" béo múp míp. Ngực đeo huy hiệu đỏ chói. Cổ áo Tôn Trung Sơn cài tận cằm, quần rộng như chân voi, giầy đen bóng dẫm lộp cộp.

Một ông to béo, đầu hói chạy xô đến bế bổng cả hai mẹ con lên. Ngọc bàng hoàng sửng sốt!

Cô nhìn Nguyễn Thành, một khuôn mặt lạ lẫm như chưa từng gặp bao giờ!

Cu Tròn quay mặt úp vào vai mẹ, nó đẩy bố ra:

– Đi đi! Không cho bế đâu.

Ngọc nói nhẹ nhàng:

– Con nó lạ, đừng làm nó khóc.

Thành rối rít chạy đi lấy đồ đạc. Anh dặn:

– Em đứng trông đồ đạc cẩn thận kẻo họ lấy nhầm.

Một cảm giác chán ngán làm Ngọc thẫn thờ. Cô không hiểu tại sao xung quanh mình, các chị ấy lại vui vẻ, hồ hởi đến như vậy? Người âu yếm phủi bụi trên vai áo chồng; người thì lăng xăng xách đỡ các gói, các túi, người thì ríu rít nói chuyện, kể lể đủ mọi điều trong nhà làm như sân ga là phòng riêng vậy! Niềm sung sướng đón chồng về, cùng với sự thích thú thấy hàng hóa nhiều ngồn ngộn làm cho các chị ấy vui như trẻ nhỏ.

"Họ thật sung sướng làm sao!". Ngọc nghĩ vậy. Còn Ngọc, cô chỉ cảm thấy phiền muộn giữa đám đông ồn ào này.

Sáng hôm sau, khi Bảo Kim đã đi học. Hai vợ chồng mới bắt đầu soạn đồ đạc mới mang về.

Ngọc mệt mỏi, cô không chút hào hứng trước những vali đầy ắp len dạ, vải vóc, và các thứ xinh xinh màu sắc rực rỡ.

Thành mở sổ đối chiếu hàng hóa đã ghi, với các thứ mang về. Anh phân chia quà cho từng người. Số còn lại anh ghi thành một danh sách dài có giá tiền và số lượng, cẩn thận như sổ sách kế toán vậy. Rồi anh lần lượt xếp vào tủ theo thứ tự trong danh sách.

Anh bắt đầu hỏi Ngọc:

– Các thứ anh gửi về em dùng như thế nào?

– Thỉnh thoảng em phải bán một vài thứ để chi tiêu.

– Em bán bao nhiêu len, bao nhiêu vải, giá thế nào?

– Em chẳng nhớ nữa.

– Sao lại thế? Em có ghi sổ chi thu không?

– Ghi làm gì? Mỗi mình em vừa thu vừa chi, có phải báo cáo với ai đâu mà phải chi?

Thành bực lắm, anh nhìn Ngọc nói nghiêm khắc:

– Em nên hiểu, kiếm đồng tiền không dễ dàng. Phải biết chi tiêu tiết kiệm. Không phải muốn bán giá cả thế nào cũng được. Chẳng thể tùy tiện muốn cho ai cái gì thì cho.

Ngọc khó chịu lắm, cảm thấy bị xúc phạm:

– Em chẳng cho ai cái gì hết. Em cũng chẳng tiêu pha cho mình. Thậm chí em chẳng hề đan lấy một cái áo nào bằng len của anh đâu.

– Thế sao anh thấy trong tủ có áo len của Bảo Kim?

Ngọc cau mày, tay run lên vì giận:

– Em đan cho nó, nhưng mà nó không thèm mặc. Còn mới nguyên đấy. Anh đem đi mà bán!

Ngọc đứng phắt dậy, đẩy tất cả đống đồ đạc ra:

– Em chẳng cần gì tất cả những thứ này. Anh cất hết đi. Từ nay không bao giờ em động đến nữa.

Thành biết mình chạm đến tự ái của vợ, anh thanh minh:

– Của anh cũng là của em. Em đừng nghĩ sai về anh. Anh chỉ muốn em biết quản lý gia đình, biết cách chi tiêu hợp lý, chứ anh có trách gì em đâu. Đan áo cho Bảo Kim là cần thiết và rất tốt...

– Thôi! Em không thích chuyện tiền nong chi li như thế. Từ nay anh cứ định ra số tiền nuôi cu Tròn, rồi tính hàng quy ra tiền. Em sẽ dùng trong phạm vi ấy. Còn thì anh cứ cất vào hòm niêm phong lại.

– Sao em căng thẳng thế? Anh vừa về, anh chỉ muốn được sống hạnh phúc với em thôi.

– Em chẳng cần gì các thứ hàng hóa đó. Đối với em nó chẳng có nghĩa lý gì hết.

Ngọc toan bỏ đi, Thành dịu giọng nói:

– Em! Đừng giận anh vô lý thế. Tất cả là của chúng mình, em muốn sử dụng thế nào tùy ý.

– Cám ơn anh. Em không làm ra các thứ đó. Em không muốn dùng nó. Anh cất hết đi!

Ngọc xách làn đi chợ. Cô không thích đôi co. Một mảng tình cảm nữa lại vỡ vụn trong lòng Ngọc.

Nguyễn Thành xách một va li về Vinh thăm các cụ. Anh là người con có hiếu và chu đáo. Các cụ vui mừng đón con trai, trân trọng và thích thú xem từng món quà mà anh mang về.

Thành để một túi quà riêng của Bạch Tuyết. Một cân len, ba thước lụa cẩm vân, một số đồ chơi trẻ con. Bạch Tuyết mới sinh thêm một thằng bé chỉ kém cu Tròn mấy tháng.

Bạch Tuyết mừng rỡ đón Thành. Cô sung sướng ngắm nghía từng món quà, cô ướm thử lụa lên mình:

– Em có đẹp không?

– Đẹp lắm!

Thành ôm choàng cả Tuyết lẫn tấm lụa bế bổng đến giường. Họ im lặng quấn chặt lấy nhau, lụa và len lăn xuống đất. Lúc này những món quà quý ấy chẳng còn ý nghĩa gì nữa. Trên đời lúc này chỉ có họ với nhau. "Nghĩa lý cuộc đời" chẳng cần chứng minh bằng lời nói hay bằng vật chất!

Cơn say qua đi, sự tỉnh táo lại trở về. Thành ngồi dậy chỉnh đốn quần áo, anh lo lắng hỏi:

– Chồng em đi đâu. Chết thôi! Chúng mình chủ quan quá! Cửa chẳng khóa gì cả. Nhỡ ai sập vào thì chết!

Bạch Tuyết nhặt tấm lụa lên phủi bụi bám vào, cô cẩn thận vuốt thẳng nếp, bàn tay xoa xoa mặt lụa âu yếm. Cô ôm gói len mềm mại vào lòng như nựng trẻ con.

– Cám ơn anh quá, anh chọn màu đẹp lắm. Em mà diện các thứ này vào, thì bọn bạn phát ghen lên cho mà xem!

– Em đừng nói với ai là anh tặng nhé. Lộ BEM thì rầy rà to!

– Yên chí! Em không nói tên đâu, nhưng mà em sẽ nói là "người yêu" tặng.

– Đừng nói gì cả là hơn.

Bỗng thằng bé chạy òa vào, một đứa bé trạc cu Tròn nhưng da sẫm màu hơn. Thành bế đứa bé lên hôn vào hai má bụ bẫm của nó.

Tuyết hỏi:

– Anh có nhận ra con của anh không?

Thành ngắm nhìn đứa bé chăm chú rồi ngờ vực hỏi:

– Có đúng không?

– Nhìn thì biết khuôn đúc của ai, hỏi làm gì!

Quả là đứa bé giống Thành đến giật mình. Anh lo ngại:

– Chồng em có nghi ngờ gì không?

Tuyết đắc ý nói:

– Không đâu. Lão ta được đứa con trai thì mừng rơn. Hồi em sinh con bé đầu lòng, lão buồn mãi.

Thành lo âu, bồn chồn:

– Giữ kín nhé. Lão biết mà tố cáo là tai hại cho anh lắm đấy.

Tuyết ngúng nguẩy:

– Sợ mất chức chứ gì? Bỏ cả chức lẫn tước đi. Về đây sống với em. Em hê lão ta ra!

Thành đứng phắt dậy, anh lo lắng nói:

– Đừng đùa bỡn như thế! Nguy hiểm lắm. Sự nghiệp của anh phải đổi bằng cả chục năm xương máu đấy.

Bạch Tuyết cười khẩy:

– Xương máu của người khác. Còn anh thì vẫn nguyên vẹn, anh có hề bị sứt da lần nào đâu? Em sẽ giành kỳ được anh.

Tuyết ôm riết cổ Thành. Thành lấm lét nhìn ra cửa, anh khéo léo gỡ tay Tuyết ra:

– Thôi anh về đây. Chồng em sắp về sẽ rất phiền. Anh gửi biếu cậu ấy bao thuốc lá.

Bạch Tuyết kêu lên hốt hoảng:

– Về sao được? Ở lại ăn cơm với em, ngủ lại đây nữa.

– Đừng đùa như thế!

– Em nói thật! Em sẽ cho lão uống rượu pha thuốc ngủ, chúng mình sẽ tự do hoàn toàn.

Thành sợ hãi nhìn người đàn bà táo tợn:

– Em hiểu cho anh. Anh phải giữ gìn danh dự quân nhân. Không thể sống buông thả thế được.

– Anh thỏa mãn rồi, bây giờ chán em chứ gì?

– Anh yêu em suốt đời. Nhưng em có chồng, anh có vợ. Biết làm thế nào được?

Thành kiên quyết đứng dậy ra về. Lòng nuối tiếc một hạnh phúc trong tầm tay. Chính anh đã từ bỏ người đàn bà tuyệt vời ấy. Anh đã tự mình rũ bỏ hạnh phúc và tự mình chuốc lấy bất hạnh!

Hai người đàn bà đều khổ vì anh!

Ngồi trên chiếc tàu liên vận ra đi lần này, anh thở phào nhẹ nhõm. Sự vướng bận của tình yêu và trách nhiệm làm chồng khiến anh thấy phiền phức quá.

Tình yêu cuồng nhiệt của Bạch Tuyết làm anh hoảng sợ.

Tình cảm lạnh lẽo của Lệ Ngọc làm anh chán nản.

Đối với anh, tình yêu là sự vui vẻ, là những khoái cảm. Còn nếu phải đau khổ, lo buồn, dằn vặt với nó thì thà đừng yêu còn hơn.

Rời xa được là thoát!

9.

Hưng, em trai của Ngọc, đã đỗ vào đại học Y khoa. Tin mừng đó làm hai chị em sung sướng quá. Ngọc thắp hương lên bàn thờ mẹ, cô thì thầm khấn mẹ: "Mạ ơi, Hưng được vào Đại học rồi, mạ phù hộ cho em học hành tấn tới..."

Bảo Kim nói với chị:

– Học xong phổ thông, chị cũng cho em vào Đại học nhé!

– Nhất định rồi. Em sẽ đi học Đại học Dược khoa.

– Thế khi nào thì chị đi Đại học?

Ngọc thở dài, câu hỏi của em gái chợt gợi lên ý nghĩ "Mình phải đi Đại học, phải có sự nghiệp riêng của mình". Ngọc cảm thấy nỗi nhục của việc sống nhờ cậy vào chồng. Việc tính toán chi ly của anh đã làm cho cô nhận rõ một sự thật là không thể nuôi em của mình bằng tiền của người khác được.

"Cầu được ước thấy". Năm đó ngành giáo dục có chủ trương đưa các giáo viên ở vùng kháng chiến về, đi học Đại học. Ngọc may mắn được nằm trong danh sách đó. Vừa mừng vừa lo, làm sao mà vừa học vừa nuôi con, nuôi em được?

Thời gian bận rộn thì có thể khắc phục bằng cách ngủ ít đi, làm nhiều hơn, để mà học. Còn tiền thì kiếm ở đâu ra bây giờ? Đi học thì chỉ còn 80% lương mà thôi.

Đang lo lắng như vậy thì Ngọc tiếp được thư của ba. Ông Kỳ nhận được tin con gái được cử đi học Đại học, ông mừng lắm, vội viết thư ngay:

"Lệ Ngọc con.

Ba thật sung sướng quá, thế là cả hai chị em đều được vào Đại học. Chắc là mạ con ở dưới suối vàng thỏa được vong linh, bởi điều mà mạ ước nguyện là các con được trở thành người có học ở đời.

Chắc là con túng thiếu. Từ nay hằng tháng ba sẽ gửi cho con 20 đồng[1] *để thêm vào mà nuôi Bảo Kim, vì Hưng đi học đã có học bổng rồi. Ba thật áy náy về trách nhiệm làm cha đối với con cái. Hầu như ba chưa hề nuôi Bảo Kim ngày nào..."*

Ngọc cảm động và mừng rỡ đọc thư ba. Thế là vấn đề tiền nong tạm ổn. Nhưng Ngọc sung sướng hơn là vì khỏi phụ thuộc vào chồng.

Lệ Ngọc đã xin gửi cu Tròn vào học trường mẫu giáo Mầm non. Thế là yên tâm suốt cả ngày.

Cuộc sống bỗng rạng rỡ niềm tin vào tương lai. Tất cả những buồn phiền, đau khổ dường như không có gì đáng kể nữa. Ngọc cảm

---

1. Tiền mới đổi nên giá trị cao. 1 cân gạo chỉ bốn hào

thấy mình độc lập, đi trên đường đời bằng chính đôi chân của mình. Cảm giác không phải phụ thuộc vào chồng làm cô không còn khó chịu với anh nữa. Những bức thư anh gửi về cô đọc lướt qua rồi ném vào cái hộp giấy, lâu lâu đầy ắp lên cô đem đốt đi. Cô chẳng còn đọc thư với sự xét nét từng câu, từng chữ để suy diễn về cung cách tính toán tiền nong nữa. Mà nếu có câu nào như thế thì cô bật cười: "Đúng là loại cá gỗ lim!".

Cô viết thư cho chồng, bảo anh chẳng cần gửi gì về nữa. *"Ở nhà không thiếu tiền, vì Bảo Kim đã có tiền ba gửi ra nuôi rồi..."*. Cô công bố tin đó với niềm hãnh diện, ngầm báo cho anh biết là cô chẳng cần nhờ vả anh nữa.

Cô đâu có biết rằng Thành là người chẳng bao giờ suy xét sâu xa. Anh ta thấy tiết kiệm thêm được một món tiền thì mừng rơn.

Cuộc sống của hai chị em trở nên bận rộn, vất vả không hề được nghỉ ngơi.

Sáng tinh mơ, trời còn tối đen, Ngọc đã dậy thổi cơm, sau đó thức hai dì cháu dậy rửa mặt mũi, ăn sáng.

Bảo Kim dọn dẹp nhà cửa, giặt giũ rồi đi học.

Còn Ngọc đèo con đến trường Mẫu giáo gửi bác bảo vệ trông hộ. Vì còn sớm quá phải cho thằng bé vào ngủ trong giường bảo vệ. Chờ đến giờ học, bác ấy sẽ đưa vào lớp hộ.

Ngọc hối hả đạp xe đến trường cho kịp. Cô vào học khoa Tâm lý. Một khoa mới thành lập. Đây là môn học thường bị coi là môn phụ. Song thật ra đây là một khoa học đầy hấp dẫn và nhiều triển vọng.

Ban mai của thành phố dịu mát hiền lành. Những ngôi nhà cửa vẫn còn khép kín như mi mắt của những đứa bé ngủ rốn. Một vài người đạp xe dáng điệu nhàn tản, mấy bác già cần cù tập chạy đủng đỉnh với vẻ mặt nghiêm trang.

Ngọc thênh thang đạp xe ngay giữa lòng đường. Một niềm vui xôn xao, Ngọc hít thở không khí trong lành. Một đàn chim sẻ ríu rít sà xuống mặt đường. Giữa phố phường mà chim chóc lúc này cũng cảm thấy làm chủ không gian. Thật thoáng đãng làm sao! Chỉ

một lát nữa thôi, khi xe cộ bắt đầu đua nhau chen lấn, thì tự do sẽ khép lại, cuộc sống trên đường phố sẽ lại căng thẳng.

Mải vơ vẩn với dòng suy tưởng hồn nhiên, Ngọc giật mình khi nghe nói:

– Xin lỗi! Có phải chị là Lệ Ngọc không?

Ngọc quay lại, thấy một thanh niên mảnh mai, tóc hơi quăn lòa xòa trước trán. Đôi mắt dịu hiền trong trẻo, nét cười thật chân tình. Ai nhỉ? Nét mặt thân quen quá mà hình như chưa gặp bao giờ?

Anh ấy lại hỏi:

– Ngọc không nhận ra mình sao? Thanh Tùng đây mà!

– Trời! Bạn đấy ư?

Ngọc sững sờ cảm động. Người bạn từ thuở học trò phổ thông. Người bạn đã từng âm thầm quý mến Ngọc trong những ngày chiến tranh đi học ban đêm; người bạn đã tiễn Ngọc xuống thuyền về quê khi mạ sắp mất; Người bạn mà Ngọc chợt cảm thấy mình yêu trong phút ly biệt, thuyền rời bến!

Cô đăm đăm nhìn bạn, hỏi với giọng nghẹn lại vì xúc cảm:

– Bây giờ Tùng ở đâu?

Tùng cũng cảm động thấy người bạn gái mà anh quý mến vẫn giữ được tình cảm thân thiết năm xưa đối với anh:

– Mình cũng học Đại học Sư phạm, cùng trường với Ngọc đấy.

– Sao Tùng biết mình học Sư phạm?

– Hôm mới tựu trường, mình thoáng thấy Ngọc mà không dám tin chắc. Mình theo đến tận lớp hỏi thăm...

– Thế bạn học khoa nào? Ngọc hấp tấp hỏi.

– Mình học khoa Văn. Đơn vị cử mình đi học để về dạy Bổ túc văn hóa cho sĩ quan. Mình nghe lớp cậu nói với mình là: "Đừng thấy đẹp mà theo, có chồng rồi đấy!"...

Ngọc chợt nhớ đến thân phận của mình, cô nói lảng:

– Mình có con lên ba rồi. Thế còn cậu thì sao?

– Mình cưới vợ còn sớm hơn bạn lấy chồng kia!

– Tại sao vậy?

– Gia đình cưới cho. Các cụ muốn yên tâm để mình đi thoát ly gia đình. Dùng dây buộc cẳng, để không tếch thẳng như ông anh của mình. Lấy vợ cán bộ rồi chẳng đoái hoài gì đến quê hương nữa.

– Cậu có hạnh phúc không?

– Hai đứa mình là bạn từ thuở chăn trâu. Mình yêu cô ấy. Mình đã có con lên bốn rồi.

Ngọc cảm thấy hụt hẫng. Cô buồn như vừa đánh mất một vật báu. Vậy là anh ấy sau khi tiễn mình, anh đâu có còn nhớ gì đến mình?

– Cô ấy làm việc ở đâu?

– Cô Xoan là nông dân, cô ấy làm ruộng ở quê.

Tùng không muốn bị lục vấn, cậu hỏi lại Ngọc:

– Thế cậu lấy ai thế? Có hạnh phúc không?

– Anh ấy là bộ đội. Con mình ngoan lắm.

– Nhưng mà cậu có hạnh phúc không?

– Có chứ! Nhưng tại sao cậu lại không ở nội trú?

Ngọc tìm cách nói lảng. Tùng đoán ra tâm trạng Ngọc, anh thoáng nhận ra qua nét mặt xanh xao và đôi mắt đượm buồn của cô. Anh trả lời lơ đãng:

– Hôm qua chủ nhật, mình về nhà ông anh mình, nên sáng nay mới vào. Mình sẽ đến nhà thăm mẹ con cậu nhé!

Ngọc vui mừng:

– Ừ đến nhé. Con mình hay lắm cậu ạ. Nhìn thấy nó là bao nhiêu mệt nhọc, ưu phiền tiêu tan hết.

– Được gặp lại cậu mình mừng quá. Giá ngày ấy mà Ngọc không phải về quê thì... – Tùng nói giọng bâng khuâng.

– Số phận đã định cả. Được gặp lại nhau là quý lắm rồi. Có bạn thì ba năm đại học sẽ rất vui đấy!

Ngọc thành thật nói lên suy nghĩ của mình. Cô đang khao khát có bạn bè thân thiết. Sống cô đơn thiếu người để tâm tình, gánh nặng cuộc đời càng trĩu nặng hơn. Huống nữa cô lại phải giấu giếm

nỗi bất hạnh của mình. Nỗi khổ tâm càng nhức nhối hơn khi mà mọi người lại cứ tán tụng số phận may mắn đã cho cô gặp được người chồng tốt!

Ngọc và Tùng đều là cán bộ đi học nên phải tham gia công tác xã hội. Tùng là đảng viên, anh được kết nạp ở quân đội. Còn Ngọc là đối tượng Đảng. Hai người rất thân nhau với một tình bạn trong sáng. Bản chất họ là người chân thật, nên họ thích sống trung thực với chính bản thân mình. Hơn nữa họ lại là cán bộ Đảng, cán bộ Đoàn, nên ý thức gương mẫu trước quần chúng sinh viên. Đó là những thanh niên sống ngay thẳng với niềm tin trong trẻo. Cho nên tình bạn của họ thật chân tình, bền vững. Trong lòng họ không chút gợn nào tình ái lãng mạn cả.

Hầu như chuyện lớn, chuyện nhỏ trên đời họ đều tâm sự với nhau.

Ngọc rất thích Tùng kể về người vợ thôn quê hồn hậu. Đó là những phút hồi tưởng đầy xúc động của Thanh Tùng:

– Cô ấy con nhà nghèo nên học hành ít thôi. Nhưng mà tính nết hiền lành dễ thương lắm. Mẹ mình yêu quý cô ấy như là con gái vậy.

Ngọc không thể hình dung nổi tình yêu ấy của bạn mình:

– Thế cậu với cô ấy nói chuyện với nhau như thế nào? Cậu thì hồn thơ say đắm, mà cô ấy thì lại thôn dã, đơn sơ thế?

Tùng cười hồn hậu:

– Chẳng cần nói nhiều đâu. Chỉ cần dịu dàng và ân cần là đủ để hiểu nhau rồi. Cô ấy yêu mình hồn nhiên mà hết lòng. Mình cũng yêu cô ấy như trời vốn sinh ra vậy.

Lệ Ngọc thở dài. Cô đã đi tìm tình yêu suốt cả đời mà chẳng thể tìm được. Vậy mà sao Thanh Tùng đến với tình yêu dễ dàng đến như thế?

Tùng hỏi Ngọc rất chân thật:

– Thế Ngọc yêu Thành từ lúc nào?

– Mình chưa hề yêu anh ấy. Chỉ ngẫu nhiên mà lấy nhau thôi.

Tùng kinh ngạc:

– Không yêu mà lấy? Cậu bị cưỡng ép à?

– Không! Chúng mình tìm hiểu nhau. Mình lấy anh ấy vì sự hợp lý cậu ạ.

– Hợp lý mà lại không yêu? Câu nói nghe vô lý quá!

– Mình cũng chẳng hiểu tại sao lại như vậy. Nhưng mà càng sống với anh ấy mình càng cảm thấy xa lạ với nhau.

Thanh Tùng im lặng, anh không thể nghĩ là Ngọc đã lấy chồng vì lợi ích vật chất, chẳng lẽ Ngọc là loại người thực dụng?

– Thế Ngọc lấy Thành là vì điều gì?

– Ý Tùng hỏi thế nào mình chưa hiểu?

– Ví dụ là tiền tài, địa vị... chẳng hạn.

– Hình như không phải thế. Mình chẳng cần các thứ đó.

Chính Ngọc cũng phân vân tự soát lại mình. Cô chợt nhớ ra lý do lấy chồng, cô nói:

– Vì Bảo Kim. Mình cần nuôi em gái mình.

– Thế là vì Ngọc yêu em gái, mà lấy chồng?

– Ừ.

– Thế tức là cậu đã lợi dụng người ta đấy!

Tùng nói cộc lốc. Không giấu sự bực tức.

Ngọc quắc mắt nhìn Tùng, anh đã xúc phạm Ngọc ghê gớm.

– Lợi dụng? Thế mình là một đứa hèn hạ lắm sao?

– Không hèn hạ. Thậm chí cao thượng nữa. Nhưng mà Ngọc đã sai lầm lớn trong suy nghĩ về cuộc sống.

– Sai lầm? Vì sao vậy?

Tùng trầm ngâm rồi nói:

– Ngọc ạ, cậu chẳng yêu bản thân mình, vậy thì làm sao cậu có thể có tình yêu được?

Ngọc suy ngẫm, vậy ra tình yêu tức là phải bắt đầu từ biết yêu bản thân mình hay sao?

– Thanh Tùng này, thế cậu yêu cô Xoan là vì cậu yêu bản thân cậu à? Thế thì rồi cậu sẽ bỏ cô ta khi nào cậu chán cô ấy cho mà xem!

– Điều ấy thì mình chả dám đoán chắc được. Nhưng mà mình lấy Xoan vì mình thích cô ấy. Mình yêu cô ấy vì cô ấy đem đến niềm vui cho mình. Còn cậu thì chẳng thích mà cứ lấy, cậu chán ngay khi mới lấy. Thế thì thà bỏ nhau còn nhân đạo hơn.

Ngọc như chợt tỉnh. Cô cứ tưởng mình sống đúng đạo lý. Hóa ra cô đã xử sự trái với đạo đức. Cô chẳng hề yêu bản thân, nên cô đã dẫm đạp lên tình yêu của chồng mình. Cả hai đều khổ sở cả.

Thanh Tùng cũng giật mình. Anh chợt nhận ra mình ích kỷ. Có thể rồi đây khi ý thích đổi thay, thì tình yêu sẽ đổi thay. Quả là anh đã quá giản đơn trong xây dựng gia đình.

Cả hai im lặng đi bên nhau. Họ lờ mờ cảm thấy hình như mọi sự giản đơn trong xử sự cuộc đời đều phải trả giá bằng những rắc rối phức tạp về sau.

Nhưng mà tốt nhất là mặc kệ đừng nghĩ đến nữa, mặc cho sự thế xoay vần đến đâu thì đến!

Đêm ấy nằm bên con, Ngọc tự hỏi mình: "Có thể vun đắp tình yêu với Thành được không? Ta sẽ thử cố gắng yêu anh ấy".

Trong đáy sâu của tiềm thức vẫn cộm lên một sự ghê tởm không sao xóa được.

Cô ôm con vào lòng, thân hình ấm áp mềm mại của đứa bé, hơi hướng thơm thơm mùi sữa truyền sang cô một tình yêu êm dịu. Cuộc sống bỗng nhẹ nhàng, đầy tràn hy vọng. "Rồi ta sẽ chín chắn hơn. Ta sẽ sống nhân ái hơn. Chắc rồi tình yêu cũng sẽ đến với ta".

Ngọc nghĩ như vậy và chìm vào giấc ngủ thanh thản.

Lệ Ngọc nhận được thư của một người không quen biết, cô ngỡ ngàng bóc thư. Lá thư dài bốn trang, nét chữ phụ nữ, lối viết rất tháu. Viết không cần câu từ, chẳng cần chấm phẩy. Nhưng mà lời lẽ lại chân thật thiết tha. Đó là thư của Bạch Tuyết. Chị ấy kể về

mối tình của chị với Thành. Những nỗi đau khổ éo le do hoàn cảnh mà phải xa nhau. Chị còn kể về mối tình vụng trộm hiện nay giữa hai người, và họ đã có con với nhau. Chị ấy kêu gọi Ngọc hãy buông tha người chồng mà cô không hề thương yêu ấy ra, để cho cả bốn con người đều được sung sướng. Sự ràng buộc hiện nay khiến tất cả đều phải sống giả tạo và khổ sở...

Lệ Ngọc sửng sốt bàng hoàng. Cô đau đớn biết Thành yêu thương một người đàn bà khác. Cô không ghen tuông, nhưng cô thấy mình bị lừa dối.

Cô không yêu Thành những cô lại tưởng rằng anh yêu cô thật lòng. Niềm tin vào lòng trung hậu của con người sụp đổ hoàn toàn.

Khi lòng ân hận tự trách mình không còn nữa, thì nỗi oán hận bùng lên. Cô thấy anh là tên đểu cáng lừa lọc. Cuộc đời cô như kẻ bị sa hố, vùng thoát làm sao đây?

Suốt một đêm thức trắng, cô không khóc nhưng lòng cô cháy bỏng. Sẽ làm cho tan hoang rồi sẽ bỏ nhau chăng?

Nhưng mà như vậy thì ích gì? Chẳng thể tìm lại được hạnh phúc bằng nỗi khổ của người khác được. Nhưng mà lẳng lặng chịu đựng là sự ngu xuẩn và hèn kém. Còn nếu ly hôn thì thật là một sự nhục nhã. Một người đàn bà bị chồng ruồng bỏ trong xã hội ta là sự điếm nhục.

Ngày hôm sau đi học, Ngọc định tìm Tùng để tâm tình. Bởi nỗi khổ tâm không được chia sẻ đã hành hạ cô không ngủ, không ăn được.

Vừa đến lớp, anh Chính bí thư chi bộ đã gọi riêng Ngọc để nói chuyện. Thấy nét mặt xanh xao, mắt thâm quầng của Ngọc, anh Chính hỏi:

– Cô làm sao thế, có chuyện gì nghĩ ngợi ư?

– Em mệt, mấy hôm nay cháu quấy quá, em không ngủ được.

– Cô thật có nghị lực, vừa đi học, vừa nuôi con mà vẫn học giỏi lại tham gia công tác xã hội rất tốt nữa.

– Cám ơn anh. Nhưng thật ra em chưa tốt đâu. Gia đình riêng của em chẳng được êm đẹp.

Anh Chính tưởng Ngọc khiêm tốn:

– Thế là tốt lắm rồi. Chồng đi xa, một gánh nặng gia đình mà vẫn trọn vẹn mọi bề. Hôm nay tôi gặp cô để báo tin mừng cho cô. Đảng ủy đã gửi quyết định kết nạp cô vào Đảng. Ngày kia chi bộ sẽ tổ chức lễ kết nạp cho cô, nói trước để cô chuẩn bị.

Ngọc nghẹn lại, cô không hiểu mình mừng hay buồn, cô cúi mặt, cắn môi để ghìm khóc.

Anh Chính thấy nét xúc cảm ấy, anh mỉm cười thân ái:

– Vào Đảng là một sự kiện lớn của cuộc đời. Từ nay mỗi việc làm, mỗi suy nghĩ của bản thân đều phải vì lợi ích của Đảng. Tôi tin cô sẽ sống xứng đáng là người cộng sản.

– Vâng! Em sẽ cố gắng!

Sự đời sao mà trớ trêu làm vậy? Giữa lúc Ngọc cần được tự do để xử sự cuộc sống riêng, thì lại khoác lên vai trách nhiệm gương mẫu của người đảng viên. Việc bỏ chồng bây giờ không còn là chuyện riêng tư được nữa. Mà phơi bày ra trước tập thể thì sẽ ra sao đây?

Ngọc đi tìm Tùng, cô báo tin được kết nạp Đảng mà mặt buồn rười rượi:

– Được vào Đảng mà mình lại khổ tâm quá cậu ạ.

– Tại sao vậy Ngọc? – Tùng ân cần hỏi bạn.

– Có lẽ rồi Đảng sẽ thấy kết nạp mình là nhầm, rồi sẽ xóa tên mình thôi! – Ngọc thở dài nặng trĩu ưu phiền.

– Mình cảm thấy Ngọc đang vướng bận một nỗi niềm gì đó. Cậu có thể cho mình biết được không?

Hai người bước chầm chậm bên nhau. Ngọc muốn bạn hiểu mình, nhưng mà biết nói như thế nào đây?

– Tùng ạ, mình nhận được thư của Bạch Tuyết.

– Bạch Tuyết là ai vậy?

– Là người yêu của Thành.

– Cậu ghen à?

– Không. Nhưng mà mình không biết xử sự ra sao đây?

– Thư nói gì vậy?

– Chị ấy bảo là Thành và chị ấy yêu nhau từ lâu, bây giờ họ vẫn yêu nhau và đã có con với nhau. Chị ấy nói là mình cần buông tha anh ấy ra, đừng giam hãm, níu chặt anh ấy trong cảnh sống lạnh lùng...

Tùng đứng dừng lại, anh tròn mắt ngạc nhiên:

– Thật vậy sao? Cậu định thế nào?

– Lúc đầu mình định sẽ bảo với Thành để ly hôn ngay. Nhưng mà bây giờ mình lại mới nhận được quyết định kết nạp Đảng. Chẳng lẽ Đảng viên mà lại bỏ chồng thì còn uy tín gì nữa?

– Thế sao cậu không báo cáo thật với chi ủy chuyện đó?

– Mình mới nhận thư của Bạch Tuyết hôm kia thôi. Vả lại nếu báo cáo với chi ủy thì họ sẽ báo lại cơ quan của Thành. Như vậy thì ảnh hưởng đến uy tín của anh ấy. Có khi anh ấy bị kỷ luật cũng nên. Mình không đành lòng làm hại anh ấy cậu ạ.

– Thật phiền phức quá nhỉ! – Tùng lắc đầu đăm chiêu.

– Bây giờ mình đành im lặng giấu kín chuyện này. Chờ đến lúc Thành về sẽ bàn nhau cách giải quyết.

– Bao giờ ông ta về? Cậu định giải quyết ra sao?

– Độ mấy tháng nữa. Mình sẽ nói thẳng thắn với Thành, không thể sống với nhau bằng giấu giếm vụng trộm như thế được. Thế nào cũng phải chia tay thôi. Có điều là mình lại làm Đảng phải bận tâm về chuyện này đây.

Thanh Tùng buồn bã nói:

– Ngọc ạ! Dù sao cũng phải sống thành thực. Không thể kéo dài cảnh sống giả tạo như vợ chồng cậu mãi được. Dù Đảng sau này có xóa tên, thì cậu sẽ phấn đấu trở lại, còn hơn suốt đời sống đóng kịch như thế.

Ngọc thở dài não ruột:

– Mình cũng nghĩ như thế. Trước hết phải làm người trung thực đã, sau đó mới làm được người đảng viên.

Ngọc đã tốt nghiệp Đại học, cô được giữ lại trường làm cán bộ giảng dạy.

Thành đã học xong khóa học của học viện quân sự Trung Quốc. Anh được phong quân hàm Trung tá.

Thế là cả hai đều thành đạt. Đáng lẽ là những ngày hạnh phúc của hai vợ chồng. Vậy mà Ngọc và Thành đã thỏa thuận ly thân. Đó là phương pháp hợp lý mà Thành đề xuất.

Anh không muốn lộ mối tình thiết tha mà vụng trộm với Bạch Tuyết. Anh không thể cắt đứt tình yêu, mà càng không muốn bị kỷ luật. Sự nghiệp của đời anh đang rạng rỡ. Anh rất sợ mất lòng tin với Đảng thì con đường tiến thân sẽ bị chặt đứt. Bởi yêu đương bất chính đã xấu xa mà lại còn yêu con gia đình tư sản nữa, thì còn gì là tín nhiệm?

Còn Lệ Ngọc, cô rất muốn được giải phóng khỏi sự ràng buộc này, nhưng mà cô không muốn con cô không có bố, hơn nữa nghĩ đến thủ tục ly hôn phải ra tòa án mà hoảng sợ quá!

Họ lẳng lặng để cho nhau sống cuộc đời riêng của mình được tự do.

Cuối năm ấy Nguyễn Thành tình nguyện đi chiến đấu ở chiến trường miền Nam. Anh chạy trốn hai người đàn bà! Đảng thì cần đào tạo anh trở thành người cán bộ lãnh đạo vừa có kiến thức, vừa có kinh nghiệm chiến đấu. Cấp trên chấp nhận đề nghị của anh như một tinh thần cách mạng kiên cường rất đáng biểu dương.

Trong hòa bình, lại có vợ đẹp con khôn mà sẵn sàng hy sinh xả thân cho sự nghiệp thống nhất đất nước. Đó là tấm gương đáng để cho những ai có tư tưởng hòa bình hưởng lạc học tập lắm!

Không một ai biết cuộc tình duyên đã tan vỡ – Trừ Thanh Tùng!

Thời gian trôi đi bình thản và lạnh lùng. Lệ Ngọc sống êm đềm với em gái và con trai. Cô làm việc cần cù và say mê nghiên cứu. Cô vùi mình vào công việc để chạy trốn bản thân mình. Cô không còn quan hệ mật thiết với Thanh Tùng như trước nữa. Anh đã trở về đơn vị ở Hải Phòng. Khoảng cách không gian đó giúp cho họ giữ được mối quan hệ trong sáng lâu bền.

Mặc dù trong những lúc cô đơn không phải là Ngọc không nghĩ đến Tùng. Nhưng mà cô hoảng sợ những xúc động đó. Bởi vì nếu buông thả lòng mình thì tình bạn sẽ tan biến. Mà không có tình bạn thân thiết tri âm, thì làm sao mà sống tốt đẹp được.

Những lo âu, nỗi khổ và cả niềm vui nữa, cần được có người thân thiết chia xẻ, thì mới sáng suốt mà xử sự đúng đắn ở đời được.

Thỉnh thoảng họ viết thư cho nhau để trao đổi những suy nghĩ của mình về cuộc sống. Đối với Ngọc viết thư cho Tùng là sự an ủi lớn cho cuộc sống cô độc của mình.

Thanh Tùng thân mến ơi!

Hôm nay mình báo tin mừng với cậu. Thế là sau ba năm vừa đi dạy vừa nghiên cứu, mình đã được cử làm nghiên cứu sinh trong nước. Hoàn cảnh mình không thể bỏ con ở nhà mà đi nước ngoài được. Bà chuyên gia Nga nhận giúp đỡ mình nghiên cứu trong nước và sẽ sang bảo vệ bên đó vào năm cuối cùng. Thế là tuy vất vả mà về kinh tế có thiệt thòi. Nhưng đổi lại là mình không phải xa con. Cậu biết không, trong đời mình, con trai của mình là lẽ sống cao nhất để mình suy tính mọi hành vi xử sự. Nói thế có vẻ không "cộng sản" lắm, nhưng mà thực lòng là vậy. Vả lại theo mình điều đó là hợp đạo lý phải không? Làm mẹ là nghĩa vụ cao cả!

Tin mừng thứ hai là Bảo Kim đã thi đỗ vào đại học Dược khoa. Mình sung sướng vô cùng. Mẹ mình chắc sẽ thỏa lòng nơi suối vàng, và chắc sẽ tha thứ cho mình về cái tội "bỏ chồng"! Thật ra thì mình rất thanh thản trong việc phải xa cách anh ấy. Không có gì khổ hơn là ràng buộc với người mà mình chán ngán. Vậy mà mình vẫn phải giấu giếm chuyện đó như một tội lỗi vậy. May mà có cậu để trút nỗi niềm tâm sự cho nhẹ nỗi lòng...

Bạn của cậu,
Lệ Ngọc

Tùng cũng thường xuyên viết thư cho Ngọc. Anh vẫn làm giáo viên ở trường Văn hóa quân đội. Nhưng điều vui mừng nhất là anh đã trở thành nhà thơ được nhiều người mến mộ.

Thơ của anh mộc mạc mà tinh tế, vừa mang hương vị dân gian đậm đà, vừa mang tính triết lý sâu xa. Ngọc cắt những bài thơ của

anh đăng rải rác trên báo, dán vào quyển sổ riêng. Những lúc buồn, cô lại mở tập thơ ấy ra đọc, và tìm thấy ở đấy tình người dào dạt, lòng nhân hậu, mà tràn đầy lạc quan! Cô yêu thơ của anh say mê!

Năm tháng lại trôi qua, và tình bạn ngày càng nồng đượm hơn. Nhưng vẫn chỉ là tình bạn mà thôi. Cả hai đều né tránh tình yêu vì trách nhiệm về sự yên ổn của bạn mình!

PHẦN III

1.

Chiến tranh phá hoại đã leo thang đến Hà Nội.

Thời kỳ hòa bình ở miền Bắc đã chấm dứt. Cuộc sống yên ổn mười năm qua đảo lộn. Vậy mà trên nét mặt của mỗi người Hà Nội không thấy vẻ lo âu. Mà lại có một vẻ náo nức mới.

Trong thanh niên bừng bừng khí thế "Ba sẵn sàng!". Đó vừa là lời kêu gọi, mà cũng vừa là lời thề của thanh niên trước Tổ quốc lâm nguy.

Có lẽ nhờ không khí sôi động đó, mà những lo lắng riêng tư chìm đi. Mặc dù trước mắt mỗi gia đình là cả một mớ bộn bề, khó khăn nan giải.

Gia đình Ngọc có ba người thì phải sơ tán làm ba nơi, Bảo Kim theo trường đại học Dược, lên mạn Lục Ngạn, một vùng cách Hà Nội 100 km.

Thằng Đức Hiền (từ khi lên cấp hai, nó không cho ai gọi là cu Tròn nữa) đi sơ tán về Thạch Thất.

Trường sư phạm của Ngọc sơ tán về Yên Mỹ. Nhưng Ngọc được ở lại Hà Nội. Cô phải hướng dẫn ba sinh viên làm luận văn tốt nghiệp.

Như thế là hằng tuần Ngọc phải đạp xe về trường để họp cách Hà Nội 50 km. Rồi đến chủ nhật lại đạp xe lên nơi sơ tán thăm con xa 40 km. Đi đi về về hằng tuần bình quân phải đạp xe khoảng 200 km. Việc chi tiêu gia đình phải san sẻ ba nơi thêm tốn kém.

Nhưng khó khăn nhất là nỗi dằn vặt phải ở xa con. Cậu con trai đang độ tuổi hiếu động, rất cần được sự chăm sóc hướng dẫn, vậy mà phải ở tập thể với bạn bè cùng lớp. Nỗi phiền muộn phải xa con biền biệt, là gánh nặng mà chiến tranh đem đến cho các bà mẹ.

Tuy vậy trong chiến tranh có những mối quan hệ mới khá thú vị. Đó là khoảng cách giữa lãnh đạo và cán bộ được thu hẹp bất ngờ trong những chuyến đi thăm con nơi sơ tán đã tạo được mối đồng cảm của những ông bố, bà mẹ bất kể địa vị cấp bậc nào.

Ngày thứ bảy ấy tại Quốc Oai, Bộ mở cuộc họp sơ kết về việc sinh viên đi phục vụ chiến đấu.

Ngọc được cử đi dự họp, và ở đấy cô gặp Đức Phương. Lúc này anh đã là Thứ trưởng.

Ngọc định họp xong sẽ đạp xe qua Thạch Thất để thăm con, vì chỉ cách nhau khoảng mười lăm cây số mà thôi.

Nhưng cuộc họp kéo dài mãi đến năm giờ chiều. Cô đang lo phải đi một mình trong đêm tối, thì may quá Phương cũng đi thăm con sơ tán ở mạn đó.

Ngọc ngạc nhiên thấy Phương đi xe đạp.

– Anh đi xe đạp ư? Sao anh không đi ôtô?

Phương thấy Ngọc đi cùng đường, anh mừng rỡ:

– Cô cũng đi Thạch Thất à? Thế thì hay quá. Tôi không đi ôtô vào việc riêng cô ạ. Vả lại cũng phải để cho lái xe đi thăm con của cậu ấy nữa chứ.

Ngọc bỗng cảm thấy quý mến người cán bộ lãnh đạo mà cô hằng hâm mộ ấy. Anh thật giản dị làm sao!

Chập choạng tối, trời sẫm lại, gió mạnh quất những hạt nước li ti lạnh. Cái lạnh cuối thu làm cho không khí dịu lại, da mặt sởn lên vì mưa táp vào ngưa ngứa.

Hai người gò lưng đạp xe ngược chiều gió. Con đường nhựa như thăm thẳm mất hút vào bóng mờ của trời chiều.

– Các cháu của anh sơ tán ở đâu?

– Mẹ tôi và các cháu ở Hương Ngải.

– Thế ạ. Thế thì con em cũng ở gần đấy.

Không thể nào đạp nhanh được, cả hai đành đạp thong thả. Gió mỗi lúc một mạnh hơn, mưa bắt đầu nặng hạt. Ngọc bỗng thấy con đường mưa gió này lại đầy thú vị.

Để quên đường dài, hai người nói chuyện linh tinh, họ không còn sự e ngại về cương vị nên nói năng thoải mái.

– Cô Ngọc này, cô là phó tiến sĩ tâm lý, cô nghĩ gì về đặc thù tâm lý thanh niên Việt Nam. Khi bước vào chiến tranh khốc liệt mà lại hồ hởi như đi hội?

– Anh ạ, vẻ hồ hởi là cái bên ngoài. Còn chiều sâu tâm hồn thì ai cũng xót xa vì đau thương mất mát, vì đảo lộn cuộc sống bình yên. Nhưng mà mười năm qua đâu có phải là hòa bình thật sự? Đó chỉ là "khoảng chờ". Nhất định phải có trận ác liệt rồi mới mong sống yên được thật sự. Mà đã là "tất yếu" thì chẳng ai tiếc gì sự bình yên giả tạo cả. Họ đi vào chiến tranh như một sự ngạc nhiên. Thế thôi!

Đức Phương ngạc nhiên vì cách nghĩ sắc cạnh ấy. Anh hỏi:

– Thế cô không cho rằng dân tộc ta có truyền thống anh hùng chống ngoại xâm ư? Họ đi chiến đấu đầy hồ hởi lạc quan.

– Anh đừng nhập hai vấn đề với nhau: "Truyền thống anh hùng chống ngoại xâm" với "thích chiến đấu như đi dự hội" là hai tâm lý khác nhau hoàn toàn.

Phương gật gù im lặng suy ngẫm. Ngọc đang đà hăng say biện luận, cô nói tiếp:

– Người Việt Nam biết hy sinh xả thân vì đất nước, nhưng mà họ không hiếu chiến đến nỗi thích đánh nhau như đi hội đâu. Nói thế, theo em là hạ thấp tầm tư tưởng của thanh niên đấy.

– Cô nói sao? Vậy là công tác tuyên truyền không đúng ư?

– Em không dám đánh giá như vậy. Nhưng mà theo em thanh niên tình nguyện đi chiến đấu vì yêu nước, chứ không phải sự đùa vui do bồng bột của tuổi trẻ. Mà giả thử họ hớn hở đùa vui thì phải giáo dục lại. Không thể nào có sự vững vàng kiên cường chiến đấu

bằng phong trào ào ạt được. Em rất ngại sự cổ vũ ồn ào của công tác giáo dục thanh niên hiện nay. Sự xốc nổi sẽ không bền.

– Cô phân tích hay đấy. Dám lật lại vấn đề để mà suy nghĩ. Nói chuyện với cô tôi thấy mình thông minh ra đấy.

– Anh giễu em đấy à? – Cô nói điều suy ngẫm lâu nay của mình, say sưa quá mà quên mất là đang nói chuyện với cán bộ lãnh đạo cao cấp.

Một trận gió thốc mạnh, giật bay nón Ngọc ném xuống ruộng nước và thổi là là trôi. Cô vội dựng xe vào cây, rồi xắn quần đuổi theo.

Đức Phương tranh thủ bật diêm hút thuốc, đừng chờ Ngọc. Lệ Ngọc cầm được nón về, tóc ướt bết xõa xượi quanh khuôn mặt. Áo quần dính sát vào người. Cô ngượng ngùng cảm thấy hai vai gầy nhô dưới làn áo, có lẽ da dẻ tái nhợt, và chắc là hai mắt càng to thao láo...

Một cảm giác xấu hổ! Sao mà trước mặt anh mà mình lại phơi bày sự xấu xí thảm hại thế này? Cô lẳng lặng đạp xe và bỗng thấy tủi thân. Sắc đẹp tàn phai mà chưa kịp sống cho ra sống!

Trời đổ tối rất nhanh, làn mưa mù mịt. Thỉnh thoảng có ánh đèn pha loang loáng của ôtô đi ngược chiều lóa cả mắt. Rồi khi ôtô vụt qua làm tung tóe những vũng nước, thì xung quanh lại càng đen quánh hơn. Ngọc đạp xe bập bồng như người lòa.

Bỗng tiếng nói trầm ấm của Phương vang lên bên cạnh.

– Cô đi sát vào vệ đường. Cứ đạp thong thả đằng nào cũng đến nơi. Đừng vội vã mà ngã thì khốn!

Giọng nói chân tình như chăm sóc người em gái, khiến lòng Ngọc dịu lại. Cô thấy mình muốn tâm sự với anh:

– Anh ạ. Có một người bạn rất thân của em, anh ấy nói là muốn tìm được tình yêu thì trước hết phải biết yêu bản thân mình đã. Vậy thì ai sống quên mình thì sẽ không bao giờ có tình yêu hay sao?

Đức Phương ngạc nhiên quá. Cô này có những suy nghĩ thật lạ lùng:

– Ừ nhỉ? Có lẽ tay ấy nói có lý đấy. Bởi vì mấy ông thầy tu khước từ bản thân thì không được yêu. Mà các đồng chí hoạt động cách mạng bí mật tự nguyện hy sinh cũng không dám yêu.

Đức Phương nói điều ấy mà liên hệ đến nỗi cô đơn của mình bên người vợ mà anh lấy vì "tinh thần cách mạng cao!" muốn từ bỏ lối sống tiểu tư sản trí thức của mình. Anh cũng không có tình yêu.

– Nhưng mà em thấy chưa hẳn đúng đâu. Ví dụ như em yêu con, thì em sẵn sàng quên mình để sống vì nó.

– Nhưng con cái lại là một phần của mình. Cô yêu nó vì chính là yêu bản thân cô rồi. Thôi! Ta không bàn chuyện đó nữa. Chẳng ích gì!

Đã đến lúc rẽ vào đường đê, đường lầy lội kinh khủng. Ôtô kéo pháo đã quần nát mặt đường, nên lúc này con đường là một dòng bùn nhão. Không thể nào dắt xe nổi nữa. Mưa càng nặng hạt, bùn càng bết chặt vào bánh xe.

Hai anh em phải leo lên con chạch dắt xe đi. Tuy đường hẹp nhưng ráo và có vệ cỏ. Tuy vậy có những quãng trơn tuột, Ngọc ngã lấm bê bết. Vậy mà cô không cảm thấy vất vả bực bội mà còn cười vang lên. Đức Phương mỉm cười, đỡ hộ xe để Ngọc đứng dậy, anh nói:

– Cuộc đời cũng giống con đường này. Vất vả cực nhọc đấy, song vẫn cứ là con đường vui vẻ.

Ngọc chợt rộn lên một tình cảm thiết tha:

– Nhưng nếu phải đi con đường này một mình thì thật là một sự đày ải. Vậy niềm vui là nhờ có bạn đường thân thiết.

– Phải đấy! Niềm vui cuộc sống chính là tình bạn. Mà tình bạn nghĩa là tin cậy, hiểu nhau. Cô cứ nghĩ mà xem, giá đi một mình cũng không đáng sợ bằng phải đi cùng với một tên giảo quyệt phản trắc. Đấy mới thật là cực hình!

Ngọc nhói lên một nỗi đau nhức nhối. Cô đã dìm nỗi đau ấy trong im lặng. Cô không muốn thú nhận sự thất bại trong cuộc tình duyên do tự mình lựa chọn. Vậy mà lúc này cô lại muốn trút mọi nỗi niềm đè nặng mười năm qua. Ngọc thốt lên nghẹn ngào:

– Cuộc đời sao mà khốn khổ. Ôi, nếu có cách gì mà giải thoát được sự ràng buộc ác nghiệt ấy!

Ngọc trào nước mắt, cô chỉ muốn gục đầu vào vai anh mà nức nở cho vơi nhẹ nỗi lòng.

Nhưng mà cả hai người vẫn đứng nguyên dưới trời mưa trên bùn lầy, cách nhau một quãng cách bằng chiều dài của chiếc xe đạp Họ nhìn nhau, chỉ mấy giây thôi mà là một cuộc thử thách gay gắt.

Một giọng trầm đục nghe như từ xa vẳng lại:

– Đừng! Đừng bới đống rác của cuộc sống riêng tư ra mà làm gì! Nói rồi Đức Phương lẳng lặng dắt xe đi trước, Ngọc lẽo đẽo theo sau. Họ im lặng đi bên nhau trong đêm tối.

Ánh sáng của tình yêu lôi kéo, và sự níu giữ của ý thức trách nhiệm, đã ngăn hai người không vượt qua ranh giới mỏng manh của tình bạn và tình yêu. Đi được một quãng dài đến đoạn rẽ xuống cánh đồng, Phương nói, giọng bình thản trở lại:

– Bây giờ còn phải vượt hai cánh đồng nữa mới đến Hương Ngải. Có lẽ ta phải gửi xe đạp lại đây để đi bộ thôi. Không thể nào đạp xe trên đường đồng đêm tối thế này được. Đàng nào mai ta cũng phải trở lại đây để đi về cơ mà! Tôi có nhà quen gần đây. Cô chờ tôi một lát ở ngoài này nhé.

Ngọc đứng im thin thít, chỉ sợ động khẽ, chó mà xồ ra thì không biết chạy đằng nào. Ngọc vốn sợ chó.

– Ngọc ơi, đem xe vào đây – Tiếng Phương gọi từ trong nhà.

Ngọc dắt xe vào, lễ phép chào bác chủ nhà. Đó là một người đàn ông trạc năm mươi, tóc hoa râm, nét mặt chất phác vui vẻ.

– Anh chị hôm nay sao về khuya thế?

Phương nói lảng:

– Hôm nay họp muộn quá, ra đi lại gặp trời mưa nên bây giờ mới lóp ngóp đến đây. Bác cho chúng tôi gửi hai cái xe đạp lại đây. Mai chúng tôi về qua sẽ xin lại.

– Được, được. Anh chị cứ yên tâm. Anh cầm cái đèn bão này mà soi đường kẻo tối quá.

Hai người cảm ơn rồi đi ra cổng. Nhưng trời đã quang, vầng trăng đã nhô lên sau lũy tre. Phương trả lại đèn cho ông chủ.

Cánh đồng mờ mờ nổi rõ con đường liên xã. Đất cát pha nên sạch sẽ dễ đi. Tự nhiên cả hai đều cảm thấy sảng khoái hít thở không khí trong lành.

Ngọc vui vẻ thốt lên:

– Nông dân ta tốt quá. Họ đối xử với khách qua đường mà cứ như người thân quen anh nhỉ!

– Dân ta đáng yêu như thế đấy. Suốt chín năm chống Pháp, chúng tôi sống trong lòng dân mà chiến đấu. Dân coi cán bộ, bộ đội như người nhà.

Ngọc rụt rè hỏi:

– Anh lấy vợ nông thôn là do tình cảm như thế phải không?

– Hồi đó tôi ở trong nhà ông cụ thân sinh ra cô ấy. Đó là một ông lão nông dân có học, tốt vô cùng. Cô ấy giúp cho cơ quan tôi việc cơm nước...

Phương dừng lại hút thuốc rồi nói sang chuyện khác.

– Mà dân thành thị của chúng ta cũng tuyệt vời lắm chứ. Cô nghĩ mà xem, người mẹ xa con là đau khổ lắm. Thế mà có lệnh sơ tán, là lập tức mọi người đưa con đi ngay. Mà mẹ vẫn ở lại sản xuất, vẫn hăng hái tin tưởng.

– Hình như trong chiến tranh mọi người trở nên tốt hơn!

– Cô thấy chưa, khi nhìn rộng ra một chút thì thấy bao nhiêu điều tốt đẹp. Vì vậy ta cần phóng tầm mắt nhìn vào bầu trời xanh, đừng cúi nhìn xuống vũng bùn dưới chân. Cứ đạp qua nỗi đau riêng tư mà bước. Cuộc sống rộng lớn chứ đâu chỉ là vũng bùn không may mà ta trót dấm vào?

Ngọc có cảm giác như Phương đang tự nói với mình. Anh đang tìm cách để giữ vững tâm hồn đang lung linh muốn bay vụt khỏi mặt đất!

Hai người đi bên nhau trên cánh đồng bát ngát, không gian yên tĩnh, không khí trong lành, và họ cảm thấy lòng mình trong sạch.

Họ hài lòng thấy mình đã vượt qua được những điều mơ hồ ẩn hiện trong tâm hồn, cũng như đã vượt qua chặng đường lầy lội. Bây giờ bầu trời trong trẻo, ánh trăng vằng vặc. Cánh đồng mênh mông lúa một màu vàng mơ. Hai bóng người đổ dài trên đường. Họ im lặng bước đi, nhưng họ đã bắt đầu hiểu nhau. Họ đang nghĩ về

nhau với niềm vui trong sáng, họ mong sẽ là bạn của nhau trong chặng đường dài sắp tới.

Đêm khuya lắm họ mới vào đến làng Hương Ngải. Một cái làng xinh xinh sạch sẽ. Con đường lát gạch tăm tắp. Những ngôi nhà ngói nấp sau những dãy đường gạch. Quang cảnh của một làng trù phú. Tất cả đều im lìm mơ màng dưới bóng sẫm của vườn cây um tùm.

Đến một cổng gạch tò vò. Hai cánh cửa gỗ khép kín Phương gọi:

– Mẹ ơi mẹ! Mở cửa cho chúng con.

Ngọc cảm thấy rộn ràng niềm hân hoan như thời thơ ấu, được sống êm đềm trong tình thương yêu của mẹ. Bà cụ lập cập cầm đèn ra, tháo chốt cửa và mừng rỡ:

– Khổ! Hai anh em lăn lội từ lúc nào mà bây giờ mới đến đây?

Phương cười như cậu bé học trò:

– Chúng con cùng họp ở Quốc Oai, mãi gần tối mới tan. Mẹ ơi con đói lắm, có gì ăn không hả mẹ?

– Còn cơm từ chiều, hãy còn dẻo lắm. Có cá bống kho tiêu, và dưa chua. Hai anh em ra giếng rửa mặt mũi chân tay rồi vào ăn.

Hai người ra giếng kéo nước dội ì oạp. Nước mát lạnh, gột rửa hết bùn lấm. Thay được quần áo khô ráo. Một cảm giác thoải mái, vui sướng choáng ngợp. Cả hai nhìn nhau cười, bốn mắt long lanh đầy ánh trăng ngời sáng.

Hai người ngồi ăn cơm ngay trên thềm nhà, bà mẹ ngồi cạnh nhai trầu, nhìn cả hai đói ngấu vét sạch đáy nồi. Một nét vui dịu dàng âu yếm bừng lên trên khuôn mặt phúc hậu. Bà mẹ thấu hiểu niềm hạnh phúc của con trai trong những giờ phút hiếm hoi này.

Ngọc háo hức như được về với mẹ ngày nào. Nồi cá kho tiêu, con cá bống đỏ au, thịt chắc dẻo đúng như mạ ngày xưa vẫn kho. Đĩa dưa cải thơm mùi hành, vàng ươm, vừa dòn vừa chua chua.

Đã từ lâu lắm, bây giờ Ngọc mới lại được ăn một bữa cơm đơn sơ mà ngon miệng như vậy.

Ăn xong, ba mẹ con ngồi nói chuyện trên bậc thềm, trăng muộn trải ánh xanh xanh trên vuông sân gạch. Vài chú gà đâu đó tưởng sáng cất tiếng gáy vang.

Ngọc cảm thấy một tình cảm gắn bó ruột thịt. Cuộc sống như chợt lóe lên cái hạnh phúc diệu kỳ, mà bấy lâu nay cô vừa khao khát, vừa không thể hình dung nổi nó như thế nào.

Tối ấy Ngọc ngủ với bà mẹ. Còn Phương ghé lưng trên tấm phản, ở đó hai đứa con gái anh đang thở nhẹ đều đều giấc ngủ say của con trẻ.

Ngọc quờ tay ôm mẹ. Bà mẹ lần tay sờ chân tóc Ngọc, thói quen bắt chấy cho con gái.

Bà âu yếm nói:

– Giá con là con gái của mẹ nhỉ!

Bà mẹ nghĩ về đứa con gái đã mất trong chiến tranh năm xưa. Còn Ngọc nhớ về người mẹ của mình. Ngọc chìm vào giấc ngủ say êm đềm của đứa con được về với mẹ!

Sáng hôm sau, khi Ngọc bừng tỉnh thì mặt trời đã lên quá ngọn cau. Bà mẹ đã thổi xong cơm. Ngọc ngượng ngùng gấp vội chăn màn.

Bà mẹ nói:

– Nhìn con ngủ ngon quá, bác không đành lòng thức con dậy.

Thu Quyên con gái lớn của Đức Phương đến bên Ngọc rủ:

– Cô cháu mình ra giếng tắm đi. Nước giếng ấm lắm.

Tất cả đều thân thiết xiết bao. Một niềm vui sướng vô ngần tràn ngập tâm hồn Ngọc!

Ở giếng Đức Phương đang cởi trần, dội nước lên vai, đỏ ửng vì lạnh và thú vị.

Quyên bảo với bố:

– Thôi bố vào nhà đi. Con cần tâm sự riêng với cô Ngọc. Nước còn ròng ròng trên cổ, Phương vừa đi vừa đùa:

– Gớm, cô cháu mày có gì mà bí mật thế!

Quyên đến bên Ngọc nói nhỏ:

– Cháu bị hành kinh mà không biết cài khăn như thế nào.

Ngọc nhìn cô bé mười ba tuổi, xinh xắn, hai mắt tròn vừa sợ hãi vừa vui mừng thì thào vẻ quan trọng.

Ngọc hỏi rất ân cần:

– Cháu có xô màn chưa?

– Mẹ cháu đã sắp sẵn cho cháu từ trước. Cơ mà cháu đóng vào, nó lại rơi ra.

Cả hai cô cháu cười rúc rích mãi trong nhà tắm.

Cả nhà quây quần ăn cơm trên chiếu trải ở hàng hiên. Phương vừa ăn vừa kể chuyện đùa rất hóm hỉnh. Cả nhà lăn ra cười ngặt nghẽo. Vừa lúc đó chị Thanh, vợ anh Phương, vừa đạp xe lên đến nơi.

Ngọc như chợt tỉnh giấc mơ. Một cảm giác sững sờ như đột nhiên bị ném qua cửa sổ, và bỗng trở thành "vô gia đình".

Chị Thanh dáng người đậm, nhưng trắng trẻo. Nét mặt thô, mà phúc hậu. Chị cười đon đả:

– Cô Ngọc đấy à! Cô mới đến lúc nào thế? Gớm! Lũ trẻ nhà tôi sao mà nó lại quấn cô thế! Suốt ngày chỉ nhắc đến cô thôi.

Ngọc bứt rứt ân hận. Cảm thấy hình như mình đã phụ lòng nhân hậu của người đàn bà ấy. Chị ấy và Ngọc quen nhau trong những buổi đi họp phụ huynh hồi chưa sơ tán. Lũ trẻ con nhà chị ấy thích đến nhà Ngọc để đọc truyện. Thằng cu Hiền và Thu Quyên học cùng một lớp nên hay mượn sách vở của nhau. Tình thân của hai gia đình là như thế.

Chị Thanh đèo cồng kềnh trên xe nào gạo, nào nước mắm, lại một cặp lồng thịt.

Phương vội vã buông đũa bát chạy ra đỡ xe cho vợ. Ngọc nhìn cảnh đó mà lòng ngẩn ngơ ghen tị về hạnh phúc gia đình.

Chị Thanh cằn nhằn chồng:

– Đã bảo là phiếu củi để sẵn đấy, xếp hàng mua hộ người ta kẻo hết hạn. Vậy mà chẳng hề lo lắng gì cả.

Giọng Phương nhẫn nại, anh đáp lại câu nói trống không của vợ:

– Anh bận họp liên miên, mua vào lúc nào được? – Ngọc nhói lên một nỗi đau thầm lặng. Tiếng xưng "Anh" đầy vẻ nhún nhường,

mang vẻ cam chịu. Một anh chồng đang xăng xái nhấc bao gạo xuống, vốc một nắm xem xét như một bà nội trợ kỹ tính. Thận trọng cầm chai nước mắm như một báu vật soi lên mặt trời xem trong đục ra sao. Rồi anh quát bảo con gái:

– Này mang thịt thái ra mà kho, không thì ôi đấy.

Chị Thanh ngồi lên bậu cửa, hai chân doãng ra, tay cầm nón quạt thốc quạt tháo. Mặt đỏ phừng phừng vì nóng nực buổi nắng lên.

Ôi! Con người lý tưởng của Ngọc đêm qua biến tan đâu mất rồi? Vẻ đẹp lồng lộng của một tâm hồn phong phú, của một trí tuệ sắc sảo ở đâu rồi?

Giờ đây trước mắt Ngọc là một ông chồng tầm thường với đầy đủ vẻ thực dụng thường tình.

Giấc mộng "gia đình" ấm cúng đã tan dưới ánh sáng chói chang của mặt trời.

Ngọc cảm thấy mình là người thừa trong gia đình người ta. Cô chuẩn bị đi sang nơi con sơ tán.

– Em xin phép bác và anh chị, em về nơi con em, kẻo quá trưa rồi.

Phương chợt ngẩng đầu lên nhìn Ngọc. Anh bối rối như vừa đánh rơi mất vật gì:

– Cô chờ tôi cùng đi với. Tôi ra lấy xe đạp luôn thể.

Ngọc từ chối:

– Dạ, em xin phép đi trước, kẻo muộn quá cháu mong. Ngọc vội vã đi ra như kẻ chạy trốn.

Cô mải miết bước trên con đường xuyên cánh đồng, mà giờ đây dưới ánh nắng sáng lòa, tất cả vẻ đẹp huyền ảo của đêm trước không còn nữa. Đó đây những đoạn đường sứt lở, những bãi đất lô nhô, những nấm mộ hoang phủ cỏ may lơ thơ úa vàng. Trâu bò uể oải gặm cỏ, dẫm đạp vô tình trên dấu tích của những con người bị quên lãng.

Cảnh lao động thủ công nặng nhọc. Từng đám người xúm xít trên những mảnh ruộng, họ gặt lúa. Cánh đồng nham nhở, vạt đã

cắt trụi trơ gốc rạ, vạt hãy còn xanh. Một vài thửa đã cày lật. Con trâu ì ạch kéo cày dưới tiếng quát rủa hằn học của bác thợ cày.

Dưới mắt Ngọc lúc này cảnh vật thật buồn tẻ nặng nề. Cô bỗng cảm thấy mệt mỏi vô cùng. Cô ngồi xuống gốc đá ven đường. Mắt nhìn trân trân cảnh vật mà chẳng thấy gì. Bâng khuâng cô quờ tay bứt một nhành cây dại, rồi vò nát. Một hương thơm dìu dịu tỏa ra. Mùi ngải cứu. Thứ lá mà mẹ Ngọc ngày xưa hay uống. Còn Ngọc chỉ thích hương thơm của nó mà không sao nhấp được một ngụm nào vì rất đắng. Mẹ đã bảo với Ngọc "thuốc đắng dã tật con ạ".

Ngọc chợt nghĩ, sự thật cay đắng vừa qua là một vị thuốc đã thức tỉnh cô. Cuộc đời này có hương thơm và có cay đắng, cả hai thứ đều cần cho mỗi người để mà sống tỉnh táo ở đời.

Ngọc chợt nhớ đến cái làng mà cô vừa cư trú lại đêm qua: Hương Ngải.

2.

Ngọc nhận được bức thư từ một bệnh viện quân y gửi đến. Cô vội vàng bóc thư, nét chữ con gái.

O Ngọc thân mến ơi,

Lúc này đây tôi đang nằm bất động, thoi thóp chờ chết. Tôi nhờ o Lan y tá viết thư hộ. Tôi đọc cho o ấy chép. Đã mấy ngày nay tôi cứ nghĩ mãi về o. Hồi tôi học xong bổ túc văn hóa, định đi tìm o, thì khi đến nhà ông San đã được tin o lấy chồng, đã có con. Mà nghe nói o sống không hạnh phúc. Tôi thật như người mất hồn đến mấy tháng ròng. Sau đó tôi được đi chiến trường. Qua bao nhiêu lửa đạn, thương tích mà tôi vẫn vượt qua được. Vậy mà vừa rồi tôi về phép thăm lại quê hương thì bị tai nạn. Khi tôi về đến làng thì đúng lúc giặc ném bom na pan vào xóm của mình. Lửa cháy rừng rực mà lúc đó bà con còn ở ngoài đồng cả chỉ có trẻ con ở nhà. Những đứa lớn thì chạy kịp, còn trẻ nhỏ thì mắc lại trong nhà. Tôi đã xông vào cứu thoát được mấy đứa trẻ. Nhưng cuối cùng tôi bị dính lửa, và bị bỏng nặng. Tôi biết mình bây giờ vẫn còn tỉnh táo, nhưng chỉ ngày mai là sẽ chết thôi. Tôi bị bỏng 60% cơ thể, lại bỏng độ sâu bốn. O Ngọc ơi, tôi sống không có cha mẹ, chết không có vợ

con. Nhưng tôi chẳng ân hận gì, bởi vì tôi đã sống xứng đáng là một con người. Suốt đời tôi chỉ làm việc tốt cho mọi người thôi.

Tôi thương o quá, suốt đời tôi chỉ thương mỗi mình o thôi. Lúc nào tôi cũng cầu mong cho o được sung sướng. Vậy mà sao cuộc đời lại khổ thế?

Tôi biết mình chẳng thể đem được hạnh phúc đến cho o, nhưng giá mà tôi có thể làm được một điều gì đó để đỡ bớt những nỗi khổ của o thì tôi sẽ sung sướng lắm.

Bây giờ thì hết rồi, cuộc sống chỉ còn tính từng giờ. Giá mà lúc này trời đất run rủi làm sao cho o đi qua đây ghé thăm tôi một chút. Chết mà được nhìn thấy o là tôi mãn nguyện mà nhắm mắt được.

Bức thư bỏ dở không có chữ ký. Kèm theo thư là một tờ giấy nhỏ, cùng một nét chữ viết như vậy.

Kính gửi chị Ngọc.

Em vừa viết thư hộ anh Nguyễn Văn Khoai mà em vừa khóc. Sao lại có một con người điềm đạm mà dũng cảm đến thế được! Không hề có một tiếng kêu rên nào. Chị ơi, anh ấy đã xông vào lửa cứu được ba em bé khỏi chết. Các em ấy chỉ bỏng tí chút, nên đã được cứu sống cả. Còn anh Khoai thì nặng quá không sao cứu được. Bệnh viện thời chiến lại thiếu thốn mọi bề. Cả ngày anh ấy cứ nằm nhìn ra cửa để hy vọng chị sẽ đến. Nhưng mà em biết là chiến tranh thì đang thời kỳ khốc liệt. Vùng khu bốn này lại là túi đựng bom, chị chẳng dễ gì mà đi từ Hà Nội vào đến đây được. Chị đâu có biết anh ấy lại bị thương thảm thê như thế này mà đến thăm được? Nhìn anh ấy mong chị, em thương quá.

Bây giờ anh ấy đã hôn mê rồi. Sức chịu đựng của anh ấy rất khỏe, nên mới sống được ba ngày, và mới tỉnh táo để đọc thư cho em viết cho chị.

Gia đình anh ấy chẳng có ai, nên bệnh viện sẽ làm lễ an táng cho anh ấy. Đồ đạc của anh ấy em sẽ gửi về quê. Em sẽ thắp hương cho anh ấy đủ bốn mươi chín ngày để linh hồn anh được siêu thoát.

Em nói điều này chị đừng cười em, giá nếu mà anh ấy được sống thì dù tàn tật em cũng sẽ yêu anh ấy suốt đời. Trên đời này những con người tốt như vậy không nhiều đâu chị ạ.

Em kính chúc chị khỏe và công tác tiến bộ.

Em
Phạm Thị Thu Lan

Lệ Ngọc ngồi sững sờ, bàng hoàng tê tái. Cô bật khóc, đến lúc này cô mới thấy mất anh là mất một người thân thiết của đời mình. Cô vô tâm sống bên cạnh một tấm lòng vàng, cô dửng dưng trước tình cảm nồng hậu kín đáo của anh. Cô đã thật tàn tệ, không trả lời thư của anh. Đành rằng cuộc sống của cô có khó khăn, nhưng mà nỗi khổ của cô, so sánh sao bằng cuộc đời cực nhọc của anh?

Một con người sống trong sự quan tâm chăm sóc của quá nhiều người quanh mình. Bao giờ cũng là kẻ vô tình bạc bẽo. Không biết trân trọng những gì quý giá mà cuộc đời đã ưu đãi. Ngọc nghĩ như vậy và ân hận vô cùng. Cô muốn lao ngay về bên mộ anh, mà cầu khấn xin anh tha lỗi cho một đứa con gái vô tình. Nhưng mà cô vẫn ngồi nguyên tại chỗ mà khóc não nề, đau xót không thể nguôi quên. Cô đến bên bàn thờ mẹ, lập thêm một bát hương nữa. Cô thắp hương cho anh, thờ một người anh của mình.

Bom đạn chiến tranh dội xuống ngày càng khốc liệt. Nhưng tai họa rơi vào mỗi nhà một cách khác nhau.

Đức Phương đang trên đà công tác đầy tín nhiệm thì một sự việc bất ngờ xảy đến.

Khi anh đang chỉ đạo một đoàn công tác ở vùng Quảng Bình, vì cần phải khẩn trương đến địa điểm cho kịp thời gian, anh đã cho xe đi ban ngày. Máy bay ập đến oanh tạc. Một xe trúng rốc-két, hai cán bộ thiệt mạng. Trách nhiệm thuộc về trưởng đoàn công tác.

Sau một thời gian kiểm điểm, chi bộ và cơ quan đề nghị kỷ luật cảnh cáo. Nhưng ban kiểm tra trung ương thấy cần đề cao ý thức trách nhiệm cán bộ nên đã kỷ luật cách chức thứ trưởng, và lưu đảng sáu tháng.

Đức Phương nhận quyết định kỷ luật, anh bàng hoàng như sét đánh trúng đỉnh đầu. Anh không ngờ kỷ luật lại nặng đến như vậy. Bởi vì theo anh thì đó chỉ là sự rủi ro bất chợt, chứ đâu phải lỗi của anh?

Anh thất thểu bước vào nhà nằm vật xuống giường, nước mắt trào chan hòa, anh nghiến răng ghìm tiếng nức nở.

Bà mẹ bước vào đến bên con trai:

– Mệt ư con?

Phương đưa tờ quyết định cho mẹ, mắt vẫn nhắm nghiền. Bà mẹ sững sờ đọc tờ giấy nghiệt ngã ấy. Bà đi khỏi phòng lén chùi hai giọt nước mắt lăn dài trên đôi má nhăn nheo. Bà ngồi lặng đi bên bàn... Bà cũng có một thời bị Đảng xóa tên, thời cải cách ruộng đất, gia đình bị qui oan là địa chủ. Lúc ấy bà đang là hội trưởng phụ nữ huyện. Bà đau đớn uất ức định treo cổ tự tử. Nếu không vì nghĩ đến mấy đứa con còn thơ dại, thì có lẽ bà không đủ sức chịu đựng những buổi đấu tố nhục nhã oan ức. Bà ngồi trân trân nhìn những người đã từng thân thuộc, gần gũi, xỉa xói bà, họ gào thét căm hờn. Mà bà thì chưa hề gây điều ác với ai bao giờ cả. Ngồi ở ghế khổ chủ, bà vừa tụng kinh niệm Phật cứu khổ cứu nạn chúng sinh, vừa thầm khấn Bác Hồ sáng láng nhân từ thấu hiểu cho nỗi oan của bà. Trong cùng cực người ta thường bấu víu bất cứ niềm tin nào để cố mà níu giữ lấy sự sống. Và rồi Đảng đã nhận ra sai lầm và đã sửa sai. Lời Bác Hồ xin lỗi nhân dân đã làm bà òa khóc. Nỗi oan trái tan ngay như nước đá gặp hơi nóng. Bà lại được phục hồi đảng tịch. Và sau này tất cả sáu người con của bà đều là đảng viên cả.

Bây giờ con trai bà đang phải trải qua thử thách nặng nề này, làm sao giúp con mình vượt qua?

Bà lau khô nước mắt, trấn tĩnh nỗi xúc động. Bà đi vào phòng con trai ngồi xuống bên cạnh.

Đức Phương ngồi bật dậy uất ức kêu lên:

– Thật bất công, con chẳng tội tình gì sao lại kỷ luật con? Tại sao hôm đó bom lại không ném trúng tôi? Chẳng thà chết đi còn sướng hơn nỗi nhục này!

Bà mẹ thở dài rồi nói:

– Con nghĩ lại mà xem. Để cho đồng chí bạn bè chết một cách không cần thiết là đúng hay sai? Làm lãnh đạo mà chủ quan để gây tổn thất là có tội chứ?

Phương tức giận cực độ:

– Nhưng mà lệnh trên bắt phải đến đúng giờ. Sao không kỷ luật người ra lệnh?

– Phải đến đúng giờ là kỷ luật của thời chiến. Còn đi đứng ra sao là trách nhiệm của con chứ? Nếu con muốn chứng minh năng lực của con thì phải vượt qua lúc này mà làm việc tốt hơn. Chết thì dễ quá nhưng mà hèn! Mẹ không muốn có thằng con hèn đâu.

Đức Phương nghe giọng nói thiết tha của mẹ, anh như trùng xuống, cúi đầu im lặng. Bà mẹ đứng lên nói:

– Con bị kỷ luật mẹ đau lòng quá, mà chắc Đảng cũng sẽ đau lòng!

Bà ôm đầu Đức Phương vào lòng mà vỗ về như hồi anh còn bé, Đức Phương bật lên nức nở, nhưng mà sự phẫn uất đã tiêu tan.

Tối hôm đó Đức Phương đi lang thang ngoài đường anh tránh nói chuyện với vợ. Vợ anh làm sao hiểu nổi những đau khổ của anh? Bà ấy quen nghĩ anh với danh vọng là một, mất chức tước có nghĩa anh không còn là anh nữa!

Tự nhiên anh thấy mình đứng trước nhà Lệ Ngọc. Cô đang ngồi đọc sách bên bàn, chợt ngẩng lên bắt gặp Phương đứng sững trước của, mặt tái xanh, hai mắt thất thần, dáng mỏi mệt. Ngọc xúc động lặng người. Đã từ lâu lắm cô tìm cách tránh gặp Phương. Từ hôm ở Hương Ngải về, cô ở trong một tâm trạng đầy mâu thuẫn. Cô cảm thấy mình hiểu anh và yêu anh tha thiết. Đồng thời lại thấy tình yêu ấy là tội lỗi. Cô tìm cách quên anh đi, nhưng mà tình yêu càng nén, lại càng nồng cháy. Lòng cô thiêu đốt vì mong chờ, và rắn đanh lại vì kiềm chế.

Cô bối rối, đứng dậy kéo ghế mời anh ngồi. Phương ngồi phịch xuống ghế, chìa cho Ngọc xem tờ quyết định kỷ luật.

Ngọc đọc tờ quyết định, và run rẩy cắn môi để kìm tiếng khóc.

– Sao lại bất công thế này?

Phương thở dài:

– Kỷ luật nặng không làm tôi khổ tâm bằng thái độ của anh em bạn bè. Nhiều người trước đây lúc nào cũng thân thiết, vậy mà vừa nghe công bố kỷ luật là lập tức họ không thèm chào hỏi mình nữa.

– Không phải đâu anh ạ. Họ im lặng để tôn trọng nỗi đau khổ của anh đấy – Ngọc tìm cách xoa dịu nỗi đau của anh.

– Thế là hết! Sự nghiệp tàn lụi trong phút chốc.

– Anh ơi, đừng nghĩ thế không đúng đâu. Chức vụ thì khi lên khi xuống. Còn trí tuệ mình thì chẳng ai có thể lấy mất được. Trừ khi chính bản thân mình hủy hoại nó.

– Cô đừng động viên tôi như thế. Tôi tự biết mình lắm, trí tuệ tôi chỉ phát huy được khi có cương vị để sử dụng nó. Tôi không phải nhà khoa học, không phải nhà văn, mà là cán bộ lãnh đạo. Mất chỗ đứng là mất khả năng làm việc.

– Em nói anh đừng giận nhé. Dân trí thức chúng em chẳng tôn trọng chức vụ đâu, mà chỉ tôn trọng năng lực. Bởi vậy khi anh nói chuyện mà chúng em hâm mộ, đâu có phải vì anh là thứ trưởng? Mà chính là do tư duy sâu sắc của anh mà thôi.

– Cám ơn cô đã nói rất chân tình.

– Anh ơi, con người chỉ thể hiện phẩm chất của mình khi gặp gian truân. Còn trong thuận lợi thì ai mà chẳng tốt đẹp được? – Ngọc nói giọng thiết tha.

– Có lẽ! – Đức Phương trầm ngâm suy nghĩ.

– Trọng lượng của con người là ở thân thể cường tráng chứ đâu phải nhờ tấm áo dạ nặng chịch khoác lên mình nó? Ngọc nói tiếp tục giọng sôi nổi.

– Ngọc ơi, nhưng mà sắp tới tôi sẽ công tác ra sao đây? Làm việc như thế nào khi mà chẳng có việc gì cụ thể giao cho tôi cả?

Lệ Ngọc bỗng cảm thấy thương Đức Phương vô hạn:

– Anh đi hẳn vào nghiên cứu khoa học. Anh có trình độ học vấn, lại thạo mấy ngoại ngữ. Anh nên xin Bộ trưởng nhận chủ trì đề tài mà Bộ định giao cho trường em: "Tâm lý sinh viên và sự hình

thành lý tưởng". Em sẽ huy động khoa em hợp tác với anh, làm điều tra và sưu tầm tài liệu cho anh.

Phương rạng rỡ, mắt sáng lên. Niềm vui đến với anh, khi anh tìm ra chỗ đứng của mình để làm việc, anh nắm lấy tay Ngọc thì thào:

– Em sẽ giúp anh làm việc chứ?

Bất giác cả hai ôm choàng lấy nhau. Ngọc gục đầu vào vai anh, nước mắt trào ra, cô nghẹn ngào:

– Em yêu anh vô cùng, lúc này em càng yêu anh hơn lúc nào hết! Em sẽ làm tất cả những gì mà anh cần.

Phương ôm xiết Ngọc mà hôn say đắm. Cả đời anh sống đến bốn mươi tuổi, mà đây là lần đầu anh hôn bằng sự xúc động của tình yêu.

Tình cảm kìm nén bấy lâu, bây giờ bùng cháy trong giờ phút tai họa giáng xuống. Hình như đến lúc này họ mới cảm thấy cần có nhau để mà sống!

Nhưng khi buông nhau ra, cả hai đều giật mình vì sự buông thả đường đột của mình. Ngọc lẩm bẩm:

– Thế này có là vi phạm đạo đức không nhỉ?

Đức Phương chợt tỉnh, ngây mặt hoảng hốt:

– Không thể thế này được em ạ. Chúng ta chỉ có thể bạn thân thôi. Đảng sẽ không tha thứ cho tội quan hệ nam nữ bất chính đâu.

Ngọc nghẹn ngào vì lo sợ:

– Anh lại đang bị kỷ luật. Có thể vì chuyện này mà họ khai trừ anh mất. Em xin lỗi anh, em bồng bột quá.

– Ngọc ơi, thật khổ cho chúng mình quá! Đành phải nén lại thôi. Cuộc đời chúng ta dang dở, mà anh thì sự nghiệp đổ nát. Nếu để cho mọi người chê trách về đạo đức, con cái khinh thường thì sống sao nổi?

– Vâng!

Hai người nín lặng nhìn nhau, Ngọc bíu chặt lấy thành ghế để không đứng bật dậy lao tới mà ôm anh:

– Làm thế nào bây giờ? Em không thể tiếp tục sống mà không được yêu anh!

– Em! Chúng ta sẽ mãi mãi là bạn của nhau, là người cộng tác đắc lực trong công việc. Nhưng ta phải kìm nén lại để đừng bột phát như lúc này. Cố gắng em nhé! Có như vậy mới được gần nhau lâu dài.

– Vâng, vâng. Em sẽ không bao giờ như thế nữa. Vì anh, em sẽ giữ được.

– Em phải ngăn giữ anh nữa. Em phải kiên quyết với anh. Bởi anh biết mình không đủ sức tự kiềm chế đâu.

– Anh đừng đến nhà em nữa. Chúng ta chỉ làm việc ở phòng làm việc thôi.

– Được!

Phương thở dài rồi nặng nề đứng dậy. Ngọc tiễn anh ra cửa. Hai người bắt tay nhau. Họ không thể buông tay nhau ra được. Cái xiết tay đau đớn không thể dứt, họ nhìn đắm đuối như hút vào nhau, và rồi Phương giật vội tay ra, quay ngoắt đi vội vã như trốn chạy.

Ngọc đứng sững sờ như tượng, hai dòng nước mắt cứ tuôn trào ướt đẫm hai má. Cô ghìm tiếng nức nở: "Sao tôi lại khổ thế này! Anh ơi, sao tình yêu lại khốn khổ đến thế này được?". Nỗi đau khổ thoát ra thành tiếng thở dài não nề trong đêm tối.

3.

Suốt cả tuần lễ trời mưa như trút. Tưởng chừng như bầu trời là một bọc nước xám đục khổng lồ. Thỉnh thoảng ánh nắng chọt lóe lên những tia sáng vàng vọt ẩm ướt xuyên thủng bầu trời, và lập tức tắt ngấm, rồi mưa lại ào ào tuôn xuống sầm sập như bọc nước vỡ toang ra. Nước sông Hồng dâng lên không thèm đếm xỉa gì đến nỗi lo lắng đến tuyệt vọng của mọi người. Dòng nước đỏ ngầu cuồn cuộn, hung dữ, tàn bạo cuốn phăng tất cả những gì trong luồng chảy của nó.

Lụt lớn! Năm tỉnh đồng bằng sông Hồng bị dòng nước quái ác tràn qua phá phách tan hoang, ruộng đồng nhà cửa. Con người trở nên nhỏ nhoi, bèo bọt, bất lực trước thiên nhiên. Họ bâu bám trên vì kèo, trên ngọn cây, họ tụ lại trên các gò đất cao, trên nóc lô cốt, để níu giữ lấy sự sống.

Tàu, xuồng, bè, mảng được huy động tất cả để đón, vớt người bị nạn.

Thế mà nước vừa rút, cuộc sống đã sôi động trở lại. Sinh viên được huy động về các vùng bị lụt để cùng dân khắc phục hậu quả như làm mạ sân để cấy lại, cứu chữa đàn gia súc, tiêm phòng dịch, nạo vét sát trùng giếng, làm lại nhà cửa... Toàn dân hợp sức để mà vượt qua cảnh thiên tai trong lúc địch họa vẫn tiếp tục tàn phá. Lệ Ngọc được cử đi Đông Anh cùng với một nhóm sinh viên. Đức Phương cũng đi cùng.

Đường xa chỉ hơn ba mươi cây số, nhưng đường sá đoạn bị sứt lở, đoạn bị ngập, vì vậy có quãng phải leo lên đường tàu hỏa để đi. Mọi người phải vác xe đạp, bước theo khoảng cách các tà vẹt. Ngọc càng vất vả vì sải chân không dài như đàn ông. Phương bảo:

– Cô vác xe nam của tôi, có thanh ngang dễ hơn. Nói rồi anh lấy xe của Ngọc lật chổng bánh lên trời, vác ngược và phăm phăm đi trước. Ngọc nhấc xe của anh, ngạc nhiên vì xe terling rất nhẹ, trọng lượng chỉ bằng nửa xe Thống Nhất của Ngọc mà thôi.

Cô đi sau, nhìn lưng áo anh ướt đẫm, hai ống chân gầy gầy, chiếc mũ cát rụng mất chỏm. Tự nhiên cô thấy thương anh vô cùng. Trước đây bao giờ đi công tác anh cũng đi ôtô, nay phải vác xe dưới trời nắng chói chang, cái nắng sau lụt oi nồng hầm hập. Vậy mà anh vui vẻ chan hòa không chút mặc cảm. Anh thật là giản dị làm sao! Ngọc nói chuyện cho quên mệt:

– Anh ạ, em ngạc nhiên về một số liệu mới thu thập. Hầu như sinh viên bị kỷ luật trước đây, từ khi có chiến tranh họ trở nên tốt, thậm chí xuất sắc nữa. Trái lại có một số học sinh xuất sắc thì lại trở nên thụ động trước hoàn cảnh mới.

Đức Phương phấn khởi:

– Thế thì trùng hợp với một tình hình mà tôi cũng vừa tập hợp. Ở năm nhà máy tôi đến thì những kỹ sư có nhiều sáng tạo

trong sản xuất, hồi đi học chỉ ở mức khá, chứ không phải xuất sắc. Còn số học sinh xuất sắc thậm chí cả loại bằng đỏ ở nước ngoài về thì thụ động lắm. Tôi chưa dám rút ra kết luận gì. Định sẽ lấy số liệu trong phạm vi rộng hơn. Và phân tích thêm về hoàn cảnh công tác nữa, mới có thể nhận định được.

– Anh ạ, thế thì hai anh em mình sẽ đi vào hai "cực" để điều tra nhé. Em sẽ thu thập tình hình sinh viên bị kỷ luật và phân tích trên tất cả các hoàn cảnh. Cũng phải từ một nghìn trường hợp trở lên, mới có thể cho một lượng thông tin đủ để nhận xét đánh giá.

– Ừ, mình sẽ lấy số liệu sinh viên xuất sắc mười năm qua, và sẽ nghiên cứu họ làm việc như thế nào khi ra đời. Điều này quan trọng lắm. Vì chất lượng đào tạo phải đánh giá trong thực tế sử dụng.

Cả hai nói chuyện hào hứng đến nỗi không chú ý đến sinh viên đang lắng nghe.

Một sinh viên nói chen vào:

– Thưa thầy, điều đó chẳng có gì đáng ngạc nhiên đâu. Đó là tại cách đánh giá "giỏi" theo cách cho điểm máy móc của nhà trường. Chúng em học với nhau, chúng em hiểu rõ thằng nào "giỏi thật", thằng nào "nghiện học". Đánh giá theo điểm thì đơn giản thôi. Đánh giá năng lực mới khó.

– Cậu nói đúng lắm!

Đã đến chặng rẽ vào làng. Phương bỏ xe xuống, vặn lưng vì mỏi. Ngọc dựa xe vào gốc cây, vai tê đi vì đã lâu không gánh. Phải mang xe đi gửi một nhà ở ven đường, mấy cậu sinh viên chạy đi mượn thuyền để bơi qua đồng nước mênh mông mà vào làng.

Phương và Ngọc ngồi xuống gốc cây bên đường chờ thuyền. Phương bỏ mũ ra, Ngọc chợt thấy hai mái tóc anh trắng phơ. Cô xót thương hiểu được nỗi đau khổ mà anh trải qua, bởi bên ngoài anh vẫn bông đùa và làm việc say sưa. Cô nói với anh:

– Anh có biết không, từ khi anh không còn chức vụ nữa, thì em lại thấy anh nói chuyện sâu sắc hơn, tư duy của anh sinh động hơn. Đó là nhận xét chung của giới trí thức thường làm việc với anh đấy.

Phương trầm ngâm, anh nói:

– Có lẽ mình đã đi sâu nghiên cứu nên kiến thức được mở rộng và sát thực tế hơn. Trước đây công việc lãnh đạo chiếm hết thì giờ, cái gì cũng chỉ lướt qua. Biết nhiều mà chẳng sâu.

Ngọc mỉm cười:

– Chẳng phải chỉ thế thôi đâu. Cái chính là vì anh đã thoát khỏi thói quen "ban" lời chỉ giáo, mà anh nói bằng chính những điều mình đã trăn trở suy nghĩ. Em nói điều này anh đừng giận nhé...

– Nói đi, mình làm sao giận Ngọc được?

– Em cảm giác bây giờ anh tốt hơn trước nhiều.

– Thật ư? Phương ngạc nhiên nhìn Ngọc.

– Trước kia anh thích nói nhiều mà ít chịu lắng nghe. Còn bây giờ thì anh thích nghe, mà chỉ nói khi nào có người cần nghe mà thôi! Anh khiêm tốn hơn trước nhiều!

Phương bật cười:

– Ừ, rất đúng. Bởi vì bây giờ mà không chịu nghe thì chẳng có gì mà nói. Trước kia chỉ cần truyền đạt chỉ thị cấp trên là ai cũng phải nghe rồi!

– Anh có biết ảnh giống ai không?

– Giống ai vậy?

– Anh giống HOA HẬU! – Ngọc hóm hỉnh nói.

– Sao lại thế?

– Hồi đi Festival Thanh niên thế giới em đi xem thi hoa hậu. Lần đầu tiên được xem loại sinh hoạt văn hóa này. Khi nhìn họ mặc áo thì thấy ai cũng đẹp gần như nhau. Chỉ đến khi bỏ hết áo xống, chỉ còn áo tắm thì vẻ đẹp thật sự của con người mới bộc lộ toàn diện. Anh cũng vậy, đến khi lột hết chức vụ em mới cảm thấy hết năng lực trí tuệ và phẩm chất thật sự của anh.

Đức Phương cười phá lên:

– Phải! Người đẹp chẳng cần áo. Có lẽ cô thuộc loại người đó. Loại chẳng cần áo xống gì cả ấy!

Ngọc đỏ mặt, biết mình đã ví von dại dột. Cô trách:

– Anh thì lúc nào cũng đùa được! – Ngọc ngượng ngùng đáp lại. Rồi cô tìm cách nói lảng sang chuyện khác:

– Sao đi mượn thuyền mà lâu thế nhỉ? A! Kia rồi, mấy cậu này tháo vát thật.

Các cậu sinh viên đã đem thuyền đến. Mấy cái thuyền nan chòng chành trên mặt nước như chiếc lá.

Chèo thuyền trên mặt ruộng rất khó, nhiều mô đất, que cọc, ngầm dưới mặt nước. Phải vừa đẩy thuyền bằng sào, vừa dò dẫm. Gió đông hây hẩy, nước mênh mang chẳng biết đâu là bờ. Những chỗ nông thấy loi thoi mấy ngọn lúa vàng. Bỗng thuyền nghiêng hẳn suýt lật. Một mô đất, có lẽ là cái gò mồ mả đã kênh hẳn một bên thuyền. Phải khéo léo lựa thế đẩy thuyền thoát khỏi chỗ mắc cạn.

Phương vừa đẩy thuyền vừa cười vang:

– Suýt nữa thì Hoa hậu biểu diễn! Sinh viên chẳng hiểu gì, nhưng cũng cười vui vẻ. Còn Ngọc thì đỏ mặt lườm Phương, tuy vậy cũng bật cười theo.

Cuộc sống quả thật chòng chành như chiếc thuyền nan, nhưng mà được ở bên nhau thì dù ở đâu cũng tìm thấy được niềm vui – Ngọc thầm nghĩ như vậy.

Ngọc không thể kìm giữ nỗi lòng của mình, cô cần phải tâm sự những nỗi niềm u uất của một tình yêu không được bộc lộ. Cô viết thư cho người bạn thân của mình:

Thanh Tùng thân thiết oi!

Mình muốn viết thư cho một người khác kia. Nhưng anh ấy bảo không được viết "nhỡ rơi, ai đọc được thì chết". Thế đấy cậu ạ. Mình yêu anh ấy, yêu lắm. Cả đời mình, bây giờ lần đầu mới hiểu thế nào là tình yêu. Thế mà lại phải yêu vụng trộm!

Khi mình đi tìm tình yêu thì chẳng thấy. Thế mà tình yêu lại ập đến bất ngờ, giữa lúc anh ấy bị kỷ luật cách chức thứ trưởng, và bị lưu Đảng

Thanh Tùng ạ, anh ấy không có lỗi lầm gì đâu, mà chỉ là sự rủi ro thôi. Và mình đến với anh ấy bởi anh ấy cần có bạn trong lúc hoạn nạn.

Còn mình thì nhận thấy anh ấy tốt đẹp bội phần, khi mà anh ấy chẳng còn được bao bọc bằng hào quang danh vọng nữa. Anh ấy là anh ấy mà thôi!

Cậu đã nói với mình là phải biết yêu bản thân rồi mới tìm được tình yêu. Thế mà bây giờ mình chỉ muốn hoàn toàn quên mình đi để mà sống cho anh ấy. Được sống cho anh ấy là hạnh phúc của mình. Vậy mà niềm mong ước đơn giản ấy cũng không được phép. Thậm chí phải tránh gặp nhau, không được phép thốt ra chữ YÊU nữa kia.

Tùng ơi, cậu có hiểu nỗi đau khổ của mình không?

Mình yêu anh ấy vô cùng, nhưng mà mình không được phép làm mất danh dự của mình. Mình là cô giáo lại là một Đảng viên. Nhưng mà mình còn là một CON NGƯỜI!

Mình cần có anh ấy để được yêu chân thật trong đời thế nhưng mình lại cần danh dự để mà sống ở đời nữa!

Bạn thân của tôi ơi, hãy cho mình một lời khuyên. Sống như thế nào là phải đạo với đời đây?

Lúc mình chưa yêu thì cuộc sống buồn tẻ. Bây giờ mình yêu thì cuộc sống lại đau khổ quá chừng!

Mình đợi thư cậu lắm đấy.

Bạn của cậu
Lệ Ngọc

Mấy tuần sau Ngọc nhận được thư của Thanh Tùng. Một phong bì mỏng tang nhẹ bỗng. Cô thận trọng mở thư. Trong đó chỉ có một bài thơ.

Gửi Lệ Ngọc thân quí.

Đừng đụng đến anh e rồi sẽ vỡ,
Yêu là sương, là ảo ảnh, là hoa...
Đừng chạm đến mộng mơ đều biến cả
Yêu thuộc về viễn cảnh một thời xa.

Ôi cái thời ta chẳng sống cho ta!
Thời dâng hiến quãng đời đẹp nhất
Cái thời chính mình đem đánh mất,
Kho báu riêng trời đất tặng cho mình...

Mong manh quá, thứ em hằng khao khát,
Xói tung lên để hối hả lấp vùi.
Thôi dành thôi, chuyện ấy có chi vui
Và cũng chẳng có gì luyến tiếc.
Điều không nói giữ nguyên cho đến chết.
Chút nắng vàng sáng rực trước hoàng hôn

Bạn thân của Ngọc
Thanh Tùng

Ngọc sững sờ cầm bài thơ, anh muốn nói gì với Ngọc đây? Một lời khuyên đừng mơ ước hão huyền về tình yêu. Hay là sự thông cảm vì tình yêu muộn màng quá!

Nhưng dù sao thì Ngọc cảm thấy anh đã thấu hiểu cô đến tận tâm can. Anh bảo là chẳng thể có lời khuyên nào hết, mà cô cần phải tự hiểu mình mà xử sự tỉnh táo.

Điều không nói giữ nguyên cho đến chết
Chút nắng vàng rực sáng trước hoàng hôn

Đây là lời anh nhắn nhủ Ngọc, hay là anh nói về anh?

Bài thơ vừa chân tình sáng rõ, lại vừa xa xôi bí ẩn.

Ngọc nghĩ về Tùng suốt đêm hôm ấy. Và những ngày sau đó, hằng ngày cô lại mở bài thơ ra đọc cô thầm tâm sự với anh bằng những ý mới mẻ mà cô chợt phát hiện qua mỗi dòng thơ.

Chỉ có mười bốn dòng mà cô đọc mãi, đọc mãi vẫn không hết.

Ngọc đang ngồi bên bàn làm việc tại phòng chủ nhiệm khoa. Cô vừa được đề bạt lên chức vụ này hồi đầu năm.

Có tiếng gõ cửa nhè nhẹ, quen thuộc. Ngọc biết là Đức Phương đến. Cô đứng dậy thì Phương đã bước vào. Dáng người cao cao mảnh mai, gương mặt trầm tĩnh và ngời sáng. Anh bước từ tốn, mỉm cười

dịu dàng. Mỗi dáng nét của anh đều thân thiết mà vẫn làm Ngọc ngạc nhiên, xúc động đến nghẹn thở. Ngọc thốt lên:

– Anh!

– Em!

Chỉ tiếng kêu ngắn ngủi mà hàm xúc bao tình cảm nhớ thương, âu yếm. Vậy mà hai người không đến gần nhau, không bắt tay nhau. Họ ngồi xuống hai ghế đối diện như là chủ và khách, lịch sự mà khách khí. Họ nhìn nhau đắm đuối không dứt. Ngọc hỏi anh:

– Anh xuống có việc gì ạ?

– Tôi muốn xem bảng tổng hợp số liệu điều tra của cô về sinh viên bị kỷ luật.

– Vâng! Lý thú lắm anh ạ. Em thống kê được sáu trăm trường hợp.

Ngọc đứng dậy trải lên bàn tờ thống kê và bắt đầu trình giải:

– Lạ lắm anh ạ. Hơn một nửa số bị kỷ luật lại là những sinh viên đã từng là học sinh khá giỏi ở thời kỳ học phổ thông. Có thể nói phần lớn số này là các em thông minh. Phương nhổm dậy nhìn chăm chú vào bảng thống kê:

– Thật thế ư? Ờ, mà đúng thật, có 65% là học sinh xếp loại A ở phổ thông.

– Điều này mới lạ hơn, là sau khi phục hồi, thì khi ra trường số này làm việc lại năng động. Em đã cho đi điều tra năm mươi trường hợp đã đi công tác từ ba đến tám năm. Các cơ sở đều khen, không một ai vi phạm kỷ luật cả. Có năm người được bầu chiến sĩ thi đua.

– Hay lắm – Phương cầm hẳn tờ thống kê lên xem – Thế cô nghĩ gì về hiện tượng này?

– Chưa đủ dữ kiện để rút ra nhận định. Song có điều này có thể nói ngay được. Bị kỷ luật không phải là người đó hư hỏng. Trái lại đó chỉ là một sự thử thách mà thôi.

Ngọc nói hăng hái, quên mất vấn đề đó đã chạm đến nỗi đau của Phương. Anh thở dài, nói lảng sang chuyện khác.

– Cô có nghiên cứu đến hoàn cảnh vi phạm khuyết điểm của họ không?

– Có anh ạ. Nhưng em đang đọc hồ sơ cá nhân. Hiện nay mới làm xong thống kê tổng quát mà thôi. Độ một tháng nữa em sẽ làm báo cáo nhận định. Em còn phải điều tra cả điều kiện làm việc của họ nữa.

– Cám ơn cô, số liệu thật là quí!

Ngọc cuộn bảng thống kê lại. Cô làm như tiện thể đưa cho Phương xem bài thơ của Thanh Tùng.

– Cậu bạn thân của em gửi cho em bài thơ này.

Ngọc muốn anh cùng đồng cảm với mình những xúc động.

Nhưng Phương thờ ơ cầm bài thơ đọc lướt. Nét mặt anh mỗi lúc lại thêm nạc nhiên:

– Cậu ấy yêu em à?

– Không phải đâu. Đó là bức thư cậu ấy trả lời em, vì em hỏi cậu ấy về tình yêu của mình.

– Chết! Sao em lại nói lộ tình yêu của chúng mình ra?

– Không lộ gì đâu anh ạ. em chỉ tâm sự thôi, còn tên thì em giấu biệt. Vả lại Tùng rất kín đáo.

Phương nét mặt cau có khó chịu:

– Cấp trên sắp sửa phục hồi cho anh. Bởi vậy càng phải thận trọng lắm.

– Vâng, anh yên tâm.

Ngọc thở dài, thì ra anh nghĩ đến danh vọng nhiều hơn là nghĩ đến Ngọc.

Bỗng Phương cầm lại bài thơ đọc lại lần nữa:

– Sao thơ đọc lên cứ như giọng "xét lại" ấy nhỉ?

– Đâu nào?

– Đây này: *Ôi cái thời ta chẳng sống cho ta!*
Thời dâng hiến quãng đời đẹp nhất.
Cái thời chính mình đem đánh mất,
Kho báu riêng trời đất tặng cho mình...

Thế có phải là cậu ta than vãn tiếc nuối về việc hy sinh xả thân của mình là gì!

– Ôi trời ơi! Sao anh suy diễn ra thế được? Đó là cậu ấy nói về em đã sống vì các em, vì con cái mà đánh mất thời thanh xuân của mình. Còn chữ "kho báu" ở đây ý nghĩa của nó là "Tình yêu". Cuộc đời này tình yêu là vật quý nhất mà trời ban cho giống NGƯỜI.

Phương ném tờ thơ xuống bàn, anh nói sõng sượt:

– Thơ với chả thẩn! Sao trả lời thư lại không viết thẳng nội dung ra, lại cứ ỡm ờ hai nghĩa. Có lẽ cậu ta yêu em thật đấy.

Ngọc như người bước hụt. Cô buồn vì bất chợt phát hiện thấy tâm hồn khô cằn nghèo nàn của anh. Cô ngẩn ngơ tiếc, như vừa nhìn thấy một vết rạn ở viên ngọc quý.

– Nếu cậu ấy mà yêu em, thì em đã chẳng yêu anh! Em quen cậu ấy trước anh cơ mà!

– Có lẽ em hợp với cậu ấy hơn đấy – Phương đay lại thoáng chút cay cú.

Ngọc biết mình lỡ lời làm Phương giận:

– Em xin lỗi anh! Thôi không nói chuyện ấy nữa.

Nhưng Phương đã nổi cơn bực dọc. Anh đứng dậy ra về. Ngọc cảm thấy vừa mất đi một điều gì đó mà không sao cứu vãn được. Thật vô lý hết sức! Chẳng duyên cớ gì mà tình yêu lại bị tổn thương. Sao tình yêu lại mong manh thế?

4.

Ngọc vừa mở cửa phòng làm việc, đặt cặp lên bàn giấy thì tiếng chuông điện thoại réo vang. Cô lẩm bẩm: Ai gọi sớm thế, chưa đến giờ làm việc cơ mà?

– Alô, Ngọc đây.

Ngọc mừng quýnh lên khi nghe giọng nói quen thuộc của Phương.

– Em đây, em vừa đạp xe vào đến nơi. Mới bảy giờ thôi, sao anh gọi sớm thế?

Tiếng nói phía đầu kia:

– Anh chờ em suốt đêm để báo tin mừng này.

– Nói ngay đi anh! – Ngọc háo hức nói.

– Anh vừa nhận được quyết định phục hồi chức vụ.

– Thế ư anh. Thế thì mừng quá. Em xin chúc mừng anh.

– Cám ơn em!

– Em muốn gặp anh quá.

– Tối nay anh đến nhà em nhé. Thế có ai ở nhà không?

– Có thể có trẻ con ở nhà, nhưng chẳng sao anh ạ. Có chúng nó thì mình nói chuyện càng "an toàn".

– Em chờ anh nhé!

– Vâng.

Suốt cả ngày hôm đó Ngọc ở trong một tâm trạng hưng phấn. Cô vui vẻ cười nói với mọi người.

Đến gần trưa có một thiếu phụ đứng tuổi xin được gặp riêng chủ nhiệm khoa. Ngọc niềm nở mời chị ấy vào.

– Chị có việc gì ạ?

Ngọc vừa hỏi vừa tò mò nhìn người đàn bà mà nhan sắc đã úa tàn, nét mặt thanh tú bị một vẻ đau khổ khôn lường phủ lên.

– Chị cho tôi được nói chuyện riêng với chị được không? Câu chuyện hơi dài.

– Vâng, chị cứ nói. Tôi sẵn sàng nghe đây.

Đáng lẽ vào giờ này thì Ngọc đã mệt mỏi rồi. Nhưng trước vẻ khắc khoải của người đàn bà, Ngọc không nỡ từ chối. Hơn nữa, lúc này Ngọc đang phấn chấn, cô muốn làm việc tốt.

Người đàn bà tự giới thiệu:

– Tôi là Nghĩa cán bộ ở Bộ Y tế. Chồng tôi là một đại tá xin cho được không nói tên...

– Vâng, chị cứ kể chuyện đi, tôi sẽ lắng nghe.

– Chúng tôi xây dựng gia đình đã hai mươi năm nay, và tôi vẫn tự hào về tình yêu hạnh phúc của chúng tôi. Có thể nói anh ấy vẫn giữ được mối tình thắm thiết đối với tôi cho đến năm ngoái.

Chúng tôi có ba đứa con: hai trai một gái. Tôi còn nuôi một đứa cháu gái con ông anh ruột của tôi. Anh ấy đã hy sinh, mẹ cháu đi lấy chồng. Cháu tên là Kiều Linh...

– À. Kiều Linh, sinh viên năm thứ tư. Em học giỏi lắm, lại xinh đẹp và rất ngoan.

– Vâng, cháu gái tôi là một đứa con gái thông minh, nết na. Nhờ có cháu Kiều Linh, mà các con tôi đã học tập được ở chị nó cái nết chăm học và cư xử với mọi người hết sức lễ độ, tế nhị. Tôi yêu cháu tôi chẳng khác gì con gái mình. Cháu cũng yêu quí vợ chồng tôi như chính người sinh ra nó vậy...

Chị bỗng ôm mặt, hai vai rung lên chua xót.

– Chị bình tâm lại đi.

– Thế mà, cơ sự lại xẩy ra như thế đấy. Năm ngoái chồng tôi thú nhận là anh yêu Kiều Linh. Anh ấy bảo Kiều Linh là hiện thân của tôi hai mươi năm trước. Quả là cháu giống tôi thật. Nhưng mà sao anh ấy lại có thể làm cái điều phi đạo lý ấy được? Tôi biết nếu mình ghen thì sẽ phá tan nát gia đình. Cho nên tôi tìm cách khuyên nhủ anh ấy tỉnh táo lại. Mặt khác tôi cho Kiều Linh vào ở nội trú, cố gắng chu cấp đầy đủ để cháu không bị khổ quá mà chịu đựng đời sống sinh viên. Cháu đã hứa với tôi sẽ không quan hệ gì với chồng tôi nữa. Tôi đã bịt kín được sự việc. Con cái trong nhà không hề hay biết gì. Cơ quan anh ấy không hề ngờ vực. Chỉ có mình tôi thầm lặng đau khổ.

Tôi gắng hết sức chiều chuộng anh ấy. Nhưng mà nhan sắc thì ngày càng tàn tạ đi. Nỗi đau khổ không thể hồi phục bằng thuốc thang được. Tôi hiểu là tình yêu của anh ấy đã tắt ngấm đối với tôi. Những lúc gần nhau, tôi cảm thấy sự gắng gượng bất lực của anh ấy. Giá mà anh ấy yêu người khác thì tôi có thể hy sinh để anh ấy được hạnh phúc. Chả trách cứ đàn ông được. Họ trẻ lâu hơn mình. Chúng tôi bằng tuổi nhau, mà tôi lại ốm yếu...

Chị thở dài, nín lặng nuốt nước mắt rồi nói:

– Nhưng ác nghiệt là anh ấy lại yêu cháu Kiều Linh. Thật ra Kiều Linh thú nhận với tôi là cháu yêu anh ấy trước. Chính cháu chủ động. Tôi biết hai người đều ân hận và tìm cách tránh xa nhau.

Nhưng vừa rồi tôi đi phục vụ vùng chiến sự mấy tháng. Thế rồi hai người lại gặp nhau. Bây giờ cháu Linh đã trót có thai...

Ngọc nhổm lên vì bất ngờ, cô hoảng lên:

– Lại đến nước ấy cơ ạ?

– Vâng, anh ấy hoảng sợ phát điên phát cuồng. Mà Kiều Linh thì nhất định không chịu phá thai. Nó cứ khóc ròng và đòi tự tử nếu bắt nó vứt bỏ giọt máu của tình yêu. Tôi giận cả hai người, nhưng đó lại là hai người tôi yêu quí. Tôi không muốn làm hại ai cả. Chồng tôi anh ấy đã xin đi công tác miền Nam. Tuần sau là anh ấy lên đường. Anh ấy chỉ cầu được chết trong chiến đấu, vì cảm thấy đau khổ và bế tắc. Mà tôi thì lo lắm, dù sao tôi vẫn yêu anh ấy vô cùng.

– Thế Kiều Linh thì sao ạ?

– Tôi đến đây muốn nhờ chị khuyên nhủ nó. Thôi thì không phá thai cũng được. Sau này tôi sẽ nhận nuôi cháu bé. Chỉ mong Kiều Linh còn mấy tháng nữa thi tốt nghiệp, cố gắng học hành cho tốt. Tôi thật là ân hận với vong linh của anh tôi. Tôi đã thiếu chu đáo, nên hỏng một đời của cháu. Mong chị giúp đỡ cháu Linh, đừng kỷ luật cháu.

– Thưa chị, chị có muốn tôi khuyên Linh phá thai không? Tôi nghĩ để lại đứa con thì sẽ khổ tất cả mọi người. Mà nếu Linh không chịu thì chị có dám...

– Tôi cũng đã nghĩ đến việc ly hôn để hai người cưới nhau. Đằng nào thì tình yêu của tôi cũng vỡ nát rồi. Vả lại tôi sẽ sống với các con tôi. Nhưng mà anh ấy lại không muốn. Anh ấy sợ cuộc mạo hiểm ấy. Anh ấy yêu Kiều Linh, nhưng lại muốn có cuộc sống yên ổn với gia đình. Đàn ông họ ích kỷ một cách đáng thương! Anh ấy bảo: "Tôi yêu Linh, nhưng tôi lại cần có em". Nói thật với chị tôi cũng chỉ muốn chết đi, thì nhẹ nhõm biết bao!

Ngọc bồn chồn đi lại trong phòng. Câu chuyện éo le ấy làm xáo động tâm hồn cô sâu sắc. Tình yêu không hợp với lẽ đời là một cuộc mạo hiểm tàn phá ghê gớm!

Đã quá mười hai giờ trưa, chị Nghĩa đứng dậy ra về. Ngọc nắm tay chị:

– Chị có một tấm lòng nhân hậu quá. Con người như chị thì anh ấy không thể nào bỏ chị được đâu. Anh ấy cũng khổ lắm đấy, bởi vì anh ấy vẫn yêu chị. Nhưng mà chị hiểu cho phần yếu đuối của đàn ông, như vậy là chị cao thượng lắm. Chị ơi, thời gian sẽ hàn gắn sự nứt vỡ ấy. Còn Kiều Linh có sự say mê cuồng nhiệt của tuổi trẻ, nhưng rồi sẽ qua đi nhanh thôi. Tôi sẽ giúp chị thuyết phục cháu phá thai.

– Cám ơn chị. Được gặp chị tôi cũng nhẹ nhõm phần nào! Chị ấy đã ra về, Ngọc ngồi phịch xuống ghế. Cô mệt mỏi ghê gớm. Không phải vì làm việc quá nhiều, mà là một nỗi xúc động mạnh mẽ làm chấn động tâm trí cô. Mình là một nhà giáo, mình khuyên nhủ đạo lý cho sinh viên, còn mình thì sao đây???

Ngọc đạp xe về nhà và quên ngay câu chuyện cô sinh viên Kiều Linh. Cô lao vào chuẩn bị cuộc liên hoan nhỏ mừng Đức Phương đã tai qua nạn khỏi. Niềm vui cứ len lỏi vào mỗi việc. Cô lau nhà, dọn dẹp nhà cửa sạch sẽ. Cô mua một bó hoa hồng trắng rất đẹp, soạn sửa nào bia, nào bánh ga tô, hoa quả... Rồi cô là chiếc áo màu mỡ gà ưa thích nhất...

Lạ thế!! Biết mạo hiểm lao vào một tình yêu vô vọng là tự sát. Vậy mà ánh sáng tình yêu vẫn lôi cuốn con người, say sưa nhảy vào lửa thiêu thân, đầy háo hứng như côn trùng vậy.

Chiều ấy Đức Phương trở về nhà bằng ô tô sau bốn năm đi xe đạp cọc cạch. Lũ con vui mừng đón bố. Chị Thanh tủm tỉm cười đi ra đi vào.

Chỉ bà mẹ là vẫn bình thản ngồi đan áo cho lũ cháu. Phương đến bên cạnh mẹ hớn hở nói:

– Mẹ ơi, sáng nay con chính thức nhận nhiệm vụ mới rồi mẹ ạ. Mà lại là Thứ trưởng thứ nhất cơ!

– Mẹ mừng cho con! – Bà mẹ âu yếm nhìn đứa con đã già mà vẫn thơ dại như con trẻ đối với bà.

– Suốt cả ngày con phải tiếp khách. Bạn bè đến chúc mừng. Nhân viên lên chào thủ trưởng. Mệt nhoài vì nói nhiều mẹ ạ.

– Con đi tắm rửa đi. Hôm nay mẹ con Quyên đã chuẩn bị tiệc ăn mừng đấy.

Lũ trẻ báo tin:

– Tối nay cả nhà đi xem phim. Mẹ bảo chúng con mua cho cả năm người cùng đi xem.

Phương giật thót tim:

– Tối nay bố bận không đi được đâu.

Chị Thanh nói ngay:

– Em đã hỏi cậu thư ký của anh rồi. Cậu ấy bảo tối nay anh chẳng có chương trình gì cả.

– Anh phải chuẩn bị báo cáo cho Hội nghị ngày mai. Cả nhà cứ đi xem, còn anh ở nhà – Phương tìm cách chống chế.

– Không được. Đã lâu lắm, anh chưa bao giờ đi xem với em cả – Chị Thanh nói giọng kiên quyết như ra lệnh.

Đức Phương thở dài, anh phải qui thuận thôi!

Lúc cả nhà đi xem phim về, qua cổng nhà Ngọc, Phương nhìn lên cửa sổ, hình dáng cô mảnh mai đen sẫm nổi bật trên nền sáng xanh của khuôn cửa. Tim anh thắt lại, anh cố bước nhanh vượt qua căn nhà thân thiết ấy. Nhưng lũ trẻ lại réo gọi:

– Cô Ngọc ơi! Cô Ngọc ơi!

Ngọc cúi xuống, mở to mắt để nhìn rõ:

– Thu Quyên đấy ư, đi đâu đấy?

– Cả nhà cháu đi xem phim về. Cả bà, cả bố mẹ cháu. Cô xuống đây.

Ngọc choáng váng, cô phải uống ngụm nước để nuốt trôi nỗi hờn ghen chẹn lấy cổ. Ngọc chạy xuống đường với sự cố gắng phi thường, cô niềm nở chào:

– Bác ạ! Anh chị ạ! Em xin chúc mừng anh đã trở lại chức vụ lãnh đạo.

Chị Thanh nói phân bua:

– Cả nhà thì mừng quá, mà anh ấy cứ lầm lì như giận ai ấy! – Chị trách yêu chồng mà giọng cứ chỏng lỏn.

Ngọc cười để khỏa lấp nỗi ghen tuông:

– Chắc là tính anh ấy thế đấy, chứ sướng âm ỉ đấy ạ!

Bà mẹ đến bên Ngọc, nhìn cô với ánh mắt thấu hiểu:

– Con có khỏe không? Thằng cu có ngoan không?

– Dạ cháu học hành cũng khá, nhưng mà nghịch thì quá thể!

Bà mẹ đặt bàn tay âu yếm lên vai Ngọc:

– Đứa con là niềm hạnh phúc lớn nhất đấy con ạ. Đó là sự đền bù mọi nỗi thiệt thòi của kiếp đàn bà!

– Vâng! – Ngọc ngước nhìn bà mẹ, tìm thấy ở bà tình thương yêu bao dung.

Phương bồn chồn như đứng trên tổ kiến lửa, anh giục:

– Thôi, chúng ta đi về, muộn rồi.

Thu Quyên ôm chầm lấy Ngọc hôn lia lịa.

Cả nhà đã đi xa. Dáng Phương lừ đừ như chân bị vướng dây.

Lệ Ngọc chạy ào lên nhà. May mà Bảo Kim đi sinh hoạt chi đoàn, cu Hiền đi xem phim với bạn. Nhà vắng vẻ một mình Ngọc, nên cô thả bung nỗi đau khổ tuôn trào.

Ngọc rút cả nắm hoa hồng vứt qua cửa sổ. Mấy đóa hoa vô duyên rụng lả tả trên mặt đường. Cô vơ tất cả bánh trái nhét vào tủ. Giật phắt chiếc áo đẹp ra khỏi mình, ném nó vào góc giường. Ngọc nằm vùi mặt vào gối mà khóc nức lên, cố ghìm tiếng khóc mà nỗi đau đớn cứ thoát ra não nề.

Tiếng chuông điện thoại cứ réo đổ hồi mãi. Ngọc mở cửa phòng đã nghe tiếng chuông rền rĩ. Cô chẳng vội, mặc cho nó réo. Lát sau sốt ruột, cô miễn cưỡng nhấc máy nghe.

– Alô! Ngọc đây.

Tiếng nói quen thuộc:

– Anh đây! Anh xin lỗi em hôm qua thất hẹn.

– Không có gì. Em cũng chẳng đợi. Em cũng biết anh đang bận lắm.

– Anh muốn gặp em, lúc nào có thể đến?

– Em đang bận. Em đi các lớp sơ tán, chưa biết bao giờ về.

– Anh xuống em ngay nhé! – Phương nói giọng nhẫn nại.

– Không, em đi ngay đây. Anh đừng đến...

– Em giận anh phải không?

– Tại sao lại giận? Em chẳng hề nghĩ đến điều ấy. Thôi anh nhé. Em đi đây.

Ngọc bỏ máy xuống. Cô lấy tài liệu ra đọc, tìm cách để dìm nỗi đau chìm sâu vào công việc.

Nhưng mà tâm hồn cô quẩn quại, không làm sao chế ngự bắt nó tập trung cho công việc được.

Cô đứng dậy lấy xe đạp đi xuống các lớp sinh viên sơ tán ở rải rác trong làng. Gặp sinh viên, niềm vui hồn nhiên của các em làm cô nguôi ngoai bớt nỗi đau buồn.

Một nữ sinh viên năm thứ ba đưa cho Ngọc xem bài thơ em mới làm khi đi thực tập:

Chị giáo viên
Tôi lặng nhìn chị bán hàng rong
Gương mặt mới hai nhăm sao già quá!
Chị xoa đôi bàn tay gầy bọt bã
Có ai ngờ chị – Một giáo viên!
Chị cố tình giấu nghề nghiệp giấu tên.
Giấu tất cả, trừ cái nghèo không thể giấu.
Chị giấu tôi, nay mai cũng sẽ là cô giáo.
Để làm gì? Để đỡ khổ hơn chăng!
Mấy nhánh hành khô, mấy mớ rau xanh.
Chị tần tảo sau mỗi giờ lên lớp,
Chị tất tả sau mỗi hồi trống giục,
Trang giáo án nhòe những giọt mồ hôi,
Chị ngượng ngùng khi trò chuyện cùng tôi.
Cũng như đã ngượng ngùng khi nhìn vào mắt trẻ
Dẫu vẫn biết lòng thầy nào muốn thế!
Nét chữ ngập ngừng trên trang giấy trắng tuổi thơ.

Thanh Trầm

Bài thơ của em còn vụng về mà chân thực, đọc thơ của em mà Ngọc xót xa vì cảnh đời khắc nghiệt, nhưng mà lòng yêu nghề lại thấm đượm trên nỗi dòng thơ. Cô cảm thấy xấu hổ trước tâm hồn trong sáng hồn hậu của các em. Trong lúc các em hướng tâm trí của mình vào học hành, vào đồng nghiệp, thì cô lại chìm sâu vào nỗi sầu muộn yêu đương, mà lại yêu đương bất chính! Thế mà cô lại là cô giáo của các cô giáo tương lai ấy!

Tối đó Ngọc trở về nhà, mệt lử vì đạp xe nhiều, nhưng lòng cô thanh thản trở lại. Cô đã tập trung được tư tưởng để làm việc. Cô nghĩ rằng tình yêu đã dập tắt được. Cô bật cười tự giễu mình: Các em mười tám, đôi mươi thì lại nghĩ đến thương xót người nghèo khổ. Còn mình thì ba mươi bẩy sắp đến tứ tuần thì lại khắc khoải yêu đương!

Ngọc tự xếp mình vào loại hết tuổi thanh xuân. Đã "quá Ngọ" cũng tức là thuộc về chiều rồi còn gì?

5.

Ngọc đang cắm cúi viết tiếp bản báo cáo đề tài "Tâm lý của sinh viên bị kỷ luật". Chị hoàn toàn bị cuốn hút vào niềm say mê phát hiện bản chất tốt đẹp của những con người có cá tính đặc biệt: tâm hồn nhạy cảm rất dễ bị tổn thương. Tính cách mạnh mẽ và cực đoan; sự mất cân bằng tình cảm với lòng tin...

Chị xót xa cảm thấy những người làm công tác đào tạo chưa đủ độ tinh tế của nghề nghiệp để giữ gìn những nhân tố tốt đẹp đó của mỗi con người.

Sự thô thiển, sự tự mãn, và cả sự dốt nát nữa đã làm hỏng bao nhiêu con người?

Nếu một người thợ làm hỏng sản phẩm thì đã có bộ phận KCS kiểm tra, và người thợ đó bị phạt. Còn các người thầy làm hỏng học trò của mình, thì lỗi lại thuộc về những con người bị hỏng ấy!

Ở đây không phải là bào chữa hay quy kết trách nhiệm, mà là tìm ra cái cơ chế bất hợp lý của quá trình đào tạo.

Ngọc gần như chìm sâu vào dòng suy tư đang tuôn trào, chị viết miệt mài hết trang này đến trang khác.

Có tiếng gõ cửa nhè nhẹ, rụt rè, Ngọc không nghe thấy. Tiếng gõ mạnh hơn, chị giật mình và buông rơi bút. Tim chị đập dội lên từng hồi. "Anh đến!". Tay chị run lên khi mở chốt cửa. Nét mặt thân thiết của Phương hiện ra trên khung cửa. Ngọc sững sờ nhìn anh, chị tránh sang bên, Phương im lặng, nặng nề bước vào nhà.

Phương ngồi xuống ghế, nói nho nhỏ:

– Em tha lỗi cho anh! Anh thật chẳng biết làm thế nào?

– Anh chẳng còn lỗi gì để mà tha được?

Ngọc cố đùa, nhưng mà giọng cô khản lại vì giận.

Phương kể lại lý do thất hẹn và anh nói:

– Anh sợ bà ấy làm ầm ĩ lên thì mất uy tín.

– Vâng, anh xử sự như vậy là rất phải lẽ!

Ngọc nói dịu dàng mà lạnh nhạt. Lòng chị xót xa thấy anh chỉ lo đến uy tín. Chị nói tiếp pha chút hờn dỗi:

– Chúng mình phải tránh xa nhau hẳn. Vì uy tín của anh, cần phải từ bỏ tình yêu thôi!

Phương thở dài:

– Bốn năm qua, chúng mình yêu nhau, kiềm chế không dám gần nhau chỉ để mà chờ ngày anh được phục hồi chức vụ. Nay chức vụ đạt được thì lại phải cắt đứt tình yêu để bảo vệ uy tín! Cuộc đời này sao mà khắc nghiệt quá.

Câu nói chân tình ấy làm Ngọc cảm động. Nỗi hờn giận tan biến:

– Biết làm thế nào bây giờ anh ơi! Ngọc thốt lên chua xót. Tình yêu vẫn nằm trong đáy sâu của trái tim. Ngọc hiểu rằng nếu không được yêu nữa, thì từ nay cuộc sống của chị sẽ không có hồn.

Mất tình yêu thì tâm hồn sẽ khô héo.

Nhưng mà Phương thì đang choáng ngợp trước danh vọng, lòng anh lúc này đối với tình yêu dửng dưng. Anh chỉ thương Ngọc đau khổ mà thôi. Anh ngại sự vướng bận của yêu đương.

– Em ạ. Bây giờ trên cương vị mới, anh chẳng còn được làm việc thường xuyên với em nữa. Mà hẹn hò gặp gỡ thì rất nguy hiểm. Nếu vỡ lỡ chuyện yêu đương thì anh chẳng thể sống nổi.

Ngọc bừng tỉnh. Chị hiểu rằng danh vọng đã quyến rũ mất người tình của mình. Đàn ông quả thật họ nhiều dục vọng hơn là tâm hồn. Bởi vậy mà họ sống đơn giản hơn, nên họ đi xa trong sự nghiệp hơn chăng?

Lệ Ngọc kìm nén nỗi đau của mình, chị nói bình thản:

– Vâng, em nghĩ rằng giữa chúng mình nên giữ được tình bạn. Và có lẽ quan hệ tình yêu nên chấm dứt. Như vậy sẽ tốt đẹp hơn cho cả công tác và gia đình.

Tuy nói như vậy, nhưng Ngọc chăm chú quan sát nét mặt của Phương, chị vẫn thầm hy vọng tìm thấy một nét đau khổ nào đó của anh. Nhưng mà chị thấy sắc mặt anh rạng rỡ vui mừng, và tiếng thở phào nhẹ nhõm thoát ra một cách vô thức. Ngọc cụp mắt xuống, một tiếng gào thét nhức nhối trong lòng chị "Thế là kết thúc giấc mộng tình yêu". Chị ngồi im như tượng đá. Hai giọt nước mắt trong veo lăn vội vã trên đôi má nhợt nhạt vì đau khổ.

Phương an ủi:

– Đừng buồn em, rồi sẽ quen thôi mà!

Ngọc chỉ muốn đứng dậy, đẩy anh ta ra ngay khỏi cửa. Hóa ra sự bội tình, không cứ phải là yêu người khác. Chỉ cần quá yêu bản thân mình đã là sự phản bội rồi.

– Thôi anh về đi. Khuya quá rồi, không tiện đâu.

Ngọc vẫn nói giọng điềm tĩnh. Chị ngạc nhiên nghe lời nói chính mình, sao mà tỉnh táo thế.

Phương đứng dậy, anh vui vẻ bắt tay:

– Anh về nhé, em nhớ giữ sức khỏe.

– Cám ơn anh! – Chị nghĩ bụng: đây là quan hệ giữa thủ trưởng ngành, với cán bộ cấp dưới. Khách sáo quá!

Phương nhanh nhẹn đi xuống cầu thang, sao mà dáng vẻ lại lạ lẫm thế? Ngọc nhìn theo anh và lòng chợt thấy tình yêu trở thành nỗi oán hận. Chị tự nhủ với mình: Cắt đứt một tình yêu khi nó đã tàn úa là cần thiết, để mà giữ được phần lành mạnh của tâm hồn.

Chị quay lại bàn làm việc, gấp tài liệu lại, lấy mấy viên B1 và hai viên Sedusen uống. Chị cần giữ được sự yên tĩnh của thần kinh.

Nhưng chị vẫn không sao ngủ được. Ngọc vùng trở dậy. Sự cô đơn trong bóng tối thật không sao chịu nổi. Chị bật đèn đến bên bàn làm việc.

Chị viết thư cho Thanh Tùng. Anh lúc này đã chuyển công tác sang Hội Văn nghệ miền Nam. Chẳng biết là thư từ có đến tay anh được không, chiến trận đang ngày càng ác liệt hơn. Nhưng mà chỉ có anh là người bạn thân thiết để Ngọc có thể trút vợi niềm đau khổ của mình mà thôi.

Thanh Tùng ơi!

Viết thư cho người ở chiến trường mà lại nói chuyện tình yêu, kể cũng là không hợp lẽ chút nào.

Nhưng mà với mình thì lúc này lại cần được nói điều ấy.

Tùng ơi, bây giờ mình mới cảm thấy bài thơ của cậu nói đúng quá:

"Yêu là sương, là ảo ảnh, là hoa
Đừng chạm đến mộng mơ đều biến cả"...

Tùng có biết không "mộng mơ đều biến cả", chỉ còn lại sự trống trải tan hoang của sự đổ vỡ. Một sự thất vọng ê chề về những gì mà mình hằng tôn thờ như lẽ sống vậy.

Mình cũng đã hình dung rồi cuộc tình sẽ phai nhạt dần, nhưng mình không ngờ lại như thế này!

Anh ấy đã được trở lại chức vụ Thứ trưởng và còn giữ trọng trách cao hơn. Lập tức anh ấy cảm thấy không cần đến mình nữa, vị trí công tác mới đòi hỏi mối quan hệ quảng giao. Và anh ấy cần giữ danh dự xứng đáng với địa vị mới!

Mình trở thành sự vướng bận và phiền phức cho anh ấy. Nếu cậu hình dung nét mặt hớn hở của anh ấy khi mình nói: "Có lẽ ta nên chấm dứt quan hệ tình yêu". Thậm chí anh còn thở phào nhẹ nhõm nữa.

Không thể trách cứ anh ấy được. Anh ấy sống theo đúng kỷ cương đạo lý xã hội thôi.

Nhưng mà mình lúc này mới chợt nhận ra một điều, là người ta rốt cuộc lại, họ chỉ biết có yêu bản thân họ thôi. Ngay cả khi họ yêu mình, thì cũng là vì cái lợi cho họ. Cả công việc, cả ý nghĩ, cả vui buồn, lúc nào mình cũng vì anh ấy mà làm. Nỗi đau khổ của mình lúc này là mình sụp đổ lòng tin vào người mà mình yêu hết lòng.

Nói đúng ra, thì anh ấy vẫn quý trọng mình. Rất buồn khi phải chia tay với mình. Nhưng mà sức hấp dẫn của danh vọng còn mạnh hơn tình yêu của mình vạn lần.

Thanh Tùng ơi! Hình như những ai có tâm hồn khô cứng mới đủ bản lĩnh mà leo cao lên bậc thang danh vọng chăng?

Còn những ai đa cảm, tâm hồn dịu dàng, thì thường con đường công danh, vốn cần sự tỉnh táo, không đi nổi đâu! Mình nói điều đó là vì cảm thấy đàn bà, và nhà thơ, nhà văn, có mấy ai leo lên được chức vị cao đâu? Mà đã có chức vụ thì không còn là đàn bà hay là nhà thơ nữa!

Mà có lẽ vì thế mà mình lại thân với cậu, bởi lẽ cùng một cái tạng "nhạy cảm" ấy chăng?

Có lẽ cuộc đời mình sẽ không thể yêu ai được nữa. Bởi lẽ làm gì ở đời này có người đàn ông nào thực sự biết yêu?

Đàn ông có thể là người bạn tốt, nhưng bao giờ họ cũng là người tình phản bội.

Đang buồn, mình viết cho bõ tức. Đừng giận mình nhé.

"Thôi đành thôi, chuyện ấy có chi vui
Và cũng chẳng có gì luyến tiếc..."

Đó là kết thúc giấc mộng của một tình yêu say đắm.

Cám ơn bài thơ của cậu, đã tiên đoán đúng cuộc tình của mình.

Mình cám ơn thượng đế đã ban cho mình một người bạn thân là cậu. Nhờ vậy mà mình mới cảm thấy vẫn sống được, bởi nhờ có tình bạn của cậu đấy.

Yêu mến bạn vô cùng
Lệ Ngọc

Gửi thư đi mà không hy vọng gì sẽ có hồi âm. Tuy vậy, trút được bầu tâm sự, lòng Ngọc vơi nhẹ hẳn. Bất ngờ Ngọc nhận được thư của Thanh Tùng. Một lá thư do một người nào đó chuyển hộ, đã nhét qua khe cửa với chữ viết vội vàng bên ngoài:

"Tôi đến nhà chị đi vắng nên gửi lại thư của Tùng. Vội quá, xin lỗi chị nhé. Tôi phải đi ngay."

Lệ Ngọc thân thiết

Nhận được thư Ngọc mình mừng quá. Nhưng bây giờ phải vội vàng chuẩn bị hành quân.

Ngọc chờ tin chiến thắng nhé. Trước mắt chúng mình đang vô cùng sôi động của khí thế bước vào chiến dịch.

Đọc thư cậu mình rất xúc động. Tuy nhiên mình mừng là cậu đã vững vàng vượt qua sự tan vỡ của tình yêu. Mình tin là nếu cậu gặp một tình yêu khác thì cậu sẽ đằm thắm hơn.

Mà đừng nên nghĩ xấu về đàn ông như vậy. Cũng như mình chẳng bao giờ nghĩ xấu về đàn bà, mặc dù họ cũng làm mình điêu đứng nhiều phen!

Cậu có những ý nghĩ hay đấy. Mình sẽ nghĩ thêm xem sao về cái "tâm hồn đa cảm với đường công danh" ấy mà!

Vội quá, viết vài chữ cho Ngọc. Bởi chưa biết rồi mình có còn gặp được bạn nữa không?

Đừng viết thư cho mình nữa, mình đang di chuyển sang một đơn vị khác.

Rất nhớ bạn
Thanh Tùng

Bức thư lâng lâng một tâm trạng phấn chấn, lạc quan. Điều đó khiến cho Ngọc hơi xấu hổ. Trong lúc ai ai cũng dồn tâm trí mình vào "Chiến dịch Hồ Chí Minh" thì mình lại sầu muộn vì tình!

Đức Hiền lao vào nhà như cơn lốc, cậu hét to:

– Mẹ ơi, quân ta chiếm Đà Nẵng rồi!

Ngọc vội cất lá thư vào ngăn kéo, rồi đứng dậy để đi chuẩn bị bữa cơm chiều.

Chị niềm nở với con:

– Vậy ư? Thế con thấy họ cắm cờ vào đấy rồi à?

– Cờ cắm vào đúng chữ "Tua-Ran". Thế tức là Đà Nẵng mẹ nhỉ?

– Thế thì hai mẹ con mình đi nấu cơm để ăn mừng chiến thắng mới nào! – Ngọc đùa vui vẻ.

Cậu con trai theo nền nếp đi vo gạo, rửa rau, trong lúc Ngọc chế biến thức ăn.

Ở câu lạc bộ Thống Nhất có một cái bản đồ cực to, treo suốt từ nóc nhà hai tầng đến chạm đất. Cứ đến năm giờ chiều thì một anh cán bộ bắc thang lên để cắm cờ đỏ sao vàng vào những vùng mà quân ta đánh chiếm được.

Vì vậy cứ đúng giờ đó là các bác về hưu, và các em thiếu nhi tụ tập rất đông, hồi hộp đón chờ chiếc cờ tí xíu đỏ thắm được trịnh trọng cắm vào tỉnh nào đó. Tất cả hò reo hoan hô, còn anh cán bộ đứng trên chót vót đỉnh thang, giơ tay vẫy vẫy, chào "quần chúng" như một "vị tướng" hiển hách chiến công!

Tin vui đến từng ngày, thậm chí từng giờ, mỗi lúc niềm hân hoan lại dâng cao hơn.

Cho đến sáng 30-4, niềm phấn khởi lên đến tột đỉnh, hầu như cả thành phố không ai có thể làm việc gì được, tất cả quây quanh đài để chờ đợi. Ai cũng bồn chồn chạy ra chạy vào ra vẻ bận rộn lắm mà thực ra chẳng làm việc gì hết!

Ngọc đến phòng làm việc, mà không thể ngồi yên một mình trong phòng. Chốc chốc lại chạy ra phòng hành chính hỏi xem tin tức:

– Quân ta vào Sài Gòn chưa?

Điện thoại đổ chuông, Ngọc chồm đến cầm ống nghe:

– A lô! Ngọc đây. Anh Phương đấy ư? Ngọc reo lên sung sướng.

Tiếng Phương vui vẻ:

– Giải phóng Sài Gòn nhé! Dương Văn Minh đã đọc lệnh cho quân lính đầu hàng rồi – Phương báo tin giọng đầy xúc động.

– Tuyệt quá! Thế sao đài chưa đưa tin?

– Anh nghe Trung ương trực tiếp truyền đạt.

– Thế để em đi báo tin cho sinh viên đã nhé!

Ngọc quẳng điện thoại xuống, quên cả cám ơn người đưa tin. Chị chạy ra sân reo to:

– Giải phóng Sài Gòn rồi!

Tất cả sinh viên xô đến ôm lấy cô giáo mà hôn. Niềm vui chan hòa giữa thầy và trò. Họ cảm thấy mình đang hòa chung trong niềm vui lớn lao của cả một dân tộc. Thật sung sướng được làm một đứa con của Tổ quốc Việt Nam.

6.

Trong cuộc họp của Bộ, Ngọc gặp Đức Phương họ vui mừng gặp nhau, nhưng tâm trạng bình thản. Ngọc ngồi nghe anh trình bày kế hoạch ngành giáo dục chuẩn bị cho miền Nam sau giải phóng. Chị vẫn say sưa lắng nghe giọng nói từ tốn và những suy nghĩ sâu sắc của anh. Anh vẫn là một thủ trưởng mà chị quý trọng, bởi năng lực vững vàng, và đức độ trong đời sống riêng.

Họp xong, Phương mời Ngọc:

– Cô vào phòng tôi một lát được không?

– Vâng ạ!

Căn phòng của thứ trưởng không lớn. Chỉ khoảng hai mươi lăm mét vuông. Được bày biện trang nhã bằng những đồ gỗ lịch sự: chiếc bàn giấy lớn lát mặt kính, một bàn dài mặt pooc-mi-ca, vân rất đẹp bóng lộn. Có khoảng sáu chiếc ghế tựa đệm nhung và một chiếc tủ kính. Tất cả đều sạch bóng.

Sàn nhà bằng gỗ đánh xi đen nhánh, không vương một hạt bụi.

Ngọc ngồi xuống ghế, nói cho có chuyện:

– Ở đây chắc phải có một bà lao công rất tuyệt.

Phương cười:

– Nhà tâm lý quan sát giỏi quá! Bác lao công ở đây thì đáng ra phải lương chuyên viên bậc cao mới phải. Đó là một con người có đầu óc tổ chức nội thất rất tài. Bác ấy làm thế nào mà tất cả khu vực cán bộ lãnh đạo này đến gần một chục phòng mà lúc nào cũng bóng như gương, không hề thất lạc vật gì.

Vừa nói đến đấy, đã thấy cửa mở. Một bác gái trạc hơn năm mươi, búi tóc, răng đen, áo cánh phin nõn, quần xa tanh đen, bưng vào một khay nước. Hương trà tỏa thơm, chén sứ trắng tinh. Bác nói giọng êm ái:

– Mời thủ trưởng, mời chị xơi nước.

Bác khẽ đặt khay xuống, nhấc chén để trước mặt mỗi người rồi cúi chào, nhẹ nhàng đi ra.

Sự xuất hiện chỉ một phút mà Ngọc cảm phục một con người hết sức tầm thường về chức vụ, quê mùa trong cách ăn mặc. Vậy sao mà ở bác ấy toát lên một trình độ văn hóa. Thái độ khiêm tốn mà lại ý thức tự hào về chức trách của mình. Công việc lao động giản đơn mà được làm một cách chu tất, hợp lý đến độ khoa học của một họa sĩ nội thất.

Ngọc cảm mến người đàn bà lao công đó:

– Một con người đáng quý thật. Em chỉ sợ các nhà lãnh đạo chỉ khen suông, mà chẳng bao giờ quan tâm đến đãi ngộ thỏa đáng công sức của người ta.

– Nhưng mà lương của lao công chỉ đến "nhân viên bốn" là tột bật rồi.

– Sự vô tâm của lãnh đạo nhiều khi tàn nhẫn, cũng ngang với sự "bóc lột lao động" rồi đấy!

– Nhưng biết làm thế nào được? Chính sách là như vậy cơ mà?

– Quyền hành là ở các anh. Vậy mà để cho một người làm việc tốt như thế, lại ăn lương như thế, mà chẳng nghĩ ra cách gì ư? Hãy trả gấp đôi lương cho chị ấy. Coi như đó là công việc của hai người. Thêm suất lương thuê ngoài giờ thì khó gì đâu?

– Phải, phải! Hay lắm. Nhưng có sợ mọi người thắc mắc không?

– Thì đưa vấn đề cho công đoàn lấy ý kiến. Em tin là quần chúng ủng hộ ngay.

Phương cười phấn khởi:

– Đáng ra em phải làm thứ trưởng mới đúng!

Ngọc cười nhạt, cô nói:

– Em không đủ bản lĩnh "tỉnh bơ" để mà đứng ở cương vị cao ấy!

Phương đang thích thú về sự đề xuất của Ngọc, anh không chú ý đến giọng mỉa mai của chị, anh nói:

– Giá mà được gần em thì chắc chắn công việc lãnh đạo của anh sẽ tốt hơn nhiều.

Ngọc đứng dậy định về, chị không thích nhắc đến chuyện đó.

– Thế anh không sợ mất uy tín à?

Phương chợt nhận ra Ngọc đang buồn giận.

Anh nói giọng trầm xuống:

– Em ngồi lại lát nữa đã. Anh lúc nào cũng cảm thấy mình chỉ sống có một nửa. Còn một nửa thì anh như người mất hồn. Ước gì chúng mình cũng được "giải phóng" và được "thống nhất" nhỉ?

Ngọc nhìn Phương mà không sao tìm lại được niềm xúc động yêu thương trước kia nữa. Chị nói lảng:

– Đất nước thì được giải phóng, nhưng mà em thì sắp "mất tự do". Ông ấy trở về thì sẽ sống ra sao đây?

– Em định sẽ hòa hợp lại chứ?

– Làm sao hòa hợp được? Giá mà giận nhau thì lúc này có thể tha thứ mà trở về với nhau được. Nhưng mà em ghê sợ ông ta, bản chất hai người không thể thay đổi được.

– Ông ta xấu xa đến như vậy sao?

– Nếu ông ấy mà xấu thì lại dễ dàng quá. Em sẽ bỏ ông ta chẳng chút ân hận. Nhưng mà ông ấy chẳng có điều gì đáng chê trách cả. Vậy mà em không sao chịu nổi khi nhìn thấy mặt ông ta.

– Anh không hiểu nổi em. Tại sao không nhân nhượng mỗi người một ít mà chịu đựng nhau cho êm thấm? Anh hiện nay đang sống như vậy, thấy cũng xong!

– Em rất mừng, anh đã tìm được hạnh phúc.

– Làm gì có hạnh phúc đó được? Chỉ là sự yên ổn thôi.

– Thế là tốt lắm rồi.

– Thế em sẽ giải quyết gia đình như thế nào?

– Điều đó mặc em. Em sẽ tự giải quyết lấy.

Ngọc cảm thấy chán ngán, chị đứng dậy kiên quyết ra về. Phương bắt tay chị tần ngần hỏi nhỏ:

– Em có còn yêu anh không?

– Em đang cố gắng để quên hẳn anh – Ngọc đáp giọng lạnh tanh.

– Đừng! Sao lại thế?

– Như vậy là đúng với lẽ đời!

Ngọc đi ra, chị thở dài, buồn vì tình yêu lụi đi như tro tàn.

Hình như cứ mỗi lần Ngọc rơi vào tâm trạng buồn nản, thì lại có thư của Thanh Tùng.

Tuy ở rất xa nhau, nhưng Tùng luôn luôn an ủi Ngọc trong cảnh sống chống chếnh cô đơn. Có lẽ đó cũng là một điều kiện để chị giữ được cân bằng tinh thần mà làm việc ngày càng có hiệu quả cao hơn. Nhưng mà lần này thư của Tùng lại là nỗi đau buồn của anh. Anh tìm đến sự thông cảm của chị.

Lệ Ngọc thân quý!

Mình viết thư này cho cậu trong tâm trạng xáo động dữ dội. Lúc mà cả nước đang mừng vui chiến thắng. Mình cũng đã là một chiến sĩ đi trong đoàn quân vào giải phóng Sài Gòn. Vậy mà vừa rồi mình về quê thăm mẹ mình, thì mình lại được tin đứa em trai vừa tròn hai mươi tuổi của mình đã hy sinh ngay trước cửa ngõ Sài Gòn vào ngày 30-4. Hai anh em cùng trong một đoàn quân mà không biết tin của nhau.

Nó là tất cả tình yêu thương của mẹ mình. Khi mẹ mình mang thai nó thì bố mình mất ở Điện Biên Phủ, ông cụ đi dân công hỏa tuyến. Cụ mất cũng trước ngày hòa bình chỉ một tháng.

Số phận khắc nghiệt đã dồn trút lên đầu mẹ mình hai cái tang lớn, đều vào thời gian mà mọi gia đình đang chờ đợi sự đoàn tụ hạnh phúc.

Khi mình gặp mẹ, thì bà cụ đã trở thành một người thẫn thờ. Mái tóc trắng phơ của mẹ là một vành khăn tang trắng không bao giờ có thể cất đi được nữa.

Mình không dám khóc trước mặt mẹ, nhưng đến tối, khi mình lang thang ngoài đồng thì nỗi đau đớn khôn cùng. Mảnh đất còn nham nhở hố bom. Rặng tre còn cháy xám cả ngọn, nhưng mà đất sẽ lấp đầy, tre sẽ đâm chồi mới. Còn mẹ mình thì sẽ khô héo đi vì đau khổ mà thôi!

Cả cuộc đời mẹ mình sống bằng yêu thương. Vậy mà số phận đã cướp đi của bà hai con người yêu quý nhất! Đêm ấy mình đã khóc một mình trên cánh đồng vắng.

Khi mình trở về đơn vị, trong tâm trạng đau buồn ấy mình đã làm một bài thơ "Cái giá của chiến thắng". Mình muốn nói lên nỗi đau của người mẹ, mình muốn nhắc nhở không được quên những người đã nằm xuống để mình được sống hôm nay.

Thế mà suốt một tháng nay mình phải làm kiểm điểm trước đơn vị, vì tư tưởng dao động, vì đã mơ hồ về quan điểm chiến tranh chính nghĩa và chiến tranh phi nghĩa v.v... Ngọc ơi, mình không sợ khuyết điểm nếu mình có sai lầm thật. Nhưng mà mình đâu có ý oán trách chiến tranh như người ta đã quy kết cho mình?

Cả gia đình mình và bản thân mình đều sẵn sàng xả thân vì đất nước. Nhưng chẳng lẽ vì thế mà không được đau khổ trước những đau thương mất mát nữa hay sao?

Mình không buồn vì bị phê phán. Nhưng mình đau vì thái độ phê phán. Hình như có những người thích thú chà đạp lên nỗi đau của người khác.

Đương nhiên có rất nhiều người thông cảm với mình, hiểu mình. Nhưng những người tốt ấy lại im lặng. Trong các cuộc họp bao giờ

cũng chỉ vang lên tiếng gay gắt, chì chiết. Thế là mình nổi cơn điên lên, thần kinh căng thẳng quá, mình không chịu nổi nữa, nên mình bỏ cuộc họp đi ra ngoài.

Và thế là sự phẫn nộ trào lên. Mình mang thêm tội coi thường tập thể, chống lãnh đạo!

Lệ Ngọc ơi, giờ phút này mình cảm thấy cô đơn quá, ước gì lúc này được ở gần Ngọc thì mình sẽ lao đến với bạn. Có lẽ chỉ có bạn mới hiểu mình mà thôi. Lúc này đây mình càng thấy cuộc đời cần có bạn thân, tri âm tri kỷ. Bởi vì không có bạn thì chẳng thế nào chịu đựng nổi sóng gió cuộc đời, mà cũng chẳng thể nào sống tốt đẹp được.

Bạn thân của Ngọc
Thanh Tùng

Lệ Ngọc ngồi lặng đi, một nỗi lo âu cứ từ từ dâng lên, chị nghẹn thở vì thương bạn, bởi sự lên án vô lý trước nỗi đau của một con người. Mà lại là con người hồn hậu, từ tâm, nhiệt thành và tài hoa nữa. Nhưng mà có lẽ đồng đội chẳng phải ghét bỏ gì anh đâu. Song trong trào lưu phê phán, thì người quá khích thường trở nên dữ dằn. Chắc là họ chẳng có chủ định đập chết ai đâu. Nhưng có thể trong sự hung hăng, có khi họ lại làm chết người cũng nên. Nhất là với những tâm hồn nghệ sĩ vốn nhạy cảm, rất dễ bị tổn thương. Chị lo cho Tùng quá! Sợ anh không đủ sức chịu đựng mà trở nên bất mãn rồi xử sự khùng lên thì đổ vỡ hết.

Chị viết thư cho Tùng.

Thanh Tùng ơi!

Đọc thư cậu mà mình bàng hoàng. Suốt đêm mình nghĩ đến cậu, và hình dung tình trạng buồn khổ của cậu mà mình không sao yên tâm được.

Chiến thắng đem đến niềm vui lớn cho cả dân tộc, và cũng có biết bao nỗi đau khổ riêng tư, mà cũng thật là lớn đối với mỗi gia đình. Đó là tất yếu không tránh khỏi, về cái giá của một cuộc chiến tranh.

Nhưng mà trong niềm vui sướng hình như con người trở nên vô tâm, họ quên mất nỗi đau của người khác.

Khi chiến tranh đang khốc liệt, nỗi đau của mỗi người đều được đồng đội chia sẻ. Còn trong hòa bình hình như con người tự nghĩ về mình nhiều hơn. Họ không thích những gì làm giảm không khí rạng rỡ vui vẻ của họ chăng? Tùng ơi, có thể là họ không hiểu nỗi đau của cậu, cũng như cậu không hiểu niềm vui của họ!

Cậu cứ kiên nhẫn lắng nghe suy ngẫm, và rồi cậu sẽ hiểu người, hiểu mình hơn. Sự cáu giận sẽ làm cho cậu mất tự chủ, sáng suốt. Rồi cậu xem, sau khi giận dữ, họ sẽ bình tâm nghĩ lại.

Tâm hồn mình chân tình, trong sáng, thì chẳng có sự quy kết, chụp mũ nào có thể buộc tội mình được cả đâu.

Mình hiểu nỗi buồn của cậu thật nặng nề. Không chỉ là nỗi khổ không được cảm thông, mà là tác phẩm bị chà đạp nữa. Nhưng mà số phận của tác phẩm, cũng giống như số phận con người. Phần lớn các tác phẩm xuất sắc khi mới xuất hiện bao giờ cũng bị dập vùi, nhưng nếu nó có giá trị đích thực thì thời gian sẽ thẩm định nó.

Gửi cho mình xin bài thơ ấy nhé. Cậu chép tay cho mình, mình không thích bản đánh máy đâu.

Về phần mình có thể thông báo vắn tắt như sau: tình yêu tan vỡ, mặc dù anh ấy vẫn tốt như trước kia. Nhưng mình không hiểu sao lòng cứ nguội lạnh đi. Cứ thản nhiên mà quên lãng. Chính mình hơi sợ bản thân mình. Hình như mình không biết yêu hay sao ấy?

Còn gia đình mình, Thành chưa về nên vẫn yên ổn. Có lẽ rồi sẽ có sự bùng nổ khi nào ông ấy về. Lúc nào có sự kiện gì, mình sẽ thông báo sao.

Thôi nhé thư dài rồi. Mong cậu kiên nghị, điềm tĩnh để đừng nản lòng. Cần sáng tác nhiều hơn. Đừng thành kiến với ai cả. Ai cũng có lúc quá lời. Mà nói xong thì có khi họ lại quên ngay. Còn mình nghe thì mình cứ bực mãi làm gì?

Mình kính gửi lời thăm bà cụ, cô Xoan và các cháu.

Rất quý mến bạn
Lệ Ngọc

7.

Nguyễn Thành dừng ô tô trước nhà mình. Anh chạy ào lên thang gác.

Đức Hiền sững người nhìn chú bộ đội, rồi nó reo lên "Bố!".

Thành ngước mắt nhìn thằng con cao hơn bố nửa cái đầu. Một thanh niên đẹp trai cao lớn, chững chạc. Anh cứ vỗ vai con liên hồi như gặp đồng đội vậy. Anh vừa quen vừa lạ với thằng con của mình.

– Con xuống xách đồ đạc lên cho bố, và mời các chú lên nhà chơi.

Trong căn phòng bỗng ngổn ngang vì đồ đạc, và đầy ứ lên vì tiếng nói oang oang của những con người quen nói to giữa lính tráng với nhau.

Xao xác một hồi, rồi ai nấy đều vội vã đi xuống xe, bởi nóng lòng được về nhà mình.

Khi còn lại hai bố con ngồi với nhau, Thành hỏi:

– Con đang học đại học Bách khoa ư, có vất vả lắm không?

– Đối với con thì học hành chẳng có gì là khó cả. Nhưng mà con chỉ cần giữ mức trung bình thôi!

Thành cau mày nghiêm khắc:

– Sao con lại có tư tưởng trung bình chủ nghĩa thế?

Hiền cười hồn nhiên:

– Học giỏi để làm gì?

Thành tròn mắt ngạc nhiên:

– Sao con lại hỏi lạ thế? Học giỏi để phục vụ nhân dân. Con phải quyết tâm cao để nắm lấy kiến thức hiện đại.

Hiền cười phá lên:

– Nếu học để phục vụ nhân dân thì chẳng cần giỏi. Chỉ cần trung bình là đủ rồi!

Thành lắc đầu, anh không hiểu nổi con mình nữa. Nhưng anh ngại lúc nầy mà giảng giải chỉnh đốn tư tưởng cho nó thì sẽ căng thẳng. Hai bố con mới gặp nhau, anh muốn có không khí vui vẻ. Anh nói lảng sang chuyện khác:

– Mẹ có khỏe không? Mẹ làm việc thế nào?

– Mẹ bây giờ là chủ nhiệm khoa nên bận lắm. Mẹ làm việc như người cuồng tín, chẳng biết mệt mỏi là gì.

– Thế mẹ có nhiều khách khứa bạn bè đến thăm không?

Hiền chán kiểu nói chuyện lục vấn ấy, nó chỉ muốn tò mò xem bố nó đã đem thứ gì về.

– Khách cũng đông, nhưng chỉ toàn phụ huynh học sinh thôi. Thế bố mang gì về đấy. Có ti vi không?

– Có chứ. Cả tivi, cả cát-xét. Nay mai sẽ có xe tải chở tủ lạnh ra nữa.

– Hoan hô bố!

Cu cậu xăng xái đứng dậy soạn các gói bọc ra, rồi bắt đầu lắp ăng ten, lắp ổ cắm điện...

Hai bố con mải mê làm, Lệ Ngọc bước chân vào sững người vì bất ngờ. Thành về mà không về báo trước. Thành niềm nở:

– Em đi làm về đấy à?

– Vâng, anh vừa về ạ!

Ngọc đi thẳng vào bếp, chị vừa làm bếp vừa suy nghĩ về cách ứng xử sắp tới. Chị bắt gà làm thịt, lấy chai rượu trên bàn thờ xuống... Bữa cơm thịnh soạn đón người đi xa về. Nhưng mà thái độ thì gượng gạo.

Thành kể về tình hình miền Nam, anh nói rất hào hứng, nhưng cả hai mẹ con đều nghe một cách lơ đãng. Hiền không thích lối nói chuyện của bố, còn Ngọc thì cảm thấy tính khoa trương trống rỗng của anh. Chị liếc nhìn chồng vừa ăn, vừa nói nhồm nhoàm, tay khua đũa vung lên. Một cảm giác ghê ghê. Chị cảm thấy lợm giọng khó chịu, cố nuốt cho xong bát cơm. Ngọc đứng dậy:

– Xin phép cả nhà!

Một cảm giác nôn nao như bị phản ứng khi tiếp xúc với dị vật. Lệ Ngọc thở dài khổ sở vì sự chịu đựng sắp tới với con người xa lạ ấy.

Hai mẹ con dọn dẹp rửa bát xong, Hiền định đến nhà bạn, ý tứ để bố mẹ nói chuyện riêng với nhau. Nhưng Ngọc hốt hoảng, chị sợ phải ngồi một mình với Thành. Chị nói với con:

– Tối nay con ở nhà. Bây giờ con soạn giường của con cho bố ngủ. Con kê giường xếp cạnh giường mẹ mà ngủ nhé.

Thành nói, giọng khàn lại vì nén bực:

– Thôi, cứ để cho con nó ngủ giường. Tôi ngủ giường xếp cũng được.

Ngọc nghiêm trang nói:

– Không. Tôi muốn Hiến nằm cạnh tôi.

Thế là hai bố con đều hiểu là không làm khác ý của mẹ được.

Ngọc đến bên bàn làm việc, hai bố con bật ti vi xem. Hiền thích thú cười. Còn Thành yên lặng suy tư.

Sáng hôm sau, khi Hiền đã đi học, Thành nói với vợ:

– Tôi về Vinh thăm ông bà cụ. Có lẽ tôi sẽ ở nhà với các cụ cho đến hết phép.

Ngọc thầm biết ơn về sự tế nhị đó. Chị ân cần hỏi:

– Thế anh có cần mua bán quà gì để về biếu các cụ không?

– Cám ơn. Tôi đã có đủ rồi! – Thành nói dằn dỗi.

Ngọc thở phào nhẹ nhõm, chẳng buồn quan tâm đến vẻ bất mãn của Thành.

Bây giờ Thành mới thấy niềm vui "Trở về nhà". Hai cụ sung sướng đón con trai. Bà cụ bảy mươi tuổi, người gầy nhỏ tóp lại như quả bồ kết, bà đưa bàn tay xương xẩu như cái cẳng gà, rờ rẫm lên vai, lên đầu đứa con trai to béo như ông hộ pháp:

– Con có khỏe không? – Bà run run hỏi đầy âu yếm.

Thành cười vang:

– Mẹ xem, con ở chiến trường mà ngày càng béo. Còn mẹ ở hậu phương mà lại ngày càng gầy!

Bà cụ móm mém cười:

– Đừng ỷ sức con ạ. Cẩn thận kẻo huyết áp cao.

Ông cụ ngồi nghe con trai thao thao kể chuyện miền Nam, hăng hái như diễn thuyết. Vẻ mặt già nua bừng sáng lên vì thán phục.

Thành thấy thoải mái, tha hồ nói đủ thứ chuyện. Khách hàng xóm đến nghe ngày càng đông. Trong số người đến nghe chuyện, Thành chú ý đến một phụ nữ trạc ba nhăm. Cô ta có dáng người tròn lẳn, khuôn mặt bầu bĩnh ngăm ngăm. Đôi mắt sắc dài và nét cười rất tươi.

Khi mọi người về văn, cô ấy đến cạnh anh nói:

– Em nghe anh nói chuyện mà tưởng như chính mình đang được sống ở Sài Gòn. Anh có lối kể chuyện có duyên quá!

Thành mặt mày nở nang vì được người đẹp khen:

– Khi nào rỗi việc, cô sang đây tôi lại kể chuyện cho mà nghe.

– Thật nhé!

Bà mẹ lườm cô gái. Khi cô về khuất, bà nói với con trai:

– Con Khanh mới bỏ chồng đấy. Rõ đồ lẳng lơ. Đã hai con mà còn rước trai về nhà nên chồng nó đuổi!

– Cô ấy làm gì hở mẹ?

– Làm bác sĩ ở bệnh viện tỉnh.

– Thế là trí thức đấy, cần phải tôn trọng người ta.

Tự nhiên Thành mỉm cười, vừa đi vừa thổi sáo bài "Cô láng giềng". Bài hát xưa cũ mà hồi đi học ở trường quốc học Vinh anh ta rất thích. Chỉ có điều anh ta chẳng bao giờ thổi đúng nhạc điệu cả!

Thành dậy sớm, tập thể dục theo thói quen ở đơn vị. Anh cạo râu rất kỹ, mặc bộ quân phục mới, đeo quân hàm thượng tá. Rồi mượn cái xe đạp đi đến thăm Bạch Tuyết.

Niềm vui lâng lâng khiến anh đạp xe mê mải, thấy ai cũng gật đầu chào thân mật. Dân phố thấy ông sĩ quan nhiều gạch nhiều

sao mà lại niềm nở vậy, nên cũng chào lại đầy nhiệt tình. Bởi thế mà ông ta cảm thấy mình được tất cả mọi người đều yêu quý quá!

Đến nơi, Thành ngạc nhiên thấy căn nhà nhỏ xưa kia đã trở thành tòa nhà lớn lộng lẫy, mái bằng, cửa kính hoa dâu, tường trát đá rửa.

Thành trở nên rụt rè, cảm thấy sự oai vệ của mình bỗng nhạt mờ hẳn đi. Anh bấm chuông, tiếng chó béc giê gầm lên như sấm. Sự chững chạc của anh bỗng chùng hẳn xuống!

Một cậu thanh niên cao lớn, da ngăm đen, khệnh khạng đi ra hỏi trống không:

– Hỏi ai?

– Cháu cho chú hỏi cô Bạch Tuyết.

Cậu ta quay ngoắt vào gọi:

– Mẹ ơi, ông bộ đội nào hỏi mẹ đấy.

Một bà to béo, mặc bộ đồ màu xanh da trời đi ra mở cổng:

– Trời ơi! Anh!

Bạch Tuyết cảm động, nước mắt ràn rụa, chị nắm lấy tay Thành, ngước đôi mắt đã có ngấn lệ nhìn anh đăm đăm. Đôi môi đã mỏng đi đang run run muốn khóc.

Nhưng mà lòng Thành bỗng nguội hẳn đi. Người đàn bà xồ xề đang mếu máo kia mà lại là "nàng Vệ nữ" hay sao? Có thể nào mình đã từng hôn lên đôi môi ấy, đã từng ôm tấm thân ấy? Thật lạ lùng quá!

Bạch Tuyết cầm tay Thành kéo vào nhà, như dắt một đứa trẻ. Thành ngượng ngùng ngồi xuống ghế.

Bạch Tuyết gọi con:

– Thành Đức! Ra mẹ bảo.

Cậu thanh niên lại khệnh khạng đi ra. Cậu ta nhìn Thành trân trân.

– Mẹ giới thiệu với con. Bác Thành đây là bố con.

– Bố con? – Cậu ta cau mày gườm gườm.

Thành như ngồi trên chảo rang, đôi mắt hốt hoảng, anh nhìn Tuyết lắc đầu. Anh nói chữa:

– Bác là bố đỡ đầu của cháu.

Cậu con trai cười khẩy, cậu ta bỏ vào nhà.

Tuyết buồn vì thái độ của cả hai người, nhưng chị không dám trách. Chị sợ mất không khí vui vẻ của giờ phút tái ngộ.

Thành đang bồn chồn, anh lo ngại vì đôi mắt thù địch của cậu thanh niên.

– Chồng em có nhà không?

– Anh ấy đã vào Sài Gòn. Ông cụ thân sinh thời cải tạo tư sản, ông ấy trốn vào miền Nam, cho nên bây giờ giàu lắm. Cụ có nhà máy rất lớn ở trong đó. Bây giờ chồng em vào quản lý nhà máy ấy thay cụ, để cụ nghỉ ngơi. Cả một đời lăn lộn vất vả rồi còn gì? Tuyết nói giọng tự hào.

– Sao cô không vào cùng? Thành đổi cách xưng hô.

– Em quản lý cơ ngơi ngoài này. Cả bốn đứa con đều ở với em cả.

– Những bốn đứa cơ à?

– Vâng, sau thằng cu với anh, em sinh thêm hai cháu nữa. Thế là ba gái, chỉ mỗi Thành Đức là con trai thôi.

– Chắc đời sống cô ấy bây giờ sung túc rồi phải không?

– Bây giờ chúng em còn giàu hơn trước kia, vừa sản xuất, vừa buôn hàng Bắc-Nam. Cho nên phải ở ngoài này làm đầu mối phía Bắc.

Thành cười gượng gạo. Anh cảm thấy những món quà mà anh chắt chiu từng đồng để mua tặng Tuyết bỗng trở thành tồi tàn trước cảnh sống giàu có này. Anh thôi không đem ra tặng nữa.

Mới ngồi được mười lăm phút mà anh thấy dài như hàng chục tiếng đồng hồ. Anh đứng dậy chào ra về. Tuyết hốt hoảng:

– Sao anh lại về? Ở lại với em đi.

Thành thở dài, một cảm giác chán ngán nặng nề. Anh chỉ muốn thoát ra cho nhanh.

– Anh có việc bận, anh phải về ngay.

– Anh còn ở lại Vinh bao lâu nữa?

– Chưa biết. Xong việc là anh ra Hà Nội.

Thành nói dối để khỏi phải hẹn hò với Tuyết. Nhưng với sự nhạy cảm của phụ nữ, Tuyết nhìn thấy vẻ mặt vô tình của anh. Chị hỏi với vẻ tò mò cay cú:

– Gia đình anh đã hạnh phúc rồi ư?

– Thì cũng phải yên ổn mà sống chứ!

Thành lại nối dối. Tuyết mừng vì không muốn anh bỏ vợ. Bởi vì lúc này chị không muốn bỏ chồng.

Chồng chị trở nên giàu có và sang trọng. Nhưng chị vẫn muốn anh là người tình của mình. Chuyện tình lúc này đối với chị là niềm vui tinh thần, bổ sung cho cuộc sống tràn ngập vật chất mà cô đơn. Bởi chồng chị cũng đang sống với một cô bồ trẻ đẹp ở trong Nam.

Bạch Tuyết cố níu giữ lấy chút tình cảm mong manh, mà cô cảm thấy nó đang tan ra.

– Anh không còn chút tình nào với em nữa sao?

Giọng Thành trang nghiêm:

– Chúng mình đã già rồi. Sắp làm ông làm bà, cũng nên giữ mối quan hệ đúng mực để con cháu không thể chê trách được.

Tuyết giận dỗi:

– Già thì có tình già! Chỉ có hết tình thì mới thôi.

Thành cương quyết đứng dậy, anh không muốn kéo dài cuộc nói chuyện gượng ép này nữa:

– Thôi anh về nhé! – Thành cố gắng giữ giọng thân mật.

– Vâng. Nếu cć dịp anh lại đến thăm em chứ?

– Anh chẳng dám hẹn trước.

Tuyết tiễn Thành ra cửa. Thành vội vã nhảy lên xe, quên cả bắt tay từ biệt

Thành đạp xe trở về nhà, lòng nhẹ nhõm vì đã dứt khỏi mối tình cũ một cách nhẹ nhàng.

Anh đang hình dung cuộc nói chuyện vui vẻ với Khanh tối hôm nay "Cô ta dễ thương quá".

Anh thầm nghĩ về cô bạn mới quen như vậy...

Hết một tháng nghỉ phép, mà chuyện kể với cô Khanh vẫn chưa hết. Trái lại câu chuyện ngày càng dai hơn và có duyên hơn!

Mặc cho bà cụ thở dài, lườm nguýt cô láng giềng lẳng lơ. Hai người cứ ngày càng thân thiết hơn. Và rồi đến lúc Thành đã ngồi suốt ngày ở nhà Khanh, ăn cơm luôn ở bên ấy, thì họ chẳng còn đoái hoài gì đến nỗi phiền muộn của bà cụ nữa.

Khi Thành chuẩn bị trở ra Hà Nội, thì hai bên đã hẹn hò nhau:

– Khi nào anh chuẩn bị xong nhà cửa thì anh sẽ đón em ra. Chúng ta sẽ cưới ở Hà Nội.

Khanh hờn dỗi:

– Anh có nhà rồi, việc gì phải chuẩn bị? Đuổi con mụ Ngọc ra khỏi nhà, nhà mình mình ở chẳng tội gì phải chạy chọt xin nhà. Biết đến bao giờ mới có? Anh định bắt em chờ hàng năm chắc?

– Em cứ yên tâm. Anh sẽ chuẩn bị nhanh nhất. Anh rất nhớ em và cần có em.

Khanh ôm chầm lấy Thành nũng nịu:

– Cấm anh không được gần gũi mụ ta đấy nhé! Anh mà trở lại với mụ ấy em sẽ giết cả hai. Nhớ chưa?

Thành chợt e ngại người đàn bà dữ dằn này. Nhưng khi cô ta ôm xiết Thành, thân hình rắn chắc nồng ấm áp chặt vào anh, thì dù đó là con hổ cái, anh cũng sẵn sàng hiến mình!

Đã một tuần lễ nay, Thành ở nhà mình như người khách trọ. Đến bữa cùng ăn một mâm, nhưng câu chuyện đểnh đoảng. Hầu như hai vợ chồng không nói với nhau một câu nào. Chỉ Hiền khi thì nói với bố, khi thì nói với mẹ, cố gắng để không khí đỡ nặng nề.

Thành cứ ngại ngần chưa muốn nói quyết định ly hôn. Anh cảm thấy tiếc, Lệ Ngọc vẫn xinh đẹp duyên dáng. Chị lại dịu dàng nghiêm trang. Chị rất yêu con, và con trai của anh cũng yêu mẹ.

Chắc chắn nó sẽ đòi sống với mẹ . Thằng bé thông minh, ngoan ngoãn, tính tình vui vẻ hồn nhiên. Anh yêu con vô cùng.

Bây giờ phải từ bỏ tất cả những gì thân thiết này để đi tìm một hạnh phúc khác đâu có dễ dàng.

Suốt ngày anh cứ suy đi tính lại, bỏ đàng nào cũng tiếc. Anh vốn là người vô tâm, ăn nhiều ngủ khỏe. Vậy mà bây giờ hốc hác vì ăn không ngon, ngủ không yên.

Còn Ngọc, chỉ cũng cảm thấy phân vân vì tình trạng lửng lơ này. Chị chỉ muốn dứt khoát cho xong. Chị hiểu mình khó lòng hòa hợp. Nhưng mà nhìn anh buồn bã bần thần, có lúc chị cảm thấy thương thương.

Tối thứ bảy, Hiền đi hội diễn sinh viên. Cậu là một tay guitare basse. Cả nhóm ca khúc rộn rã chuẩn bị từ mấy hôm nay. Cậu mang vé về mời mẹ đi xem, chị từ chối. Ngọc vốn ngại đến chỗ đông người.

Đến tối khi chỉ còn lại hai vợ chồng ở nhà với nhau, chị mới cảm thấy ân hận là đã không đi xem.

Thành ngồi im lặng xem tivi mà chẳng nhìn thấy gì trên màn ảnh. Anh đang đấu tranh tư tưởng nên nói hay không?

Ngọc vùi đầu vào công việc, và chị quên bẵng là trong nhà có "dị vật". Bỗng chị giật bắn người khi Thành đến bên cạnh:

– Tôi muốn nói chuyện với cô về việc gia đình.

Ngọc cau mày lưỡng lự. Nhưng chị gật đầu:

– Được thôi! Mời anh ngồi xuống đây.

Chị đứng dậy pha trà, tráng ấm chén rất lâu. Chị muốn kéo dài thời gian thêm một chút trước khi bước vào quyết định. Chị biết trước là đã không nói ra thì thôi, chứ một khi đã đặt vấn đề ra, có nghĩa là hết!

Thành nói chậm rãi như nặn ra từng tiếng:

– Tôi thành tâm muốn gia đình hòa hợp. Tôi vẫn yêu Ngọc. Tôi nghĩ mình sống với vợ con đúng đắn, chưa làm điều gì sai trái. Vậy chẳng có lý do gì mà cứ chiến tranh lạnh với nhau mãi.

Ngọc cảm thấy cơn tức tối cứ tăng lên, theo mỗi lời nói của anh ta. Một sự phản ứng kỳ lạ trỗi dậy:

– Không nên kéo dài sự gượng ép này. Chúng ta tự giam hãm mình hai mươi năm nay là đã quá đủ rồi. Tôi biết anh yêu người khác, nhưng tôi không cho điều đó là sai trái đâu. Tôi không yêu anh thì anh yêu người khác, điều đó là hợp lẽ tự nhiên thôi. Đã không thể hòa hợp được, thì ta nên dứt khoát thì hơn.

Nghe Ngọc nói vậy, Thành nghĩ có khi cô ta cũng ngoại tình, một cơn ghen trào lên, anh gào thét:

– Cô cũng yêu người khác phải không? Cô muốn bỏ tôi để lấy người ấy phải không?

Ngọc khinh miệt cười khẩy, rõ thật là đồ ích kỷ. Bản thân thì ngoại tình có con riêng. Vậy mà lại ghen tuông với vợ như một mụ đàn bà ngu xuẩn. Cô nói thẳng:

– Phải! Tôi yêu người khác. Nhưng tôi không thể lấy anh ấy được. Chúng tôi chỉ dừng lại ở tình bạn. Hiện nay tôi không hề có ý định lấy ai cả. Nhưng mà tôi không thể nào sống với anh được. Chúng ta hoàn toàn không hợp nhau.

Thành cảm thấy giận dữ khi biết vợ mình yêu người khác, tâm tính ti tiện của anh trỗi dậy:

– Vậy thì ly hôn! Nhưng mà tất cả nhà cửa, đồ đạc này đều là của tôi hết. Tôi sẽ lấy lại tất cả. Cô phải ra khỏi nhà này tay không!

Ngọc khinh bỉ anh ta tột độ. Chị càng quyết tâm phải từ bỏ kỳ được con người tồi tệ này:

– Chúng ta đồng ý ly hôn. Còn tài sản sẽ do tòa án xử. Anh chẳng có quyền gì đuổi tôi cả.

– Không có ai có quyền cướp công ba mươi năm chiến đấu của tôi, để kẻ an nhàn hưởng thụ tất cả được!

Anh ta gào lên như điên. Ngọc nhìn nét mặt ham hố của Thành, chị nói bình thản mà khinh thường:

– Chẳng ai cướp được công lao của ai đâu. Yên tâm đi!

Thành tức sùi bọt mép:

– Nhà này là của tôi thuê, nay là của tôi, cô đi tìm chỗ khác mà ở.

– Nhà này bây giờ do Nhà nước quản lý. Đâu có đó! Anh nổi cáu mà làm gì? Muốn mọi việc êm thấm nhanh chóng thì hai bên phải thỏa thuận. Thôi! Viết đơn đi, tôi ký.

Thành giãy nảy:

– Cô phải viết đơn, đừng đổ lỗi này về phía tôi. Tôi không phụ bạc mà bỏ vợ. Lỗi là tại cô hết!

Ngọc ngao ngán cho sự trơ trẽn của anh ta. Con người lúc này bỗng nhiên phơi bày hết tất cả nhân cách thấp kém. Nhưng chị điềm tĩnh, chẳng còn gì mà nuối tiếc ân hận nữa.

Chị lấy giấy viết đơn chung rồi đưa cho Thành. Anh ta đọc đi đọc lại cẩn thận rồi ký vào. Anh hỏi:

– Tôi sẽ đi nộp đơn, hay cô đi?

– Tùy! Nói xong chị bỏ vào bàn làm việc.

Sáng hôm sau khi Thành đi rồi, Ngọc ngồi nói chuyện với con trai:

– Con đã là một chàng trai, mẹ muốn tâm sự với con chuyện này.

– Vâng, mẹ cứ nói – Hiền ngước nhìn mẹ đăm đăm.

– Bố mẹ sắp ly hôn con ạ. Cuộc sống không hợp nhau mà phải chung sống quả là một cực hình. Cả hai đều chịu đựng nhau quá lâu rồi. Nay con đã lớn, chắc con hiểu cho bố mẹ mà đừng trách con nhé!

Hiền thở dài, nói nhẹ nhàng:

– Con cũng nghĩ như vậy là thích hợp. Con chỉ tiếc cho mẹ, tuổi thanh xuân của mẹ trôi qua mất rồi!

– Cám ơn con. Nhưng mẹ chỉ cần có con là đủ rồi.

– Hiền cầm tay mẹ âu yếm:

– Con sẽ ở với mẹ!

Ngọc ôm đầu đứa con vào ngực mình, mái tóc bù xù, thân hình cao lớn, mà sao Ngọc thấy con mình vẫn bé bỏng như hồi nào.

– Con ạ, có lẽ mẹ con mình phải tìm chỗ ở khác. Bố đòi lại nhà này con ạ.

Hiền ngồi thẳng dậy, mặt nghiêm trang:

– Mẹ đừng lo gì cả. Con sẽ thảo luận với bố. Đàn ông phải cư xử đáng mặt đàn ông chứ!

Ngọc mỉm cười nhìn cậu con đã thật sự người lớn:

– Tùy cánh đàn ông xử sự với nhau! Cám ơn con.

Một tuần sau Thành lại ngồi nói chuyện với Ngọc. Thái độ điềm tĩnh hơn:

– Tôi đồng ý cho cô ở lại đây. Nhưng mà tôi sẽ lấy hết đồ đạc. Cơ quan đã phân phối cho tôi một căn hộ ở khu nhà quân đội rồi.

– Cám ơn! Anh đã nộp đơn chưa?

– Tuần sau tòa án sẽ giải quyết!

Ngọc thở phào nhẹ nhõm:

– Thế là tốt! Cám ơn.

Chị quay vào bàn làm việc. Lát sau chị quên tất cả những sự nhiễu nhương ấy của cuộc sống. Công việc cuốn hút chị. Hay nói cho đúng là chị vùi mình vào bận rộn để trốn tránh cuộc đời thật.

Từ tòa án đi ra. Lệ Ngọc chỉ muốn nhảy lên mà reo: "Tự do rồi!".

Có lẽ người bị án tù chung thân được ân xá cũng chỉ mừng đến như mình mà thôi. Ngọc nghĩ như vậy.

Bờ hồ Hoàn Kiếm chiều nay sao bỗng sáng bừng lên. Mặt hồ lấp lánh ánh nắng chiều, Tháp Rùa nom xinh như một thứ đồ chơi. Hàng cây liễu uốn mình soi mặt hồ như một cô gái làm dáng. Lũ trẻ con đi học về chạy đuổi nhau cười như nắc nẻ. Các bác đầu tóc bạc phơ, lững thững dạo chơi, nét mặt thanh thản ngắm cảnh nhộn nhịp phố phường. Ngọc thấy ai cũng vui, chị bán giải khát đon đả mời khách, anh chữa xe đạp tán chuyện về các loại xe máy mới nhập. Hai cô cậu vừa đăng ký kết hôn đang bàn chuyện đám cưới... Còn mình thì vui sướng vì từ nay mình được sống cuộc sống đích thực là của mình!

Người ta hạnh phúc vì sắp lấy nhau, còn mình hạnh phúc vì được bỏ nhau. Hay thật! Niềm vui của cuộc đời này thật khác nhau biết mấy.

Ngọc ghé qua chợ mua nửa con gà, một nải chuối, mấy quả cam. Chị lại mua mấy bông hồng thật đẹp. Chị ăn mừng ngày tự do của mình.

Chị không muốn về nhà vội, mà đạp xe đi loanh quanh, ngắm cảnh phố xá nhộn nhịp. Đã từ lâu lắm, chị như người cúi gằm mặt xuống đất, không thiết đến niềm vui của cuộc đời. Bây giờ đột nhiên ngẩng mặt lên, chị thấy sao mà dòng đời lại nhộn nhịp đến thế?

Thậm chí có mấy người đi qua nhìn thấy chị có khen: "Nom chị ấy đẹp nhỉ!". Hóa ra sự rạng rỡ làm cho vẻ đẹp bỗng ngời lên. Trước đây nỗi đau đớn âm thầm đã che lấp chị như bóng mây u ám che lấp vầng trăng vậy.

Chị cố đi như vậy cho đến xế chiều. Bởi vì chị hiểu lúc này Thành đang chở đồ đạc đi. Chị không muốn có mặt trong cảnh đó. Chị chẳng sợ đồ đạc còn, mất thứ gì. Bởi nó chẳng có giá trị gì đối với chị cả. Có được mái nhà nương thân cho hai mẹ con là tốt lắm rồi. Khi Ngọc về đến căn nhà trống tuềnh của mình. Đức Hiền đang lau sàn nhà sạch bóng, nó cười vui vẻ:

– Ta sẽ bài trí theo kiểu Nhật mẹ nhé, chỉ toàn là trải chiếu.

– Hay đấy, nhà lại có vẻ rộng ra. Tại sao lại còn chiếc tủ lạnh chưa chở đi?

Hiền cười thích chí:

– Con hỏi bố: "Thế bố chẳng cho con cái gì à?". "Thế con thích thứ gì?". Con suy nghĩ mãi rồi quyết định chọn cái tủ lạnh. Chắc ông cũng tiếc, nhưng rồi cũng đành cho con thôi!

Ngọc rất hiểu con, nó thích cái tivi kia, nhưng mà nó biết mẹ cần tủ lạnh. Bởi vì bận việc như chị thì không thể đi chợ hằng ngày được. Phải dự trữ thức ăn. Ngọc mỉm cười:

– Thế bây giờ con cho mẹ để nhờ thịt vào tủ lạnh nhé!

– Mẹ thuê bao vậy! Hiền thú vị đùa lại.

Cả hai mẹ con soạn sửa căn nhà của mình với niềm vui làm chủ. Vẫn ở tại nhà mình mà Ngọc tưởng như mình được dọn về nhà mới.

Hiền vui vẻ nói với mẹ:

– Dì Bảo Kim đi nghiên cứu sinh thành ra không được ở nhà "mới" mẹ nhỉ. Hiền nói đúng ý nghĩ của mẹ.

– Khi dì về thì lấy chồng, cũng sẽ chẳng ở đây đâu.

Hiền đang vui nên cậu nói đùa:

– Thế thì khi nào con lấy vợ, thì mới trở lại dân số cũ!

Câu nói vô tình của con mà Ngọc giật mình bàng hoàng. Con trai của chị đã hai mươi mốt tuổi rồi, và rồi nó sẽ không còn là của chị nữa. Điều ấy đáng mừng hay đáng buồn? Ngọc bỗng thấy mình cô đơn vô hạn.

Trước đây, Bảo Kim là bạn tâm tình của chị. Những nỗi buồn thầm lặng, chỉ cần em nhìn chị âu yếm, cùng buông tiếng thở dài là nỗi lòng vơi nhẹ. Khi Kim được đi học nước ngoài, thì Hiền lớn lên, đứa con trai rất đỗi gắn bó với mẹ. Nó hiểu mẹ từ dáng đi là biết mẹ vui hay buồn, chỉ nhìn ánh mắt là biết mẹ nghĩ gì.

Ngọc đã dằn mình lại để sống tỉnh táo, chị đã đi tu giữa cuộc đời để giữ được danh dự của nhà giáo. Chị bóp nghẹt tình yêu để mà giữ đạo lý ở đời.

Những nỗi đau khổ bên trong ấy chẳng ai nhìn thấy. Chỉ có đứa con là chỗ dựa tinh thần, là người nâng đỡ tâm hồn để giúp Ngọc đứng vững mà sống và làm nên sự nghiệp.

Nhưng bây giờ Hiền đã có bạn gái. Thằng bé bừng lên một niềm vui không giấu giếm. Tất cả câu chuyện của nó hàng ngày đều xoay quanh cô bé Sao Linh, sinh viên trường đại học Y khoa. Lúc đầu mọi nỗi vui, buồn, giận, lo... Hiền đều kể với mẹ. Nhưng dần dần khi đã đi vào tình yêu say đắm thì Hiền dồn toàn bộ tâm linh của mình vào cô gái. Và rồi cậu mất dần nhạy cảm đối với mẹ. Mặc dù cậu vẫn yêu quý mẹ, nói cho đúng cậu vẫn quý mẹ, còn yêu thì dành cho Sao Linh.

Nét mới của cuộc đời đang bừng nở trước mắt cậu thanh niên, cậu vươn tới ánh sáng tình yêu.

Biết làm sao được, đó là quy luật tất yếu của một con người. Chỉ có kẻ nào bất hạnh thì tình yêu mới ruồng bỏ mình! Ngọc bất chợt thở dài.

– Mẹ! Mẹ nghĩ gì đấy? – Hiền chăm chú nhìn nét mặt thẫn thờ của mẹ.

– Mẹ đang nghĩ là bố trí nhà như thế nào khi con cưới vợ.

Hiền cười vang:

– Còn lâu! Mẹ đừng vội lo thế!

– Cám ơn con! – Ngọc thốt lên không chủ ý. Chị cảm thấy lòng dịu lại.

Ngọc xuống bếp chuẩn bị bữa cơm liên hoan.

– Con đi gọi Sao Linh chiều nay đến ăn cơm cho vui nhé.

– Vâng, con đi ngay, mẹ có cần mua gì thêm không? Hiền hớn hở chạy đi rửa mặt thay quần áo, và nói:

– À, con sẽ mua bia mẹ nhé?

– Ừ, phải đấy. Con mua hai chai bia ba ba nhé.

Hiền nhảy xe đạp phóng như bay. Niềm vui chấp cánh cho cậu. Cậu không hiểu rằng mẹ cậu nhìn theo mà tim thắt lại vì lo âu.

Ngọc đến bàn thờ mẹ, sắp hoa quả vào khay, cắm hoa. Chị thắp nén hương để thưa với mẹ: "Mạ ơi, mạ đừng trách con, mà nên mừng cho con đã giải thoát được nợ đời mà con tự trói buộc. Con cầu xin mạ một điều duy nhất là phù hộ cho con trai của con lớn khôn, thành đạt, hạnh phúc. Còn đời con như đã xế chiều, con chẳng cần gì ở đời này nữa".

Một cảm giác thanh thản chiếm lĩnh tâm hồn chị. Chị gắng theo lời Phật dạy: diệt tham, sân, si để mà sống trong lành giữa cuộc đời trầm luân này.

9.

Tiếng gõ cửa mạnh mà vui vui, vừa to vừa nhanh. Ai nhỉ? Lệ Ngọc chạy ra mở cửa.

– A! Thanh Tùng – Ngọc mừng đến nghẹt thở.

– Ngọc! Sao cậu không viết thư báo tin cho mình? Về đến Hà Nội mới nghe tin cậu được "giải phóng".

Tùng nét mặt tươi rói. Nhìn anh khỏe mạnh rắn rỏi, mặc dù vẫn dáng người mảnh mai. Đôi mắt ngời ngợi niềm vui.

Ngọc hỏi ngay:

– Thế công tác của cậu ra sao? Chuyện bài thơ ấy có việc gì nữa không?

– Bài thơ đã được đăng báo Văn nghệ giải phóng. Coi như không việc gì. Lời khuyên của cậu bổ ích lắm. Với anh em chẳng nên để dạ để lòng chuyện hung hăng ấy mà làm gì! Nghĩ lại nhiều khi cũng lạ về mình, chẳng ra sao cũng trở thành to chuyện nặng nề với nhau.

– Đúng thế, nhiều khi những tấm lòng thành lại hành hạ nhau một cách vô ích. Thế bây giờ cậu công tác ở đâu?

– Bây giờ mình được chuyển về báo Văn nghệ ngoài này rồi.

– Tốt quá! Ngọc mừng thật sự, thấy Tùng về gần.

– Cậu kể chuyện gia đình cậu, mình nghe xem nào?

Ngọc mỉm cười thoải mái, kể lại mọi chuyện với một giọng hài hước như kể chuyện người khác, cuối cùng cô nói:

– Thoải mái vô cùng, cậu ạ. Thế mà bao năm cứ tự mình trói buộc mình. Cứ giả vờ có hạnh phúc! Nghĩ lại thấy mình sống cực kỳ vô lý, lại vô nhân đạo nữa. Thế mà cứ tự hào là mình đã giữ đạo đức mẫu mực cơ chứ.

– Thế còn Thành thì sao. Anh ấy có buồn không?

Ngọc bật cười:

– Cưới vợ ngay ngày hôm sau! Một nữ bác sĩ trẻ đẹp, lại vui vẻ nữa.

– Thế cũng mừng cho anh ta! Còn cậu thì dự định sao?

– Dự định gì? Ngọc cau mày khó chịu.

– Cậu nên xây dựng gia đình đi, chẳng thể sống cô đơn mãi được! Tùng nói mà giọng gượng gạo.

– Mình chẳng cần một ông chồng để làm gì cả. Điều mình cần là có người bạn tâm đầu ý hợp. Nếu không tìm được người như vậy thì mình chẳng lấy ai cả.

Tùng đốt thuốc, anh nhìn Ngọc qua làn khói và chợt phát hiện Ngọc trở nên tươi trẻ, hồn nhiên như cô bạn học trò ngày nào. Thế ra tâm hồn thanh thản đã trả lại vẻ tươi đẹp thanh xuân cho Ngọc vào lúc tuổi đã bốn mươi.

Ngọc còn muốn nói với Tùng là chị đã có người bạn thân là Tùng, và có cậu con trai yêu quý, thế là cuộc đời đầy đủ rồi. Nhưng chỉ sợ Tùng hiểu lầm ý mình nên chị nói sang chuyện khác.

– Bà Xoan nhà cậu dạo này thế nào? Mấy đứa con học hành ra sao?

Tùng thở dài:

– Vợ mình vẫn như "ngàn năm sinh ra vậy". Vả lại trong cái lũy tre làng, cuộc sống ngưng đọng làm sao cô ấy đổi khác được. Các con mình đã trưởng thành cả: đứa con gái lớn đi dạy học, đứa con trai đi bộ đội, đứa sau cùng đi làm công nhân. Mọi sự yên ổn cả. Chỉ có mình là chẳng bao giờ cảm thấy yên ổn!

– Tùng này, ở lại đây ăn cơm với mẹ con mình. Đã có chỗ ở chưa? Không thì ở lại đây cũng được.

Tùng ngạc nhiên thấy Ngọc nói thản nhiên vô tư:

– Tớ sẽ ăn cơm với cậu. Nhưng mà không dám ở lại đâu! Người ta sẽ nghĩ sao một thằng đàn ông tự nhiên ở lại nhà phụ nữ?

– Ừ nhỉ! Nhiều lúc mình cảm thấy mình với cậu thân nhau như bạn gái. Quen nhau quá lâu rồi, đến nỗi chẳng nghĩ gì đến ý tứ giữ gìn nữa.

Tùng ngạc nhiên nghe Ngọc nói như vậy:

– Thế ư? Mình thì mình chẳng nghĩ như thế đâu! Này, Ngọc ạ, mình tặng cậu tập thơ vừa được in xong.

– Hay quá! Mình thích thơ của cậu lắm. Đây cậu xem, những bài thơ đăng báo của cậu, mình đều cắt dán vào đây thành một tập thơ.

Tùng cảm động cầm tập thơ mà chắc chắn Ngọc đã đọc đi đọc lại nhiều lần.

– Cám ơn cậu, đó là phần thưởng lớn cho người làm thơ đấy.

Ngọc tay chống cằm nhìn Tùng chăm chú:

– Mình hỏi thật cậu nhé, sao cậu yêu nhiều người thế? Mình cứ nghĩ là cậu trung thành với cô Xoan lắm cơ đấy.

Tùng lắc đầu chê trách:

– Cậu sống như người đi tu. Suốt đời sống chỉ vì những ý niệm. Cậu không biết yêu, nên cũng chẳng hiểu được tình yêu của người khác. Cậu phải sống đúng với bản chất của cậu đi. Buông thả tâm hồn ra, đừng kìm nén nó trong ức chế nữa. Thật tiếc!

– Tiếc! Cậu tiếc gì mới được chứ?

– Cậu thông minh, có tâm hồn nhạy cảm, lại kiên nhẫn nữa. Đáng lẽ cậu có thể sáng tác được tác phẩm lớn. Vậy mà cậu lại chỉ làm cái công việc đơn điệu ấy. Lãng phí quá!

– Mình cũng lập nên sự nghiệp đấy chứ?

– Cậu có bằng cấp cao, có chức vụ. Nhưng đó chưa phải là tài năng của cậu. Có thể cậu sẽ còn lên chức vụ cao hơn nữa, nhưng mà chỉ có sáng tác mới là đỉnh cao của lao động. Mới là giá trị đích thực của sự kết hợp của trí tuệ và tâm hồn.

Tùng nói say sưa, không chú ý đến vẻ mặt thất vọng của Ngọc:

– Cám ơn cậu. Giá cậu nói điều ấy sớm hơn. Bây giờ thì muộn mất rồi.

– Không bao giờ muộn cả.

– Bắt đầu như thế nào?

– Cậu phải tôn trọng cảm xúc của mình. Cậu thường dập tắt những rung cảm của tâm hồn bằng những lý lẽ về tâm lý học của cậu. Nói chuyện với cậu, mình thấy cậu tỉnh táo rành mạch quá, nên tình cảm khô héo đi. Cậu hãy hiểu con người bằng tình yêu của mình, chứ đừng chỉ hiểu họ bằng lý trí mà thôi.

– Nhưng mà cậu biết mình đấy! Mình yêu quý mọi người chân thành.

– Nhưng đó chỉ là lòng nhân hậu chứ không phải là tình yêu! Chừng nào cậu biết yêu, thì lúc đó cậu mời hiểu con người thật sự, và mới có thể sáng tác được.

– Mình chẳng hiểu cậu nói gì cả.

– Thôi, ta nói chuyện khác, Mình nói lung tung cho vui vậy thôi – Tùng cười hồn hậu, tự thấy mình ba hoa!

– Nói chuyện với cậu làm mình suy nghĩ về bản thân đấy. Nhưng mà mình không đồng ý với cậu là chỉ có sáng tác mới là lao động đích thực. Theo mình, làm gì mà có sáng tác đều là lao động đích thực cả. Mình yêu thích công việc của mình, mình sẽ tiếp tục làm việc ấy.

– Thôi, ta đi nấu ăn đi. Đấy cũng là sáng tạo!

Thật ra cả hai đều hiểu nhau muốn nói gì. Họ thử mon men đến gần "lãnh địa tình yêu" song họ lại sợ xúc phạm đến điều thiêng liêng của mối quan hệ bạn bè lâu năm của họ. Họ tìm cách nói vòng vo về lao động sáng tạo, về hiểu con người, họ lại nói sang động lực sống là tình yêu, nhưng rồi họ lại lảng đi...

Không thể nào tiếp cận được vấn đề, bởi cả hai đều bị ám ảnh vì mối quan hệ quá thân quen từ lâu, họ lo tan mất mối thân tình ấy thì sẽ mất hết. Họ sợ!

Đức Hiền xô cửa chạy vào vui vẻ:

– Mẹ ơi con đói quá! Cậu con trai vẫn giữ thói nũng nịu từ bé – A, chào chú Tùng! – cậu hơi xấu hổ đỏ mặt.

Tùng cười vang:

– Chú cũng đói quá. Hai chú cháu mình dọn cơm đi!

Ba người cùng ăn cơm vui vẻ, thân tình thoải mái...

Cả Tùng và Ngọc như vừa thoát khỏi sự lúng túng, họ thở phào nhẹ nhõm, khỏi phải đi vào cái "khu vực cấm" đầy hấp dẫn kỳ ảo, mà đầy hãi hùng ấy! "Cám ơn đứa con thân yêu, nó luôn luôn có mặt đúng lúc để đem đến sự thanh thản cho người mẹ!" – Ngọc nghĩ như vậy.

Lệ Ngọc được đề bạt giữ nhiệm vụ hiệu trưởng trường đại học Sư Phạm. Một tin chấn động mọi người, từ xưa đến nay chưa có phụ nữ nào làm hiệu trưởng đại học. Hơn nữa, lại đề bạt vượt cấp từ chủ nhiệm khoa lên hiệu trưởng.

Bản thân Ngọc cũng bất ngờ. Chị nghĩ mình làm hiệu phó là vừa sức. Nhưng sau khi lấy ý kiến của cán bộ, công nhân viên và đại diện sinh viên. Chị đã được tín nhiệm với tỉ lệ phiếu cao.

Ngọc không vui mừng vì đắc cử, chị vô cùng bối rối. Nhiệm vụ nặng nề chị không ngại, làm việc là niềm vui của chị. Chị đã trốn mình trong nhiệm vụ để quên đi nỗi cô đơn đằng đẵng mấy chục năm trời. Nhưng mà đó là thời kỳ chưa được giải thoát khỏi mối quan hệ ràng buộc nghiệt ngã của hôn nhân.

Còn bây giờ chị đã tự do. Một nhu cầu trỗi dậy một cách lặng lẽ mà ác liệt. Chị muốn yêu và được yêu. Chị sinh ra trời đã phú cho một thiên bẩm: sống bằng rung động yêu thương, với một hình hài đầy nữ tính.

Vậy nhưng hình như số phận đã trói buộc chị vào nghĩa vụ, chị không được phép sống cho bản thân mình. Lúc nào cũng có một trách nhiệm đòi hỏi chị phải quên mình.

Bây giờ chức vụ hiệu trưởng trường đại học, mà lại là đại học Sư phạm. Công việc nặng nề đã đành, nhưng vị trí này đòi hỏi chị phải tuyệt đối gương mẫu. Hàng nghìn sinh viên và có lẽ đến hàng vạn người nhìn vào chị, đòi hỏi chị rất cao. Không chỉ là phương pháp đào tạo, mà là tấm gương đức độ của nhà giáo.

Tối hôm ấy, trong bữa cơm Ngọc nói chuyện với con trai:

– Mẹ vừa được đề bạt làm hiệu trưởng con ạ.

Hiền vui vẻ đứng dậy rót hai cốc nước lọc rồi nâng cốc:

– Con chúc mừng mẹ thành đạt!

Hai mẹ con cụng ly nhau, dốc cạn nước và cười vang nhà. Khi đặt cốc nước xuống Ngọc nói với con:

– Không hiểu sao mẹ chẳng thấy vui gì khi danh vọng đến với mình. Mẹ chỉ thấy lo quá đi thôi!

– Thế cho nên mẹ mới xứng đáng với chức vụ đó!

Kẻ nào háo danh thì đừng giao cho cương vị nào hết, vì họ sẽ làm hỏng việc. Bọn đó chỉ giỏi khoa trương thôi!

Hiền nói với vẻ tự tin. Còn Ngọc ngạc nhiên về sự sắc cạnh của con trai. Ngọc hỏi con:

– Con là sinh viên, theo con một hiệu trưởng thế nào là tốt?

– Mẹ ạ! Con nghĩ là mẹ phải là một hiệu trưởng giỏi. Chúng con chỉ cần người lãnh đạo giỏi chứ chẳng cần người tốt đâu.

– Sao vậy con? Mẹ nghĩ là tốt là bao hàm cả giỏi.

– Mẹ ơi, chúng con chán chữ tốt lắm rồi. Chính cái chữ tốt ấy đã tạo ra sự bình quân giữa trí tuệ và dốt nát. Mà công việc là cần trí tuệ chứ chẳng cần sự hòa thuận giữa người thông minh với kẻ ngu ngốc.

Ngọc sững sờ vì những ý nghĩ táo tợn của con trai:

– Con mẹ dạo này triết lý ghê quá!

– Sinh viên chúng con quan tâm đến chuyện này. Bởi vì cách lãnh đạo của hiệu trưởng sẽ tác động đến cách xử sự của chúng con đối với việc học hành và công tác sau này.

– Con nói rõ mẹ nghe xem!

– Ví dụ như nếu hô hào chúng con phải học giỏi và khi học xong thì "bá bất kỳ": làm bất cứ việc gì, đi bất cứ nơi nào, nhận bất kỳ sự đãi ngộ ra sao! Thế thì chúng con học giỏi mà làm gì? Nếu làm bất cứ việc gì thì cần gì kiến thức cơ chứ?

Chính người lãnh đạo nêu khẩu hiệu vô lý ấy rồi lại còn phê bình sinh viên trung bình chủ nghĩa...

Ngọc lặng người nghe con nói mà bàng hoàng. Thì ra lớp trẻ sắc sảo lắm, bởi tư duy của chúng thật thiết thực.

– Thế theo con thế nào là hiệu trưởng giỏi?

– Con nghĩ thế này: hiệu trưởng giỏi là làm sao cho thầy giáo giỏi thích dạy sinh viên, và người thông minh thì thích học giỏi! Nghịch lý bây giờ là người có trí tuệ thì thoái trí, còn thầy giáo giỏi thì thích đi làm ngoài! Như thế mà là trường đại học sao được?

– Cám ơn con, con nói rất đúng! Nhưng mà mẹ nghĩ làm được như vậy thật vô cùng khó khăn, phải làm toàn bộ xã hội chuyển động. Mẹ cảm thấy không biết nên bắt đầu ra sao đây?

– Chắc chắn là khó. Nhưng con tin là mẹ sẽ làm được. Thế nào mẹ cũng tìm ra cách cho mà xem!

Nói chuyện với con trai, Ngọc cảm thấy mình phấn chấn hẳn lên. Tâm trí chị lại bị cuốn hút vào nhiệm vụ sắp tới. Niềm say sưa tìm được một hướng đi đúng cho nhà trường trong hoàn cảnh mới, khiến chị hào hứng nghĩ về tương lai nhà trường. Chị lại quên bẵng bản thân mình với những nỗi khát khao yêu đương thường tình của một người đàn bà.

Nhưng mà hiệu trưởng không chỉ lo việc dạy giỏi và học giỏi, mà còn trăm ngàn thứ việc phải lo toan giải quyết hằng ngày.

Lệ Ngọc vừa ngồi vào bàn làm việc thì trưởng phòng bảo vệ cùng với hai đồng chí cảnh sát xin được báo cáo một sự việc nghiêm trọng.

Trưởng phòng bảo vệ trình bày vắn tắt sự việc:

– Đêm hôm qua có hai sinh viên khoa văn, là bộ đội đi học, đã gây mất trật tự an ninh và đã bị lập biên bản. Cảnh sát đang tạm giữ trên đồn. Xin ý kiến hiệu trưởng về biện pháp xử lý.

– Nếu chỉ là phạm lỗi vi cảnh, thì xin các đồng chí cho phép hai sinh viên trở về trường để không mất ngày học tập của họ. Nhà trường xin bảo lãnh và sẽ tạm ứng tiền nộp phạt. Bây giờ báo cáo cho tôi rõ sự việc.

Một cảnh sát đọc biên bản:

– "Hồi hai giờ sáng ngày... Tổ tuần tra gặp hai sinh viên là Nguyễn Xuân và Lê Bân đang khiêng các ghế đá đặt vào những vị trí khác với nơi đã đặt từ trước. Hai người khai là đã chuyển dịch được ba mươi chiếc suốt dọc bờ hồ công viên. Hành vi đó đã vi phạm đến trật tự công cộng, đến bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa.

Qua kiểm tra không thấy có mùi rượu, điều đó chứng tỏ hành vi ấy là có ý thức, chứ không phải là hành động của người say..."

Ngọc sửng sốt về khuyết điểm kỳ lạ đó. Tuy nhiên chị rất bực mình. Tại sao không lo chí thú học hành, mà rỗi hơi thừa sức đi làm cái việc vô ích và mang tiếng ấy? Nhưng phải tìm hiểu rõ thực chất của sự việc.

– Tôi chưa thể có ý kiến về vấn đề này được. Để tôi gặp hai sinh viên ấy đã. Xin các đồng chí cho hai sinh viên ấy trở về trường ngay được không?

– Được ạ. Xin cho giấy bảo lãnh

– Phòng bảo vệ làm giấy bảo lãnh ngay nhé. Khi nào các cậu ấy về, bảo họ lên gặp tôi ngay.

Các đồng chí cảnh sát ra về. Còn trưởng phòng bảo vệ nấn ná ở lại nói thêm:

– Chị hữu khuynh với sinh viên quá đấy. Chúng sẽ nhờn!

– Cần gặp họ đã, mới có thể đánh giá con người được!

Hai sinh viên bước vào phòng hiệu trưởng với dáng điệu ung dung mà nghiêm chỉnh. Cả hai xấp xỉ ba mươi, lứa tuổi chín chắn. Nét mặt Bân hiền hậu mà tươi cười. Còn Xuân thì vẻ mặt khắc khổ suy tư. Thoáng nhìn, Ngọc đã nhận ra họ là người trung trực.

– Mời các anh ngồi.

Ngọc đứng dậy rót nước như tiếp khách:

– Các anh uống nước! Bây giờ đề nghị các anh báo cáo lại hành động kỳ quặc ở công viên tối hôm trước. Vì sao lại phải làm như vậy?

– Trưởng phòng bảo vệ ngồi bên cạnh, nét mặt khó đăm đăm, anh ta nhìn hai cậu sinh viên với ánh mắt thật là nghiêm khắc, dường như để cân bằng lại nét mặt quá thân tình dễ dãi của hiệu trưởng. Anh ta hất hàm hỏi:

– Có ai xui các anh làm cái việc bậy bạ ấy không?

Bân xin nói, hình như anh không nín nhịn được nữa:

– Thưa cô hiệu trưởng. Trước hết tôi khẳng định việc chúng tôi làm không hề bậy bạ, mà là một việc tốt.

– Anh nói năng nghiêm chỉnh! – Trưởng phòng bảo vệ uốn nắn.

– Tôi đang nói nghiêm chỉnh! Chúng tôi sửa chữa sai lầm cho những người quản lý công viên. Họ là những người không hề hiểu tình yêu đáng được tôn trọng như thế nào.

– Xin anh đi thẳng vào vấn đề chính! – Trưởng phòng bảo vệ lại nhắc nhở.

– Vấn đề chính là ở đó – Bân vẫn điềm tĩnh nói tiếp. Nếu cô đã từng dạo chơi ở công viên, cô sẽ thấy cảnh các ghế đá kê sát lề đường và quay mặt ra đường. Chẳng ai có thể ngồi nói chuyện tâm tình, mà ngồi chơi cũng vậy, mà lại phơi mặt ra đường cho người qua lại nhìn mình cả! Bởi vậy những đôi nam nữ đang tìm hiểu nhau, họ phải đứng nói chuyện, hoặc ngồi bệt xuống ven hồ. Chúng tôi thấy vô lý quá nên đã đến bảo với họ "Ra khiêng ghế đá mà ngồi nói chuyện cho thoải mái!". Họ tưởng chúng tôi là người quản lý công viên nên cám ơn rối rít và làm theo ngay. Thế là tôi đi xui tất cả các đôi thanh niên khiêng ghế và chỉ cho họ chỗ kê hợp lý, dưới bóng cây hay ven các bồn cây đẹp. Đến khuya, khi tất cả họ đều về hết, chúng tôi mới đi khiêng nốt những chiếc ghế còn lại. Đến lúc đó thì đội tuần tra bắt gặp và lập biên bản.

Ngọc sững sờ vì xúc động, chị bỗng mến hai cậu sinh viên ấy. Tuy vậy chị vẫn giữ nét mặt điềm nhiên:

– Anh Xuân nói ý kiến của mình đi.

Xuân trầm ngâm rồi chậm rãi nói:

– Tôi nghĩ rằng việc bố trí ghế đá như vậy là người phụ trách công viên có ý thức. Có thể quan niệm của họ cho rằng yêu nhau là điều xấu xa cần ngăn chặn. Vì vậy họ cố tình kê ghế gần đường để dễ bề kiểm soát hành vi. Chúng tôi cho rằng việc làm như vậy là trái với qui luật muôn đời. Đã là con người thì phải có tình yêu. Ai ngăn cấm là vô nhân đạo. Thế nhưng chúng tôi làm sao gặp được những cán bộ quản lý để mà tranh luận? Nên chúng tôi hành động. Hy vọng họ sẽ nhìn thấy sự hợp lý và họ chấp nhận. Như vậy thì thanh niên sẽ được nhờ!

Trưởng phòng bảo vệ không nén nổi cáu kỉnh, anh quát:

– Các anh dám bôi nhọ cán bộ Nhà nước! Các anh là cái thá gì mà dám dạy dỗ người ta. Tư tưởng các anh chỉ thấy yêu đương nhăng nhít, còn cán bộ lãnh đạo người ta nhìn xa trông rộng, người ta lo giữ gìn đạo lý kỷ cương xã hội. Lũ các anh phải cho rũ tù thì may ra mới sửa được cái thói ngông ngạo ấy!

Hai cậu sinh viên đỏ mặt, họ sắp bùng lên giận dữ, Ngọc đã nói chen vào giọng nghiêm trang:

– Các anh đã báo cáo sự việc thành thật, như vậy là tốt. Tôi hiểu các anh muốn sửa lại những quan niệm sai về tình yêu và con người. Nhưng chắc các anh cũng biết là việc khiêng ghế đá nơi công viên, mà không được phép của người quản lý là vi phạm trật tự công cộng. Bởi vậy các anh phải chịu nộp phạt vi cảnh. Còn về tư cách sinh viên thì tôi nghĩ các anh là sinh viên tốt. Học văn phải có tư tưởng nhân văn như vậy. Nhưng dù thế nào thì tôi yêu cầu các anh trước hết phải giữ đúng tư cách công dân, tôn trọng luật pháp và qui cách xã hội. Ngày mai các anh mang tiền lên phòng bảo vệ nộp phạt. Nhà trường đã tạm ứng nộp với công an trước, để xin tha giam giữ các anh. Thôi, các anh trở về học tập.

Hai sinh viên đứng dậy, họ trìu mến nhìn cô hiệu trưởng, họ kính cẩn bắt tay. Ngọc mỉm cười thân ái, nắm chặt những bàn tay ram ráp mạnh khỏe và đầy nghị lực của họ.

Các cậu thanh niên đi ra, họ lờ đi không bắt tay trưởng phòng bảo vệ. Có lẽ tại "thầy" đang vô cùng bực dọc, nên lầm lầm ngồi yên trên ghế, không đưa tay cho họ, nên họ không dám đưa tay trước để chào chăng?

Chiều ấy trên đường về, Ngọc rẽ vào công viên. Chị dắt xe đi bộ. Mặt trời đã chao nghiêng xuống mặt hồ, ráng đỏ lan tỏa nhuộm hồng cảnh vật. Hàng cây bỗng lung linh quầng sáng phản chiếu từ mặt nước. Những chiếc ghế đá màu hồng xinh xinh, được quay ra mặt hồ, hay kín đáo dựa vào những gốc cây cao hơn tỏa bóng che chở.

Công viên buổi hoàng hôn vắng vẻ, giờ này mọi người đang hối hả trở về tổ ấm để đoàn tụ trong bữa cơm chiều. Gió thổi lao xao, lá vàng bay lả tả lượn nhẹ đậu xuống thảm cỏ, màu vàng mơ óng ả nổi bật trên nền cỏ xanh những chiếc lá thật đẹp! Nhưng mà đó là lá rụng cuối thu. Ngày mai thôi, nó sẽ úa đi và sẽ trở thành màu nâu nhạt tan hòa vào màu đất.

Ngọc cảm thấy rã rời. Chị định ngồi xuống ghế đá, nhưng tần ngần. Đó không phải là ghế của những người cô đơn như mình!

Mặt trời đã úa dần sang màu tím hồng, cây cối bắt đầu sẫm lại, chỉ có mặt hồ là còn níu giữ được những tia lấp lánh nhảy nhót theo gợn sóng.

Ngọc vội vã rời công viên, chị lên xe đạp, hối hả hòa vào dòng người đang tấp nập trở về nhà.

Một lát nữa trăng sẽ lên, và trên những chiếc ghế đá ấy những ai sẽ đến ngồi? Những đôi tình nhân khi ngả đầu lên vai người yêu, thầm thì những lời say đắm, có lẽ không một ai biết được đã có những người đi kê ghế, và họ phải chịu nộp phạt.

Tháng này họ sẽ phải nhịn ăn sáng, bởi vì đồng lương sinh viên thì có được là bao!

Về đến nhà, cửa vẫn khóa. Con trai chưa về, Ngọc mở cửa bước vào, nhìn thấy trên bàn tờ giấy:

"Mẹ ơi, con với Sao Linh đi vũ hội sinh viên. Mẹ ăn cơm một mình đừng buồn nhé?

Con của mẹ Đức Hiền"

Ngọc ngồi phịch xuống ghế ngả lưng tựa, nhìn bầu trời đang sẫm dần ngoài cửa sổ. Trong nhà bóng tối đã bịt bùng lan tỏa âm thầm. Chị chìm đắm trong một nỗi buồn vô cớ mà nặng nề. Biết làm sao mà sống tiếp đây? Nghĩa vụ với cuộc đời đã trả xong. Những ngày sống tiếp sẽ chẳng còn có ích gì cho ai nữa. Ước gì mà cứ tự nhiên mình tan biến đi, và bay vào không trung như một làn hơi nước mỏng manh!

Tất cả những thành đạt của đời mình: học vấn, danh vọng, lòng ngưỡng mộ của nhiều người. Kể cả một đời sống phong lưu, cùng với vẻ đẹp duyên dáng, tất cả đều trở thành vô nghĩa lúc này. Trống rỗng quá chừng! Nhìn lại chặng đường đã qua, tuy vất vả đau khổ, nhưng hăm hở mà sống. Xung quanh là các em, là con cái luôn đòi hỏi mình phải làm chỗ dựa để đưa họ vào đời. Thế là sống quên mình được! Bây giờ cái tổ chim bỗng trở nên trống tuềnh, khi lũ chim con vỗ cánh bay vào trời xanh. Cái tổ xinh xắn ấm áp bỗng trở thành cái búi rác, treo lơ lửng một cách vô duyên trên cành cây! Ngọc cầm bút, viết vào mảnh giấy những ý nghĩ lộn xộn mà cháy bỏng:

Quyền lực nghĩa lý gì, khi khao khát tình yêu,
Giá quên đi những chặng đường phía trước,
Năm tháng trẻ trung, ngây thơ, bồng bột
Sống cho ai đâu phải sống cho mình?
Để đến khi gặp được người tình
Phút gặp gỡ đã muộn màn lỡ dở
Họ đôi lứa, liệu có còn chi nữa?
Thời điểm phũ phàng, cơ may chậm quá,
Cuộc đời buồn rồi, không thể gượng vui...

Buông bút ném xuống bàn, nước mắt cứ tràn mi lăn dài.

...

Cửa bật mở, Thanh Tùng kêu lên:

– Sao lại ngồi trong bóng tối thế này?

Ngọc bừng tỉnh, chị cuống quít vui mừng bật đèn:

– Trời ơi, cậu đến đúng lúc quá!

Tùng chăm chú nhìn Ngọc, chị quay mặt vờ cất cặp sách lên giá, lén chùi khô mắt. Anh vờ không nhận thấy gì:

– Cu Hiền đâu? Tùng nhìn quanh tìm kiếm.

– Cháu đi vũ hội với bạn gái. Cậu ăn cơm chưa? Mình nấu cùng ăn nhé.

– Thôi, chúng mình đi ăn hiệu đi.

– Mình ngại lắm, nhỡ gặp người quen, người ta lại tưởng cậu với mình là bồ bịch thì phiền lắm!

Tùng cáu kỉnh gắt lên:

– Cậu sống chán lắm. Cứ tự mình chôn sống mình trong cô đơn. Cậu sợ đủ mọi thứ, mà không biết sợ là bản thân đang mòn mỏi đi, khô cứng đi.

Ngọc cúi mặt nói nhỏ:

– Mình không muốn sống như thế này nữa. Nhưng mà biết sống như thế nào là đúng đây?

Tùng ân hận cảm thấy mình đã chạm đến nỗi đau của bạn. Anh tìm cách xoa dịu, lấy lại không khí vui vẻ:

– Thế thì đưa cà mèn đây, mình đi mua phở về cùng ăn vậy. Cậu ở nhà dọn bàn nhé.

Ngọc đi vào bếp lấy cà mèn. Tùng vô tình nhìn thấy bài thơ trên bàn. Anh đọc rồi lẳng lặng gấp bỏ vào túi áo.

Ngọc đưa cà mèn cho Tùng dặn dò:

– Tùng nhớ để bánh phở riêng, nước riêng, và lấy ít tương ớt vào đây. Mua thêm cái bánh mì nữa, kẻo cậu mà chỉ ăn phở thì đói đấy. Về mình sẽ rán trứng làm nhân.

Tùng cảm thấy một niềm vui ấm áp thân tình của gia đình. Thật ra suốt hai mươi mấy năm qua, tuy có vợ con, mà anh đâu được có gia đình? Cuộc đời người lính lang thang trên khắp nẻo đường đất nước đã bao giờ có cuộc sống riêng của mình đâu?

Ngọc đun lại nước dùng, nhúng lại bánh phở. Nướng lại bánh mì... Bữa ăn ngon lành vui vẻ.

Tùng tấm tắc nói:

– Hóa ra mua về ăn, lại có cái ngon riêng. Vừa thoải mái, lại vừa đủ gia vị.

– Cái chính là ăn ở nhà mình, đỡ cảm giác vội vã ngồi chen chúc ăn lấy được, để giả chỗ người khác.

– Mình thì quen ăn tập thể xô bồ. Nên được bữa ăn ở nhà thế này là quí lắm.

– Tùng có lẽ nên xin cho bà Xoan ra đây mà ổn định cuộc sống. Chứ "ăn cơm tập thể, ngủ giường cá nhân" mãi sao?

Tùng thở dài:

– Mình cũng thương Xoan suốt đời có chồng mà vẫn giống như quả phụ. Nhưng mà bây giờ thì chẳng thể nào sống chung được nữa. Thời gian cách xa nhau quá dài. Hai đứa hai cách sống khác nhau, hai cách nghĩ khác nhau. Bây giờ mà ghép làm một chỉ thêm làm khổ nhau thôi. Mình chẳng thể trở thành nông dân, mà Xoan chẳng thể trở thành người thị thành. Gượng ép nhau đổi cách sống lúc tuổi đã luống là điều tàn nhẫn. Có thể nói là tàn phá nhân cách của nhau nữa.

Ngọc thở dài, chị buồn rầu nói:

– Chiến tranh không chỉ tàn phá và chết chóc, mà còn làm vỡ cuộc sống của bao nhiêu gia đình. Đó cũng là sự phá hoại không hàn gắn được.

– Còn cậu, cậu nghĩ sao về cuộc sống của cậu?

Bỗng Ngọc cười phá lên, chị tìm cách lảng tránh:

– Thôi, thôi! Đừng bàn đến cái chuyện chưa thể bàn ấy được. Mình phải tìm cách sống hợp lý nhất trong hoàn cảnh của mình.

– Ăn xong đi chơi một lát nhé! Tùng hỏi vẻ ân cần – Thế cậu có ngại không Ngọc?

– Đi cũng được! Mà mình có làm gì xấu đâu mà ngại nhỉ?

Hai người đi bộ ra công viên, đi bên nhau nhưng họ vẫn giữ một khoảng cách không chạm vai.

Trăng đã lên chênh chếch sau rặng cây, mặt hồ long lanh huyền ảo. Cây cối thì thầm rì rào trong thoảng gió se se. Mùa thu đã giăng màn sương mỏng tang, phủ tấm voan trắng mát lạnh lên cảnh vật. Trên các ghế đá những đôi trai gái ngồi xích lại gần nhau hơn. Mái đầu cô gái tựa vào vai chàng trai, tiếng thủ thỉ xen lẫn tiếng cười rúc rích. Niềm vui ấm áp tỏa ra, hòa với hương thơm các loài hoa, khiến cho mùa thu nơi đây như bỗng nồng ấm lên.

Lệ Ngọc thở căng lòng ngực, chị cảm thấy mình được hòa trong niềm vui của cuộc đời. Vạn vật như huyền diệu hơn, lung linh hơn dưới ánh trăng vằng vặc. Nét mặt chị như bừng sáng lên trong đêm tối.

Thanh Tùng bước lùi ra sau một chút. Anh ngắm nhìn dáng đi nhẹ nhàng của Ngọc, nhớ lại thời học sinh. Ngày đó anh vẫn thường đi sau lưng Ngọc, những đêm đi học trong chiến tranh, anh đã ngưỡng mộ chị, âm thầm bảo vệ chị trong một tình yêu thơ mộng của tuổi mười lăm.

Tình cảm trong sáng ấy cho đến bây giờ vẫn trong suốt, bền vững. Sự thân thiết và lòng tin cậy nhau đã giúp họ vượt qua những chặng đường dài đầy sóng gió. Họ đã phát huy được tài năng của mình, họ đã vững vàng trước những va đập của cuộc đời. Đó là

lòng tin vào lòng nhân hậu của tình người, mà trước hết là họ tìm thấy ở nhau.

Tùng bước lên sóng bước cùng Ngọc. Anh ngạc nhiên nhìn vẻ đẹp rạng rỡ của chị dưới ánh trăng:

– Ngọc, cậu có biết mình đang nghĩ gì không?

Ngọc lắc đầu, nhưng chị nói:

– Tùng ơi, mình nhớ Đức Thọ quá. Ngày ấy chúng mình cũng đi bên nhau như thế này để đến trường. Dạo ấy mình sợ chó, cậu lúc nào cũng thủ sẵn cây gậy để đuổi chó. Cậu lại còn gửi những bài thơ cho mình nữa...

– Sao chúng mình nghĩ giống nhau thế? Tùng ngạc nhiên kêu lên vui vẻ. Mình còn nhớ cậu rất thích ăn trái cây.

– Thế mà đã ba mươi năm trôi qua rồi!

– Chúng mình đến ngồi ở chiếc ghế đá kia nhé!

Lần đầu tiên Ngọc ngồi ghế đá công viên, mà lại ngồi với bạn trai. Chị cũng có chút e ngại, nhưng rồi niềm vui dạt dào đã át đi. Chị nói với Tùng:

– Tùng có biết hai cậu sinh viên của mình đã khiêng ba mươi chiếc ghế đá suốt một đêm, để bây giờ chúng mình ngồi đây thoải mái thế này không?

Ngọc kể lại cho Tùng nghe câu chuyện phạt vi cảnh hôm nay.

Tùng bình phẩm:

– Hai cậu ấy thế nào cũng trở thành nhà thơ hoặc nhà văn. Có tâm hồn đẹp mới có hành vi đẹp. Mà đó chính là cái hồn của văn chương đấy!

– Có lẽ hai cậu ấy thân nhau lắm. Bởi những ai có tâm hồn đẹp đều phải có bạn tâm đắc thì mới phát huy được. Ngay việc khiêng ghế đá cũng cần phải có hai người cùng làm kia mà! Ngọc vui vẻ bình thêm.

– Đúng, cái tốt đẹp không thể tồn tại cô độc được. Cho nên theo mình, cuộc đời này cần có bạn tri âm tri kỷ. Tình bạn quan trọng hơn cả tình yêu!

Ngọc im lặng suy ngẫm. Hồi lâu chị nói nho nhỏ như tự nói với mình:

– Số phận đã không cho mình có tình yêu thì mình cam chịu vậy. Nhưng mình đã có Tùng là người bạn thân thiết suốt cả cuộc đời. Vậy là mình đã cám ơn "thượng đế" lắm rồi – Ngọc thở dài chị nói thêm – Đức Hiền và Tùng, hai con người không thể thiếu được trong cuộc sống của mình.

Tùng bỗng nắm lấy tay Ngọc, anh nói:

– Mình cũng vậy, Ngọc ạ! Mình không thể thiếu Ngọc trong đời được.

Ráng đỏ hoàng hôn đã tắt hẳn. Bầu trời và mặt nước như hòa vào với nhau trong một màu đen trong suốt. Mặt trăng vằng vặc cô đơn, lạnh lẽo trong ánh sánh xanh xanh.

Nhưng ánh trăng có đẹp đẽ đến đâu thì nó cũng chẳng sưởi ấm được mặt đất. Nó chỉ là phản quang của ánh mặt trời mà thôi.

Dù sao thì nhờ có ánh trăng mà mặt đất cũng đỡ tối tăm hơn.

Người ta thường làm thơ ca ngợi mặt trăng, cũng chỉ là để an ủi những đêm dài tăm tối mà thôi. Mặt trời mới thật sự là sự sống của trái đất này!

Ngọc chợt nhớ câu nói của một nhà văn nào đó.

"Trên đời không có thượng đế nào đẹp hơn mặt trời, không có ngọn lửa nào kỳ diệu hơn ngọn lửa tình yêu!"

Hai giọt nước mắt lăn dài trên má Ngọc.

Đời của Lệ Ngọc thật đúng với cái tên mà mẹ Ngọc đã đặt cho:

Lệ Ngọc – giọt nước mắt trong veo!

Năm 1991

HOÀNG LẠI GIANG
(Sinh 1938)

Tên thật là Nguyễn Văn Bé, sinh ngày 20-5-1938 tại xã Mỹ Tài, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

Năm 1954, Nguyễn Văn Bé cùng đoàn học sinh miền Nam tập kết ra Bắc, lần lượt học tại các trường học sinh miền Nam. Từ 1961-1965 học tại khoa Văn, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội. Ra trường ông về công tác tại Nhà xuất bản Văn học. Và bắt đầu viết văn, sau những chuyến đi vào các vùng ác liệt của chiến trường miền Nam, với bút hiệu Hoàng Lại Giang. Sau ngày đất nước thống nhất, Hoàng Lại Giang vào phụ trách chi nhánh phía Nam của Nhà xuất bản Văn học cho đến khi nghỉ hưu.

Tác phẩm của Hoàng Lại Giang được hình thành trực tiếp từ những mảng sống gồ ghề phức tạp, từ những con người có nhiều góc cạnh và số phận không bình lặng; trong đó có một mảng lớn về đề tài tình yêu. Gần đây ngòi bút Hoàng Lại Giang lại hướng vào một mảng mới – truyện về các nhân vật lịch sử mà xưa nay, việc đánh giá chưa mấy suôn sẻ, thống nhất.

Tác phẩm chính: Trong vành đai Mỹ (ký sự, 1969), Trên một đoạn ngầm (truyện vừa, 1970), Cửa Sa Va (tiểu thuyết, 1979), Người đàn bà mà tôi ao ước (truyện vừa, 1985), Gương mặt cuộc đời (tiểu thuyết, 1986), Chuyện về những người bạn (tập truyện, 1979), Đêm miền đông (truyện vừa, 1985), Ký ức tình yêu (tiểu thuyết, 1989), Tình yêu và tội lỗi (tiểu thuyết, 1988), Nỗi bất hạnh tình yêu (tiểu thuyết, 1990), Ranh giới đời thường (tiểu thuyết, 1990), Khúc ngoặt dòng sông (tiểu thuyết, 1992), Phan Thanh Giản, nỗi đau trăm năm (truyện danh nhân, 1996), Lê Văn Duyệt, từ nấm mồ oan khuất đến Lăng Ông (truyện danh nhân, 1999), Trương Vĩnh Ký, bi kịch muôn đời (truyện danh nhân, 2001).

*

TÌNH YÊU VÀ TỘI LỖI

(tiểu thuyết)

Tặng em...

Tôi muốn quên người yêu nay phụ bạc
Tôi muốn quên để được yêu người khác
Nhưng nước mắt than ôi, không muốn thế cứ trào.

Oma Khayam

1.

Cho đến hôm nay, hơn hai năm đã trôi qua, Nguyễn Phúc Tâm vẫn còn bị ám ảnh về ca mổ buổi sáng mùa khô năm ấy, một ca mổ thật tuyệt vời, chuẩn xác đến độ tinh vi – một ca phẫu thuật không chê vào đâu được, nhưng kết quả ngược lại: Người chiến sĩ đã trút hơi thở cuối cùng khi mảnh kim loại được rút ra khỏi cơ thể. Anh ta chết vì tội lỗi... của chính anh.

Hồi ấy, Tâm đã ôm người chiến sĩ và khóc. Lúc đầu là những giọt nước mắt xót thương lặng lẽ, nặng như những giọt thủy ngân, sau là những tiếng khóc không kiềm chế nổi. Nỗi ân hận dày vò Tâm trong nhiều ngày sau này. Mỗi lần nhớ lại, Tâm tự trách mình: "Giá hồi ấy ta không đi nằm, giá hồi ấy ta chống được sự mệt mỏi, căng thẳng, tiếp tục cầm dao mổ... Biết đâu anh ấy qua được...". Nhưng một tiếng nói khác từ một nơi nào đó sâu xa trong tiềm thức lại vọng lên: "Không, với mười tiếng đồng hồ cầm dao liên tục ta đã không đứng vững được nữa, nỗi mệt mỏi vượt quá đường ranh sự chịu đựng của con người, chân tay ta đã như người già, run rẩy, mắt cố mở to nhưng dường như ta không còn nhìn thấy gì nữa. Trước mắt ta mọi vật đều như ảo ảnh, thật giả lẫn lộn, chập chờn như ma trơi, lúc ẩn, lúc hiện, lúc quay cuồng dữ dội, lúc lạnh căm, trắng bệch. Một ca mổ với những hiện tượng tâm sinh lý bất bình thường như thế, chắc chắn không thể nào là một ca mổ cứu người, mà sẽ là một ca mổ giết người. Thà ta chịu kỷ luật vì tội bỏ thương binh, bỏ đồng đội ta bị thương kêu van đòi cấp cứu, đi nằm, nhưng ta không phải là kẻ cầm dao giết người...".

"Không, hắn là một tên giết người!". Không ít người đã nói như vậy. Những người ấy đã kỷ luật ta. Họ cho như thế là công bằng, là thỏa đáng. Đối với ta, đó là sự quy kết thô bạo, là lối chụp mũ đầy ác ý. Những người ấy dường như không cần tìm hiểu, không cần xem xét nguyên do vì đâu một người bác sĩ lại khước từ việc cứu người, cứu đồng đội mình. Nhưng cũng may, ta không nói một câu nào, không khom lưng xuống để buông một lời van xin. Ta im lặng và dửng dưng với cái quyết định đáng nguyền rủa của người thủ trưởng đơn vị ta... Ta hiểu rằng với thái độ không "phục thiện" ấy là một kiểu kiêu căng, láo xược, là một thách thức. Nhưng ba má ta đã sinh ra ta như vậy, biết làm sao. Ta chưa một lần ân hận vì điều ấy.".

Một lần nào đấy, Nguyễn Phúc Tâm đã suy nghĩ như thế về mình và về đối thủ của mình, thủ trưởng đơn vị anh và những người như y sĩ Nguyễn Dậu, chính trị viên Trạm quân y tiền phương.

Tâm nhớ lại đêm mùa khô năm ấy, khi trận đánh chiếm điểm cao 705 vưa bắt đầu chưa được ba tiếng đồng hồ, thương binh đổ về trông đến xẩm mặt, anh đã kêu lên:

– Đánh với đấm cái kiểu cách gì thế này, chỉ được cái thí quân!

Chính trị viên Nguyễn Dậu đã ghi rõ rành rành câu ấy vào sổ tay của anh ta. Tâm không để ý chi tiết ấy, nhưng y tá Loan đã dự báo trước cho anh, những gì đang chờ anh ở phía trước, chắc chắn sẽ không suông sẻ.

Tâm chỉ lặng lẽ cười ruồi và anh gần như quên ngay cái điều dự báo của người bạn gái, đúng ra là học trò của anh. Vốn bộc trực và vụng về, anh không hề biết giấu giếm tình cảm của mình, từ việc yêu và ghét, khâm phục và khinh bỉ đến những biến động tâm trạng anh qua các hoàn cảnh.

Trong một cuộc chỉnh huấn vào mùa mưa năm ấy, cả Trạm quân y ai cũng còn nhớ rất rõ nỗi lo hãi của mình khi bác sĩ Tâm đứng dậy phát biểu về câu hỏi gần như đã nhàm chán vì lập lại quá nhiều lần rằng thế nào là một cuộc chiến đấu thắng lợi.

– Không thể gọi là trận chiến đấu thắng lợi khi đạt được mục tiêu đề ra mà không tính đến xương máu của chiến sĩ – Lần đầu tiên người ta thấy Tâm phát biểu hùng hồn – Thủ trưởng của chúng

ta thường hay ít chú ý đến cái giá phải trả cho một mục tiêu mà chúng ta giành được. Một chỉ huy tài năng là một người biết cân nhắc cả hai thế trận, không biết tự ái, dám phủ nhận chính mình nếu thấy sai – ngay giữa trận chiến đang tiếp diễn.

Không khí cuộc họp bỗng trầm xuống, căng thẳng. Lâu nay cuộc sống đã dạy cho mỗi người, không ít sai lầm của một số nhà quân sự máy móc được đào tạo từ thời cải cách ruộng đất, thường chỉ có lòng tin mù quáng mà quên mất hiệu quả, sự dốt nát về quân sự được ngụy trang bằng sức mạnh của lòng quyết tâm, bằng ý chí luận.

Một lần nào đấy thủ trưởng đơn vị anh biện luận hùng hồn cho sự chiến thắng của một trận đánh mà ai cũng cho là thất bại:

– Vì nền độc lập dân tộc, chúng ta sẵn sàng hy sinh một thế hệ, thậm chí nhiều thế hệ.

Một câu nói thật to tát giống như một nhà lãnh đạo ba hoa.

Không ít người hồi ấy đã nhận thức được cái lý xuất phát từ tấm lòng nhân đạo của người thầy thuốc: Con người là vốn quý nhất. Một chỉ huy quân sự tài giỏi là biết hạn chế tối đa sự hy sinh của quân đội mình. Nhưng hồi ấy quyền lực lại nằm trong tay những người đối lập với quan điểm của bác sĩ Tâm. Nhiều quan điểm của bác sĩ Nguyễn Phúc Tâm được gán ghép theo một quan điểm tư sản, mơ hồ, thiếu ý thức giác ngộ cách mạng. Người cách mạng là người dám hy sinh cả tính mạng mình cho lý tưởng...

Một lần nữa Tâm lại im lặng và ở đây ai cũng thấy anh lạc lõng trong sự phấn đấu vươn lên, chơi vơi trong những niềm mơ ước. Ai cũng phục anh bởi vì anh coi thường tất cả sự trả thù. Anh làm việc say mê với chính lương tâm mình. Nhưng ai cũng có cảm giác anh đang đứng trước một cái bẫy...

Hôm ấy, sau hơn mười giờ liên tục đứng bên bàn mổ, anh đã từ chối làm việc, mặc cả bơ lu đi nằm. Một giấc ngủ ngắn, nặng nề đã phải trả giá bằng kỷ luật, "lột" một lúc hai lon, từ đại úy xuống trung úy.

Cầm tờ giấy đánh máy chữ xanh mờ từ tay chính trị viên Nguyễn Dậu, Tâm lướt qua như kiểu anh vẫn đọc nghị quyết và xé cái tờ giấy ấy, vo lại ném ra đống rác. Nhiều đồng nghiệp anh đã

để ý gương mặt anh lúc ấy, hoàn toàn ngược với dự đoán của họ, anh bình thản không biểu hiện một sự buồn phiền, lo lắng hay căm phẫn nào. Vừa thầm kính trọng, họ vừa hồi hộp lo cho số phận anh.

Tuy nhiên không ai hiểu được tâm trạng anh đang xao động về hồi ức một ca phẫu thuật trước đấy không lâu. Hồi ấy, anh cũng đang trong tình trạng tương tự, mệt mỏi đến cực độ sau gần mười tiếng đồng hồ, đôi mắt chỉ thấy máu, những vũng máu nhầy nhụa và những gương mặt đau đớn, cau có, dữ tợn, những hàm răng nghiến lại và những lời nguyền rủa xối xả trút xuống đầu những con người nhẫn nhục chỉ biết chăm lo và hy vọng giành giật họ ra khỏi bàn tay tử thần. Anh lột đôi găng tay màu vàng nhạt ném lên bàn mổ định lăn kềnh xuống võng, y tá Loan đã van xin anh cố cứu thêm một ca nữa. Anh phân vân trước những lời cầu khẩn ấy, nhưng anh vẫn tròng đôi găng tay vào khi anh bắt gặp đôi mắt của cô, một đôi mắt thất vọng và nặng thương đau, cái tiếng nói của đôi mắt ấy có sức mạnh hơn ngàn lời cầu khẩn, tất nhiên hơn cả mệnh lệnh.

Người chiến sĩ đã tắt thở ngay khi anh vừa dò tìm ra cái mảnh đạn ẩn trong mé sườn, sát con tim. Đó là một ca mổ duy nhất anh cho là tồi tệ, từng ngón tay vốn mềm mại và điều chỉnh con dao rất điêu luyện không khác gì sự điêu luyện của bàn tay người nghệ sĩ tài hoa, cái bàn tay ấy, từng ngón tay ấy dường như không còn là của anh nữa, nó thô cứng một cách khó chịu, bối rối và run rẩy. Và chính bàn tay với những ngón tay vốn tài nghệ, hôm ấy run rẩy lách hướng dao đụng vào con tim người chiến sĩ. Một tia máu vọt ra... Anh vội vàng khâu lại... trước khi người lính trút hơi thở cuối cùng.

Anh tin rằng nỗi ân hận sẽ còn dày vò anh trong nhiều năm tháng sau này về cái ca phẫu thuật tội lỗi ấy. Có một đêm sau một cơn mơ mê mệt đầy những hình ảnh quái đản, anh đã chồm dậy, hai chân buông xuống đất, miệng lẩm bẩm: "Giá hồi ấy ta từ chối... Giá hồi ấy ta điều khiển được mình, lách mũi dao theo hướng ngang chỉ một ly thôi, chắc chắn trái tim ấy vẫn còn đập cho đến bây giờ...".

Tĩnh tâm lại, anh nhớ người con trai hãy còn trẻ quá và đầy mơ mộng, những mơ mộng mà sau này khi bước vào tuổi chín chắn của cuộc đời, mỗi người đều tự chế giễu chính mình về cái thời lãng

mạn chưa xa ấy. Nhưng trong thực tế cuộc sống, có ai ở vào tuổi ấy mà không biết khao khát, không biết mơ mộng để mà vươn tới những đỉnh cao của hoài bão.

Người con trai mơ ước rằng, với đôi chân khỏe khoắn của mình, anh sẽ dọc ngang trên mọi nẻo đường của Tổ quốc để tìm cho bằng được các mỏ dầu. Theo anh, một đất nước thiên nhiên khắc nghiệt như đất nước của chúng ta, khi chúng ta còn chưa đủ khả năng để chống chế và điều đỉnh thiên nhiên thì nông nghiệp sẽ là nỗi phập phồng, đầy lo âu và thất bại của đất nước. Không thoát ra khỏi cái ám ảnh cũ rích ăn sâu vào tiềm thức của cả một dân tộc, dân tộc ta sẽ còn chịu nhiều thất bại đắng cay.

Anh tin với những tầng địa chất ở những khu vực phía Nam chắc chắn sẽ đem lại cho chúng ta nhiều mỏ dầu có trữ lượng cao. Chúng ta sẽ giàu có bằng chính những cái mỏ dầu đang nằm sâu bí ẩn trong lòng đất ấy.

Nghĩ lại, Tâm thấy mơ ước của anh ta không lãng mạn một chút nào, nó đầy kinh nghiệm và thực tế. Lần đầu tiên Tâm khâm phục một người bạn trẻ hơn mình với cái đầu biết nghĩ khác đi những điều tưởng đã thành công thức, tưởng đã thành quy luật.

Trong cuốn nhật ký của mình, anh còn để lại những bài thơ ca ngợi đất nước và ca ngợi người yêu. Cô gái, qua bức ảnh dán ở trang đầu cuốn nhật ký không lớn lắm, bìa bọc ximili màu nâu, có gương mặt u buồn, đôi môi ươn ướt trong nụ cười rất gượng gạo và một đôi mắt rất đăm chiêu, tư lự đầy khắc khổ.

Qua bức thư anh nhận được của cô, anh vẫn cặp trong quyển nhật ký cô nói rằng cô sẽ vào chiến trường và hy vọng gặp anh.

Bác sĩ Nguyễn Phúc Tâm không ngờ người con gái ấy chính là y tá Loan, người cộng sự đắc lực của anh.

Một người nhạy cảm và giàu kinh nghiệm như y tá Loan, Tâm tin rằng cô đã hiểu cặn kẽ nguyên nhân dẫn đến cái chết của Hiệp, người yêu cô. Anh chờ đợi ở cô một sự phản ứng mạnh mẽ, bột phát, nhưng anh đã nhầm. Cô im lặng cùng với đơn vị chôn cất anh chu đáo với một bản lĩnh vững vàng. Thời kỳ ấy và ngay cả sau này nữa, chưa một lần cô nặng lời với anh.

Hơn ai hết, Tâm hiểu rằng Loan đã cắn răng chịu đựng nỗi đau mất mát không gì bù đắp được mà người yêu cô đã để lại, nỗi đau tưởng dần dần thành chai sẹo trong trái tim cô, nhưng một lần Tâm đã nhận thấy chính nó – nỗi đau ấy – trong giấc mơ của cô gái.

"Không, không được giết anh ấy. Anh ấy là một nhà khoa học chân chính của mai sau, đừng giết anh ấy...".

Cô gái vùng dậy lao đến anh lúc ấy đang vào định gọi cô dậy chuẩn bị một ca mổ, cô đấm tới tấp vào ngực anh và thét lên: "Không được giết anh ấy!".

Và khi tỉnh lại, Loan bàng hoàng và van xin anh tha lỗi.

– Không hiểu sao em lại mơ thấy anh cầm dao đâm anh Hiệp. Em xin lỗi anh. Giấc mơ kỳ lạ quá.

Sau câu nói rất thật của Loan, người bàng hoàng lại là bác sĩ Tâm, người đã thực hiện ca mổ đầy tội lỗi ấy. Từ đấy anh mơ hồ cảm giác rằng giữa người sống và người chết dường như có mối quan hệ nào đó bằng điện từ mà khoa học chưa khám phá ra.

Từ đấy Tâm im lặng, trầm tư, sự im lặng khó hiểu đến nỗi nhiều lúc Loan phải kêu lên:

– Em thấy ngột ngạt quá cái không khí này anh ạ... Sao dạo này anh khó hiểu thế.

Cái không khí ngột ngạt ấy kéo dài cho đến buổi chiều mùa mưa Trường Sơn hai người chạy giặc lạc trên ngọn đồi giá tị[1] không tìm thấy lối ra. Đêm ập đến mau lẹ như một cơn sốt rét, cả hai lúng túng nhìn nhau và đọc được của nhau tâm trạng hồi hộp, lo sợ. Cơn mưa xối xả, réo gầm như con thác trút những thùng nước khổng lồ xuống những ngọn cây. Những chiếc lá hình quả trứng ngược mỏng mảnh như run sợ trước những trận mưa không hứa hẹn bao giờ sẽ chấm dứt. Những cụm hoa lớn hình chùy mảnh khảnh phó thác cho con nước hung dữ như thần Thủy Tinh.

Hai người mệt mỏi mắc được tấm tăng, các khớp xương đã cứng lại và họ nhớ đến cơn lạnh khủng khiếp về cái mùa đông năm nào của thời thơ ấu trên miền Bắc bọn trẻ mỗi đứa mang theo bên mình

---

1. Loại gỗ tếch.

cái ống bơ than hồng. Và vô tình bác sĩ Tâm chợt nhìn thấy y tá Loan run lập cập trong bộ quân phục màu rêu ướt lép nhép.

– Áo mưa em đâu rồi? Anh thốt ra câu hỏi ấy và cảm thấy hổ thẹn về sự vô tâm của chính mình.

Y tá Loan im lặng như không hề nghe câu hỏi đầy lo âu của anh. Thật lòng cô cũng không hề giận gì cái sự vô tâm của người bác sĩ mà không biết từ lúc nào cô đã coi anh như vị giáo sư của mình. Và chính cô cũng quên khuấy đi rằng mình không có áo mưa. Bọn địch bất ngờ thọc vào đơn vị cô, vào cái Trạm quân y tiền phương chỉ lưu lại ba chiến sĩ bị sốt rét vừa cắt được cơn. Trừ một bộ phận thường trực ở lại chiến đấu, còn tất cả chạy giạt đi mỗi người một phương. Loan và bác sĩ Tâm chạy sau cùng trước khi giấu được những dụng cụ nghề nghiệp. Họ chạy theo hướng Tây – Tây Nam, len lỏi, luồn lách vào những cánh rừng rậm, không theo một con đường mòn nào nhất định đến lúc gặp một thung lũng hơi bằng phẳng toàn những cây gỗ lớn, thân thẳng, hình trụ gốc có rãnh và có bạnh nằm giữa hai dãy núi rậm rịt những cây cối cao thấp khác nhau.

Cả hai dừng lại như muốn nói: "Tận cùng rồi, không chạy đi đâu được nữa!".

Bác sĩ Tâm lúng túng mãi mới cởi được tấm áo mưa để trao cho Loan.

– Em choàng vào cho đỡ lạnh. Anh nói thật lòng, giọng ân hận.

Loan hơi bực, cô muốn khóc, nhưng không hiểu sao cô lại bật cười:

– Anh không biết chúng ta đang đứng dưới tấm tăng à.

– Ừ nhỉ. Anh công nhận sự "dở hơi" của mình với những cử chỉ vụng về. Một lần nữa anh lại nhìn thấy cơn lạnh gõ nhịp trên đôi môi trắng bệch của cô. Anh lặng lẽ cởi chiếc áo của mình trao tận tay Loan, giọng van nài:

– Em thay đi... Anh ra ngoài kia... Không thì chết cóng bây giờ... Cả chiếc quần dài này nữa...

Y tá Loan chưa kịp ngăn, anh đã trùm áo mưa băng ra ngoài rừng.

Với cái dáng đi như lao của anh, y tá Loan hiểu rằng đấy là mệnh lệnh.

Đứng yên lặng dưới tấm tăng trong bộ quân phục rộng thùng thình nhưng đầy hơi ấm của bác sĩ Tâm, Loan vừa xấu hổ vừa cảm thấy như có một tình cảm nào đấy khiến cô xao xuyến. Khi cởi chiếc áo ướt, cởi cả chiếc xu chiêng đẫm nước, lúc bấy giờ cô còn nhìn thấy khuôn ngực chính mình, nhìn thấy cả hai núm vú màu nâu non và cô, trong giây phút thấy cái sự "khó coi" của mình. Cô đưa chiếc áo lên che ngực và sợ hãi nhìn quanh, như thể cô sợ bắt gặp đôi mắt của anh đang ở đâu đấy, từ sau một thân cây nào nhìn thấy được.

Nhưng cái điều ấy đã không xảy ra và khi nỗi mong chờ đến thấp thỏm và mất dần nỗi hy vọng gặp lại anh, cô tự trách mình đã nghi oan cho anh. Gần anh, cô hiểu anh thuộc loại người đứng đắn. Ở Trường Sơn, những anh con trai, kể cả những vị Tư lệnh bệ vệ thấy gái mà không biết tán, trong thâm tâm không muốn gần thật là "của hiếm".

Bầu trời trong cơn mưa mỗi lúc một thâm tím lại. Chốc cô lại giơ bàn tay ra trước mặt, và mỗi lần như vậy, cô đều nhận thấy bằng chính trực giác mình sự mờ nhạt của hai thời khắc qua màu sắc của làn da, qua độ đậm nhạt của từng đường chỉ ngang dọc ở lòng bàn tay. Lúc ấy, cô dớn dác dõi mắt "chạy" quanh tấm tăng, nhưng sau cùng cô ào ra giữa cơn mưa vuốt mặt không kịp, vừa khe khẽ gọi tên anh vừa lo tiếng mình to quá. Cô hiểu một cách ngây thơ rằng tiếng kêu ở rừng đêm là một kiểu truyền tin cho loài dã thú.

Cô quờ quạng trở về, chui vào giữa tấm tăng, đưa cả hai bàn tay vuốt nước trên mặt, bần thần không hiểu mình sẽ làm sao đây trước cái mênh mông của đêm tối ở cánh rừng gỗ tếch này. Bây giờ thì cô hiểu nỗi ghê rợn của đêm, sự trống vắng và dữ dội của rừng đã làm cho con người trở thành một sinh vật nhỏ bé vô cùng yếu ớt và run rẩy.

Cô ngồi xuống, nhắm chặt hai mắt lại cốt để tránh khỏi cái bóng đen đang vây lấy cô, khiến cho nỗi sợ hãi mỗi lúc một siết chặt như chiếc dây thòng lọng siết vào cổ con người. Không biết từ lúc nào nước mắt đã tuôn ra từ đôi mắt đang nhắm chặt. Ở rừng đêm,

chỉ cần lạc một bước là coi như không bao giờ gặp nhau nữa, mỗi người đi theo một hướng, thường là ngược chiều nhau.

Cô hiểu nguyên nhân của nỗi cô đơn của cô, nguyên nhân anh bị lạc chính là vì hồi ấy trên đường hành quân, cô đã để lại cho người đồng đội của cô đang vĩnh biệt cuộc đời, tấm áo mưa màu cỏ úa của mình. Giá như cô không bị ướt, nghĩa là cô giữ lại tấm vải nhựa ấy thì chắc chắn mọi việc không đến nỗi như bây giờ, anh sẽ không trao cho cô bộ quần áo khô của anh để cô thay và cô sẽ có anh bên cạnh. Đêm nay mỗi người sẽ quấn tấm áo mưa của mình và ngủ dưới tấm tăng này.

Nhưng rồi chính cô lại sỉ vả mình về việc nhắc lại như hối tiếc cái nghĩa cả mà cô coi là thiêng liêng đối với người quá cố: Anh, một người lính cô chưa một lần gặp mặt, nhưng rõ ràng hồi ấy cô không đành đoạn bỏ anh nằm lại một mình trên võng giữa những cơn mưa như thác mà không có lấy một tấm gì che đậy. Ai đã ở Trường Sơn giữa mùa mưa khắc sẽ hiểu giá trị của cái mảnh vải nhựa ấy như thế nào. Hồi ấy, cô đã tự nhủ với mình rằng cô sẽ không bao giờ ân hận về cái cách cư xử ấy.

Và bây giờ thì cô trách bác sĩ Nguyễn Phúc Tâm. Hóa ra anh vẫn còn phong kiến quá. Có gì phải xấu hổ với nhau giữa cánh rừng mênh mông, cô tịch này khi cả hai cùng một cơn hoạn nạn. Là bác sĩ, anh còn lạ gì những khuôn hình người phụ nữ, và cô lúc ấy đã có dấu hiệu nào tỏ ra lo sợ anh? Và giá anh có vô tình nhìn thấy cô đang khỏa thân thì, cái hoàn cảnh ấy cô cũng chấp nhận được cơ mà...

Con người trong lúc tuyệt vọng tâm trạng luôn biến động, khi trách móc chính mình như sám hối, khi oán giận đồng đội, oán giận người thân và chấp nhận cả những điều trong lúc bình thường ta vẫn coi là thứ trò vớ vẩn.

Không hiểu Loan còn đi tới đâu trong tâm trạng rối mù và có lúc như tuyệt vọng nếu cô không sửng sốt nhận ra một bóng đen đang di chuyển về phía cô như thể một con gấu cảm thấy hơi người. Cô sợ quá, toàn thân run rẩy, một nỗi hãi hùng khiến cô gần như ngất đi... Và vì vậy, khi nhận ra bác sĩ Tâm thì cô không còn nghĩ gì nữa, không còn ý tứ gì nữa, cô ôm chầm lấy anh như ghì chặt

lấy sự sống. Loan cảm giác như vừa từ địa ngục với những cảnh tra tấn ghê rợn trở lại với thế giới của tình yêu và hạnh phúc. Thế mới biết hạnh phúc tình yêu có nhiều cung bậc khác nhau, đối với kẻ ăn mày đó là miếng cơm thừa của người làm phúc, đối với nhà tư sản đấy là vàng càng ngày càng gia tăng của họ và đối với cô lúc này là anh, là bác sĩ Tâm.

Cô ôm chặt anh đến nỗi cô cảm giác rằng anh nhận ra khuôn ngực rắn chắc của cô, anh nhận ra từ khuôn ngực trần của anh hơi ấm từ hai bầu vú tinh khiết. Cô muốn giữ yên cái giờ phút như thế mãi mãi, để cho mãi mãi cô không mất anh, không mất cái sự sống mà từ đầu hôm đến giờ cô đã mất. Cô sợ quá cái cảnh "địa ngục" cô vừa trải qua.

Không hiểu sao lúc ấy anh cũng ôm lấy cô, mặc dù trước đấy không lâu anh cũng hứa với chính lương tâm rằng, phải giữ cho được đường biên giữa hai người, nhất là giữ cho Loan. Người phụ nữ nào lại không nhẹ dạ, cả tin và vì vậy ở đời mới tồn tại những anh Sở Khanh. Nhưng bây giờ thì chính anh đã bị một thứ tình cảm nào đó chi phối, hút lấy anh, đến mức anh, với một lý trí vốn mạnh mẽ của một bác sĩ đã qua nhiều thử thách, không kiềm chế nổi. Anh thốt lên:

– Em làm sao thế này? Đừng run nữa em. Có gì mà em phải sợ kia chứ... Ướt hết rồi, sao vậy em?

– Anh còn hỏi nữa? Em bươn đi tìm anh chứ còn sao... Em sợ quá, sợ anh lạc mất, sợ anh không về nữa, sợ anh bị hổ vồ, em lo anh gặp gấu, gặp biệt kích... Trời ơi, anh không biết đâu, từ lúc anh đi, anh chạy trốn em cho tới giờ đầu óc em quay cuồng vì nỗi lo sợ cho anh và cho cả em nữa. Em làm sao qua khỏi đêm nay nếu không có anh. Em sẽ chết mất. Nhưng thà chết vẫn còn hơn sống thấp thỏm trong những cơn lo và nỗi sợ triền miên giống như tâm trạng của người bị đày xuống địa ngục, dữ dằn thế đấy anh ạ, mặc dù chưa ai qua địa ngục cả.

Từ đôi vai trần của mình, có một dòng chảy trào ra, âm ấm, buồn buồn, và anh kịp nhận ra đấy là nước mắt của cô gái, những giọt nóng đang chảy xuống lưng anh, gây xúc động còn mạnh mẽ hơn tất cả những lời nói mà nãy giờ anh đã nghe, đã nhận biết.

Chưa bao giờ anh cảm thấy thương cô như lúc này. Sự khủng khiếp của chiến tranh đâu chỉ là bom đạn và chết chóc, là những cơn sốt rét và nỗi gian khổ, vất vả... mà còn ở những đêm như thế này đây, những đêm rùng rợn nghìn lần hơn cái chết.

Anh im lặng và để im cho cô khóc, nước mắt bao giờ cũng là niềm an ủi cho người đang đau khổ. Anh đưa bàn tay vuốt nhè nhẹ trên tấm lưng cô gái, và với cử chỉ ấy, anh nghĩ cô sẽ hiểu được nỗi ân hận của anh. Sau cùng anh nói:

– Anh không nghĩ rằng em sẽ chịu đựng nỗi kinh hoàng như vừa rồi em đã chịu đựng... Thực tình thì anh sợ chính anh, bởi anh cũng là con người thôi. Con người bao giờ cũng có ham muốn bình thường của nó, không phải lúc nào cũng trong sáng, cũng ức chế được mình... Dường như em đang run. Lạnh lắm phải không em... Nếu em nghĩ ngày mai em còn phải trở về với mẹ em, em nghĩ, em còn phải làm việc, còn giúp anh trong những ca mổ, em nghe anh, cởi bộ quần áo ướt này ra và quàng tấm áo mưa này vào.

Tâm đã cởi tấm vải nhựa trao tận tay cô gái và nói thêm:

– Em đừng ngại... Anh sẽ tìm một chỗ ngủ qua đêm nay. Bọn đàn ông các anh dễ vạ vật hơn cánh nữ các em nhiều.

– Anh định bỏ em lại đây như vừa rồi ư?

– Em cứ tin rằng anh loanh quanh ở đây thôi, đừng sợ em à.

– Em chết mất!

– Em thông cảm, không phải anh ghét bỏ hay không ưa gì em đâu, duy có điều anh muốn giữ cho anh và điều quan trọng là giữ cho chính em.

– Nhưng anh có hiểu cho rằng em, một người con gái làm sao có thể sống một mình giữa rừng đêm mưa bão như thế này mà không một ai bên cạnh. Vừa nói, cô vừa ôm chặt lấy anh sợ anh vùng chạy... Em chết mất anh ạ, em chết vì một nỗi sợ vô hình...

– Tại sao em lại đi vào Trường Sơn, nơi mà tất cả những thử thách chỉ dành cho những người đàn ông gan góc.

– Em nghĩ đơn giản lắm anh ạ, bạn bè sao, mình vậy... Không phải em thích phiêu lưu. Nhưng dù sao lúc ấy em cũng nghĩ nhiều đến tiếng hát và niềm vui hơn là nỗi tủi nhục và cay đắng.

Hai người vẫn đứng như vậy, ôm chặt lấy nhau, giọng nói thì thào qua hơi thở. Thực ra câu chuyện cũng đã bắt đầu nhuốm màu ảo tưởng... Khi người đàn ông ý thức được rằng anh đang truyền cho cô hơi ấm thì cũng là lúc anh thấy rất gần một nỗi ham muốn mà chính cô đã khơi dậy trong anh. Cả hai dường như không điều khiển được bản thân, đôi chân run rẩy chực quỵ xuống. Lúc ấy người đàn ông, một lần nữa ẩy cô gái ra, lúng túng và xấu hổ với chính ý nghĩ vừa len đến thật không lành mạnh.

– Thôi, em cởi quần áo ra, vắt thật kỹ, tìm chỗ phơi, choàng tạm tấm vải nhựa này vào, cái chứng viêm phổi không tha em đâu. Đừng lo cho anh... Anh chịu được em à.

Cô gái chưa kịp thốt lời nào, anh đã lao ra ngoài, bóng đêm dày như mực hút lấy anh, trả về cho căn lều cái im lặng thật dữ dội, cái im lặng đầy bí ẩn mà trong đời cô chưa bao giờ gặp như thế.

Cắn răng lại, nuốt lấy tiếng khóc, cô thầm nguyền rủa anh: "Anh tàn nhẫn quá, anh Tâm ạ. Anh không thể hiểu rằng em có thể chết trong đêm nay vì cô đơn, vì rét, vì đói... Có trái tim hay không ở những người như anh? Một người đàn ông không còn biết cảm xúc, một kiểu đàn ông cứng nhắc, máy móc mà ta đã gặp không ít trong cuộc đời... Không, ta đã cảm được điều gì sau cái ẩy ra của anh. Anh đã kiềm chế được bản năng, kiềm chế được cơn thèm muốn... Ta biết anh rất sợ vợ...".

Chính Loan lại bào chữa cho anh, thông cảm và thương hại anh. Trước cấp trên, trước đồng nghiệp, anh là một người đàn ông cứng rắn mạnh mẽ, một loại đàn ông kiêu căng, bất cần đời. Điều quan trọng là anh có kiến thức, có tài năng. Nhưng trước nữ giới, nhất là đối với Thức vợ anh, anh lại tỏ ra yếu đuối, nhu nhược. Nhiều người nói với Loan rằng không phải Tâm lấy Thức mà ngược lại chính là Thức lấy Tâm. Trong cuộc hôn nhân vừa qua, Thức là người chủ động trong mọi việc, là người lo toan chu toàn từng chi tiết một, như từ màu sắc chiếc cà vạt anh mang cho đến đôi giày anh đi.

Bây giờ thì Loan thấy dễ chịu hơn, đỡ nặng nề hơn. Cô quyết định cởi bộ quần áo ướt sũng nước vắt thật khô, dùng chiếc áo lau

đi lau lại cái đầu ướt từ chiều. Xong, với tấm áo mưa quấn chặt, cô loay hoay tìm một chỗ để nằm nghỉ lưng một chút. Cái sự mỏi mệt rã rượi thấm vào từng đốt xương khiến cô không đủ sức đứng được nữa. Quờ quạng, cô nhổ mấy cây dại dọn một chỗ đặt lưng xuống. Mặt đất ướt lạnh, buốt đến tim gan. Cô cưỡng lại cái rùng mình và thầm nhủ: "Không sao, chỉ một lúc nữa là ta giữ được hơi ấm thôi. Mọi việc rồi sẽ qua... Chắc là anh quanh quẩn đâu đây. Anh ấy là người thật thà, anh chưa nói dối ta bao giờ...".

Những ý nghĩ ấy làm cho Loan thấy mình đỡ hồi hộp, đỡ cô đơn. Cô muốn ngủ một chút, bởi vì chỉ có giấc ngủ mới làm cho đầu óc con người trở lại bình thường. Nhưng cô không cách nào ngủ được. Mọi sự trấn an cho chính cô đều lướt qua mau lẹ, trong tâm trí cô vẫn còn những cơn lo và sợ...

Mưa vẫn rải đều cái âm thanh buồn tẻ và u ám xuống tấm tăng. Cùng với mưa gió trút từng cơn ai oán xuống các ngọn cây giá tị. Loan cảm giác rùng mình chao đảo trên con tàu giữa vùng biển Đông. Tấm tăng phập phồng có lúc như muốn rứt cả Loan bay vào vũ trụ.

"Cố ngủ!". Đấy là ý nghĩ duy nhất lúc này của Loan. Ngủ được, cô sẽ quên đi cơn đói đang cồn cào, quên mệt, quên cả nỗi sợ đang đè nặng tâm hồn cô và quên cả người bác sĩ ấy. Nhưng rồi chính hình ảnh Tâm, và bàn tay vốn quen cầm dao mổ ấy vuốt ve trên tấm lưng cô, giọng thì thầm của anh, hơi thở gấp cùng cảm giác bồng bềnh nơi nào đó, tất cả bắt tâm trí cô trở về với người con trai ấy. Mặc dù đã nhiều lần Loan đã tự nhủ, anh ấy là của chị Thức, nhưng không hiểu sao ý nghĩ cô vẫn cứ hướng về anh. Chính tính cách cao thượng, chính sự cứng rắn trong tình cảm của anh lúc này lại làm cho cô phục anh, quý anh và... cả yêu anh nữa. Không hiểu có phải là tình yêu không, cô không rõ, nhưng người bác sĩ ấy đêm nay đã choáng ngập tâm hồn cô, khiến cô xao xuyến... Giá lúc ấy, anh quật cô nằm xuống... chắc chắn cô sẽ không kháng cự, hoặc có chăng chỉ rất yếu ớt, một sự chống đối lấy lệ, bởi vì cô không nỡ từ chối anh điều gì. Không biết sự việc diễn ra như thế thì tình cảm của cô đối với anh có còn nguyên vẹn nữa hay không và bây giờ mỗi lần nghĩ đến anh cô có còn giữ được lòng khâm phục và quý mến nữa hay không.

Càng tự nhủ, "cố ngủ", đôi mắt Loan lại càng mở to, gắng nhìn ra bầu trời đen đặc ngoài tấm tăng, hy vọng sẽ bắt gặp anh trở lại, với dáng đi rụt rè, chới với, hơi thở phập phồng, cùng với tiếng gọi: "Em ơi, thức ngủ? Anh lạnh quá! Cho anh nằm ghé một tí. Anh sẽ quay lưng lại phía em. Em đừng ngại...". Cô nghe cả tiếng răng anh gõ vào nhau, không đều, lúc mau, lúc thưa. Định chồm dậy, cô cũng vừa kịp nghĩ đấy chỉ là sự tưởng tượng của mình. Chỉ cần anh quay trở lại, chỉ cần một cử động nhỏ mà cô biết chắc đấy là anh, cô sẽ vùng dậy lao đến anh, ôm anh và than thở, và trách móc, và cắn vào vai anh nữa, cái vai trần lúc xâm xẩm tối cô đã vùi mặt lên đấy để cho nước mắt thỏa thuê giàn giụa xuống lưng anh. Cô sẽ không để anh quay mặt ra ngoài đâu. Như thế thì làm sao cô nghe được anh nghĩ gì về cô. Không, Loan sẽ bắt anh quay lại, "mặt đối mặt" với cô, nghe cô kể về nỗi sợ, về những cảm xúc mới lạ, khi cô vừa tiếp cận với anh... Cô sẽ ôm anh thật chặt, ôm ghì anh vào khuôn ngực đang hồi hộp của cô, truyền cho anh hơi ấm, không thì anh chết cóng mất. Anh phải nói thật cho cô hiểu rằng đêm giờ anh ngồi đâu, nằm đâu, để tóc và chiếc quần đùi đẫm nước thế này. Anh ngồi ở gốc cây nào, ở hang núi nào, anh nằm ở bờ bụi, và con dốc nào? Có phải anh định tự vẫn bằng tiết trung? Anh ấy chết mất!

Đầu óc cô quay cuồng, rối loạn. Mấy lần cô định chồm dậy, lao ra ngoài tìm anh. Nhưng đôi mắt cô bị chắn lại bởi một tấm màn nhung đầy bí ẩn, đầy những tội lỗi. Có ai đấy đã nói với cô rằng những cánh rừng giá tị thường rất nhiều dã thú, nhất là những ông Ba mươi. Mỗi lần mùa mưa đến, hoa tếch nở tỏa ra một thứ mùi hăng hắc, cay nồng nhưng lại có sức quyến rũ chúng. Từ những cánh rừng xa tít, theo thứ mùi hoa ấy chúng tìm lần về ngồi dưới các gốc cây... Hóa ra không phải chỉ có con người mới cảm thụ được cái đẹp, thưởng thức được hương hoa...

Cô cong người, cố thu mình lại, càng bé càng tốt, quấn chặt tấm vải nhựa thật kín. Mặc dù vậy cô vẫn cảm được nỗi sợ hãi trên thân thể đang nổi da gà của mình.

Trời vẫn mưa, những cơn mưa kéo dài như vô tận, cô có cảm giác như có một bình thông nhau giữa trời và biển. Trời kéo nước ở biển trút xuống mặt đất. Nước đổ từ các cánh rừng ra suối, suối chảy về sông, sông đưa nước ra biển và trời lại kéo nước từ biển

trút xuống mặt đất. Nhưng cơn mưa thế này anh ấy chịu sao nổi! Anh ấy chết mất. Có gì che chở cho anh ấy đâu. Có tấm tăng, có mảnh vải mưa, anh lại dành hết cho cô. Thậm chí anh còn đưa cho cô cả bộ quần áo duy nhất của anh nữa. Khi tiếp cận với cái chết mới thấy người cao cả dám hy sinh và kẻ ham sống... Anh ấy chết mất! Chết vì những cơn mưa, những cơn mưa đầy tội lỗi, những cơn mưa giết người...

Loan cảm thấy bất lực trước cái chết (cô tin như thế) đang đến dần với người thân, người đồng nghệp, vị thầy giáo đã dạy cô từ dạng lâm sàng của sốt rét, bệnh têtanốt, bệnh dịch tả... đến các tế bào lim phô T... Anh có trí nhớ rất kỳ lạ về lịch sử y học, về từng nhà bác học về những cống hiến lớn lao của họ cho cả loài người. Làm sao tìm ra ở giữa Trường Sơn một cái đầu như anh và đôi bàn tay phẫu thuật tài nghệ như anh. Những người tài thường hay gặp nạn, cụ Nguyễn Du nói: "Chữ tài liền với chữ tai một vần" bây giờ cô mới hiểu đấy không phải là cách gieo vần ngẫu nhiên mà là sự đúc kết kinh nghiệm dày dạn của cuộc sống.

Anh đã cứu biết bao chiến sĩ, biết bao nhân vật tên tuổi, có những vị tướng và có cả những nhà văn, nhà báo, nhưng rồi những tờ quyết định kỷ luật lại cứ dội xuống đầu anh. Ngoi lên được cấp bậc đại úy, tờ quyết định còn chưa kịp cất, anh đã nhận quyết định lột lon, hạ quân hàm còn trung úy. Nhưng rất lạ, chưa bao giờ Loan thấy anh buồn. Dường như anh không quan tâm lắm anh ở cấp bậc gì, anh xếp hàng thứ mấy, anh ở vị trí nào trong quân đội. Theo anh làm một người lính đánh giặc giỏi vẫn hơn làm một vị tướng tồi.

Lần ấy cô còn nhớ anh cầm quyết định kỷ luật, vò lại, ném xuống đất coi như vất đi một tờ giấy lộn rồi nhờ cô chuẩn bị để anh bắt tay vào ca mổ một cách tự nhiên, trên gương mặt anh dường như không gợn một nỗi buồn lo hay giận hờn nào. Một lần nào đấy, cô hỏi anh về cái hành động "phạm thượng" ấy, anh thản nhiên trả lời:

– Đối với người bác sĩ, điều quan trọng không phải là ở cái lon mà ở lương tâm nghề nghiệp. Khi anh cảm thấy anh không phải hại đồng đội anh, lương tâm anh sẽ thanh thản. Đơn giản vậy thôi!

Cô hỏi anh:

– Anh nghĩ gì về y sĩ Dậu?

– Đời nào chẳng có thứ cỏ rả ấy. Nhưng cỏ vẫn là cỏ và hoa vẫn là hoa, đôi khi cỏ cũng chen lách lấn át hoa và điều này nữa, chúng cũng ra hoa, nhưng những ai hiểu đời sẽ dễ dàng nhận ra đó là hoa cỏ.

– Thế mà vẫn có nhiều người lẫn lộn đấy anh ạ.

– Đó là sự lẫn lộn cố tình, biết làm sao. Thời nào chẳng thế.

Từng ngày, từng ngày anh đến trong cô bằng những tình cảm, những cử chỉ và tác phong thật gần gũi, thật dễ chịu. Và bây giờ ở giữa rừng khuya này cô mới nhận ra những người trí thức có nhân cách là thế đấy. Không hiểu tình cảm của cô đối với anh như thế có phải là tình yêu hay không, cô không rõ, nhưng mỗi lần cô nghĩ về anh sao cô cảm thấy có điều thiếu tự nhiên, thiếu bình thường, cùng với những gì tốt đẹp mà cô sẵn sàng dành riêng cho anh, con tim cô dường như không kiềm chế được, nó đập mạnh hơn, dồn dập hơn. Chưa bao giờ cô dám nghĩ sẽ chiếm lấy anh như vật sở hữu của riêng mình, nhưng nói rằng cô "không có gì" với anh là sự dối lòng.

Cũng may cô đã thiếp đi trong cảm giác ngọt ngào ấy...

2.

Vượt qua chặng đường dài đầy những "cửa tử" của Trường Sơn mùa mưa, Nguyễn Phúc Tâm đã về đến Hà Nội trong một tâm trạng khá phức tạp, vừa mừng, vừa lo, đúng ra là ngượng ngùng. Lúc ấy quả thật, anh cũng không rõ anh ngượng vì đang đứng trước một cô vợ son phấn diêm dúa hoàn toàn không hợp với không khí thời chiến, hay ngượng với chính lương tâm mình về cái thời hoang dã và tội lỗi vừa qua.

Thức nhìn anh ngạc nhiên vì sự biến dạng nhanh chóng của anh, vừa mừng rỡ khi nhận ra chính người chồng của mình với dáng cao gầy, gương mặt hốc hác, đôi mắt trũng sâu tiềm ẩn điều gì hơi khó hiểu. Chị đứng trân, không biết mình nên làm gì, lúng túng và cuối cùng kêu lên như một tiếng reo:

– Bố Tâm, Mai ơi!

Thực ra lúc ấy con gái chị đang ở lớp mẫu giáo.

– Em! – Anh bước vào nhà, chào vợ và để ý tìm con.

– Em quên. Con đi học anh ạ.

Chị giúp anh kéo chiếc ba lô đầy bụi đỏ ra khỏi vai.

– Khiếp. Cái ba lô lép kẹp mà lại nặng như chì. Chắc phải đến hàng ký đất Trường Sơn trong ấy hay sao... May quá em cũng vừa mới về, hôm nay em về sớm.

– Cánh nhà văn, nhà báo của em được cái tự do...

Anh nói rất thật thà, nhưng chị lại hơi giật mình. Người phụ nữ bao giờ cũng nhạy cảm, hệ thống ăng-ten của họ tiếp nhận được nhiều tình cảm khác nhau, đôi khi rất nhiều... Có thể anh đã biết tất cả mối quan hệ giữa chị, một người đẹp thuộc loại số một của cơ quan với quyền tổng biên tập. Đời nào chẳng có kẻ ganh ăn ghét ở, người ta tranh giành với nhau từ bao thuốc lá đến sợi xích, cái líp xe đạp thuộc hàng phân phối, huống chi là mối quan hệ "thân tình" vụng trộm... Chị tin rằng chị sẽ tìm ra kẻ cố tình làm tan nát gia đình chị, kẻ đã thông tin cho Tâm hoặc bằng thư từ, hoặc bằng cách nào đấy. Chúng nó gieo gì, chị sẽ cho gặt nấy. Thủ trưởng của chị là một con người biết tàn nhẫn khi cái tàn nhẫn đem đến cho anh kết quả, đấy có thể là sự yên lành cho cương vị anh, có thể là một sự trả thù, hoặc cả hai... Kinh nghiệm đã dạy cho anh người làm chính trị phải có thế lực và đôi khi phải biết tàn nhẫn, khi cần có thể diệt ngay cả người thân của mình, có thể đấy là bạn, hoặc ân nhân. Thời gian giành cho những vị hoàng đế, những nhà vua nhân từ thường quá ngắn. Chị biết thủ trưởng Lê Hân của mình hơi thô bạo, kể cả trong suy nghĩ, trong ý thức, nhưng nhiều khi chính chị lại thấy le lói một chân lý nào đó của lẽ phải cuộc đời.

Sau câu hỏi có thể là rất vô tình của Tâm, Thức bắt đầu dè dặt trong từng cử chỉ, trong từng lời nói, luôn cảnh giác và dò xét... Trong những trường hợp thế này chị hiểu không thể đùa với ái tình được. Tâm là người vô tâm, trong sáng nhưng lại cộc tính. Cái tính tình ấy bao giờ cũng là nguyên nhân của mọi sự đổ vỡ trong các mối quan hệ. Đối với Tâm, chị hiểu chỉ cần khéo léo một tí, tế nhị một tí, "thật thà" một tý. Con người vô tâm là con người dễ tin...

Phải biết dắt Tâm vào vùng từ trường của tình cảm như trước đây chị đã "dẫn" anh vào tình yêu và tình vợ chồng theo ý chị.

Thức mở tủ lấy bộ pijama mà thời mới lấy nhau chị chính thức đi chọn vải và may cho anh, bộ quần áo màu trắng và sọc xanh da trời.

– Anh đi tắm và thay đồ để đấy em giặt cho... Xà phòng đây, khăn đây...

Tâm nhìn vợ và cảm thấy xúc động... Một lần nữa anh cảm thấy ngượng với lương tâm mình, anh đã làm điều không phải đối với người vợ đã yêu anh thật lòng.

Thật ra đêm ấy anh đã vùng ra khỏi sự cám dỗ rất Người ở dưới tấm tăng trong một đêm mưa bão giữa cánh rừng hăng hăng mùi hoa gỗ tếch ấy để chui vào trong một hốc cây nông choèn, chịu những cơn lạnh tím ruột, tím gan. Đấy là một đêm đầy những biến diễn phức tạp giữa tình yêu và tội lỗi. Trăm ngàn giọt mưa như những ngọn roi da quất vào tấm lưng trần của anh và hai hàm răng anh bổ liên hồi vào nhau gây trong anh cảm giác khát khao trở về bên người con gái đầy sức quyến rũ của ấm áp và êm đềm... Chưa bao giờ anh cảm thấy cái lạnh tê dại vò xé cơ thể và làm cho tâm hồn anh mệt mỏi đến rã rời như cái đêm ấy. Nhiều lúc anh cảm giác nỗi khổ nhục giày vò anh như một hình phạt của Diêm Vương, mặc dù chưa một lần nào anh tin có Diêm Vương. Là một bác sĩ anh hiểu rằng anh không thể nào chịu đựng hơn được nữa, mặc dù anh đã quay trở, đã đổi chiều không biết bao nhiêu lần, lúc đặt đầu và đầu gối vào trong, lưng cong ra ngoài, lúc đầu thò ra ngoài, lưng khom vào trong. Ở tư thế nào anh cũng cảm thấy khó chịu, lạnh cóng và đau ê ẩm. Chắc chắn anh không qua khỏi đêm nay nhưng lý trí lại không cho anh rời khỏi cái hốc cây khó chịu, cái hốc nhục hình ấy. Anh đếm sức chịu đựng của mình từ một đến mười và từ mười đến một...

Cho đến gần sáng anh thiếp đi trong cơn sốt mê man của chứng viêm họng và cảm lạnh. Y tá Loan đưa anh về tấm tăng và "thuốc thang" bằng những chiếc lá của rừng. Anh tỉnh lại dần trong cơn đói và khát cồn cào. Loan lặn lội đội mưa đi tìm từng mụt măng, từng con ốc, con nhái đem về cứu sống cả hai người. Những mụt

măng hiếm hoi lại trở thành "món hàng chiến lược" của họ. Cả hai nhai sống một cách ngon lành không hề thấy đắng. Duy chỉ có khi chuẩn bị đưa đến những con nhái, con ốc... sống vào bụng thì cả hai nhìn nhau, phân vân, ngần ngại... Nhưng rồi họ đành nhắm mắt lại, bỏ những con ốc đã đập ra, những con nhái được bóp chết, xé nhỏ và rửa dưới suối đưa lên miệng và nuốt một cách vội vã. Lúc đầu, cả hai rùng mình thấy ghê ghê nhưng sau rồi ngay những món ăn man dại của người nguyên thủy ấy cũng không tìm được bao nhiêu nữa. Cho đến một hôm trên đường dò về đơn vị, tình cờ Tâm "bắt" được một chú khỉ. Thật ra con vật ấy đã tìm đến hai người. Đêm nó vẫn lặng lẽ lại nằm bên cạnh Tâm. Cả hai quyết định làm thịt, tất nhiên là phải ăn sống. Cái giống khỉ thật giống người, biết sắp bị hành hình, lột xác, mặt đầm đìa nước mắt, nó chắp hai tay lại lạy lia lịa. Tâm nhìn Loan, người này như muốn nói với người kia điều gì đấy nhưng không nói được rồi cả hai đều khóc, tiếng khóc bị nén lại... nhưng cuối cùng anh buộc phải đập nó vào một gốc cây và dùng que nhọn lột da...

Ngày họ đi, đêm mắc tấm tăng quấn chặt lấy nhau trong một tấm ni lông để chống chọi với cơn mưa và cái lạnh buốt ở một bìa rừng nào đấy. Chính trong những đêm như thế cả hai đã không giữ được mình, cái đường ranh giới bị xâm phạm, và anh hiểu tội lỗi mà anh đã gieo cho chính anh và cả Loan nữa bắt đầu từ những ngày đêm sống hoang dã sau cuộc chạy giặc kia.

Khi còn ở trong rừng anh nghĩ rằng trở ra Hà Nội anh sẽ thú nhận tất cả tội lỗi của mình với Thức. Nhưng khi đã sống bên vợ, anh lại lẩn trốn tất cả. Cái sự dũng cảm của một người đàn ông vốn cương trực như anh đã lẩn trốn đâu mất. Thế mới biết ở con người cái sự khoe khoang bao giờ cũng dễ làm hơn là sám hối – Nhất là sám hối về tội ngoại tình trước vợ mình...

Đêm ấy vào khoảng mười một giờ, cái giờ yên tĩnh nhất của Hà Nội, Thức giật mình tỉnh dậy. Mặc dù đã cố hết sức, chị vẫn không tài nào ngủ được nữa. Sẽ lén chị ngồi dậy nhìn chồng qua ngọn đèn dầu vặn hạt đỗ. Trước chị, một gương mặt vàng vọt xanh xao vì sốt rét. Mới mấy năm mà trông anh, chị đã thấy ngỡ ngàng. Thế mới biết đời người lính cực khổ đến dường nào. Hơn bao giờ hết chị thấy tội lỗi của mình. Và sau những cơn dằn vặt ấy, chị giật

mình cảm thấy chị đã mất đi một cái gì đấy mà trước đây khi nằm bên anh bao giờ chị cũng cảm nhận rõ ràng: Sức hấp dẫn của một người đàn ông. Chị lo sợ về cái sự mất mát ấy... Hơn ai hết, chị hiểu nguyên nhân của nó. Một lần nữa chị tự trách mình. "Đúng, ta đã làm điều không phải với anh ấy, nhưng... đâu phải vì ta... vì hoàn cảnh".

Ấy là một đêm mùa mưa ở Trường Sơn, Hà Nội đang là mùa thu, không khí dịu dần, bầu trời ẩm ướt sau những cơn mưa dầm, vào một buổi tối, Thức cố dỗ cho bé Mai ngủ sớm và đóng cửa ra đi. Thực lòng, chị có ngần ngại. Hai lần chị ngập ngừng quay lại, nhưng đến bên cái ống khoá, lúc sắp tra chìa vào ổ, chính là lúc chị "tặc" lưỡi: "Chuyện gì mà ngại... Phải phấn đấu, phải vươn lên... Không để người ta đè dí mình mãi à. Lê Hân là một người tốt, quả thật anh ấy đã hết lòng với ta..." Thức lại quay ra. Lần này chị dứt khoát với mọi sự sợ sệt, e ngại. Mặc dầu vậy, bước chân chị một lần nữa dùng dằng, nhưng vẫn bước... trong tâm trạng phập phồng, phân vân, do dự... Chị linh cảm một điều gì đấy mà chị cho là không hay mặc dầu quyền tổng biên tập của chị đã nói, đã giảng giải cặn kẽ cho chị rằng: "...Anh rất muốn đưa em lên phó phòng, trưởng phòng... Nhưng trước tiên phải vào Đảng đã em ạ. Em có trình độ, có chí tiến thủ, cơ quan ai cũng mến, chồng đi B, duy chỉ có lý lịch em hơi "cấn" một tý. Anh sẽ trao đổi, cố thuyết phục chi ủy".

Chị nhớ đấy là buổi chiều, Hà Nội u ám, chìm nổi trong những núi mây chì, những cơn mưa đan chéo trên các mái ngói gây cảm giác nặng, buồn và khó chịu. Chị vào phòng quyền tổng biên tập Lê Hân nhờ anh duyệt ngay cho một bài về văn nghệ phục vụ chính trị, anh bảo chị chờ một tý. Giọng anh vui vẻ, xởi lởi khiến chị cảm thấy dễ chịu. Anh đọc qua, sửa chữa, gạch bỏ đoạn này, chữ này, thay đoạn khác, từ khác. Anh giảng giải cho chị văn nghệ tuyệt đối phải phục tùng chính trị. Đúng ra hồi ấy anh nói văn nghệ phải là công cụ của chính trị, chịu sự chỉ đạo, chịu sự điều hành của chính trị, không có thứ văn nghệ phi giai cấp, không có thứ văn nghệ nhân bản, không có con người chung chung... Đúng, anh là một nhà hùng biện. Thời ấy chị đã phục anh như phục những nhà triết học tầm cỡ thế giới. Sau đấy anh đã đặt vấn đề đưa chị vào Đảng.

Chị thầm cảm ơn anh về những ý nghĩ tốt lành, nhưng sao mỗi lần anh ngẩng đầu lên, chị lại bắt gặp ở anh ánh mắt nồng nàn, tha thiết và... đầy dục vọng. Chị vừa sợ cái ánh mắt ấy nhưng cũng vừa thinh thích. Đấy có nhẽ là lần đầu tiên chị ngượng với chính mình. Nhưng không hiểu sao thỉnh thoảng chị cứ ngẩng đầu lên, khi vờ vuốt mấy sợi tóc lòa xòa trước trán, khi chống một cách lấy lệ cái sự uể oải, nhưng thực lòng để bắt gặp cái ngọn lửa trong đôi mắt người thủ trưởng của mình.

Sau câu nói chân tình ấy, chị cảm giác như có luồng điện chạy qua từng đốt xương sống. Lúc ấy chị quả thật cảm giác hơi bị hẫng, nhưng rồi chị nhận ra ngay bàn tay trắng trẻo của anh úp lên bàn tay chị, một bàn tay mềm mại ấm nóng của một "trí thức" thực thụ. Lần ấy chị nhẹ nhàng rụt tay lại. Anh im lặng chờ chị... Chị không nói một lời nào để tỏ thái độ vui vẻ hay khó chịu về cái sự lì lợm, cái sự táo bạo của anh. Ngước đôi mắt lên, chị nhìn anh như muốn hỏi: "Sao thế anh?". Và đôi mắt anh hỏi lại chị: "Sao thế em?".

Và sau những câu hỏi như thăm dò nhau ấy, anh lập lại cái "công cuộc khám phá" về những bí ẩn bên trong của người phụ nữ đẹp và điều quan trọng là có tiếng "chung thủy" với chồng. Anh hoàn toàn không ngờ lần này chị để yên bàn tay mình cho anh vuốt ve, âu yếm...

Chị còn nhớ hồi ấy anh còn nói với chị nhiều điều trọng đại nữa nhưng chị không còn nghe thấy, không còn cảm nhận gì cả. Mọi cảm xúc đang dâng trào trong chị. Khi về anh còn tiễn chị ra đến cửa và tạm biệt chị bằng một nụ hôn.

Chưa bao giờ chị có cảm giác lạ lẫm, khó hiểu về mình như những giờ sau đấy. Vừa bần thần, tự sỉ vả mình liều lĩnh vừa cảm thấy lòng dìu dịu, lâng lâng. Những lúc như thế, chị cố bắt trí nhớ thu lại hình ảnh Tâm, một bác sĩ hơi kiêu căng với người đời, nhưng lại rất dễ bảo đối với chị. Nhưng không hiểu sao hình ảnh bàn tay nhũn nhũn cùng với chiếc hôn liều lĩnh của Lê Hân cứ làm chị bâng khuâng, lại vừa cảm nghe lòng mình như đang hừng hừng ngọn lửa...

Nhiều lần chị tự nhủ không nên vào buồng Lê Hân làm việc nữa, không tiếp cận với người quyền tổng biên tập ấy. Nhưng rồi

chính chị lại hay nghĩ về anh nhiều nhất. Chị phục sát đất những bài báo anh viết, giọng văn hào hùng, mỗi từ như một tiếng chuông vang vang, cuốn người đọc vào "dòng thác cách mạng". Sự sắp xếp câu, lối hành văn mới mẻ, cách sắp xếp bố cục..., toàn bài toát lên trí thức của người cầm bút, sự hiểu biết về lịch sử, địa lý và độ nhạy về chính trị... Anh mới năm mươi, tài nghệ đang độ chín. Ở cơ quan, ai cũng khâm phục sức làm việc dữ dội của anh. Duy chỉ có điều, gương mặt anh trông nhiều lúc hơi "hề". Nhưng chị thấy chính cái gương mặt ấy gây cho chị cảm giác vui tươi, dễ chịu. Và chị lại vào buồng anh, khi xin chữ ký, khi nhờ anh duyệt gấp cho một bài báo mà đáng nhẽ đồng chí trưởng ban phải làm.

Và lần vừa rồi, anh hẹn chị đêm anh sẽ viết bài ở cơ quan, anh không tiếp bất kỳ một ai, nhưng với chị anh không từ chối. Anh sẽ giúp chị khai lại lý lịch. Điều quan trọng đối với người Đảng viên là lý lịch. Phải biết viết như thế nào để mọi người cho qua chỗ này mà chú ý đến chỗ kia.

Chị hồi hộp suốt cả một buổi chiều, đầu óc như một chiếc đèn cù quanh quẩn chỉ có hai từ: Đi? Không? Đối với chị việc ra khỏi nhà ban đêm một mình là điều tối kỵ. Vả lại bé Mai, con gái chị còn bé quá, gửi cho ai bây giờ. Chẳng nhẽ mang nó về bên ngoại. Chị mỉm cười, mắng mình vớ vẩn! Chị trả lời anh chắc là chị không đi được. Anh mân mê bàn tay chị, giọng thành thật:

– Sắp đến ngày họp chi bộ rồi. Em cố thu xếp đến, anh giúp cho, đừng để nhỡ dịp em nhé.

Lần đầu tiên chị nhận ra vẻ nghiêm chỉnh và long trọng của quyền tổng biên tập qua giọng nói, nhưng sao nhìn vào gương mặt, trông anh cứ như đùa.

– Khó quá anh ạ. Em ngại... đi lắm, không biết gửi cháu cho ai mà đi bây giờ. Chị nói lúng túng, vấp rối.

Buổi chiều chị còn tính đi tính lại sẽ ở nhà với con. Lần đầu tiên chị nhìn thấy con với ý nghĩ: Trông nó tồi tội thế nào ấy. Ít nói và lúc nào cũng thui thủi, cô độc, giống hệt bố nó. Nhiều lúc chị không thích tính tình của con. Những lúc ấy chị chỉ kêu lên: Sao con không giống mẹ tí nào cả thế này. Với tuổi con Mai, rõ ràng là cháu không hiểu gì cả. Nó chỉ hỏi chị: Sao hả mẹ? Và lúc ấy chị

cảm thấy chị vừa xúc phạm con gái. Thật là điều không phải. Chị hối hận và nói trệch đi: Còn sao nữa, con gái giống cha thì giàu ba họ chứ làm sao! Chị ôm con vào lòng và cảm thấy hổ thẹn vì sự giả dối của lòng mẹ đối với một đứa trẻ thơ.

Mặc dù vậy, đêm ấy chị vẫn dỗ con ngủ sớm và sửa soạn ra đi với một quyết tâm: phải phấn đấu. Con người mà không có cái "ghế" tất nhiên phải ngồi dưới đất. Cái ánh sáng của quyền lực le lói dọi tới tâm hồn chị, cho thêm chị sức mạnh để bước qua những rụt rè e ngại.

Bác bảo vệ sắp đến tuổi về hưu hỏi chị đi đâu vào giờ này. Câu hỏi không có gì gay gắt, giọng khá thật thà, nhưng chị lại cảm thấy như ông già đã đọc được chính tâm trạng bối rối và tội lỗi mà chị sắp bước qua. Chị hơi bực mình định phát một câu gay gắt về cái việc xoi mói của dân bảo vệ. Nhưng cũng may chị giữ được và thấy chính cái sự vô lý của mình. Ôn tồn, mỉm cười thay câu chào chị trả lời với ông rằng chị bỏ quên chiếc đồng hồ trong ngăn kéo bàn. Câu trả lời không chuẩn bị trước, nhưng lại rất tự nhiên, và điều ấy khiến chị hài lòng.

Chị đi vào phòng làm việc của chị thật. Nhưng rồi nhìn sau, trông trước, khi cảm thấy mức an toàn đến tuyệt đối, chị mới rón rén bước đến phòng Lê Hân. Trong cánh cửa kính mờ có ánh sáng đèn. Chị hiểu rằng anh đang làm việc ở trong ấy. Đúng ra anh đang hồi hộp chờ chị.

Khi đã đứng trước cửa phòng anh, chị mới cảm thấy rõ mình đang run. Mấy lần chị đưa tay lên định gõ cửa, nhưng chị vội rụt lại... Cũng may, vừa lúc cánh cửa hé mở. Dường như ở bên trong, người đàn ông đã cảm nhận được một điều gì đấy.

Anh nở nụ cười chào chị, nụ cười rất thật, nhưng sao chị vẫn cảm thấy như đùa, như hề.

– Anh vừa viết xong bài "đinh" cho số báo tới. Anh nói như mở đầu câu chuyện nghiêm túc và trọng đại.

Chị chưa kịp thán phục anh, anh đã khép cửa lại, bế thốc chị vào giường như thể chị đến đây để làm cái công việc mà anh chờ đợi lâu nay.

– Đừng anh! Anh! Ai lại thế? Em van anh, nếu anh còn muốn để em tôn trọng anh...

Mặc những lời van xin, đối với anh bây giờ còn gì hơn thân thể hấp dẫn của chị. Anh im lặng, hùng hục quật chị xuống giường...

Chị cố quậy đạp, xô đẩy, nhưng mọi sự chống trả quá nhẹ nhàng đối với cái quyết tâm của người đàn ông trong cơn khát như Lê Hân.

Thật tình lúc ấy chị cũng không hiểu tâm trạng mình ra sao nữa. Chị chỉ cảm thấy con tim đập mạnh với những lo sợ và hồi hộp. Chưa bao giờ chị có cảm giác như thế này. Ngay cả khi lần đầu tiên trong đời, chị để da thịt mình trắng ngần dưới ánh đèn mờ trước một người đàn ông, anh Tâm, chồng chị bấy giờ, chị vẫn nhớ cảm xúc rạo rực cùng với nỗi xấu hổ. Nhưng trong cái đêm tân hôn ấy mọi việc đến với chị nhẹ nhàng, êm dịu. Tâm vuốt ve chị trong tình yêu nồng nàn, say đắm. Bàn tay anh xoa nhẹ trên khuôn ngực săn chắc ấm nóng của chị, chị cảm giác từng ngón tay anh ngắn dài với cảm xúc của tình yêu đang đi dần qua ngưỡng cửa cuối cùng của nó. Chị cảm được lúc ấy qua độ ấm dịu của từng ngón tay anh những rung động mạnh mẽ và dồn dập của con tim anh, một sự rung động chân tình và trong sáng. Chị hiểu con tim ấy đang dành cho chị tất cả những gì tốt đẹp nhất của người con trai đang yêu và lần đầu tiên được yêu. Chị để yên cho bàn tay anh, cho những ngón tay truyền hơi lửa vào trái tim chị và hơn thế nữa, chị còn đưa hai bàn tay của chị xoa xoa lên mặt anh như kiểu một người mẹ vuốt ve con mình.

Bằng những cử chỉ nhẹ nhàng, nồng ấm như thế, hai người âu yếm nhau và đi đến với nhau tận cùng mà không ai thấy bỡ ngỡ, không ai thấy vội vã...

Còn bây giờ, Lê Hân hùng hục như một con gấu làm chị phát khiếp lên, gần như chị đã mất đi cảm giác khoan khoái, cảm giác đê mê mà bất kỳ một cuộc quan hệ khác giới nào cũng có.

Khi không chống đỡ được, chị nằm yên mặc cho anh ta muốn làm gì thì làm, lòng nung nấu một ý nghĩ: Được, ta "cho" anh, nhưng anh sẽ là đầy tớ của ta. Và chị an ủi chính mình: Dù sao, những gì quý giá nhất ta cũng dành cho chồng ta, cho anh Tâm...

Đúng là một con dê, con dê cụ. Một đôi người trong tòa soạn vẫn trộm lén nói với nhau về anh như vậy. Lâu nay chị cứ nghĩ do những va chạm nhau trong công việc, họ ghét anh và nói xấu anh. Những người ấy trước sau cũng bị anh cho nghỉ việc hoặc cho chuyển đi cơ quan khác.

Sau một lúc yên lặng, nỗi sợ hãi đã tan biến chị cố gắng tìm lại mối quan hệ giữa hai người.

Bây giờ chị công nhận anh là người đàn ông đầy sức lực. Dường như tất cả sự bế tắc, sự kìm hãm về sinh lực lâu nay của anh, lúc này được bung ra thỏa sức. Ngược lại với chồng chị, bác sĩ Tâm, Lê Hân như một kẻ thèm khát vớ được miếng mồi và anh ta ngấu nghiến thật ngon lành. Với sự mạnh mẽ ấy, anh ta đã làm cho chị không có thì giờ suy nghĩ gì hơn là sự đón nhận...

– Fini! Merci amant[1].

– Khiếp cho anh quá. Anh không biết sợ là gì!

– Nhanh thôi. Anh làm cái món này cũng nhanh như anh viết bài báo vậy thôi. Bài báo để cho mọi người "thưởng thức" còn cái món này anh chỉ dành riêng cho em...

Thức trợn ngược đôi mắt nhìn Lê Hân. Chị hoàn toàn không ngờ với cương vị mình Lê Hân đã thốt ra cái câu như thế.

Lê Hân không để ý đến cái nhìn của chị, anh nắm tay chị lôi vào nhà tắm.

Khi ra về, chị có trong tay đầy đủ: bản lý lịch, lá đơn xin vào Đảng...

Những ngày sau đó, chị hiểu anh đã làm tất cả những gì anh có thể làm được bằng cách ngoại giao khôn khéo, bằng những lời hứa đem lại quyền lợi, kể cả việc tăng lương cho người này, người nọ, nói tóm lại là bằng quyền lực của mình để trong một thời gian ngắn chị được kết nạp vào Đảng và sau đó không lâu chị nhận quyết định đề bạt phó phòng...

Chị vẫn ngồi thẫn thờ ngắm chồng ngủ trong những hồi ức, cảm thấy mình vừa tội lỗi vừa hãnh diện. Tâm vô tư quá. Đến bây

---

1. Xong rồi, cám ơn người tình.

giờ đây, sau gần một ngày đêm ý tứ theo dò từng bước đi của tâm trạng anh, chị chắc chắn anh chưa biết gì cả về mối quan hệ giữa vợ anh và quyền tổng biên tập mà dư luận đang âm ỉ trong tòa soạn. Có nhẽ chị được đề bạt nhanh quá chăng? Và điều ấy đặt cho đồng nghiệp vốn xét nét và đa nghi của chị những dấu hỏi. Từ phó phòng, sáu tháng sau chị nhảy lên ngồi ghế trưởng phòng và bây giờ chị đường đường là một phó ban. Nhiều đêm thao thức, mình đối thoại với chính lương tâm mình, chị cũng cảm thấy chị "tiến bộ" quá nhanh, cái sự tiến bộ vượt ra ngoài khả năng, vượt ra ngoài giới hạn trình độ vốn có của chị, vượt ra ngoài sự cân bằng trong các mối quan hệ giữa các thế hệ và cùng thế hệ. Chị hiểu có nhiều người trình độ, năng lực cao hơn chị một cái đầu, quá trình hoạt động cống hiến gấp bao nhiêu lần chị mà vẫn lẹt đẹt mãi, như kiểu con gà ăn quẩn cối xay, đến nay cái chức trưởng phòng vẫn chưa với tới. Đối với nhiều người, chị nghĩ, cương vị của chị là mơ ước cả đời, niềm mơ ước rất xa xôi. Có một vị hoàng đế, vào cuối đời đã nhận ra chân lý này: Có vinh quang nào lại không xây trên điếm nhục. Có nhẽ đấy là điều an ủi duy nhất đối với chị. Và một lần nào đấy chị ta đã tặc lưỡi thốt lên một câu thật chí lý: Ở đời kẻ nào mạnh kẻ ấy là chân lý.

Một lần nào đấy chị định bộc bạch tất cả và nhận tội với anh ấy. Chị tin rằng một người rộng lượng như anh sẽ tha thứ cho chị. Vợ chồng là nghĩa tao khang, sống bên nhau, không thật thà, lúc nào cũng giấu giấu giếm giếm, che đậy những tội lỗi của mình, cuộc sống như thế sẽ tối tăm biết dường nào, luôn luôn buộc tâm trí phải đối phó, trái tim luôn bị ức chế, hồi hộp và lo sợ mọi sơ suất có thể dẫn đến vỡ lở.

Nhưng rồi, sau mỗi lần như thế, chị lại kìm được cái sự bộc phát vớ vẩn kia, một cái gì đó đang khống chế chị, chị không rõ đấy là lương tâm hay nỗi lo tan vỡ một hạnh phúc đúng như chị mong muốn: Một gia đình với một căn phòng tự lập trong đấy có một người chồng dễ bảo và một đứa con gái đầu lòng kháu khỉnh, dễ thương.

Có người đàn ông nào lại không biết ghen. Theo chị, những cơn ghen của đàn ông bao giờ cũng trầm tĩnh, nhưng độc địa, không ồn ả nhưng hiểm hóc hơn nhiều so với những cơn ghen bồng bột của cánh nữ. Kinh nghiệm cuộc đời dạy rằng, mọi sự đỗ vỡ về tình yêu

không bao giờ hàn gắn được, bao giờ nó cũng để lại vết hằn sâu trong trái tim, nó sẽ làm cho mọi hạnh phúc tưởng bền vững, trường tồn đều tan vào ảo mộng, trở thành giả tạo. Sự giả tạo của hạnh phúc bắt nguồn từ sự chịu đựng, sự nhín nhịn, sự kiềm chế... Nhưng hạnh phúc, tình yêu, tình vợ chồng là điều tự nhiên, nó chứa trong nó sự nhẹ nhàng thoải mái, dễ chịu vì thật thà, vì không cần một lớp vỏ nào che đậy. Thiếu sự thật thà là thiếu chung thủy. Thức dằn vặt, khổ đau, chị sống giữa hai trạng thái, hoặc sám hối và chịu bất cứ hình phạt nào, hoặc che đậy, giữ kín, sống với cái bề ngoài mà mấy hôm nay chị đã sống. Chị cố hết sức chiều chuộng anh, làm tất cả nghĩa vụ của một người vợ có chồng đi xa mới về. Chị săn sóc anh từ cái ăn, cái mặc, chị sắm cho anh từ chiếc khăn mùi xoa đến đôi bít tất. Đêm đến, khi tĩnh lặng nhất, không gian chỉ còn lưu lại tiếng thở đều đặn của bé Mai, chị mơn trớn anh, dành cho anh mọi quyền được hưởng trên thân thể chị. Mỗi khi ân ái, chị ôm chặt lấy anh, hôn anh như không bao giờ chán. Nhưng, có một điều rất lạ, chị không hiểu chính mình ra sao nữa, ngay những lúc ân ái ấy chị lại nghĩ nhiều về người thủ trưởng, người tình của chị. Đúng là anh ta hùng hục như con gấu, nhưng không hiểu sao chị lại không thấy sợ nữa...

– Mai em phải đi công tác hai ngày. Anh đừng buồn nhé. Em không muốn đi, nhưng cơ quan không cử ai thay em được. Có nhẽ rồi em phải xin nghỉ hay chuyển ngành thôi.

Chị đã thốt ra điều khó nói mấy hôm nay. Tuy vẻn vẹn chỉ có vài câu, nhưng gần như suốt đêm chị trăn trở để chọn từng từ một, mỗi từ sao thật tự nhiên, nhưng cũng hết sức "tình cảm". Và những từ ấy ghép lại thành những câu, mỗi câu làm sao anh hiểu được đấy là nỗi lòng của người vợ chung thủy và thương chồng hết mực. Dù vậy chị vẫn hồi hộp chờ đợi phản ứng của anh. Và điều chị không ngờ, anh đã vui vẻ một cách thành thật ngoài mong đợi của chị:

– Em cứ đi, đừng ngại. Điều anh mong mỏi là em công tác tốt. Thực tế em phấn đấu thật là giỏi, anh không ngờ.

Chị ôm chặt anh và hôn một cái rõ kêu vào má:

– Em "ghét" anh quá... Anh vui vẻ nhé. Chị thốt ra câu ấy bao hàm nhiều ý nghĩ. Chị lo anh hiểu nhầm.

– Anh không ganh gì sự tiến bộ của em đâu. Dù sao cái lòng tự trọng của một trí thức trong anh có lúc cũng hơi quá đáng. Anh đã phớt tất cả chức tước, danh vọng. Khi nhận được quyết định đề bạt anh cũng chẳng vui gì bao nhiêu, bởi đêm trước, hàng năm mươi đồng đội của anh bị thương, anh dù cố gắng hết sức cũng chỉ cứu được non nửa. Những người khi từ giã cõi đời đều nhắn gửi với anh những điều thật xót xa.

Anh kể lại ca mổ cuối cùng trong đêm khi tay anh đã cứng đơ, hai đầu gối lúc nào cũng chực quỵ xuống và đôi mắt hoa lên trăm ngàn con đom đóm. Với ca mổ ấy anh đã giết chết một chiến sĩ, một người con trai khỏe mạnh, thông minh và giàu ước mơ. Lời cuối cùng của người chiến sĩ tâm sự với anh là: Đừng bao giờ liều lĩnh, đừng bao giờ phiêu lưu trong việc đánh nhau.

Sau này anh hiểu, trận đánh mà người chiến sĩ ấy tham gia – đúng ra anh là một cán bộ tiểu đội – là một trận đánh mà người ta chưa nắm chắc thực lực của đối phương. Có những nhà quân sự của ta hay khuếch trương chiến thắng mà quên đi cái giá phải trả: sinh mệnh người lính!

Điều anh không thể nào ngờ tới, người con trai ấy là một kỹ sư địa chất, người yêu của y tá Loan. Cái chết của người con trai ấy đã bám theo anh dai dẳng như một thứ oan hồn. Khi ôm Loan trong vòng tay mình, anh nghĩ, anh không muốn thêm một tội lỗi nào nữa đối với người con gái mà anh hiểu rất thương anh, kính trọng anh và điều quan trọng là không muốn thêm một tội lỗi nào nữa đối với người con trai đã chết oan, một cái chết mà người cuối cùng gây nên là anh. Mặc dù đã nhiều ngày đêm anh trăn trở sám hối và lần nào anh cũng biện bạch cho mình rằng trong tâm thức, anh đã cố hết mình cứu người chiến sĩ ấy. Người con trai có gương mặt thật đáng yêu, đôi mắt chứa nặng thương đau của vết thương trầm trọng, nhưng mỗi lần gượng mở nhìn anh, anh nhận thấy anh ánh những cảm xúc tha thiết cuộc đời, rất bản lĩnh và thông minh nhưng chưa bao giờ anh đỡ phần đau đớn mỗi khi có dịp tâm tình với Loan.

Anh thầm khen Loan đã gặp được người con trai mà anh tin rằng sẽ rất xứng đáng với mối tình của cô. Nhưng rồi anh đã không

làm được điều anh đã hứa với chính mình: anh run tay. Đối với người bác sĩ phẫu thuật, chỉ cần một sơ suất rất nhỏ, chỉ cần con dao dao động một phần trăm ly, mọi việc sẽ trở nên khác hẳn, mạng sống con người dù đấy là người hành khất hay vị thủ lĩnh một nước, tất cả đều phải tuân theo quy luật của cái chết. Và lần nào anh cũng thề thốt với lương tâm rằng anh hoàn toàn không hề nghĩ là anh sẽ giết chết người con trai ấy, mặc dù lúc đó anh đã mệt muốn tắc thở. Điều ao ước của anh là bỏ dao đi nằm dù chỉ trong mười phút, chắc chắn anh sẽ minh mẫn trở lại. Nhưng anh đã gắng, đã cố thuyết phục với chính mình: anh ta sẽ chết mất nếu không được gắp mảnh đạn ra kịp thời. Anh hoàn toàn không ngờ anh là con người duy ý chí đến như thế. Và anh, một bác sĩ đã phải trả giá. Đúng ra, người tiểu đội trưởng ấy đã phải trả giá cho tấm lòng nhân đạo, thiếu cơ sở khoa học của chính một bác sĩ.

Anh tự nghĩ, cái đêm mưa anh và Loan ở trên ngọn đồi gỗ tếch nếu không bị hình ảnh người con trai bám theo, không biết anh có đủ bản lĩnh để ẩy người con gái ra, lao vào trong mưa và chịu đựng như thứ tra tấn suốt một đêm mưa và gió gào thét của Trường Sơn để cố giữ cho được cái ranh giới giữa hai thầy trò, hai đồng nghiệp hay không.

Dù sau này anh đã sa vào tội lỗi, thì cái đêm ấy vẫn còn để lại dấu son trong sáng trong cuộc đời anh. Quả thật lúc hai người ôm ghì lấy nhau, mọi cảm xúc dồn dập bắt anh phải quên đi tất cả: gương mặt xinh đẹp, đôi mắt hấp dẫn của cô vợ vốn người Hà Nội. Đêm trước khi anh lên đường đi vào cuộc chiến đấu, Thức còn thề thốt, hứa hẹn sẽ chung thủy khi chị biết có người nói đến tai anh rằng chị có đôi mắt "giết người", và anh cũng quên cả gương mặt đau khổ khi biết mình phải vĩnh viễn từ biệt người vợ mà anh yêu.

Tâm nghĩ, Loan chưa hiểu chính xác nguyên nhân trực tiếp dẫn đến cái chết của người yêu. Theo Tâm, cô hiểu một cách đơn giản rằng vết thương anh quá nặng, di chuyển trên một cung đường dài và gập ghềnh và bị y sĩ Dậu cho sắp hàng ở vị trí mổ sau cùng mà đáng nhẽ phải sắp theo thứ tự ngược lại.

Chính vào lúc anh ngỡ có thể quên được, thì hai gương mặt ấy lại hiện về... Cho đến bây giờ khi trở lại nằm bên người vợ, nhận

những vuốt ve, âu yếm của chị, nhận những cái hôn cháy bỏng và những lần giao hợp mạnh mẽ của chị, anh còn cảm thấy phần nào được thanh thản chính nhờ ở cái đêm quằn quại trong hốc cây ấy. Dù sao, trong đời người đầy những tội lỗi, thì đây cũng là niềm tự hào đáng yêu.

Tất nhiên với Thức, Tâm chưa gọn một hoài nghi, gần như chưa bao giờ trong suốt thời gian sống bên vợ, anh có ý đòi hỏi gì hơn những điều mà anh ao ước: một người vợ chung thủy hết mực, lại đẹp, duyên dáng, biết lo toan gia đình, cầu tiến. Một lần anh nói:

– Anh không mong gì hơn ở em. Đối với anh, em là người vợ lý tưởng.

Lúc ấy chị không nói gì, chỉ ôm anh và sụt sịt khóc. Anh ngạc nhiên gặng hỏi. Chị không hé một lời. Anh tin rằng chị xúc động vì những gì anh dành cho chị, rất thật. Còn chị, sau cái đêm ấy, chị quyết định nhận bất kỳ kỷ luật nào để hủy chuyến đi công tác Đồ Sơn mà chị biết rất quan trọng vì quyền tổng biên tập Lê Hân đã chuẩn bị từ lâu nay.

Lê Hân nói rằng, ở đấy sẽ tổ chức một cuộc họp rất quan trọng, việc tuyển chọn những người báo chí đi phải rất chặt chẽ. Thật tình chị không nghĩ nhiều về tính chất quan trọng như Lê Hân nói, sức hấp dẫn của chuyến đi là ở chiếc áo tắm màu đỏ, nó vừa khít với thân hình cân đối, hài hòa của chị, nó tôn hai bắp đùi trắng trinh nguyên mà ngay những người bạn gái cũng phải thú nhận cái sức hút mạnh mẽ của nó. Mỗi lần mặc chiếc áo tắm ấy, chị cảm thấy như khuôn ngực mình cao lên, khơi gợi ở cánh đàn ông những ham muốn nào đấy, đôi vai trần của chị nổi lên với tất cả vẻ quyến rũ của nó, một đôi vai thon thả, xinh xẻo dưới một cái cổ cao và trắng mịn. Ở đấy, chị chọn chiếc phao bơi màu vàng hoa cúc. Một mình, chị vờn trên những ngọn sóng. Đối với chị không gì thú vị, khoan khoái bằng được bồng bềnh trên những ngọn sóng, đôi mắt uống no nê những màu sắc của biển và trời. Những lúc như thế đầu óc của chị nhẹ nhàng và thanh thản, chị cứ muốn khe khẽ hát một bài dân ca nào đó về tình yêu.

Khi đã cảm thấy thỏa thuê với biển, chị lại lên bờ, đi dọc theo những lằn nước, đuổi những con còng trong hàng chục ánh mắt theo đuổi của những anh con trai si tình. Những giây phút ngắn ngủi ấy là những giây phút rực rỡ, những giây phút đáng kiêu hãnh trong đời chị. Và khi chị trở về, mặt trời đã lặn, chỉ để lại một đường viền màu tím ở chân trời, ấy cũng là nơi tận cùng của biển. Ngoài đôi ba chiếc thuyền về muộn, biển đang đi vào giấc ngủ êm đềm của nó.

Chị quàng chiếc khăn tắm lớn, lặng lẽ đi lên biệt thự dành cho Lê Hân xin nước ngọt dội lại. Chưa bao giờ Lê Hân từ chối chị. Và lần ấy anh ta đã đẩy cửa buồng tắm vào giữa lúc chị đang không có một mảnh vải trên người. Chị xô anh ra, nhưng anh quỳ xuống van xin chị rằng anh không thể nào làm theo lời chị được, dù ngay bây giờ anh có thể bị chết chém.

Anh cài chốt cửa cẩn thận và hai người đã tắm với nhau. Anh xoa xà phòng thơm cao cấp và kỳ cọ cho chị. Và lúc bấy giờ chị dần dần quên tất cả, chị nhớ rõ mối cảm xúc tê dại mà mình nhận biết ở ngay cái nơi rất không thích hợp với nó. Khi mọi việc đã xong, chị lại tự trách mình thật vô ý, không chịu cài chốt trước khi tắm. Rồi chị hiểu rằng đấy là lời trách cứ không thật. Một người phụ nữ vốn chu đáo như chị sao lại quên được cái điều đơn giản ấy.

... Và lần này, khi chị quyết định không đi công tác ở Đồ Sơn nữa, Tâm đã phàn nàn:

– Tại sao em lại coi công việc của nhà nước là một thứ thích thú cá nhân, thích thì đi, không thích thì ở nhà.

Chị thật thà với anh:

– Em không thể xa anh lúc này được. Anh đang sốt rét...

– Em quên anh là một bác sĩ.

– Anh chỉ là người thầy thuốc đối với người khác... Chuyến này không đi thì chuyến khác. Không có em thì chợ vẫn đông... Không có anh thì lịch sử đâu phải dẫm chân tại chỗ.

– Sao em nói với anh những điều to tát thế.

Chị không hề nghĩ rằng, từ ngày thân với quyền tổng biên tập Lê Hân, chị đã ảnh hưởng không ít lối văn khoa trương của thủ trưởng mình. Nhiều người chụp Lê Hân quá bốc, thậm chí có người

còn thêm sau cái từ bốc trợ từ "phét" nữa. Trong thâm tâm chị giận những người ăn nói thiếu cân nhắc ấy. Theo chị, họ chưa hiểu được bầu nhiệt huyết trong con người anh. Anh là một người biết đi đến tận cùng trong các mối quan hệ. Đối với cách mạng, anh là người hăng say đến hết mình, anh làm việc như không biết mệt cho sự nghiệp. Mỗi đêm anh chỉ chợp mắt vài ba tiếng. Anh dự các cuộc họp của các vị lãnh đạo. Anh điều hành và đọc duyệt từng mẩu tin cho tờ báo mà anh là quyền tổng biên tập. Anh đi nói chuyện hết nơi này đến nơi khác. Nơi nào Lê Hân cũng nhận được những tràng vỗ tay như sấm dậy. Anh viết báo như không cần suy nghĩ nhưng đều làm cho bao nhiêu người say mê. Trong tình yêu, anh là người đàn ông vụng về, thô bạo, nhưng lại rất thật, anh bộc lộ ham muốn của mình một cách bộc trực, không như một số người khác, bao giờ cũng giữ một vẻ bề ngoài cao thượng. Anh lao vào chị như một con dê bị nhốt quá lâu. Có lần anh nói thẳng với chị làm gì có tình yêu, chỉ có tình dục thôi. Tình yêu là một thứ tình cảm rất chung chung abstrait[1], chỉ có tình dục là cụ thể. Cho đến bây giờ chị vẫn chưa chịu anh điều ấy, nhưng chị lại không đủ lời lẽ, không đủ lý luận phản bác lại anh.

Quả thật, nhiều khi sống với anh, chịu những trận mưa ân ái, chị hiểu rằng những con người như anh không thể có tình yêu. Anh chỉ biết đòi hỏi, đòi hỏi và gần như không bao giờ thỏa mãn. Mỗi lần cơn dục vọng qua đi, anh kêu lên: Fini! Merci amant! cũng là lúc anh hẹn chị lần tiếp theo, đúng ngày giờ như lịch công tác của anh.

Tâm ngược lại, chưa bao giờ anh ép buộc chị để thỏa mãn cho riêng anh. Nhưng dường như anh cũng chẳng mấy quan tâm đến chị. Mặc dù nhiều lúc Tâm không đáp ứng ngay cả chị. Anh sống lầm lũi với những sở thích của riêng anh về khoa học phẫu thuật và thế giới của những nhà khoa học, của những Paxtơ và Cog của Gadếch và Mêđava[2] và Tôn Thất Tùng.

Một lần đưa chị đến bệnh viện để khám về một chứng bệnh phụ nữ, đến cổng anh giao chị cho người thường trực rồi về vùi đầu

---

1. Trừu tượng.
2. Gadếch và Mêđava: Hai nhà y học Tiệp và Anh đã gặp nhau trong công trình "miễn dịch học".

trong cái đống sách vở của anh. Nằm trong bệnh viện chờ mãi chẳng thấy chồng mang vào cho một quả cam, quả chuối hay hộp sữa. Quả thật lần ấy chị giận anh rồi ám ảnh cái việc ly dị. Chị hoàn toàn không ngờ tìm trúng một người chồng như thế, thụ động trong mọi việc, ngay cả việc ân ái. Không phải giữa hai người không có lần xô xát to tiếng. Nhưng được cái, anh ít lời, biết nhường nhịn.

Chị, đã có lần nói thẳng: anh là một điển hình của kẻ chuyên môn thuần túy. Mỗi lần cơ quan tổ chức họp hay học nghị quyết trông anh đến khổ sở, cau có thật đáng ghét. "Cái đất nước kỳ cục, chỉ biết nhồi nhét những thứ vô bổ vào đầu người ta". Đấy là lần cãi vã nhau gay gắt về cách sống. Chị cho rằng anh là người vô chính trị, không cầu tiến, cả cơ quan ai cũng bảo anh là đồ gàn.

Sau lần ấy anh đành phải gác công trình anh đang nghiên cứu, đi đến Ban Thống nhất xin vào miền Nam bằng được.

Đấy cũng là thời kỳ mối quan hệ giữa chị và quyền tổng biên tập Lê Hân bắt đầu dấu hiệu của sự gặp nhau.

3.

Thức gặp Tâm trên tàu điện từ ga Hàng Cỏ đi Bạch Mai. Khi người phục vụ mang cặp vé đến, xé một chiếc chìa cho anh, anh lúng túng móc mãi túi trước túi sau vẫn không ra hào bạc. Chị nhìn anh: một gương mặt thật thà, một cảm xúc hơi khó hiểu, sau này chị nhận ra đấy là lòng thương hại. Trông vẻ ngượng ngùng của anh chị thấy tồi tội. Anh bối rối và định nhảy trở xuống. Chính vào lúc ấy Thức đã kịp đưa sáu xu cho người bán vé.

Tâm nhìn người con gái, lúc hai người còn đứng chờ tàu, dửng dưng, rồi cắm mặt vào trong một cuốn sách gì đấy, còn chị có vẻ bồn chồn vì sốt ruột, mặt đỏ dừ, xấu hổ.

– Xin cám ơn chị... Tôi vô tình quá. Anh ấp úng mãi mới nói được chừng ấy từ.

Qua câu chuyện, Thức biết Tâm đang học năm thứ năm, trường Y.

– Chỉ một năm nữa anh ra trường thôi?

– Dạ.

– Bác sĩ bây giờ có "giá" lắm.

Anh cười gượng. Thực lòng anh không hiểu cái giá mà chị nói là thế nào. Anh có nghe bạn bè kháo nhau: "Nhất Y, nhì Dược, tạm được Bách Khoa, muốn ba hoa vào Tổng hợp... Văn". Cái giá mà chị nói có phải nằm trong thứ bậc mà thời ấy người ta đã sắp xếp, hay hàm một nghĩa khác...

– Chị đang học gì? Anh hỏi cốt cho bớt ngượng.

– Tôi đang học ba cái chữ hoa.

Anh cười, cũng chỉ để mà cười. Không phải anh không hiểu cái điều ẩn mang tính khôi hài bên trong cái câu ấy, nhưng đối với anh là một câu pha trò không đúng chỗ. Anh mang trong mình tư duy của một người nghiên cứu khoa học, nghiêm chỉnh và chính xác. Vả lại vốn tính anh lặng lẽ, thâm trầm, ít thích đùa, nhất là những câu vô nghĩa.

Khi hai người xuống Bạch Mai, anh rụt rè xin địa chỉ của chị.

– Địa chỉ của anh? Chị hỏi, cũng là một cách đùa.

Anh ngẩng đầu lên và nhận ngay đôi mắt đẹp và đầy sức quyến rũ mà sau này có nhiều người nói đấy là đôi mắt "giết người".

– Tôi ở ký túc xá...

– Tôi sẽ đến thăm anh...

– Tôi cứ sợ chị đùa.

– Trong trường hợp này tôi không đùa.

Và chị đã giữ đúng lời hứa.

Đấy là một buổi sáng mùa thu, bầu trời Hà Nội như lặng lẽ với những biển mây bâng khuâng dường như đang tư lự, đang yên ả mơ màng, chị đã tìm đến khu nội trú nơi anh ở. Từ trên chiếc giường hai tầng, anh nhảy xuống, vẻ vội vàng hơi khác thường khi nghe tiếng loa từ phòng thường trực gọi anh ra tiếp khách.

Anh phân vân không hiểu người khách nào đã lặn lội đến tìm. Hoàn toàn anh không nghĩ là chị, bởi hơn một tháng, đúng ra là năm chủ nhật rồi anh thấp thỏm chờ chị. Anh không dám thú nhận với lòng mình rằng anh nhớ mong chị. Sự thật anh có chuẩn bị một hào bạc trả lại chị.

Khi gặp lại chị, anh hơi bất ngờ. Dường như không phải là chị hôm nào với chiếc áo phin màu xanh da trời, cổ lá sen và một gương mặt thật không son phấn, nhưng rất có duyên. Hôm nay chị lộng lẫy trong chiếc áo hoa màu tím Huế, may theo kiểu mới nhất và gương mặt với đôi má phơn phớt hồng, đôi môi đỏ thắm một lớp son. Toàn thân chị thoảng một mùi hương dìu dịu, anh hoàn toàn không hiểu đấy là loại nước hoa hồng "con đầm" từ thời Pháp, mẹ chị còn giữ lại.

Anh nhìn chị, lúng túng quên cả chào.

– Chắc anh quên tôi rồi? Chị thốt câu hỏi như một lời trách móc.

– Tôi không quên. Nhưng hôm nay trông chị hơi khác... Anh vẫn thật thà như vậy.

– Tôi già và xấu đi chứ gì?

– Chị trẻ và đẹp hơn nhiều... Chị tin tôi không biết nói dối đâu.

– Hôm nay anh có rỗi không?

Anh im lặng. Thực ra anh đang xem một cách đầy hứng thú tài liệu về "miễn dịch học".

Khi ngước lên nhìn chị, anh bắt gặp một gương mặt thất vọng.

– Nếu anh bận, hôm khác tôi lại chơi với anh cũng được... Ngày chủ nhật chắc anh có hẹn...

– Không, tôi không có hẹn với một ai hết chị à... Tôi đi chơi với chị được... Chị chờ tôi một chút nhé... Tôi ra ngay thôi mà.

Sau này chị mới vỡ nhẽ rằng, anh vào phòng không phải để thay quần áo, hay sửa soạn gì mà chủ yếu là tìm hào bạc anh cất kỹ trong cuốn nhật ký, không hiểu vì vội vã hay vì một nhẽ nào đấy anh tìm mãi không thấy. Sau cùng anh đành phải mượn bạn.

Từ đấy họ thân nhau rồi quyết định xin bố mẹ chị cho tổ chức khi cả hai đã ra trường, anh nhận công tác ở bệnh viện Việt Đức và chị về một tòa báo.

"Tội nghiệp anh nghèo và hiền". Nhiều lần chị nói với bạn bè như vậy. Anh nói mẹ anh mất sớm, anh ở với người cha chỉ biết

buôn bán. Anh là út, trên anh, chị gái hơn anh hai tuổi. Anh đi tập kết theo tiêu chuẩn tự túc[1].

Anh muốn học hành đến nơi đến chốn và ba anh vui vẻ, không tiếc gì với con trai. Ra miền Bắc, anh cô đơn, không bà con ruột thịt. Anh sống với tập thể, có bao nhiêu tiền dành dụm, anh mua sách hết.

Thức đã quyết định đến với Tâm trong nhiều băn khoăn giữa tình cảm và tính toán. Chị có thể kể ra với bạn bè hàng "xâu" anh con trai si tình chạy theo chị, cúc cung phục vụ chị, những anh con trai coi trời bằng vung và coi chị bằng trời. Có những phóng viên báo "lá cải", những anh nhà văn tỉnh lẻ. Họ nói thao thao với chị như những vị giáo sư về ông "Ốp" ông "Ép", nhưng buồn thay họ lại lẫn lộn tác giả của *Chinh phụ ngâm* và *Cung oán ngâm khúc*. Tất nhiên, trong cái "xâu" người ấy cũng có những anh tốt, thông minh và đẹp trai. Nhưng mỗi người đều có điểm "gút" không mở ra được. Người thành phần tư sản. Anh thì bà mẹ quá sắc sảo, rất chi li và riết róng.

Điều chị chấp nhận được ở Tâm là sự cô độc của chính anh. Không gì quý bằng tự do, hai vợ chồng không lệ thuộc vào ai, đói cùng chịu và no cùng hưởng. Đời bây giờ vớ được anh bác sĩ bằng vớ được vàng. Với tính cách hiền lành và chân chất của anh, chị hy vọng chị sẽ là người lo toan mọi việc, sẽ là người điều hành, là chủ gia, nói như anh sau này hay nói: chị là tuyến ức[2].

Hơn ai hết, chị hiểu mình là loại phụ nữ có tính cách hơi khác thường, thích tự do và ít chịu nhín nhịn, những người phụ nữ như thế rất ít khi sống được với một gia đình mà mẹ chồng là người có quyền lực tối cao. Chị hiểu với mối quan hệ mẹ chồng nàng dâu, người chồng thường đứng về bên mẹ, và điều ấy là nguyên nhân sâu xa của mọi đổ vỡ, của mọi cuộc ly hôn.

---

1. Học sinh miền Nam lúc ấy có hai loại, loại do nhà nước cấp học bổng và một loại do gia đình đài thọ.
2. Giáo sư Mỹ Hecson gọi tuyến ức là nhạc trưởng của cả dàn nhạc miễn dịch.

Nhưng trở lực chính của mối quan hệ lại chính là gia đình chị, đúng ra là bà mẹ. Đã nhiều lần chị thuyết phục, năn nỉ và bảo đảm với mẹ, Tâm là một người dễ bảo, ham học, tương lai anh sẽ đi xa trong khoa học, đúng ra là trong ngành y của anh. Chị bảo đảm với mẹ rằng anh là người chung thủy và cầu tiến, và một bác sĩ như thế là lý tưởng...

Ấy thế mà giờ đây, trong trái tim chị anh chỉ còn là một con người đáng thương. Lâu nay chị cứ nghĩ, với tài năng một bác sĩ như anh, người ta đã đưa anh lên tới cấp bậc gì gì rồi. Ít ra cũng là cấp tá, đằng này đến Đảng anh cũng chưa được kết nạp, đối với chị đấy là điều bất hạnh, là điều sỉ nhục. Thế mà lâu nay, mỗi lần ghi lý lịch, chị đều ghi chồng chị là Đảng viên. Lúc đầu chị cũng nghe anh, thông cảm cho anh, nhưng dần dần, không hiểu sao, trong tâm trí chị, hình ảnh cứ mất dần những cái gì mà trước kia chị cho là thiêng liêng nhất, cao cả nhất. Hồi ấy quả chị có oán trách người thủ trưởng thiếu thông cảm và độc tài của anh, một con người thô bạo chỉ có mỗi thế mạnh là lập trường giai cấp kiên định và tinh thần đánh giặc không sợ chết lính, con người ấy là hòn đá tảng trên con đường phấn đấu đi lên của chồng chị.

Hôm anh trở lại Trường Sơn, chị cảm thấy thương anh, lòng thương có pha chút gì tồi tội, và chị kịp nhận ra đấy là lòng thương hại. Dường như bây giờ, chị không còn là chị, một sinh viên không có gì xuất sắc của khoa Văn trường đại học Tổng hợp nữa, mà đã là phó ban của một tờ báo. Ở cương vị này trong đáy sâu của lòng mình, không phải chị hoàn toàn vô tư và thông cảm, không có ý coi thường anh, thậm chí còn chê trách anh tiến bộ chậm. Và bây giờ chị kịp nhận ra sự gàn bướng của anh xuất phát từ tính cách của những kẻ tự cao, của những người thiếu chí cầu tiến. Đối với chị, kiến thức của anh, tài năng của anh bây giờ chẳng là cái gì cả. Một thượng úy, nếu trở về hậu phương cũng chỉ là lính của chị.

Điều đau xót đối với chị là càng ngày chị càng nhận ra rõ rệt hơn bao giờ hết rằng chị đang mất dần cái lòng tôn trọng đối với anh mà lâu nay chị vẫn để một chỗ thiêng liêng trong trái tim chị. Sau chuyến về công tác lần này của anh, chị đã cảm giác mơ hồ chị đang mất đi cái thần tượng về anh mà từ ngày đầu quen anh chị vẫn tôn thờ, mất đi cái người chồng mà chị tự hào và đêm đêm chị

vẫn kể cho con bé Mai nghe trước khi nó đi vào giấc ngủ ngon lành của trẻ thơ.

Sau mấy năm xa cách, khi sống lại với anh trong mối quan hệ vợ chồng, chính lại là lúc hình ảnh anh đang mờ nhạt trong tâm thức chị, trong tình cảm chị. Không hiểu sao lúc ấy chị cứ bị cái hùng hục của "con gấu" ám ảnh... Chị kinh tởm hắn và kinh tởm cho chính mình. Nhưng không hiểu sao, cái hình ảnh hắn, cái "con gấu" ấy cứ bám theo chị, dai dẳng, không rứt ra được, nó đi cả vào trong đời thường của chị, nó đi cả vào trong lúc thiêng liêng nhất của hai vợ chồng, và thậm chí có lần nó đi cả vào trong giấc mơ của chị nữa.

Lần đầu tiên, chị tiễn anh lên đường đi vào chiến trường, năm ấy chị còn nhớ cuộc chiến tranh đang ở vào giai đoạn ác liệt nhất, chị đã không kiềm nỗi những giọt nước mắt thi nhau trào xuống đầm đìa hai gò má; với những giọt nước mắt ấy, chị đã để lại trong lòng những người hàng xóm, trong lòng bạn bè của hai người những tình cảm thật tốt đẹp. Chị hiểu không ít anh con trai ao ước giá vợ anh thương anh được như thế. Nhiều bạn gái mắng chị: Gớm, mày làm như chỉ mình mày biết thương chồng, còn những người con gái khác như chúng tao thì coi chồng bằng rác à. Thôi, đừng khóc nữa để anh ấy ra đi thanh thản, đừng để anh ấy bị ám ảnh bởi những giọt nước mắt của mày.

Quả lúc ấy chị thương anh thật lòng, trong tình thương có cả nỗi lo mất mát. Rồi đây khi anh sống với Trường Sơn, sống với những trận đánh nhau dữ dội, khi anh tất bật với những ca thương binh dồn dập trở về, ở hậu phương chị sẽ sống như thế nào, điều quan trọng là chị có còn giữ được những gì đẹp đẽ mà lòng chị dành cho anh hay không. Lúc ấy, bằng linh cảm của một người phụ nữ, chị đã bắt đầu lo ngại một mối quan hệ giữa chị với quyền tổng biên tập. Chị hoàn toàn không ngờ, chỉ hơn một năm sau điều mà chị linh cảm đã trở thành điều hiển nhiên.

"Tội nghiệp anh không biết gì cả". Cái ý nghĩ ấy len vào trong tình cảm chị, khi chị giật mình tỉnh dậy và ngồi nhìn anh ngủ, giấc ngủ nặng nề, mệt mỏi. Anh gầy và xanh quá, nước da vàng võ và đôi môi thâm tái. Những cơn sốt rét Trường Sơn thật không chừa

một ai. Anh hơn chị khoảng mươi tuổi, nhưng khi hai người đi ra ngoài đường ai cũng gọi anh bằng bác và gọi chị bằng cô. Thế mới biết sức tàn phá của Trường Sơn đối với con người ghê ghớm nhường nào.

Dù sao đối với anh trong những lúc thế này, chị không muốn thêm một điều gì làm cho mối quan hệ vợ chồng rạn nứt. Dám từ chối một chuyến đi công tác mà Lê Hân đã chuẩn bị từ trước, chị không hề ân hận, ngược lại trong thâm tâm chị rất hài lòng mặc dù những chuyến đi công tác như thế thường rất vui vẻ, đầy hấp dẫn.

Không khí của biển thật tuyệt diệu, trong lành. Trước cái vô biên của biển, chị luôn cảm thấy mình lạc quan và đầy mơ ước. Chị ngắm không biết chán những con sóng cuộn vào bờ như không bao giờ biết nghỉ, như quả tim của con người, đập mãi, đập hoài. Và khi quả tim ngừng đập cũng là lúc con người không còn sống nữa. Nhưng trái tim của biển thì vĩnh hằng, sống mãi cùng năm tháng.

Mỗi cơn gió ùa vào, thổi tung mái tóc lượn sóng của chị mượt mà, mỗi lần chị cảm thấy như có bàn tay mát mẻ dịu dàng của người con trai nào đấy vuốt ve, âu yếm. Chị im lặng cố thu lấy những phút giây ngọt ngào chan chứa niềm vui ngập tràn tâm hồn chị. Đối với chị đấy là những giây phút quý giá và hiếm hoi của cuộc đời. Trước biển, trước khung trời mênh mông, trăm ngàn màu sắc rực rỡ nối tiếp nhau và chị cố phân biệt, cố tách bạch từng màu sắc như đang làm cái việc của họa sĩ vẽ phong cảnh thiên tài Lêvitan[1], lúc ấy gương mặt chị thanh thản, không gợn một nét lo âu hay một điều ân hận, đấy cũng là lúc chị ước mình như biển, thanh sạch và sống mãi với thời gian.

... Và mỗi lần một mình khỏa thân trong gian phòng tắm ngào ngạt mùi thơm của thứ xà phòng cao cấp, chị vừa ngượng ngùng, nhưng lại vừa muốn ngắm chính mình trong tấm gương ngoại nhập có kích thước như một cánh tủ. Bao giờ chị cũng cảm thấy hài lòng với chính mình và niềm tự hào dâng lên trong chị và chị cảm thấy như chị vừa được một phần thưởng mà tạo hóa đã ban riêng cho mình: một gương mặt thanh tú, đôi mắt mỗi lần nhìn một người con

---

1. Họa sĩ vẽ phong cảnh người Nga.

trai nào cứ như một thứ nam châm hút lấy họ, khiến họ mê mẩn. Không ít bạn bè nói rằng chị có đôi mắt "giết người". Không ít người đàn ông lớn tuổi, sống hạnh phúc bên vợ con, nhưng khi đã nhận được cái nhìn của chị, bắt được dòng từ lực từ đôi mắt của chị, tất cả đều bâng khuâng, có người tìm cách xin gặp chị, có người tìm đến tận nhà... Những người ấy, nếu họ nhìn chị, trong gương này không hiểu họ còn thổn thức, còn quấy rầy chị đến đâu nữa: một đôi bờ vai trần thon thả, trắng mịn, một khuôn ngực cân đối, hài hòa với hai bầu vú như hãy còn tinh nguyên với những đường cong uyển chuyển mềm mại, như đôi bầu vú của thiếu nữ trong tranh của Massino Ytanzione[1].

Khuôn ngực nở ra ở phần trên và hơi thắt lại ở phần dưới... Chị ao ước giá chị gặp một thiên tài như Gôya, như Gauguin, như Pitơ Pônruben, như M. Ytanzione... chắc chắn chị sẽ trở thành bất tử, chị sẽ sống mãi như biển...

Sau khi sống những giờ phút cháy bỏng với quyền tổng biên tập Lê Hân, chị trang điểm lại, nhẹ nhàng và bình tĩnh trở ra ngồi vào chiếc ghế bành bọc ximili màu nâu xẫm. Lúc ấy trông chị như một hoa khôi với gương mặt mãn nguyện và đôi mắt mơ màng, xa xăm. Chị không nhìn Lê Hân, nhưng tay vẫn giơ ra đỡ lấy cốc nước màu vàng nhạt, âm ấm. Anh nói đấy là loại chè Mao Cương Trung Quốc. Sau này chị hiểu rõ, anh đã đùa chị, đấy là loại nước rút ra từ những củ sâm Cao Ly có chân như hình người.

Một lần chị nói nửa đùa nửa thật với anh:

– Em không hiểu tại sao một con người đam mê dục vọng như anh lại có thể viết những bài báo hừng hực như các ứng cử viên trước ngày bầu cử.

Anh vẫn không thôi ôm ghì lấy chị, trả lời cũng nửa đùa nửa thật:

– Làm tình là một nghệ thuật và nói phét cũng là một nghệ thuật. Đấy là hai điểm mạnh mà anh đã biết phát huy đến thành tài nghệ.

---

1. Họa sĩ Italia (1558-1656).

Nỗi ghê tởm đã đè nặng tâm hồn chị, chị hứa với mình rằng chị sẽ vĩnh viễn không bao giờ cho anh đụng vào da thịt chị nữa. Nhưng càng tìm cách lánh mặt anh, chị càng cảm thấy bần thần, khó chịu. Mùi xà bông thơm cao cấp lại gợi cho chị cảm giác thật dễ chịu, gợi cho chị những ham muốn – thực lòng chị nhớ nó, khao khát được khỏa thân trong bồn tắm được lát gạch hoa màu xanh da trời mát mắt, thích được bàn tay cầm bút nhũn nhũn của anh thoa thứ xà phòng cao cấp ấy lên khắp người chị, kỳ cọ cho chị như một thứ nghệ thuật...

Sau những lần như thế, trở về nhà chị lại hối hận, tự sỉ vả mình, chị lại ôm chặt đứa con gái vào lòng, làm nó phải thức giấc và kêu lên:

– Mẹ, chuyện gì thế hả mẹ? Sao mẹ khóc? Ai đánh mẹ phải không?

– Con ngủ đi, mẹ nằm mơ thấy bố trong cơn sốt rét, nằm trên võng, khát cháy cổ mà không ai bưng cho một hớp nước.

Đấy không phải là những lời giả dối. Nhiều lần, sau những đêm truy hoan với Lê Hân, trở về với con, chị vẫn nghĩ và lo âu về chồng mình như thế. Chị hiểu rằng chị đang đi vào tội lỗi, chị đang lừa dối anh. Trong thâm tâm, những lúc như thế, chị thương anh với tình thương của một người vợ biết ăn năn.

Chị hiểu rằng, Tâm là người không may trong cuộc đời. Những nhà khoa học chân chính rất dễ bị lừa gạt. Ở họ, sự phát triển của tư duy nghiên cứu, tìm tòi lấn át sự dối trá và dâm đãng. Những người như Tâm không biết lừa dối, nhưng chắc chắn sẽ bị nhiều người mưu hại. Chị rất trọng chồng mình, nhưng không hiểu sao, càng ngày chị càng thấy vơi đi trong chị những cảm giác say mê. Có lúc chị lục tìm trong ký ức tất cả sự cứng nhắc mà anh cho là bản lĩnh của người cương trực, ngược lại đối với chị đấy là nguyên nhân của sự tiến bộ quá chậm của anh. Theo chị, cuộc sống mỗi người như một con thuyền trên biển. Biển có lúc lặng, nhưng cũng nhiều khi sóng to gió lớn, và con thuyền nào biết lựa chiều sóng mà lướt qua, lựa chiều gió mà điều chỉnh cánh buồm thì con thuyền ấy không bị biển lật nhào. Không ít lần chị tranh luận với anh về cách xử sự với cuộc đời và lần nào kết thúc cũng là sự cãi vã và giận

nhau hàng tuần lễ của hai vợ chồng. Anh khuyên chị nên sống trung trực dù ngày mai có bị hành hình.

– Để rồi xem, trước khi bị hành hình anh có còn giữ được cái đầu trung trực của anh nữa hay không.

Giận quá mất khôn, chị đã buông ra một câu như lời nguyền rủa mà nhiều ngày sau này chị ân hận.

– Cô cứ sống rồi coi, trước khi bị hành hình, tôi vẫn không cúi đầu trước bất cứ một ai, tôi vẫn là tôi, một người không thèm lựa chiều để mà sống.

Ấy là lần đầu tiên sau khi trở ra Hà Nội anh gay gắt với vợ.

Đêm ấy chị đã khóc, khóc vì giận mà cũng khóc vì thương. Anh ngây thơ như một đứa trẻ con trước cuộc đời mà đời thì người và quỷ đang lẫn lộn. Cho đến bây giờ anh vẫn tin rằng chị là một người vợ chung thủy, hết lòng với chồng, với con. Ôi! Sao cuộc sống phức tạp và rối rắm đến dường này! Sự lừa dối ở đời đến độ tinh vi như nghệ thuật, còn anh thì cứ như một con chiên ngoan đạo bên Chúa. Chưa một lần anh đặt câu hỏi vì sao chị tiến bộ nhanh như thế. Anh thuộc loại số không nhiều ít chịu đi tìm hiểu nguyên nhân trong các mối quan hệ xã hội. Anh thích thú đến say mê việc đi tìm những kết quả thuộc các công trình nghiên cứu khoa học. Theo anh, điều đó giúp ích cho sự tiến bộ của loài người nhiều hơn.

Mặc dù hiểu rằng chồng nói đúng, nhưng không bao giờ chị có ý định sống theo cách sống của anh. Về điều này, chị phục Lê Hân. Anh biết hóa thân, anh biết lột xác, anh có cái lưỡi của Ê Dốp[1] và cái "mồm" của một con vẹt biết hót theo bề trên. Nhiều người khen Lê Hân là một quyền tổng biên tập nhạy bén, chưa bao giờ "thả" tờ báo đi chệch đường ray của mọi chủ trương, chính sách. Hôm qua, một nhà lãnh đạo phát biểu xa gần trong một cuộc họp nào đấy về sự năng nổ, sáng tạo của một bí thư huyện dám xóa sạch vườn tược, cây cối lâu đời, mồ mả cha ông làm một cuộc cách mạng đưa dân lên đồi theo một mô hình nước bạn nào đấy, hôm nay anh có bài đầy những từ hoa mỹ ca ngợi khuyến khích những cuộc cách mạng

---

1. Một nhà ngụ ngôn thông minh, ứng tác rất giỏi của Hy Lạp.

như thế, mà không cần biết cơ sở của cuộc cách mạng ấy là ở chỗ nào. Một lần Lê Hân nói thẳng với chị:

– Giá trị của con chim chính ở chỗ nó biết hót đúng lúc.

Chị mỉm cười khinh bỉ, nhưng tối về nghĩ lại, chị phục anh sát đất. Không biết phán đoán những ý đồ của lãnh đạo, không biết tung ra dư luận những điển hình, những mô hình, những sáng tạo của cơ sở, theo anh đấy không phải là người phụ trách có tài của một tờ báo. Một con người "nhạy bén" như Lê Hân, Thức tin rằng anh sẽ còn đi xa hơn cái chức quyền tổng biên tập hiện nay.

Ngược lại đối với Tâm, tính cách ngây ngô trước cuộc đời chắc chắn sẽ dẫn anh đi vào những bi kịch, bi kịch trong chính cương vị và cấp bậc anh hiện tại, bi kịch trong tình yêu.

Kỷ, một người bạn của Tâm ở chiến trường ra cho biết tuần trước Nguyễn Dậu có ghé qua Hà Nội, nhưng không thấy anh có ghé lại nhà. Chị linh cảm có điều không hay trong quan hệ giữa hai người, điều ấy đã làm chị thao thức nhiều đêm – "Anh sống thật thà quá!" Nhiều bạn bè nói về Tâm như vậy. Chị không biết đấy là lời khen hay tiếng kêu, trách cứ. Sự thật thà thường đi đôi với vụng về. Những anh vụng về thường dễ làm nhiều người mếch lòng, dễ gây khó chịu cho đồng nghiệp. Cuộc sống như đang đào thải dần những anh quá thật thà, quá vụng về và thay vào đấy những anh khôn ngoan, gian giảo, những loại sống bằng ba tấc lưỡi. Trong đơn vị, chị hiểu qua bạn bè của Tâm, Nguyễn Dậu là một y sĩ lơ mơ, dường như anh ta chưa nắm được cả cái kiến thức sơ đẳng của ngành y, ấy thế mà mỗi lần giao ban anh ta đều giành phần báo cáo tình hình. Về mặt này, ai cũng công nhận anh nói lưu loát, ai cũng hiểu anh là người điều hành, là bác sĩ trưởng đơn vị, mọi kết quả phẫu thuật và điều trị đều do tài đạo diễn của anh.

Dậu biết làm vừa lòng các thủ trưởng đơn vị. Anh cho đấy là phương châm sống của người tân tiến, là biểu hiện của kỷ luật tuyệt đối phục tùng vai trò lãnh đạo của Đảng. Không biết từ bao giờ anh mất đi cái đầu của riêng anh, và điều đó đối với anh là tất nhiên, là hợp quy luật, là hợp xu thế. Công tâm mà nói, nhiều lúc anh cũng muốn vươn lên làm một nhà khoa học, một bác sĩ phẫu thuật tài nghệ như Tâm, nhưng khốn nỗi, đầu anh "đặc" quá. Cho đến

bây giờ Dậu cũng không hiểu vì sao anh thi vào ngành Y, cái ngành mà trong những năm ngồi trên ghế nhà trường gần như anh khổ sở đến nhục nhã vì sự lẫn lộn hàng loạt những từ chuyên môn: vi-rút, tế bào lim phô B, tế bào lim phô T, hạch lim phô, tiểu cầu...

Nhiều đêm suy nghĩ anh thấy mình thích hợp với nghề chính trị hơn là chuyên môn. Làm chính trị là phải biết khéo nói, nói theo cấp trên, nhưng lại mang bản sắc của mình. Thực hiện một ca mổ điều quan trọng là phải có tay nghề, và có thể thành công nhưng cũng có thể thất bại. Làm chính trị không như thế. Thành công là điều chắc chắn, bởi cấp trên thường hay bảo thủ, ít khi họ nhận mình sai, dù đấy là sai lầm mà ai cũng thấy.

Một lần nào đấy, Tâm nói nửa đùa nửa thật với Nguyễn Dậu:

– Đúng, cậu chỉ có mỗi khả năng làm chính trị là thích hợp... Nhân loại chỉ nên có một bác sĩ Uyliam Xammeclin[1].

Dậu vỗ hai tay vào nhau bôm bốp, reo lên, nét mặt biểu hiện sự thú vị thật sự.

– Phải, cậu nói chí phải. Nhân loại chỉ nên có một Xammeclin thôi.

Hồi ấy quả thật Dậu hiểu Xammeclin nếu không phải là một vĩ nhân thì ông cũng là một nhà bác học chân chính. Còn Tâm, anh chỉ nhếch mép cười nhẹ nhàng, không hé một tiếng, một lời nào. Thức cho rằng, có thể đấy là một trong những nguyên nhân sau này khi biết được Xammeclin là tay bịp bợm, Dậu đã coi anh là kẻ thù, là tên hãnh tiến.

Một lần nào đấy, Tâm đã không kiềm chế sự bực bội của mình khi nói rằng Dậu là loại ruột thừa của xã hội loài người. Cho đến cuối thế kỷ hai mươi này, y học vẫn chưa tìm ra được mục đích tồn tại của cái ruột thừa, cũng giống như loài người chưa tìm ra mục đích tồn tại của những loại người như Nguyễn Dậu. Tâm không hiểu Dậu vào Trường Sơn để làm gì. Đời oái oăm thay cái sự vô dụng ấy lại rơi trúng vào anh, và anh đã nói đùa với y tá Loan rằng anh đã chịu tới hai cái ruột thừa. Anh sợ nếu lúc nào đó nó bị viêm cùng

---

1. Một bác sĩ người Mỹ đã lừa giới y học về việc ghép da chuột đen trên da chuột trắng.

lúc không biết có ai mổ kịp cho anh không hay lại để nó vỡ ra và thế là một cuộc đời sẽ kết thúc...

Nhẽ ra, y sĩ Dậu là cánh tay đắc lực của bác sĩ Tâm, là người kế cận thay anh giải quyết một số trường hợp nào đấy. Nhưng dường như chưa bao giờ anh ta làm đúng chức năng của mình. Có những đêm thương binh về dồn dập, anh ta cũng chỉ biết đôn đốc chung chung và cố thể hiện cho mọi người thấy rõ vai trò chính trị viên của mình. Băng bó, anh cho đấy là việc của y tá. Mổ xẻ, anh quy trách nhiệm cho bác sĩ Tâm. Còn những công việc lặt vặt, tất nhiên đấy là của cứu thương, của hộ lý. Trách nhiệm của anh là điều hành, là trách nhiệm của một lãnh đạo chính trị. Trong chuyên môn, anh đóng vai trò sơ khám. Nói cách khác, anh chỉ biết phỏng đoán. Nhưng buồn thay, hầu như không một căn bệnh nào, không một ca nào anh dự đoán lâm sàng chính xác. Viêm ruột thừa, anh ghi phiếu điều trị cho xổ giun. Người bị sốt rét, anh chẩn đoán viêm phế quản cấp, thương binh cần cấp cứu tức thời anh cho xếp hàng sau cùng trong danh sách phẫu thuật. Cái việc làm tưởng vô thưởng vô phạt, tưởng không chết ai ấy không ngờ anh đã giết không ít đồng đội anh. Nhưng anh không bao giờ có lỗi, người chịu trách nhiệm lại là bác sĩ Tâm. Bởi thế, mỗi khi có một ca cấp cứu hoặc điều trị không đạt kết quả như ý muốn, Dậu lại có dịp hùng hồn quy kết ý thức và trách nhiệm, trình độ chuyên môn yếu kém của bác sĩ Tâm giữa chi bộ mà Tâm là người ngoài Đảng. Trong những giờ giao ban, trước Tâm, anh lại phê phán nhẹ nhàng, coi việc sơ sót chết người kia là trách nhiệm chung cần rút kinh nghiệm. Và theo con đường tổ chức, Nguyễn Dậu làm báo cáo gửi lên ban chỉ huy sư đoàn đề nghị thi hành kỷ luật Tâm, trả về hậu phương.

Cũng may, vị tư lệnh sư đoàn đã có dịp tiếp xúc với Tâm trong ca mổ phức tạp khi viên bi đã xoáy vào khoang bụng ông và chạy loanh quanh như trẻ con chơi trò "trốn tìm". Tâm đã chẩn đoán một cách chính xác đường đi của viên bi và "chận đầu", gắp nó ra. Công việc tiến hành nhanh đến nỗi bác sĩ của tư lệnh phải thán phục, tôn Tâm là bậc thầy phẫu thuật. Anh không giấu giếm khi báo cáo với thủ trưởng mình rằng kỹ thuật mổ xẻ trong ca vừa rồi của bác sĩ Tâm ông cho thật hoàn thiện, không một động tác thừa, không gây một chấn thương xác đáng nào ở vết mổ, không một giây vô ích.

Vị tướng ấy không trả lời cho Dậu, công văn ông gửi về thủ trưởng trung đoàn. Ông đề nghị, người trước tiên có thể trả về hậu phương là y sĩ Dậu, người đã viết báo cáo không trung thực. Theo ông, bác sĩ Nguyễn Phúc Tâm là một nhà khoa học, một nhà phẫu thuật, một bàn tay tài nghệ của quân đội. Đất nước có thể đào tạo ra hàng trăm, thậm chí hàng ngàn chính trị viên như Nguyễn Dậu, nhưng đào tạo ra một bác sĩ có bàn tay tài nghệ như bác sĩ Tâm là điều không đơn giản. "Bác sĩ Tâm là tài sản quý báu của quân đội, chứ không phải của riêng trung đoàn các đồng chí". Đây là câu kết luận của vị tư lệnh.

Mặc dù muốn bênh vực Dậu, trung đoàn trưởng vẫn buộc phải gọi Dậu lên chính trị trung đoàn và họp kiểm điểm. Ai cũng biết một người như Nguyễn Dậu, không phải là người chỉ biết vui vẻ nhận tội lỗi và nhoẻn cười làm lành với một quần chúng như Tâm. Anh đã nuốt nỗi sỉ nhục này, nuôi nó đến ngày anh trả nợ sòng phẳng.

Khi Thức hiểu được điều này, đồng thời chị cũng hiểu được nguyên nhân sự lánh mặt của Nguyễn Dậu. Bằng một linh cảm nào đấy của người vợ, Thức rất lo cho chồng. Mọi sự phản bội bao giờ cũng được ngụy trang bằng "lẽ phải", bằng những màu sắc và hương vị ngọt ngào dễ rót vào lòng người như những âm thanh, âm trầm, của tiếng đàn, tiếng sáo.

Một người sống vô tư và vì khoa học như Tâm – nhiều lúc chị cho anh là ích kỷ, chỉ biết thỏa mãn những ham muốn của riêng anh – chị biết anh không bao giờ chú ý đến những cái bẫy rất tinh vi của những loại người như Nguyễn Dậu giăng ra, loại người mà chị biết đang nhan nhản quanh ta, mỗi lần họ thở ra là vì cách mạng, vì Đảng, vì chủ nghĩa xã hội. Loại này đang kết thành một "trường phái", có ý thức hay không, chị không rõ nhưng chắc chắn đấy là loại người chuyên gây rối, cản trở và phá hoại một cách tinh vi, đầy thủ đoạn.

Những lúc như thế này, Thức hiện lên như một chân dung người vợ yêu thương và quý trọng chồng hết mực. Số anh khổ. Ba lần in thiệp cưới, ba lần bố mẹ chị thay đổi ý kiến, quay hẳn 180 độ. Chị còn nhớ rõ buổi tổ chức vội vã mà cả hai phải chạy đến

không kịp thở để cướp thời gian thay đổi của hai cụ. Là một người kiên nhẫn, chị chưa bao giờ nghe anh than phiền hay nản lòng.

Hôm ấy, từ bệnh viện trở về, trong cái hăm hở của chàng rể chuẩn bị mang thiệp đi mời bạn bè, nhưng khi nghe chị kêu lên: "Hai cụ lại không cho tổ chức nữa!" anh chỉ thoáng buồn nhưng vẫn còn đủ bình tĩnh để an ủi chị:

– Ta lại chờ đợi thêm ít lâu nữa, em à. Đừng làm gì vội vã để các cụ buồn.

Lúc ấy, phải nói chị giận anh tím mật, cơn giận sôi lên không nguyên cớ và ngay lúc ấy chị đã trút xuống anh, người đang chịu đựng cái hậu quả của bố mẹ chị.

– Chờ đợi! Chờ đợi, nói thế mà nghe được à. Thiệp mời đã phân phát đi bốn phương tám hướng giờ tính sao đây. Ít nhất các cụ cũng phải biết tôn trọng con cái mình một tí chứ, ít nhất các cụ cũng phải biết giữ cho chúng nó cái danh dự tối thiểu để làm người chứ!

Anh im lặng, nhẫn nhục nhín nhịn. Những lúc ấy trông anh thật tội nghiệp, thật dễ thương. Lặng lẽ một mình, anh lại đi gặp bạn bè, người thân để xin lỗi...

Chị còn nhớ, một buổi chiều Hà Nội đang vào thu, không khí dịu hẳn xuống, bầu trời xanh xanh nhẹ nhàng, gió thu man mác, anh rủ chị đi rong cho đỡ nặng nề. Đây có nhẽ là lần đầu tiên anh chủ động gợi ý với chị – vốn anh rất tiếc thời giờ, mỗi phút đối với anh là sự hiểu biết, sự khám phá, là sự suy tư và hành động.

Hai người im lặng, tưởng như đang giận nhau, dẫn nhau đi trên các con đường quen thuộc. Từ Bạch Mai, họ xuôi theo con đường Nam Bộ, về công viên Thống Nhất, nơi khi còn là học sinh, đã có thời kỳ họ lao động xã hội chủ nghĩa với tinh thần hăng hái và sức lực tuổi mười bảy. Chiều muộn, mặt trời xê dịch chậm chạp và ánh nắng nhẹ nhàng gieo sắc vàng mùa thu xuống mặt hồ biêng biếc. Sóng xao động như khuôn ngực chàng trai khổng lồ. Cả hai cùng cảm giác như có từng cơn gió đang vuốt ve trên khuôn ngực của chàng trai nọ.

Người Hà Nội thường tự hào về cái mùa thu kín đáo mà duyên dáng, sắc trời thay đổi từng giờ, tựa tựa như những cô gái Hà Nội làm duyên. Cả hai cùng cảm thấy lòng ngập tràn những cảm xúc

và cả hai dường như cùng "làm lành", nỗi bực tức trong chị dường như đã lan tỏa vào không gian... và gợi nhớ về một mùa thu đã qua họ gặp nhau trên tàu điện.

Một đoàn tàu từ ga Hàng Cỏ đi vào các tỉnh miền trong tuôn những cuộn khói đen đặc trên nền trời trong veo của Hà Nội, như một vệt bẩn trên nền bức tranh của mùa thu quyến rũ.

– Khiếp quá! Không biết khi nào chúng ta thoát khỏi cái kỷ nguyên hơi nước này. Chị ho sặc sụa và thốt lên một câu như trách cứ những nhà khoa học.

– Anh sợ vào thế kỷ 21 vẫn không thoát khỏi cái cày chìa vôi và cắt nhau bằng cái liềm cùn[1] trong khi các nước phát triển đang tính chuyện đi vào vũ trụ, những nhà bác học đang hoàn chỉnh các phương pháp ghép bất kỳ bộ phận nào của con người, trừ bộ não.

– Kể cả trái tim?

– Đúng như thế, em à. Người ta còn "làm" ra được cả tim nhân tạo.

– Như thế liệu con người còn biết cảm xúc, biết yêu ghét không anh?

– Chắc chắn những trái tim nhân tạo sẽ không thể nào biết cảm xúc, biết yêu và ghét, ngoại trừ công việc chính của nó: cơ học.

– Một trái tim như thế có đắt không anh?

– Chắc là đắt... để làm gì em? Em định thay tim à?

Anh đùa cốt để chị đỡ căng thẳng.

– Nếu rẻ em sẽ mua thay cho các cụ để các cụ khỏi yêu ghét hộ chúng ta.

– Mọi việc rồi sẽ qua đi, các cụ sẽ nghĩ lại, lúc ấy em sẽ thấy không nên thay tim nhân tạo cho các cụ...

Có thể chưa bao giờ họ nói những chuyện vu vơ như lần ấy, nói để mà nói, để cơn bực tức qua đi. Dẫu sao, đối với họ đấy cũng là những giờ phút đẹp đẽ nhất, cả hai đều thấy gần nhau.

---

1. Ở nhiều vùng quê lạc hậu, người đỡ đẻ cắt nhau trẻ con bằng liềm.

... Hôm ấy, còn một tuần nữa, Kỷ, bạn anh mới ghé lại như lời hẹn, nhưng chị đã chuẩn bị cho chồng đầy đủ những thứ mà theo chị Trường Sơn đang thiếu: sữa bột Trung Quốc đựng trong túi nilông, mì chính, hai đôi áo lót, một đôi bít tất len do chính chị đan, một ống nghe Liên Xô mà chị phải nhờ Lê Hân trực tiếp xin ông giám đốc bệnh viện và hai cuốn sách y học bằng tiếng Nga.

Cả ngày hôm ấy chị xin nghỉ ở nhà để đón người bạn chồng. Buổi sáng chị bảo con gái chơi loanh quanh trước cửa và dặn:

– Mẹ đi ra chợ tí. Con chơi ở nhà, nếu có cái chú hôm nọ đến, con mời chú vào nhà, mẹ về ngay nhé.

Đối với chị, cách đối xử ấy sẽ lấy lại trong chị tình yêu chồng, một thứ tình yêu mà chị cảm thấy như bị mất mát, như bị mai một. Và như thế lòng chị cũng vợi đi những suy nghĩ về mối quan hệ vụng trộm lâu nay giữa chị với Lê Hân.

Nhưng rồi, buổi sáng hôm ấy không thấy ai đến và cả buổi chiều chị ngong ngóng chờ đợi để rồi thất vọng. Đêm ấy tắt điện, hai mẹ con ăn cơm trong bóng đèn dầu tù mù. Chưa xong bữa, con bé đã lại lăn ra ngủ.

Chị dọn rửa rồi định đi nằm với con. Nhưng rồi không giữ nổi mình, chị lại vác xe ra đạp đến cơ quan. Chị có nói với Lê Hân, đêm nay nhà có khách, chắc chị không đến được. Anh trả lời ngay như một quyết định.

– Anh cứ chờ.

Chị biết Lê Hân sẽ mừng lắm. Lần nào cũng vậy, khi bóng dáng chị xuất hiện trước anh, chị đều gặp đôi mắt anh rực lên những tia lửa ham muốn. Một tuần nay Lê Hân xa Hà Nội, cái chuyến đi công tác anh không muốn một chút nào với một vị lãnh đạo mà không đưa chị đi cùng được đã làm anh khó chịu.

Chị hoàn toàn không ngờ rằng giữa lúc hai người đang truy hoan trên chiếc giường giành cho Lê Hân ngả lưng buổi trưa thì Kỷ đến. Anh ngồi ngay thềm, đốt hết điếu thuốc này đến điếu thuốc khác.

Trở về nhà, chị giật mình khi bắt gặp trong bóng đêm một bóng người đầu đang gục xuống chiếc ba lô, chiếc mũ cối nằm ngửa

dưới đất, sát chân... ngay trước cửa phòng chị. Ánh trăng thu nhờ nhạt phản chiếu một gương mặt gầy, vàng vọt.

Khi chắc chắn đấy là bạn chồng, rối rít chị xin lỗi và mời anh vào nhà. Dường như anh vừa chợp mắt, tỉnh dậy anh ngỡ ngàng loay hoay tìm chiếc mũ. Khi biết chị đang cầm ở nơi tay, anh mừng rỡ.

– Thế mà tôi cứ tưởng đứa nào nó "chộp" rồi. Ở Trường Sơn không có cái "đội" này khổ lắm chị ạ... Lâu nay chị và cháu vẫn khỏe chứ?

– Cám ơn anh, mẹ con em vẫn thế... Anh thông cảm, tối nay có cuộc họp đột xuất, cái nghề làm báo chúng em nó khổ thế đấy. Suốt ngày mẹ con em chờ anh...

– Tàu với bè! Chậm một lúc mười tiếng. Ba cái ông đường sắt lấy nê chiến tranh rồi cứ chây ra đấy. Tôi mà được làm ông thủ tướng dám tôi bắn ông tổng cục trưởng...

– Thời chiến, mọi cái đều thế cả chứ chẳng cứ tàu với bè đâu anh. Anh chờ em lâu chưa?

– Vừa đúng một bao Trường Sơn.

Lúc đầu chị hơi ngơ ngác, nhưng sau hiểu ra chị kêu lên thành thật:

– Khổ! Tội nghiệp. Chắc em vừa đi khỏi thì anh đến... Gia đình ta vẫn khỏe cả chứ anh... Đấy, phụ nữ chúng em là thế đấy, vất vả lắm anh ạ.

Câu nói sau cùng chắc chị nói theo đà, theo quán tính, một lời than chung cho số phận. Và cũng sau đấy, khi anh đi vào Trường Sơn, chị lại mỉa mai chính mình...

Hết câu này chị hỏi câu khác, anh hoàn toàn không nghĩ được rằng đấy là cách chị cố che đậy mình, che đậy những tội lỗi mà chị vừa trải qua với một ý thức rõ ràng.

4.

Cho đến bây giờ nghĩ lại, Thức vừa phục vừa hãi Lê Hân, một con người khác thường, một con người khó hiểu. Hôm

ấy chị đến, anh nói rằng anh mới bước xuống xe cách đấy hơn mười phút, chưa kịp tắm rửa, anh đã vội lôi chị vào phòng. Trong khi còn đang ôm ghì lấy chị, anh nói anh còn phải viết bài thuyết luận cho ngày mai. Chín giờ anh phải đưa bài. Mười một giờ sắp chữ và sáu giờ sáng ra báo.

Lúc ấy chị cứ nghĩ anh lòe chị, người đàn ông nào không muốn quan trọng hóa công việc của mình, không muốn khoe khoang một tí với người tình. Cuối cùng rồi lại không lăn quay ra ngủ như một con lợn no nê, còn hy vọng gì ngồi viết. Anh nói anh sẽ viết một bài về "Đạo đức xã hội".

– Sao anh đặt cái tựa đề to tát thế? Chị thật thà hỏi.

Anh không trả lời và chị không hỏi nữa. Lại trở về trong chị, cảm giác một con vật... Bây giờ, gần như đã quen thuộc, chị không còn ghê tởm anh. Tuy nhiên, điều chị không thể hiểu nỗi một con người sống về xác thịt như anh lại là con người mang chiếc áo khoác của lý tưởng cao đẹp. Sáng hôm sau, quả thật trên trang nhất của tờ báo đã đăng cái bài có tiêu đề "Đạo đức xã hội". Chị say mê đọc bài thuyết luận và cảm giác rằng, nó không phải được viết ra từ bàn tay anh, từ khối óc anh, từ tình cảm chính anh. Lời lẽ của bài thuyết luận hùng hồn, mạch văn trôi chảy, toát lên lập luận vững chắc của ngòi bút hùng biện, tính chất cách mạng cao cả của tri thức người viết "...Nền tảng của đạo đức xã hội chủ nghĩa là ta vì mọi người... Biết bao chiến sĩ đang ngày đêm chiến đấu, hy sinh chịu đựng sẵn sàng đối mặt với kẻ thù của dân tộc ở miền Nam, chính họ là những người anh hùng, những người cách mạng, những tấm gương sáng chói về chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Đấy chính là những biểu hiện cao đẹp nhất về đạo đức các mạng, đạo đức xã hội chủ nghĩa – Ta vì mọi người... Những người ở hậu phương hãy tự hỏi mình đã và đang làm gì...".

Hôm sau, chị thật thà hỏi anh:

– Anh viết bài báo ấy thật à?

Anh cười, nụ cười trông rất nhộn, rất hề, rất Lê Hân.

– Ai có thể viết những bài đặc sắc như thế, ngoài anh.

– Có bao giờ anh nghĩ những việc anh làm là trái với đạo đức xã hội chủ nghĩa như bài anh vừa viết?

Anh im lặng, Thức tưởng anh lúng túng. Nhưng không. Anh đã trả lời với chị, rất thật, rất Lê Hân:

– Em ngây thơ quá. Đừng bao giờ tin những gì anh nói, những gì anh viết.

– Em không hiểu nổi! Anh viết như thế để nhằm mục đích gì?

– Để cho mọi người phấn đấu và sống như cái triết lý cách mạng cao cả anh đã nêu lên.

– Còn anh?

– Anh sống theo bản năng, theo nhu cầu của chính anh.

– Thế anh là một loại vua?

– Ai mà chẳng thích làm vua?

– Anh là một loại người giả dối!

– Trong trường hợp nào?

– Trong tất cả trường hợp, trừ câu nói vừa rồi.

– Câu gì?

– Ai mà chẳng thích làm vua, ai mà chẳng thích quyền lực.

Anh cười, đôi môi cong ngược như vành trăng đầu tháng. Chị cũng cười, nụ cười tím lại. Bao nhiêu lâu quan hệ, lần đầu tiên chị thấy một cách rõ ràng cái sự giả dối, cái vẻ hai mặt của một con người ở cương vị như anh. Chưa bao giờ chị thấy nỗi kinh tởm dâng lên tràn ngập lòng chị như lúc này. Không hiểu bà Bôvari[1] khi vượt ra ngoài mối quan hệ vợ chồng có sống những tâm trạng ghê rợn như thế này không?

Lại một lần nữa chị về úp mặt bên má con gái khóc nức nở. Chị hiểu hơn ai hết tiếng khóc của chị, tiếng khóc chứa đầy nỗi ân hận và phẫn nộ. Nỗi buồn xâm lấn tâm hồn chị, lần đầu tiên chị thấy cô đơn. Đối với chị, đấy là một hình phạt. Những lúc như thế này chị lại thầm trách Tâm. Không hiểu sao anh lại có thể hăng hái đến mức từ giã cả người vợ mà chị hiểu anh rất yêu, rất quý và rất tôn trọng, lăn xả vào những nơi đầy dẫy gian truân và chết chóc, trong khi bệnh viện, nơi anh làm, họ cố thuyết phục anh ở lại

---

1. Nhân vật cùng tên trong tác phẩm của nhà văn Pháp Flôbe.

và hứa sẽ tạo điều kiện cho anh đi nước ngoài để thực hiện những công trình nghiên cứu giải phẫu trên đại học.

Hồi ấy quả thật, cùng với một số vị lãnh đạo bệnh viện, chị khuyên can, van vỉ anh ở lại. Trong cuộc chiến đấu này, đất nước cần những người lính, cần những vị tướng lĩnh, những nhà quân sự, còn anh, nhà khoa học, là người của hậu chiến, là nhân vật của những công trình có tầm vóc vượt ra ngoài phạm vi của đất nước.

Anh im lặng hồi lâu, nhìn chị, chị cảm nhận từ đôi mắt anh lời cầu khẩn, van xin. Cũng từ cái ánh mắt ấy chị bắt gặp đôi mắt anh, từ buổi đầu hai người gặp nhau trên con tàu điện chật như nêm, tình cảm da diết của anh đối với chị. Dường như anh định nói với chị điều gì đấy, một tiếng yêu thương, nhưng chị hiểu, anh không nói được. Đối với tình yêu anh nghĩ không có tiếng nói nào bằng tiếng nói của đôi mắt. Ở đấy chị tiếp cận được tất cả cảm xúc mạnh mẽ trào ra từ chính con tim anh, một con tim tưởng rất cứng rắn nhưng cũng lại rất mềm yếu. Một lần nào đấy, phải, đấy là lần chị nghi ngờ anh khi mẹ nói chính mẹ thấy anh chở một "cái con đĩ" nào đấy, thoáng nhận ra mẹ, anh quay mặt đi, cái lần ấy chị giận anh tím ruột và đuổi anh ra khỏi nhà. Anh đã lặng lẽ ra đi không thanh minh một lời, không nói thêm một tiếng nào sau cái tiếng thở dài nặng nề và bất lực. Nhìn dáng lặng lẽ và vẻ mặt đau đớn của anh, chị cảm thấy dường như chị vừa làm một điều gì bất nhân bất nghĩa mà sau đấy không lâu chị hiểu đấy là nỗi oan ức cho chính anh. Chị giữ anh lại và đấy là điều chị cảm nhận cái việc là "giận mất khôn" của chị.

Đêm hôm ấy, khi Hà Nội đã vào giấc ngủ nhẹ nhàng, cả hai còn trăn trở, vẫn chưa "hàn gắn" được trở lại mối quan hệ vợ chồng như cũ, anh lặng lẽ lần tìm bàn tay chị, lúc đầu chị định giật lại, nhưng rồi anh vẫn kéo được bàn tay ấy đặt lên ngực mình, nơi con tim anh như đang thổn thức và nói:

– Em còn đòi hỏi gì ở anh nữa khi toàn bộ cái này – ý anh muốn nói con tim của anh – đã thuộc về em. Trong y học, những nhà chuyên môn gọi đây là nhịp đập không bình thường, nó đang biểu hiện những cảm xúc mạnh mẽ, những rung động sâu xa, hoàn toàn không phải là những hiện tượng bệnh lý.

– Anh không thật! Chị vẫn để nguyên bàn tay mình trên khuôn ngực anh và cảm nhận những nhịp điệu khi nhanh khi chậm của con tim anh, thốt lên như một lời khẳng định.

– Trong tình yêu sự hoài nghi thường dẫn tới hậu quả: sự đổ vỡ, nó giống như một thứ phản ứng hóa học vậy. Đã biết yêu thật thà thì cũng phải biết tin tưởng. Kẻ phán xét tình yêu là lương tâm, nó khách quan, nó chính là vị quan tòa nghiêm minh biết phán xử nghiêm khắc những con tim "giả dối" và biết bảo vệ những con tim trung thực với tình yêu...

Chị im lặng, vẫn sự im lặng trong trăn trở, trong sám hối. Và chị trách cứ đã nổi giận với chính chị về những phi lý, về sự cả tin để gây căng thẳng cho mối quan hệ mà hồi ấy đang còn rất trong sáng. Sau này nghĩ lại tính thiếu cơ sở khoa học trong sự vu khống của người mẹ, chị kịp nhận ra sự nóng nảy... đúng ra đấy là cái sự ghen tuông rất phụ nữ. Chị im lặng, không dám thổ lộ điều ấy ra với anh, sợ anh cười và điều quan trọng là sợ anh dễ ngươi, được nước và lấn tới. Kinh nghiệm, đối với đàn ông, phải thật nghiêm khắc với họ về món... đàn bà. Dễ dãi, thiếu nghiêm khắc là tự đẩy họ vào chỗ sa ngã. Và vì vậy thỉnh thoảng có một cơn như thế đấy là sự cảnh cáo nhẹ, một sự răn đe cần thiết của một người phụ nữ biết giữ chồng.

Nhiều lần chị thầm nhủ, trong quan hệ gia đình chị là người chỉ huy, chị phải điều khiển anh đi theo chính quỹ đạo của chị. Nhưng chị đã nhầm...

Khi anh tìm cách được trở về quê hương chiến đấu, anh gần như không bàn bạc gì với chị. Và chị cũng không hiểu sao hồi ấy chị không giận anh. Có lẽ chị đã linh cảm được điều gì đấy sau cái quyết định mà cho mãi đến sau này chị vẫn cho là sai lầm, là quá cứng rắn của anh.

Chị còn nhớ rất rõ, hồi ấy cũng vào một mùa thu Hà Nội sau cơn mưa, bầu trời thanh thản không một gợn mây, không khí êm đềm, hai người lại đi trên những con đường Hà Nội quen thuộc đậm đặc mùi hương hoa sữa. Không biết tự bao giờ cái mùi hương mang đầy những vị không lấy gì làm ngọt ngào này trở thành thân quen, chứa đầy kỷ niệm về mối tình của họ. Cứ mỗi lần thu đến, Hà Nội

lại dậy lên cái mùi hương hoa sữa như một nét riêng của Hà Nội gợi cho cả hai cảm giác như đang bước vào không khí của tình yêu nồng nàn thuở ban đầu. Và lần này chị lại có ý nghĩ như cả hai cùng hưởng lại lần cuối cùng cái mùa thu dịu dàng, cùng với mùi hương hoa sữa nồng gắt mà mỗi lần xa Hà Nội họ cũng nhớ đến nôn nao những kỷ niệm về một thời kỳ đẹp đẽ nhất, và cũng là gian truân nhất. Không hiểu sao lúc ấy lòng chị lại cảm thấy bùi ngùi và dường như linh cảm đang dự báo cho chị một sự chia tay xót xa, một sự tan vỡ nào đấy. Chị đi sát vào anh như một cử chỉ, đúng ra nó từa tựa như một thái độ phản kháng cái linh cảm tan vỡ vừa chợt lóe lên kia trong tâm trí chị.

Đêm mùa thu Hà Nội trầm tĩnh, những hồi còi báo động như xa xăm, như những kỷ niệm về một thời nào đấy. Hà Nội đang lặng lẽ cùng những đôi trai gái bắt đầu tiếp cận những xao xuyến của tình yêu và Hà Nội cũng bắt đầu cuộc chia tay mà mỗi người đều thấy như mất mát một điều gì đấy... rất Hà Nội. Đấy là một ngôi đền thành kính, là những cửa ô thời giữ nước của cha ông, là những mặt hồ sóng gợn nhè nhẹ như nỗi xao xuyến, những cơn sóng đẩy nhau liên tiếp như đang tranh giành nhau tràn vào bờ, nô nghịch với những hàng cây phượng, mùa hè kiêu căng những màu đỏ chói chang và mùa thu xanh rờn những khao khát tình yêu, ở đây, trên những con đường Hà Nội này, chắc chắn không ai dù một lần đã qua đây mà không nhớ cái mùi hương hoa sữa tràn đầy những cảm xúc mới mẻ nôn nao...

Hôm ấy, anh nói với chị hơi nhiều bởi chị biết vốn anh ít nói. Anh nói về khát vọng, về ước muốn trở thành người học trò xứng đáng của bác sĩ Alếchxit Caren[1], của bác sĩ Tôn Thất Tùng. Anh phục bác sĩ Tôn Thất Tùng ở chỗ trong hoàn cảnh của đất nước có chiến tranh như ở ta ông đã có những công trình thật đáng khâm phục như việc mổ tim, mổ gan khô. Anh phục bác sĩ Caren ở sự gan góc, sự kiên nhẫn đi tới cùng trong việc ghép các cơ quan của sinh vật này cho sinh vật khác nhưng khi nhận ra sự lầm lẫn thì dám công khai thừa nhận. Mặc dù vậy, người sau ông cũng phải công

1. Tiến sĩ y học, người mở đầu kỷ nguyên khoa học về ghép cơ quan của sinh vật này với sinh vật khác.

nhận ông là bậc thầy trong môn giải phẫu bởi chính ông chứ không ai khác trong thất bại đã phát hiện cho y học một chân trời khác... của công cuộc ghép cơ quan của sinh vật này cho sinh vật khác là ở những yếu tố "sinh vật học".

– Mỗi người một sở thích – Chị nói – Anh thích làm nhà y học, em muốn trở thành nhà báo và không ít người say mê làm nghề chính trị.

– Làm nhà chính trị dễ nổi – Anh cắt lời chị – Như trường hợp thủ trưởng của em đấy, vốn là một thằng cha bán thuốc lào Vĩnh Bảo, ấy vậy mà nay đã lên như diều gặp gió. Còn làm nhà khoa học thì khổ hạnh hơn, nhưng những công trình họ để lại thật ý nghĩa cho cuộc sống loài người, cho sự tiến hóa của mỗi dân tộc, cho mỗi quốc gia. Ai nổi như Napoléon, như Hít le... mỗi người một thời, những nhà trính trị ấy đã từng làm khuynh đảo cả nhân loại, nhưng tất cả sẽ chìm đi. Ông Lép Tônstoi vẫn là đại văn hào của mọi thế kỷ, Anhstanh vẫn là nhà bác học của mọi thời đại.

– Nhân dân Mỹ vẫn nhớ đến Lin côn[1] và coi ông là một vĩ nhân.

– Bên cạnh Niutơn, Lincôn không là cái gì hết...

– Em nghĩ, chắc anh không thích những nhà chính trị, và vì vậy anh có những ý nghĩ không hay về họ. Hay là anh lại nổi máu nghề nghiệp, thích bốc những nhà khoa học, cố đề cao họ quá đáng.

Anh im lặng. Chị không hiểu anh đã chịu chấp nhận sự thiếu công bằng của mình hay chưa. Lặng lẽ thăm dò anh một chút, chị lại tiếp:

– Em cho trong đời anh gặp nhiều nhà chính trị "giả", họ nhan nhản quanh ta, làm vẩn đục cả bầu không khí xã hội trong lành vì sự bốc phét vô liêm sỉ của họ, vì tính chất cơ hội dẫn đến sự tiêu diệt cả những người thân của họ, điều ấy làm anh bực mình và ác cảm với giới chính trị chăng?

– ... Trong lịch sử, những nhà chính trị được lòng dân không nhiều. Bởi bao giờ cũng vậy, mỗi một vị lãnh tụ đều có chân lý, đều

---

1. Tổng thống thứ 16 của Mỹ.

có lẽ phải theo quyền lực mà họ nắm trong tay. Thôi, ta đi hơi quá xa rồi đấy em ạ.

Lần đầu tiên anh bộc lộ rõ tính cách một người làm công tác khoa học thuần túy, có thái độ rõ ràng với những tay phụ trách mang tư tưởng nông dân cộng với quyền lực của phong kiến. Chị hoàn toàn không ngờ anh thoát khỏi tay "bác sĩ" trưởng phòng anh ở bệnh viện, sau này anh lại gặp một chính trị viên Nguyễn Dậu.

... Hai người mua vé vào "Quán Gió" ở công viên Thống Nhất. Nhưng họ lại quay ra ngay vì không khí ồn ã và xô bồ của nó. Cả hai không chịu nổi cái cảnh chen lấn, xô đẩy nhau để giành giật một gói thuốc (bán hạn chế), một ly cà phê đá, một gói kẹo... Họ càng không thích nghi cái không khí ngột ngạt của khói thuốc.

Lặng lẽ họ dắt nhau ra phía ngoài, tìm một chiếc ghế đá nép mình khiêm tốn bên một gốc cây phượng vĩ vào mùa này lá đã xanh um. Trước họ là mặt hồ phẳng lặng, những con sóng gợn nhẹ trong ánh những vì sao, cảm nghe tiếng thầm thì của những đôi trai gái trong thời khởi đầu của tình yêu. Một cơn gió kéo qua, gây nên một tiếng xôn xao nhè nhẹ trên ngọn cây phượng, rắc những chấm vàng nhạt của ánh trăng đầu tháng xuống mái tóc hai người.

Anh choàng vai, kéo sát chị vào bên mình, thì thầm:

– Anh thương em quá.

– Thật giả đấy anh?

– Sao em lại hỏi anh câu ấy?

– Anh bảo em không hỏi anh thì hỏi ai. Anh nói anh thương em mà anh lại bỏ em ra đi... Có bao giờ anh nghĩ rằng em sẽ sinh nở một mình, một mình em cô đơn trong cái căn phòng vốn tràn đầy kỷ niệm và tràn đầy hạnh phúc của hai chúng mình không. Anh có hình dung nổi rồi đây em sẽ thui thủi một mình, sẽ buồn, sẽ vất vả như thế nào không, nhất là đối với một người phụ nữ đang mang thai lần đầu...

– Anh hiểu. Nhưng em thông cảm, anh muốn đi quá...

Anh định nói điều gì nữa, nhưng kịp dừng lại. Thức hiểu điều đó: mối mâu thuẫn về tính cách giữa hai vợ chồng, anh muốn tránh.

Im lặng. Và anh tiếp:

– Anh nhớ ba anh quá. Ông sống đơn chiếc từ năm ông hãy còn là người con trai 25 tuổi, nuôi hai chị em anh. Không phải ai cũng có khả năng chịu đựng và hy sinh vì con như thế. Một người cha như thế thật đáng để cho hai chị em anh tôn thờ, kính phục và yêu quý. Anh biết ngày đêm ông trông ngóng chờ ngày thống nhất, cha con gặp mặt nhau, gia đình sum họp. Anh còn nhớ câu sau cùng ông dặn anh trước khi mang ba lô xuống tàu ra Bắc: "Con học thế nào thì học, nhưng ba muốn con trở thành một người thầy thuốc giỏi. Má con chết vì những ông lang băm đó.".

– Bây giờ chắc ba thỏa nguyện.

– Nếu đất nước thống nhất và gia đình xum họp.

"Nếu thống nhất anh không trở về nữa thì sao?". Chị định thốt ra câu ấy nhưng kịp dừng lại và tự trách mình sao nỡ độc mồm, độc miệng thế. Chị hiểu rằng không thể thay đổi ý định của anh. Đối với nhiều thanh niên hồi ấy, việc đi vào miền Nam chiến đấu là niềm mơ ước cao cả và thiêng liêng.

Cho đến kỳ ra công tác và an dưỡng vừa rồi, với khuôn mặt vàng bệch vì sốt rét, với tấm thân gầy ngẳng đầy những xương sườn, anh vẫn còn ăm ắp những niềm tin, những ước vọng của buổi ban đầu ấy. Anh nói rằng ở chiến trường anh đã tập cho mình thói quen làm việc cần mẫn. Ở hậu phương, mỗi ngày đêm mổ từ ba đến năm ca đã là việc bất bình thường, còn anh, trong ấy, số ca mổ của anh trong cùng thời gian có thể tăng lên từ 13 đến 14 lần. Tuy mệt, tuy vất vả nhưng anh lại tự hào rằng chắc chắn rồi đây anh sẽ trở thành một bác sĩ phẫu thuật giỏi. Không gì hơn đối với một bác sĩ phẫu thuật bằng sự chính xác đến điêu luyện trong từng đường dao mổ. Tài hoa của thầy Tôn Thất Tùng chính là ở chỗ đó, ông không để bất cứ một động tác nào, dù nhỏ nhất trở nên vô ích. Anh đang cố vươn lên cái trình độ ấy của ông và anh hy vọng, sau những ngày ở chiến trường, anh sẽ đạt được những điều hôm qua còn là ước vọng.

Hôm ấy anh nói trong những điều kiện hết sức thiếu thốn ở Trường Sơn, anh cũng đã nghiên cứu ghép được da cho một người bị bom napan. Cái công việc khoa học ấy thật phức tạp và tinh vi vượt ra ngoài hoàn cảnh không cho phép để đạt được ngay cả những

điều dự kiến ban đầu, là mơ ước của nhân loại mà loài người cũng chỉ mới thực nghiệm thành công hôm qua đây thôi.

Nhưng anh cũng nói với chị rằng, vinh quang của nhà khoa học là vượt được ra ngoài hoàn cảnh không cho phép để đạt điều mình dự kiến ban đầu, đó chính là điều lý tưởng, là mơ ước của mọi người. Bởi lẽ, mỗi kết quả của nhà khoa học là một nấc thang trong hàng triệu nấc thang tiến hóa của xã hội loài người, mỗi nấc thang ghi dấu ấn vào lịch sử sự nỗ lực lớn lao mà loài người tích tụ được sự tiến bộ của mình qua cái đầu của nhà khoa học.

Vừa rồi, trong chuyến trở ra Hà Nội, chị không hề nghe anh nói gì về cái kỷ luật mà người thủ trưởng vốn có định kiến với anh đã giáng xuống trong khi, đáng nhẽ anh được biểu dương, được đề bạt vì sự cố gắng vượt giới hạn cho phép của một bác sĩ phẫu thuật. Những người ít nhiều hiểu chuyên môn cho rằng anh đã tiếp cận đến điểm đen, cái điểm chết, vượt ra ngoài lằn ranh ấy, anh, ngay lập tức, từ kẻ cứu người biến thành kẻ sát nhân. Với độ nhạy cảm của một người vợ, chị không hề cảm thấy dù là mơ hồ, một sự buồn nản, chán chường của anh. Sự mệt mỏi mà chị cảm thụ được ở anh chính là làn da sốt rét của anh, là ở đôi môi thâm tái, ở những nếp răn trên hai đuôi mắt, trên hai bên cánh mũi... Điều rất lạ, trong ánh mắt anh, chị vẫn đọc được niềm say mê trẻ trung thời sinh viên. Gần như suốt ngày anh cắm cúi vào các chồng tài liệu in rô-nê-ô mà anh mới mượn được cùng với những tờ tạp chí nước ngoài mới nhất trong năm, những cuốn hóa sinh, những cuốn giải phẫu học. Anh mầy mò tìm lật từng trang, từng dòng. Đôi mắt anh khi lấp lánh những thỏa nguyện, lúc sẫm lại lờ đờ. Miệt mài anh ghi chép vào trong cuốn sổ tay bằng giấy po-luya.

Lần đầu tiên, sau mấy năm trở về lại căn phòng nho nhỏ, xinh xinh, mỗi bề chưa quá bốn mét ở một con hẻm phố Trương Hán Siêu, mà chính chị đã gần như vét cả đồng bạc cuối cùng để "hoa hồng" cho một người bạn vốn quý vợ chồng chị nhượng lại, anh ôm đứa con gái mà khi anh ra đi nó còn là bào thai, hôn hai bên má nó và ngượng ngùng nói với chị được một câu:

– Trông em đẹp và trẻ ra...

Chị hơi giật mình, tưởng anh đã linh cảm được mối quan hệ giữa chị với Lê Hân. Nhưng chỉ vài giây sau chị hoàn toàn yên tâm anh vẫn như xưa, trong sáng và vô tư. Anh hỏi chị về cái đống sách ít ỏi và quý báu của anh, trước khi đi anh dặn chị thường xuyên coi chừng bị mối, bị kiến, bị mọt gậm nhấm. Lúc ấy anh quên một loài gậm nhấm đáng sợ hơn cả: loài gián, chúng lẩn quất trong bóng tối và ở chỗ nào cũng len lách được để phá chúng ta. Và chuột. Ở phòng chị chuột nhiều vô kể. Sau ngày anh lên đường, chị phải xin một con mèo, mặc dù chị rất ghét cái loài ăn thịt sống này.

Nhiều lúc chị hơi buồn về cái sự vô tâm của anh. Gần như suốt ngày hôm mới về lại sau mấy năm xa cách ấy anh không hỏi chị gì hơn nữa biểu hiện tình cảm vợ chồng, biểu hiện sự quan tâm và lo lắng của anh về suốt một thời gian dài chị phải một mình nuôi con và phấn đấu giữa một Hà Nội đang có chiến tranh. Lúc ấy quả thật lòng chị có điều gì tủi tủi. Chị chờ đợi ở anh những câu hỏi biểu hiện tình cảm nhớ nhung, nỗi lo của anh về thời kỳ chị sinh nở, sự áy náy về mối quan hệ mất mát giữa chị với gia đình, nhất là với mẹ chị khi chị quyết định lấy... Vừa giận anh, chị cũng vừa giận mình đã cưỡng lại lời khuyên chân tình của mẹ. Cuối cùng, chị tặc lưỡi: "Càng hay. Đã thế ta càng tự do...".

Buổi sáng hôm ấy, khi cầm bánh xà phòng cao cấp Thiên Hoa đưa cho anh tắm, chị ngập ngừng mãi, sợ anh lục vấn này nọ, sợ anh nghi ngờ phát hiện ra mối quan hệ không lành mạnh của chị, nhưng hầu như anh không để ý đến đấy là loại xà phòng gì. Chị nghĩ có nhẽ cuộc sống gian khổ ở chiến trường đã làm tê liệt các dây thần kinh khứu giác của anh rồi chăng. Thậm chí tắm xong anh đãng trí bỏ quên bánh xà phòng trong buồng tắm công cộng, trở về dùng mười ngón tay chải tóc qua loa không cần nhìn vào gương rồi lại ngồi chơi với con gái. Lúc ấy gương mặt anh lại hệt con Mai, hồn nhiên, vô tư, dường như đôi mắt, nét mặt không gợn một băn khoăn hay lo lắng gì. Có nhẽ chưa bao giờ anh nghĩ anh đang sống giữa sự lừa dối, giữa sự xảo quyệt.

Khi nghe Kỷ, bạn thân của anh nói lại cái đêm anh làm việc đến lúc không đứng được nữa, phải đi nằm, và cái giấc ngủ mệt nhọc nặng nề ấy đã phải trả một giá rất đắt: hạ một lúc hai lon. Lúc ấy mặt chị sa sầm lại, chị giận anh thật sự.

– Ấy thế mà em chẳng nghe anh ấy nói gì với em cả.

– Có thể anh ấy quên. Kỷ thanh minh. Cũng có thể anh ấy không "quan tâm" mấy đến cái kỷ luật kia, chị ạ. Mọi người lúc ấy đã tận mắt thấy Tâm vò tờ quyết định lại ném xuống dưới chân, mặt không gợn một tí lo âu hay bực bội gì... Có thể những nhà khoa học chân chính họ ít nghĩ đến chức tước và chỗ ngồi như những người thường, chị ạ. Chính tôi cũng đã chứng kiến, khi anh Tâm nhận quyết định thăng cấp, anh vẫn nét mặt ấy, cũng chẳng thấy vui lên chút nào... Dù sao chị cũng có một người chồng lạ đời, một người chồng đáng kính.

Bây giờ chị thấy Kỷ có lý và cùng lúc ấy, chị nhận ra chính sự phi lý của mình.

Đêm ấy chị đã săn sóc Kỷ bằng tất cả tình cảm và lương tâm chị. Chị hy vọng rằng điều ấy sẽ giúp chị đỡ ân hận về những tội lỗi mà chị đã phạm phải.

Cũng may, khi chị về một lúc thì nhà có điện. Cái sở điện lực này thật kỳ khôi, cứ chờ đến lúc mọi người đi ngủ lại mở điện. Dù sao thì đến lúc này chị cũng cảm ơn cái sở điện lực vớ vẩn kia. Chị mừng rỡ, coi như đây là điềm lành. Bắt anh cất ba lô vào nóc tủ, chị lấy khăn mặt và xà phòng giục anh đi tắm.

Anh cầm bánh xà phòng mặt ngẩn ra trông tội nghiệp.

– Cái mùi xà phòng gì mà "ngọt lực" thế này hả chị? Anh kêu lên thành thật, cầm bánh xà phòng này tôi không muốn tắm nữa, sợ nó hết mất.

– Khổ, anh cứ tắm đi, tắm hết cũng được, em có bánh khác. Ở trong ấy có đủ xà phòng dùng không anh?

– Làm sao mà đủ được hả chị. Trong ấy chúng tôi chỉ có loại xà phòng cứng như đá, hôi như cứt dơi, thật đến buồn nôn. Nhưng có phải lúc nào cũng có đâu, đứa nào có một tí cứ giấu như mèo giấu cứt – xin lỗi chị nhé. Không thế cũng không được, cánh lính chúng tôi là thế đấy, của núi còn hết huống chi của nhỏ giọt.

– Kỳ này em nhờ anh gửi cho nhà em một bánh. Đây là loại xà phòng thơm cao cấp. Có tiền nhưng không chắc đã mua được đâu anh à.

– Chị mà gửi cho anh Tâm loại này...

– Sao anh?

– Các cô y tá lại không say anh ấy như điếu đổ tôi không phải là người.

Thức im lặng, đôi môi hơi mỏng của chị mím lại, đôi mắt đang tươi tắn bỗng trở nên tư lự. Kỷ không ngờ câu nói đùa của anh lại gieo vào lòng người thiếu phụ những tình cảm trái ngược, những suy tư và những đêm mất ngủ.

Chưa bao giờ chị nghe nói dù là một câu đùa về anh. Và vì vậy hôm nay chị thấy mình hơi bị hẫng... Cuộc đời đã dạy cho chị, những anh nghiêm túc bao nhiêu ở cái vẻ bề ngoài, lại là những anh đa tình bấy nhiêu, những anh cố làm cho người ta thấy rõ tư cách đạo đức của anh ta bao nhiêu lại là những anh vô đạo đức bấy nhiêu.

Trước mọi người, Lê Hân là một thủ trưởng tài năng, một con người có dáng vẻ đức độ, một nhân vật có uy tín. Những bài báo của anh đầy những ngôn từ rổn rảng, những câu chữ hùng hồn rừng rực "ngọn lửa cách mạng", mang "hơi thở thời đại". Nhưng đối với chị, một người phụ nữ có nhan sắc, anh ta y hệt một con gấu, một con dê "cụ", một tên bịp bợm, một kẻ bốc phét đầy quyền uy. Phải chăng đấy là tính mâu thuẫn thống nhất trong triết học mà chị đã học hay không, chị không rõ và, phải nói cho đến bây giờ chị vẫn không thoát nổi cái con người đầy quyền lực ấy. Dường như chị, trong tâm thức mình, vẫn cố giẫy giụa, cố quẫy đạp thoát ra khỏi những nhơ bẩn mà chị đang lặn ngụp trong đấy, nhưng càng giẫy giụa, càng quẫy đạp, chị càng không thoát ra khỏi cái vùng "từ trường quyền lực" của chính anh ta, vùng "từ trường" của những ham muốn "tiến bộ" của chính chị.

Ngược lại, chưa bao giờ trong ý nghĩ của mình chị có thể chấp nhận, thông cảm hoặc thậm chí tha thứ cho cái sự "lăng nhăng" của chồng dù chị vẫn biết như vậy là không "sòng phẳng" với anh. Chị cho, nếu như thế, anh đã xúc phạm đến trước tiên danh dự của chính anh ấy, sau là danh dự của chị. Là một phụ nữ giàu tưởng tượng, mỗi lần nghĩ đến cảnh anh đi "ngoạn mục" với một cô y tá nào đấy ở một khu rừng vắng vẻ, dưới ánh trăng mờ ảo, những cơn

gió rừng mạnh mẽ thổi lộng mái tóc hai người khi họ đi sát vào nhau, cô gái nắm bàn tay anh vuốt ve và anh, choàng tay ôm lấy vai cô... Chỉ nghĩ như thế, Thức đã thấy mình sôi lên cái sự căm giận dường như sắp bùng nổ thành giông, thành bão. Lúc ấy giá có ai bắt gặp gương mặt chị với hai hàm răng nghiến chặt, đôi mắt "giết người" nảy những tia lửa giận dữ, đôi cánh mũi phập phồng, hai má như bạnh ra, chắc người ấy phải hoảng hốt "cao chạy xa bay".

Có một lần, có nhẽ đấy là lần duy nhất sau cái buổi chiều chập choạng sống với Lê Hân trong phòng tắm ở biệt thự riêng biệt trên bãi biển Đồ Sơn, chị chứng kiến cảnh chồng chị đang quất quít một cô y tá không có một mảnh vải trên người như chị lúc ấy... giữa một khu rừng im vắng, chung quanh cây cối bao bọc che kín họ. Rừng đang sẫm lại nổi lên như một màu tím than. Thỉnh không thỉnh thoảng dội lên mấy tiếng con cuốc gọi bầy, con nai "tác" tìm bạn... Lúc ấy chị đã vùng dậy xông vào hai người, hai hàm răng nghiến ken két át cả tiếng cuốc, tiếng nai và với con dao nhọn trong tay chị đã kết thúc cuộc đời anh, còn cái "con đĩ" kia thì lại "sổng" mất. Giật mình tỉnh dậy, chị ngồi thừ, mệt nhoài, mồ hôi vã ra như tắm.

Chị sợ quá cái cơn mơ đầy tội lỗi ấy và đặc biệt không dám bộc bạch với ai, ngay cả với Lê Hân. Nhiều lần chị không giấu giếm với Tâm rằng chị rất ghen.

– Anh nhớ rằng so với em, Hoạn Thư không là cái gì cả.

Ấy là lần hai người đi tàu điện, khi cái tín hiệu quen thuộc "leng keng" báo hiệu tàu sắp lăn bánh nổi lên, một cô gái đuổi theo, anh vội đưa tay ra cho cô kịp nắm và đu lên. Lần ấy chị giận anh và tuyên bố một câu "xanh rờn" như thế sau ba ngày không nói với nhau câu nào, thậm chí không nhìn nhau.

Anh không thanh minh, không trả lời, thậm chí không hé răng nói lại câu nào. Im lặng, anh cắm cúi vào đống sách của anh.

Sau này có dịp hồi tưởng lại, chị ân hận và trong một đêm chị đã thốt lên lời tâm sự với chính mình: *Người phụ nữ nào chẳng ích kỷ, chẳng muốn biến chồng thành nô lệ, thành vật sở hữu của mình.*

Chị mỉm cười chua chát về câu "triết lý" ấy. Nhưng chị không kịp nghĩ rằng điều ấy là nguyên nhân dẫn đến sự ngoại tình ngày

càng gia tăng của cánh đàn ông: "Càng kìm nén, các đức ông chồng càng dày dặn kinh nghiệm về cái món ngoại tình".

Hồi ấy, khi Kỷ giã từ vợ người bạn mình lên đường, chị đã cố tình quên đi cái bánh xà phòng cao cấp Thiên Hoa. Kỷ phân vân, mấy lần mấp máy môi định nhắc lại, lại thấy ngường ngượng.

Sau này, vào một đêm trên đường hành quân, cánh lính chụm đầu lại bên một đống lửa chống rét, họ trêu các cô cứu thương về cái tính hay ghen của đàn bà, anh mới sực nhớ, khi ở nhà Thức, anh đã thốt ra một câu đùa thật dại dột, một câu trêu chọc vớ vẩn tưởng vô thưởng, vô phạt phải trả giá bằng một bánh xà phòng thơm đến "lịm người".

Khi giao lại toàn bộ số quà của Thức gửi cho Tâm, Kỷ nói vui:

– Không thiếu một thứ gì nhé. Tớ là chuyên gia liêm khiết...

Tâm đọc thư vợ xong, mỉm cười, nói:

– Còn thiếu.

– Thiếu gì nữa? Kỷ giãy nảy lên, xông lại chỗ để quà, tách bạch ra từng thứ và xướng lên: một này, hai này...

Tâm cười định không nói, nhưng Kỷ cứ gặng mãi và đòi thưởng cho cái công của mình.

– Thưởng đây, chia đôi...

Tâm cũng ngượng nghịu đùa lại:

– Còn bánh xà phòng thơm... trả đây, mình chia đôi cho... Chắc lại "tình cảm" cho một bạn khác giới nào trên đường vào rồi chứ gì.

Kỷ ngớ người rồi "à" lên một tiếng và cười toe toét:

– Đời nó là thế đấy, anh bạn ạ...

Và im lặng anh nhìn Tâm như ân hận, vừa thương cho bạn, vừa không biết những ngày qua và cả những ngày sắp tới Tâm sẽ còn bị người phụ nữ này dày vò như thế nào. Anh linh cảm một điều gì đấy qua sự bối rối của chị trong cái đêm anh từ quê ra ngồi ngoài thềm căn nhà của chị gà gật trong giấc ngủ chập chờn... Khi đèn điện bật sáng, trong nỗi reo vui của cả khu phố, anh nhìn thấy một gương mặt son phấn ngường ngượng với những nét đậm nhạt trên hai má, với mái tóc hơi rối, một bộ quần áo hơi nhàu ở một

người vẫn kỹ tính và bao trùm lên trên hết là đôi mắt đẹp, một đôi mắt quyến rũ vốn đa tình, một đôi mắt... không được thật với nỗi niềm của chính chị.

Và hôm ấy anh đã chôn chặt được điều gờn gợn trong cõi lòng và thay vào đó anh thốt lên một câu cũng hết sức chung chung như một câu đùa, một câu khuyên cho mọi thời đại...

– Tớ xin thật thà với cậu từ rày về sau không bao giờ tớ dám đùa với các bà vợ về cái món "đa tình" của các đức ông chồng nữa.

Thực tình hôm ấy Tâm không hiểu gì cả. Anh nhìn Kỷ, mặt thộn ra trông thật buồn cười, trông thật đáng thương.

5.

Đối với Loan, cái đêm mưa chạy giặc dạt vào cánh rừng gỗ tếch cùng với bác sĩ Tâm là một thử thách gay gắt trong cuộc đời người lính Trường Sơn của cô. Nỗi sợ hãi, nỗi cô đơn, cùng với cái đói cồn cào, cái rét cắt da tím ruột và bầu trời đen kịt những hạt mưa triền miên đã làm cho Loan có cảm giác mình đang bị đày xuống địa ngục. Trong đầu cô với những ý nghĩ mơ hồ chờ đón những con quỷ có cánh và nhiều răng, những chiếc răng nhọn và nhiều màu sắc khác nhau, cái cao, cái khấp khểnh dính đầy những thịt người. Loan đặt tay lên ngực và cố giữ cho con tim trầm tĩnh lại. Dường như nó đang "nhảy", đang phi như vó ngựa đường trường. Co người lại trong tấm áo mưa của bác sĩ Tâm nhường cho, Loan có cảm giác nó ngắn, thiếu trước hụt sau và điều ấy làm cho nỗi sợ của cô tăng lên. Ngây thơ như một đứa trẻ, Loan nghĩ rằng, lũ quỷ răng ngũ sắc có thể xộc vào ngoạm bất kỳ chỗ nào từ những khoảng trống do tấm vải che mưa mỏng manh vì nhỏ bé mà không kín lấp thân cô ấy.

Lần đầu tiên cô oán trách Tâm, con người cô kính phục và không ít lần cô tự thú với lòng mình tình yêu mà cô cho là hết sức sai trái đối với người bác sĩ đã có vợ ấy. Chưa bao giờ cô thấy đời đáng yêu như lúc hai người ôm quấn lấy nhau, khuôn ngực cùng hai bầu vú rắn chắc áp vào khuôn ngực trần đang buốt lạnh của anh. Cô nghe rất rõ hơi thở anh dồn dập và ấm nóng. Với linh cảm

của người con gái đang yêu, cô hiểu đấy là tín hiệu của sự xúc cảm, tín hiệu của sự rung động cộng hưởng trong tim anh. Chưa bao giờ cô có cảm giác gần gũi đến như thế hơi ấm của người con trai từ sự tiếp cận của hai khuôn mặt trong bóng tối nhòe nhạt, từ cảm giác nhồn nhột của chiếc cằm đầy râu của anh cọ vào môi cô, từ những mớ tóc lòa xòa của anh phủ xuống vừng trán cô tạo nên những rung động nhẹ nhàng, êm ái. Từ phía sau, nơi tấm lưng thon thả của cô, cô đón nhận hai bàn tay anh ve vuốt, hai bàn tay như có sức truyền cảm đặc biệt, như có tiếng nói riêng khiến cô hồi hộp, rưng rưng như mãn nguyện.

Đối với cô, anh là người con trai lý tưởng. Cô yêu anh, tình yêu thầm kín một chiều từ cái vừng trán cao như hói của những nhà bác học mà cô chỉ nhìn thấy trong các tờ họa báo nhiều màu ở nước ngoài, cho đến cái tính trầm lặng đến lỳ lợm đã gây cho anh biết bao tai họa. Không ít người trong đơn vị đã trêu cười, giễu cợt anh, họ nói không giấu giếm, không úp mở rằng anh lẩm cẩm, anh bị "mát"... Ngược lại đối với cô anh là một thanh niên có bản lĩnh, có chí hướng khoa học rõ rệt. Loan rất sợ, đúng ra, cô rất khinh bỉ những anh con trai cằm mới "ngo ngoe" vài sợ râu mà đã có "chí hướng" làm quan. Đối với cô không gì thấp hèn bằng những anh con trai chỉ mơ ước địa vị, quyền lực

Một lần nào đấy, Tâm nói với Loan, khoa học luôn luôn là ngọn cờ tiên phong thúc đẩy sự tiến hóa của loài người – có thể anh sai, nhưng nghĩ sao anh nói vậy, theo anh khoa học luôn luôn là nền tảng của các mối quan hệ xã hội, sự phát triển khoa học luôn kèm theo, đúng ra là dẫn dắt sự phát triển của các cơ sở hạ tầng kiến trúc, nó quyết định hình thái ý thức xã hội. Từ xã hội phong kiến, loài người không thể tiến lên chủ nghĩa tư bản bằng những công cụ lao động đơn sơ như chiếc cày chìa vôi ở ta được mà phải trên cơ sở của máy hơi nước, của quá trình sản xuất dây chuyền Taylo.

Hôm ấy Loan còn nhớ nhiều người nhao nhao bao vây lấy anh, bài xích và quy chụp anh. Chính trị viên Nguyễn Dậu dồn anh đến chân tường:

– Vậy anh hãy trả lời cho chúng tôi, nền tảng của chủ nghĩa tư bản và nền tảng của chủ nghĩa xã hội khác nhau chỗ nào? Và

cậu hãy lý giải cho tớ sự khác nhau giữa xã hội chúng ta và xã hội tư bản? Cậu có công nhận xã hội chúng ta đang sống là một bước phát triển so với chủ nghĩa tư bản.

– Chúng ta đang làm một công việc rất buồn cười, là để tạo màu xanh chúng ta lại dùng mực phết lên trên các ngọn cây trong khi đáng nhẽ chúng ta phải bón phân, tưới nước và chờ thời gian để cho cây xum xuê xanh tốt... Chúng ta quá chú ý đến thượng tầng mà coi nhẹ phát triển hạ tầng. Dù có ra sức tổ chức lại sản xuất thế nào đi chăng nữa, hiện nay lực lượng sản xuất của chúng ta vẫn là giai đoạn của cái cày chìa vôi, chúng ta thua các nước phát triển hàng một, hai thế kỷ.

– Đây đúng là luận điểm của bọn xét lại, bọn chống chủ nghĩa xã hội, cần phê phán, cần phải vạch mặt... Quân đội chúng ta không thể dung nạp những tư tưởng của cậu được, không dung được những kẻ có quan điểm mơ hồ, thiếu lập trường như cậu được.

Dẫu biết rằng đây chỉ là một cuộc tranh luận vớ vẩn của cánh lính, nhưng không hiểu sao Loan vẫn lo sợ, cô chằm chặp nhìn bác sĩ Tâm. Nhưng cô cũng ngạc nhiên khi không bắt gặp trên gương mặt anh một nỗi hoảng hốt hay căm giận nào. Anh vẫn như thế, bình tĩnh, tự tin. Đúng ra toàn bộ gương mặt toát lên vẻ lỳ lợm phớt đời.

Về mặt này, cô nghĩ Tâm quá ngây thơ, sự thật thà của anh nói với cô rằng anh chỉ có thể là một nhà khoa học tự nhiên đơn thuần, và chỉ thế thôi, anh tiếp cận với chân lý từ khoa học và trong ý thức của mình luôn lấy khoa học làm thước đo cho mọi chiều của cuộc sống. Cái sự thiên lệch này trong tư duy không phải không gây cho anh những chỗ hẫng trong cuộc sống.

Có nhẽ đây là một trong những nguyên nhân khiến cho đến bây giờ, anh vẫn là người ngoài Đảng. Thậm chí, trong nhận xét mang tính nội bộ của lãnh đạo, Tâm còn là một quần chúng thoái hóa, kiêu căng ngạo mạn và ý thức tổ chức kém... Có lúc cô nghĩ, dường như không ít vị lãnh đạo cho rằng Tâm tuy không phải là kẻ thù của giai cấp nhưng chắc chắn không hoàn toàn là người của cách mạng.

Một lần nào đấy sư trưởng Mạnh đến thăm Trạm quân y của anh, và đặt câu hỏi cho chính ủy trung đoàn tại sao cho đến nay bác sĩ Tâm vẫn chưa được kết nạp Đảng. Tổ chức đã cho ông xem toàn bộ những nhận định, đánh giá của đa số lãnh đạo Đảng về anh: Đấy là một con người chỉ biết có chuyên môn, mơ hồ trong quan điểm, lập trường giai cấp thiếu kiên định, xem nhẹ (coi thường) vai trò lãnh đạo của chính trị, hiểu biết một cách nông cạn về chủ nghĩa xã hội.

Sư trưởng Mạnh lắng nghe không bỏ sót ý nào, lời nào. Chính ủy trung đoàn cùng các cán bộ chính trị ai nấy đều nghĩ rằng chính họ đều đã giải tỏa được mối quan tâm của sư trưởng về người bác sĩ mà ông vốn mang ơn. Họ không biết rằng cái thói quen chăm chú và không bao giờ cắt lời ai là một đặc điểm trong tính cách mà đối phương khi tranh luận với ông đã nhầm. Bằng những cái gật đầu đồng tình ấy, bằng đôi mày cau lại ấy, ông đã dẫn người đối thoại với mình bộc bạch tất cả chỗ mạnh cũng như chỗ yếu để sau cùng ông chỉ nhẹ nhàng hỏi lại một vài điều, những điều ấy thường nằm trong những khâu yếu nhất trong lập luận của đối phương ông đối thoại.

Riêng trường hợp bác sĩ Tâm, sư trưởng chỉ hỏi:

– Theo các đồng chí, ta nên chuyển bác sĩ Tâm về hậu phương?

– Thưa sư trưởng, chúng tôi có ý định như thế ạ.

– Y sĩ Dậu có thể thay được bác sĩ Tâm chưa?

– Báo cáo sư trưởng, chúng tôi đang bồi dưỡng chuyên môn cho đồng chí Dậu. Trong tương lai, chúng tôi có ý định thay bác sĩ Tâm. Xét về mặt quan điểm chính trị, đồng chí Dậu là một cán bộ có năng lực, lập trường kiên định, ý thức tổ chức kỷ luật tốt. Nhiều lần chúng tôi động viên đồng chí ấy phấn đấu thêm phần chuyên môn. Ý định chúng tôi sẽ cho đồng chí ấy ra "bổ túc" cho có cái bằng bác sĩ.

– Với lập trường, quan điểm rõ ràng ấy đã giúp đồng chí Dậu mổ thành công, dù là một ca mổ đơn giản nào chưa?

– Dạ báo cáo thủ trưởng, đồng chí ấy còn rụt rè lắm ạ. Những người khiêm tốn bao giờ cũng rụt rè như thế.

– Một y sĩ, chưa phụ trách ca mổ nào, lại đã vội vã đưa lên thay thế một bác sĩ đã mổ hàng trăm ca, hàng nghìn ca từ đơn giản đến phức tạp?

– Báo cáo sư trưởng, nhưng tử vong cũng nhiều lắm ạ. Qua đấy chứng tỏ chuyên môn của bác sĩ Tâm còn quá non yếu.

– Bác sĩ của tôi nói với tôi bằng một giọng xúc động rằng, đồng chí Tâm là một bác sĩ phẫu thuật tuyệt vời. Từ khi chẩn đoán đến khi gắp viên bi ở khoang bụng tôi ra chỉ trong vòng hai tiếng. Chuyên môn họ nhận định bác sĩ Tâm như thế, còn các anh thì đánh giá ngược lại. Tôi tin ai bây giờ? Các đồng chí quên mất tính khách quan của người làm công tác chính trị, điều ấy dẫn các đồng chí đi theo kiểu người đi đường ở đồng bằng, cứ các lối mòn quen thuộc mà theo, không hề biết nghĩ cần theo con đường nào của những anh trinh sát, những anh tìm trầm. Nhiều khi phải biết tránh, phải biết xóa trong tư duy của mình những nếp mòn, phải biết tìm những con đường "gai góc" để dẫn đến một quan điểm, một nhận định, một đánh giá khác về con người, điều quan trọng là đúng thực chất của nó. Kinh nghiệm đã dạy cho tôi, những anh "gai góc", những anh "mình không ưa" thường là những anh có tài năng. Phải biết căm ghét chính mình về cái tính thích xun xoe, thích ca ngợi, thích nịnh, cái tính rất "người" ấy nguy hiểm lắm. Phải tập uống mật gấu, nên bỏ thói quen dùng đường hóa học. Không phải tôi "lên lớp" dạy đời các đồng chí đâu. Nhưng đời đã dạy tôi như thế khi tôi còn ở tuổi và cương vị như các đồng chí hôm nay.

Dừng lại một lúc như cảm thấy mình hơi quá lời, sư trưởng nhẹ nhàng trở lại, cũng trong mạch suy tư của mình.

– Các đồng chí nghĩ lại xem, trong đơn vị các đồng chí có bao nhiêu nhà chính trị kiểu y sĩ Nguyễn Dậu và có bao nhiêu bác sĩ từng mổ hàng mười tiếng liền như bác sĩ Tâm? Sự lệch lạc về cách nhìn nhận và đánh giá con người theo cảm tính chủ quan thế này, chắc chắn một ngày nào đó, chúng ta phải lãnh đủ cái hậu quả của nó – tôi muốn nói đất nước của chúng ta ấy.

Những nhà chính trị chân chính bao giờ cũng biết tôn trọng khoa học, tôn trọng chuyên môn. Không phải ngẫu nhiên mà Lênin, trong những ngày trứng nước của nước Nga cách mạng dám mời

những chuyên gia tư bản vào xây dựng chủ nghĩa xã hội... Cái sai lầm thuộc bản chất của chúng ta là lúc nào cũng vỗ ngực tự cho mình là "thống soái".

Sau cùng, trước khi chia tay lên đường đi vào chiến trường, sư trưởng Mạnh nói một câu khôi hài, nhưng Loan nghe rất rõ bên trong nỗi chua chát, đắng cay của chính ông:

– Đất nước này khốn nỗi, nhiều "thống soái" quá.

Điều ông nói ấy, mãi nhiều năm sau này mới hiểu được, mới vỡ nhẽ ra... Hồi ấy, không ít người nghĩ rằng ông gàn rở, cậy mình là một vị tướng, một tư lệnh đầy quyền lực, muốn nói sao thì nói, loại u[1] không có được khứu giác của những tay cơ hội như bác sĩ Tâm chắc chắn không bị tống giam, cũng bị lột hết lon.

Ngược lại, bác sĩ Tâm cho rằng ông là một loại trí thức tầm cỡ, loại người thực tiễn, luôn luôn trăn trở, dám phủ nhận mình. Rất may mắn cho đất nước này còn có những người kiểu sư trưởng. Nhưng Tâm cảm thấy qua nhiều nguồn tin dường như ông đang bị cô lập, đang là số ít. Có phải vì thế không Tâm không rõ, nhưng chẳng bao lâu sau, ông phải chuyển đi một đơn vị khác, chức vụ thì cao hơn, nhưng quyền lực thì ít hơn.

– Tội quá anh nhỉ! Loan nói như tâm sự, nhưng giọng bàng hoàng hệt một lời kêu oan; dường như cô chưa tin cái điều Tâm nói mặc dù cô chưa một lần hoài nghi cái tính chân thật của anh.

Đấy là một buổi mai u ám trong những cơn mưa day dứt của Trường Sơn, cô dáo dác đi tìm anh sau một đêm cô đơn, một mình với chiếc áo mưa của anh để lại, đầy những nỗi kinh hoàng... Và cô đã gần như không thể nào tin được đôi mắt của chính mình khi bắt gặp anh khoanh tròn trong một bộng cây, nửa tấm lưng trần phơi ra ngoài, mặt đỏ bừng, môi khô cứng: anh đang trong cơn sốt!

Rối rít, vật vã, cả một lúc sau cô mới đặt anh lên lưng mình, cõng về chỗ tấm tăng, nơi cô đã phập phồng than trách, oán giận anh gần suốt đêm. Lúc đầu cô nghĩ anh sốt rét, nhưng sau cô phát hiện ra anh bị cảm lạnh và viêm họng nặng. Cả hai thứ bệnh ấy,

---

1. Úy.

đối với cô đều nan giải, vì cô không có trong tay một viên ký ninh hay một lọ pênixilin nào.

Cô lúng túng mãi không biết làm cách nào cho anh hạ được cơn sốt. Người trong cơn sốt bao giờ cũng rét. Lúc đầu cô định ôm lấy anh, ấp ủ anh, truyền hơi ấm của chính mình cho anh, nhưng sau cô đành phải cởi chiếc áo của mình đang mặc, khó nhọc đỡ anh ngồi nghiêng dậy, mặc vào. Đấy cũng là chiếc áo mà anh đã cởi ra và bắt cô phải thay chiều qua, để anh phải ở trần và chịu suốt một đêm mưa tầm tã của Trường Sơn. Sức nào chịu nổi! Vừa trách anh cô lại thấy như mình tàn nhẫn.

Trong muôn ngàn nỗi lo sợ và bối rối ấy, bỗng nhiên cô giật mình, khi nhìn lại mình và mặt đỏ dừ vì ngượng với chính mình. Cái xu chiêng thì rách tả tơi, da thịt trắng hếu thế này trông thật khó coi hết mức. cô có cảm giác dường như có đôi mắt nào ẩn kín đâu đây đang hau háu như muốn nuốt lấy tấm thân trần của cô. Sợ hãi, cô nhìn quanh, tìm kiếm, soi mói vào các gốc cây, các bụi gai,vào những bóng tối ẩn hiện trên những con dốc... Vội vàng cô kéo chiếc áo ướt của mình đang treo trên một sợi dây dưới tấm tăng... Nhưng cô rùng mình và, cảm giác lạnh buốt chạy xuyên suốt sống lưng, cô đành trả nó về cái sợi dây rừng ấy.

Mắt anh vẫn nhắm nghiền! Cái điều ấy vừa làm cô mừng lại vừa day dứt trong cô nỗi lo sợ. Cô hiểu rằng, ngay cả anh cũng không nhìn thấy cô trong cái bức chân dung kiểu này, một bức chân dung thật xót xa, thật khổ tâm và đáng xấu hổ. Nhưng cơn sợ thật thà ấy qua đi, lòng cô cồn lên nỗi lo anh không qua khỏi, cơn sốt cảm lạnh sẽ cướp chính anh trên tay cô. Cái chết công bằng và sòng phẳng với mọi người không kể đấy là kẻ giết người hay vị bác sĩ cứu người.

Loan ngồi lịm đi bên anh như không còn biết gì, tay vẫn ấp trên vừng trán anh. Cái cảm giác xấu hổ dường như tan biến đi, trong cô bây giờ chỉ còn lại nỗi lo làm sao anh qua được trong cơn tai biến này, để cả hai lần mò tìm về đơn vị. Đầu óc cô bây giờ ngập tràn tiếng kêu cấp cứu, dường như cô nghe cả tiếng rú như tiếng còi báo động của xe hồng thập tự. Cô không thể nào hiểu được rằng cô sẽ ra sao nếu cơn bệnh cướp đi hơi thở cuối cùng của anh và

người đào huyệt cho anh lại chính là cô! Như một cơn ớn lạnh đột biến, cô rùng mình và nước mắt trào ra...

Bằng một thứ phản xạ tự nhiên, cô lăn trở tuột chiếc quần đùi ướt của anh ra và khó nhọc thay vào cho anh chiếc quần dài của chính anh mà cô đã mặc suốt đêm qua. Cô tự an ủi mình khi nhìn vào hai bắp đùi trắng lốp rồi liếc nhìn vào gương mặt bất động của anh với đôi mắt đang nhắm nghiền, cầu mong cho anh tai qua nạn khỏi.

Cô ngồi lặng đi, tựa một bức tượng, duy chỉ còn đôi mắt là có hồn, đôi mắt đang mở to như bàng hoàng vừa xấu hổ với cảm giác luôn luôn xâm nhập vào tâm hồn cô như sự xâm nhập của những cơn sóng xô nhau vào bờ, vừa mang tâm trạng sợ hãi mình sẽ là người đào huyệt chôn chính người con trai mà nhiều lần cô không dằn nỗi tình cảm sâu nặng của mình.

Chốc chốc cô lại đặt bàn tay cô từ trán anh qua hai bên má nơi hai đuôi mắt, bàn tay ấy lại lần xuống cổ, xuống ngực. Với vốn chuyên môn ít ỏi, cô lắng nghe tiếng dội lại từ bàn tay cô hai lá phổi anh đang mệt mỏi, đang đau đớn trong cơn sốt đòi cứu cấp. Cô hiểu rằng cơn sốt đang ngày một gia tăng. Mấy lần cô hỏi, những mong nhận được ở anh tín hiệu gì của sự sống, nhưng cô cảm giác cái tín hiệu mà cô hy vọng ấy sẽ không bao giờ được đáp lại nữa. Đôi môi anh khô nẻ và cứng lại.

Cơn sốt đã làm hơi thở anh càng lúc càng khó nhọc, hơi thở khò khè nặng nề như con mèo hen. Cái triệu chứng lâm sàng này cô biết chẳng bao lâu cơn bệnh sẽ giết chết anh. Bấy giờ cô khóc thành tiếng, những giọt nước mắt oán trách và thương xót lăn tràn xuống khuôn ngực trần của cô. Cô cảm nhận từng giọt ấm nóng ấy trên làn da mình...

Giá anh đừng câu nệ, anh nằm đây với cô, cơn mưa quái ác Trường Sơn chắc chưa quật đổ anh thế này. Khi hai người ôm nhau trong nỗi mừng anh còn sống và cô không cô đơn nữa, cô đã nghĩ rằng, cô sẽ giữ lại anh trong đêm ấy... Nếu không giữ được mình, thì dù có phải mất mát cô vẫn không ân hận. Nhưng anh đã không chấp nhận, đã vội vã chạy đi để phải trả cái giá như thế này, cái giá quá chua chát, một cái giá quá đắt, cái giá ấy không phải chỉ

anh phải trả mà còn có cả cô nữa bởi nhẽ bây giờ cô đang trong cơn đau đớn đến tột cùng...

Rừng vẫn trắng những cơn mưa. Tiếng mưa khó chịu rền rĩ như một kẻ hận đời. Những ngọn cây no nê nước và mặt đất ẩm ướt đến não nùng. Chưa tìm thấy một tia hy vọng nào, bầu trời sẽ tạnh mưa và mặt đất trở nên khô ráo.

Làm sao dìu được anh tìm về đến đơn vị. Không thể nào cứu anh khỏi chết nếu với hai bàn tay không thế này. Và đơn vị có còn quy hợp về cánh rừng lim cạnh con suối Sêrêpốc ấy nữa hay không? Cuộc tập kích bất ngờ của bọn 22[1] vào giữa mùa mưa đã đảo lộn mọi dự kiến "hòa bình" mà mùa mưa Trường Sơn chính là trọng tài. Cả đơn vị đang bước vào cuộc chỉnh huấn rèn giũa tư tưởng để mỗi người tăng thêm lập trường giai cấp và ý chí chiến đấu. Kể cả ban tham mưu, ban tác chiến và các thủ trưởng đơn vị không ai nghĩ bọn địch lại có thể quấy đảo đối phương ngay cả giữa mùa mưa. Cả đơn vị tán loạn mạnh ai nấy chạy như gà chạy cáo.

Nguyễn Dậu mang ba lô và xà cột chạy re ngay từ đầu. Trước khi chạy, anh còn kịp dặn lại mọi người rằng anh phải lo bảo vệ những tài liệu quan trọng của chi bộ. Bác sĩ Tâm, Loan và mấy anh chị em y tá cứu thương lo di tản thương binh. Mãi sau này, khi mọi người đã chạy hết và cả Trạm quân y nằm trong tầm đạn AR15 của kẻ địch, lúc ấy Loan buộc phải nắm tay bác sĩ Tâm vòng ngã sau, băng qua con suối Sêpêrôc nhờ một cây lim đổ chắn ngang mà dòng nước chưa đủ sức cuốn đi. Anh dùng dằng, dường như đang loay hoay tìm một cái gì đấy rất quan trọng, sau này Loan mới vỡ nhẽ đấy là những cuốn sách về y học giải phẫu một người bạn mới mang từ Hà Nội vào.

Bạn bè của cô, đồng đội của cô chắc an toàn, còn anh và Loan, hai người đã chạy vắt chân lên cổ, chạy đến độ thở không ra hơi nữa... Và họ, đã thoát khỏi tầm đạn của kẻ thù... Cả hai chưa kịp mừng, không ngờ anh lại "đổ". Khi một người con trai thân yêu thứ hai của cô không còn nữa, cô sẽ sống ra sao trên cõi đời này?

---

1. Một sư đoàn ngụy.

Hồi ấy, hiểu được mối quan hệ thân tình, tuy chưa một lời hứa hẹn, nhưng cả hai – Loan và người thanh niên kia – dường như đều nghĩ rằng, sau chiến tranh họ sẽ sống với nhau trong mối quan hệ mới của tình cảm sâu sắc hơn, tình yêu vợ chồng, Tâm đã rơm rớm nước mắt. Anh nói rằng, không ngờ anh đã làm khổ cuộc đời cô. Anh cứ lặp đi, lặp lại giá hồi ấy... Giá hồi ấy anh không run tay... Giá hồi ấy anh giữ được bình tĩnh, anh đã giữ được Hiệp cho Loan.

Nhìn gương mặt anh đau khổ, cô khuyên anh đừng buồn, dù sao thì anh cũng không có lỗi gì trong cái chết của người yêu cô. Bác sĩ Tâm im lặng, nhìn cô gái đáng thương. Lúc đầu anh định im lặng, gợi lại những điều đau buồn cho một cô gái hoàn toàn không có ích gì, ngược lại chỉ nhân nỗi đau lên nhiều lần, nhưng khi anh bắt gặp ở cô đôi mắt ngấn lệ, trên gương mặt đau đớn đến xót xa, thì anh không dừng được nữa. Anh nói như một lời thú tội, như một sự hứa hẹn trừng phạt mình.

– Người bác sĩ phẫu thuật, khi rút con dao mổ ra, thương binh tắt thở, anh ta không còn là bác sĩ nữa mà đã trở thành tên đao phủ, tên đồ tể.

– Người ta nói với em, khi lên bàn mổ, anh Hiệp đã hôn mê.

– Đấy là những nhận xét của những người không có chuyên môn.

– Thôi anh ạ, dù sao anh Hiệp cũng đã qua đời rồi. Anh có dằn vặt mình bao nhiêu đi nữa cũng không làm cho anh ấy sống lại, chỉ tự anh làm khổ anh thôi, điều ấy em không muốn một tí nào hết, mặc dù trong tình cảm, em mất mát nhiều hơn anh và vì thế em biết anh chịu nỗi đau khổ hơn tất cả mọi người.

– Dù em có tha thứ cho anh, thì lương tâm anh cũng không tha thứ cho người thầy thuốc, chắc chắn nỗi ân hận sẽ theo anh, dày vò anh dai dẳng trong nhiều năm nữa. Em biết đấy, tình thương trong những trường hợp đối với người quá cố sẽ nhạt dần theo thời gian, nhưng còn nỗi ân hận mình giết chết một con người đáng nhẽ được cứu sống, được hạnh phúc theo ngày tháng sẽ tăng dần lên theo cấp số nhân.

Càng hồi tưởng, những giọt nước mắt của cô gái càng lăn nhanh và sau cùng nó chảy thành hai dòng, tuôn xuống hai bên cánh mũi

đang phập phồng, nhỏ thánh thót xuống khuôn ngực cô. Mãi một hồi sau, dường như không còn nước mắt để khóc Loan mệt lử và đầu gục xuống vai anh, nhưng cũng chính lúc ấy cô vùng đứng dậy, mặc vội bộ quần áo ướt của mình và lao ra ngoài.

Một lần nào đấy trên đường hành quân, một người giao liên có hái cho cô một loại cúc rừng, lá và cây, cả hoa nữa giống hệt loại cúc ở đồng bằng, nhưng thân lại có gai, thường mọc quanh các cây giá tị. Ông dặn, nếu có viêm họng, có cảm lạnh, nhổ rễ, nhai và nuốt lấy nước, sẽ khỏi. Từ ngày ấy chưa lần nào cô có dịp kiểm nghiệm môn thuốc gia truyền của ông. Thời gian và công việc bề bộn cứ lấp dần trong trí nhớ cô hình ảnh người giao liên đã có tuổi ấy. Không hiểu sao, hôm nay ai xui khiến mà hình ảnh ông lại trở về trong tâm trí cô rõ nét, như ông đang đứng trước cô, tấm lưng cong cong, khuôn mặt khắc khổ và đôi mắt mở rộng lúc nào cũng như ngạc nhiên, như ngỡ ngàng và luôn muốn tìm hiểu những điều bí ẩn của rừng. Một lần khi nhai một thứ lá khọ nưa, loại lá dài như lá tre, có mùi vị như lá khế để dịt vào chỗ rắn cắn cho một người cán bộ B2, ông nói với cô:

– Rừng là một kho thuốc, cháu ạ không thiếu thứ gì đâu, có loại trị được bệnh sốt rét kinh niên, bệnh kiết ly, bệnh phong, bệnh lao và rất nhiều thứ bệnh khác nữa. Chú tin rằng sau chiến tranh, chú sẽ làm được một điều gì đấy cho những người bệnh.

Càng nói mắt ông càng sáng ra, hồi ấy ông đã truyền sang cho Loan một niềm tin mạnh mẽ vào khả năng y học của những cánh rừng nhiệt đới. Cô có xin ông ghi vào sổ tay mình một số vị thuốc, nhưng rồi cuốn sổ tay quý giá ấy cũng đã thất lạc sau nhiều lần chạy giặc, sau nhiều lần di chuyển và ông, sau đấy không lâu, ông cũng đã anh dũng hy sinh trên đường đưa cán bộ vào chiến trường...

Mưa bủa vây lấy cô, những trận mưa như chờ tới lúc cô chạy ra khỏi tấm tăng là ào đến, trút nước xối xả. Chỉ nhoáng sau, đầu tóc, quần áo đã sũng nước, cô đưa tay vuốt mặt không kịp. Cô cứ chạy, đầu cứ lao vào các gốc cây giá tị giống như một người sốt rét ác tính đang lên cơn động kinh. Và may mắn, cuối cùng cô cũng đã tìm được mấy bụi cúc rừng như cô mơ ước.

Khi trở về được tấm tăng, cơn lạnh đã làm cô run bắn người, môi tím ngắt, mặt xanh lét. Vội vàng cô cởi bộ quần áo ra, cố vắt cho thật ráo, phơi trên sợi dây rừng dưới tấm tăng, vừa chạy tại chỗ cho người nóng lại vừa nhai mớ rễ cúc rừng đã được rửa sạch bằng nước mưa. Đoạn cô quỳ xuống mớm cho anh, hệt như con chim mẹ mớm cho con chim con hay con bồ câu trống truyền thức ăn cho con bồ câu mái. Từng phút, từng phút, cô gái ôm lấy anh, áp chặt đôi môi mình vào môi anh, bón cho anh từng giọt, từng giọt. Cô làm công việc ấy cẩn thận và tỉ mỉ như một người thợ kim hoàn và tận tình như một người vợ đối với một người chồng mà mình tôn thờ. Mỗi lần, từ đôi môi cô són ra một giọt nước đăng đắng lọt qua cặp môi khô khốc của anh, chạy dần qua cuống họng người bệnh, cô cảm thấy như vợi đi một nỗi lo hãi với hy vọng anh sẽ giảm cơn sốt, sẽ không bỏ cô giữa rừng này một mình.

Bằng cảm giác, gần hai tiếng đồng hồ sau, cô bắt đầu nhận ra cặp môi anh, mềm mại hơn, dường như bắt đầu cử động được và cơn sốt có thuyên giảm qua gương mặt anh như có "máu" trở lại, ấm hơn. Mãi đến lúc ấy cô mới dừng lại và nhận thấy đôi mắt mình đang nhòe nước.

Phun cuộn rễ cây cúc rừng đã được đôi hàm răng trẻ trung nghiền nát như bột ra ngoài, Loan ôm ghì lấy anh, hôn tới tấp lên má, lên môi, lên mũi, lên trán anh như kiểu người mẹ nựng con, lúc ấy cô hoàn toàn không nghĩ rằng cô khỏa thân trước anh.

– Anh sống rồi! Anh sống rồi! Ôi, em không cô đơn nữa! Em không phải là người đào huyệt chôn anh nữa! Ôi, em sung sướng quá, em mừng quá! Chú Năm giao liên ơi! Chú đã cứu sống một người bác sĩ trẻ trung và trung trực, nơi suối vàng chú có biết không?

Loan nói hết câu này sang câu khác, dường như anh đã tỉnh dậy, đang nghe nỗi niềm của cô, đang nghe niềm vui reo chính trong tâm hồn cô.

Đã có lần, cô nghĩ, trong nỗi tuyệt vọng, giá Trời bắt anh từ giã cõi đời, cô buộc sẽ là người đào huyệt chôn anh, cô sẽ đào huyệt gấp đôi, và với tấm vải nhựa, với tấm tăng ấy, cô sẽ quấn chặt hai người lại, sẽ nằm bên anh và chết cùng anh. Cô chỉ một hy vọng,

mai đây, một ai đấy nhìn thấy, họ lấp đất hộ xuống cho cô. Cô chỉ sợ con thú dữ nào đấy kéo cô rời khỏi anh...

Nhiều năm sau này, hồi tưởng lại những giờ phút ấy, cô vẫn còn hồi hộp, những rung động thật sự từ chính con tim cô vẫn còn sôi lên, vẫn hừng hực ngọn lửa của tình yêu mãnh liệt.

... Hồi ấy, khi cô quờ lấy bộ quần áo ướt vắt trên sợi dây rừng anh giữ tay cô lại, khó nhọc nói:

– Lại viêm phổi nữa đấy, em ạ.

Nghe tiếng anh run run, từ lồng ngực đang phập phồng, không hiểu sao cô cảm thấy, như cùng một lúc, mọi cảm xúc trào ra, nỗi mừng rỡ như cảm giác chính cô đã lôi được anh từ âm phủ, từ nơi cái huyệt do chính cô đào mang lên trần thế, và lòng thương mênh mông, tình thương không bến bờ choáng ngập tâm hồn cô. Chính vào lúc ấy cô mở tấm vải nhựa mà trước đây cô đã quấn chặt cho anh, nằm xuống bên anh, ôm chặt lấy anh, quấn lại tấm áo mưa, mọi cử chỉ, mọi việc làm dường như chỉ nhằm một mục đích: giữ anh lại, không cho anh xa cô, không để anh vĩnh viễn ra "đi" bỏ cô lại một mình trong cô đơn giữa rừng.

Hồi ấy, cô đã hôn anh không biết chán và cô cũng đã nhận được từ đôi môi đã nhuần nhị trở lại của anh những nụ hôn nồng nàn. Sau này, một lần nào đấy, anh thú nhận với cô rằng, cô có một khuôn ngực tuyệt diệu, anh ngần ngại mãi không dám đặt đôi môi vào vì cứ sợ đôi môi mình làm mất đi cái vẻ thanh cao, làm thay đổi các đường cong mềm mại, hài hòa ở hai bầu vú tinh khiết, cái khuôn ngực với làn da trắng ngần ấy chỉ khơi gợi ở con người lòng ham muốn tìm đến cái đẹp thuần chất, cái đẹp tự nhiên không trang điểm cái đẹp nguyên sơ không cầu kỳ, không khơi dậy dục vọng thấp hèn mà đầy những hấp dẫn thanh cao...

... Cả hai đều không nghĩ rằng, sau đó không bao lâu, họ sống với nhau như một đôi vợ chồng mới cưới, âu yếm, nồng nàn ngay trên tấm vải nhựa ở một thung lũng nằm lưng chừng giữa hai dãy núi toàn những cây lim lâu đời. Đấy là những ngày đêm lần mò tìm đường về đơn vị.

– Em, em có ân hận không hả em? Một hôm anh thành thật hỏi Loan.

Cô im lặng, trầm tư. Vẫn nằm quay mặt về phía anh, trong ráng chiều đang xuống vội, cô nhìn thấy trong đôi mắt nhòe lệ của anh một nỗi lo âu.

Cô đưa hai bàn tay, dùng cả ngón cái và ngón trỏ lau nước mắt cho anh.

– Thôi, đừng khóc nữa anh. Dù sao cũng đã trót rồi... Nhưng em không ân hận gì dâu. Em nói thật đấy, anh ạ. Điều mơ ước của em đã thành sự thật: Cứu được anh khỏi thần chết. Có khi nào anh nghĩ rằng, nếu em phải đào huyệt chôn anh thì sao không?

– Anh nghĩ, nếu không may phải nằm lại ở cánh rừng giá tị này, em sẽ sống như thế nào, sẽ cô đơn, nếu không phát điên vì sợ hãi thì tâm thần em cũng sẽ căng thẳng đến mức nào.

– Em nghĩ khác, em sẽ đào một cái huyệt gấp đôi và em sẽ dùng tấm tăng quấn cả hai chúng mình lại... Em sẽ đi cùng anh. Thật đấy, em nghĩ như thế và em cũng sẽ làm như thế... Anh xem, một người con gái như em làm sao sống được giữa đêm tối như bưng và mưa tầm tã ở một cánh rừng mênh mông với những nỗi sợ hãi ấy được. Và vì vậy, khi cứu được anh thoát nạn, nghĩa là anh còn lại bên em, em không tiếc gì với anh cả, không ân hận gì về việc đã qua. Anh nghĩ, ngay cả cái chết mà anh còn không tính đếm gì với em huống chi những chuyện quan hệ mà em biết cả hai chúng mình đều đã cố giữ nhưng đã không giữ được. Điều quan trọng là chúng mình hiểu được điều đó...

– Anh xin lỗi em, đáng lẽ anh đội ơn em thì ngược lại, anh đã làm hại cuộc đời em và bây giờ tùy em định liệu hình phạt, sao anh cũng chấp nhận miễn vớt vát được gì còn lại cho em.

– Em không hề nghĩ đây là sự lầm lạc có chủ tâm của anh, hoàn cảnh đã dẫn chúng mình vượt qua lằn ranh của mối quan hệ thầy trò, mối quan hệ đồng nghiệp. Thôi anh ạ, anh hãy vui và em cũng thế. Anh đã sống lại và đã cứu em khỏi những đêm hãi hùng như đêm của địa ngục, anh đã cứu em khỏi cái chết.

Đêm ấy, khi Loan đã ngủ, giấc ngủ nhẹ nhàng đưa cô vào những giấc mơ đẹp đẽ, tràn ngập niềm vui, thì Tâm lại thao thức... Chưa bao giờ anh thấy Loan cao đẹp như những ngày hôm nay. Cô đã vì anh mà hy sinh cả sự trinh tiết, sự trong trắng, và cao cả hơn

là hy sinh cả sự sống của chính cô ấy. Bây giờ anh nghĩ, Trường Sơn không chỉ đơn giản là những trận đánh nhau dũng cảm, sự hy sinh quên mình, sự chiến thắng một cách dễ dàng. Trường Sơn còn có những đêm dằn vặt bên người con gái đã vì anh mà quên hết tất cả, nỗi ân hận dày vò anh đến khổ sở về một nhân cách mà lâu nay anh đã cố giữ.

Lâu nay, Tâm đã nhận được ở người học trò của anh những tín hiệu khác thường từ cái nhìn ngọt ngào, từ những cử chỉ trìu mến, từ những lo toan cho số phận không may của anh, nhưng chưa bao giờ anh dám thú nhận đấy là dấu hiệu của tình yêu. Nhưng bây giờ thì anh hiểu, bây giờ thì anh công nhận.

Chưa bao giờ anh thấy thương và phục người học trò của mình như lúc này. Xoay người lại, anh ôm lấy cô, cô vẫn ngủ, hơi thở đều đặn, những sợi tóc đã khô của cô lòa xòa trên vầng trán anh, gây cho anh những cảm giác nhẹ nhàng thanh thản, và từ khuôn ngực cô, anh nghe rõ, trong đêm tĩnh mịch của rừng sau một cơn mưa, tiếng con tim cô đang đập, tiếng đập cũng rất bình thản.

Sau này, cô kể lại rằng, lúc ấy cô đang dìu anh bay lên bầu trời, lẩn vào các vì sao, ở đấy hai người hòa hợp với các vị tiên. Họ mời hai người vào những cung điện nguy nga, tráng lệ của họ, ở đấy có những món ăn tuyệt vời mà khi còn ở trần thế chưa bao giờ cô nhìn thấy. Họ bắt hai người thay những bộ quần áo màu sắc sặc sỡ, tuy hơi rộng, nhưng theo những "mốt" rất hiện đại.

Loan hoàn toàn không ngờ rằng ngay hôm sau, Tâm đã nhặt được một con khỉ... Loan nhận ra ngay chiếc vòng inốc quen thuộc nơi cổ nó. Cô nói với Tâm:

– Đây là con khỉ của một người lính, của một đồng đội đã hy sinh.

– Em dự đoán vì chiếc vòng inốc đeo ở cổ nó, hay em biết một cách chắc chắn như vậy. Có thể nó là một con vật của một cậu bé người dân tộc nào ở địa phương hay của một tên ngụy quân.

– Không...

Câu chuyện con khỉ được bắt đầu bằng cuộc hành quân cách đây chưa xa. Loan đi sau cùng đoàn người. Tình cờ do đi chệch đường, cô bắt gặp một chiến sĩ đang nằm trên võng. Mưa Trường

Sơn vốn tàn nhẫn dội nước liên miên xuống cánh rừng săng lẻ nơi anh đang trong cơn sốt rét ác tính, không một tấm vải nhựa che thân. Thỉnh thoảng, cơn sốt giật bắn anh trên chiếc võng vải màu rêu. Quần áo, mặt mày, tóc tai ướt lếp nhếp. Đôi mắt nhắm nghiền, đôi môi thâm tái khô cứng. Đôi cánh mũi phập phồng, hơi thở yếu ớt y hệt ngọn đèn dầu leo lét trước cơn gió, cô hiểu rằng nó có thể tắt bất kỳ lúc nào, cũng như anh lúc ấy, đang trong những hơi thở cuối cùng. Lúc ấy, con khỉ vẫn ngồi trên một cành cây đầu võng. Nó ngồi trong mưa, im lặng, bất động như chủ nó. Nó nhìn cô như cầu cứu. Chưa bao giờ cô bắt gặp một con vật tình cảm với chủ như thế. Trên chiếc cổ nó, tình cờ cô bắt gặp một chiếc vòng sáng, lúc bấy giờ cô không nghĩ là chiếc vòng inốc.

Loan đã đứng bên anh, tần ngần, lòng thương cảm trào dâng, cô đặt tay lên ngực mình, cảm nghe tiếng con tim như đang đứng lại, thổn thức. Người mẹ đã sinh ra anh có thể nào hình dung con mình sẽ chết cô đơn, không một người thân bên cạnh, không một hớp nước, không một viên thuốc, không một tấm áo mưa dưới những cơn mưa Trường Sơn như thế này? Nước mắt cô trải dài xuống má lúc nào cô cũng không hay. Lặng lẽ cô vuốt mắt cho anh khi biết chắc chắn rằng anh đã "ra đi", và nói lời vĩnh biệt.

– Người chết lạ lắm anh ạ, Loan nói như một phát hiện, khi tim ngừng đập, mắt họ vẫn như còn nấn ná, vẫn như còn nhìn lại cuộc đời hay họ còn muốn trối trăng điều gì với người thân, với bạn bè.

"Thôi vĩnh biệt anh!" Em nói như vỗ về "Tổ quốc sẽ ghi công ơn anh vào lịch sử chính mình".

Không hiểu tại sao lúc ấy em nói như "sách" thế em cũng không biết nữa.

Và sau lời tâm tình bột phát ấy đôi mắt anh khép lại, vĩnh viễn...

Thế là hết một cuộc đời! Em kêu trong tâm trí mình.

Em định đi nhưng không đành. Thương anh quá, và lúc ấy em đã cởi tấm áo mưa của mình đắp lên người anh với hy vọng anh sẽ đỡ lạnh, đỡ rét.

Em bước lại đầu võng định dỗ con khỉ đi về cùng em, nhưng nó đã nhảy tót lên ngọn cây săng lẻ. Em kêu, em vẫy tay, dỗ dành thế nào nó vẫn không xuống. Đôi mắt nó đỏ và nhòe nước.

Em đi một lúc và quay lại, thấy nó đã xuống chỗ chủ nó, giở tấm vải nhựa, nhìn chăm chăm vào mặt anh...

Em trở về đơn vị, người sũng nước, nhưng em không bao giờ ân hận về những gì em đã làm đối với người chiến sĩ mà em chưa biết đến, thậm chí chưa một lần gặp ấy, cũng như mấy đêm qua, em đã sống bên anh như sống bên một người chồng mà em tôn kính.

Cái tấm vải mưa mà chiều hôm chạy giặc anh hỏi tại sao em không mang theo ấy đã nằm lại trên chiếc võng cùng với người đồng đội của chúng mình. Có phải tấm áo mưa ấy là nguyên nhân dẫn chúng mình vượt qua ranh giới đồng nghiệp, ranh giới thầy trò...

Thôi đừng buồn nữa anh ạ. Chỉ có cái chết là không làm lại được thôi, chúng ta còn đủ thì giờ để suy nghĩ và nhận tội, chúng ta còn đủ thì giờ để làm những điều tốt đẹp hơn, có ích cho cuộc sống, có ích cho mọi người. Cách chuộc tội ấy chắc chắn sẽ làm anh đỡ đau khổ, đỡ day dứt và lương tâm đỡ dày vò hơn.

6.

Hơn một tuần sau đơn vị mới thu quân về với con số gần đủ ở một cánh rừng gỗ tạp cách nơi trú quân trước đây trên mười cây số về phía Tây nam con suối Sêrêpốc. Chín người đã hy sinh không tìm được xác. Mất tích bốn người và bị thương bảy. Trong số bảy thương binh có bác sĩ Nguyễn Dậu, (Dậu đã ra Bắc theo lớp chuyên tu ở Thái Bình).

Nhiều lần Dậu kêu gào, đòi ban chỉ huy trung đoàn chuyển gấp anh ra tuyến ngoài, nếu không, chắc chắn anh sẽ chết. Là một người lính lâu năm, anh quên rằng mình đang sống giữa những cơn mưa không dứt của Trường Sơn: Những con đường nhầy nhụa. Những con dốc trơn như đổ mỡ, leo lên tụt xuống, không ít người do yêu cầu công tác đã bị lăn từ trên dốc xuống dưới dốc, không kìm giữ nổi. Có những con dốc cao hàng cây số. Và điều lo ngại nhất của cánh lính là những con suối, với mùa khô nó hiền hòa khiêm nhường

bao nhiêu thì mùa mưa nó dữ dội, ác hiểm bấy nhiêu. Nó đã cuốn không biết bao nhiêu chiến sĩ của ta vào vùng xoáy của nó. Những con nước bạc trắng đôi khi dâng lên tận chân những cánh rừng, lao đi tìm các dòng sông như hàng đàn ngựa bạch trong những trận quyết chiến chồm lên phóng thẳng vào đối phương. Chính những dòng suối mùa mưa Trường Sơn, lần đầu tiên bắt những người chiến sĩ vốn không chịu khuất phục trước bất kỳ trở lực nào đã phải dừng lại như đứng trước bức tường thành kiên cố bất khả kháng.

Dậu khóc than rên rỉ rằng anh sẽ chết mất với các vết thương không đáng chết. Có nhẽ chưa bao giờ chiến sĩ thấy anh tham sống sợ chết như lần này. Lúc có giặc, anh mang ba lô và xắc cốt chạy trước, không kịp an ủi anh chị em lấy một câu, khi phải ở lại lo toan mọi việc và lúc bị thương, anh lồng lộn, khóc than, đòi hỏi, bắt buộc đơn vị phải làm theo anh, những điều không thể làm được, những điều ngoài khả năng con người.

Đã mấy lần anh tha thiết xin thủ trưởng trung đoàn cho người đi tìm bác sĩ Tâm. Mặc dù đơn vị đã chiều ý anh, cử ba đoàn đi lùng sục trong các cánh rừng lân cận hy vọng sẽ gặp được người bác sĩ mà thường nhật Dậu rất căm ghét, chưa một lần anh ta nói tốt về người bác sĩ quần chúng này, nhưng trong thâm tâm, Dậu nghi anh đã đi đầu thú. Đối với một người mơ hồ về quan điểm, lập trường giai cấp thiếu kiên định như bác sĩ Tâm thì cái sự nghi vấn của Nguyễn Dậu là có cơ sở.

Lúc ấy, bác sĩ Tâm và y tá Loan đã lần về được bên kia con suối Sêrêpốc. Cái cây lim lâu đời chắn ngang dòng suối như một chiếc cầu dã chiến đưa hai người qua con suối chảy như réo sôi hôm nào, nay cũng đã khuất phục con nước hung hãn, chịu để nó cuốn trôi ra dòng Sêbăngiên rồi.

Cả hai mệt nhoài vì đói, ngồi mãi dưới tấm tăng bên cạnh bờ suối với một tâm trạng đầy lo âu không biết đơn vị có còn trụ về chỗ cũ nữa không? Kinh nghiệm chiến trường, sau những cuộc càn quét của địch, cơ quan bị lộ, không bao giờ đơn vị tập kết lại về chỗ cũ. Nhưng dù sao, cả hai đều nghĩ phải vượt qua con suối này, bởi chắc chắn đơn vị không thể vượt qua con suối Sêrêpốc mùa mưa mà

qua bên này. Chắc chắn họ sẽ hội tụ loanh quanh trong một cánh rừng nào đó với phạm vi bán kính năm bảy cây số so với nơi ở cũ.

Mấy lần Tâm choàng tấm vải nhựa, mặc quần cụt đi lên đi xuống dọc theo bờ con suối trơn nhẫy tìm đoạn đường khả dĩ có thể dẫn họ qua suối, nhưng anh bất lực. Họ bàn chuyện chặt cây đóng bè, nhưng khổ nỗi trong tay không một tấc sắt. Lối thoát cuối cùng của họ là tìm một sợi dây rừng cột vào người Tâm. Tâm sẽ xuôi theo dòng, cố lựa thế con nước, tránh chỗ xoáy. Nếu không may, con nước mạnh quá kéo anh đi, Loan sẽ gồng mình kéo anh vào bằng được. Ngược lại, công việc xuôi lọt, Loan sẽ gói quần áo vào tấm vải nhựa và dùng tấm tăng bọc ngoài, lần theo sợi dây vượt qua.

Với sự chuẩn bị công phu và tỉ mỉ ấy, cuộc vượt qua con suối Sêrêpốc như vượt qua những thử thách của con thuyền đang gặp bão tố đã an toàn và tới đích. Cả hai sung sướng như tìm gặp trở lại sự sống. Lần đầu tiên, Tâm mặc áo cho Loan và tự tay anh cài từng chiếc cúc cho cô.

– Em biết không, khi con nước đẩy anh vào dòng xoáy, anh nghĩ, chắc cuộc đời anh đã chấm dứt.

– Còn em thì tay chân bủn rủn... Không hiểu tại sao lúc ấy em khỏe thế không biết nữa. Và khi lôi anh trở về luồng theo dự kiến ban đầu thì em gần như rã rời, mệt đến muốn ngất luôn...

Và cũng thật may mắn, sau hai ngày lần dò, cả hai đã tìm gặp lại đơn vị. Mọi người ùa ra vây lấy trong niềm hân hoan mừng rỡ. Riêng Dậu, nỗi mừng khiến anh trào nước mắt. Từ trên giường bệnh, từ trong nỗi bi đát tận cùng, anh gắng gượng chồm dậy, ôm lấy Tâm, giọng xúc động:

– Bọn mình lo ông quá. Cả đơn vị nhao nhao lên đòi các thủ trưởng trung đoàn cử vài đoàn đi tìm ông. Ông là trụ cột của Trạm quân y chúng mình, nhỡ có điều gì không may chúng mình còn biết xoay sở ra sao... Mình bị thương, nặng quá ông ạ. Mọi việc nhờ ông giúp. Tính mệnh của mình giờ thuộc trong tay ông. Ông cố giúp mình sớm... Vợ mình thì dại, các con mình thì lại còn bé quá, nhỡ mình có mệnh hệ nào, khổ lắm cậu ạ.

Chưa bao giờ Tâm thấy mình được Nguyễn Dậu đề cao đến hết lời như lần này. Lúc ấy nhiều người thấy rõ mặt Tâm chín nhừ vì

ngượng. Hơn ai hết, Tâm hiểu mục đích của những lời khen, đôi khi nó là điều bất hạnh, thậm chí là điều sỉ nhục, bởi lẽ, ai cũng hiểu nhân cách và uy tín của con người này.

Sau cùng, Dậu thú nhận anh sợ chết lắm và để vớt vát thêm cái sĩ diện của anh, anh nhấn mạnh:

– Một sự hy sinh không đáng thật là tiếc, nhất là đối với một bác sĩ như mình.

Đơn vị, sau những ngày bị tập kích trở về với trăm công nghìn việc dồn dập. Các chiến sĩ phải lo lập lại cuộc sống thường ngày, dựng lán trại, đào hầm, chuẩn bị hệ thống phòng địch tốt và đảm bảo an toàn hơn trước. Ban chỉ huy trung đoàn lo làm báo cáo gửi lên cấp trên. Đáng lẽ tự nhận sự thiếu bản lĩnh của mình đã không tổ chức bộ đội trụ lại chiến đấu, ban chỉ huy lại ra lệnh cho rút lui an toàn. Trong suốt một tuần qua, anh em chiến sĩ sống trong tâm trạng rã đám, mất nhuệ khí.

Trạm quân y được dựng lại trước tiên. Bác sĩ Tâm lao ngay vào công việc săn sóc sức khỏe thương binh, thăm vết thương cho Nguyễn Dậu, chẩn đoán và báo cáo với cấp trên về sự trầm trọng mà vết thương đã để lại cho người chính trị viên này:

– Viên bi có thể đã xuyên qua hai lá phổi trái, luồn ra phía sau sống lưng và, ai cũng biết nơi ấy quy tụ rất nhiều loại dây thần kinh và, trong khi mổ lấy nó ra, chỉ một sơ suất hết sức nhỏ sẽ giết chết bác sĩ Dậu hoặc biến anh ta thành người tàn phế, bán thân bất toại, nằm một chỗ...

Sau một buổi hội ý khá căng thẳng vì có nhiều ý kiến khác nhau, thậm chí đối lập, nhưng cuối cùng cũng đi đến kết luận giao toàn bộ tính mệnh bệnh nhân "đặc biệt" này cho bác sĩ Tâm. Anh nhận quyết định, nhưng thật lòng không vui bởi lẽ, không ít người đánh giá phẩm giá của anh quá thấp. Đúng ra, họ sợ Tâm, trong dịp hiếm hoi này sẽ tìm mọi cách, bằng chuyên môn thủ tiêu "đối thủ" lợi hại, con người mà ai cũng biết không ưa Tâm, thậm chí thù ghét anh nữa.

– Ban chỉ huy hoàn toàn tin tưởng ở đồng chí. Với tài năng của mình, chúng tôi hy vọng, đồng chí Tâm sẽ cứu được người đồng nghiệp gần gũi của mình.

Bác sĩ Tâm trầm ngâm, tư lự. Anh thấy trước một cách rõ ràng cái khó không phải là những gì trong khi thực hiện ca mổ, về trường hợp này anh tự tin cao độ, nhưng giả dụ có một phần trăm nào đấy không chính xác thì điều gì sẽ xảy ra sau ca mổ. Chắc chắn nhiều người sẽ chỉ vào mặt anh và dùng những lời thô lỗ, mắng nhiếc anh, sỉ nhục anh: "Mày là thằng khốn nạn nhất trong những thằng khốn nạn. Khi sự thù hằn, sự ganh ghét của con người lên đến tột đỉnh, con người hại nhau, sát phạt nhau đến mức tinh vi, như một thứ nghệ thuật".

Chắc chắn, anh sẽ bị quy, bị chụp, bị kỷ luật rất nặng, chưa biết chừng lại phải ra tòa án binh. Những người lâu nay vốn lưng chừng, sau cái chết của Nguyễn Dậu sẽ ngã về phía người lâm nạn, họ sẽ chửi rủa anh bằng những lời lẽ thật ngọt ngào: "Lâu nay tôi cứ tưởng bác sĩ Tâm là một con người nhân ái, đức độ, hết lòng vì đồng đội, không ngờ đấy là con người không có tâm, đúng ra anh ta có cái tâm của con thú biết trả thù".

Đối với những ai có hiểu chút ít về anh, chắc chắn dịp này họ sẽ phân vân, sẽ đặt ngược lại lòng tin cậy của mình: "Chẳng nhẽ bác sĩ Tâm lại vô lương tâm đến thế ư?".

Tâm cố suy nghĩ tìm cách thoái thác. Trong những trường hợp thế này, từ chối một cách khéo léo, tỏ rõ sự khiêm tốn nghề nghiệp của mình là hơn cả. Anh hiểu, nếu ca mổ thành công, chắc chắn không vì thế mà uy tín của anh sẽ nổi như cồn. Nếu ca mổ thất bại, dư luận không buông tha anh, hậu quả mà anh phải chịu chắc là không nhỏ.

Nhưng anh đã không thoái thác được. Dậu khóc lóc van xin Tâm cứu lấy anh. Trung đoàn trưởng, chính ủy trung đoàn đến trực tiếp giao nhiệm vụ cho Tâm như giao mệnh lệnh tác chiến.

– Đây là nhiệm vụ Đảng giao cho đồng chí và đồng chí phải có trách nhiệm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Là người lính, anh hiểu khi Đảng đã giao nhiệm vụ là không ai được từ chối. Sự thoái thác đã thất bại và buộc bác sĩ Tâm phải tìm sự thành công trong ca mổ có tính chất như quyết định số phận của anh này.

Anh đề nghị y tá Loan chuẩn bị cho anh thật chu đáo từ liều thuốc gây mê ít ỏi, kháng sinh và mọi dụng cụ được vô trùng cẩn thận, mặc dù đối với một người đã trải qua nhiều ca phẫu thuật phức tạp với anh như y tá Loan thì những dặn dò dù là của ai cũng trở nên thừa.

Từ bao giờ, anh không hiểu, trong quan hệ nghề nghiệp giữa anh và y tá Loan đã trở thành mẫu mực, nó gần như sự hiểu biết, sự đồng cảm giữa bác sĩ Tôn Thất Tùng và người phụ tá của ông – vợ ông. Người phụ tá bằng linh cảm nghề nghiệp có thể dự đoán và hiểu biết những nhu cầu cần thiết vừa chớm nảy ra trong đầu người bác sĩ phẫu thuật.

Sau một liều thuốc gây mê không lấy gì làm đầy đủ, ca mổ bắt đầu, lúc ấy kim đồng hồ chỉ chín giờ kém năm.

Cả đơn vị gần như nín thở theo dõi ca mổ quyết định số phận không phải một người mà cả hai, người bị mổ và bác sĩ phẫu thuật. Chính ủy đi qua đi lại phía ngoài vẻ hồi hộp lo âu hiện trên gương mặt khắc khổ của ông. "Tội nghiệp, vừa rồi ra đi học, nó "thồ" cho mình hàng chục ký đường, hàng năm lon sữa hộp Liên Xô, lại còn tìm đâu ra cho bà cụ mình hai củ sâm Triều Tiên. Ít có đứa sống nghĩa tình như nó...". Cái ý nghĩ ơn nghĩa ấy cứ lặp lại trong tâm trí ông như một thứ phản xạ tự nhiên, làm cho gương mặt ông lúc hy vọng rạng lên anh ánh niềm vui, lúc thất vọng sầm tối nỗi lo âu thương cảm.

Trong những lúc như thế này, mọi người mới nhìn thấy thực chất bản lĩnh của bác sĩ Tâm. Anh gần như không chú ý đến tất cả những gì đang ở ngoài lề gian phòng mổ. Bình tĩnh, tự tin, đường dao của anh đi đến đâu chính xác đến đó. Tất cả dự đoán của anh đều khớp một cách kỳ diệu với thực tế, viên bi đã xuyên qua lá phổi trái, vào đoạn cuối và nằm sát cột sống.

Mò mẫm, kiên nhẫn suốt hai tiếng đồng hồ căng thẳng đến vã mồ hôi, đã đem lại cho anh thành công mỹ mãn. hệ thần kinh cột sống vẫn giữ được an toàn. Vết mổ chính xác đến độ nghệ thuật. Anh buông cây kim khâu. Trong nỗi vui mừng không kiềm chế được ấy, anh đã ôm y tá Loan, hôn lên trán người giúp việc mình, nụ hôn biết ơn:

– Cám ơn em. Thành công.

Mọi người, ngay cả chính ủy không nghe Tâm nói gì, tất cả chỉ thấy anh vừa làm một việc thật khó coi.

Anh hoàn toàn không ngờ rằng từ cái vinh của thành công anh đã chịu cái nhục chua xót trong mối quan hệ nam nữ.

... Với linh cảm nhạy bén của một người con gái, Loan đã hiểu được gần đầy đủ cái dư luận bao quanh cô, vây bọc cô có lúc cô cảm giác như hụt hơi: đấy là dấu vết của mối quan hệ giữa cô và bác sĩ Tâm ở khu rừng gỗ tếch, gỗ lim, dưới những cơn mưa tầm tã của Trường Sơn. Mỗi ngày, mỗi đêm, cô đều cảm nhận rõ rệt cái sự khác biệt, cái sự thay đổi của chính cô, một cái gì như đang hình thành, đang trỗi dậy, một cái gì đấy như tan ra, tàn đi. Gương mặt cô không còn hồng hào, hai má cô mất dần màu đỏ tự nhiên như người từ trong bếp lửa đi ra. Cùng với đôi mắt mệt mỏi, mất dần vẻ tinh anh, quyến rũ là cặp môi bắt đầu khô và không còn nữa cái vẻ mịn màng trẻ trung. Một lần đi tắm, cô bắt đầu để ý nhận ra đôi bầu vú mình to hơn, hai núm vú hồng hồng hấp dẫn đã ngã màu, thâm lại, tất cả những đường cong uyển chuyển nhẹ nhàng của tuổi trẻ dường như đã mất đi từ bao giờ, thay vào đấy là những nét khô cứng và, mọi chi tiết ở con người cô dường như cứ đầy dần lên. Cô ăn ngấu nghiến những quả me rừng, những quả bứa và chưa bao giờ cảm thấy đầy đủ các vị thơm ngon của những thứ trái chua ấy.

Bác sĩ Dậu, mới hôm nào từ trên giường bệnh trở dậy, bắt tay bác sĩ Tâm và y tá Loan rất chặt, cảm ơn rối rít, bây giờ cũng chính anh mời cô lên gặp chính ủy trung đoàn.

Loan còn nhớ đấy là một buổi trưa đầu mùa khô, những con đường sau những cơn mưa dầm dai dẳng suốt sáu tháng bắt gặp cái nắng ong ong, không gay gắt mà như đốt da, nung thịt, đã bắt đầu thuần trở lại. Những vết chân dần dần bị xóa đi và những lớp bụi bắt đầu tạo thành một lớp "mỡ màng" lúc đầu mỏng, nhẹ, xôm xốp sau dày dần lên, từng cơn gió tung mù lên giữa không trung một lớp bụi màu nâu vàng. Những con suối bớt đi nhiều cái vẻ hung dữ đáng nguyền rủa, trông êm đềm, thơ mộng như những suối tóc mượt mà của những cô gái mười bảy. Những giò phong lan sống gửi trên những thân cây lim, cây gõ, cây sung rừng... mà nở hoa nom nhuần

nhị, đa tình, tất cả các màu sắc quyện lại, hài hòa biến cánh rừng vốn dữ dội, nặng nề trở nên sinh động như một cảnh nào đấy trong tranh Lêvitan: Từ màu trắng tinh khiết loang loáng trong ánh nắng mặt trời tựa như những viên ngọc trai thu nhỏ lại cho đến màu tím Huế thùy mị, từ màu đỏ tươi tắn cho đến màu vàng nhẹ nhàng đầy vẻ sùng kính của nhà Phật, mỗi màu sắc của từng loại phong lan, cô cảm giác như mang những tính cách thuần hậu nhất của con người.

Trong nhiều năm sau này, mỗi lần có dịp nhớ lại cái trưa mùa khô năm ấy, Loan vẫn mang đầy cảm giác và ấn tượng đẹp đẽ, tươi mát về Trường Sơn với tiếng chim chào mừng buổi trưa nắng ấm ríu ra ríu rít như mừng rỡ và cô cảm giác như chính mình nghe thấy tiếng chồi non reo vui trỗi dậy vĩnh biệt cái mùa mưa khốn khổ.

Không hiểu sao lúc ấy cô lại không nghĩ nhiều đến những gương mặt của các vị "quan tòa", các vị "chánh án", các vị "thẩm phán" sắp buộc tội cô. Nhiều đêm, cô đã nghĩ ngợi, đắn đo, sám hối. Và lần nào cô cũng xác định cho chính cô: sẵn sàng nhận bất cứ kỷ luật gì. Dù sao, năm nay cô cũng đã 24 tuổi rồi. Người phụ nữ ở độ 30 bao giờ cũng bắt đầu nỗi lo cô đơn, nhất là những cô gái ở Trường Sơn, bị sốt rét kinh niên, da vàng nghệ, môi thâm, mắt lờ đờ mệt mỏi. Cô chấp nhận không có chồng, nhưng cô không thể sống cô đơn khi thiếu một đứa con lúc về già, hơn nữa, đây là con của bác sĩ Tâm. Đối với người con trai này, đúng ra đây là người thầy của cô, cô rất trọng, rất kính và yêu quý. Cô tự hào rằng, ngay cả Thức, vợ anh cũng không thể nào hiểu được tính cách cao thượng ẩn đằng sau vẻ ngoài khó ưa của anh. Đối với cô, Tâm là một nhà khoa học chân chính. Cô ao ước luôn được sống bên anh, làm người học trò của anh, phụ giúp anh trong các ca phẫu thuật cũng như trong cuộc đời. Cô hy vọng mai sau lớn lên, con cô sẽ mang đức tính của nhà khoa học này, trung thực và chăm chỉ, thông minh và mẫn cảm, tài hoa và vô tư. Cô mong sao đời của con cô, khi lớn lên đừng lận đận long đong như bố nó, bác sĩ Tâm ấy.

Còn một nhẽ nữa khiến cho Loan bình thản và gần như thách thức với đời: Để xem Nguyễn Dậu đối xử với ân nhân của mình như thế nào đây và sẽ xử sự như thế nào đây đối với "tội lỗi" của cô.

Phòng tiếp khách của chính ủy là một gian nhà hầm vuông vức, mỗi bề độ ba mét, có kê một bộ ghế dựa bằng gõ do cánh lính đóng. Trên bàn nước có đủ phin cà phê, mùi thơm hãy còn ngào ngạt, hai bao thuốc lá Điện Biên bao bạc, mấy đĩa bánh gai, hoa quả gồm cam và quýt... Và cả vỏ chai bia Ba Đình nữa. Chắc chính ủy vừa mới tiếp khách xộp nào đây.

"Ở đâu cũng thế, chỉ cái anh lính trơn là khổ – cô nghĩ – đôi khi cả đời không biết một ngụm bia Ba Đình là thế nào". Đang ngỡ ngàng lúng túng, chưa biết đứng ngồi nơi đâu, Nguyễn Dậu từ trong căn hầm chữ A bước ra, chỉ một chiếc ghế đẩu, bảo cô ngồi xuống:

– Mời cô ngồi kia.

Lúc sau, chính ủy, ông nhìn cô, cặp mắt soi mói thật là khó chịu, cái nhìn cứ xoáy vào mặt cô, vào ngực cô, vào bụng cô... Chắc ông muốn tìm cái sự khác biệt của hôm qua và hôm nay ở con người cụ thể của cô qua các báo cáo của chính trị viên Nguyễn Dậu.

Sau khi người cần vụ dọn dẹp mọi thứ trên bàn, chị nuôi mang ấm nước trà, chính ủy mở đầu ngọt nhạt:

– Cô có khỏe không?

– Dạ, cám ơn thủ trưởng, em vẫn thường ạ.

– Cô hiểu chúng tôi mời cô lên đây để làm gì không?

Không suy nghĩ và cô đáp:

– Dạ báo cáo thủ trưởng làm sao em biết được ạ.

Nguyễn Dậu tiếp luôn bằng một giọng hơi gay gắt mặc dù ai cũng hiểu anh đã kiềm chế.

– Cô đừng giấu chúng tôi nữa, cô Loan ạ. Mọi sự thật thà đều có lợi cho cô. Cô nên nói thật với chúng tôi đã trót nhỡ với ai, bao nhiêu lần, vào thời gian nào?

Loan im lặng, bây giờ cô cảm thấy bối rối.

Chính ủy tợp một ngụm nước trà đang bốc khói, nhẹ nhàng:

– Sự thành khẩn sẽ cứu cô nhẹ tội.

– Dạ báo cáo hai thủ trưởng, có phải hai thủ trưởng đều muốn biết em đã ngủ với ai? – Sau này nhớ lại, Loan cũng không thể hiểu

nỗi tại sao lúc ấy cô lại nổi cáu và như muốn trêu chọc, muốn mỉa mai hai vị thủ trưởng ấy.

Nguyễn Dậu xuống giọng nhẹ nhàng:

– Đúng thế cô ạ. Chúng tôi muốn cô thành thật, cho chúng tôi biết kẻ nào đã phá hoại đời cô, đã gieo rắc cho cô tội lỗi để một mình cô phải gánh chịu... Bây giờ cô chưa lường được những tai hại tương lai của cuộc đời cô đâu.

– Thưa hai thủ trưởng sự thật là thế này: Vào một đêm, em không nhớ rõ là đêm nào, giữa lúc em đang ngủ, một giấc ngủ rất say, có một người mò vào giường em. Lúc đầu em tưởng chị Phượng cứu thương. Tay chị sờ lên ngực em, bàn tay mềm nhũn nhũn đúng là bàn tay phụ nữ (Nguyễn Dậu nhìn trộm xuống bàn tay mình). Từ ngực, bàn tay ấy kéo xuống bụng em. Lúc ấy cơn buồn ngủ kéo mắt em chặt đến nỗi em không sao mở ra được, mặc dầu đã cố hết sức. Hai thủ trưởng cũng biết đấy, mấy đêm liền em không được chợp mắt. Mặt nữa, em cứ nghĩ chị Phượng trêu em. Cánh nữ chúng em hay trêu nhau như thế lắm. Em mặc kệ, cứ để cho giấc ngủ kéo đi. Đến khi mọi việc xong xuôi, em mới vỡ nhẽ ra... Lúc ấy anh ta cũng vội vàng bỏ chạy.

– Vô lý! Nguyễn Dậu kêu lên.

– Dạ, báo cáo hai thủ trưởng, đúng là như thế ạ. Em không dám nói sai.

– Cô không thành thật. Giọng chính ủy hơi xẵng.

– Dạ, em không nói điêu ạ.

– Chúng tôi biết chắc chắn cô ngủ với bác sĩ Tâm. Nguyễn Dậu nói, giọng có vẻ nhẹ nhàng nhưng thắt buộc. Cô có nhớ sau ca mổ tôi xong anh chị còn ôm hôn nhau không? Ai cũng nói anh chị *làm tình* trắng trợn trước mũi con bệnh.

– Bác sĩ Tâm có hôn lên trán em một cái, đấy là niềm vui không giữ nỗi khi cứu được người đồng đội, đồng nghiệp của anh ấy, người ấy chính là anh đấy ạ. Em còn nhớ lúc ấy bác sĩ Tâm kêu như reo, nỗi vui mừng chiến thắng: "Cám ơn em! Thành công!" Thực lòng, anh ấy mừng lắm khi hoàn thành một ca phẫu thuật mà anh cho là rất gay go, rất phức tạp, đúng ra là rất "lắt léo" – bởi một

điều hết sức dễ hiểu, nếu cứu được anh, ơn thì sẽ tan nhanh như nhụy hoa nhài, còn nếu chẳng may đen đủi, oán sẽ như một thứ tội, hành hạ anh ấy suốt đời!

Loan dừng lại như muốn hỏi chính mình, cô có quá lời không, cô có làm điều gì thất thố để gây sự hiểu nhầm hoặc khiến cả hai vị thủ trưởng khó chịu. Và khi nghĩ rằng chính cô đã kiềm chế được mình, đã không đến nỗi quá lời, dù sao cô cũng nói lên được đoạn sau tấm chân tình của bác sĩ Tâm, cô mạnh dạn nói tiếp, giọng vẫn hết sức từ tốn, bởi cô nghĩ một nhân viên trong quân đội không có quyền vô lễ, nóng nảy đối với thủ trưởng.

– Xin phép thủ trưởng Dậu, em xin được nói điều này, nếu có gì sai sót xin thủ trưởng bỏ quá cho em.

– Cô cứ nói. Nguyễn Dậu nói miễn cưỡng, bởi anh biết điều mà cô sắp nói chắc chắn không phải là điều anh mong mỏi đợi chờ.

– Dường như thủ trưởng chưa đền ơn đáp nghĩa gì cho bác sĩ Tâm, ân nhân của thủ trưởng, sao đã quy kết để hại anh ấy, có sớm quá không, có vội quá không, thưa thủ trưởng.

– Cô phải hiểu điều này, nhất là trong quan hệ công tác, việc nào ra việc nấy, phải rạch ròi phân minh cô ạ. Tôi cũng là một cán bộ, khi bị thương tôi là thương binh, việc chăm sóc và mổ xẻ là trách nhiệm của anh ấy, của bác sĩ Tâm, còn việc sai trái của anh chị, lỗi lầm của anh chị lại là việc khác. Tôi vốn ghét nhập nhằng...

Loan vẫn ngồi yên như một phạm nhân, đón cái nhìn như xói vào da thịt và những cái liếc trộm nom rất xảo quyệt của bác sĩ Dậu. Mỗi cái nhìn đều mang một mục đích riêng. Mục tiêu của bác sĩ Dậu không phải là triệt tiêu y tá Loan mà là bác sĩ Tâm. Lòng ganh ghét và sự ham mê quyền lực đã khiến Dậu quên hết cái ngày hôm qua anh như một người học trò khiêm tốn nhờ vả bác sĩ Tâm hướng dẫn cho từng bài học, từng chuyên đề, từng phụ đề về y học, lý thuyết cũng như thực hành và cái ngày hôm qua mới rồi anh khóc lóc van xin bác sĩ Tâm bằng mọi cách giúp anh ta ra khỏi thần chết, anh còn vợ dại con thơ... Bây giờ cái ngày hôm qua ấy, đối với anh đã qua rồi, đã trở thành dĩ vãng xa xôi, bây giờ trước mắt anh là cái đỉnh, cái đỉnh ấy đang choán lấy toàn bộ uy tín của mọi người trong đơn vị, dưới cái đỉnh ấy anh chỉ là một viên đá lót nền. Điều

ấy là nỗi đau khổ, là cơn day dứt, xót xa của anh và anh cho không thể như thế được bởi nhẽ rất đơn giản: anh là Đảng viên, là chính trị viên, quyền lực và uy tín phải thuộc về anh.

Mục tiêu của chính ủy Hùng trong sáng hơn: phải rèn giũa cho chiến sĩ dưới quyền mình sống nghiêm túc, tạo cho toàn đơn vị cái kỷ cương của một đội quân có kỷ luật sắt, tinh thần dám xả thân vì cách mạng và đạo đức xã hội chủ nghĩa. Ông không chấp nhận một thứ tự do nào. Quân đội... là một thứ kỷ luật thép. Ở chiến trường, người lính chỉ có đánh giặc, đánh giặc không sợ chết, ông không thể chấp nhận một điều gì khác, kể cả tình yêu, nhất là mối quan hệ không lành mạnh... Ông căm phẫn những ai sống vội, sống gấp, dù hoàn cảnh nào cũng phải chịu đựng những hình phạt rất nặng bởi vì đã chấp nhận tội lỗi thì phải chấp nhận kỷ luật thép.

Từ một nông dân vùng Hạ Lý Thái Bình, ông tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ và trở thành chính trị viên đại đội. Bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, ông là chính trị viên tiểu đoàn và hiện nay là chính ủy. Ông trung trực, thẳng thắn, nhưng ưa ngọt, ưa nịnh. Như nhiều lần học chỉnh huấn, ông không dè dặt cho mình là người có lập trường giai cấp vững vàng. Ông ghét ủy mị, ông cho đấy là bản chất của tầng lớp trí thức tiểu tư sản, ông ưa sự mạnh mẽ, thô mộc, cục mịch. Là chính ủy trung đoàn, nhưng ông lại tỉ mỉ như một người đàn bà góa và khe khắt với lính như một mụ dì ghẻ. Lính sợ ông một phép. Ông biết điều ấy và, điều ấy trở thành niềm tự hào của ông. "Làm chỉ huy, không có oai, điều binh sao được". Lần nào đấy ông đã tâm sự với bác sĩ Nguyễn Dậu như vậy.

Ai cho ông một cân đường, ông ghi vào sổ riêng (tính ông tỉ mỉ cẩn thận, không phải để ông trả lại một món nào đấy bằng giá trị một cân đường mà để ông nghiên cứu, xem xét cái thiện cảm của người ấy đối với mình ra sao và có dịp là ông đề bạt hay cho nghỉ phép ra Bắc...). Không một người lính nào ra Bắc mà không tìm đến nhà ông, biếu xén cho vợ con ông quà cáp – trừ bác sĩ Tâm.

Theo ông, Tâm là một bác sĩ có nhân cách, có năng lực chuyên môn, nhưng kiêu ngạo, lập trường bấp bênh, tư tưởng tiểu tư sản. Nể tư lệnh sư đoàn, ông phải chấp nhận cho anh ta làm bác sĩ

trưởng Trạm quân y, nhưng ông tổ chức chính trị viên Nguyễn Dậu kèm chặt chẽ. Tuy không dám nói ra, song ông cho Tư lệnh là hữu khuynh, là quên mất sự lãnh đạo tối thượng của Đảng, dám để cho một quần chúng làm cấp trưởng dù đấy là trưởng một Trạm quân y... Vì vậy, quyết định kèm người của ông là một quyết định sáng suốt, thực chất, cho đến hôm nay, mọi việc của Trạm là do Nguyễn Dậu quyết định.

Sau cùng ông nói:

– Chúng tôi cho cô về viết kiểm điểm, thành khẩn nhận tội lỗi của mình rồi trao cho đồng chí Dậu. Chúng tôi sẽ nghiên cứu mức độ thành khẩn của cô để xét kỷ luật.

Loan trở về Trạm quân y, mặt trời chiều kéo những đường dây kim tuyến từ đỉnh Họn Đành xuống dòng suối Sêrêpốc. Thấp thoáng trong các lán ánh đèn dầu trải những quầng sáng khiêm tốn trên mái lá trung quân. Mọi người xúm quanh Loan, to nhỏ, thì thầm những nỗi phập phồng lo âu. Cũng có người muốn khai thác để đàm tiếu, tung tin, lấy nỗi buồn của người này làm câu chuyện vui cho người khác.

Loan cố giữ gương mặt bình thản coi như không có việc gì xảy ra. Trước sự thăm dò của mọi người, cô chỉ mỉm cười, khi lẩn tránh bằng câu chuyện khác, khi trực tiếp trả lời: "Không có gì".

Nhưng nửa đêm cô trở dậy. Vào giờ này, đêm Trường Sơn, dù mùa khô trời vẫn lạnh. Sương buông những giọt buốt xuống mái lá trung quân. Mò mẫm, cô đốt một ngọn đèn, tìm tờ giấy và cây bút Trường Sơn. Cô muốn trút nỗi lòng mình xuống trang giấy. Nhưng rồi cô lại xé, lại vò nát. Trong việc này, không phải cô không thấy tội lỗi. Nhưng làm sao được, hoàn cảnh đã dẫn hai người đến như thế, có là thép cũng phải "mềm" huống chi là người...

Cô nắn nót viết lại, nét chữ cứng cáp, rõ ràng, lời văn trôi chảy và sáng sủa hơn. Cô tường thuật câu chuyện y như lời cô thuật với chính ủy Hùng và chính trị viên Nguyễn Dậu. Cuối bản kiểm điểm, cô còn ghi thêm: "Cho đến bây giờ, tôi vẫn chưa xác định được người đàn ông nào có bàn tay mềm mại như người phụ nữ ấy đã ăn nằm với tôi và vì vậy tôi mong cấp trên lượng xét và đừng bắt tôi phải

sa vào một tội nào khác nữa, nhất là tội vu khống. Theo tôi, đấy là tội lỗi xấu nhất trong tất cả tội lỗi của con người".

Đọc lại bản kiểm điểm vừa viết, cô hoàn toàn yên tâm, và thanh thản vì cho đến giờ phút này cô vẫn bảo vệ được bác sĩ Tâm, vẫn giữ anh đứng tách bạch ra ngoài cuộc đời, ngoài những hình phạt mà cô đang gánh chịu.

Nhưng người không thanh thản chút nào lại là bác sĩ Tâm. Anh day dứt và tự dằn vặt mình. Anh hiểu cái phẳng lặng trên bề mặt của dòng sông cũng từa tựa như gương mặt bình thản, tự nhiên bên ngoài của người học trò của anh – y tá Loan – từ mấy tháng qua. Suốt buổi chiều nay, khi Loan đi rồi, anh bần thần, xót xa. Anh hiểu Loan muốn giữ cho anh danh dự để làm việc và điều hành công việc với cương vị trưởng Trạm quân y. Anh hiểu Loan muốn giữ cho Tâm uy tín trước mọi người và cô cho sự gánh chịu của mình là một cử chỉ cao cả vì anh và cũng chỉ vì anh cô sẽ chấp nhận tất cả tội lỗi, chịu tất cả mọi hình phạt... Nhưng Loan cao cả, đẹp, lớn lao bao nhiêu, anh lại thấy mình thấp hèn bấy nhiêu.

Trăn trở và không thể nào ngủ được, anh ngồi dậy quờ tìm bao thuốc Trường Sơn. Vừa rít từng hơi thuốc dài, lần đầu tiên anh không cảm thấy mùi vị của thuốc. Dường như lưỡi và họng anh tê cứng, đúng ra, anh không còn cảm thấy cảm giác khoan khoái, dễ chịu của người nghiện thuốc nặng như anh nữa. Cái mùi vị đều trở nên vô duyên, đều trở nên nhạt thếch. Anh ném điếu thuốc đang hút dở xuống đất, dùng dép chà cho tắt hẳn.

Và bây giờ anh bắt gặp cái đốm sáng mỏng mảnh yếu ớt bên lán nữ. Anh chắc rằng Loan cũng như anh không ngủ được vì những trăn trở dằn vặt, vì những lời buộc tội và đe dọa của con người hôm qua đang còn khóc lóc van xin anh cứu giúp cho khỏi chết. Trong thâm tâm anh, anh hoàn toàn không sợ Loan khai thật. Nhiều lần anh đã nói với Loan hãy để anh tự thú, hãy để anh chia với cô nỗi khổ tâm và trách nhiệm. Điều quan trọng đối với anh không phải là cách cư xử trước cấp trên, trước Nguyễn Dậu mà là lương tâm anh day dứt khi nghĩ về Thức, người vợ mà cho đến giờ phút này anh vẫn nghĩ, vì anh mà cô đã chịu những năm tháng cực kỳ khó khăn, vì anh mà cô chịu những ức chế về sinh lý. Sự chung thủy

son sắt của Thức là nỗi day dứt mãi làm anh đau khổ cho đến suốt đời.

Anh luồn chân vào đôi dép đúc Trường Sơn, cảm giác lành lạnh, do dự đứng dậy, rón rén đi ra cửa. Nhưng rồi, anh cũng chỉ dám bước đến đấy sau khi đứng thừ người nhìn cái ánh sáng vàng vọt nhạt thếch bên lán nữ, anh lại quay vào. Anh linh cảm ngay bây giờ như có đôi mắt nào đấy từ một góc, một xó tối ngay trong căn lán này đang theo dõi anh, chăm chú, hồi hộp, mừng rỡ và thất vọng... Những tên Giave[1] của ông Huygô dường như vẫn còn nhan nhản trên khắp trái đất này, điều đau đớn là nó lại ở ngay giữa chiến trường, mang danh đồng đội, đồng nghiệp với anh, cùng chung với anh một kẻ thù.

Anh không rõ họ đã lục vấn gì với Loan suốt cả buổi chiều hôm nay, và Loan đã phải chèo chống như thế nào. Thực lòng, anh chỉ cầu mong Loan nói thật, khai thật. Anh hoàn toàn không muốn mình trở thành một tên hèn hạ, một thằng Táctuýp[2].

Cái khổ tâm của anh bây giờ là không được nhận tội lỗi. Anh biết chắc chắn rằng nếu anh nhận tội lỗi về mình, Loan sẽ dễ dàng vượt qua cái "hạn" của cuộc đời, và, nếu như thế lương tâm anh sẽ thanh thản, đỡ đi nỗi đau đớn dày vò. Anh thường nói với Loan: lương tâm là tòa án cao cả và thiêng liêng nhất đối với con người có tư cách.

Anh nằm xuống, cũng khẽ khàng và lặng lẽ như khi anh ngồi dậy và luồn chân vào đôi dép cao su Trường Sơn lạnh buốt, gác tay lên trán, dằn vặt, suy tư... Bây giờ anh mới nhận chân ra con người có nhân cách chính là con người biết sám hối, dám dũng cảm thú nhận tội lỗi của mình. Mọi sự dối trá, xảo quyệt đều chỉ có thể đánh lừa được những người trung thực, nhưng không đánh lừa được lương tâm mình và thời gian. Nhiều người, nhất là những ai có quyền lực dễ quên một điều: họ cũng là sinh vật, chịu những quy luật sống chết của tự nhiên. Khi anh còn sống, lương tâm luôn theo anh, buộc tội, khi anh qua đời, lịch sử phân minh sẽ đặt anh lên bàn cân và

---

1. Tên mật thám trong Những Người Khốn Khổ của V. Huygô.
2. Một gã chuyên lừa gạt phụ nữ, trong tác phẩm của Molie.

phán xét sòng phẳng, bất kể anh là tên ăn cướp hay vị đứng đầu nhà nước.

Anh ngồi dậy đốt điếu thuốc theo thói quen. đầu điếu thuốc khi hồng lên soi rõ gương mặt anh thầm lặng, đau khổ, khi tắt đi khắc họa trong không gian những nét khắc khổ, gân guốc như một bức tượng đồng đen. Anh cảm thấy gần như mình mất đi cảm giác về mùi vị, anh rít từng hơi thuốc theo thói quen cũng như khi buộc anh phải nhả từng làn khói ấy ra vậy. Không biết lần thứ bao nhiêu anh lại phải suy nghĩ một cách nghiêm minh cái việc sám hối. Anh sẽ gặp chính ủy Hùng, tuy thô kệch và máy móc, nhưng dù sao Hùng cũng là một con người còn giữ được ít nhiều tính trung thực của một nông dân, của một người lính. Tâm sẽ trình bày đúng hoặc gần đúng hoàn cảnh đã dẫn hai người vượt qua mối quan hệ đồng nghiệp. Khi nghĩ và quyết định được như thế, anh cảm thấy lương tâm đỡ day dứt, đỡ cồn cào những nỗi chua chát.

Nhưng rồi một tiếng nói khác như một lời thách thức trong tâm thức anh: "Em sẽ cắn lưỡi tự vẫn hoặc sẽ lao đầu xuống dòng Sêrêpốc, kết thúc cả cuộc đời của hai mẹ con em, nếu anh hé ra một điều gì, dù là một chi tiết rất nhỏ...".

Anh hiểu đây không phải là câu nói bình thường, với giọng tuy nhỏ nhẹ nhưng rất rõ ràng, từng câu như một quyết định, đã được cân nhắc không thể nào thay đổi được. Trước anh Loan không còn là một cô y tá, một người học trò siêng năng dễ bảo, mà là một nhân cách cao thượng, một cá tính với nội tâm sâu sắc và đầy từ thiện.

Đối với anh, đấy là một bức tường thành khá kiên cố và vì vậy vượt qua nó là điều không đơn giản... Anh cảm thấy mình như một loại vi trùng lạ xâm nhập vào cơ thể một người khỏe mạnh đang bị các thực bào bao vây. Một sự liên hệ hơi máy móc nghề nghiệp, nhưng dù sao lúc này đây anh đang bị những thế lực siêu hình nào đó bao vây. Dẫu biết tàn nhẫn, nhưng bây giờ anh đang mong nếu như thương binh về nhiều để anh có dịp lăn xả vào cứu họ, mong đầu óc đỡ bớt căng thẳng, và điều quan trọng đối với lương tâm là chuộc lại những lỗi lầm anh đã mắc phải. Bằng những việc làm của mình, anh sẽ an ủi họ, động viên họ, đưa họ trở về với đồng đội. Đối với họ, anh là ân nhân. Ngược lại, đối với anh, họ là nguồn an

ủi... Anh hiểu rằng anh đã trưởng thành, đã rèn cho mình bản lĩnh nghề nghiệp vững vàng. Trong tương lai, anh cho rằng Loan sẽ vượt qua mọi thử thách gay gắt, và chắc chắn cô sẽ tiếp cận nhanh chóng những bí mật nghề nghiệp mà anh hướng dẫn, đang chỉ bảo hàng ngày cho cô.

Một lần nào đấy, Tâm đã khuyên cô, nếu không chấp nhận phá thai, Loan nên ra miền Bắc sinh nở, nhờ mẹ trông nom, săn sóc và sau đó làm đơn xin đi học lên bác sĩ ở trường của Bộ Y tế. Loan chấp nhận lời khuyên của anh và sẵn sàng chịu mọi hình thức kỷ luật mà Nguyện Dậu giáng xuống đời cô.

Hơn ai hết, Tâm biết, động cơ và mục đích của Nguyễn Dậu là trèo lên những bậc thang danh vọng bằng cách đạp lên đầu người khác. Tâm nghiệm qua những bước thăng trầm của cuộc đời mình, những tay không có chuyên môn lại thành công trên con đường làm chính trị – một loại chính trị uốn éo bằng ba tấc lưỡi, còn loại chính trị thật thì lại hiếm như lá mùa thu. Đất nước mình rồi sẽ khốn đốn vì sự mất cân đối, cái sự mâu thuẫn này đây.

7.

Cho đến giờ phút cuối cùng trước khi chuẩn bị ra miền Bắc, cô y tá Loan vẫn không chịu nghe bác sĩ Tâm, mặc dù anh đã phân tích bằng những lý lẽ hết sức xác đáng, bằng những tình cảm chân thành. Loan còn nhớ đấy là một buổi chiều mùa khô, mặt trời cháy dưới thung lũng gỗ tếch, nơi hai người, anh và Loan đã chạy dạt về đấy trốn giặc để rồi mỗi người đón nhận những giờ phút hạnh phúc và lãnh lấy những chua xót riêng của cuộc đời mình.

Con đường lầm bụi, những chuyến xe qua gieo những hạt bụi vàng trên những ngọn cây nhìn từ xa như nhũ. Cái nắng mùa khô Trường Sơn làm con người bứt dứt, khó chịu, cảm thấy như cuộc đời mình tội lỗi.

Họ men theo bức thành đá khấp khểnh lần ra bờ suối Sêrêpốc. Con suối trong suốt như pha lê, lấp lánh ánh hoàng hôn. Những sợi chỉ ngũ sắc từ mặt trời dệt xuống không trung như trang điểm cho dòng suối cái vẻ đẹp sặc sỡ của cô dâu làm đỏm.

Vo quần, cả hai lội qua bên kia bờ suối theo những tảng đá vuông vức như sự sắp xếp có ý thức của thiên nhiên dành cho con người. Nước mát, làm cả hai thấy dịu đi cái gay gắt của lửa mặt trời mùa khô. Tâm định chuồi theo dòng nước mát, đang làm anh xao xuyến, lặn đến chỗ vực sâu ở dưới eo sát chân núi kia đầm mình cho thỏa thích, nhưng khi cảm nhận cái ánh buồn vu vơ của người bạn gái, anh đành bỏ cái ý định ban đầu ấy. Cả hai dừng lại giữa con suối, trên một phiến đá màu xanh như cẩm thạch. Loan vục nước trong hai bàn tay xinh xinh trắng trẻo của mình, vỗ lên mặt. Lúc ấy Tâm cảm thấy cô gái như một đứa trẻ con nô nghịch nước, rất khoái trá. Và cũng chỉ có những lúc như thế anh mới cảm nhận được đôi mắt cô rực lên niềm khao khát trở về với thiên nhiên, hòa vào với thiên nhiên mà cô cho rằng bao giờ cũng vô tư. Gương mặt Loan lúc ấy cứ anh ánh lên những nét hồn nhiên, thỏa thích của trẻ thơ. Tâm nhìn mãi, nhìn hoài không chán, càng nhìn càng khám phá những nét đôn hậu chân tình, và điều ấy anh nhận thức một cách rõ ràng, sự khác biệt với vẻ đẹp quyến rũ có phần thiếu tự nhiên của Thức.

Tâm ngồi xuống, vục cả mặt, cả đầu xuống nước và dùng mười đầu ngón tay luồn vào trong tóc, kỳ cọ thỏa thuê. Chốc chốc, anh lại úp mặt xuống nước, mở mắt ra ngắm nhìn màu sắc lúc đậm lúc nhạt của dòng cát trong suốt, lấp la lấp lánh.

Họ lên bờ sau khi cả hai đều thấy mình đã dừng quá lâu trong cái khoảng thời gian ít ỏi của hai người, leo lên một con dốc, ở đấy hoàn toàn không có đường, chỉ có những đám chàng ràng mọc từng cụm, lá xanh đen. Đến bên một gốc me rừng không biết mọc từ thế kỷ nào mà đã mang dáng cổ thụ, cả hai dừng lại như có hẹn trước. Anh bẻ mấy túm lá và đặt vào một chỗ mát nhất để Loan ngồi xuống. Anh ngồi bên cạnh, mặt hướng về cô.

Cô gái nhìn thẳng vào mặt anh, khao khát bắt gặp nơi anh ánh mắt trìu mến, nồng nàn của một mối tình đơn phương. Anh sợ, không hiểu anh sợ điều gì, nhưng anh không đáp lại tiếng gọi từ đôi mắt người con gái, anh cúi sấp mặt xuống. Điều ấy đã làm cô buồn muốn bật khóc. Anh cảm nhận điều ấy và thở dài, vẫn không dám ngẩng lên, nói, giọng trầm và ngượng nghịu:

– Về mặt pháp lý, anh là người vô tội, bởi một lẽ đơn giản, em đã bảo vệ anh đến kỳ cùng, nhưng về mặt tình cảm, anh luôn thấy lương tâm mình day dứt xót xa và nỗi ân hận cứ dày vò anh như một hình phạt. Nếu chia được với em nỗi khổ nhục, chắc chắn anh sẽ dễ chịu hơn, và tâm trạng anh cũng không đến nỗi u uất như những ngày vừa qua.

– Mọi việc đã qua và sẽ qua. Loan nói, đôi mắt vẫn hướng về anh, như chờ đợi một điều gì đấy. Anh đừng bắt em làm điều em không muốn. Mọi sự cưỡng bức đều không hay anh ạ. Em chỉ mong một điều, trong tình cảm, trong ý nghĩ đừng bao giờ quên mẹ con em. Em sẽ ở vậy nuôi con và xem anh như là người chồng trong mơ ước của em, một người chồng mà em kính phục với sự thành thật từ đáy lòng mình, dù sau này anh có gì gì đi nữa em vẫn không thay đổi những gì mà em đã nghĩ và nói với anh hôm nay ở dưới cái gốc me cổ thụ này. Thiên nhiên sẽ chứng giám điều em nói và lòng em nghĩ.

Bây giờ thì anh ngẩng đầu lên, đón nhận cái nhìn chờ đợi suốt từ nãy giờ của cô gái. Cả hai không hé môi nói một câu nào, nhưng cả hai đều hiểu những điều cao đẹp nhất, thiêng liêng nhất của người này dành cho người kia...

Vốn dút dát, anh không dám nhìn lâu vào đôi mắt cô gái. Đúng ra, anh bắt gặp nơi người học trò thông minh và đầy bản lĩnh của mình một điều gì đó thật khó hiểu, anh không dám tự thú đấy là tình yêu. Anh rung động với chính nó, nhưng rồi anh lại sợ nó – Tình yêu – bởi lẽ đơn giản, anh đang có một người vợ chung thủy sắt son chờ đợi anh ở Hà Nội, nơi chính quê hương cô ấy.

Một lần nữa, anh nói gần như van vỉ, nghe tồi tội:

– Vì tương lai của em, và nếu em còn nghĩ đến anh, anh mong em hãy giải quyết êm thấm cái thai. Em phải xây dựng gia đình, em ạ. Một người con trai nào đó sẽ trở thành bạn em, thành người yêu và sau cùng sẽ trở thành người chồng của em. Hạnh phúc sẽ trở về với em, và ở đó em sẽ tìm thấy niềm vui để sống, để phấn đấu làm một điều gì đó có ích cho cuộc đời và khi nhắm mắt lương tâm em sẽ thanh thản.

Đối với anh không gì sung sướng bằng, không gì mãn nguyện bằng được nhìn thấy em hạnh phúc. Đừng để anh phải khổ tâm nhìn thấy em vò võ, cô đơn sống âm thầm như người có tội và lúc nào cũng bị lương tâm cắn rứt. Nỗi nhức nhối của vết thương là có hạn còn nỗi nhức nhối của lương tâm là vô hạn. Nếu em nhức nhối một anh nhức nhối hai, nghĩa là nỗi đau của anh sẽ tăng theo cấp số nhân so với nỗi đau của em.

Tâm dừng lại như chờ đợi, như đắn đo, nhưng gương mặt đau buồn của anh vẫn cắm xuống đám cây chàng ràng. Rồi anh lại tiếp, giọng xót xa hơn:

– Đứa con của anh và em, sau này, về hình thức vẫn là đứa con hoang. Trẻ con vốn nhạy cảm, nó sẽ sớm hiểu nỗi nhục của chính nó. Bạn bè sẽ khinh rẻ nó và tự nó buộc phải lẩn tránh bạn bè và vì vậy nó sớm trở thành kẻ cô độc. Nó không có tội gì cả, người mang tội chính là anh lại sống đường hoàng, ngoài lương tâm, công luận, pháp lý không ai dám làm gì anh cả.

Chiều buông rơi những giọt nắng nhạt dần như chưa bao giờ mặt trời tàn nhẫn muốn thiêu đốt quả đất. Chưa bao giờ Tâm thấy thiên nhiên đầy đủ ưu ái đối với con người như lúc này. Và cũng chưa bao giờ như lúc này anh cảm thấy dậy lên trong lòng nỗi thương cảm và thán phục người học trò chăm chỉ và bây giờ là người bạn gái mà anh cho rằng, ngay cả vợ anh cũng chưa chắc dám hy sinh vì anh quên mình như thế.

Anh cảm thấy hổ thẹn về những hy sinh của người học trò ấy, và anh đã thốt ra bằng lời tất cả những gì anh đã suy nghĩ suốt những ngày qua. Anh chờ đợi câu trả lời của cô với hy vọng mỏng manh.

– Em đã nghĩ kỹ rồi. Cô nói: "Mọi việc đang qua. Anh thấy không. Em sẽ ra miền Bắc, trở về với mẹ một thời gian. Những người mẹ bao giờ cũng nhân từ anh ạ. Mẹ sẽ là người duy nhất sau anh hiểu và thông cảm cho em. Đời mẹ cũng gian truân lắm, em tin mẹ sẽ thương em như thương chính cuộc đời gian truân của mẹ trước đây... Chỉ có điều, anh chắc không biết đâu, xa anh thì em nhớ lắm. Em hy vọng rồi em sẽ gặp lại anh. Không hiểu sao em có linh cảm rằng em sẽ giúp ích được cho anh nhiều, ngay cả những lúc đen tối

nhất của cuộc đời anh, bởi nhẽ em hiểu những con người với tính cách trung trực như anh thường không suôn sẻ trước cuộc đời và mọi sự tốt đẹp chỉ bằng lời.".

Loan dừng lại một lúc và cô hiểu nỗi buồn đau vẫn chưa buông tha anh. Cô gượng cười và trêu anh:

– Dù sao em vẫn thích những gien của các nhà khoa học như anh.

Tâm ngẩng đầu lên khi cảm thụ được câu nói đùa của Loan. Anh cũng đùa lại:

– Tư duy của nhà khoa học có cái hay mà cũng lắm cái dở, họ làm nhiều điều thiện mà cũng không ít điều ác em à... Nó không bao giờ cho phép những nhà khoa học hài lòng về những kết luận đã được phổ biến của những người đi trước, nó đào xới tất cả, hoài nghi tất cả. Điều ấy giúp nhiều nhà khoa học tìm ra những chân trời mới, không trùng lắp, thậm chí "nghịch lý" với những công trình trước nó. Ngược lại cái sự hoài nghi đã dẫn con người đi đến phủ nhận tất cả... Ở mặt này nó mang cái "ác".

– Dù sao em vẫn thích sự đào xới ấy hơn là sự lặp lại của con vẹt... Thôi, em nói anh nghe điều mơ ước của em nhé, em sẽ cố hết mình vào trường đại học Y, dù là trường chuyên tu của Bộ. Khi ra trường, chắc chắn em sẽ có ích cho đời hơn là bác sĩ Nguyễn Dậu. Và lúc ấy nếu chiến tranh vẫn còn, em lại tình nguyện xin vào chiến trường và tìm anh...

– Đừng em. Hết chiến tranh, nếu còn sống, anh sẽ tìm em. Em đã thấy đó, chiến tranh đâu phải là cảnh thanh bình của những buổi hoàng hôn buông rơi những tia nắng trong trẻo xuống dòng Sêrêpốc như chiều hôm nay, nó khắc nghiệt và dữ dội quá sức tưởng tượng của con người, nhất là đối với những người phụ nữ vốn yếu đuối và ưa dịu dàng. Nó không chỉ đơn thuần là thử thách giữa sống và chết, anh nói có hơi quá một chút, em thông cảm cho anh, nó vừa là cái lò rèn luyện con người, nó cũng vừa là cái lò thiêu người, lò thiêu hủy nhân tài.

– Em đã vào chiến trường, chắc anh hiểu, không phải để thỏa mãn tính hiếu kỳ, mà em muốn lao vào dòng thác để hiểu được chính mình. Cho đến bây giờ nghĩ lại, em không hề ân hận về cái

quyết định táo bạo cách đây mấy năm của mình và ngay cả cái quyết định phủ tấm áo mưa duy nhất của em cho người chiến sĩ không quen biết để dẫn đến một thời kỳ sống ngắn ngủi với anh và vượt qua mối quan hệ bình thường vừa qua... Em cho đạo đức cốt yếu của người phụ nữ là hy sinh, em đã không ngần ngại, điều ấy cho em niềm tự hào về chính em... Anh có định gửi gì ra cho chị ấy không?

– Anh định nhờ em mang giúp cho Thức lá thư, em cứ bỏ bưu điện cũng được, còn quà cáp, thì ở giữa núi rừng này có gì mà gửi.

– Anh đúng là một con người "khờ khạo". Mỗi lần có ai ra, bác sĩ Dậu nhờ chuyển nào sâm Cao Ly đến B12, B6, cao ban long, cao rắn, cao khỉ... Không thiếu cả lương khô và sữa bột Liên Xô. Kỳ này anh ta cũng gửi cho em hai củ sâm, một cho vợ anh ta, một cho vợ chính ủy... Những người vợ ấy thật... "hạnh phúc".

– Anh không thể hiểu nổi cái... "hạnh phúc" ấy. Mỗi người lính, khi kiệt sức, nghĩa là khoảng cách giữa sống và chết chỉ bằng sợi tóc, anh đề nghị xuất cho một vài lát sâm, anh ta vẫn tìm cách từ chối, viện cớ rằng đó là loại hàng cao cấp, chỉ dành cho những cán bộ "cao cấp"... Anh ta cố tình quên một điều: cái chết bình đẳng đối với mọi người. Trước cái chết của đồng đội ở chiến trường mà còn phân biệt đẳng cấp thì làm sao có sự bình đẳng thật sự trong xã hội. Em nghĩ coi, đó là gì nếu không phải là loại ăn chặn xương máu đồng đội. Em cảm thấy điều này hay không, không rõ, còn anh, anh cảm thấy mình bị xúc phạm. Anh lo sợ, mai sau chiến tranh kết thúc, những loại người như Nguyễn Dậu sống bằng sự uốn dẻo của ba tấc lưỡi, nhân danh Đảng lên cầm quyền thì đất nước mình còn khốn đốn, cái họa này đáng sợ chẳng khác cái họa ngoại xâm.

Loan gật đầu.

– Em cũng có những suy nghĩ như thế. Những con người ấy, họ cứ dựa một cách máy móc cái khẩu hiệu công nông lãnh đạo để rồi đưa những anh vừa thoát nạn mù chữ lên cầm quyền, sống lâu lên lão làng. Chính ủy Hùng có lần tâm sự với em bằng giọng tự hào rằng, khi vào bộ đội, ông chưa biết chữ. Quân đội đã dạy cho ông thoát nạn mù chữ và tốt nghiệp bổ túc cấp một... Vậy là ông tiến rất nhanh bằng cái lập trường giai cấp cơ bản của ông.

– Anh cứ nghĩ mãi không biết ai đã đặt ra hai cái chữ lập trường nhỉ, nó là một thứ trừu tượng, ai muốn hiểu sao cũng được, thực ra nó là chiếc áo khoác cho những anh dốt muốn vươn lên làm lãnh đạo. Và không ít loại "trí thức" kiểu Nguyễn Dậu dùng nó như một thứ bửu bối để bước lên những bậc thang danh vọng.

– Thôi, bọn mình đi hơi quá đà rồi... Nhỡ ai nghe thấy không khéo chúng mình bị xử bắn... Ngày mai em rời khỏi nơi đây anh có buồn không?

– Giá hồi ấy chúng mình giữ được đường ranh giới trong mối quan hệ thì giờ đâu đến nỗi phải chịu những cuộc chia tay như thế này. Em đi rồi, còn ai thân thiết với anh ở Trạm quân y này nữa! Anh nghiệm ra, ở đời, người thật thà, lương thiện không bao nhiêu, kẻ gian dối, xảo trá thì lại lẩn quất đầy rẫy chung quanh ta. Cái thiện, cái ác cứ đan nhau. Biết bao giờ trở lại được thời Nghiêu Thuấn – nếu nhân loại có một thời như thế[1].

– Có lần nào đấy, em nghe anh tâm sự ngay trong cái ác nhiều khi có mầm cái thiện, ví như ác đối với kẻ khốn nạn, đấy là thiện.

– Đúng như vậy, em ạ, cho nên đừng bao giờ có ảo giác là sẽ không còn cái ác trên hành tinh chúng ta. Ví như chúng ta đang đi tìm lính Mỹ để diệt, đối với những bà mẹ Mỹ, ta là kẻ ác, nhưng đối với những bà mẹ Việt Nam, chúng ta đã làm những điều thiện... Thôi, bây giờ ta trở lại cụ thể cái việc của ta, em đã chuẩn bị được gì cho chuyến trở ra ngày mai chưa? Một cuộc hành trình không nhẹ nhàng chút nào đâu, nhất là đối với những người đang mang thai như em. Anh vụng về quá, mong em đừng trách. Đúng ra anh không nỡ làm một cái gì để rồi đêm về, một mình gác tay lên trán day dứt, ân hận. Cũng có lúc anh nghĩ, hay là "xén" ít thuốc của thương binh để em mang theo phòng thân. Nhưng ngay lúc ấy, anh tự sỉ vả mình: Hóa ra mi cũng là một thứ Nguyễn Dậu, mi sống vì mi, còn với đồng đội thì mi "sống chết mặc bây".

– Em quý anh cũng chính vì cái lương tâm trong sạch ấy. Nếu anh đánh mất nó, chính là anh đánh mất chỗ dựa tinh thần của

---

1. Thời đại được truyền tụng là khá dân chủ, nhân dân no ấm, thái bình ở Trung Quốc - Trên 200 năm trước Công nguyên.

em... Em tin, anh không cô độc đâu. Những thương binh vào đây khi trở lại chiến trường đều mang theo cuộc hành trình của họ niềm cảm phục anh, người bác sĩ đã hết lòng vì họ. Có thể anh không để ý và anh không nhận biết, còn em, em cảm thụ được điều ấy và, điều ấy là niềm tự hào của em. Anh hãy vui vẻ mà hết lòng vì họ như lâu nay anh đã vì họ mà không nề hà, từ nan bất kỳ một công việc gì. Anh có đồng đội của anh nữa, anh ạ. Họ có mắt cả đấy, anh yên tâm. Có điều họ sợ bác sĩ Nguyễn Dậu, không dám bày tỏ tình cảm và lòng quý trọng đối với anh đấy thôi. Anh thông cảm cho họ, họ chỉ là người lính bình thường, không chức tước, không quyền lực... Thiếu gì cách để người ta hại nhau anh, nhất là ở chiến trường. Ngay cả anh cũng nên cẩn thận. Số anh dường như họa và phúc đi liền nhau.

Ngày mai em lên đường, xem như đây là cuộc chia tay của chúng mình. Em cầu chúc anh ở lại gặp nhiều may mắn, chẳng biết bao giờ chúng mình mới lại có dịp gặp nhau nữa... Loan định nói thêm điều gì nữa, nhưng cổ đã nghẹn lại và cảm giác nóng nóng ở hai mí mắt, cô cố ghìm giữ một tiếng khóc.

– Anh chúc mẹ con em bình an. Như em thường nói, mọi việc rồi cũng sẽ qua đi. Anh mong như vậy đối với cuộc đời em. Nếu còn nhớ anh, còn tin anh, em cố gửi thư cho anh. Anh không cô đơn, nhưng thiếu đi một người như em, anh sẽ cảm thấy trống trải. Nếu những ngày qua anh có làm được những gì cho đồng đội của mình, trong đó anh nghĩ phần đóng góp của em thật không nhỏ...

Cô đã nhìn thấy đôi hàng mi Tâm rơm rớm và mọng nước. Cấu vội một cọng cỏ, cô nhai nghiến ngấu, cô cũng không rõ vì sao mình lại làm như thế.

Anh rút chiếc khăn mùi soa, lau hai mắt và nói:

– Anh đã làm hại cả cuộc đời em... Và anh vẫn không bị một sự trừng phạt nào cả.

– Thôi, đừng bao giờ nhắc lại nữa. Chuyện gì đã qua cứ cho nó qua đi... Lúc ấy không phải là anh, mà là một vị tướng, chắc ông ta cũng hành động như anh thôi.

– Anh muốn thú nhận với vợ anh tất cả. Cô ấy chung thủy và biết lo toan... Vợ chồng sống với nhau bao nhiêu năm, anh chưa giấu

cô ấy điều gì. Lỡ sau này cô ấy biết, phiền lắm, lúc ấy mình lộ ra là một tên Sở Khanh.

– Tùy anh, nhưng em nghĩ, lúc này im lặng là tốt nhất. Em tin còn nhiều dịp để anh bộc bạch sự chung thủy của anh đối với chị ấy... Nhưng anh có dám chắc chị ấy là người chung thủy không đã?

– Tại sao em hỏi anh câu ấy? Anh ngạc nhiên, lần đầu tiên anh nghe có người nghi ngờ sự chung thủy của Thức.

– Đấy là em nói ví dụ thôi. Cũng có thể đấy là linh cảm hay sự phán đoán của một người con gái. Đối với những người con trai quá thật thà, quá tin ở tình yêu như anh, thực tế thường cho thấy họ dễ bị phụ nữ lừa dối, nhất là đối với những người có nhan sắc. Người phụ nữ có nhan sắc giống như cái hoa sặc sỡ và ngào ngạt hương thơm vậy, ai không thích ngắm. Có người chiêm ngưỡng cái đẹp như sự chiêm ngưỡng nghệ thuật. Cũng có kẻ ham muốn chiếm lấy làm của riêng mình... Thôi, đừng bận tâm đến điều ấy nữa. Nếu như chị ấy có máu ngoại tình, dù anh có sống bên cạnh, anh cũng không giữ nổi, huống chi anh ở tận chiến trường miền Nam... Thôi đừng nghĩ ngợi nữa. Em đùa tí cho vui đấy mà. Tìm được người chồng như anh, còn đòi hỏi gì hơn nữa. Em tin chị ấy là một người vợ lý tưởng của anh. Em sẽ ghi địa chỉ của em trong cuốn sổ tay của anh, anh nhớ gửi thư cho em nhé.

– Trước khi lên đường, anh muốn thăm lại thai cho em. Em nằm tạm xuống đây.

– Thôi đi, đừng có quan trọng hóa như thế. Em vẫn thăm cho em hàng ngày. Em biết thai em đập đều và khỏe.

Nói vậy, nhưng cô gái vẫn nằm xuống để người con trai đặt bàn tay lên vùng bụng cô, cái bụng chỉ mới lum lum như người ăn no.

– Thai khỏe. Anh mỉm cười nói

– Bịa. Thai mới ba tháng, làm sao anh biết khỏe với yếu.

Anh cười, chống chế:

– Anh thăm thai em bằng cảm giác... của riêng anh. Im lặng một lúc anh tiếp, giọng trầm đục, chứa đầy nỗi lo:

– Nhưng nhớ đừng bao giờ chủ quan em nhé. Cả một chặng đường dài, hết đèo lại dốc, hết núi lại sông... và bom đạn, và kẻ thù.

Quả thật anh đã thấy trước một cuộc thử thách gay gắt và dài dằng dặc đang chờ cô phía trước, bởi lẽ đơn giản, anh đã qua cái cảnh vượt Trường Sơn ấy mới đây thôi.

– Em nghĩ nhiều về cái thai. Bằng mọi cách em sẽ giữ gìn nó bởi đấy là giọt máu của anh, là những gì cuối cùng của anh gửi gắm lại nơi em. Em lo ngày mai em đi rồi, anh sẽ sống sao đây. Không biết rồi em có còn được gặp lại anh nữa không.

– Biết làm sao bây giờ. Chúng mình không sống chung với nhau được, đành phải chia tay vậy. Em đừng lo cho anh nhiều. Dù sao anh cũng là đàn ông, là một người lính thực thụ. Anh hy vọng hòa bình, nếu còn sống, anh sẽ tiếp tục công trình ghép da của anh. Đây là một phương pháp hoàn toàn mới. So với phương pháp ghép da hiện thời, phương pháp của anh đơn giản và đỡ tốn kém hơn nhiều.

– Em ao ước được làm phụ tá cho anh. Dù sao, trong những năm qua, chúng mình cũng đã có dịp cộng tác một thời gian, cả hai đều thấy hài lòng về nhau. Đúng ra em chưa nghe anh chê trách em điều gì cả. Có phải thế không anh?

Tâm gật đầu:

– Có một người như em bên cạnh giúp anh thật là điều lý tưởng...

Những câu chuyện không đầu không đuôi lan man nhưng không ai muốn dứt. Khi họ trở về, trời đã tối, cả hai phải mò mẫm lần từng bước trên những tảng đá khấp khểnh. Đêm mới xuống mà nước đã lạnh buốt, cóng cả chân. Trước khi chia tay, mỗi người đi về chỗ ở riêng của mình, cả hai dừng lại bịn rịn. Rồi họ, một lần nữa không giữ được mình, đã ôm ghì lấy nhau, trao cho nhau những chiếc hôn nồng nàn, như để rồi không bao giờ được gần gũi, không bao giờ được hôn nhau nữa. Cả hai linh cảm một điều gì không lành sau cuộc chia tay này, nhưng không ai dám nói ra. Họ im lặng và giữ cho nhau những kỷ niệm cuối cùng trong những giờ phút cuối cùng của cuộc chia tay...

Loan đi rồi, Tâm mới thấy thiếu hụt, mới thấy mất mát nặng nề quá, nỗi cô đơn lúc bấy giờ mới trở nên một thứ hình phạt, nó

làm cho anh gần như mất hết mọi cảm giác hưng phấn – cái sự tồn tại ở trên đời này đối với anh thật vô nghĩa.

Buổi chiều hôm sau, xong mấy ca mổ, mệt và đói, anh vẫn không thiết gì ăn, uống và nghỉ ngơi. Lặng lẽ anh dò theo con đường mà hôm qua hai người đã đi, con đường mòn xơ xác trước cái lửa mặt trời mùa khô Trường Sơn. Chiều rơi xuống, lá vẫn bắt hơi sương, vẫn xanh rờn như hy vọng, lác đác vẫn có những nụ hoa rừng màu sắc sặc sỡ và hương đêm nghe gần gũi thân quen. Xa xa trong bóng tối của rặng tre rừng, những bông súng vẫn rung rinh như một điệp khúc mãi không thôi về cái bài ca riêng biệt của rừng nơi dòng suối mà hôm qua hai người đã lội qua.

Dường như anh cảm thấy mình vội vã và vội vã để làm gì chính anh cũng không biết nữa. Anh chỉ biết mình lao tới như muốn giành giật một cái gì, lao tới như sợ mất một cái gì. Anh đến đúng gốc me hôm qua, ngồi xuống nơi mấy cành lá hôm qua anh đã ngồi. Những cây cỏ bị xéo nát, những cây chàng ràng bị bứt lên, vò nát nằm từng đám. Bên cạnh anh, vẫn còn nguyên vẹn những cành lá rừng, chính anh đã bẻ đặt xuống đấy cho Loan ngồi, tuy có héo đi, nhưng dường như mọi dấu vết vẫn còn giữ nguyên vẹn.

Tại nơi ấy, hôm qua, cũng vào những thời khắc này, Loan đã nói với anh những lời cuối cùng của cuộc chia tay. Anh hoàn toàn không ngờ rằng chỉ non 24 tiếng đồng hồ mà tình cảm của anh đã biến đổi nhanh như thế. Hôm qua anh khao khát sống, khao khát làm việc cứu chữa thương binh, ấp ủ một công trình sau chiến tranh. Nhưng hôm nay anh bỗng cảm thấy như người bơ vơ. Anh không ngờ người con gái sống hàng ngày bên anh ấy, không có gì nổi trội, một con người hơi lặng lẽ với cái vẻ bề ngoài hết sức bình dị, khi cô ra đi đã để lại trong anh những rung động thật mạnh mẽ, xáo động cả tâm trạng anh.

Chưa bao giờ anh thấy ân hận và tâm trạng bứt rứt nặng nề như chính lúc này. Dù sao anh vẫn là một thằng hèn, một tên Sở Khanh. Anh không kịp phân tích mối quan hệ giữa anh và Loan thuộc loại tình cảm gì. Anh cảm giác một cách mơ hồ rằng, đấy chưa hẳn là tình yêu... Chỉ mới nghĩ đến thế thôi, hình ảnh Thức, người phụ nữ Hà Nội ấy đã choáng ngợp tình cảm anh, tâm trí anh. Anh

cảm thấy mình phụ bạc Thức, không xứng đáng với tình yêu chung thủy mà Thức đã dành cho anh...

Hồi ấy anh còn học trường Đại học Y khoa Hà Nội, nghèo lắm. Phải, nghèo đến nỗi hết cả tiền đi tàu điện mà anh cũng không biết nữa. Thức đã trả tiền hộ anh và cũng hôm đó, anh nhận được trong ánh mắt người con gái Hà Nội một cái gì đấy đầy sức quyến rũ. Gần như suốt đêm hôm ấy anh chỉ nghĩ về chị, về cử chỉ hào hiệp, rất thận trọng và cái ánh mắt làm xao xuyến lòng người. Cả hai người đến với nhau mau lẹ quá đến nỗi anh cũng chưa kịp nhận ra có phải là tình yêu hay không. Anh chỉ biết từ đó, anh như một thứ nô lệ trước người con gái Hà Nội kia. Thức đã thu xếp mọi thứ trong cuộc đời anh, lo toan như một người vợ đảm. Chị chạy chọt xin từ cái vé xem phim, xem kịch, chị đảm đương cả những công việc đại sự như tổ chức cưới xin, nhà cửa, nơi tổ ấm gia đình đầu tiên trong cuộc đời hai đứa, duy chỉ có mỗi việc đi chiến trường là chủ động của chính anh.

Không biết tự bao giờ, y tá Loan đã len vào cuộc sống tình cảm của mối quan hệ hạnh phúc của vợ chồng anh. Không, anh không trách Loan, anh trách chính anh. Loan đứng đắn và mực thước. Cô ấy quý và tôn trọng anh rất mực như sự tôn trọng của người học trò biết lễ nghĩa. Trong đơn vị, người bảo vệ cho những cá tính đôi khi bất bình thường của anh chính là cô gái ấy. Đã có lần, vào cái lúc yên tĩnh nhất của tâm hồn, anh đã tự thú với chính anh rằng, không phải Thức mà Loan mới là người hiểu và thông cảm anh hơn cả. Loan trân trọng và phát hiện ra từ cái nét lạ của đường dao mổ của anh cho đến một mẩu tin khoa học mà anh đã cắt từ trong một tờ tạp chí Y học nước ngoài nào đấy lại rơi vãi sau những lần chạy giặc.

Tâm còn nhớ, lần ấy, lưng cõng thương binh, tay Loan vẫn giữ chặt một mẩu báo. Không ai hiểu đấy là cái gì. Có người còn nghi đấy là bức thư của người yêu Loan. Khi mẩu giấy vì sơ suất rời khỏi tay, cô đã cõng thương binh quay lại tìm cho bằng được. Câu chuyện đã trở thành khôi hài cho không ít người trong đơn vị. Người duy nhất hiểu được giá trị của mẩu tin ấy và cái cử chỉ hết sức quý báu của Loan là anh. Chính cái mẩu giấy ấy đã thông báo một tin khoa học rất quan trọng và nhờ nó anh đã xử lý một trường hợp hết sức

gay cấn trong việc cắt đi một quả thận cho một vị chính ủy – một ca phẫu thuật đặc biệt ngoại lệ, lại thành công ở một Trạm quân y giữa chiến trường.

Anh ngồi xuống đúng chỗ hôm qua anh đã ngồi, lưng dựa vào gốc me cổ thụ, bắt đầu hỏi tội chính anh.

"Người đáng chê trách chính là ta! Ta đã hại cả cuộc đời cô ấy! Có ở trong hoàn cảnh những cô gái như Loan, ta mới hiểu tại sao người đời lại ghét những tên Sở Khanh đến thế."

"Tại sao ta không đánh thức lương tri của ta dậy? Tại sao ta không coi Loan như chính đứa em gái của ta?"

"Ta đã nhẩm câu ấy nhiều lần trong tâm trí ta".

"Thế tại sao ta còn dám hại cuộc đời cô ấy? Ta có biết rằng vì ta cô ấy sẽ có mang? Một người bác sĩ, chắc ta hiểu điều đơn giản ấy chứ? Ta có hiểu rồi sau đó, mọi người sẽ nguyền rủa cô ấy, đơn vị sẽ kỷ luật cô ấy, chắc chắn Nguyễn Dậu sẽ không buông tha... Ta có nghĩ thế không?"

"Ta có nghĩ như thế. Ta sợ điều đó. Nhưng rồi chính ta lại mắc vào tội lỗi. Đúng ra ta đã không giữ được ta lúc ấy. Lúc ấy ta không còn là một bác sĩ có nhân cách và tỉnh táo nữa".

"Bây giờ ta sẽ tự trừng phạt ta thế nào đây?"

"Tiếc thay sự trừng phạt chưa đến với ta, mặc dù ta rất muốn. Trước cuộc đời, trước người vợ chung thủy của ta ta vẫn là một nhân cách cao thượng, ta vẫn là người chồng mẫu mực, ít ra là về mặt quan hệ".

"Ta chưa bị trừng trị gì cả và vì vậy ta cảm thấy mình bị hành hạ, lương tâm mình bị đau đớn gấp nghìn lần hơn. Nhiều lần ta đã xin Loan cho ta được thú nhận tội lỗi, nhưng cô ấy đã nghiêm cấm ta điều ấy, Loan nghĩ một cách đơn giản rằng, cô ấy gánh chịu mọi tội lỗi là ta sẽ không còn day dứt xót xa. Cô ấy có biết đâu điều ấy chỉ có thể đối với những kẻ thiếu lương tâm, còn đối với người có lương tâm, nỗi đau lại tăng theo cấp số nhân".

"Liệu ta có yêu vợ ta nữa không?"

"Ta rất yêu vợ ta".

"Vậy tại sao ta lại yêu y tá Loan?"

"Ta chưa bao giờ nghĩ điều ấy".

"Có bao giờ ta công nhận tình yêu vượt ra ngoài ý nghĩ? Nó vừa là những gì rất cụ thể, lại vừa là những gì rất vô hình, nó vượt ra ngoài ý thức".

"Cho đến bây giờ ta vẫn nghĩ rằng chưa bao giờ ta yêu cô ấy".

"Tại sao hôm qua ta vẫn còn ôm hôn cô ấy?"

"Thật tình ta chỉ muốn nói với cô ấy vài lời trước khi chia tay, những lời nhắn gửi, dặn dò... Nhưng rồi không hiểu sức hút nào đã kéo ta lại. Đúng là trước người con gái ấy ta đã không kìm giữ nổi cái khoảng cách cần phải giữ".

"Sau đó ta có ân hận không?"

"Ta có ân hận vì đã không giữ được mình".

"Ta không thấy mất mát, không thấy buồn nhớ một chút nào khi Loan ra đi ư?"

"Ta buồn lắm. Bây giờ ta ân hận cái sự ân hận của ta trong quá khứ".

"Vậy là mặc nhiên ta công nhận mối quan hệ bất chính của ta và Loan là trung chính".

"Đúng, chưa bao giờ ta thấy sự thiếu hụt, nỗi cô đơn như lúc này, lúc mà cô y tá rời khỏi đơn vị. Từ ấy ta bắt đầu có cảm giác đời ta tan ra từng mảnh, những mảnh đời lang thang, bơ vơ, lạc lõng..."

"Phải chăng đấy là tình yêu?"

"Không, cao cả và thiêng liêng hơn tình yêu nhiều".

Anh ngồi, gục mặt xuống, dằn vặt – nhớ nhung, vừa làm quan tòa vừa làm phạm nhân. Anh tự lục vấn mình và cũng tự anh trả lời cho chính lương tâm mình. Anh chưa đủ can đảm đi tới cùng của tội lỗi. Anh vừa thấy tội lỗi mình, nhưng anh cũng vừa ngụy biện cho chính tội lỗi ấy.

Cho đến giờ đây, khi đứng vững trước những gì anh cho là mất mát, sự trống vắng không gì bù đắp được khi Loan rời khỏi anh, anh vẫn chưa dám thú nhận rằng: anh đã yêu cô ấy. Anh sợ mình gây thêm một tội lỗi nữa: tội phụ bạc vợ.

Anh có thể biện hộ cho mình cái hoàn cảnh đã dẫn anh đến với Loan trong những đêm oái oăm nọ, nhưng về ý thức anh không bao giờ dám công nhiên thừa nhận sự mất mát tình cảm trong quan hệ đối với Thức.

Anh tự hứa với mình rằng, lần thứ nhất trong đời anh phạm lỗi lầm và chắc chắn anh không bao giờ mắc lại nữa. Anh sẵn sàng nhận với Thức điều đó, nhưng khổ nỗi Loan một mực không chịu, thậm chí cô còn đòi tự vẫn nếu anh làm cái việc tự thú ấy.

Không hiểu rồi đây, khi gặp lại người vợ mà một lần nào đó anh đã hứa là sẽ mãi mãi là người chồng của riêng Thức và cái hình ảnh ngón tay người vợ ấy dí, dí vào trán anh cùng lời răn đe: "Liệu nhé. Lơ mơ là tôi "phăng" đấy!" Anh sẽ xử sự thế nào. Lúc ấy anh cười cho cái câu đe dọa của vợ, cười cho cái sự lo xa của đàn bà. Bây giờ anh mới nhận thấy cái sự cảnh giác của đàn bà là có lý; bây giờ anh mới nhận thấy nỗi lo của họ là "rất đời"...

Lần đầu tiên, Tâm gặp y tá Loan ở trạm quân y tiền phương lúc cô vừa cõng một thương binh từ ngoài rừng về, máu của người con trai nhuộm đỏ loang lổ tấm áo của cô gái. Cô đi từng bước nặng nề nhưng cẩn thận. Cô đặt anh thương binh trên chiếc vạt giường bằng nan lồ ô, anh chờ đợi một câu chào nhưng không, anh chỉ bắt gặp một cái nhìn từ đôi mắt cô, cái nhìn lặng lẽ và tự tin. Anh hoàn toàn không chờ đợi cái nhìn ấy, hơi bực...

Mọi người xúm lại quanh cô gái và anh thương binh. Lúng túng không ai hiểu sự việc gì vừa xảy ra.

– Đừng hỏi nữa. Cố cứu anh ấy hẵng...

– Chị Loan có biết anh Dậu đi đâu không? Có bác sĩ Tâm từ Bộ tư lệnh sư đoàn về...

Loan im lặng, bước lại phía anh, đôi mắt cầu khẩn, giọng van nài:

– Bác sĩ hãy cố cứu giúp... Ở đây tất cả chúng tôi không ai làm được việc ấy cả.

– Anh ấy là gì với cô? Anh buông ra một câu hỏi mà nhiều năm sau này, mỗi lần nhắc lại, anh vẫn thấy ngượng.

– Không là gì cả... Một người lính qua đường và gặp bom nổ chậm. Nghe tiếng nổ, tôi ào đến đã thấy anh ấy bất tỉnh...

Không do dự, anh bước lại phía người bị thương. Và mọi người nhìn anh hy vọng.

Trước anh là một anh con trai hãy còn quá trẻ, khoảng mười bảy, mười tám, da đầu bị rách, tóc bê bết máu, một chất lờ lờ chảy ra từ vết thương cùng với một chất như bã đậu sùi lên. Xem kỹ, anh khẳng định một vết thương sọ não. Anh lắc đầu thất vọng:

– Không qua nổi...

– Còn nước còn tát, bác sĩ ạ, trông thấy anh ấy tội nghiệp quá. Loan nói như van nài, như muốn khóc.

Tâm không ngờ đây là ca mổ đầu tiên của anh ở Trạm quân y tiền phương này, một ca mổ được hoàn thành, nhưng không kết quả. Anh ta không còn sức chịu đựng đã trút hơi thở cuối cùng trên bàn mổ.

Loan thông cảm và hiểu nỗi khó khăn của anh. Nhưng chính trị viên Nguyễn Dậu, người sẽ bàn giao chức trưởng Trạm quân y lại cho Tâm lại đặt vấn đề này ra với chính ủy Hùng và buộc Tâm phải kiểm điểm.

Người con gái ít nói tưởng nhu nhược ấy đã "đấu" với Nguyễn Dậu suốt cả buổi chiều.

– Không ai có thể chê trách bác sĩ Tâm về ca mổ ấy cả: chẩn đoán tuyệt vời chính xác, vết mổ rất khéo, và đã được cân nhắc hết sức tỉ mỉ... Nhưng các đồng chí thử nghĩ một vết thương sọ não. Vết thương chưa quá 12 giờ; sau cơn mê vẫn có lúc tỉnh lại, chưa có dấu hiệu sốt cao, bội nhiễm. Nhưng sau phẫu thuật thương binh vẫn không qua được – tất nhiên không phải do phẫu thuật mà do sự tiến triển xấu của vết thương.

– Bác sĩ Tâm, trong trường hợp này là quá vội vã – Nguyễn Dậu nói, giọng cố tỏ ra mềm dẻo – Tôi không rõ và cũng không dám suy đoán, nhưng tự thân sự việc đã nói lên cái tính thiếu thận trọng mà bắt buộc người bác sĩ phải có. Mặc dù đồng chí Tâm về đây với quyết định trưởng Trạm quân y, nhưng ai đã bàn giao trách nhiệm ấy cho đồng chí Tâm... Ở đây chúng ta thấy rõ một sự chơi trội, một

cách khoe tài... Nhưng không ngờ, đúng ra là không có gì bất ngờ cả, kết quả bao giờ cũng chứng minh cho một quá trình, cũng là sự tổng kết một loạt những công việc thận trọng, tài năng, hay hấp tấp, vội vàng...

Mặt Loan đã nóng bừng lên. Cô hoàn toàn không ngờ, không chờ đợi sự quy kết, sự chụp mũ quá thâm hiểm như thế.

– Ở đây, ai cũng nghe, ai cũng biết, ngay từ đầu khi theo yêu cầu khẩn thiết của anh chị em chúng tôi, bác sĩ Tâm, sau khi đã chẩn đoán rất đúng và buồn rầu cho chúng tôi biết dù có mổ thương binh cũng khó qua nổi. Chính tôi cũng cảm thấy điều dự đoán ấy là đúng, nhưng lương tâm buộc tôi lần nữa phải van nài: "Còn nước còn tát, bác sĩ ạ".

– Tôi tưởng người quyết định mổ hay không là tôi chứ hóa ra là cô à, cô Loan? Vẫn những lời nhẹ nhàng của chính trị viên Nguyễn Dậu.

– Thủ trưởng Dậu quên mất thủ trưởng đã bỏ ca trực của mình đi đâu không ai biết. Sự sống và cái chết của người lính đang tính từng giây, chúng tôi lại phải chờ một quyết định mà không hiểu đến bao giờ mới có, bởi nhẽ đơn giản có ai biết bao giờ thủ trưởng về. Nếu xét kỷ cương và trách nhiệm, người đáng kiểm điểm và chịu kỷ luật chính là thủ trưởng Dậu.

– Tôi nghĩ tôi đi đâu tôi không phải có nhiệm vụ báo cáo các y tá dưới quyền tôi.

– Trách nhiệm của người trực Trạm là không được rời khỏi Trạm dù là vài mươi phút. Ví dụ gặp một thương binh nhẹ hơn, có thể cứu được, lúc ấy ai sẽ giải quyết khâu phẫu thuật? Có phải như thế chúng ta đã giết chết một đồng đội mà đáng nhẽ được cứu sống.

Cuộc họp căng thẳng kéo dài, chính ủy trung đoàn cảm thấy lúng túng. Xét về nguyên tắc, bác sĩ Tâm quả có sai sót. Nhưng đứng ở góc độ người bác sĩ gặp ca cấp cứu lại ngoảnh mặt làm ngơ sao tiện. Nhưng phê phán chính trị viên Nguyễn Dậu thì ông không đành, bởi trong quan hệ, Nguyễn Dậu coi ông như một người anh cả, không từ nan giúp đỡ ông một điều gì...

Và vì vậy, khi kết luận cuộc họp, ông chỉ hạ một câu:

– Mỗi người nên tự rút ra bài học cho bản thân mình.

Bác sĩ Tâm từ đầu chí cuối không phát biểu một câu, một tiếng nào. Nhưng anh đã hiểu được tính cách của những người trong đơn vị mà nay mai anh sẽ là người cộng tác.

Cũng từ cái buổi "mổ xẻ" anh ấy, quan hệ giữa anh và Loan ngày càng gắn chặt như hình với bóng. Tâm thấy rõ ràng trong tình cảm của mình, mỗi lần phải xa cô anh hay bần thần, và đốt thuốc liên tục, những điếu thuốc đắng nghét, nhưng không hiểu sao anh vẫn cố rít hết hơi này đến hơi khác. Dường như anh cảm thấy nhạt miệng. Nhưng không phải, anh đang thiếu hụt một cái gì đấy trong chính tâm hồn anh, khiến anh như bị hẫng, buồn, nhớ...

Đã bao nhiêu lần anh tự cưỡng lại mình, cưỡng lại tình cảm xuất phát từ con tim, dùng lý trí hướng con tim về người vợ ở hậu phương. "Cô ấy đã chung thủy với ta, còn ta..." Anh lặp đi lặp lại như một thứ phản xạ trong tâm trí cốt giữ mối quan hệ trong sáng với Thức vừa tự răn đe cái sự bột phát trong tình cảm mình.

Và bây giờ, trong nhiều đêm thao thức sau những ca mổ mệt nhoài, tưởng lăn ra là ngủ ngay được, mắt anh vẫn tỉnh, vẫn mở to, như đang hướng về một cái gì đấy, không, đúng ra anh đang hướng về hai mục tiêu, hai người phụ nữ: một, vợ anh, người phụ nữ đẹp sắc sảo, quán xuyến lo toan. Lần đầu tiên anh kịp phát hiện ra, ở người phụ nữ này, anh như bị sức hút, sức quyến rũ ở đôi mắt, nhưng dường như chưa một lần nào anh thấy mình bị hẫng, chưa một lần nào anh bắt gặp cái cảm giác mất mát, thiếu hụt. Vì sao thế, anh cũng không biết nữa. Người thứ hai, y tá Loan. Tuy trẻ hơn, nhưng Loan không có cái đẹp sắc sảo của Thức. Dáng người thuôn thả, dáng đi tất bật, một đôi mắt lặng lẽ, tự tin không hề có một sức hút nào. Nhưng tính cách cao thượng, sự trung thực và mạnh bạo, lòng yêu nghề và nỗi khao khát hiểu biết, khám phá, và nhất là sự cảm thông, sự trân trọng nghề nghiệp của Loan đã để lại trong anh nhiều ấn tượng sâu sắc. Và xa Loan, thực lòng anh cảm thấy xót xa, thấy cô đơn. Mỗi lần nghĩ về người con gái có gương mặt buồn và đôi mắt lúc nào cũng như ngạc nhiên trước cuộc đời đầy những nỗi éo le, đầy những bất công và ngang trái ấy, anh thật sự thấy lòng mình rung động.

Gần như đêm nào cũng vậy, dù khuya mấy, mỗi lần đặt lưng xuống chiếc vạt giường dã chiến, anh lại nghĩ về hai người phụ nữ gần gũi và đáng trân trọng ấy. Và may mắn, lần nào anh cũng kìm giữ được cái tình cảm bột phát muốn nổi loạn của mình. Và anh cho đó là sự thắng lợi của lòng chung thủy của anh.

Thực tình anh không lo cho Loan lắm. Đối với một người con gái có bản lĩnh và dạn dày thử thách như Loan anh tin cô có thể vượt qua tất cả. Anh chỉ cầu mong, giá cô gặp một người con trai nào đấy... hòa hợp. Điều anh sợ nhất là nỗi cô đơn của cô ấy. Và anh hy vọng...

Trước khi đi vào giấc ngủ, bao giờ anh cũng tìm cách quên đi hình ảnh y tá Loan, người con gái luôn luôn làm anh suy nghĩ, vừa khâm phục đức hy sinh cao cả hiếm thấy trong đời và anh cố bắt tình cảm mình trở về với người vợ đang chung thủy vò võ chờ anh ở hậu phương.

Lần đầu tiên anh nhận thấy tình cảm con người thật không đơn giản chút nào, anh càng muốn nó đơn giản bao nhiêu, anh lại càng thấy nó phức tạp bấy nhiêu, dường như nó không đi theo một quy luật nào cả, nó rối mù lên, không cách gì phân biệt nổi đâu là tình yêu và đâu là tình thương. Cái sự lẫn lộn, cái sự nhập nhằng khó phân biệt này, anh hiểu một lúc nào đó sẽ gieo vào anh những tai họa không lường trước được.

Bây giờ anh nghiệm ra rằng, làm một thằng đàn ông chung thủy với vợ thật không dễ dàng chút nào, cái sự khó khăn và rối rắm còn vượt xa một ca mổ phức tạp nhiều lần.

8.

Loan hoàn toàn bất ngờ khi người phụ nữ ấy đột ngột xô vào cửa phòng cô. Chị đứng ngay trước lối đi, dáng khỏe mạnh, cân đối, da trắng trẻo và một gương mặt đẹp sắc sảo. Người phụ nữ đảo mắt nhìn khắp gian phòng chật hẹp, tềnh toàng và dừng lâu ở gương mặt Loan và đứa con trai vừa đầy tháng. Chị đưa một tay lên chống nạnh, bàn tay đẹp với những ngón tay trắng trẻo và mềm mại, tựa bàn tay của nghệ sĩ, tay kia chị giơ lên, trỏ một ngón

về phía Loan. Lúc ấy đôi mắt chị trở nên giận dữ và gương mặt tím dần lại, cùng với hai hàm răng siết chặt, giọng chị rít lên theo nhịp của ngón tay trỏ dần xuống:

– À ra mày! Con đĩ cướp chồng tao đây! Tao không ngờ ở Trường Sơn mà cũng có đĩ. Thì ra cái giống này không hang cùng ngõ hẻm nào thiếu nó.

Bàng hoàng, lúc đầu Loan chỉ biết ngồi yên, đôi mắt ngạc nhiên mở rộng. Dường như cô đang bị sức hút của dòng xoáy và bị hụt hơi trước cái nhìn đầy vẻ dã thú của người phụ nữ kia. Nhưng rồi chẳng bao lâu sau cô bình tĩnh trở lại, đôi mắt giương tròn đón nhận cái dòng xoáy từ đôi mắt trừng trừng của người phụ nữ ấy. giọng Loan nhẹ nhàng, nhín nhịn:

– Em không hiểu chuyện gì cả... Mời chị ngồi xuống đây.

– Tao không ngồi với kẻ cướp chồng tao, tao không ngồi với đĩ. Quân khốn nạn, đồ chó má!!!

Và không để cho Loan kịp trở tay, người phụ nữ ấy đã lao vào nắm tóc cô, cào cấu, đấm đá, miệng không ngớt kêu gào, chửi rủa. Giọng chị có lúc rít lên như tiếng xé vải, có lúc trầm xuống, độc ác như giọng quan tòa.

Loan không có ý đánh lại. Cô ôm con vào lòng, trong dáng ngồi cong xuống như bảo vệ, như che chở, tay giơ ra để đỡ những cái đấm, những cái tát của người phụ nữ mà cô biết chắc chắn rằng đấy là Thức, vợ bác sĩ Tâm.

Cũng may hàng xóm đã đến, kịp thời giằng người phụ nữ ấy ra. Mỗi người một tiếng, họ khuyên can chị ta:

– Thôi, việc đâu còn có đó, dù sao cô ấy cũng mới sinh, cháu bé vừa mới đầy tháng.

– Khôn ba năm, dại một giờ, phụ nữ với nhau, chị thông cảm cho cô ấy... Biết đâu mọi tội lỗi lại thuộc chồng chị, còn cô ta cũng chỉ là nạn nhân thôi.

– Chồng tôi, tôi biết, lành như hòn đất, suốt ngày chỉ sách với vở, dọn dẹp thu vén cho ông ấy cũng đủ nhọc cái thân xác rồi, chỉ có lũ đĩ mới cám dỗ được anh ấy chứ anh ấy mà cám dỗ ai.

– Cái anh đàn ông càng hiền lành, càng ít nói, càng củ mỉ, cù mì càng ghê gớm, gớm ghê đấy chị ạ. Đừng coi thường những loại người như thế.

Trước khi ra về, người phụ nữ còn ném lại một câu từa tựa như lời của các bà hàng tôm hàng cá:

– Tao sẽ điện bắt thằng chồng tao ra đây. Còn mày – vẫn ngón tay trỏ nhịp lên nhịp xuống ấy – đừng nghĩ sẽ yên với tao đâu. Hôm nay tao nể các bác đây, nếu không tao đã xé xác mày ra rồi.

Đối với Loan, những vết xây xát trên người cô dù có nặng thế nào thì cũng không can hệ bao nhiêu, nhưng cái danh dự của một người phụ nữ thì đã mất, không gì bù đắp được. Cái tiếng đồn ồn ào lan đi, xoáy vòng như những cơn lốc vùi dập bao thanh danh, bao nhiêu giá trị mà suốt mấy chục năm qua người mẹ cô đã gây dựng trong lòng bà con láng giềng bằng chính cuộc sống trong sạch và đầy nhân hậu của mình.

Đấy là thời kỳ sau khi cô sanh bé Trường Sơn được hơn một tháng. Cô cảm rõ những mất mát như sờ mó được. Và điều đó dằn vặt cô như một thứ hình phạt nặng nề nhất. Gần như đêm nào Loan cũng khóc, những giọt nước mắt kỳ lạ, càng cố kìm lại, nén lại, nó càng tuôn ra, xối xả.

Điều khiến Loan vừa khổ đau, vừa bực tức đến căm giận là "anh ấy đã không giữ được lời hứa" đối với cô. Chưa bao giờ cô oán giận người bác sĩ ấy như lúc này. "Anh ấy đã tự thú với vợ của anh ấy để bảo vệ cái lòng trung thực của mình, anh ấy không hề nghĩ những hình phạt mà cô phải gánh chịu. Cái ác đã nằm ngay trong cái chân, cái thiện. Không hiểu anh ấy có nhận ra khi anh ấy lấy được lòng vợ anh ấy, lấy được niềm tin của chị ấy thì anh ấy đã gieo cho cô những tai họa".

Và bây giờ điều bức bách của cô là cái chết. Chỉ có cái chết là thoát khỏi mọi nỗi nhục nhã. Cô nhìn lên trần nhà, nơi cái móc quạt trần hàng ngày do điện yếu các cánh quạt chạy như đếm vòng, cô lục tìm trong trí nhớ một sợi dây. Phải rồi, chiếc võng dù Trường Sơn vẫn còn nằm nguyên trong ba lô trên nóc tủ kia. Đêm nay mẹ đi vắng...

Cô chồm dậy, lau vội hai dòng nước mắt... Bây giờ cô nhìn thấy rõ, không phải sợi dây võng dù mà là bé Trường Sơn. Có sợi dây vô hình thắt ruột cô lại. Nỗi chua chát, đắng cay không nói được, và cũng không có lối thoát.

Loan hoàn toàn không ngờ chính đứa con trai mới hơn tháng này lại là cánh cửa đóng kín mọi dự định và quyết tâm của cô. Nó sẽ sống với ai? Đêm nay ai sẽ cho nó bú? Khi giật mình tỉnh dậy, ai là người ôm ấp nó, vỗ về nó, ru nó tiếp tục giấc ngủ trẻ thơ... Thế là vừa hơn một tháng nó đã mồ côi cả bố lẫn mẹ!

Bây giờ thì cô hiểu rằng cô không đủ can đảm và quyết tâm để làm việc ấy. Cái sự thoát thân của cô không khó, cô đủ can đảm để từ bỏ thế giới trần tục đầy những khổ đau và nhục nhã này, nhưng cô đồng thời cũng nhận ra trong hành động tuyệt vọng của mình sự độc ác của con người, đúng ra là của người mẹ đối với đứa con vừa mới chào đời bằng tiếng khóc oa oa hôm nào đây thôi.

Cũng như anh ấy, để giữ sự yên ổn cho mình, anh quên mất cái sự không yên ổn của cô.

Một lần nữa, cô cũng không hiểu là lần thứ mấy, cô lấy khăn mùi soa lau mắt và đau đáu nhìn như hút vào gương mặt đứa con trai, cái núm ruột đầy hy vọng của cô. Nó giống anh ấy quá. Một đôi mày rậm hơi kéo dài ra phía mang tai. Vừng trán rộng và cao. Đôi môi hơi dày và đôi tai to như tai Phật. Từ lúc nào, cô quên đi nỗi căm giận người bố của đứa con trai này và thay vào tình cảm cô là nỗi nhớ anh da diết... Chẳng nhẽ nào anh lại hại cô. Anh trung thực như những già làng người dân tộc Tây Nguyên anh không sợ hy sinh và vì vậy anh không tránh né tội lỗi...

Bây giờ thì cô hiểu cái chết không đơn giản như hồi cô nói với anh ở gốc me rừng Trường Sơn, chỉ việc cắn lưỡi hay treo cổ. Một lần nào đấy, lâu lắm rồi, khi cô mới bốn năm tuổi gì đấy, mẹ nói với cô về người bố. Mẹ nhớ lại, lúc ấy gương mặt bố hốc hác, vàng võ và đầm đìa nước mắt. Câu cuối cùng bố lấy hết hơi sức còn lại thét lên trước hàng ngàn con người đang vung tay đả đảo bố, vung tay đòi trừng trị bố là:

– Đảng ơi, oan con lắm!!!

Đấy là thời kỳ ông bị quy, bị chụp cho cái mũ: gián điệp, cái mũ tay sai của đế quốc phong kiến không bao lâu sau những ngày chiến thắng Điện Biên lừng lẫy và hòa bình lập lại theo hiệp định Giơnevơ năm 1954.

Đêm đêm, khi cô giật mình tỉnh giấc. Cô vẫn nghe tiếng mẹ thổn thức trong mùi hương trầm trên bàn thờ bố ngào ngạt:

– Con ơi! Mai sau lớn lên chắc con sẽ hỏi mẹ vì sao con không có bố. Đừng nghe chúng nó. Chúng nó cũng là trẻ con như con mà, chúng làm sao biết được nỗi oan ức mà bố con cùng bao nhiêu người trung trực đã chết oan trong cái thời kỳ cải cách ruộng đất ấy. Nỗi mất mát này có gì đền bù được đâu con... tội nghiệp, chưa một ngày bố con được sống trong hạnh phúc trọn vẹn.

Bà lại khóc. Y như bây giờ, tiếng khóc bà có lúc nấc lên, lúc nghẹn lại. Và cũng như cô bây giờ, lần ấy mẹ nói:

– Mẹ đã định cắn lưỡi hay treo cổ, nhưng rồi khi lau nước mắt, mẹ lại nhìn thấy con. Lúc ấy không hiểu linh thiêng thế nào, con lại tỉnh ngủ, đôi mắt mở dần ra và chăm chắm nhìn vào gương mặt mẹ. Con hỏi: Mẹ ơi, mẹ tắm à? Tội nghiệp, không hiểu con còn đang ngủ hay con ngây thơ, nhìn gương mặt đẫm nước mắt của mẹ, con lại cho là mẹ mới tắm.

Lần ấy, mẹ nghĩ trời xui khiến con tỉnh dậy và nhắc mẹ đừng bỏ con bơ vơ. Và mẹ đã hiểu, không phải mẹ chỉ sống vì mẹ, mẹ sống vì con. Con người chỉ biết sống vì mình, nhục lắm con ạ. Thế là mẹ bỏ ngay cái ý định tự vẫn và chấp nhận tất cả chông gai để sống và nuôi con nên người. Và khi nghĩ được như thế, tâm hồn mẹ lại nhẹ nhàng thanh thản hơn, trước cuộc đời mẹ không có gì ân hận. Mẹ đã bỏ làng, chạy quanh quẩn và cuối cùng trở về Hà Nội làm thuê, làm mướn và nuôi con gái mẹ cho đến ngày cô lên đường đi vào Trường Sơn.

Mẹ cứ nghĩ, như thế là mẹ đã trả hết nghĩa với bố con... Không ngờ cô đã trở ra...

Loan chờ đợi ở mẹ một cử chỉ, một thái độ, một cách cư xử khác khi cô ở trong Trường Sơn trở ra. Ngay từ hồi ấy, với linh cảm kỳ diệu của người mẹ vốn không gặp may trong cuộc đời, và bà đã hiểu cùng với sự trở lại của con gái là một tai họa nữa sẽ giáng

xuống gia đình bà, giáng xuống chính cuộc đời nhiều đắng cay của mẹ con bà.

Trên đường vượt Trường Sơn với cái thai mỗi ngày một khác, Loan nghĩ nhiều về những lời trách cứ của mẹ, những ánh mắt khó chịu, và đêm đêm là những giòng nước mắt đau đớn, xót xa lặng lẽ trào ra của bà. Thậm chí Loan còn chấp nhận cả những lời nhiếc móc chua cay của mẹ. Nhưng tất cả đều ngược lại. Mẹ đã đón đứa con gái với tình thương ruột thịt của người mẹ, không một lời trách, không một tiếng than, ngay cả những lúc Loan thú nhận với mẹ tất cả, mẹ vẫn lặng lẽ khuyên con gái đừng buồn phiền.

Khi bé Trường Sơn ra đời, mẹ vui mừng thật sự. Cùng tiếng oa oa chào đời của cháu, gương mặt bà rạng lên, sung sướng và mãn nguyện.

– Thôi, thôi, bà nghe rồi, bà nghe rồi cháu của bà không phải kêu nữa, không phải gào như thế nữa.

Có nhẽ chưa khi nào Loan thấm thía được niềm thông cảm và độ lượng của mẹ bằng những ngày tháng vừa qua.

Để an ủi con gái, đêm đêm mẹ vẫn kể cho cô nghe về những chặng đường gian truân của mẹ. Mẹ hy vọng con gái sẽ hiểu được cuộc đời của bố mẹ cũng lắm gian truân, khúc mắc và tủi nhục không kém gì đời cô hôm nay. Đời không dành cho mình phận may, đành phải chấp nhận những cay đắng, điều quan trọng là phải biết hy vọng những nỗi oan trái sẽ có ngày được sáng tỏ. Những lúc như thế, dù người đời có đối xử ra sao đi nữa thì lương tâm mình vẫn thanh thản và đấy là điều dễ chịu hơn cả con ạ.

– Hồi ấy, mẹ cũng muốn chết như con bây giờ... Vào một đêm tháng mười, bố con ào vào nhà, cuống quýt hỏi mẹ căn hầm bí mật, nơi trước đây, thời nằm vùng mẹ đã đào cho bố, có còn không? Mẹ trả lời không còn nữa. Bố con kêu lên: "Thôi chết tôi rồi!"... Ông vừa kịp bắc cái ghế đẩu, người ta đã đạp cửa xô vào, lôi ông đi.

– Chúng tao đâu có để kẻ phản quốc chết dễ dàng như thế!

Họ cột chặt hai tay bố ra phía sau, lôi ra trước hàng ngàn người. Bố đi từng bước đau đớn, rã rời trong tiếng hô: đả đảo tên Việt gian! Đả đảo tên phản động, đả đảo tên bán nước.

Mẹ không đứng nổi nữa, mẹ run lên và ngã quy xuống...

– Hôm qua – Một lần nào đấy mẹ đã tâm sự với con gái – cũng những con người ấy, sao mẹ thấy ấm áp chân tình; đối với bố mẹ, họ gần như những người thân thiết ruột thịt. Những ngày đen tối vừa qua, họ coi bố con là ánh sáng, là niềm huy vọng, là những gì cao đẹp nhất mà rồi đây cuộc đời sẽ dành lại cho họ. Gặp một trận càn, họ che chở, gánh chịu, cùng với nỗi lo của mẹ, của gia đình là nỗi niềm của bà con, của nhân dân. Trước mặt kẻ thù, có lúc mẹ vẫn nhận được những ánh nhìn chân tình, tấm lòng yêu mến của bà con hàng xóm. Mẹ nghĩ, bố mẹ đã chịu đựng những ngày đêm cực nhục, đói khát và đầy nguy nan ấy chính vì tấm lòng của bà con mình. Không có những tấm lòng ấy làm sao bố mẹ sống nổi dù là một ngày, dù là một giờ.

Nhưng hôm nay, sau những ngày chiến thắng, thời kỳ nằm hầm ăn cơm vắt trong bóng tối đã qua, cũng những con người ấy, cũng vẫn những gương mặt thân thuộc của bà con mình ấy, sao mẹ thấy khác lạ quá. Dường như họ ngơ ngác và xa lạ, mỗi lần gặp mẹ, họ cố quay mặt lẩn tránh sang phía khác. Hình như họ sợ một ai đấy đang nhìn họ. Họ sợ một câu chào, thậm chí sợ cả một cái nhìn thông cảm, một cử chỉ dịu dàng... Họ sợ một cái gì đấy vô hình sẽ giáng xuống chính cuộc đời họ. Đúng ra họ chưa kịp hiểu gì cả, chưa kịp nhận ra mình cần phải làm những gì. Họ đang đứng giữa dòng xoáy, họ cuộn theo con xoáy với sự phân tâm trong lòng họ.

Nhiều đêm trăn trở, thao thức mẹ vẫn không sao hiểu được những người như bố con lại có thể theo giặc, theo bọn tề, làm Việt gian... Và bây giờ mẹ tin con gái mẹ, không như những lời đồn đại của thiên hạ.

Mẹ dừng lại nhìn con gái một lúc lâu như muốn tìm lại những nét quen thuộc nơi người chồng đã mất một cách oan uổng. Vì con, mẹ cố hết sức quên đi những ngày lầm lẫn đen tối còn hơn thời sống chui rúc trong vùng địch ấy, nhưng mẹ đã không làm được điều đó. Gần như đêm nào, sau khi nghe tiếng thở đều đều của con gái, mẹ biết giấc ngủ đã kéo con vào những giấc mơ huyền bí, mẹ lại gác tay lên trán nghĩ về người chồng đã sống với mẹ một cuộc sống âm thầm và quá ngắn ngủi.

Và lần này, mẹ nói với con gái cái câu mà không biết bao nhiêu lần mẹ đã nói với chính mẹ:

– Thôi con ạ. Khi cuộc đời còn nhiều nhố nhăng, thiện ác lẫn lộn, tốt hơn hết ta sống với lương tâm ta, con ạ. Khi con thấy lương tâm con không bị dày vò, day dứt, khi con thấy lương tâm con thanh thản vì không làm điều gì ác, đấy là lúc con sung sướng nhất, hạnh phúc nhất.

Lúc ấy, bất chợt Loan tròn xoe đôi mắt ngạc nhiên nhìn mẹ, nhìn vào gương mặt như một bức khắc họa của các họa sĩ danh tiếng thời Phục hưng hướng con người vào một niềm tin thiêng liêng nào đấy, một gương mặt đau khổ, phúc hậu đang cố thoát ra ngoài cuộc sống trần tục, đôi mắt mẹ hướng về tấm bằng liệt sĩ của bố với ý nghĩ thầm kín: ông sẽ chứng giám tất cả nỗi lòng bà không bao giờ thay đổi, luôn luôn yêu quý và kính trọng ông.

Hồi ấy, khi ông bị quy oan, Loan mới bốn hay năm tuổi gì đấy, bà hứa sẽ ở vậy thờ chồng và nuôi con nên người. Và sau này, khi bố cô được minh oan, được công nhận là liệt sĩ, mỗi tháng một lần, bà lấy tấm bằng liệt sĩ xuống lau chùi cẩn thận. Đúng ra, mỗi tháng một lần bà muốn nhìn thật gần gương mặt người con trai lúc đang yêu bà qua tấm ảnh 9x12 mà bà cố tình lồng trong tấm bằng liệt sĩ ấy.

Bà đặt một người thợ ở phố Hàng Khay làm cho bà một khung kính màu xanh, bà nói, bà rất sợ màu đỏ. Điều đó ngay cả đứa con gái thân thiết nhất của bà, bà cũng không thổ lộ. Không hiểu tại sao, bắt đầu từ cái hôm tháng mười ấy, sau ba phát súng, bà hình dung ra khuôn ngực chồng bà đẫm máu, những dòng máu từ con tim dạt dào tình yêu trào ra... Bà nghĩ đến những con lợn bị chọc tiết, bà nghĩ đến những con bò bị chọc tiết... Những dòng máu nóng hổi, đỏ tươi cũng như thế, như chính dòng máu đỏ tươi của chồng bà... Trong nhà bà gần như không có một vật gì màu đỏ. tường bà quét vôi xanh từ trên trần xuống dưới, chiếc giường tre màu ngà, ngả màu nâu già, nền nhà lát gạch hoa màu trắng viền xanh, một cái tủ sơn tím... Một lần Loan theo các bạn may một chiếc áo màu đỏ, tối về mẹ buồn, và khóc van con gái hãy để lại cho người khác. Loan không dám hỏi mẹ, nhưng nhìn nỗi khổ tâm của mẹ cùng

những giọt lệ nơi hai sống mũi, cô im lặng mang hai chiếc áo mà ai cũng cho rằng, mặc nó, Loan rất nổi, vẻ đẹp của cô được tôn lên nhiều lần.

Người thợ đã làm bà vừa lòng. Với cái khung kính ấy, với tấm bằng liệt sĩ và với một tấm ảnh 9x12 của chồng, bà hay sống lại cái tuổi trẻ sôi nổi nồng cháy của mình. Lần đầu tiên bà nhận của anh một nụ hôn nơi má, mãi nửa tháng sau bà vẫn chưa hết ngỡ ngàng, thỉnh thoảng bà lại đưa tay lên má như sờ chính cái nụ hôn của anh vừa ngượng ngùng vừa trách anh liều lĩnh vừa thấy lòng xao xuyến một nỗi nhớ mơ hồ. Nỗi nhớ cứ làm bà bần thần cho đến khi gặp lại anh...

Hơn tháng sau, Loan mới nhận được thư của bác sĩ Tâm. Lướt qua nét chữ, không cần bóc xem, cô xé làm đôi, vò bỏ sọt rác. Trái tim được trả thù như nhẹ hẳn đi. Tưởng như thế nhưng cô đã nhầm. Gần như suốt ngày cô không đứng ngồi yên, lòng bồn chồn, như có lửa. Tối, không giữ nỗi cái sự cứng rắn của mình được nữa, cô lại lục tìm bức thư, chắp nối, ghép lại và đọc một cách chăm chú.

Thế là đơn vị đã chuyển sâu vào trong nữa, cách nơi đóng quân hơn trăm cây số về phía Tây Nam. Trạm quân y được bổ sung thêm ba y tá một nam hai nữ. Anh chọn lựa, cố đào tạo cho mình một người phụ mổ, nhưng không ai bằng Loan. Người thì trình độ chuyên môn kém, mỗi lần cần gì cứ phải giải thích cặn kẽ mà vẫn làm sai ý anh. Người nhanh nhẹn thì lại thiếu cẩn thận.

"... Trong đơn vị, trừ bác sĩ "sắt đá" Nguyễn Dậu, ai cũng thương nhớ Loan, ai cũng hy vọng một ngày nào đấy Loan sẽ trở vào Trường Sơn."

Từ ngày Nguyễn Dậu tốt nghiệp bổ túc bác sĩ, anh ta vẫn tìm mọi cách lẩn tránh, lấy cớ phụ trách chính trị, không chịu đứng mổ, dù là một ca phẫu thuật bình thường – giữa lúc bác sĩ Tâm mệt đến không thở nổi, anh ta cũng thoái thác với nhiều lý do rất "chính đáng". Mọi việc lớn nhỏ, mọi ca mổ bình thường hay phức tạp vẫn vào tay bác sĩ Tâm. Tâm làm việc cặm cụi, không tính giờ, không suy nghĩ thiệt hơn, có lúc anh đứng mười mấy tiếng liên tục, ca này vừa xong, ca khác lại bắt đầu. Thương binh đau đớn kêu vang, thậm

chí có người còn rủa anh thậm tệ, anh vẫn im lặng, nhẫn nhục và thông cảm.

"Những lúc này mới thấy nhớ em, nhớ cái nhìn thông cảm và hiểu biết của em, nhớ sự săn sóc và an ủi của em. Mỗi cuộc họp, em là người mạnh mẽ nhất bảo vệ anh trước mọi sự vu khống, quy chụp của chính trị viên Nguyễn Dậu. Mỗi lần anh tranh thủ chợp mắt, em canh chừng không cho bất kỳ ai gọi anh dậy. Mỗi khi anh bị kỷ luật oan ức, em là người duy nhất hiểu được anh, bênh vực anh, chia với anh nỗi buồn oan ức, mỗi lần anh được khen thưởng, anh bắt gặp nơi em ánh mắt thật vui vẻ, thật thỏa nguyện... Ngoài những ca mổ thành công, cuộc đời anh không có gì vui nữa em ạ. Gần một năm rồi anh cũng không gửi thư về cho Thức và anh cũng không nhận được thư cô ấy...". Loan lại vò bức thư ném vào sọt rác.

"Không thư, không từ mà vợ anh đến đây đánh ghen với tôi à. Tôi không ngờ anh lại dối trá đến như thế! Hóa ra anh cũng là một loại Táctuýp[1], một thứ Thúc Sinh thôi".

Loan sẽ vén màn vào nằm với con. Nhưng đôi mắt cô vẫn mở to như đang nhìn ai. Đúng ra, Loan đang nhìn chính anh. Anh đang đứng đấy trước bàn mổ, con dao trong tay loang loáng, chăm chú thận trọng... Tự hồi nào cô hiểu anh không sống bằng cấp bậc, bằng những cái lon trên vai, bằng ba tấc lưỡi như bác sĩ Dậu. Con người ấy hôm qua là niềm tin của cô, là thần tượng của cô, hôm nay bỗng nhiên trở thành kẻ phản bội, trở thành kẻ thù của cô? Những dấu hỏi to tướng treo lơ lửng trước mắt Loan đang mở to không cách gì xóa nổi.

Tháng nào cũng vậy, vào những ngày đầu tháng, người đàn bà ấy lại đến đánh ghen, mắng chửi mẹ con Loan thậm tệ, làm náo loạn cái trật tự vốn đã trở thành truyền thống, thành nét đẹp của khu phố mẹ con cô đang ở. Loan chỉ biết cắn răng lại, ôm chặt bé Trường Sơn vào lòng nuốt nỗi nhục và những giọt nước mắt đắng như mật gấu.

Những lúc ấy cô nghĩ nhiều đến cái chết. Cô ước gì nếu không có bé Trường Sơn, chắc chắn cô không thể sống để chịu nhục như

---

1. Nhân vật trong vở kịch cùng tên của Môlie.

thế này. Chỉ cần cho cô mươi phút, cô có thể đi từ thế giới đầy đau khổ sang thế giới khác "thanh thản" hơn nhiều. Nhưng rồi chính cô lại tự sỉ vả mình ác. Đối với Loan bây giờ, Trường Sơn là hạnh phúc, là niềm vui, là lý do phải sống và tất cả những gì hy vọng của đời cô.

Giá như Tâm có làm điều gì không phải để cô phải lâm vào cảnh nhục nhã này thì cô cũng hiểu rằng, đấy không phải là điều anh mong muốn. Một lần nào đấy anh đã van vỉ cô giải quyết cái thai bởi nó còn rất nhỏ, chính cô đã khăng khăng không chịu và anh bất lực thở dài tự trách mình: "... Anh đã làm hại cả đời em." Loan hiểu, đối với những kẻ lừa dối, không bao giờ thốt ra được những lời sám hối như thế.

Đối với anh, cô hiểu đấy là nỗi đau xót thật sự. Cô không hiểu, hồi ấy tại sao cô không nghe anh, thậm chí còn giận anh nữa. Gần như choáng ngợp cả tình cảm và ý nghĩ của cô lúc ấy là hình ảnh đứa con, một đứa con mà cô tưởng tượng có gương mặt hao hao giống anh, một cái đầu hơi hói một tí và đôi mắt có vẻ gan lỳ nhưng lại rất nhu nhược.

Cô nghĩ rằng mai đây dù không được sống gần anh thì hình ảnh đứa con ấy sẽ là niềm an ủi của đời cô. Cô sẽ sống với con như sống với những kỷ niệm thiêng liêng trong cuộc đời người lính của mình. Mỗi lần nhớ anh, cô sẽ ôm nó vào lòng, sẽ hôn tới tấp lên cái gương mặt "đáng ghét" của nó, cô sẽ cắn vào má nó cho đến khi nó kêu lên, "Á á, con đau!" cô mới buông ra... Đối với cô đấy là niềm hạnh phúc, là mục đích của cuộc sống mà để đạt được nó cô đã chấp nhận đổi lấy cả cuộc đời cô.

Nhiều đêm không ngủ được cô không hiểu sao mình lại có những ý nghĩ kỳ quặc như thế. Cô tự hỏi rằng đấy có phải là tình yêu không? Những lúc ấy cô thường im lặng, giấu một nụ cười ngượng ngùng.

Thỉnh thoảng bà mẹ lại gần bên con gái, lựa lời khuyên giải:

– Đằng nào con gái mẹ cũng không sống như thế này cho đến già được. Cô cứ để thằng cháu này đây cho mẹ... Đừng kén chọn lắm con ạ. Hoàn cảnh mình nó khác.

– Con đã nói với mẹ là con không lấy chồng mà. Nếu lấy, trước đây con đã lấy rồi... Đối với con Trường Sơn đây là đủ rồi, mẹ ạ.

Bà mẹ thở dài. Mẹ không trách con gái, nhưng nỗi buồn thấm đậm trong đôi mắt mẹ. Sau cùng bà nói:

– Mẹ không hiểu được con gái của mẹ nữa. Con gái lớn thì đi lấy chồng. Ai ở mãi như thế đến già được, con. Còn làng xóm, bà con khu phố... Người tốt không nói gì, kẻ xấu có dịp lại đem chuyện con gái mẹ ra họ đàm tiếu.

– Mẹ đừng buồn... Con không yêu ai ngoài anh Tâm cả. Nhưng anh ấy đã có vợ rồi, con chịu. Dù sao, như con đã nói với mẹ, con đã có bé Trường Sơn. Nó giống anh ấy như tạc, mẹ ạ.

– Con của mẹ hóa rồ rồi hay sao ấy! Khi sinh con ra, mẹ đâu có ngờ đời con còn cay đắng, tủi nhục hơn cả đời mẹ thế này. Hồi ấy, dù sao mẹ cũng còn có một tấm chồng tử tế. Mẹ còn nhớ trong căn hầm ở dưới nền ngôi nhà ông bà ngoại con, căn hầm ẩm ướt và hôi mốc nữa, với chiếc đèn dầu lù mù, cùng với lá cờ đỏ sao vàng giăng lên vách hầm, đồng chí bí thư nắm tay hai người – cô dâu chú rể – tuyên bố: "Trước lá quốc kỳ, tôi công nhận từ giờ phút này anh chị là vợ chồng".

Chỉ có thế thôi, nhưng sao mẹ thấy lòng rưng rưng và hai hàng mi nặng nặng. Nhiều năm sau này, mẹ mới nghĩ được rằng đấy là những giây phút hạnh phúc hiếm hoi của mẹ, những giây phút thiêng liêng nhất của một đời người.

– Mẹ ơi, hạnh phúc của con khác kia... Cái đêm mưa Trường Sơn, chúng con bị địch tập kích bất ngờ, con và anh ấy chạy dạt qua bên kia con suối Sêpêrôc nhờ một thân cây lim đổ chắn ngang. Phía sau là đạn địch đuổi. Cả hai chạy đến không còn kịp nghĩ gì nữa. Khi đến một thung lũng toàn cây giá tị, chúng con dừng lại.

Lúc ấy, con ướt như chuột lột mẹ ạ. Anh ấy đã cởi quần áo của anh ấy ra cho con thay. Anh ấy còn trao luôn cả tấm áo mưa của anh cho con rồi với chiếc quần đùi anh chạy ra rừng chui một nửa người vào một hốc cây... Khi con tìm lại được thì anh ấy đã cảm lạnh, không nói được nữa. Cái chết đang từ từ đến với anh. Rồi bằng một sự ngẫu nhiên, con đã cứu anh ấy sống lại... Đấy là lúc hạnh phúc nhất đời con mẹ ạ. Chính những ngày đêm sau đấy chúng con đã sống với nhau như một đôi vợ chồng mới cưới. Phải không mẹ, ai lại đi tiếc điều gì đối với người đã hy sinh tất cả để chấp

nhận cả cái chết về mình... Vả lại, mẹ ạ, cả hai chúng con lúc ấy, mặc dù đã cố hết sức, nhưng không ai giữ nổi mình nữa. Lúc ấy quần áo của chúng con ướt hết, và để bảo vệ sự sống, cả hai phải quấn chung một tấm áo mưa... Mẹ ơi, có bao giờ người đàn ông họ thú nhận những việc như thế với vợ họ không hả mẹ?

– Anh đàn ông nào chẳng muốn chung tình với vợ... Ai dại gì dây vào tổ kiến lửa...

– Anh ấy khác mẹ ạ. Anh ấy sống trong sạch và cao cả. Đối với người phụ nữ ấy, anh là một đứa trẻ con ngây thơ và trong trắng. Mọi việc lớn nhỏ đều do người đàn bà ấy đạo diễn hết. Bằng linh cảm nào đấy, con hiểu tình yêu của anh đối với chị Thức là bổn phận và phụ thuộc. Và anh giữ cái bổn phận này như là sự giữ gìn tình yêu vậy mẹ ạ. Một lần nào đấy, con bắt gặp trong đôi mắt anh cái ánh nồng nàn, quyến rũ. Chỉ một lần ấy thôi và sau, anh lúng túng, luôn không dám nhìn con nữa, luôn muốn tìm cách xa con. Con hiểu đấy là sự vụng về, khó nói của con tim đang thời kỳ phá vỡ một cái gì, con không rõ, nhưng đã thành nếp hằn trong chính anh ấy, con nghĩ dường như đấy là thời kỳ anh hay xúc động... Không hiểu làm sao, con luôn nghĩ cuộc đời anh ấy còn khổ. Anh ấy đã cứu bao nhiêu người khỏi chết, kể cả Nguyễn Dậu, nhưng khi gặp tai họa, chắc sẽ không ai cứu nổi anh ấy, thậm chí có người còn đạp thêm cho anh ấy chóng xuống huyệt...

– Những người ở hiền bao giờ cũng gặp lành, con ạ. Phải tin như thế để mà sống, con gái của mẹ ạ.

– Đấy là chuyện đời xưa, mẹ ạ, là chuyện mơ ước của con người, còn trên cuộc đời thì cái ác vẫn ngang nhiên lộng hành. Mẹ mau quên quá, đời bố con đấy, mẹ xem. Lăn lộn, sống chết, ăn bụi, ngủ hầm, chui rúc, luồn lách khổ như con chó, còn hơn con chó nữa, thế mà kết thúc cuộc đời đau đớn, nhục nhã đến như thế là cùng. Có gì đâu, chỉ một lời vu khống của kẻ đào ngũ – tên Thân – bị bố con biết được, thế là tan nát cả sự nghiệp, tan nát cả cuộc đời. Bây giờ, mẹ xem, tên Thân ấy, đã nhảy lên đến Thường vụ tỉnh ủy, đến chức Phó chủ tịch một tỉnh, thỉnh thoảng vẫn đánh chiếc ô tô láng coóng về làng và mọi người lại khúm núm "chào bác ạ". Ai biết được lý

lịch hắn? Những người gần gũi và nắm rõ lai lịch hắn thì đã xanh cỏ từ thời Đội còn là Trời ấy rồi.

Trong đơn vị con ai dám hó hé đụng đến chính trị viên Nguyễn Dậu? Bởi y là bí thư, là chính trị viên. Đụng đến y là đụng đến Đảng. Mà Đảng thì thiêng liêng lắm, thiêng liêng hơn cả Trời, thiêng liêng hơn cả Chúa. Không ai dám nghĩ rằng: Đảng cũng là những con người, người đứng đầu Đảng cũng là một con người. Đã là Người thì chắc chắn không phải là Thánh, có thể là vĩ nhân, nhưng vĩ nhân vẫn là con người, có nhiều cái nhược thuộc về Người, nhất là ở giai đoạn con người chưa hoàn chỉnh những điều mơ ước, những điều thiện.

Lần nào đấy, bác sĩ Tâm gọi Nguyễn Dậu là một thứ ruột thừa của đơn vị, nó vô ích quá, nó không có tác dụng gì cho con người cả, nó chỉ chờ cơ hội có dịp là mưng mủ, gây sốt và giết con người thôi. Mỗi người chịu một cái ruột thừa đã quá mệt rồi. Nguyễn Dậu nghe được và tìm cách trả thù bác sĩ Tâm. Y là một con người rất lơ mơ về chuyên môn, nhưng lại sắc sảo về mặt nhận thức quyền lực, nhạy cảm về mặt giữ gìn uy tín và danh dự. Y phán đoán khá chính xác những ai không ưa y bằng sự ca ngợi y hay phê bình y, y để ý xem ai sau khi y phát biểu, y huấn thị mà không chịu vỗ tay, y xem tận mắt người ấy tình cảm đối với y nồng nhiệt, hay hững hờ, y để ý cả đến cái khom lưng, hai tay khúm núm giơ ra để nhận cái bắt tay của y... Riêng bác sĩ Tâm, trước hắn vẫn "nhơn nhơn". Con chưa thấy dù là một lần anh ấy chào Nguyễn Dậu, chưa một lần giơ tay ra trước chờ cái bắt tay của gã chính trị viên ấy... Nhưng mẹ có thấy người tài bao giờ cũng gặp nạn không mẹ?

– Chẳng phải bao giờ cũng thế đâu. Cứ ở hiền khắc sẽ gặp lành. Đời sinh ra ông Ác phải có ông Thiện chứ, không thì thiên hạ thành tro hết. Không có ông Bụt bên cạnh, cô Tấm làm sao sống được với mẹ con Cám.

– Mẹ buồn cười thật, cứ lẫn lộn chuyện đời xưa với chuyện đời nay, chuyện mơ ước với chuyện thực tế... Mẹ này... Nhưng thôi...

– Con định nói với mẹ chuyện gì, sao lại giấu mẹ?

– Con muốn theo học một lớp y khoa bổ túc ở Thái Bình, nhưng cháu còn bé quá, lại khổ thân bà.

– Thì con cứ đi, mặc bà cháu tôi.

Nhưng đấy không phải là điều Loan định nói với mẹ. Hôm qua cô thấy Thức ngồi trên xe ô tô du lịch với một vị nào đấy trông khác lắm, mặt mày phấn son, đầu dựa lên vai người đàn ông... Cô linh cảm một điều gì đấy, nhưng cô sợ mẹ mắng. Mẹ sợ nhất cái sự vu khống. Đời bố cô là bài học thấm thía đối với bà...

Bà mẹ vẫn im lặng và trong tâm tư lo ngại "con sợ mẹ vất vả phiền phức". Thực lòng bà không sợ điều ấy, nỗi lo của bà khác kia, nỗi lo về cái mụ vợ bác sĩ Tâm ấy. Sao mà có con người đanh đá thế không biết nữa. Mỗi lần chị ấy đến, ruột bà quặn thắt, nỗi lo về một tai họa không tránh khỏi. Lúc ấy bà chỉ cúi sấp mặt xuống hứng chịu những "cơn hồng thủy" của chị ta. Chị ta chửi con gái bà, bà cho còn có lý của nó, dù hoàn cảnh nào – ai mà biết được cái hoàn cảnh ấy của con bà – thì con bà cũng có lỗi, cũng có tội. Nhưng chỉ một lúc sau, chị ta đã dựng cả dòng họ nhà bà dậy mà nguyền rủa một cách nhẫn tâm, không hề biết ngượng mồm. Người đầu tiên sau Loan là bà, bởi nhẽ bà là người đẻ ra Loan, nuôi dưỡng, dạy bảo, hướng dẫn con gái đi vào cuộc đời. Bà cắn răng lại và nhẫn nhục chịu đựng. Thôi thì "con dại, cái mang". Nhưng chửi bà xong, chị ta lại dựng chồng bà dậy và chửi tiếp. Ông ấy có tội gì cơ chứ. Con bốn năm tuổi, ông ấy đã bị oan ức, bị quy chụp, bị gán ghép cho những tội lỗi của kẻ bán nước, bị đấu tố. Cả một đời thanh sạch, hết lòng vì bà con, vì dân mình, vì nước mình, để rồi chịu một cái chết nhục nhã. Cái đau của nỗi oan như vết thương lòng, làm sao hàn gắn được. Ai cũng đau xót và thương cảm ông ấy. Thế mà giờ đây, gần hai chục năm sau, lại có người đào mồ mả ông lên mà chửi bới, mà mạt sát... Người đàn bà này thật ghê gớm. Nỗi đau và uất ức khiến cổ bà nghẹn lại, thậm chí bà không trút ra được bằng những dòng nước mắt. Chưa bao giờ bà thấy nhục như những ngày ấy, nỗi nhục không hé răng được với ai lấy một lời, lấy một tiếng.

– Mẹ sợ quá con ạ. Mỗi tháng một lần họ đến đây đào mồ đào mả ông bà ta lên mà chửi... Thôi con đi học được cố mà xin đi. Bà cháu tôi có nhẽ phải đi sơ tán. Hôm qua bác tổ trưởng lại đến nhắc nhở.

– Con định kỳ này, nếu chị ta đến, con sẽ không nhín nhịn mãi nữa đâu, nhất định con sẽ cho chị ta một trận. Chị ta chẳng tốt lành gì với anh Tâm đâu mẹ ạ. Hôm qua tình cờ con gặp một người ở tòa soạn chị ta. Họ cho biết chị ta bây giờ "hách" lắm, phó ban, được thủ trưởng nuông chiều... Những người phụ nữ thường khôn ba năm dại một giờ, nhưng đối với chị ta thì chẳng dại giờ nào cả, còn ngược lại cái anh đàn ông thì chẳng có giờ nào khôn cả.

– Chị ta nói thế là ý làm sao?

– Làm sao nữa... Chị ta mua quyền lực, mua chức tước mà không phải trả tiền chứ còn sao nữa. Nghe đâu đang phấn đấu lên trưởng ban đấy... Hôm nọ con gặp trên xe Vonga...

– Thôi việc của người ta, mặc người ta con ạ.

– Con chỉ thấy tội anh Tâm, lỡ lầm có một lần đúng ra cũng là do hoàn cảnh thôi, mà cứ ân hận mình không xứng đáng với lòng chung thủy của vợ... Lần này con không nhịn nữa đâu... Chứng cớ đâu bà ta dám bảo con cướp chồng bà ấy.

– Thôi con ạ, chắc có đứa nào đấy xui nguyên giục bị, không thì làm sao chuyện trong tận Trường Sơn mà ở ngoài này chị ta lại biết...

Từ đấy Loan im lặng. Mẹ đã có lý. Đúng, không có kẻ xui nguyên giục bị làm sao chị ta biết mà dám mò đến tận cái Ngõ Gạch này đánh ghen. Và bây giờ thì Loan hiểu cái con người nham hiểm ấy là ai. Có nhẽ đây là lần duy nhất, khi nghĩ về con người nhân danh Đảng ấy, Loan cảm thấy buồn nôn.

Im lặng, cô gái gục mặt xuống, những giọt nước mắt lại trào ra, và cô kịp hiểu đấy là những giọt ân hận. Trước cô, Tâm trong sáng quá, đẹp đẽ và cao thượng nghìn lần hơn Nguyễn Dậu. Và cô không hiểu tại sao Đảng lại không đón nhận những người như anh ấy vào đội ngũ của mình. Nhưng rồi cũng chính cô giải đáp cho mình: Vào sao được, khi những người gác cửa cho Đảng lại là những người như Nguyễn Dậu.

Cô bỗng cảm thấy hốt hoảng khi lo nghĩ rằng hàng ngày Tâm sẽ chống đỡ làm sao bên cạnh những người như Nguyễn Dậu, một cái "ruột thừa" của đơn vị, đúng ra đấy là cái "ruột thừa" đang bị viêm cấp.

9.

Chiếc xe du lịch màu sữa bon nhẹ trên con đường nhựa đẫm sương đêm. Thỉnh thoảng lướt qua một lượn sóng hoặc vấp phải một ổ gà nhỏ mà người lái xe không tránh kịp, những người trong xe chao đảo một tí, cái sự chao đảo không đủ khuấy động hoặc làm gián đoạn mạch suy tư của mỗi người. Người phụ nữ ngồi trong xe đẹp như một đóa hoa, nhằm lúc chiếc xe nảy lên, ngã vào người đàn ông một tí, vừa đủ khơi gợi ở con người giàu cảm xúc những ham muốn, những hy vọng... Đấy là nghệ thuật mà chị đã rút ra từ kinh nghiệm của giới chị. Xong chị lại ngồi ngay ngắn, đưa hai tay ốp lại mái tóc mà người thợ nổi tiếng ở Hà Nội mới vừa sửa lại hôm qua. Nhìn qua tấm gương phía trước, chị rất hài lòng, thậm chí còn tự hào về sắc đẹp quyến rũ của mình.

Lần đầu tiên chị mặc loại mussoline màu đỏ thắm này, loại hàng nhũn, mỏng đến nỗi, lúc đứng trước gương thử lại, chị cảm thấy ngượng với chính mình. Một khuôn ngực hây hẩy, hơi cao và nặng nặng, với làn da mịn mát cứ như phập phồng trong cái màu đỏ tươi mát trẻ trung kia. Hơn ai hết, chị hiểu thời ấy, ở Hà Nội chưa ai mặc loại hàng này. Đây là một loại hàng tư bản, do một Việt kiều ở Pháp tặng quyền tổng biên tập Lê Hân của chị.

Rất thành thật, anh nói với chị rằng, với chiếc áo này, chị có thể đi thi hoa hậu thế giới. Lúc đầu, chị cho anh nói tếu, vốn anh ưa hài, nhưng qua giọng nói nghiêm chỉnh và đôi mắt nhìn hau háu vào khuôn ngực màu hồng của chị, chị biết anh đã không đùa. Tuy một con, nhưng ai cũng công nhận chị có thân hình một nữ diễn viên xiếc, các eo, các co vẫn rõ mồn một. Nhiều lúc một mình trong buồng tắm, chị đã tự ngắm mình, và bao giờ chị cũng tự hài lòng, tự kiêu hãnh về những nét nhẹ nhàng, thanh tú nơi khuôn ngực nở nang, những đường cong uyển chuyển nơi hai bầu vú mang vẻ đẹp rất tự nhiên.

Việc giữ được sự hài hòa, hấp dẫn của một thân thể như chị là cả một quá trình rèn luyện công phu. Mỗi buổi sáng, dù ấm áp mùa hè hay lạnh buốt mùa đông, chị đều dậy sớm và chịu khó tập thể dục theo đài. Chị không thuộc loại phàm ăn, chị biết ăn món gì không tạo mỡ, chị biết uống loại nước gì để giữ được da.

Điều chị hãnh diện hơn cả, là từ ngày hai người "thân" nhau, chưa bao giờ Lê Hân chán chị. Đối với anh, chị bao giờ cũng là một loại "hàng" cao cấp đầy quyến rũ. Vừa fini[1] đấy, anh đã lại muốn ôm chị, cắn vào chị. Hơn ai hết, chị biết mỗi chuyến đi công tác, vì lý do nào đấy không kéo chị đi theo được, anh rất buồn. Có lần anh nói không úp mở với chị: Đấy là một chuyến đi vô bổ, một chuyến đi nhạt nhẽo và không có mục đích. Chị hỏi anh mục đích ở đây anh định nói theo nghĩa nào, anh nhún vai cười, cái cười trông rất giống Saclô[2].

Chưa bao giờ chị nghĩ, Tâm lại có thể chán chị, thậm chí chê chị, đi theo một cô gái mà về sắc đẹp hãy còn là đàn em của chị. Từ khi gặp anh trên tàu điện, cho đến khi lấy anh làm chồng, chị cảm thấy yên tâm, bởi vì anh thật thà quá, lúc nào cũng đăm đắm vào mấy cuốn sách Y học, Sinh học, khoa học... Thậm chí đêm ngủ với vợ anh cũng chẳng "động tĩnh" gì, cứ co ro vào một góc giường. Nhiều lúc chị nghĩ, sao có con người "đụt" thế không biết nữa. Chị cảm thấy, chính chị là chồng, chứ không phải anh. Mọi việc trong gia đình, kể cả quan hệ vợ chồng, chị đều là người quyết định... Con người ấy, bỗng dưng thành kẻ ngoại tình, thành gia sư Juyliêng[3].

Trong việc này, chị hiểu một cách chắc chắn, chồng chị chỉ là nạn nhân, mọi việc đều do cái "con đĩ" ấy mà ra, nó lôi cuốn chồng chị, nó cướp chồng chị. Đối với chị, đó là một vết nhơ trong cuộc đời. Bây giờ chị nhận ra rằng, trên thế gian này, chẳng có anh đàn ông nào đứng đắn cả.

Chị nhớ lại, mấy tháng trước, không hiểu từ đâu, một cánh thư đóng dấu bưu điện Hà Nội, "bay" đến gia đình nhà chị. Thư không tên người gửi, không địa chỉ người gửi... Nó như một luồng khí độc làm đảo lộn cả không khí yên lành, êm ấm của hai mẹ con chị. Người viết tỏ ra rất khách quan, lời lẽ chân tình, tường thuật lại khá tỉ mỉ cuộc ngoại tình của chồng chị, bác sĩ Tâm và y tá Loan. Trước khi Loan mang bầu ra Bắc sanh nở, hai người còn rủ nhau

---

1. Xong.
2. Nhân vật hề nổi tiếng thế giới.
3. Nhân vật của Stăngđan trong Đỏ và Đen, vốn dút dát rụt rè sau thành một kẻ ngoại tình giàu kinh nghiệm.

qua bên kia con suối Sêrêpốc, đến tận gốc me cổ thụ. "Đấy là lần cuối cùng họ ân ái...". Đọc đến đây, Thức không tài nào tiếp tục được nữa, hai hàm răng nghiến lại đến nỗi nhìn kỹ mình trong gương, chị thấy gương mặt chị như "gồng" lên, tất cả sự hung dữ dồn lên đôi mắt bình thường vốn đẹp đẽ và đầy quyến rũ bỗng trở nên man dại như mắt dã thú sa bẫy. Lúc ấy giá có chồng chị hay cái "con đĩ Trường Sơn" ấy, chắc chắn chị đã như cái máy xay xát nghiền nát họ thành trấu, thành cám.

Theo địa chỉ trong thư, Thức đã lần tìm được đến cái phố Ngõ Gạch, vào đúng cái "ngõ gạch" nhà cô y tá Trường Sơn ấy. Chị đã nhận ra đúng chồng chị nơi vừng trán hơi hói, đôi môi hơi dày, đôi mày rậm và dài của thằng bé.

– Anh có biết không, hôm ấy em đã cho con đĩ một trận... Nó rồi còn phải nhục với em. Đấy là lời tâm sự đầu tiên của Thức với Lê Hân về cái vụ ngoại tình của chồng mình.

– Vụng về như thằng nhà quê Juyliêng mà còn biết cách làm cho bà Đơ Rênan mề mệt nữa là. Cái anh đàn ông mà không biết ngoại tình không thể gọi đấy là đàn ông. Lê Hân giải thích một cách cực đoan cái quan niệm "tự do" kiểu anh ta.

– Thôi im đi, lần đầu tiên chị cáu gắt với vị thủ trưởng của mình.

Đêm ấy chị đọc lại lá thư lần nữa, của người "đồng chí" nào tốt bụng đã thông tin cho chị biết sự phản bội của người chồng mà lâu nay chị rất mực tin tưởng. Chị có đặt cho chính chị những dấu hỏi về sự vu khống của những kẻ xấu, muốn hại chồng chị. Chị hiểu anh thật thà và vụng về, anh không thuộc loại đàn ông biết tán gái, thấy phụ nữ "sạch nước cản" một tí, mắt cứ hau háu, giọng cứ ngọt như mía lùi. Loại người như thế không ít và cũng không ít cô gái nhẹ dạ sa vào cái lưỡi câu tình ái của họ.

Nhưng rồi, một câu hỏi khác lại đặt ra trước chị, rành rẽ từng chi tiết một, kể cả chi tiết y tá Loan bị đuổi một cách nhục nhã ra miền Bắc. Đồng chí ấy còn cho biết cả số nhà cô ta, thậm chí bức thư còn thông báo cho chị tháng nằm chỗ của cô ta nữa.

Bây giờ, chị mới vỡ nhẽ vì sao gần một năm qua Tâm không gửi thư về cho mẹ con chị. Người đàn ông khi đã bạc tình, họ không

thiết gì vợ con nữa. Sự hấp dẫn đối với họ bây giờ là một khuôn mặt mới đầy quyến rũ, là sự hòa hợp mới mẻ, là tình yêu vụng trộm nhưng bao giờ cũng có sức hút kỳ lạ, khác thường.

Đêm ấy, Thức quyết định trước tiên là trả thù cái người chồng bội bạc bằng cách trang điểm lại dung nhan thật hấp dẫn, kẻ lông mày, tô một tí màu xanh trên hàng mi dài cho đôi mắt thêm tình tứ, mặc chiếc áo mousseline màu đỏ, đạp xe đến tòa soạn.

Và ở đấy, Thức gặp Lê Hân đang viết bài phản bác lối làm ăn theo tư bản của một tỉnh nọ về cách khoán nông nghiệp. Đang viết giữa chừng, chị vào, anh bỏ bút và ôm ghì ngay lấy chị. Đêm ấy, chị đã để cho Lê Hân thỏa thuê ngắm nghía và vuốt ve thân thể mình, từ món tóc mượt như nhung đến đôi gót chân hồng hồng.

Đêm ấy anh không hề hẹn chị, nhưng anh cũng không hỏi vì sao chị đến... Khi chị ra về, chuông nhà thờ đã đổ mười hai tiếng. Từ đấy đến sáng chị không hề chợp mắt. Nỗi căm giận cứ sôi lên không dứt trong lòng chị. Chị hứa với mình, chắc chắn chị không để "cái con đĩ Trường Sơn" ấy yên thân với chị. Chị phải làm cho nó nhục nhã, ê chề và đâm đầu xuống con sông Hồng mà tự vận hay treo cổ lên mà chết. Cái kết thúc cuộc đời ấy, chị để cho nó tự chọn, nhưng chắc chắn là nó không sống được trên cõi đời này với chị.

– Thế giới này, nếu có tôi thì sẽ không có nó. Chị nhắc lại với Lê Hân nỗi căm phẫn của cơn ghen đang dày vò chị.

Và bây giờ Lê Hân mới chợt nhận ra vì sao cái đêm không hẹn ấy, Thức đã đến để "cho" anh tất cả những gì mà anh muốn trên thân thể ngọc ngà của chị. "Người đàn bà khi họ trả thù cho sự bội bạc tình yêu là như thế đấy!". Anh nghĩ như thế và thốt ra một câu, tưởng chẳng ăn nhập gì với tâm trạng của chị:

– Chiến tranh là sự khủng hoảng toàn diện, kể cả khủng hoảng sinh lý.

– Anh mang cái vỏ của ông Các Mác[1], nhưng lại là môn đệ của Phơrớt[2].

---

1. Ý nói anh ta là người cộng sản.
2. Đigmundơ Phơrớt, thầy thuốc người Áo, lý giải các hành vi tinh thần bằng những nguyên nhân sinh lý.

Với câu nói bóng bẩy nhưng sâu sắc ấy, Thức tưởng có thể làm Lê Hân bực mình và giận chị. Nhưng anh lại nhoẻn cười và không thể hiểu vì sao, mỗi lần nhìn anh cười, chị thấy đểu đểu thế nào ấy. Chị im lặng và cố giữ mình. Lúc này không phải là lúc chị có thể trút lên đầu anh những nỗi căm giận do người chồng chị gây nên. Mục đích của chuyến đi Tam Đảo kỳ này của chị với Lê Hân không phải là bộc bạch việc đánh ghen của mình mà điều chị nung nấu lâu nay là tìm mọi cách vòi cho được cái chức trưởng ban mà anh đã hứa giải quyết cho chị.

Một lần, khi đi công tác ở Đồ Sơn, chờ mọi người về hết chị mới lần vào chỗ anh xin nước ngọt để dội lại. Khác những lần trước, chị cài chốt cẩn thận, cởi hết quần áo, xoa xà phòng thơm khắp người. Anh xô, ẩy, gõ... chị cương quyết không mở. Lần ấy, anh đã hứa sẽ tìm cách đưa chị lên trưởng ban.

– Chắc không? Nếu anh hứa hươu thì sao? Từ trong buồng tắm, vừa vỗ bôm bốp vào đùi chị vừa hỏi vọng ra.

– Anh sẽ đẩy cái thằng cha trưởng ban đang ngồi trên đầu em ấy đi nơi khác... Em tin anh đi.

Chị mở cửa và anh lao vào, quên cả cài chốt...

– Người ta nói anh là một "ông" dê cụ, anh có nghe không?

– Dê là một loài vật sung sướng nhất...

Hôm ấy đến nay đã sáu tháng rồi, Lê Hân vẫn không đẩy được cái tay trưởng ban đáng ghét kia đi. Kể ra anh ta không phải là người xấu. Anh ta làm việc chu đáo và chăm chỉ. Tính anh ta điềm đạm và nghiêm túc. Nhưng không hiểu sao chị cứ gờn gợn về cái con người mực thước ấy.

Dưới con mắt có cái vẻ ngoài lặng lẽ ấy của anh ta, chị không giấu được những hành động tội lỗi của mình. Anh ta không hé răng lấy một lời, nhưng cả tòa soạn và ngay cả Lê Hân cũng nể và sợ anh ta. Đã từ lâu, Lê Hân như một con mèo kiên nhẫn ngồi bên hang chuột, chờ bất cứ sự sơ xuất, khiếm khuyết nào của anh ta để cho anh chuyển công tác, hoặc vận động, ép buộc anh ta về hưu non. Nhưng cho đến nay, sau nhiều lần thất hứa với Thức, Lê Hân vẫn chưa tìm được một cái cớ nào khả dĩ hợp lý cả.

Cuối cùng anh thành thật:

– Khổ nỗi là anh chưa biết tống cái thằng cha trưởng ban này đi đâu. Em chờ hai tháng nữa, trường Đảng mở khóa, anh tống hắn vào đấy cho hắn học ba năm...

Hai tháng trôi đi nhanh như một cơn gió thoảng, nhưng với chị là cả một thời gian dài dằng dặc, chị phải tính từng ngày. Và khi cái ngày ấy đến, chị vẫn thấy không khí trong tòa soạn lặng lẽ, mọi việc vẫn trôi chảy như một dòng sông nhẫn nại, chị vẫn ngồi ghế của chị và tay trưởng ban kia vẫn là "sếp" trực tiếp của chị, nghiêm chỉnh và cần mẫn trong mọi công việc được giao, mọi cán bộ dưới quyền vẫn kính nể anh ta. Nói tóm lại, cái ghế anh ta vẫn còn đủ bốn chân và bắt chặt vào lòng mọi người bằng năng lực thực sự và đức độ của chính anh ta.

– Khổ quá, khóa học ấy lại hoãn đến đầu năm mới khai giảng. Lê Hân lại vò đầu bứt tai thanh minh.

– Vì sao cứ hoãn mãi thế anh?

– Chiêu sinh chưa đủ... Những thằng cha làm được việc, nghĩa là hợp với phe cánh mình thì cơ quan không cho đi. Những thằng chống đối, phá phách, những đứa cứng đầu, ương ngạnh không làm được việc mới bị tống vào trường Đảng này. Cái tên thì nghe "oai", bằng cấp có vẻ "học vị" thật, nhưng thực chất là một cách đối phó của nhiều thủ trưởng các cơ quan. Tống chúng nó đi cho đỡ ngứa mắt. Nhồi nhét ba cái thứ lý luận nửa mùa ấy vào, cuối cùng của thiên cũng trả địa thôi, chẳng thằng nào làm nên công cán gì hết.

– Lần đầu tiên em nghe anh nói một điều hết sức nghiêm chỉnh mà cứ như xem phim Saclô vậy là sao?

– Em ngây thơ quá. Lý luận là lý luận, còn thực tế là thực tế. Đã từ lâu, lý luận của mình thì ở tít trên mây, chỉ thấy toàn ngũ sắc cầu vồng rực rỡ, còn thực tế thì lại ở ngay sát đất, nơi ta vẫn sống, trần trụi và đầy rẫy những điều phi lý, những phức tạp, những mâu thuẫn. Chủ nghĩa xã hội thì xây dựng trần ai khổ ải, trèo lên một bước lại tụt xuống hai bước. Nhưng báo chí tuyên huấn, tuyên truyền là phải phối hợp chặt chẽ, hài hòa như một dàn nhạc: đàn, sáo, kèn, trống cứ phải gióng lên càng rầm rộ càng tốt, phải biết thổi vào đầu óc mọi người niềm lạc quan cách mạng, vẫn cứ phải

"ca" các bài ca hùng hồn về tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội, về sức sản xuất được giải phóng, về vai trò làm chủ tập thể của mọi người, về đời sống sinh hoạt của nhân dân lao động đang được cải thiện...

– Sao thế anh?

– Trên muốn thế, dưới phải nghe, không nghe, mất "ghế" ngay. Ngày xưa, khối nhà Nho treo ấn từ quan, nhưng ngày nay, đốt đuốc tìm không ra những người như thế... Chỉ những anh bị kỷ luật, bị cách chức mới phải chịu rời cái ghế của mình thôi.

– Lần đầu tiên em nghe anh nói như một thứ phản động, em là công an, em sẽ xích tay anh ngay.

– Em trông cơ quan ta thì biết, khối anh ở trường Đảng về, có ai làm được gì mới hơn, ra hồn hơn đâu. Ông Các Mác, ông Lê Nin nói một đằng, lại đi hiểu ra một nẻo. Em không thấy có tay bí thư huyện đưa dân lên đồi ư? Đúng là một tay biết cách đày ải dân. Người ta nóng vội, muốn nhìn ngay cái chủ nghĩa xã hội công bằng, tốt đẹp như người ta ao ước: ai cũng muốn đốt cháy giai đoạn... như đốt than củi trong cái lò gạch vậy.

– Thì chính anh cũng viết bài ca ngợi cái ông bí thư ấy kia mà! Em không hiểu nổi anh nữa.

– Ý trên muốn nhân điển hình, báo chí phải có nhiệm vụ đưa nó lên. Thực ra đấy là một thằng cha lái bò, cho nó đi buôn súc vật thì hợp chứ đưa nó lên nắm vận mệnh hàng vạn dân trong một huyện thì quá quắt. Hồi xưa, bổ nhiệm một tri phủ đâu phải dễ, ít nhất phải có cái bằng cử nhân, ngược lại ta bây giờ chú ý nhiều đến cái thành phần lý lịch mà ít coi trọng chữ nghĩa. Những anh có học thường ít được chú ý cất nhắc, đề bạt, ít được trọng dụng. Mọi quan hệ xã hội, kể cả đạo đức cổ truyền dần dần bị biến dạng mà không ai thấy nguy hiểm cả. Chủ nghĩa xã hội dần dần chỉ còn cái tên, chỉ còn là chiếc áo khoác ngoài cho có vẻ màu mè, nội dung thì không phải thế, thực chất nó cũng biến dạng đi rồi.

– Nếu đúng như anh nói, anh là người có tội, anh phải chịu trách nhiệm trước tội lỗi của mình.

– Anh thực chất cũng chỉ là một gã thổi kèn, chỉ có điều hơi anh khỏe, thành thử tiếng kèn anh kêu to, thế thôi.

Đã đến lúc Thức chán ngán, không muốn nghe nữa. Cũng là một con người ấy, cũng một cái lưỡi ấy, anh nói xuôi chị nghe cũng phải, anh nói ngược chị nghe cũng có lý. Hôm qua anh ca ngợi những người nông dân, những bần cố nông bị thất học như những nhà cách mạng chân chính, hôm nay anh đưa họ lên sân khấu để làm trò cười và kết tội cho họ là những kẻ đã làm biến dạng chủ nghĩa xã hội vì sự thiếu chữ nghĩa của họ. Anh đúng là một "nhà hùng biện", một quyền tổng biên tập tài năng, ứng đối mau lẹ, không bao giờ đi chệch con đường của người lãnh đạo trực tiếp của anh. vừa phục Lê Hân sát đất, chị vừa khinh anh, kinh tởm anh.

Chiếc xe du lịch màu sữa đã nhẹ nhàng lướt vào tòa nhà tỉnh ủy, một ngôi nhà khang trang, bệ vệ. Thức nghĩ mãi vẫn chưa hiểu nó được xây theo một thứ kiến trúc nào, nom nó vừa đồ sộ lại vừa nặng nề, mọi đường nét tưởng như cách tân hóa ra lại rất thô thiển.

Nghe tiếng xe, mọi người đổ ra như khung cảnh một ngày hội. Những gương mặt rạng rỡ, anh ánh nét hãnh diện, những bàn tay nhiệt tình giơ ra, chờ đợi như đón một niềm hy vọng, những câu chào, lời hỏi chen đan ríu rít, mừng rỡ. Xa hơn một tí, ở vòng ngoài, chị bắt gặp những gương mặt, những dáng vẻ khúm núm, môi luôn mấp máy chuẩn bị những câu chào kính trọng.

Lê Hân tranh thủ làm việc. Anh đúng là con người năng nổ và đầy sức lực. Thường trực tỉnh ủy đã chuẩn bị sẵn một bản báo cáo với nhiều con số cụ thể về những thành tích tiến bộ vượt bực của tỉnh nhà. Những con số làm nức lòng các nhà báo đang hăm hở. Những cây bút trút mực xuống trang giấy. Những máy ảnh chớp nháy liên hồi.

Sau buổi làm việc, Lê Hân đề nghị "chủ nhà" cho đoàn đi tham quan một hợp tác xã đang thu hoạch, một nhà mẫu giáo...

Trong bữa cơm trưa hôm ấy, Lê Hân tranh thủ đề nghị với Thức:

– Đúng, cô phải viết cho được cái mô hình này. Phải biết nhân điển hình cho chủ nghĩa xã hội cô ạ.

Đoàn hôm ấy đi hai xe, tám người, kể cả lái xe. Nhưng tỉnh ủy đã chỉ thị cho hợp tác xã phải mổ một con bò, hai con lợn và hai

mươi con gà, chưa kể mười ký cá chép và cá trắm cỏ. Vì ngoài đoàn của Lê Hân, còn có đoàn của tỉnh, đoàn của huyện và đoàn của xã.

– Tỉnh ta có nhiều hợp tác xã như thế này không, thưa đồng chí? Thức hỏi đồng chí thường trực tỉnh ủy.

– Báo cáo các đồng chí, tỉnh chúng tôi 90 phần trăm hợp tác xã đạt tiêu chuẩn hợp tác xã tiên tiến. Người nông dân nói chung *phấn khởi*, anh nhấn mạnh, hết lòng với hợp tác, không còn cái cảnh chân trong chân ngoài như nhiều nơi khác. Ai chân trong, chân ngoài, chúng tôi kiểm điểm và cho đi cải tạo ngay. Phải chuyên chính mạnh vào thì mới cải tạo được tư tưởng tư hữu nghìn đời của nông dân ta. Thức hơi rờn rợn về mấy cái từ "chuyên chính mạnh vào", và vội lái câu chuyện sang hướng khác.

– Nghĩa vụ quân sự ở đây có đạt chỉ tiêu không đồng chí?

– Chúng tôi vượt mức. Ở đây thanh niên đến tuổi 17 là chúng tôi huy động... Nói đến tiền tuyến, không ai do dự, không ai chần chừ.

– Trước đây chúng tôi qua các chợ thấy sầm uất lắm...

– Bây giờ khác. Thương nghiệp cử người về từng hộ dân, vào tận chuồng lợn từng nhà xem xét, một con cũng không "rơi vãi" đi đâu được. Gà vịt chúng tôi còn quản lý nữa là lợn. Mình không chặt chẽ thế làm sao xây dựng được chủ nghĩa xã hội... Cải tạo con người khó lắm, các đồng chí ạ, ai cũng muốn làm giàu cho riêng mình, kinh nghiệm chúng tôi, cứ buông lơi một tí là chủ nghĩa tư bản trỗi dậy. Cái chủ nghĩa tư bản nó thối nát đến tận xương tủy như thế, ai cũng được học tập, ai cũng nhìn thấy rõ, nhưng không hiểu sao khối người muốn lao vào nó, muốn làm giàu riêng lẻ...

Sau bữa cơm trưa, xe lại lăn bánh nhẹ nhàng đưa đoàn trở về. Riêng Lê Hân, anh còn tạt qua Tam Đảo. Anh nói rằng, anh sẽ lên đây, vừa nghỉ, vừa viết một bài báo quan trọng về vấn đề hợp tác xã nông nghiệp. Theo anh, cần phải khẳng định một lần nữa, mặt tích cực, mặt sáng tạo của những hợp tác xã chúng ta để cho những cái đầu bảo thủ nhận thức cho rõ, cho đúng và đừng bao giờ có cái ý định "xét đi, xét lại" cái sự sáng tạo này của chúng ta.

Nhưng, điều quan trọng đối với anh là lên Tam Đảo, anh sẽ được sống với Thức, người phụ nữ hấp dẫn, lúc nào cũng sẵn sàng hiến dâng trọn vẹn cho anh.

– Tuyệt diệu! Lần nào cũng vậy, mỗi khi đặt chân lên Tam Đảo, Thức đều kêu lên với vẻ thành thật đầy mãn nguyện. Chỉ cách Hà Nội hơn 80 cây số, nhưng ở đấy cứ như một thế giới khác, một miền quê nào đấy của châu Âu. Khí hậu mát mẻ, trong lành lúc nào cũng cứ như đang sống với một buổi mai mùa thu Hà Nội sau những cơn mưa rào gội sạch cả bầu trời và mặt đất. Đồi núi lô xô, những ngôi biệt thự thanh lịch ẩn mình trong mây, lúc hiện lên với dáng trang nghiêm, lúc mờ đi như những chốn thần tiên. Những con đường mềm mại màu sẫm lượn quanh từ dưới chân dốc chạy lên vòng vèo trên các mỏm đồi, đổ về các ngôi biệt thự. Nhiều lúc, Thức cảm giác mình đang bồng bềnh giữa những đám mây bông xốp nhẹ, trôi nổi trên các nóc biệt thự.

Lê Hân ở một ngôi biệt thự dành riêng cho các cán bộ cao cấp ở khu đồi A, cách ngọn đồi nơi Thức ở hơn nửa cây số. Chị hiểu rằng việc bố trí nơi ở này chỉ là hình thức. Phải tỏ ra cho mọi người thấy sự nghiêm túc của những loại cán bộ cỡ anh. Điều đó hoàn toàn không ảnh hưởng đến việc chị đi bách bộ qua "thăm và làm việc" với anh.

Gần như suốt buổi chiều Thức đi dạo quanh các vườn hoa. Chị say sưa ngắm những giò phong lan màu sắc nhuần nhị, mỗi đóa hoa cứ gợi cho Thức một khao khát, một niềm mơ ước nào đấy. Chị ngồi hàng giờ liền bên một vườn hồng, uống no nê hương sắc quyến rũ của nó. Những đóa hoa hồng nhung nở xòe ra như những chiếc bát, màu đỏ thắm cứ gieo vào chị nỗi nhớ biển với bộ quần áo tắm sắc màu như những bông gạo, tôn làn da trắng mịn như tuyết của chị lên, nhất là lúc nhìn chính đôi bắp đùi mình trong biển nước trong veo. Những lúc ấy chị nghĩ làn nước biển ấy đã tôn vẻ đẹp chị lên nhiều lần chứ không phải do bộ đồ tắm kia. Đôi mắt chị nhìn không chớp vào từng cánh hoa như có tuyết, loại tuyết nhung êm dịu ngọt ngào. Những bông hoa hồng bạch tinh khiết dường như đang lấp lánh những giọt sương chiều từa tựa như những giọt thủy ngân. Và kia nữa, dãy hồng đen, mỗi bông hồng như một nỗi buồn của người con gái thất tình. Loại này ở ta, nghe đâu chỉ có ở cao nguyên Di Linh hay vùng Đà Lạt gì đấy. Chị hiểu chắc các bạn Bungari đã làm quà cho ta. Từng cánh hoa đen nhánh cứ như sơn mài, và làn hương sao cứ làm chị lâng lâng, xao xuyến như thuở dậy thì đầy

mơ mộng... Mấy lần chị định đứng dậy đi nơi khác, nhưng cứ thấy tiếng tiếc, không đành, không nỡ. Chỉ có những lúc như thế này, chị mới cảm nhận được sự thanh thản trong tâm hồn, cảm nhận trở lại cái vẻ hồn nhiên và hay tư lự của thời con gái. Chưa bao giờ chị thấy đời đẹp như thời ấy...

Còn bây giờ, nhiều đêm thao thức, chị cảm thấy cuộc sống đầy những cạm bẫy, người này "gài" người kia, kẻ mạnh trù dập kẻ yếu, người có quyền lực sống như một thứ chủ nô hiện đại, tranh giành nhau từng đồng lương, từng cái "chân ghế". Mối quan hệ giữa người và người mỗi ngày một xấu đi, ai thấy cũng xót xa nhưng ai cũng tặc lưỡi buông xuôi. Không ít kẻ sống giả dối, sống với cái vẻ ngoài rất công tâm, rất "cách mạng", rất "Mác xít", nhưng bên trong lại thủ một "con dao" thật nhọn, thật sắc, sẵn sàng không buông tha bạn mình, đồng chí mình, thậm chí cả ân nhân mình nếu vì thế mà mình ngoi lên được.

Thức bỗng rùng mình khi lương tâm bắt đầu tiếp cận với chính mình. Hơn ai hết, chị hiểu rằng muốn đưa một cô sinh viên mới tốt nghiệp đại học lên cái chức phó phòng, Lê Hân đã phải tạo cớ kỷ luật người bạn đã từng giới thiệu chị về tòa soạn này. Nguyên nhân kỷ luật thật đơn giản: anh lấy số liệu chưa chính xác, bị người ta "kiện". Thật ra, họ chỉ đề nghị tòa soạn xem lại, nếu đúng cho đính chính, thế thôi. Từ phó phòng chị nhảy lên trưởng phòng một cách nhẹ nhàng như bước lên cầu thang vậy: đồng chí trưởng phòng đi học lớp văn hóa nghiệp vụ báo chí... Và bây giờ, khi Lê Hân rắp tâm tống tay trưởng ban vào trường Đảng, cái ghế trưởng ban đang ở trước mắt chị, trong tầm tay chị, biết thế, nhưng không hiểu sao chị vẫn cảm thấy sốt ruột, thấy nôn nóng. Chị hiểu mình đâu phải ít kẻ thù. Không gì bằng cầm chắc trong tay cái quyết định...

Cùng với cái ghế trưởng ban, chị hiểu chị sẽ được mọi ưu đãi. Chị được vào chợ Vân Hồ, chợ Nhà Thờ, một loại chợ đặc biệt, cái gì cũng có, cái gì cũng rẻ, nó chỉ kém Tôn Đản nơi dành riêng cho hàng Bộ trưởng trở lên thôi... và có quyền lực. Cái anh phó chỉ là kẻ giúp việc, một loại tay chân của anh trưởng. Với cương vị mới, chỉ cần một tiếng nói của chị là mọi người đã vâng vâng dạ dạ. Mỗi lần đi công tác về, nhân viên tha hồ trút vào nhà chị "gọi là chút quà nhỏ cho cháu", đủ các thứ trên đời, mùa nào thức ấy. Chắc chắn

chị sẽ được nhận nhà mới, một căn hộ dành cho cán bộ trung cấp. Trong chuyến đi này, chị quyết đòi cho được, mặc cả cho ngã giá cái chức trưởng ban đầy hấp dẫn mà nhiều lần anh đã hứa với chị.

Không phải không có lúc chị khuyên nhủ chị hãy trở về với cuộc sống trong sáng, hồn nhiên của thời sinh viên. Chị dằn vặt đau khổ với chính những gì mà chị đã làm. Hơn ai hết, chị hiểu cái sự xuống cấp của lương tri, của nhân phẩm, của đạo đức xã hội bắt đầu từ chính những con người như chị, nhưng không lần nào chị chiến thắng nỗi những cám dỗ vật chất rất cụ thể kia. Lương tâm chị có bị đào xới lên một chút, nhưng sau đấy lại được lấp đầy bằng những lý lẽ suông sẻ, hợp lý...

Buổi chiều, sau khi cơm nước xong, các nhân viên phục vụ đã về nhà riêng, chị khóa cửa buồng, lặng lẽ ra đi như một cuộc dạo chơi bình thường, theo một con đường quanh co đổ dốc và lần qua quả đồi nơi Lê Hân đang ở. Hai người uống nước trà, xem ti vi. Xong, chị vào phòng tắm trang điểm lại, cởi cả áo lót, mặc một chiếc mini mỏng, dưới ánh điện cả da thịt chị hiện ra trong ngần. Chị ngắm đi ngắm lại chiếc mini mà người thợ không biết vô tình hay hữu ý đã khoét cái cổ hơi rộng làm nổi cả đôi bờ vai thon thả nhẹ nhàng, mang vẻ đẹp của phương Tây nhiều hơn phương Đông, bạn bè vẫn khen chị mặc chiếc mini này rất hấp dẫn, rất "môđen". Màu vải hồng tôn cái cổ cao mịn màng và đôi vai của chị nom thật êm ả. Mỗi khi chị khom xuống một tí, cả khuôn ngực chị hiện ra rắn chắc với những đường nét hài hòa, có lúc như ẩn, như hiện giữa hư và thực.

Chị tự hứa với mình, đêm nay chị sẽ không cho anh đụng vào người chị, chừng nào anh không hứa một cách chắc chắn sẽ trao cho chị cái quyết định trưởng ban như anh đã hứa. Bằng kinh nghiệm của mình, chị sẽ như vô tình cho anh được cái diễm phúc mục kích tất cả những gì kín đáo nhất của thân thể chị, từ sự ẩn hiện của khuôn ngực tròn trịa, đến đôi tay trần nõn nà, từ cặp đùi trắng trẻo đến đôi mắt tình tứ lúc nào cũng như muốn nuốt lấy anh...

Khi anh nắm bàn tay xinh đẹp của chị với đôi mắt cháy rực nỗi thèm thuồng, chị mỉm cười rụt lại. Anh bước lại ngồi cạnh chị trên chiếc phôtơi giả da màu sáng, đưa bàn tay sờ cánh tay tròn

trịa của chị, cái cảm giác mịn mát làm anh mê mẩn. Nhưng chị đã nhấc bàn tay anh ra trả về chỗ cũ.

– Hôm nay em hấp dẫn lắm. Vừa nói anh vừa lỳ lợm đặt bàn tay lên đầu gối chị.

– Em bước vào tuổi 30 rồi, hấp dẫn sao bằng cái cô gái mười tám mà cơ quan mới lấy về theo yêu cầu của anh hôm kia. Vừa nói chị vừa lặng lẽ nhấc bàn tay anh ra khỏi đầu gối chị.

– Sao hôm nay em như con ngựa bất kham thế?

– Anh tự hỏi anh ấy. Anh có biết rằng anh đã lừa dối em không?

– Em phải cho anh thời gian. Còn ba tháng nữa trường Đảng khai giảng. Em phải giữ bí mật đến cùng cho anh, không, hắn viện đủ lý do không chịu rời khỏi cái ghế của hắn, anh khó xử lắm.

– Nếu anh ta cương quyết không chịu đi học thì sao?

– Ai dám từ chối đi học trường Đảng, có là thằng điên? Tính Đảng của anh ở chỗ nào? Muốn mất sạch à?

Lê Hân đã nói bằng giọng rất nghiêm. Thức cảm giác như đấy là một quyết định chính thức mà anh đã trao cho chị. Và sau câu nói nghiêm chỉnh ấy, bàn tay anh lại như vô tình đặt lên bờ vai thon thả của người phụ nữ.

Mặc dù nhận thức như thế, song vốn cẩn thận, chị lại hỏi anh lần nữa:

– Anh có hứa rằng sẽ không bao giờ lừa em không?

– Anh xin thề sẽ không bao giờ thay đổi ý định, thay đổi lập trường, thay đổi những gì anh đã nói với em hôm nay. Vài tháng nữa thôi, cố chờ em ạ. Đừng nóng vội, "đốt giai đoạn" như đốt lò gạch vậy, hỏng hết việc.

Không biết từ lúc nào anh đã bế hẳn thiếu phụ lên ngồi trong lòng anh, tay sờ ngực, tay bẹo má chị, đến nỗi chị phải kêu lên: "Anh làm cái trò gì thế!..."

– Anh biết hôm nay là ngày mấy không? Đang nằm, chị bỗng chồm dậy hỏi anh một câu thật vu vơ.

Anh vẫn im lặng.

Chị lại tự trả lời:

– Ngày mai mùng một, anh hiểu không? Ngày mai, em lại đến cái Ngõ Gạch ấy và em lại cho con đĩ Trường Sơn ấy một trận. Em cho nó nhục, nó nhục! Hoặc là nó treo cổ tự vẫn hoặc là nó chịu nhục với em. Em không cần axit, em không cần lưỡi lam, em chỉ cần đến làm rùm beng, để mọi người sỉ vả con đĩ ấy.

– Em quên mất bây giờ em đang làm gì, với ai? Phương ngôn Tây có câu: Hãy soi vào mặt mình trước khi nói người.

– "Mặt" tôi sao thì mặc tôi, nhưng ve vãn, dụ dỗ, cướp chồng tôi là không yên với tôi... Còn anh ta, anh ta phải hiểu mình là mảnh giẻ rách cỡ nào, một kẻ ăn mày đi tàu điện không tiền mua vé. Tôi đã cưu mang, đã tạo dựng cho thành người, bây giờ trả ơn tôi như thế à?

Lê Hân tủm tỉm cười.

– Anh cười gì, muốn "ăn" đá không?

– Ông ăn chả, bà ăn nem, em cũng có vừa gì đâu...

– Tôi khác, còn anh ta khác. Anh ta không được phép lăng nhăng... Cái con đĩ ấy rồi sẽ biết tay tôi.

Lần đầu tiên, Lê Hân cảm thấy sợ người phụ nữ này.

10.

Loan không đi học, cũng không đi sơ tán, cô quyết định trở lại Trường Sơn. Đối với bà mẹ, đây à một quyết định bất ngờ, ngoài mong muốn của bà ngoài suy nghĩ của bà. Đã từ lâu, Trường Sơn bắt đầu xa dần cuộc đời bà, mất dần những nỗi trăn trở và nhớ nhung. Nhưng sau một đêm ngỡ ngàng, bà chấp nhận một cách dễ dàng, như lần đầu tiên bà để cho con gái vượt Trường Sơn, không đắn đo, không suy tính thiệt hơn. Tình nguyện bà nuôi cháu và tập trung vào việc chuẩn bị đi sơ tán cùng với cháu ngoại Trường Sơn của bà. Dạo này, gần như ngày nào máy bay Mỹ cũng tạt qua Hà Nội và những vùng ngoại vi, ném bom cầu Long Biên, bắn rốckét xuống các khu công nghiệp, các nhà máy. Bác tổ trưởng đến tận nhà bà phân tích, phân điều hơn, lẽ thiệt và cuối cùng năn nỉ bà đi sơ tán.

Đối với bà, đi sơ tán là việc cắt đi cái nguồn sinh sống của gia đình. Cuộc sống của bà lâu nay trông vào gánh bún riêu cua mỗi buổi sáng từ bảy đến chín giờ. Khách hàng của bà hầu hết là khách quen. Bà làm sạch sẽ, tươm tất và hợp khẩu vị, nhất là khẩu vị các bà, giá lại vừa phải. Bà chỉ gánh qua Hàng Đào, Hàng Ngang, đến chợ Đồng Xuân rồi quay về.

Từ ngày Loan về, thỉnh thoảng bà mới nghỉ một bữa để săn sóc hai mẹ con cô, còn thì hầu như không ngày nào, dù mắc công chuyện gì bà bỏ gánh hàng của mình. Cuộc sống cứ như thế, dù không dư thừa, nhưng nhờ biết dè xẻn, hai mẹ con cũng đắp đổi qua ngày được.

Bây giờ bà chấp nhận việc trông cháu để con gái trở lại Trường Sơn là chấp nhận cái việc cắt đi nguồn sống của chính mình. Nhưng thương con, thương cháu bà không nỡ từ chối. Không nhiều nhõi gì, chỉ độc mỗi đứa con, cuộc đời nó còn lận đận, gian truân, khúc mắc hơn cả cuộc đời bà.

Cứ mỗi lần cái con mẹ nhà báo ấy đến đánh ghen, là mỗi lần bà cảm thấy như ai đang cắt ruột, cào gan, nhục nhã và đau đớn không sao chịu thấu. Những lúc ấy quả thật, trong thâm tâm bà có trách con gái. Dù sao, nó cũng không đến nỗi nào. Hồi mười tám đôi mươi nó cũng nhiều bạn trai, ối anh đến đặt "vấn đề", nhưng khổ nỗi làm sao đối với ai nó cũng "lành lạnh". Rồi một hôm, nghe một cô bạn của con nói, nó đã có người yêu rồi, nhưng đi B. Chưa kịp mừng, bà đã nghe anh ấy hy sinh... "Cái số nó rồi lại khổ". Gần như đêm nào bà cũng lo cho con và nhắc đi nhắc lại cái câu gần như dự báo, gần như định mệnh ấy.

Đối với suy nghĩ của thế hệ bà, mọi cuộc đời đều do số mệnh. Bà đã xem nhiều ông thầy, ai cũng bảo số con gái bà vất vả, lận đận. Bà nghiệm ra, cái tuổi của nó, cô nào cũng thế cả, có lấy chồng rồi – trước sau cũng bị chồng ruồng rẫy, hất hủi, không bỏ nhau, sống với nhau cũng bằng khổ... Người chưa lấy chồng, cuộc sống cứ chìm nổi, long đong, không điều ong cũng tiếng ve. Nghĩ đến đấy, bao giờ bà cũng rơm rớm nước mắt, tự trách mình là người mẹ không thông cảm hết những nỗi niềm, những đắng cay, chua chát mà con mình phải hứng chịu. Số nó thế, chứ nó nào muốn như thế làm gì.

Mỗi tháng một lần, cái con mẹ nhà báo ấy lại đến... Quả thật bà hốt quá, hãi quá. Cứ đến ngày 28 – 29 là bà đã hồi hộp, tim cứ thót lại, nhoi nhói... Lại một trận cuồng phong mà cơn gió lại chỉ đổ lên đầu gia đình nhà bà. Hàng xóm lại bàn tán, xì xào, tiếng chì, tiếng bấc, thông cảm thì ít, mà chê trách hả hê thì nhiều. Sau cái trận xô xát ấy, bà chỉ muốn đóng cửa, giấu mặt vào trong nhà, thậm chí có lúc bà còn nghĩ dại, giá không có cái thằng cháu "dễ ghét" của bà, bà đã cho hai mẹ con bà một mồi thuốc chuột cho rảnh nợ cuộc đời. Nhưng mỗi lần nghĩ đến việc đầu độc một đứa bé, trong trắng hồn nhiên như thế, bà lại tự sỉ vả mình là ác, là nhẫn tâm, dù trong ý nghĩ, thì cái điều mà bà nghĩ ngợi ấy, cũng là không nên, cũng là dã man rồi.

Trước mắt, đối với bà, việc con gái bà thoát khỏi những trận đánh ghen ác nghiệt của mụ nhà báo ấy, đã là điều mừng, điều sung sướng, điều hạnh phúc lớn đối với bà rồi. Những lúc như thế này mới thấy quý, mới thấy cái giá của sự yên tĩnh, của sự bình lặng trong mỗi gia đình nó như thế nào; và điều ấy khiến bà chấp nhận một cách dễ dàng, không cần đắn đo, không cần cân nhắc cái cuộc sống mà rồi đây hai bà cháu bà sẽ trải qua, đấy là những tiếng gào khóc vì thiếu sữa của tuổi thơ, là sự túng bấn của cái nguồn thu nhập là cái gánh bún riêu mấy chục năm nay không còn nữa, là những ngày sơ tán nheo nhóc, ăn nhờ ở đậu nhà người ta, là sự bực mình cáu gắt của chủ nhà trước sự gào rống vì xa mẹ của thằng cháu bà... Thật tình bà không dám hình dung đến những cái cảnh mà bà biết chắc chắn thế nào bà cũng phải trải qua, phải chịu đựng. Nhưng so với cái cảnh đánh ghen, mà con gái bà phải cúi mặt xuống chịu đựng, bà hoàn toàn chấp nhận những gì đầy rẫy khó khăn đang ở phía trước. Trong bà, những lúc như thế, chỉ còn lại tiếng kêu của chính lòng mình: tội nghiệp thằng cháu, nó mới hơn tám tháng! Nó sẽ sống sao đây trong tay của bà khi cái mà nó đang cần ôm ấp là cái bầu vú căng sữa của mẹ thì đã thiếu vắng.

Lặng lẽ bà chuẩn bị cho chuyến đi của con gái bà. Việc Loan vào Trường Sơn lần thứ hai là việc bất ngờ không nằm trong dự tính, không nằm trong suy nghĩ của bà. Hơn ai hết, bà hiểu cái nỗi khổ nhục mà mỗi người lính phải chịu, những thử thách ghê gớm mà mỗi người lính phải vượt qua. Dù sao, bà nghĩ, đối với nó bây

giờ, không phải là cô gái "bẻ gãy sừng trâu" đầy hăm hở nữa. Ba cô đi chuyến ấy, còn lại mỗi mình con gái bà. Một cô chết vì sốt rét, một cô mất tích, cho đến hôm nay vẫn chưa tìm thấy.

Bây giờ đối với con gái bà, chuyến vượt Trường Sơn này là bắt buộc, là danh dự, bà hiểu thế, nó chỉ có đi vào, đi đến tận cùng không được quay trở ra giữa chừng. Một người phụ nữ vừa mới sanh nở, là mẹ, bà thông cảm hơn ai hết đối với con gái. Rồi đây, mỗi lần leo dốc, mồ hôi vã ra đầy lưng áo, thở bằng mồm chứ không chỉ bằng mũi và bụng sẽ thắt lại vì những cơn đau của người mới sinh. Vất vả mấy, bà tin con gái bà cũng sẽ vượt qua, duy chỉ có mỗi nỗi lo âm thầm mà day dứt là rồi đây, rất có thể nó bị hậu sản. Căn bệnh phụ nữ ấy, tưởng đơn giản, nhưng khổ lắm, nhục lắm, xấu hổ lắm, nhất là sống với đại bộ phận là con trai. Những cơn mưa Trường Sơn, những con suối Trường Sơn chắn ngang con đường đi vào như một thách thức... Người phụ nữ mới sinh, kỵ nhất là dầm nước. Nhưng biết làm sao khi bà đã chấp nhận cái nhẽ phải nơi con gái bà, khi bà cho cái quyết định đột ngột của nó tuy táo bạo, nhưng là quyết định gỡ lại danh dự mà gia đình bà đã mất từ hơn nửa năm nay.

Trước sau bà vẫn nói chồng của con gái bà ở Trường Sơn, cùng đơn vị với nó. Và vì vậy, việc nó trở ra sinh nở, lại trở vào đơn vị là lẽ đương nhiên. Còn sự đánh ghen của chị nhà báo nọ, là sự nhầm lẫn đáng tiếc, nếu không nói là sự vu khống đầy ác ý của kẻ xấu.

Ở đời đôi lúc cũng cần phải nói dối một tý, mọi cái sự thật thà đâu phải đã là hay.

Đối với Loan, đấy là một đêm đau đớn và xót xa vô hạn, đấy là một cái mốc thời gian đánh dấu hai chặng đường trong cuộc đời cô và ba chặng đường trong cuộc đời người mẹ tội nghiệp của mình.

Mẹ nói rằng, hồi ấy như một người điên, bà lần ra nơi xử án chồng bà. Toa án là mấy ông, mấy bà Đội... Người ta nói sau lưng Đội có cả chuyên gia bạn nữa. Nhưng điều bà hãi hùng nhất lại chính là bà con thôn xóm, là nhân dân quê hương bà. Những con người ấy hôm qua là đồng bào, đồng chí, là người thân kẻ thuộc của chồng bà và của cả gia đình bà, nhưng hôm nay ai cũng mang bộ mặt đằng đằng sát khí, hay làm ra vẻ đằng đằng sát khí bà cũng

không biết nữa, bà chỉ thấy hãi hùng là mỗi lần Đội đưa cánh tay lên là rừng cánh tay giơ theo cùng với những tiếng đả đảo vang trời dậy đất, hai tiếng ấy cho mãi đến gần hai mươi năm sau bà vẫn còn bị ám ảnh, vẫn còn cảm thấy như sờ nắn được nỗi kinh hoàng. Bà đã ngã nhoài xuống và bất tỉnh sau cái cuộc đấu tố đầu tiên ấy. Mãi một hồi sau bà mới tỉnh lại và gắng gượng đứng lên, nhìn vào mặt ông lúc ấy đang bợt bạt cùng với những dòng nước mắt đầm đìa. Lúc ấy dường như bà không nghe rõ ba phát súng. Bà nghĩ cũng có thể lúc ấy tiếng đả đảo vang ầm ĩ quá đã át nó đi, và cũng có thể thần kinh bà căng thẳng đến mức không nhận biết gì nữa. Nhưng trước đấy mấy giây thì bà nghe rõ, thậm chí rất rõ tiếng kêu thảm thiết của ông:

– Oan con lắm! Đảng ơi!

Sau tiếng kêu oan tội nghiệp ấy ông đã ngã gục xuống cùng với dòng máu từ ngực đổ ra đỏ tươi. Bà lại ngã quỵ xuống từ lúc nào, nhưng trong tiềm thức, từ cõi sâu xa của lòng mình, bà lờ mờ nhận ra rằng ông ấy đã "ra đi", ông ấy sẽ không bao giờ trở về với mẹ con bà nữa.

Người ta nói, sau tiếng kêu oan của ông, nhiều người đã cúi đầu xuống, không giữ được hai dòng nước mắt vĩnh biệt ông.

Đấy là lần chia tay đầu tiên trong cuộc đời bà.

Lần thứ hai là lần mẹ tiễn Loan lên đường, đi chiến trường. Hồi ấy, việc con gái đi Trường Sơn là hết sức đặc biệt, là một sự kiện lớn của cả khu phố bởi ai cũng hiểu Trường Sơn đi dễ khó về. Đúng ra, việc ra đi của Loan không dễ một tí nào, cô đã phải vận động, phải nhờ cậy một người bạn của bố cô đang là một đại tá trong quân đội đứng ra bảo lãnh. Bà hiểu và hãnh diện, dù lòng bà có buồn lo, có xót xa, bởi mỗi sự vinh quang đều có giá của nó, không có vinh quang nào đạt được một cách dễ dàng.

Hồi ấy, quả thật, tuy không dám nói với con gái, nhưng trong thâm tâm bà lo sợ cho số phận không may lại dẫn con gái bà lặp lại y như thân phận của bố nó, vinh quang thì không đến, nhưng nhục nhã ê chề. Bà tự nguyền rủa cho cái ý nghĩ ấy của mình và đã chuộc lại lỗi lầm bằng cách bỏ một ngày mua hoa quả đi chùa

để cúng và cầu nguyện cho con gái gặp mọi sự lành, tránh được mọi điều dữ.

Khi Loan mang thai trở ra, bà bàng hoàng nghiệm lại những gì bà đã linh ứng trước đây. Và lúc ấy bà không còn kịp trách mình đã nuôi những ý nghĩ độc ác để con bà mắc phải. Nỗi đau khiến người mẹ đôi khi thiếu tự chủ, thay đổi tính tình. Có lúc một mình, bà âm thầm nguyền rủa đứa con gái mà bà rất mực yêu quý. Nhưng rồi cũng ngay trong đêm ấy, bà khóc nức nở và thầm mong con tha lỗi cho bà. Nghe mẹ trăn trở, Loan ôm mẹ và nhận ra trên gương mặt mẹ những dòng lệ ấm nóng đang trào ra. Hơn ai hết, Loan hiểu nỗi đau, lòng lo sợ và cơn đột biến trong tình cảm mẹ. Lần chia tay, tiễn con gái lên đường vào Trường Sơn, mẹ chấp nhận sự đơn chiếc, nỗi trống vắng và mẹ chỉ cầu mong con trở ra, dù thương tật sao mẹ cũng chịu, miễn đừng bỏ xác trong ấy. Nghe nói ở chiến trường, người chết không được nằm trong quan tài, bà thương và lo cho con không may thì khổ thân nó, người sống còn có manh áo bằng vải, người chết có cái áo bằng gỗ. Chết mà không có cái áo quan coi như nằm trần à. Ở trần mà nằm dưới lòng đất thì chịu sao nổi.

Nhưng rồi cuối cùng bà cũng chấp nhận cuộc chia tay ấy.

Đấy là cái mốc thứ hai trong cuộc đời bà, một sự chia ly hứa hẹn nhiều rủi ro, nhiều điều dữ hơn điều lành.

Và, bây giờ là lần thứ ba... Bà hiểu rằng mọi hy vọng một cuộc gặp lại về sau thật xa vời. Không hiểu sao, bà không xóa nhòa nổi trong tâm trí mình một sự chia ly vĩnh viễn, bắt đầu từ ngày mai, từ cái giờ phút con gái bà bước lên con tàu quân sự trong đêm Hà Nội ấy, cũng là giờ phút cuối cùng bà nhìn thấy đứa con gái duy nhất của bà. Bà hứa với mình sẽ cầm bàn tay bé Trường Sơn giơ lên và bà cũng cố thu cho rõ hình ảnh gương mặt đứa con gái thân thiết của bà đang đầm đìa nước mắt, đứng ở bậc lên xuống, tay vịn tay nắm toa tàu, tay giơ lên cao, miệng hét lời chào cuối cùng: "Con đi mẹ nhé! Trường Sơn ơi, mẹ đi con nhé!".

Sau này, một lần bà mơ gặp con gái của bà trong cảnh hỗn loạn ở sân ga Hàng Cỏ trước khi con tàu phun khói kéo lên hồi còi giã từ gương mặt đẫm lệ của con, bà lại thấy chính gương mặt của chồng bà, một gương mặt nhợt nhạt và đầm đìa nước mắt. Hai gương

mặt giống nhau đến nỗi bà cảm giác như là một, một vầng trán thanh nhã, cũng đôi mày mềm mại và đôi mắt mệt mỏi, nặng trĩu những suy tư. Dường như tất cả những nỗi đau không nói được tích tụ trong đôi mắt ấy... Nỗi lo sợ đến khiếp đảm gần như một thứ hình phạt làm bà ngã quỵ xuống, cùng lúc ấy bà nhận ra tiếng khóc như gào như thét của bé Trường Sơn át tiếng hô: Đả đảo! Át cả tiếng còi. Sau cơn mơ, bà mệt nhoài, gắng gượng ngồi dậy, trước khi tìm chiếc khăn mặt lau mồ hôi đang còn vã ra đầm lưng áo, bà nhìn ngay vào cháu Trường Sơn của bà.

Không hiểu sao bà lại sợ chính con tàu đã kéo mẹ cháu vào chiến trường ấy sẽ cán cháu bà. Cái cảm giác ấy làm bà rùng mình và một nỗi lo âu mới lại len đến trong chính tâm hồn bà. Cái cảm giác ấy mãi nhiều năm sau này vẫn không chịu rời khỏi ý nghĩ ngày một rõ nét về một số phận nữa của dòng họ nhà bà đang bị đe dọa...

Đấy là một đêm mùa khô, ở Trường Sơn cuộc chiến đấu vô cùng căng thẳng. Ba đêm liền, Loan chưa hề chợp mắt, lo tiếp nhận hết đợt thương binh này đến đợt thương binh khác. Trạm không còn chỗ, mỗi giường phải sắp hai, thậm chí ba thương binh. Đường chuyển thương ra phía sau bị tắc. Kẻ cũ, người mới hỗn loạn. Tiếng kêu đau đớn xé ruột xé gan.

Tâm bị sốt rét nằm miên man, còn bác sĩ Dậu thì hết cuộc họp này đến cuộc họp khác, gần như không lúc nào thấy anh có mặt ở cái Trạm quân y tiền phương mà anh là chính trị viên.

Sau cơn sốt, Tâm lại bò dậy, xin một ca sữa bột pha với nước đun sôi, gắng gượng uống vào và bắt đầu những ca phẫu thuật. Anh đứng mổ những ca đặc biệt, những ca không thể chờ lâu hơn được nữa, cho đến khi cơn sốt lại đến, bắt đầu là sự ớn lạnh và, sau một vài cái rùng mình, anh lại vùi đầu vào đống chăn trên chiếc võng Trường Sơn.

Trong đơn vị, ai cũng bảo Loan có sức dẻo dai kỳ lạ, một sức chịu đựng ít ai bằng. Nhiều khi Loan quần quật với thương binh hàng chục đêm liền mà cô vẫn tỉnh táo, hai mắt vẫn trong trẻo, vẫn mịn màng. Ít khi cô cáu gắt với ai. Cô chịu đựng cả những thái độ đôi khi rất thô bạo của những thương binh vốn nóng nảy, những lời nguyền rủa, những câu lăng mạ hết sức quá quắt.

Nhiều người trong số ấy sau khi vết thương lành lặn, trước khi trở về đơn vị đều xin được ghi vào sổ lưu niệm của Loan những tình cảm nồng nàn, lòng biết ơn và hy vọng được gặp lại cô, được đền ơn trả nghĩa. tất cả đều ân hận về một thời kỳ "tội lỗi" của mình do cơn bệnh làm mất thăng bằng cân não đã có những lời nói, những thái độ thật đáng xấu hổ.

Nhưng cũng có nhiều người không "dậy" được nữa. Trong số những người con trai cùng thế hệ ấy có một anh học sinh miền Nam – người Long An. Anh bị nhiều mảnh đạn, nhưng chủ yếu ở phần mềm và vì thế anh mau bình phục. Nhưng giữa lúc anh sắp trở về đơn vị thì cơn sốt rét ập đến, vùi anh nằm mê man trong nhiều lần chăn. Cơn sốt kéo dài, hết ngày sang đêm. Ai cũng thương và lo cho anh không qua khỏi. Bác sĩ Tâm đã dốc hết ống ký ninh cuối cùng cho anh.

Một lần trong đêm, không hiểu sao anh tỉnh dậy và xin nước. Loan đã dốc cả bình toong nước trà dự trữ của bác sĩ Tâm cho anh. Anh gọi Loan lại gần và yêu cầu cô ngồi cạnh anh một lúc.

– Có lẽ anh không sống được bao lâu nữa, em à. Trước khi chết, anh muốn nói với em một điều: Anh yêu em. Anh mong em đừng từ chối mối tình của anh, đây là mối tình đầu và chắc chắn nó cũng là mối tình duy nhất. Em hôn anh đi. Dù một cái hôn thôi thì đối với anh cũng là niềm hạnh phúc nhất của cuộc đời. Đừng từ chối người sắp vĩnh biệt thế giới này em ạ.

Loan bàng hoàng, lúc đầu cô lo sợ và cho rằng cơn sốt ác tính đã khiến tinh thần anh bất bình thường. Nhưng nghe giọng nói rành rẽ, khúc chiết cùng ngữ điệu và cảm xúc, Loan hiểu rằng anh không đùa một tí nào.

– Anh không đùa em chứ?

– Trước tình yêu, những tên bạo chúa cũng không dám đùa đâu em à.

– Vì sao anh lại yêu em?

– Em đừng hỏi anh vì sao. Không ai cắt nghĩa được đâu. Bây giờ giọng anh đã bắt đầu khang khác, vấp rối và mệt mỏi. Ba anh hy sinh và má anh ở vậy nuôi anh cho đến ngày các cô chú đưa anh ra miền Bắc ăn học. Sau này, khi đất nước được hoàn toàn giải

phóng, anh nhờ em đến quê anh, cách Sài Gòn gần 50 cây số, em tìm gặp bà Ba bán mít, má anh đó, em nói giùm với má, anh đã không làm bất cứ điều gì để má anh phải ân hận. Chỉ có vậy thôi, em à. Năm nay anh ba mươi tuổi, chưa một lần yêu và cũng chưa được người con gái nào yêu.

Anh đã không ngồi dậy được nữa. Loan phải quỳ xuống và đặt môi lên đôi má vàng võ, hõm sâu của anh hai nụ hôn. Và Loan cũng nhận của anh, từ đôi môi thâm sì hai cái hôn ở hai bên má...

Loan hoàn toàn không ngờ rằng bốn giờ sáng hôm sau thì anh "đi". Khi cô đến thăm anh, đặt bàn tay lên trán anh, một vầng trán lạnh ngắt. Cô lay anh, gọi tên anh và khóc.

Khi lục lại hành trang để chọn những gì đưa đi cùng anh, những gì nên giữ lại để sau này có dịp gửi về cho má anh, Loan phát hiện ra trước tiên tấm áo mưa mà hồi ấy cô đắp cho người chiến sĩ đang trút hơi thở cuối cùng trên cánh võng giữa rừng săng lẻ vào lúc những cơn mưa đang như thác đổ.

Tấm vải nhựa màu nâu, chung quanh có cắt những đường răng cưa và ở mỗi một góc cô đều có cắt một chữ, hoặc họ, hoặc chữ lót, hoặc tên của cô: Như Loan.

Sau đấy không lâu, có dịp đọc cuốn nhật ký của anh, cô mới dựng lên được gần như toàn bộ cuộc đời anh, trong đấy có một số tình tiết về tấm vải nhựa của cô kia. Hồi ấy, trên đường hành quân giữa mùa mưa cơn sốt rét ập đến và một người bạn, một đồng đội của anh đành phải xin phép người quá cố "mượn" tấm áo mưa đưa An đi cấp cứu... Từ đấy anh giữ tấm áo mưa như một kỷ niệm thiêng liêng.

Một người bạn gái, một cứu thương của Trạm cho Loan biết, một lần, cô không còn nhớ chính xác ngày tháng, chỉ biết rằng anh bất chợt nghe tên Loan và từ ấy anh đã thăm dò, tìm hiểu cô cặn kẽ như tìm hiểu một người yêu. À đúng như thế, tình yêu đến với anh trên giường bệnh sau ca mổ vừa bình phục và anh đã được đền đáp đúng như anh mơ ước, đúng như anh hy vọng.

Cuốn nhật ký như một cuốn phim, quay lại cuộc đời anh lúc mười hay mười hai tuổi gì đấy, bà má tiễn đưa anh lên đường ra Bắc, hai hàng nước mắt chảy dài. Anh nói, cùng với lũy tre và rặng

dừa nước trên bờ kênh đổ ra con sông Vàm Cỏ Tây, con thuyền nhỏ xíu quê anh gọi là chiếc vỏ lãi đưa anh ra chiến khu Đồng Tháp để ra miền Bắc học tập, anh chỉ nhớ má anh qua gương mặt gầy guộc đầy nước mắt. Nhiều lần anh đã cố tìm lại nơi người mẹ ấy một nét tươi tắn trên đôi môi, một ánh cười trên đôi mắt, nhưng – không bao giờ anh bắt gặp, ngoài một gương mặt đẫm lệ.

Cũng trong cái năm đất nước bắt đầu chia đôi ấy, bằng sự ngẫu nhiên nào đấy, anh đã gặp được một bà mẹ miền Bắc ở một cái làng dệt lụa vùng La Khê – Hà Đông. Người mẹ ấy đã coi An như con đẻ của chính mình, chăm sóc và dạy dỗ anh chân tình. Đứa con gái của bà hồi ấy năm hay sáu tuổi gì đấy, đại loại anh mang máng nhớ hồi ấy bằng nửa tuổi anh, có cái tên hơi khó gọi đối với một đứa trẻ miền Nam. Người mẹ nuôi ấy dạy mãi mà thỉnh thoảng anh vẫn buột mồm kêu "Loan". Lúc ấy mẹ gọi anh lại, và uốn lưỡi đánh vần cho anh từng âm một: Lờ-o-a-nờ-oan-lờ-oan Loan. "Đấy, con trai của mẹ phải gọi em như thế". Bố Loan gần như suốt ngày ngoài Ủy ban, nghe đâu ông làm chức gì to lắm, như ba An ở nhà. Chủ tịch xã thì phải...

Rồi một hôm, nhà trường tập họp bọn anh, dẫn ra cái bãi đất hoang trên bờ sông Nhuệ. Ở đấy người ta vạch tội một người đàn ông bị trói gô lại đứng cúi đầu ở cạnh bờ mảnh đất đầy cỏ. Hồi ấy, An đã cùng với mọi người giơ tay "đả đảo" đến khản cổ.

Sau này anh mới hiểu đấy là vị chủ tịch xã, bố của em Loan, đứa em vẫn hay để dành khoai lang mỗi bữa anh đi học về. Lần cuối cùng An nhìn thấy gương mặt ông giống như gương mặt má anh lúc tiễn anh lên đường ra Bắc, một gương mặt nhòe nhoẹt nước mắt.

Sau đấy không lâu, anh không gặp lại hai mẹ con Loan nữa.

Người ta chuyển đến đấy một gia đình khác, nghe nói là cố nông nghĩa là nghèo lắm, trước chỉ sống bằng nghề đánh dậm. Từ đấy anh như một đứa trẻ cô đơn.

Năm sau, anh rời làng La Khê, nơi trí óc trẻ thơ của anh ghi đậm hình ảnh hai mẹ con Loan như hai người thân thiết nhất cùng với tiếng kêu của người đàn ông đứng trước chiếc cọc: Oan con lắm! Đảng ơi! Tiếng kêu vừa "rơi" ra thì đầu ông đã gục xuống như đang

cúi nhìn xuống những dòng máu đỏ tươi tuôn xuống mặt đất nơi đôi chân trần của ông.

Hồi ấy, An nói An không hiểu gì cả, anh chỉ biết nghe thầy cô dặn trước, mỗi khi người ta vung tay lên hô đả đảo thì "các em cũng phải làm đúng như vậy". Nhưng sau này, năm tháng qua đi, anh lớn dần lên, nghĩ lại cái thời kỳ xót xa mà chính anh cũng góp vào đấy những tiếng hô đả đảo, anh cảm thấy ân hận, nỗi đau thấm vào tâm hồn anh. Và cái tiếng kêu oan ức ấy như tiếng một oan hồn thỉnh thoảng lại trở về với anh trong những cơn mơ hãi hùng.

An ghi lại rằng, hồi ấy không hiểu tính hiếu kỳ nào xui khiến đứa nào cũng vỗ ngực tranh nhau ta đây là người đích thân nhìn thấy ba viên đạn đồng sáng chói, bay như gió, cắm đúng vào khuôn ngực người đàn ông... Riêng An lúc ấy, anh đã nhắm chặt mắt, sợ quá, người như rúm ró lại, mặc dù tay vẫn vung lên và miệng vẫn hô đả đảo! Khi mở mắt ra, An bắt gặp ngay một mái đầu gục xuống, mái tóc đen xõa trên vừng trán đẫm mồ hôi. Nhiều năm sau này nghĩ lại An vẫn còn bị ám ảnh cái hình ảnh một gương mặt đầm đìa nước mắt và cái tiếng kêu như đứt từng khúc ruột của người đàn ông ấy "Oan con lắm! Đảng ơi!".

Trở về Hải Phòng, cái thành phố biển, nơi mơ ước tuổi thơ của anh. Anh chưa một lần được đến Sài Gòn, và đối với Hà Nội, anh hãy còn quá xa lạ, vì vậy Hải Phòng đối với anh là thành phố duy nhất làm anh choáng ngợp. Một lần táo bạo anh đã dám trốn trường đi lang thang và bị lạc vào chợ Sắt. Lần ấy, anh bị rơi vào tay mẹ mìn. Cũng may, trước khi chúng dẫn anh ra Cảng để đưa đi đâu anh không biết, các cô các chú ở trường đã tìm được...

An ghi trong nhật ký, từ đó anh sợ các phố phường, suốt ba năm ở Cảng, không ai rủ rê được anh đi dạo phố nữa.

Sau này, qua Liên Xô học, anh cũng chỉ có ra phố hai lần, hai lần trong năm năm.

Khi về nước, chưa kịp nhận công tác, anh đã nằng nặc xin vào miền Nam. Về với Trường Sơn, anh lại hoàn toàn như một người chủ, chưa bao giờ anh có cảm giác sợ sệt bất kỳ một điều gì. Anh viết, hồi ấy, một mình trong đêm với một người bạn đã chết, trong khi đơn vị đã rút đi từ sáu giờ tối, anh vẫn không hề biết sợ, biết

lo. Đêm ấy anh trải nilông nằm bên bạn cho đến sáng mai, chôn cất bạn xong, anh mới tìm về đơn vị "Hồi ấy anh chỉ thấy nỗi đau mất mát đè nặng lên tâm hồn anh, con tim anh, hồi ấy anh chỉ thấy tình thương choáng ngợp tất cả ý nghĩ của anh. Và bấy giờ, An mới nghĩ sức mạnh không chỉ có ở lòng căm thù mà còn được bắt nguồn từ tình thương". Gần suốt buổi sáng hôm ấy, chỉ bằng một lưỡi lê, An đã đào huyệt, dùng tấm áo mưa của mình bó người bạn lại, chôn cất cẩn thận, xong anh chùi tay sạch sẽ, vái bạn ba vái rồi mới khoác ba lô lên đường tìm về đơn vị. Đêm ấy, An vẫn chưa tìm được đồng đội, một mình An lại ngủ trong cánh rừng già Trường Sơn, trong cơn mơ, người bạn lại hiện về nằm bên anh. Khi giật mình tỉnh dậy, anh bàng hoàng, thấy mình cô độc bên một đàn vượn. Anh lấy súng và bắn một con. Cả đàn bao vây anh và anh ghi lại trong cuốn nhật ký của mình rằng, chuyến ấy anh tưởng không thoát nỗi chúng nó. Vòng trong vòng ngoài có đến năm mươi con vượn, con lớn, con bé cứ lao vào anh cào cấu.

Sau cái lần ấy, anh ghi vào nhật ký: "Khi anh gây nên một tội lỗi, dù tội lỗi ấy đối với loài vật, thì anh hãy đón nhận một sự trả thù từ đối phương, dù đấy là loài vật, bằng tội lỗi mà chính anh đã gây ra".

Với tuổi thơ ấu của mình, Loan hoàn toàn không nhớ gì về người con trai miền Nam đã ở nhà mình, đã được mẹ cô coi như đứa con trong gia đình. Mẹ nói rằng, hồi ấy sao mẹ thương anh thế, mẹ cũng không biết nữa. Đêm nào mẹ cũng bưng đèn vào màn đập muỗi cho anh. Mỗi lần đi chợ về, bao giờ mẹ cũng có quà cho cả hai anh em, mẹ chia hai phần bằng nhau, không bên nào nhiều hơn. Anh ăn nhỏ nhẹ và bao giờ cũng lại giành phần thêm cho Loan. Là con trai, nhưng tính anh lặng lẽ và tình cảm như con gái. Chiều chiều anh lại dắt Loan ra chiếc cầu đá trên dòng sông Nhuệ xem trâu đầm mình dưới nước. Một lần khác mẹ lại tâm sự với con gái về An rằng nếu mai này thống nhất mẹ sẽ vào thăm má anh, hoặc xin má anh cho mẹ nhận An làm con nuôi, hoặc mẹ sẽ gả Loan cho anh. Đấy là thời kỳ Loan tốt nghiệp lớp y tá và chuẩn bị vào Trường Sơn. Lúc ấy Loan chỉ cười và cho mẹ "lẩm cẩm sớm" so với tuổi mẹ, bởi theo cô cái việc "gả bán" như thế, dù trong dự định, thì cũng đã

"xưa" quá rồi. Nhưng Loan cũng hiểu đấy là tấm lòng của mẹ, là tâm trạng mẹ.

Nhưng sau tai biến của gia đình, mẹ không tìm thấy anh nữa. Một lần mẹ về Hải Phòng, lặn lội đi hỏi mấy trường học sinh miền Nam, người ta cho biết anh đã về Đông Triều...

Loan hoàn toàn không ngờ, cô gặp anh ở đây, ngay Trạm quân y tiền phương này với lời trối trăng thật kỳ lạ. Tuy không nói ra, nhưng Loan tin anh đã hiểu, hoặc ngờ ngợ nhận ra rằng anh đã gặp người con gái gần hai mươi năm về trước, nơi lần đầu tiên anh tiếp cận với một sự trừng phạt đau đớn nhất những người lương thiện của dân tộc anh. Anh cho đấy là một tội lỗi và cho dù ngày hôm nay anh có bưng bít như thế nào đi chăng nữa thì ngày mai, thế hệ khác sẽ phân định rạch ròi. Đấy là những suy nghĩ sau thời kỳ anh hàn gắn những vết thương và trước khi những cơn sốt rét ác tính ập đến – thời kỳ anh tiếp cận với Loan và cũng là thời kỳ tình yêu chớm dậy trong chính con tim vốn ít rung động của anh.

"Ba tôi hy sinh trên chiếc vỏ lãi từ chiến khu Đồng Tháp về Tân An trước khi tôi lên đường ra Bắc tập kết chưa đầy ba năm. Anh ghi trong nhật ký thời kỳ anh học ở Khác Kốp và chỉ hơn ba năm sau tôi lại tham gia vào việc giết chính người chủ tịch xã mà trong thâm tâm, tôi coi ông như người ba nuôi của tôi. Người mẹ nuôi thương tôi hết mực ấy đã dẫn con gái của bà lặng lẽ trốn khỏi ngôi nhà của mình vào một đêm tháng mười, khi ngọn gió heo may đầu tiên tràn vào cái làng tơ lụa đầy những rặng tre xanh mát quanh năm ấy. Bà đi đâu, không ai biết. Khi ngủ dậy, tôi ngơ ngác và hoảng sợ, nhìn thấy xung quanh sự cô tịch đầy những tử thần. Tôi không biết bà ra đi từ lúc nào. Tôi chỉ biết, đêm ấy, trước ngọn đèn dầu, mẹ đã ôm hai đứa vào lòng, vỗ về như nựng nịu tôi, định nói với tôi điều gì đó, nhưng không nói được, chỉ khóc.

– Sao mẹ lại khóc? Tôi thật thà hỏi mẹ.

– Ở quê con không có mùa đông, phải không con?

– Dạ quê con không lạnh như ở đây.

– Ngoài này rét lắm con ạ. Mẹ sợ con không chịu nổi cái rét miền Bắc đâu... Hai tháng nữa thôi, mùa đông đến, buốt thấu xương, con ạ.

Sau này khi mẹ đã trốn ra đi, tôi mới hiểu mẹ không dám nói thật với tôi lòng mẹ lúc ấy.

Trước khi đi ngủ, mẹ còn hôn tôi mấy cái và bảo em Loan "con thơm anh con đi...".

Mãi trưa hôm sau tôi mới phát hiện trong túi áo mình mấy chục đồng bạc và một lá thư mà tôi cũng không hiểu mẹ viết từ bao giờ.

Bức thư không dài, nét chữ hơi run, chắc vì xúc động "... Mẹ mong sau này lớn lên con sẽ hiểu nỗi lòng mẹ. Mẹ thương con nhiều. Đất nước vừa trải qua một cơn chinh chiến, hòa bình lập lại, ai cũng mong sự êm ấm sẽ đến với từng gia đình, không ngờ máu lại tiếp tục chảy. Chưa bao giờ mẹ trải qua cái cảnh nồi da xáo thịt như thế này. Và mẹ nghĩ, không ở đâu sự giết chóc dễ dàng như cái xứ sở này. Những kẻ khát máu mới, đang được gọi là cách mạng và được chứng chỉ của Nhà nước coi như những vị bần cố nông thật sự... Hôm qua người ta vận động mẹ đấu tố bố nuôi con, vu cho những tội lỗi mà ông không bao giờ có. Các ông Đội làm "cách mạng" như thế đấy con à, vận động, cưỡng bức vợ đấu chồng, con đấu cha... Mẹ đã từ chối. Mẹ đã phản đối. Mẹ đã phân trần đủ mọi cách, nhưng không ai nghe mẹ, ngược lại, họ còn quy chụp cả mẹ. Sau bố, mẹ nghĩ người ta sẽ đưa mẹ ra trước chiếc cọc bên dòng sông Nhuệ quê hương. Và chắc chắn rằng, con cũng không thể nào làm khác hơn cái việc mà con đã làm cùng với bạn bè, thầy cô trường con là vung tay hô lớn: Đả đảo! Đả đảo! để tạo thành cái thế hợp pháp giết mẹ như con đã "góp phần" giết bố.

Ở tuổi các con, các con nào đã biết gì, điều đau lòng là người ta đã tập dượt cho các con, một lớp người đáng nhẽ chỉ biết đi học chữ và nghĩa để sau này làm cái công việc xây dựng, ngược lại, họ lại tập dượt cho các con cái việc giết người – những người thân của chính mình mà không biết xót xa, không biết day dứt.

Con thông cảm cho mẹ. Mẹ không chạy trốn con đâu, nhưng cuộc chuẩn bị đưa mẹ ra bên bờ sông Nhuệ của Đội chắc chắn đang chờ mẹ phía trước. Ngày mai, nhà trường sẽ chuyển con về với một gia đình khác, ở đấy con sẽ gặp những người mẹ khác, thương yêu con, lo lắng cho từng bước đi của con như mẹ, nhưng mẹ mong con

đừng bao giờ quên mẹ, bởi vì cho đến giờ phút này mẹ vẫn rất thương xót và bịn rịn không muốn rời con.

Con ngủ say quá, đúng là giấc ngủ của trẻ thơ. Gần một tiếng đồng hồ rồi, mẹ bưng đèn nhìn con ngủ, hai bàn tay mũm mĩm, những ngón tay học trò dây mực tím mà khi chiều mẹ quên không rửa cho con. Gương mặt con lặng lẽ và hơi buồn, đôi hàng mi dài như con gái và đôi môi lúc anh ánh lên nụ cười trông dễ thương quá. Nhưng cũng có lúc con cong người lại, mặt méo xệch, đau đớn... Mẹ tin chắc con đang ám ảnh bởi giấc mơ chẳng lành.

Con còn bé quá. Nhưng không hiểu tại sao mẹ lại tin con và nghĩ rằng con không thuộc loại người tàn bạo, con sẽ hiểu được nỗi đắng cay và chua xót của người oan ức. Mẹ hy vọng các con sẽ là lớp người dám minh oan, dám lên án những gì sai trái. Đừng bao giờ nhầm lẫn bạn thù con ạ, đừng bao giờ hả hê trước những cuộc tra tấn và giết chóc, tù đày, dù đấy là kẻ thù, con ạ.

Mẹ mong con học giỏi và đừng bao giờ dò hỏi gì mẹ và em con cả. Mẹ sẽ đi, sẽ chạy thật xa cái làng này, nơi mà mẹ đã cất tiếng khóc chào đời, trong tiếng thoi dệt vải, tiếng tre làng kẽo kẹt, nơi ấy, lần đầu tiên mẹ biết yêu, được yêu và tình yêu đưa mẹ đến với cách mạng.

Với tuổi con, mẹ hiểu, nhiều điều mẹ tâm sự con chưa hiểu gì đâu, nhưng không hiểu sao mẹ lại có lòng tin ở con như tin ở những người thân thiết nhất, mặt nữa, mẹ nghĩ ngoài con, mẹ không biết tin vào ai nữa, không còn biết tâm sự với ai nữa. Xem xong bức thư này, con nhớ đốt ngay đi nhé, đừng để lại, dù là một chữ, tai họa sẽ giáng xuống đầu con đấy, con của mẹ ạ.

Đừng buồn con nhé. Mong con học giỏi. Mẹ và em Loan chào con. Mẹ hy vọng thế nào cũng có ngày chúng ta gặp nhau. Lúc ấy chắc mẹ sẽ khóc vì vui sướng còn hai con thì sao nhỉ, chắc sẽ ngượng nghịu vì hai anh em đều cao lớn cả rồi..."

Anh đã đọc bức thư như một lời trối trăng của một người sắp từ giã cuộc đời. Nhiều chỗ anh chưa hiểu gì cả. Anh chỉ biết rằng người mẹ ấy đang bị oan ức, có thể bị quy tội nặng và có thể bị đưa ra trước hàng nghìn người để hỏi tội và xét xử như chồng mẹ. Mấy lần châm lửa định đốt, nhưng rồi lần nào anh cũng phân vân, cuối

cùng, anh mở ba lô cất kỹ vào sau cái bìa có bao của cuốn sổ nhật ký trẻ thơ của mình. Anh đã giữ cuốn nhật ký cùng với bức thư của người mẹ La Khê ấy suốt mấy mươi năm. Màu giấy có vàng, nét mực có nhòe và mờ đi vì năm tháng, nhưng vẫn còn đọc được.

Bây giờ Loan mới hiểu thêm hồi ấy mẹ cô đã trải qua những thử thách lớn dường nào. Điều quan trọng là mẹ vẫn vượt qua được và trước sau bà vẫn giữ thái độ bình tĩnh với lòng độ lượng cao cả.

Loan hơi ngạc nhiên vì chưa bao giờ cô nghe mẹ nói về bức thư kỳ lạ mà sao hồi ấy mẹ có thể viết và gửi lại cho một đứa trẻ miền Nam như An, đành rằng cô hiểu, mẹ vẫn xem anh như một đứa con, như một người thân thiết trong gia đình. Nhưng xem kỹ nét chữ, xem kỹ nội dung, Loan hiểu một cách chắc chắn rằng đấy chỉ có thể là chữ của mẹ và đấy cũng chỉ có thể là tâm trạng của mẹ, một tâm trạng quẫn bách, bế tắc và bi quan chán chường...

Trước khi quyết định bỏ làng, bỏ lại nhà cửa, vườn tược, bỏ lại tất cả công lao xây dựng bao nhiêu đời của cha ông để ra đi, chắc mẹ bịn rịn xót xa lắm, lúc ấy nỗi đau khổ khủng khiếp dày vò con tim mẹ. Cái sự khủng hoảng bột phát ấy đã khiến mẹ mất bình tĩnh và điều lạ lùng mẹ lại tin đến mức có thể trút hết nỗi niềm cho anh mà không hề do dự.

Thường buổi chiều, trước khi mặt trời trút "hơi thở" cuối cùng nóng rực lên cánh rừng săng lẻ, Loan lại ra thăm mộ anh. Cô lại bẻ mấy nhánh hoa rừng, cho mãi đến sau này cô hỏi rất nhiều người, vẫn không ai biết đấy là loại hoa gì, chỉ biết cánh nó nhỏ và trắng mịn, nhưng mùi thơm lại đượm như hoa ngâu.

Cô thay hoa trên mộ và lót dép ngồi với anh một lúc. Cho đến bây giờ, ngồi đây trong cảnh vắng lặng và trầm mặc trước "ngôi nhà" của người đã khuất ấy, Loan vẫn không hiểu một sự trùng hợp lạ lùng nào đã xui khiến An về Trạm quân y tiền phương trung đoàn cô. Thực ra, anh ở một đơn vị khác và trong cuộc chiến đấu phối hợp anh đã bị thương khi đơn vị anh đã di chuyển đi cứu viện ở một nơi khác.

Loan, trong những đêm thao thức, thường nghĩ, có thể đấy là sự linh ứng do cái cảm quan đặc biệt của bà mẹ. Qua bức thư mà Loan vẫn nghĩ đấy là những lời tâm linh trước cuộc chia ly đau lòng

bà dự báo cuộc hội ngộ. Và Loan hoàn toàn không ngờ cái cuộc hội ngộ lại kỳ lạ và ngắn ngủi như thế.

Mấy lần cô định nói với bác sĩ Tâm về hồn ma cô đã gặp trong một giấc mơ mà cô cho là điều bí ẩn. Ngay trong đêm phải chúi mũi lo cho cánh thương binh mới về, cô không ra thăm và thay hoa trên mộ anh được, anh hiện về và kêu lạnh. Anh nói, có chiếc áo mưa làm kỷ niệm mà Loan cũng cố tình giữ lại, không gửi theo cho anh được ấm. Loan đã òa khóc và van xin anh tha lỗi. Không phải cô tiếc anh, nhưng cô muốn, cùng với cuốn nhật ký, bức thư của mẹ, và tấm áo mưa của cô sẽ là những kỷ niệm hơi khác thường, vì một điều thần bí nào đấy, cô đã tặng cho một người vừa ra đi, một mình với con khỉ đầm đìa nước mắt ngồi trên cây ngay đầu võng anh nằm, lại trở về với An và rơi lại vào tay cô.

Khi cái giấc mơ đầy huyền bí ấy lặp lại lần thứ hai thì cô quyết định mang tấm áo mưa ấy ra cho anh. Cô sửa soạn mọi việc lặng lẽ, âm thầm từ chiều, không một ai biết, không một ai hay. Đêm ấy lại như thường lệ cô lại ra thăm mộ anh, cô không cho bất kỳ một ai để ý, bất kỳ một ai nhìn thấy và nghi ngờ điều gì. Bằng một đoạn cây nhọn có hình thù như lưỡi mác cô nhặt một cách "tình cờ" ở dưới bếp nuôi quân, cô đã đào mộ anh lên, đặt tấm áo mưa ấy ở đầu cỗ "quan tài" và lấp đất lại y hệt như cũ. Cô hy vọng chỉ vài hôm, sương gió sẽ làm cho ngôi mộ trở lại cái dáng bình thường của nó.

Sau lần ấy, cô không hề gặp lại anh trong bất kỳ một giấc mơ nào nữa, mặc dù có nhiều lúc cô rất nhớ và thương anh. "Giá anh còn sống", cô ước ao như thế. Chắc mẹ cô sẽ mừng lắm. Thống nhất đất nước thế nào mẹ cô cũng làm một chuyến đi vào miền Nam, cái nơi kỳ lạ là không có mùa đông rét buốt để gặp má An, xin nhận anh làm con nuôi, còn cái việc "kia", thật tình cô cũng không hiểu thế nào. Nếu anh còn sống, cô có yêu được anh không, cô hoàn toàn không hiểu được, cô chỉ biết chắc một điều khi cô nhận từ đôi môi thâm tái vì sốt rét của anh hai cái hôn, cô cảm thấy lòng mình rung động. Lúc ấy cô chưa kịp phân tích đấy là sự rung động của tình yêu hay sự rung động của lòng xót xa, thương cảm. Cô chỉ hiểu và tin rằng, đấy là hai nụ hôn đầu tiên và cũng là cuối cùng của một người lính.

11.

Bác sĩ Tâm là một trong những người sớm nhận thức được cuộc sống có "cá tính" riêng, để có được bước đi lên, không ít lần nó phủ nhận ngay chính nó. Điều ấy có thể cắt nghĩa được câu hỏi tại sao bao nhiêu năm nay anh có thể sống cạnh một người như bác sĩ Dậu, chịu sự điều hành, chỉ huy của anh ta, mà không một câu thắc mắc hay tỏ thái độ bất mãn.

Một lần nào đấy, anh nói nửa đùa nửa thật với y tá Loan rằng trời sinh ra anh cầm dao, không phải để giết người mà để cứu người, anh hoàn toàn không có khả năng sống bằng cái lưỡi mềm dẻo, không phải để cứu người mà để giết người.

Cái khả năng làm lãnh đạo ở anh rất ít, may chỉ được một phần trăm, mặc dù anh hiểu hơn ai hết làm lãnh đạo ở thời kỳ này là dễ nhất, không cần có cái đầu riêng của mình, không cần chính kiến và suy nghĩ cá nhân, thậm chí không cần trình độ văn hóa cao và năng lực chuyên môn.

Không ít người như Nguyễn Dậu, viết chưa đúng câu, học hành nhảy cóc, được xét mọi ưu tiên từ thành phần giai cấp cho đến "quá trình cống hiến". Ai gần Dậu sẽ hiểu anh ta đã "mua" cái bằng bác sĩ bằng rất nhiều cách, từ việc chạy chọt lo lót cho đến việc dùng thế và lực, từ cái sự "ma mãnh" trong các kỳ thi đến việc "làm thân" một cách kín đáo những "nhà" chức trách có thẩm quyền ở Bộ.

Nhưng Nguyễn Dậu lại có tài "diễn thuyết", có tài hùng biện, anh ta nói không cần hiểu có người nghe hay không và cũng không ai nghe trừ cấp trên của anh. Đúng ra những người như anh ta chỉ biết lập lại tất cả – đôi khi sai lệch nữa – những gì cấp trên đã nói và ra sức bảo vệ đến cùng tất cả những luận điểm của họ. Điều mà các nhà khoa học sợ nhất là "quán tính tư duy" thì những người như Nguyễn Dậu lại cho đấy là sự trung thành có tính nguyên tắc.

Chiến tranh đã qua đi, nặng nề và mệt mỏi đối với mọi người, ai cũng hy vọng ở phía trước cuộc sống hòa bình thanh thản nhẹ nhàng hơn.

Trong nỗi vui mừng của cả nước, bác sĩ Tâm đã gặp lại người cha và bà chị ruột của anh chính nơi mà anh đã sinh ra và ba anh

rơm rớm nước mắt tiễn anh lên đường ra Bắc học tập. Hồi ấy anh hãy còn nhỏ lắm, đứng chưa tới vai ba anh, còn bà chị thì cao hơn anh nửa cái đầu. Bây giờ giữa hai người, anh trở nên cao lớn, khác thường. Lời hứa hai năm trở về đã trở thành hai mươi năm, cả một thời gian dài dằng dặc của một đời người.

Như lúc tiễn anh ra đi, trong lần gặp lại này, ba anh lại rơm rớm nước mắt, nỗi mừng mừng tủi tủi làm ông nghẹn ngào. Im lặng ông thắp ba nén hương cắm lên bàn thờ mẹ anh, lầm rầm khấn vái từ đây gia đình hạnh phúc trong đoàn tụ... Bà chị và mấy đứa cháu xoắn xuýt hỏi anh hết chuyện này đến chuyện khác. Ai cũng nghĩ anh là một kho chuyện như cái kho chuyện cổ tích mà lâu nay chưa ai hiểu thật tường tận.

Câu đầu tiên, anh thưa với ba là anh đã trở thành người thầy thuốc. Ba anh gật đầu, vuốt chòm râu lốm đốm bạc và nở nụ cười hài lòng.

– Được đó,... Ba nghiệm ra, giết một con người thì dễ, nhiều cách lắm, nhưng cứu một con người thoát khỏi thần chết khó lắm, đôi khi chỉ có một cách thôi.

Anh hoàn toàn không hiểu vì sao lúc ấy ba anh lại nói như thế. Nhưng sau này, khi đứng trước cái cọc gỗ, giải băng đen bịt đôi mắt anh lại, chờ đợi cái chết từ những viên đạn của những người hôm qua còn là đồng đội mình, chiến hữu mình, anh bỗng sực nhớ đến ba anh và cái linh ứng như một lời tiên tri ấy...

Hồi ấy, cùng với đoàn quân chiến thắng anh vào tiếp quản thành phố quê hương, đúng ra là tiếp quản một bệnh viện. Giám đốc bệnh viện là một bác sĩ dân y, bí thư Đảng ủy lại là bác sĩ Nguyễn Dậu. Số phận anh dường như không thể nào thoát khỏi "nghịch lý" của cuộc đời. Anh và Nguyễn Dậu, hai người hai thái cực, hai quan điểm và cách sống khác nhau, thậm chí đối lập nhau, nhưng lúc nào cũng như cặp bài trùng. Được cái tính dễ dãi, không vui vẻ, cũng không bực dọc gì lắm, anh chấp nhận một cuộc sống thuận – nghịch như vậy. Trước sau, anh vẫn là một bác sĩ thực hành, một bác sĩ phẫu thuật và có lẽ cái nghề nghiệp ấy đã làm anh say mê và ham sống. Ký ức về những giờ phút ít ỏi bên giáo sư Tôn Thất Tùng đã gây cho anh chất men yêu cái nghề mình đã

chọn cũng giống hệt như cảm giác hưng phấn trước những kỳ công mà tiến sĩ y học 27 tuổi người Pháp Alechxix Caren đã đạt được trong lĩnh vực phẫu thuật. Đấy là nhà phẫu thuật đầu tiên trong lịch sử y học đã nối lại được một chi sau cho một con chó bị tách rời khỏi cơ thể nó. Con chó đã hoàn toàn khỏe mạnh và sử dụng lại cái chi đó như trước khi nó bị cắt rời. Caren cũng là người đầu tiên ghép thận thành công cho một con chó sau khi cắt rời ra cho chính nó ở một vị trí khác. Những thành công vang dội ấy đã làm ông nếm trải những thất bại đắng cay trong nhiều năm liền khi tiến hành những cuộc phẫu thuật tiếp theo: Ghép chi, ghép thận của con vật này vào con vật khác. Khi ông công nhận sự thất bại, cũng chính là lúc ông phát hiện sự nhầm lẫn của chính mình – Đây không thuộc lĩnh vực phẫu thuật, bởi vì phương diện này, ông đã đạt được những thành công xuất sắc, nó lại thuộc lĩnh vực khác, lĩnh vực sinh vật học. Vào thời ấy, người ta còn xa lạ với "tính tương kỵ".

Để có thể giữ con người gắn chặt với sự sống, đã có bao nhiêu nhà bác học kiên trì và dốc hết tâm huyết ra với nghề như thế, nhưng không ít kẻ tìm cách giết người không một chút thương xót...

Một lần nào đấy anh đã thao diễn – cái điều anh rất ngại – cho đám sinh viên Y khoa về một ca phẫu thuật ghép chi cho một người lính bị mìn. Tất cả đám sinh viên, kể cả những bác sĩ phẫu thuật cũ của bệnh viện đều ngạc nhiên và trố mắt khâm phục tài năng của một bác sĩ mới từ rừng núi trở về.

Ai cũng công nhận bàn tay nghệ sĩ, mềm mại, uyển chuyển và rất chính xác của anh. Với hai bàn tay ấy chỉ hơn mười lăm phút, từ các mô mới bị mảnh mìn cắt rời, anh tìm ngay ra động mạch và tĩnh mạch. Và chỉ hơn một giờ, xương và cơ đã được nối xong, các dây thần kinh, các mạch máu đã được khâu cẩn thận, lớp theo lớp, thành theo thành...

Người chiến sĩ ấy anh không hề nhớ tên, nhưng là một trong những người đầu tiên đã tìm thăm anh ở tận nhà giam. Anh đi một chiếc dép có đế cao hơn chiếc kia một tý, nhưng dáng đi vững chắc, khó ai phát hiện anh bị thương tật. Anh định đến gõ cửa nhà ông bí thư để kêu oan cho bác sĩ Tâm, nhưng anh đã không làm được. Vào thời ấy, người ta bảo vệ ông bí thư như bảo vệ một ông lãnh tụ.

Điều Tâm đau xót nhất là phát hiện ra vợ đã phản bội anh. Suốt gần một năm anh sống trong tù, cô không hề đến thăm anh dù là một lần. Anh không hiểu nhiều lắm về mối quan hệ giữa Thức và quyền tổng biên tập Lê Hân. Sau hòa bình, Thức có đưa con vào tìm anh tại nhà ba anh. Thức đã tìm cách gây sự với anh lẫn ba anh. Cuối cùng người vợ ấy đã đưa một lá đơn đòi ly dị, bắt anh phải ký. Anh đã không từ chối chị điều đó, cũng như trước đây anh không từ chối khi chị yêu cầu anh đi đăng ký kết hôn vậy.

Hồi ấy anh thú nhận và xin lỗi chị về mối quan hệ giữa anh với y tá Loan. Chị đã khăng khăng phủ nhận:

– Anh cần gì sự tha thứ của tôi. Điều quan trọng đối với tôi, một phụ nữ có nhân cách – chị nhấn mạnh – là danh dự đã bị mất. Anh quên mất tôi, một trưởng ban, trước mắt mọi người, đang mang một vết nhơ trên mặt. Suốt hơn chục năm anh ở trong chiến trường tôi vò võ nuôi con chờ anh, anh hiểu nỗi nhục của một người vợ như tôi chứ?

– Bây giờ cô cần gì ở tôi?

– Cần gì à? Tôi cần tránh xa cái con người bội bạc của anh ra, cần tránh xa cái kẻ ngoại tình như anh. Anh ký vào đây cho tôi. Anh yên tâm, con tôi đẻ được, tôi nuôi được. Anh có thể dễ dàng lấy con đĩ Trường Sơn ấy về làm vợ.

Khi nghe cái câu sau cùng ấy, Tâm giận tím ruột, giận đến không kìm giữ được nữa và lần đầu tiên anh đã nói một câu cay độc:

– Lâu nay người ta vẫn lấy đĩ về làm vợ chớ không ai lấy vợ về làm đĩ.

Anh hoàn toàn không chuẩn bị cho mình câu nói ấy. Anh ân hận. Nguyên nhân dẫn đến kết quả của ngày hôm nay lại là anh chứ không phải là Thức. Một lần nào đấy, dường như anh có nghe ai nói xa xôi với anh về sự "khác lạ" của người phụ nữ xa chồng. Nhưng sau giây phút ngỡ ngàng, anh lại biện hộ cho sự chung thủy của vợ anh. Người phụ nữ biết trang điểm, biết làm đẹp mình là người phụ nữ phải biết tôn trọng mình, biết tôn trọng mọi người, một con người có văn hóa. Anh không ưa những người đàn ông "chải chuốt", vì sao vậy anh cũng không hiểu nữa. Anh thấy nó kỳ kỳ thế nào ấy. Anh vẫn nghĩ, cái đẹp của người đàn ông là cái đẹp tự nhiên,

cái đẹp bên trong, cái đẹp của tài năng và trí tuệ, nó từa tựa như gỗ giáng hương, vàng tâm, cái đẹp ở chính nó, chứ không phải do vẹcni hay sơn phết màu mè. Và vì vậy anh gần như bỏ ngoài tai lời đồn đại nào đấy.

Mãi sau này, khi nhận được thư của con gái, anh mới vỡ nhẽ, những điều bạn bè anh nói xa gần là hoàn toàn có căn cứ.

"... Ba ơi, con biết ba khổ nhiều lắm. Còn mẹ, ba biết không, đã "bỏ" cái ông thủ trưởng ấy rồi, con ghét cái lão ấy lắm. Trước đây, đêm nào mẹ cũng khóa cửa bỏ con ở nhà một mình trong phòng và đi. Mẹ cứ tưởng con ngủ, nhưng con vẫn thức và con biết hết ba ạ. Thiên hạ người ta biết cả đấy. Nhưng chẳng ai làm được gì mẹ đâu, "ô" của lão thủ trưởng ấy lớn lắm. Trước sau mẹ cũng bỏ lão thôi, nhưng chưa bỏ đâu, mẹ đang cố chạy để đi Tiệp hoặc Đức đấy...

Con muốn vào thăm ba lắm, nhưng mẹ dứt khoát là không cho. Mấy lần con định trốn đi, nhưng con không có đồng nào cả. Con chỉ thương ba thôi. Con cứ sợ họ giết ba mất..."

Hồi ấy, anh nhớ chị đứng phắt dậy, mặt tái đi vì cơn giận không kìm giữ nỗi và chính vì thế chị đã tát anh một cái. Với cái tát ấy anh cho rằng ít nhất nó cũng làm cho vợ anh vợi đi nỗi căm giận tích đọng lâu nay trong người phụ nữ chung thủy chờ chồng và, so với tội lỗi và câu nói độc kia của cái tát ấy là quá nhẹ.

Từng ngày, từng ngày cái chết đang đến với anh. Từng ngày, từng ngày nỗi oan chồng chất trong anh, đè dí anh xuống, không ai kéo anh lên nổi. Một người đã giật từ tay tử thần, trả về mạng sống cho hàng ngàn chiến sĩ, con người ấy chỉ chưa đầy tám tiếng đồ hồ nữa thôi, cái chết sẽ đến với anh hoàn toàn oan uổng, nó giống như cái chết của người lính khi chiến sự đã chấm dứt, thật vô lý...

Đêm nay là đêm cuối cùng để anh được suy nghĩ và nhớ lại những lầm lỗi của cuộc đời mình. Anh ân hận rằng, một lần nào đấy anh đã không tiếp tục được ca mổ phải dúi vào chiếc giường bằng nan lồ ô để cho tỉnh táo trở lại. Lần ấy anh đã để hai chiến sĩ không cứu được, đúng ra đấy là một trinh sát xuất sắc của trung đoàn và một đại úy, tiểu đoàn phó một tiểu đoàn tinh nhuệ của ta. Anh tự dằn vặt sao hồi ấy anh không gắng lên tí nữa, không kìm

giữ được cơn mệt mỏi... Vậy là trong cuộc đời mình, vô tình anh đã giết chết không ít đồng đội.

Anh tự lục vấn anh về cái chết của Hiệp, người yêu của y tá Loan, mà cho đến nay, đêm trước ngày anh từ giã thế giới này, người con gái ấy vẫn chưa biết được nguyên nhân trực tiếp, lại chính là anh, một bác sĩ mà cô và đồng đội cô hết lời ca ngợi và khâm phục.

Điều anh không thể nào hiểu nổi, cho đến cái đêm cuối cùng này mà anh vẫn còn thắc mắc chưa tìm ra câu giải đáp chính xác rằng tại sao người con gái như Loan lại có thể hiến tất cả đời cô, cái sự trong trắng nhất của người con gái cho anh mà không hề ân hận. Anh hiểu, tuy chưa một lần cô nói ra rằng là cô đã yêu anh, tình yêu sôi nổi và mạnh mẽ, cái tình yêu bắt đầu từ sự khâm phục tài năng của một bác sĩ, khâm phục thái độ coi thường công danh và cuối cùng là mối thông cảm cuộc sống quá đơn giản của anh, đúng ra là anh đã đơn giản hóa cuộc sống. Anh cho đấy không phải là tội lỗi mà chỉ có thế anh mới yên tâm lao vào khoa học. Điều mà không ít nhà khoa học chân chính không thích nhiều nhà chính trị là ở chỗ họ nhìn thấy quá rõ sự phức tạp của cuộc sống và để có thể tiến hành được cái sự phức tạp ấy bản thân họ phải khôn khéo và giàu "bản lĩnh", thậm chí phải biết dối trá và thủ đoạn. Họ không bao giờ chấp nhận sự đơn giản, hời hợt. Có thể anh nghĩ sai, nhưng cho đến giờ phút tiếp cận với cái chết này, anh vẫn nghĩ không phải ai trong số họ cũng đều cho rằng con đường ngắn nhất là con đường thẳng cả.

Khi bác sĩ Uyliam Xammeclin làm một vụ Oatoghết trong khoa học thì không ai còn gọi người bác sĩ ấy là nhà khoa học nữa. Trong những bức thư nhà, nhận được mỗi lần, Thức được đề bạt, được tăng lương, được giữ cương vị cao, được chuyển qua một phòng mới, ở đó có chiếc bàn to hơn, có chiếc ghế dựa đóng bằng gỗ tốt hơn, mới hơn – trong những bức thư như thế, bắt gặp lời thư hồ hởi, thỏa mãn và anh hiểu trong ý thức, chị trách anh về sự tiến bộ quá chậm. Hồi ấy quả thật anh có phục Thức và tự chê trách mình. Nhưng rồi, cũng ngay từ hồi ấy anh lại sống như một nhà chuyên môn thuần túy, hết mình vì người bệnh, vì thương binh, vì đồng đội của anh không hề nghĩ anh là cấp bậc gì. Về mặt này, mãi gần đây anh mới nghĩ tới như một phát hiện mới mẻ rằng Loan gần với anh hơn Thức.

Một thủ trưởng đến nói vòng vo để cuối cùng mở miệng xin một vài lạng sâm cho cái cơ thể phì nộn của anh ta. Không cần suy nghĩ, anh trả lời thẳng với anh ta rằng sâm không có để cứu cấp cho những bệnh nhân sắp chết, làm sao có thể cấp cho ông. Một con người như anh làm sao có thể "tiến bộ" được, bởi như Loan nói anh thật thà quá và cũng vụng về quá. Anh không rõ có phải Loan yêu anh từ cái sự lận đận "trèo lên, rớt xuống" cũng chỉ vài ba cái lon trung úy – thượng úy – đại úy rồi lại thượng úy, thậm chí có lần rơi "tõm" xuống đến thiếu úy, chỉ suýt chút nữa là thành "u rô" nghĩa là cái u số không, cái anh úy không sao, chỉ có một gạch trơn.

Từ ngày anh nhận được quyết định bị bắt của Viện kiểm sát, của Tòa án, của công an hình sự về tội giết ba anh, Loan đã đến với anh như một người vợ lý tưởng, yêu thương hết mực và thông cảm anh sâu sắc. Trong một bức thư ngắn, anh nhận được từ trong ruột một chiếc bánh, chắc là do Loan làm, Loan khuyên anh đừng lo, cô sẽ chạy đi gõ các cửa để minh oan cho anh.

Anh tin điều Loan nói, nhưng chắc chắn cô đã không làm được gì hơn cái sức của chính cô. Trong phiên tòa xét xử anh, cô đã thuê hẳn một luật sư bào chữa.

Anh can Loan đừng bày vẽ thêm một điều gì nữa vừa tốn kém, vừa làm trò cười cho thiên hạ. Ở ta, mọi phiên tòa chỉ là hình thức, mọi kết luận đã được bàn bạc trước, không phải ở những quan tòa mà ở cấp ủy, thậm chí một nhân vật cao cấp nào đó. Loan cúi đầu, im lặng. Nhưng cô vẫn làm theo ý mình. Cô vẫn nuôi hy vọng, dù là hy vọng mơ hồ.

Những người dự phiên tòa hôm ấy đều hiểu rất rõ, người bảo vệ bác sĩ Tâm lại chính là anh, chứ không phải luật sư bào chữa.

Cho đến phút chờ những viên đạn của những người hôm qua còn là đồng đội anh, anh còn nhớ gương mặt lạnh băng của viên chánh án điều hành phiên tòa hôm ấy cùng câu hỏi như một lời khẳng định của ông ta:

– Nguyễn Phúc Tâm, anh hãy trả lời trước Tòa vì sao anh giết ông già anh?

– Đó là một điều vu khống! Đầu ngẩng cao, anh trả lời, giọng đầy căm giận.

– Nguyễn Phúc Tâm! Trước Tòa anh không được vô lễ. Anh nên nhớ anh là phạm nhân, anh đang đứng trước vành móng ngựa. Và trước khi đứng trước vành móng ngựa, anh là một bác sĩ, một trí thức... Vị chánh án dừng lại một lúc như đắn đo, suy nghĩ, đôi mắt nảy những tia lửa giận dữ... Có lẽ trên đời, chưa một lần ông gặp một phạm nhân gàn bướng, kiêu ngạo và bất chấp ngay cả cái chết như thế này. Ông như nghẹn lại, mãi lúc lâu ông mới nói được:

– Tôi yêu cầu anh, trước khi muốn nói điều gì, phải lễ phép "Thưa quý Tòa". Và Tòa cũng yêu cầu anh trả lời đúng những câu hỏi mà Tòa đặt ra.

– Tôi không thể *thưa* và cũng không thể *quý* những người đã vu khống, đã quy chụp tôi, dù đó là các quan tòa hay một đấng tối cao nào đấy.

Không khí phiên tòa dậy lên những tiếng rì rầm, xôn xao. Gương mặt các quan tòa cùng một lúc như tím lại. Cái sự thách thức này là một cách lăng nhục họ, một sự khiêu khích của một kẻ điên rồ.

– Nguyễn Phúc Tâm! Anh là một tên ngoan cố. Giọng vị chánh án gay gắt, đanh thép. Chúng tôi có đủ chứng lý để kết luận tội trạng của anh. Bằng các phương tiện khoa học, chúng tôi đã cho xác minh lại hiện trường vụ án, ngoài dấu vết của anh, không còn dấu vết của ai khác. Anh có công nhận như thế không?

– Tôi không công nhận. Bởi vì tôi không rõ.

– Anh có công nhận tất cả các phim chúng tôi chụp lại đều mang dấu vết của chính anh.

– Tôi công nhận, bởi vì tôi đã đi tìm ba tôi, khi thấy ông trong cảnh bị sát hại chính tôi đã rút con dao ra khỏi ngực ông, và cũng tôi đã ôm ông dậy, dìu ông ra đường tìm xe đưa ông đi cấp cứu.

– Hai người nông dân đi làm sớm đã khai với chúng tôi, khi ông cụ chạy ra đến ngoài đường, anh còn lao theo ôm quật ông cụ.

– Đấy là một sự quy chụp, một lối vu khống.

– Anh có cần chúng tôi mời hai nhân chứng ấy ra không?

– Tôi không cần, bởi lẽ tôi tin đấy là một sự bố trí, một kiểu sắp đặt để cho vụ án có đủ lệ bộ của cơ sở luận tội một cách khách quan. Chính lúc ấy tôi đưa ông cụ tôi đi cấp cứu. Nhưng vì quá hồi

hộp và hãi hùng, ra đến đường tôi đã vấp phải mô đất và ngã xuống... Tất nhiên là ông cụ tôi cũng ngã theo tôi...

– Lời thanh minh của anh không đủ sức thuyết phục, về mặt pháp lý nó thiếu cơ sở...

– Pháp lý thuộc quyền lực các ông, các ông muốn thế nào mà chẳng được.

– Anh nên nhớ rằng, anh đang đứng trước cơ quan luật pháp, chúng tôi có hỏi anh, giả sử như anh không giết ông già anh thì ai giết. Anh đã trả lời chúng tôi: Có thể ông đã tự sát. Có đúng thế không?

– Đúng. Tôi có nói thế. Và đấy là một giả thiết chứ không phải khẳng định.

– Chúng tôi đã cho quật mộ ông cụ anh lên và dùng phương tiện khoa học đo vết dao để xác định rằng, với vết dao ấy, không thể là vết dao tự sát. Một lần nữa, anh bộc lộ rõ bản chất ngoan cố của mình.

– Tôi không có chứng cớ cụ thể để kết luận những ai đã giết ba tôi và tôi đã nghĩ có khả năng ông cụ đã tự sát vì mối quan hệ gia đình, nhất là gia đình chị tôi với ông cụ tôi. tôi nhắc lại, đó chỉ là khả năng. Tôi hoàn toàn không khẳng định.

Vị luật sư bào chữa đã đứng lện, giọng mềm mỏng:

– Thưa quý Toa, tôi đề nghị quý Toa nên xét công và tội, dù sao anh Nguyễn Phúc Tâm cũng là người cách mạng, bao nhiêu năm đi vào chiến trường. Anh đã cứu chữa cho không ít thương bệnh binh của ta.

– Tôi không cần sự chiếu cố. Tôi chỉ cần sự trung thực.

– Sự trung thực của pháp lý là chứng cớ. Tiếng công tố viên mềm mỏng nhưng thắt buộc.

... Sau khi nghỉ mười lăm phút, Loan ào đến với Nguyễn Phúc Tâm. Cô định nói với anh, đừng "cứng" quá. Cố mềm mỏng để mong lượng khoan hồng. Nhưng người ta đã dẫn anh vào trong.

Loan quay lại trách vị luật sư bào chữa quá yếu ớt.

Vị luật sư nói một cách thành thật rằng ông ta không thể nào nói hơn được nữa bởi mọi chứng cứ đã quá rõ ràng.

Phiên tòa tiếp tục sau tiếng chuông âm vang lảnh lót.

Vị chánh án lại đứng dậy và đọc bản luận tội cùng với quyết định của phiên tòa, tuyên án tử hình Nguyễn Phúc Tâm.

Không khí phiên tòa sôi lên, có nhiều tiếng vỗ tay. Loan choáng váng, bàng hoàng. Cô muốn lao đến, ôm anh khóc và trách anh sao quá bướng bỉnh. Giá như anh chịu khó nhún nhường một tí, chịu khuất phục một tí, chịu cúi đầu một tí, chắc bản án không đến nỗi như bây giờ anh phải chịu. Nhưng rồi cũng chính cô lại tự thay anh thanh minh cho mình: Anh ấy là thế, chưa bao giờ anh chịu cúi đầu trước quyền lực, suốt đời anh ấy khổ vì sự cứng rắn, vì sự trung thực, vì khinh thường những kẻ bất tài và xu nịnh... "Đời oái oăm thay, anh ấy lại chết vì cái sự ngang bướng, không biết cúi đầu, chết vì cái tính trung thực của chính anh ấy..."

– Nguyễn Phúc Tâm! Tòa cho phép anh được ý kiến về bản án mà Tòa đã giải quyết.

Không khí lặng đi, nặng nề. Trăm ngàn đôi mắt đổ dồn về anh, chờ đợi.

Riêng Loan, cô thầm cầu mong anh; dù một lần này thôi, anh cúi đầu xuống và xin được xét lại, xin ân xá, xin giảm tội... Cô tin chắc rằng anh làm được thế, Tòa sẽ xét lại...

Nhưng, Nguyễn Phúc Tâm không làm điều mà cô ao ước. Anh ngẩng đầu lên, giọng hết sức bình tĩnh và rạch ròi:

– Đối với tôi, biết cách sống không khó. Điều khó nhất đối với một con người là biết cách chết. Tôi không tham sống và vì vậy tôi không sợ chết. Và tôi đã biết chọn cái chết như tôi muốn: Không cúi đầu. Tôi tin một cách chắc chắn rằng, cái chết của tôi sẽ trở thành một bài học đắng cay cho những người mang danh công lý hôm nay...

– Anh có muốn xin ân xá?

– Tôi không có tội gì vì vậy tôi không xin ân xá...

Loan chồm lên, gào lên khi người ta dẫn anh đi:

– Anh Tâm! Anh Tâm!

"Thế là hết". Cô gục xuống.

Nhiều ngày sau này cô còn nhắc lại gần như một niềm an ủi chính mình: "Anh ấy sống như thế nào, anh ấy chết như thế ấy".

Những ngày ấy Loan đã khóc rất nhiều, mỗi lần vào thăm, anh lại thấy gương mặt cô hốc hác hơn, đôi mắt trũng sâu thêm, đôi môi khô đi vì dằn vặt trong những đêm một mình nghiệm lại cái quy luật nghiệt ngã của đời sống bao hàm trong chính nó cái sự oái oăm oan khuất của bao nhiêu thân phận hẩm hiu.

Loan không ngờ rằng, lịch sử lại lặp lại những lỗi lầm của chính nó, những lỗi lầm không thể nào dung thứ, nó để lại một vết hằn gớm guốc trên cái vinh quang mà nó vừa ghi được của một dân tộc trong công cuộc chống ngoại xâm. Mới hôm qua đây thôi, sau cuộc chiến tranh dài gần một thập kỷ, ai cũng ghi nhận có biết bao xương máu của những người yêu nước đã đổ xuống để có được một nền hòa bình, nhưng rồi không ai ngăn được những cái chết oan uổng. Bố cô đã bị chết một cách đau thương và nhục nhã và rồi khi nỗi oan ức đã được đền bù lại bằng một tấm bằng liệt sĩ, ai cũng coi như danh dự ông đã được bồi thường một cách xứng đáng, nhưng đã mấy ai thấu hiểu nỗi đau mất mát bằng chính mẹ con cô.

Hồi ấy, mẹ đã "tha" cô như một con mèo ướt trốn lên Hòa Bình giữa cơn gió mùa đông bắc đang tràn về, bỏ lại cả cơ ngơi gây dựng mấy đời của gia đình cô, để lại một đứa con miền Nam, mà không hiểu sao mẹ lại rất yêu, rất quý, không hiểu vì sao mẹ lại có cảm giác như đó là đứa con của chính mẹ. Và cũng trong cái mùa đông rét cắt da cắt thịt ấy, từ Hòa Bình mẹ lại trốn về Hà Nội trong bộ áo chàm người Mường, nửa đêm gõ cửa một bà cô đơn chiếc với hai niềm an ủi: Hai tấm bằng liệt sĩ của chồng và con trai.

Với vai một bà người dân tộc Mường ấy mẹ chạy vạy nuôi con và điều quan trọng là vượt qua được cái giai đoạn đầy bi đát ấy của gia đình. Và khi cái giai đoạn khốn khó ấy qua đi, mẹ lại cảm thấy mệt mỏi gần như mất phương hướng, mất niềm tin. Bấy giờ mẹ phải xác định cho mình, lẽ sống ở đời của mẹ là đứa con gái, là giọt máu duy nhất mà chồng mẹ để lại. Điều quan trọng mẹ nghĩ trong mỗi cố gắng của mình trước những thử thách của cuộc đời là đừng để cho tuổi thơ của con gái thấm nặng những oan khuất của bố nó.

Nhưng rồi cũng chính mẹ, trong những đêm cô đơn nhất, những đêm buồn nhất lại thổ lộ với con gái những nỗi niềm, những đắng cay, những uẩn khúc của cõi lòng bà.

Hồi ấy họ học với nhau ở trường Thăng Long Hà Nội, cùng lớp đệ tứ. Cả hai đều tham gia phong trào, bị lộ và kéo về quê hoạt động ngay trong làng tề. Những ngày sống lẩn lút, cơm nắm, muối vừng, nhưng mà vui, mà hăm hở. Đi đâu cũng được dân che chở, đùm bọc.

Chỉ trong một đêm, chị đã đào xong dưới nền nhà người bà của chị căn hầm bí mật. Đấy cũng chính là cái đêm tên Thân, một "đồng chí" của anh phản trắc lén lút khai báo với địch nơi anh ẩn náu, anh thoát được và đêm hôm sau từ dưới dòng con sông Nhuệ quê hương, chị đưa anh về ngay căn hầm bí mật dưới giường người đàn bà đang thấp khớp.

Anh đã nói với chị cái điều mà ngoài anh ra, không ai biết ấy. Hồi ấy, ngồi trong lũy tre, anh nhận ra sau hắn không xa, một "nông dân" cây cuốc trên vai. Lúc đầu quả thật anh không hề có một hoài nghi nào. Nhưng khi trong ánh trăng suông anh tình cờ nhận ra bước đi hơi khập khiễng của người "nông dân" vác cuốc kia là một tên tề nguy hiểm đã một lần bị anh bắn trúng vào gót chân... thì anh đã vùng nhảy ngay xuống sông. Con sông đã khỏa lấp anh trong những hơi lặn dài, đưa anh qua rặng tre bờ bên kia... để lại đằng sau những tiếng đạn "chũm, chũm" trên mặt nước.

Chính anh là người sau đấy không lâu đã báo cáo việc này cho đồng chí bí thư, người đã có lần nắm tay anh chị tuyên bố "từ nay hai người là vợ chồng". Ông ôn tồn khuyên anh cần phải có thời gian để theo dõi, cần phải có thời gian để kiểm nghiệm, mọi sự vội vàng đều dẫn đến mất mát oan uổng. Anh nghe ông, im lặng và chờ đợi. Nhưng đáng tiếc là trong một lần đi công tác, ông không bao giờ trở về nữa. Ông ngã xuống trước ngày ngừng chiến theo hiệp định Giơnevơ năm 1954 chỉ hơn một tuần. Không ai tìm ra dù là một chi tiết về việc không trở về ấy nữa của ông ngoài anh. Nhưng đấy cũng chỉ là những nghi vấn, những phán đoán, anh không hiểu đích xác được gì cả. Trong thâm tâm, anh định sẽ quyết tâm tìm cho ra và anh tin tưởng cái sự quyết tâm của mình.

Nhưng rồi cuộc đấu tranh giai cấp quyết liệt đã diễn ra cùng với mọi sự lẫn lộn giữa thật và giả, trắng và đen... Mọi trật tự, mọi nề nếp vốn tồn tại hàng bao nhiêu đời đã bị đào bới, xem xét, đánh giá và sắp xếp lại. Nhiều người yêu nước chân chính, nhiều người cách mạng thật sự lại nằm ở thành phần "không cơ bản" trí thức tiểu tư sản trung nông lớp trên, phú nông và địa chủ – không kể cả địa chủ yêu nước... Đấy là những thành phần thuộc "đối tượng" của cuộc cách mạng dân chủ... Thế là tên Thân – bần cố nông – lại trở thành bí thư xã rồi bí thư huyện... và những "trí thức" bấp bênh dễ dao động như anh Đông – bố Loan – phải ra trước "tòa án nhân dân", chịu những hình phạt nặng nề nhất vì bị quy chụp những tội lỗi: Việt gian, phản quốc!

Những sai lầm đã được sửa chữa, nhưng những vết hằn của nó vẫn còn lại đó trong tiến trình lịch sử của một dân tộc, những đau xót mà nó gây ra đâu chỉ cho một thế hệ. Không biết từ bao giờ, Loan đã thổ lộ những bi kịch chua chát của gia đình cho Tâm biết và, giờ đây ngồi trong nhà tù chờ đợi cái chết một cách vô lý, lần nữa anh lại nhận ra chân lý thật đơn giản, nhưng trong quá trình tiếp cận chân lý, con người đã phạm không ít tội lỗi.

Hơn bao giờ hết, lúc này đây, khi cái chết chỉ còn trong gang tấc, anh lại cảm thấy khao khát được sống dù chỉ là một phút, trong tình yêu nồng cháy và đầy thông cảm không phải với vợ anh, mà với chính cô gái y tá Trường Sơn ấy – cô Loan – Hóa ra hạnh phúc đơn giản cuối cùng của đời con người là thế đấy – chỉ cần được tiếp nối một tình yêu mà trước đây anh chưa nhìn thấy, hoặc anh cho là tội lỗi.

Suốt gần một năm qua, Thức không hề đến thăm anh, dù là một lần. Gần như ngày nào anh cũng chờ đợi chị ta với hy vọng sẽ được thanh minh về cái hoàn cảnh dẫn đến tội lỗi của anh trong tình yêu đối với Thức và, thanh minh về cái tội lỗi của tòa án đã quy kết cho anh hôm nay. Con người trước khi từ giã cuộc đời, hãy nên sòng phẳng với đời. Không hiểu tại sao lúc này anh lại nảy ra cái ý nghĩ ấy và, cái ý nghĩ ấy làm anh cảm thấy mình thanh sạch trước cuộc đời đầy bụi bẩn.

Qua thư của con gái, anh hiểu gần đây, Thức đã chuẩn bị mọi thứ để chờ đi nước ngoài. Phúc Mai, năn nỉ mẹ vào thăm ba đang lâm nạn, nhưng mẹ trừng mắt và yêu cầu con gái không được nhắc đến điều ấy, dù là một lần. Suốt ngày và đêm ấy, Phúc Mai bỏ nhà đi lang thang, và không biết ai xui khiến, Phúc Mai lại đến cái phố Ngõ Gạch ấy, và may mắn, bà cháu Trường Sơn có nhà. Hai chị em chơi với nhau vui vẻ hòa hợp. Chưa bao giờ Phúc Mai thấy mẹ ác như lần này... "...Ba không biết đâu, mẹ dạo này oai lắm, mẹ nói một tiếng là thứ gì cũng có. Hầu như trong cả cơ quan ai cũng sợ mẹ, ông Hân cũng thế. Ông ta nghe đâu đã bỏ mẹ, theo cô nào 20 tuổi gì đấy, trẻ gần bằng nửa mẹ. Mẹ lồng lộn lên, và buộc ông ta phải giải quyết một chuyến đi nước ngoài... Hồi nào, người ta thả ba ra, ba về với chúng con nhé. Bà ngoại con nói: Ba mày ác lắm nên Trời mới phạt thế. Bà ngoại em Trường Sơn nói: Trên đời ít ai sống tốt như ba cháu. Những người ở hiền thường lại không gặp lành. Còn con thì nghĩ, ba không ác được vì mẹ con đã ác quá rồi, ác hết cái phần ác của ba, thế là ba chỉ có tốt như bà ngoại em Trường Sơn con nói thôi..."

Năm nay dường như Phúc Mai 12 hay hơn gì đó. Anh không nhớ chính xác lắm tuổi vợ con và thậm chí ngay cả tuổi anh nữa, anh cũng hầu như không để ý. Đối với anh, thời gian cứ trôi đi theo quy luật của nó, con người cũng theo quy luật riêng của nó, lớn lên, trưởng thành và già đi. Điều quan trọng là con người làm được cái gì cho đời khi anh trưởng thành. Đời nuôi anh nhiều quá, anh sẽ là một kẻ vô ơn nếu anh không biết xây đắp cho cuộc đời, dù là một viên gạch trong sự hoàn thiện của nó.

Trước khi từ giã cuộc đời anh đã từ chối uống liều thuốc an thần để có thì giờ suy gẫm lại chính mình và cảm thấy hài lòng vì dù sao anh cũng làm được, tuy không đáng kể, nhưng anh cũng đã hết mình vì chính cuộc đời anh đang sống, vì chính đất nước vốn khốn khó và hay bị ngoại xâm của anh. Và giờ đây anh mong ước Nguyễn Phúc Mai, mong ước Trường Sơn mai sau lớn lên, mỗi đứa cố gắng bằng chính sự lao động cần mẫn của mình hãy xây đắp cho cuộc đời, dù ít nhất là một viên gạch nào đó như anh trong những năm ở chiến trường.

Phúc Mai gần như tuần nào cũng gửi thư cho anh. Anh hoàn toàn không ngờ Phúc Mai lại thương anh như thế, mặc dù suốt mười mấy năm cuộc đời con gái, hai cha con chỉ sống với nhau chưa lấy vài tháng. Và ngay cả những ngày ấy anh cũng chúi mũi vào cái đống sách chuyên môn của anh. Ngược lại, anh cũng không ngờ, Phúc Mai lại ghét mẹ đến thế. Hóa ra tuổi thơ vẫn có cái gì đấy rất tinh tế, nó nhận chân mọi phẩm cách theo cảm tính riêng, nhưng thường rất chính xác.

"... Ba ạ, mẹ đã lấy chồng khác rồi, ông ta trẻ hơn ba nhiều, trẻ hơn cả mẹ nữa, mới đi Tây về. Mẹ với ông ấy đã dọn về căn hộ dành riêng cho cán bộ có bìa Vân Hồ, Nhà Thờ, nghe đâu rộng lắm – con cũng không thèm đến ba ạ. Con và bà ngoại ở nhà cũ. Sách ba vẫn còn nguyên, con giữ kỹ lắm, ba đừng lo... Khi người ta thả ba ra, ba về đây ở với con và em Trường Sơn nhé. Trường Sơn ngoan và dễ thương lắm. Sao trông nó lúc nào cũng buồn buồn, ai cũng bảo nó giống con. Mẹ con, mỗi lần cáu gắt, bực bội, cứ mắng con sa sả: "Mày y như bố mày, hư đốn quá, lúc nào cũng chỉ sách với vở".

Lâu nay, tuy chưa bộc lộ ra ngoài, nhưng trong suy nghĩ của Thức, người đàn ông là một món hàng, một nô lệ của người phụ nữ. Bằng một cái nhìn quyến rũ trên tàu điện, Thức đã chiếm được hoàn toàn tình cảm của Tâm, một bác sĩ, điều hành anh như một con rối. Nhưng ở người con trai này có những chỗ rắn mà chị công nhận chị đã bất lực, không bóp nặn theo khuôn mẫu của chị được: sự say mê khoa học và lòng khao khát lao vào cuộc chiến đấu giải phóng quê hương.

Ngay từ ngày mới lấy nhau, hai người đã bộc lộ hai tính cách khác nhau: Chị ưa hình thức ngăn nắp, ngược lại, Tâm chú ý nhiều ở nội dung, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng thường bắt nguồn từ những chi tiết nhỏ nhặt, không đâu vào đâu, như sự lộn xộn trên bàn làm việc của anh. Hôm trước Thức sắp xếp ngăn nắp, hôm sau Tâm lại dàn bày ra ngổn ngang. Đối với cách làm việc của Tâm thì cái gọi là lộn xộn ấy chính là cái trật tự của riêng anh.

Điều này, Loan lại là người thông cảm với anh, cô tôn trọng mọi thứ "lộn xộn" trên chiếc bàn dã chiến mà Kỷ đã kỳ cạch đóng cho anh. Từ một mẩu tin anh cắt trên tạp chí y học thế giới về

phương pháp ghép thận nhân tạo, đến những cuốn sách chuyên khoa về phẫu thuật của các nhà khoa học Liên Xô và Mỹ, luôn luôn được Loan giữ nguyên vị trí cũ trước khi anh đi làm một công việc thực hành hay đi thăm bệnh nhân.

Lúc đầu Tâm gần như ít chú ý đến những chi tiết vụn vặt như thế, nhưng rõ ràng, những khi vắng bóng người con gái ấy, anh cảm thấy thiếu đi một cái gì trong tình cảm, từa tựa như vừa chia tay một người bạn thân thiết nhất.

Và bây giờ, khi sắp từ giã vĩnh viễn cuộc đời, Tâm mới cảm nhận được một điều hết sức rõ ràng và thêng liêng rằng, người yêu chân thành và chung thủy nhất của anh, không phải là Thức, cô sinh viên Tổng hợp hào hiệp mà anh gặp trên tàu điện mà là người con gái gắn bó với anh qua bao nhiêu thăng trầm suốt hàng chục năm ở rừng Trường Sơn và những ngày tháng oan ức này đây.

Bốn giờ sáng, người trưởng trại vào hỏi anh có yêu cầu gì, cần nhắn gửi hay trối trăng gì với ai không. Anh im lặng một lúc và trả lời:

– Tôi muốn được gặp vợ tôi – Cô Loan.

– Chúng tôi sẽ làm theo ý nguyện cuối cùng của anh. Anh chỉ địa chỉ, chúng tôi sẽ cử người đưa cô ấy đến.

– Cảm ơn anh. Anh cứ cho người ra ngoài cổng. tôi biết đêm nay cô ấy cũng như tôi, không ngủ và nghĩ về nhau, tìm mọi cách được sống gần nhau...

– Anh tin điều anh dự đoán.

– Không phải dự đoán mà là khẳng định.

Mười phút sau Loan đã ở trước anh, cô ào đến như cơn lốc, ôm chầm lấy anh, nức nở.

– Trường Sơn không vào được như anh mơ ước. Đúng ra em không muốn cho con nhìn thấy cảnh đau lòng này.

– Đừng khóc, em. Anh muốn nói với em điều thiêng liêng nhất, cái điều mà cho đến trước khi trút hơi thở cuối cùng anh mới nhận ra. Em cố nhớ và sau này, có điều gì nói được với con, em sẽ kể lại cho nó nghe: Em à, anh yêu em. Bây giờ anh mới nhận ra điều này quả là muộn mằn, nhưng dù sao như thế vẫn còn hơn. Chỉ có một

tình yêu chân chính, tình yêu đích thực mới vượt qua được mọi thử thách. Và cho đến đêm hồi hôm anh mới hiểu vì sao trong truyền thuyết của chúng ta có hình ảnh người phụ nữ kiên nhẫn chờ chồng cho đến hóa đá. Tình yêu chân chính vượt qua mọi thử thách của thời gian để đi đến sự bất tử.

Không hiểu sao, cứ sau một cuộc chiến tranh, người ta lại thường mắc phải những sai lầm tệ hại. Anh không hy vọng gì sau cái chết của anh, những ai có thẩm quyền được biết chuyện kết án sai trái đầy chua xót này lại không rơi tiếp vào những tội lỗi tương tự bởi điều nguy hiểm là cả họ và những vị quan tòa của họ đều rơi vào cái "quán tính tư duy", không bao giờ họ chịu nghĩ khác đi cái điều đã thành vệt mòn trong cái tư duy của chính họ. Ngay Caren, một nhà khoa học nổi tiếng thế giới đã thành công trong việc ghép cơ quan của động vật khi nó bị cắt rời ra khỏi chính nó, theo "quán tính tư duy" ấy, ông đã phải trả một cái giá hàng chục năm liền loay hoay với những thí nghiệm cũ với hy vọng ghép cơ quan của một động vật này cho một động vật khác, nhưng không lần nào thành công. "Quán tính tư duy" đã không cho nhà khoa học thay đổi một cách nghĩ, một cách nhận xét và cách đánh giá khác những điều sẵn có, những điều đã giúp ông thành công.

Lâu nay anh cứ ngỡ rằng Thức yêu anh thật sự. Tôn trọng tình yêu ấy, anh đã ân hận, đã sám hối những lỗi lầm của chính anh khi hoàn cảnh đã dẫn anh quan hệ với em. Anh phủ nhận, thậm chí còn giận bạn bè khi ai đó nói với anh rằng chị ta không phải là người chung thủy như anh tưởng. Mãi đến khi vào tù, nhận được thư của Phúc Mai anh mới nhận ra anh lầm, một sự lầm lẫn đáng trách hơn là đáng thương. Có gì đâu, ngay từ đầu, anh đã nghĩ như thế rồi em ạ.

Anh mong em, từ giờ phút này thông cảm cho anh, câu hỏi mà anh muốn em trả lời, em có yêu anh thật lòng không?

– Em yêu anh, thật lòng... Em nghe mẹ nói những người yêu nhau không sống được trên trần thế, mai kia dưới suối vàng họ sẽ được gặp nhau, họ lại sống với nhau trong tình yêu và hạnh phúc vĩnh hằng...

– Cám ơn em. Vậy là anh hiểu, em tin anh. Bởi vì không có tình yêu, sẽ không bao giờ em tin anh trong khi các vị quan tòa, những người nhân danh công lý lại phủ nhận tất cả những gì anh đã đem cả danh dự của một nhà khoa học ra đảm bảo rằng anh không bao giờ có thể hành động như một kẻ điên rồ, như một loại mất trí...

Tâm dừng một lúc, nhìn thẳng vào gương mặt đang đẫm nước mắt của người yêu, và giọng nói cố nhẹ nhàng, từ tốn:

– Anh đã nói với họ rằng, tôi không sợ chết, nhưng tôi sợ, chính cái chết của tôi lại là tội ác của các người.

Em đã thấy đó, lúc bấy giờ viên thẩm phán đã đập bàn và quát vào mặt anh:

– Những người gàn bướng, ngoan cố như anh mới hay phạm vào tội lỗi. Ngay chị gái của anh cũng nói với chúng tôi như thế, và người bạn gần gũi với anh, bác sĩ Nguyễn Dậu, bí thư Đảng ủy bệnh viện cũng nói với chúng tôi như thế.

– Đấy, em thấy không, những người gần gũi với anh nhất, những người ruột thịt của anh, những người mà một thời anh đã cứu họ ra khỏi thần chết, bây giờ lại là những người góp thêm sức nặng cho "tội lỗi" của anh, cho cái chết của anh. Duy chỉ có em là nghĩ khác, điều đó nói với anh rằng không có tình yêu thật sự của con tim, một tình yêu không hề biết tính đếm thì không thể nào có lòng tin vào một con người như anh trong lúc này.

Tất cả lầm lẫn, tất cả tội lỗi này rồi sẽ được minh định, cũng như với bố em, nhưng điều quan trọng là mấy vị quan tòa đã xét xử anh có biết và có sám hối hay không. Những ai không bao giờ biết sám hối, không bao giờ biết ân hận, lại mang danh công lý, lúc nào cũng khư khư bảo vệ lấy cái "chân lý" của riêng mình, chắc chắn sẽ không bao giờ có trái tim, không bao giờ có tình yêu và, vì vậy họ lại tiếp tục mắc thêm những tội lỗi mà lúc nào họ cũng cho là lẽ phải.

Anh mong em mai này khi con lớn lên, dù mọi việc chưa sáng tỏ, em cũng hãy nói với con trai của chúng ta rằng ba con là một nhà khoa học, một bác sĩ đã từng cứu hàng nghìn chiến sĩ, và cả hàng chục kẻ thù của mình, con người ấy không thể nào cầm dao

giết chính người cha đẻ của mình được – Ba của Trường Sơn không như thế, không bao giờ là kẻ giết người, ngay cả bằng cái lưỡi của mình.

Anh còn một đứa con gái, Nguyễn Phúc Mai, sống với một người mẹ như Thức, chắc chắn nó sẽ gặp nhiều điều nghịch hơn thuận. Hai mẹ con hai tính cách khác nhau. Con nhỏ có bản lĩnh và anh lại rất tin nó. Không hiểu vì sao nó lại biết bé Trường Sơn là em nó. Điều anh rất mừng là Phúc Mai rất thương em. Anh hy vọng là chúng sẽ không cô đơn, khi đứng trước sóng gió của cuộc đời chúng biết dựa vào nhau, yêu quý nhau.

Anh mới nhận được, mới hôm qua đây thôi, thư của một người quen sơ trong tòa soạn của Thức. Người quen ấy đã rời khỏi cơ quan, rời khỏi tầm với của Lê Hân, cho anh biết tất cả cái việc "phấn đấu" của cô ta kể cả việc phấn đấu vào Đảng. Không biết những nhà lãnh đạo cao nhất có biết không trong Đảng lại có những người "phấn đấu" vào Đảng như thế đấy, một sự phấn đấu quên cả thân mình theo kiểu ấy thì còn gì là sự cao cả và thiêng liêng của một Đảng cầm quyền...

Cũng may, anh nhận ra điều ấy hơi muộn, nghĩa là trong những giờ trước khi anh ra trường bắn, nếu không chắc chắn, anh sẽ đau khổ, sẽ dằn vặt, sẽ vò đầu bứt tay, sẽ ân hận về những gì mà anh đã ân hận...

– Thôi, anh đừng nói về những điều ấy nữa, chẳng hay ho gì đâu anh ạ. Thì giờ đối với chúng mình còn ít quá. Anh có dặn dò gì em nữa không? Loan lau hai dòng nước trên đôi mắt đỏ ngầu, trên hai gò má nhô cao, anh khó nhọc nói:

– Em cho anh nói, những gì anh nói trước lúc anh trút hơi thở cuối cùng đều là lời trối trăng cả đấy em ạ. Anh muốn em thay anh để ý giùm bé Nguyễn Phúc Mai. Mẹ nó chắc say mê vị giám đốc trẻ trung nọ sẽ không ngó ngàng gì đến con cái đâu. Điều thứ hai anh mong ước, sau khi anh qua đời, em lập cho anh cái bàn thờ ba anh, em đốt ba nén hương và thưa với người rằng anh đã chết một cách oan uổng nhưng trong sạch. Điều cuối cùng anh mong em đừng nghĩ gì nhiều đến anh, cuộc đời đối với em còn dài, em nên suy tính và tìm một người con trai hợp với em...

– Anh đừng nói thế... Nơi suối vàng, nếu có con suối như thế thật, thì em mong hương hồn anh sẽ chứng giám cho tình cảm của em đối với anh. Em rất tiếc... những ngày qua. Dù sao anh cũng đã hết lòng với đồng đội, với bạn bè, với cuộc đời này, những gì anh đóng góp cho cuộc sống không ít, nhưng đời trả nghĩa lại cho anh bạc bẽo quá, cay đắng quá, tàn nhẫn quá...

Có tiếng chuông đồng hồ gõ vào không gian tĩnh mịch. Cả hai không hẹn, nhưng cùng một lúc đặt tay phải lên phía ngực trái của mình. Chưa bao giờ cả hai nghe tiếng chuông đồng hồ âm vang đến như thế, tiếng kêu còn rùng rợn hơn tiếng còi báo động khi có máy bay Mỹ vào gieo chết chóc và thương đau cho thành phố. Mỗi tiếng gõ của quả chuông cứ lôi vào tâm trí hai người buốt nhói nơi lồng ngực và khiến cả hai đột ngột dừng câu chuyện lại, bàng hoàng...

Người trưởng trại giam vào báo cho cả hai cái giờ họ không còn được phép tâm sự. Cái giờ vĩnh biệt đã đến. Giọng anh ta không gay gắt như giọng của vị thẩm phán. Anh nói nhỏ nhẹ và từ tốn và cả hai đều đọc được trong từng âm sắc của anh lòng thương cảm thật sự của con người. Không hiểu anh có nghe được những nỗi oan ức khi ai người tâm sự hay không, họ chỉ biết rằng trước đây anh là một người lính, người lính Trường Sơn.

– Vĩnh biệt em!

Sau câu nói ấy của anh, họ ôm chặt lấy nhau, trao cho nhau những cái hôn cuối cùng chan hòa nước mắt.

Họ đứng như vậy, hôn nhau rồi nhìn nhau. Bây giờ họ không nói với nhau câu nào nữa, nhưng trong ánh mắt nhòa lệ của mỗi người, họ gửi lại cho nhau những điều thiêng liêng nhất, những điều mà khi còn sống họ chỉ ao ước...

Hơn hai mươi phút sau họ rời ra và cô gái đã lấy chiếc khăn mùi soa của mình từ trong cái túi giả da màu trái me già, chiếc khăn có thêu một dòng chữ rất công phu, chữ thêu màu xanh lá me non: "Em mong sau khi anh qua đời, đất nước này chỉ có tình yêu, tình yêu cho những đôi trai gái, tình yêu cho mỗi cuộc đời".

Với chiếc khăn ấy, cô lau nước mắt cho anh và lau nước mắt cho cô.

– Đừng khóc nữa, anh nhé... Em muốn anh giữ chiếc khăn này, trước khi mang theo xuống mộ, anh hãy nói với người ta dùng nó để bịt mắt anh thay cho giải băng đen mà họ vẫn dùng để bịt mắt những người bị hành hình.

– Vĩnh biệt anh!

– Vĩnh biệt em!

Người con gái đã nén được tiếng khóc của mình với một nghị lực phi thường. Và khi cô bước ra đến cổng thì tiếng khóc đổ òa ra... Tất cả mọi người im lặng... Nhiều tiếng khóc nghẹn ngào nối tiếp theo tiếng khóc uất nghẹn đầy lồng ngực của cô gái... những tiếng kêu oan ức mà cô đã kêu ở nhiều nơi và mọi nơi đó thờ ơ trước tiếng khóc oan ức ấy.

12.

Nhiều năm sau này, tôi nhớ lại bằng hồi ức của chính tôi và của bạn bè có mặt hôm ấy: Người ta đưa anh ra pháp trường với tất cả nghi lễ của một cuộc hành quyết.

Anh bước đi trong bộ quần áo tù màu trắng, sau anh, hai người lính, ngọn súng lăm lăm lưỡi lê giương ra ngời ngời ánh thép. Bầu trời vần vụ những núi mây màu chì. Chân trời phương Đông, một đường viền màu sáng mà không hiểu sao mỗi khi nhớ lại tôi cứ có cảm giác đấy là mảnh băng tang của nhà Trời quàng cho anh. Anh bước đi từng bước khó nhọc, nhưng ai cũng hiểu anh cố gắng hết sức để đừng ai thấy giờ phút cuối cùng anh run sợ trước cái chết. Anh âu yếm giơ tay chào mọi người. Và tôi đã nhìn thấy đôi mắt anh lướt trên những khuôn mặt của mọi người dự buổi "tiễn đưa" anh hôm ấy để tìm tôi. Tôi chồm người ra phía ngoài, giơ cả hai tay lên, kêu:

– Anh Tâm ơi! Em đây này!

Khi nhìn thấy tôi, anh giơ cả hai tay lên vẫy lại. Và bấy giờ, trong ánh mắt mờ ngập lệ, tôi cũng nhìn thấy anh một gương mặt giàn giụa nước mắt. Cuộc đời thường nhiều "nghịch lý" thế đấy, ai cũng tưởng anh là một con người được cấu tạo bằng sắt và thép,

nhưng trước người thân, trước vợ con anh, anh lại nhu nhược và mau nước mắt như đàn bà.

– Vĩnh biệt em!

Tiếng anh dội lại, một thứ tiếng nói của riêng anh, tình cảm, ấm áp, trầm trầm và từng âm tách bạch nhau.

Tôi nhìn thấy có gần một nửa số người cúi đầu vĩnh biệt anh, và dưới chân anh làn cỏ đẫm sương nặng trĩu dường như cũng đang rung động, từng đợt sóng truyền từ anh tỏa ra chung quanh. Sau này nhớ lại phút ấy, trời sao bỗng nổi lên một cơn gió, không phải chỉ có bãi cỏ ở trường bắn mà cả cây cối cũng lay động, xôn xao.

Một người tiến lại, trói hai tay anh ra sau chiếc cọc gỗ. Một người khác bước tới buộc dải băng đen qua đôi mắt anh đang khao khát nhìn tôi và bạn bè. Thế là hết, một đời người ngắn ngủi, sẽ không bao giờ anh được nhìn trở lại, dù chỉ một lần, những người thân của anh, Tổ quốc mà anh đã không tiếc xương máu để góp phần bảo vệ và xây dựng.

Tôi nhìn thấy anh lắc đầu, nói gì đấy, tôi đoán anh đã đề nghị người lính cột chiếc khăn tôi tặng anh. Nhưng anh ta từ chối bằng cái lắc đầu. Khi dải băng đen vẫn buộc qua đôi mắt anh, tôi nghĩ nguyện vọng cuối cùng của anh không được thực hiện. Và lần cuối cùng tôi nhìn thấy anh, đầu ngẩng cao như không bao giờ biết khuất phục trước bạo lực.

Lúc ấy tôi nhớ, tôi đã gào lên:

– Anh Tâm ơi! Em đây này! Anh Tâm ơi! Vĩnh biệt anh!!!

Người ta đã giữ tôi lại và tôi nghe như từ một nơi nào đấy xa lắm, tiếng anh kêu, vẫn tình cảm, ấm áp và tách bạch từng âm một.

– Oan tôi lắm! Các người ơi!

Tôi đã gục xuống! Đứng, trước anh.

Người ta nói rằng người lính đã run tay và vì thế, không một viên đạn nào trúng vào anh.

Sau này, không biết bằng cách nào, anh ta đã tìm được đến tôi. Anh ta rầu rĩ nói với tôi rằng, không có người bác sĩ tận tình ấy anh đã không còn sống đến ngày hôm nay. Hôm ấy người ta bắt anh làm kiểm điểm. Anh đã làm một bản tự thú rất thật và một lá

đơn xin chuyển công tác. "Giết nhau ở trong rừng chán, về đồng bằng lại tiếp tục giết nhau, em sợ máu quá rồi, chị ạ".

Không biết một nguyên nhân nào, mãi hơn mười phút sau một người lính khác mới ra thay người lính trước. Bạn bè nói với tôi, anh ta sở dĩ ra chậm là phải chờ cho thuốc an thần ngấm vào cơ thể đã.

Bằng cách nào đấy, sau này cố nhớ mãi tôi cũng không sao hiểu được hồi ấy tôi đã lao vào ôm anh, gào khóc và đòi bằng được chôn cất anh theo ý muốn của tôi, đúng ra là theo lời trăng trối của anh.

Tôi mang theo cho anh một cuốn sách về giải phẫu, một tờ tạp chí Y học trong nước và một tờ ngoài nước. Cuốn sổ và các ficher của anh ghi chép dở dang, tôi giữ lại sau này hy vọng bạn bè anh hoặc hai con anh Phúc Mai và Trường Sơn sẽ tiếp tục công trình anh nghiên cứu là khắc phục "tính tương kỵ" trong việc ghép da hoặc thay bộ phận của động vật này cho động vật khác.

Điều đau đớn là anh chỉ vỏn vẹn hai bộ quần áo lính đã sờn, anh không có thậm chí dù là một chiếc áo sơ mi trắng nào. Tôi để dưới chân anh đôi dép Trường Sơn mà hơn mười năm trước đơn vị đã phát cho anh lúc lên đường vào miền Nam. Anh sống giản dị và trong sáng.

Tôi phủ lên mặt chiếc khăn có thêu dòng chữ rất công phu màu lá me non, kỷ niệm lần cuối cùng chúng tôi ngồi bên nhau dưới gốc me cổ thụ bên dòng Sêrêpốc. Dòng chữ đã làm anh hài lòng: "Em mong sao khi anh qua đời, đất nước này chỉ có tình yêu, tình yêu cho những đôi trai gái, tình yêu cho mọi cuộc đời".

Tôi đã chấp nhận lời đề nghị của người bạn gái mời ba vị sư về cầu hồn đúng ra là giải oan cho anh ngay bên cạnh bàn thờ ba anh. Và theo lời khuyên nhủ của các vị sư, đúng ngọ hôm sau tôi đã đưa quan tài anh về nằm bên ngôi mộ ba anh.

Hàng ngày tôi vẫn mua hương đến đốt bên hai ngôi mộ của người cha và người chồng không có giấy đăng ký kết hôn ấy. Cũng hàng ngày tôi thay hoa trên hai ngôi mộ. Tôi định dành dụm ít tiền để mua xi măng xây hai ngôi mộ ấy trong một khung nhà mồ, ở đấy tôi sẽ trồng lại các loại hoa mà hồi còn sống anh ưa thích, nhất

là loại dạ lý hương, loại hoa chỉ thơm về đêm, mùi thơm nao nao, buồn buồn, từa tựa như một hoài niệm.

... Tôi còn nhớ, một lần nào đấy, anh kể với tôi rằng, đêm ấy ba anh vào ngủ trong rẫy, ở đấy ông trồng một số cây ăn quả như dừa, đu đủ, chuối, cam và chanh... và vài luống khoai mì, mấy cây củ mặc, củ mỡ gì đấy. Ông ưa lao động, thích làm lụng, một phần ông cũng muốn xa anh để tạo yên tĩnh cho anh làm việc, anh nghiên cứu.

Không ít lần ông đã rầy la chị gái anh, thậm chí đuổi lũ cháu ngoại đi nơi khác. Một lần, sau cuộc xô xát khá gay gắt, người chị đã dọn gia đình về phía bên chồng. Mối mâu thuẫn giữa hai chị em bắt đầu từ đấy. Một người khéo léo chắc giải quyết được mối mâu thuẫn ruột thịt này dễ dàng. Nhưng anh lại vụng về và gần như không để ý đến chuyện mâu thuẫn kia, mặt nữa công việc khoa học lại lôi anh vào trong những sức hấp dẫn không dứt ra được của những trang sách, những tờ tạp chí nước ngoài mới nhất.

Một lần nào đấy, anh xin ba anh tiền không phải để may mặc hoặc ăn chơi, cũng không phải mở phòng khám tư mà lập phòng thí nghiệm. Anh tin một cách có cơ sở khoa học rằng anh sẽ thành công. Người cha đã vui vẻ cho anh năm chỉ vàng và sau đấy thêm ba chỉ nữa. Tất cả điều ấy không lọt qua mắt người chị bởi vì mọi việc gần như anh không hề che giấu một ai kể cả đứa cháu gọi anh bằng cậu, không công ăn việc làm và hay bỏ nhà đi lang thang.

Buổi sáng hôm ấy, anh nói với tôi, anh dậy như thường lệ, lúc chuông nhà thờ gõ bốn tiếng. Anh làm việc một lúc, nhưng cảm thấy trong lòng có điều gì khang khác, anh không nhận ra nó là cái gì, nhưng rõ ràng là anh không yên tâm, thậm chí hơi hồi hộp. Anh đứng dậy vào buồng ba anh. Căn buồng trống, chứng tỏ không có dấu vết gì đêm qua ông ngủ ở đấy.

Lấy xe đạp, anh vội vàng – vì sao vội vàng anh cũng không biết nữa – đạp hối hả lên trại, nơi ba anh dựng một căn nhà tranh lấy chỗ trông coi khu trại. Giữa đường anh còn dừng lại mua cho ba anh gói xôi đậu xanh, món ăn đơn giản buổi sáng mà ông rất thích.

Đập vào mắt anh là cánh cửa bằng nan đang mở. Điều ấy cho phép anh yên tâm khẳng định ba anh đang ở đấy. Chắc ông đã dậy, đun nước pha trà, đấy là thói quen của ông mỗi buổi sáng trước khi bắt tay vào công việc.

Nhưng không hiểu sao anh vẫn cảm giác mình hồi hộp và nhận xét đầu tiên là sự lạnh lẽo của căn nhà, nó giống như một ngôi nhà mồ, không có một tý lửa của sự sống. Dựng chiếc xe đạp ngoài cửa, nơi mọi lần đến chơi với ông anh vẫn dựng, rồi lao vào căn nhà với cảm giác hết sức lạ lùng, nhịp tim đập mạnh và lòng rờn rợn như sắp rơi vào một tai họa nào đấy... Sau này nhiều lần anh nói lại rằng đấy là cảm ứng "điện sinh học" của con người, một hiện tượng mà chắc chắn nhiều năm sau này sẽ là đối tượng nghiên cứu của khoa học, có thể đây là một phần của hiện tượng thần giao cách cảm, lâu nay nhiều người vẫn gọi là linh cảm.

Trong căn nhà tranh, ánh sáng của mặt trời mới chớm rạng còn đang bị làn sương mù dày phủ kín chưa lọt được bao nhiêu vào gian nhà qua gian cửa nửa mở, nửa khép, đôi mắt anh sững lại trước một khuôn hình đang quằn quại. Anh dừng lại đột ngột, và bàng hoàng nhận ra ba anh qua bộ râu hình búp măng mà thường ngày, mỗi lần nói chuyện với bất kỳ ai, ông hay đưa tay lên vuốt một cách thích thú và ngay cả những lúc bực mình. Dưới bộ râu là khuôn ngực đen sẫm, lúc ấy anh chưa phân biệt được màu sắc và vì vậy anh hoàn toàn không nhận ra cái màu đỏ của vết thương đang tràn máu. Anh chỉ nhận thấy, nơi khuôn ngực màu sẫm tối ấy, một vật gì giống như một mẫu ống nghiệm màu than. Anh hoàn toàn không kịp nghĩ ra đấy là chiếc cán dao.

Anh đã lao đến, ôm lấy ba anh và khi bàn tay chạm phải vũng máu nhầy nhụa thì anh đã hiểu những gì vừa mới diễn ra tại nơi đây. Rút chiếc cán dao đầy máu ra và anh dùng chính bàn tay ấy giữ vết thương, kềm lại dòng máu đang xối ra, tay kia đỡ ông dậy.

Anh nói với tôi rằng, không hiểu sao lúc ấy anh còn đủ bình tĩnh dìu ba anh ra đường nhờ xe đi cấp cứu. Anh nhớ rất rõ, hồi ấy anh có nhận thấy từ phía xa, hai bóng người và anh đã kêu họ. Nhưng dường như họ không nghe thấy gì...

Cuối cùng anh cũng đưa được ba anh đến bệnh viện, nơi anh là bác sĩ chủ nhiệm bộ môn. Một đồng nghiệp, dưới sự chỉ đạo của bác sĩ Nguyễn Dậu đã hết lòng cứu chữa ông, nhưng cuộc sống cũng chỉ kéo thêm cho ông một giờ đồng hồ nữa. Ông ra đi và không một lời nhắn gửi, không một lời trối trăng. Điều ấy không ngờ sau này lại là tai họa cho anh.

Công an hình sự đã đến căn nhà tranh giữa khu trại xanh tươi cây trái của ông, dựng lại toàn bộ hiện trường, khám nghiệm, dùng cả chó béc– giê dò tìm tất cả, và không hiểu sao họ lại nói rằng chỉ thấy có dấu vết của anh, một bác sĩ, một con người mà ông rất yêu, rất quý, rất tôn trọng.

Trước khi chết, người ta thấy ông nhìn anh, một đôi mắt gần như không còn hồn nữa, nhưng anh thì cảm nhận rõ rệt tất cả tình cảm của một người cha.

Những nhà chuyên môn đã tra hỏi anh, lục vấn anh từng chi tiết nhỏ nhặt nhất, truy bức anh và thậm chí dùng cả nhục hình nữa. Nhưng trước sau anh chỉ nói mỗi một câu:

– Tôi không bao giờ làm cái việc mà ngay cả con thú cũng không làm như thế đối với cha mẹ nó.

Người ta đến nhà bà chị ruột anh để thu thập thêm tài liệu về vụ án. Chị không úp mở nói rằng, từ ngày anh về, không khí gia đình trở nên căng thẳng. Anh đã xúi giục ông cụ đuổi mẹ con chị đi nơi khác, tất nhiên để chiếm toàn bộ ngôi nhà. Anh đã lần hồi "nặn bóp" ông cụ để lấy tiền và vàng... Cái công trình gì gì của anh thực chất là một thứ đồ chơi, chỉ đánh lừa được ông già dễ tin và lũ trẻ con ngốc nghếch. Điều cuối cùng của anh là "xoay" cho thật nhiều tiền và vàng để cung phụng vợ lớn, vợ bé...

Lời nhận xét của Nguyễn Dậu, một đồng nghiệp, đồng đội của anh, bí thư đảng ủy bệnh viện về anh còn thậm tệ hơn nhiều. Trước Nguyễn Dậu, anh là một con người gàn bướng, hám danh. Trong chiến trường, anh đã giết không ít đồng đội bằng chính nghề nghiệp của anh. Anh có chút ít kiến thức chuyên môn, chút ít công trạng, nhưng anh lại là kẻ kiêu căng và tự phụ, lập trường quan điểm mơ hồ, nhiều lần bị kỷ luật. Tội lỗi của anh bây giờ là sự tiếp nối những tội lỗi trước đây anh đã mắc phải, đã bị xử lý bằng những kỷ luật

quá nhẹ nhàng của quân đội. "Tất nhiên, hồi ấy chúng tôi thiếu chuyên môn" Nguyễn Dậu nói như kết luận những lời nhận xét có tính toán, có cân nhắc rất khôn ngoan của mình. Đối với anh, như thế là trung thực.

Nhưng những người bảo vệ bác sĩ Tâm cũng không ít. Họ cũng tỏ rõ sự hăng hái, sự căm phẫn và lòng thương yêu anh. Nhưng gần như tất cả đều không được các nhà chuyên môn chú ý, điều tra, xem xét. Nguyên tắc của họ là trọng chứng cứ chứ không trọng lý, lại càng không tôn trọng tình.

Không ít người đã tìm đến các nhà chức trách, đề nghị xem xét lại. Những đồng đội, những người thân, những người thương binh được anh cứu sống ấy đã hết mình vì anh, họ gõ vào tất cả các cửa, nhưng ngay cả những người hăm hở và giàu nhiệt tình ấy cũng không có một cơ sở pháp lý nào để bảo vệ anh cả.

Cuối cùng bất chợt đến trong tâm trí tôi, trở thành điểm sáng, điểm hy vọng cuối cùng của tôi là vị tướng đã từng được anh cứu sống trong một ca mổ ở Trường Sơn. Tôi tự trách mình tại sao suốt mấy tháng nay trong cái danh sách những người thân thiết mà tôi đã bắt trí nhớ lục lại, điểm từng cái họ, cái tên, thậm chí cả chữ lót nữa tôi cũng không một lần nhớ đến tên ông.

Nhưng trước đây hai ngày, tôi vào thăm, anh nhắc tôi ba anh mất đã ba tháng tám ngày rồi. Anh vốn tế nhị, không dám nhờ cậy gì, nhưng tôi thấy mình phải có trách nhiệm với anh, trách nhiệm với người đã mất. Thật tình tôi không còn một đồng xu. Mấy tháng nay tôi nghỉ việc. Tài sản của anh ngoài những sách báo và ống nghiệm, một số đồ chuyên môn và một ít cái chuồng nuôi thỏ, chuồng nuôi chuột, không có cái gì có thể bán được. Còn tôi thì gần như chỉ có hai bàn tay trắng. Ngoài 70 phần trăm lương ít ỏi của một y tá xin nghỉ việc có lý do, tôi không có thêm một khoản tiền thu nhập nào nữa. Trong khi không ít những đồng nghiệp của tôi thì kìn kịt, gửi hàng về gia đình ở miền Bắc, thì ngược lại, từ Hà Nội, mẹ tôi lại vừa nuôi cháu vừa dè sẻn dành tiền gửi vào chi viện cho tôi. Bà nói dạo này bé Trường Sơn lớn và ngoan lắm bà lại quảy gánh bún riêu cua theo những con đường quen thuộc từ Hàng Ngang qua Hàng

Đào đến chợ Đồng Xuân. Hoàn toàn bà không ngờ niềm tin yêu và hạnh phúc của mình lại là đứa cháu ngoại bất hạnh của bà.

Tôi đến nhà một người bạn gái, vốn là cứu thương thời ở Trường Sơn. Chồng nó cũng là một thương binh người miền Nam. Nó ôm chầm lấy tôi, nước mắt dầm dề. Nó nói ở đời không ai phản phúc như cái "lão" Nguyễn Dậu. Không có bác sĩ Tâm chắc chắn "lão" đã xanh cỏ ở Trường Sơn rồi! "Cứu vật vật trả ơn, cứu nhân nhân trả oán". Người xưa sao "thánh" thế không biết nữa, để lại cho đời nhiều lời khuyên thật hết ý... Con bé vốn hay nói. Nó nói hết chuyện Xuân Thu qua Chiến Quốc. Mọi việc quay quanh cái điều Nhân – Nghĩa, cái sự Ân – Oán, xung quanh những câu chuyện của Tình yêu và Tội lỗi. "Để rồi mày coi, những người như "lão" Dậu chết không nhắm mắt được đâu, phải mở mắt ra mà nhìn cho thấu hết tội lỗi mà "lão" đã gieo cho người thân của "lão", gieo cho ân nhân của "lão".

Chồng nó thì lại ít nói, từ đầu chí cuối anh chỉ thốt lên được hai tiếng! Đồ chó! Nhưng được cái anh rất tốt. Nhìn nét mặt anh, tôi biết anh tức bác sĩ Dậu lắm, giận những vị quan tòa đã xét xử anh, bực mình với những nhà lãnh đạo, không biết bênh vực những người ngay thẳng, thật thà, những người lương thiện. "Đã làm lãnh đạo mà không chịu tìm cho tới cùng bản chất của con người thì không nên làm lãnh đạo". Có nhẽ đấy là câu duy nhất tôi nghe anh nói bằng giọng phẫn nộ thật sự.

Khi tôi bày tỏ làm sao tìm được vị tướng, người mà tôi biết rất hiểu anh ấy, có khả năng bảo vệ anh ấy, cả hai vợ chồng nóng ruột giục tôi phải đi tìm ngay. Khi thấy tôi phân vân do dự, chính người chồng của đứa bạn ấy đã bảo vợ tháo ngay chiếc nhẫn một chỉ để cho tôi lên đường.

Lúc đầu tôi thấy nó hơi nhíu mày một tí, tính những người phụ nữ chúng tôi bao giờ cũng thế. Nhưng được cái, chốc sau, nó lại vui vẻ, lột chiếc nhẫn cưới ấy tròng vào tay tôi, bắt tôi phải đi bán ngay. "Thời gian đối với ta bây giờ không phải là vàng, mà là mạng sống của anh ấy, mạng sống của một bác sĩ, một nhà khoa học tài năng... Nếu chưa đủ thì tao xoay thêm, xoay thế nào mặc tao, mày đừng hỏi, tao không buôn bán phe phẩy gì đâu, mày đừng lo. Chịu khó mày nhé, đừng để người ta giết anh ấy, tội nghiệp lắm.

Những người tài như anh mà chết, để lại cho đất nước những kẻ tội lỗi và bất tài như Nguyễn Dậu thì đời buồn lắm, mày ạ...".

Đêm ấy nó lại đến căn phòng nhỏ ở khu tập thể bệnh viện tìm tôi, đưa thêm cho tôi chiếc nhẫn một chỉ nữa. Nó nói đấy là của bạn bè gom góp được giao cho nó để nó đưa cho tôi. Con bé đã nói thật, sau đấy bạn bè kéo đến vây quanh lấy tôi, an ủi, động viên tôi, đứa cho cái này, người tặng cái khác, tất cả gửi gắm thân phận của anh cho tôi. Chúng nó bắt tôi phải đi máy bay và gấp gấp tìm vị tướng nọ.

Tôi cảm thấy lòng đỡ nặng nề hơn, những đồng đội chân thành, những người tri âm tri kỷ. Ở đời này, có được những người bạn như thế hiếm lắm. Hình như có quá nhiều người sống không phải để yêu thương, mà để gây hận thù, người này nhòm ngó, tranh giành ảnh hưởng, tranh giành địa vị, tranh giành quyền lực với người kia. Đũa trả đũa, miếng trả miếng, trước mặt thì vui vẻ, sau lưng thì hầm hè, đạp ai được thì cứ đạp cho tận cùng bất hạnh. Trong cuộc đấu tranh giữa những người trung thực và tài năng với bọn xảo quyệt và bất tài thì bao giờ bọn chúng cũng thắng, bởi một điều đơn giản: bọn chúng có cái lưỡi dài và dẻo hơn. Trong ước mơ của mọi dân tộc, cái thiện bao giờ cũng thắng cái ác, nhưng trong cuộc sống thì giữa ước mơ với hiện thực luôn luôn có khoảng cách.

Chân lý cuộc sống của bọn họ là quyền và lực, có quyền lực là có tất cả, kể cả "chân lý". Hạnh phúc và niềm vui của bọn họ là những tờ quyết định tăng lương, tăng chức. Hầu như ai cũng muốn làm "đầy tớ" của nhân dân. Rất ít ai muốn làm "ông chủ". Muốn quy kết ai, người ta chỉ cần gán cho người ấy hai tiếng: như *ông chủ,* như *bà chủ* thế là cái "ghế" dễ bề lung lay rồi. Bởi nhẽ, ở đất nước này, tôi nghiệm ra, chỉ có "đầy tớ" mới có quyền lực. đất nước đâm ra khốn đốn vì có quá nhiều "đầy tớ", chỉ có những loại người như chúng tôi mới là những "người chủ". Cái sự nhầm lẫn về từ ngữ ấy, cái sự khôi hài về các cấp bậc xã hội ấy, vẫn cứ tồn tại như một sự thật lịch sử, một điều hiển nhiên vậy.

Sau khi cúng ba tháng mười ngày theo phong tục của quê hương cho ông cụ, tôi ra Hà Nội. Không khí mùa hè gay gắt, oi nồng đến ngột ngạt. Mẹ tôi đang rửa cua, chuẩn bị cho nồi bún riêu ngày mai,

mồ hôi lấm tấm trên trán. Thoáng nhìn thấy tôi, bà vất cả thùng cua xuống đất, đứng dậy nắm tay tôi, đứa con gái bà đang mong đợi, bà khóc "Con đấy ư! Sao người ngợm thế này hả con! Bố nó sao rồi, có việc gì không hả con...".

Vừa nói bà vừa kéo tôi vào nhà, mừng mừng tủi tủi.

– Bé Trường Sơn đâu hả mẹ? Tôi lo lắng hỏi mẹ.

– Nó đi nhà trẻ, chẳng việc gì đâu mà con phải lo. Mẹ nói như đọc được nỗi lòng tôi. Tôi như con chim bị trúng đạn, lòng dạ chẳng lúc nào được yên ổn, được thanh thản.

Mẹ rửa tay và nói tiếp:

– Để mẹ lại đưa cháu về.

Hai mẹ con tôi quấn chặt lấy nhau. "Cháu bà nội, tội bà ngoại". Tôi nghĩ trong lòng thế và thầm cám ơn mẹ. Trường Sơn lớn và thật ngoan. Tuần nào cháu cũng được cô giáo khen. Càng nhìn kỹ, tôi càng thấy nó giống anh ấy. Từ đôi môi hơi dày và chìa ra một tí như người làm nũng, đến đôi mắt trầm tư, thường chăm chăm nhìn vào một điểm, từ tính tình lành hiền, ít nói đến trí nhớ rất tốt mà cô giáo phải khâm phục... Tất cả những gì của Trường Sơn tôi cảm thấy đều là sự tái tạo của anh ấy.

... Hồi ấy, khi đắn đo, cân nhắc để có cái quyết định tàn nhẫn của hai chúng tôi là phải làm thịt một con khỉ của một đồng đội đã hy sinh trên chiếc võng vải giữa cánh rừng săng lẻ mùa mưa ấy, tôi vẫn coi con vật là một người bạn hiếu thảo và nghĩa tình. Nhưng bấy giờ, giữa sự sống và cái chết, bắt buộc chúng tôi phải chọn một. Thật tình chúng tôi đói lả đi rồi. Măng cũng không có mà ăn, ốc sên, cua cá không làm sao tìm được... Và con khỉ đã đến, đã cứu sống chúng tôi. Cả anh, cả tôi và cả con khỉ đều đầm đìa nước mắt. Nó chắp hai tay lại van lạy chúng tôi. Nhưng trong nỗi đau đớn xót xa, chúng tôi cần sự hy sinh của nó... Chính trong những ngày sau đấy, bé Trường Sơn hình thành.

Nhiều năm tháng sau này, tôi vẫn còn bị ám ảnh về gương mặt đầm đìa nước mắt của con khỉ trung hậu ấy và luôn luôn sỉ vả mình ác quá. Và nãy giờ, thỉnh thoảng nghĩ đến bé Trường Sơn là tôi lại nghĩ về con khỉ và hai bàn tay chắp lại van chúng tôi. Điều ấy đã trở thành nỗi lo của tôi về tương lai con trai mình. Nhiều lần

tôi định nói với mẹ điều ấy nhưng lần nào tôi cũng kịp kìm giữ lại. "Không nên để mẹ phải lo thêm một điều gì nữa. Phải tìm mọi cách làm mẹ vui". Tôi nghĩ thế và báo cho mẹ niềm hy vọng của tôi và bạn bè hai chúng tôi về vị tướng nọ. Gương mặt mẹ rạng dần lên trước ngọn đèn 25 oát nhờ nhờ nhưng tôi đọc được trong đôi mắt bà cái ánh vui và tin.

Hơn ai hết, tôi hiểu mẹ là người phụ nữ chịu nhiều nỗi đau oan khuất, thấm đẫm nước mắt trên những chặng đường đời, mẹ hiểu tâm trạng của tôi hôm nay, hiểu rõ nỗi mất mát của tình yêu, tình đồng đội và hiểu rõ những tia hy vọng le lói trên gương mặt nhiều thay đổi của tôi.

– Đừng buồn, con ạ. Mẹ tin, nếu có Trời, Trời sẽ có mắt, nếu có Chúa, Chúa sẽ không để cho chúng sinh mang nặng tội lỗi như ngày hôm qua nữa đâu. Và nếu như có Phật, Phật nhân từ sẽ phù hộ cho những người hiền. Con cố gặp bác ấy đi. Những người như bác ấy mà lên tiếng thì ai cũng vị nể.

– Ba sao hả mẹ? Không hiểu từ cơ sở nào mà bé Trường Sơn lại hỏi tôi câu ấy. Tôi tin bà ngoại là người kín đáo và tâm lý, không bao giờ bộc lộ cho cháu những điều mà ở tuổi cháu không nên biết. Trong khi nói chuyện với mẹ, cả hai mẹ con đều hết sức giữ gìn, đều khéo léo lẩn tránh những điều không hay lọt vào óc trẻ thơ của cháu. Cái câu cháu hỏi làm cả hai mẹ con chúng tôi nhìn nhau, người này chỉ muốn hỏi người kia có ai đã nói lộ ra điều gì cho cháu chưa, hay đấy chỉ là linh cảm. Nhưng ở tuổi cháu mà đã biết linh cảm thì quả là sớm, quả là điều không bình thường. Và mọi sự không bình thường của con cái bao giờ cũng là nỗi lo âu của người mẹ.

Hồi ấy, tôi có nghĩ, có thể Phúc Mai đã cho cháu biết về tình trạng oan ức của ba chúng nó chăng. Nhưng mẹ tôi bảo đảm rằng "con bé khôn lắm, nó còn bảo mẹ giấu Trường Sơn, không được cho em nó biết bất cứ điều gì về ba chúng nó".

– Ba con bị ốm, con à. Tôi hoàn toàn không nghĩ rằng tôi trả lời con trai tôi câu ấy. Mai sau lớn lên nó sẽ hiểu tôi đã nói dối nó. Điều ấy hoàn toàn trái ngược với những gì tôi đã dạy cháu từ thuở ban đầu. Nói dối là một tính rất là xấu, con trai của mẹ là không bao giờ được nói dối nhé.

Bây giờ thì tôi hiểu, nói dối cũng là một thứ nghệ thuật sống ở đời. Khi tôi xin cán bộ dưới quyền của Nguyễn Dậu giấy đi đường để ra Hà Nội, tôi nói với y rằng mẹ tôi đang ốm nặng, một người bạn mới vào cho biết thế. tôi vờ lục trong đống thư của mẹ một lá và khi nói chuyện với y, tôi như sẵn sàng đưa thư cho y xem.

Đối với những kẻ thủ đoạn, xảo quyệt, chuyên sống bằng sự phản bội, nói dối là sự tự bảo vệ mình, đối với loại người như thế, "thật thà" đúng là "cha kẻ dại". Chỉ nên thật thà với những người thân thiết, những người mẹ, những người bạn tri kỷ, những người tử tế, mà như thế thường không nhiều lắm. Còn đối với những đứa trẻ thơ như Trường Sơn nói dối không phải trong trường hợp nào cũng đều không hay cả. Điều quan trọng không phải chỉ ở lời nói không thật, mà ở sự thành tâm của mình đối với trẻ thơ, không muốn nhuộm một vệt đen quá sớm trong sự trong trẻo của một tâm hồn non nớt.

– Không phải! Trường Sơn buông hai tiếng như một kết luận. Làm mẹ, tôi biết tính nó không nói nhiều, giống hệt ba nó.

Tôi im lặng, nhìn mẹ tôi, trong thâm tâm muốn nhờ bà trả lời cho cháu. Nhưng mẹ tôi vẫn im lặng, đầu bà cúi xuống, vẻ mặt suy tư. Sau này tôi mới hiểu bà không muốn nói dối cháu, dù là trong hoàn cảnh nào. Theo bà, một đứa bé khi đã linh cảm được một điều gì đấy, đứa bé ấy có thể phân biệt được thật và giả.

Sau cùng tôi nói:

– Phải đấy, con à. Ba con ốm nặng lắm. Tôi hy vọng lần này con trai tôi không hỏi thêm gì nữa trước câu khẳng định của mẹ nó. Nhưng không ngờ nó lại thốt ra một câu hỏi làm tôi lúng túng và tìm cách lẩn tránh sang chuyện khác.

– Ba ốm sao mẹ lại bỏ ba ra ngoài này?

Năm nay Trường Sơn mới lên sáu, nó đang ở cái tuổi của tôi năm gia đình tôi gặp tai biến. Hồi ấy tôi đã biết những gì oan khuất mẹ tôi phải chịu. Ngay cả đêm gió mùa đông bắc bắt đầu tràn về cái làng dệt quê hương tôi bên dòng sông Nhuệ ấy, mẹ tha tôi như con mèo mẹ tha con mèo con chạy trốn những người mới hôm qua là "đồng chí" của mình, tôi cũng không biết thốt ra một lời, một câu hỏi nào, không một thắc mắc, dù là rất nhỏ. Tôi cứ nằm trên lưng

mẹ và ngủ, cái giấc ngủ của tuổi thơ đúng là rất say, say đến nỗi không còn biết trời đất gì nữa.

Không hiểu sao, tôi cảm giác hơi sợ khi nghĩ rằng rồi đây, tôi sẽ phải trả lời cho con trai chúng tôi tất cả những gì mà chúng tôi đã làm hôm qua và hôm nay, những cống hiến và cả những tội lỗi như trả lời cho một thế hệ nối tiếp. Tôi có đủ dũng cảm để sám hối hay không, tôi cũng không biết nữa, nhưng có điều chắc chắn rằng chúng tôi và thế hệ chúng tôi sẽ không giấu được chúng nó – một thế hệ thông minh và linh ứng như thế hệ Trường Sơn hôm nay.

Buổi chiều hôm ấy, mẹ làm cho tôi một bữa bún riêu thật ngon, đầy đủ hương vị, từ cọng rau muống mềm chính tay mẹ chẻ, từ lá tía tô ở Láng mà cho đến giờ tôi vẫn chưa phân biệt sự khác nhau từ màu sắc đậm nhạt, từ độ to nhỏ của lá, sự mềm cứng và hương vị loại rau ở làng Láng này với loại tía tô ở các vùng khác. Thực ra Láng chỉ nổi tiếng về cà: dưa La cà Láng, nhưng đối với mẹ tôi, tía tô Láng là không ở đâu bằng, nó có cái vị rất riêng của nó, chỉ những người sành như mẹ tôi mới cảm nhận và phân biệt được.

"Mẹ chỉ hơi tiếc là bún buổi chiều không được ngon". Đây là mẹ nghĩ thế, nói thế, chứ đối với tôi cái bữa ăn chiều hôm ấy thật hoàn hảo, thật thỏa nguyện. Bởi một điều đơn giản: đã lâu lắm rồi, bà cháu, mẹ con mới có dịp gặp lại trong bữa ăn chiều giữa lòng Hà Nội, nơi mẹ thường hay nói với tôi, không ở đâu đẹp bằng. Còn một nhẽ nữa, từ khi anh ấy bị bắt, tôi dường như bơ vơ, ăn uống thất thường, thậm chí có bữa nhịn đói đi nằm luôn.

Đêm ấy, khi Trường Sơn đã ngủ từ lâu, hai mẹ con chúng tôi vẫn còn nằm rí ra, rí rích như đôi chim sâu buổi sáng, hết chuyện xưa đến chuyện nay. Mẹ khuyên tôi, dù trong hoàn cảnh nào cũng phải giữ lấy mình thật vững. Sự oan trái của ngày hôm nay là vết nhơ oan trái cho thế hệ đương thời, là bài học cho thế hệ nối tiếp. Thời nào tránh được oan trái, thời nào tránh được tội lỗi. Tài như Ngô Thì Nhậm, có công với đất nước, thế mà có tránh khỏi oan khuất đâu. Sau Lê Lợi, Nguyễn Trãi là người thứ hai có công xây dựng triều Lê, thế mà cuộc đời của ông đến ở ẩn cũng không ở nổi. Ông đã chịu chết, còn kéo theo ba đời trong dòng họ chết theo ông.

– Thời nào cũng có người thiện kẻ ác con à. Mẹ nói thật chậm rãi. Vươn đến một điều thiện, con người phải phấn đấu, phải suy tính, phải nghĩ ngợi nhiều bởi nó đụng đến quyền lợi của chính mình, nhưng làm điều ác thường dễ hơn nhiều bởi mình chỉ được chứ không mất.

Mẹ dừng lại một lúc dường như suy nghĩ, đắn đo điều gì. Là một người con, trải qua cùng với mẹ những năm đau xót của cuộc đời, tôi hiểu những lời khuyên của mẹ cũng chính là nỗi lòng bà, suy nghĩ đắn đo, là sự tổng kết một kinh nghiệm sống nào đấy mong mỏi tôi đứng vững trước nỗi oan khuất mới mà hơn ai hết mẹ hiểu rằng nó đang chờ tôi ở phía trước.

– Nhưng con người có lương tâm, con ạ... Mẹ lại nói những lời rất thận trọng. Loài vật không có đâu. Ngay cả những kẻ làm điều ác cũng bị lương tâm cắn rứt đấy, chứ không yên ổn, chứ không dễ chịu tý nào cả. Duy có điều những kẻ ấy lòng ham muốn thấp hèn, lòng ganh ghét nhỏ nhen trong họ lớn quá, và vì thế, cái thiện luôn luôn bị cái ác chiếm chỗ. Những kẻ ấy chỉ sống được kiếp này thôi, kiếp sau chẳng ra gì đâu...

– Thế mẹ có tin Đảng không?

Mẹ đưa bàn tay đặt lên môi tôi:

– Khẽ con. Đừng bao giờ con hỏi ai một câu ngớ ngẩn chết người như thế con nhé. Tai vách, mạch rừng, đời bây giờ kẻ xấu nhiều hơn người tốt, phải biết giữ mồm, giữ miệng con gái của mẹ ạ... Thật ra Đảng cũng là người thôi, nhưng lâu nay Đảng cứ bắt nhân dân tôn sùng mình nhiều quá, dần dần ai cũng phải tự nghĩ, dù trong lòng không muốn thế, Đảng là cái gì cao siêu, thần bí, Đảng không phải là người nữa, mà là thần thánh, thiêng liêng vô cùng... Đảng không hiểu, làm như thế Đảng dần dần tách mình ra khỏi dân. Đảng với dân như cá với nước, cá sống nhờ nước, nhưng lâu nay không ít người nghĩ ngược lại... Tai hại vô cùng, con ạ. Những lỗi lầm mà chúng ta đang gánh chịu có nhẽ cũng bắt nguồn từ những suy nghĩ ngược dòng ấy. Mẹ sợ quá, mẹ lo quá con ạ, đến khi Đảng thấy cái điều đơn giản ấy thì muộn mằn, thật tai hại cho cái sự muộn mằn như thế!

Đêm đã vào giấc khuya từ lâu lắm, nhưng cả hai mẹ con không ai ngủ được, những câu chuyện về cuộc đời như được rút ra từ kinh nghiệm của người mẹ, đúng ra là từ tấm lòng nhiều thương đau của mẹ, nó giống như những sợi tơ của con tằm, óng ánh và tinh khiết.

Ngoài đường phố như không còn tiếng xe cộ nào qua lại nữa. Im vắng quá. Hà Nội vào giờ này mới bắt đầu có những cơn gió nhẹ hiếm hoi của mùa hè reo khe khẽ trên những ngọn cây xà cừ, rót yếu ớt vào những căn nhà qua những chấn song cửa sổ. Mỗi gia đình Hà Nội bây giờ mới thực sự đi vào giấc ngủ.

Thỉnh thoảng tôi lại nghe mẹ trở mình, sờ lấy chiếc quạt nan phe phẩy cho bé Trường Sơn. Trên vách, gần chỗ ngọn đèn tròn, đôi khi vẫn vọng xuống thinh không tiếng tặc lưỡi của con thạch sùng. Khuya rồi, nó còn tặc lưỡi xót xa điều gì mà không chịu ngủ. Biết đâu giữa nó và mẹ con chúng tôi không có mối liên hệ tâm linh nào đấy. Mẹ nói đêm trước ngày bố tôi bị hành quyết bà cũng nghe tiếng tắc lưỡi tiếc rẻ của con thạch sùng trên vách nhà.

– Khuya rồi, ngủ đi con. Mai con phải đến sớm, không bác ấy lại đi họp, đi hành, không có ở cơ quan thì nhỡ mất con ạ. Không biết lần thứ mấy mẹ khuyên tôi câu ấy, nhưng rồi chính mẹ cũng không nén nổi tiếng thở dài, không nén được sự hồi hộp, phấp phỏng cho số phận của anh ấy.

– Mẹ có tin bác ấy giúp mình không mẹ?

– Những người như bác ấy sẽ không từ nan điều gì đâu con ạ, nếu bác ấy thấy được nhẽ phải. Con trình bày sao cho rõ ràng mọi việc để bác ấy nắm được. Mẹ tin bác ấy sẽ giúp ân nhân của mình. Bác ấy mà đã lên tiếng, mọi việc sẽ tốt đẹp con ạ.

Từ đấy mẹ im lặng. Tôi cứ ngỡ mẹ đã ngủ, nhưng khi bàn tay tôi chạm phải gương mặt mẹ đầm đìa nước mắt thì tôi hiểu lòng thương con của người mẹ thật không gì trên đời có thể sánh nổi. Sau này, nhiều lần tôi hỏi mẹ sao mẹ lại khóc giữa lúc niềm tin và hy vọng tràn đầy như thế, lần nào mẹ cũng tìm cách lái câu chuyện sang hướng khác.

Tôi chỉ biết rằng chuyến đi ấy của tôi đã không đem lại một kết quả nào. Vị tướng mà tôi cần nhờ vả ấy hiện đang tiếp tục một cuộc chiến đấu mới ở Campuchia. Tôi cố hỏi xem khi nào ông về.

Nhưng từ trong văn phòng Bộ quốc phòng điện ra cho biết, với cương vị của mình, họ không làm sao biết được lịch trình của một vị tướng... Cuối cùng tôi đành để lại cho ông một bức thư, coi như nuôi một niềm hy vọng mới. Nhưng cho đến ngày người ta mang anh ra trường bắn tôi vẫn không nhận được tin gì của ông.

Từ đấy tôi hiểu rằng, những tiên cảm của người mẹ đối với con mình thường rất chính xác, nó giống như dự báo của tâm linh.

13.

Sáu tháng qua, kể từ ngày người ta đưa bác sĩ Nguyễn Phúc Tâm ra hành quyết, công an một tỉnh miền Trung bắt được một tên cướp của giết người. Đây là một thanh niên 22 tuổi. Y tự thú trong tờ khai, y đã giết hai người, một trong hai người ấy là ông ngoại y. Lý do y giết rất đơn giản: lấy năm chỉ vàng. Nếu y không lấy, ông ngoại y sẽ cho cậu y là bác sĩ Nguyễn Phúc Tâm... Rồi y thanh minh rằng thoạt đầu y chỉ định dọa ông thôi, bắt ông đưa vàng cho y. Nhưng ông đã không cho y mà lại còn mắng chửi y là quân vô dụng, là đồ du côn và lười biếng. Máu sôi lên vì thất vọng và tức giận. Nhưng chỉ sau khi bị ông giáng cho cái tát vì y dám chửi lại ông thì y mới điên tiết lên và vung con dao nhọn...

Người ta đưa y về thành phố, nơi y cư trú và dựng lại có quay phim và chụp ảnh toàn bộ cảnh y giết ông ngoại y.

Những viên chánh án, những viên thẩm phán và các nhà chức trách vô cùng ngạc nhiên và ân hận. Bây giờ điều đáng nói không phải là thằng cháu giết ông ngoại kia mà là họ, những người nhân danh công lý, chính họ đã gây nên tội lỗi: giết một kẻ đi cứu người, một trí thức đã hết mình với công cuộc chống ngoại xâm...

Mỗi người đều thấy day dứt, ân hận, nhưng không ai nhận tội lỗi đã vô tình giết người lương thiện. Công an đổ cho Viện kiểm soát, Viện kiểm soát quy trách nhiệm cho Tòa án. Vị Chánh án Tòa án nói một cách trung thực rằng ông đã xin ý kiến của đồng chí Bí thư.

Không ai ngờ, người lên tiếng phê phán mạnh mẽ sự quy chụp sai lầm lần này hùng hồn nhất lại là bác sĩ Nguyễn Dậu. Y vận động mọi người làm đơn kiện Tòa án. Y đã làm điều ấy với tất cả

sự căm phẫn của một người đã từng sống nhiều năm với bác sĩ Nguyễn Phúc Tâm. Và cũng chính anh ta mang lá đơn ấy lên Ban Thanh tra Đảng. Ban Thanh tra chuyển đơn của tập thể bệnh viện qua Tòa án. Tòa án mời Nguyễn Dậu lên và cho anh ta nghe toàn bộ băng ghi âm tiếng nói của anh ta khi nhận xét về người đồng nghiệp của mình.

– Đồng chí có cần chúng tôi chuyển băng này về để tập thể bệnh viện đồng chí được nghe lời nhận xét của một bí thư Đảng ủy về bác sĩ Tâm hay không? Viên thẩm phán hỏi giọng mai mỉa.

– Tôi nhớ hồi ấy tôi phát biểu về bác sĩ Nguyễn Phúc Tâm không phải theo ý tôi mà theo sự chỉ đạo của cấp trên... Nhưng thôi, bây giờ tôi xin lại cái lá đơn của tập thể bệnh viện chúng tôi. Mọi việc dù sao cũng đã nhỡ rồi, ai cũng vì cách mạng, chẳng ai muốn như thế. Tốt nhất là ỉm chuyện này đi, càng để lộ ra, càng bất lợi cho cách mạng...

Nhiều bạn bè khi biết được sự thật, đã quây quần nhau lại, cắt cử người đi tìm Loan. Sau bao nhiêu năm thăng trầm, cuộc đời đã trả lại cho cô lẽ phải, con người khi tình yêu và hạnh phúc đã vĩnh viễn xa rồi. Có mất mát nào chua chát hơn nỗi mất mát mà Loan đã gánh chịu. Tiền của bị mất, tiền của được đền bù lại, danh dự bị mất danh dự được đền bù lại, nhưng tình yêu mà cô đã trả bằng cái giá quá đắt ấy có gì trên đời này bù đắp lại được đâu?

Hơn ai hết, Loan hiểu rằng mối tình đầu của cô không phải là bác sĩ Nguyễn Phúc Tâm mà là một người con trai Hà Nội học cùng trường với cô. Cho đến bây giờ, mỗi lần nhớ lại, cô cũng không rõ vì sao cô yêu anh. Hai người gặp nhau trong một chuyến đi chùa Hương vào những ngày đầu xuân do Đoàn trường tổ chức. Anh làm quen với cô bằng một cử chỉ rất vụng về xin được xách hộ cái túi trong ấy toàn là bánh mì. Cô từ chối hơi "thô" và anh buồn. Mãi nhiều ngày sau này mỗi lần nghĩ lại cái gương mặt cô làm ra vẻ "đanh đá" của mình lúc ấy cô vẫn còn ân hận. Và một lần, trong giờ ra chơi, cô đã tự tìm đến anh trong một cái cớ rất vô duyên, hỏi thăm anh địa chỉ một người bạn gái cùng lớp với anh đã nghỉ học. Anh trả lời với cô anh không biết. "Anh thật thà quá đi thôi – cô nghĩ – giá như người ta, họ đã trả lời là "biết" và hứa sẽ đưa cô đến

nơi...". Nhưng hình như chính cái sự thật thà ấy làm cho cô xao xuyến.

Hôm chia tay tiễn anh lên đường vào chiến trường, Loan đi bên anh trên đường ke ga Hà Nội, dọc theo đường tàu chật ních những người. Đêm mùa đông trời rét và tối. Những ngọn đèn tròn mờ mờ hắt lên khuôn mặt anh ánh vàng võ, nhòe nhạt. Loan nhìn anh và kịp nhận ra trên đôi mắt anh nét buồn sâu kín. Hai người im lặng. Cô cũng không hiểu sao lúc bấy giờ không ai muốn nói điều gì, mặc dù trước đó, cô đã chuẩn bị những câu chào vui vẻ để anh lên đường đỡ bịn rịn.

Mãi khi đoàn tàu sắp chạy, anh mới nắm lấy tay cô và nói lí nhí:

– Chẳng biết rồi đây chúng mình còn có dịp gặp nhau nữa không?

Cô hơi bực vì câu nói gở ấy.

– Sao anh nói thế?

– Đời người lính, biết sống chết thế nào mà nói trước... Anh đáp tự nhiên như đã chuẩn bị trước.

Bấy giờ thì Loan lại muốn khóc, muốn ôm lấy anh, trao cho anh cái hôn. Nhưng không hiểu sao, cô vẫn cứ đứng trân, đôi mắt nhòe nước...

Cô hoàn toàn không ngờ anh đã linh ứng được những gì đang chờ anh ở phía trước... Cái chết của anh đã làm cô ngạc nhiên và mất thăng bằng. Nhưng cô không hề trách bác sĩ Tâm, bởi vì cô biết... Nhưng bác sĩ Tâm thì lại ray rứt mãi. Trong cuốn nhật ký của anh, sau này có đoạn:

"Tôi quyết định ca mổ, bởi vì tôi nghĩ rằng, trong trường hợp này tôi hy vọng may ra anh còn cứu được, dù cái sự hy vọng mong manh ấy chỉ có 0,1 phần trăm. Và nếu cái 0,1 phần trăm ấy đã không đến được với anh ta, tôi sẽ là kẻ giết người yêu của cô gái đáng thương kia... Bây giờ thì tôi nhận ra rõ rệt gương mặt tội lỗi của tôi qua gương mặt đau xót của em. Tôi chỉ cầu mong em hiểu cho tôi về những gì mà tôi mong ước: Cứu được một con người ra khỏi tay thần chết là làm được một điều nhân nghĩa, một điều thiện.

Nhưng em ơi, đâu phải mọi cố gắng đều có ích, vẫn có những cố gắng vô ích, nhưng con người vẫn không ngừng cố gắng..."

Cô cảm nhận được nỗi ân hận và xót xa của anh. Gần như cả ngày hôm sau anh không nói một tiếng nào. Lặng lẽ, anh tiến hành các ca phẫu thuật. Và đêm ấy, cô không ngờ lại gặp anh, vẫn dáng trầm tư ấy tại ngôi mộ người yêu cô. Không có hương, cô đốt một nén trầm – không rõ cô tìm được ở đâu – và trao tận tay anh. Anh xin cô được lạy anh ba lạy và mong anh xá tội. Cho mãi đến nhiều ngày sau này cô vẫn hình dung ra vẻ thành kính và nỗi đau khổ thật sự trong đôi mắt người bác sĩ ấy. Cô hoàn toàn không nhớ có phải tình yêu anh đã đến với cô từ cái đêm ấy không, cô không rõ. Cô chỉ hiểu rằng mối quan hệ thầy trò vốn có giữa hai người dần dần mất đi, thay vào đó là những cử chỉ vụng về và khó hiểu của cả hai. Hồi ấy cô chưa phân biệt rõ rệt điều ấy lắm. Cô chỉ thấy hơi là lạ là mỗi đêm, cô lại hay nghĩ về người bác sĩ. Và ngay lúc ấy, cô chê trách chính cô: "Ta đang bước vào một tình yêu tội lỗi". Cô hiểu rằng ngay cả anh nữa, anh cũng cố hết sức gò ép tình cảm mình, gắng gượng đưa hai người về mối quan hệ ban đầu. Nhưng rồi cái trận tập kích của giặc hôm ấy... Tội lỗi đã đến với họ và cả hai đều nhẫn nhục gánh chịu...

– Tội nghiệp con bé quá, cuộc đời đối với nó chỉ có mất mát và thương đau... Biết tìm nó ở đâu bây giờ. Một cô bạn thốt lên.

– Cứ ra Hà Nội, tìm đến phố Ngõ Gạch là khắc tìm ra nó

– Chuyện gì phải ra. Cứ gửi cho bà cụ lá thư, nhờ nhắn nó vào đây với chúng mình.

– Bạn bè ta khối ở ngoài ấy...

Những người bạn thân thiết ấy đã làm tất cả những gì họ dự định, suy nghĩ. Họ gửi thư cho bà mẹ, gửi thư cho bạn bè và kết hợp cử người ra Hà Nội tìm đến phố Ngõ Gạch. Ở đấy bà mẹ chỉ biết khóc thương con gái. Bà nói rằng sáu tháng qua bà trông ngóng chờ đợi từng ngày từng giờ dù là một cánh thư, dù là một tin tức gì của con, nhưng bà hoàn toàn thất vọng. Bà gửi thư vào bệnh viện, nơi trước đây Loan vẫn làm. Giám đốc kiêm bí thư Đảng ủy (Giám đốc bệnh viện được cử đi học trường Đảng) là bác sĩ Nguyễn Dậu trả lời: "Cô ấy đã bỏ trốn, cơ quan đang cho người đi tìm. Bác

cứ yên tâm, chúng tôi tin rằng chúng tôi sẽ tìm thấy con gái của bác. Tất cả chúng tôi đều thương và quý cô ấy...".

– Thỉnh thoảng tôi lại gửi thư và lần nào ông Dậu cũng lại trả lời rất tình cảm là sẽ cố gắng đi tìm giúp.

Và bà lại nuôi hy vọng. Nhưng ngày lại ngày, bà đau đớn nhận ra rằng có điều gì đang đến với con gái bà sau cái chết rất oan ức của người chồng rất yêu thương của nó. Bà vẫn coi bác sĩ Tâm là chồng của con gái bà, mặc dù bà biết hai người chưa có giấy đăng ký kết hôn. Có lúc bà nghĩ về một khúc ngoặt nào đấy của cuộc đời mà con gái bà đang bước qua. Nhưng rồi bà lại nghĩ chắc đấy cũng chỉ là linh cảm của một người mẹ. Nỗi nhớ thương và lòng lo cho con, khiến nhiều lúc mẹ thấy khó thở. Nhưng mỗi khi nghĩ đến thằng cháu ngoại hãy còn như một cây non đứng giữa cuộc đời luôn có gió bão, bà lại đặt tay lên ngực mình, vuốt xuống, cử chỉ như một sự dằn mình, một sự ăn năn.

Đối với cuộc đời bà bây giờ, bé Trường Sơn là tất cả, trong ấy có cả nỗi buồn và niềm vui, sự hy vọng, niềm ao ước và còn là chứng nhân của mọi tội lỗi mà đời đã dồn lên vai mấy cuộc đời dòng họ nó. Nó là hiện thân của chồng bà, con gái bà, nó là nỗi đau được cộng lại từ nỗi đau của ông ngoại đến người bố.

Đêm đêm, nằm quạt cho cháu ngủ mùa hè, ôm ấp cháu ngủ mùa đông, bà vẫn nhủ với mình rằng, bà sống không phải vì bà, cũng không phải vì con gái bà mà chính vì thằng cháu ngoại này đây. Nó là điểm sáng cuối cùng trong cuộc đời bà, trong dòng họ nhà ông ngoại cháu, là tất cả những gì bà khao khát về niềm hạnh phúc, về cuộc đời danh dự và vinh quang.

Những điều bà suy nghĩ ấy choáng ngập tất cả tình cảm bà, tâm hồn bà, khiến bà nhiều lúc nhớ thương, lo lắng cho số phận con gái, nhưng cuối cùng bà vẫn không rời được cháu Trường Sơn để bước chân đi đâu ngoài những con đường từ Ngõ Gạch, qua Hàng Ngang, Hàng Đào, vòng về chợ Đồng Xuân, những con đường quen thuộc suốt hơn hai mươi năm cuộc đời bà.

Có một lần bà nghĩ, nên lập cho con gái một chiếc bàn thờ. Lúc ấy bà tin rằng Loan đã kết thúc cuộc đời mình rồi. Hai dòng nước mắt bà dào ra, và chính trong những dòng nước mắt ấy bà

nhìn thấy rất rõ đứa con ruột thịt của mình. Và cũng từ đấy bà nuôi hy vọng...

Nhưng đã sáu tháng rồi! Một quãng thời gian quá dài cho sự chờ đợi, cho niềm hy vọng... Một ý nghĩ khác lóe đến, nó như một tia chớp trong cái đầu óc hay nghĩ ngợi của bà: Nó đã vượt biên rồi? Lúc đầu bà trách con gái. Đáng nhẽ nó phải nói với bà một tiếng, nó gửi gắm con cái lại cho bà rồi đi đâu hẵng đi, có phải bà đỡ lo, đỡ xót ruột hơn không. Nhưng sau đấy, lòng thương con lại dậy lên và bà nghĩ rằng đời nó gặp nhiều điều khổ nhục quá, nó đành tìm cách thoát khỏi đất nước này.

Hôm nọ, vị tướng mà nó nhờ vả có đến đây tìm nó, bà lúng túng mãi, không biết trả lời sao với bác ấy cho tiện.

– Tôi có tìm cô ấy – ông nói – nơi bệnh viện cô công tác, nhưng ở đấy người ta cho biết cô Loan đã ra Hà Nội... Khi tìm gặp đồng chí Bí thư tỉnh ủy tôi nói thẳng rằng, giả thiết sự việc diễn ra như thế, thì xét công trạng của người bác sĩ ấy đối với cách mạng, cũng có thể thay cái án tử hình bằng một cái án khác nhân nghĩa hơn cơ mà.

Đồng chí bí thư cho tôi biết nhiều người dân vùng mới giải phóng đang lên án cộng sản, lên án cách mạng. Cái áp lực ấy lớn quá, và buộc chúng tôi phải xử lý thật nghiêm...

– Đồng chí đã xem xét sự việc này kỹ càng chưa? Tôi hỏi giọng có hơi xẵng.

– Tôi tin ở tòa án cách mạng... Xin mời đồng chí đến đó, chắc đồng chí sẽ rõ mọi việc. Tôi đến tòa án. Người ta lục cho tôi xem toàn bộ hồ sơ vụ án. Tôi có hỏi lại lần nữa là các đồng chí đã tìm hiểu thật kỹ càng chưa, tất cả trả lời tôi họ đã làm hết trách nhiệm và lương tâm. Tôi không biết nói thế nào hơn nữa. Nhưng thật lòng tôi không tin bác sĩ Tâm lại có thể hành động như thế. Tôi có đến ngôi mộ của hai cha con cậu ấy nằm trong một ngôi nhà mồ khang trang. Người ta cho tôi biết hàng ngày vẫn có người đến đốt hương và thay hoa. Thôi thế là tôi mừng, cậu ấy vẫn còn sống với bạn bè, với đồng đội và người thân của mình.

Tôi hơi ngạc nhiên là Loan cũng không có ở Hà Nội... Thật khó hiểu. Thật tình tôi hơi lo. Con người khi quẫn dễ... "sai lầm" lắm.

Lại phải chờ đợi bà ạ, khi đã là trắc, là gỗ, là kiền kiền... thì mối mọt chẳng làm gì gặm nổi đâu. Mọi điều rồi sẽ đâu vào đấy, sẽ trở về với sự thật của nó... Tôi xin biếu bà gói trà, nhờ bà gửi cho cháu Trường Sơn gói quà. Xin chúc bà mạnh khỏe và may mắn...

Mãi nhiều ngày sau này mỗi lần nhắc lại cái buổi mai bà vừa quảy gánh hàng về gặp ông ở đầu ngõ và cuộc tiếp xúc với ông làm bà cảm thấy vững tâm hơn. Dù sao trong cuộc sống đáng buồn hiện tại, vẫn còn có những người như cái ông tướng ấy để mà tin tưởng, mà hy vọng.

Bạn bè Loan cũng đã lần tìm về chợ Tân An để hỏi thăm bà Ba bán mít. Đã lâu bà không còn bán mít nữa. Bà về quê bà, cách thị xã 28 cây số về phía Sài Gòn. Con đường đi vào nhà bà lồi lõm, chiếc xe ngựa nhiều khi muốn lật nghiêng trút mọi người xuống lòng đường làm mọi người yếu tim cứ phải đặt tay lên ngực. Con ngựa gầy còm phải dùng quá nhiều sức, mồ hôi vã ra như tắm.

Ngôi nhà bà ở giữa đồng, lợp tôn, vách bằng cót. Bà mừng rỡ đón tiếp những người bạn của con trai bà. Khi họ hỏi đến Loan, bà rơm rớm nước mắt, nỗi xúc động khiến bà ngồi lặng im, một lúc sau bà nói:

– Cô ấy có đến đây. Khi biết đích xác tôi là má thằng An, cô ấy ôm tôi và khóc.

Loan ở chơi với bà vài ba ngày. Cô xin phép lập một bàn thờ riêng dành cho con trai má. Cô phóng tấm ảnh khi anh còn ở nhà cô, một cậu bé tội nghiệp, lầm lì, nhưng thật thơ ngây và đặt lên bàn thờ cùng với tấm bằng liệt sĩ và tấm bằng đại học.

Ngay hôm ấy cô thưa với má về cái ngày anh hy sinh, không phải như người ta đã ghi trong tấm bằng liệt sĩ.

Bà má trước khi đồng ý, cứ tra hỏi mãi: "Chớ con là gì với thằng An của má, có phải con là người yêu của con trai má không?" Loan không thể không gật đầu.

Điều ấy, một lần nữa làm cho bà má xúc động, nghẹn ngào, và lúc ấy bà nghĩ rằng, những gì bà đã mất đang được đền bù lại...

Má, người liệt sĩ ấy nói rằng, từ đấy người con gái ra đi và không một tin tức gì về cho bà nữa.

14.

Cái tang lớn. Nỗi đau thấm vào từng tế bào của người con gái, Loan nghĩ mình sẽ không vượt qua nổi, Những ngày ấy cô nằm quằn quại trong căn phòng riêng ở khu tập thể bệnh viện... Bạn bè thay nhau đến với cô. Tình bạn cố làm cho cô nhẹ bớt nỗi đau, cô cảm thấy đỡ cô đơn, lòng như dịu lại. Nhưng, rồi những đêm thanh vắng, mình sống với chính mình, dường như nỗi mất mát đã làm cho cô không giữ nổi thăng bằng, những lúc ấy trạng thái thần kinh như bị căng ra, cô mệt lả và không điều khiển được mình nữa.

Trong đêm tối, cô lại lần tìm đến ngôi mộ anh. Cô nằm vùi bên anh và sống lại với anh về những kỷ niệm ở Trường Sơn, về những ngày hoang dã nhưng ấm áp tình người...

Chưa bao giờ cô lại thấy đời chua chát và đắng cay như lúc này. Cô nhớ, một lần nào, anh hay ai đấy có nói rằng, đời này người và quỷ đang lẫn lộn. Hóa ra lâu nay những gì mà tuổi thơ cô đã hấp thụ được qua các thầy, cô giáo, qua các sách báo, qua các loa phóng thanh từng ngày oang oang hét vào tai cô về cái sự công bằng nhất, tốt đẹp nhất, đáng tự hào nhất... của cái xã hội mà cô đang sống lại là như thế này ư?

Nguyễn Dậu vẫn giữ chức bí thư Đảng ủy kiêm giám đốc bệnh viện, xe đưa xe đón, kẻ hầu người hạ, còn anh, Nguyễn Phúc Tâm, một bác sĩ ai cũng công nhận tài năng, chỉ biết sống trung thực và khi chết vẫn không chịu cúi đầu thì đang nằm đây, trong ngôi nhà mồ này với cái hồ sơ một vụ án hình sự đặc biệt: con giết cha!

Biết bao giờ anh được minh oan. Kẻ giết người bằng dao, bằng súng, bằng ba tấc lưỡi... thì lại vẫn nhan nhản quanh ta, vẫn đường hoàng ngang nhiên trước cuộc đời.

Bây giờ thì một nỗi lo khác lại đến với cô, nỗi lo của một người mẹ: một thế hệ như Trường Sơn đang bước vào những "cạm bẫy" rất tinh vi và sẽ nhận những bi kịch, bởi một điều đơn giản, chúng nó sống lại thật thà quá, mà đời thì cái sự giả dối lại quá nhiều.

Đáng nhẽ phải báo động, phải kêu cấp cứu thì người ta vẫn "ca" cái bài ca hạnh phúc tràn đầy, cứ ca cái xã hội muôn lần tốt

đẹp, dân chủ và bình đẳng không ở đâu bằng, không nước nào sánh nổi như cái xã hội mà ta đang sống.

Thế hệ này đến thế hệ khác rơi vào ảo tưởng.

Đầu óc cô quay cuồng như cơn lốc với những ý nghĩ thật – giả, trắng – đen, phải – trái. Chưa một lần cô cảm thấy nỗi đau đớn đến quằn quại tâm hồn mình như lần này. Đầu óc cô càng lúc càng buốt nhói và cô đã dần dần lịm đi.

Và bốn giờ sáng hôm ấy – cái giờ mà khi còn sống anh hay dậy và bắt tay vào công việc – có một người con gái đến ngôi mộ anh, đốt hương và lạy anh. Đấy là vị sư nữ đã cầu hồn giải oan cho anh.

Và chính người sư nữ ấy đã đưa Loan về ngôi chùa của mình. Những nhà sư đã chạy chữa thuốc thang cho cô.

Sau ngày cơ thể và tâm hồn bình phục, cô xin ở lại với nhà chùa. Ở đây cô thấy dễ chịu hơn nhiều lần cuộc sống trần tục mà lâu nay cô vẫn sống. Cô nhận được ở đây tất cả tấm lòng yêu thương và kính trọng cô.

Hàng ngày, cô cầu kinh niệm Phật và tranh thủ chăm bón trồng tỉa những cây thuốc trị bệnh, cứu người. Và đêm nào cũng vậy vào giấc bốn giờ sáng – cái giờ mà anh hay dậy làm việc – cô và người bạn gái kia lại đến thăm và đốt hương, thay hoa trên mộ anh. Họ về trước lúc bình minh.

Mấy lần Loan nhớ con và mẹ quá, định gửi thư. Chắc mẹ lo cho cô lắm. Tội nghiệp Trường Sơn... Nhưng rồi cô lại sợ, nhỡ bạn bè biết được, chúng nó lại kéo cô trở về cuộc sống trần tục. Thế là cô lại bỏ ý định viết thư kia.

Cuộc sống mới bề bộn với những công việc từ thiện làm cho cô thanh thản tâm hồn. Cô dần dần yên tâm sống với những công việc ấy và sống với anh. Và cũng dần dần cô quên đi cái bệnh viện, quên cả gương mặt bác sĩ Nguyễn Dậu.

Một năm sau vào đúng ngày bác sĩ Nguyễn Phúc Tâm ra trường bắn, ngẩng đầu hô to: "Oan tôi lắm, các người ơi!" ấy. Nguyễn Dậu trong chuyến đi công tác Tây Nguyên đã bị Phunrô phục kích. Trong

số ba người bị thương có Nguyễn Dậu. May mắn người lái xe không việc gì. Nguyễn Dậu lệnh đưa cấp tốc anh về bệnh viện tỉnh nhà.

Các bác sĩ chuyên khoa đã cấp tốc được triệu tập hội chẩn và mổ cho anh. Ca mổ được tiến hành ngay sau đấy và hoàn tất trong đêm. Nhưng ba ngày sau, vết thương bị sưng tấy lên.

Cơn đau càng lúc càng khiến Nguyễn Dậu quằn quại. Trong cơn đau anh bỗng nhớ đến lần bị thương ở Trường Sơn. Lúc ấy không có bác sĩ Tâm chắc là anh không qua nổi. Và bây giờ... "Giá còn tay ấy".

Cái chết đang đến với anh. Gần như anh biết rõ điều ấy. Cái tập thể bác sĩ của anh hãy còn quá non nớt, đã chẩn đoán sai và vì vậy ca mổ thực hiện không thành công. Anh tin chắc mảnh đạn vẫn còn trong người anh. Mảnh đạn ấy đang phá trong tim gan, trong lá lách hay trong tụy anh...

Lần thứ hai các bác sĩ dưới quyền anh lại thực hiện ca mổ. Và ca mổ không hứa hẹn một kết quả nào.

Những cơn đau đã làm cho Nguyễn Dậu gập người lại, mồ hôi vã ra...

– Chết mất thôi! Tôi không sống được đâu! Mổ với xẻ kiểu gì như thế này! Quân ăn hại! Quân giết người... Giá "nó" còn sống ta đâu đến nỗi này... Đau quá trời ơi! Hãy tiêm cho tôi một liều thuốc gì đấy để tôi được chết ngay, đừng để tôi khổ sở thế này... Chết mất thôi, tôi đau quá. Hãy cho tôi ba viên đạn như người ta đã "cho" Nguyễn Phúc Tâm ấy. Cái chết của anh ta hóa ra nhẹ nhàng hơn tôi nhiều.

Nguyễn Dậu đã chịu cơn đau thắt ruột thắt gan suốt năm ngày đêm trên giường bệnh, lúc mê, lúc tỉnh, cùng những câu chửi rủa, những lời mạt sát và sự... sám hối.

Khi các bác sĩ chuyên khoa hội ý để chuẩn bị một ca mổ tiếp, ca phẫu thuật thứ ba thì anh ta đã tắt thở sau một câu chửi độc địa: Cả lũ chúng bay là quân giết người.

Như nhiều người đã dự đoán, Nguyễn Dậu chết mà không nhắm được mắt. Người vợ đã vuốt mắt anh ta ba lần, nhưng đôi mắt ấy vẫn cứ ở thao láo như mắt lợn luộc. Hai người con đã đến vuốt mắt

anh hai lần. Đôi mắt ấy vẫn trừng trừng nhìn chúng. Chúng hoảng hốt ré lên một tiếng man dại và bỏ chạy ra cổng.

Đám tang anh được tổ chức khá linh đình. Hàng chục chiếc xe con của các cơ quan đầu ngành, bốn chiếc xe đò...

Nhưng ba ngày sau thì ngôi mộ của anh trở nên lạnh lẽo không một nén hương, không một bó hoa. Vợ con anh, người này đùn đẩy người kia, ai cũng sợ đôi mắt của anh, đôi mắt như của một hồn ma.

LỜI TÁC GIẢ

Tôi viết câu chuyện này khi Nguyễn Phúc Mai và Trường Sơn hãy còn ngồi trên ghế nhà trường.

Khi tôi quyết định gửi cuốn tiểu thuyết đến nhà xuất bản thì được tin Phúc Mai đã tốt nghiệp đại học Pháp lý ở Liên Xô và đang chờ sắp xếp công tác, còn Trường Sơn thì đang theo học năm thứ hai trường Y khoa Hà Nội, nơi hơn ba mươi năm trước ba cháu đã học.

Hai chị em, trong dịp hè đã xin phép hai bà ngoại vào thăm mộ ba.

Cả hai không ngờ ngôi mộ ấm cúng, lúc nào cũng như có người mới vừa đến đốt hương và thay hoa.

Hai chị em đã tìm đến các vị sư đã cầu hồn và giải oan cho ba họ để đền ơn đáp nghĩa.

Và ở đấy, cả hai gặp được người mẹ của mình (Phúc Mai vẫn coi Loan như là người mẹ của mình).

Và vì vậy câu chuyện đã chuyển sang một thế hệ nối tiếp, thế hệ ấy đang ở giữa cái năm 1988 đáng ghi nhớ. Tác giả xin bạn đọc thông cảm vì câu chuyện chưa kết thúc trọn vẹn.

Năm 1988

TRẦN HUY QUANG
(Sinh 1943)

Sinh ngày 9-1-1943 tại xã Quỳnh Minh, huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An.

Ông từng là bộ đội pháo binh trong những năm kháng chiến chống Mỹ, từng phụ trách Thanh niên xung phong và dạy văn hóa trong quân đội. Sau khi giải ngũ, ông theo học khoa Lịch sử Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội. Tốt nghiệp đại học, ông về làm phóng viên cho báo Độc Lập. Từ năm 1997, ông là cán bộ biên tập, Trưởng ban Văn xuôi của tuần báo Văn Nghệ.

Trần Huy Quang tốt nghiệp ngành lịch sử nhưng lại gắn bó với nghề văn. Ông viết văn khi còn trong quân đội. Năm 1968, đã có truyện ngắn đầu tay in trên tạp chí Văn nghệ Quân đội. Ông đã xuất bản nhiều tác phẩm chủ yếu là tiểu thuyết và truyện ngắn.

Nhà văn đã từng nhận nhiều giải thưởng về văn học và báo chí:

+ Giải nhì cuộc thi truyện ngắn tạp chí Văn nghệ Quân đội (1980) với truyện ngắn Khe Cò.

+ Giải nhất cuộc thi bút ký do báo Văn Nghệ và Đài TNVN tổ chức (1986) với tác phẩm: Câu chuyện về ông vua Lốp.

+ Giải thưởng báo chí Hội Nhà báo Việt Nam (1987) với bài ký: Lời khai của một bị can.

Tác phẩm chính:

+ Tiểu thuyết: Ngày mai (1985), Ngọn khói (1985), Nước mắt đỏ (1988), Mối tình hoang dã (1990), Chị dâu (1994), Nửa mặt người (1995)[1].

+ Truyện ngắn: Chiếc lá màu lửa (in chung – 1970), Sự trắc trở đã qua (1984).

+ Truyện và ký: Người làm chứng (1988)...

*

1. Tiểu thuyết này in lần đầu có tên là *Khúc hoàn lương*. Lần in này, tác giả thay đầu đề và có sửa chữa.

NỬA MẶT NGƯỜI

(tiểu thuyết)

1.

Bên cạnh ta là một cô gái, chỉ mới khoảng hai mươi, xinh xắn. Đôi má cô căng tròn và hồng mịn, cái mũi thẳng, đôi mắt tròn to, trông như mắt chim, lấp lánh sau cặp kính trắng. Tóc cô uốn cao, rất hợp với khuôn mặt. Làn môi đỏ chót, môi trên hơi ngắn, hở hai cái răng cửa làm cho khuôn mặt trở nên rất có duyên và luôn luôn tươi cười. Một cô gái đặc trí thức. Và cũng hết sức thành thị. Họ đã là vợ chồng chưa hay đang còn yêu nhau? Cái anh chàng đưa tiễn, con người nhỏ nhắn và khôn khéo, đã ngọt ngào lại êm ái quá, mồm nói tay đưa, chiều chuộng đến mức độ làm cho người ta khó tin. Dạng người mà ông gặp quá nhiều ấy là dạng người gì nhỉ? Là hạng tráo trở, là người lá mặt lá trái?

Cuộc đời cô gái sẽ ra sao? Đường đi của cô gái sẽ ra sao?

Khách lên tàu đã đủ, con tàu rập rình để rời ga. Ga đi, ga đến, buổi trưa dừng lại ở đâu, buổi chiều sẽ đi đến đâu... Giá như cuộc đời con người cũng được hoạch định từ ga xuất phát, từ sự tính toán của một trung tâm vận hành bằng một con tính của người kỹ sư điều vận. Rồi mấy giờ sẽ nghỉ lấy nước, mấy giờ sẽ đến ga Choi, mấy giờ sẽ về Đồng Lê, từ ga nào thì con tàu sẽ đi trong đêm đen thẳm... Giá như hành trình sống của con người cũng được như thế. Và cuộc đời cô gái xinh xắn này cũng được hoạch định như thế. Bao nhiêu tuổi yêu đương, bao nhiêu tuổi sinh con đầu lòng, niềm vui hay nỗi buồn sẽ rơi xuống cuộc đời vào năm nào.

Ôi, nếu như thế, nếu tạo hóa cho con người biết trước được nỗi hiểm nguy cũng như niềm vinh quang của mình thì con người sẽ gây ra bao tai họa. Không, Tạo hóa vốn rất nhân từ nên đã không để cho con người biết trước được mình sẽ là gì. Ôi, Tạo hóa, con xin cảm tạ Người, vì Người đã không bảo cho con biết trước con sẽ là gì nên con đã không chết trong tuyệt vọng và vì thế nên con mới sống đến ngày hôm nay. Và từ ngày hôm nay, đối với con phía trước cũng hoàn toàn bí mật. Vâng, có lẽ như thế con người sung sướng

hơn vì nó là loài luôn luôn muốn sống, luôn luôn hy vọng và muốn luôn tạo ra hy vọng. Chữ "hy vọng" đối với con người sao mà tuyệt vời, chính sự hy vọng cứu rỗi con người chứ không phải cái gì khác. Hy vọng – chính là sự sống. Hy vọng – chính là hạnh phúc. Chết đến chân rồi mà con người ta vẫn tạo ra một chút hy vọng mong manh để mà thở.

– Bác ơi, bác xuống ga nào ạ? Cô gái hỏi ông.

– Bác cũng không biết phải xuống ga nào. Có một người, người đó quen bác đã lâu bảo bác xuống ga nào thì bác xuống ga ấy, có lẽ thế.

Ông Don vẫn như người trong mộng, trả lời cô gái. Cô gái hơi lấy làm lạ nhưng ông Don không để ý, ông vẫn như đang trong trạng thái hôn mê. Trước mắt ông vẫn một màu vàng ễnh chết chóc. Cô gái vẫn trân trân nhìn ông và nhất định cô không thể hiểu ông nói gì. Tại sao có một chuyến tàu để cô gái ngồi cạnh ông? Cầu mong cho cô gái xinh đẹp này có một cuộc đời bằng phẳng. Bằng phẳng thì dễ đi. Và có một thằng chồng đừng đểu giả như ông, biết thương yêu vợ con, và có những đứa con đừng đi cướp hoặc hiếp vợ người khác như ông. Tham lam và đểu giả, đểu giả và tham lam, tiền và gái, kiếm tiền và mê gái, đó là những gì mà cuộc đời ông đã làm, đó là những gì mà ông cho là ý nghĩa. Bất lương và phản trắc là những gì mà ông tôn thờ. Và dĩ nhiên, ông đã phải chuốc lấy thác ghềnh, tù đày và những giấc mơ oán hận.

Không biết con đường ấy đã có ai đi trước ông chưa nhưng thật cheo leo và hiểm trở. Bàn chân cứ phải đặt trên những hòn đá nhọn hoắt, sắc như dao. Bên phải là vực sâu, trước mặt là những hòn đá nhọn như lưỡi mác tua tủa đâm lên. Sẩy chân một cái là đầu đâm xuống vực, cái thân ông sẽ chỉ còn là một dúm thịt bầy nhầy. Người ông mồ hôi vã ra như tắm mà gánh hàng lúc này như nặng gấp đôi. Nếu như gánh hàng này là của ông, nó về tay ông thì ngày mai ông sẽ là ông chủ. Ông chủ giàu có... Don nhắc lại hai tiếng đó, tự nhiên lòng ông ngây ngất, trong lòng tràn ngập một cảm giác hoan lạc chơi vơi. Don sẩy chân khụy xuống nhưng làm sao lại không ngã về bên miệng vực. Bì hàng đè lên một chân Don,

Don làm như nặng lắm không gượng dậy nổi. Don thở thoi thóp như sắp chết.

– Cẩn thận... Người chủ hàng hét lên – Phúc bảy mươi đời cho mày đấy.

– Thưa ông chủ, không sao đâu ạ. Don thều thào nói.

Chủ hàng hối hả giục:

– Thế thì đứng dậy đi, nhanh lên, nó trông thấy thì chết cả nút bây giờ.

– Nhưng bác phải nâng hộ cháu cái bì hàng này lên, cháu mới rút chân ra được ạ. Bác phải lấy lưng mà ẩy lên cơ, bì hàng nặng lắm.

Mắt trước mắt sau để đề phòng thuế quan nhưng người thương gia vẫn è lưng ra để đỡ bì hàng cho Don.

– Tất cả chưa đến dăm chục cân mà mày làm như hàng tạ không bằng. – Ông ta nói. – Nào, gắng lên.

– Nặng lắm đấy ạ.

– Được tao kéo lên cho, mày gắng đứng lên.

Nhưng Don vẫn không đứng lên nổi. Thương nhân lại kéo, lại nắm, lại đẩy, song bì hàng vẫn chẳng nhúc nhích tý nào.

– Ừ làm sao mà nó nặng thế nhỉ? – Ông ta lấy làm lạ. – Như hàng tấn không bằng.

– Cháu đã bảo, bác phải đưa lưng mà ẩy lên mới được. Nó kẹt vào giữa hai hòn đá này rồi. Ôi ối... đến gẫy chân mất thôi.

Thương nhân không đành lòng, ông quay lưng về phía Don để ẩy bì hàng lên cho anh đầy tớ rút chân ra... Người ông ta giật nẩy lên một cái rồi đổ vật ra. Chết hẳn rồi. Người chết như thế đấy, mềm ngáp ngáp như mồm cá không có nước.

Mắt lão trợn ngược lên. Chưa chết hẳn. Don bồi thêm một quả nữa, hai chân lão giật giật mấy cái. Như thế là giẫy chết. Lần này thì chết hẳn. Hòn đá chỉ bằng quả cam nhưng Don đang thẳng cánh nên hai đập là xong. Don ném cái xác của người vừa là chủ mình xuống vực, "Có Trời mới biết được ông ta là ai và chết vì cái gì". Vừa hai phút trước, Don là người làm thuê. Bây giờ Don lại là chủ

một tài sản kha khá. Don ung dung gánh hàng đi. Một vở kịch tuyệt vời, diễn khéo đến mức lão ta không hề mảy may nghi ngờ là cái thằng gánh hàng thuê chỉ giả vờ ngã. Vì lúc ấy Don chỉ đưa tay giữ cái bì mà sao ông chủ hàng kéo mãi không lên được?

Đã ba mươi năm. Thương nhân đó có lẽ cái xương cũng không còn. Về cái chết vẫn không hề có ai nghi vấn. Vả lại, không ai xuống tận vực đá để tìm một cái xác. Hai quả đập vào gáy, quá đủ để lão chết... Những giọt máu có lẽ phai từ lâu. May ra, hòn đá chưa bị phong sương làm nát thành cát. Nhưng tài sản của thương nhân ấy được ông Don làm cho nhiều gấp bội lên và ngược lại, cũng nuôi lớn sự bất lương và đểu cáng trong lòng Don.

Bốn mươi năm. Thế mà đêm hôm kia, ông Don đã nằm mơ, ông đã mơ một giấc mơ đúng hệt như thế. Mọi chi tiết được diễn ra đúng như thật. Ông Don sợ hãi đến nỗi mồ hôi ướt đầm cả lưng áo. Bao nhiêu năm, ông đã quên hẳn chuyện đó. Dường như nó chẳng còn dính dáng gì đến ông nữa. Dường như trong đời, ông chưa hề gây ra một tội ác như vậy. Có lúc ông còn ghê tởm tội ác nữa. Sau này, khi sự tráo trở bất lương trong việc làm ăn của ông bị trừng phạt, ông còn nghĩ mình bị oan ức, và người đời không biết, còn thương hại ông nữa.

Tưởng đã quên và nghĩ là quên được. Không ngờ đã đến lúc ông phải trả nợ cho tội ác mà mình gây ra. Không ai biết, người đời cũng như pháp luật, không ai biết nhưng trời biết. Giấc mơ báo mộng như một nhân chứng kể rành rọt mọi chi tiết làm ông phải nhớ lại tất cả. Đôi mắt của người chết trợn ngược lên, bàn chân trước khi mềm nhũn còn giật hai cái. Một giấc mơ kinh khủng.

Nhưng làm sao, nét mặt người chết không phải của thương nhân ấy mà là của Thạo. Đúng là nét mặt Thạo. Hắn mới hai mươi tuổi, chưa có râu, mặt đầy trứng cá. Hắn có một cái nốt ruồi trên trán, người có nốt ruồi như thế luôn luôn có quý nhân phù trợ. Tại sao khi Don ném cái xác của ông chủ hàng xuống vực, chính lúc ấy, nét mặt của Thạo hiện ra chứ không phải của ông chủ hàng. Toàn bộ giấc mơ của ông chỉ lầm lẫn một việc đó.

Ông đã đánh chết thương nhân để đoạt lấy tài sản của ông ta, giết bằng cách đập đá vào gáy. Nhưng khi vứt xác chết xuống vực để phi tang thì xác chết lại có nét mặt của Thạo.

Ôi, Thạo, Thạo, Thạo, Thạo... không biết hắn đã chết hay còn sống. Dù hắn còn sống hay đã chết thì Thạo vẫn là nỗi khiếp sợ của cả đời ông. Hắn chết thì ông sợ Trời, hắn sống thì ông sợ hắn. Nhưng chắc gì hắn sống nổi. Nhất định không thể sống được. Phải một cú đập vào gáy như thế, lúc ấy ông Don không thể làm khác được. Người đuổi theo ông hàng đàn, đèn đuốc rực trời. Người nào cũng roi, cũng gậy, mặt mày hùng hùng, hổ hổ. Có người còn cầm cả dao. Có người cầm cả dây thừng. Trong lúc Don tay không, trong lúc mệt nhoài vì đã phải chạy gần năm cây số. Cạnh ông lúc đó lại là một người phụ nữ, người ngợm chỉ như cái xác không hồn, đã phó mặc tính mạng vào tay ông.

Tình thế không cho một sự lựa chọn nào, ông phải quyết chiến, ông phải quyết đấu. Và ông phải thắng, có thắng ông mới có Bến. Ông đã dùng một thủ đoạn của bọn kẻ cướp, của một thằng lục lâm mới giật được Bến ra khỏi tay thằng chồng. Chậm một đêm không được, hoặc vài giờ nữa cũng không được. Một đêm cô ta sẽ ngoan ngoãn và sung sướng hiến dâng trinh tiết cho chồng. Khủng khiếp, mỗi khi nghĩ lại ông vẫn thấy khủng khiếp, ông đã lao vào giữa đám cưới và cướp ngay cô dâu chạy thoát. Ông không những thao lược như một tên kẻ cướp mà còn dũng mãnh như một con hổ. Hắn mất vợ, thằng Thạo ấy, sẽ hô hoán dân làng cả đêm đốt đuốc đi tìm. Cả đoàn người tay dao tay gậy đã chạy thẳng, không hiểu sao mũi thằng Thạo thính như mũi con cáo, hắn lại rẽ vào chỗ rừng thưa có những cái hầm hàm ếch và suýt nữa thì hắn đã hô lên cho đoàn người biết.

Sau cú đập ghê người đó, ông Don không kịp nhìn lại xem nó còn sống hay đã chết. Mặc, miễn là Thạo phải im mồm, bất động để Don dắt Bến chạy cho thoát. Mặc kệ.

Nhưng có lẽ Thạo đã chết. Một hòn đá như thế đập vào gáy đủ để hắn chết hai lần chứ không phải một lần. Thạo đã chết mà cũng có thể còn sống. Còn sống thì Thạo nhất định không để cho ông yên. Hắn sẽ đi tìm, sẽ giết hoặc ông hoặc Bến, một trong hai

người, hoặc cả hai. Thạo có lý để làm chuyện đó. Nhưng tại sao ông Don lại còn sống cho đến tận bây giờ?

Những ám ảnh ấy làm cho ông Don không thể chịu được, lòng ông bắt đầu bỏng rát như uống phải a xít. Giấc mơ của quá khứ hay của tương lai? Ông Don muốn sám hối, muốn làm một điều thiện gì đó để sám hối, để chuộc tội nhưng không ai tin ông nữa, Trời phật cũng không còn tin ông nữa. Ông sẽ đi, ông sẽ tìm về với Thạo. Thạo đang chờ ông ở một ga tàu nào đó. Cũng có thể ở trong cái hẻm núi còn phơi xương người thương gia nọ.

Ông không muốn từ biệt vợ con. Từ lâu Bến chỉ coi ông như một người bạn hàng. Còn những đứa con ông thì chúng thừa hiểu ruột gan ông. Vả lại, hôm ấy nếu như ông có thể bắn được một phát thì có lẽ ông chẳng phải đi chuyến tàu hoàn nguyên như thế này. Thằng con trai út của ông đã xứng đáng với ông về tội ác. Trời đã trừng phạt ông một cách khắc nghiệt. Cũng từ lâu, đối với con cái, ông chỉ là một ông chủ giàu có nhưng tham lam, bần tiện, bẩn thỉu, xảo trá. Tóm lại, chỉ còn những cô nhân tình, đúng hơn là những cô điếm trá hình, là đáng để ông giã biệt. Những cô gái bán thân trẻ đẹp của ông luôn luôn chiều chuộng ông, luôn luôn nũng nịu và ngọt ngào với ông. Ông rất sung sướng thấy mình đã gần sáu mươi tuổi mà đi đâu cũng có những cô gái trẻ mê ông. Đi tầu thống nhất, một cô độ chừng ba mươi cứ sấn đến giường nằm, hỏi ông hết chuyện này đến chuyện khác, bỡn cợt lả lơi, cười cười nói nói, còn kéo cả ống quần lên hỏi ông cái bớt trên bẹn thế này làm sao cho nó mất. Đi ra ngoại thành thì các cô cứ bám lấy xe máy đòi đèo đi chơi. Ngồi uống cà phê thì hai cô cứ kèm riết hai bên, tìm hết cớ này cớ nọ để chọc cho được hai cái núm vào vai, vào tay ông. Không biết ông có cái gì đặc biệt để những cô gái trẻ măng kia say đắm ông đến thế. Chẳng có gì cả, đối với ông. Người ông lùn, mập như con lợn, các thớ thịt trên mặt chảy xệ cả rồi. Tóc đã bạc hơn một nửa. Mắt đã đùng đục thủy tinh thể, đâu còn long lanh, tình tứ để làm xiêu lòng các ý trung nhân.

Thế mà ông cứ vương vào món nợ đào hoa ấy như những con chuồn chuồn vướng vào tơ nhện. Có mấy ông bạn già đùa nhau rằng,

khi đi ra đường họ buồn thê thảm vì đàn bà con gái ngày càng đẹp ra mà họ ngày càng già đi. Thật là bi kịch của giới đàn ông. Thế mà đối với ông Don, riêng ông không có cái bi kịch ấy. Các cô gái cứ trẻ đi, đẹp đi, kể cả các hoa hậu, á hậu vừa giành được vương miện đi chăng nữa, nếu ông muốn, ông cũng có thể giành được chiến thắng đối với họ một cách ngon xơi. Các minh tinh màn bạc ư, các tiểu thư khuê các ư? Cũng chưa phải là pháo đài bất khả xâm phạm.

Ông Don vẫn chưa hiểu mình có sức mạnh gì ghê gớm nhưng hầu như bất cứ tường thành nào, cao siêu hay thâm cung đến mức nào, cũng chưa hề có thứ gì cản nổi bước chân chinh phạt của ông. Một sức công phá tiềm ẩn mà không phải ai cũng có. Không như bọn trẻ trai, không như những chàng thanh niên hào hoa phong nhã, ông cũng chẳng hề được như một người đàn ông vạm vỡ, khỏe mạnh cao lớn, thu hút đàn bà bằng sự cường tráng thân thể, bằng sự ăn chơi lọc lõi. Không, hoàn toàn không như thế. Ngược lại, hình thức phong thái bên ngoài của ông lại giống hệt một kẻ hành khất, tư cách của ông là tư cách của một thằng móc túi. Người ông thì mập như một con lợn, mặt mũi ông trông không hơn mặt một người chuyên lượm xác người chết, có khi còn thậm tệ hơn, dần độn và bẩn thỉu và còn toát ra một vẻ bất lương nữa. Về già nét mặt ấy lại thêm sự ngớ ngẩn. Thế mà ông đã từng... đã từng... nghĩa là trời cho ông nhiều lần... được các hoa hậu, á hậu, các minh tinh, các cô đào mười chín hai mươi chiều chuộng ôm ấp hiến thân. Và không ai ngờ, bàn tay vấy máu của ông vừa nhăn nheo vừa đê tiện này cũng đã ôm ấp vuốt ve những tấm thân trinh trắng, ngọc ngà, thơm tho của những cô gái cần tiền. Ngồi trước màn ảnh hay trước sân khấu, nghe thiên hạ xuýt xoa, hay đi qua một đám cưới sang trọng với hàng mấy chục chiếc xe con đưa dâu, ông không nén được tiếng cười mỉa: phần nửa các tấm thân ngà ngọc mà các người hâm mộ kia, phải bỏ ra bao nhiêu vàng bạc để cưới và để vênh váo với bạn bè, đồng nghiệp là có vợ đẹp kia, đều đã từng qua tay ông, đều đã bán trinh tiết cho ông. Ôi, niềm kiêu hãnh và vinh quang không cần phô diễn của đồng tiền. Ta là vua, vua không cần vương miện. Đồng tiền phục vụ con người chu tất hơn một vạn tên nô lệ. Đúng, chu tất vô cùng.

Ôi, thế là ông hiểu. Cuộc đời đã cho ông hiểu, dù chậm chạp muộn mằn nhưng ông đã hiểu được. Sức mạnh chinh phục đàn bà ở ông là gì? Tiền. Đơn giản và điểu giả, và hình như đó là sự thật. Tiền, có thế thôi. Những chiếc nhẫn ông nhẹ nhàng đeo vào tay em. Những sợi dây chuyền anh khoác vào cái cổ nõn nà của em. Những tuần nghỉ mát ngoài biển, ở trong các hotel sang trọng và kín đáo mà anh bao em. Những xấp tiền mới cứng mà anh để lại trên tấm thân trần truồng của em khi anh đã thỏa mãn...

Hồi còn trẻ ông Don đã từng đi hành khất, từng đi gánh hàng thuê và rồi ông trở thành ông chủ tiền vàng đầy hòm, nên ông, với chị em, thường rất sòng phẳng. Ông có cò kè nhưng xong rồi ông trả tiền sòng phẳng. Không lường gạt ai, không mua chuộc dụ dỗ ai, cũng không ăn quyt ai lần nào. Với cô nào, ông cũng đều mặc cả trước, thuận mua vừa bán. Và hình như đã vài lần ông ngây thơ một cách điểu giả mà bảo mấy em là: Ông, thực ra còn tốt bằng vạn các chàng trai mà các cô mê như điếu đổ, họ chỉ được cái trẻ tuổi, đẹp trai, hào hoa, học thức nhưng túi rỗng, thử hỏi đi với họ các em được cái gì, may lắm thì cốc cà phê, một vé xem phim... Còn với ông, tiền trao cháo múc, các em có phải chịu kinh tởm một vài giờ thì được bù lại một xấp tiền bằng cả ba bốn tháng lương hay một năm học bổng. Thế là được giá đấy chứ?

Gì thì gì, ông Don vẫn là người mạnh. Ông có là con cóc, chân tay người ngợm có mốc thếch lên, các em có khi không chịu cho ông hôn thì ông vẫn có cách hấp dẫn bọn họ. Càng đẹp, càng phải ăn diện. Tiện nghi càng phong phú thì càng đua đòi. Thời đại càng văn minh, càng tốn tiền. Ân nghĩa quy ra tiền thì càng tốn tiền nữa. Thế mà thiên hạ đâu phải ai cũng nhiều tiền như ông, đâu phải ai cũng có nghề như ông và nhất là đâu phải ai cũng dám lấy đá đập chết người để có tiền như ông. Cho nên, cho nên... điều này ông Don rất tự đắc, chỉ có ông, chỉ có những người có tiền mới đưa lại cuộc sống no đủ cho các em. Thế đấy, nhưng cái bọn dẻo mồm dẻo miệng ấy, nhận tiền của ông xong là ghê tởm ông ngay. Ôi, tuổi trẻ, ôi các cô gái chíp hôi ấy, họ kinh tởm ông bao nhiêu thì mê cái túi tiền của ông bấy nhiêu. Đồ điểu, đồ chỉ biết có đồng tiền...

Cả một lũ bạc tình bạc nghĩa, không một đồng xu dính túi mà cứ sĩ diện hão. Uống nước lã cầm hơi mà còn lên mặt ta đây. Khinh ông ư? Ôi lũ bạc tình. Chỉ có một mình em thôi, phải, một mình em, con lợn con yêu dấu, con ngựa cái đài các ạ, chỉ có em là người chung tình với ta, còn thương ta mãi mãi, không khinh rẻ ta, không kinh tởm ta. Em, cái con mẹ nạ dòng nhưng làm sao ông không thể rời bỏ mụ ra được. Con mụ ấy nó kỳ lạ làm sao. Chưa đầy ba mươi tuổi nhưng làm sao mụ có nhiều ngón nghề làm cho đàn ông bay lên tiên như một mụ Tú Bà siêu hạng. Phốp pháp, tròn lẳn, mịn màng, đắm say, cuồng nhiệt, tất cả từng ấy thứ trong con người mụ đều nổi bão tố khi gặp đàn ông. Cuồng mê say đắm, ông cứ bơi lội trong cái bể ái tình của mụ. Mụ cứ giăng bẫy ra. Nụ cười mê hồn. Ánh mắt lẳng lơ tình tứ. Đôi má lúc nào cũng hồng rực lên. Cặp vú ngồn ngộn và nhất là khoảng ngực của mụ trắng mịn như ngà như ngọc. Ai vô tình đưa mắt vào đó một lần thì đều quay cuồng đầu óc. Trời cho mụ quá nhiều đặc ân để mụ làm khổ thiên hạ. Nhưng ông mê nhất là, cái điều này, ông Don không muốn chia sẻ với ai hết, là cái con mẹ yêu tinh ấy, chỉ cần đàn ông sờ tay vào người thôi thì tất cả cơ thể mụ mềm nhũn và nóng rực lên. Con mẹ ấy nó giết đàn ông vì cái ưu thế trời cho ấy.

Phải đến chia tay với nó thôi, một lần nữa, cầu mong thằng chồng nó đi vắng. Nhưng mà dù hắn có nhà cũng chẳng sao. Con mẹ ấy bao nhiêu lần bảo chồng nhắm mắt lại để cho ông và mụ làm việc. Con yêu tinh ấy thì phải thằng chồng như thế mới ở được, nếu là thằng khác thì ông đã mất đầu với nó từ lâu rồi. Và cũng chẳng gì một mình ông, khối đứa chết.

Ông Don như người hấp hối, đi như đi trong mộng, đầu đường xó chợ, những ngõ ngách tối tăm với những đống rác lưu cữu không biết bao nhiêu ngày tháng. Có những khi ông thích như vậy, ngửi mùi rác rưởi hôi hám và chua như cứt mèo lại cảm thấy quen mũi. Như trong đời ông, từng thời mà ông thích những mùi vị mà người đời không chịu được. Mùi nhựa cháy, mùi cao su, mùi sơn, ông nghiện nó và người đàn ông suốt năm cứ bốc lên không khác gì một tác nhân mùi vị. Mặc kệ thiên hạ, mặc kệ các em, người ông dù mai có

bốc lên mùi tử khí đi chăng nữa thì bù lại, túi ông đầy tiền, nhà ông đầy vàng. Thế là được phải không các người? Tôi có muốn đòi hỏi gì hơn? Tiền... tiền... chỉ có thế thôi, Thượng đế đấy. Tạo hóa đấy. Nhân nghĩa đấy...

Đến nhà con mẹ ấy sao ông đi lạc được nhỉ? Như quỷ ám không bằng. Quay lại. Cái cửa hàng ấy phần lớn là tiền của ông. Cả căn phòng hai mươi mét vuông nữa giữa một phố buôn bán sầm uất kia nữa, đều do tiền của ông chi trả cho em sau những đêm ong bướm. Có lẽ không thiếu gì những thằng chung chạ nhưng tiền thì em chỉ moi của một mình ông. Công ông rất lớn, mua em từ khi em mới hai mươi tuổi, lấy phải thằng chồng không ra gì, khuyên em bỏ việc Nhà nước để đưa em đi Sài Gòn khi ông có dịp trốn mụ già sư tử. Muốn được toàn quyền, ông phải mua cho em một căn nhà ở xóm ngoại ô. Nhưng ở đấy em chán, em nũng nịu và bẳn gắt. Ông phải mua cho em cái phòng này. Ở chỗ này không buồn nữa, em đàng hoàng như một phi tần. Phố xá tấp nập, người xe qua lại náo nức, trai gái dập dìu trước cửa. Em chỉ việc ngồi ở nhà sẵn sàng khi ông có dịp rẽ qua, tắm táp cho sạch sẽ, chăm nom thân thể cho nõn nà. Chiều chiều, em được phép đi dạo phố độ một giờ cho khuây khỏa nỗi vắng ông. Cuộc tình nửa ân nghĩa, nửa tiền bạc mua bán, cứ thế êm ả trôi.

Thế rồi một hôm... Cửa đã khóa mà ông thì buồn. Đã ba hôm ông Don không đến. Tuyết Lan đi đâu? Ông có chìa khóa riêng, thì cứ vào đấy nằm chơi. Nhưng cái gì thế kia? Ông Don không tin được những gì diễn ra trước mắt mình nữa. Ông vớ lấy con dao gọt cam trên bàn lao đến. Thằng đàn ông kia nhảy lùi một bước, rút con dao thái thịt. Tuyết Lan ôm mặt rú lên. Cái đồ khốn nạn, chúng cũng không thèm lấy cái gì quàng lên người nữa, cứ thế và nghênh chiến với ông. Cả hai, ông và thằng ăn trộm tình, mắt long lên sòng sọc, thủ thế chứ chưa dám lao vào nhau.

Tuyết Lan rít lên:

– Cả hai thằng vứt dao đi và cút ra khỏi nhà tao. Cút...

– A con khốn nạn, con đĩ rạc kia, mày phản bội tao, mày lừa dối tao. Tao sẽ cho cái thằng khốn nạn này chết trước đã rồi tao sẽ trị tội mày. Đồ thối thây...

Ông Don cũng nghiến răng chửi lại. Tuyết Lan đứng thẳng trên giường chỉ vào mặt ông mắng sa sả:

– Tao bảo, có ném dao đi không? Cả hai thằng bỏ dao ra. Có giỏi thì giết tao đây này, đâm đi, chặt đi, giết đi, cái đồ đàn ông không biết xấu hổ. Đi ăn vụng rồi mà còn bươi nhau ra hả? Đồ ngu, đồ lợn.

Ông Don giơ dao ra nhứ vào mặt kẻ tình địch:

– Tao thanh toán với mày trước, rồi sẽ băm vằm con kia sau.

Ông sùi cả bọt mép ra. Hình như thằng kia thấy ông không đáng một quả đấm nên cười gằn:

– Lạy chúa đi thằng già. – Hắn vứt con dao vào xó nhà. – Tao không thèm cần đến con dao, tao chơi tay không với mày, tao sẽ nện cho mày mềm nhũn ra như một con giun.

Nhìn thấy thằng thanh niên hai mươi tuổi, râu ria xồm xoàm, cơ bắp nổi lên cuồn cuộn, quả thật một quả đấm của nó cũng đủ cho ông về chầu ông vải. Ông Don cảm thấy hoảng thật, vì trông nó không có vẻ đe dọa. May lúc đó, Tuyết Lan đã quàng cái chăn mỏng lên người, nhảy xuống giường đứng chắn giữa hai người. Cô ả cười mỉa mai:

– Được lắm, hai người anh hùng. Xông vào đi, tao cho phép. Cái thằng già vừa dọa cái gì đấy. Băm vằm tao chứ gì? Tao đứng đây cho mà băm. Nào băm đi.

Nét mặt con mẹ ấy ngày thường thì đẹp thế mà lúc ấy sao nó nanh nọc, dữ tợn lắm vậy. Mắt nó như chỉ còn lòng trắng, môi dẩu ra chì chiết, mỉa mai, da thịt nó không cần giữ gìn gì cả, trần truồng hêu hếu ra đến phát khiếp. Tay ông đã run lên. Con dao rơi xuống chân.

– Ha ha ha... Đồ hèn, đồ mọi rợ. Chúng mày chỉ đáng là con rận thôi.

Hai thằng đàn ông chỉ đứng trân trân, còn nó, cứ thế, đến ngồi vào bàn hút thuốc.

– Anh Liêm, anh về đi... Anh về nói với con vợ là anh đi chơi gái, bị gái nó đuổi ra khỏi nhà.

Thằng đàn ông trẻ tuổi tên là Liêm vội mặc quần áo. Nó đến trước mặt ông Don và nói:

– Mày nhớ lấy cái mặt tao nhé.

Rồi lại đến chỗ Tuyết Lan giật cái khăn che người của cô ta ra và bảo:

– Mày nói cái gì vừa rồi thì mày hãy nhớ lấy, tao không quên món nợ này đâu.

Tuyết Lan vẫn như không:

– Đi đi, kẻo mai có quỳ dưới chân tôi, tôi cũng mời anh ra.

Thằng cha không thèm ngoái lại nhưng chắc có nghe câu nói ấy.

Còn lại một mình ông với nó, ông đã thấm mệt, thấm sợ và thấm nhục. Nhưng ít ra cũng phải chửi cho nó một trận. Bao nhiêu tiền ông bỏ ra để nuôi nó, không cho nó đi làm, không cho nó chạy chợ, không cho nó ra đường... cũng chỉ để giữ nó cho một mình ông, cho nó càng nõn nà, óng ả thơm tho. Nhưng cái mà ông giữ gìn là thế này đây.

– Thế nào, nhà triệu phú của em, – Tuyết Lan lên tiếng.

Bây giờ chắc chắn đến lượt nó đuổi ông ra đây.

– Tôi bỏ tiền ra xây nhà, tôi mua sắm, may mặc cho cô, tôi nuôi cô ăn cho béo, cho đẹp, để cô phụ bạc tôi như thế này đây hả? Cô là con bạc tình bạc nghĩa, vô ơn vô đạo, ăn cháo đái bát, khốn nạn. Hôm trước cô xoen xoét cái mồm rằng yêu tôi, thương tôi, cô hứa chung tình với tôi suốt đời. Cô còn khóc, còn than, còn rên rỉ, anh đừng bỏ em, không có anh thì em không còn muốn sống nữa... Chao ôi, đồ giả trá, đồ xảo quyệt, phụ bạc...

Có lẽ ông còn rên rỉ tràng giang đại hải nữa nếu như không có một tràng cười điên loạn của Tuyết Lan.

– Còn cười hả? – Ông điên tiết hét lên.

Cô ta chải lại đầu, quàng cái khăn lên đầu rồi đùa giỡn với ông rằng:

– Không ngờ anh cũng hơn con lợn mấy tý, anh yêu quý ạ. Em bảo anh đừng bỏ em là em nói thật, không có anh thì em sống làm sao. Tất nhiên là em đi làm, lấy chồng, có con nhưng khổ, không

thể ăn chơi như bà hoàng thế này được. Thế mà anh bảo em nói dối ư, anh già thân yêu.

– Câm mồm đi.

– Anh lại cáu với em rồi, lại đây với em nào. Có mang quà cho em không?

– Đừng hòng. Tôi biết tâm địa của cô rồi. Cô chẳng yêu thương gì tôi hết...

– Đã thế, tôi cũng xin nói thật với ông, ông muốn đi thì đi, tôi không giữ. Xin mời.

Ông Don biết Tuyết Lan giở trò, cô ta bao giờ cũng làm xiếc được với ông và ông phải chịu thua. Ông đành đứng đực ra. Tuyết Lan đứng dậy đi vào giường coi như không có mặt ông ở đó. Biết cái uy của mình có tác dụng rồi, Tuyết Lan liền đổi giọng:

– Sao những thằng đàn ông lại ngu như thế không biết? Thằng nào cũng nhà cửa, vợ con đàng hoàng cả rồi nhưng thằng nào lại cũng thích đi ăn vụng. Đã ăn vụng rồi thì thằng nào cũng như thằng nào, khôn thì chùi mép cho sạch để còn vênh vang với thiên hạ chứ.

Điên thật, cái giọng ấy là cái giọng đã khinh ông ra mặt. Thế mà nó sống nhờ ai? Nhờ vào tiền của ông. Điên tiết, ông ném tan mấy cái cốc trên bàn.

– Từ mai, – ông thét lên, – cô đừng hòng tôi bố thí cho cô một cắc một xu nào nữa, cô gọi cái thằng chó dái khi nãy về mà ở với nhau.

– Ai? Anh Liêm ấy à?

– Cái thằng chó chết khi nãy chứ còn thằng nào. Liêm với chính, liêm chính mà thế đấy. Ở với thằng khố rách áo ôm ấy cho sướng, trẻ trai khỏe mạnh, xứng đôi vừa lứa lắm. Liệu xem có được ba ngày không. Một xu không kiếm ra, liệu còn vênh váo được nữa không. Lại đi ăn mày sớm.

– Ông ghen với hắn đấy à? – Tuyết Lan nhỏm dậy nói. – Đồ quỷ. Ngồi xuống đây này, anh già của em. Ngồi xuống đây em nói cho anh nghe. Anh giận em chứ gì? Quỳnh ơi, khổ lắm. Khi nãy em không nói thế thì thằng Liêm nó đâm một nhát chết tươi rồi. Mà nó không cần đến dao, đấm thôi. Thử hỏi anh có chịu được nửa quả đấm của nó không? Thật là ngu hết chỗ nói. Người ta đã cứu cho

khỏi chết rồi quay lại oán trách người ta. Thử hỏi có ai vô ơn bạc nghĩa như thế không? Mà đã thế thì thôi, về đi.

Sau đó thằng Liêm đã chơi ông một vố điếng người. Nó báo công an kinh tế, thế là ông bị khám nhà, hàng hóa thiết bị máy móc tan tác. Ông phải ngồi tù sáu tháng vì tội trốn thuế. Ông ra tù thì chúng nó đã thành vợ chồng. Ông thuê năm thằng du côn...

Loanh quanh trù trừ, mặc cảm mãi rồi ông Don mới đến trước ngôi nhà quen thuộc. Cửa hàng không mở. Buổi trưa cô nàng vẫn thường đóng cửa để ngủ, có của nên sinh ra đài các. Ông khum tay gõ vào cánh cửa mấy tiếng. Từ trước đến nay vào nhà này ông không cần gõ cửa. Nếu khóa ngoài thì ông có chìa khóa riêng. Ông từng coi căn phòng này là nhà ông, Tuyết Lan như là vợ lẽ. Thế mà hôm ấy, ông lại sinh ra tử tế, lương thiện một cách lạ lùng.

Tuyết Lan ra mở cửa cho ông, nguýt ông một cái như lời chào lại vào giường nằm tiếp. Ông đứng ngoài cái màn gió nghe tiếng Liêm hỏi: "Ai đấy?". Im lặng một lát rồi ông nghe tiếng Tuyết Lan nói với Liêm: "Anh vào giường trong ngủ đi". Có tiếng dép loẹt xoẹt đi vào phòng trong. Ông Don đứng co ro mà mồ hôi vã ra. Ông chợt nhận ra những việc thế này khủng khiếp quá.

– Còn chờ gì nữa? Người ta đang lạnh đây này...

Đã quen cái việc ghê rợn này rồi mà mắt ông chợt nảy đom đóm, đầu óc quay cuồng rồi mồ hôi ròng ròng trên mặt. Tuyết Lan vẫn nằm trên giường, rên lên một cách êm ái nũng nịu. Người đàn bà xưa nay vẫn có cái biệt tài làm cho đàn ông mềm nhũn ra. Cô ta tỏa sáng và tỏa hơi ấm ra xung quanh và những người đàn ông cứ lao vào đó mà chết. Ông Don run rẩy, sợ hãi. Ông là con vật hay hai đứa kia là con vật. Có lẽ cả ba. Ba con vật, ba con người, là sáu. Không phải, chỉ có ba thôi. Nghĩa là mỗi đứa một nửa người, một nửa ngợm. Riêng ông cũng thế, một nửa mặt người, một nửa mặt thú, có khi một nửa mặt thú trong ông nhiều hơn, lớn hơn.

– Hôm nay làm sao thế, sợ à? Vẽ chuyện. Sợ con sư tử nó biết thì đừng đến nữa.

Tiếng Tuyết Lan vẫn thẽ thọt trong giường. Ông Don lặng lẽ quay ra, nhẹ nhàng khép cửa lại. Chấm hết. Vĩnh biệt. Chấm hết sự cùng nhau đểu giả, chấm hết những nửa người, nửa ngợm đú đởn nhau. Nói với em cái gì, hình như mối tình của anh và em không lời. Sự hiểu nhau, sự giao tiếp giữa hai người là những xấp tiền trao vào tay em, những lọ nước hoa và hàng tá xà phòng thơm thượng hạng đặt vào lòng em. Sự trao đổi tình cảm là những chuỗi rên rỉ, la hét. Trời ơi, sao cho đến tận bây giờ ông Don mới nhìn thấy cái chân dung đáng nguyền rủa và tởm lợm của chính mình nhỉ? Ông đấy, cuộc đời ông đấy, nhân cách ông đấy, đã có ở trên đời sáu mươi năm. Không một phút nào ông ngừng lao động, không một phút nào đầu óc ông không nghĩ đến cách kiếm tiền, lừa lọc trốn thuế, ăn cắp và kể cả giết người cướp của nữa, ông Don cũng chưa từ.

Có lẽ ông sắp chết và cũng có lẽ món nợ máu của thời trước đã đến lúc ông phải trả. Ông linh cảm ra điều đó. Có thể chính giấc mơ, một giấc mơ khủng khiếp của thần linh chỉ dẫn để cho cái lão thương gia giầu có đến đòi nợ ông. Và không chỉ một mình lão thương gia ấy, có cả Thạo nữa. Tại sao lại cả Thạo? Thạo đâu động chạm gì đến ông chủ hàng. Thạo chết vì chính hắn đã dồn ông đến bước nguy nạn, đến tình thế một tích tắc nữa là Bến tuột khỏi tay ông để trở về tay Thạo. Buộc lòng ông phải giải thoát cho Bến. Vả lại Trời Phật, hãy nhìn xem, mấy chục năm là vợ ông, Bến đã từ một cô thôn nữ trở thành một bà chủ đài các, ăn trắng mặc trơn, trong nhung ngoài lụa, khối người phải quy lụy thưa bẩm không thua một bà mệnh phụ nào trên cõi dương gian. Nghĩ rằng như thế đã là sướng, còn ân oán gì nữa. Và Bến cũng chưa bao giờ ân hận vì đã bỏ chồng mà theo ông, cũng không bao giờ nghĩ mình có tội.

Mấy chục năm ông Don quên mình là người có tội. Ông quện nhưng đời không quên cho ông. Tự nhiên tóc trên đầu ông dựng ngược lên, ông sợ quá. Ông sợ quả báo. Hóa ra sống dù gian hùng đến đâu cũng có lúc phải sợ. Như thế này có nghĩa là... đã đến lúc ông phải chết. Trước lúc chết bao giờ Trời cũng cho kẻ tội đồ một phút tỉnh táo để nhận ra những tội ác của mình. Cái đầu lâu đã hiện ra trong giấc mơ, tức là đã đến lúc ông phải trả nợ máu.

2.

Con tàu vẫn chưa rời ga.

Ba lô gồng gánh đâu đã vào đấy. Những bao tải chất căng hàng đã nằm yên dưới gầm ghế. Không khí trên toa tàu, đã bớt nhốn nhào. Ai cũng tìm được một chỗ ngồi cho mình. Không có ghế thì ngồi tên bao tải, trên hòm xiểng, trên ba lô của mình. Con người vất vả và chen lấn nhau đời đời kiếp kiếp. Cô gái vẫn tỉ tê với chàng trai, họ sắp xa cách nhau, vì cuộc mưu sinh và cả vì công danh. Yêu nhau mà mỗi người phải mỗi ngả.

Còn những người kia trong cái toa xe này? Họ đi đâu? Lại một đôi trai gái yêu nhau đang tiễn biệt nhau kia nữa. Những anh chàng bộ đội vô tư. Chị chít khăn nhung, răng đen, có lẽ là người ở một miền quê vắng. Những cuộc đời trước mắt tôi, ai là người lương thiện, ai là kẻ từng giết người cướp của?

Con tàu chợt rùng mình. Tiếng cô phát thanh viên oang oang trên loa phóng thanh: "Hành khách đi tàu chú ý. Tàu số ba mươi ba bắt đầu chuyển bánh, hành khách nào còn đứng dưới sân ga xin mời lên tàu. Tàu ba mươi ba bắt đầu chuyển bánh, hành khách nào..."

– Ly, em đừng để tay như thế.

– Kìa anh, anh về đi chứ. Anh về đi...

– Em đi nhé. Có nhớ anh dặn gì không?

– Nhớ. Em nhớ rồi.

– Vào biên thư về cho anh ngay. Nếu thiếu gì điện cho anh ngay, anh sẽ gửi vào cho em. Đừng quên nhé.

– Nhớ rồi, nhớ rồi. Anh về đi kẻo mưa.

Con tàu đã tăng tốc độ. Chàng trai phải chạy với theo. Cô gái nhoài người qua cửa sổ. Thế là xa cách nhau... Con tàu đi ra vùng ngoại ô. Những mái nhà cao thấp nhấp nhô, những mái ngói với màu sắc khác nhau. Những ô cửa sổ sang hèn, to nhỏ. Những đường phố ngang dọc như cành cây, những gương mặt đầy đủ sắc thái cuộc đời.

"Ta đến thành phố này lúc ta mới trên hai mươi tuổi, một hoài bão muốn đổi đời và hai bàn tay trắng. Đã đủ các cung bậc của đau đớn sướng vui..."

– Xa thành phố rồi.

Cô gái nói khi thành phố đã lùi về rất xa đằng sau. Đôi mắt sau cặp kính trắng ảo não như chiều mưa trong núi. Xa nhau bao giờ đâu mà chẳng buồn, nhưng chẳng ai sợ phải xa nhau.

– Bác ơi, bác về đâu ạ? – Cô gái hỏi.

– Bác về quê.

– Sao bác trông buồn thế? Vì sao bác buồn thế?

– Bác cũng không biết bác buồn hay vui nữa. Mà bác chẳng có gì vui lại cũng chẳng có gì để buồn. Nhưng cháu thì rõ ràng là buồn.

– Không phải, cháu chỉ nhớ nhà và buồn một tẹo thôi. Bây giờ thì cháu vui lắm rồi. Còn bác vẫn buồn thăm thẳm.

– Cô bé nói hay nhỉ. Buồn thăm thẳm... nhưng cháu ạ, bác vui hay buồn cũng như nhau thôi, nó lặn vào trong tim gan hết rồi. Cháu đi tìm cái gì?

Cô gái quay lại, tròn mắt ngạc nhiên.

– Cháu đi tìm gì ấy ạ? Sao bác lại hỏi cháu thế? Cháu có đi tìm cái gì đâu. Cháu vừa tốt nghiệp đại học, cháu đi nhận công tác.

– A bác hiểu rồi. Và thế là hai người phải xa nhau.

– Vâng chúng cháu chưa cưới và hai đứa đi nhận công tác hai nơi.

– Yêu nhau mà phải xa nhau thì buồn lắm. Nhưng các cháu đã nghĩ ra cách gì để gần được nhau chưa?

– Cháu cũng chưa nghĩ đến điều đó. Cháu phải lo công tác cho tốt, độ vài năm rồi người ta có thể chiếu cố đến hoàn cảnh cháu và cho chuyển vùng. May ra thì được như thế, nếu không thì phải sống xa nhau mãi. Cháu cũng đã thấy nhiều người như thế, chồng một nơi, vợ một nơi, mỗi năm được mười bảy ngày phép. Nhưng biết làm thế nào được bác?

– Việc này thì bác không có kinh nghiệm gì vì bác không làm ở cơ quan nhà nước. Bác là dân tự do, dân làm ăn cá thể.

– Thế bác và gia đình bác có sống được không? Vâng. Nhưng mà làm sao bác sống được chứ ly?

– Thế mà bác sống được và còn giàu có. Cái chính là việc đời mình thì mình phải quyết định lấy. Bác đã làm được điều đó cho đời mình...

Cô gái tỏ ra không hiểu điều ông Don nói. Có lẽ đó là điều khó đối với thế hệ cô gái. Tại sao cuộc đời này lại lạ lùng đến mức ấy và chính ông, ông cũng không hiểu được.

Con tàu lao vút trong nắng. Bên ngoài, thành phố hết khép lại rồi mở ra, không còn mái ngói đỏ, tường vôi trắng, lác đác vài đoạn phố nhỏ, vài cái biển treo vật vờ. Phở tái, cháo tim gan, sen dừa, nước sôi... Cô gái xa chàng trai để đi nhận một công việc mà xã hội phân công. Chàng trai cũng vì nhiệm vụ mà phải đi xa cô gái. Họ xa nhau vì cuộc đời phải thế. Có thế cuộc đời không thể thế được không? Và nếu không thể thế thì sao? Lạ nhỉ.

Phải sống xa nhau thì nhất định cô gái phải đi tìm một cái gì chứ? Chẳng lẽ họ lại không như ông? Ba mươi năm về trước, ông đã ngược con đường hôm nay để đi tìm cái gì? Đi tìm sự giàu có, đúng thế. Ông đi tìm nó khi ông bố và bà mẹ quát tháo ầm ầm và một cái lều vịt cùng cánh đồng cỏ mặn chua lòm và vắng teo hiện ra trước mắt. Mục đích duy nhất của cuộc phiêu lưu ấy là sự giàu có. Lúc ấy ông Don chỉ mới hai mươi tuổi và không hiểu sao ông đã biết định hướng cứng rắn không một li chuyển lay cho cuộc đời đến tận lúc này.

Vì nó, sự giàu có, và nó với ông Don săn đuổi nhau, truy tìm nhau, tưởng mất đi lại tìm được, tìm đã được rồi lại mất đi. Trong cuộc hành trình ấy, ông đã gặp nhiều phen đau đớn, đổ mồ hôi, rơi nước mắt để giữ cho được vàng bạc trong tay, trong hòm, trong nhà, đã có lúc vàng đầy hộp, tiền đầy thùng. Nhưng cuối cùng đồng tiền lại đội nón, mặc áo lên xe từ giã ông mà đi. Cứ như định mệnh, như có phép thần, như mệnh trời. Đồng tiền phù thủy ma giáo, ai nắm được nó, có nó, giàu có về nó không biết sung sướng, hạnh phúc, vinh quang hay đau đớn, lo lắng, nhục nhã. Đồng tiền đưa lại

cho con người cái gì, niềm vui hay sự khổ đau, ân hận, tạo nên sự cao cả hay sự đớn hèn?

– Các cháu xa nhau tự nguyện hay bắt buộc?

Cuộc sống này quả là bí hiểm, có thể có cả sự linh thiêng, thần thánh. Nhưng không có tiền ông sẽ là một thằng hèn. Ông không có tiền ai cũng có thể mắng chửi. Và ông phải đi tìm kiếm. Ông đã kiếm được nhiều tiền, rồi khi ấy ông mới chợt nhận ra, có tiền lại hèn hạ một cách khác. "Cháu tự nguyện nhưng cũng là bắt buộc...". Ông Don không còn để ý đến câu trả lời của cô gái. Tâm trí ông bị cuốn vào dòng xoáy sôi sục, giống như cơn gió xoáy trên sa mạc. Ông không thể sống bình thường được hay đúng hơn không còn muốn sống nữa, sau khi bà Bến cắn vào vai đứa định hiếp bà ấy.

"Ông có nhìn thấy vết gì đây không?". "Vết cắn. Đứa nào cắn nó chứ gì? Rượu chè, hút sách, đàn đúm, cờ bạc rồi đánh nhau cắn nhau chứ gì". "Chưa đủ đâu, nó còn khốn nạn hơn vạn lần như thế nữa cơ. Ông nhìn rõ dấu răng này chưa?" "Ai cắn nó?" "Tôi"... thế là nhà ông hết phúc, Trời đã trừng phạt, công lý ra tay, lương tri đã lên tiếng, đúng là giấc mơ đã dự báo những gì sẽ đến với ông. Từ hôm đó ông Don trở nên tỉnh táo, ông lạnh lùng khô khốc, đau đớn, là tội phạm cũng là quan tòa, ông đau đớn quằn quại trong những hồi tưởng ma quái, trong suy ngẫm, trong sự tự thức tỉnh.

Người ta gọi nó là cái gì, cô gái kính trắng xinh đẹp này gọi nó là cái gì, ông không biết nhưng ông nghĩ rằng đã đến lúc ông phải trả nợ máu cho những gì ông đã làm trong đời. Nghĩa là đã đến lúc ông Don phải ra đi. Đi đến đâu, nếu không phải đến ngay hẻm núi đó, và đi đâu nữa, nếu không phải đi đến cánh rừng có con hào và hòn đá mà ông đập vào gáy Thạo chắc vẫn còn đó.

Bốn mươi năm trước, Don cùng Bến cũng ra đi. Và bây giờ ông cũng ra đi, đi một mình, nhưng hai chiều ngược nhau.

Kỳ lạ thay, cạnh ông lại có một cô gái trẻ măng cũng lần đầu tiên ra đi. Ông chợt thấy sợ cô gái, không biết cô là ai, một cô gái ngây thơ bình thường, hay sứ giả của công lý, của lương tri? Không phải, cô ta cũng đang buồn vì sự xa cách. Cô đi tìm cái gì mà không thể hiểu ra. Lẽ sống ư? Công lý ư? Việc làm ư? Hay hạnh phúc? Hạnh phúc lứa đôi thì cô gái chưa có, cô có tình yêu nhưng tình yêu

đã để lại phía sau, nơi thành phố, nơi có chàng trai. Ngày trước, ông ra đi không để lại tình yêu nhưng để lại nhân cách. Ông ra đi trở thành giang hồ, thảo khấu, kẻ đã cướp vợ người và kẻ giết người. Và rồi con ông, thằng Vại được mang dòng máu của ông, hấp thụ sự giáo dục, răn dạy từ lời nói, từ cách kiếm sống và xử thế của chính ông để trở thành kẻ đã phạm tội lỗi với chính mẹ đẻ ra nó. Tôi sẽ bắn chết nó. Ông lấy tư cách gì mà giết nó? Cha mẹ ơi, bà Bến nói phải, ông lấy tư cách gì mà đòi trừng phạt nó. Đều là hai kẻ tội phạm, đều đáng để đưa ra trước vành móng ngựa cả, vậy thì ông đâu lương thiện hơn nó để xử nó.

Ông Don đi mãi, đi mãi, tìm kiếm lao tâm khổ trí, nước mắt trộn mồ hôi, để cuối cùng đi đúng một vòng tròn, cái gì thời trẻ tước đoạt thì cuối đời ông phải hoàn trả, tiền bạc cũng như nhân nghĩa. Thì ra Tạo hóa không tước đoạt và cũng không cho ai cái gì.

Thân phận ông sao nhọc nhằn đến thế? Ông là ai kia chứ, cái khởi thủy những tham vọng của ông từ đâu nhỉ, hình như...

Nắng rất đẹp.

Bấy giờ đã sang mùa đông nhưng trời chưa rét. Buổi chiều mặt biển màu ngọc biển đang đổi dần sang màu da cam. Nắng lung linh trong suốt vì gió hát đam mê ngọt ngào. Gió se sẽ và thong thả lướt trên những lá dâu vàng óng khẽ đung đưa như ta thở vào nó. Bãi dâu đầy nắng, vài giọt sương đang đậu ở chót lá. Những hàng dứa dại gốc to như gốc đại thụ, sần sùi, cong queo, cao đến hai ba mét, sống đến hàng trăm tuổi kiên cường che gió và che cát cho bãi dâu và cho cả một làng cát sống nghèo đói ở xứ này. Cũng có những cây già lão quá, không còn đủ sức để đẻ ra những cành mới nhưng lại có vài quả dứa trên cành.

Quả dứa dại không ăn được, không làm gì được, hết mùa chúng khô quắt trên kẽ lá, lúc này quả dứa chỉ to bằng quả na, màu nâu đỏ, gai cứng như đinh.

Năm ấy Don mới mười tám, tuổi mười tám của những phiêu lưu liều lĩnh và đắm say vẻ đẹp của đất trời. Lá cây óng ánh như giát vàng. Biển nước, rừng dâu, núi Gươm, hang Trống đều trong

veo và lóng lánh như được lồng trong kính. Đó là buổi chiều thần tiên trong đời Don, sau này có lúc Don nhớ tới lòng lại như hát lên.

Chàng trai ấy, sau gần bốn mươi năm, ông không hình dung được một cách rõ ràng, nhưng nói chung, đó là một chàng trai thuộc loại các cô gái không ai muốn kén làm chồng. Người không cao, vai rộng, xương xẩu nhưng xông xáo và táo tợn. Khuôn mặt của anh ta hơi ngắn, rộng bề ngang, cái mũi khoằm và cái miệng rất rộng, giống tay buôn trâu lái bè, cũng từa tựa dân lục lâm thảo khấu. Mái tóc luôn luôn được húi cua, gần gần như thợ lặn mò ngọc trai. Chàng trai ấy cương quyết và có bản lĩnh cao cường, không bao giờ chịu lùi bước trước những cái gì mà mình ham muốn...

Đó là ông Don cách đây gần bốn mươi năm.

Khu rừng ổi và buổi chiều nắng hanh vàng năm ấy. Ổi không ai trồng, chỉ mọc hoang trên đồi đá nhưng bạt ngàn, xen lẫn với dứa dại, xen trong bãi dâu. Những cây ổi không còn lá xanh, chỉ lưa thưa vài lá nhỏ bằng đồng xu, màu đỏ tía. Don sống trong làng nhưng không như những thằng bạn cùng lứa, thường ngoan ngoãn theo bố mẹ ra đồng. Don vốn bướng bỉnh, rất căm ghét cuộc sống tù túng. Có dịp là hắn trốn bố mẹ ra rừng ổi. Hắn không cần biết mình trốn bố mẹ ra đấy làm gì, hắn rất mơ hồ, dường như không có mục đích gì hết. Nhưng ra đến rừng ổi, xung quanh vắng vẻ heo hút, phía trước nữa là biển cũng vắng teo, cũng mù mịt, là Don thấy như mình mới được thở, mới được sống thực sự. Don muốn bay lên, muốn nhảy từ cây này sang cây khác như những chú khỉ trong rừng.

Cũng có bữa Don nằm im trên một cây ổi già, không buồn động đậy chân tay. Hắn đang nghĩ...

Rồi bất chợt hắn nghe một tiếng sột soạt, lật mình nhìn xuống. Một chú bò đi ăn mảnh. Thỉnh thoảng nó tìm đến bụi dứa, ăn những ngọn cỏ tranh mọc chen trong đó.

Con bò trốn bầy đi ăn mảnh trong rừng ổi không hề là một sự lạ. Don không hề cảm thấy một cái gì không bình thường nhưng hắn đâu biết rằng chính con bò đã đưa Bến đến cho hắn, để sau này hắn phải làm một việc động trời để giành cho được Bến.

Lúc này Don đang nghĩ đến lũ bạn chăn bò trong làng. Sáng sáng chúng dong đàn bò thả vào bãi ổi, rồi cả lũ chạy ùa ra biển

tắm hoặc đào ngao đào sò cho đến trưa. Có hôm bọn bạn còn nhóm lửa nướng những con sò huyết ấy lên và cùng nhau ăn những con sò nửa sống nửa chín ấy một cách ngon lành. Đàn bò coi như không ai chăm nom dòm ngó, chúng không chịu tìm cỏ mà tràn xuống bãi dâu. Một vài lần không sao nhưng nhiều lần thì bãi dâu trơ trụi hẳn ra. Làng ra lệnh cấm, chỉ cho thả bò nửa năm trên rừng ổi và nửa năm dưới bãi ngâm. Bãi ngâm không biết là tên riêng hay tên chung, từ thời ông bà cụ kỵ đã gọi như thế.

Ngâm về mùa lụt là một con sông, mùa khô là bãi cỏ ống, muỗi dĩn như trấu. Cỏ ngâm cỏ nước, mọc cao đến ngang thắt lưng, lá óng ánh mỡ màng người trông cũng thèm.

Con bò đã đi cách Don một quãng và lúc này mới thấy chủ nhân con bò ấy đuổi theo. May đấy, Don đang tính, sẽ chờ một lúc nữa. Con bò sẽ được dắt lên chợ huyện bán cho lò mổ. Việc này từ xưa tới nay ở làng hắn chửa ai dám làm, nên có thể không ai nghi ngờ gì. Nhưng cô gái đã tìm ra nó rồi, thôi được.

Don vắt vẻo ngồi trên cây ổi nhưng mắt không rời cô gái. Cô ta mặc áo lụa đen, ngắn tay, mái tóc buông xõa sau lưng. Nét mặt cô ta không đẹp lắm nhưng trông rất có duyên, đôi lông mày dài, mắt sắc như dao cau. Chà, không biết cô ta ở cái xóm nào mà xinh thế? Don suýt nữa thì kêu lên thành tiếng.

Don nhìn trước ngó sau. Quả là ngoài hắn, cô gái và con bò ra, không còn ai khác. Phía trong phía ngoài vắng tanh, ai ra biển làm gì lúc này? Don nhẹ nhàng nhảy xuống đất, sẽ đè ngửa cô gái ấy ra. Nếu cô ta mà kêu thì hắn sẽ cởi áo nhét vào mồm. Mà kêu la cũng chẳng sợ, không có ma nào thì kêu mà làm gì. Làn da cô ta trắng nõn nà, cặp vú nhòn nhọn dưới làn áo mới tuyệt vời làm sao. Don cứ ngẩn ngơ, nửa muốn lao xuống đè nghiến cô ra, nửa sợ hãi.

Don liếm môi, bần thần. Cô gái cũng khỏe mạnh, sức vóc cô ta chỉ kém Don tí chút thôi, khi cô ta liều thì chưa chắc đã thắng được. Làm sao tước được cái gậy tre trên tay cô ta trước, khi ấy Don sẽ tính đến bước thứ hai. Cái quần lụa chỉ vung tay một cái là tan, không ngại.

Cô gái không hề biết có sự nguy hiểm. Cô rón rén đi đến sau con bò và bất thình lình, giơ roi quật đánh đét một cái. Con bò không hề biết mình bị trừng phạt, giật thót mình chúi mõm vào bụi gai.

– Chừa cái thói đi ăn mảnh đi nhá. – Cô gái quát.

Con bò ở vào thế không lùi ra được mà cái roi thì sẵn sàng bổ xuống. Nó lại được một roi nữa, đầu nó lại phải chúi sâu vào bụi gai. Lối ấy như trêu tức cái tính ương bướng của Don, hắn tụt xuống cây, nhẹ như một con cáo.

– Cô giở cái trò gì ra thế?

Don nói và giật ngay cái gậy tre trên tay cô gái. Cô gái biến sắc mặt, trợn trừng mắt nhìn cái thằng ngổ ngáo không biết từ chỗ nứt nào lòi ra. Cô ta hình như hiểu được tình thế của mình, mắt cô long lên và sẵn sàng chống trả. Don tiến đến và để thị uy, tát cô gái một cái. Hai má đỏ dậy lên nhưng cô ta không khóc. Cô chộp ngay được một hòn đá.

– Đồ chó, mày đánh tao đi. Tao động gì đến mày, hả đồ chó.

Don hơi chùng gân, vô ý cô ta có thể choảng cho một quả vào đầu thì mất mặt. Vả lại, ý định của hắn bây giờ không phải để đánh cô gái. Hắn ngu quá, làm hỏng cả ý định ban đầu. Đánh con gái thì thằng đàn ông ngu đần nào chẳng đánh được? Còn được nó yêu, nó cho sờ soạng mới là chuyện khó. Xung quanh không có ai, hoàn toàn vắng vẻ, một mình em và ta, một hậu, một trẫm thế mà để xôi hỏng bỏng không, hoặc, bây giờ không thì làm quen để mai kia...

– Ta tha cho cô em, mai kia gặp lại.

Don nói vớt vát rồi bỏ đi.

Cô gái qua cơn tức nghẹn bây giờ mới òa khóc.

– Thằng chó, mày đánh con gái mà không biết nhục à? Đồ cục súc ác ôn. Tao làm gì mày hả?

Có lẽ lúc này, qua cơn sợ hãi, cô mới thấy nỗi ấm ức ngấm vào tận tim. Không đâu lại bị cái thằng trời đánh nào đó cho một cái tát. Mà rõ ràng cô không trêu ghẹo gì nó, không động chạm gì đến ông bà ông vải nhà nó.

– Thằng chó ở đâu, tự nhiên lại đánh người ta. Cô vừa đi vừa chửi. – Đồ cục súc, ác ôn, xỏ lá ba que, khốn nạn, đểu giả, không biết nhục.

Bị chửi nhưng vẫn thấy thích. Don đi theo, mặt tỉnh bơ như không nghe thấy gì.

– Làm thằng con trai mà không biết nhục thì chui vào háng người ta mà chết đi. Đồ mặt...

Nghe đến câu này thì Don đã thấy ngượng mặt nhưng trêu vào con gái thì bao giờ cũng thiệt. Don đành phải đánh bài lờ, như không nghe, như ta không thèm chấp nữa. Cô gái càng chua ngoa dai dẳng hơn:

– Đồ chó, đồ không biết nhục. Chưa thấy cái thằng con trai nào mà vô liêm sỉ như mày. Đồ hèn...

Nói đến hèn là Don không chịu. Đồ điêu toa nanh nọc quá thể, cho nó vài cái tát nữa để cho nó chừa cái thói ngoa ngoắt điêu trác này đi. Don hùng hổ chạy đến trước mặt cô gái:

– Có muốn chửi nữa không? Chửi đi xem nào?

– Tao đánh bò tao việc gì đến mày? Bò của mày đấy à? Dơ... Đánh phụ nữ mà không biết nhục.

Don tiến thêm hai bước giơ nắm đấm ra:

– Tao nói cho mày biết – hắn nói rành rẽ từng tiếng – Đáng lý một câu chửi tôi sẽ cho cô một cái tát, đó là giá rẻ. Cộng thêm để sửa cho cô chừa cái thói đanh đá cá cầy mồm loa mép giải đi, tôi sẽ dùng đến quả đấm. Nhưng tôi không nỡ đánh vì cô đẹp. Tôi sẽ lấy cô làm vợ, dứt khoát như thế. Vì cô sẽ là vợ tôi nên tôi để cho cô về, chứ tôi vật ngửa cô ra ở đây thì dễ ợt. Và tôi bắt cô ngủ ở đây suốt đêm, cũng chẳng làm quái gì được nhau, đồng không mông quạnh thế này, cũng chẳng có ai cứu nổi cô... Thế đấy, bây giờ cô thích chửi hay thích về, tùy.

Don buông một tiếng như thế, hai tay chống nạnh rồi đứng nhìn. Cô gái tuy vẫn trừng trừng nhìn hắn nhưng mặt đã hơi tái đi. Chắc nhận ra mối nguy hiểm, cô bĩu môi, nguýt một cái rồi bỏ đi. Don nhìn theo tấm lưng óng ả thấy thinh thích. À cô nàng đã

biết đến ta, đã biết sợ ta. Ha ha ha... ta sẽ tìm đến nhà nàng, ta sẽ hỏi nàng làm vợ.

Quả thật Bến cũng thấy sợ. Ức thì vẫn ức nhưng không dám chửi nữa. Những thằng tướng cướp như thế chẳng bao giờ dọa hão. Đồ cục súc, thế mà còn mở mồm khen người ta đẹp. Lấy cái loại hắn về để hắn cho ba ngày năm trận à? Cơm muộn, cơm sống hắn lại chẳng thượng cẳng chân hạ cẳng tay, ba ngày mình thành con mẹ mướp.

Don chợt nhìn theo hướng cô gái vừa đi. Cô gái đã khuất sâu trong bãi dâu, không thấy bóng. Nghĩ thế nào Don cũng đi, lần theo từng bước chân cô gái. Hết rừng ổi, đến nửa bãi dâu thì thấy lưng con bò vàng nhấp nhô tít tận đằng xa.

Don nấp vào bụi cây cứt lợn to bên lề đường đợi cho cô gái đi cách một quãng thật xa. Con bò đã lội xuống suối, vục mõm xuống uống nước. Cô gái cũng lội xuống khe, hai bắp chân trắng và tròn như nặn bằng bột. Rất vô tư, cô không nhìn trước ngó sau, không nghĩ có kẻ nào nhìn trộm mình. Cô ngắm bóng mình trong làn nước, cặp lại tóc, nghiêng nghiêng cái đầu một cách duyên dáng. Nét mặt cô tươi tỉnh, ánh mắt long lanh vui như không có chuyện gì xảy ra. Con bò thủng thẳng lên bờ, còn cô chủ vẫn đứng yên dưới suối, hết ngắm trước lại ngắm sau, rất lâu nữa mới lên bờ.

Đợi cho cô gái đi cách một quãng thật xa Don mới lội qua suối bám theo. Cũng may con đường đi vào làng không phải là con đường chính mà là đường cho dân đi hái dâu nên ít người qua lại. Nó lại rất rậm rạm, hai bên đường tre, hóp, cứt lợn, ô rô, táo kê, lùng bì, mò ó... tươi tốt từng từng lớp lớp. Biết rằng cô gái không đề phòng, thậm chí cũng không để ý đến xung quanh, nên trong mắt Don không lúc nào mất bóng cô gái. Thậm chí. Don không bỏ sót một cử chỉ nào của cô, giống như thằng kẻ cắp theo dõi người có của. Được cái, Don không nản chí, càng đi vào gần làng, càng cảm thấy thích thú.

Đến rìa làng, dù sao, Don cũng phải nán lại. Mong sao đừng có ai bắt gặp, và nhất là cô gái đừng trông thấy hắn đi theo. Nhưng chính vào lúc sơ ý đó, không biết cô gái đã rẽ vào ngõ nào. Don đi đi lại lại trong các ngõ xóm hai ba lần vẫn không tìm ra tăm hơi

cô gái. Mất toi. Cái con bé này có lẽ nó tàng hình hay sao? Hay là nó vào nhà này?

– Này anh kia, anh tìm cái gì mà ngó ngó nghiêng nghiêng hết nhà này đến nhà khác thế hả?

Don giật mình quay lại, một người đàn ông chưa già lắm mà câu hỏi cũng như nét mặt tỏ ra chẳng thiện cảm gì với Don. Rõ ràng ông ta nghi anh gian, ánh mắt lại xét nét. Thì Don có ngó ngó nghiêng nghiêng thật nhưng nào đã làm gì ai đâu mà phải sợ.

– Cháu đi mua bò, Don nói, bác có bò bán không ạ?

Người đàn ông cười lớn:

– Mua bò hả? A ha, mới nứt mắt ra đã đòi đi làm lái bò.

Cậu không bịt mắt được tôi đâu, cậu định xoáy cái gì thì có. Này, liệu mà cút ngay đi, không tôi cho dân quân ra thì phiền đấy.

Don ra bờ biển trở về làng mình. Nghe chưa hết câu đe nẹt của lão quái kiệt ấy Don vội chuồn thẳng. Chả ai dại gì dây vào kẻ mạnh, khôn nhất là cao chạy xa bay. Biến.

Hoàng hôn đã buông xuống. Ngàn dâu vắng lặng không một bóng người, không một tiếng chim. Don có cảm giác vừa xốn xang lại vừa buồn buồn. Thỉnh thoảng hắn nhìn về cái xóm nhỏ nơi có cô gái. Không biết có bao giờ hắn gặp lại cô gái chanh chua ấy nữa không? Giá như Don biết được nhà hoặc biết được tên cô ta.

Không ngờ cuộc kỳ ngộ ấy như một định mệnh. Tâm trí Don lúc nào cũng nghĩ đến cô ta, lúc bực bội, lúc day dứt, cứ như đang ốm đang đau.

Đúng là định mệnh, tạo hóa đã cho hai số phận nhận diện nhau để sau này gắn bó và trôi nổi theo dòng đời gian hùng và quyết liệt của Don.

Don đã về đến làng. Thế là làng cô gái chỉ cách làng Don một bãi ngâm, một rừng ổi, một bãi dâu. Ngâm là một cái đầm lầy xám xịt và thâm u. Ban ngày trên bãi ngâm chỉ dăm ba con bò chịu ăn cỏ ngập mặn, một đàn bồ nông, dăm bóng người khoác áo tơi bắt cáy và cá bống trong các vũng nước nhỏ bằng cái nón. Chiều tối

muỗi dĩn bay lên như những đám khói. Ngút ngàn cỏ năn cỏ ống mọc trong váng nước vàng khè, mùa hanh khô cũng không cạn. Đặt bàn chân vào lớp cỏ và bùn ấy, bọt sủi lên và kêu xèo xèo. Từ đời nào người làng Don đến sinh cơ lập nghiệp ở vùng biển này, thế mà bãi ngâm vẫn như thời tiền sử. Không có ai khai phá và có lẽ cũng không biết khai phá nó để làm gì. Chỉ có mùa tháng bảy tháng tám, cua tôm trôi theo nước biển ăn phù du, trẻ con người lớn ít việc thì ra đó bắt tôm bắt cua. Và chỉ có vài tháng đó trong năm, bãi ngâm mới có bóng người.

Về đến nhà, Don thấy bố mình ngồi như một cái bóng đen bất động trong khung cửa. Bố Don là người đa mưu túc trí lắm mưu ma chước quỷ, có cuộc đời khác người mà Don cũng phải nể phục. Ông biết đến mấy chục nghề. Thợ mộc, thợ nề, buôn gỗ, buôn bè, đốt lò gạch, lò vôi, buôn cá con, làm thầy cúng, thầy tướng, lang băm... Chu du khắp thiên hạ, cuối cùng có tiền về quê mua chức lý trưởng. Dù là lý trưởng mua nhưng cũng hợm hĩnh ra trò. Cũng đi cô đầu, cũng thuốc phiện, cũng quát nạt, mặt mũi cũng vênh vang. Khi cách mạng lên thì lão mất sạch, lại quay sang hoạn lợn, buôn bò buôn trâu, đi bè, rồi làm thầy cúng. Khi Don đến tuổi thanh niên thì ông bố chỉ suốt ngày hút xách, chân tay như cái ống điếu, vai so mắt trắng, ngồi xét nét con cháu đến từng bước chân.

Don rất sợ bố, trong nhà, Don chỉ như cái bóng, bố ở nhà trên thì hắn chuồn xuống nhà dưới.

Nhà Don có một cây thị rất to, có lẽ đã gần một trăm tuổi, tỏa bóng rợp cả một góc vườn. Nhờ bóng cây thì mà khi Don về ông bố không nhìn thấy. Mẹ Don đang đun một cái nồi gì to tổ bố trong bếp. Củi mò ó lửa cháy rất đượm và thơm, không có khói. Mùi ngô luộc bay ra thơm phức. Cứ tháng này làng hết gạo, nhà nào buổi tối cũng ăn ngô luộc hoặc khoai lang.

Don rón rén thả cái gầu xuống giếng múc nước rửa ráy. Cái giếng tròn xây bằng gạch, rất sâu, quanh năm không cạn và nước rất trong. Don thấy bóng mẹ trong bếp, lúc nào cũng luôn chân, luôn tay.

– Mày dẫn xác đi đâu đến bây giờ tối mò mới đâm đầu về. Giọng bà mẹ chao chác, không mấy khi dịu ngọt được với con cái. –

Bò lợn không có cỏ, không có rau, mày định lấy xương tao ra cho nó ăn à?

– Tôi bận.

Don đáp cho qua chuyện rồi lủi nhanh đi chỗ khác.

– Thằng Don về đấy hở mụ già? Bảo nó lên đây. Don đâu?

Ông bố đã đốt cái đèn dầu lạc lên, ngọn đèn cạn dầu đỏ lòm. Chắc ông bố đã tức Don từ chiều. Don đi lên, đứng tựa vào cái cột, mắt lấm lét nhìn bố.

– Anh ngắm được đất chưa? – Ông bố hỏi.

– Tôi đi một ngày tìm thế đất, tìm long mạch nhưng chưa được chỗ nào ưng ý. Không có đất phát, không ở được.

– Anh định làm tướng hay làm vương? – Ông bố giằn giọng mỉa mai. – Hừ, cái thằng kiết xác như mày mà cũng đòi thế đất, long mạch. Tao là thầy địa lý cao tay nhất hàng tổng còn chưa tìm được nữa là mày. Ngớ ngẩn. Liệu hồn đấy, ưng chỗ nào thì bảo, nếu không tao cắm cho một mảnh cạnh bãi ngâm, dựng một cái lều như lều vịt cho mà ở. Không cần làm Việt Minh, cũng không cần làm quan huyện quan tỉnh, mày chỉ nuôi vịt, nuôi trâu bò ba năm nữa thì mày cũng thành ông vua.

– Giàu ối ra đấy. – Don lúng búng đáp. – Giàu thì thiên hạ đã chẳng để đến phần ông.

– Câm mồm đi, – ông bố gắt. – Tao đã dạy cho cả thiên hạ làm ăn chứ không phải một mình mày. Dựng nhà xong, tao cưới cho mày con vợ, hai đứa ra đấy mà làm giàu. Tao dứt khoát như thế, mai mày ra đấy tìm chỗ đắp nền.

– Nhưng ra đó tôi không sống được. Một mình giữa đồng không mông quạnh, sống với muỗi dĩn à?

Ông bố đập bàn quát:

– Muốn làm giàu thì phải chịu khổ, muốn bắt hét thì phải đào giun, nghe chưa? Ra đấy chưa bằng tao lên mạn ngược ăn nhái đâu, chưa bằng tao phải bê nước rửa chân, rửa đít buổi tối cho con mụ vợ thằng chủ lò gạch đâu.

– Chỉ để làm giàu thì tôi không cần ra đó mới làm giàu được. Bây giờ hòa bình rồi, ở đâu người ta cũng xây dựng nhà máy công trường, không thiếu gì việc.

Mắt gườm gườm, ông bố càng nhìn thằng con càng thấy điên tiết.

– Cái loại mày thì làm được gì? Người ta cần đến cái loại như mày để làm ông chủ hả?

– Không biết. Nhưng tôi sẽ đi thoát ly. Đi đâu cũng được, bố cứ mặc tôi.

– Mày định bỏ bố mẹ già của mày ở nhà để đi cho sướng cái thân mày chứ gì. Đồ mất dạy.

Ông bố giận quá ho sặc sụa, ném cái chén ra giữa sân vỡ tan. Bà mẹ hốt hoảng chạy lên, ngửa mặt kêu trời mà không biết nói với chồng và nói với con thế nào. Nhẫn nhục từ bé, lo toan từ ngày về nhà chồng, bà không bao giờ dám can chồng một lời.

Don nhanh chân lủi xuống bếp. Ông bố ngồi lặng đi có vẻ mệt. Nếu ông có vài đứa thì ông đã tống khứ sớm, nhưng khốn nổi, nghiện ngập, chơi bời quá đáng nên chỉ són ra có một mình hắn.

Ăn cơm xong biết thế nào ông bố cũng tiếp tục quát nạt nên Don trốn ra điếm canh ngủ. Điếm canh trống hoắc, chỉ còn một bên tường lở lói bọn trẻ vẽ bằng gạch non, bằng than lên đó đủ thứ hình thù tục tĩu. Chỗ này là nơi tụ tập của tụi trẻ con trong làng vào những đêm có trăng sáng. Năm ngoái chị Riu ra đây thắt cổ chết, từ đó chẳng đứa nào dám bén mảng đến chơi nữa.

Rét và muỗi, Don nằm một mình co ro không sao ngủ được. Co chán thì lại duỗi, hết trở bên này sang trở bên khác, trong lòng ấm ức cồn cào. Sẽ phải đi, sẽ phải rời bỏ cái làng này. Sẽ phải rời bỏ ông bố nghiệt ngã và nghiện ngập mà đi, dù ông ta có chửi cũng mặc. Chửi rủa lắm thì mệt, mệt thì phải thôi. Hoặc ông có chửi từ ngày này sang ngày khác nữa thì cũng chẳng còn ai để mà nghe.

Quyết ra đi để làm giàu, còn sống thì phải giàu có. Ra đi để trở thành ông chủ với những bao tải bạc, với những thằng đầy tớ trung thành, với những con vợ hai vợ ba nõn nà phốp pháp, mỗi đứa một dinh cơ. Có tiền nói sao cũng có người nghe, làm gì cũng được. Các em sẽ xoắn xuýt, mong ta để mắt đến một lần. Cuộc đời

như thế thật là thần tiên. Các em bán hàng nước trên các bến xe, các em bán hàng xén ở các chợ tỉnh, rồi các em mặc áo dài thắt lưng bao xanh, mắt ngọt như dao cau, tình tứ đến nao lòng trên các chuyến xe khách hoặc trên các chuyến tàu hỏa. Hoặc trên các chuyến đò dọc đi thâu đêm, ngủ vờ ngủ vịt, nửa thức nửa tỉnh. Tha hồ, tha hồ...

Nhưng đi đâu?

Khốn nạn cái thân Don. Khốn nạn cái làng quê hẻo lánh và lam lũ của Don. Tại sao Don không sinh ra ở một gia đình buôn bán hay có một ông bố làm cán bộ hay đi dạy học? Tại sao cái làng của Don lại không phải là một thị trấn hay một phố huyện, hoặc là cửa chợ hay một bến sông? Trong một gia đình buôn bán thì Don tương lai đã không mù mịt, không biết Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định ở ngoài Bắc hay trong Nam. Có một ông bố làm quan thì nhất định Don cũng sẽ được đi đây đi đó và nhất định sẽ có vài thằng bạn ở Thanh Hóa hoặc ở Bắc Ninh. Và những lúc bố đuổi như thế này Don sẽ có vài thằng bạn xòe bàn tay nghĩa cả ra cho anh một chỗ dung thân.

Đến nước này thì đi đâu không còn là vấn đề đáng băn khoăn của Don nữa. Đâu cũng xong, chỗ nào cũng được. Chỉ có một mục đích là thoát ly, thoát ly để không bị phụ thuộc và để làm ông chủ cho bố biết mặt. Và để ông sáng mắt ra là không cần phải hành cái thân xác vào cái nơi khổ ải, đầy những muỗi dĩn kia mới có thể nên giàu nên có.

Nhưng còn cô nàng? Lời thách thức không thể buông xuôi để cho con nanh nọc kia khỏi bảo mình là hèn lần nữa. Giá như không có một cái tát và cô ta không chửi Don những câu thậm tệ như thế thì có lẽ cái ấn tượng về cô nàng cũng không sâu đậm và không làm cho Don bàng hoàng day dứt, mất ăn mất ngủ như bây giờ. "Bố khỉ, cái tình là cái tình chi..." Don lẩm bẩm và nổi khùng. Đúng là con bé ấy có duyên thật. Chỉ có hơi đáo để và đanh đá. Nó đã chửi mình thì mình phải làm chồng nó. Nó đáo để thì bắt nó phải làm vợ mình. Có thế mới xứng là anh hùng trong thiên hạ. Mới đáng mặt đàn ông, mới là kẻ đại trượng phu.

Nhưng liệu cô nàng có chịu Don không? Yêu thì nhất định là không rồi. Thậm chí còn căm thù không chừng. Một cái tát, vài câu dọa, nét mặt cô ta đã tái mét. Dĩ nhiên là quá sợ, tự nhiên có một thằng đàn ông hiện ra trước mắt như ma và ngổ ngáo như quỷ. Không thì cũng là kẻ cướp hoặc lục lâm. Cô ta thoát và hú hồn hú vía là đã thoát khỏi miệng con sói. Một phen hú vía cho cô nàng. Từ nay có lẽ cô ta không bao giờ dám bén mảng ra rừng ổi nữa.

Làm sao để gặp cô ta một lần nữa. Có gặp mới có thể lôi kéo tán tỉnh hoặc bí quá thì đe dọa. Don chưa phải là thằng kẻ cướp nhưng là thằng kẻ cướp cũng chẳng sao. Đừng đùa với một thằng lục lâm hoặc kẻ cướp, cô nàng xinh đẹp ạ.

Nhưng tên con nõm ấy là gì? Trời ơi tên nó là gì...

Để không ai nhìn thấy, sáng hôm sau, Don mò về nhà rất sớm. Mẹ hắn chưa già nhưng suốt cuộc đời bà sống như con nô lệ, sự lam lũ đồng áng cộng với ông chồng hay chửi khi không có rượu, không có thuốc, cả hai thứ làm cho bà khô héo như một cái cây không nhựa. Bà không nghĩ đến sự âu yếm với ông chồng đã đành nhưng với con cái bà cũng chửi rủa, mắng mỏ, cáu gắt suốt ngày...

– Lúc nào cũng rượu rượu. Nốc cho lắm vào. Uống đi, thiếu thì bán cả cái nhà này đi mà uống.

Choang...

Vừa về đến hè nhà, Don đã nghe bà mẹ cấm cẳn như thế. Không có ai cả, chỉ với ông bố. Ông già lại đòi rượu và đang say. Trả lời những câu cằn nhằn của vợ là "choang" một cái chén hay một cái bát đã lại tan ngoài sân.

– Người ta thì lo đi làm đi ăn, còn ông thì lo uống. Mở mắt ra là đòi uống. Uống kẻo chết đi không uống được hay sao?

Ông bố chậm chạp rót rượu ra chén, nâng chén rượu lên một cách trịnh trọng rồi ực một hơi hết. Khà một tiếng cực kỳ khoái trá rồi ông mới nhìn về phía vợ:

– Con già kia, mày chửi ai thế hả? Mày dám nói lại ông hở? Mày dám coi thường ông hở? Trời ơi, hỏi thế này thì còn có trời đất gì nữa không. Một con già vất ra ngoài bụi tre chó nó cũng không

thèm đ. thế mà dám coi thường ông chứ ly. Choang... một cái chén nữa bay ra sân. Mày có thách ông không, ông đập tan tành hết cho mà đi ăn mày ăn xin. Ông đốt cả nhà rồi ông sẽ chôn sống mày. Hừ, dám coi thường ông. Ông đã từng là bạn với tổng đốc quan huyện, từng đi biểu tình cướp chính quyền cách mạng, thằng Nhật tao cũng khinh, thằng Pháp tao cũng khinh...

Không còn để ý đến những câu xỉ vả của ông chồng nữa, bà dỡ sọt dây khoai ra sân, vặt lá thành bó thái cho lợn. Bà làm vội vàng, hết thái ra đến trộn cám, bê chậu nước vo, dáng điệu vất vả tất bật đã thành quen. Mãi đến khi quảy đôi quang lên vai, bà mới nói với ông chồng tội nợ:

– Nói be bé cái lỗ mồm thôi, không người ta nghe thấy lại phải quỳ mọp xuống lạy sống lạy chết mà xin tha đấy.

Bây giờ thì Don không thấy bố nói gì nữa. Người ngoài tưởng ông già sợ, không dám mở miệng nữa nhưng kỳ thực, sau một hồi độc thoại huênh hoang như thế, ông vừa thỏa mãn vừa mệt, ông đã ngủ lại. Lúc này sét có đánh ngang tai ông cũng không hề biết, ông ngủ cho đến non trưa. Dậy, ông sẽ xét nét vợ con. Không chửi mắng nữa, ông chuyển sang giọng mỉa mai đay nghiến, hệt như một mẹ chồng lắm điều.

Don nhìn theo cái nón mê và cái dáng đi tất tưởi của mẹ. Hai sào lúa ở đồng Cây Gạo làm cỏ chưa xong. Hôm kia Don mới làm được một nửa thì trời đổ mưa phải bỏ về. Hôm qua thì ông bố dở chứng bắt Don đi ra bãi ngâm tìm đất để làm giàu. Ra bãi ngâm mà ở thì chỉ có chết đói chứ không thể làm giàu được, Don không thèm tìm kiếm gì hết, bỏ đi chơi. Định đi là đi. Đi cho thoát khỏi ông già lẩm cẩm, say nhiều hơn tỉnh, đang định nhấn thằng con xuống đầm đất mặn ấy. Ra đó thì Don suốt đời chỉ là thằng khố rách áo ôm, sẽ là thằng làm thuê cuốc mướn suốt đời, không một đồng chinh dính túi.

Không như thế thì thằng Don này là con chó. Đời không thể nhắm mắt buông xuôi được. Càng không thể nghe và tin một cách ngu ngốc vào bất kỳ một thằng khỉ gió nào hết. Tao nhìn trong làng này tao biết, đừng phỉnh phờ nhau. Lừa dối ai chứ không thể lừa dối được thằng Don này. Bàn tay nào chẳng quắp vào, bụng thằng

nào chẳng đói, thằng nào chẳng có vợ có con, có ông bà cha mẹ? Nhiều tiền lắm của, ai không thích xin tùy ý, còn Don này phải như thế. Kiếm tiền, kiếm tiền, kiếm tiền... kiếm cho thật nhiều tiền. Cách nào cũng được, bưng bô, rửa đít, rửa buồi, rửa dái cho bất cứ thằng nào, con nào miễn là hắn trả tiền và bảo cho mình cách kiếm tiền.

Có tiền mới có thể bắt con bé đáo để kia hầu hạ mình được. Cái con nỡm ấy chẳng vừa đâu. Coi người như rác, dù bị một cái tát nhưng mặt cứ vênh lên. Tiếc là ông trời cho con bé ấy xinh xắn, nếu không thì hôm ấy phải lĩnh ít nhất ba cái tát.

Mặt Don nóng phừng phừng. Hết đường rồi. Không thể như con gà, con chó suốt đời quanh quẩn nơi xó bếp, người ta vất cho miếng gì thì biết miếng ấy. Là thằng đàn ông thì không thể như thế được. Bằng lòng là chết, ù lỳ là chết, chết đầu nước. Khôn thì cưỡi lên đầu thiên hạ mà sống, Don chưa phải là khôn, là giỏi nhưng nhất định không để cho đứa nào ỉa lên đầu Don.

Về sau, khi đã già, lúc nào nhớ lại cái đận mình bỏ nhà ra đi làm ăn, ông Don vẫn rất khoái là ngày ấy mới hai mươi tuổi mà không hiểu sao mình có thể nghĩ được những điều chí lý đến thế. Quả là tuyệt minh. Sau này dường như ông đã sống và làm như những điều ông nghĩ tới từ thời trai trẻ. Không hiểu sao ông lại nghĩ ra được những điều khôn ngoan như vậy. Khôn ngoan trong cách kiếm tiền, khôn ngoan cả trong sự tàn bạo. Ngày ấy ông đã nói to những điều đó lên, nói một mình giữa trời quang đất vắng mà không phải để trêu tức ai, không phải để thách đố với ai cả. Nói với chính mình, tức là một lời nguyền, một lời thề độc.

Mấy chục năm ông Don đã làm đúng như lời thề đó, có Trời chứng cho ông.

3.

Một bao gạo, hai bộ quần áo, Don lên đường.

Hôm ấy là ngày cực kỳ có ý nghĩa đối với đời Don. Kể từ lúc này, có thể tối không có chỗ ngủ, ngày không có cơm ăn, có thể là kẻ hành khất, có thể là thằng ở nhưng đời Don sẽ bước sang một trang sử mới. Hắn sẽ được tự do, hắn sẽ đi đây đi đó và nhất

là thực hiện mong ước giàu sang của mình mà không bị ai ngăn cản.

Từ làng Don đi lên đường cái quan phải qua một làng bán sơn địa. Làng này nghèo đói nhất trong huyện, dân sống bám vào lưng đồi, trồng chè trồng mía và cả làm sơn tràng, chặt củi đốt than bán cho dân phố huyện sưởi mùa rét.

Qua làng ấy thì có xe ngựa đi lên phố huyện.

Không có bóng dáng một chiếc xe ngựa nào, mà khách cũng không có. Còn lâu mới có chuyến xe sau. Don quyết định quay trở lại. Thấy một gia đình có vẻ lương thiện, hắn gửi gạo và quần áo lại đó. Thôi được, còn thì lấy, mất thì thôi. Còn thì Trời cho mình làm quan, mất thì Trời cho mình làm giàu. Đã liều năm bảy cũng liều. Có chí làm quan có gan làm giàu. Thử vận đời xem nó ra làm sao.

Bây giờ thì trên người Don nhẹ tênh, hắn bước hăm hở vừa đi vừa huýt sáo. Làng Don ở phía dưới kia, nơi có lũy tre cong ngọn, cong như dáng người lam lũ. Xin chào, xin chào mảnh đất nhọc nhằn và tăm tối. Ta có trở về làng thì ta chỉ còn là một cái xác, ta xin thề.

... Đến đúng cái ngõ hôm qua, Don hơi hoảng. Không chừng lại đụng phải cái ông già ấy. Don vào liều một nhà có vẻ giàu có. Ba cái nhà ngói xây thành hình chữ công, mảnh sân lát gạch ở giữa. Cạnh đấy là cái giếng, rêu mọc xanh rì.

– Có ai ở nhà không? Don lên tiếng.

"Xem chừng nhà đi vắng cả" Don vừa nghĩ như thế thì có người đàn bà từ trong bếp đi ra hỏi:

– Anh hỏi gì đấy?

Don chợt nhìn thấy hàng dâu phía sau vội trả lời:

– Nhà bác có bán dâu không ạ?

– Dâu vườn hay dâu bãi?

– Dâu vườn. Bác có bán không? Bao nhiêu?

– Cậu đi xem đi đã rồi vào đây tôi nói giá cho.

Người đàn bà mỉm cười và ánh mắt có vẻ tinh quái. Don nói:

– Dạ, tôi xem rồi tôi mới hỏi, bác cứ nói giá đi.

– Hai đồng đấy. Có người trả đồng bảy tôi không bán.

– Như vậy là đắt rồi. Tôi cũng chỉ mua với giá ấy thôi. Bác không bán cho người khác thì bán cho tôi.

– Được, tôi bán cho cậu nhưng phải hái ngay cơ.

– Hái ngay thì không được, bác cho ngày mai. Tôi không dám để lâu đâu ạ.

– Cũng được, mai phải hái đi đấy. Cậu vào uống nước...

Don làm ra vẻ vội vã:

– Dạ, cảm ơn, tôi không khát. Chào bác, tôi phải đi mua mấy nhà nữa.

Đi ra và thất vọng, Don tự xỉ vả mình là tại sao lại hỏi mua dâu làm gì. Dò tìm từng nhà thế này thì không biết bao giờ mới ra. Vả lại, nếu vào đúng nhà mà cô ta đi vắng thì cũng như không. Cô ta mất hút ở quãng này. Một, hai, ba, bốn... bốn nhà. Còn ba. Don vào nhà thứ hai. Gặp ngay một bà già tưới cây ngay cạnh cổng, Don hỏi:

– Bà có bán dâu không ạ?

– Không bán, nhà nuôi tằm.

Bà già trả lời qua quýt rồi chú mục vào vườn cây. Không ngờ, biết thế này thì Don phải hỏi mua một cái gì đó trong nhà.

Cứ vào nhà thứ ba.

Vào nhà này Don thấy hơi ngài ngại. Nhà khá giả lắm. Từ ngoài ngỏ đã thấy tủ kính loáng loáng, tràng kỷ sập gụ đỏ bóng. Tường giăng bao quanh sân, vườn tược cây cối rậm rạp. Hai người đàn ông đang ngồi nói chuyện ở phòng khách, ánh mắt nhìn Don không mấy thiện cảm. Don hoảng quá vội nói ngay:

– Nhà có tơ sợi bán không ạ?

– Có nhưng bà nhà tôi đi vắng, chốc nữa cậu quay lại.

– Nhà có lợn giống bán không ạ?

– Lại lợn giống nữa? Lợn giống thì không có.

Don đi ra khỏi ngỏ, thở phào. Ông già cũng tử tế ra phết. Chốc nữa quay lại xem sao. Hay đúng là nhà con nỡm ấy không biết chừng. Đi đâu cho hết thời gian để chốc nữa quay lại giả vờ mua gì đó. Phải gần trưa, may ra lúc ấy cô ta đi làm về. Don đã lúng túng, không nhẽ đứng trân trân giữa đường làng thế này?

Có một nhà ở khuất phía sau, hay là vào nhà này, có thể ba hoa thiên địa gì đó một lúc.

Đây là một gia đình hơi nghèo, nhà có tường xây và lợp tranh, loại cỏ tranh vàng ươm, rất dày. Nhà trông không đến nỗi nhưng so với làng này thế là nghèo. Ngoài hàng hiên treo những tấm rèm nứa đan theo lối cổ có chữ thọ ở giữa và xung quanh là những hoa văn năm cánh. Một giàn trầu không trước ngõ, một giàn mướp hoa vàng trên giếng. Dâu không có, đúng ra chỉ vài cây lơ thơ làm hàng rào phía sau. Hỏi mua dâu thì thật vô lý nhưng mặc kệ, tùy cơ ứng biến. Mà không hỏi mua dâu thì hỏi mua lợn, mua gà, mua chó. Thậm chí ngược lại, ông bà có mua chó không, mua dê không, mua khỉ không. Hoặc nữa ông bà có thuê người cày, cấy, gặt hái gì không? Có cần người bổ củi, đào giếng, chăn bò, chăn trâu gì không?...

Vào giữa sân, đang thầm đánh giá chủ nhà là loại người như thế nào thì Don chợt bủn rủn chân tay, đứng cứng đơ như hồn vía đã thăng thiên. Ôi, chính là nàng. Là nàng trăm phần trăm. Ống quần xắn cao lên quá đầu gối, chân đi đất, tóc vấn trần thế mà nàng vẫn ngời ngời, không lầm lẫn được. Em đang làm cỏ hay hái rau sau vườn? Lạy Trời, Trời thương ta biết mấy.

Cô ta bị bất ngờ, chững lại một tích tắc, rồi nhìn Don như nhìn một con hổ lạc rừng. Cô ta nguýt một cái rồi ngó vào cửa gọi:

– Bố ơi, có ai hỏi gì bố đấy?

– Ai đấy con? Tiếng ông bố hỏi.

– Con cũng không biết.

Don thở phào một tiếng, bụng đã thấy chắc ăn, cô ta mặt đỏ ửng lên rồi quay ra vườn. Hú vía, Don cứ sợ, nghĩ là cô ta sẽ đuổi như đuổi tà hoặc là chao chát chửi như quạ. Nhưng may là cô ta

đã biết im lặng, như không có chuyện gì xảy ra. Cô nàng sao khôn thế, đáng để cho ta bỏ công lặn lội tìm kiếm.

Từ sau cái rèm che nắng, người đàn ông đi ra. Mũ trên đầu, quần áo tươm tất, ông ta định đi đâu đó.

– Hỏi gì đấy cậu? Ánh mắt ông ta lướt trên người Don.

– Dạ, bác có lợn con bán không ạ?

Ông ta vừa khép cửa lại vừa trả lời:

– Nhà tôi không có. Hỏi nhà bác Thơm, bác ấy có lợn đẻ đấy.

– Chào bác ạ.

Không còn lý do gì để chần chừ nữa, Don đành chào cho nhanh. Ra khỏi cổng, Don giả vờ đi đái, đứng nấp vào bụi cây kiền kiền chờ cho ông bố ra khỏi. Ông ta đang vội đi đâu đó và nhất định còn lâu mới trở về. Trong thời gian đó đủ để cho Don vào dọa con bé vài câu.

Khi thấy người đàn ông đi đã xa, Don nhìn trước nhìn sau như thằng ăn cắp rồi xông ra vườn. Bây giờ thì nhất định cô ta không chỉ có lườm với nguýt thôi đâu.

Don toe toét cười:

– Chào em.

Cô gái giật thột, mặt đỏ tía.

– Thầy tôi đã nói với anh rồi anh không nghe à? Cô gái nói.

– Không, đó là chuyện vớ vẩn, Don nói. Cô không biết tôi đã phải vất vả lắm mới tìm ra nhà cô à?

– Tôi không mắc nợ gì anh cả. Hay anh tìm tôi để đánh tôi, hay anh nghe chửi chưa đủ.

– Tôi quên chuyện đó rồi. Tôi đến để cho cô biết rằng tôi không quên cô. Hôm qua, tôi đã nói với cô và tôi sẽ thực hiện.

– Anh thực hiện cái gì? Hôm nay, tôi thách anh động đến cái lông chân tôi đấy. Nào, lại đây...

Cô gái vừa cong cớn, vừa giơ cái cuốc lên. Don vẫn đứng yên cười:

– Cô đanh đá vừa vừa thôi. Tôi mà đánh cô thì không khó khăn gì lắm đâu. Chưa chi đã giơ cuốc lên, ai người ta đã làm gì

kia chứ? Tôi đến để nói với cô là tôi sẽ hỏi cô làm vợ. Cô đừng có lấy thằng nào đấy, không thì không xong với tôi đâu. Cô phải là vợ tôi, nếu léng phéng với thằng nào thì biết tay tôi.

Đi tán gái mà như cãi nhau, lại thêm nét mặt dữ dằn nữa, thế mà cô gái vẫn không sợ. Mắt cô gái long lên:

– Đồ điếu, đồ sàm sỡ. Mày đừng giở thói du côn ra đây với tao. Tao không hề muốn dây dưa gì với mày hết. Cút đi.

– Tôi không điếu và cũng không sàm sỡ gì với cô. Tôi nói rất nghiêm chỉnh đấy, cô đừng hòng đùa với tôi. Cô nhất định phải là vợ của thằng Don này. Hôm sau tôi sẽ đến.

Như một lời tuyên bố hùng hồn và không cần biết cô gái chịu hay không chịu, nói xong Don ra về thẳng. Gặp một thằng bé đi qua, Don kéo vai nó lại hỏi:

– Mày có biết cô gái đang cuốc cỏ rau trong vườn nhà này tên là gì không?

– Cô ấy tên là Bến. Thằng bé sợ sệt trả lời.

– Cô ấy có chồng chưa?

– Gần có, lấy anh Thạo, ăn hỏi rồi nhưng chưa cưới.

Ra thế. Don buông cho thằng bé đi. Ai chứ thằng Thạo thì Don biết, hắn cũng đã từng xuống làng Thúng của Don tán gái. Don cũng đã chạm trán với hắn nhiều lần ngày đi đắp đê sông Mít.

4.

Thị trấn Cầu Goăng.

Đã có một thời thị trấn này là huyện lỵ và hết sức sầm uất. Chợ huyện họp một tháng sáu phiên, bán từ cái kim sợi chỉ cho đến trâu bò voi ngựa hổ báo trên rừng. Những người bán chè tươi, chuối, mít, măng khô, mộc nhĩ, mật ong, mật gấu, xương khỉ, sừng hươu, trầm hương... từ trên rừng sâu, trên các mỏm núi mù sương đi chợ Cầu Goăng từ hai ba ngày trước. Người miền núi bán trăn sống, mật gấu hay trầm hương mặc quần áo màu chàm, bó chẽn, đội khăn thổ cẩm, mang những cái túi cũng bằng thổ cẩm đi ngựa xuống chợ, đi từng nhóm hoặc từng cặp vợ chồng. Một số nghèo hơn,

không có ngựa, họ đi bộ hoặc đi từng đoạn xe ngựa, trả cho chủ xe bằng măng khô.

Trước phiên chợ một ngày, đã thấy trong các quán trọ bình dân tấp nập những khách áo chàm và ngựa thồ buộc trong sân. Quán trọ thời ấy không có giường, khách ngủ chung trên một cái sạp dài bằng nứa, không mùng màn, đàn ông đàn bà nằm chung, không phân biệt.

Các bà, các cô hàng vải, hàng xén bán xà phòng, chỉ thêu, nước hoa, cặp tóc, bút máy... đến chợ bằng ô tô khách, trông sang trọng như các bà chủ, lại sạch sẽ, ai cũng rẽ đường ngôi lệch, chít khăn nhung lệch, nước da nõn nà. Các cô hàng chuyến từ sông Hiếu, chợ Bến, từ Ngã Ba Gôi theo đường Goòng đi chợ phiên, đã xinh xắn lại ăn nói ngọt như mía lùi. Các chàng trai cày từ các trại hay các làng ven sông, các ông giáo làng, như phải bùa, phiên chợ nào cũng đi, dù chỉ mua một cái kim băng, hay nửa miếng xà phòng nhưng cũng cứ lượn cho hết ba dãy hàng xén, hàng vải để nghe các cô, các bà mời chào hay nhìn trộm đuôi mắt người bán.

Chợ huyện đông từ mờ sáng cho đến sẩm tối. Hàng lâm thổ sản, cả hàng vải hàng xén, chủ hàng đều người các tỉnh xa đến bán, dù sao sáng mai mới có xe chạy, nên rốn bán hàng cho đến lúc đỏ đèn.

Chợ trâu tan vào lúc xế bóng.

Lái trâu, lái bò mua bán nhộn nhịp nhất vào lúc non trưa. Buổi sáng còn mồi chài, còn đưa đẩy, còn ghìm giữ nhau. Nhưng đến trưa thì phải xong, vì các lái phần nhiều có tiền, phải về từ chiều mới tránh được trộm cướp dọc đường. Ngã giá, mua xong, bán xong là lúc hàng cơm nhộn nhịp và lắm lời bởi các ông lái trâu, không có ông nào là ông ít rượu. Mặt thì đỏ gay, cái đầu ngất ngưởng, giọng nói cao ngạo, chân tay vung vít. Những chén rượu nâng lên lại dằn xuống. Hùng hổ, to tiếng, ồn ào nhưng chỉ một lúc thì người say thật hay say giả, cũng phải ra về.

Nhưng chợ huyện Cầu Goăng đâu phải hết người say. Thời ấy, người say chợ huyện nhiều dạng lắm, mà phần nhiều là những người rách rưới mới lạ. Vài ông mãnh, ông mãnh thì làng nào chả có, không vợ không con, suốt năm suốt tháng đi bổ củi thuê, bốc mả

thuê, đòi nợ thuê, đâm chém thuê, đưa ma thuê, có ít tiền chỉ chờ đến phiên để đi chợ huyện. Lên chợ là sà ngay vào hàng rượu. Thêm mươi ông già thất thời thất thế, từng là ông này ông nọ nhưng bị thải hồi, giận đời phẫn chí lấy rượu giải sầu. Không có tiền các vị nhè lúc vợ con đi làm vắng, xúc trộm vài cân gạo, vài đấu thóc bán cho hàng xóm để có tiền đi uống rượu.

Làng nào cũng có quán rượu, nhưng uống rượu ở các quán trong làng mất hứng. Phải lên chợ huyện Cầu Goãng. Uống rượu giữa thiên hạ sang hơn, oách hơn. Lại muốn ngồi đến bao giờ thì ngồi, nói thế nào thì nói, thiên hạ nghe phải nể. Khi chợ đã vãn vãn, nắng cũng đã nhàn nhạt, cô bán rượu không còn mặn mà gì mấy nữa thì những khuôn mặt hả hê, nửa như thức, nửa như ngủ, bắt đầu gục gặc ra khỏi chợ. Say chưa say, có rượu còn uống được nữa nhưng về thì về. Về cũng được, không về thì đã sao?

Dọc đường từ chợ huyện về các làng, vào phiên chợ, không thiếu gì người say rượu. Không muốn đi thì họ nằm ngủ. Chốc chốc lại gặp một người ngủ ngay bên vệ đường, ngủ rất say. Thức dậy lúc nào thì đi lúc ấy, đêm nay không về đến nhà thì ngày mai. Mà lạ thật, không có ai ngộ gió, ngộ độc gì hết, vẫn về đến nhà, trong đêm ấy hay sáng hôm sau mà thôi.

Don lên thị trấn Cầu Goãng đúng vào phiên chợ. Lớn lên Don được đi chợ huyện vài lần, cả mấy lần đều bị mẹ kèm. Mà đều đi bán cá. Con trai ngồi với mẹ bán cá nướng, ngượng chín mặt suốt cả buổi. Chỉ một lần Don trốn nhà theo bạn lên chợ chơi để thỏa nỗi thèm khát ngắm người, ngắm cảnh lạ mà mấy ông bợm rượu gieo vào lòng hắn.

Lần này thì chỉ có một mình hắn, hắn sẽ ngắm trộm con gái phố huyện cho thỏa chí tang bồng. Một bên bọc quần áo, một bên bao gạo, giang sơn trên hai vai. Chỗ nào cũng muốn ngó, chỗ nào cũng muốn xem, bao nhiêu thứ lạ. Và cũng bao nhiêu thứ làm Don cứ buồn cười. Một ông già nếm rượu cho đến lúc say mèm mà không mất tiền. Một đám hát rong có con bé xinh đáo để. Nó vừa nhào lộn vừa hát, khách xúm đen xúm đỏ, vòng trong trẻ con vòng ngoài

người lớn, hai ba bốn năm tầng, xem hàng tiếng đồng hồ mà không thấy ai bỏ tiền ra mua một lọ dầu cao.

Lại đến một đám đánh nhau vì ghen. Ghen trong nhà, ghen trong làng đã hay. Ghen giữa chợ hay gấp vạn lần. Tự nhiên, như có hẹn nhau, hai người đàn bà xông vào nhau mà cào cấu, cắn xé. Cuộc chiến không có giáo đầu gì hết. Không đe dọa, không chửi rủa, không thách thức, không tuyên chiến, hai người đàn bà như hai mũi tên từ hai phía lao thẳng vào nhau. Những gì uất ức, hờn giận chứa chất bấy lâu nay trong lòng họ liền biến thành hành động cụ thể. Cấu cào, cắn xé, đấm đá, một đổi một, hai đổi hai, tám lạng nửa cân, không ai kém cạnh gì ai. Hai cơ thể rừng rực uất hờn mà cuộn tròn vào nhau, bện chặt vào nhau một cách tha thiết đến cảm động. Cả chợ hình như không ai còn nghĩ đến buôn bán, hàng họ gì hết. Đang mua cũng bỏ đấy, đang ăn cũng dừng lại. Khán giả của đám hát rong đã chuyển hết sang bên này. Đấm đá với tay chân đàn bà hình như không có tác dụng gì với nhau cả, các đấu sĩ tìm sang miếng khác. Một đấu sĩ với được cái ống quần của đối phương và chỉ trong nháy mắt cái quần lụa biến thành nhiều giải bươm bướm. Ôi chà, ôi chà, cái gì rùng rợn xảy ra vậy? Hô hô hô hô... cả đám đông vừa reo vừa phải quay mặt đi. Người đàn bà già hơn đang lõa lồ, dường như đến lúc hăng máu, vùng dậy được và không biết làm cách nào, bà ta cho người đàn bà trẻ hơn mình khỏa thân ngay tức khắc. Đám đàn bà reo hò còn náo nhiệt hơn lần trước nhiều. Bọn đàn ông chen lấn nhau, đứng xem thì bị bọn đàn bà nguýt, bỏ đi thì tiếc. Chẳng ai có gan vào can hai mụ đàn bà đang nổi máu tam bành.

Nhưng rồi đến lúc cả hai người kiệt sức đành phải buông nhau ra, mỗi bên chạy đi một ngả. Đám đàn ông chưng hửng. Nhưng các bà thì nổi nóng. Cái đồ đểu, đứa nào đứa nấy mắt hau háu đứng nhìn cho sướng, cấm có thằng nào, con nào vào can người ta ra. Đàn ông đàn ang dơ dáng cả một lũ. Sướng nhá, một bữa no con mắt. Úi chà, cái con mẹ tre trẻ ấy... trắng ngồn ngộn. Gì mà chả thế, khối thằng đàn ông còn chết với con mẹ ấy.

Don nhập vào đám dân chợ. Chỗ nào cũng nhìn, chỗ nào cũng ngắm, tưởng là có đám cãi nhau, hóa ra không phải. Tiếc thật, không có một vụ cãi cọ nào để mà xem, không có thằng kẻ cắp nào bị bắt

để mà đánh hôi. Mấy khi được lên chợ, mấy khi được chen lấn xô đẩy, sờ cấu thoải mái mà không ai biết là ai. Đến là sướng, để mất mấy ngày cũng bõ.

Mặt trời đã gần xuống đến đỉnh núi Giăng Màn. Gió nồm đã thổi ngược lên tận phố huyện. Don lang thang, đã cảm thấy mỏi chân. Không mua không bán gì hết, chỉ lượn và lượn, nhìn và ngắm, ngắm người nhiều hơn ngắm hàng, thế mà chân cũng đã mỏi nhừ. Ăn một bát phở chẳng thấm tháp gì, tưởng như chưa ăn. Vẫn đói. Có một hàng bánh khoai nhân đậu xanh ngon quá, nhưng không ai mua. Ở chợ cây muỗm làng Don, bánh khoai loại này sẽ bán hết từ lâu, còn chợ huyện thiên hạ lắm tiền, khảnh ăn, nên chỉ có một mẹt bánh vẫn ế. Don mua một lúc năm chiếc, vì hà tiện thôi chứ hai chục chiếc cũng hết veo. Don vừa đi vừa ăn. Xấu hổ cái chó gì mà sợ, ở nhà quê người ta còn biết thằng Don, chứ ở cái đất phố huyện này ai biết ai đâu mà sợ xấu hổ. Don thinh thích vì bản thân mình từ bé đến giờ chưa biết thẹn thùng, xấu hổ hay e ngại là cái gì. Mẹ kiếp, hổ thẹn là cái chó gì mà thiên hạ cứ sợ. là cái gì? Đố ai mà hiểu cho hết được chuyện đời, nhiễu sự. Càng biết nhiều, càng khổ thân...

– Này cậu, cậu đứng lại tôi hỏi cái này...

– Cháu đấy ạ?

Don đang nhai bánh khoai, chợt một người đàn ông ngồi trong quán nước vẫy tay gọi. Don lấy làm lạ, cứ tưởng ông ta gọi nhầm ai đó. Người đàn ông trông chẳng thấy quen. Ăn mặc như cán bộ nhà nước, quần âu, áo sơ mi, vải loại xoàng nhưng vào thời ấy cũng là sang. Nông dân hay tiều phu trên rừng không ai ăn mặc như thế. Suốt đời người làm ruộng chỉ mặc một loại vải thô khổ hẹp bằng hai gang tay, nhuộm nâu hàng năm trời cho đến khi màu nâu ánh lên và cứng như mo nang. Ai cũng như ai, già trẻ lớn bé, gái trai đều may theo kiểu bà ba. Ngày tết ngày giỗ cũng mặc như thế, có lành hơn, có sạch hơn. Ngày thường cũng thế nhưng trên áo, mồ hôi dầu, mồ hôi mỡ loang lổ từ sau ra trước.

Don chần chừ, không biết nên vào hay nên đi. Người đàn ông trong quán hướng ánh mắt ra một cách vui vẻ:

– Này, cậu có phải là người làng Thúng không?

– Dạ... sao bác biết ạ? Don ngập ngừng hỏi lại.

– À thế thì rõ rồi. Vào đây, vào đây... tôi nhớ ra rồi.

Don nghĩ mình không có gì thì cũng chẳng cần phải sợ. Hắn bước vào quán một cách tự tin.

– Cậu là con ông Tụ phải không? Đúng hả? Cậu chóng lớn thật đấy. Bố cậu dạo này có khỏe không? Có đi hoạn lợn thuê nữa không?

– Bố cháu bây giờ không làm được việc gì nữa ạ. Don đáp nhưng vẫn không biết ông khách là ai. Bố cháu mắc vào nghiện ngập, cai được rồi nhưng vẫn không thể làm được công việc gì.

– À à... tôi nhớ ra rồi. Khổ thế đấy, bố cậu nghiện từ thời còn làm thầu khoán với tôi kia đấy. Lâu, tôi không gặp nhưng cậu giống bố cậu quá, nhận ra ngay. Về nói với bố là bác Thêu có lời hỏi thăm nhé. Đường xa thế tại sao cậu lại không về cho sớm?

– Cháu không về nữa ạ. Don cố làm ra vẻ nhỏ nhẹ.

– Sao không về? Hay cậu đã đi làm ở đâu?

– Cháu chưa làm ở đâu cả. Cháu muốn đi thoát ly nhưng chưa xin được vào cơ quan nào. Cháu lên đây gặp phiên chợ, cháu đi xem chợ. Bây giờ cháu không về nhà nữa, cháu đang đi xin việc.

Ông Thêu bạn của bố Don, tự nhiên nhìn Don chằm chằm, ánh mắt lướt từ chân lên đầu như thầm đánh giá sức vóc hay tính cách của anh dân cày. Don là một kẻ tinh quái nên hiểu ngay ông bạn của bố chắc phải có một quyền hạn gì đó. Don mừng thầm trong bụng vì vận may nhưng không lộ ra ngoài mặt. Bà hàng nước không mời hắn ngồi và cũng không hỏi xem hắn có uống nước không, trong bụng Don đã căm lắm.

– Cháu ngồi xuống đây. Ông Thêu bảo.

– Cháu uống nước vối nhé. Bấy giờ bà hàng nước mới hỏi.

Don lễ phép thưa:

– Dạ, cháu xin bà bát nước vối ạ.

Bà hàng nước rót ra một bát nước vối đầy. Don bê lên mời hai bác rồi uống một hơi hết cạn. Chà chà, đắng đến tận ruột. Nếu ở nhà Don sẽ hất cái loại nước dùng cho các bà đẻ này ra vườn. Nhưng ở đây và từ nay, hắn không thể làm theo ý mình, phải luôn luôn tỏ

ra mình là người chịu thương chịu khó, khôn ngoan biết sống có nhân nghĩa, ăn ở tằn tiện. Don ngồi co ro cúi đầu làm bộ lễ phép và rụt rè. Ông Thêu lại hỏi:

– Thế cháu có biết nghề gì không? Cháu học lớp mấy?

– Cháu học lớp ba bình dân học vụ. Cháu không biết nghề gì ngoài cày ruộng, được cái ai cũng bảo cháu sáng dạ, nhìn ai làm cái gì một lần là cháu làm được. Bữa nay cháu gặp được bác là bạn của bố cháu ngày trước, cháu muốn nhờ bác một việc, bác có chỗ nào quen biết, bác xin cho cháu vào làm thì cháu đội ơn bác suốt đời.

Ông Thêu bật cười vì cái thằng này mới tí tuổi đầu mà ăn nói đã thớ lợ quá. Bà hàng nước cười:

– Đúng là cậu gặp may rồi. Bạn của bố cậu nay là một giám đốc xưởng giấy, sẽ cho cậu vào làm chứ có khó khăn gì đâu, công nhân xeo giấy đâu có phải nhàn nhã gì như các anh cán bộ bàn giấy.

Trong bụng Don như có trống giong cờ mở, hấn thở phào nhẹ nhẹ. Không nhẽ bác Thêu lại từ chối? Sao bà hàng nước lại mau mồm mau miệng một cách đáng yêu như thế nhỉ? Vừa khi nãy thôi Don đã để bụng nỗi ấm ức và nghĩ cách có dịp nào đó sẽ trả thù. Đưa mắt nhìn Don một lần nữa, ông Thêu cũng chỉ cười cười trả lời bà hàng nước:

– Thì đấy, công việc không thiếu nhưng nó chẳng nhàn nhã gì. Khối cậu vào làm được vài tháng rồi bỏ chạy. Quê cậu này tôi đã đến một vài lần rồi, ở đấy làm ăn không đến nỗi vất vả như các vùng khác, cả làng không có ai muốn đi làm công nhân viên chức đâu.

Nhìn con mắt ông Thêu, Don biết ông là người cẩn thận và suy xét đến nơi đến chốn. Ông nói đùa thế thôi nhưng trong bụng đang phải tính toán dữ lắm. Don hơi lo. Lỡ ông ta ngại một điều gì đó không nhận thì Don sẽ phải lang thang.

– Làng cháu thì thế thật nhưng cháu là người cày ruộng khó nhọc từ bé, bác ạ. Don nài nỉ. Bác cho cháu vào làm, cháu hứa là không phụ lòng tin của bác đâu.

Ông Thêu gật đầu:

– Cháu có biết làm mộc, làm nề gì không?

Nề mộc là nghề thổ mộc nặng bỏ mẹ, chả lẽ ông ta ấn thằng con bạn cũ vào làm cái việc ấy. Dù nề mộc hắn cũng đã từng làm nhưng vẫn từ chối:

– Nề và mộc thì cháu không hề biết một tý gì đâu ạ.

– Đấy, việc mà bác cần thì cháu lại không biết.

– Bác cứ nhận cháu đi, vào đấy cháu làm việc gì cũng được.

– Những việc khác đã có người làm rồi. Ông Thêu trả lời đắn đo. Thôi được, bác đồng ý nhận cháu nhưng vào đấy cháu phải học xeo giấy một thời gian cho biết nghề. Cháu có muốn làm công nhân xeo giấy không?

– Cháu làm việc gì cũng được, cháu xin hứa là không làm phiền cho bác đâu.

Ông Thêu đứng dậy:

– Nếu thế thì đi, tôi sẽ đưa cậu về xưởng giấy ngay bây giờ.

– May quá, cậu thật gặp may, bà hàng nước nói. Nhờ hàng nước của tôi mà cậu gặp được người quen, khi nào cậu nhớ trả ơn tôi đấy.

Don cười hể hả:

– Vâng, cháu sẽ nhận bà làm mẹ nuôi...

Nhưng trong bụng hắn lại tự nhủ: "Cái mụ già này thật đáng ghét, khi nãy đã coi thường ta nhất định ta sẽ cho cái quán của mụ ra tro".

Don định cái gì không phải để quên đi. Một tuần sau, khi hắn đã làm quen với công việc rồi, một buổi tối mưa phùn biết không có ai để ý, hắn lẻn ra chợ, tìm đến quán nước bà già, phá tan tành cái quán ấy cho bõ ghét...

Mấy lâu ông Don quên, chỉ đến lúc hối hận dày vò, ông bỗng nhớ lại tất cả, việc xấu việc tốt đều nhớ. Hôm ấy, liều lĩnh đến mức nào mà ban đêm ông cả gan ra phá tan cái quán nước của người

ta. Mà bà già ấy đâu đã làm hại gì ông. Bà già tội nghiệp đó chỉ mới hơi coi thường ông mà mấy hôm sau nổi niêu, ấm chén tan tành.

Cầu Goăng, thị trấn yên ả, và nhiều màu sắc đồng quê đã hiện về tươi rói trong tâm trí ông. Ngày đó các cơ quan đã ở vùng quê hẻo lánh chỉ dùng một loại giấy thủ công đen và dai làm bằng bột cây nứa, cây ngô, cây niệt... Các lò nấu để thành dãy hai bên đường cái quan. Bể xeo đặt trong hai dãy lán lợp nứa vách che cũng bằng nứa. Những tờ giấy thời đó chỉ thế thôi nhưng quý lắm.

Phố huyện sau hòa bình, tấp nập dân chợ hồi cư. Là phố nhưng nhà cũng chỉ mái tre vách đất, bám theo hai bên lề đường quốc lộ Một. Trước kia nó cũng có hai dãy phố, nhà hai tầng ba tầng, cửa hàng cửa hiệu sáng choang, có rạp hát, có nhà thổ, có nhà thờ, có nhà thương. Tiếng súng kháng chiến bùng nổ, hai dãy phố huyện tan tành sau chiến dịch vườn không nhà trống để quân thù không có chỗ trú chân. Rồi dần dần thời gian biến nó thành bãi gạch vụn.

Ngày ông Don là chàng trai lên phố huyện thì thị trấn đã hồi sinh tý chút, bên cạnh những bức tường đổ rêu phong xanh lè đã có những quán cơm phở bình dân bán từng suất hoặc bán từng nồi, có quán trọ cho khách chợ phiên, quán dài như cái lán dân công.

Phía nam huyện lỵ có một ngã tư, hai nhánh bắc nam, hai nhánh nữa, một về kho muối của thằng Pháp để lại, một xuống ga tàu hỏa. Phía ấy cũng có quán cơm quân nhân, một ngôi nhà gạch ẩn trong lùm cây, lúc nào cũng đông nghịt những quân nhân đi phép, trả phép hoặc công tác. Và xưởng giấy của ông Don lúc trẻ cách đó không bao xa, ông làm ở đó không biết mấy tháng, chỉ nhớ một lần bờm xơm với Bưởi, hai lần bỏ đơn vị về tìm Bến.

Bẵng đi nhiều năm sau, tình cờ một lần ông Don trở lại thị trấn huyện lỵ thấy nó thay đổi khá nhiều, nó phừng phừng như cô gái dậy thì, người và xe cộ đi lại như mắc cửi, hiệu ảnh, hiệu may trở ra, biển hiệu tươi roi rói. Rồi những khu nhà mới của cơ quan huyện ủy, ủy ban nhân dân, ngân hàng, bưu điện, hiệu sách, phòng triển lãm... mái ngói cứ đỏ chon chót. Rồi lại lâu lâu một lần nữa, ông quay lại thì chao ôi, tất cả lại trở thành một đống gạch vụn, thị trấn Cầu Goăng sầm uất dạo nào đã biến mất như trong chuyện

cổ tích. Chỉ thấy tường đổ, gạch vỡ, nhà cháy, những con mèo hoang, chó hoang sống lang thang...

Hình như đó lại là chiến tranh, bom đã biến cái huyện ly phồn vinh xinh đẹp trong trí nhớ của Don thành bãi tro tàn.

Ông Don già nua sau này da diết nhớ Cầu Goăng, một thời tuổi trẻ ông đã đồng cảm với màu sắc đang mới mẻ dần lên của nó. Hàng ngày bên cái bể xeo, hai bàn tay ngâm trong nước lạnh suốt ngày, Don đã dự cảm được nghề làm thợ không nuôi nổi vợ con. Mỗi khi nghe tiếng còi tàu, tiếng ô tô chạy qua huyện ly, ruột gan Don lại nôn nao, đôi mắt rời trang giấy trên bàn xeo nhìn vào cõi xa xăm, mơ tưởng một chuyến đi xa đến một miền đất giàu có nào đó. Có thể đi đến vùng đất lạ bằng hai bàn tay trắng được chăng?

Thế mà bất ngờ ông phải bỏ cái thị trấn yên ả kia mà đi, bất ngờ lại dấn bước đến một thành phố giàu có. Ông đã ra đi như một tên lục lâm hảo hán số một, mang theo nàng dâu của một đám cưới mà hai họ thông gia đang chén chú chén anh tưng bừng. Mỗi khi nhớ lại lần đột nhập như kẻ cướp ấy, ông cứ dựng tóc gáy, nghĩ rằng định mệnh đã dun dủi ông, dắt tay ông liều mạng vì tình.

Số phận đã thách đố ông và ông phải thách đố lại. Nếu không phải là Don thì sẽ ra sao, nếu như Don là kẻ hèn nhát thì sẽ ra sao? Ôi, thì đời ông đâu có một cô vợ đẹp như Bến, ông sẽ không là giám đốc tỷ phú như hiện nay và không có những phút khoái lạc thần tiên và đểu cáng với con mụ phốp pháp ở phố Hàng Cháo. Ông sùng bái cái phút giây lạ lùng trước đó. Ấy là cái ngày mà ông quyết định lỳ lợm đến gặp nàng, cái phút được ăn cả ngã về không – trao tối hậu thư.

Phải như thế, cho rõ ràng ra. Và cho cô nàng nhận ra Don, là Don chứ không phải ai khác. Vậy thì cô em đừng hòng tuột khỏi tay ta.

Don giấu lá thư gửi cho Bến vào trong túi áo rồi thủng thẳng đi ra bưu điện thị trấn Cầu Goăng. Đã đến cái thư thứ năm. Liệu nó ra sao, có giống những lá thư trước không? Nghĩa là Bến im lặng,

nghĩa là không thèm trả lời. Công sức bỏ ra bao nhiêu cũng không tiếc. Ba đêm gà gáy mới đi ngủ. Dốc toàn bộ tài năng trí lực, chữ nghĩa ra để phô bày trang trải cho hết bầu tâm sự trào dâng như sóng biển cho cô gái ấy. Và bức thư này còn khủng khiếp hơn nữa...

Ranh ma, lắt léo, xảo trá thì nhất định Don không thua ai. Trong bốn bức thư trước, Don cũng đã tỏ rõ những tài năng ấy. Bốn bức thư, bốn cung bậc tình cảm khác nhau, đủ thề non hẹn biển và liều mạng liều thân nếu như... Nhưng con bé ấy, hoặc vẫn ghét thằng lục lâm hoặc là nhát như thỏ đế, nên không dám hồi âm. Hay bố mẹ nó dữ như hùm. Don lồng lộn vì những lá thư không được trả lời nhưng được cái, hắn không biết thất vọng. Cái con bé đã mắng Don là chó này ghê thật. Có lẽ vì câu chửi "thằng chó" mà Don mê mệt cô ta.

Trước khi bỏ cái thư vào thùng, cái thứ năm, hắn đã lưỡng lự. Hay là mình đưa tận tay cho con bé ấy. Ngọn lửa quyết tâm trong lòng đã được thắp lên. Có lẽ phải như thế, sẽ đưa tận tay cô nàng, mọi nghi vấn sẽ được sáng tỏ, mọi giả thuyết sẽ được chứng minh.

Phố xá đang vắng người dần. Những mẹt hàng rong, những người ăn xin đã vắng, những chiếc lều quán dọc đường đã trở thành vô chủ. Đường từ phố huyện về làng Tùng Lâm xa đến ngót gần chục cây số. Lại là con đường vắng, phải qua bãi cát hoang vu như sa mạc và qua một con đò ngang không chở khách ban đêm.

Cô nàng sẽ phản ứng ra sao nhỉ? Có thể cô nàng không còn nhớ Don là ai nữa, sẽ hờ hững nhận lá thư. Hay lá thư của Don sẽ được ném xuống đất, bị dẫm nát và chủ nhân của nó cũng nhận được những câu chửi độc địa. Dù là vậy cũng được, Don không sợ, như thế còn hơn nghi nghi hoặc hoặc và những phỏng đoán mù mờ, không hy vọng mà cũng không thất vọng.

Khi Don đi qua cái cầu xi măng ngắn bắc qua sông đào thì làng xóm ở hai bên đường đã đỏ đèn hết. Trong cái tĩnh mịch heo hút sau lũy tre xa xa, chỉ le lói dăm ngọn đèn dầu. Người ta đang ăn cơm tối, sau một ngày quần quật ngoài đồng. Thưa thớt tiếng chó sủa.

Đi một đoạn nữa Don gặp cái quán nước đêm. Một cái chõng tre, trên bày hai bát nước chè xanh, dăm cái bánh chưng, một lọ

kẹo lạc. Ngọn đèn dầu lù mù treo trên cột, tỏa một quầng sáng không hơn con đom đóm. Một quán nước duy nhất còn lại trên hành trình của lữ khách. Don nghỉ chân một lát. Như vậy hắn đã đi được một nửa quãng đường mà hắn phải vượt trong đêm nay để đến người tình.

Don lại đứng dậy đi tiếp, sự hăm hở không hề giảm. Không biết mấy giờ nhưng sao Hôm đã rất sáng. Ngày ấy ban đêm ngoài đường rất vắng. Don không có đồng hồ. Trong làng hắn chỉ hai người có đồng hồ. Nhà bác phán Thịnh có cái đồng hồ treo tường cứ đến giờ nó lại đổ một hồi chuông. Người thứ hai là ông giáo Thụ, ông dạy trường làng. Đồng hồ ông giáo Thụ to bằng quả quýt, đeo bằng dây bạc lủng liểng trên thắt lưng quần tây...

Nửa đêm hay chưa đến nửa đêm? Nghe tiếng vạc bay qua sông, còn nhìn thấy chúng đập cánh chấp chới trên nền trời mờ mờ. Những cánh cửa bếp không còn lập lòe ánh lửa nữa.

Rồi rất lâu nữa, Don mới qua làng Đạo.

Làng Đạo cách làng Thúng của Don không bao xa. Hàng năm, dăm bảy lần Don đi bán cá với mẹ qua làng này. Như đã quen mà vẫn thấy lạ. Ngõ xóm quanh co khúc khuỷu, lát đá xanh chạy giữa hai bờ tường cao quá đầu người. Đi cứ như đi trong hầm ngầm. Đi một lúc, thấy sừng sững cái tháp chuông. Lễ Thánh buổi tối của dân làng Đạo đã tan từ lâu.

Bất chợt, sông Giăng trước mặt. Tiếng sóng ì oạp vỗ vào chân đê. Đêm chưa muộn mà sao không thấy bóng dáng con đò ngang. Giờ này chắc đã hết khách bộ hành chăng?

– Đò ơi, đò... Don cất tiếng gọi.

– Đò... ơi... đò...

Không nghe tiếng ai đáp. Chắc con đò đã về bến, cô lái đò cũng đã ngủ từ lâu. Ôi, đò thì không có mà Bến thì xa, Don mỉa mai cười.

Phía trên một đoạn xa, có một con thuyền bịt mui nằm im lìm giữa sông lẫn trong ánh nước. Ấy là những thuyền chài, có van nài hay trả tiền bao nhiêu họ cũng không bao giờ chở khách qua sông.

Như người cùng đường, Don vo cả bộ quần áo đội lên đầu. Dòng sông trong đêm mênh mang mặt nước lặng băng loang loáng ánh bạc. Lúc này thủy triều không lên không xuống, dao động với biên độ rất nhỏ, dòng sông như không chảy.

Don nhảy ào xuống nước. Hơi lạnh, hai cánh tay Don khoát nước uyển chuyển, không một tiếng động, cứ như chiếc lá đang trôi. Bờ đê bên kia sông chỉ là một vệt mờ mờ đen. Đừng chết đuối. Nhưng nếu như ta chết đuối lúc này thì cô gái kia có biết ta vì cô ấy mà bị chết không.

5.

Chọt tiếng chó trong làng sủa dậy lên. Hai bóng đen đứng lấp ló sau bụi cây. Đứa nào đêm hôm đi đâu hay là kẻ trộm? Gặp kẻ trộm thì toi mạng, sợ lộ chúng sẵn sàng cho mình về chầu ông vải. Chẳng nhẽ bỏ chạy. Đang người ngay lại thành kẻ gian. Don đứng thẳng người lên, ra oai quát:

– Đứa nào?

Một bóng đen đứng lại, còn thằng nữa đi thẳng đến nhìn xói vào mặt Don.

– Đúng rồi, em nghe tiếng biết ngay là anh. Anh về nhà sao đi lối này?

Don thở phào:

– Tao cứ tưởng kẻ trộm, suýt nữa thì hai thằng mày mất mạng.

Đó là thằng em con chú họ, với bạn của nó. Hai đứa không biết đi đâu...

– Tao có việc không về nhà được, Don nói. Mày đi đằng này với tao, tao nhờ tí việc.

– Việc gì, em còn phải đi tuần. Thằng em chối.

– Bỏ quách đi. Thằng kia đi tuần còn mày đi với tao.

Thằng em vẫn chần chừ.

– Tao có việc cần lắm. Xưởng tao có công văn cho một người trên xóm Cây Gạo. Mày đi với anh một lúc. Cũng như đi tuần thôi mà, còn vui hơn cả đi tuần.

Thằng nhỏ đồng ý, nó bảo bạn nó đi một tua rồi về nhà chờ. Hai đứa đi một mạch đến xóm Cây Gạo. Don mất phương hướng, ban đêm thật không thể biết đâu là nhà của Bến. Thấy Don nhìn ngang nhìn ngửa, thằng em gắt:

– Vào nhà ai mới được chứ? Anh cứ giấu như mèo giấu cứt không bằng.

– Tao nói với mày, mày phải câm mõm đi nghe chưa? Hở ra với ai là tao giết...

– Anh lị muốn cuỗm cái gì của nhà ai chắc? Tính anh, em còn lạ gì...

– Bậy. Nhỏ cái mồm lại. Mày có biết nhà cô Bến không?

– Bến nào?

– Bến nào thì tao cũng không biết nữa. Tao chỉ có nhiệm vụ đưa cho nó cái giấy thôi. Mà một cái xóm nhỏ thế này làm chó gì có nhiều Bến.

– À, em nhớ ra rồi. Đi lối này...

Nó kéo Don vòng trở lại. Don nửa tin nửa ngờ. Đến tận ngõ Don mới biết thằng em không nói dối. Đúng rồi, nhà đang sáng đèn, may quá.

– Anh vào đi, có cần cùng về thì em chờ, nếu không em rút trước.

– Chết, không được. – Don cuống lên. – Mày phải chờ tao. Hay là mày vào đưa cái thư này cho cô Bến, đưa tận tay. Nếu cô ấy đi vắng thì thôi.

Thằng em cười ranh mãnh:

– Công văn gì mà lạ thế? Nhưng anh không được bỏ chạy.

– Ừ, đi đi... cái thằng lắm mồm.

Thằng nhỏ đi vào trong sân, Don đứng ngoài tim đập như trống làng.

– Cô Bến ơi...

– Ai hỏi gì Bến đấy? Tiếng ông già trong nhà hỏi vọng ra.

Don nghe mà dựng tóc gáy. Ông già có nhà, hỏng đến nơi rồi. Nếu Bến đi vắng mà thằng em xỏ lá cứ đưa cái thư kia cho ông già thì Don chết đứng như Từ Hải.

– Có cái giấy gửi cho cô Bến đây ạ. Thằng bé trả lời.

– Giấy gì đấy hả cháu? Vẫn tiếng ông già.

Cánh cửa hé ra và bóng đèn chiếu ra ngoài. Một dáng người thon thả bước ra. Bến, Bến... Don suýt rú lên. Hình như cô nàng linh cảm được cái gì đó nên vội ngó ra. Thằng bé không đợi cho cô ta ra hẳn ngoài sân, vội dúi cái thư vào cửa.

– Giấy gì đấy con, ai gửi cho thế?

Ông già se sắt đã nhìn thấy cái thư và hỏi.

Don chưa chịu về, không yên tâm. Khi cánh cửa khép lại, hắn lẻn vào sân, ngó qua khe hở xem người tình đọc thư mình ra sao.

Lúc ấy trong nhà, Bến cầm cái đèn hoa kỳ để lên bàn, nhìn lướt qua cái thư rồi nói với bố:

– Để con xem... À giấy triệu tập dân quân đi tập quân sự bố ạ.

– Đọc đi xem nào?

– Việt Nam dân chủ cộng hòa – Giọng Bến lên cao và đọc một cách rất trôi chảy – Độc lập tự do hạnh phúc. Giấy triệu tập huấn luyện. Để hoàn thành chương trình huấn luyện quân sự hàng năm cho dân quân tự vệ, xã đội triệu tập toàn thể anh chị em dân quân trong xã đúng tám giờ ngày mồng bảy tháng sáu tập trung tại Cồn Gió để tiếp tục huấn luyện quân sự. Nếu ai vắng mặt không có lý do sẽ bị thi hành kỷ luật. Ngày tháng năm. Xã đội trưởng ký. Hết bố ạ.

Ông già nghe xong có vẻ vừa ý bảo:

– Thôi được, mày vào ngủ đi, khuya rồi đấy con ạ.

Don đang đứng sát ngoài cửa, mọi cử chỉ của Bến không lọt qua được mắt hắn. Thế mà hắn cứ như người mê ngủ. Rõ ràng cái giấy trên tay Bến là cái thư mà thằng bé vừa đưa, thế tại sao nó lại biến thành cái công văn triệu tập dân quân đi huấn luyện quân sự thì lạ thật?

Lần này thì sự việc sờ sờ trước mắt mà Don vẫn không sao hiểu được. Vẫn không thể biết cô nàng ưng hay không ưng. Vẫn như những lần trước, cứ như hòn đá ném xuống giếng mất tăm.

Một tuần, hai tuần rồi ba tuần... chờ đợi mòn mỏi vẫn không có một chữ nào trả lời. Mối tình cứ phai dần nhưng mối thù lại tăng lên. Don quay sang tán tỉnh các cô gái khác.

Trong đám thợ lam lũ toàn con gái đứng bên bể xeo giấy, bàn tay ngâm trong nước trắng bợt ra, cùi tay kê lên thành bể đã hằn vết sẹo, chỉ có Bưởi là Don thinh thích. Được ông Thêu cân nhắc lên làm công việc xuất nhập kho, hàng ngày Don có thì giờ và hoàn cảnh để mặc bộ âu phục quần vải chéo xanh, áo sơ mi trắng bỏ trong quần, cái thắt lưng bằng nhựa trắng có hai sọc xanh, loanh quanh bên phân xưởng chị em xeo giấy.

Bắt đầu các cô không coi Don là người đáng mặt để các cô để ý. Ở đây gần quán cơm quân nhân, những anh bộ đội súng ngắn giày đen áo bốn túi không thiếu. Còn Don, hắn mới vào, mới thành cán bộ công nhân viên được mấy tháng, so làm sao được với các cô đã ăn lương nhà nước mới mấy năm trời. Don biết các cô khinh mình nhưng Don lại là người không coi tự ái là cái cóc khô gì cả, hay ngượng nghịu, xấu hổ, liêm sĩ... là việc của đàn bà. Thấy cô nào dễ dễ, hiền hiền là Don sán vào tán tỉnh. Cho vui, hơn nữa đời biết thằng nào hơn thằng nào. Đâu đã lấy được nhau mà sợ?

Xưởng giấy lại ở ngay thị trấn, gần chợ huyện. Con gái phố huyện, con gái làng Vạn, làng Quèn đi chợ phiên còn xinh gấp nghìn lần các cô công nhân. Nhưng các cô công nhân vẫn có cái để thinh thích. Lần ấy Don đi chợ, hồi này chợ được chuyển về ngay giữa phố. Đi một đoạn thấy bóng Bưởi đi trước. Cô gái này Don đã để ý từ lâu. Hơi rỗ hoa nhưng Bưởi có duyên thầm, nhất là đôi mắt lá răm lúng liếng và tình tứ đến ghê người. Nhìn vào mắt em, Don cứ muốn chết lịm trong đó luôn. Đáng lý anh thủ kho có thể làm nên cơm cháo gì đó nhưng vì một lần sơ suất mà xôi hỏng bỏng không.

Lúc ấy khoảng chập tối, làng xóm chưa ai đỏ đèn, nhà nào cũng đang chúi mũi vào mâm cơm. Don đang muốn đi chơi nhưng chưa biết đi đâu, chợt gặp Bưởi đi giặt từ ngoài bờ sông về. Thân chưa thân nhưng người lạ cũng không phải người lạ nữa. Bưởi chúm

chím cười, nửa như trêu, nửa như mời gọi, đôi mắt cứ đăm đắm nhìn vào mắt Don. Don cảm thấy như lửa đang bốc lên xung quanh người. Hắn dừng lại và tự nhiên Bưởi đỏ mặt lên, đứng nép vào bên đường, hai tay giữ chặt lấy chậu quần áo.

– Đi chơi với mình đi, Don nói.

Bưởi vẫn đứng nép vào bên bờ, đưa chậu quần áo ra phía trước.

– Điên ấy à? Cơm chưa ăn, trời chưa tối đã rủ nhau đi chơi, có mà dở hơi.

– Thật đấy, tớ chờ. Don năn nỉ.

– Sao anh không rủ mấy đứa trong xưởng nó đi với. Cái Hường, cái Hoa, cái Bích, cái Hạnh, chúng nó thích anh lắm đấy. Hay chịu khó về rủ cái cô gì mà anh viết thư ấy. Chị gì ấy nhỉ? À chị Bến...

Don như bị dội nước lạnh. Những con bé mà Bưởi vừa nhắc đến đó coi Don là thằng hủi, gặp đâu là nhổ nước bọt. Hóa ra con bé rỗ hoa này cũng một giuộc như chúng nó cả, thằng chột khinh thằng quáng gà.

– Vớ vẩn. Đã có bờ với bến nào? Thôi đi chơi đi. Đưa chậu quần áo đây mình giấu vào bụi cây khi nào về lấy.

– Đúng là anh tẩm. Bưởi cười khanh khách – Tránh ra cho người ta về... Tránh đi, có tránh không thì bảo?

Nói thế thì Don không tránh, xem nào. Don sấn vào, mắt nhìn vào đôi má đỏ hây hây của Bưởi, tay Don giữ chặt lấy cái chậu. Rồi bỏ cái chậu ra mà nắm lấy tay cô gái. Chỗ Don nắm lại gần với cặp vú nhòn nhọn. Bốn ngón tay của Don nắm chặt cánh tay cô gái nhưng ngón cái doãi ra đang mon men đến cái chỗ nhòn nhọn trên ngực Bưởi.

– Tẩm vừa vừa chứ. Làm cái trò gì thế?

– Tẩm à? Có bảo người ta tẩm nữa không?

Chắc nẩm được, Don càng giở bài bây sán thêm. Hai tay Bưởi bê chậu quần áo, mặt ngượng đỏ như trái nhót.

– Dơ... Có bỏ ra cho người ta về không? Kìa, có người...

– Chẳng có ma nào cả, đừng sợ.

Don càng sấn sổ và một tay đã trùm lên ngực cô gái.

– Không biết xấu hổ à? Bưởi gắt lên – Có bỏ ra không tôi kêu lên bây giờ. Về mà sờ cái con Bến ấy...

Don cười tít mắt lại. Giá như đến đó Don buông ra thì không đến nỗi, đằng này hắn lại đưa tay xâm lấn cả sang bên kia nữa. Bưởi không có tay để gạt, liền lấy cái chậu giặt chấn vào mặt Don một cái. Don thấy mắt mình tóe đom đóm, liền ôm lấy mặt. Con ranh này dữ như hổ, nó làm thật. Khi mở mắt ra thì Bưởi đã biến đi đằng nào. Cái kết quả của Bưởi để lại đã sưng to bằng quả ổi.

Don lặng lẽ lủi nhanh về nhà, không dám đỏ đèn, bứt một nhúm lá ổi nhai nhỏ rồi đắp lên. Cả đêm đau nhức không sao ngủ được. Cái lối kiếm chác ấy bị một cái chậu hay hai ba cái chậu vào mặt cũng chịu được. Nhưng từ đấy, Bưởi không coi Don như thằng hủi mà xem hắn là cái thây ma chưa đem chôn.

Chuyện cái trán sưng là chuyện vặt và cũng lâu rồi, Don đã quên. Không quên thì nhớ làm gì? Con trai thì đứa nào chẳng trêu gái? Không trêu thì mới là tẩm, là đồ dở hơi.

Lại rất hồn nhiên, Don đến gần Bưởi và hỏi trước:

– Bưởi đi chợ đấy à? Đi với ai thế?

Bưởi không quay lại, chỉ liếc một cái:

– Cậu đi chợ khi về có mang gì nặng không?

– Có gì mà nặng, mình chỉ mua một miếng xà phòng giặt.

– Thế thì cậu chờ mình ở chỗ chiếc cầu đổ, cậu sẽ mang hộ mình một ít sợi ngô đồng.

– Thế thì tớ chờ ở đây, Bưởi đi vào chợ mua hộ mình miếng xà phòng, mình khỏi vào chợ. Một công hai việc, tiện cả đôi đường.

– Cậu đi vào chợ với tớ thì sao. Dạo này có tụi thanh niên công trường càn quấy lắm, chúng toàn trêu con gái.

– Tại sao đi chợ không bê cái chậu...?

Bưởi quay phắt người, thoăn thoắt đi vào chợ. Don ngồi trên mố cầu đổ nghĩ vẩn vơ. Lúc sau, Bưởi đã vác một vác sợi ngô đồng đi ra.

– Vác cho tớ cái này... Bưởi chuyển bó ngô đồng sang cho Don – Cậu ngắm cái cầu sập để làm gì mà kỹ thế? Cái cầu này là do ta

đánh sập, dân quân quán Kê phá để không cho Tây vào làng. Thời ấy ta phá cầu, phá thành phố, phá làng, phá đường.

– Sao Bưởi lại biết rõ chuyện như thế?

– Nhà tớ trước ở trong thị trấn, sau tản cư vào quán Gạc. Vào đấy buôn bán nhì nhằng cũng kiếm được, vả lại, ruộng đất trong ấy cũng còn nhiều nên gia đình tớ không muốn trở lại thị trấn nữa.

– Mua làm gì mà nhiều thế này?

– Nặng à?

– Nặng chứ ly. Nhưng trả công bằng cái gì đây?

– Khỉ gió...

– Thật chứ ly. Này, nhân lúc không có ai, cho tớ sờ vú một cái.

– Tớ bảo cho mà biết, tớ không mang chậu nhưng tớ có hòn đá, tớ choang cho vỡ mặt đấy... Đúng là dây với hủi.

Tháng ấy Don được lĩnh mười lăm đồng tiền lương. Cộng thêm mười tám đồng tiền ăn nữa, lương hắn như vậy là trên ba chục. Cô Thanh thợ xeo giấy lành nghề, biên chế đã ba năm cũng mới được bốn mươi đồng. Nếu như Don chịu khó làm ba năm nữa không kỷ luật, không sai sót gì, lại phải được lòng thủ trưởng, lại phải bình bình xét xét, thì mười năm nữa cũng chỉ được bốn mươi đồng tiền lương mà thôi. Ba cọc ba đồng, đời nhạt như nước ốc.

Nhân ngày nghỉ, Don cầm mười mấy đồng bạc đi chơi phố. Cái gì cũng muốn mua, muốn sắm. Được cái này thì mất cái kia, thôi thì đánh một bữa thịt chó cho đã đời. Don chọn đúng cái hàng có cô gái xinh xinh phục vụ. Xong bữa, Don phát chán lên. Cái con bé ấy cậy giàu, đỏng đà đỏng đảnh không thể nào làm quen được. Mà cần quái gì dân thị trấn, lấy nó về mà hầu nó à? Chỉ được cái trơn lông đỏ da, ngon con mắt chứ làm ăn thì chả được cái tích sự gì. Sổ toẹt.

Hôm nọ thằng Sung em họ tìm gặp Don bảo, lão già coi thằng Don như chết rồi, còn bà già thì chửi. Ừ, đã coi là chết rồi sao lại còn chứ? Chiều hôm ấy Don về nhà. Nóng ruột quá, mấy tuần mà

cũng không thấy Bến trả lời chữ nào. Có lẽ lại phải một phen đột nhập nữa xem sao. Nhưng phải vào buổi tối, vì buổi tối đến nhà Bến có gì dễ thoát hơn.

Định không về nhà nhưng như ma quỷ bắt buộc, Don lại dẫn xác về. Về thì nhất định nghe chửi.

Quả thật, mới nhìn thấy bóng hắn ngoài ngõ, bà mẹ đang sàng gạo liền đứng dậy, mồm thì chửi, tay thì đuổi, tối tăm cả mặt mũi. Don nóng mặt vặc lại mẹ:

– Bà già lắm mồm.

Mẹ hắn liền lia cái sàng vào người hắn rồi nổ một tràng như súng máy:

– Tiên sư bố mày, ba mươi sáu đời bảy mươi hai họ nhà mày, đồ bất hiếu bất mục, nuôi cho mày lớn lên chừng ấy rồi mày bỏ mày đi. Mày hãy đi đi, đừng bao giờ vác mặt về cái nhà này nữa. Mày có chết đường chết chợ, chết sông chết bể, voi dày ngựa xé, ma bắt quỷ tha thì tao cũng mặc. Tao đẻ ra mày cầm bằng đẻ ra cục cứt, đồ toi cơm. Mày chờ đấy, tao đi gọi bố mày về xem có làm gì được mày không?

Nghe mẹ nói thế biết ông già không có nhà, Don liền nghênh ngang đi vào tràng kỷ, trả lời mẹ giọng tỉnh bơ:

– Tôi bây giờ đã là cán bộ công nhân viên chức nhà nước rồi, bà không thể muốn chửi là chửi, muốn đánh là đánh như khi tôi ở nhà nữa đâu. Bà lôi thôi là chính quyền nhà nước người ta gô cổ bà lại cho vào tù. Tôi bây giờ là cán bộ, tức là quan, bà là dân thường, dân không được phép chửi quan.

– Á... á... á... á...

Bà mẹ kêu lên the thé rồi xắn váy chạy ra cổng. Don chợt hiểu ra là mẹ mình đã điên tiết, chạy đi tìm bố. Không khéo lại ầm ĩ cả nhà lên. Mà bố già về sẵn cái gì, ông lia cái ấy thì phiền lắm, vỡ mặt như chơi. Don cũng liền vọt ra khỏi nhà, theo lối cửa sau.

Từ nay khó mà về gặp ông bà già.

Ngày bé Don được ông anh họ dắt đến nhà cô gái mà anh định hỏi làm vợ. Nhà cô ấy là một nhà giàu có, vườn cây, sân gạch, nhà ngang nhà dọc, trông bề thế và thâm nghiêm lắm. Ông anh họ cũng là người bạo gan, cứ lừng lững đi vào. Bà mẹ cô gái ngơ ngác mãi vẫn không hiểu ông khách này là ai. Đến khi trầu nước xong xuôi ông anh mới lên tiếng: "Nhà bà có con chó nào bán không?". Bà chủ nhà trố mắt lên nhìn hết ông anh lại sang thằng em, mãi bà vẫn không hiểu ra làm sao cả. "Thế ai bảo với cậu nhà tôi bán chó?". Ông anh tái mặt lắp bắp: "Dạ, chúng cháu nhầm nhà ạ. Chào bà!". Hai anh em vội kéo nhau tháo chạy. Ông anh là người có lá gan tày trời, mới nghe người mối manh nhà ấy có cô gái rất xinh, thế là ông anh liền đến xem mặt. Cuối cùng không xem được mặt cô gái lại gây ác cảm cho bà mẹ. Ra đến đường Don mới hỏi ông anh: "Thế quái nào mà anh nghĩ ra chuyện mua chó?". Ông anh vò đầu bứt tai: "Ừ, thế quái nào mà tao lại hỏi mua chó kia chứ. Như có ma không bằng..." Vì cô gái ấy xinh nên ông anh lại đến lần nữa, và lần này Don cũng phải đi tháp tùng. Dọc đường Don đã dặn đi dặn lại mà đừng có lỡ mồm mà hỏi mua chó như lần trước mà phải mau mồm mau miệng vào.

Đến sân, quả là ông anh không hỏi mua chó nhưng lại hỏi mua dâu. Chao ôi, điếng người. Nhìn ngoài vườn không có lấy một cành dâu nào mới khổ. Cô con gái, tức chị dâu của Don sau này, nghe thế đỏ chín cả mặt. Hai má cô đỏ dậy lên trông thật xinh, lại thèn thẹn trông thật là hiền. Vì nhạy cảm hay là cô được báo trước? Còn bà mẹ, lạy trời, không nhận ra người hỏi mua chó hôm nọ và người hỏi mua dâu hôm nay là một. Nhưng bà lại hỏi: "Thế hai anh em nhà cậu đi mua dâu sao không mang bồ sọt gì để đựng?".

Nhà Bến buổi tối thường vắng. Hai thằng em của Bến thì đi học tổ, có khi ngủ luôn ở nhà bạn. Bà mẹ đi họp đội sản xuất. Bến lo xay thóc giã gạo. Còn ông bố khắt khe không phải làm gì.

Vào nhà Bến buổi tối nhất định sẽ chạm trán ông bố. Mà các ông bố thì không bao giờ biết lo cho con gái ế chồng, thằng con trai nào lanh quanh, luẩn quẩn bên con gái các vị thì các vị cho là kẻ cướp tất. Don vào đến sân, nhẹ như một con cáo để không gây một

tiếng động nhỏ. Cả nhà chưa ai biết. Don nhìn qua khe cửa thấy trong nhà không có gì khác với lần trước. Không thấy ông già đâu. Bến ngồi ở ghế tựa, cạnh ngọn đèn, đang khâu vá cái gì đó. Thời cơ hiếm có, ông bố và bà mẹ đi vắng. Don đẩy cửa một cái, cô gái kêu "ối".

– Cái gì thế con?

Don rụng rời chân tay, hóa ra ông già có nhà, thế mới nguy. Don vội vàng chấp tay chào:

– Bác ạ.

– Bố có khách, bố ạ. Bến vừa đi vào trong, vừa nói với bố.

Ông bố từ trong giường đi ra, trừng trừng nhìn khách. Don đứng trơ như phỗng. Ông già như đang bệnh, mệt mỏi đến ngồi tiếp Don.

– Chào bác ạ. Don không biết ăn nói ra sao nên cứ chào lần nữa.

– Chào cậu. Ông già đáp nhưng coi không mặn mà gì lắm. Anh đến chơi hay có việc gì?

– Dạ...

Ánh mắt ông có vẻ diễu cợt làm cho Don tái mặt.

– Cậu ở xóm nào, con ai? Ông hỏi tiếp.

– Dạ, cháu con ông Tụ ạ.

– Tụ nào nhỉ?

– Dạ, Tụ xóm Mủng bác ạ.

– À xóm Mủng. Có phải là lái Tụ không?

– Dạ, phải...

– Bố anh trước làm cai thầu, sau về lái trâu hoạn lợn chứ gì. Tôi có biết... ra anh là con ông Tụ đấy. Thế ông cụ giờ có khỏe không? Sao mấy năm nay không thấy ông ấy đi lên trên này?

– Bố cháu dạo này yếu lắm ạ. Bố cháu chỉ đi hoạn lợn nhì nhằng xung quanh xã thôi ạ.

– Già rồi, phải. Cánh chúng tôi thế là già hết rồi, ông già than thở. Ăn cũng khó chứ nói gì đến làm. Thế anh có theo đuổi nghề của bố anh không?

Don được dịp khoe:

– Cháu đi thoát ly làm cán bộ, cháu công tác trên huyện bác ạ.

– Làm cán bộ hả? Cũng danh giá đấy. Nhưng sao anh đến chơi muộn thế?

Don biết là ông già đang đuổi khéo mình nên bê chén nước lên uống đưa mắt liếc xem Bến đang ở đâu.

– Dạ, cháu xin phép bác, cháu về ạ. Don đứng lên.

– Vâng, anh về. Ông già vừa nói vừa quay vào phía trong, lần sau mời anh lên chơi nhưng lên sơm sớm, đừng lên muộn. Bến, con ra đóng cổng đi ngủ con.

Trán Don dâm dấp mồ hôi, như thế này có khác gì hắn bị tống ra khỏi nhà. Mà lại bị đuổi trước mặt cô gái.

Một lúc sau Bến ra đóng cửa. Cánh cổng là những thanh gỗ ghép lại, chỉ đóng cho có lệ chứ chẳng giữ được ai. Chờ cho Bến đến thật gần, Don mới lên tiếng:

– Cô Bến, tôi hỏi cô một việc...

Bến giật thót mình lùi lại.

– Úi... cái anh này... anh còn đứng đây làm gì?

– Tôi chờ cô, cô không nhận ra tôi à?

– Không, tôi không biết.

– Sao cô không trả lời thư tôi, cô ác thế.

– Ác làm sao bằng anh? Bến nói, tay vẫn giữ chặt lấy cánh cổng.

– Thì tôi đã xin lỗi trong thư mấy lần rồi. Tôi gửi cho cô năm sáu cái thư, cô không hề trả lời cho tôi lấy một chữ. Cô là người nhẫn tâm, ít ra cô cũng nhắn cho tôi một câu hay viết cho tôi vài chữ.

Bến không nói gì cả, một lúc lâu.

– Từ nay anh đừng viết cho tôi nữa, cô nói. Tôi sẽ không nhận nữa đâu. Tôi còn nhớ cái lần anh đánh tôi ngoài bãi, còn bảo tôi là đồ ác độc. Tôi khóc mấy đêm liền, mà tôi có ác độc gì cho cam, anh về đi, bố tôi gọi tôi bây giờ.

– Vì cô không trả lời thư của tôi nên tôi phải xông vào nhà cô như thế này. Tôi đã đi bộ từ trên huyện về, tôi đi trong đêm, tôi bơi qua sông, suýt nữa thì tôi chết trôi. Tôi suýt chết mà đến để cô đuổi tôi phải không?

– Anh chỉ nói dối.

– Tôi nói dối thì ngay lúc này về huyện bơi qua sông, tôi chết đuối luôn, không về gặp cô được nữa...

Don giận dỗi bỏ đi. Câu thề độc ấy đã dội vào lòng cô gái một nỗi thương cảm. Đi đã khá xa nhưng tai Don luôn dỏng lên để nghe ngóng. Quả thật, không nghe thấy tiếng lạch cạch đóng cửa của cô ta. Có nghĩa là Bến còn đứng trông theo, còn tần ngần nghĩ ngợi.

Đêm đó anh chàng lại vượt sông và đi bộ đến gần sáng mới về đến xưởng giấy nhưng không cảm thấy mệt...

6.

Chiều đang xuống và nắng rất thơm. Tiếng cô gái xưởng giấy gọi eo éo:

– Ai là Ốc ra đây nhận thư.

Đang vò đầu bứt tai, Don giật mình. Không lẽ mình có thư? Không lẽ thư của Bến? Nhưng cái lối trêu chọc của cô Thanh, luôn luôn nghĩ Don là thằng tẩm như thế này thì không thể ngửi được. Không nên dính vào mấy con mẹ phù thủy ấy, Don nhất định không lên tiếng.

– Ai là Ốc nào? Có thư của Thị Hến đây.

– Của em đấy. Bưởi lên tiếng.

– Mày là Bưởi chứ có là Ốc đâu. À quên, ai là Don ra đây nhận thư của Thị Sò, à quên, Thị Hến. Thị Hến nhá, xin đính chính lại. Không có ai hả? Thư này không có người nhận trả lại người gửi. Lúc này Don mới thò cổ ra ngoài cửa sổ quặc lại:

– Này, tôi không thích lấy tên người ta mà đùa đâu nhá.

– Don không cùng họ với Hến là gì, hả? Này có phải cái thư này của cậu không nhé, người gửi em Đào Thị Hến... thương yêu gửi anh Lê Văn Don... chao ơi, nghe mà tim run lên bần bật...

Don khùng lên, cầm ngay cái ghế và quát:

– Đồ yêu tinh, có đưa cái thư cho người ta không thì bảo...

Thanh vội ném cái thư qua cửa sổ rồi chạy biến.

Đúng là thư của Don nhưng ai gửi đây? Nó không những xấu xí mà còn không đúng quy cách nữa, chỉ nhỏ bằng lòng bàn tay, giấy đen xì. Cũng được dán một con tem màu đỏ bên góc nhưng người gửi không đề tên.

Lần đầu tiên trong đời Don nhận được thư. Ôi chao, người cứ rạo rực bồi hồi. Don không muốn bóc vội. Thân gửi anh Don... Nét chữ không đẹp nhưng vết nắn nót, các vết đều mềm mại, lại viết bằng mực tím. Xưởng giấy Cầu găng, sai chữ găng, phải là Goăng mới đúng. Bến ơi, nhất định là thư của em rồi, em đã đến, tình yêu của em đã đến...

Don không muốn đọc thư của Bến trước mặt mấy ông bạn thợ trong lán đang hếch hếch mặt chờ đợi, hắn muốn đọc một mình. Giá như lúc này hắn được ở trong rừng ổi, hoặc ngoài bãi biển một mình thôi, để nhấm nháp tận cùng cái hương vị thơm ngọt của tình yêu. Bỏ cái thư vào túi, hắn làm ra vẻ hững hờ đi ra ngoài rồi ẩn vào sau gốc sung. Hắn xé cái phong bì, bên trong là một mảnh giấy xé từ quyển vở học sinh, có những dòng kẻ rất đậm được gấp làm bốn. Kính gửi anh Don... Đầu thư tôi có lời chúc anh sức khỏe. Từ nay anh đừng dại dột mà đêm hôm một mình bơi qua sông nữa, nếu anh bị chết trôi thì người ta không biết lại trách vì tôi mà anh bị chết. Hôm nọ bố tôi biết anh đứng chờ ngoài cổng, bố mẹ tôi chửi tôi mấy ngày liền, nhiếc móc thật đến là thậm tệ. Nào tôi có tội gì cho cam, vì anh liều lĩnh cho nên tôi bị đòn oan. Gần một tháng nay, bố mẹ tôi cấm tôi đi ra ngoài, tôi muốn sang nhà hàng xóm, sang bạn cũng không cho đi. Bố tôi bảo nếu thấy anh đến nhà một lần nữa thì ông cạo trọc đầu bôi vôi, tống khứ tôi ra khỏi cửa. Tôi sợ lắm. Anh Don ơi, anh có thương tôi thì anh đừng bao giờ đến nhà tôi nữa. Anh mà đến là tôi chết đấy...

Ông già ấy làm thế này là gây rắc rối cho mình rồi đây. Bến không ưng thì đã đành hoặc mình sẽ có cách bắt phải ưng nhưng đằng này không phải là Bến. Cái ông già ấy sắt đá và cổ quái, mới gặp mình đã biết ngay mà. Ánh mắt thì săn són, xoi mói, nhìn bạn trai của con gái mà như nhìn thằng kẻ trộm. Người như thế thì khó mà lay chuyển nổi.

Don u u mê mê trong đầu, suốt ngày chân tay bải hoải, bực dọc, mắt nổi những tia máu. Chưa chịu đâu, nhất định ông ta không chịu đâu, Don cứ lẩm bẩm câu nói ấy như đọc thần chú. Cứ phiên chợ huyện là hắn ra đầu đường ngóng cầu may gặp Bến đi chợ. Gặp ai hắn cũng hỏi nhưng không lần nào gặp Bến. Cuối cùng hắn nhắn người làng bảo thằng Sung lên gặp hắn có việc. Thằng em họ ngổ ngáo chẳng kém gì Don nhưng được cái ai nhờ gì không từ chối. Sáng hôm sau, Don chuẩn bị đi làm thì thằng Sung vai vác đòn càn, tay cầm dao, bên nách toòng teng gói cơm nắm, đi vào lán. Don mừng rỡ hỏi:

– Mày đi đâu đấy?

Thằng Sung cười hề hề:

– Thì anh nhắn bảo em lên có việc, bây giờ lại hỏi em đi đâu.

– Nhưng làm gì phải vác cả dao, rựa, đòn càn...

– À một công đôi việc chứ, chả nhẽ đi không. Thế thì anh có việc gì nói ngay đi.

– Có lẽ chiều mày về đây. Tao đang có việc rắc rối quá.

– Tôi biết rồi. Rắc rối cái chó gì, con Bến nó lấy chồng chứ gì? Hay nó chê anh?

– Mày biết đếch gì đâu, câm đi.

– Chưa chi anh đã hoảng lên cả rồi. Nó nhận lời lấy thằng Thạo, nhưng mới ăn hỏi thôi, ông ạ.

– Thằng Thạo con nhà Lường phải không? Ăn hỏi hôm nào?

– Tháng trước. Sắp cưới đấy, anh mê con nỡm ấy làm quái gì. Từng đống, như nó thì từng đống, xúc không hết. Anh ngốc bỏ mẹ. Bây giờ anh đã là cán bộ công nhân viên nhà nước rồi thì khối cô muốn lấy làm chồng, thiếu giống gì. Đường quang không đi lại mò

vào đường rậm. Khi nào em tìm cho anh một đám, con nhà quan hẳn hoi.

Don bỏ ngoài tai, ngó lờ đi chỗ khác, hơi thở gấp rút như đang trù tính điều gì. Rồi lại hỏi:

– Khi nào thằng Thạo cưới mày biết không?

– Không biết. Em có phải họ hàng nhà nó đâu mà biết. Hay là hôm nào anh về dọa cho nó một trận. Con bé ấy đỏng đảnh và chua ngoa lắm đấy, đứa nào động vào nó là nó xắn váy lên, nó tế cho cả ông bà ông vải. Anh chứ em là em không dại gì dây vào loại đàn bà ngoa ngoắt ấy.

– Thôi mày đi đi, lắm chuyện. Nhớ khi nào con bé ấy cưới mày bảo tao nhé.

– Chắc nó cũng chẳng mời anh đâu mà biết.

Thằng Sung lại cười hề hề. Don phát cáu lên:

– Mời hay không mời mặc kệ mẹ tao. Đồ trẻ con...

Nhờ ông trời dung dủi, tình cờ Don gặp Bến ở cửa hàng bách hóa huyện. Bến thấy Don tự nhiên chân tay cứng lại, đứng như trời trồng. Cái áo xanh may chiếc ly mới, cái quần sa tanh óng ánh đen, trên tay Bến có cái nón quang dầu cũng óng ánh. Đôi má cô đỏ như trái bồ quân. Cô đi chợ, cô đi sắm đồ cưới? Rõ ràng cô tràn trề hạnh phúc, cô sắp được làm vợ, cô sắp có chồng.

Cuộc gặp gỡ thật bất ngờ cho cả đôi trai. gái. Bến không biết tránh đi đâu và cũng không biết nói sao với Don nữa. Như con hoẵng, con chồn gặp con hổ đói, chạy không chạy được mà đánh trả cũng không đánh trả được.

Từ từ đi đến, máu đã bốc lên mặt, hắn chỉ muốn cho cô gái kia một quả đấm. Một quả đấm để cho nó biết, nó đã coi thường tình yêu của một thằng con trai đã khổ sở vì tình, suýt chết đuối vì tình. Nhưng đấm cô lúc này là mất hết, công cốc, chẳng gỡ gạc được chút sơ múi gì.

– Bến đi chợ đấy à? Hắn cố rặn ra cười và hỏi.

Như người mất hết hồn vía, Bến chớp chớp mắt ngượng ngịu. Hai tay cô vân via cái quai nón một cách khổ sở.

– Hàng họ bán xong chưa?

Don biết hôm nay Bến đi chợ không phải để bán rau quả, cô đi sắm những gì cần cho ngày cưới. Nhưng Don cứ làm như không biết gì.

– Sao Bến không vào trong mình chơi? Cơ quan mình cũng gần đây thôi mà.

Hắn lại hỏi và khi thấy mặt Bến tái đi thì Don hơi sợ. Đây là cơ hội cuối cùng, tuột đi là mất mãi mãi. Khi đã cưới rồi thì khó mà giật nó ra khỏi tay thằng Thạo. Don cố lấy giọng thân mật hơn nữa:

– Ta vào trong ngõ nói chuyện, tôi rất mong được gặp Bến, hôm nay thì may quá.

Don đi trước vào trong con hẻm. Không hiểu sao Bến như bị thôi miên, cứ bước theo.

– Anh Don, anh đã nhận được cái thư của tôi gởi chưa? Bến hỏi.

– Chưa.

– Sao lại chưa? Thật không?

– Sao lại không thật, tôi nói dối Bến để làm gì.

– Ôi, thế thì thất lạc mất rồi. Lần anh về, tôi bị bố mẹ chửi đến mấy ngày, còn dọa từ tôi, giết tôi nữa. Từ nay tôi xin anh, anh đừng có tìm gặp tôi. Tôi sợ bố mẹ tôi lắm.

– Tôi gặp cô, tôi có làm gì cô đâu mà không cho gặp. Tôi chưa có vợ, cô chưa có chồng, tôi yêu cô, làm sao bố mẹ cô cấm được.

– Nhưng... từ nay thì không được, Bến lúng túng nói. Nói thật với anh, anh đừng có giận, mai là ngày em lấy chồng.

Mắt Don long lên:

– Cô lấy chồng, lấy ai?

– Người trong xã.

– Thế ai mối manh, bao giờ?

– Tôi không biết.

– Sao hôm nay Bến mới nói với tôi?

– Tôi không biết, tôi về đây.

Don đứng chắn trước Bến:

– Khoan đã. Cô đi lấy chồng, còn tôi, tôi suýt chết đuối để tìm về nhà cô mà cô không thèm nhìn đến.

– Nhưng có phải tại tôi đâu. Tôi không có quyền. Anh đừng trách tôi.

– Ừ, không phải tại Bến, tại cái số tôi hẩm hiu. Bến ơi, tôi yêu thương Bến vô cùng, tôi muốn Bến làm vợ tôi, tôi nguyện suốt đời hầu hạ chiều chuộng Bến. Bến hãy nghĩ lại đi đừng lấy cái thằng Thạo ấy, đừng lấy, lấy nó thì em sẽ khổ suốt đời.

– Không được, ngày mai cưới rồi. Anh đừng nghĩ đến tôi nữa, anh hãy buông tha cho tôi.

Lửa đã bốc lên, gió đã nổi lên. Một là Don sẽ cháy trong ngọn lửa bạo tàn, hai là Bến phải là vợ hắn. Đã đến lúc phải chọn lấy một.

Dường như Don thức trắng và nằm nghe tiếng gió trong đêm. Những đêm nổi giông, tiếng gió cũng hun hút vào làng Thúng như thế này. Rừng ổi dại ngút ngàn, mùa đông lá đỏ như lửa, trông cứ như rừng ổi đang bị bốc cháy. Làng Thúng nhỏ nhoi nằm lọt thỏm vào giữa cái rốn của rừng ổi. Heo hút và hoang dại. Nó không cùng cực quá, hoặc nghèo nàn quá, không, làng Thúng là một làng trù phú, đông đúc, nhà ngói, cây mít san sát, nhà có tủ chè, tủ chùa, sập gụ phần nửa. Sáng ra, đàn bò đông như đội quân viễn chinh được thả vào rừng. Người dân yêu làng, yêu xóm đến nỗi không ai đi làm quan cũng như đi làm ăn xa xứ.

Bồn chồn và chếnh choáng như người say, nhưng Don vẫn biết mình rất tỉnh. Cái cảm giác tê tê, đắng đắng trong lòng Don từ khi gặp Bến, mỗi lúc một tăng. Khắp da thịt hắn như có ai đã xoa một lớp bột ớt, tưởng như nó đang bong ra từng mảng thịt. Tự nhiên hắn chợt nghe như có tiếng ai gọi hắn, một tiếng gọi lanh lảnh, rất xa, gần giống như tiếng vọng của núi đá. Hắn choàng chạy ra sân... Bốn bề tối om vắng lặng, hoàn toàn không có âm thanh nào bất thường.

Hoảng loạn hay là ảo giác. Có thể đây là một điềm gì Thần linh đang mách bảo. Cái điều mong đợi tan rồi, chỉ như một tiếng vọng thôi. Mày hãy biết xôi hỏng bỏng không là cái gì, hãy thử nếm trải sự chua chát, đắng cay của cuộc đời để mà dạn dày, để mà đừng phải hốt hoảng.

Thế là giẫm phải vỏ chuối. Bến đã là dâu người. Ở làng, sống với nhau hàng mấy đời, sau lễ dạm ngõ mặc nhiên đã là dâu, là rể. Huống hồ lúc này Bến đã như ván đóng thuyền.

Cuộc đời, đối với Don đã có tiền lệ, hắn biết mình phải làm gì. Con người ta có một sự lạ. Có người số phận đã định cho anh ở trong chậu nước, anh có quẫy thì cũng chỉ càng chìm nghỉm thêm. Nhưng cũng có người, dám quẫy để nổi lên trên mặt nước, có khi còn vọt ra khỏi chậu nước.

Thế thì số phận Don, ông Trời đã định cho ở đâu? Là ở trong cái lều lợp lá dứa dại giữa bãi ngâm sống với muỗi dĩn hay ở chỗ nào? Một cái đầm lầy, một cái sào tre, thêm cái nón mê và một đàn vịt. Thả vịt, không giàu nhưng nhất định không nghèo, đối với người khác như thế là tốt, là hay. Nhưng với Don – không thể được.

Don đã thử quẫy một chút nhẹ thôi, đã bay ra khỏi bãi ngâm, đã vọt xa khỏi lũy tre làng, đầu tiên là tránh được sự đánh chửi của ông bố bà mẹ, sau đó là tự do, là nhân phẩm, là tình yêu...

Thế là không cần phải cao xa gì lắm, không cần phải tốn máu hoặc tốn nước mắt gì nhiều, hắn cũng học được một bài học đường đời quý báu, càng về sau thấy nó là xương máu: Đời không bao giờ cho không mình miếng gì, muốn sống phải quẫy đạp, thậm chí tàn bạo mà giành lấy. Và cũng không loại trừ có khi phải lè lưỡi ra liếm đất mà sống. Ôi, đời là thế đấy, một cuộc vật lộn để sinh tồn. Và điều đó không phải là triết lý xa xôi gì, nghe còn quá đơn giản và nhẹ nhàng, nhưng cho đến khi về già, khi trong tay đã có hàng trăm cây vàng cũng như khi nằm còng queo trong trại giam, Don mới thấy làm được như thế đâu có dễ dàng gì. Mỗi ngày sống là nhỏ một giọt máu tươi, sòng phẳng như địa ngục.

Đến ngày cưới của Bến. Ngay từ chiều hôm ấy, Don đã làm đơn xin nghỉ có việc nhà. Sáng hôm sau, Don về quê. Rẽ về nhà chào ông bố nghiện ngập đúng một câu rồi biến.

Don đi đâu?

Nếu ai quen thuộc nhìn mắt Don lúc này hẳn phải giật mình. Không còn là mắt người nữa, đó là đôi mắt thú. Một âm mưu ghê gớm đang nung nấu trong đôi mắt ấy. Don đi ra khỏi làng, tránh con đường to râm bóng hàng tre và dừa, hắn lần theo con đường tắt, những lối mòn ngập cỏ ven rìa làng, những bờ thửa nhỏ ngoài nương khô. Ra khỏi làng, Don sực nhớ cái gì đó liền rẽ xuống chợ.

Don tìm đến hàng sắt, hỏi mua một con dao khá ưng ý. Đây là loại dao người ta dùng để đan lát, rất sắc, đầu nhọn và có chuôi bằng sắt, dài chỉ độ một gang tay. Don lại qua hàng da, mua một cái bao cho con dao rồi đeo vào thắt lưng. Xong rồi Don tự nhủ, yên tâm.

Trở lại con đường đã đi. Don chợt bối rối và như người ngẩn ngơ. Tâm trí của hắn vừa rối rắm, vừa trống rỗng. Bao nhiêu mục đích xô bồ trong đầu, có mục đích vừa cương quyết đã trở nên mù mờ, có mục đích vừa mù mờ đã trở nên bạo liệt. Nhà Bến. Đám cưới Bến hay là nét mặt Bến? Hay là tính mạng thằng Thạo? Không biết cái gì sẽ đến, cũng không biết hắn sẽ tìm đến cái gì, tìm đến ai?

Đường từ làng Thúng sang làng Tùng Lâm không phải Don chưa đi lần nào, ngược lại ngay từ bé, chiều nào hắn cũng chăn trâu cắt cỏ ở đó, thế mà bây giờ mới đi một đoạn hắn đã thấy lạ hoắc. Cái gò hoang, cái am đổ, điếm canh dưa, cái giếng chùa... của làng này cũng giống của những làng khác.

Đến nhà Thạo, hắn quyết định.

Đúng là nhà sắp có đám cưới. Mặt ai cũng có vẻ tí tởn. Kẻ đi lên, người đi xuống, gọi nhau í ới, mời chào cười nói. Chốc chốc lại có vài người đi đến, chốc chốc lại có dăm người đi ra. Những thằng thanh niên áo trắng quần xanh, trông có vẻ sạch sẽ hơn kia có lẽ là những thằng bạn của Thạo đến khiêng bàn ghế và dựng rạp.

Don đứng cách xa, ẩn vào bụi dứa, cố để không ai nhìn thấy. Đám cưới có lẽ làm vào buổi chiều, ăn uống nữa sẽ thâu đêm. Vào ban đêm thì thuận lợi hơn...

Đằng sau nhà Thạo có một hàng dâu, chưa đến mùa hái nên rất rậm rạp. Sau đó lại có con mương không được nạo vét nên không có chỗ nào có nước. Don theo con mương ấy đi mãi và không ngờ phía trước là cánh rừng, cây không cao nhưng rậm rạp, hiểm trở, có đá và có vực. Đi khoảng dăm cây số là hết chiều ngang của cánh rừng, tiếp đó là đồi sim. Phía chân đồi, tinh mắt có thể tìm thấy một con hào sâu, trên miệng cây vọt, cây mua cây sim mọc tự nhiên che phủ. Ban đêm không ai có thể tìm thấy con hào bí ẩn này.

Đúng tám giờ tối.

Không hiểu sao, Don lại chọn đúng tám giờ để ra đi? Hắn nghĩ chỉ có giờ ấy mới có thể thành công.

Don đến trước cổng và tự trấn an mình. Đúng, là đám cưới chỉ mới bắt đầu. Don sờ vào thắt lưng, con dao vẫn còn nguyên đó. Nhà có đám cưới vui thật, Don nghĩ. Cánh cổng đã mở toang để đón khách. Từ cổng vào sân là cái ngõ chạy thẳng giữa hai hàng dâm bụt.

Trong kia tiệc vui đang nồng, khách khứa toàn những ông già bà cả, không biết đám cưới theo lối mới hay lối cổ. Có lẽ cả cũ cả mới cho được lòng cả giới trẻ lẫn giới già. Trông đám cưới cũng vui mắt. Ông già đầu đội khăn xếp, mặc áo dài đen, bà già chít khăn nhiễu hoặc khăn nhung, mặc áo dài sồi nhuộm vang. Tiếng cười nói râm ran. Don không nhìn thấy Bến trong đám chị em nấu nướng, dọn dẹp bát đũa. Cô dâu lúc mới đưa thường được dẫn vào buồng. Hay Bến còn ở trong buồng đang trong cơn say hạnh phúc.

Don nấp sẵn trong một chỗ kín mà ban ngày hắn đã chọn sẵn. Hắn không thấy sợ mà chỉ thấy tức, tức nghẹn đến tận cổ. Một đám cưới thật vui vẻ, đáng lý đám cưới như thế này, cô dâu kia phải là của hắn...

Trong rạp tiếng cười lại rộ lên, tiếng vỗ tay nổ ròn như pháo. Don giật mình ngơ ngác nhìn. Vì sao có tràng pháo tay lạc lõng như vậy? Người vẫn chạy lên chạy xuống, cỗ tiếp tục bê ra. Khách khứa ở ngoài sân thường đã ăn xong hoặc mới đến, họ ngồi ăn trầu hút thuốc và nói chuyện mùa màng. Thạo, chú rể lăng xăng, lúc này

Don mới trông thấy. Hắn mặc bộ đồ tây, đầu chải lật ra phía sau, bóng mượt nhưng trông anh chàng vẫn ngô nghê thế nào...

Cửa buồng mở ra, ánh mắt mọi người hướng về phía ấy. Xuất hiện một cô gái. Tim Don rung lên. Bến ngượng nghịu từ trong buồng bước ra, đi chào hai họ...

Lễ tục là như vậy, rước dâu về, một người phụ nữ phúc hậu, mắn đẻ, tươi tắn được chọn để dắt cô dâu vào buồng và chính bà cũng là người trải đôi chiếu hoa cho đôi tân hôn trên chiếc giường hạnh phúc. Công việc này có lẽ đã làm trước khi Don đến. Bây giờ đến lúc cô dâu được phép ra khỏi buồng để cho khách khứa xem mặt.

Tại sao người ta thích xem mặt cô dâu ngày cưới? Không hiểu nhưng ai cũng thích. Là người trong làng, trong xã, trong xóm, ngày nào cũng gặp nhưng rồi đến ngày cưới của cô gái, người ta vẫn thích xem mặt cô ấy. Hay là người con gái đẹp nhất là trong ngày cưới của mình?

Ánh đèn, khói thuốc, nhộn nhịp kẻ ra người vào, đám cưới thật trọn vẹn. Đến đây Don cảm thấy mọi việc đối với hắn, dường như đã kết thúc. Tình ái, niềm hy vọng, sự chờ đợi, nỗi khổ đau và khắc khoải... đã thành mây gió, lòng trĩu nặng đau đớn, hắn như đang quằn quại trong ánh đèn đung đưa từ trong đám cưới tỏa ra. Hắn phải dựa lưng vào tường, ngửa mặt lên, hai tay nắm chặt như đang bóp nát cái gì đó.

Bầu trời chi chít sao đêm và sâu thẳm, chỉ có một đám mây đen đang trôi giạt xa dần. Đêm sâu kín và bí ẩn đến lạ lùng. Ruột gan Don tự nhiên nhói lên sự thúc giục mơ hồ. Cái gì, đó là cái gì? Don linh cảm một việc gì đó khủng khiếp đang đợi mình. Cái gì thì hắn không biết nhưng nhói đau thật sự, giống như một nhát dao chém vào cánh tay mà không được băng bó. Vết thương đã tứa máu hai ngày nay. Phải tìm cách băng bó lại vết thương. Đúng là thương tích mà chính Bến chứ không phải ai khác, cô gái đang tràn trề hạnh phúc kia, là một con dao gây nên.

"Mình sẽ nhắn Bến ra, bảo là gửi đồ mừng chứ không thể vào dự đám cưới được..." nói như thế có lẽ Bến sẽ cảm động.

Vừa lúc đó Bến bê một chồng nồi không ra để ở góc sân. Một người đàn bà đang xào nấu gì đó trong bếp chỉ rổ bát bảo Bến: "Thôi, cháu không phải vào trong bếp nữa, cháu lau hộ dì rỗ bát cho khô. Sắp có một đợt khách nữa đấy". Rổ bát để cạnh giếng nước, Bến đang đứng lau bát một mình.

Don biết đến lúc phải khởi sự không thì hỏng hết. Hắn lẻn ra khỏi chỗ nấp, cố tình đứng ra chỗ sáng và như đang tìm cái gì đó. Nhất định hắn sẽ gặp một đứa trẻ hay một bà già, trẻ con và bà già đều cả tin. "Hãy bảo với chúng rằng ta sẽ phá tan đám cưới của chúng mày, nghe chưa. Con Bến kia phải là vợ tao." Quả nhiên có một đứa trẻ bốn năm tuổi chạy ra, vừa nhảy chân sáo vừa hát.

– Chà chà... thế này có tức không kia chứ?... Don nói và cúi người lom khom chặn lối đi của đứa bé.

– Chú mất cái gì đấy? Cô bé hỏi.

– Ái chà, cô bé, cháu là con cái nhà ai mà xinh thế? Ngoan quá... Chú đánh rơi cái bút máy mà chú thì vội quá. Này chú nhờ cháu một việc, cháu giúp chú nhé... Cháu vào bảo với cô Bến ra cổng sau có cô bạn gái muốn gặp, nhớ nhé, ra cổng sau, nơi vườn chuối kia kìa. Chà chú lại không có đèn pin. Cháu nhớ chưa, nói thầm với cô Bến thôi nhé, nhanh lên...

Con bé ngoan ngoãn chạy đi ngay. Don lại như con sóc, vọt về chỗ nấp cũ. Hắn phải theo dõi xem con bé có vào chỗ Bến không. Đúng là con bé không sai lời, nó thì thầm vào tai Bến. Bến nhõm người lên, ngó trước ngó sau mới đứng dậy lau tay vào cái giẻ khô. Bến sẽ ra... Tim Don đập như trống làng. Bến đi đến vườn chuối rồi ngập ngừng hỏi:

– Na hay đứa nào đấy?

Làm sao Bến khỏi sợ, nếu không thì Bến sẽ thụt vào mất. Don ho một tiếng nho nhỏ. Bến như yên tâm, lại hỏi:

– Ai thế? Loan hay Na...

Don lên tiếng:

– Người quen đây.

– Ối, ai thế?

– Tôi đây, tôi đến theo lời mời dự đám cưới của Bến.

– Ôi, anh Don đấy à? Sao anh lại đứng đây?

– Tôi muốn vào dự đám cưới của Bến nhưng sợ người ta hiểu lầm. Đứng lui ra đây không có ai nhìn thấy lại mang tiếng cho Bến bây giờ...

– Không, tôi không ra đâu, tôi sợ lắm.

– Tôi có làm gì Bến đâu. Bến có mời tôi, tôi mới đến. Đứng lui ra ngoài này không có ai nhìn thấy thì người ta khinh tôi.

Bến nhìn vào trong nhà thấy không có gì đáng ngại, liền đi ra chỗ Don. Thấy thế, Don lại lui ra xa một đoạn nữa.

– Này, đứng đấy thôi. Tôi không ra nữa đâu.

– Em phải đứng lùi ra ngoài này một tí nữa. Nếu có ai thấy thì chết em chứ không chết anh đâu.

Don vừa dọa vừa vẫy. Thấy Don nói cũng có lý, vả lại, trong sân lúc này có mấy ông khách đang chào chủ nhà ra về, Bến càng sợ nên đi tiếp ra chỗ bóng tối mà Don đang đứng. Chợt phía bụi chuối có tiếng sột soạt như ai đang đi. Cũng giống ai đó ném cái gì ra vườn. Một người đàn bà đi ra giếng nước, chỗ Bến vừa rửa bát, nghiêng ngó. Người Bến chợt rung lên bần bật, tim đập thình thịch như trống vỡ đê. Có đứa nào thóc mách thì Bến phải chết, tình ngay mà lý gian. Bến không rời mắt khỏi người đàn bà ấy. Bà ta là ai, có lẽ họ hàng bên nhà chồng. Cũng có thể là hàng xóm láng giềng, những người trong xóm nhà chồng Bến chưa biết mặt hết...

Khi trong sân, khách và chủ đã chia tay nhau xong, bà ta cầm một gói gì to tướng chuyển qua hàng rào. Hú vía, không phải là kẻ tọc mạch. Bấy giờ Bến mới biết mình đang đứng trên mặt đất.

– Bến hãy ra đây một tí thôi. Don lại giục.

– Nói gì thì nói đi. Bến gắt lên. Tôi không thể ra được nữa đâu. Chết thật, ai trông thấy thì ăn nói làm sao? Tôi phải vào đây. Mà sao phải ra tận đây kia chứ. Ai mà biết được thì thầy tôi giết tôi chết.

Biết Bến không thể tiến xa thêm một bước nào nữa, Don đành quay lại. Hắn hơi ấm ức tí chút nhưng đàng phải đấu dịu không thì hỏng việc. Don đứng sát vào Bến thì thầm:

– Từ khi ta quen nhau tôi chưa được Bến nói với tôi câu nào tử tế. Khi mới gặp nhau thì Bến chửi. Đến nhà Bến thì Bến đuổi. Cả thầy mẹ Bến cũng đuổi. Có lẽ cái số tôi hẩm hiu như thế. Nhưng tôi thì tôi yêu Bến thật lòng. Tôi yêu Bến và thương Bến không thể nói sao cho hết được. Vì yêu mà đang đêm tôi cuốc bộ mười cây số để tìm Bến. Tôi rất thương Bến và hôm nay là lần cuối cùng được nói cho Bến biết, rồi sẽ không bao giờ gặp nhau nữa. Thôi bây giờ thì Bến hãy nói với tôi một câu...

Bến sững sờ vì cái anh chàng ngổ ngáo, ba que, lục lâm thảo khấu này lại yêu thương mình một cách chân tình tha thiết đến thế. Cô lí nhí hỏi lại:

– Nói cái gì cơ?

– Cô có ưng lấy tôi không?

Bến hoảng hốt:

– Anh nói dại, bây giờ tôi là gái có chồng rồi còn ưng cái gì nữa. Muốn chết à? Muốn người ta gọt tóc bôi vôi đóng bè trôi sông à?

Don nghĩ không thể chần chứ, con dao đã được lôi ra khỏi vỏ nhưng giọng của hắn vẫn bình thản lạ lùng.

– Cô đừng lấy thằng Thạo, cô ở với thằng Thạo thì khổ lắm, phí cả một đời đi. Cô lấy tôi, cô đi với tôi, tôi sẽ hầu hạ cô, tôi sẽ làm cho cô sung sướng cả một đời. Đi đi...

– Anh như thằng điên toàn nói dại. Đang cưới, hai họ đang ngồi kia mà anh bảo tôi đi đâu? Thôi tôi vào đây, chào anh.

Bến chưa kịp đi vào thì tay Don đã chít lấy cổ. Mũi dao nhọn đã kịp ấn sát vào hông. Don đã hành động nhanh chóng, cương quyết, liều lĩnh và quyết đoán như một tên kẻ cướp.

– Cô kêu là chết – Don rít lên – Khôn hồn thì im lặng, đi theo tôi.

Nhanh như cắt, Don lôi tuột Bến xuống bờ hào. Con hào này Don đã ngắm đi ngắm lại suốt cả buổi sáng nay, nó không có nước, chạy dọc theo bờ cây, đủ che khuất để trong làng không ai nhìn thấy. Lúc này lại giống như cái hầm ngầm. Bến chỉ ú ớ không dám hét toáng lên. Đi được một đoạn, Don rút cái khăn đã thủ sẵn nhét

vào mồm Bến. Bến vừa nghẹt thở vừa hoảng sợ, không thể chống cự. Người cô run bắn lên. Mặt cô tái xanh như tàu lá.

– Bây giờ cô có kêu thì cũng không ai người ta tin. Mà người ta bắt được thì cô nhục trước, cô sẽ mang tiếng trốn chồng theo trai. Thằng Thạo nó không để cho cô sống yên đâu. Khôn hồn thì nên im lặng đi theo tôi. Á... á... cô cào cấu cắn xé tôi như thế nào cũng được. Cào đi, cắn đi, xé đi... tôi càng sướng.

Bến rụng rời chân tay, thất vọng, hoảng sợ, đến nước này thì cô coi mình như chết rồi. Số cô sao mà khổ sở thế, nó không bắt ai lại bắt cô. Trăm thứ tiếng xấu xa sẽ đổ lên đầu cô, lên đầu bố mẹ cô, cho bố mẹ cô bao nhiêu điều ê chề nhục nhã với làng, với xóm, với bà con họ mạc. Don vừa thả tay cô ra cô liền liều nhằm thằng đàn ông khốn nạn đã lừa cô, đẩy cô vào chỗ nhục nhã, biến cô thành kẻ trốn chúa lộn chồng mà cào cấu cắn xé tiếp.

Don tinh ranh như cáo nên biết không thể chần chừ một lúc nào. Khi thuyết phục khi hăm dọa nhưng Don luôn luôn đẩy Bến đi thật nhanh. Nhân lúc buông lỏng hai tay, Bến vùng ra để chạy trở về nhưng chỉ được mấy bước, Don đã tóm lại. Không dùng dằng thế này được, chết cả nút, hắn xốc Bến lên vai mà chạy.

Không biết được bao xa nhưng Don đã chạy rất lâu, rừng cây đã ở trước mặt rồi. Bến không những không chống cự nữa mà gần như ngất xỉu. Don đặt Bến xuống, hắn cũng đã rất mệt. Dù sao quãng này cũng đã an toàn rồi. Don rút cái khăn trong miệng Bến ra, cô rũ ra như một con gà rù. Cả đến chửi bới cũng không còn sức nữa. Đến chỗ này thì hết rồi, không còn ai cứu cho cô nữa. Con coi như chết rồi, mẹ ơi... Bến khóc òa lên. Don hoảng quá ôm lấy cô ta:

– Bắt cô thế này cũng vì tôi không muốn cô phải sống với thằng chồng đần như thế. Tôi đã nói rồi cô phải là vợ tôi, cô nhớ không. Bây giờ hãy đi theo tôi, thề có trời đất, có thần thánh chứng giám tôi nguyện suốt đời hầu hạ cô, suốt đời yêu thương cô hết lòng.

Không ngờ Don vừa thề thốt xong thì Bến càng tức tưởi hơn. Don hơi mừng vì Bến khóc như thế tức là cô hết hy vọng trở lại nhà chồng. Hắn lại dỗ dành:

– Nín đi, chúng ta sẽ cưới nhau. Tôi sẽ thương yêu Bến mãi mãi, tôi sẽ làm cho Bến sung sướng.

– Nhưng đã cưới rồi, tôi đã là dâu của người ta rồi, Bến nấc nở một cách tuyệt vọng. Trời đất ơi, anh làm như thế này thì bằng cách giết tôi, giết cả cha mẹ tôi. Hàng xóm láng giềng thiên hạ người ta sẽ nhổ vào mặt bố mẹ tôi, anh có biết không? Em lạy anh, anh muốn gì em cho, anh hãy tha cho em về, em có về bố em mới sống được. Lúc này chưa ai biết, em về còn được. Con gái không ai trốn chồng như em thế này, anh tha cho em. Em lạy anh trăm lạy...

Ai nghe những lời ấy của cô gái cũng thắt ruột thắt gan lại nhưng với Don thì hắn nổi khùng:

– Cô đòi về hả? Cô hãy nghe đây: một là tôi giết cô để tôi chết luôn. Hai là tôi kêu lên để mọi người chạy ra bắt được cô và tôi ở đây, cô đang tình tự với trai. Đằng nào thì cô cũng chết. Mà chết nhục. Cô chỉ còn một cách duy nhất thôi, là đi với tôi. Đi, không chúng nó đuổi đến bây giờ.

Lúc ấy là thời khắc thúc bách và hoảng loạn nhất, không cho phép Don đắn đo, suy xét. Chỉ có một con đường là chạy, không chạy là chết và mất cả Bến. Don nắm chặt tay Bến và kéo cô chạy. Bến như người mất trí, mặc cho Don kéo đi đâu thì đi, chống cự cũng chẳng để làm gì lúc này.

Hai người chạy được một quãng nữa nhưng vẫn không biết chỗ họ đến là chỗ nào. Bến không còn khóc được nữa và cũng không còn chống cự được nữa...

Họ đi qua cánh đồng khô, trên những bờ thửa hẹp chỉ đủ đặt bàn chân. Sang bên kia là làng xóm lạ. Hai người đi một quãng lại chạy một quãng. Cánh đồng trải ra bằng phẳng và sáng sủa. Đến một cái làng lạ, hai người dừng lại ở bờ cây để thở. Đã mệt, vả lại, chạy dễ gây ra tiếng động làm huyên náo lũ chó.

Bến đứng rũ ra, Don đánh liều ôm chặt Bến vào lòng. Don chợt bùi ngùi xốn xang, vừa ân hận vừa thương. Thế là hắn đã có Bến nhưng yêu cô mà không khác gì giết cô. Cái gì sẽ xảy ra cho Bến và cả cái làng sau lưng, cả cho đám cưới đang vui vẻ kia nữa, ngày mai ngày kia hoặc thậm chí cả đêm nay? Sẽ là cuộc náo loạn ghê gớm và nhất định không thiếu nước mắt. Sẽ là những bi kịch thảm thương. Ông già khe khắt và mô phạm khi biết con gái cưng của mình bỏ chồng theo trai này mà ngất xỉu đi chăng? Thằng chồng

thì hí hửng mất vợ trong đêm tân hôn chắc sẽ lồng lộn điên cuồng phun ra máu mà vác dao đi tìm vợ?

Don rùng mình, da thịt nổi gai ốc, không dám phỏng đoán những gì có thể xảy ra. Rồi tất cả sẽ qua đi nhanh chóng, mọi sự lại trở về yên ả dưới lũy tre xanh. Lạy trời. Xin Thổ công, Hà bá phù hộ độ trì... Từ nay Bến là của tôi, người con gái này từ nay sẽ là vợ tôi, là những gì mà tôi lo toan gánh vác, hy vọng và sống chết.

Hai người đã vượt qua làng. Đây là một cái làng ven rừng, nhà cửa thưa thớt nhưng vườn tược thì rậm rạp kín đáo. Qua mấy vạt nương nữa là đến rừng. Phải vào đến giữa rừng trước khi trời sáng. Chỉ có rừng mới có thể che giấu được hai người.

Họ lội bì bõm và kiên trì dấn bước...

7.

Khoảng nửa đêm trời chuyển mưa. Những ngôi sao không còn trong veo, nhấp nháy và xanh biếc nữa. Đêm đột ngột đen kịt lại như chưa có đêm nào như thế. Tiếng dế nghe động im bặt rồi lại rên rỉ dai dẳng. Đom đóm xanh lè, bay từng đàn như đàn ong. Mưa đã lâm râm rắc hạt. Hai người lúc ấy đang bước thấp bước cao, dìu nhau vượt qua những sá cày vừa mới cày lật lên chiều hoặc sáng qua.

Đi mãi rồi cũng qua được cánh đồng mới cày vỡ đó. Dưới chân hai người là những vạt cỏ tranh, những bụi mua, bụi sim thưa thớt của thềm rừng. Họ đành phải dừng lại ở đó, bởi vì không thể tìm thấy những lối mòn xuyên rừng trong khi mọi vật trước mắt đều thẫm đen. Te te tiếng gà rừng gáy trong bụi cây phía xa, vậy đã là nửa đêm rồi. Từ giờ tới sáng, bằng mọi cách Don phải làm sao thoát ra khỏi vùng này hoặc ít ra cũng phải tìm cho được chỗ kín đáo để ẩn nấp. Sáng mai mới có thể đưa Bến xuyên rừng tìm đến một chỗ có thể nương thân lâu dài. Nhất định sẽ có một cuộc rượt đuổi truy tìm Bến, không biết ngay bây giờ hay sáng mai?

Quãng đường vừa qua là quãng đường quá nặng nề và đau đớn đối với tình cảm và tinh thần của Bến. Lại thêm mặc cảm tội

lỗi còn đau đớn nặng nề hơn, gần như một ngọn lao đâm vào trái tim đang hạnh phúc.

Don đi một vòng tìm được túp lều cỏ của những người canh nương. Trời đã cho hắn một cô gái thì dĩ nhiên Trời cũng sẽ cho hắn một túp lều. Sau này khi Don đã giàu có, nhà tầng hai ba cái, tiện nghi trong nhà đầy đủ bóng lộn, nhưng không bao giờ Don thấy diễm phúc bằng khi ấy tìm ra một cái lều canh nương.

Cái lều lợp cỏ đã mục nát, thủng lỗ chỗ, bỏ hoang đã lâu, bên trong cỏ gianh mọc cao đến đầu gối nhưng ba bên vách che còn kín. Don khua khoắng xem có rắn rết gì không rồi bẻ một bó lá lót ổ. Xong, hắn tìm về chỗ Bến đang lạnh cóng như một cái xác. Hắn ôm lấy cô gái, cô không còn biết gì để phản ứng lại. Don đụng tay vào má thấy ướt lạnh, mặt cô đầm đìa nước mắt. Bến đang lặng lẽ khóc, Bến chưa tin hắn. Nhưng biết làm thế nào, không thể làm gì được lúc này. Đành vậy thôi.

Don nhè nhẹ đưa Bến vào lều, đặt cô nằm xuống. Lá cây và cỏ tranh đã thành một tấm thảm dày nhưng vẫn còn lạnh lắm. Người con gái này kể từ bây giờ là của Don, thế mà vẫn thấy là lạ. Cô ta phải lấy mình, không còn cách nào khác.

– Bến ơi, sao cô chẳng nói gì cả, cô ghét tôi chứ gì. Cô có đau khổ đến mấy thì bây giờ cũng không thể quay lại được nữa. Bọn họ sẽ gọt đầu bôi vôi dắt đi bêu ra ngoài chợ ngay. Cô hãy bằng lòng đi với tôi, tôi hứa là tôi suốt đời vì cô, rồi cô sẽ thấy tôi yêu cô đến mức nào.

Bến không nói gì, cô lại nghẹn ngào tức tưởi khóc. Như không còn kìm được nữa cô nấc lên từng cơn nghẹn ngào cay đắng, tiếng khóc xót xa sầu thảm đến tê lòng. Don vội bế cô lên lòng, ôm thật chặt. Đây là những giọt nước mắt cuối cùng, những tiếng nức nở cuối cùng, để chấm dứt một quãng đời con gái đức hạnh, nết na, hiếu thảo và mở đầu cho cuộc đời mà không biết ngày mai sẽ ra sao. Người ta cũng làm vợ nhưng không có ai như cô phải để lại đằng sau bao nhiêu sự nhục nhã và đau đớn. Từ nay cô không còn được nhìn mặt ai nữa, cha mẹ, anh chị em, bạn bè, làng xóm, họ mạc... Đối với họ, cô đã chết.

Quả nhiên một lúc sau, cơn bão lòng đã lặng. Bến tỉnh táo và mềm mại trở lại, đưa vòng tay qua xiết người Don. Nỗi đau dù cao ngút trời, vẫn hết.

Ba chục năm sau, bốn chục năm sau, khi Don đã là ông già tóc bạc quá nửa, vẫn nhớ khôn nguôi cái vòng tay tin cậy trong lều cỏ lúc ấy. Chỉ là một vòng tay nhè nhẹ thôi nhưng đó là sự tin cậy, là câu trả lời, là sự giao ước, nó nhỏ nhoi vậy thôi song lại là cái gì mà Don chưa từng hay biết, nó làm cho Don bâng khuâng rạo rực, là sự giải thoát cho tình trạng phấp phỏng.

Không ai còn để ý đến cái lều bỏ hoang của những người canh nương bên kia rừng, cả hai ôm xiết lấy nhau. Cũng không ai nghĩ đến nỗi hiểm nguy đang bủa vây tứ phía, trong lòng họ đang dâng trào và bùng cháy như sấm chớp nỗi khát khao. Don càng lâu, càng thấy tức thở và quặn đau chỗ rốn. Bàn tay Don run rẩy miết vào chỗ da thịt nào của Bến thì ở đó nóng bỏng lên như có lửa. Người Bến vừa nóng vừa mềm, lại vừa như sắp bốc cháy.

Chỗ nằm đã ấm lên dần dần. Những chiếc lá trải phía dưới nhanh chóng khô lại. Trong vòng tay Don, thân thể của Bến như giản nở ra gấp đôi. Bến oằn người ôm lấy Don, hơi thở của cô thơm thơm mùi bạc hà. Tại sao hơi thở của Bến lại có mùi bạc hà? Don chưa hề biết đến hơi thở của một cô gái nào từ khi lớn lên. Hay chỉ một mình Bến là có, mà sao thơm thế? Tâm trí Don cứ lơ lửng một cách mê dại.

– Thế là anh giết tôi – Bến hổn hển nói – từ nay bố mẹ tôi từ mặt tôi, tôi sống cũng như chết.

Don sửng người, quả là nỗi đau từ nay hắn phải gánh lấy.

– Ngày mai ta sẽ đi, Don dỗ dành, ta trốn đi một nơi nào đó thật xa. Anh sẽ làm lụng nuôi em, anh sẽ làm giàu, anh sẽ trở thành triệu phú, tỷ phú. Chúng ta sẽ sinh con đẻ cái. Khi ấy chúng ta sẽ về làng sang trọng như ông hoàng bà chúa...

– Tôi chẳng cần phải là bà hoàng, bà chúa gì cả, tôi chỉ muốn anh đừng bỏ tôi. Tôi đã bỏ chồng, bỏ bố, bỏ mẹ, bỏ xóm làng, anh em họ mạc, bạn bè, không còn ai thân thích, không ai nhìn nhận nữa, vì anh mà tôi phải khổ như thế đấy. Người ta không biết anh kề dao vào cổ bắt tôi đi, người ta chỉ biết tôi bỏ chồng, bỏ đám cưới

mà chạy theo trai. Không những tôi mang tiếng hư hỏng, gái trốn chồng, con bỏ cha mẹ mà gia đình tôi chịu tiếng xấu có đứa con hư hỏng. Sau này anh ruồng rẫy tôi thì tôi nhảy xuống sông tôi chết.

Don như mở cờ trong bụng, vội an ủi:

– Thôi Bến, cô đừng nói gở nữa. Tôi không bao giờ ruồng bỏ cô, nếu tôi có ý ruồng rẫy cô thì trời đánh tôi chết như một con chó. Tôi chỉ nghĩ là làm sao chúng ta giàu có, trên người cô và trong nhà đầy những vàng bạc châu báu nhung lụa.

Bến ứ ứ rúc đầu vào ngực Don. Dù sao sức trai trẻ vẫn là sức trai trẻ, phút chốc hai cơ thể đã xoắn xuýt vào nhau, mọi thứ như đã tan thành hơi, biến thành không khí, kể cả đám cưới, cả quãng đường vừa chạy vừa ngã vừa chết gần kề, tất cả đều tan biến. Lúc này chỉ có sự rạo rực, bâng khuâng, mê mẫn của hai cơ thể, một kẻ cướp và một bị cướp, hổn hển quằn quại đang hòa lẫn vào nhau...

Hình như có tiếng động lạ gì đó làm cho Don tỉnh giấc. Hắn kinh hoàng nhìn ra ngoài trời, thấy màn đêm đã nhạt, ngọn cây đã đung đưa màu xanh. Tiếng gì, tiếng cành cây rơi, tiếng đá rơi hay tiếng chân người? Trong rừng làm gì có tiếng u u như tiếng sóng biển. Thế mà hình như trong giấc ngủ Don đã nghe tiếng u u như thế. Có lẽ không phải là tiếng động của rừng mà tiếng chân người. Tiếng chân người chạy thì đúng hơn. Hình như, hình như... Don chợt linh cảm ra mối hiểm nguy đang đến.

– Dậy, dậy, Bến ơi...

– Cái gì thế anh? Bến cũng chồm lên như cái lò xo.

– Anh chưa biết, Don vươn nửa người ra ngoài lều nghe ngóng. Em có nghe thấy gì không?

– Tiếng chân người, có phải không anh?

– Có lẽ họ tìm ra dấu vết và đang đuổi theo chúng ta. Đàng kia có ánh lửa, em nhìn xem có phải là ánh lửa không? Đúng là người ta đã đốt đuốc đi đuổi bắt em.

– Trời ơi, khủng khiếp quá. Họ mà bắt được em thì thế nào bố em cũng giết chết em. Không giết thì em cũng phải tự tử mà chết kẻo nhục nhã. Đi đi anh, đi đi, chạy đi không họ đến ngay bây giờ...

– Em ngồi đây, em cứ ngồi yên đây đã. Chưa có gì phải sợ cả đâu...

Don chui ra khỏi cái lều hoang, máu liều đã bốc lên mặt. Hắn nhìn vào đám hơi hồng hồng trước mặt nhưng chưa thể nhận ra cái gì. Làng xóm vẫn yên lành trong giấc ngủ. Bầu trời phía ấy có hơi hồng lên và xôn xao tiếng người. Nhưng cái âm thanh ấy cũng không rõ, chỉ nghe một tạp âm ồn ả thế thôi. Don đi ngược lên sườn đồi, ngõ hầu tìm được một cái hang động nào đó nhưng bất ngờ hắn trượt chân nhào xuống một cái hố. Hắn loay hoay trong bụi lao một lúc thì nhận ra chỗ đó là một con hào đã xa xưa lắm, trên miệng cây dại, lau sậy, sim mua... mọc um tùm che kín đến nỗi đứng cạnh cũng khó mà biết. Don mừng rơn, ông trời đã cho hắn một chỗ ẩn nấp.

Đứng trên cao, Don có thể thấy những ánh đuốc chấp chới như ma trơi, ánh lửa lên cao xuống thấp, quay vòng, khi nhòm lại, khi tản ra. Có ngọn cháy rừng rực, có ngọn chỉ bé bằng ngọn đèn dầu. Đúng là họ nhà chồng đang tìm kiếm Bến. Don lao về chỗ Bến:

– Bến ơi, thằng chồng em đang huy động cả làng đốt đuốc đi tìm em. Nhanh lên, tất cả lá lủng này em ôm mà vất đi. Chúng nó đuổi kịp đến nơi bây giờ.

Bến lại rụng rời chân tay, cô luýnh huýnh bốc được cái này thì rơi cái kia.

– Thôi, khỏi cần, Don nói, không kịp nữa rồi.

Bóng đêm nhạt đi rất nhanh. Những bó đuốc chạy loáng quáng như ma trơi cũng không nhìn thấy nữa. Tiếng gà gáy sáng đã rộ lên. Những bó đuốc lại hiện ra nhưng thưa thớt khi rất gần, khi rất xa, ẩn và hiện một cách mung lung vô định.

Những ngọn đuốc gia phong, đức hạnh, hiếu thảo đã đốt lên những phản ứng và ham muốn mà Don ấp ủ bấy lâu nay. Đầu óc hắn nóng ran, mồ hôi trên người đầm đìa.

Những ngọn đuốc sấm sét đang đến gần.

Vào lúc này, Don không chạy và cũng không thể chạy đi đâu được. Trước mắt là cánh đồng trống trải mà nhất định còn hằn vết chân nổi loạn của hai đứa. Mé dưới một tí là cái làng nhà cửa thưa thớt chìm trong bóng cây, trông như nhà cửa những người muốn sống xa lánh cõi đời. Hoàn toàn không có chỗ nào cho Don và Bến, hai kẻ phản nghịch này dung thân.

– Anh nhìn kia, Bến kêu lên, ba người, bốn người, năm người. Chết rồi anh ơi, họ giết em mất.

Từ trong làng có bốn người đàn ông hùng hổ đi ra. Người nào cũng khỏe mạnh, chân tay cuồn cuộn cơ bắp. Mỗi người trên tay cầm một bó đuốc một cái gậy hoặc con dao. Bó đuốc đã gần tàn, cái nào cũng chỉ còn một mẩu ngắn.

Còn ai vào đây nữa, đích thị là người của nhà Thạo đi tìm con dâu bị mất tích. Trong mấy người kia ai cũng có thể là đao phủ được. Nếu như họ bắt được Bến? Chỉ trừ khi họ bước qua xác thằng Don này. Nếu như Don lọt vào tay họ, nếu như họ biết Don là thủ phạm, kẻ đã cả gan bắt cóc cô dâu ngay trong đám cưới thì nhất định thân xác Don sẽ là một miếng giẻ rách...

Trên tay Don, Bến mềm lả đi từ lúc nào, không biết còn tỉnh hay đã ngất xỉu. Don đứng bật dậy xô đổ cái lều trùm lên người Bến. Cái lều cỏ mưa nắng tả tơi hoang dã, đổ sập trên nền cỏ bên kia rừng. Bên trong là Bến và Don, là một tình yêu bạo liệt và đầy hiểm nguy, một hạnh phúc gần kề cái chết. Không biết bọn họ đi qua ngứa tay có thể xỉa một ngọn giáo vào không? Don lôi xốc Bến chui ra khỏi lều và cùng nhau chạy vào rừng. Chẳng thà chạy, chạy cho đến lúc bị bắt, cho đến lúc chết còn hơn nằm đây mà phấp phỏng chờ một mũi dao vô tình của bọn họ.

Nhưng lối thoát ấy nghĩ ra cũng hơi muộn, khoảng cách giữa đôi tình nhân và những người đuổi bắt quá gần. Từ cái làng đến rừng là một dãi ruộng cạn, trồng một vụ lúa, một vụ khoai. Bốn người đàn ông đi thành hàng dọc, chia làm hai tốp. Tốp đi sau ba người, còn một người đi trước cách khá xa. Thằng này là kẻ nào mà trông dữ tợn lắm.

Đạo quân tay gươm tay giáo kia cứ cứ nhắm theo hướng rừng mà tiến. Tim Don đập như trống làng, hắn lấy làm lạ. Không có lý

bọn họ tìm ra dấu vết của hai người chăng? Nếu thế thì sao họ không kéo nhau cả làng, cả làng mà càn thì nhất định con kiến cũng khó mà lọt qua... Nhưng như có Thổ thần phù trợ cho Don và Bến, khi còn cách chỗ ẩn nấp vài trăm mét thì ba người đi sau liền rẽ sang hướng khác, chỉ còn một đứa đi về phía Don. Don thở phào một tiếng và khi ấy mới biết dường như từ nãy đến giờ Don không thở.

– Lạy trời, xin Trời phù hộ chúng con, đừng cho họ trở lại.

Tiếng Bến lầm rầm cầu khấn, mắt cô đăm đăm nhìn vào một chỗ thần bí nào đó trên trời cao. Thì ra, Bến vẫn theo dõi tất cả.

– Em có biết những người kia là ai không?

Bến nhắm mắt lại lắc đầu:

– Em không biết. Có lẽ là người trong họ nhà chồng.

– Có Thạo không?

– Có.

Don hỏi như gắt lên:

– Đứa nào?

– Anh Thạo đi trước.

Bến thều thào trả lời. Máu trong người Don như ngừng chảy. Chân tay hắn rã rời. Là người khác đối với hắn đã là nguy hiểm huống hồ là Thạo. Bị cướp vợ, mà mất trước đêm tân hôn như thế này thì nhất định Thạo không nhường và sẽ một mất một còn, Bến chỉ dành cho một đứa.

Khoảng ba mươi phút sau thì Don lại thấy những người kia từ trong rừng đi ra. Có lẽ cuộc tìm kiếm từ trong đêm nên những người kia tỏ ra không còn hào hứng. Chỉ có Thạo, Don đã nhận ra Thạo như không còn biết mệt mỏi là gì. Thạo vẫn đi trước, dáng vẻ lồng lộn và điên khùng. Lần này bọn họ đi theo bìa rừng. Theo cái đà này không còn bao lâu nữa họ sẽ đến cái lều sập của Don. Thỉnh thoảng họ nói gì với nhau, định tiến lên hay bỏ về?

Don nắm chặt tay Bến để cho khỏi sợ. Đây là cơ hội cuối cùng, tình thế này cũng là tình thế cuối cùng. Không thể gặp may như

lần trước. Thế nào Don, Bến và bọn họ cũng phải choảng nhau. Tôi một, họ bốn, Bến ở giữa, Bến thuộc người nào thắng trận.

Don nói với Bến khi vừa lôi cô ra khỏi lều:

– Đi nhanh, nếu không chúng nó bắt được là chúng giết.

Trời chưa sáng hẳn đến mức có thể nhìn thấy lối đi. Trong rừng càng tối hơn. Hai người lom khom chạy, cố không gây ra tiếng động.

Con hào cách không xa. Don xuống trước và đỡ Bến xuống sau. Hai người đi theo con giao thông hào mà xuyên vào rừng. Trời chưa sáng vả lại, hai bên bờ hào cây vọt mọc xum xuê, không thể nhìn thấy dưới lòng hào có những gì. Mỗi bước chân đều có cảm giác rờn rợn trong người. Vùng này nhiều rắn độc, dưới lòng hào lại ẩm ướt, tối tăm, là vương quốc lý tưởng của loài rắn. Không biết có con nai gầm, hổ lửa, cạp nong, cạp nia nào đó đang đợi sẵn không. Hoặc trăn hoặc rết, hoặc ong đất... rất nhiều những con vật có nọc độc đều thích ở những chỗ như thế này.

Rồi Don và Bến cũng đến được một cái hốc đá. Nho nhỏ, kín đáo, cửa hang được che khuất bởi bụi cây cứt lợn, lại nằm cạnh gốc cây khô mà mối hoặc mưa gió đã ăn mòn mất một nửa. Không có chỗ nào tốt hơn, bên phải bên trái, phía trên phía dưới đều là rừng thưa. Có nhiều cây cao to khép tán che kín cả ánh nắng nhưng bên dưới lại thưa thoáng, trống trải nhìn thông thống.

Nhìn trở lại bìa rừng, Don thấy những người đi tìm kiếm sắp đến chỗ cái lều cỏ mà họ vừa rời đi. Một hoặc hai cái bóng lờ mờ, vẻ chán nản, mệt mỏi thật nhiều, chán nản hơn nữa, thất vọng hơn nữa, mau mau chuồn về nhà mà uống hết rượu đám cưới. Và cầu Trời cho các người hãy quên Bến đi, Bến sinh ra đâu phải để cho thằng Thạo dở hơi kia...

Thế mà bọn họ đã bỏ về thật, ba người đi về phía làng. Nhưng tại sao chỉ có ba người? Một người nữa đi đâu, hay là hắn nấp lại chỗ nào đó để rình đợi khi con thỏ chui ra khỏi hang.

Ba người kia đã vào hẳn trong làng có nhiều nơi nhiều chỗ cần phải lùng sục, chỗ nào cũng đầy vẻ nghi ngờ. Ụ rơm, gác chuồng bò, chái nhà... không thiếu gì nơi kín đáo, tối tăm dễ bề ẩn nấp. Don chợt nhớ ra, ừ tại sao, hắn lại không tìm một chỗ kín đáo trong

làng có thế bất ngờ hơn. Không biết vì sao Don không nghĩ ra điều đó...

Nhưng tại sao mãi chỉ có ba đứa? Còn một thằng nữa. Không biết thằng này ở đâu thì cầm bằng nộp mạng cho nó. Don vừa chui ra khỏi hang thì hình bóng Thạo đã đập ngay vào mắt hắn. Một cái đầu nhấp nhô sau bụi cây, thằng Thạo đang phá cái gì đó. Thôi chết, cái thằng đáo để và nguy hiểm kia đã tìm thấy nơi Don và Bến trốn, nó đang lật cái lều canh nương lên. Và bây giờ nó thừa hiểu vì sao có đám lá tươi trong đó.

Cả mấy chục năm sau, trong sâu thẳm cõi lòng, có lúc ông Don tự hỏi trời hỏi đất xem, lúc ấy tại sao không phải là ai, bố mẹ anh em chú bác gì đó, không phải là hàng xóm bạn bè, mà chính lại là Thạo tìm đến cái lều kia? Tại sao thằng Thạo không đi tìm ở một hướng nào khác? Xuống bến đò, lên thị trấn huyện, lên bến xe, ga tàu, vào rừng ổi, hay xuống cửa lạch, nơi có bao nhiêu tàu bè đi các tỉnh, thậm chí đi ra cả nước ngoài... Tại sao nó lại không đến những nơi ấy?

Mà nó chui đầu vào cái hướng cực kỳ nguy hiểm cho nó? Tại sao nó không hiểu rằng Bến chỉ còn cách đạp bằng tất cả để thoát thân. Và ba cái thằng kia đã vào làng, tại sao nó dám ở lại một mình, tại sao nó lại riết róng đến mức chọt gậy vào tổ ong?

Đám lá tươi và vết người nằm đã làm cho con cáo say máu. Bây giờ nó tinh ranh và biết đánh hơi như một con chó. Thạo lần theo vết cỏ từng bước, rất thận trọng. Đến đám cây vọt um tùm thằng Thạo khựng lại. Nếu nó đi thẳng, sẽ không gặp đường hào thì Bến sẽ thoát.

Nhưng thằng Thạo đã kịp nhận ra là nó đã lạc hướng, liền rẽ sang trái và gặp ngay con giao thông hào. Phút nguy hiểm cho Bến và Don đã rất gần.

Đường thoát đã vô phương rồi. Chạy lúc này vô ích. Vài giờ trước đây chạy còn được nhưng lúc ấy trời tối. Trong rừng ban đêm không ai chạy nổi. Mà sáng chưa rõ mặt người thì bọn chúng đã ập đến.

Thằng Thạo vẫn lò dò đi, thế nào nó cũng biết Bến chưa chạy được xa. Thằng Thạo sẽ làm gì? Nó một mình, còn Don có hai. Bến

sẽ ở về phía Don hay phía chồng cô ấy? Không, Bến sẽ bảo vệ Don. Mà cũng có thể bảo vệ Thạo. Họ đã là vợ chồng, đã cưới xin, Bến đã là dâu nhà người. Còn Don chỉ có tình yêu, chỉ có sự say mê, dù có tình yêu và sự si mê kẻ cướp...

Thạo chỉ còn cách Don độ ba mét nhưng Thạo ở dưới hào còn Don ở trên hào. Dăm bước chân nữa là gặp cái hang, nhìn vào đó Thạo sẽ thấy Bến. Nó sẽ trói Bến lại, dong về làng, giữa bà con họ mạc bạn bè, nó sẽ bêu riếu, sỉ nhục. Bến sẽ lãnh đủ...

Don sờ vào con dao nhưng con dao đã rơi mất lúc nào. Không có gì để cứu Bến. Có lẽ con dao rơi trong lều, và cũng có thể Thạo nhặt được. Don vớ được hòn đá bằng nắm tay, chưa biết để làm gì nhưng cần phải có một cái gì đó ở trong tay.

Thằng Thạo đã đến gốc cây mục. Nó một bên và Don một bên. Mắt thằng Thạo long lên, nín cả thở, nó có biết gì không. Có lẽ có, vì nó đang đánh giá xem dấu vết mới hay cũ. Chợt thằng Thạo giật bắn người, trước mặt nó là Bến.

– À ra cô... thế đấy tôi không ngờ... Tại sao cô đồng ý lấy tôi rồi mà cô còn trốn ? Hả?

Thạo gầm lên, nó tức đến sùi bót mép ra. Bến vẫn nép trong hang và nói:

– Anh về đi, anh tha cho tôi, tôi không muốn lấy anh nữa. Anh muốn chửi tôi thì chửi nhưng tôi không về được. Anh về lấy người khác.

– Không về tôi nắm tóc cô, tôi lôi cô về. Về cho làng xóm người ta xem.

Bến cầm con dao giơ lên:

– Tôi nói rồi, tôi không về. Anh mà đến bắt tôi là tôi đâm cổ, tôi chết.

– Đồ đàn bà quạ mổ – Thạo giận dữ quát lại – Mày tưởng trốn lên đây không ai tìm ra. Mày trốn với thằng nào? Thằng nào rủ mày trốn đi. Đồ trốn chúa lộn chồng, không ngờ mày lại đốn mạt như vậy? Tao sẽ dông mày về, gọt đầu bôi vôi, chiềng làng chiềng chạ rồi đem trả mày cho bố mẹ mày...

Thạo định xông đến, Bến liền hét lên:

– Đứng yên. Anh mà bước lên một bước là tôi đâm cổ tôi chết. Tôi không cần gì hết, tôi đã bỏ anh tôi đi thì tức là tôi không cần gì hết. Sống, tôi cũng chẳng thích sống nữa.

– Mày giơ dao tao xem nào? Chết đi. Mày chẳng dám chết đâu. Đồ đĩ rạc, đồ dơ dáy. Lần này thì mẹ con mày có còn vênh váo được nữa không.

Bị sỉ nhục tàn tệ Bến ức quá bật khóc. Nhanh như con mèo, Thạo lao đến đập mạnh vào tay Bến, con dao văng xuống đất. Hắn đè nghiến Bến ra bờ đá rồi lấy dây trói lại. Bến vùng vẫy cắn cấu lung tung. Thạo trói xong, dang tay tát vào mặt Bến hai cái như trời giáng.

Don không biết mình đã lẻn đến sau lưng Thạo như thế nào nhưng hắn đã đập hòn đá vào gáy Thạo mạnh đến nỗi, Thạo đang hùng hổ dữ tợn như thế bỗng mềm oặt, buông tay đổ vật xuống lòng khe. Don lại nhảy xuống theo nhưng Thạo đã mê man bất tỉnh, không động cựa gì nữa.

Mặt Bến xanh như tàu lá, cô không hiểu chuyện gì đã xảy ra. Mồm cô há ra ú ớ... Don vội lấy con dao cắt cái thắt lưng cởi trói cho Bến, Bến liền bưng tay lên mặt khóc hu hu.

– Anh giết chồng em rồi – Cô nức nở gào thét – Trời ơi, anh là kẻ giết người. Tại sao anh lại giết nó, tại sao anh không chạy đi? Trời ơi, thế này thì chúng ta sống được cơ à? Người ta sẽ giết anh, người ta sẽ bỏ tù anh và bỏ tù cả em nữa, anh có biết không?

Trông Bến khóc thật đau khổ, và Don càng hoang mang hơn.

– Chạy, chạy đi, nhanh lên.

Bến giật thót người tưởng chừng như người ta đã ập đến. Don nắm lấy tay Bến theo đường hào mà chạy. Đi đâu cũng chưa biết nhưng cứ chạy sâu vào trong rừng đã. Rừng không độc ác với ai.

Chạy được một quãng dài, Don mới nói với Bến:

– Không sống được ở đây nữa đâu... Không đánh nó thì bây giờ em đã bị đem ra bêu ở giữa đình làng rồi. Họ nhà chồng thằng Thạo ác lắm, chúng nó sẽ làm cho em nhục nhã mà chết.

– Nó không chết hả anh? Bến lo lắng hỏi.

– Không biết.

– Nhưng liệu nó có bị chết thật không?

– Không biết.

Bến bất ngờ xẵng giọng:

– Anh Don dừng lại. Hãy trở lại xem anh ấy có bị chết không. Phải cứu lấy anh ấy, em van anh.

Quái lạ đến mức không hiểu nổi. Don trân trân nhìn tận vào mắt Bến, nhìn cái cô gái mà Don say mê. Còn là Bến nữa không hay đã là con ma rừng. Có người thân xác vẫn bình thường nhưng hồn vía thì không còn, hồn vía là của con ma thay thế vào.

– Con ma nó ám cô rồi? Don hỏi. Cô chỉ nói dại, bây giờ cô mà quay lại thì cô chết chứ không phải nó chết. Mặc xác nó, nó không chết được đâu mà cô phải lo. Nó mà bắt được cô thì sống được với nó à? Nhà nó sẽ băm xác cô ra hàng trăm mảnh, lột truồng cô ra bêu giữa đường cho thiên hạ chê cười.

– Nhưng lỡ nó chết thì sao?

– Nhưng lỡ nó sống thì sao? Nó tỉnh lại ngay bây giờ thì sao? Nó hô hoán lên thì em và anh chỉ có treo cổ lên mà chết.

Don vừa nói vừa kéo bừa Bến đi. Bến không nói gì nữa, có vẻ chịu, vả lại tình thế mà Don đưa ra đối với cô thật đáng sợ, đáng sợ hơn cả cái chết.

Hai người đi thêm một thôi đường nữa thì trước mặt đã là rừng rậm. Quần áo, đầu tóc, mặt mũi của cả hai đứa như dầm mưa hàng ngày trời, bùn đất bê bết lấm lem từ đầu gối xuống gót. Bộ quần áo cô dâu của Bến trông mới tang thương làm sao. Ngày cưới của Bến, hạnh phúc của Bến, cô dâu Bến, đêm tân hôn... cũng bi thương làm sao. Tất cả đều do Don mà ra, Don đã gây ra tấn thảm kịch này, Don đã lôi Bến vào con đường mà xưa nay những người con gái nhà tử tế thường không ai dám làm.

Nhưng thôi mặc, nghĩ ngợi hay ăn năn cũng không thể làm gì được nữa, vả lại, không phải lúc. Muốn có Bến thì không thể làm khác được, cũng không thể chậm trễ được.

Hai người cứ thế luồn rừng mà đi.

Đây là một dải rừng thưa, chạy dọc theo đường cái quan. Rừng chỗ còn nguyên, chỗ bị phá, những bếp lửa sơn tràng lẫn với phân

voi. Đi một lúc lâu nữa, hai người gặp một nhánh đường mòn lớn, thế là họ theo con đường ấy.

Qua một bãi cỏ tranh, qua một con suối nhỏ, con đường càng ngày còn có vẻ heo hút. Nó đi về đâu, không ai biết. Ở đó có một thằng cướp vợ giết người, một con trốn chồng, đang chạy trốn, nhưng cả hai đứa đều không biết con đường ấy đưa chúng đến chỗ nào...

8.

Thế là bắt đầu cuộc đời biệt xứ của đôi vợ chồng ấy. Hành trang đi đến chốn vô định của ngày ấy không có một xu dính túi, ngoài cô vợ xinh đẹp mà Don vừa mới cuỗm được từ đám cưới của cô gái trong trắng ấy. Hắn đã nghĩ đến nhưng không thể nào bán cô gái ấy để thực hiện ý đồ lớn lao của mình, thực tình Don cũng yêu Bến, vì Bến mà nếu Don không khéo thì có thể toi mạng.

Cuộc ra đi biệt xứ ấy cũng đã ba mươi năm. Ba mươi năm ông Don không muốn về làng. Ba mươi năm không biết anh em cha mẹ họ mạc những ai còn mất. Ba mươi năm xứ sở trải qua bao thăng trầm ly loạn. Một cuộc đổi đời, một cuộc chiến tranh có tiếng súng và không có tiếng súng và một cuộc chiến tranh nhân phẩm. Nhưng Don không biết, hoàn toàn không biết, kể cả cuộc chiến tranh có tiếng súng và không tiếng súng. Don ở ngoài cuộc. Chiến tranh ư? Xây dựng ư? Chiến tranh thì đổi người, xây dựng thì đổi của. Ông Don suốt mấy chục năm qua đã biến thành con rận, con giun, nằm thật sâu dưới đáy các tầng lớp chúng sinh, không ngoe nguẩy cái đuôi, không ve vẩy cái đầu để khỏi làm phận sự của một người dân đối với tổ quốc. Ông đã tránh được mọi phu phen tạp dịch mà những thằng dân đen khác phải hứng chịu. Điều đó hoàn toàn không dễ dàng gì trong cuộc đời ly loạn mấy chục năm qua. Nhưng Don đã có cách nhờ vào bản năng và nhờ vào những điều mắt thấy tai nghe: bằng đồng tiền, đồng tiền có thể làm được tất cả.

Ai nghĩ ra đồng tiền nhỉ? Phát minh này ngang tầm với việc tìm ra lửa. Đồng tiền làm được tất cả – điều mà người ta nói hàng ngàn năm và nó tồn tại vĩnh hằng với lịch sử. Có tiền – vì cái mục đích đơn giản ấy mà đời Don đã gây ra bao nhiêu phiền lụy. Don

đã trải qua bao năm tháng tù đày, đời Don đã đổ hàng chục thùng mồ hôi và nước mắt. Nhưng cũng nhờ có đồng tiền mà đời Don có bao nhiêu vinh quang, bao nhiêu khoái lạc, được bao nhiêu kẻ bợ đỡ, vợ con và những cô tình nhân trang sức và ăn chơi như những bà hoàng.

Cuộc đời nó lạ lùng làm sao, nó bí hiểm một cách ma quái. Ai ngờ được rằng một thằng thanh niên nhà quê, không học hành, chữ nghĩa chưa đầy một vốc tay, thế mà hắn lại trải qua tột đỉnh giàu sang cũng như khổ nhục. Đã là ông chủ có tài sản mấy trăm lạng vàng, có biệt thự trong làng, có nhà trên phố mà cũng từng là tù nhân bị những tù nhân khác bạt tai đá đít.

Giấc mơ hôm kia là điềm gì? Là điềm lành chăng? Là điềm dữ chăng? Nhưng nó đã ám ảnh một cách ghê rợn. Nét mặt hai người, người lái buôn và Thạo, cứ đỏ rực lên như nhuộm máu. Chúng đến đòi nợ hay đến báo cái điều mà ông phải cầm súng lên nhằm vào thằng con mất dạy.

Sau giấc mơ ấy, trong người ông Don hầu như không còn sức sống, mất hết mọi hứng thú đối với bất kỳ việc gì. Kiếm tiền, kinh doanh, những mánh khóe lọc lừa, những mưu toan đánh sập những công ty khác... Lúc trước say mê là thế mà nay chỉ muốn vứt đi tất cả. Tình ái và những cuộc bao gái chơi bời, trước đây cuồng nhiệt là thế mà nay trở thành băng giá. Tất cả còn nghĩa lý gì?

Giấc mơ, làm sao nó khủng khiếp đến thế, cứ xoáy sâu và ám ảnh một cách rùng rợn, như một mũi dao ngoáy sâu vào tim ông. Đây là điềm không lành, và sự báo trước món nợ đối với hai người. Ông phải trị thằng Vại hoặc ông Don phải nhận một cái chết tức tưởi. Nhưng Don chết bằng cách nào, ông không biết. Tự sát ư? Ông không có gan. Vả lại, Don đâu có lương tri để làm việc chuộc tội đó. Don phải chấm dứt cuộc đời bất lương bằng bệnh tật, bằng tai nạn, may ra được như thế. Hoặc có thể bằng một nhát dao của thằng anh chị nào đó. Dĩ nhiên một cái chết như thế đối với ông dễ chịu hơn nhiều.

Nhưng tại sao chỉ một mình ông? Tại sao lại như thế? Cuộc đời này chẳng đầy rẫy lọc lừa, dối trá đểu giả, bất lương đấy hay sao? Chúng nó đều có một nửa mặt thú cả. Và chúng sinh thiếu gì

kẻ bất lương. Vậy tại sao ông Trời chỉ trừng phạt một mình ông thôi. Mà không để cho ông được chết một cách bất ngờ. Ngược lại, ông Trời lại báo trước, đưa một dự cảm trước, để bắt tội trước cái chết phải quằn quại đau đớn trong ăn năn, dày vò, sám hối, chứng kiến sự vô đạo, phi nhân tính ngay trong nhà mình và ở ngay con cái mình?

Không, không, không... Trời Phật Thánh Thần không hề công bằng, các vị trên cao xanh, các vị xa cách vời vợi, làm sao hiểu nổi thường tình của chúng sinh? Các vị cũng chỉ a dua, một duộc, cùng một phường dối trá lọc lừa, đạo đức giả.

Cao chạy xa bay, mấy lần ông Don thoát khỏi số phận đen bạc nhờ vào sự trốn chạy. Lần thứ nhất trốn nhà lên phố huyện. Lần thứ hai bắt Bến rồi trốn vào rừng. Lần thứ ba, lần thứ tư, hai lần chính quyền khám nhà, bắt người ông cũng dùng chước tẩu mà thoát. Bốn lần đều thành công. Chỉ một lần không trốn nên phải đi tù ba năm...

Lần này liệu có phải trốn chạy món nợ trần ai được không? Trốn bằng cái chết? Trốn bằng cái chết. Cái chết thì không ai có thể trốn chạy được, kể cả các bậc đế vương. Thì đành đón nhận cái chết nhưng liệu có tránh được ngục hình của Diêm Vương không?

Không biết vì sao ông nghĩ đến chuyện ra đi. Từ ba bốn chục năm nay, ông chưa bao giờ nghĩ là mình có thể trở về xóm làng trở về vùng quê ấy, nhất là không bao giờ nghĩ một ngày nào đó có thể trở lại cánh rừng có đường hào phủ cây vọt, có cái lều cỏ của những người canh dưa. Ông không dám nghĩ đến, không một mảy may vương vấn. Ông đoán chắc là Thạo đã chết, cũng như người thương gia đã về chín suối vậy. Nếu Thạo còn sống tại sao Thạo không đi tìm Bến, Thạo đâu có chịu dễ dàng mất vợ.

Nhưng rồi Don đã phải ra đi. Như ma quỷ dẫn dắt, ông ra đi mà không biết mình ra đi để làm gì, đi đâu. Ông không từ giã vợ con, không thiết từ giã bạn hàng làm ăn bấy lâu nay... Hãy đến một chỗ nào đó, một góc rừng, một xó ruộng, không ai biết ai là ai, tránh xa bạc vàng châu báu, để mong tâm trí nghĩ đến một điều tử tế. Từ lâu đầu óc ông đã nhão nhoét toàn những điều lọc lừa, phản trắc, dối trá, tiền bạc. Không có tiền thì không có thể sống thành

người được, có tiền sẽ ngẩng cao đầu mà đi, ăn nói chững chạc, ai có tiền sẽ được người khác kính trọng, ai có tiền người ấy có uy tín. Ông đã phải nặn óc ra mà nghĩ cách kiếm tiền, làm gì để có thật nhiều tiền, làm gì để có tiền nhanh nhất, gọn nhất, ít đổ mồ hôi nhất.

Nói thế thôi, nếu không lừa đảo, không lậu thuế, không mua gian bán lận thì không có đồng tiền nào kiếm được mà ít mồ hôi cả. Với ông là thế, ông đã đổ hàng bát mồ hôi để có một xu...

Một ngày lạ lùng, như trong cõi hư ảo.

Con tàu đang qua cầu, một cái cầu sắt ngắn xấu xí, con tàu đã đi chậm lại mà nó vẫn còn rung lên bần bật. Bánh sắt nghiến ken két, con tàu lắc lư vật vờ như kẻ say rượu, thỉnh thoảng giật cục một cái như sắp nôn mửa ra cả đêm tối. Ông Don nhìn ra cánh đồng, ánh mắt hoang vắng, xa xa là bãi ngô, gần hơn là bãi mía. Hoa ngô bạc trắng cả triền sông. Xập xình... xập xình... con tàu đang thở một cách nặng nề.

– Thôi, không nhiều lời với bà, bà sẽ bị phạt gấp hai lần tiền. Có thật mất vé hay không chúng tôi không biết, đừng xin xỏ lôi thôi. Nộp phạt đi, nếu không ga tới tôi mời bà xuống cho. Còn hành lý đâu, đưa ra đây để khám... Chỉ mấy cái bị thế này thôi à? Buôn càng to đi càng nhẹ.

– Khổ quá tôi dối các anh làm gì. Mấy cái bị cói thế này thì buôn bán cái gì mà to được? Hay các anh cho rằng tôi buôn quốc tế, buôn nhà nước...

Toa tàu chợt nhộn nhạo cả lên, kẻ đứng người ngồi, hàng hóa vất lên kéo xuống. Hoàn toàn như một đám cãi nhau, xô bồ hỗn tạp, chửi rủa, xỉ vả, mắng nhiếc, van xin, kêu khóc... đầy sự tan thương và đau lòng.

Đã lâu lắm, mấy chục năm, nghe nhiều nghe mãi những tiếng kêu than ai oán kia không mấy ai còn giật mình nữa, dường như sự cảm thương đã thành chai.

Trong đời mình, ông Don không nhớ hết đã có bao nhiêu lần phải quỳ xuống van lạy lục những ông thuế vụ, ông tài chánh và

quản lý thị trường, các nhà chức trách để họ nhón tay làm phúc, tha cho vài chục cái bút Trường Sơn, dăm gói thuốc lá, vài cân nhựa phế liệu... Có gì đâu, ông là kẻ làm ăn tự do, dân cá thể, mà cá thể thì hoàn toàn bất hợp pháp, bất kể ai cũng có thể tịch thu, bất kể ai cũng có thể mắng mỏ, hạch họe, xỉ vả mình được.

Lúc này trước mặt ông cũng vẫn là những nhà chức trách với bộ mặt lạnh như băng thi hành công vụ. Đến lượt họ kiểm tra hành lý và vé tàu của ông và cô gái kính trắng. Ông thì đơn giản, ông không có hành lý hành trang gì cả, ngoài nỗi lòng đang rỉ máu vì lẽ đời, vì luật nhân quả của Tạo hóa. Lần đầu tiên trong trường đời ông thoát được cái nỗi lo để bình thản chìm trong những suy tưởng và chiêm nghiệm cuộc đời trốn nạn của mình. Còn cô bé Ly có lẽ cũng chẳng có gì, hành trang vào đời mỏng tang vật chất và đầy ắp mộng mơ cao siêu. Cuộc đời này nếu không có những mộng mơ cao siêu và hão huyền như cô bé Ly thì cuộc sống sẽ tẻ nhạt và tối tăm đến mức nào?

Họ đã bật nắp cái va li của cô gái ra, mùi nước hoa thoang thoảng dịu dàng, cái bên trong mới trong trắng làm sao. Ông thuế vụ đưa bàn tay to ráp và nhem nhuốc đảo tung đám quần áo của cô gái...

Ông Don cảm thấy ruột gan dằn thắt và ông phải nhắm mắt lại. Có lẽ dưới đáy là một ít đồ lót phụ nữ, vài miếng xà phòng, vài lọ nước hoa bạn bè tặng hay cha mẹ sắm, và cũng có thể là những lá thư người yêu cô gửi, dù sao đó là góc kín của nỗi lòng mà chủ nhân cái va li mới được biết. Thế mà những đôi mắt phàm tục kia đã xới tung lên. Hình như không có gì hàng lậu, là quốc cấm và cô gái được phép đóng nắp va li lại.

Ông Don nói một cách buồn bã như không nói với ai:

– Chỉ có cách đây mươi năm chứ bây giờ không ai nỡ làm thế đâu, thưa các ông.

Không ngờ các nhà chức trách vặc lại ông một cách không nể nang:

– Chúng tôi chưa sờ đến ông già đâu. Bây giờ thì ai tin được các người, hàng lậu, hàng lậu nhan nhãn cả ra. Vé của ông đâu, hay lại đánh mất rồi? Hành lý đâu, giở ra...

Như một cú đấm vào đầu, ông đờ đẫn cả người, mồm há hốc nhìn người đang mỉa mai ông. Da mặt ông dần dần như bị tráng nước sôi. Thôi đành, tuổi già giỏi cam chịu và ham chuộng sự bằng an. Muốn có một chút bằng an mới khó khăn làm sao. Ông Don đã ao ước, cầu mong sự bằng an như từng cầu mong phước lành.

Các nhà chức trách đã bỏ đi, đến kiểm tra người khác, hàng ghế khác, để mọi người trong bốn bức tường bằng sắt này đều bình đẳng hưởng sự hăm dọa của họ. Ông Don thở dài đánh thượt một cái rõ to vì sự nhẹ nhõm trong người. Thật may, bây giờ Don mới nhớ ra, trong người ông lúc đó có rất nhiều vàng. Vàng đó là trong két của ông do bao nhiêu mưu mánh, lừa đảo, xỏ xiên, quỵ lụy tích cóp. Ông chỉ vốc một vốc nhỏ trong cái đống ấy nhưng cũng đã là nhiều. Tại sao ông mang vàng đi? Chỉ có ma quỷ mới biết, có lẽ Thạo và ông thương gia mới biết và vô phúc đó mấy nhà chức trách mà khám thì ông lại vào tù...

Nhưng tại sao lại cứ Thạo và người lái buôn vào đây? Hai người ấy hành hạ ông trong những giấc mơ kinh khủng, gây nên hiệu ứng sám hối rỉ máu như thế chưa đủ sao? Ôi,... Số tiền của người thương gia ông cướp được đâu có làm cho ông trở thành tỷ phú, số tiền ấy đã trở thành mây khói trong cuộc kiểm tra hành chính của nhà nước sau này... Ví dụ như vụ án tù ấy vào năm...

Nó cũng qua lâu rồi nhưng đã để lại trong lòng lão Don nỗi đau khôn nguôi, nó ám ảnh dai dẳng, nó hiện diện độc ác quằn quại trong hồn phách lẫn tâm can. Ba mươi sáu tháng tù, bắt đầu nghĩ nó sẽ dằng dặc triền miên, cao như núi, sâu như biển, ghềnh thác như suối, nghĩ nó trập trùng gian nguy như con đường vạn lý nơi sơn cùng thủy tận. Thế mà cũng qua được, và ông trở thành thằng tù, thằng tù hình sự thứ thiệt. Và khi ra tù đã trở thành kẻ đã ra tù vào tội, kẻ có tiền án tiền sự trong hồ sơ và để lại tai tiếng đó cho con cháu.

Tội gì cơ chớ nhỉ, càng nghĩ càng không hiểu. Kẻ ăn cắp, kẻ biển thủ của công ư? Kẻ hãm hiếp phụ nữ, kẻ phản bội Tổ quốc ư?

Không.

Suốt đời, suốt đời, chủ nhật ngày thường, đêm và ngày, khi trẻ trung và bây giờ già lão, ông Don chỉ biết nai lưng ra làm lụng, làm ra thật nhiều tiền, vắt óc ra mà nghĩ cách kiếm tiền, cho đời mình và con cháu. Và ông lại thích cái tiếng là người giàu có nhất thành phố.

Vâng, cuối cùng, và duy nhất, ông chỉ có mỗi một cái tội là giàu có. Chẳng khiêm tốn làm gì, mà cũng chẳng dấu diếm gì ai, của cải của ông như núi.

Nhưng có là như thế và hơn thế đi nữa, cũng là kết quả của một đời lam lũ cơ mưu, của những năm dài cật lực mồ hôi ròng ròng như sông. Của một tâm địa độc ác, gian manh, quỷ quái biết luồn lách giữa các khe hở của luật pháp, của chính sách, mà luật pháp và chính sách của nước mình thì trừu tượng. Của một lòng tham không đáy không cùng và keo kiệt, cầm đồng tiền đổ mồ hôi tay, biết vơ vét và vơ vét một cách bẩn thỉu không liêm sỉ của cả một đời tằn tiện chắt chiu, vắt cổ chày ra nước mà có. Cũng là của một tài năng hiếm hoi rất thị dân, biết nhặt nhạnh những thứ thiên hạ vất đi, và qua bàn tay và vài mẹo vặt của ông thì nó lại trở thành hàng hóa quý giá. Thiên hạ cứ trố mắt ngạc nhiên mà nhìn ông điều khiển con cái hốt của, còn ông thì cười vào mũi thiên hạ.

9.

Đang có chiến tranh, đài phát thanh và báo chí ngày nào cũng đưa tin quân địch chết như rạ, máy bay địch rụng như sung. Thành phố đang sơ tán, người ta cho dân về các vùng nông thôn, trường học và bệnh viện đi khỏi vùng trọng điểm. Nhất là cơ quan phải đi thật xa để bảo đảm sự an toàn. Ngoài phố người dân ngày một vơi đi, chỉ có các cửa hàng thực phẩm bao giờ cũng người mua người sắp hàng rồng rắn. Đang chiến tranh thì hàng hóa khan hiếm vô cùng, từ cái kim sợi chỉ đến tờ giấy đều phải phân phối.

Trong cái ngõ nhỏ và cong như cái vành lược, có một hàng phở tái ngon có tiếng nhưng không hiểu sao vài tuần lại đóng cửa vài tháng mà khách ăn đâu phải là ít. Lão chủ quán giống như thằng cha thầy cúng hay thầy mo trên các mường, người lỏng khỏng chân

tay múa may nhưng nét mặt lão thì cực kỳ sinh động, các thớ thịt trên mà chuyển động nhịp nhàng với lời nói, đặc biệt đôi mắt lão như có kính chiếu yêu. Kinh lắm, những thằng đàn ông như thế thì đố ai bịp được nó cái gì mà chỉ có nó tha không bịp thiên hạ là may. Lúc nào trên đầu lão cũng có cái mũ phớt bằng dạ, loại mũ mồ ma thằng thực dân Pháp để lại. Mà làm sao lão chủ hàng phở lại không sợ người ta cho vào sổ đen nhỉ?

Hôm ấy, Ông Don bước vào hàng phở của lão và chào:

– Chào ông.

Lão chủ hiệu phở ngước đôi mắt mèo lên và thớ lợ như một kẻ tâm địa bất chính.

– Không dám, em xin chào ông anh. Ông anh dùng gì để em phục vụ ạ?

– Bát tái, đập hai quả trứng.

– Dạ vâng, có ngay có ngay...Mời bác vào trong phòng này. Đây là cái bàn mà đệ chỉ giành tiếp thượng khách như bác thôi ạ.

Khoái thật một bát phở không biết lời lãi được bao nhiêu mà miệng lưỡi của lão chủ ngọt lừ như đường phèn thế kia. Thế mới biết bản lĩnh thương mại của thằng cha này cao cường biết chừng nào. Nó biết khách hàng quyết định cái cơ nghiệp của nó, khách hàng cho nó làm vua hay làm thằng ăn mày, hành khất, thằng phá sản. Là một bậc mày râu đầy cơ mưu và lịch lãm, một đại trượng phu ở đời đấy chứ? Bấy giờ là thời buổi tập thể hóa, phi tư hữu, nhà nước nắm từ cây kim sợi chỉ cho đến cục phấn của học trò mà lão dám đương đầu ra làm hàng phở cá thể để cạnh tranh với mậu dịch quốc doanh ăn uống, cũng là kẻ biết mình biết người lắm. Thuế đánh lên đánh xuống, kiểm tra hành chính lần này, lần khác, bán một bữa nghỉ hai ba, thế trận không khác gì con suối chọi lại dòng sông, chiến bào tả tơi tơi tả, thế mà không nản chí... Là quái kiệt trên đời này không có kẻ thứ hai.

Ông Don trong lòng đầy ngưỡng mộ ông chủ hiệu phở, ta kết giao với con người này sẽ học được nhiều điều trong xử thế.

Mấy lâu nay, phần nào ông đã tỏ rõ mình là kẻ mưu lược, gian hùng nhưng so với thiên hạ chưa là cái gì cả. Chỉ ngang tầm một

con cáo, con chồn. Đã có trong tay một ý trung nhân bằng sự liều mạng. Đã có trong tay một gánh hàng cũng bằng sự liều mạng. Hồn vía cái thằng cha lái buôn ấy không biết có oán hận gì mình không. Chao ôi, khởi đầu sự nghiệp làm giàu bằng hai cú liều mạng như thế, chẳng cần phải khoe khoang nhưng thử hỏi trên đời này mấy ai có gan để làm việc ấy? Thảo khấu, anh chị, giang hồ, hảo hán trên đời này mấy ai bằng được ta?

Bến ngày càng nõn nà rực rỡ lên, cái con bé quê mùa ấy như đứa con hoang ở đâu lạc đến vùng ấy, dáng thanh da trắng, trông như người chưa bao giờ biết đến mưa nắng, mắt đen láy, mũi thẳng, mặt trái xoan... chốn thôn quê cắt cỏ, chăn bò làm sao có cái của lạ lùng ấy được? Đến chốn đô thành, không lam lũ vài tháng, được ăn trắng mặc trơn, cô ta tỏ ra khuê các không thua kém bất kỳ một cô gái khuê các nào ở chốn đế đô.

Thế mới biết đời có phép thần, trời cho ông báu vật. Nếu như tối hôm đó ông không vượt sông mà về, nếu như ông không dám làm cái thằng điên để giơ con dao ra thì làm sao cướp được vợ người khác, chứ đừng nói cướp được một cô gái tiên sa như thế. Ngọc bị vùi trong cát, bị lấp trong bụi bặm, ông Don đã gặp may phát hiện ra. Nói dại, nếu như lúc này mà ta có sa chân lỡ vận không còn một mảnh vải che thân thì báu vật này có thể cứu ta, ta bán vợ ta đi cũng được chục lạng, làm giàu phất lên rồi kiếm cô khác trẻ hơn.

Còn mấy ngàn bạc của người thương gia mà ông cướp được ngày đó là to lắm, đã biến Bến thành một bà hoàng, làm cho ông Don trở thành một ông chủ vênh vang với hàng xóm láng giếng ngẩng cao đầu mỗi khi đi ra phố... Rồi sau đó, cũng vì tham mà ông đã nướng sạch vào trò chơi đỏ đen và những cuộc tình tay ba tay tư. Hết sạch, của ăn cướp không bền, của thiên trả lại cho địa. Một thời gian dài ông lừa dối được lương tâm mình rằng, khi ông có trong tay hàng mấy trăm lạng vàng, có ba bốn cái nhà là do công đức của ông, vợ con ông làm ra chứ không phải nhờ vào mấy lượng vàng của người thương gia ấy.

Nhưng thực ra đâu có phải. Dù sau này không còn một xu hay một cắc nào đồng tiền vấy máu ấy nhưng vợ chồng ông lại nhờ vào hơi hướng, dư vị của tiền ấy. Có nó mà Bến trở thành người đàn bà

đài các, ông được tiếng là nhà giàu, có của chìm của nổi... Thế rồi nhờ vào cái tiếng ấy mà sau này khi ông khánh kiệt có thể đi vay mượn dễ dàng, ký một hợp đồng nào đó người ta cũng dễ tin, ứng trước hàng tấn nguyên liệu cũng không khó. Chúng sinh, nói chung cả tin như một bầy thỏ, cứ nhìn vào bề ngoài và quá khứ để tin yêu và của đáng tội, có thế, bầy sói mới tồn tại. Mấy ông cán bộ nữa, những là ông thuế vụ, ông quản lý thị trường, những là ông này, ông nọ cấp đăng ký kinh doanh, đường bệ lắm, hống hách lắm, tự đắc lắm nhưng thực ra họ còn dễ hơn mấy thằng thợ kỹ thuật làm thuê cho ông.

Chính nhờ vào các ông viên chức, quan chức ấy ông mới là người vừa hôm trước trắng tay hôm sau đã là ông chủ *Tổ hợp sản xuất sơn Đại Dương*. Và chỉ sau vài tuần là trở thành triệu phú, thế mới tuyệt.

Ông chủ hàng phở bê hai cốc rượu đi vào.

– Tôi có biết uống rượu đâu ông.

– Một người như ông không thể không biết uống rượu, vả lại, ông là người mà tôi khâm phục nhất, là bậc kỳ tài trong thiên hạ. Nâng chén chúc mừng buổi sơ kiến....

Ông Don lòng dạ đầy hồ nghi nhưng vẫn miễn cưỡng cười nói:

– Chúc mừng.

Tài Lộc làm một hơi cạn chén rượu, toan đi ra. Ông Don vội giữ lại:

– Ông đừng vội đi. Những lời ông nói vừa rồi là ông nhầm. Tôi chỉ đáng là người bê phở cho cửa hàng của ông mà thôi. Chính ông mới là người anh hùng trong thời buổi này. Người ta đang tiêu diệt cá thể, ưu tiên cho tập thể và quốc doanh, cái gì cũng tập thể, thế mà ông dám lấy cá thể chọi với tập thể, dám lấy trứng chọi với đá. Hẳn là bậc hào kiệt mới dám làm như thế.

Tài Lộc xua tay:

– Xin bác, xin bác, tôi đâu dám... Tôi sẽ có lời trình bày để bác khỏi hiểu nhầm tôi, bác hãy chờ một phút...

Đúng một phút sau, ông hàng phở quay lại với nụ cười lịch duyệt như một nhà ngoại giao:

– Bác nghĩ tôi là anh hùng hào kiệt ở cái quán này chứ gì? Không có gì gọi là giỏi giang hết, chỉ là chân con muỗi thôi. Cái anh hàng phở thì tài cán gì? Có khách đến ăn thì em bán, có lãi thì em làm. Em không bảo khách hàng đến ăn phở mậu dịch quốc doanh, em cũng không bán rẻ để tranh khách với họ, thậm chí còn bán đắt hơn. Nhưng bắt em vào hợp tác xã hàng phở thì em chịu, không cho mở thì em đóng. Nhưng khốn nỗi đóng cửa vài tuần thì ông phòng thuế, ông tài chính, ông thị trường lại đến bảo: "Bác Tài Lộc ơi, mai bác lại phải mở cửa mà bán đi thôi, mấy hôm nay bọn em đi ăn phở mậu dịch vừa đắt tiền lại vừa ăn như cháo lợn". Ừ, thế thì tôi mở, khách hàng lại ùn ùn kéo đến. Ít lâu sau, ông nhà nước hô đánh thuế thật nặng, ừ thì nặng, nặng mấy cũng được, khách hàng chịu tất, bác còn lạ gì... Vâng, chả có gì ghê gớm trong cái quán phở tục tằn này đâu bác ạ. Lều tranh làm sao sinh ra được người hiền... Còn bác mới thực là người ghê gớm, một người thâm mưu túc kế như Tào Tháo thời Tam Quốc đấy...

Đúng là thằng cha quái kiệt này có con mắt đáng kinh sợ, nó nhìn thấu tận tim gan người đời. Loại này là yêu tinh đây. Thật đáng gờm, đáng gờm. Ông Don nói:

– Tôi sợ bác quá, bác nghĩ oan cho tôi rồi. Bác đã biết gì về tôi đâu, tôi chỉ là anh thợ thủ công làm gia công cho nhà nước lấy tiền nuôi miệng thôi mà.

Tài Lộc uống một ngụm rượu nữa rồi ngửa cổ lên trời mà cười sằng sặc:

– Ôi, bác nhầm to, bác nhầm to. Tôi chỉ muốn lấy tình thâm, lấy tấm lòng để đãi người hào kiệt mà thôi, không có ý gì khác đâu mà bác phải ngờ. Bác đến ở cái phố này đã được năm sáu năm. Cả hai vợ chồng bác đều là dân nhà quê phiêu bạt. Bác mua một cái phòng nhỏ, sống kín đáo như một ẩn sĩ, vợ bác suốt ngày ở nhà, còn bác thì đi đây đi đó trong thành phố nhưng mà đi cho biết chứ không để làm gì. Vài năm đầu bác như nhà tu hành, như ẩn sĩ không ai hay biết bác giàu hay nghèo, tốt hay xấu, là người chán con đường công danh hay kẻ thất phu, là quan chức hay dân thường?

Rồi sau đó chợt thấy bác thay đổi, bác bắt đầu chơi bời đi lại với vài ông chủ nhiệm hợp tác xã thủ công nghiệp, đi lại với vài ông tổ hợp gì đó, mua vài cái mô tơ mà không để làm gì, vợ bác cũng đi ra ngoài, mua bán gì hay thăm nom ai thì đi xích lô, về xích lô, mồng một hay rằm cũng hương hoa đến cửa đền cửa chùa nhập vào hàng tăng ni phật tử cầu phúc, cầu lộc, cầu thọ... Là dân có tiền, dân buôn bán, dân muốn làm giàu mới sinh hoạt như thế.

Đã như ở ẩn, đã đề phòng mọi con mắt soi mói, thế mà lão Tài Lộc còn biết mình cặn kẽ đến từng chân tơ kẻ tóc thế này nhỉ? Con mắt hắn là con mắt thần linh mới phải. Cái chết của ông thương gia không ai biết, một trăm năm nữa cũng không ai biết. Việc ấy không đáng sợ. Nhưng còn cái chết của thằng Thạo thì cũng không thể ai biết, ngoài người cướp vợ nó là ông. Sẽ có người đi tìm Bến, sẽ có người đến đòi nợ máu. Tưởng như mình đã kín đáo lắm hóa ra không phải. Còn con mắt của lão Tài Lộc này, nó nhìn thấu cả bóng đêm, nhìn xuyên da thịt, thấu tận lục phủ ngũ tạng con người ta. Hắn đúng là yêu quái nhưng hắn đâu ngờ gặp được ta còn yêu quái hơn hắn. Ông Don nhìn thẳng vào mắt Tài Lộc lần xem lão biết thật hay bịa, có chứng cứ hay đoán mò, vả lại, ông chưa có gì để mà hoảng. Hừ, người đã từng hóa kiếp cho hai mạng người về thế giới bên kia đâu dễ dàng đã hoảng.

– ... Rồi sau đó, quả thật là bác cũng ăn chơi. Bác thấy không có gì kiếm tiền nhanh bằng trò chơi đỏ đen nên bác lao vào. Nhưng đáng tiếc là bác không lường hết được trò bịp của cờ bạc nên không bao lâu đã nướng hết vào chiếu bạc số tiền mà bác có. Bác đang nghĩ vì sao mà tôi lại biết về bác tường tận như vậy chứ gì? Bác đang tự hỏi làm sao một kẻ chỉ ngồi xó bếp như tôi mà lại gọi vanh vách những bí mật của bác ra chứ gì? Bác khỏi lo đi, tôi biết không có nghĩa là chính quyền đã biết, cũng không có nghĩa là mọi người đều biết. Tôi nói để bác hiểu rằng, chúng ta là người tri âm... Có một thời gian ngắn bác hơi khó khăn nhưng là người trí lự, túc kế đa mưu, bác xoay ngược tình thế được ngay.

Ông Don vã mồ hôi hột:

– Bác nói quá rồi, tôi là dân quê khù khờ, chỉ được cái chăm làm, các bác thành phố tha không bắt nạt cho là may.

– Ai bắt nạt được bác, ai làm gì được bác, rồi mà xem. Hiện bác đang trúng, trúng lắm, cái mưu mánh của bác qua vụ làm sơn thì tôi bái phục, bái phục, bác đáng mặt sư phụ cho cái đám cá thể của đô thành này rồi.

Don cứ như trong sới vật bị cái thằng cha lẻo khẻo lèo khèo đè ngửa ra, bụng rốn phơi trần trước bàn dân thiên hạ. Mồ hôi bắt đầu ròng ròng sau lưng áo. Ông căm thù cái thằng cha bẻm mép và cáo gì này, nó là cái thá gì, một thằng thái thịt, thái bánh phở bưng bê suốt ngày mà lại thóc mách, tọc mạch như chọc thủng lỗ vách mà nhòm vào buồng người khác. Mà hắn lôi ruột gan người ta ra như thế để làm gì nhỉ?

Cóc cần, cóc sợ. Cái chuyện mua nhà, có tiền đánh bạc, chơi gái gì gì nữa, thằng cha này cũng chỉ biết đến thế thôi, kệ mẹ mày, ông cóc sợ. Người làng mà không đi tìm Bến thì chẳng làm sao cả. Mà người làng thì cả đời chẳng ai đi ra khỏi làng làm gì, họ thích an phận thủ thường, đã mang tính cam chịu truyền kiếp. Còn ông thương gia, nếu có ai gặp cái xác của ông ta đang tan dưới lòng vực thì cũng là chuyện thường tình, vách núi hiểm trở cheo leo, cảnh trí heo hút, say rượu, sẩy chân lăn xuống vực chết, chẳng có gì là ngạc nhiên cả.

Chuyện xưa rồi, cũ mèm rồi và Don cũng đã náu mình chui vào hang như một con rận đã năm sáu năm, chẳng sợ đứa nào moi ra.

Nhưng lão Tài Lộc nói đến vụ làm sơn thì phải coi chừng. Thói đời ghen ăn ghét ở, trâu buộc ghét trâu ăn, mấy ông cán bộ gia công, kiểm hóa, tài chánh thị trường, ta cóc sợ, dăm chục bạc là thằng ngô con đĩ đều tít mắt lại, dắt chúng dễ như dắt bò dắt trâu vậy. Chỉ gờm nhất là mấy thằng cá thể ở đô thành, bọn này lọc lõi, buôn cả vua chúa, buôn cả pháp luật, kinh doanh cả thần cả thánh, nắm cả ngân hàng địa phủ cho đến ngân hàng dương gian, bọn ấy chịu làm ăn cá thể để chơi lại với quốc doanh thì không đùa được. Chúng là hùm beo, là lang sói, chơi với chúng là một mất một còn...

Thế mà với ông, vây cánh hết sức mỏng manh, bạn hữu ít, bà con anh em không, vốn liếng chưa là gì so với bọn chúng. Vụ làm

sơn gia công này mới đi nước cờ đầu, chủ yếu là bằng mưu mánh chứ không phải do tài năng. Nếu lộ ra mất ăn như bỡn...

Nhưng cái thằng cha Tài Lộc này, ông Don giật mình, lại cứ như ma xó thế nhỉ, do đâu mà hắn lại moi ra những vụ mưu mánh trong vụ làm sơn này thì bái phục thật. Hay là hắn đoán mò, loại thị dân này mồm mép như tép nhảy, trí lự thì ít mà khuếch khoác ba tấc lên mây. Có thể hắn tung mấy chưởng thầy bói ra dọa anh nhà quê này mà...

Ông Don cười thật to, cười lăn cười lộn, cười chảy cả nước mắt. Đời thật là mệt, sống được đã là mệt chứ đừng nói gì đến giàu có. Lo thắt ruột mà phải cười, cười thật to, cười sảng khoái như súng liên thanh nổ, cười để cho đối phương không biết mình cười vờ, là khó lắm... Là bản lĩnh lịch lãm của thằng đàn ông, đời muốn thắng phải lội qua cái thật, đưa cái hư ra làm cái thật, đưa cái thật ra làm cái hư.

– Cái cách của bác là hay, nhưng...

Tài Lộc nói và nhìn ông Don cười cười. Cái cách gì, cách làm ăn hay cách che giấu sự thật? Cái thằng đến mà giỏi ỡm ờ, tung miếng tóp mỡ nhử con chuột. Don cau mặt nhìn chòng chọc vào mặt Tài Lộc, ông muốn thẳng cánh đấm vào cái trán hói của hắn một quả cho phồi óc ra. Lũ thị dân đểu giả. Nhìn vào nụ cười nửa miệng của hắn, ông biết rằng pha diễn vừa rồi, mà ông đã trổ hết tài năng, trổ hết nhiệt tình, dốc hết mưu cơ vào đó, chỉ là trò của anh hề bán thuốc hôi nách mà thôi. Công cốc và dại, còn lộ tẩy nửa chứ. Đồ đểu, đồ mướp đắng. Ông Don đấu dịu:

– Bác nói thế chứ tôi chẳng có mưu mánh gì đâu, trăm hay không lọ thật thà, cha ông ta đã nói như thế rồi. Tôi thì khù khờ ù xọe, người ta thương cho làm thì làm, khi nào người ta không thương nữa thì đi làm việc khác... Tôi vụng tính lắm, được chăng hay chớ ấy mà...

– Ờ như thế là bác tự đánh lừa mình đấy thôi. Thực tình tôi rất quý bác, bác là người thật thà. Tôi nhớ mấy tháng trước, bác đi quét bồ hóng, mua lốp ôtô về đốt để lấy muội than rồi đun đun nấu

nấu một loại nước nhầy nhầy, dinh dính, nhờ nhờ, đen không ra đen, nâu không ra nâu, bác cũng đóng hộp dán nhãn. Gọi là gì ấy nhỉ, sơn đen Đại Dương chính hiệu, chất lượng bảo đảm, phía dưới là Công ty công nghệ phẩm quốc gia. Tôi sẽ nói nốt cho vui... Để ký được hợp đồng, bác mua mấy hộp sơn của nhà máy về đổ ra nồi, làm như vừa nấu xong. Rồi bác lên các công ty gia công nói là bác có kỹ thuật sản xuất sơn, có phương tiện, có nhà xưởng, bác muốn làm gia công cho họ. Mấy cha cán bộ gia công đều đồng ý ngay và hẹn ngày xuống tận nơi để kiểm tra kỹ thuật, nhà xưởng và chất lượng (vì bác đã lo lót, đâu vào đấy cả rồi). Tất nhiên mọi thứ xong xuôi hết nhưng bọn họ sợ sơn của bác không ai mua. Họ đề nghị bác sản xuất một vài mẻ, đóng hộp, đưa đến cửa hàng bách hóa bán thử xem thế nào. Chúng nó muốn ăn nhưng cũng sợ, dù sao chúng cũng còn chút ít lương tâm. Nói đến thử thách ấy thì bác hơi chột dạ nhưng rồi bác đã tìm ra một nước cờ thượng sách, tuyệt hảo, có một không hai... Bác cứ yên tâm để tôi phân tích cái cao kiến của bác. Bác gửi ở cửa hàng Bách hóa tổng hợp chứ không thèm gửi ở cửa hàng lèm nhèm khác, hai mươi hộp sơn, nhãn sơn Đại Dương, nơi sản xuất là Công ty công nghệ phẩm quốc gia. Để yên một ngày đã. Cuộc chơi này như ván cờ, không hấp tấp vội vã. Nếu là người khác thì lo thon thót, mất ăn mất ngủ, còn bác, bác cứ bình chân như vại, nhởn nhơ ăn phở gà, uống cà phê ở cửa hàng cái con mẹ. góa chồng phốp pháp và dâm đãng nhất thành phố ở gần vườn hoa hàng Đậu. Đến ngày thứ hai vĩ nhân mới ra tay. Bắt đầu, khoảng chín giờ sáng bác bảo thằng út nhà bác ra cửa hàng Bách hóa tổng hợp mua một hộp sơn. Tất nhiên đã dặn rồi không bao giờ mua sơn của nhà máy. Gần trưa bác lại cho thằng khác ra mua ba hộp. Đến chiều một thằng khác cũng con bác, ra mua ba hộp nữa... Thế là ngày hôm đó sơn của bác bán được bảy hộp. Còn mười ba. Ngày hôm sau, bác nhờ một thằng ở dưới Ô Đống Mác dân xích lô, ăn mặc tử tế để làm sao cho giống anh giáo học nhà quê ra mua mười hộp bỏ vào bao tải cho lên xích lô... Ngày hôm ấy chỉ cần mua mười hộp là được. Còn ba hộp, phải tính toán chính xác như thế. Chiều hôm sau, cũng cái anh giáo học nhà quê giả cầy ấy đến quầy hàng đòi mua mười hộp sơn đen về sơn bảng cho học sinh, lần này có giấy giới thiệu đàng hoàng, Không đủ mười, cô bán hàng lấy thêm

bảy hộp sơn nhà máy, anh giáo học liền không đồng ý, nằng nặc đòi lấy cho được loại sơn, "chúng tôi đã mua hôm qua, chúng tôi tín nhiệm vì đã sơn hôm qua thấy độ bóng, độ dính như sơn ngoại". Cô bán hàng cãi và bảo với anh ta rằng đó là loại sơn gia công, còn đây mới là sơn nhà máy tốt hơn nhiều. Anh giáo học giả cầy đòi xem dưới quầy hàng, xem trong kho rồi phê phán là mậu dịch viên giấu hàng tốt để giành cho người quen. Cãi nhau ầm ĩ cả lên, khách hàng túm vào xem như xem hội, anh giáo học phân bua rằng: Trường phổ thông trung học cử anh ra thành phố mua loại sơn mà trường tín nhiệm, loại này trường anh đã dùng rồi, tốt như sơn ngoại nhưng cửa hàng không bán. Anh mua về cho học sinh sơn bảng chứ có phe phẩy gì đâu, có giấy giới thiệu đàng hoàng. Cửa hàng trưởng phải ra giải quyết, hứa ba ngày nữa ra đây sẽ bán thêm cho bảy hộp, đúng loại sơn Đại Dương. Anh giáo liền đưa sổ tay ra bắt bà cửa hàng trưởng ký vào cho chắc chắn... Thế là hai mươi hộp sơn lại trở bề với chủ nhưng bác đại thắng lợi. Đấy nhé, sơn tôi sản xuất chỉ trong vòng hai ba ngày bán hết hai chục hộp, khách hàng đòi mua mà không có bán. Cái hợp đồng mua năm vạn hộp sơn được ký ngay. Và tiền lãi cái hợp đồng ấy có thể tậu được một chục cái nhà ba tầng nếu bác muốn.

Không lẽ những mưu mánh làm ăn của ông lại tanh bành trước bàn dân thiên hạ, cái cơ nghiệp mà ông tạo dựng lại thành mây khói, thành quả bong bóng bay của trẻ con? Tài Lộc là loại người chọc thủng lổ vách để nhòm vào buồng hàng xóm, tệ hại, thối tha, thóc mách, đố kỵ... Giá như ở vách đá hay trong rừng thế nào ông Don cũng cho lão Tài Lộc một cục đá vào gáy, cho nó sang thế giới bên kia, làm thế nào để cái mồm của hắn câm đi. Tài Lộc biết nhiều quá, mà xưa nay kẻ biết nhiều quá không được phép sống lâu.

Mặc cho Tài Lộc biết thế nào thì biết, cái hợp đồng gia công béo bở kia cũng đã ký rồi. Hóa ra kỹ thuật tay nghề, máy móc thiết bị... không là cái cóc khô gì hết. Chất lượng độ bóng, độ bền, màu sắc... cũng không là cái cóc khô gì hết. Thời buổi hỗn mang, mình thì lo chúng nó chê sơn không bóng, không đen hóa ra không phải,

chúng chỉ nghĩ đến mình là tổ hợp tác hay cá thể, là tập thể hay quốc doanh, còn xấu tốt, bền đẹp đối với chúng là con số không, là chuyện vớ vẩn.

Đã giao nộp mười lăm nghìn hộp sơn đen cho Công ty công nghệ phẩm quốc gia, mới có một phần mười hợp đồng mà số tiền lãi quả là như lão Tài Lộc nói. Dù có phải cống nạp mười mấy phần trăm cho bọn kiểm nghiệm, thu mua, kế hoạch và cả thằng giám đốc lẫn bọn lau nhau sâu mọt như thuế vụ, tài chính, thị trường, .. cũng còn lại khủng khiếp là nhiều.

10.

Thì bảo ông Don là người gì? Người gì cũng được, dường như ông chẳng mấy quan tâm. Ai đi buôn mà chẳng muốn kiếm lấy chút lời? Làm mà chẳng muốn có cái ăn? Còn bảo ông là dân cá thể cũng ừ, bảo ông phi tập thể cũng xin vâng. Mọi người khinh ông, cả xã hội coi ông như thằng hủi, cũng chẳng làm sao cả. Miễn là ông có tiền, miễn là ông ba bốn cái sẽ lên năm sáu cái, vàng trong hòm ông một vốc sẽ lên bốn năm vốc, con cứ xe máy hon đa đời mới đi chơi, đi làm.

Thế là được. Ở đời khôn ngoan là cái gì nếu không phải là nhiều tiền, giàu có? Ở đời vinh hiển là cái gì nếu không là lụa là, gấm vóc, vàng bạc, châu báu đầy người?

Mà ông thì những thứ đó không thiếu. Thế thì xin mọi người cứ khinh ông đi, cứ rẻ mạt ông đi và cứ coi ông là hủi đi. Tất tần tật những cái ô danh ấy xin ông mang hết, xin khoác vào người hết. Và xin mọi người cứ bôi, cứ trát mãi nữa vào thì cũng không thể nào đen thêm được.

Vả lại, ông có niềm kiêu hãnh của riêng ông, vừa thầm kín lại vừa lớn lao mà không phải ai cũng có. Ấy là những lúc ông đi ra đường, vào quán cà phê, quán rượu, đến một khu nghỉ mát trên núi hay dưới biển, cái uy thế ông mới rực sáng. Tiền một bị, tiêu không thèm đếm, ăn chơi không ngần ngại, những lúc ấy người đời nể trọng ông biết nhường nào. Ông có đồng tiền trong tay, người ta vâng dạ quỵ lụy ông, bảo một tiếng cả nhà hàng răm rắp chạy lo, nửa câu

yêu cầu thì năm bảy nơi phúc đáp. Cái luật đời này mới tuyệt làm sao. Ông mất tiền thì được sự kính trọng, hầu hạ, người ta bỏ công phu phục vụ thì được trả tiền, lẽ đời công bằng làm sao.

Rồi những khi ông đứng trước đám phụ nữ lẳng lơ. Chị bốn mươi đang hồi xuân, cô ba mươi bỏ chồng gặp ông ở đâu là cứ dính bết vào ông, chỉ cần ông đon đả một tí thôi là cả cái bộ ngực chắc nịch ấy sẵn sàng đè lên hai vai ông, hai cánh tay nõn nà vội vàng ôm riết lấy cổ ông. Chao ôi, đó là sự đền bù của tạo hóa, sự an ủi của đấng tối linh cho kẻ suốt đời đổ mồ hôi, chảy máu mắt để kiếm ra đồng tiền.

Ông sung sướng, hả hê và cảm thấy trong lòng thư thái, tĩnh lặng sau hàng bao nhiêu năm bị người đời xỉ vả là thằng làm ăn cá thể.

Đời ông thăng hoa sau hai cú đập đá vào gáy hai người đàn ông.

Một hôm trời lâm râm mưa, chợt có tiếng gõ cửa cạch cạch.

– Bố ơi có khách. Thằng Châm gọi ầm ỹ.

Ông Don đang ngồi ở sập gụ nói chuyện làm ăn với bà Bến. Ông vội chạy ra chứ không muốn để con mời khách vào nhà. Từ lâu ông đã có thói quen cảnh giác những ông khách bất thình lình tìm đến. Họ đến với nhiều mục đích mà ông không thể ngờ được. Nguyên liệu làm sơn là gì, máy móc ra sao, có gì mờ ám không, có ăn trộm điện không và vân vân... vô thiên lủng những điều mà người đời muốn dòm ngó vào nhà ông. Thôi ông đành chịu khó ra tận cửa đón khách, ra vẻ trọng vọng, đon đả lắm nhưng kỳ thực để xem khách là người thế nào. Cẩn thận vẫn hơn, thời buổi bây giờ, người thì ít mà cáo thì nhiều. Biết đâu?

Khách là người đàn ông độ tuổi năm mươi, phong thái xôi thịt, hai con mắt đảo điên, tóc rễ tre, hai hàng ria nhọn như ria chuột.

– Làm ăn thế nào bác? Lâu lắm tôi không đến thăm hai bác được.

Không đợi mời, khách cứ lách qua người ông mà vào nhà, đưa hai con mắt đỏ đòng đọc đảo một lượt khắp xó xỉnh ngoài hiên, trong nhà. Nghe cái giọng bỗ bã của khách, ông Don như chạm phải điện,

ông nhận ra khách là ai. Ông vẫn tươi cười đon đả như giữa khách và mình đều quên chuyện cũ từ lâu.

– Mời chú ngồi chơi. Và ông gọi to – Bà Bến ơi, chú Phòng đến thăm đây này. Chà lâu quá chú mới lại. Cô chú vẫn khỏe đấy chứ? Ừ, trông chú béo tốt hơn dạo trước nhiều, chắc chú dạo này được thăng lên quan to rồi phải không?

Khách nhìn quanh quất như lơ đãng, chống hai tay vào thành ghế nhẹ nhàng đặt cái đít xuống mặt ghế đá như sợ nó thủng:

– Em đâu phải là quan to, quan vừa vừa thôi nhưng cũng là quan. Em cũng chẳng thích nhưng cứ phải làm cho con cháu nó được nhờ. Chúng nó đi đâu khai lý lịch bố nó đã từng giữ chức vị này nọ, cũng vinh hiển mấy đời. Hôm nay em đi công tác qua, nhớ ra rẽ vào thăm sức khỏe hai bác. Dạo này em bận quá, công tác quản lý xã hội trong lúc này phức tạp quá chừng.

– Chúng tôi khổ đã đành chứ các quan anh còn khổ nữa thì thiếu công bằng lắm lắm. Thế chú đã có đứa nào đi bộ đội chưa? Chiến tranh đang dữ dội thế kia mà.

– Tôi khổ về chúng nó, bác ạ. Cả ba thằng lớn nhồng nhồng không đứa nào chịu đi bộ đội cho. Tôi đành phải cho chúng vào tài chính, thuế vụ, hải quan...

– Hay quá... hay quá... Ông Don kêu lên.

– Đâu mà hay hả bác? Tài chính, thuế vụ, hải quan bây giờ cũng là một mặt trận, mà mặt trận chống gian thương còn ác liệt hơn chống thằng địch ấy chứ.

– Còn tôi, hai thằng vào mặt trận sản xuất kinh tế.

Hai người về mặt này tâm đắc với nhau quá, đồng chí, đồng tình, tâm đầu ý hợp làm sao.

– Chú Phòng dạo này công tác ở đâu nhỉ? Ông Don nói thêm.

– Em vẫn ở trên thành. Thôi, hôm nào em lại chơi nhà bác lâu hơn. Kính bác nhé...

Trước khi ra khỏi cửa, khách còn chắp tay trước bụng rất cung kính, trông như đứa trẻ con lên ba ngây thơ và đáng yêu nhất trần đời, ạ hết ông lại ạ đến bà, rồi mới lùi ra cửa. Nếu như khách chỉ đến nói có thế, cung cách kính cẩn đến như thế thì ông Don đã yên

tân bình thản mà tiễn khách ra về. Nhưng cùng với hai bàn tay khúm núm, mồm miệng thớ lợ là hai con mắt liến láu, gian xảo, ánh mắt cứ như xáo trộn, lục soát toàn bộ những cái gì có trong nhà ông.

Khách đến, khách đi chỉ trong phút chốc mà ông Don tưởng như cú sét choảng vào mang tai.

Khách ra khỏi, mặt ông liền biến sắc, vợ ông đứng chết lặng, ngay đơ như trời trồng đằng sau cái bình phong.

Ai chứ chú Phòng đến là không có chuyện bình yên, chú không quen mang sự bình yên đến cho bất cứ nhà nào. Chú là hung thần, là tang thương đau đớn...

Cách đó ba năm, ông Don đang làm ăn phát đạt. Ông làm thước kẻ cho học sinh, mỗi ngày bán ra hàng ngàn chiếc. Bán cho công ty Công nghệ phẩm các tỉnh, cho các bà buôn chuyến cất từng bì về bán ở vùng quê hẻo lánh. Thước bằng nhựa, làm đơn giản, kỹ thuật không có gì ghê gớm, vì thế ai cũng nghĩ là vật nhỏ mọn không đáng để làm gì, lãi vài ba xu một chiếc không bỏ. Hầu như ông không phải cạnh tranh với ai, không phải đút lót cầu cạnh ai để giành một cái hợp đồng. Một mình ông tung hoành, làm ra đến đâu ông bán hết đến đó, thật sướng. Mỗi cái chỉ lãi năm xu nhưng có ai nghĩ được rằng ông có năm triệu cái năm xu trong một năm...

Mà nguyên liệu đâu phải là hàng quốc cấm, không chờ phân bổ kế hoạch hay xin cấp vật tư gì hết, cứ gọi mấy bà ve chai đồng nát đến, các bà hãy thu gom các nhựa hỏng, nhựa bỏ đi về đây bán cho tôi, bao nhiêu tôi cũng mua hết.

Đời ông Don có lúc lên như diều gặp gió vậy. Lại vàng, vàng, vàng, tiền, tiền , tiền... chảy vào như nước lụt, đếm mỏi tay không hết.

Thế rồi tai họa đã giáng xuống một cách êm ái. Bề ngoài hung thần trông lịch sự, khoáng đạt, cởi mở và gây được lòng tin cho mọi người dân. Chú Phòng nhún nhường, miệng lưỡi khiêm tốn, bác bác em em cứ ngọt như mật. Chú bảo chú là cán bộ nhưng vẫn thích làm một ông chủ tổ hợp sản xuất hơn là ông cán bộ xách túi chạy

lăng quăng. Cái điều chú nói làm cho ông Don khoái, có gì trong nghề làm ăn ông bộc bạch hết cho người bạn mới. Khi ấy chú Phòng mới rỉ tai ông Don:

– Trên Tổng công ty công nghệ phẩm có mười mấy tấn nhựa hạt loại hai, em có nhiều người quen biết duyệt bán cho nhưng em không có tiền. Bác mua, em giúp bác, sau rồi bác để lại cho em vài tấn là được.

Mua một lúc, nhựa lại cùng chủng loại, vừa rẻ vừa dễ làm hơn nhựa của mấy bà đồng nát, bọn họ chất cha chất chưởng, ngúng nguẩy, bữa nhiều bữa ít, buộc phải mua mà thôi. Ông Don trong bụng như trống dong cờ mở.

– Nhưng giá cả thế nào? Ông Don hỏi với vẻ phấp phỏng.

Phòng cười dễ dãi:

– Giá cả chưa thành vấn đề lắm bác ạ. Giá bao giờ cũng là giá trong, giá kế hoạch phân phối, có điều duyệt bán là quan trọng.

– Tức là phải chi lại cho họ chứ gì?

– Tất nhiên, vì người ta phải chịu trách nhiệm mà.

– Mấy người?

– Chánh phó giám đốc, trưởng phó phòng kế hoạch, trưởng phòng tài vụ, thế thôi, còn những thằng khác như thủ kho, bảo vệ cho chúng bao thuốc để chúng khỏi gây khó dễ mà thôi.

– Được rồi, khỏi bàn nhiều, tôi khoán cho chú cái khoản đó. Chú lo cho tôi xong xuôi, báo lại, tôi chỉ việc lên trả tiền lấy hàng.

Hai bên chỉ bàn với nhau có thế nhưng không đầy một tuần sau, ông Don đã có mười tấn nhựa loại hai chở về tận nhà. Bọn hàng dép nhựa tư nhân, tổ hợp và ông chủ hợp tác xã ngành nhựa đều tròn mắt kinh ngạc. Thời đó, hàng hóa vật tư thượng vàng hạ cám đều do nhà nước quản lý, mang vài bao thuốc lá, vài lạng chè đều bị tịch thu. Nghĩ mình làm ăn có thánh nhân phù trợ, ngay hôm đó ông Don tính công cho chú Phòng. Hỏi:

– Tôi cảm ơn chú đã mua cho mười tấn nhựa, dù là nhựa loại nào đi nữa thì cũng tốt. Quốc doanh không làm được nhưng cánh thợ thủ công bọn tôi làm tốt chán. Bây giờ chú cần mấy tạ?

– Bác không biết chứ em cũng là dân làm dép nhựa đây. Thực thì em không làm nhưng con cháu nó làm, bác ạ. Nhựa này là hay nhất, chính phẩm chưa chắc bác đã mua. Thứ nhất là lôi thôi với quản lý thị trường, hai là làm chính phẩm không thể lãi bằng nhựa này.

Ông Don cãi lại:

– Chú không biết chứ chính phẩm tôi cũng mua. Buôn bán làm ăn cái gì có lãi là mua tất, công an, thuế vụ, quản lý thị trường gì gì đi nữa tôi cũng có cách để lọt qua mắt họ, vả lại, đứa nào cũng có cái mồm để mà ăn... Thế bây giờ chú định lấy bao nhiêu?

Phòng lại xăm xoi nhìn vào kho nhựa nhẩn nha:

– Em cần thì cần nhiều, muốn lấy cả nhưng nể anh, em chỉ lấy hộ cho anh một nửa.

Ông Don cảm thấy nóng mặt. Cái thằng cha ăn nói bất nhất, mồm như váy đàn bà. Lúc đầu bảo một vài tấn, nay đòi nhiều.

– Tôi tưởng chú cần ít, hôm qua chú còn bảo không cần. Thôi được, chú trả tiền đi rồi gọi xe chở hàng về nhà. Chịu một xu cũng không.

Phòng ngọt xớt ngay:

– Em là người của cánh vật tư, em giúp bác chuyến này còn chuyến khác nữa. Thôi hôm nay bác để cho em năm tấn, thực ra nếu em không nì nèo xin xỏ vã bọt mép thì cũng chỉ được độ năm tấn là cùng. Nhất quen nhì quyền mà bác? Em đi đây, chốc nữa em sẽ cầm tiền lên gửi bác đầy đủ.

Như đã chuẩn bị sẵn, chỉ một chốc hắn đã thuê được ô tô đến, mấy thằng xoay ra bốc một loáng là xong năm tấn nhựa. Rồi hắn biến luôn.

Tuần sau, tuần sau nữa hắn cũng mất tăm. Xót ruột ông Don cho vợ đi tìm mấy lần đều không gặp. Số nhựa cũng không thấy để ở nhà, có lẽ hắn đã bán cho một lò dép nhựa nào đó ăn chênh lệch. Cái thằng cha ma giáo chầy bửa, lừa đảo, tâm địa như chó mà giọng lưỡi thì thớ lợ, ngọt nhạt hết chỗ nói.

Thế rồi một hôm ông đi Hòa Bình ký được hợp đồng làm dép gia công vừa về thì bị công an kinh tế gọi lên hỏi:

– Ông cho chúng tôi biết mấy năm nay ông đã móc ngoặc của nhà nước bao nhiêu tấn vật tư?

Ông Don không biết loại vật tư mà công an hỏi là thứ gì nhưng thế thủ ông trả lời ỡm ờ:

– Tôi không nhớ rõ là bao nhiêu và cũng không biết là có mua của nhà nước hay không.

– Ông đừng nói loanh quanh. Nhà nước bán vật tư cho ông để ông sản xuất và bán lại sản phẩm cho nhà nước nhưng ông đã bán ra thị trường tự do, chủ yếu là bán cho bọn phe phẩy.

– Không đúng. Hàng hóa của tôi chủ yếu bán cho các Công ty công nghệ phẩm, còn bán cho tư nhân thì được bao nhiêu. Năm thì mười họa được hay chăng chớ, chắc gì. Trong nghề làm ăn bao giờ người ta cũng bán ưu đãi cho khách hàng mua nhiều, mua thường xuyên, ai dại gì lại không bán cho thương nghiệp quốc doanh lại bán cho mấy bà phe phẩy chấp chửng khi có khi không.

– Nhưng có bán cho tư thương chứ?

– Có chứ, khi nhà nước không mua hết.

– Tất cả bao nhiêu tấn?

– Tôi không nhớ nhưng không đáng kể.

– Ông móc ngoặc được bao nhiêu tấn nhựa của nhà nước từ đầu năm đến nay?

– Tôi không nhớ nhưng hàng của tôi làm bằng nhựa phế liệu của mấy bà đồng nát chứ làm bằng chính phẩm thì lãi được bao nhiêu.

– Ông quanh co và dối trá quá. Tôi nhắc cho ông nhớ là ông đang làm việc với nhà chức trách...

Sáng hôm sau người ta đến khám nhà ông. Tất tần tật những gì ông góp nhặt mấy năm gần đây về nghề làm nhựa, những mô tơ, máy ép, máy đùn, những bán thành phẩm và thành phẩm, người ta đều bắt mang ra hè, thuê xích lô chở lên quận. Căn cứ vào hóa đơn mua mười tấn hạt nhựa, tồn kho năm tấn, thế là ông phạm tội móc ngoặc vật tư của nhà nước bán cho tư nhân.

Lần này ông bị giam mất mấy tháng, mọi tài sản vật tư vốn liếng góp nhặt của ông trong mấy năm tự nhiên như đám giấy vụn trước cơn lốc.

Vì ai? Tất cả đều do chú Phòng. Càng nghĩ ông càng thấy đắng cay cho tình người, cho thế sự. Tại sao người ta cấm ông làm ăn? Từ xưa tới nay chưa có nước nào cấm dân làm ra của cải. Mà đáng lý khuyến khích mới đúng chứ? Cấm dân làm tức là cấm dân giàu. Cái cung cách rất lạ. Và có cái cung cách này mới có những hung thần như Phòng. Hắn đã ăn chặn, ăn quỵt, ăn cướp của ông năm tấn nhựa hạt đã đành, hắn lại còn muốn báo hại thêm nữa. Thật là hai lần khốn nạn. Và ông thì họa vô đơn chí, ông đã mất của lại thêm tội.

Từ ngày đó không thấy mặt mũi hung thần đâu cả, hung thần lặn mất tăm. Cho đến hôm nay...

Điều gì sẽ xảy ra đây? Cơ nghiệp, tính mạng của ông Don sẽ ra sao khi "chú" Phòng ra về? Ông không thể biết cái gì sẽ đến nhưng dự cảm chắc chắn là sự bất hạnh. Cuộc đời như một tấn trò kỳ quái: quanh đi quẩn lại ông chỉ làm ăn, tìm cách làm ra tiền để mà sống. Ông đã làm gì? Cái thước kẻ cho học sinh đi học, cái cặp tóc cho các bé gái, hộp sơn đen cho nhà trường, hoàn toàn không là hàng quốc cấm, không gây nghiện ngập, không gây chết chóc, không làm đồi trụy nhân phẩm... Thế mà không ngày nào ông không lo thon thót. Không phòng thuế kiểm tra thì tài chính hạch sách, lâu lâu một lần khám nhà, vài năm một lần bắt giam.

Có lúc ông Don muốn chết đi cho nhẹ nợ đời. Hình như ông đã sống lạc lõng trong cuộc đời này, dưới một ngôi sao độc. Ông thích mình giàu có, thích làm thế nào cho chóng giàu thì thời thế lại không cho giàu.

Ôi, sống trên đời đâu có dễ, và để có một cuộc đời đáng tự trọng đâu có dễ. Trách nhiệm con người của ông Don đối với đất nước, ông đã làm được bao nhiêu? Ông đã đóng góp cho đời được những gì? Hình như chưa, chưa có gì. Trong cuộc chiến tranh tang tóc ấy ông ở đâu? Người ta hứng chịu bom đạn, nhà nhà mất con mất chồng, còn ông vẫn yên ổn làm giàu. Con ông chưa đứa nào đi

bộ đội, chúng chưa phải nếm trải một ngày trên bom dưới đạn, chưa một phút phải nằm dưới chiến hào đối mặt với kẻ thù. Ngày ngày, chúng vẫn ung dung đi học, vẫn chưng diện những bộ quần áo đắt tiền nhất, đi xe đắt tiền nhất. Trong khi ấy, láng giềng của ông có nhà trong một năm hai lần báo tử hai đứa con, có những mẹ phát điên khi nghe đứa con trai độc nhất của mình tử trận.

Với bạn bè, ông không thật lòng với ai, toàn lá mặt, lá trái. Người sống như thế gọi là gì? Đã là con người chưa? Hay là con thú? Ông say mê đồng tiền, có lẽ vì cuộc đời quá cơ cực. Ông bỏ nhà trốn đi, ông đổ mồ hôi sôi nước mắt... cũng chỉ để thực hiện chí hướng ấy. Giàu, giàu, giàu, tiền, tiền, tiền, đó là mục tiêu đặt trước mắt ông hàng giờ, làm cho ông nát óc suy nghĩ, đau khổ, dằn dặt và trở thành quái vật cũng chỉ vì điều đó.

Có một khoảng khắc trong đời ông, đó là lúc ông giơ súng lên, nhất là khi bà Bến nói: "Ông lấy tư cách gì mà giết nó?" thì ông thấy mặt thứ hai của mình. Ông ước muốn đổi tất cả để lấy cuộc đời lương thiện, được hoàn lương nhưng rồi ông lại cay đắng mà nhận thấy trên đời này đã có ai làm như thế đâu. Không có, mảy may không có. Tiền bạc làm cho bàn tay ta nhuốm máu thì tiền bạc cũng có khả năng làm cho nó trắng trong trở lại. Hãy nhìn xem, trong lịch sử, cái ác này làm nảy sinh cái ác khác, tội lỗi chồng chất tội lỗi mà nào có ai sám hối, có ai ăn năn, có ai phục thiện và có mấy ai nghĩ rằng chính họ gây ra bao nhiêu tội ác.

Nhưng hỡi ôi, con người vốn như vậy, nếu trên đời này không còn những mưu mô, cuộc đời này không còn những cuộc chiến tranh giành quyền lực hay cuộc đấu tranh vị trí độc tôn thì cuộc đời này nhạt hoét như cơm nát, mất hết hứng thú và không thể chịu được.

Hồn ma đang gọi. Ông phải đi hay ông phải trở về, điều đó chỉ có ông biết và trời biết. Cái gì buộc ông ra đi như thế này cũng chỉ có lương tri biết. Thế là đủ. Trước khi thoát khỏi cuộc đời này, Trời bắt ông chứng kiến tấn bi kịch trong nhà ông mà ông là nhân vật chính, Trời cũng bắt ông sắm vai chính trong một bi hài kịch khác nữa. Cả hai sự man rợ đạt đến tận cùng, sự phi nhân phẩm cũng đạt đến tận cùng. Con mẹ bán thịt người kiếm sống ấy chắc

đã đuổi thằng chồng ôm chăn chiếu cuốn xéo xuống bếp ngủ. Lúc ấy, ông Don vào thế chỗ thằng chồng người đàn bà như Võ Tắc Thiên kia.

Đã bao nhiêu lần như thế, tại sao lần này ông mới cảm thấy kinh tởm sự mua bán chung chạ thời mông muội ấy? Tại sao? Và tại sao trước kia ông có thể gặp gỡ vợ hắn mà hắn thản nhiên. Hình như ông nghĩ vì hắn nghèo nên hắn phải hèn. Chứ còn gì nữa. Ôi khốn nạn cái trò đời.

Nhưng cuối cùng đến lượt ông Don nhận lại sự trừng phạt của tạo hóa.

Mồ hôi vã ra đầm đìa lưng áo, mắt tối sầm. Giá như lúc này ông đang đứng trên cái miệng vực, chỗ mà ông ấy đẩy người lái buôn, chính lúc này, ông cũng sẽ lao đầu xuống chính chỗ đó.

11.

Thế rồi câu hỏi: "Sau chú Phòng là cái gì sẽ đến?" đã được trả lời.

Hôm ấy, họ có ba người, một cán bộ phòng thuế, một cán bộ tài chính và một cán bộ Viện kiểm sát. Cả ba còn trẻ, có lẽ chưa đến bốn mươi, vai đeo xà cột, đầu đội mũ cối. Họ đến đúng như chức trách và phận sự của họ: nghiêm trang, lạnh lùng và dứt khoát.

Vợ ông, con ông và những người làm thuê đang nấu sơn, mẻ sơn của ngày hôm ấy đang chín. Khi họ vừa đến cổng, cả nhà ông lặng đi, dự cảm điều gì đó chẳng lành đang đến.

– Ông là chủ nhà? Người đi đầu hỏi.

– Vâng.

Ông Don cố gắng giữ cho được thái độ bình thường, không sợ sệt mà cũng không ngang bướng.

– Ông sản xuất cái gì?

– Tôi chế tạo sơn đen sơn bảng cho học sinh.

– Ông có đăng ký sản xuất không? Có giấy phép hành nghề, có những chứng chỉ gì về kỹ thuật không?

– Thưa có.

– Ông hãy xuất trình giấy tờ.

Vừa lúc ấy xuất hiện thêm cán bộ phường, công an, tổ trưởng dân phố và những hàng xóm láng giềng. Vợ ông bỏ công việc cho các con làm, ra bóc thuốc, pha nước mời khách. Ông Don cầm cái chìa khóa mà đút mãi không vào ổ. Không biết chuyện gì sẽ xảy ra đây?

Lôi ra một đống giấy tờ, vừa hóa đơn mua hàng vừa biên lai nộp thuế, nộp tiền điện, thêm vài cái công văn của phường kêu gọi đóng góp kinh phí nhân ngày khai trường, ngày thương binh liệt sĩ hoặc là ngày bầu cử gì đó. Cuối cùng ông mới trình đến đăng ký sản xuất.

Bốn năm người chuyền qua tay nhau xem. Nhìn nét mặt họ, ông Don hiểu rằng cái giấy quan trọng kia chẳng hề tác dụng gì đối với sự việc hôm nay.

– Ông còn giấy tờ gì nữa không? Chứng chỉ trình độ kỹ thuật và giấy giám định chất lượng sản phẩm? Có không?

– Thưa các ông là không có và những người làm nghề thủ công không ai có chứ không phải riêng mình tôi.

– Chúng tôi chỉ làm việc với ông chứ chưa làm việc với họ – ông cán bộ đứng lên và tuyên bố – Chúng tôi có lệnh khám nhà ông, xin ông chấp hành cho. Đồng chí Lai làm thư ký ghi biên bản. Đồng chí Mai đại diện chính quyền sở tại, ông Ba là hàng xóm, ông Tiến hàng xóm, hai ông là người làm chứng. Tất cả các đồng chí thi hành nhiệm vụ.

Lúc bấy giờ ông Don tưởng như có tiếng sét nổ ngay trên đầu mình. Những tai họa kiểu này đến với ông không phải lần đầu nhưng dầu sao những lần trước ông đã cảm thấy mình có những sơ hở nào đó, một cơ mưu nào đó bị kẻ khác lợi dụng và tố cáo ông. Còn lần này ông đã hoàn toàn bịt kín và ngụy trang mọi mánh lới làm ăn của mình. Hoàn toàn không, chẳng có một sơ hở nào hết. Duy nhất chỉ có một lý do: Vì nhà ông giàu. Chỉ trong hai năm mà ông đã mua hai cái nhà, nhà nào tiện nghi bên trong cũng đầy đủ, con cái ông xe này xe kia, ăn chơi xả láng. Đúng, sự giàu có vô lý ấy đã dẫn đến chỗ người ta phải loại bỏ ông.

Nghe tuyên bố như thế, những đứa con ông đứng đờ người ra. Vợ ông mặt mày xanh xám run lẩy bẩy. Chỉ có ông còn đôi chút bình tĩnh. Lúc đầu thì ông hơi hoảng, cả một cơ nghiệp như thế này... bỗng chốc tan tành.

Ông cán bộ Viện kiểm sát chìa cho ông một cái lệnh khám nhà, ông không xem mà chỉ hỏi:

– Xin các anh cho biết tôi bị khám nhà vì tội gì? – Ông công an đứng ra giải thích:

– Chúng tôi được lệnh và khi khám xong sẽ giải thích cho ông rõ. Ông hãy giúp chúng tôi thì đỡ phiền cho ông hơn. Hãy bảo vợ con ông im lặng, chúng tôi cần gì thì mở ra ngay. Đây là thủ tục thôi, không có gì mà phải khóc lóc cả.

Vợ ông mếu máo:

– Nhưng thưa các ông, chúng tôi có tội gì đâu...

Ông cán bộ phòng thuế an ủi:

– Ông bà hãy bình tĩnh. Có tủ hòm gì khóa thì mở ra. Không nên giấu giếm cái gì cả.

Nhà ông có bốn cái tủ đứng loại cổ, một tủ chè, một tủ chùa, đều loại đồ cổ. Các con ông mỗi đứa có một cái va li đựng tư trang riêng. Ông đều lôi ra đặt giữa nhà. Vợ ông ôm mặt rú lên. Riêng ông đến lúc này đã cảm thấy chai lỳ, những nỗi bất hạnh tới tấp đến rồi cũng quen... – Tất cả đều là mệnh trời.

Góc tủ, bàn thờ, gác xép... đều được xem xét cẩn thận.

Cuối cùng đến cái hộp tư trang của bà Bến. Đó là những nhẫn, những hoa tai, những mặt đá, những xuyến bằng vàng, bằng đá quý, bằng kim cương... đều là mồ hôi công sức của ông gom góp mấy chục năm nay, lúc phát đạt cũng như khi túng bấn, ông cấm vợ không được đụng đến. Nó cũng được ghi vào biên bản.

Kiểm tra đến dụng cụ, công cụ và nguyên vật liệu làm sơn. Họ hỏi cặn kẽ và ông tường trình chính xác đầy đủ nhã nhặn.

Phần này được ghi vào một biên bản riêng và cho dù lúc nào, sau hàng chục năm đi nữa, ông cũng có thể đọc vanh vách. Hộp đựng sơn bao nhiêu cái, thành phẩm mấy ngàn cân, bột kẽm bao

nhiêu, bột đồng bao nhiêu, v.v... như là một phần máu thịt của ông vậy.

– Ông bà bê những thứ này ra hè, thuê xích lô chở lên quận cho chúng tôi.

– Tức là ông tịch thu của tôi? Ông hỏi.

– Không phải là tịch thu mà là tạm giữ chờ giải quyết.

Ông bảo các con:

– Hai thằng bê những thứ này ra hè cho bố và gọi xích lô chở đi. Nhanh lên các con, đừng để các anh ấy chờ. Còn bà, nếu trưa người ta chưa cho về thì bà mang cơm lên cho tôi.

Năm cái xích lô chở hàng và các nhà chức trách đạp xe theo thành một đoàn dài, giống như cuộc ăn hỏi. Ông Don được ngồi trên một chiếc xích lô cùng với hàng hóa của mình. Cuộc ra đi âm thầm, không có từ biệt chia ly. Hai bên vỉa hè hàng phố đứng xem đông nghịt. Ông Don biết trong con mắt những người qua đường, ông là kẻ làm ăn gian lận, đểu giả, ba bửa đang là đối tượng hình sự của chính quyền. Đắng cay chua chát dâng đầy tim gan ông.

Lọc cọc, lọc cọc, lọc cọc... bánh xe xích lô lăn trên những ổ gà gập ghềnh. Người ông Don lắc lư, nảy lên đập xuống, ông có cảm giác mình đang đi trên vách đá tai mèo, càng lắc nỗi đắng cay tủi hổ xót thương trong lòng dường như càng trào ra tức tưởi. Ông không dám nhìn lại sau lưng nhưng nhất định có những con mắt của vợ con ông đựng đầy nước mắt dõi theo. Vợ ông từ nãy đã như chiếc lá rau héo, con mắt lạc đi như không còn sự sống.

Có lẽ phải vài ba hôm, người ta thẩm tra xem xét xong, thấy ông không có tội tình gì, máy móc thiết bị được hoàn trả, lúc ấy nhà ông mới làm ăn trở lại bình thường. Còn bây giờ mọi thứ đều tan nát, nhà như có tang...

Không ngờ những thứ đó không bao giờ trở lại với ông nữa và là lần đó tưởng đi vài ngày, tưởng bị tạm giữ vài ngày, hóa ra đến ba năm.

Lần đầu tiên trong đời ông Don biết thế nào là phiên tòa, là phòng xử án. Ông thẩm phán ngồi đâu, ông dự thẩm là ai, kiểm sát viên là người như thế nào... Lần đầu tiên ông cũng biết thế nào là vành móng ngựa. Lần đầu tiên ông biết mình là bị cáo...

Người dự khá đông, bởi cái tội như tội của ông lúc bấy giờ không phải là bình thường, làm ăn cá thể phi pháp là tội tày đình.

Ông không nhớ người ta hỏi ông những gì và ông đã trả lời ra sao, hình như những câu hỏi và lời khai của hai bên đều có tính chất lặp đi lặp lại những gì trong quá trình thẩm vấn và điều tra tại nhà giam. Một hồi nghị án rồi cuối cùng là bản tuyên án của Tòa mà ông nhớ đến tận khi già:

"Bị cáo Lê Văn Don, hãy nghe Tòa tuyên án.

Trong khi cả nước đang có chiến tranh, mọi người dân đều dốc lòng dốc sức góp tài lực vật lực, góp xương máu của mình cho cuộc chiến tranh giải phóng miền Nam thống nhất đất nước. Lợi dụng lúc mọi người, mọi cơ quan dồn sức vào đánh giặc, bị cáo Lê Văn Don đã hết sức tranh thủ thuê mướn nhân công làm ra một số hàng hóa tung ra thị trường, làm rối loạn thị trường xã hội chủ nghĩa, thu lợi và làm giàu bất chính, có ý đồ ngoi lên thành một tên tư bản. Y không cho đứa con nào vào bộ đội, trong khi đó con em chúng ta mới mười sáu, mười bảy tuổi phải rời ghế nhà trường nhập ngũ..

Trong nhà y đã tàng trữ hàng chục ngàn cân nhựa các loại, hàng ngàn chi tiết máy móc, hàng ngàn cân bột kim loại nhằm đầu cơ trục lợi, làm khan hiếm hàng hóa trên thị trường kinh tế quốc doanh. Y còn móc ngoặc với các phần tử cán bộ thoái hóa biến chất ở ngành vật tư, thu mua gia công công nghệ phẩm để đưa ra hàng trăm tấn hàng hàng hóa làm bằng phế liệu kém phẩm chất bán cho thương nghiệp quốc doanh.

Đặc biệt trong nhà y, khi nhà chức trách khám xét còn tìm thấy nhiều mô tơ điện, nhiều dàn máy đùn nhựa, nhiều công cụ tự chế tạo dùng để cơ khí hóa nhiều dây chuyền sản xuất. Tất cả những hiện tượng trên nói lên rằng: Bị cáo Lê Văn Don có ý đồ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, hòng phá hoại đường lối xã hội chủ nghĩa.

Căn cứ vào điều... điều... Bộ luật Hình sự năm... của nước... Tòa tuyên án xử phạt bị cáo Lê Văn Don về tội đầu cơ tích trữ hàng hóa, sản xuất trái phép, ba năm tù giam, tịch thu toàn bộ tư liệu sản xuất hiện có...".

Phiên tòa chợt ồn ào, không biết người ta đồng tình hay phản đối với lời buộc tội như vậy, ông Don không phán đoán được. Hồn vía ông như thoát lìa khỏi thân xác. Đứng trước vành móng ngựa mà mắt ông cứ trợn trừng nhìn lên phía trước. Bản tuyên án cứ như toát ra từ vòm mái, từ những hàng cột trơ cứng và lạnh lùng kia.

Hóa ra như thế là mình có tội? Ông thấy mình đang bay lơ lửng giữa tầng mây xốp đen, bốn bề mịt mùng, đặc quánh.

– Thưa quý Tòa... – Giọng ông lạc đi – Tôi thấy tội của tôi không nặng đến như vậy đâu ạ. Tôi đổ mồ hôi, tôi sôi nước mắt, tôi thức khuya dậy sớm, tôi lao tâm khổ trí mới tìm ra việc làm, mới kiếm được miếng cơm mà ăn. Những thứ tôi làm ra không thuộc loại hàng quốc cấm, chỉ là hộp sơn, chỉ là đôi dép nhựa, cái bảng đen cái thước kẻ cho người dân lao động. Người mua không ai bảo tôi lừa đảo, tôi không buôn lậu không trốn thuế... Tòa cho tôi được khiếu nại.

Chủ tọa phiên tòa đứng lên phẩy tay:

– Được, cho khiếu nại. Tòa sẽ xét.

Hôm sau ông Don đã là người tù thành án, mặc áo quần của trại, ngủ phòng giam.

Ba năm ấy ông đã bị đưa đi nhiều nơi. Hỏa Lò, La Khê, Yên Bái, Nghệ An... Cũng gặp nhiều bạn tù. Nhiều trận đòn. Cũng nhiều kẻ phải nể mặt. Và cũng có người thương. Ông trưởng trại Nghệ An cho một gói thuốc lào. Ông phó trại Yên Bái cho một tấm mía và hai múi bưởi. Mà hàng chục năm sau đâu quên được, coi như ơn trời biển. Một miếng khi đói bằng cả gói khi no là thế.

Chữa được cái máy xay xát hỏng, người ta cho trông coi máy xay xát gần một năm. Rồi làm lò gạch, chế tạo được một máy nhào đất và một máy đùn gạch, đất đùn ra dài và mịn, bạn tù gọi là

rồng đất. Lại nửa năm trồng sắn, trồng được gần hết quả đồi phía sau trại.

Lâu lắm đã quên hết những năm tháng gian lao ấy thế mà bây giờ... lại nhớ.

... Dừng lại trước một cái cửa sắt, trưởng trại nói:

– Ông ở phòng này, trong đó có năm thằng rồi.

Khi cửa sắt mở ra, ông nhìn một lúc mới thấy cái bóng mờ mờ của ban ngày có mấy cái mặt nghếch ra. Nằm giữa là người đàn ông còn trẻ, lông mày rậm, mắt sâu mũi khoằm đang được bốn người ngồi xung quanh chăm sóc một cách âu yếm. Hai người nắn bóp hai tay, hai người nữa xoa bóp hai chân. Ông đang tự hỏi không biết người đang nằm kia là ai mà lại được hưởng sự sung sướng như vậy thì có tiếng quát:

– Quỳ xuống...

Ông Don há hốc mồm ngạc nhiên nhưng chợt nhận ra rằng con người đang được hầu hạ kia đang chỉ ngón tay to lớn vào mặt ông, ông đành quỳ xuống xem sao.

– Chọi, phạt! Người đó ra lệnh.

Thằng Chọi đứng lên. Nhìn kỹ lại, hóa ra Chọi là một ông già đã gần sáu mươi, nhỏ thó, cóc cáy và xanh xao. Lão ta luỳnh khuỳnh đi đến bên ông Don và ông cũng chưa hiểu ra chuyện gì thì một quả đấm giáng thẳng vào quai hàm làm cho ông không thể ngậm miệng lại được. Lão già không quát nhưng rất độc ác:

– May mắn cho mày được gặp đại ca.

Rồi lão tự nhiên thọc tay vào người ông Don lần hết túi này đến túi khác, lưng quần rồi đũng quần. Ông Don có mấy chục bạc và một gói kẹo, lão già lôi tuột ra và mang đến cho thằng đang nằm. Nó khoảng ba mươi tuổi là nhiều nhưng trông dữ tợn và đểu giả. Tại sao hắn ở tù mà béo khỏe đến thế? Vả lại, được hầu hạ như vua chúa thế?

Thằng được bọn chúng gọi là đại ca ấy, ăn kẹo một mình. Và hắn không bóc. Đã có lão Chọi bóc từng cái một đút vào mồm cho hắn. Tuy nằm trên sàn xi măng nhưng dưới lưng hắn được lót mấy

cái áo tù màu như xanh, như đen, như trắng. Đầu hắn được gối lên đùi một thằng tù khác.

Ông Don chưa hiểu gì về năm con người kia nhưng đã được một bài học nhập môn về trại tù. Ông biết rằng gã trai trẻ to béo kia đang làm chúa tể ở chốn này, ông muốn trị hắn thì nên nghe theo hắn.

Gã kia ăn gần hết gói kẹo mới hỏi:

– Mày ở đâu đến hả?

– Tôi ở Hà Nội.

– Chọi, nó bảo cái gì thế?

Lão già lại luỳnh khuỳnh đứng dậy. Ông Don tưởng rằng gã kia nghe không rõ bảo lão già nhắc lại. Lão Chọi đi lại phía ông Don và bất ngờ, một quả đấm nữa thoi vào quai hàm ông Don, ngược chiều với quả đấm thứ nhất.

– Trả lời đại ca là phải bẩm, lạy như bẩm lạy hoàng đế, hiểu chưa?

Ông Don hiểu ra và vội trả lời:

– Muôn tâu hoàng đế...

– Không phải như thế. Lão già ngắt lời.

– Muôn tâu đại ca, con ở Hà Nội.

– Ha ha ha...

– Hé hé hé...

Trong cái đám âm thanh man rợ ấy ông Don không biết được tiếng cười của đứa nào. Chỉ nhận được tiếng cười thằng đại ca: khấc... khấc... khấc... Rồi hắn ngóc đầu dậy khen:

– Thằng này ngoan, Mày nghỉ chơi trong tù mấy lần rồi?

– Lần đầu ạ... Ông vội chữa thêm, muôn tâu đại ca.

– Tao thương mày, mày là thằng sớm giác ngộ, không đến nỗi óc bã đậu như bọn ăn hại kia. Còn tao, có thâm niên ngồi tù một phần ba cuộc đời. Đã ban ơn cho nhiều đứa sớm về chầu tiên tổ. Cũng rèn luyện được hàng trăm đứa để nó ra đời sống bằng sức mạnh.

Xong bài tự ca tâm huyết ấy, hắn nhắm mắt lại như ngủ. Ông Don vẫn phải quỳ, không biết bao giờ cái thằng dao búa ấy cho ông được ngồi.

Đến trưa, thằng đại ca nhìn từ đầu chí chân ông Don rồi hỏi:

– Mày ăn gì?

Ông Don không hiểu câu hỏi nên càng khúm núm:

– Dạ bẩm con...

– Là tao bảo mày thích ăn cơm hay ăn đòn?

– Dạ bẩm đại ca, con xin được không ăn gì cả.

Nghe cái câu trả lời lạ tai ấy cả lũ há há, hố hố ầm ỳ lên. Thằng đại ca đứng dậy khệnh khạng đến xoa đầu ông Don.

– Mày là loại tù siêu việt, con ạ. Tốt. Tao cho mày trả nửa món nợ mà thằng già kia khi nãy nó tạm ứng của mày. Chọi đứng lên con...

Chưa nghe hết câu, lão già Chọi cóc cáy ốm o kia đã lăn đùng ra giãy đành đạch, miệng la oái oái như bị chọc tiết:

– Ôi giời đất ơi, trời phật thánh thần ơi, hãy cứu con. Đại ca ơi, trăm lạy đại ca, con cắn rơm cắn cỏ xin đại ca... Lão nhổm dậy lết đi bằng hai đầu gối, tay vái lia lịa. Con thân già da cóc thế này, đại ca tha cho con. Hu... hu...

Thằng đao búa cười rú lên:

– Hé hé... Sống ở đời phải cho sòng phẳng con ạ. Câm cái mõm đi, khi nãy mày tống vào cái mặt nó mấy quả?

– Không, không, thưa đại ca, đó là con thi hành lệnh của đại ca mà thôi.

– À thế thì mày càng chết. Mày sẽ được nhận lại ba quả, hai quả trả nợ cho thằng kia, một quả trả cho cái giá nô lệ của mày. Chọi, mày đã thấy sáng ra chưa con?

Ông Don không nỡ đánh lão già còm nhom thế kia nhưng ban đầu ông cũng phải trị cho chúng một trận để lấy uy. Ông thẳng cánh phang một cái tát nảy lửa vào mặt lão Chọi. Tội nghiệp, cái thân xác ốm o ấy liền quay đơ.

Cả bọn nhào đến rá cơm. Ông già tưởng chết rồi kia nhanh như cắt, cũng nhào đến.

Thằng đại ca tên là Nhung, tên cúng cơm. Hắn vẫn biết cái tên ấy có vẻ yếm váy quá nhưng cần quái gì. Vả lại, trên tám mươi cây số đường sông, nó không thiếu gì tên để cho bọn lâu la gọi, những diều hâu, đại bàng, thần kiếm, hắn bị tù nhiều lần và cũng trốn tù nhiều lần. Bao giờ vào tù hắn cũng béo khỏe ra, nếu ở ngoài thấy ốm quá hắn lại vào tù ở lâu lâu. Thích thì ở, không thích thì trốn ra.

Buổi chiều hôm ấy, cả bốn thằng kia lại phải hầu hạ thằng đại ca như thế. Có lẽ những ngày trước đó cũng thế và sau này cũng vậy, cho đến khi bọn chúng xuống lỗ hoặc ra khỏi trại. Nhung mắt lơ mơ như ngủ trong khi ấy các thằng khác vẫn tiếp tục đấm bóp xoa nắn. Những trận đòn biến chúng thành ngoan ngoãn, cần mẫn, siêng năng. Đang ngủ thằng Nhung chợt rống lên. Ông Don vẫn đang thực hiện bài học đầu tiên, nghĩa là quỳ, từ khi nào, qua trưa và bây giờ là chiều.

– Eng oai... eng là con chó cái...

Hóa ra thằng kẻ cướp đang ca cải lương, chao ôi.

Hắn hát cũng không giống mọi người, cái giọng cải lương của nó cũng dữ tợn và đểu giả.

– Tằng... tặng... tăng... tăng.. tằng...

Mấy thằng đấm bóp liền phụ họa.

– Anh đi tù... eng ở nhà...

– Tằng tằng tằng...

– Có đi tơ thằng nào thì khi dề... anh sẽ tiết canh eng...

– Tặng tăng tằng...

– Em là con chó cái đi tơ... Cái thằng già đâu rồi?

Có lẽ bây giờ thằng đại ca lại lôi ông ra làm trò giải trí đây, ông Don nghĩ và cố bấm bụng chịu đựng. Ông đáp một cách thành kính:

– Dạ thưa đại ca, gọi con?

– Đúng, ta gọi ngươi. Ngươi có biết ta đang muốn gì không? Chọi, một chưởng... săn sóc nó chu đáo vào.

Lão già đấm bóp lại đứng lên, không mào đầu gì hết, ông Don liền được nhận một quả đấm trời giáng vào mang tai. Đòn thù của Chọi cũng khá, tai ông Don ù mất mấy ngày.

Đại ca tỏ ra không quan tâm, chỉ he hé mắt nhìn.

– Hừ, mày đã làm nên chiến tích gì mà phải quá bộ dô đây với tụi tao hả mày?

Nó hỏi một cách ngọt ngào.

– Dạ...

– Mày tưởng chốn này thần tiên lắm hay sao?

– Dạ... con cũng không biết...

– Mày đã làm đến cái chức gì?

– Con chỉ là một ông chủ.

– Ông chủ? Chủ nhiệm chứ gì? Hay chủ tịch. Cái giống chúng mày vào đây nhiều lắm, chủ nhiệm từng đống, giám đốc, cán bộ tổ chức, cán bộ đối ngoại... chà chà, xúc đi không hết. Thế mày làm nghề gì?

– Con làm sơn...

– Ha ha... Làm sơn. Tao còn lạ gì cái lũ bịp bợm chúng mày. quét một ít bồ hóng, đốt cao su lấy muội trộn với nhựa đường với dầu trẩu đóng vào hộp, đút tiền cho thằng thu mua, thằng kiểm hóa, chúng mua hết đưa vào mậu dịch quốc doanh bán. Cả một lũ bịp bợm, ăn trên đầu trên cổ thằng dân đen. Những thằng cán bộ, chúng phải qua mày mới ăn được con ạ, mày nối giáo cho giặc, đáng tội chết chém. Thế mày có giàu lắm không?

– Con nghèo lắm. Có vài cái nhà, mấy cửa hàng, thuê vài chục người làm, mỗi ngày kiếm được độ một đồng cân vàng.

– Ha ha... Mày là thằng giàu đấy chứ. Nhưng giàu thế sao lại phải vào tù.

– Dạ... vì con nhỡ tay.

– Nhỡ như thế nào?

– Dạ, con cũng chỉ muốn dọa nó thôi, mới đấm khẽ một cái mà nó đã về chầu trời.

– Thật thế chứ?

– Vâng ạ.

– Thế mày là thằng đáng nể đấy. Bây giờ tao cho mày đấm tao một cái, nếu tao không chết thì tính sao?

– Dạ con không dám, đại ca không thể chết được.

– Hé hé hé... Chọi.

Ông Don vội lạy như tế sao:

– Xin đại ca tha chết cho con, xin đại ca...

Cười một hồi chảy cả nước mắt, thằng đại ca mới chỉ vào mặt ông mắng:

– Mày biết tội của mày rồi chứ? Mày tưởng mày bịp được tao hả? Nhưng thôi, bố mày tha chết cho mày lần này. Ngu lắm con ạ, hôn chân ta đi.

Ông Don cúi xuống hôn rất thành kính vào hai bàn chân như chân người chết của thằng đại ca. Hắn có vẻ thỏa mãn và hỏi:

– Thế cái thằng mày cho về chầu ông bà ông vải kia là ai? Quan hay dân?

Ông Don trố mắt lên, không biết trả lời thế nào. Vừa rồi nó biết ông bịp nó, ông suýt bỏ mạng. Nay nó lại hỏi lỡm ông thế này...

– Dạ không, đó là thằng tình địch của con. Ông Don đáp liều.

– Nể đấy, nể đấy...

Đêm hôm ấy, thằng đại ca bắt ông Don quạt cho nó ngủ suốt đêm, ông không dám chợp mắt một tí nào. Ông biết những kẻ ngang trời dọc đất như bọn chúng đâu dễ tin ngay vào câu chuyện ông vừa dùng để lỡm chúng. Cái mánh lới khuếch khoác và lừa đảo trong nghề kinh doanh của ông không thể đắc dụng trong nhà tù. Những kẻ vào đây bằng mọi con đường trọng tội muôn vẻ, chúng từng khuếch khoác và lừa đảo thiên hạ cao tay hơn ông một bậc, ông cũng là kẻ lừa đảo dù sao còn có gia đình. Thôi đành, cứ cống nạp mọi thứ quà

cáp của vợ con ông tiếp tế cho chúng: thịt rim, cá hộp, đường sữa, giò chả, kẹo bánh... để hy vọng chúng khỏi hành hạ. Thời gian ấy người ta chưa bắt ông đi làm, nghĩa là chưa đủ độ tin cậy để ra ngoài. Và cái bọn đầu gấu kia cũng vậy. Chúng quay ra hành hạ nhau.

Vợ con ông gửi vào cho ông một bộ quần áo vải dày và cỗ bài tú lơ khơ. Đại ca rậm râu chấn ngay trải ra nằm.

Ông Don và năm người này, về mặt đểu giả đều đáng mặt sư phụ cả. Tuy nhiên ma mới, ông phải quy lụy, thành kính, phải xưng tụng nó như xưng tụng hoàng đế. Dù ông là ma nhưng chúng lại là quỷ, chưa đùa với quỷ lúc này được.

Nghe đâu thằng Nhung đã từng hiếp dâm, giết người. Còn ông già còm nhom mà thằng đại ca luôn mồm chửi và gọi là Chọi nguyên là giám đốc một công ty dịch vụ lớn, nó ngủ hết với năm chục chị em phụ nữ dưới quyền. Hắn đã có một thời lừng lẫy, hét ra lửa, có trong tay một lúc năm chục cô như tỳ thiếp là chuyện không vừa. Còn ba cái bộ xương kia, đố ai biết chúng bao nhiêu tuổi, chúng vừa già vừa trẻ, như chúng không có tuổi, không có một dấu vết đẳng cấp, không có dấu vết nghề nghiệp... Thế mà chính chúng là những trùm buôn thuốc phiện cỡ bự, nghe đâu buôn cả hộ chiếu xuất cảnh. Thằng thứ ba nữa, hắn khôn ranh như con mèo, biết thu mình để rình mồi và tránh né kẻ địch. Chính hắn về sau này khi ra tù, đã tìm đến nhà ông Don được ông thết đãi như khách thiên đình, định dùng hắn làm nô bộc nhưng hắn đã ranh ma hơn ông, cuỗm chiếc xe đạp tốt và đứa con dâu sắp cưới của ông chuồn mất.

Không ngờ cỗ bài là nỗi hiểm họa cho ông Don sau đó.

Bắt đầu chúng chỉ đánh chơi, nhưng đánh chơi không có hứng thú gì mấy. Thằng Nhung đòi đánh bạc nhưng bạc không có trong tù. Hắn đặt ra quy tắc: thằng nào thua một ván phải nhịn một ngày cơm. Ông Don đánh một ván đủ để đánh giá khả năng địch thủ. Thằng đại ca rậm râu chỉ được cái liều mạng, võ mồm. Chọi giám đốc công ty đa mưu nhưng nhát. Còn ba thằng kia là bọn lá mặt lá trái biến hóa khôn lường.

Ngày hôm đó, ông Don thua mười ván phải nhịn mười ngày cơm cho đại ca. Nhưng ông rất cứng, ông cũng là dân đao búa còn hơn cả chúng nó.

Hôm sau lại đúng ngày thăm, dĩ nhiên ông Don mất phần cơm cho đại ca nhưng ông có bánh chưng, giò, bánh quy của vợ gửi vào. Ăn xong ông gói cất biến. Không ngờ thằng đại ca đề ngửa ông ra, trói chân tay, nhét giẻ vào mồm rồi lấy giò và bánh của ông ăn bằng hết. Xong, chúng bắt ông liếm lá.

Ông nhịn được một ngày, ngày hôm sau quyết không chịu thua. Lần này đứa nào thua một ván phải nhịn cơm một tháng. Kết cục, ông lại thua sáu ván. Đại ca cười sằng sặc:

– Con ơi, từ nay con biết bố là người như thế nào. Hắn đặt một chân lên vai ông, chân kia xoa lên đầu. Bố mày chinh chiến không thiếu chỗ hiểm nguy. Những thằng đầu trâu mặt ngựa này từng hét lên một tiếng thiên hạ mửa cơm mà cũng chỉ dám xin hầu hạ ta. Ngu lắm con ạ.

Khi miếng cơm bị giật ra khỏi miệng, Don dám lấy đá đập vào gáy đối thủ lắm, nhưng ở đây không có đá. Ông nhe răng ra liều chết:

– Bây giờ một mình mày dám đánh tay đôi với tao không? Chỉ có tao với mày, những thằng khốn kiếp kia cấm xỉa vào. Thằng nào thua nhịn cơm một năm. Nào mày có dám không?

Thằng đại ca cứ tự nhiên lăn đùng ra, ôm bụng giãy đành đạch. Một lúc nó mới cười nấc lên.

– Thủ trưởng chơi đi, thủ trưởng hãy giết cho thằng bợm già chết toi đi. – Ông già nguyên giám đốc công ty công nghệ phẩm phản kích.

– Tao đéo vào cái thủ trưởng của mày nghe chưa? Thằng đại ca vặc lại.

– Dạ con nhỡ mồm, thưa minh chủ. Nó muốn chết thì minh chủ cho nó chết luôn đi.

Thằng đại ca phẩy tay:

– Được, tao biết tao sẽ phải làm gì, bọn chấy rận chúng mày câm mẹ cái mồm đi. Lần này ta ra tay làm phúc cho thằng lừa đảo

giàu sụ này về chầu Diêm vương cho sớm chợ. Đưa bài ra con, chia ra...

Không hiểu vì lo cho cái mạng sống của mình hay vì cùng đường mà ông Don tự nhiên sáng suốt hẳn ra, tính toán đâu ra đấy. Hai bên giữ bài khư khư, đánh con nào cân nhắc con đó. Và cuối cùng, như có phép mầu... Don đã thắng. Một năm nhé. Không những trừ được món nợ sáu tháng mà bây giờ thằng đại ca còn nhịn sáu tháng cho ông Don. Nó biết không bao giờ ông Don lại dám ăn phần của nó, dù sáu tháng hay mười năm đi nữa nhưng nó vẫn tức.

Cả bọn sợ hãi im thin thít. Chợt lão Chọi kêu ré lên:

– Nó chơi gian với đại ca, thằng bợm này có bao giờ thật thà được?

– Nó không ăn gian, thằng đại ca bảo. Chúng mày ngu lắm, bố bảo nó cũng không dám chơi lận với ta. Nhưng thôi chơi tiếp, ván này nếu đứa nào được sẽ phải nhịn cơm lẫn đồ tiếp tế. Chia bài ra.

Ông Chọi lại lĩnh trách nhiệm chia bài. Phần ai nấy bốc. Ông Don nhìn phần bài mà vã mồ hôi. Bài đã xấu ông lại ở trong tình thế không ai ủng hộ, đơn thương độc mã.

Tuy nhiên, dù già trẻ vẫn là những thằng tù, nên chúng xông vào nhau như điên, bài cứ quật xuống nền xi măng đen đét. Cuối cùng ông Don lại thắng.

– Mày đã thua tao, nhớ lấy.

Ông nói và thở phào một cái.

Nhưng vừa ra khỏi cơn sát phạt đỏ đen ấy, ông đã sa sẩm mặt mày. Mọi thứ như lật ngược xuống. Ông cố gắng để khỏi bị ngất đi. Ôi, lúc này nếu không may bị ngất lịm thì những thằng kia sẽ giết ông như giết một con chó.

– Đã đỡ chưa con?

Thằng đại ca hỏi và nhìn xoáy vào mặt ông. Ông Don cũng trừng trừng nhìn lại nó. Thật là một thằng kẻ cướp cáo già, không có gì qua mắt được nó. Ông cố gắng đứng dậy hơi loạng choạng. Đến chỗ vệ sinh, ông cởi bỏ quần áo tù ra mà vắt. Một dòng nước chảy tong tong xuống nền nhà. Đó là mồ hôi túa ra trong trận đấu sống

mái vừa qua giữa ông và những người bạn tù. Không biết trong dòng nước tong tong chảy xuống đó, chỉ có mồ hôi hay lẫn cả máu?

Ông Don từ từ quay lại nhìn cả bọn rồi bảo:

– Sáu tháng cộng với mười hai tháng. Chúng mày hãy nhớ lấy, thằng đại ca của chúng mày từ nay phải nhịn cơm và nhịn quà cho tao mười tám tháng. Luật làm ăn như thế nào thì chúng mày biết cả rồi.

Chọi dự cảm thấy một cái gì đó vội la lên:

– Thủ trưởng ơi, đứng để cho nó ăn như thế thủ trưởng ơi. Thủ trưởng ơi...

– Câm mồm lại thằng Chọi, tao không thèm làm thủ trưởng của mày, thằng đại ca quát. Luật chơi là luật chơi. Anh hùng hảo hán như tao mà lèm nhèm hả? Tao ra lệnh: Mỗi thằng phải nhịn cơm cho tao một tuần, lần lượt như thế...

– Ôi đại ca, em chết đói mất. Thân già da cóc thế này mà bắt em nhịn nữa thì em sống sao được? Tiên sư thằng chó, vì mày mà chúng ông phải nhịn ăn.

Chọi nước mắt nước mũi ròng ròng, khóc như bố chết.

– Nhưng nó, nó cũng phải có nghĩa vụ nhịn ăn một tuần như chúng em. Công bằng ở đâu đại ca?

– Ha ha... thằng này thông minh thật. Thằng đại ca phá lên cười. Thế thì tất cả năm thằng. Thằng gia công sơn cũng phải nhịn một tuần. Ở đây tao là chủ, mày cũng như thằng khác phải có nghĩa vụ hầu hạ thủ lĩnh. Công bằng chưa chúng mày?

Cả bọn chưa kịp vui mừng thì đại ca của chúng lại đe:

– Im ngay, đừng vội mừng. Nghe ta nói. Thằng đại ca trợn mắt. Thằng gia công sơn để thắng ta, ta bái phục sự dũng cảm của hắn. Lẽ ra hắn cũng phải đóng góp như vậy nhưng như ta nói, hắn là kẻ chiến thắng nên ta miễn cho hắn. Thế mới là công bằng. Hé hé...

– Thưa đại ca...

– Cấm cãi, thằng nào trái ý ta thì đứng lên.

Buổi chiều cả trại được ra ngoài trời mười lăm phút. Khi về thằng mặt rỗ, một trong hai thằng gầy như bộ xương, buộc chiếc đũa vào bắp chân đưa về phòng. Lão nguyên giám đốc công ty công nghệ phẩm lấm lét nhìn đại ca của nó. Chúng sẽ khử một thằng nào đó, thằng nào hay chính ông Don?

Từ đó đêm nào ông cũng sống trong nỗi lo sợ phấp phỏng. Không thể chợp mắt, thấy đứa nào trở mình ông đều dựng tóc gáy. Thấy kiểu chơi này quá căng thẳng, hôm sau Don đành làm lành với đại ca, xin lỗi nó và tuyên bố không có nợ nần gì hết. Thằng Nhung chấp nhận sự hàng phục của ông như một sự chiếu cố nhưng bọn đàn em thì cười khẩy: "Mày không biết luật chơi". Ông Don ngủ chập chờn, thấp thỏm đón đợi đòn trả thù của bọn này.

Đêm ấy chúng ngủ yên.

Đêm sau lúc gần sáng, bọn chúng có vài rục rịch khang khác. Ông Don nằm yên như ngủ và không dám thở mạnh. Rồi chúng lại yên. Sáng ra sáu thằng vẫn còn sống.

Đêm sau nữa ông Don buồn ngủ ghê gớm, sợ không thức được và đã ngủ quên. Chợt ông giật mình choàng dậy. Tiếng ngáy của bọn chúng vẫn đều đều, có vẻ rất say. Cẩn thận, ông Don đổi chỗ ngủ cho Chọi, nhưng vẫn không dám ngủ.

Một tiếng rú của đứa nào đó làm cho ông Don giật bắn mình. Lão Chọi quằn quại ôm lấy tai. Thằng đại ca thẳng tay tát đốp vào mặt thằng rỗ. Tất cả diễn ra trong vùng ánh sáng mờ mờ bên ngoài hắt vào qua mấy lỗ thông hơi.

Không đứa nào lên tiếng, y như màn kịch câm. Ông Don không lạ gì chúng nhưng ông thấy ghê ghê. Ông lặng lẽ ngồi, lặng lẽ nhìn. Chúng lại ngủ tiếp, lão Chọi vẫn còn giãy, chưa chết.

Trong lòng hoang mang, ông Don ngồi chờ lão Chọi hấp hối. Đáng lý Chọi không chết, Chọi chỉ không may phải thế mạng cho ông Don mà thôi. Trong chuyện này ai là kẻ có tội, ông Don hay thằng mặt rỗ? Có lẽ cả ba hay không có ai, vì tất cả đều thành những kẻ độc ác mất rồi. Cú đánh lén, cú trả thù ghê rợn ấy chỉ để dành cho ông nhưng ông đã đẩy cú đòn ấy cho Chọi.

12.

Tính từng ngày và tính từng giờ nhưng khi nào cũng thấy thời gian ở trong tù dài như vô tận. Thế mà rồi cũng đến lúc ông Don được thả. Hôm ấy cánh cửa phòng giam xịch mở rất sớm, ông cải huấn bước vào nhìn một lượt rồi hỏi:

– Ông Don đâu?

– Dạ thưa tôi đây ạ. Ông đứng dậy và trả lời.

– Lên gặp trại trưởng, mang cả quần áo.

Ông run lên lập cập. Trời ơi, trời đã cứu con, trời đã giải thoát cho con. Cum cúp cắp gói quần áo chạy ra khỏi phòng, ông không dám nhìn lại một ai. Quả thật, không dám nhìn. Những người ở lại buồn lắm, họ chưa hết hạn.

– Thưa ông, tôi là Don, có mặt theo lệnh ông.

Ông trưởng trai quản giáo đã năm mươi, tóc chưa bạc nhưng trông khắc khổ u ám. Có vẻ là người hiền.

Với ông ta, ông Don không có cảm giác sợ, có lẽ vì ông tiếp xúc nhiều với vẻ mặt hung dữ của tù nhân.

Trưởng trại ngước mắt nhìn ông Don, cái nhìn thoáng chút thăm dò, xét nét rồi tia sáng ấm áp tin cậy trở lại.

– Ông ngồi xuống.

Trại trưởng nói và chỉ cho ông cái ghế trống đối diện. Ông Don lặng lẽ đến ngồi xuống và đợi. Ông đã quen với sự chờ đợi thế này.

– Xét thấy ông lao động và cải tạo tốt, trên quyết định trả tự do cho ông. Tôi khuyên ông khi trở về gia đình hãy làm ăn lương thiện, đừng giở trò ma mãnh cũ ra. Chúng tôi không muốn nhìn thấy ông trở lại đây một lần nữa. Chúc ông trở về bình an.

Tuy hạn tù của ông đã gần hết, tính từ ngày tạm giam đến nay, ông đã ở được hai năm mười một tháng mười bảy ngày. Nhưng khi nghe được trả tự do ông vẫn thấy bàng hoàng. Máu như trào lên, người ông đang nhảy múa. Ông nghĩ đến hai chữ tự do, nghĩ đến phút đoàn viên với vợ con mà thấy nghẹn ngào.

– Cám ơn ông, Ông Don nói.

– Đây là tiền công lao động của ông mấy năm, còn đây là giấy tờ quần áo...

– Thưa ông, tôi có thể ra tàu ngay bây giờ?

– Tất nhiên, ngay bây giờ. Mười một giờ trưa có chuyến tàu xuôi.

Ngóng trông mòn mỏi cái giờ phút giã biệt nơi này, bây giờ cái phút ấy đã đến thì ông lại thấy nhơ nhớ. Hóa ra mấy cái máy đùn gạch cũng làm ông lưu luyến. Mấy hôm nay nó có trục trặc ông chưa kịp chữa.

– Tôi xin ở lại vài ngày, ông nói một cách thật lòng. Tôi muốn chữa cái máy đùn gạch cho xong. Hôm nay hay vài ngày nữa, tôi về nhà cũng thế.

– Tôi biết ông mong về lắm, ai cũng vậy. Ông cứ về vợ con ông đang mong. Còn cái máy có gì hỏng hóc ông báo lại với anh em dưới đó.

Ông Don cầm túi đứng lên:

– Vâng, vậy xin phép ông, tôi xuống từ biệt mọi người.

Ông trưởng trại đưa tay ra, ông Don giơ hai tay ra nắm lấy.

Thế là ông ấy không còn coi mình là thằng tù nữa, đó là con người nhân hậu.

Đến phòng giam ông chia tay với mọi người một cách lặng lẽ, không vui không buồn. Dù là nơi tù tội, con người chai lỳ với nỗi buồn niềm vui nhưng lúc này ông lại rơi vài giọt nước mắt.

Lâu quá, ông không còn nhớ gì nhiều cái giờ phút chia tay giữa ông, một người đã tự do và những người bạn tù – thân phận còn trong nơi tù tội. Lâu quá. Những năm tháng ấy xa mù tít tắp đã pha màu cổ tích rồi. Thế nhưng không hiểu sao nét mặt nhân hậu của người trưởng trại lại cứ hằn sâu trong ký ức ông. Chập chờn trong sâu thẳm, nét mặt ấy cứ hiện rõ ra rồi chợt biến mất.

Hóa ra đời ông đâu chỉ gặp những người như thằng Phòng. Vẫn có những nhà chức trách đã nhìn ông bằng con mắt ấm áp độ lượng. Có lúc, sau những việc làm vô luân, phi đạo, lường gạt ông có thấy chờn chợn. Chờn chợn thôi vì ý nghĩ *sống-chỉ-cần-tiền* trong ông vẫn như một lò lửa, chỉ khác nó bùng lên hay nó âm ỷ mà thôi.

Hôm ấy ông Don ra ga một mình, con đường và người đi ra khác con đường và người đi đến ba năm về trước. Xưa nó là con đường mòn nay đã rải đá, phủ một lớp đất ba dan đỏ au. Hai bên đường vắng tanh, không có quán xá, nhà cửa chen chúc như ở dưới xuôi, chỉ một cái cầu treo, một bản người Dao năm sáu nóc nhà như treo lơ lửng lưng chừng mây. Cây cối và mây mù sống với nhau quanh năm. Chỉ có thế, con đường heo hút đến rợn người. Lâu lâu mới gặp vài người đàn ông mặc áo đen quần chẽn, dăm người đàn bà đi nương. Rồi lâu nữa ông mới gặp hai cô gái Thái đi cùng chiều, vợi đi cảm giác heo vắng...

Cái đầu trọc của thằng tù đã được đậy kín bằng cái mũ cối, bộ quần áo tù cũng được để lại trại, trước mặt họ ông vẫn là một người bình thường, một ông già hơi gầy, hơi khắc khổ, vai khoác cái giỏ mây tự đan, chân dép lốp. Bình thường như bao người dân miền xuôi lên mạn ngược làm ăn hoặc đi kinh tế mới... Cả đến nhìn cũng không dám nhìn ai, lầm lũi đi trong sự mặc cảm.

Thế mà những cô gái ấy cứ co rúm người lại, lấm lét nhìn ông như nhìn một con hổ dữ. Ông rùng mình, da mặt xám ngoét, lạnh ngắt. A, ông vẫn là thằng tù, mọi người vẫn nhận ra ông là một thằng tù, là thằng khốn nạn, thằng ác. Đúng, ông là kẻ khốn nạn, không oan, từng gian lận, làm ăn phi đạo bất chính, vô luân và lạy Trời tha tội, bàn tay ông đã hai lần nhuốm máu người... Nhưng ông đã phải trả giá cao cho những gì như vậy rồi.

Hay như vậy chưa đủ, cái món nợ phong trần trả chưa xong. Hóa ra thân phận tù đày phải đâu chỉ ở cái đầu trọc hay bộ quần áo màu mực chết? Mà ở đâu đó như từ lương tâm từ gan ruột con người ông. Cái điều ấy là ma quái, nó là cái gì nếu không phải là khát vọng *sống-chỉ-cần-có-tiền* mà ông tâm niệm, hóa ra còn có lẽ đời, lẽ trời, còn có đạo lý, nhân nghĩa. Những thứ ấy siêu linh, vô ảnh, cao vời, sâu thẳm, nhưng không có điều gì trên thế gian mà nó không chiếu dọi ánh sáng tới...

Ông cúi gằm mặt xuống bước nhanh, vượt cho xa mấy cô gái đi chợ. Lúc đã khuất, ông mới thấy nhẹ nhõm, sự dày vò trong tâm can như đã thoát ra ngoài. Ôi, có những lúc ông thấy mình yếu đuối như trẻ thơ. Cả đời làm ăn, từng chống chọi với bao nhiêu thứ, trốn

thuế, tránh pháp luật, chống bọn trấn lột, lại ba năm tù đày, không giờ phút nào không đối mặt với cái chết, thế mà ông không hề cảm thấy run sợ, không hề cảm thấy mình yếu đuối.

Thế mà lúc này khi đã là người tự do, là người được hành động theo ý muốn của mình, trước mắt chỉ có hai cô bé xinh xắn và e lệ, ông lại sợ họ, ông phải chạy trốn khỏi họ.

Cuộc hành trình ấy đã như một cục sắt nóng đốt nên một cái sẹo trong tâm khảm ông. Quãng đường chỉ có mười cây số, đi bộ mất hơn ba tiếng đồng hồ, thỉnh thoảng gặp một chiếc ô tô lâm nghiệp chạy cùng chiều nhưng ông không xin đi nhờ. Ông sợ những ánh mắt như ánh mắt hai cô gái nọ. Làm sao ông đừng là kẻ đáng sợ cho bất kỳ ai.

Cuộc hành trình tìm về với gia đình, với vợ con cũng là cuộc hành trình tự vấn, tự hối của ông. Ông đang muốn hoàn nguyên, đang muốn làm người dân lành.

Nhà ga mái đỏ tựa lưng vào hẻm núi đá vôi, ngọn núi vút cao và cây xanh lưa thưa, trông như một bức tranh ngoạn mục bậc nhất.

Mái đá xám lạnh, màu cây xanh ong ong giữa nắng trưa, sắc núi bừng sáng. Nhà ga hai tầng xây bằng đá, trong như một lâu đài cổ, dường như sự hòa hợp kỳ diệu này thuộc về Thượng đế. Chỉ có Thượng đế mới tạo được sự cân bằng và sự sâu lắng đến mức này. Sân ga lố nhố người, áo chàm, áo nâu, áo trắng. Chiến tranh đã kéo lui về miền Trung, nơi đây lúc nào cũng bình yên.

Lại nghĩ đến chiến tranh. Đó là khi hàng triệu người đổ ra mặt trận, hàng triệu bà mẹ mất con, hàng triệu chiếc khăn tang trắng... Là với đồng bào, với ai chứ không phải với ông, con ông nguyên vẹn, tươi xanh, giàu có. Con ông không phải ra trận, ông đã làm được điều đó. Bằng luồn lách, không phải, chính ông biết sống bằng đồng tiền. Không ai trách nhà ông không có người chết trận...

Đứng một mình trên sân ga miền sơn cước đợi con tàu đến ông Don nghĩ mình từ nay khó mà sống cho được thanh thản.

– Này, mày không nhìn thấy gì hả?

Đám đông vẫn ồn ào, con tàu sắp đến.

– Thằng già kia, mày có nghe bố mày nói cái gì không hả? Mày có tai không?

Gã thanh niên râu ria sừng sộ đập vào vai ông, mắt long lên giận dữ. Ông Don tức, cũng quắc mắt nhìn lại gã kia. Thì ra câu "Mày có nhìn thấy gì không hả?" là hắn nói với ông.

– Cái gì? Ông hỏi.

– Mày điếc hả? Đứng xê ra ngoài kia.

– Không ai cấm tôi đứng ở đây cả.

– Tao cấm, có phải mày định bướng không? Đứng ra ngoài kia. Mày tưởng chúng tao không biết mày vừa ở đâu ra đấy hả?

Cả bọn cười ầm lên. Ông Don thấy tối tăm mặt mũi.

– Tao thấy thằng già ấy cứ nhìn xoáy vào cái va li của mày.

– Nó không dám đâu, chỉ dám nhót cái gì gòn gọn thôi.

Da mặt ông tê cứng vì xấu hổ. Chúng nó cậy có của, chúng nó sợ ông cuỗm cái gì đó của chúng. Ông sẽ chống lại chúng như đã từng chống chọi lại thằng đại ca và bọn đàn em của hắn.

– Mày biết tao vừa ở đâu ra chứ? Ông hỏi lại gã thanh niên.

Kèm theo câu nói có hàm ý đe dọa đó là tia sáng thù hận trong mắt ông, có lẽ dữ dội quá làm cho chàng thanh niên chờn chợn. Nhưng vẻ chờn chợn chỉ thoáng qua, cậu chàng lại thách thức trở lại:

– Mày muốn trở lại đó hả?

– Muốn cả hai, tao lẫn mày.

Hắn kéo tay thằng bạn, nói nhỏ với thằng kia câu gì đó rồi đi về phía nhà ga. Ở hàng hiên nhà ga có hai cảnh sát đang đứng.

Chẳng nhẽ mới rời khỏi nơi đó hơn ba tiếng đồng hồ, vì một chuyện không đâu, ông đã phải trở lại. Những thằng thanh niên này, như con ông, không biết chiến tranh và lao khổ là gì, chúng có thể vu cho ông cái gì đó và tất nhiên không ai tin ông. Người ta tin một đứa chưa hề mất tự do hơn một kẻ vừa mới được tự do. Ông muốn chạy trốn nhưng không có lẽ chạy trốn sự vô lý?

May cho ông con tàu đã đến. Xô bồ, ồn ào, nhốn nháo. Người ta chen nhau lên tàu, người ta chen nhau xuống tàu. Người đón, kẻ tiễn, í ới gọi nhau. Ai bánh chưng đây...

Ông Don lên tàu, muốn tìm một chỗ ngồi ít va chạm với ai. Ông tìm đến toa đen có ba hàng ghế dọc, toa này cũng chật cứng những gồng gánh, bì sọt của dân buôn chuyến. Loại dân này gần gũi với ông hơn, chắc không ai xoi mói để tìm hiểu ông vừa ở đâu ra.

Để cái làn mây lên giá đỡ, tựa lưng vào thành ghế, hai tay chắp trước bụng, ông ngồi lặng lẽ thở dài.

Bây giờ thì ông muốn yên ổn.

Con tàu nhẹ nhàng chuyển bánh. Một hồi còi hú vang. Nhà ga như chiếc đèn lồng chạy qua cửa sổ. Từ biệt, từ biệt. Ông Don chợt thấy buồn. Qua cửa sổ ông vừa thoáng thấy ngọn núi nơi ông ở ba năm vừa qua, có một dải mây mỏng như cái khăn vắt ngang. Tàu chạy đều đều, không biết ông ngủ từ lúc nào. Có ai đó đập vào vai ông, ông lại giật thót mình.

-Vé?

Mọi người đang đổ dồn vào nhìn ông. Trước mắt là nhân viên kiểm soát vé, cảnh sát và tay thanh niên đã gây gổ với ông lúc nãy. Nỗi tức nghẹn ứa lên cổ, ông tìm chiếc vé chìa ra.

– Giấy tờ? Viên cảnh sát hỏi.

Ông biết cái việc này sẽ đến: Giấy tờ đâu? Viên cảnh sát xem đi xem lại những giấy tờ mà ông có, tất nhiên.

Rồi ông ta hỏi:

– Anh ở trại ba ba?

– Dạ vâng...

– Được ra trước thời hạn?

– Dạ vâng...

– Bị tù vì tội gì?

– Dạ thưa ông, vì tội làm ăn.

– Ăn trộm?

– Thưa ông, tôi không ăn trộm gì cả. Người ta bỏ tù tôi vì tôi làm sơn.

– À tôi hiểu rồi, viên cảnh sát cười, nhưng lậu thuế, đầu cơ móc ngoặc, làm hàng giả bán cho thương nghiệp quốc doanh...

Ông Don chỉ biết cười, cười để phủ nhận cũng để công nhận. Biết nói sao được?

Lần ấy ra tù ông Don tự nhủ mình rồi sẽ không thể sống thanh thản được khi lương tri ông đã từng day dứt, từng ăn năn, từng tự thức tỉnh như vậy. Nhưng rồi về đến nhà ông lại lao vào những mưu lược làm ăn, kiếm tiền, làm giàu mới như không. Duy chỉ có điều ông Don đã dặn mình nên biết sợ, biết sợ không phải để bỏ mà để biết chôn chặt kìm nén chút ít khát khao dục vọng giàu có, tiền bạc còn lại. Nhưng khốn nỗi, ông đã từng đói nghèo, từng ăn nhờ ở chịu, từng ăn khoai lang trừ bữa nên ông biết cái hèn của sự nghèo. Đã nghèo là hèn. Nghèo – nói không ai nghe, hứa không ai tin.

Con người kinh doanh, làm ăn khác rất xa bạn tâm giao, bạn tri kỷ. Là bạn tâm giao, có mặc áo vá, uống nước lã thì cũng trọng nhau vì đã từng hiểu gan ruột của nhau ra sao. Dù mình vinh hiển hay trầm luân thì bạn vẫn đến. Còn buôn bán kinh doanh, không như thế. Dù anh có nói đến tám vạn tư nghìn là bạn của Thiên Lôi, Hà Bá, Diêm Vương cũng mặc, bạn hàng, khách hàng chỉ nhìn vào nhà cửa của anh, phương tiện anh đi, quần áo anh mặc để buôn bán làm ăn với anh.

Ông Don không làm quan thì phải làm giàu. Không mang đến danh thì cầu chữ lợi. Nhưng hám tiền quá, cậy tiền quá nên mới có ba năm tù trong đời.

Thế ông phải làm một công việc cực kỳ nguy hiểm: Cướp vợ người, trốn ra thành phố, đẩy người thương gia xuống vực... để làm gì? Dù trong đời ông đã phải đi làm thuê, nhưng đâu phải mục đích đi làm thuê, không, dù trong đời Don có phải thế nào đi nữa, có phải vật lộn với hàng trăm thằng lục lâm thảo khấu cỡ thằng đại ca đi nữa, dù ngày kia phải chết thì... ngày mai Don phải là ông chủ, ông chủ một ngày cũng được.

Cái khát vọng nung nấu suốt đời ông Don là sống chỉ cần có tiền, muốn vốc từng vốc vàng, nghe tiếng hoàn kim kêu leng keng. Không hiểu biết, không được đến trường, không có quyền uy thì ông Don điều khiển thiên hạ bằng đồng tiền. Ôi, chí khí của ông thật là "vĩ đại"!

Ông Don mang cái làn mây từ trại về, hỏi thăm đường đến nhà mới. Ở nhà vợ ông đã bán nhà cũ mua nhà mới. Người đầu tiên nhìn thấy ông là bà Bến, vợ ông. Mắt hoa lên, phải định thần một lúc, ông Don mới tin người đàn bà nõn nà, phốp pháp, hừng hực sức xuân đang đứng chải tóc trước gương kia là vợ mình. Ôi, mấy năm tấm thân óng ả đó, cái gáy cao và trắng ngần đó, có còn để dành cho ông, cho ngày gặp gỡ hay đã sa vào vòng tay của thằng nào? Lửa tình hừng hực và luôn rực cháy thế kia đâu dễ nằm không nén tình dục chờ chồng, chờ một thằng tù mà một mười không trở lại. Mụ sẵn sàng chim chuột thả cửa với bao nhiêu đàn ông thích tán tỉnh, sẵn sàng ngã vào vòng tay chúng nó. Giá như lúc này vợ ông xấu xí, dung nhan tiều tụy, ông lại không chút ngờ vực, ông lại không phải quặn ruột như thế này. Hừm... trong lúc chồng vì để cho vợ nuột nà, óng ả mà phải ngồi tù, phải hầu hạ, dạ vâng từ ông quản giáo cho đến bọn trộm cắp chỉ đáng làm nô bộc cho ông thì...

– Kìa, ai như anh... Trời ơi, anh đã về... Các con ơi, bố đã về đây này. Trời ơi, thế mà anh không viết thư, không nhắn cho mẹ con em một lời... Mà tại sao về lại đứng đực ra thế kia? Anh tưởng tôi không mong anh về à? Hu hu...

Ruột gan, chân tay ông Don mềm nhũn, ra con mụ này có thương ông thật, nó chung thủy chờ đợi mình thật. Tôi đã về đây rồi, không chết được đâu.

Vợ ông tức tưởi khóc, nước mắt nước mũi giàn giụa. Ông bước mấy bước lên hiên nhà, bỏ cái làn mây trại tù xuống tóm lấy cái eo của vợ dìu lên giường.

– Thôi, đừng khóc nữa, tôi về đây rồi...

Ông an ủi vợ rồi đưa mắt ngắm một lượt cơ ngơi mới và những đồ đạc trong nhà. Không sắm được thêm cái gì mới nhưng cũng

không bán mất cái gì cũ. Mọi đồ đạc vẫm y nguyên như khi ông ra đi. Căn nhà mới khá đẹp, hai tầng, bốn phòng, có sân trước sân sau, có ga ra ô tô, có nhà bếp. Khi vắng ông, Bến đã nhiếp chính để ra tay thay đổi cơ đồ, sắp xếp lại giang sơn. Bỏ nơi ở cũ là rũ bỏ một đoạn đời không được lương thiện gì cho lắm và cũng không tốt đẹp gì cho lắm. Đến nơi này, chắc hàng xóm láng giềng sẽ chẳng ai biết ông đã từng là thằng tù. Có lẽ thế hay hơn.

– Tôi không chết được và tôi đã về đến nhà. Ông nói. Thế là mừng cho cả nhà. Tôi ra tù là tôi lại làm giàu, làm giàu cho thiên hạ sáng mắt ra. Đâu có triệt tôi được. Tiệt tôi cái này, tôi sẽ làm cái khác. Rồi xem...

Mặt ông Don nóng bừng bừng ông cũng biết mình không nên nói gì lúc này. Nói như thế không khác gì trêu tức thiên hạ. Sẽ làm giàu, với ai chứ với ông cần phải khôn khéo hơn trước. Don này đã thanh toán hai mạng người, bây giờ Don lại ở tù ra...

– Mình đi ngủ đi, có lẽ đã quá nửa đêm rồi.

Khách khứa đã về hết và vợ ông đã phải giục đến lần thứ mấy. Đêm ấy với sự khát khao của ba năm không gần gũi đàn bà, ông Don không khác gì một con trâu điên. Sự cuồng nhiệt pha lẫn chút ghen tuông, sự khát khao pha lẫn chút giận hờn, ông như con sóng dữ giữa đại dương bão tố mà bà Bến là con tàu lớn cũng quyết lao vào cơn bão. Con sóng chưa kịp dâng lên cao đã ập xuống, hết đợt này đến đợt khác không dứt mà con tàu cũng chưa lúc nào buông chùng tay lái. Càng gần sáng cả hai càng phiêu liêu về chốn ghềnh thác.

Không biết ông Don muốn trả thù đời hay trả thù vợ, ông cấu xé, hôn hít, trên khắp người của vợ không có chỗ nào không có vết răng ông. Rồi ông ngồi ngắm vợ ngủ. Cái cơ thể nõn nà này, bao giờ cũng là sự mê ly và bí hiểm, từ khi ông cướp được cho đến bây giờ, lúc nào cũng làm bùng cháy sự ham muốn trong ông, bao giờ cũng như muốn đẩy ông bay lên Thiên Đường.

Không có lý, ở chốn thành thị này chứ đâu phải chốn lao lung như ông đâu mà bảo kìm nén chịu đựng được? Ôi, thế thì thằng đực rựa nào đã thay ta để đêm đêm quẫn quại trên chốn Bồng Lai này? Ta muốn giết nó, muốn bóp chết tươi nó. Không lẽ nào lại không?

– Có chuyện gì thế? Vợ ông thức giấc hỏi.

Mắt ông long lên:

– Không biết chuyện gì ư? Dậy tao hỏi, mấy năm trời, tao đi vắng, mày đã ngủ với thằng nào? Nói mau.

– Đừng nói lảm nhảm nữa. Mắt mù à? Chồng đi tù, ở nhà một đống con, lo làm lo ăn, lo nuôi con, lo tiếp tế... còn sức đâu mà nghĩ đến chim chuột nhảm nhí. Anh tưởng tôi ở nhà vui vẻ lắm đấy hả?

– Nhưng ba năm trời chẳng nhẽ mày không tình tang với ai?

– Tôi thèm vào. Lo làm, lo con cái, trăm thứ đổ lên đầu gái này còn chưa hết hơi, hết sức hay sao. Tôi mà đi tù ở nhà chắc anh đã lấy con khác rồi đấy? Chỉ có anh mới đểu giả như thế, chứ tôi, tôi ỉa vào cái chuyện ấy. Tâm địa anh ra sao thì anh cứ nghĩ cho vợ anh như thế. Ở nhà quần quật lo kiếm tiền, lo tiếp tế cho anh, anh về anh lại nghi ngờ tôi. Hu hu... Tôi biết thế này tôi giữ gìn làm gì cho phí đời. Tôi mà không nghĩ đến anh thì tôi sẽ có một trăm thằng hầu hạ tôi. Hu hu...

– Thôi đừng khóc nữa... cho qua. Nhưng dù sao tôi cũng chưa dễ tin đâu. Nước mắt đàn bà thiếu gì. Chưa đến bốn mươi tuổi, nõn nà phây phây thế kia, ba năm không gì mà chịu được à? Nhà có nhiều tiền không?

– Ít.

– Vàng?

– Còn nguyên. Để làm gì?

– Làm ăn chứ để làm gì? Tưởng tôi vào tù tôi ngồi học chính trị chắc.

– Anh định quay về làm sơn?

– Tôi đấm vào. Cái gì đã vấp một lần là bỏ, vả lại, khi chưa thằng nào biết, mình làm một mình mới trúng to, nay bao nhiêu thằng nó học mánh lới của mình đã làm ê hề ra rồi.

– Thế anh định làm gì?

– Không phải lo. Ông Don trợn mắt nhìn vợ bảo – Nhìn xem mắt tôi như thế nào.

– Mắt như mắt cáo.

– Được, như vậy tôi còn làm giàu được. Giàu hai con mắt... Hai mươi năm trước tôi lôi cô từ bờ ao ra đây không đồng xu dính túi, không nghề nghiệp, không chỗ thân thích, tôi còn làm cho cô trở thành bà hoàng, ăn chơi trên đống vàng đống bạc, huống hồ bây giờ...

Giọng tự đắc, ông Don nồng nàn vuốt má vợ. Vợ ông nao nao cảm động. Anh chàng nhà quê biển lận, ranh ma, gian trá, đểu giả nhưng quả thật đã làm cho vợ đài các hẳn ra, không còn là cô thôn nữ e lệ nữa. Mà lạ thật. Con bé sinh ra trong cái váy đụp, chui lủi dưới mái nhà tranh lại có nước da trắng như trứng gà bóc, mắt sáng như sao, môi đỏ như son. Liều thân để cướp con bé khỏi tay thằng chồng trước đêm tân hôn không bị mất trinh thật là ngàn cân treo sợi tóc nhưng đã không uổng. Ở đời có liều mới làm nên chuyện. Có gan mới làm nên giàu, vinh quang thay...

Ông Don lại nôn nao khi thấy mặt vợ lờ đờ mà đỏ rực như trái bồ quân.

Sau một tháng ra tù, ông Don đã gặp một sự lạ.

– Chào bác, bác có nhận ra em không?

Ông Don nheo mắt nhìn mãi, chợt ông thất sắc, mặt tái mét, mồm há ra như sắp ngất xỉu. Ôi, hung thần, hung thần đấy chứ không phải người.

Người khách ấy lúc nào cũng tỏ ra vồn vã, thơn thớt. Không biết bao nhiêu người đã chết vì cái thơn thớt ấy rồi? Ông Don định thần lại nhưng thấy tâm thần mình đờ đẫn lạ thường. Như con cua đứng trước con ếch, như con chó đứng trước con hổ. Người khách chưa làm gì nhưng hung khí tỏa ra đã làm ông thất kinh.

Một lúc lâu ông Don mới dành dẽ hỏi:

– Chú.. vẫn khỏe đấy chứ? Ba năm tôi ở trong tù mong gặp chú. Trông chú bệ vệ quá, hình như chú đã lên chức to lắm phải không?

Khách đắc chí cười khà khà:

– Chức gì em. Thế bác đã mãn hạn tù rồi đấy nhỉ.

– Vâng, người ta cho tôi ra trước vài tuần.

– Trông bác vẫn khỏe?

– Trong tù, tôi làm hùng hục như điên. Tại sao chú biết tôi về?

– Đi qua tình cờ rẽ vào thôi bác. Hắn cười cười, vả lại, bác với em chỗ thân tình nên em cũng mong bác.

Mong? Có sự lạ đến thế? Hắn ta đến nhà ông lần nào là y như rằng sau đó kèm theo tai họa. Không biết hắn ta làm ở cơ quan nào, ngành nào. Hỏi khi nào hắn ta cũng trả lời lửng lơ: "Em là kẻ hữu dũng vô mưu, phải tìm cách trú chân vào nhà nước, bác ạ".

– Bây giờ bác về định làm gì? Hắn ta hỏi.

– Cái nhà nước của anh như con voi, chỉ được cái to xác lắm thịt.

Ông Don nói lảng, ném liều một câu để xem phản ứng của chú khách như thế nào. Đã thế cùng lực tận thế này, ông đâu còn sợ ai mách lẻo hoặc vu vạ gì nữa. Ông cốc cần. Tù đã tù rồi. Của nả gia tài mất đã mất rồi. Chẳng còn cái gì để sợ nữa.

Phòng lại cười hô hố. Sao có người vô tư thế? Nhưng với ai chứ như ông Don thì đã quá hiểu cái thớ lợ vô tư của chú khách. Con người này giảo hoạt khôn lường...

Ông Don nói tiếp:

– Chú có nghề gì bảo tôi.

– Làm gì đến nỗi phải hạ mình, bác thiếu gì phương sách làm ăn mà phải nhờ đến thằng em bó chân nơi bàn giấy.

– Hùm thiêng khi đã sa cơ cũng hèn. Bí, quẩn, không có lối thoát... mà muốn sống thì phải làm ăn. Nhất định tôi phải làm cái gì đó để kiếm cơm, nhưng hiện chưa có ai thuê. Đi nhặt giấy vụn không biết có được không?

– Em không tin. Nghị lực, cơ mưu, bản lĩnh như bác mà phải làm cái nghề mạt hạng ấy, em không tin. Bác nên mở cửa hàng, buôn bán phe phẩy thời nay trúng lắm.

– Tôi nhổ toẹt vào cái buôn bán phe phẩy. Ai bảo phi thương bất phú, là không biết gì. Phi thương thì bất hoạt, phi công mới bất phú. Tôi nói làm là tôi làm, chưa biết làm gì nhưng tôi sẽ làm. Tôi sản xuất chứ không cần phe phẩy móc ngoặc. Làm sơn, nhà nước cấm thì tôi làm cái khác.

– Về chí làm ăn thì em phục bác.

– Tôi hai lần đi tù về tội muốn làm giàu. Nhưng dù là thế, tôi cũng không từ bỏ ý chí của mình. Anh làm quan thì tôi làm giàu. Thế thôi, mỗi người một nghề. Sang năm, tôi lập xưởng chế tạo ô tô, tôi nói thật đấy. Chế tạo ra ô tô rồi tôi đi tù lần thứ ba cũng được. Còn hiện giờ tôi không có gì, không tin chú vào mà khám.

Ông Don vội đứng dậy kéo tay Phòng chỉ vào trong buồng. Phòng ngó người, mặt sần ra, nhạt thếch:

– Ơ kìa, Phòng kêu lên, em có phải đến điều tra hay khám khiếc gì bác đâu. Khổ quá bác hiểu lầm em rồi.

– Tôi không lầm đâu, nét mặt ông Don đanh lại. Mỗi lần chú đến là mang tai vạ đến theo. Tôi có thù oán gì chú không, chú nói đi.

– Kìa, em đến chơi với bác, bác lại bảo em đến điều tra thăm dò. Chuyện đi tù là do bác làm ăn phi pháp, tại sao lại bảo vì em.

– Tôi hỏi chú, hôm nay chú đến đây làm gì?

– Đến chơi.

– Thế thì mời anh về đi, tôi sợ anh lắm rồi.

– Bác đừng nóng, em có làm gì bác đâu mà bác phải sợ. Thôi được, tôi cũng đến giờ phải về rồi. Ta còn gặp nhau nữa lo gì.

Sợ thật. Ông Don chưa từng gặp một người nào như thế. Thằng đại ca trong tù, ông còn có cách để chống lại nó. Còn ông này thì không thể hiểu được. Hắn cứ như ma, như quỷ, như tinh, nghĩ hắn đang ở đâu thì hắn đã lù lù đứng cạnh, nghĩ hắn tròn thì hắn lại vuông. Ông nơm nớp về hắn, lúc nào cũng tưởng hắn đang nấp sau lưng mình, đang rình rập ở chỗ tối nào đó, theo dõi mọi hành trạng của ta và khi nắm được toàn bộ, thì hắn đến thăm với bộ mặt nhân

ái, với giọng lưỡi ngọt ngào, tác phong khiêm tốn thân mật, bác bác em em, để một tuần sao, ta tan nát nhà cửa. Hay hắn là oan hồn nào hiện về?

Vợ ông ở nhà trong, không lộ diện nhưng đã nghe hết cuộc đối thoại giữa ông Don và hung thần. Mặt bà biến sắc và giọng nói như người hụt hơi:

– Lại sắp có tai họa gì nữa hả ông?

Ông Don đang cầm chén nước, ném choang ra sân. Mặc kệ, cái gì đến với ông nữa cũng thế thôi. Rình rập, vu vạ, dò la... muốn gì cứ làm. Còn sống thì phải làm ăn. Sản xuất của cải cho xã hội chưa bao giờ là xấu cả, mà nếu hôm nay xấu, thì ngày mai, ngày kia, mãi mãi sẽ được coi là tốt.

Chỉ có điều ông đang sống trong thời buổi khó khăn. Đành phải chờ thời. Ai không mơ một xã hội công bằng? Sự mong muốn cao xa nhưng thực tiễn lại nghiệt ngã. Xã hội không bao giờ là một mặt bằng và cũng không bao giờ muôn tâm một hướng, muôn người như một. Đã trong lúc ba đào thì cũng sẽ được khi thái bình. Cái gì nghịch lý, cái gì lung tung rồi cũng đến lúc được lắng lại. Nhân tâm bao giờ cũng có xu hướng hoàn nguyên, hoàn thiện.

Ông Don bải hoải chân tay, người ê ẩm đau. Gian lao như từ kiếp nào dồn lại. Bỏ vùng quê nghèo đói, trốn ra thị thành, không phải để mong kiếm chút chức tước trong cơ quan nhà nước, không mong cái nhàn nhã cho thân mình. Ông vốn ghét chữ Nhàn của tổ tiên. Thực ra là thế.

Phải, ông đi tìm cái khác. Từng gánh thuê, từng cạo rỉ sắt, sơn thuê cửa sổ, từng ăn nhiều bữa cơm do lòng từ thiện của người đời, từng chịu nhục như Hàn Tín chui qua háng anh hàng thịt. Bàn tay ông thô to, lúc nào cũng đầy chai, sứt sẹo và đâm đấp mồ hôi lạnh. Ông làm hùng hục từ mờ sáng cho đến nữa đêm...

Không phải để trở thành người không hơn anh thợ xeo giấy của thị trấn trung du.

13.

Phố vườn hoa. Đường phố nhếch nhác, xám xịt và hơi vô lối. Những cánh cửa khép hờ, bí hiểm một cách lạ lùng, không hiểu họ lo sợ cái gì. Hay hằng ngày cứ phải nơm nớp như thế.

Cánh cửa nào cũng mốc thếch, nửa trên còn vương tý chút hơi hướng màu sơn nguyên thủy, nửa dưới răn reo, phồng rộp, tưởng như động nhẹ vào là cánh cửa nát vụn ra.

Hàng chè chén và hàng phở gánh bán xúm xít trên vỉa hè. Nhà nước cho bung ra nhưng chẳng thấy bung ra sản xuất mà chỉ bung quán nước chè, quán rượu, quán cà phê mập mờ. Nước không ra nước, phở không ra phở, ai cũng tạm bợ, lùi xùi, trông thật lạ.

Kia rồi, cái biển hiệu mới toanh: Hợp tác xã cơ khí siêu cao Thiên Lôi. Ông Don không thích thú gì cái việc vào làm trong hợp tác xã nhưng hoàn cảnh sa cơ lỡ vận, không còn con đường nào khác. Thích thì làm vài năm, không thích thì biến. Tay nghề và mưu mánh như ông, làm lớn chưa được nhưng làm nhì nhằng thì không thiếu đất dụng võ.

– Chào ông chủ nhiệm.

Thấy người mặt bộ đồ jin, kính đổi màu, ngồi ở cái bàn to chính giữa phòng, ông Don liền đi đến chào.

Chủ nhà ngẩng lên nhìn:

– Ông là Don phải không?

– Dạ vâng.

– Mời ông ngồi. Bác Du có nói với tôi về việc ông muốn xin vào làm trong hợp tác xã. Về tay nghề cơ khí thì ông giỏi lắm nhưng về phần lý lịch, tôi xin được nói thật với ông thế này. Ông là người có tiền án tiền sự, lãnh đạo chúng tôi hơi ngại. Ông có cầm đơn đó đi chứ?

– Dạ có...

– Được rồi, ông đưa tôi. Tôi sẽ nghiên cứu và thuyết phục ban quản trị, có thể cũng phải thông qua cấp trên của chúng tôi. Ông chờ cao độ ba mươi ngày sẽ được trả lời.

– Khu vực hợp tác xã cần gì biết lý lịch như thế nào hả ông?

– Ở đây chúng tôi làm gia công một số mặt hàng cho quốc phòng nên cấp trên yêu cầu như thế. Nhưng không sao. Bây giờ về tổ chức thoáng hơn trước một chút rồi. Ông nhớ nhé, ba mươi ngày sau quay lại.

Thế là cái khu vực mà ai cũng tưởng chỉ có làm ăn thôi thì cũng đã coi ông như kẻ thù.

– Thằng Châm đâu, con cầm cái đơn này gửi lên Toà án tối cao cho bố.

Châm là con trai đầu của ông, cao to lừng lững, ăn chơi và tán gái khét tiếng thành phố. Thằng Phương là thằng thứ hai chẳng giống ông Don tí nào, đen như cột nhà cháy nhưng bảnh trai, học lớp chín lếu láo với cô giáo bị đuổi, chơi rất thân với con trai một ông tổng giám đốc công ty công nghệ phẩm nên mới hai mươi tuổi mà đã biết móc ngoặc vật tư, môi giới buôn bán. Chỉ có thằng út là chưa tỏ được năng khiếu kiếm tiền, nó sống vô tư, dễ dãi và cũng coi trời bằng vung. Nhưng nói chung cả ba thằng đều có thể nối ý chí kiếm tiền và tính cách gian hùng của bố. Chúng chưa hiểu biết gì nhiều nhưng nhận thức được rất sớm rằng, đời mà không có nhiều tiền thì vất đi, không có tiền là hèn hạ, không có tiền sẽ bị người ta dẫm dưới chân. Dù rằng bề sâu đời sống, và đạo lý không phải như thế nhưng khốn nỗi cái thường nhật của xã hội lại đúng như thế. Mỉa mai thay là mấy thằng con mang dòng máu đao búa của ông đã cường tín điều đó.

Người ta nói tam nam bất phú nhưng ông có ba thằng con trai, ông vẫn giàu. Dù sa cơ, nhà ông vẫn có hàng vốc vàng.

Thằng Châm đi ra, vừa rít thuốc lá, vừa nói một cách cáu bẳn:

– Bố quên chuyện ấy đi. Bố có tù ba năm chứ mười năm mà lúc này túi bố đầy tiền thì thiên hạ vẫn coi bố là nhất. Trong hội con có mấy thằng con cái cán bộ ra vẻ ta đây, nhìn con khinh khỉnh, con cho chúng một chầu bia thế là chúng quỳ mọp xuống gọi con là người cha thiêng liêng, còn mời con về nhà giới thiệu với bố mẹ chúng. Bố thấy chưa? Chỉ một chầu bia thôi. Còn cho chúng hai chầu, ba chầu hoặc một cái gì đó thì không biết chúng và bố mẹ chúng sẽ xưng tụng con đến mức nào. Hóa ra họ chỉ giả vờ thế thôi

chứ thực ra chẳng cao đạo gì đâu. Theo con, bố vất mẹ nó hết đi, để sức mà kiếm tiền. Có tiền thì khắc có tất cả.

– Nhưng tao ức, tao xót của, tao không biết ném tiền qua cửa sổ như chúng mày. Thôi, cứ cầm lên đấy nộp cho bố.

– Tùy bố thôi, nhưng con thấy không cần thiết.

Bà Bến đi ra hỏi:

– Ông gửi đơn kêu về việc gì?

– Cái đơn tôi khiếu về ba năm tù. Bây giờ tôi nghĩ lại và thấy tôi không có tội gì cả. Chẳng nhẽ làm sơn bán cho nhà nước hẳn hoi mà bị tội.

– Tôi van ông, tù rồi còn khiếu cái gì nữa. Khiếu để khỏi đi tù, còn tù rồi thì khiếu để làm gì. Nếu tòa án lại xử cho ông năm năm thì ông có phải dại không?

– Cái bà này... Tôi biết mình tội đáng như thế nào chứ. Ba năm tôi bị tù oan. Tôi sản xuất, thuế nộp đủ, các khoản khác không lậu, sao tôi lại phải ngồi tù? Năm tấn nhựa là thằng Phòng đem bán chứ có phải tôi bán đâu?

– Có lẽ mình thiếu những khoản khác mà mình không biết như ăn chia quà cáp với phòng thuế, tài chính, với nhà đất, với ngành điện, với này nọ... những khoản đó người khác làm, mình đâu có làm. Tôi đã nói với ông rồi, ở đời ghen ăn ghét ở, đồng tiền đi trước là đồng tiền khôn, ông không nghe. Mình kiếm được mình phải nhả ra chút ít nhưng ông keo kiệt quá, uống nước cả cặn, không biết điều nên người cùng ngành, người này người nọ người ta không chịu được, người ta phải diệt. Mà người ta muốn diệt thì thiếu gì cớ, ông kêu cái nỗi gì?

– Tính tôi thế đấy, một xu cũng phải làm ra bằng mồ hôi nước mắt của mình, biếu xén ai một cắc một trinh, đều tiếc đứt ruột. Bà nhìn bàn tay tôi đây này, chai sạn, gồ ghề, nham nhở, lại râm rấp dính, làm sao đồng tiền lại tuột ra được. Tôi không bao giờ chịu, huống hồ, tự nhiên tịch thu hết máy móc nguyên liệu của tôi. Đơn tôi làm đây, bà cần nghe tôi đọc cho nghe... "Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, độc lập tự do hạnh phúc – Đơn khiếu nại. Tên tôi là Lê Văn Don trú tại..."

– Thôi, đừng đọc nữa – bà vợ chán nản đứng dậy – những việc ấy tôi biết thừa mứa ra rồi. Mặc ông, gàn quá, ông muốn làm gì thì làm...

Cất cái đơn vào phong bì, dù sao, ông vẫn không bao giờ nản lòng. Đồng tiền liền khúc ruột, đau quá. Thằng Châm cầm cái đơn đi. Có thể nào, ông vẫn cứ gửi cứ kêu. Mà làm sao lại không kêu được? Làm sai những gì ông biết chứ. Sản xuất kinh doanh tất nhiên phải có lời, có lời tất phải giàu có. Trước tiên, giàu có cho ông, cho con cái ông, sau nữa người khác có việc làm, thiên hạ có hàng hóa mà dùng. Thuê năm bảy người làm, tiếng là làm thuê nhưng cũng còn hơn để họ đứng ngoài đường phe phẩy ăn cắp. Tại sao lại bắt tội ông? Còn bảo đầu cơ tích trữ nhưng không làm thế thì lấy đâu ra nguyên liệu mà làm. Có tiền ông mua những thứ toàn vất đi. Dép nhựa hỏng, đồ nhựa hỏng, đồng nát nhôm vụn... Đầu cơ gì mấy cái thứ giẻ rách ấy?

– Hôm nọ ông chủ hiệu phở tái đến thăm ông. Ông ấy nhắn nếu ông có rỗi thì đến chơi với ông ấy.

– Chủ hiệu phở tái? Cái ông Tài Lộc ấy à?

– Vâng.

– Tưởng ông ta đi Sài Gòn, hóa ra còn ở lại thành phố à?

– Phở ông ta bây giờ khách ăn đông nghìn nghịt xếp hàng dài dằng dặc mới đến lượt. Tội vạ gì mà đi?

– Ừ, phát tài thế ông ta còn bỏ đi Sài Gòn làm gì?

Tài Lộc chưa phải là bạn tâm giao gì với ông Don, hai người mới nói chuyện với nhau một lần. Trong buổi sơ kiến ấy, Tài Lộc đã đãi ông như khách quý. Hôm ấy, ông Don chỉ là một thực khách bình thường, đến hiệu phở Tài Lộc cũng chỉ là tình cờ, tính ông vốn tham rẻ chứ không chuộng ngon. Không hiểu sao, Tài Lộc chẳng những biết ông mà còn moi cả ruột gan ông đặt lên bàn.

Chính cái điều đó làm cho ông Don mến mộ tài trí và sự thông hiểu lẽ đời, việc người của thằng cha chủ hiệu phở. Nếu gặp thời, lão không phải tay vừa, không quan to thì cũng phú gia địch quốc, chứ đâu phải nương thân trong cái hiệu phở lèm nhèm. Don thấy

có thể chơi được với Tài Lộc, chơi như chơi với con dao sắc, thích đấy nhưng cũng đầy nguy hiểm. Trong thâm tâm, ông vẫn nhận ra là cả hai có ý mến nhau, vì đó là hai đại gian hung thời thế. Nguy hiểm nhưng đáng trọng, ghét mà không thể khinh.

Hạng Phòng, một tay tiểu nhân đã hại ông nhiều lần, hắn có làm gì đi nữa cũng chỉ là hèn hạ đòi bọ, không đáng ghét mà chỉ đáng khinh. Mà nếu xếp hắn vào loại đáng khinh thì cũng đưa lại vinh hạnh cho hắn lắm rồi. Hắn không biết đến tiết tháo nghĩa khí, không coi tiết tháo nghĩa khí là cái lá đa gì mà kiếm tiền cũng không biết nốt.

Một buổi chiều kia, ông Don trong lòng cảm thấy hào hứng bèn đến chơi nhà chủ hiệu phở Tài Lộc. Đang giữa chiều, khách ăn không đông. Cái phố nhỏ nào bây giờ lại mọc ra nhiều hàng phở đến thế?

Đã thấy bên ngoài có sự thay đổi to lớn đối với một hiệu phở trước đây chỉ muốn náu mình trong cái hàng rào sắt, muốn thu nhỏ, muốn ẩn kín đi.

Không cần tủ kính, không cần biển hiệu nhưng tiếng tăm của hiệu phở đã vang dội rất xa. Giờ này mà đã có hai chiếc xe du lịch đậu trước cửa. Khách nào nhìn cũng có vẻ là khách sộp. Bàn nấu và xung quanh tường lưng đều được ốp gạch men trắng muốt. Bàn ăn nào cũng được trải ni lông hoa như đại tiệc.

Ông Don vừa dựng chiếc xe đạp xong thì đã nghe tiếng Tài Lộc oang oang:

– Ồ, ông bạn từ cõi chết trở về đây. Cảm động quá, cảm động quá... Ra ông vẫn còn nhớ nhà để đến thăm tôi.

Don tươi tỉnh cười:

– Chào ông. Nhìn cái hiệu phở tư nhân của ông phát tài thế này, tôi thấy có nhiều ý nghĩa lắm.

– Mời ông vào trong này. Ông dùng gì nhá?

– Không, cảm ơn ông, tôi không đói. Tôi chỉ muốn đến nói chuyện với ông. Tôi vừa qua một cơn ba đào, còn ông thì luôn luôn vươn thẳng...

Tài Lộc đưa khách vào phòng, rót nước mời rồi ha hả cười lớn:

– Ông nhầm thế nào đấy chứ? Ông mới là vươn thẳng, còn tôi cong queo, mềm oặt, sẵn sàng nghiêng ngả để tránh gió to bão lớn. Người ta bắt tôi nộp một triệu tiền thuế, tôi kêu cao quá, bảo đóng cửa, tôi đóng cửa. Nằm chơi, đánh tổ tôm, chơi cây cảnh. Hứng lên, họ cho mở thì mở, nhẹ như không. Làm giàu mới khó, chứ làm đủ ăn là cái thá gì. Có khi tôi mặc cả cẩn thận. Ừ thì một triệu tiền thuế nhưng chỉ được định năm trăm ngàn thôi, năm trăm ngàn đó là của nhà nước, còn năm trăm kia cưa đôi, tôi một nửa các ông làm thuế một nửa. Thế là hài hòa, thế là ai cũng có lợi, dựa vào nhau mà sống. Tôi đã tìm lối thoát, từ đó tôi không cần gì phải úp mở giấu giếm. Mà các vị ấy có ăn nên còn bảo vệ tôi nữa...

Ông Don ngớ ra rồi buông hai tiếng: Bái phục.

Nét mặt Tài Lộc vẫn lạnh như tiền:

– Đó là cách làm của tôi, còn ông không bao giờ làm thế.

– Thế ông bảo tôi làm như thế nào?

– Tôi biết tính ông không bao giờ chơi cò con. Chí của ông là muốn làm một hãng kinh doanh lớn, một hãng đồ điện, hãng sơn, hãng giày... Ông gãy cầu là vì thời thế chưa cho ông làm thôi. Hiện nay ông như rồng mắc cạn... Ở đời cũng nên biết ốm, biết đau, biết vận hạn, người xưa nói tốt là hết nhưng cũng nói hết là tốt.

– Điều đó tôi không biết, không hiểu, tôi vốn là người không có học. Tôi đến để hỏi bác xem có cách gì kiếm ăn không?

Mắt Tài Lộc lấp lánh những tia sáng tinh quái:

– Ông có tin tôi không? – Tài Lộc hỏi.

– Ông nói cái gì thế? Lúc này ai chỉ dẫn cho điều gì tôi biết ơn điều đó, huống gì bác.

– Tôi đề nghị ông làm cái này là tôi thật lòng với ông lắm.

– Vâng.

– Và phải có con mắt nhìn xa trông rộng mới thấy được nguồn lợi vô cùng to lớn. Mà ông cũng đừng nghĩ tôi coi thường ông.

Don xoa tay hí hửng:

– Không dám, không dám...

Tài Lộc đắn đo một lúc để cho ông Don cồn cào ruột gan rồi mới nói:

– Thú thật là việc này tôi cũng không muốn làm lắm, làm một mình nhưng tôi biết mình không đủ sức lao vào cuộc cạnh tranh trên thị trường. Tôi mà hợp tác với ông thì có thể làm nên chuyện.

– Làm vải giả da phải không? – Ông Don thăm dò.

– Vất, vất... bác tính tôi chỉ có thể chơi những nước cờ như thế thôi phải không? Làm vải giả da, làm màng mỏng bao bì, làm bánh phồng tôm, làm mỳ ăn liền, vân vân, sau khi đất nước thống nhất thiên hạ vào miền Nam khuân thiết bị ra làm tràn lan, tốt thì ít mà đểu thì nhiều, khối anh lỗ chổng vó... Ông nghĩ đầu óc tôi cũng như mọi người thôi sao?

– Xin lỗi ông, thực thì tôi không nghĩ như thế.

Tài Lộc đứng lên trịnh trọng như tuyên bố:

– Cái mặt hàng mà tôi định cùng với bác kinh doanh là sắt thép vụn, kim loại màu phế liệu...

Ông Don tròn mắt sợ hãi:

– Tôi đi tù ba năm vì tích trữ đầu cơ phế liệu đấy, ông biết không?

– Thời thế thay đổi rồi bác không biết. Sau khi thống nhất hai miền, sự làm ăn của Sài Gòn đã làm biến đổi hẳn cách làm ăn ù lỳ của miền Bắc, miền Bắc bây giờ hoàn toàn làm theo miền Nam rồi. Không có lo gì hết. Chúng ta sẽ lập ra một trung tâm hay một công ty hùn vốn thu mua kim loại phế liệu.

– Sắp thép vụn chứ xe tăng, đại bác, máy bay ở cái đất nước này thiếu giống gì mà phải mua. Cho con cháu đi nhặt một ngày cũng được chục tấn.

– Đi nhặt thì một ngày được chục tấn nhưng mua rẻ thì một ngày được cả trăm tấn. Ông tính quẩn quá.

– Nhưng rồi sẽ để làm gì?

Tài Lộc nhìn lướt qua mặt ông Don, thoáng một chút coi thường.

– Từ từ tôi sẽ dẫn giải cho ông nhìn vấn đề. Sau chiến tranh nước nào trên thế giới cũng phải lập thêm nhà máy luyện thép, cán

thép để ngốn cho hết hàng tấn thép mà chiến tranh để lại. Nó mênh mông bể sở, đâu đâu cũng gặp xác xe tăng, xác pháo, thùng xăng, đầu đạn, xác tàu thủy, xác ca nô... Không ai lại phí hoài để cho mưa gió phá hủy hàng triệu tấn sắt thép như vậy. Đấy là cái nhất định phải làm. Nước ta có thể không biết hoặc không có khả năng để xài hàng triệu tấn thép như thế nhưng nhất định nước khác như Đài Loan, Hồng Kông, Nhật Bản, Sin-ga-po sẽ lập ra những nhà máy luyện thép mà họ sẽ mua cái rừng sắt thép vụn ấy của ta. Đó là điều kiện chắc chắn, bởi vì đầu óc kinh doanh của các nhà tư bản nhạy bén vô cùng. Nghe đâu nước Nhật đã xây xong nhà máy luyện thép ở ngoài biển khơi rồi... Đừng chờ khi nó mua rồi thì tôi với bác mới làm, khi ấy thì không đến phần tôi và bác nữa, các công ty Nhà nước sẽ ra đời và họ độc quyền mua hết. Gì cho bằng tôi và bác bỏ tiền ra mua ngay từ lúc này, cóp nhặt lại cho được vài vạn tấn. Mặc cho thiên hạ cứ trố mắt ra tự hỏi không biết những người bỏ tiền ra mua sắt vụn kia có phải là điên không. Tôi tin chắc chúng ta sẽ bỏ túi nửa triệu đô la và khi ấy thì thôi nhường cho thiên hạ làm.

Nghe đến đấy đầu óc Don như chạm phải luồng điện, mắt ông long lên một vẻ tinh quái, giống như khi ông ngồi đánh bài với thằng đại ca trong tù cách đây mấy năm. Điều đó không lọt qua mắt Tài Lộc. Tài Lộc chặn ngay:

– Mà này, ông là người giỏi nhưng ông chỉ làm việc được với tôi thôi, không làm được với ai đâu. Người có tiền án tiền sự như ông không ai tin, trừ tôi ra. Hơn nữa tôi có làm thì việc này mới kín được, còn nếu không thì chỉ cần trong ba ngày, hàng chục công ty, hàng ngàn tư nhân đứng ra lập trạm thu mua sắt vụn ngay.

Ông Don đành phải trở cờ:

– Ra bác Tài hay nghĩ oan cho tôi quá. Tôi đang thế cùng lực tận, chỉ trông cậy vào bác, bác lại nghĩ là tôi muốn hớt tay trên của bác. Tôi xin bỏ ra năm mươi lạng.

Tài Lộc cũng dằn mạnh cái chén xuống bàn:

– Tôi cũng góp từng đó. Ngày mai tôi giao toàn bộ cửa hàng, cửa hiệu cho vợ con. Đầu tiên ta mua vài trăm mét đất làm kho chứa, trưng biển...

Ông Don vội xua tay:

– Không trưng biển, không quảng cáo gì hết. Hoàn toàn im lặng, hoàn toàn bí mật. Sẽ tung người đi lập trạm thu mua ở các tỉnh, nhìn thấy người mua thì dân người ta sẽ nhặt bán.

Chuyện tày đình như thế nhưng hai đại gian hùng bàn với nhau rất nhanh và thực hiện ngay. Ra đến đường, ông Don bực tức muốn lao đầu vào ô tô mà chết. Đáng lý, có một hướng làm ăn như thế, một cú áp phe cầm chắc thắng bạc tỷ lại không do ông chủ mưu, không phải ông độc quyền, càng không phải do ông là người độc nhất. Đắng như ngậm bồ hòn, tức như bò đá vào giái thế mà ông cứ phải làm ngọt, làm vui để nấp dưới bóng Tài Lộc mà kiếm ăn. Con người Tài Lộc đa mưu túc kế, tính toán việc đời như Khổng Minh, không còn lạ. Thế mà trong một tích tắc ông để lộ ý đồ của mình, sơ ý một chút mà không qua khỏi mắt lão ta. Lão ta chặn ngay mưu kế của ông. Ông điếng người, vài câu trách móc của ông vớt vát, nhạt nhẽo chỉ làm cho lão cười thầm. Và cuối cùng ông đành khuất phục, chập nhận sự sắp đặt của Tài Lộc.

Thôi, ăn một nửa, chịu lùi thằng cha đại gian hùng ấy một bước không chết ai.

14.

Lúc này ông Don đang ở trên con tàu. Đêm đen kịt và kín đặc. Con tàu lắc lư và chậm chạp như bò trong đường hầm hun hút sâu. Nếu không có ngọn gió buốt lạnh phả vào mặt qua cái cửa kính để he hé thì không ai nghĩ rằng, con tàu đang qua một cánh đồng ngô trỗ hoa. Đêm huyền ảo làm sao!! Như không có bầu trời đầy những ngôi sao nhấp nháy, không còn hương cỏ dại về đêm ngây ngất trên triền đồi. Không có những đám mây lặng lẽ bay trong sương như những cánh vạc đồng chiêm.

Trong không gian u tối, con tàu nhọc nhằn phì phò thở từng tiếng một, có lúc đứt quãng. Ngọn đèn bão đầu hôm sáng trắng nay đã đỏ quạch, chỉ tỏa ra một chút ánh sáng nhờ nhờ đỏ vào những khuôn mặt hành khách ở gần đó, ngọn bấc nhô lên một cục than đỏ như cái chấm hương.

Cái ngày hôm nay là ngày gì? Những gì hiện ra trong mắt ông hôm nay là điềm gì? Không biết nó điềm gì nữa.

Con tàu đang chạy. Ga Bình Trung, ga Lang Sa, sắp tới sẽ là ga gì? Cô kỹ sư kính trắng đang ngủ, cô gái bé bỏng và xinh đẹp, đang dấn những bước khởi đầu vào cuộc tìm kiếm đau đáu và đam mê. Kẻ tìm kiếm danh vọng chức quyền, kẻ nửa tìm kiếm giàu sang phú quý. Ít ai đi tìm lẽ công bằng, cũng ít ai tìm kiếm nhân phẩm hoặc cái thiện.

Khi sinh ra con người, tạo hóa đã đều đặn phân phát cho mọi người, chênh lệch không bao lăm, và ai cũng nhận được, con người gọi đó là hành trang hoặc vốn liếng ban đầu rồi dùng nó để dấn thân vào cuộc hành trình tìm kiếm cái mà mình định hướng tìm kiếm.

Cô gái ấy đã đi chuyến tàu đầu tiên trong cuộc hành trình tìm kiếm ấy. Sẽ bao nhiêu năm tháng nữa, bao nhiêu giông bão nữa để cô nếm trải. Sẽ bao nhiêu vùng đất, đồi núi, thảo nguyên, ghềnh thác nữa để cô vượt qua. Sẽ bao nhiêu tủi hờn, chua chát nữa để cô chịu đựng. Nhưng chuyến tàu này là chuyến tàu đầu tiên, cầu trời phù hộ độ trì cho cô bé... Có thể hôm nay cô khổ đau trên chuyến tàu này?

Không có lý, điều đó lẽ nào lại xảy ra chăng? Nhưng tất cả đều rất đặc biệt, một chút linh thiêng và một tý ma quái. Con tàu cứ nhọc nhằn, phì phò thở từng tiếng, nhích lên từng tý một. Đó không phải là sức nặng của con người mà là sức nặng của yêu tinh, của các Bồ Tát, của Thái thượng lão quân, của Thành Hoàng, Thổ địa và của kẻ chuyên trông coi sự sinh diệt của trần gian là Nam Tào, Bắc Đẩu... Tất cả đều lên chuyến tàu đêm này.

Và đêm, lại rất đen. Những ngôi sao chiếu mệnh của nhân loại cũng chìm trong bóng đêm.

Và ông, những điềm báo, những dự cảm ghê rợn, những vay trả, quả báo.

Tại sao ông lại đi chuyến tàu này? Tại sao ông lại ngồi cạnh cô gái? Nhất định đó là sự sắp đặt của ma quỷ. Cô gái đi chuyến tàu đầu tiên và tất nhiên ông Don đi chuyến tàu cuối cùng. Hai cuộc hành trình tìm kiếm, sự tiếp cận của hai vòng tròn số phận huyền diệu và bí ẩn, hai vùng ánh sáng, một màu trắng và một màu đen, một thiên thần và một quỷ dữ.

Ông Don muốn hét lên, muốn vùng ra, giãy đạp, đấm đá cố thoát ra. Nhưng người ông như bị thít chặt bởi những tảng đá ông dùng để đập vào đầu thương gia. Não nề và chán chường, ông Don thấy mình giống như một con chó bị trói quặt bốn chân ra sau chờ cắt tiết. Hoàn toàn giống như thế. Chưa bao giờ ông thấy cuộc đời hiện lên sâu sắc và rõ ràng như ngày hôm nay. Cứ như mình đang nói chuyện với bố mẹ mình, như thấy thị trấn Cầu Guăng trước mắt, như vừa đập đá vào gáy ông thương gia, như vừa nhìn thấy Thạo ngã xập xuống hố, mắt trợn trừng, như thấy lão Chọi đành đạch giãy chết...

Toàn những điềm gở.

Tự nhiên người ông lạnh toát và chân tay run lên bần bật. Tại sao ông lại phải chết trên chuyến tàu này? Vô lý. Hay đêm nay là đêm giỗ Thạo, hay là ngày giỗ của ông thương gia? Vô lý, tại sao lại đúng như thế nhỉ? Không nhớ ngày. Sau những việc rùng rợn ấy phải lo đối phó trăm thứ nên ông không thể nhớ ngày nhớ tháng.

Chẳng có lý do nào cả. Ma quỷ hay thần linh không thể trông cậy cường quyền mà đẩy ông đi vài chuyến tàu này. Không phải. Sự ra đi của ông hoàn toàn là do ý thích, đúng ra ông không muốn nhìn thấy thằng Vại, không muốn nghe bà Bến kêu lên: "Anh nhân danh gì mà đòi giết nó?".

Nhưng còn giấc mơ? Con mắt Thạo cứ trợn ngược nhìn ông? Lúc ấy ông đứng đằng sau Thạo, có lẽ nó chết mà không biết được ai đánh mình. Chỉ có người thương gia lúc chết mắt mới trợn ngược, mồm há hốc vì ông ta không thể bấu víu vào đâu được, ông đã ngã ngửa ra đằng sau. Thế mà trong mơ, đôi mắt trợn ngược lại là của Thạo.

Báo cái điềm gì mới được chứ, cái giấc mơ quái đản kia? Nếu có ra đoạn đầu đài, nếu có đút cổ vào thòng lọng để nhận một cái chết vì lẽ công bằng của tạo hóa, ông cũng sẵn sàng. Bởi vì, bước khởi hành đầu tiên, ông đã phải bước qua xác Thạo mới đi được, phải loại một mạng người nữa, để có một số vốn làm ăn. Từ đó đến nay đã gần hết cuộc đời, ông sẽ chết già chứ không phải chết trẻ, tức là cái món nợ máu chưa trả, giá làm người lương thiện cũng chưa trả. Diêm Vương thi hành lẽ công bằng cho trần thế hơi muộn. Nam Tào Bắc Đẩu trông coi việc sinh tử cho hạ thế có phần chểnh mảng.

Có lẽ hôm nay là ngày Diêm Vương quyết định bắt ông trả món nợ vay đã quá hạn. Hừ, hơi muộn đấy, tâu vua Diêm, cũng cầm bằng như không. Kẻ tội đồ thọ sáu mươi đã đủ rồi. Sơn hào hải vị, nữ sắc, vinh quang, thù hận đã nếm đủ. Không có gì phải hối tiếc. Từng ăn nhờ ở chịu nhưng cũng có năm trăm lạng vàng trong túi. Có kẻ đòi bạt tai mình nhưng cũng có người thưa bẩm dạ vâng. Có gan giết người, có gan cướp vợ người, thế gian còn hiếm kẻ làm được. Tù đày có. Vương giả công hầu không phải nhưng ăn chơi vượt xa các bậc đế vương. Ngàn vàng mua một chữ trinh cũng đã dám. Còn gì hơn? Còn gì bằng? Còn gì nữa?

Nếu hôm nay ông Don có lên giàn hỏa thiêu thì ít ra cũng phải có một phiên tòa chứ, dù đó là phiên tòa của Diêm Vương chứ không được của Thần linh. Không lẽ giấc mơ ấy là phiên tòa. Thế vậy quan tòa là ai? Hay chính là Thạo, và đôi mắt trợn ngược kia là bản cáo trạng? Không có lẽ nào. Diêm Vương không thể mở phiên tòa để xét xử người dương thế? Âm dương không thể giao hòa. Người chết bao giờ cũng bất lực và câm lặng...

Luật Tạo hóa xưa nay thì ông biết. Cõi dương là cõi dương, cõi âm là cõi âm. Và Thiên đình cũng chỉ là Thiên đình. Làm gì có sự liên hệ dọc và sự xâm phạm cõi này sang cõi kia. Không có người âm lên buôn bán ở dương thế và cũng không có người dương thế làm ăn trên Thiên đình. Nếu như không thế làm sao tồn tại cái ác và những kẻ như ông nhan nhản trên đời. Bao nhiêu kẻ giết người, tham lam, vô đạo, vô luân vẫn bách niên giai lão như thường, vẫn quyền cao chức trọng, ngày ngày vẫn đếm tiền. Vậy Diêm Vương đâu? Thiên Vương đâu? Và Pháp đình và Quan tòa đâu?

Hay Pháp trường của Thiên đình và của Âm phủ cũng chỉ hành hạ những kẻ thân cô thế cô. Và là quan tòa thì dù Dương gian, Âm phủ hay Thiên đình cũng đều nể mặt nhau, ô dù cho nhau chăng?

Ông Don biết mình sống chỉ cần có đồng tiền nhưng đồng tiền cũng không cứu được ông. Dù là người giàu có, Don cũng chỉ là dân thường, có lẽ vì thế mà bàn tay quan tòa Âm phủ sờ đến, cũng như bàn tay pháp luật của Dương gian từng sờ đến. Là thứ dân song cũng

có lúc vô tình ông đã tiếp cận được chân lý vĩnh cửu: Ấy là chính bọn ma quỷ cũng không hề được bình đẳng trước pháp luật ma quỷ.

Bầu trời đêm không hề sáng chút nào. Con tàu vẫn ì ạch. Ngọn đèn dầu độc nhất trong toa càng đỏ quạch hơn, bấc đã lụi, dường như nó cũng mệt mỏi, ủ ê như đám hành khách đi tàu đêm, như con tàu già nua và lam lũ.

Cô gái kính trắng đã tỉnh giấc, vươn vai ngơ ngác nhìn. Mọi người ngủ mê mệt, tàu lắc lư càng dễ ngủ.

– Bác không ngủ đi, bác hãy chợp mắt đi một tý, sau đó bác sẽ thấy tỉnh táo hơn nhiều. Hay là cháu đổi chỗ cho bác ngồi đây tựa vào thành cửa sổ dễ ngủ hơn nhiều.

– Bác cố ngủ mà không ngủ được. Cả đêm bác đã nghĩ ra được nhiều việc lạ lùng.

– Bác nghĩ về cái gì?

– Nghĩ về cuộc đời bác. Từ lúc bác còn là một chàng trai nông thôn hai mươi tuổi cho đến ngày hôm nay. Nghĩ về lúc bác ra đi... Không sót điều gì, khi lỗi lầm cũng như khi phát đạt, lúc nhọc nhằn và cả lúc hưng vinh, nghĩ đến Thiên đình và cũng nghĩ về Âm phủ. Bác ân hận nhiều điều, có những điều cố sám hối đến đâu cũng không chuộc lại được. Dường như mọi cái cứ hiện ra trước mắt bác, cả người sống lẫn người chết, có những chuyện xưa lắm cách đây hàng ba bốn chục năm... Cháu đã bao giờ thấy quả báo chưa? Cháu đã bao giờ thấy Thần linh chưa? Còn bác thì bác đang chứng kiến. Hôm nay là ngày Thần linh đưa điềm báo đến cho bác. Cháu có biết không, con người ta không tránh được số mệnh đâu cháu ạ.

– Bác nghĩ lung tung như thế để làm gì? Cái gì đến nó sẽ đến, bác lo lắng cũng chẳng được.

– Cướp... cướp... Ôi làng nước ơi... cướp...

Tiếng kêu thất thanh ở cửa toa. Hành khách chồm cả dậy, những nét mặt ngơ ngác và hoảng loạn. Tất cả nhảy lên ghế, giật

lấy ba lô, hành lý, túi xách của mình ôm khư khư trong lòng. Không biết cướp ở đâu, nó đã cướp được những gì. Trong toa cứ nhốn nháo như vỡ chợ. Ngọn đèn bão bây giờ chỉ còn như con đom đóm. Các bà mếu máo, người thì đọc kinh, người thì niệm Phật. Đàn ông dũng cảm hơn, không kêu trời kêu đất nhưng sẵn sàng chui vào gầm ghế.

– Kia kìa, nó đã nhảy xuống tàu.

Giới đàn ông liền nháo nhào ló đầu ra cửa sổ để chiến đấu. Con tàu lên dốc, chạy rất chậm. Có hai bóng đen đã nhảy khỏi tàu và thoát vào đồi cây. Có trời mới tóm được hai thằng cướp ấy trong đêm đen thế này. Vả lại, chúng đã khuân hai bao tải ấy chuồn vào rừng thì đến trời cũng chịu. Thực ra, chúng đâu có thèm chạy, chúng vẫn đi bình thường, bóng nổi rõ trên nền trời. Và có ai hoài công đi bắt đuổi chúng làm gì, chỉ có con tàu ì ạch lên dốc một cách nhọc nhằn.

Mọi người đã tỉnh như sáo vì đã lấy lại tinh thần và bắt đầu bình luận. Đang buồn, thời gian đang lê thê chợt có một sự kiện, dù là sự kiện xấu đi nữa, cũng khuấy động bầu không khí tù túng và đánh thức dư luận.

Dư luận lúc này thật là sáng suốt và đầy trách nhiệm. Những bình luận viên sắc sảo đã lên tiếng. Tại sao chúng nó trấn lột xong lại có thể đi đàng hoàng như thế? Tại sao không có ai nhảy xuống đuổi bắt? Tại sao cả toa tàu cứ ngồi im thin thít mặc cho chúng trấn lột hết người này đến người khác? Tại sao không có ai dám hô lên, nể gì mà không cho chúng mất quả đấm cho chết tươi đi. Gần một trăm người mà lại chịu thua hai thằng? Và vân vân tại sao?

Dư luận đầy trách nhiệm đang hùng hồn lên tiếng như thế thì đầu toa có một người đàn ông vừa đi vào vừa oang oang nói:

– Xin thông báo với quý vị, vụ trấn lột vừa rồi vô cùng độc đáo. Hai thanh niên này lên tàu cách đây ba ga, cũng là hành khách bình thường như chúng ta. Ăn mặc rất chi lịch sự, nói năng rất chi chính thống và gương mẫu, xem chừng rất là cán bộ.

– Tại sao ông biết nó kỹ thế? – Một người nào đó thắc mắc.

– Thì tôi ngồi cạnh chúng nó mà lỵ, ông ta nói. Khi tôi đi toa lét thì chúng hành động. Một thằng cầm quả lựu đạn, một thằng cầm khẩu K.54. Chúng đóng hai cửa toa tuyên bố: "Thưa quý vị,

chúng tôi cần một số tiền đi làm ăn, không có cách nào khác, chúng tôi đành phải mượn tạm của các vị. Không được ai nhốn nháo, không được kêu, ai có tiền, có vàng, có đô la hãy bỏ ra bàn, đúng, bỏ ra hết, nhanh lên, chúng tôi rất ít thời giờ. Ai mà để chúng tôi phải khám thì đừng có trách. Đây là những quả lựu đạn đã được rút chốt, tôi chỉ bỏ tay ra là cả cái toa này sẽ thành một đống thịt bầy nhầy. Bỏ ra hết, nhanh lên. Những người kia chần chừ phải không? Tôi bỏ lựu đạn ra đây này. Thế, biết điều là tốt. Của đi thay người, tính mạng con người là quý...". Tiền, nhẫn, dây chuyền, đồng hồ... mọi người cứ răm rắp để lên bàn, chồng lại từng đống. Thằng cầm súng đi nhặt bỏ vào bao tải, vừa nhặt vừa cảm ơn. Tôi đóng chặt cửa toa lét và kêu cướp... cướp... Thằng cầm lựu đạn nói với xuống: "Không ai cứu mày đâu, câm đi". Thế rồi bọn chúng còn gom thêm mấy dãy bàn nữa mới nhảy xuống. Khi ấy cả toa tàu òa lên khóc rưng rức.

– Không có ai hành động gì cả? Người nào đó hỏi.

– Hành động cái gì? Người đàn ông trả lời. Ai cũng lo giữ lấy cái thân mình, lấy là lấy của thiên hạ chứ đâu riêng mình, làm cái gì chỉ thiệt thân.

– Ôi chao, chẳng nhẽ bây giờ người ta lại sống như thế?

– Dào ôi, bố già... Người đàn ông giễu người vừa nói. Cuộc đời dạy cho chúng ta bài học khắc nghiệt như thế đấy. Muốn sống, muốn nuôi vợ, nuôi con thì biết điếc, biết câm... Không chúng lại cho một nhát.

Tự nhiên, đám hành khách vừa qua một trận kinh hoàng kia chia làm hai phe cãi nhau, âu cũng là để mua vui. Một phe thì bảo phải hành động, phải chặn tay bọn chúng, không lẽ gần một trăm con người trong cái toa tàu xã hội chủ nghĩa thế này mà lại thua hai thằng kẻ cướp. Phi nghĩa bao giờ cũng thua chính nghĩa. Bất lương thế nào cũng thua lương thiện.

Còn phe kia, ngược lại, bi quan hơn và cũng từng trải hơn, cãi rằng nó phi nghĩa, nó bất lương nhưng lại có súng. Chân lý, lẽ phải, đạo đức, pháp luật... đều thuộc kẻ có quyền chứ không phải người tay trắng. Không ai chịu ai, ai cũng có lý lẽ, có thực tế, giọng điệu

bên nào cũng hùng hồn đầy sức thuyết phục, kẻ tám lạng, người nửa cân.

Toa tàu đang ngái ngủ chợt vui như hội, đăng đàn diễn thuyết còn nhiệt tâm, hăng say hơn cả hội thảo có tầm cỡ quốc gia. Nó trung thực không vì không nhằm cái ghế nào, không đánh ai và sau đó không tiệc tùng, không phong bao.

Cô gái kính trắng không tham gia vào cuộc tranh cãi, không rõ cô đồng tình với bên nào nhưng chắc chắn cô nhìn nhận vấn đề bằng cảm quan và trí thức tuổi trẻ của mình. Cô chỉ mỉm cười, khuôn mặt lúc ấy trong sáng như thiên thần.

Ngạc nhiên thấy ông Don vẫn lặng lẽ, cô hỏi:

– Bác có biết vừa rồi xảy ra chuyện gì không?

– Hình như có chuyện gì đó.

– Bác ngủ à?

– Không, bác chỉ nửa ngủ, nửa thức.

– Vừa rồi toa bên cạnh có cướp đấy. Nó đã lấy được bao nhiêu...

– Bác biết. May mà không đến toa mình...

– Bác có sợ không?

– Bác sợ.

– Nhưng chắc bác không mang nhiều tiền chứ?

– Tiền nong bác không sợ. Mất còn có số cả cháu ạ. Bác chỉ sợ ma quỷ, sợ chết thôi.

Cô gái tỏ ra bối rối, cả ngày hôm nay ông già này có cái gì đó rất lạ lùng. Vừa như là một nhà tu hành, vừa như giả vờ nửa quê nửa tỉnh. Lúc nào cũng thấy mơ mơ màng màng, nửa ngủ nửa thức. Bây giờ thì càng lạ hơn. Dở hơi cũng không phải, khôn ngoan lại càng không. Cô ngẫm nghĩ phán đoán mãi vẫn không biết ông già là người như thế nào...

Về phía ông Don, ông muốn cô gái hiểu ông nói thật. Quả là bây giờ ông không còn sợ cái gì nữa, hoàn toàn không. Nói thế thôi,

ngay cả cái chết ông cũng thấy nhẹ nhàng. Ông lôi trong áo ra một cái gói rồi bảo cô gái:

– Cháu đếm lại cho bác xem...

Cô gái há hốc mồm, những thanh loại vàng óng. Cô xuýt xoa:

– Ôi, bác liều quá, bác mang đi làm gì nhiều thế này? Bác mang đi mua nhà phải không? Hay bác đã bán nhà?

– Chuyện dài lắm, rồi bác sẽ kể cho cháu nghe và cháu hiểu. Có khi phải nhờ đến cháu, cháu phải giúp bác một việc quan trọng.

– Cháu giúp gì cho bác, cháu sẵn sàng...

– Cháu là người tốt, rất tốt. Ôi...

Ông Don ngả người ra thành ghế, cô gái tưởng ông bị bệnh, hỏi:

– Bác bị đau à? Ông Don gật đầu chỉ vào ngực.

Cô gái lo lắng:

– Bác đau tim phải không?

Ông Don lại gật. Ông định nói: Tim bác đang rỉ máu, đang bị hai hòn đá nện vào... nhưng lại thôi. Những điều đau đớn ấy không nên nói với cô gái trong trắng như thiên thần thế này.

Cái gì xảy ra với ông trước nhỉ? Cái gì, sự giàu sang hay nỗi bật hạnh? Không, cả hai điều lớn lao ấy dường như đến cùng một lúc, chỉ có điều cái lộ diện cái âm ỉ, âm ỉ rồi bùng cháy. Cả hai điều đều là đại hồng thủy, những trận đại hồng thủy cuối cùng đến với đời ông Don để ném ông lên con tàu hoàn nguyên hôm nay...

15.

Đại gian hùng này cho người theo dõi sát sao đại gian hùng kia từng bước, xem có giở trò ma quỷ gì để hất cẳng nhau không. Nhưng ông Don kỳ này đã nếm đòn gian hồ nên tỉnh táo hẳn ra: Tài Lộc là người nhìn xa trông rộng, biết đánh biết đỡ, biết tiến biết lui, một Tào Tháo thời nay biết thà hại người chứ không để người hại mình. Người ấy chỉ cho người ta phụng sự chứ

không để cho người ta phản trắc. Biết thế, ông Don trở thành ngoan ngoãn và trung thành với Tài Lộc như một con chó, nếu không có Tài Lộc thì ông tay trắng lại hoàn tay trắng.

Thời thế đã có chút thay đổi. Hai người bàn bạc việc xin giấy phép thành lập công ty, xin cấp đất, xin vay vốn... Đó là những việc tày đình, theo như ông Don nghĩ xưa nay. Phương án Tài Lộc đưa ra chi tiết, từng bước từng bước, cứ như trận đánh, dù thế, đối với lỗ tai của ông Don vẫn như những tiếng sét, tiếng sấm. Một người mơ lập một hãng sản xuất ô tô như ông nhưng chỉ nghĩ bằng tiền vốn của mình, nhà xưởng đất đai, thiết bị của mình, mà chưa bao giờ nghĩ là mình có thể xin đất, xin vốn hoặc máy móc thiết bị như các hợp tác xã và công ty liên doanh, bọn họ đã làm cách ấy mà ăn tiêu đập phá bằng tiền không phải của mình. Lỗ thì giải thể, hòa cả làng. Hóa ra như lời Tài Lộc nói, mình có thể làm chủ một công ty liên doanh mà không cần bỏ vốn nhiều. Lý lẽ của Tài Lộc có sức thuyết phục đến nỗi ông Don nghe xong cảm thấy mình bây giờ mới là người có tai có mắt.

Thế là Don bây giờ răm rắp nghe theo Tài Lộc. Ông cảm phục và sùng bái Tài Lộc như một bậc thánh. Hắn ta là con hồ ly tinh chứ không phải người. Bắt đầu Tài Lộc rải tiền, rải vàng từ ngõ nhà mình đến cửa quan. Và thế là, lạy trời, phép thần đã linh nghiệm, hai người không bao lâu đã có trong tay giấy phép hoạt động của công ty, được phép sử dụng một cái hồ hơn một ngàn mét vuông, lấp đi làm mặt bằng. Đồng tiền đi trước là đồng tiền khôn, mọi việc cứ nhanh như chớp. Và hai ngươi cũng chẳng mất nhiều thì giờ đi lại, giấy tờ thủ tục mọi việc có người đưa đến tận nhà. Thần tình làm sao, có tiền sướng thật, bây giờ lại càng thấy sướng. Ngày trước, ông Don cũng không thiếu gì tiền nhưng vẫn không sướng bằng bây giờ, có lẽ trước trọng lý thuyết nay trọng thực tế, trước trọng bần nay trọng phú. Cũng hay, càng hay, có thể ông và Tài Lộc sẽ trở thành nghị viên đại diện cho giới công thương nghiệp tư doanh không biết chừng.

Ao lấp xong, một khu đất vuông vức, bằng phẳng ngon lành, nếu là trước đây, trong mơ cũng không ai dám ước, lại ở ngay ngoại vi mới tuyệt. Tài Lộc ngất ngư cười:

– Một ngàn chỉ vàng đấy.

Ông Don không hiểu:

– Cái gì?

– Hai mét vuông một chỉ vàng, hai ngàn mét vuông đất không một ngàn chỉ là gì.

– Nhưng nhà nước có thể đòi lại...

– Chỉ khi nào công ty của ông và tôi giải tán, mình trả thì trả nhưng bao giờ mình trả, ai dại gì mà trả.

Ô là là... Hay lắm, tuyệt lắm, giới quan trường mới tuyệt làm sao. Nhiều chuyện phải để đến đời sau mới nói được.

Độ tháng sau, tường bao quanh đã xong. Cổng vào công ty đồ sộ như cổng công viên. Cái biển sáng chói như câu khẩu hiệu, chữ vàng nền đỏ bằng mê ca Nhật. Nhà làm việc của hai đồng giám đốc cũng đã xong. Văn phòng, nhà thường trực, điện thoại, điện, nước, dấu má, tài khoản... tất thảy đều được hoàn bị.

Cơ cấu tổ chức công ty cũng hết sức độc đáo, lãnh đạo có hai đồng giám đốc, không cần phó. Cũng không có các phòng ban, chỉ một kế toán, một thủ quỹ, một phục vụ kiêm trực điện thoại, một gác cổng. Tất cả đều con cháu trong nhà.

Ông Don trực tiếp đi lập các trạm thu mua ở các tỉnh khu bốn cũ, những nơi mà chiến tranh hết sức ác liệt, mảnh bom, mảnh đạn, thùng phuy, cầu cống hỏng, xe tăng, đại bác hỏng rất nhiều. Mua gom nhặt nhạnh, cò kè bớt một thêm hai là sở trường và nghề nghiệp của ông Don mấy năm trước nên bây giờ như rồng gặp mây. Có vẻ thô thiển, có vẻ cò con nhưng công việc chạy ào ào.

Mỗi ngày mua vài chục tấn sắt hoặc hơn, xe tải các tỉnh ùn ùn chở sắt vụn đến bán. Hai vị đồng giám đốc rất hí hửng: người mua không có ai cạnh tranh, gần như độc quyền. Người bán thì vô khối. Sắt vụn bỏ đầy khe suối, đường sá... nay chỉ việc khuân đến bán là có tiền.

Người khách đến tìm gặp ông Don, là người giàu sang, thừa mứa của cải chứ không phải loại xoàng. Nhìn cách ăn mặc đi đứng

thì biết. Ông Don miệng thì chào hỏi vồn vã nhưng trong bụng cứ thon thót. Loại này không biết là khách tử tế hay lại là một loại hung thần. Cái thằng cha này là ai?

Khách nhìn trân trân vào ông Don cười:

– Năm ngoái bác xin việc ở chỗ tôi, năm nay bác đã là giám đốc rồi. Tôi đến để chúc mừng bác và bác Tài.

Ông Don ngớ ra:

– Thì ra là ông, xin chào. Mời ngồi...

Tài Lộc không biết đi đâu nên ông Don đành phải tiếp chứ thật tình rất ngại. Dân làm nghề thủ công mà làm chủ nhiệm nữa thì ma giáo thượng hạng rồi. Ông ta đã đến đây không bao giờ là đến chơi cả. Cha này muốn moi cái gì đây không biết chừng.

– Ông đến tôi hơi bất ngờ...

Khách cười:

– Tôi nghe người ta nói, hôm nay nhân tiện đi qua mới vào được. Tôi cứ bán tín bán nghi... Thế bác mua sắt vụn thế này để làm gì, bán lại cho ai?

– Tôi thấy tiếc của, để hỏng đi thì mua.

– Nhưng sau thì bán lại cho ai, ai người ta mua?

– Chắc thế nào cũng có người mua.

Khách càng không hiểu:

– Sắt Thái Nguyên cũng ế đầy không ai mua, các bác bỏ ra bạc triệu mua một đống sắt vụn thế này để làm gì. Tôi nói thật với bác nhé, bác bị ông hàng phở lừa rồi. Lừa quả đau. Chính bác mới là dân kinh doanh, dân thủ công, bác lại đi nghe theo lão hàng phở. Tài Lộc chỉ biết bò gà tái chín chứ biết quái gì kinh doanh.

Gắng gỏi để niềm nở cho hết cuộc gặp gỡ với ông chủ nhiệm khệnh khạng ấy nhưng thực tình trong lòng ông Don cũng hơi hốt. Lão chủ nhiệm đến đây có thể để thăm dò, nếu đánh hơi thấy nguồn lợi lão nhảy ra cạnh tranh nhưng có khi lão nói thật.

Ai nói có thể ông Don không tin nhưng những kẻ sừng sỏ trong nghề gia công kiêm lừa đảo, móc ngoặc, bớt xén vật tư của Nhà nước mấy chục năm như lão thì không thể bỏ qua. Tài Lộc là tay đại

bợm, nghĩ hắn chỉ "bò gà tái chín" là ngu, hắn có thể biến mấy chục lạng vàng của mình thành sống sắt rỉ.

Trước mắt chưa nên tỏ thái độ gì với Tài Lộc, hãy chờ xem. Ông Don vào phòng tài vụ hỏi con dâu:

– Tính đến hôm nay chúng ta mua được cả thảy bao nhiêu tấn?

Cô con dâu đang có chửa, tính một lúc rồi nói với bố chồng:

– Thiếu ba mươi tấn nữa thì đầy hai ngàn. Có thể ngày mai nữa là đủ hai ngàn tấn bố ạ. Hôm qua bác Tài Lộc cũng đã hỏi con, con cũng đã báo cáo với bác ấy.

– Bác ấy có nói gì không?

– Bác ấy nói "tốt quá" rồi đi.

– Bố phải đi có việc, ai hỏi thì bảo như thế.

– Vâng ạ, con nhớ.

Dù sao thì cũng một vàng bỏ ra đấy rồi, bây giờ phải hết sức tỉnh táo. Thời này không phải đối phó với chính quyền mà đối phó với Tài Lộc, cạnh tranh với đồng nghiệp. Ma xui quỷ khiến làm sao ông Don lại dễ dãi tin vào Tài Lộc thế? Định mệnh đã đặt ông và Tài Lộc lên một con thuyền và đẩy con thuyền ấy ra khơi. Khôn thì sống, dại thì chết cả. Tài Lộc dù gian hùng sắc sảo đến đâu cũng không thể sống một mình được, nếu con thuyền bị sóng gió đánh tan tành.

Nghĩ xa xôi thế thôi chứ trước mắt đã có một mảy may nào là cái đáng sợ. Không phải hoàng hôn mà bình minh thì sao? Vả lại, tay chủ nhiệm hợm đời kia, biết đâu là kẻ tức ăn ghét ở, tay phá đám, tay chọc gậy bánh xe, xui nguyên giục bị và nếu ông là thằng nhát gan vừa mới một câu dọa đã bán lại cho lão.

Ông hiểu rồi, không bao giờ, đời chỉ biết tin vào mỗi mình thôi, không thể tin được vào thiên hạ. Thiên hạ sống bằng mưu chước và chết vì mê tín. Ở đâu ra rả kêu gọi thật thà, thật thà thì ở đấy đã thừa sự dối trá. Đói thì gọi "cơm... cơm...", khát thì kêu "nước... nước" không ai kêu la khao khát cái mình đã đủ. Kinh nghiệm sống và trực quan cuộc đời đã dạy cho ông Don bài học có vẻ rẻ tiền nhưng

với ông là xương máu. Thấm thía đến vô cùng dù học phí phải trả bằng máu, nước mắt, bằng lao tù.

Chiều hôm ấy mới khoảng hơn ba giờ ông Don đã về nhà. Những cuộc gặp gỡ và những tin tức không đâu đã làm cho ông mệt. Tắm xong và uống một cốc cà phê cho tỉnh táo, cuộc đời là chiến trường, tướng lĩnh bao giờ cũng phải tỉnh táo và bản lĩnh.

Ông đẩy cái xe cúp vào sân. Nhà vắng vẻ quá. Dạo này nhà ông thường vắng. Thằng Châm, thằng Phương đứa đi Hải Phòng tìm hiểu nguồn mua, đứa đi khu Bốn thăm dò nguồn bán. Có khi hàng tháng chúng mới về qua nhà vài ngày. Cô con dâu đầu đi làm ở chỗ ông. Cô thứ hai có cửa hàng vải lớn trên phố Hàng Vải. Chỉ có thằng út, thằng Vại, đã mười tám tuổi, bỏ học giữa chừng đang được ăn chơi lêu lổng. Thằng này lắc láo, ngang bướng tính khí giống bố, liều lĩnh can trường bằng bố, muốn gì là làm bằng được. Nó có ăn chơi đập phá như thế nhưng ông ngầm yêu nó lắm, chính nó sẽ là Don tái tạo trong thời thế làm ăn mới.

Bà Bến nằm im lìm trên giường, có lẽ mệt hay ngủ. Đêm qua đi chơi với bà bạn nào đó mãi đến nửa đêm mới về.

Ông Don đi tắm, nước vòi hoa sen phun ra như xoa lên da thịt. Thật là dễ chịu. Chợt bộ quần áo của vợ ngâm trong chậu làm ông chú ý. Sao cái quần lót lại xé rách toang như vậy? Và cái quần dài nữa, cũng bị tước đôi ra. Vì sao bà ấy lại xé tan quần áo của mình ra như vậy? Không biết có chuyện gì. Mà từ xưa tới nay tính vợ ông dịu dàng, nhẫn nhục, chịu khó...

Băn khoăn tý chút nhưng ông Don vẫn tắm và khi xong thì ông đã quên hết mọi chuyện. Ông lại sảng khoái ra khỏi phòng tắm và nghĩ đến việc tối nay sẽ đến Tuyết Lan, cô ta là mê cung tình ái của ông.

Sáng nào bà Bến cũng dậy sớm mua cho ông Don bát phở gà thêm hộp cô ca. Ông Don vừa ăn phở vừa ngắm vợ chải tóc trước gương. Bà mặc bộ quần áo ngủ hàng xoa, hơi chật là nổi thân hình óng ả mềm mại như gái mười tám. Mắt bà long lanh, đôi má bầu bĩnh

không phấn son mà vẫn đỏ chót. Ừ, bà ấy đã bốn mươi tuổi rồi, cái xuân sắc của người phụ nữ tỏa sáng lần cuối cùng để rồi tàn lụi...

Chợt có hai khách đến thăm. Khách cũng là dân thủ công nghiệp, một ông là gia công cơ khí và phụ tùng xe đạp, ông nữa làm gia công đồ nhựa. Những vị khách này ông không lạ, từng làm gia công thì vị nào cũng mánh lới gian manh có lẽ cỡ ông phải gọi họ là đại ca. Trước các vị này ghét ông lắm, khi ông đi tù về thì thêm cả khinh, bây giờ ông hơn hẳn bọn họ thì họ lại đến cầu thân với ông, tung hô nịnh nọt ông.

Tất nhiên, người có nhân cách thấy thế thì ngán ngẩm lắm nhưng đối với bọn họ và cả ông Don nữa, coi việc xử thế ấy là khôn ngoan, là thức thời, là hơn thiên hạ. Ở đời người ta phù thịnh chứ ai phù suy. Nghèo mà ngồi giữa chợ cũng không ai hỏi.

Ông Don tiếp họ không vồn vã mặn mà nhưng cũng không dám hờ hững trịch thượng, dù sao ông còn phải làm ăn buôn bán, khôn muốn làm mục tiêu bắn phá làm ăn buôn bán, không muốn làm mục tiêu bắn phá của bọn thị dân này. Ông Don vẫn biết mình chẳng phải là người tử tế, lương thiện gì, có điều người đời không biết nên ông còn vênh vang.

Thấy giọng lưỡi của bọn họ dẻo như kẹo mạch nha, lại rồng rắn, giương đông kích tây, ông đốp chát:

– Các vị mũ cao áo dài mà đã quá bộ đến tệ xá của kẻ hèn mọn này chắc là có sự quan trọng lắm. Các vị muốn gì cứ nói thẳng toẹt ra.

Ông cơ khí nhún vai ra vẻ mình bị bạn nghi oan. Ông dép nhựa cười:

– Chuyện làm ăn. Chúng tôi và bác đều là dân đổ mồ hôi kiếm miếng cơm cả, chúng tôi muốn giúp bác, thật lòng thế không biết bác có nhã ý nghe không.

Ông Don giả bộ ngạc nhiên:

– Giúp tôi? Thế thì tôi không dám, các bác tha cho em.

– Giúp bác chỉ đúng một phần, nói đúng ra là chúng ta giúp nhau. Trong nghề kinh doanh, nếu để tồn kho lâu là bại, đồng vốn không quay vòng được cũng là bại, mấy chục ngàn tấn sắt vụn của bác kia bao giờ mới bán được để thu hồi vốn. Nhìn vào công ty sắt

vụn của bác chúng tôi thấy các bác bị hai cái bại một lúc. Bại thật sự vì thế này... Sắt vụn Nhà nước không mua. Bán cho nước ngoài thì Mỹ đang cấm vận, bố bảo nước nào dám vào Việt Nam mà mua. Hàng tồn, lãi suất ngân hàng phải trả. Bác và bác Tài Lộc nên bàn với nhau tìm lối thoát. Bọn tôi xin hiến vài kế.

– Hai bác nói thì tôi xin nghe, chứ kế của bác tôi biết cả rồi.

– Bác đừng mặc cảm. Chúng tôi hết sức chân tình với bác, nói thật, thời thế thay đổi, hợp tác xã thủ công nghiệp chết cả đống. Thời làm dối ăn thật qua rồi, hàng gia công trước phân phối nay chẳng chó nào mua... Mấy chục năm làm ăn chúng tôi góp nhóp lại cũng có tý vốn chưa biết dùng làm gì, trong khi đó công ty bác cần vốn. Cái kế của tôi hiến với bác là thế này: Một là hai bác bán lại một phần hay một nửa công ty cho người khác, bác sẽ vốn vấn để hoạt động hoặc trả bớt cho ngân hàng. Đó là một hướng thoát. Hướng thứ hai thế này. Mở rộng công ty thật lớn thu hút vốn đầu tư của anh em có tiền, vừa thu mua sắt vụn vừa buôn bán qua biên giới. Bác thấy có hay không, cả hai phương án đều tối ưu. Bác và bác Tài cứ nghiên cứu xem. Chúng tôi nói như thế là thật lòng lắm.

Ánh mắt hai người khách long lanh đắc thắng và chứa chan hy vọng. Bảo người ta là bại mình lại muốn hùn vốn vào, hai ông này muốn làm xiếc hay sao? Ông Don lấp lửng:

– Cảm ơn hai vị, cứ biết vậy. Khi cần bán thế nào chúng tôi cũng sẽ nhớ đến hai bác trước tiên.

Hai vị anh hùng của thời làm gia công chưng hửng đứng lên. Mặc. Những người này nhờ thời thế, mấy chục năm ăn chơi trên tiền, chưa biết thật thà là gì, khó chơi lắm.

– Khách về rồi à?

– Rồi.

– Có chuyện gì thế?

– Có chuyện làm ăn, muốn mình bán công ty cho họ hoặc là họ hùn vốn vào với mình.

– Làm sao mà ông quyết định được? Hay là họ đã bàn với bác Tài rồi.

– Có lẽ chưa, nhưng tôi đã từ chối. Những người này không dây với họ được, họ bán mình đầu chợ ngay tút xuyt.

Bà Bến ngồi đối diện với ông Don, nét mặt lơ đãng. Trong bộ đồ xoa màu hồng, vợ ông trông óng ả và mặn mà. Khác với Tuyết Lan, Tuyết Lan như lửa. Cô ta mê ông vì tiền, mẹ kiếp không đẹp bằng vợ ông nhưng được cái khéo chiều nịnh, biết dẫn dắt đàn ông vào mê hồn trận. Thằng nào dính vào khó lòng mà dứt ra được.

Trưa anh về ăn cơm sơm sớm, em làm bún chả. Vợ ông nói.

– Làm thì làm, cho các con chúng nó ăn. Còn tôi trưa không chắc đã về được.

– Dạo này anh ít ăn cơm nhà lắm đấy.

Vợ ông buông lời trách rồi đi xuống bếp. Ông Don ngồi thần ra. Hay bà ấy đã đánh hơi thấy. Nó biết thì nó phá cho tan tành, nó cho thành cám tất cả.

Ngày ông trúng vụ gia công sơn đen, tiền vàng lúc nào cũng đầy túi, các cô gái bâu đến như ruồi. Ông quen một cô ca sĩ trẻ, ông cung phụng cho cô ta không thiếu thứ gì, xe máy, quần áo, đồ trang sức, còn mua cả một căn hộ nữa. Hai người hoạt động bí mật như hoạt động tình báo. Thế mà một hôm ông cùng cô ta đi xem phim, vừa ngồi vào được một lúc thì tự nhiên có ai đó ôm đầu ông và đầu cô ca sĩ đập vào nhau một cái như trời giáng. Người cả gan làm việc đó, không ai khác mà chính là vợ ông, đang bình thản ngồi ngay ở hàng ghế sau lưng hai người.

Còn cú này nếu vỡ ra, mụ ấy sẽ vặt cho bằng hết không để sót một sợi râu nào...

Văn phòng công ty đang chỉ có một mình Tài Lộc ngồi nhấm nháp ly cà phê đen. Tính ông như thế, uống cà phê là uống một mình, nhấm nháp, nghiền ngẫm sự đời trong hương vị thơm nồng của cà phê, Tài bảo cô phục vụ thay lọ hoa mới trong phòng khách.

– Lọ hoa này đang tươi lắm ạ. Cô phục vụ nói.

– Không cần, thay đi. Cháu mua một bó hoa thật đẹp, hoa súng, hoa sen hoặc lay ơn, thược dược, tùy cháu, nhưng phải thật tươi.

– Hôm nay báo chí tiếp khách quốc tế hay sao?

Tài cười rất hiền lành:

– Khách làm ăn chứ quốc tế quốc gia cái gì. Nhưng cháu làm ở đây là cháu phải biết giữ miệng, chuyện đâu bỏ đó. Kín thì có ăn, hở hoác thì nhịn...

– Vâng ạ.

– Với lại, không phải là chuyện tư túi gì đâu, bác với bác Don là một, các bác đã làm với nhau là cùng sống chết, giữ là giữ bên ngoài. Trăm người bán vạn người mua, sơ hở là mình mất miếng cơm như bỡn, cháu biết rồi đấy.

– Vâng ạ.

Tài là dân kẻ chợ, gia đình ông ta phiêu bạt đến thành phố này từ đời ông nội của Tài, có chút ranh ma, huênh hoang nhưng vẫn là một tính cách đàng hoàng. Không như dân nhà quê về thành phố sau kháng chiến chống Pháp hoặc thời đô thị hóa dồn dập cơ quan nhà máy tuyển cán bộ công nhân viên các vùng nông thôn về, loại này nửa quê nửa tỉnh, nghèo thì kiết mà có của thì cậy, khệnh khạng.

Mãi đến chín giờ hơn, ông Don mới đến, hỏi cô con dâu:

– Bác Tài Lộc ở nhà hay đi vắng?

– Dạ, bác ấy đến từ sáng, tiếp bao nhiêu khách bây giờ mới ngơi được một tý đấy ạ.

Tài nói với ra ngoài:

– Bác Don, mời bác vào đây.

Don nhìn qua cửa kính thấy Tài quá đường bệ. Chủ hàng phở tái đã trở thành giám đốc, râu ria nhẵn nhụi, áo sơ mi trắng, cà vạt màu tiết dê, khẩu khí không còn "hành chần nước xuýt" hay "bò gà tái chín" nữa... Nói thế thì cũng oan cho Tài lắm. Tiếng là chủ hiệu phở song có bao giờ Tài phải mó tay vào việc gì, nấu nướng, chế biến mua bán bưng bê tất tần tật đều do vợ con làm hoặc thiếu

nữa thì thuê dăm ba người làm. Nghe đâu Tài Lộc đã học đến Bắc, đa mưu túc kế, biết vạn sự, tính việc như thần, nhưng cũng giống như kẻ sỹ không gặp thời, tàng mà không hành, xử không xuất. Hồi trẻ sống như công tử Bạc Liêu, tiền bố mẹ cấp, ăn chơi không thiếu chốn nào, đến đâu cũng say đắm. Đứng tuổi mũ ni che tai, vui thú với chim cá cây cảnh. Tài như kẻ chờ thời bây giờ mới ra tay làm ăn.

Dường như trời không cho ông Don lột xác. Trong nhiều năm trước đây cũng từng có hàng mấy cân vàng, lúc này lại là giám đốc, dù là giám đốc một công ty tư doanh, có ôtô đi đây đi đó, có điện thoại trong nhà, ra vào không thiếu gì người bẩm báo... thế mà vẫn không khác gì là chủ xưởng sơn. Ông đặt cái gì lên đầu, khoác cái gì vào người, xỏ cái gì vào chân đều giống anh hề hoặc như anh làm trò ảo thuật bán thuốc đau răng.

Là mõ, là dân quét chợ, dân coi nhà xác được cất nhắc lên làm quan, dần dần cũng làm ra vẻ quan cách được. Nhưng với Don thì không... ông mặc kệ, không hề quan tâm. Mà bận tâm đến chuyện vặt ấy làm gì cho phí rượu. Cái đáng quan tâm lớn lao nhất là kiếm tiền, tiền thay thế cho tất cả, có tiền là có sự hợp lý, có cao thượng, có anh hùng, có học thuyết... Đáng sợ nhất là không có tiền, đáng ky nhất là sự túng thiếu. Chung quy, túi đừng có rỗng. Túi rỗng chẳng ai coi anh ra gì, tình nghĩa sẽ xa lánh anh.

Nó sòng phẳng thế đấy, đời thường mà!...

Tài Lộc ngồi trầm tư, điếu thuốc lá thơm đang cháy trên tay, ly cà phê đã cạn.

– Mời ông ngồi xuống đây, Tài Lộc nói. Cả sáng hôm nay chúng ta chưa có chuyến xe nào về và không có thằng nào chở sắt đến bán, ông thấy điều đó có ý nghĩa gì không?

– Đáng lo hay đáng mừng? Mà ông đã hỏi kế toán chưa, có thể họ chưa vào sổ.

– Chưa có xe nào. Chỉ có cửa hàng thu mua lẻ đâu được năm ba tạ. Thế mà mấy ngày hôm trước mươi tấn ngày, dăm tấn ngày, xe cứ nườm nượp vào ra.

Ông Don ngẫm nghĩ một lúc chợt mắt sáng quắc lên:

– Thế thì trúng to rồi, trúng to. Sáng nay có hai ông chủ nhiệm đến thăm tôi và gạ bán công ty lại cho họ. Họ bảo công ty mình sắp bại, họ đề nghị được giúp đỡ...

– Bằng cách bán lại cho họ?

– Bán hoặc cho họ chung vốn.

– Các vị cáo đấy, nhưng chúng ta đâu phải là gà? Đồ ranh con, hãy đợi đấy, để ta đổ vỏ ra rồi các ngươi đến đấy mà bốc với nhau... Xin thông báo với ông, đã có nhiều công ty lập ra thu mua và đang cạnh tranh với chúng ta. Họ mua với giá cao hơn nên hôm nay sẽ không mấy ai đến bán cho chúng ta nữa đâu...

Tài Lộc lúc này mới vất bỏ bộ mặt bí hiểm, cười hơn hớn. Hai đại gian hùng nắm lấy tay nhau như hai nguyên thủ quốc gia vừa ký xong một hòa ước chấm dứt cuộc chiến.

– Ông thật là đại tài, là bậc thánh chứ không phải người thường. Trí lự ông có thể kinh bang tế thế được.

Tài Lộc phẩy tay:

– Tôi chả dám, ước mơ của tôi là cơm đủ ăn, áo đủ mặc. Nói nhỏ với bác điều này, tôi vừa mua được một cái tin quan trọng: Nhật đã bắt đầu mua sắt vụn của ta, Nhà nước đã bắt đầu cấp quota xuất sắt vụn cho các ngành, các tỉnh rồi. Ngành nào, tỉnh nào có sắt, thép vụn thì xuất. Bây giờ đến lúc chúng ta nhẩy sang kinh doanh quota nhưng trước mắt kể từ hôm nay, ông điện cho các thằng con ông ở các tỉnh đẩy mạnh tốc độ mua, cứ mua cao hơn người khác một vài giá, trả tiền mặt, được bao nhiêu thuê xe chở ra ngay. Mua ráo riết một tháng nữa ta bỏ. Thiên hạ xô nhau vào rồi thì ta rút ra, phải biết rút lui khi bàn tiệc đang đông.

– Không được, tính tôi chơi đến tàn cuộc mới bỏ. Dại gì.

– Ăn non thôi, còn để cho người ta húp cái cặn với. Thế mới bền. Rồi tôi cùng bác nhảy sang vụ khác, cũng tươi mát không kém.

Nếu là người khác, ông Don đã mắng cho một trận nhưng với Tài thì ông Don đành phải hậm hực nghe theo. Tính việc đời, nhìn việc đạo, Tài Lộc như thánh, như thần, Don chỉ là loại xách dép cho Tài Lộc không đáng. Đao búa, lừa lọc, đập đá giết người Don này dám làm và làm được không ngán. Sống được đã là khó, làm giàu

càng khó vạn lần. Thế mà Don đã làm được. Đời có đùa với thằng nào. Không đùa, không cợt nhả, chỉ lạnh lùng khốc liệt, cho cũng như cướp, một cách thẳng tay.

Hết việc này đến việc khác, từng bước, Tài đã chinh phục Don như một kẻ chiến thắng chinh phục kẻ chiến bại, Don bây giờ chỉ biết răm rắp nghe theo. Don gần như đồ đệ trung thành của Tài. Trong nghề làm ăn, ông chưa hề trung thành với ai, vụ làm sơn ông bán rồi ông lại mua, vừa tung vừa hứng, uy tín nổi như cồn là một vụ làm ăn đáng tự hào, có thể đưa vào sách giáo khoa dạy nghề kinh doanh. Mưu mánh và phản trắc như những kẻ nhiều tham vọng nhưng với Tài Lộc, ông chỉ còn là một tín đồ đối với chúa tể.

Tài xứng đáng là chúa tể của Don. Mọi âm mưu của Don, dù manh nha cũng không qua khỏi mắt Tài, vài lần Tài đã lột áo phơi lưng Don ra làm cho ông chết đứng.

Thì đành làm đầy tớ thằng khôn hơn làm thầy thằng dại, theo đóm nhưng không phải ăn tàn là được. Vả lại, Tài Lộc không có gì tỏ ra coi thường ông. Mà không có ông Don thì cả đời Tài Lộc chỉ là anh hàng phở, khoác tạp dề, tay cầm dao bầu, suốt đời sẽ đứng sau nồi nước xuýt. Nhưng ông Don nếu không có Tài Lộc thì bao giờ cũng chỉ là thằng thợ nấu sơn lừa thiên hạ để lấy một cắc.

Nhờ sự phán đoán thiên tài của Tài Lộc, công ty của hai ông làm ăn đang ở thời kỳ cực thịnh. Nhìn bãi sắt đồ sộ như núi, giới kinh doanh và bọn đầu cơ phải thèm chảy giãi.

Văn phòng công ty dạo này như cửa quan. Người vào, kẻ ra ô tô xe máy xếp hàng dài dằng dặc. Trong cái đám khách ngồi chờ để được hai đồng giám đốc tiếp toàn là những người giàu sang, buôn bán tầm cỡ. Và môi giới trong chính trường cũng thuộc loại tầm cỡ.

Có loại khách, nhìn bề ngoài, mặt tròn và căng như quả bóng, ăn mặc như một găng tơ chính hiệu, mũ bò, áo bò, quần bò, giày Adidas, kính gọng vàng, đồng hồ mười hai hạt kim cương... Loại này trông có vẻ xôi thịt nhưng là kỹ sư, bác sỹ, phó tiến sỹ hoặc tiến sỹ, giáo sư, ca sỹ, nhà thơ hoặc nghệ sỹ cả đấy, từng du học hoặc buôn bán bên Tây, loại này mánh mun và đánh quả siêu đẳng. Có kẻ từng mánh mun mua tàu nát của Nhật về cho tỉnh chia nhau hơn nửa triệu đô la tiền môi giới. Bọn này toàn loại mới phất lên

trong vài năm, từ tay trắng nhảy phốc một cái lên tỷ phú nhờ vào thời buổi nhuộm nhoạm, quân hồi vô phèng trong kinh tế. Họ là người của các cơ quan Nhà nước cả, nếu không thế thì không thể làm ăn được, buôn bán từ trẻ em lai, tranh, đồ cổ, máy móc, đến ma túy, hạt xoàn, đô la, với Việt kiều, hoặc cán bộ đại sứ quán ở tất cả các nước, liên lạc với nhau bằng Fax. Họ đến gạ làm tham mưu cho công ty, nâng công ty lên thành tổng công ty, sau sắt vụn sẽ chuyển thành công ty điện tử lắp ráp và chế tạo TV mù, máy tính điện tử, có chi nhánh ở các nước chậm tiến. Và nếu bán, họ có thể mua lại công ty, thanh toán bằng vàng hoặc ngoại tệ, tùy.

Loại khách thứ hai gạ làm giúp giấy tờ, mách chỗ xin quơ ta, hoặc bán lại quơ ta. Loại này tạp nham hơn. Là giám đốc các công ty dịch vụ cấp tỉnh, cấp huyện mới được thành lập. Là các nhà văn, nhà thơ, nhà báo, phòng viên đài truyền hình, thông tấn xã, đài quận, đài thành phố... đến với mục đích khác: Xin làm phỏng vấn, viết về gương người tốt việc tốt, nhân tố mới trong làm ăn, làm phim truyền thống. Là cán bộ phường, quận, cán bộ của các hội, đoàn thể như Hội nhà báo, Hội cây cảnh, Hội thấp khớp, Hội bảo thọ, Hội văn nghệ, Hội phụ nữ, Hội ung thư... cán bộ các câu lạc bộ mới thành lập như tuyên giáo, thể dục ngoài trời, câu lạc bộ thơ trẻ, tâm lý trẻ... đến xin sự hảo tâm của hai giám đốc công ty ủng hộ Hội hoặc câu lạc bộ... nhân dịp mười năm, một năm, hai mươi lăm năm ngày thành lập hoặc ra mắt.

Hai đồng giám đốc chìm ngập trong đám khách quý ấy, có người thấy chủ bận, khách nhiều, xong việc ra về ngay, nhưng không ít những vị khách ngồi dai, nói chuyện trong nước đến thế giới, sắp tới ông nào lên, ông nào xuống, ai đến thăm ai... Có vị còn ngủ gật.

Hơn mười hai giờ đám khách còn đông, hai ông đành hẹn đến chiều, tất nhiên, không hẹn đến chiều hoặc sáng mai thì họ cũng đến. Việc ấy cũng là thường tình, mâm thớt có tanh thì kiến và ruồi mới bâu lại. Đang chuẩn bị ra về thì ông Don có điện thoại của vợ ông gọi. Ông cầm lấy ống nghe, nghe tiếng bà Bến trong cơn nức nở:

– Anh làm ơn, anh về ngay nhà. Tôi cần nói với anh một việc.

– Có chuyện gì thế?

Giọng vợ ông càng lạnh tanh:

– Anh về ngay, bận gì thì cũng vất đó đã.

– Nhưng có chuyện gì, nói ngay đi không được à?

– Xin anh đừng hỏi, anh hãy cứ về ngay nhà...

– Được cô yên tâm, tôi sẽ về ngay.

Các nhân viên buổi trưa đã về hết rồi, ông Tài có lẽ theo thói quen buổi trưa thường hay ra quán uống cà phê, lặng lẽ ngồi vào một góc. Don mở tủ lạnh uống một cốc nước mát rồi ra nhà xe.

Khốn cùng nhất là bị khám nhà. Khốn cùng hơn nữa là lúc ông đi tù. Nhưng cũng chưa bằng lúc hàng trăm người giáo mác gậy độc đánh đuổi, tìm kiếm sau lưng trong khu rừng nọ. Song những đận nguy nan ấy đã trở thành kỷ niệm, bây giờ lúc rồng gặp mây, đời đang lên như tiên. Vậy còn gì nữa mà bà ấy phải rên rỉ lên? Cướp bà ấy ngay trong đám cưới của chính bà ấy, ra đi với hai bàn tay trắng, đã chết đâu?

Hay bà ấy đã đánh mùi thấy mình gian díu với Tuyết Lan, nếu thế thì mụ đang nổi cơn tam bành ở nhà.

Don cho xe chạy từ từ, ngắm phố phường, ngắm cảnh mua bán, ngắm các cô hai mươi tuổi. Thiếu nữ thì ngày càng nhiều càng đẹp mà ông lại già mất rồi. Tiền có thể mua được chúng nó nhưng có họ trong tay để làm gì nếu sức lực ông cạn kiệt.

Nhà Tuyết Lan ở phố... ông muốn rẽ vào thăm người tình để được nàng chiều chuộng. Mỗi lần ở nhà Tuyết Lan ra ông đều nguyền rủa con mẹ ấy nhưng rồi hôm sau lại phải đến với nó. Tuyết Lan rất biết chiều chuộng kẻ có tiền, con mẹ ấy biết sử dụng sắc đẹp và thân thể của nó để bọn đàn ông đến một lần rồi thì chết mê chết mệt, để không bao giờ rời bỏ. Ông Don chỉ say mê đồng tiền mà gặp Tuyết Lan, Tuyết Lan đã làm cho ông phải són đồng tiền ra khỏi bàn tay chai nhám và lúc nào cũng dâm dáp mồ hôi lạnh. Nó là quỷ, là yêu tinh, là hồ ly tinh, ôi, ông biết ông vẫn say nàng...

Hôm ấy là hôm nào, một buổi sáng thành phố sau cơn mưa. Đường phố tươi tắn như mặt thiếu nữ. Tung tẩy gánh hàng rong qua ngã tư, ngã năm. Thướt tha áo dài sau buổi lễ cầu kinh sớm.

Lá rụng và tiếng gió xào xạc mặt đường. Một tà áo vụt qua, ông vừa kịp phanh xe lại, cằn nhằn:

– Cô đi như thế à? Suýt nữa thì...

Người đàn bà ngước lên e lệ, sợ hãi. Đôi má đỏ rực và con mắt có đuôi. Là một cô gái. Và đẹp nữa...

– Làm sao mà cô vội vàng thế?

– Dạ xin lỗi bác... bác bác... cho cháu đi nhờ... chồng cháu sắp đuổi đến nơi.

Ông Don chưa kịp phản ứng gì, cô gái đã nhảy lên xe, ông chỉ còn biết tăng ga cho xe vút đi. Qua phố Hàng Đèn, phố Hàng Nồi, đến phố Hàng Mẹt là phố vắng. Ông Don hỏi:

– Cô định đi đâu bây giờ?

Giọng cô gái tức tưởi như còn đẫm nước mắt:

– Cháu không biết đi đâu. Khi nào bác cho cháu xuống cũng được. Bác làm phúc thì làm phúc cho trót, bây giờ cháu chẳng biết đi đâu.

Ông Don đành xuống xe:

– Thôi được, ta vào đây ngồi một lúc rồi bác sẽ đưa cháu về, bác sẽ nói với chồng cháu cho.

Ông gọi hai bát phở gà và một chén rượu. Bây giờ ông nhìn kỹ cô gái. Nói cô gái thì hoàn toàn sai, cô ta đã hơn hai mươi tuổi nhưng có cái gì hết sức khó nói. Nhan sắc ấy mặn mà, tinh quái và sắc sảo. Lại như phong sương, dày dạn, bất cần. Có chút lẳng lơ mà như không phải lẳng lơ.

Hai người ra khỏi quán phở, lại đến quán cà phê ngay bên cạnh đó. Hai ly cà phê, mấy điếu thuốc lá thơm. Không ngờ cô ta hút thuốc điệu đàng như gái làng chơi.

– Bây giờ cô nói đi, hoàn cảnh của cô thế nào?

Cô ta tỏ vẻ ngượng ngùng một lúc rồi mới thỏ thẻ:

– Được, cháu cứ nói đi. À cháu tên là gì?

– Cháu tên là Tuyết Lan. Cháu không xin được việc làm, phải ngồi chợ cháu có một sạp vải nho nhỏ. Lời lãi nhì nhằng, lúc vừa đủ ăn nhưng có khi thắng to. Gần một năm nay chồng cháu mất

việc. Cả nhà nhìn vào một mình cháu. Đã thế anh ta lại nghiện ngập, cờ bạc. Thua bạc về cháu có xu nào lột sạch. Cháu không đưa thì đánh đập chửi bới cháu, khổ đủ điều. Sáng nay, anh ấy say rượu, nhất định đuổi cháu đi, cháu không đi thì lấy dao chém cho chết, may mà cháu chạy thoát...

Ông Don lo lắng than:

– Ừ, nghe ra thế thì cháu khổ thật đấy.

– Cháu chịu đựng đã lâu lắm rồi. Bây giờ cháu đang chờ Toa gọi giải quyết cho xong. Cơm chẳng lành canh chẳng ngọt thì níu lấy nhau làm gì cho khổ.

Ông Don đặt tay lên vai cô an ủi:

– Thôi được, bây giờ cháu lánh tạm ở đâu đó, bác sẽ đến nhà cháu, bác sẽ khuyên giải nó. Bỏ nhau làm gì cháu, mình đã đành như còn con cái, chúng nó có tội tình gì đâu...

Cô gái chợt ôm mặt khóc nấc lên:

– Nhưng... bác ơi... bác ở vào hoàn cảnh của cháu, bác mới biết. Cháu chịu đựng đến cùng cực rồi, khuyên giải nỉ non, thề thốt, hết nước hết cái mà thói nào vẫn tật ấy. Cái số cháu khổ, cháu mới gặp phải nó bác ạ. Bác có đến cũng chỉ hoài công thôi...

– Người ta ai cũng biết điều hay lẽ thiệt, cháu thử thuyết phục anh ta một thời gian nữa xem sao.

– Không được đâu bác ơi. Ai chứ nó thì không được, nó hư hỏng, khốn nạn, thối tha, đểu giả, lật lọng đủ đường...

– Thế thì biết làm thế nào.

Ông Don thở dài và thật lòng thương cảm. Tình thế này thì chúng bỏ nhau mất thôi. Con bé này nhất định là ngoan. Không biết thằng chồng là đứa nào? Làm cái thằng đàn ông mà như thế thì xoàng quá, đã không nuôi được vợ con mà đến cái thân mình cũng sống bám vào váy vợ thì đó chỉ là hạng ngu đần, đen tối, bê tha, bỉ ổi. Hỏng quá.

Tiếc rằng ông không có khả năng để thu xếp cho cô một chỗ làm. Cách đây hai năm, ăn tiêu của nhà ông nhờ vào công việc buôn bán của vợ con và nhờ vào đống vàng mà ngày làm sơn còn để lại. Dù là đống vàng ấy ăn cả đời không hết như ông không phải thích

ngồi mà ăn. Ông thích làm, thích thấy đồng tiền chảy vào nhà như nước.

Ông trả tiền hai cốc cà phê rồi đi ra, băn khoăn không biết giúp cô gái bất hạnh này bằng cách gì.

– Bây giờ cháu định thế nào? Ông hỏi.

– Cháu cũng không biết.

– Về nhà lúc này cũng chưa được đâu, để thằng chồng cháu nguôi đã. Bác muốn đề nghị cháu một việc...

– Dạ.

– Bác có người bạn chủ nhiệm hợp tác xã làm hộp giấy. Tiền công không nhiều nhặn gì nhưng cháu hãy làm tạm ở đó ít hôm.

– Nhưng ở đâu hả bác?

– Ở thì hơi khó. Ừ nhỉ, ở vào đâu. Cháu chỉ ở tạm ít hôm thôi nhưng ở nhờ là phiền. Thôi đành vậy, đi với bác đến chỗ này xem.

Hai người đến phố Hàng Cơm, ông Don gửi xe rồi dắt cô gái vào trong ngõ sâu, gõ cửa nhà trong cùng. Chủ nhà là một bà già độc thân.

– Bà có nhà muốn bán phải không?

– Vâng.

– Cho tôi xem.

– Phòng cạnh đây, tôi mở cửa cho ông xem.

Căn phòng độ mười lăm mét vuông, lát gạch hoa, cửa vào cửa sổ đều có kính chớp. Nhà này trước là nhà cho thằng xe hay con sen ở. Ông Don quay ra:

– Nhưng tôi không muốn mua, tôi chỉ muốn thuê một tháng.

– Thời buổi này ai cho thuê nhà hả ông? Để mà mất không à? Ông nói dễ nghe quá.

– Không phải thế đâu bà ạ. Tôi cũng chẳng muốn mua làm gì, tôi chỉ dùng ít lâu thôi.

– Xin lỗi ông, chúng tôi không cho thuê. Cần thì ông cứ mua, không dùng nữa thì ông bán. Thời buổi này hỏi thuê nhà không ai nghe được.

Bà cụ đóng sập cửa lại, nghi ông là kẻ lừa đảo. Ông Don chẳng có vẻ tự ái. Nói ông giết người còn không oan nữa là nghi ông lừa đảo. Hai người quay ra phố, cô gái có vẻ buồn. Ông Don phóng xe đi độ một giờ nữa, hỏi mấy chỗ đều không được, đành quay lại chỗ bà cụ. Lần này thì ông đành phải mua. Bà cụ nói cũng đúng, không thích thì bán, thật là thượng sách. Thế là ông đã kiếm được cho cô gái một chỗ nương thân. Ngày nào, ông cũng đến thăm cô vài lần, thấy cô thiếu thốn cái gì thì ông mua sắm. Sau vài ngày như thế thì cô nhẹ nhàng ngã vào lòng, êm ái, đắm say, dịu ngọt...

Đó là Tuyết Lan, là tình yêu, là niềm say mê, nỗi đau khổ và sự căm hận của ông. Sau này không thấy Tuyết Lan nhắc gì đến chuyện chồng con, ông mới biết Tuyết Lan không thua Điêu Thuyền, Đát Kỷ hoặc Võ Tắc Thiên là bao, vừa như yêu quái, vừa như phù thủy, cái pha chồng đuổi không biết thật hay giả nhưng ông không thể rời bỏ thị được. Nếu như hôm trước ông cương quyết dứt áo, nguyền rủa thị và nguyền rủa ông, thề sẽ không bao giờ gặp thị nữa thì hôm sau như ma quỷ sui khiến, ông lại dấn thân đến với thị hệt như con thiêu thân lao vào ngọn lửa để bùng cháy lên với sự thèm khát và nỗi căm hận lớn lao hơn, mãnh liệt hơn.

Vật vã mãi trong nỗi đắng cay của ngờ vực nhưng ông cũng không thể nào biết được cái ngày Tuyết Lan lao ra đường để ông cứu là thật hay giả, một pha kịch mà cô ta dựng lên để bẫy ông? Càng về sau mối nghi ngờ càng siết lấy tim ông, một kẻ tha lừa cho thiên hạ thì chớ, nhưng chẳng nhẽ con yêu tinh ấy đóng kịch giỏi thế, đưa ông sa lưới tình ái của loại điếm kiếm ăn ngoài đường dễ dàng đến thế?

Về đến nhà, cái mà ông cảm nhận được đầu tiên là sự yên lặng của ngôi biệt thự, nó vẫn bình yên dưới tán cây xanh, vẫn kín cổng cao tường như một thâm cung bí ẩn. Song sự lặng lẽ ấy làm cho ông càng thêm sợ. Giờ này những đứa con ông vẫn đi làm, cướp bóc trấn lột cũng không thể hoạt động vào giờ này được.

Ông vừa đẩy cửa vào phòng thì đã ngửi thấy ngay mùi rượu và mùi thức ăn chua lòm xộc ra. Dưới nền nhà một bãi cơm rượu thịt ngầu nát mà đứa nào nôn ọe ra. Lại lẫn với quần áo giày tất

kính trông ngập ngụa phát sợ lên. Trên giường thằng Vại trần trùng trục đang ngủ say như chết.

– Có phải vì cái thằng rượu chè bê tha này mà bà gọi tôi về ngay phải không? Ông hỏi.

Bà Bến ngồi ở sa lông mặt thất sắc.

– Gọi ông về để ông nhìn thấy nó.

Hú hồn tưởng bà ấy đã tìm ra Tuyết Lan hóa ra chuyện rượu chè của cái thằng ôn con.

– Vại, dậy ngay tao bảo.

Ông quát lên mấy lần nhưng thằng Vại say quá không biết gì hết. Chiều cho lắm, xin gì được nấy để bây giờ nó bê tha đến mức độ này.

– Bà hãy gọi nó dậy cho tôi. Uống thì uống vừa phải, vui bạn vui bầu một vài chén đã là quá, đằng này uống đến mức say mửa cả ra. Hãy lôi nó dậy cho tôi...

Bà Bến rầu rĩ:

– Nó say như chết không thể gọi được đâu nhưng ông hãy nhìn đây...

Chợt bà đứng phắt dậy mắt quắc lên, lật chân và chỉ vào chỗ vai thằng Vại:

– Ông có nhìn thấy gì đây không?

– Vết cắn. Đứa nào cắn nó chứ gì? Rượu chè hút xách rồi đánh nhau, cắn nhau...

– Chưa đủ đâu, nó còn khốn nạn hơn vạn lần như thế nữa kia. Ông nhìn rõ dấu răng này chưa?

– Ai cắn nó hả?

– Tôi.

Chữ "tôi" buột ra một cách bất ngờ và chua chát, bà chỉ kịp dơ hai tay lên ôm lấy mặt và đổ vật ra. Ông Don lẩy bẩy xốc bà vào giường. May là bà không ngất đi, một cái gì khủng khiếp đang đến với vợ ông hay với ông. Bà ấy đang chịu đựng một sự bất hạnh nào đó chăng?

Còn điều gì ghê tởm hơn những năm tháng đã qua, ghê gớm hơn những gì mà tuổi trẻ của hai người đã làm? Ông không muốn dỗ dành, an ủi bà, những điều như thế ông không quen và đối với nhà này không là cái gì cả. Thôi mặc, số mệnh là số mệnh. Xưa nay đều thế, kể cả các đấng quân vương thiên tử, ngai vàng quyền thế muốn giữ đến ngàn năm lắm chứ, nhưng sụp đổ là sụp đổ. Mệnh trời như cơn lốc đến và đi không theo ý muốn nhân gian, mà cũng không thể ai chống lại được. Hóa công quyền lực vô biên lắm lắm. Hai người, hai góc giường, một trầm tư.

– Ông cho tôi xin cốc nước.

Ông Don giật thộp mình lập cập đứng dậy:

– À à... tôi quên... nước đây. Có điều gì làm bà sợ hãi bà nói cho tôi biết được không?

Vợ ông chưa kịp uống hết cốc nước, nghe ông nói, nước mắt đã giàn giụa:

– Cái nhà này đã hết phúc rồi ông ơi...

Ông trợn mắt lên sợ hãi:

– Cái gì, tại sao bà lại độc mồm như thế?

– Tôi không độc mồm đâu rồi ông sẽ thấy.

– Nhưng là cái gì, cái gì làm cho bà sợ nào? Công ty đang thịnh vượng, hàng trăm đứa đến xin góp vốn, xin mua lại. Chưa bao giờ tôi thấy mình làm ăn phát đạt như lúc này, không lâu nữa tôi sẽ đem về cho bà một ngàn cây vàng.

– Vàng thì nhiều đấy nhưng phúc đức thì hết rồi.

– Bà nói cái gì thế? Bà sợ cái gì?

– Trời có mắt ông ơi, ác giả ác báo...

– Bà có điên không. Chuyện như thế nào mà bà lại dám nói về tôi như thế. Trời ơi, bà hãy thôi khóc đi, và hãy nói đi, nói đi...

Vợ ông đi ra ngoài rửa mặt, bà muốn trấn tĩnh lại hay không muốn nói. Vợ ông đi vào, nhìn thẳng vào ông và nói:

– Mấy hôm trước ông có nhìn thấy hai cái quần của tôi bị xé toạc tôi bỏ trong chậu chưa giặt chứ?

– Hình như lâu lâu rồi... tôi còn nhớ.

– Nhưng ông chẳng để ý gì cả.

– Ai để ý quần áo của bà làm gì. Không mặc được nữa thì vất đi, mua cái khác, nhưng thế thì làm sao?

– Tôi đã phải đốt những cái quần ấy đi rồi.

– Tại sao bà phải làm thế.

– Tôi... tôi suýt bị hiếp... hu hu...

Ông Don chồm tới giằng lấy cái cốc trong tay vợ, trợn mắt hỏi:

– Cái gì?

– Tôi – bị – hiếp.

Ông Don thẳng cánh ném thẳng cái cốc xuống nền nhà. Ông thét lên:

– Đứa nào?

Vợ ông nức nở một cách thê thảm.

– Buổi tối cái hôm ông bảo tôi đi thăm bà Chánh, ông bà ấy giữ lại ăn cơm mới nên đến hơn mười một giờ tôi mới về được. Tới đoạn công viên thì ba thằng thanh niên ra chặn và dọa giết. Chúng nhét dẻ vào mồm tôi rồi lôi tôi vào công viên. Ba thằng như ba con hổ, chúng giữ chặt tôi và định hãm hiếp tôi. Tôi mới nhè được cái khăn trong mồm ra cắn một miếng vào vai trái của cái thằng đang đè lên tôi. Tôi cắn nó rất mạnh đến nỗi bây giờ nó chưa khỏi. Trưa nay thằng Vại về say mèm, nôn thốc nôn tháo ra nhà, ra cả quần áo. Tôi đưa nó vào giường cởi quần áo cho nó, thì chao ôi, cái thằng khốn nạn... Vết răng tôi cắn cho trên vai trái đang còn. Trời đất thiên địa ơi, cái nhà này hết phúc rồi, cái nhà này tan nát đến nơi rồi. Trời ơi, con đã làm gì mà trời trừng phạt con thế này...

Ông Don mắt trợn ngược, đứng như trời trồng. Rồi ông xoay người vớ lấy cái cát sét ném choang vào cái tủ gương. Tiếng vỡ của thủy tinh nghe rợn xương sống.

Đúng là cái nhà này hết phúc rồi, hết phúc rồi mới đẻ ra thằng con mất dạy như nó. Đồ khốn nạn, đồ mất dạy, trời sẽ giết mày. Mà không cần đợi đến khi trời giết mày đâu...

Ông nhẩy lên ghế và giật khẩu súng săn treo trên tường xuống:

– Tao sẽ giết mày.

Bà Bến lao đến giữ lấy khẩu súng:

– Anh bắn ai?

– Bà hãy buông tôi ra, tôi sẽ bắn chết cái thằng khốn nạn này...

– Không được, anh không có quyền giết nó, mà anh cũng không thể giết được nó. Anh giết nó, anh nhân danh cái gì? Nhân danh ai?

Mồm ông Don há hốc ra, giống như khi người thương gia bị đập cục đá vào gáy. Cái điều vợ ông nói bất ngờ như một bàn tay đấm thẳng vào trán ông. Giết thằng con dâm dật nhưng ông nhân danh cái gì, nhân danh ai? Lương tri, nhân nghĩa, đức độ... tâm can ông Don như thối rữa hết, những điều đó ông đều dẫm dạp, dày xéo, lên cả rồi. Ông chẳng có gì để nhân danh...

– Nó là con anh, chính anh đẻ ra nó, nó mang dòng máu của anh, những gì anh có đã truyền sang cho nó, anh giáo dục nó, anh đẻ ra nó. Anh đâu hơn được nó...

Sống ở dương thế quả là nhọc nhằn. Ông Don đã ba đêm không thể chợp mắt. Như một kẻ điên rồ, ông đi lang thang vật vờ hết phố này đến phố khác, trông đợi một sự rủi ro ngõ hầu cứu rỗi kiếp đa truân. Một mũi dao của bọn trấn lột, một quả đấm của bọn bụi đời hoặc tốt hơn một chiếc xe tải nào đó, người lái say rượu ban cho ông một cái chết nhanh chóng và gọn gàng. Nhưng đã không có ai ban cho ông sự rủi ro nhân ái đó.

Cả đêm ông ngồi trên vệ cỏ ngoài bờ đê. Con đê sừng sững như trường thành, bốn mùa phủ trắng hoa cỏ may. Hun hút từng đợt gió từ dưới chân đê hất lên, thoảng một chút mùi bùn lẫn hương lá ngô tươi. Chân trời bên kia sông, một chốc hồng lên, một chốc sẫm lại. Trong bụi cỏ nào đó, phía trước phía sau, bên phải bên trái đều nỉ non tiếng dế kêu than, tiếng tanh tách của những con châu chấu cắn lá...

Gần sáng ông về nhà lặng lẽ vào phòng. Mệt mỏi và hoang mang, sợ hãi và tuyệt vọng, ông cứ ngồi thế mà thiếp đi lúc nào không biết. Khuôn mặt Thạo đầm đìa máu đôi mắt trợn ngược toàn lòng trắng. Cái áo sơ mi của Thạo máu thấm đỏ từ vai xuống bên

hông. Tay phải Thạo chỉ vào mặt ông rồi chới với một lúc và biến mất...

Ông Don hét lên một tiếng co dúm người lại, hai tay ôm lấy đầu. Tóc dựng đứng, chân tay run lẩy bẩy, mồ hôi đầm đìa...

Cái giờ phút ấy đã đến hay sao? Ông là người chỉ lo kiếm tiền, không bao giờ nghĩ có Diêm Vương, Địa ngục, có quả báo nhưng bây giơ thì ông hiểu. Những tội ác của ngày còn trẻ, người đời không ai biết, pháp luật không có chứng cớ đả động đến ông, nhưng Tạo hóa biết, Đấng Chí công biết.

Ông nhân danh cái gì để giết thằng Vại?

Ông cướp người vợ, người có thể hiếp vợ ông, đó đã là một trừng phạt đáng sợ nhưng đằng này... Lẽ Chí công của Tạo hóa đã giáng xuống đầu ông một đòn chí mạng. Vay thì trả, gieo ác thì gặp ác, con người không làm được thì Tạo hóa thi hành. Thằng Vại là ai, hay oan hồn của hai người ấy được luân hồi, đầu thai trở lại nhà ông để báo oán.

Ôi, hóa ra ông đâu có thể cầm súng lên giết được nó. Như là định mệnh của nhà ông rồi. Vàng sẽ có hàng ngàn cây nhưng phúc đức thì hết sạch. Ông không thể trách cứ được trời đất, càng không trách cứ được ma quỷ, ngoài tâm địa của chính ông.

Thằng Vại là con ông, hay thằng Vại là chính ông? Ông đâu có thể rũ sạch trách nhiệm, vô can hay ngoại phạm đối với vợ hay con ông. Ông đẻ ra nó, thằng Vại, ông nuôi dưỡng nó, nó thừa hưởng những gì ông có. Chẳng nhẽ ông không có tội? Vì nó chính là ông. Nếu những người cha, người thầy đẻ ra, đào tạo nên những thằng con bàn tay đầy máu dân lành, thì có vô liêm sỉ lắm mới nói mình vô can. Không thể vô can, càng không thể nhận là người thầy tốt. Không thể được.

Trời đất ơi, mệnh trời đã hết. Pháp đình đã mở. Đoạn đầu đài đã được dựng lên. Đã đến thời khắc ông Don nằm lên đó. Trần gian và Âm ty, những ân oán sẽ được thanh toán rạch ròi.

Con tàu đến Pháp đình đang chạy đều đều. Tu... tu... tu... Ga tới không biết là ga gì, đã thấy ngói đỏ, tường trắng trong sương sớm. Hành khách người còn ngủ người thức giấc, sau giấc ngủ chập chờn thiếp đi vội vã họ choàng dậy sờ nắn, ngó nghiêng những túi, những bì, những sọt, những gồng gánh của mình. Dường như dư âm trận cướp đêm qua ở toa bên vẫn còn ám ảnh họ.

– Sáng bạch rồi.

– Vâng. Cô gái kính trắng đáp.

– Cháu xuống ga chợ Choi phải không?

– Vâng ạ. Cháu xuống Choi rồi từ đó lên nông trường mà cháu nhận công tác còn phải đi một trăm cây số nữa.

– Xa quá. Thế cháu có vội không?

– Bộ phân công cháu về đấy, cháu đến tháng này hay tháng sau cũng được vì bây giờ nhiều nơi thừa người, thiếu việc mà bác. Nông trường có thể nhận cháu mà cũng có thể không.

– Trên ấy chắc người ta nhận thôi. Mấy ai như cháu đi nhận công tác nơi heo hút ấy, có người tiết kiệm cả năm không đủ tiền xe về thăm nhà. Hôm qua bác có nói, có khi bác phải nhờ cháu giúp cho bác một việc, bây giờ bác nhờ, cháu có sẵn sàng không?

– Vâng, cháu lúc nào cũng sẵn sàng.

– Cháu là người rất tốt, ai nhờ là sẵn sàng giúp đỡ, không đắn đo. Việc này không khó khăn gì nhưng làm chậm chuyến đi của cháu một ngày.

– Cũng được ạ.

– Chuyện thế này... Bác cần làm một cái di chúc, bác muốn nhờ cháu giữ và sau đó đưa ra Toa nếu khi Toa cần. Cháu nên giữ cẩn thận như một vật quý, đừng để mất vì nó cũng có lợi cho cháu chút ít. Nếu cháu đồng ý thì chúng ta xuống ga này.

Cô gái sợ hãi hỏi:

– Có việc gì rắc rối hả bác?

– Không có gì. Nếu rắc rối đến cháu thì bác không dám nhờ. Chúng ta chuẩn bị xuống.

Vốn hay thương người, cô gái sẵn sàng giúp đỡ người khác. Tưởng chỉ như mang xách cái gì đó xuống tàu, thậm chí tháp tùng ông già trông có vẻ ốm yếu này về tận nhà. Nhưng không ngờ ông già lại nhờ cô giúp một việc quá hệ trọng mà cô thì chưa có kinh nghiệm gì, chưa từng trải, cũng chưa hề làm việc gì tương tự.

Cô thấy thương hại ông, từ chối bây giờ thì sợ ông thất vọng. Thì đành cứ đi nếu việc quá sức thì lúc ấy cô từ chối cũng không muộn.

Tàu dừng lại ở ga Choi, hành khách xuống Choi toàn là những bà, những chị nông dân tranh thủ mùa chưa đến, lên Lu, lên Thia, lên Nầm buôn mía, chuối, sắn, chè xanh đi vài ga tàu đêm về chợ huyện bán vào phiên ngày mười. Các bà các cô chiếm ngay lấy mấy cái cửa sổ, người ở trên, người xuống dưới, bê từng bì ném qua cửa sổ xuống cho nhanh. Chỉ một chốc sân ga ngổn ngang từng đống mía, sắn, chè xanh và củi, trên toa quang quẻ hẳn ra.

Đến lượt hàng quà vặt lên tàu. Thuốc lá mốc, bánh chưng đất sét, nước nửa sống nửa chín... đưa đến tận tay, ấn vào tận mặt. Có người còn gánh cả gánh cơm lên toa bán cho khách như con tàu lười biếng và ì ạch này không còn muốn chuyển bánh nữa. Cô gái xách cái va ly, còn ông Don một cái bị cói nho nhỏ. Trông ông không khác gì một kẻ hành khất, một kẻ làm thuê khốn khổ nhưng ai đâu biết rằng trên chuyến tàu này ông là người giàu nhất.

– Đưa bác xách cho.

Ông Don với tay xách cái va ly cho cô gái. Cô nghiêng ngả đi theo ông, đôi guốc cao gót mà phải bước trên những đống đá gồ ghề của đường tàu giống như đi trên dây. Cô khập khiễng chới với làm cho ông Don bật cười:

– Khi nào lên trên đó công tác, cháu nên mua một đôi dép nhựa có quai hậu.

– Trên nông trường đường đá hay sao ạ?

– Không có đá nhưng đất đỏ, dính như nhựa và thường là dốc. Làm gì hay cần gì không thể vài bước chân là được như ở thành

phố. Đi rửa mặt, đi lấy nước, đi ăn cơm, đi lại tiểu tiện ngắn nhất cũng vài ba trăm mét. Chưa nói đến đi kiếm củi, đi tắm... Ra khỏi cửa là lên dốc hoặc xuống dốc.

– Cháu nghĩ là rồi nó cũng sẽ quen đi, bác ạ.

– Đúng đấy, mọi cái khổ sở đến đâu rồi cũng quen đi được. Mà quen được rồi người ta không lấy thế làm khổ nữa. Vả lại trên ấy phong cảnh đẹp lắm.

Hai người thuê một chiếc xe ngựa đi vào thị xã. Lần đầu tiên cô gái đặt chân đến một thị xã hẻo lánh, yên ả và thơ mộng như thế này. Hàng hóa, phố xá, tiệm ăn, cửa hàng bách hóa... người mua kẻ bán sầm uất không kém gì thành phố của vùng đồng bằng. Không có những đại lộ dài và rộng, rất ít những nhà cao tầng, không có không khí ồn ào nhộn nhịp, hối hả của đô thị, ở đây chỉ có những đoạn phố nhỏ, cong cong, chỗ vỉa hè, chỗ không, đa số là nhà lợp ngói một tầng, màu vôi cũ kỹ xám xịt.

Vào đến giữa thị xã, ông Don và cô gái xuống xe hỏi thăm đường. Người ta nói gì đó với ông Don, ông lại gọi xe ngựa đi tiếp. Cũng may là chiếc xe ngựa chạy đi chưa xa. Lại lóc cóc tiếng vó ngựa đều đều trên đường đá. Thời tiết chưa sang đông, lá sau sau rắc vàng mặt phố...

– Bác định nhờ cháu một việc nhưng bác nghĩ lại thì không cần nữa. Bây giờ thì bác cháu ta từ biệt nhau, bác chúc cháu gặp nhiều may mắn. Nhờ trời bác cháu ta gặp nhau. Trời đã cho bác gặp một cô gái từ tâm như cháu. Tàu sắp chạy rồi, mà bác cũng vội, cháu lên trên đó bình an.

– Vâng, cảm ơn bác nhưng bây giờ bác đi đâu? Cháu thật không yên tâm một tý nào. Hôm nay trông thần sắc của bác kém lắm, cháu sợ bác ốm mất.

– Cháu đừng lo cho bác. Tuổi già mà, trông thế này nhưng không ốm được đâu.

– Nhưng bác nói cho cháu biết bác định đi đâu bây giờ.

– Bác sẽ đi thăm hai người bạn có duyên nợ với bác trước đây, hai người ấy cần gặp bác lâu rồi mà bác lo làm ăn không gặp nhau được. Kìa, tàu chạy rồi...

Cô gái nước mắt lưng tròng từ biệt ông Don, ông cũng cảm thấy bùi ngùi. Cô gái chưa hề biết gì về những cái mà cô sắp có. Cô gái trong trắng vị tha, đáng được hưởng như vậy. Vĩnh viễn. Cháu hãy đi đi, hãy tiếp tục cuộc hành trình vì cuộc đời phải như vậy. Tu tu tu... Con tàu hôm nay là con tàu khác, nó như muốn thét lên, lồng lên. Nhịp thở hối hả của nó như làm ấm cả một quãng đường xa xôi. Làn khói trắng phả ra bay vào dốc núi không tan, mềm mại như một bàn tay úp sấp...

Ông Don đứng lặng một hồi lâu trên sân ga đã vắng ngắt rồi mới quay trở lại. Ông gọi một chiếc xe ngựa giống như chiếc xe ngựa ông đã cùng Ly đến thị xã này. Vó ngựa lóc cóc gõ dồn trên đường đá. Người đánh xe huýt sáo mồm một điệu hát gì đó không vui, không buồn. Không biết chốn này là chốn nào và ông sẽ theo tiếng lóc cóc của vó ngựa mà đến chốn nào đây?

Phố xá yên tĩnh, những cây tùng lá dẹt đứng lẻ loi trong màn sương chiều như những chiếc ô rũ.

Ông Don xuống xe và đi thẳng đến trước người thường trực đồn cảnh sát. Ông nói:

– Thưa ông cảnh sát, tôi cần gặp một người có trách nhiệm cao nhất ở đây.

Viên cảnh sát ngước lên nhìn ông một thoáng rồi dõng dạc đáp:

– Hôm nay tôi là người có trách nhiệm cao nhất ở đây, ông cần gặp về việc gì?

– Thưa ông, tôi đã giết hai mạng người, tôi đã lấy đá đập vào gáy cho họ chết. Một người bị tôi đánh cho ngất đi ngã xuống hào sâu mà chết, không ai biết. Một nữa bị tôi đẩy xuống vực sâu chỗ héo hút mà chết cũng không ai biết. Một người, để tôi cướp vợ hắn, người khác, để tôi cướp của hắn. Bây giờ tôi đến xin tự thú, tự thú với mọi người, tự thú với pháp luật xin pháp luật trừng trị tôi.

Viên cảnh sát trợn mắt lên hỏi:

– Nhưng ở đâu, bao giờ?

– Ở núi Bà Banh, cách đây bốn mươi năm.

– Trời, tại sao một kẻ giết người cướp của như thế còn sống đến hôm nay? Những oan hồn ở đâu?

– Những oan hồn vất vưởng không làm gì được tôi cả.

– Thế tại sao bây giờ ông lại đến tự thú? Tại sao?

– Tôi không biết.

– Vô lý.

– Tôi ân hận.

– Không ai đến bốn mươi năm sau mới ân hận.

– Tôi muốn được hưởng sự trừng phạt của dương gian.

– Cũng không phải vì thế mà ông đến tự thú. Ông sợ cái gì?

– Tôi sợ Diêm Vương...

– Không có Diêm Vương.

– Vâng, không có Diêm Vương, không có trời đất, không có thần linh nhưng có lẽ Công bằng của Tạo hóa, có nhân quả, có quả báo. Tôi già rồi, tôi xin lĩnh hình phạt của pháp luật để lưỡi tầm sét của tạo hóa đừng giáng xuống đầu con cháu tôi...

Một tuần sau, người ta thấy một bài báo trên tờ *Tin nhanh*:

"LÀN SƯƠNG MÙ VẪN CÒN BAO PHỦ XUNG QUANH CÁI CHẾT BÍ ẨN CỦA MỘT ÔNG GIÀ – ÔNG TA LÀ AI?"

Hôm qua, những người đốn củi và đào củ mài trên núi Bà Banh tình cờ phát hiện được một xác chết ở dưới vực sâu. Thi hài người chết bị bầm dập không biết do bị đánh hay do rơi từ trên vực xuống nhưng vẫn nhận ra nạn nhân là một ông già khoảng sáu mươi tuổi có vẻ là người giàu có. Nạn nhân mặc áo sơ mi trắng, quần sẹc, tay đeo chiếc đồng hồ citizen có bốn hạt xoàn. Người ta còn tìm thấy trong túi nạn nhân còn sót lại hai thỏi vàng, mỗi thỏi dài độ ba centimét, nặng một lạng. Những người đi đốn củi ngày hôm sau còn nhặt được vài thỏi vàng như thế nữa rơi vung vãi xung quanh đó. Có lẽ những thỏi vàng này cũng là của nạn nhân văng ra khi rơi xuống lòng vực sâu. Không biết số vàng rơi rụng vương

vãi ra có nhiều không nhưng tin đồn lan ra đã kích thích những người dân quanh vùng xô nhau đến tìm ngõ hầu may ra... Nghe đâu có một cháu trai rất liều lĩnh đã ròng thang dây xuống và tìm thêm được một thỏi nữa. Và một điều lạ lùng khác, cũng chính cậu ta tìm thấy một bộ xương người nữa cạnh thỏi vàng vừa tìm thấy. Theo giám định của các nhà chuyên môn thì người có bộ xương này chết cách đây ít nhất bốn mươi năm và không ai biết để mai táng.

Các nhà chức trách vẫn chưa tìm được lời giải đáp thỏa đáng cho cái chết bí ẩn của nạn nhân. Bị trấn lột – thì tại sao số vàng không bị cướp. Tự tử – chả nhẽ một người giàu có như thế tự tử để làm gì. Hay do ma vật? Điều này không thể chấp nhận được, trong xã hội theo chủ nghĩa duy vật của chúng ta.

Cho đến hôm nay, màn sương mù huyền bí vẫn bao phủ trong lòng vực sâu núi Bà Banh."

Hà Nội, Năm 89–92

LỜI CUỐI SÁCH

Thường thường người viết tiểu thuyết dựa vào một nguyên mẫu để kích thích trí tưởng tượng của mình. Tôi cũng có lạm dụng chút ít điều đó. Song ở đây, nhân vật chính vẫn hoàn toàn là nhân vật tiểu thuyết, và do thế, mọi sự kiện, chi tiết, con người xung quanh và liên quan đến nhân vật tiểu thuyết này đều mang tính tiểu thuyết cả, nghĩa là do người viết bịa ra. Nếu có một ai hoặc chi tiết nào giông giống người hoặc việc ngoài đời thì xin các bạn hãy coi đó là sự ngẫu nhiên hoặc vì vô tình của người viết...

T.H.Q

BÃO VŨ
(Sinh 1942)

Ông sinh ở Lý Nhân, Hà Nam. Hiện Bão Vũ là kiến trúc sư, công tác ở Hải Phòng. Tên thật của ông là Vũ Bá Bão.

Từ nhỏ Vũ Bão đã mê Nguyễn Tuân, Vũ Trọng Phụng, Thạch Lam, từng xúc động trước những trang sách của G. Môpatxăng, A. Đôđê, Đicken...

Năm 16 tuổi, Vũ Bão viết tiểu thuyết với ý nghĩ Nguyên Hồng cũng viết Bỉ Vỏ lúc 16 tuổi.

Văn Vũ Bão sắc sảo, giàu tính thời cuộc, tránh được sáo mòn của những nhà văn cùng thế hệ. Đọc ông, chúng ta thấy một bức tranh gồ ghề, gai góc, nhưng cũng không thiếu chất trữ tình, chất thơ, chất lãng mạn.

Tác phẩm chính: Áo xanh ướt đẫm (tập truyện – in chung); Gió đất hoang (tập thơ); Biển nổi giận (truyện ngắn); Mây núi Thái Hàng (truyện ngắn); Hoang đường (truyện ngắn); Truyện ngắn ***Người đi chuyến taxi cuối ngày*** *của ông từng được tặng giải thưởng truyện ngắn hay của Báo Văn Nghệ.*

*

NGƯỜI ĐI CHUYẾN TAXI CUỐI NGÀY

(truyện ngắn)

Phi thông báo cho trạm điều hành biết xe của nó không có khách, đang trở về thành phố. Nó dằn mạnh ống nói và chửi tục:

– ... Mẹ! Mọi thiết bị đo đếm đều khóa mã, niêm phong như két bạc, chọc chạch gì được mà cứ nheo nhéo kiểm tra liên tục!

Nhưng bọn ở trung tâm đâu có biết cánh lái xe còn khối cách kiếm thêm. Mấy chú choai sĩ diện với các em, không thèm nhìn đồng hồ, có khi còn không cần lấy tiền thừa. Mấy bác cán bộ quê không biết số nào với số nào trên bảng điện tử, chẳng thuộc đường xá gần xa, chiều xuôi ngược... thành ra một khoản nói theo thuật ngữ điện

toán là "phần mềm". Cái "phần mềm" ấy rất đáng kể, mà lại chỉ có Trời biết.

Tuy vậy vẫn cứ là *"Xích lô đời 97"* mà đã xích lô thì đời nào cũng là *"culi xe"* cả thôi. Cần phải *ngang tầm với cao độ chung.* Bạn của Phi, có đứa đã là ông chủ, dù chúng chỉ cỡ tuổi Phi, trên dưới hai mươi. Như thằng Luân, học dưới Phi một lớp, là giám đốc văn phòng đại diện một hãng dịch vụ tàu biển của Đài Loan. Cái thằng ngọng ấy nói tiếng Anh chỉ có mình nó hiểu, nhưng nhờ chị nó liều mình làm vợ ông già tổng giám đốc một liên doanh mà "nên người".

Còn thằng Kinh, cùng lớp Phi, dốt như bò, được bố chạy chọt cho du học. Ở bên Canada, láng cháng thế quái nào bị chó nhà người ta cắn cho một miếng, đi kiện, được bồi thường gần trăm ngàn *đô.* Bỗng dưng có một tỷ! Liền bỏ luôn về nước mở hãng rượu. Được gọi là "ngài tỷ phú Đooc-Kinh" (Kinh-Chó). Hắn khoái, nghĩ rằng mình cũng thành danh kiểu Envit-Thương, Gimmy-Nguyễn, Tômi-Trần...

Phi nhổ bọt qua cửa xe. Nó cho cuộn băng quen thuộc vào ổ cát-xét. Maicơn Giắcsơn. Bây giờ ít người còn chuộng gã ca sĩ bị diệt này. Nhưng Phi vẫn thích nghe và thán phục Maicơn Giắcsơn. Không phải vì cái tài gào thét và nhảy nhót vặn vẹo của gã mà là vì Maicơn Giắcsơn có một ý chí ghê gớm, quyết thay đổi số phận; thậm chí còn dám biến cải cả hình thể và màu da của mình.

– Một-ba-bảy! Một-ba-bảy đâu?

– Một-ba-bảy nghe! – Phi gắt gỏng trả lời. Lại kiểm tra. Chó chết!

– Đón một khách ở trạm xăng, lối rẽ về Đại Hợp.

– Rõ, một-ba-bảy đón khách ở trạm xăng Đại Hợp.

Phi quành xe. Tốt rồi! Thế là thêm một ít tiền trong ngày. Nó nhếch nhép cười, tự khinh bản thân khi bắt gặp mình đang hớn hở vì vớ được một người khách chuyến vét. Làm như cái người khách cuối ngày ấy có thể đổi đời cho nó. Một cái nghề cò con, không khác gì bọn trẻ bới rác!

Ở chỗ hẹn, một người đàn ông đứng tuổi, dáng vẻ phong trần, mặc bộ complê đen nhầu nát, đeo cái túi vải cũ đứng bên trạm xăng với một bao tải căng phồng dưới chân. Miệng ông ta ngậm một điếu

More, thứ thuốc lá đen thui, dài như cái que, một thời dân sành chơi thường hút.

– Bác đi xe phải không? – Phi hỏi người khách.

– Về sân Nhà Hát lớn. Giá cả thế nào? – Ông khách nói, không bỏ điếu thuốc lá ra khỏi miệng. Một tay chơi già, nhà quê, mới bán được lứa lợn, lên tỉnh đi bia ôm.

– Theo đồng hồ! – Phi nói trống không.

– Tao hỏi giá một cây số! Bao nhiêu hãng xe, bấy nhiêu giá. Mà tao thì có tật thích giá rẻ.

– Thôi được! Lên đi! Cẩn thận cái bao, không rách thảm lót sàn.

Người khách đứng bên cửa xe, như chờ đợi. Phi sốt ruột:

– Sao? Lên đi chứ? Chịu giá thấp nhất cho bố, được chưa? – Nó nhìn bộ "vỏ" nhàu nhĩ của ông khách, giễu cợt. – Trông bố xịn thế kia mà rắn cực.

– Mày chậm hiểu, con ạ! Ở bên Tây, tài xế taxi luôn nói *"Please, sir!"* hoặc *"Please, Lady!" (Xin mời quý Ngài, quý Bà!)* Và mở cửa xe cho khách, trừ khi khẩn cấp.

Phi bật cười thú vị. Nó xuống mở cửa ghế sau và cúi mình, điệu bộ rất kịch:

– *Please, Sir!* Nhưng ở đây vắng vẻ, xin Sir đừng cho con một búa! Con còn một mụ vợ già và ba đứa nhóc mới đẻ!

– Hỗn láo! Tài xế taxi phải có con mắt biết nhìn ra người chính, kẻ tà. Và phải biết chút ít võ công. – Ông khách nhổ bã kẹo cao su, cho tiếp một chiếc kẹo nữa vào miệng và đưa cho Phi một chiếc. Nó nhai kẹo, giúp ông khách khiêng cái bao lên xe và thấy thích người khách khác thường này. Ông khách sập cửa xe, cười:

– Mày lại sai lầm, con ạ! Nếu chiếc kẹo mày đang nhai có thuốc mê?

– Thì bố cũng đang nhai một chiếc đấy thôi?

– Đồ ngốc! Tao đưa cho mày cái có độc, còn tao nhai cái bình thường.

Phi cười to, cho xe chạy:

– Con thích bố đấy! Được nạp mạng cho bố, cũng vui lòng. Thực ra thoạt gặp bố, con đã phác một kế hoạch "vặt lông gà"!

– Mày sẽ trả giá đắt về cách nhìn người đấy! Bên Tây có những tay trùm tư bản mã ngoài rất ngây ngô, nhà quê; thế mà đánh loáng một cái, đã nuốt chửng đối thủ kinh doanh rất ghê gớm của mình, nhanh như trăn gió nuốt thỏ non. Nuốt xong, lại vẫn ngây ngô, nhà quê!

– Đúng, bố nói hay quá! – Phi bật cười, nhìn vào gương chiếu hậu. Ông khách có khuôn mặt rám nắng rất đàn ông với bộ râu quai nón tuyệt đẹp, trông như một nhà quý tộc cổ điển Ấn Độ. Nó đã gặp khuôn mặt này ở đâu rồi. Chịu, không nhớ ra! Có thể ở một cuốn phim nào đó kể về những ông hoàng phương Đông.

– Nghe bố nói thì cứ như là bố đã ở bên Tây?

– Ừ, đúng! – Người khách trả lời, không nhiệt tình như trước.

– Bố về nước lâu chưa? Trông "bộ vỏ" thì có vẻ bố về lâu rồi?

– Về quê ăn giỗ, mặc xuềnh xoàng, đỡ phiền phức. Thậm chí tao còn nhận cả một bao sắn khô để vui lòng một bà cô nghèo, tốt bụng.

– Bố khôn thật. Bố bắt chước những nhà chinh phục ngày xưa khi đến với những bộ lạc da màu – Chắc bố về nước kinh doanh?

Ông khách im lặng nhìn ra cửa xe.

Con đường nhỏ, vắng vòng quanh chân ngọn đồi thấp. Lúa xanh non lẫn với màu cỏ trên sườn đồi. Nắng cuối ngày vàng cháy một vùng đỉnh đồi. Bầu trời ngang phía trên khu đài thiên văn óng ánh những vệt mây ngũ sắc. Máy xe kêu êm, nghe rõ tiếng chim hót trong những lùm cây bên đường. Có những buổi chiều, nắng và mây làm cảnh vật mà ta vốn quen thuộc trở nên đẹp như ở một xứ sở kỳ thú xa lạ chưa từng biết đến. Cho dù lẫn trong tiếng chim hót, có tiếng một người đàn bà đang đánh chửi con trong cái xóm nhỏ dưới chân đồi.

Phi mở cửa kính hít thở một hơi thật dài và sâu. Nó mỉm cười nghĩ, nếu nói với ông khách cảm tưởng của mình về buổi chiều hôm nay, chắc ông ta sẽ bảo rằng tài xế taxi không được phép lãng mạn. Nhưng đúng lúc ấy, ông khách nói với nó:

– Trên đỉnh đồi Chiêm Tinh này mọc toàn một loại cỏ tóc tiên rất dày và mềm... Ngày xưa... có một đôi trai gái bị cấm đoán trong tình yêu, đã đem nhau lên đấy. Họ yêu nhau hết mình suốt đêm trên cỏ, với sự chứng kiến của những vì sao. Toàn thân họ ướt đẫm sương đêm như được tắm trong hạnh phúc. Rồi, khi mặt trời mọc, họ nằm chĩa súng ngắn vào tim nhau. Người con trai kêu lên: "Anh – yêu – Em!" đồng thanh với người con gái: "Em – yêu – Anh!", như đếm "Một, Hai, Ba" rồi cùng nổ súng.

Phi cười to:

– Bố phịa tài thật! Nhưng ngày xưa làm gì có súng ngắn. Với lại, có ai ở bên hai người trước khi họ nổ súng mà biết câu chuyện?

– "Ngày xưa" là cái thời tao còn bé. Chuyện có thật. Mấy bà chị tao đã theo người ta lên đồi xem hai cái xác bị thủng ngực. Đôi ấy để lại một bức thư tuyệt mệnh. Còn các chi tiết, đám nhà báo hồi đó nghĩ thêm.

– Kinh khủng khiếp! Nhưng chuyện nghe được. – Phi nói và hình dung những con quạ đói khát bay trên hai cái xác rữa nát. – Bố đã nghe bài hát "Tình đồi Chiêm Tinh" chưa? – Và nó hát:

"... Tình hỡi... ơi là... tình ơi!...
Em đi để lạnh một trời...
Để tôi chết dưới cỏ đồi Chiêm Tinh..."

Ấy là bọn chúng con hát thế thôi chứ *em* đi đâu thì kệ xác *em,* tội quái gì phải chết dưới cỏ như một con giun đất. Mà hình như bố cũng là người vùng này?

Một lát sau, ông khách trầm giọng trả lời câu hỏi của Phi:

– Cả vùng này vốn là đất của ta! Lần này về quê, ta sẽ xin phép chính quyền được bỏ vốn đầu tư, xây dựng lại cơ ngơi để kinh doanh du lịch.

– Bố nói gì? Cả vùng đất này là của bố?!

– Không tin hả? Mày có nghe nói đến cụ Hàn Hoành – nhà tư sản phú gia địch quốc bao giờ chưa? Chưa à. Thế còn ông Cử Tung, tay chơi phá gia chi tử khét tiếng Bắc Kỳ thời xưa? Cũng chưa! Phải rồi, mày mới khoảng hai mươi tuổi, chỉ thuộc tên các danh thủ bóng đá và các ca sĩ nhạc Rock, Pop bây giờ. Phải cỡ ba chú mày trở lên

mới biết được. Cụ cố Hàn Hoành là ông nội ta, còn ông Cử Tung thì chính là bố đẻ của ta đấy, con ạ!

Phi há hốc miệng, không kịp tránh một ổ gà lớn.

– Mày có nhìn thấy cái đống đá đen đen trên sườn đồi kia không? Đó là phế tích của một tòa nhà ba tầng toàn bằng đá xanh do ông nội ta xây cất. Xưa kia, cây cối quanh đó um tùm nên ở dưới chân đồi không nhìn thấy tòa dinh thự ấy. Ngày trước, nơi đó là biệt thự nghỉ mát của nhà ta. Có lần, chính vua Bảo Đại đã cùng với một bà thứ phi trẻ đẹp đến thăm ông nội ta và nghỉ đêm tại đó. Còn dưới chân đồi, giáp mạn Thúy Sơn kia là trang ấp nhà ta, cơ ngơi thứ hai của bà nội ta. Ta được sinh ra ở đấy.

Cụ Hàn Hoành là một nhà tư sản nổi tiếng cỡ Bạch Thái Bưởi, Đại Phát, Cự Lẫm... Cụ chuyên nghề khai khoáng, từng hùn vốn với các tư bản người Pháp tại các mỏ than Quảng Yên, Vàng Danh; mỏ thiếc ở Tĩnh Túc. Một bãi đãi vàng đứng tên cụ ở Bồng Miêu. Phần lớn những tài sản ấy được ghi rõ trong văn tự là sẽ thuộc về cha con ta. Vì ba bà vợ cụ Hàn Hoành sinh được hơn mười người con, chỉ có mình cha ta là con trai. Cũng như trong số năm người con của hai bà vợ cha ta, chỉ có một con trai duy nhất là ta – cháu đích tôn của cụ Hàn Hoành, được thừa hưởng hầu hết gia tài của ông nội.

Phi trố mắt nhìn ông khách qua gương chiếu hậu. Bá tước Môngtơ Crixtô[1] đang ngồi trong xe của nó!

– Thế bố có còn giữ được trước bạ, giấy tờ gì về nhà đất hầm mỏ ngày xưa không? – Phi hỏi, ra vẻ thành thạo về chuyện bất động sản.

Ông khách thở dài:

– Còn giấy tờ quái gì nữa! Mày còn nhớ lúc nãy tao nói về ông Cử Tung ăn chơi khét tiếng Bắc Kỳ thời xưa? Chính là ông bố của ta. Ông học đỗ cử nhân luật, được ông nội ta mở cho một văn phòng ở Sài Gòn. Nhưng ngay vụ làm ăn đầu tiên, ông bị lừa, phải đền một món tiền kếch xù. Rồi ông chán, bỏ nghề, lao vào ăn chơi. Tất

---

1. Nhân vật giàu có hoang đường trong tiểu thuyết "Bá tước Môngtơ Crixtô" của nhà văn Pháp Alêcxandra Đuyma.

cả những sòng bạc lớn trên dải đất hình chữ S này đều có mặt cha ta với những *tiếng bạc* làm kinh hoàng giới đỏ đen. Ông còn dẫn đầu một đoàn con bạc viễn chinh sang Ai Lao, Cao Mên, Xiêm La[1] gây náo loạn những xứ ấy.

Nghe nói có lần vua Bảo Đại nghỉ ở tòa dinh thự vừa rồi, cha ta đã hầu ngài vài ván bài và đã cố ý thua nhà vua một số tiền lớn đến mức rất khó hình dung, để gây ấn tượng với bà thứ phi. Rồi sau đó, nhân khi nhà vua sang Pháp công cán, cha ta đã rủ được bà thứ phi đi du hí ở Hồng Kông. Chuyến du hí ấy, cha ta tiêu hết gấp đôi khoản tiền thua bạc nhà vua.

– Rồi sao nữa? Chuyện hay quá! Thế nào bố chả còn vài ngôi nhà ở mặt phố Cầu Đất, Cát Dài.

– Khi ông Cử Tung ném hết tài sản của cụ Hàn Hoành vào các chiếu bạc thì bắt đầu Cách mạng Tháng Tám. Ông nội ta đưa gia đình sang Tân Calêđôni. Ta lớn lên trên cái hòn đảo thuộc địa của Pháp đó. Ông nội ta rút ra bài học từ cha ta. Cụ quẳng thằng cháu đích tôn vào đời rất sớm. Ta nếm trải đủ mọi cực nhọc. Ta đã làm nghề đào huyệt, lau cửa kính, thông cống, gia sư, phu khuân vác... kiếm từng xu nhỏ, như ông nội ngày xưa. Ta học cách làm một đầy tớ trước khi làm ông chủ. Cho đến khi ông nội mất, thì ta đã có cổ phần đáng kể ở một trong những giếng dầu lớn của Irăng, hai đồn điền cà phê và một trại nuôi ngựa giống ở Úc.

Khi hấp hối, ông nội ta muốn ta trở về cố hương, nơi bắt đầu lập nghiệp của cụ, xây dựng lại cơ ngơi trên vùng đất cũ của gia đình, để vong linh cụ không còn hận vì những lầm lỗi của cha ta.

– Hèn nào trông bố có vẻ như mấy nhà tư bản Nhật, từ tay trắng đi lên!

Ông khách không để ý đến câu nói của Phi. Ông tỳ tay lên cửa kính xe, nhìn chiều đang sẫm dần, mơ màng:

– Suốt từ cầu Mây đến chân núi Tượng kia, gồm cả khu đồi Chiêm Tinh này và dọc tả ngạn sông Kinh Mạc là đất cũ của nhà ta. Lần này về nước, ta dự định sẽ xin đầu tư những làng mạc,

---

1. Tên gọi thời thuộc Pháp của nước Lào, Cămpuchia và Thái Lan.

trang ấp, đền đài miếu mạo, tu bổ các thắng cảnh trong vùng, khôi phục lại những tập quán đẹp đẽ, những thuần phong mỹ tục với những hội hè, đình đám, lễ tết, chợ búa... với những nghề làng, nghiệp nhà. Vùng đất này sẽ là một địa điểm du lịch hấp dẫn của Công ty Hàn Hoành – HANHOACO. Không, ta sẽ lập một *công-xooc-xi-om* gồm nhiều công ty con. Văn phòng của ta sẽ đặt ở đúng nơi ngôi biệt thự nghỉ mát trước kia, với kiến trúc cổ điển phương Tây, xây toàn bằng đá xanh, hệt như ngày xưa.

Phi đột ngột dận ga, cho xe tăng tốc độ và kêu lên phấn khích:

– Tuyệt quá! Bố! Bố cho con làm lái xe cho bố. Con sẽ học võ. Vùng này, đi về ban đêm, bố cần phải có một vệ sĩ.

– Được lắm! Văn phòng của ta sẽ cần đến rất nhiều người. Các chuyên gia về phong tục học, địa dư, thổ nhưỡng, dân tộc học. Các nhà văn hóa, sử gia, nghệ sĩ. Các nhà nông học, kỹ sư, bác sĩ, kiến trúc sư, họa sĩ... và cả giáo viên nữa. Con sẽ là lái xe, là vệ sĩ của ta. Rồi ta sẽ huấn luyện con thành thư ký riêng của ta. Sau này, ta sẽ cho con làm giám đốc một công ty nhánh trong công-xooc-xi-om của ta.

Ông khách nháy mắt với Phi một cách thân tình trong chiếc gương chiếu hậu. Phi tưởng chừng chiếc xe của nó bay trong đám mây màu hồng đang chuyển dần sang màu tím trên đỉnh đồi kia. Nó sẽ là cánh tay đắc lực của một ông chủ từng trải, dầy bản lĩnh. Nó sẽ là giám đốc của công ty quan trọng trong Tổng công ty Dịch vụ Du lịch Văn hóa.

– Bố! Bây giờ còn sớm, con đưa bố ra Đồ Sơn, uống bia với cua bể. Chắc là ở bên Tây hiếm thứ đó.

Ông khách mỉm cười:

– Để lần sau. Với lại bây giờ ta chỉ còn chút tiền Việt đủ trả tiền xe cho con. Hôm nay về quê, thấy họ hàng nhiều người khổ quá, ta đã vét đến đôla cuối cùng.

– Ồ, con đãi bố cơ mà. Còn tiền xe, bố cứ vô tư!

– Khá lắm, chơi đẹp đấy! Nhưng hãy học thằng Bờm; phải biết bằng lòng với nắm xôi nhỏ ngay trước mặt. Để lần gặp sau, chính ta sẽ đãi con.

Phi muốn phản bác rằng "Bờm là kẻ thiển cận, thực dụng, một gã theo chủ nghĩa hiện sinh". Nhưng nó im lặng, vì nó rất thán phục ông khách trải đời và đã thành đạt kia. Phi dừng xe ở quảng trường Nhà Hát lớn thành phố. Ông khách trả tiền xe theo đồng hồ và bảo:

– Nhớ học thêm nhiều thứ nữa và phải biết chịu đựng, con ạ! – Ông gọi xích lô, ngồi lên xe với bao tải sắn, giơ tay chào Phi.

– Cám ơn bố! Hẹn gặp lại bố! – Phi hét lên với theo ông khách.

*

Gần nửa năm sau.

Phi vẫn còn nhớ lời ông khách đặc biệt. Nhưng nó không làm được cái điều quan trọng là phải biết chịu đựng. Vì thế nó đã bị đuổi việc ở hãng taxi. Nó mong đợi cái công ty cứu tinh mang tên cụ Hàn Hoành xuất hiện.

Chiều nay Phi lang thang trên phố, đi tìm một sự may mắn. Nó mua một tờ báo như thường ngày. Số tiền còn lại đủ một cốc bia cỏ. Nhưng, ở trang quảng cáo, hàng chữ HANHOA – CONSORTIUM in đậm nét như tiếng gọi thân ái của một người quen cũ! Không cần đọc những dòng chữ phía dưới, Phi nhảy vội lên chiếc xích lô đang chờ khách dưới bóng rợp một cây phượng vĩ.

Phi đọc địa chỉ ghi trên báo cho ông xích lô, mắt vẫn không rời cái tên HANHOA – CONSORTIUM. Chiếc xe chạy trên mặt đường bóng nhựa khiến những dòng chữ nhỏ phía dưới nhảy nhót, làm nó không sao đọc nổi.

Cái điều tốt đẹp mà Phi chờ đợi đã đến.

*

– À, anh bạn cũ! Hay lắm, chiếc FERARI của ta đang đợi con. Xe của ta không bóng bẩy, nhưng máy móc cực tốt, ngang với xe cảnh sát. Con đã chuẩn bị làm việc với ta rồi chứ?

– Con có thể làm việc cho bố ngay từ lúc này. Vì con đã bị đuổi việc!

– Tại sao?

– Gã đội trưởng đội xe nghi ngờ con bớt xén xăng dầu và thay đổi phụ tùng xe. Con không bao giờ thèm làm chuyện đó. Con đã cho hắn vỡ quai hàm bằng một cú gót giày đúng lý thuyết. Nhân tiện con xin thưa với bố là ngay sau khi chia tay bố, con đã nhập môn một võ đường nhu đạo và đã được xếp hạng đai đen. Con cũng đã bổ túc thêm tiếng Anh thương mại, học cấp tốc chương trình com-piu-tơ về quản lý doanh nghiệp. Bố có thể yên tâm về con.

– Khá lắm! Ta rất hài lòng. Ngay ngày mai, con đi làm. Tạm thời con lái xe và làm vệ sĩ cho ta. Lương khởi điểm 500USD. Sau này, tùy theo công việc ta sẽ tăng thêm cho con. Rồi đây khi có đủ điều kiện, ta sẽ giao cho con Công ty Vận tải trong Tổng công ty của ta.

– Bố cứ thử thách. Con có thể chưa lĩnh lương trong thời gian tập sự.

– Rất có bản lĩnh! Nhưng cũng cần phải ăn. Vậy ta tạm trả cho con 300USD mỗi tháng trong ba tháng đầu. OK?

*

Phi hình dung cuộc gặp lại ông khách đã đi xe của nó như vậy.

Xe chưa dừng hẳn trước cổng văn phòng Tổng công ty HANHOA ở một phố vắng, Phi đã vội nhảy xuống. Đi được mấy bước, nó sực nhớ chưa trả tiền xích lô và cũng không còn đủ tiền để trả. Phi tháo chiếc đồng hồ điện tử đặt lên tấm gỗ nắp hộp xe, nói nhanh:

– Bác cầm tạm, lát nữa cho cháu về nhà, cháu sẽ không để bác thiệt.

– Cậu đến đây tìm người quen à?

– Không, cháu đến xin việc làm, theo thông báo này. – Phi giở tờ báo.

– Hôm qua tôi đưa một ông thày lang già đến đây. Ông ấy đọc thông báo trên cổng kia rồi về. Đây là đại diện hãng buôn dược liệu Đông y, liên doanh giữa Hàn Quốc với tỉnh Hòa Bình, nên mới có tên là HANHOA.

Phi thót người, cúi đọc kỹ cái thông báo:

"Cần một thày thuốc Đông y giỏi, đã hành nghề từ mười lăm năm trở lên, biết giám định chất lượng dược liệu, thông thạo Hàn ngữ".

Nếu muốn vào làm ở đây, nó phải được sinh ra cách đây nửa thế kỷ trong một gia đình thày lang người Hàn Quốc.

– Thôi được! Cậu cứ lên xe, chuyện tính sau.

Phi lập cập lên xe như một người già yếu. Nhưng tuổi trẻ đã giúp nó qua được cơn thất vọng. Công ty Hàn Hoành chưa thành lập. Nó vẫn có thể tiếp tục đợi.

Chiếc xích lô dừng bên một quán bia hơi rất đông khách ở góc vườn hoa.

– Cái đồng hồ "cọp" của cậu đủ chầu bia giải xúi!

Phi bật cười, hưởng ứng ý kiến của ông xích lô kỳ cục. Nó theo ông ta vào quán bia, ngồi dưới một gốc cây trụi lá. Ông bỏ chiếc mũ vải vẫn đội sùm sụp che kín nửa mặt, chạm cốc với Phi. Lúc này Phi mới để ý đến người đạp xích lô. Nó trố mắt nhìn: Khuôn mặt rám nắng, rất đàn ông với bộ râu quai nón tuyệt đẹp, trông như một nhà quý tộc cổ điển Ấn Độ. Không thể ai khác được. Chính là ông khách đã đi taxi của nó! Ông ta chùi bọt bia trên đám râu ria quanh miệng, nháy mắt cười với Phi, nụ cười trong chiếc gương chiếu hậu ngày trước:

– Ta đùa một chút cho vui, chứ không lừa dối con. Ta đã từng khốn khổ vì tự huyễn hoặc mình bằng những ảo tưởng. Bây giờ ta đổi nghề và cảm thấy sống dễ chịu hơn. Đồng hồ của con đây, đeo vào. Như đã hẹn lần trước, ta đãi con vại bia, cả cuốc xe nữa. Tạm biệt!

Phi ngây người, không biết nên buồn hay nên vui.

Khi nó tỉnh thì ông xích lô đã đi rồi. Không, không thể như thế được! Đúng ông ấy là cháu đích tôn của cụ Hàn Hoành – nhà tư sản *phú gia địch quốc,* là con trai ông Cử Tung *phá gia chi tử,* ăn chơi khét tiếng Bắc kỳ ngày xưa!...

Hải Phòng 1997

TRẦN THÙY MAI
(Sinh 1954)

Chị sinh tại Hội An – Quảng Nam. Nhưng quê gốc của chị là Thừa Thiên Huế.

Vốn là học sinh trường Đồng Khánh – Huế, chị đi vào sư phạm và tốt nghiệp Đại học Sư phạm Huế năm 1976.

Từ năm 1975 – Trần Thùy Mai đã xuất hiện trên báo Văn nghệ Hội Nhà văn Việt Nam với những truyện ngắn mang đậm chất trữ tình.

Tác phẩm chính: Bài thơ vì biển khơi (tập truyện ngắn, 1983; Cô hát (tập truyện ngắn, 1984); Thị trấn hoa quì vàng (tập truyện ngắn, 1994); Trò chơi cấm (tập truyện ngắn, 1989).

*

CÁNH CỬA THỨ CHÍN

(truyện ngắn)

Nghề nghiệp của anh buộc anh phải đi rất nhiều nơi, còn cuộc sống của tôi lại luôn ở đây: những ngày rất dài trong khu vườn lặng lẽ.

Một ngày, một giờ, một khoảnh khắc nào đó, đột nhiên hai cuộc đời riêng rẽ bỗng đi chéo qua nhau. Đó là một ngày cuối năm, ngày khởi đầu của tiết lập xuân. Anh gọi điện nhầm đến nhà tôi. Mặc dù biết đã nhầm, anh không gác máy. Và chúng tôi nhận ra nhau.

Sau đó ít lâu, chồng tôi bảo: "Bệnh của Quyên dạo này khỏi rồi sao?" Tôi chỉ cười lặng lẽ. Chứng thống kinh hành hạ tôi hơn hai năm nay. Những cơn đau khiến cơ thể tôi lạnh giá. Sau nhiều tễ thuốc đắng không chút kết quả, ông lang già cuối cùng đã khuyên tôi tìm tới sự tập luyện của tâm linh.

Buthayoga, đó là thứ nghệ thuật làm nóng cơ thể từ sự khởi động của cái tầm thường bị vùi sâu che khuất. Trong bốn bức tường rêu này tôi có đủ thời gian và sự tĩnh lặng để làm việc đó. Nhưng linh hồn tôi không tĩnh. Tôi không phải là đạo sĩ. Tôi chỉ là một người đàn bà.

Giờ đây, tôi dần dần ra khỏi cơn đau. Nhờ một sự tình cờ. Một giọng nói. Đó là anh.

Có lần nào đó, tình cờ anh nhắc đến ngày lập xuân ấy. "Quyên có biết vì sao anh không gác máy không? Vì bỗng nhiên anh nghe trong giọng nói tưởng như bình thường của em một điều gì đấy, giống như tiếng kêu cứu của một người tù".

Còn tôi, ngược lại. Từ giọng nói anh tôi thấy màu xanh và những đám mây. Sau này tôi mới nhớ ra, đó là cảm giác khi thấy đường chân trời. Tôi đã có cảm giác ấy một lần, thuở còn bé, khi về thăm quê ngoại.

"Alô, Quyên đấy hả? Này, có phải em thường nghe người ta tả mặt trời mọc trên biển không? Vậy mà bây giờ anh đang nhìn thấy mặt trời lặn trên biển".

"Sao thế? Vậy là mặt trời lặn ở phía đông?".

"Không... – Anh cười như thể đang nhìn thấy vẻ mặt ngơ ngác của tôi. – Chỉ vì hôm nay anh đang ở Hà Tiên. Nơi đây biển ở phía tây đất liền, thế thôi". Trong tiếng anh cười, như có tiếng sóng biển, có ánh hoàng hôn cháy rực trên sóng và phản quang của một vùng đất xa rất xa – Nơi tôi chưa từng thấy bao giờ. Tôi có thể thấy gì, ngoài khu vườn nhỏ bị che kín. Nhưng ở đây, mặt trời, biển và sóng đang hiện ra trong bốn bức tường của tôi. *Tôi đi bên anh, trên bờ cát. Nắng buổi chiều rất tươi đổ bóng chúng tôi trên những lằn sóng mịn. Rồi cả hai cùng ngồi trên chiếc thuyền con, rẽ sóng về phía hòn Phụ Tử. Tóc tôi bay rối tung, trong khi anh chỉ cho tôi những hòn núi đá nhấp nhô trong vịnh Thái Lan. Tất cả đều nhuốm màu mặt trời chiều, mặt trời đỏ au đang từ từ lặn sâu vào sóng biển.*

Ngoài cổng, Hòa đã về. Tôi ra mở cửa cho chồng. Chiếc Chaly trắng nổ máy xành xạch. Như mọi lần đi làm về, Hòa hỏi, giọng bình thản:

– Ở nhà có việc gì không?

Cũng như mọi lần tôi trả lời:

– Không, chẳng có việc gì.

Tôi lấy nước cho Hòa rồi vào bếp sửa soạn bữa cơm. Hòa thả người xuống xích đu đọc báo. Làm sao Hòa biết, tôi vừa từ vịnh Thái

Lan trở về, và giờ này trong tâm trí tôi vẫn chói rực một mặt trời trên biển tây.

Anh là người đầu tiên giúp tôi biết người ta có thể sử dụng điện thoại để san sẻ cuộc sống với nhau, chứ không phải chỉ để trao đổi những thông tin ngắn gọn. "Hôm nay Quyên có gì vui không?". Tôi cố lục tìm trong ngày dài của mình một điểm sáng nào đó. Những cuộn len. Những tấm áo đan dở. Sự mưu sinh tủn mủn..." A, nhớ ra rồi, trước nhà em có một cái ao, sáng nay có một bông súng hồng vừa nở". "Hôm nay, người hàng xóm đến cho một con mèo màu lam đẹp lắm. Anh có tin có một con mèo màu lam không?" Có hôm anh gọi cho tôi đúng vào lúc tôi nấu xong bữa ăn chiều. "Quyên vừa nấu những gì, nói cho anh biết, cho anh thèm". Tôi kể cho anh nghe: canh mít non nấu tôm, cá bống kho tiêu, rau muống luộc... Anh hít hà trong điện thoại. Tôi rủ: "Đến đây ăn cơm" "Ừ, nhớ để phần anh nghe"...

Dần dần tôi bắt đầu tập cách thổ lộ những gì đã nén quá sâu trong tâm trí, điều trước đây tôi chưa hề quen. Tôi nói với anh về thời thơ ấu, khi mẹ đã bỏ đi và cha tôi đùm bọc đàn con trong một tình thương mà tôi linh cảm có lẫn lộn cả oán thù. Mỗi lần có lỗi, tôi bị đánh mà không được khóc. Giờ đây trước những nỗi đau, tôi đã quen với lối khóc không trào lệ. Tôi đã câm nín như thế cả vào ngày đứa con trai lên mười được người em chồng đưa về San Diego làm con nuôi. Tôi ôm con vào ngực trước khi trao cho Hòa, bây giờ ngực tôi còn mãi hơi ấm nóng của đứa trẻ, khiến những phần còn lại của cơ thể tôi mãi mãi lạnh giá.

Chồng tôi thỏa mãn. Một căn nhà hương hỏa, một công việc ổn định, một người vợ hiền, một đứa con trai may mắn được đỡ đầu và chắc chắn sẽ thành đạt. Hòa bảo tôi: "Vợ chồng mình sẽ sinh thêm đứa nữa". Nhưng tôi không sinh nở. Chứng thống kinh hành hạ tôi. Mỗi tháng một lần, cơn đau bắt tôi cắn răng, không rên rỉ. Mỗi lần ngồi tập môn Buthayoga, tôi thành khẩn nguyện cho mình khỏi bệnh. Những ngón tay, theo đà thúc đẩy của một thứ ký ức siêu nhiên nào đó cứ xoa mãi trên bụng, trên thắt lưng tôi. Nhưng cánh cửa tâm linh không hề mở. Những ngón tay chịu không chạm nổi vào những vùng khuất lấp trong tôi.

Nhưng bây giờ, trong bốn bức tường rêu đã có cả biển trời. Những con đau đã dịu xuống. Đã dứt.

"Alô, Quyên đó hả? Hôm nay có gì vui?". "Hôm nay là ngày rằm, người ta gánh hoa sen đến bán. Quyên mua hai bó hoa vừa trắng vừa hồng. Mua hạt sen để trưa nay nấu cháo chay". "Ngày rằm. Quyên ăn chay, còn anh đang ở trong rừng Xuyên Mộc. Người ta làm thịt rừng chiêu đãi, giết hai con nhím, một con cheo". "Ghê quá". "Ừ, lúc nãy sắp bị giết con cheo cứ ứa nước mắt. Nhìn thấy thương quá, không ăn được miếng nào. Thôi Quyên hãy tới đây đi. Ở đây có một dòng suối nước nóng, ngâm chân xuống thì uống bao nhiêu rượu cũng không say. Anh sẽ chỉ cho Quyên cây dầu lớn, có hoa rụng trắng xóa cả bãi cỏ". Tôi cùng anh lang thang trên bãi hoa dầu trắng phau, rồi đi ra suối Bang mắc võng trên dòng nước. Tiếng suối chảy lúc trong vắt lúc trầm đục đủ cung bậc. Trên đầu tôi, trời cao và xanh bao la.

"Quyên ơi, em đã đến đây thì cũng có thể bay lên trời với anh được". Chợt tôi thấy mình vút lên giữa trời xanh. Tôi thấy anh ở bên tôi. Chúng tôi đang bay lên, và đang lơ lửng trước vực thẳm.

*

Đó là ngày anh không chịu dừng lại ở tưởng tượng để chỉ đòi ăn canh mít non và cá bống kho tiêu qua đường dây điện thoại. Anh nói với tôi huyền thoại về chín cánh cửa. "Ngày xưa có người lạc vào sơn động và kết duyên với chúa Tiên. Một hôm chúa Tiên đi chầu Trời, giao cho chàng ta một xâu chín chiếc chìa khóa và dặn chàng mở cửa nào tùy thích, chỉ trừ cánh cửa thứ chín. Trong tám ngày chàng đã lần lượt mở tám cửa, mỗi khung cửa dẫn vào một cảnh giới tuyệt vời như trên thiên đường... chỉ còn cánh cửa thứ chín, chàng trai tự nhủ mình không được mở ra. Nhưng...".

Cánh cửa thứ chín. Cánh cửa biết mở ra là tai họa mà mọi người cuối cùng đều đã mở. "Quyên ơi, Quyên hiểu anh muốn nói gì không?" "Em hiểu. Em thấy sợ".

"Tại sao?" Tôi không biết làm sao giải thích nỗi sợ hãi của mình. Dường như đã đến lúc tôi có thể nhận diện thứ tình cảm trong

lòng mình: Đấy chính là tình yêu đang mỗi lúc lớn lên, và tôi linh cảm cuộc đời tôi sẽ sụp đổ dưới sức nặng của tình yêu ấy.

Một ngày cuối hè, anh lại đi qua phố cổ. Anh muốn gặp tôi. Tôi ấp úng, cố gắng diễn tả cho anh biết rằng người ta thường khuyên đừng đùa với lửa. Đùa với lửa, sẽ bỏng tay, và tôi tự biết mình không chịu nỗi nót xa.

Nhưng anh hứa không làm tôi bỏng. Không phải những hồi chuông điện thoại làm rối tâm tư tôi. Làm rối linh hồn tôi, chính là nỗi khát khao được nhìn thấy, dù trong một phút, cuộc đời bao la mà trước đây tôi mới chỉ nhìn trong tưởng tượng.

Chín giờ tối đúng vào đêm hạ chí cuối cùng, tôi ra khỏi nhà, qua cánh cổng gỗ cũ xưa, rồi đi men theo bờ hồ trước mặt. Hoa sen cuối mùa lan tỏa mùi thơm trong ánh trăng. Anh đang chờ tôi bên kia hồ, dưới gốc cây xà cừ. Bóng đêm lẫn bóng trăng bao trùm thân thể tôi. Hai chân run run, tôi lúng túng, hoảng hốt, cảm thấy thất thố vì đã đến một nơi quá bất lợi cho mình. Nhưng ngay lúc ấy tôi cũng không kiềm chế được mong muốn lao sâu vào khám phá một thế giới – Anh, anh cũng là một thế giới.

Anh bước lại bên tôi, hay tôi đang chạy đến với anh, tôi không biết nữa. Rồi tôi cảm thấy tay anh, mắt anh, môi anh, tất cả rất giản dị, rõ nét và rất giống hình ảnh anh trong trí tưởng tượng của tôi.

Anh rất ấm, và rất dịu dàng.

Đúng như lời hứa, anh đã không làm tôi bỏng.

Tôi không bỏng. Tôi cháy.

*

Lúc tôi trở về nhà, cánh cổng nặng khép hờ rên rỉ dưới tay tôi. Hoa đã ngủ say, tờ báo rơi trên ngực. Suốt đêm tôi như đang nằm duỗi trong một đám sương mù, lâng lâng, êm ái. Cũng trong đêm ấy, ước mơ được rực cháy suốt quãng đời còn lại chợt như một ám ảnh điên rồ thiêu đốt tâm trí tôi.

Trời mờ sáng, tôi ra sân, đi lảo đảo như người mộng du. Vượt qua cánh cổng, vượt qua cây xà cừ, vượt qua con đường sương trắng, tôi như người điên đập cửa căn phòng lạ.

Người đàn ông của tôi hiện ra trước mặt.

Trong lúc đi trên đường, bên tai tôi cứ lùng bùng những điều định nói cùng anh. Tôi sẽ nói rằng tôi không thể tiếp tục sống trong bốn bức tường lạnh lẽo. Tôi sẽ nói muốn cùng anh đi vớt mặt trời trên biển tây. Tôi sẽ chịu bỏng, chịu cháy, để được đau đớn, được yêu thương. Tôi muốn chịu đựng mọi thứ trên đời, ngoại trừ sự tẻ lạnh.

Nhưng lúc này, dưới ánh sáng quá rõ của ban ngày, anh hiện ra rất xa lạ với hình ảnh trong bóng trăng. Một người đàn ông đến từ một cõi đời khác. Tôi thấy mình đứng trên hành lang, trước người đàn ông này một cách vô lý, ngớ ngẩn và trơ tráo. Kêu lên một tiếng, tôi đâm đầu chạy ra đường. Có tiếng xe đâu đó thắng gấp...

Không hiểu sao lúc đó tôi không biết sợ. Mãi đến lúc ngồi trên xích lô qua đường phố dài, cả người tôi mới bắt đầu run lên, cơn run rẩy không cưỡng được của người suýt chết.

Hòa đang cho chim ăn trước hiên nhà. "Em đi đâu sớm thế?" Giọng Hòa bình thản như mọi câu nói vào mọi giờ, mọi ngày khác. Tôi gắng gượng thốt lên một lời nói dối qua loa rồi bước vào nhà.

"Sáng nay anh đi làm sớm, em cho anh ăn mì với hai quả trứng". Hòa bảo, không ngoái lại. "Vâng, bánh mì với hai quả trứng". Tôi vào bếp với đôi chân chưa hết run. Hòa không biết nấu ăn cũng không hề có thói quen ăn tiệm. Anh không thể nào xoay xở được nếu không có tôi. "Ngày mai là ngày hiệp kỵ, nhớ chuẩn bị đồ lễ đưa sang từ đường". "Vâng, em nhớ". Tôi trả lời, những câu trả lời như tiếng vang không âm sắc.

Khi chiếc xe Chaly trắng xành xạch đi rồi, tôi để rơi mình xuống ghế. Cơn đau chợt quặn thắt, mồ hôi rịn ra ướt cả hai tay tôi.

Một hồi chuông reo.

"Quyên ơi em nghe đây: một người tù hèn nhát thì sẽ mãi mãi là một người tù".

Tôi không dám nghe. Tay tôi run rẩy tháo rời dây điện thoại. Anh đã nói đúng, nhưng rất có thể chính anh cũng có bốn bức tường,

hai cánh cổng ở đâu đó, và dù đi khắp nơi trên thế gian anh cũng không ra khỏi những thành trì, như tôi...

Cả tuần sau, máy điện thoại tắt ngấm. Tôi hiểu thế nào là sự trống rỗng của lặng im. Căn phòng lạnh, yên lặng đè lên tim tôi như một khối nặng trịch vô hình. Sự yên lặng khắc khoải, đau nhói âm thầm trong lúc đi, đứng, nói cười, cố sống cuộc đời thường.

Vẫn biết chân trời là nơi không đến được, nhưng dù sao tôi cũng phải có một chân trời.

Đến ngày thứ tám, tôi nối lại đường dây. Nhưng chiếc máy không hoạt động nữa. Chồng tôi đã trả số thuê bao. "Anh thấy nó chẳng có lợi lộc gì mà nhiều khi lại thêm mất ngủ. Chưa bao giờ anh thấy khỏe như tuần qua, khi máy hư". Tôi lặng lẽ nhìn chồng với đôi mắt của người chết đuối. Cơn đau hành hạ tôi. Tôi âm thầm chịu, không rên rỉ.

Đêm ấy tôi nằm mơ thấy một con nai trúng tên, nằm khắc khoải chờ chết trong một xó rừng.

Sáng sớm hôm sau, trong lúc tập Buthayoga, hai tay tôi chợt rời thắt lưng, tự hướng về phía đầu, xoa mãi vào huyệt bách hội. Chợt như có dòng nước lũ xoáy mạnh làm vỡ cả con đập chắn ngang. Hoàn toàn không ngờ trước, tôi bỗng òa ra khóc, khóc tức tưởi, không sao cưỡng được. Những giọt lệ trào ra từ khóe mắt, những cơn rền rĩ thoát ra lồng ngực. Tôi khóc to, khóc thảm thiết, một thứ khóc vô thức kỳ lạ, giữa lúc tâm trí phiêu bồng như đang chìm giữa sương mù.

Cơn khóc dừng khi tôi chìm vào giấc ngủ mê. Khi tỉnh dậy, tôi biết môn Buthayoga lần đầu tiên đã chạm đến điều gì đó trong linh hồn tôi.

Chứng thống kinh của tôi đã dứt.

Những hồi chuông điện thoại đã tắt. Không còn mây trời, biển và rừng trong bốn bức tường xây kín. Không còn gì nữa, và tôi cũng không còn đợi.

Tôi cam tâm dừng mình lại trong hai cánh cổng: Cánh cửa thứ chín của mỗi đời người.

Tối hôm sau, trong bữa ăn, chồng tôi bảo:

– Sáng hôm qua mình tập cái món dưỡng sinh quỷ quái gì mà cứ rền rỉ y như có ai chết không bằng.

Tôi lặng yên. Làm sao nói cho Hòa hiểu được, một thế giới vừa bị lấp vùi. Tôi đã tự chôn mình cùng với thế giới ấy, và giờ đây tôi đang khóc tôi.

27-7-97

*

THƯƠNG NHỚ HOÀNG LAN

(truyện ngắn)

Tôi sinh ra dưới một mái chùa. Nghe kể rằng sư phụ tôi khi ấy còn trẻ, một hôm đi ngang bỗng động tâm hỏi: "Mô Phật, sao sau chùa lại phơi tã lót?". Nghe chuyện đời cha tôi, thầy bảo: "Hãy nhớ ngày này. Nếu có cơ duyên, mười năm sau ta sẽ trở lại". Trở về thầy bỏ tăng viện, lên một ngọn núi hẻo lánh trong rú xa, dựng mấy nếp nhà cổ. Từ ấy, thầy ẩn tu, hiếm khi xuống núi.

Lớn lên, tôi giống cha như đúc và rất được mẹ yêu chiều. Cha tôi mắt sáng, mũi cao, tiếng nói trầm ấm, tính tình hiền hòa trung thực. Khi còn là một chú tiểu đầu để chỏm, người đã nổi tiếng thông minh, mười lăm tuổi chép rành kinh chữ Hán. Rồi vì học giỏi, được cử làm giáo sư ở trường Trung học Bồ Đề, một trường phổ thông tư thục của Giáo hội. Lúc người sắp được phong Đại Đức thì gặp cô bé nữ sinh tinh nghịch, có đôi mắt hút hồn, đôi môi đầy đam mê và cái tính thích gì thì làm cho bằng được. Ban đầu, cô bé chỉ định quấy phá chơi để thử bản lĩnh của thầy. Nhưng rồi tình yêu là lửa, chính người muốn đốt lại cháy. Cả chùa ngẩn ngơ khi người thanh niên đạo hạnh vòng tay thưa trước sư phụ trụ trì "Yến bệnh nặng đã bốn tháng rồi, sợ rằng cô ấy chết. Thầy dạy con tu hành để cứu chúng sinh. Nay con có thể cứu một sinh linh, sao lại khước từ". Cha tôi rời chùa, cô Yến khỏi bệnh rồi hai người thành vợ thành chồng. Ông bà tôi để lại một ngôi nhà, cha tôi cho dỡ đi, xây vào chỗ đó một ngôi chùa tư. Đã không bỏ đời theo đạo được, thì ông

đem đạo về giữa đời. Sau khi đã có con, ông vẫn ăn chay, mặc áo nâu và tụng kinh sớm chiều. Có lần mẹ tôi đi chợ mua một xâu ếch, những con ếch theo phản xạ cứ chắp hai chân trước vái lia lịa. Một bà đi ngang bảo mẹ tôi "Mấy con ếch lạy khéo không thua thầy M.H". Rồi bà cười ha hả "Đi tu mà chẳng chót đời, làm thân con ếch cho người lột da". Tính mẹ tôi mau nước mắt, cứ vừa đi vừa khóc thút thít cho đến lúc tới nhà. Tối đó bà kèo nhèo mãi, năn nỉ mãi cha tôi tội gì không để tóc, ngả mặn, làm người trần cho sướng cái thân. Tu kiểu này, người ta nói không chịu nổi. Cha tôi chỉ cười, dường như chẳng để tâm. Cả đời người không tranh giành với ai mà như có phép thần thông, chạm vào đâu thì phất lên đến đó. Cơ sở làm hương trầm của người càng phát triển, mẹ tôi càng béo đẹp ra thì lời đàm tiếu của thiên hạ càng rần rần. Cuối cùng, chẳng hiểu vì sao, mẹ bỗng đột ngột bỏ đi mất tăm...

Cô ruột tôi giận lắm bảo: "Mẹ mi là con yêu tinh, khi trước đã phá đời tu của cha mi, chừ lại phá luôn đời tục của ổng". Ai cũng khuyên đăng báo tìm, nhưng cha tôi chỉ nói "Đừng". Ông không trách móc gì, nhưng có lẽ ông buồn, tiếng tụng kinh đêm khuya nghe chừng khắc khoải. Chao ôi, với những con thuyền khắc khoải ấy, kiếp nào cha mới đến Tây Phương?

Cơ sở làm hương từ đó phó mặc cho cô tôi. Cô tôi cho chặt cây, nhổ cỏ, sửa sang lại cho khu vườn sáng sủa: "Thiệt là hư sự, ai đời lập chùa mà lại trồng hoàng lan trong sân. Mùi hoàng lan là mùi ma, hèn chi ma chướng nó phá cho như thế ni".

Tôi dân dấn nước mắt nhìn người ta chặt cây hoàng lan, cành lá vứt bừa bãi trên mặt đất. Ngày xưa, gội đầu xong mẹ tôi thường hái hoa giấu vào bối tóc cho thơm. Bây giờ người đã đi, hoa cũng không còn...

Năm tôi mười tuổi, có vị Đại Đức trên núi về thuyết pháp ở chùa Diệu Dế. Tôi đi theo cô tôi đến nghe. Khi trở về tôi xin xuất gia. Cha tôi bảo: "Kinh sách ở đây, chuông mõ ở đây, con còn đi đâu?". Tôi chỉ lắc đầu...

Nơi thầy tôi ẩn tu là Bích Vân am – am Mây Biếc. Mười năm khai sơn, thầy đã cùng đồ đệ trồng hơn hai chục mẫu bạch đàn và ba ngàn giò phong lan đủ loại. Các sư huynh dạy tôi chăm hoa, tưới

cây mỗi sáng. Buổi chiều đi học ở trường Nam Giao. Năm mười lăm tuổi, tôi bắt đầu chướng tính. Sư huynh hạch tôi: "Bạch thầy, Đăng Ninh trốn học, la cà ở quán cà phê Tím. Người quanh đó ai cũng chê cười, họ nói cô ruột Ninh làm hương giàu có, cúng dường nhiều tiền nên thầy thả cho Ninh tha hồ tự tung tự tác". Tôi ức, lầm lì không nói, thầy cũng không quở. Tính thầy rất nghiêm, không mấy khi la rầy mà đồ đệ ai nấy tuân lời răm rắp. Chỉ riêng với tôi, không hiểu sao thầy đặc biệt khoan thứ. Sợ thầy phạt, đợi lúc sắp vào tụng kinh, tôi biện bạch: "Bạch thầy, ngày xưa cha con thường bảo: tu trên núi, tu giữa chợ mới là khó. Không ở giữa đời làm sao hiểu đời đục mà tránh?". Thầy hỏi: "Ai bảo con là đời đục? Đời không đục, không trong". Tôi hụt hẫng, không hiểu ý thầy định nói gì?

Tu trên non bây giờ thật ra cũng không phải dễ. Thầy tôi tránh đời vào núi sâu, nhưng rồi vườn lan Mây Biếc nổi tiếng quá nên người trần lại kéo lên thưởng ngoạn. Thứ bảy, chủ nhật, học trò đạp xe lác đác trắng trên con đường mòn tới thảo am. Mấy cô nữ sinh nhỏ tuổi mê hoa ngẩn ngơ ngắm bông súng tím trong hồ, chạy vào đến tận hiên, chỗ thầy ngồi viết sách. Thầy không quở, cũng không ngẩng lên nhìn. Một cô bé chạy đến gần tôi, nhìn làn sương li ti mà tôi đang xịt lên những chồi đang đơm nụ. Cô hỏi tôi tên hoa, tôi giảng "Đây là giống Tiểu Hồ điệp, nghĩa là bươm bướm nhỏ. Em thấy không, trông xa chấp chới như đàn bướm cải màu vàng". Cô chìa hai bàn tay với những ngón búp măng, hứng sương. Tôi cau mày: "Này, đừng nghịch". Cô bé cứ đùa với những bụi nước, chẳng để ý lời tôi. "Anh cứ tưới đi, em cũng là Lan". Tôi cáu, xịt cho nước rơi ướt cả tóc, cả áo cô bé. Mấy cô bạn cười rúc rích, khi về có cô còn nói vọng lại "Con Lan hên quá, gặp chú tiểu vừa đẹp trai, vừa quậy". Tôi tủm tỉm cười. Sư huynh tôi cáu kỉnh: "Mấy con Thị Màu đời nay quá quắt lắm. Bay không biết quyến rũ sư tăng là tội đọa địa ngục hử?". Tôi cự: "Người ta chỉ đùa thế, có gì mà gọi là quyến rũ".

Từ đó, vài ba hôm một lần, Lan lại đến giúp tôi tưới hoa. Tôi dạy cho cô biết về phong lan, đấy là cả một thế giới còn đa dạng hơn thế giới người. Phượng Vĩ đỏ rực, Tuyết Điểm thì trắng, Vũ Nữ thì như đang múa trước gió. Lan phụng phịu: "Hoa nào cũng có tên riêng, chỉ em không có". Tôi nhìn khuôn mặt cô, đôi mắt trong trẻo

với cái miệng cười hồn nhiên như trẻ thơ. "Vậy tôi đặt cho cô một cái tên. Tên cô là Tinh Khôi".

Thầy biết tình thân giữa tôi và Lan. Sư huynh không vui lòng, thầy chỉ bảo: "Không can gì". "Bạch thầy, người này có bạn thì người kia có bạn, rồi con gái kéo đến đầy thảo am, còn cái thể thống gì nữa?". Thầy gật đầu. Chiều lại, tôi mài mực hầu thầy, thầy đem cho tôi xem bộ tranh mười bức vẽ mục đồng chăn trâu. "Đây là thập mục ngưu đồ, cũng là quá trình tu học của một con người. Trâu không là trâu, mà chính là cái tâm ta đó". Tôi động lòng, hỏi: "Bạch thầy, con xem bức vẽ cuối cùng, không còn trâu chẳng còn người, chỉ còn trăng soi. Vậy có gì phải sống trong dây trói. Ngày xưa Tuệ Trung Thượng Sĩ là bậc ngộ đạo mà không kiêng rượu thịt, vì chay mặn chỉ là hình tướng bên ngoài, không can hệ đến sự giác ngộ bên trong". Thầy cười: "Đúng, con ạ, với bậc đắc đạo là thế. Nhưng khi ta còn là một người phàm, thì cũng như con trâu kia, phải có sợi dây buộc, có người chăn dắt. Đến khi cái tâm vững rồi, sáng rồi mới có thể như trâu đen thành trâu trắng, không ràng không buộc, chẳng những nhởn nhơ trên cỏ xanh mà còn bay lên đến chín tầng mây". Tôi vái thầy mà thưa: "Con hiểu rồi, nhưng nhà chùa chẳng thể xua đuổi ai. Từ mai con xin thôi không giữ vườn lan nữa".

Mấy hôm sau, Lan thấy sư huynh ra tưới vườn, còn tôi thì chẻ củi. "Anh không thích phong lan nữa sao?". "Không. Muôn hồng nghìn tía, chẳng qua cũng chỉ để nhìn trong chốc lát. Một đời tôi chỉ riêng nhớ hoa hoàng lan". Tôi giảng cho cô bé biết hoa hoàng lan cánh mảnh mai, vàng như màu chim hoàng yến. Thuở trước, cứ sắp rằm, mồng một, các bà hàng hoa lại đến mua, họ gói hoa trong lá chuối, từng gói nhỏ xinh xinh tỏa thơm ngây ngất. Lan bảo: "Thích ghê, em chưa thấy bao giờ". Ừ, loài cây ấy có lẽ giờ đây đã tiệt giống rồi hay sao, nhiều lần theo sư huynh đi chợ mua bông chuối, tôi để ý tìm mà không thấy nữa. Tôi lớn lên lòng bâng khuâng như thiếu vắng một thứ gì, cứ mơ hồ nhớ nhớ, thương thương...

Cuối năm, anh em tôi kẻ kéo người đẩy, chở phong lan xuống phố đổi gạo. Ông chủ tịch hội hoa cảnh hài lòng lắm khi thấy những giò mũm mĩm với chồi xanh đầy nụ. Ba bao gạo lớn được bung ra. "Cha ơi, con có làm một ít bánh trái cây để cúng dường". Tôi nghe tiếng, quay lại, sững người vì thấy Lan. Ông chủ tịch âu yếm bảo:

"Cúng dường thì phải cung kính. Con phải tự lên chùa lạy Phật mà dâng". Tôi hãi hồn, vội nói: "Thôi thôi, khỏi phiền nữ thí chủ. Nhận ngay ở đây". Lan bật cười, lại cái cười tinh khôi. Rồi Lan nhìn tôi buồn thiu: "Sao lâu nay anh không ra vườn? Em lên chùa, biết anh trong bếp mà mấy chú không cho vào. Riết rồi em buồn không muốn đến nữa".

Mấy buổi sau, tôi theo các bạn cùng lớp vào quán. Lan ngồi ở đó, sau chiếc bàn con bên cửa sổ. Các bạn tôi ai cũng nhìn về phía Lan còn cô bé chẳng nhìn ai, cứ lặng lẽ một mình. Ngồi ở một bàn xa mà tôi như thấy cả bầu trời hoàng hôn tím, tím ngát ngoài kia đang in trong đôi mắt Lan. Mãi đến khi chúng tôi ra về, Lan mới ngoái nhìn, ánh mắt thơ ngây mà não nùng. Bỗng dưng đỏ mặt, rồi tôi thấy hoảng sợ vì mình đã đỏ mặt...

Một người con gái chiều nào cũng ngồi ở quán Tím, chẳng bao lâu đã thành đề tài để bọn con trai bàn tán.

"Con Lan sữa tươi trông xinh vậy chứ nó mắc bệnh, bệnh sợ đàn ông. Đếch thằng nào đến gần được, nó tránh như tránh tà". "Không phải đâu, nó giữ giá để chờ lấy Việt kiều, thằng Hùng ở Cali về ngày nào cũng trực ở nhà nó". "Giữ giá cái gì, nó ưa thằng Quắn chạy bàn ở cà phê Tím. Tao thấy nó ngồi một bàn với thằng Quắn, khóc rưng rức". Tôi im lặng, một lát sau mới bảo "Khó tin". "Ở đời chuyện gì mà chẳng có thể xảy ra – Bạn tôi nói, vẻ ông cụ non. – Chiều qua chính mắt tao thấy nó chạy ra sau quầy đưa bức thư cho thằng Quắn".

Đạp xe về đã đến quá lăng Tự Đức, tự nhiên tôi bứt rứt không chịu được. Tôi quay xe, đạp về nhà Lan. Mưa phùn lướt thướt trên con đường về Bao Vinh xa tắp. Mẹ Lan hỏi: "Nhà chùa có việc gì mà nhắc cháu lên? Thấy Quắn về nhắn, tôi cho cháu đi ngay rồi". Tôi tái mặt, không kịp chào, đạp xe đi như tên bắn. Tim tôi dội thình thịch vì âm vang những lời của sư huynh khi Lan mới lên thảo am lần đầu: "Cô gái này đẹp đẽ thanh tú nhưng đuôi mắt dài quá, môi mỏng, cổ cao, tai nhỏ. Đấy là tướng hồng nhan mệnh yểu"... Trời chập choạng tối, tới Nam Giao. Nhìn dáo dác hai bên đường, tình cờ thấy Quắn và Lan cùng ngồi trong quán ốc. Quắn gọi rượu, đang ép Lan uống. Lan lắc đầu, Quắn cố nài. Tôi đi vào, đấm mạnh

vào mũi Quấn: "Đồ lừa đảo. Từ nay chừa cái thói dỗ gái đi". Quay sang Lan, tôi nạt: "Đi về!". Không biết Lan có bị một thứ thuốc mê gì không, mặt ngây ngây như bị bỏ bùa. Tôi chở Lan đi. Quấn biết tôi có võ Thiếu lâm nên đành chịu phép, hậm hực, chùi máu mũi nhìn theo, cái nhìn của con thú mất mồi...

Trên đường về, Lan tỉnh lại, gục mặt vào lưng tôi, khóc: "Em nhờ Quấn chuyển đến anh nhiều thư, anh có nhận được không?". Tôi cau mặt: "Em khờ lắm, sao lại đi với thằng Quấn?". "Quấn bảo em uống vài chén cho ấm rồi lên đàn Nam Giao chờ Ninh đến". "Em đừng quên, tên em là Tinh Khôi. Đừng dại dột để bọn lưu manh làm nhơ bẩn". Nước mắt Lan chảy thấm qua chiếc áo lam của tôi, thấm vào đến da thịt. Dừng xe, tôi ngồi xuống vệ cỏ bên đường. Lan ngồi bên tôi. "Đêm nào cũng nằm mơ thấy anh dắt em đi thăm vườn phong lan. Mình về trồng lan trong sân nhà em đi, có thích hơn không?". Tôi không trả lời, ngắt những cọng cỏ, vò nát trong đôi tay run run. Trên kia, trăng sáng quá, tròn và rực rỡ như chiếc mâm vàng giữa trời. Bỗng nhiên lòng tôi miên man nhớ những câu chuyện cha tôi vẫn kể ngày xưa... "Em có thích nghe chuyện cổ tích không?". "Thích". Tôi kể cho Lan nghe chuyện người tử tù đội chiếc mâm vàng đầy nước đi từ cổng hoàng cung vào trước ngai vua mà không sánh ra ngoài một giọt. Lan nghi ngờ: "Sao có người làm được như thế?". Tôi gật đầu: "Ngày ấy, nhà vua cũng đã hỏi như vầy. Vị thiền sư trả lời: "Bệ hạ đã hứa nếu y làm được thì sẽ tha tội chết. Vì lẽ sống chết của y, nên dù việc khó vô cùng mà y vẫn chăm chăm làm bằng được. Nay nếu bệ hạ cầu giải thoát cũng như người này cầu sống, thì việc tu hành dù khó mấy cũng có thể vượt qua". Lan ngước nhìn tôi, lần đầu tiên tôi nhận ra trong hai cái giếng êm như nhung của mắt cô bé những tia sáng ương ngạnh lạ lùng. "Em hiểu rồi. Anh xem tu hành là chuyện sinh tử của anh. Vậy nếu em lại xem anh là chuyện sinh tử của em thì sao? Anh và em, ai đi trọn đường, ai bỏ cuộc?". Tôi bảo: "Em nói gì thế? Chuyện sống chết mà nghe cứ như là trò chơi sấp ngửa của trẻ con". Lan cười... Bàn tay nhỏ nắm lấy tay tôi, ngón thon vuôn vuốt như cánh hoa ngậm sữa. Vẻ đẹp này có phải phù du? Vẻ đẹp này là sắc hay là không? Chỉ thấy ngợp vì trăng. Trăng sáng quá. "Thôi, về đi em". Tôi đạp xe, trước mặt

tôi chập chờn lấp lóa những con đường. Những mê lộ giữa đạo và đời, giữa ma và Phật...

Việc lộn xộn ở quán ốc chẳng mấy ngày đã đồn đến chùa. Cô tôi biết, tốc lên ngay. Tôi bảo: "Cô đừng lo. Chẳng có chuyện gì đâu". "Không có lửa, sao có khói. Ăn ốc, đánh lộn, dành gái. Thế còn gì là tu hành? Tau mà gặp con ma nữ đó, tau tước từ dưới tước lên". Tôi ngẩn người một lúc rồi hiểu ra, không nín được cười. Cô bực tức: "Cháu tưởng chuyện gì cũng cười là xong sao?".

Quả là chuyện không thể cười mà xong. Mấy hôm sau, gia đình Lan mời tôi về.

"Con ma nữ" đã uống hai mươi viên Sedusen, may sao nhà biết được chở đi cấp cứu. Mẹ Lan chắp tay lạy tôi như lạy Bồ Tát: "Bác biết tính con Lan lắm, từ nhỏ nó đã nói là làm, đã làm là làm tới cùng. Sợ e cứu thoát lần này, nó lại tự sát lần nữa. Con cứu nó cho bác đi con". Tôi cuống quýt: "Bác bảo con làm sao được?". "Con cứ giả vờ ừ đi, bây giờ nó mới lớn, tính còn ngông cuồng, vài ba năm nữa chững chạc rồi tự nhiên nó hiểu ra". Ông chủ tịch hội hoa cảnh mắt đỏ au, nhìn tôi chờ đợi một lúc rồi bảo vợ: "Nói như bà cũng khó. Chú Ninh đây tướng mạo khôi ngô, trước sau rồi sẽ có phước được che lọng vàng. Lẽ nào vì con mình mà để người ta mang tai mang tiếng". Tôi thở dài: "Cháu đi tu không phải là mong lọng vàng che đầu. Chỉ vì nguyện giữ thân trong sạch để tụng cho mẹ cháu một nghìn lần kinh Thủy sám". Nhớ tới mẹ, tôi bất giác đau đớn trong lòng, đứng dậy đi...

Tôi về chùa, từ ấy không đi đâu. Thầy bảo: "Sao con bỏ học?" Tôi nói: "Suối ở xa, con muốn ra triền núi đào giếng". Tôi tự đày mình trong những nhát cuốc trên sỏi đá, đêm về tụng kinh, vẫn đôi khi chợt nghe tiếng mình khắc khoải. Có lúc nửa đêm chợt tỉnh, thấy thầy ngồi bên giường, lâm râm niệm chú. Tôi hốt hoảng vùng dậy "Bạch thầy". Thầy tôi bảo: "Con giật mình, nói mê luôn, hất tung cả chăn". Tôi nói: "Con tỉnh rồi. Rước thầy đi nghỉ, con xin ra bệ Phật niệm Cầu An". Thầy lặng lẽ một lúc rồi bảo tôi: "Tâm không an, có cầu cũng vô ích". Tôi gật đầu thú nhận. Bao nhiêu đêm, cứ chợp mắt là thấy Lan hiện ra, mảnh dẻ, thanh thoát, đầu đội chiếc mâm vàng sóng sánh nước đi thẳng đến bờ vực. Tôi nghe tiếng thét

của nàng vang động cả giấc mơ, nàng nhào xuống rơi thẳng vào không gian mênh mông như chiếc lá lìa cành trước gió. "Thầy ơi, nếu vào Niết bàn mà phải đạp lên một chiếc lá, Phật có làm không? Xin thầy cho con hay, trời đất nặng hơn hay chiếc lá nặng hơn?". Thầy nhìn vào mắt tôi: "Chỉ có con tự trả lời được thôi. Ngày mai con hãy về, cứ nhìn thẳng vào nghiệp duyên mà tự quyết định lòng mình". Tôi lắc đầu: "Thầy quên sao? Con đã thề khi nào đào xong giếng mới xuống núi".

Ra xuân, đường lên núi khô ráo. Hai tay tôi ướt bùn đỏ, những giọt nước đầu tiên đã ứa ra từ lòng đất sâu. Tôi chạy về chùa, định vào trình thầy nhưng người đang làm lễ. Có người thí chủ dâng hương trong bệ Phật, mùi trầm mới thơm thơm trong không gian.

Đang dội nước rửa tay, tôi nghe có người bước đến. "Chú Ninh!".

Tôi ngẩng lên. Mẹ của Lan. "Bác lên chùa cầu cho em đi bình an. Có cái này, em nó gửi lại...". Bà đưa cho tôi một cái túi nhỏ, rồi vừa quay đi vừa đưa khăn lau mắt.

Những dòng chữ trong thư, mảnh mai và run run như những cánh lan.

"Bốn trăm ngày chờ anh ở quán Tím, cuối cùng em cũng hiểu ra là mình thua cuộc. Đã đi mà chẳng tới, lẽ ra thì phải chết. Nhưng em chết thì anh làm sao yên lòng đi trọn con đường tu. Vì vậy, em đã quyết định lấy chồng xa xứ. Trong cái túi này là cây hoàng lan con, em nguyện tìm cho anh bằng được rồi mới ra đi. Em vẫn nhớ lời anh nói, một đời anh chỉ thích hoàng lan...

Người ta cứ bảo là em khôn, lấy ông Việt kiều đi Tây đi Mỹ cho sướng chứ theo chi chú tiểu trọc đầu. Nhưng đi Tây đi Mỹ không phải là chí nguyện của em. Lấy một người mình không thương, đến một nơi xa lạ với em còn khổ hơn là chết. Xin anh hãy tụng cho em một lần kinh cầu siêu thoát, một lần thôi...".

Bất giác, tôi òa khóc. Nước mắt theo nhau lăn trên má tôi như ép cho hết những dòng tục lụy cuối cùng. "Cứ khóc đi con" – Thầy vỗ về khi thấy tôi luống cuống che mặt. – "Thầy chưa nghe nói gỗ đá thành Phật bao giờ". Tôi nức nở: "Bạch thầy, thầy có cho con trồng cây Hoàng Lan không?".

Thầy bảo: "Cỏ cây vô tội, sao mình không thể bao dung?". Rồi một tay dắt tôi, một tay cầm túi cây đến bên góc vườn, thầy tự mình trồng xuống.

Tôi tưới cây bằng nước giếng chùa. Hoàng lan lớn lên, năm này qua năm khác, nở hoa vàng mong manh. Mong manh như tất cả những gì đẹp trên thế gian.

Tôi cầm lòng thôi thương, thôi nhớ.

Huế, 12-2000

NGUYỄN QUANG LẬP
(Sinh 1956)

Quê ông ở Ba Đồn – Quảng Trạch – Quảng Bình. Tốt nghiệp tại Đại học Bách khoa Hà Nội, ông ra trường cũng là lúc cuộc chiến tranh chống Mỹ của nhân dân ta ở vào giai đoạn cuối. Ông nhập ngũ, vào sư đoàn tên lửa 375. Sau 5 năm, ông xuất ngũ và về công tác ở Sở Văn hóa Thông tin Bình Trị Thiên. Sau ông chuyển ra công tác ở nhà xuất bản Kim Đồng – Hà Nội.

Mặc dù còn trẻ, thuộc thế hệ nhà văn trưởng thành sau hòa bình thống nhất đất nước, nhưng đọc văn Nguyễn Quang Lập, ai cũng tưởng ông là một nhà văn từng trải chinh chiến. Cái hiện thực chiến tranh trong tác phẩm ông, qua nhiều lăng kính khác nhau, không chỉ dữ dội, quyết liệt, không chỉ đau đớn, hoang tưởng mà còn chất đầy tình thương, ngập tràn mơ ước và lắng đọng những giọt phù sa ươm mầm trái ngọt của những vùng châu thổ sông Hồng, sông Cửu Long.

Tác phẩm chính: Một giờ trước lúc rạng sáng (truyện ngắn, 1986); Tiếng gọi nơi mặt trời lặn (tập truyện, 1989); Những mảnh đời đen trắng (tiểu thuyết, 1989); 18 Truyện ngắn Nguyễn Quang lập (1997).

*

TIẾNG KHÈN BÈ

(truyện ngắn)

Luôn luôn có con chó đuôi trắng xuất hiện trong các giấc mơ của ông. Đầu tiên nó chạy mấy vòng sân, mặt cúi gầm, mũi khịt khịt như đang tìm một cái gì đó đã để quên ở lần về trong giấc mơ trước. Sau, nó bất ngờ cắt một đường chéo thẳng tắp từ góc sân bên trái xộc về phía ông. Cách ông chừng vài bước, nó đứng dựng bằng hai chân sau lúc lắc tiến tới. Cái lưỡi nó thè ra đỏ hỏn, hai chân trước bẻ gập lại, co ro... trông rất buồn cười. Ông bước đến bắt lấy hai chân trước của nó lắc lắc. Nó liếm đi liếm lại hai bàn tay gân guốc, đen sạm của ông với một thái độ kính cẩn và thương yêu. Lúc lúc nó lại ngước lên nhìn ông âu yếm "Ông có khỏe không?" đôi mắt nó hỏi thế. " Ồ, khỏi phải nói..." nụ cười ông trả lời. Chừng như vậy đã đủ cho nó yên tâm ra đi. Nó lao về suối Binh

Man, để lại cái đuôi trắng cắm ngược giữa sân. Cái đuôi trắng bỗng rừng rực cháy thành một ngọn lửa trắng, nở to dần thành một bó đuốc lớn, một đống lửa lớn... sáng trắng rọn người. Ông choàng tỉnh. Một ngày mới đã đến, nắng đã ngập đến mắt cá trong khu rừng hoang vắng này.

Ông bước xuống bếp, đỏ lửa. Siêu nước bằng nắm tay sôi lóc bóc. Ông dướn lên, quờ tay vào rổ đựng lá chè khô, vò một nắm to, nhét chặt vào siêu nước. Trong khi chờ chè ngấm, ông vớ lấy cái điếu cày cẩn thận cho thuốc vào nõ. Ông rít, gồng người lên mà rít, toàn bộ gân cổ đồng thời nổi lên. Tiếng điếu cày nghe vang như một tiếng còi thổi gắt. "Ó... ò... o... ò!", con gà trống khốn khổ của ông lúc bấy giờ mới cất tiếng gáy đón chào một ngày mới. Nó gần như mất hết khả năng cảm nhận ánh sáng mặt trời. Mặt trời của nó nằm trong cái điếu cày. Khi nghe tiếng ông rít thuốc lào, nó giật mình hoảng hốt như thằng say rượu nghe còi cảnh sát, vội vàng nhảy ra khỏi chuồng, đập cánh gáy vang vang. Còn ông lúc này lại không khác mấy con gà rù. Ông lẩy bẩy tìm chỗ đặt ống điếu cho vững, hai tay chống xuống đất cố giữ cái đầu khỏi chui vào bếp lửa, toàn thân giật giật, khói thuốc như từ tất cả lỗ chân lông tỏa ra, bay cuồn cuộn...

Sau khi chiêu hết sạch siêu nước chè đặc, ông chống gối đứng dậy, vắt cái khăn rộng khổ lên vai, lững thững đi ra suối Binh Man. Suối Binh Man rộng bằng sáu bước chân, nước luôn luôn ngập ngang đầu gối, luôn luôn như thế vào mùa xuân và mùa hè. Vào mùa thu và mùa đông, suối Binh Man nước dềnh lên cao hơn, chảy xiết hơn. Suốt ngày gầm gừ, riết róng, léo nhéo như một bà già bẳn tính, ghét đời... Ông lội ngược về phía có hòn đá rộng, phẳng, vô vàn những vân đá đủ màu, nằm chênh chếch dưới đáy suối. Đó là một hòn đá đẹp, sang trọng, hoàn toàn xứng đáng hầu hạ một hoàng hậu, một công chúa có tấm thân ngà ngọc nương mình lên đấy để hưởng thụ một ban mai trong suốt, ngọt ngào ở nơi đây... Nhưng bây giờ, thời kỳ vua chúa đã qua rồi, trên hòn đá ấy là ông, một người đàn ông năm mươi tuổi có nước da đen, đang nằm dạng chân tay cho nước suối tràn qua cơ thể mình. Chậc, cũng không sao, thì hòn đá vẫn cứ đẹp và sang trọng kia mà!...

Chỉ cần đừng để nước suối chui vào hai lỗ mũi ám khói của mình, ông chìm hẳn xuống dòng nước, nhắm nghiền mắt. Một cảm giác mát rượi thấm tận chân tơ kẻ tóc ông. Ông như chìm hẳn xuống, như nổi hẳn lên, bồng bềnh... Miên man những bàn tay dịu mát áp nhẹ lên má ông, lên ngực ông... Ông chìm trong cái cảm giác đê mê của một người chưa đến tuổi già nua, gần hai mươi năm vắng thiếu những hạnh phúc đời thường nhưng không quên được, không cách gì quên được. Miên man những bàn tay dịu mát... những bàn tay... hình như cả tóc nữa, cả nước nữa, cả những hơi thở dịu nhẹ... chỉ có ông mới cảm nhận được. Ông thấy mình rạo rực, bâng khuâng... Mỗi người đàn ông cô độc không có vợ, bà con thân thích như ông Nông đây, cần phải tìm kiếm một con suối thật trong thật mát thật dịu dàng và cũng cô độc như chính mình để mà sống kề. Chính con suối sẽ khỏa lấp những vắng thiếu của đời mình. Ông Nông đã làm như vậy. Dù cuộc gặp gỡ của ông với suối Binh Man chỉ là một sự tình cờ, nhưng trải qua gần hai mươi năm gần gủi nó, ông đã nhận ra điều đó. Bây giờ ông chẳng còn ai ngoài suối Binh Man và con chó đuôi trắng vẫn hiện về trong giấc mơ của ông. Vợ con và những người ruột thịt của ông đã chết cháy vì bom Napan trong một trận cháy lớn nhất tỉnh Quảng Bình (cũ) do đế quốc Mỹ gây ra vào đầu năm 1967. Cái ngọn lửa trắng ấy đã ám ảnh ông suốt đời. Bao giờ cái đuôi con chó cũng cháy bùng lên thành ngọn lửa trắng ghê rợn ở vào cuối giấc mơ.

Sau gần một giờ ngâm mình trong suối Binh Man, ông lại vắt chiếc khăn rộng khổ lên vai lững thững về nhà, chuẩn bị cho cuộc săn tìm vết chân thú. Nhà ông nằm ép sát vào một rừng táu, cách xa hàng xóm của ông ở trong thung lũng này hơn một cây số. Ông thích ở xa như vậy, cái thích tưng tửng của người già. Một tháng đôi lần ông có về thăm hàng xóm, những người lên đây xây dựng kinh tế mới, ngồi uống rượu, chuyện trò tào lao vài giờ, rồi lại trở về sống thui thủi một mình. Công việc chủ yếu của ông là săn thú, mặc dù ông là người miền biển rất ú ớ với nghề rừng, nhưng ông thích như vậy, cũng là cái thích tưng tửng của người già.

Vẫn sẽ là một buổi sáng bình thường, một ngày bình thường nếu khi đến chỗ ngoặt lối rẽ vào nhà ông, nơi có cây táu chết đứng,

ông không nom thấy một bóng người đàn bà đang lẩn khuất trong nương sắn.

Thoạt nhìn, ông thấy một cái đầu rối tung đang cựa quậy, ngỡ là lũ trẻ con vẫn thường lên đây đào bới linh tinh trong nương sắn, đặt những cái "bẫy nhím ngốc nghếch". Chúng nó đứa nào tóc tai cũng như một cái tổ quạ. Ông định đi thẳng. Định thần một lát, ông thấy rõ một người đàn bà đang khom lưng nhổ bật một gốc sắn của ông. Đây là một sự lạ. Xưa nay, trong thung lũng giàu có này, người ta chẳng thèm ăn cắp sắn của nhau. Thậm chí, có nhiều năm, các nương sắn dường như bị bỏ quên, ra hoa kết trái giống hệt vườn hoang. Ông tìm một gốc che khuất, tiến tới gần. Một người đàn bà rách rưới, bẩn thỉu đang ngồi xổm, nghiến răng vặn một củ sắn to nhất trong bụi sắn vừa nhổ. Chị lấy răng cạp bóc hết vỏ, nhai ngấu nghiến củ sắn trắng bợt, vừa nhai vừa phun lia lịa xơ sắn non không khác gì một con vượn cái đang ăn... Người đàn bà điên! Ông nhớ ra rồi, đó là cô giáo Hường dạy cấp I ở cuối thung lũng. Cô lên cơn điên từ đầu năm. Người ta nói cô điên vì thất tình, đó là cách giải thích dễ nhất đối với một người đàn bà ba mươi tuổi chưa chồng, vừa bị người yêu ruồng bỏ. Nghe nói người yêu cô là một thằng bợm, nó rủ cô đi khắp suốt ba tháng hè rồi thả cô ở Ga Vinh, chuồn đi đâu mất tăm. Ông biết cô giáo này nhân một lần cô lặn lội tìm đến nhà vận động đi học bổ túc văn hóa nhưng bị ông từ chối...

– Cô Hường! – Ông gọi khẽ, từ từ bước tới.

Người điên giật bắn người, vứt vội củ sắn, quay lại.

– Đừng ăn sắn sống. Trong nhà tôi có cơm.

Ông cố gắng không tỏ ra một hành vi nào làm cho người điên vì thế mà bỏ chạy. Người điên cúi mặt đứng im, đưa mắt liếc trộm ông.

– Trong nhà tôi có cơm. Mời cô giáo...

Ông cầm tay người điên dẫn vào nhà. Một chút trì kéo của chị chứng tỏ chị không muốn. Ông nhìn chị, gắng cười:

– Chẳng sao đâu... tôi mời cô giáo mà!

Người điên ngước lên chăm chăm nhìn ông. Ông vừa cười xuê xoa vừa kéo chị.

Không cưỡng được, chị để mặc cho ông gần như lôi chị vào nhà.

Người điên ngồi dựa vào vách liếp, đờ đẫn nhìn lên trần nhà. Gương mặt chị bị rách bởi những vết xước ngang dọc của móng tay sắc nhọn cào cấu. Môi chị sưng vù, ở dái tai trái bị rách hẳn, máu rỉ ra đóng thành cục đen đặc. Ông Nông lúi húi xới một bát cơm to, đầy thịt lợn rừng, bê ra.

– Mời cô giáo – Ông lom khom trao bát cơm cho người điên, hai tay xoa xoa, cười cười. – Cứ ăn đi. Tự nhiên nhé.

Người điên đỡ lấy bát cơm, mắt ngó ngơ đi chỗ khác.

– Ăn đi, cô giáo. Chà , không mấy khi cô giáo đến chơi nhà...

Ông nói cười như không, xuýt xoa, chép miệng... lại rối rít mời moc. Người điên hơi mỉm cười, mắt chớp chớp. Chị có vẻ ngượng. Chị cúi xuống ngó chằm bẵm vào bát cơm, và bỗng quên tất cả, chị và lia lịa hết thìa này đến thìa khác, nuốt ừng ực không kịp nhai. Ông quỳ xuống nhìn chị ăn, hai quai hàm ông giật giật, vẻ thích thú như một chú bé muốn ăn chực. Một bát nữa, lại một bát... Người điên cúi mặt ăn, lần này hết láu táu như trước, chị ăn chậm dần, gần hết bát thứ ba thì dừng lại, ngước lên:

– Bác có cười tôi không, bác Nông?

– Ồ, sao lại nói năng tỉnh táo thế này? – Ông trố mắt nhìn.

– Không! Không! Sao lại cười – Ông vội vàng xua tay. – Người với người gặp nhau là quý hóa, sao lại cười...

Người điên đặt bát cơm xuống nền nhà, hai tay buông thõng. Chị tựa đầu vào vách liếp, ngước mắt lên trần nhà, thì thầm:

– Bác là người tốt quá đi mất. Trong khi mọi người hễ gặp tôi ở đâu thì đi vòng thật xa. Trẻ con gặp tôi thì khoa chân múa tay, reo hò ầm ĩ... Thế mà bác đã mời tôi vào nhà, cho tôi ăn, lại còn gọi tôi là người...

– Cô Hường! – Ông thét lên. – Thì ra cô không điên thật à? Trời ơi, thế mà tôi lại nghĩ là...

Ông chồm tới cầm hai bả vai người điên lắc mạnh. Có lẽ do tiếng thét quá lớn của ông đã phá vỡ sự ổn định tạm thời các tế bào thần kinh của người điên, chị đột nhiên vùng dậy.

– Đấy nhà... đừng có hòng nha... tôi thèm vào cái đồ bẩn thỉu của các người... ha ha... anh ta tên là Nguyễn Văn Hùng, có yêu (là)

yêu thì nói xin đừng (xin đừng) quanh co... hà... Alô! Alô! Đi học bổ túc văn hóa là nghĩa vụ của toàn dân!

Ông giật lùi, đứng sát vào vách liếp nhìn người điên múa may quay cuồng trước mặt mình. Khuôn mặt chị bị một ma lực bóp dúm lại, méo mó. Ông thấy sợ, có những giọt nước đá rơi tong tong trong ngực ông... Trước mắt ông là một con người – một con quỷ– một con người – một con quỷ... ông sợ. Sợ quá! Người điên đột ngột lao ra khỏi nhà. Chị chạy với tốc độ không thể có lúc bình thường. Ông sững người. Có ai đó đẩy mạnh vào lưng làm ông dúi dụi về phía trước. Ông lao đuổi theo người điên. Ông chạy thục mạng. Vang vang trong đầu ông tiếng thét này: "Phải cứu lấy cô ấy! Phải cứu..."

Một cuộc vật lộn dữ dội của hai người nên bờ suối Binh Man. Người điên cắn phập răng vào bả vai ông, một miếng thịt bị bóc rời. Ông không chịu buông lơi, cắn chặt răng dồn hết sức bình sinh lôi tuột người điên vào nhà. Đẩy được người điên vào căn buồng ghép bằng những tấm lim dày, ông vội khép cửa, đứng dựa lưng vào đấy, thở dốc...

– Đấy nha... anh đến tìm hoa thì hoa đã... nở, anh đến tìm đò, đã qua sông... Đế quốc Mỹ cút khỏi miền Nam Việt Nam! Cút khỏi! Cút khỏi!... (chớ) đến duyên em thì em phải lấy... ơ... chồng! Hi hi!

Ông rũ người xuống nền đất, nằm im như một xác chết... Máu từ bả vai ông chảy dầm dề... "Không thể được... phải cứu... làm sao bây giờ!..." Ông rên rỉ như một kẻ có tội, như chính ông đã gây ra tội ác đối với người đàn bà khốn khổ kia.

*

Người đàn bà tiếp tục đập phá, thét lên những câu vô nghĩa suốt buổi sáng, khoảng gần trưa thì tỉnh lại. Ông mừng quá, vội vàng bưng một bát cháo lươn, mở cửa buồng bước vào. Người điên ngồi rũ rượi, mặt tái nhợt. Ông cố gắng nở một nụ cười, âu yếm nhìn chị. Chị run run đỡ lấy bát cháo.

– Hình như tôi có cắn bác phải không?

– Đâu có...

– Ở chỗ bả vai ấy.

– Ờ...

– Nước miếng người điên nghe nói độc lắm?

– Chậc, chẳng sao. Cô giáo ăn đi...

– Cô giáo? Ha ha ha... tôi mà cô giáo! – Người điên bất ngờ hất bát cháo lươn vào người ông, nhảy chồm chồm. – Tình tính tang là tang tính tình...

Ông vội vàng nhào ra, khép chặt cửa. "Khổ, chưa kịp ăn miếng nào...". Ông chép miệng thở dài, từ từ ngồi xuống nền nhà.

– Hả? Cái gì?... Anh tên là Nguyễn Văn Hùng... có yêu (là) yêu thì nói (xin đừng) xin đừng quanh co... ấy (mấy) đêm (là) đêm...

Tiếng đập cửa buồng thình thình và những câu hát rối rắm, rít lên trong căn buồng làm cho đầu ông nhức buốt. "Hùng nào mà cô ta cứ nhắc hoài vậy?" – Ông lẩm bẩm. – "Hắn cũng Hùng, cũng Nguyễn Văn...". Ông có quen một thanh niên có cái tên như vậy. Anh ta là lái buôn, vẫn thường lên đây săn tìm mật gấu, gạc hươu nai, cao khỉ... cứ vài tháng thì vào nhà ông một lần. Bao giờ đến, anh ta cũng mang theo một chai rượu ngon biếu ông và ngủ lại với ông một đêm. Nom bề ngoài anh ta rất giống một người du lịch hạng sang: luôn luôn xách cái va-ly da và cái đàn măngđôlin bóng lộn; áo quần sang trọng, đi đứng khoan thai, nói năng lịch thiệp. Không bao giờ nói những chuyện buôn bán, trừ những lúc phải ngã giá với ông, anh ta luôn mồm kể những chuyện động trời, rộng khắp cả địa cầu. Ví như các cuộc đụng độ lớn ở Tây bán cầu, đài BBC đưa tin tổng thống Rigân vừa nói cái gì trên tivi, một thủ tướng ở một nước nọ có một cái tên rất dài bị đau thần kinh tọa và vợ ông ta đã ngủ với thư ký riêng, viễn cảnh của thế kỷ 21, sao chổi Halây sẽ xuất hiện ở đâu vào năm nào, lai lịch của Ngô Đình Diệm và các cuộc tẳng tịu cấp quốc gia của mụ Lệ Xuân... Toàn những chuyện kinh khủng, ông nghe mà phát khiếp. Đôi khi cao hứng, anh ta cho ông hay là anh ta biết khá nhiều tiếng nước ngoài. Anh ta bụm miệng đánh lưỡi "Rốp rít... xốp xít" bảo đấy lời chào buổi sáng của người Ý Đại Lợi, lại bụm miệng lưỡi "Rốp rít... xốp xít", bảo đấy là cách ngôn của người Pháp nói về sự cẩn trọng – "Trước khi nói phải uốn lưỡi bảy lần..." Vân vân. Rồi anh tung cây đàn măngđôlin lên, cất giọng "Rốp rít... xốp xít" như vậy nhưng nghe rất hay, hát say sưa, mắt

lim dim, đầu ngật ngưỡng... rất lâu sau mới ngừng, bảo đấy là bản tình ca nổi tiếng thế giới của một nhạc sĩ nổi tiếng thế giới ở một nước bóng đá nổi tiếng thế giới. Thật là ghê gớm, trông cái đầu nhỏ thó kia mà chứa bao nhiêu là hiểu biết. Thật ra ông cũng ngờ ngợ, không tin lắm, nhưng vì trong "cái đầu sắn nướng" của ông không có phương tiện gì để "đối chứng", nên cứ phải há mồm ra mà nghe. Những thằng như vậy dễ đánh lừa đàn bà con gái lắm chứ. Đến như ông còn phải há mồm ra mà nghe nữa là... Nhưng hắn là cái thằng cà kheo, trông như một con nhện nước, lại mới 25 tuổi, với người đàn bà này hắn chỉ là một thằng nhóc, làm sao hắn có thể rủ rê được?

– Đấy nha... tưởng bở đấy à... xôn xôn xôn đê xôn...

Người điên tiếp tục la lối, gần như tất cả sức lực của chị đều dồn vào những tiếng thét điên dại. Và hát liên miên những câu hát ngớ ngẩn. Thỉnh thoảng lại rú lên như chọc tiết. Ông không thể tưởng tượng được một người gầy gò, ốm yếu thế kia lại có những tiếng thét chói tai, rùng rợn như vậy. Ông ngồi vào bậc cửa nhắm nghiền mắt. Cũng cần phải nghỉ một chút, ông đã mệt lắm rồi. Nhưng người điên không cho ông nghỉ, những tiếng thét liên tục đập phá màng não của ông. Chán quá, ông tiến tới phía vách liếp có treo cái khèn bè. Đây là vật duy nhất dùng để tiêu khiển trong lúc buồn chán của ông. Mười mấy năm nay "nó đã hát cho ông nghe" – ông nghĩ vậy – vào những buổi hoàng hôn. Ở rừng, sợ nhất là vào khoảng chập choạng tối. Cả khu rừng đang râm ran những âm thanh hỗn tạp bỗng nhiên im bặt, nom thấy rất rõ bóng tối từ các hang núi, các khe suối từ từ dâng lên. Những cái gì thấy được trong tầm mắt cứ nhòe dần và biến mất. Ông cảm thấy mình đang sống trong một khoảng không trống vắng. Tự nhiên thấy thiêu thiếu một cái gì... Khi đó, ông nâng cái khèn bè lên và thổi những làn điệu dân ca Roaltol và Adângcon mà người Vân Kiều đã dạy cho ông. Tiếng khèn bè bay lên, vi vút, trầm bổng. Ông thấy yên tâm hơn, nhẹ nhàng hơn... "Nó đã hát cho ông nghe" chiếc khèn bè ấy mà...

Bây giờ chưa đến cái giờ ấy nhưng cảm giác hụt hẫng buồn chán đã đến sớm hơn, buộc ông phải nâng cái khèn bè lên. Tiếng khèn bè vang lên rền rĩ, nó gần như bị lạc trong những tiếng thét điên cuồng của người điên, tuy vậy nó vẫn giữ được nhịp điệu riêng

của nó. Ông dần dần chìm đắm trong một nỗi buồn man mác, một nỗi nhớ nhung không đâu, chính là do những giai điệu u sầu của các bài Roaltol và Adângcon nào đấy. Có lẽ đã chiều. Có lẽ đã sẩm tối... Tiếng khèn bè nhỏ dần, nhỏ dần và tắt hẳn! Ông buông rời chiếc khèn bè, thiu thiu ngủ. Trong căn buồng người điên đã lịm đi từ lúc nào.

Đến nửa đêm, ông choàng tỉnh, người điên lại lên cơn. Vẫn những tiếng thét kinh hoàng. Ông ngồi co ro trong bóng tối lẩm bẩm đọc một câu thần chú học được của bà con Vân Kiều. Chẳng ăn thua. Đêm vẫn bị xé rách, bị đập phá vỡ vụn bởi người điên kia. Những giọt nước đá lại rơi tong tong trong ngực ông. Ông muốn khóc quá, những giọt nước mắt bất chợt dân dấn ở hai hố mắt khô cứng của ông. Con người sao khổ thế kia, chao ôi là con người!

– Hi ha ha... Này Hùng ơi! Chị đố em nha... da trắng vỗ bì bạch... mẹ tiên sư mày... ấy (mấy) đêm (là) đêm...

Nước mắt của ông bỗng nhiên chảy đầm đìa...

Ông ngồi ru rú như thế cho tới khi gà gáy canh ba thì mang máng hình như lúc chiều người điên đã ngủ trước ông, ngủ trong lúc ông đang thổi khèn bè. Chợt lóe lên trong ông một ý nghĩ làm ông bật dậy như một con báo vồ mồi. Ông lao đến chộp lấy chiếc khèn bè "Cũng có thể lắm chứ... biết đâu đấy". Ông thổi, dồn hơi thực hiện tất cả những làn điệu dân ca Roaltol và Adângcon. "Biết đâu đấy... cũng có thể lắm chứ". Ông nghẹt thở bởi hy vọng ấy cứ mỗi lúc lại rực lên... Thật không ngờ, tiếng thét của người điên như bị chém vụn, rời ra, nhỏ dần, hơn nửa giờ sau thì tắt lịm. Ông không còn tin vào tai mình nữa. Ông thổi, cứ thổi. Ông sợ nếu ngừng thì người điên lại bất thần chồm dậy. Cho tới lúc người điên đã lịm trong bóng tối rất lâu ông mới rón rén tới gần, nhìn qua khe cửa... Một chút nữa ông đã hét lên thành tiếng: "làng xóm ơi, cô ấy sẽ sống...". Ông quỳ xuống làm dấu thánh để tạ ơn Người, mặc dù ông không phải là giáo dân.

*

– Suối này là suối gì?

– Suối Binh Man.

– Tên hay nhỉ... nghĩa là gì, bác?

– Tôi không biết nhưng mỗi lần lặn xuống suối, chỗ hòn đá kia kìa, thế nào tôi cũng nhớ vợ tôi.

– Có thể chị ấy đã hóa thành con suối này?

– Đâu có, làm gì có. Đấy là tôi nghĩ vơ vẩn rồi thành ra cảm giác tôi đang ngủ với vợ tôi... Tội nghiệp, vợ tôi chết cháy cô giáo ạ...

– Ôi...

Họ nhìn nhau. Những cái nhìn buồn rười rượi. Ông trao bọc áo quần cho người đàn bà, lùi lũi quay về nhà. Người đàn bà tần ngần nhìn theo ông. Một lát, chị quay lại thơ thẩn nhìn con suối. Lần đầu tiên sau tám tháng chị mới xuống suối. Sáng nay, chị trở dậy với một cảm giác nhẹ nhàng khoan khoái như trước đây từng có. Chị bước ra khỏi buồng. Tiếng điếu cày rít vang ở trong bếp. Con gà trống đập cánh gáy ở đầu hồi. Chị lùa mười ngón tay lên mớ tóc rối của mình, nhẹ nhàng bước về phía cửa sổ. Ban mai nào chị chẳng đứng bên cửa sổ, ngày xưa ấy mà. Tới gần, chị nhớ ra, đây là cửa sổ của ông già chứ không phải của chị. Ở đây không có gương lược. Chị mỉm cười...

– Sáng nay cô giáo đã thấy hết nhức đầu chưa? – Ông đã đứng sau lưng chị từ lúc nào.

Chị quay lại, mặt mày tươi tỉnh:

– Hết rồi bác ạ. Tối qua tôi ngủ ngon.

– Tốt.

– Tôi cảm thấy lành lạnh nữa.

– Tốt. Tức là cô giáo đã khỏi bệnh.

– Dạ.

– Sáng nay cô giáo đi tắm nhé. Tôi đã chuẩn bị áo quần đầy đủ.

Bất chợt chị rùng mình nhìn nhanh xuống thân hình gớm guốc của mình. Có lẽ đã rất lâu rồi chị chưa tắm...

Đã tám tháng chị lên cơn điên. Hơn một tháng chị gào thét, đập phá căn buồng gỗ lim của nhà ông. Áo quần bị rách tả tơi. Bất giác chị nhìn xuống và chạy ào ào vào buồng. Chị lấy xuống, giở ra,

mắt chị chớp chớp, tự nhiên chị thấy cay cay sống mũi. Ông đã mua sắm cho chị đủ hết các trang phục, dụng cu cần thiết cho một phụ nữ. Qua một vài lần kể vào những lúc tỉnh táo của chị. Ông biết chị cũng đơn độc như ông: bố mẹ mất sớm, hai anh ruột đang ở nước ngoài. Ông thương, tình thương của một người già...

Ông đã đi khuất hẳn. Chị ngụp xuống nước suối ban mai. Chao ôi, thích quá, thích quá... Chị mỉm cười sung sướng nhận thấy nước suối đang trả lại những gì chị đã đánh mất. Này là cánh tay trắng nõn, này là đôi chân thon, này là khuôn ngực nở, này là tất cả...Chao ôi, thích quá, thích quá...

Trong khi đó ông Nông đang kính cẩn đặt chiếc khèn bè lên bàn thờ. Nó không còn là vật tiêu khiển của ông nữa, nó là thần thánh. Hơn một tháng nay nó đã chiến đấu cho khát vọng của ông. Nhờ nó, số lần lên cơn điên của người đàn bà kia đã giảm dần, thay vào đó là những giấc ngủ kéo dài. Người đàn bà đã từ cõi chết trở về, thật không thể nào tin được.

Ông quỳ xuống, chắp tay ngang ngực, lầm rầm nói những lời biết ơn thần thánh, tự lòng thành của mình. Ông cầu xin thần thánh đừng bao giờ để cho cô giáo Đỗ Thị Bạch Hường trở lại căn bệnh khủng khiếp này; xin hãy cản bước chân của cái thằng Nguyễn Văn Hùng, không cho nó chạm ngõ nhà ông. Hắn đã gây ra tội ác tày trời mà nếu không có thần thánh thì ông chỉ là kẻ chứng kiến những giây phút giẫy chết của người đàn bà kia mà thôi. Chính chị, trong những giờ điên dại của mình, đã kể tội hắn. Đúng là hắn chứ không phải ai khác, cái thằng cứ vài tháng lại biếu ông một chai rượu ngon... Đã sáu tháng nay hắn không đến nhưng biết đâu đấy, ông sợ lắm!

Ông sụp mình xuống đất vái tạ. Mãi sau, khi ông quay lại đã thấy người đàn bà kia đứng sát sau lưng mình. Ông lùi một bước, thảng thốt, không ngờ cô giáo lại đẹp như vậy...

*

Vẫn con chó đuôi trắng ấy trở về. Hình như nó gầy đi, không còn linh động như trước nữa. Nó đưa hai chân trước cho ông bắt. Ông cười định khoe với nó một điều gì đó nhưng bỗng quên phắt,

đứng ngớ ra, ông biết nó thương ông, thương lắm. Nó là con vật đáng thương, chỉ có cái đuôi trắng thì không thể chịu được, bao giờ ở vào cuối giấc mơ cũng cháy bừng lên ngọn lửa trắng ghê rợn. Tại sao lúc nào nó cũng mang theo cái ngọn lửa trắng quái ác ấy? Hình như có một lần ông đã hỏi nó như vậy. Nó không trả lời, chỉ trong hai con mắt ngây thơ của nó tứa ra hai giọt nước mắt màu nâu đỏ... Sau vài phút mơn trớn cùng ông, con chó lại từ biệt ông, lao về suối Binh Man. Nó không quên để lại cái đuôi trắng cắm ngược giữa sân. Nhưng lần này, lạ thay, cái đuôi trắng không cháy thành ngọn lửa trắng như xưa nữa. Cái đuôi bỗng xoay tít, từ trong đám lông trắng lớn dần lên một con người. Thằng Hùng! Ông giật lùi mấy bước, định bỏ chạy. Cái thằng khốn nạn ấy đứng nhìn ông, cười sằng sặc... Á... à... cút đi. Cu... út... đi... i – Ông gầm lên, hắn vẫn cứ cười sằng sặc...

– Bác Nông! Bác Nông!

Ông giật mình, ngơ ngác:

– Bác Nông!

– A...

Ông uể oải ngồi dậy, bần thần nhìn xung quanh. Mắt người đàn bà đang lo lắng nhìn ông.

– Ôi, tôi chiêm bao. Sợ quá!... Sáng rồi nhỉ?

– Tôi cũng sợ. Gớm, bác hét to quá!

Ông dụi mắt, vươn vai, thủng thẳng nói:

– Tôi già rồi, thần kinh yếu, thỉnh thoảng lại chiêm bao những chuyện thất kinh.

– Già gì, khi nào bác cũng nghĩ đến chuyện già...

Người đàn bà nhìn ông, vẻ trách móc. Khi bắt gặp cái nhìn của ông, chị vội vàng đứng dậy, đi nhanh xuống bếp. Ông biết chị muốn nói gì, vài ngày nay ông lờ mờ nhận ra điều đó...

Ông nhớ có một buổi tối, sau hơn hai tháng sống cùng ông trong căn nhà này, đang ngồi khâu áo cho ông bỗng chị ngước lên, hỏi:

– Bác... này, tại sao bác lại để râu?

Ông nghê nga đọc "Chinh phụ ngâm", ngước lên ngớ ra một chút, rồi cười:

– Chà, thích...

– Thích gì! – Chị làu bàu.

– Chậc, thì nó cũng là một loại bạn bè, khi nào vui thì vuốt ve nó tí chút. – Ông cười to.

– Thôi mà, cạo đi cho rồi. – Chị không cười cúi mặt càu nhàu.

Nhưng mà tại sao cô giáo, tại sao lại phải cạo kia chứ...? Ông ngạc nhiên nhìn thẳng vào mắt chị. Chị quay người, không nói. Lát sau, chị thì thầm:

– Em không thích...

Đáng lẽ khi đó ông phải sà vào ngực người đàn bà kia, hoặc chí ít, phải áp hai bàn tay thô tháp của mình lên má chị để nói một câu gì đó, một câu gì... hình như đã có sẵn trong ngực ông từ lâu... Thế mà không, ông thấy lành lạnh ở xương sống. Ông vùng dậy, đi thẳng xuống bếp. Và ông đứng đực ra, không hiểu mình xuống đây để lấy cái gì!

Sáng hôm sau vẫn "tôi" và "bác" như không có gì xảy ra, nhưng nhìn kỹ gương mặt chị thấy thấp thoáng một nỗi buồn. Ông cũng buồn. Không hiểu vì sao ông cũng rất buồn.

Đã đến giờ vào rừng. Trong bếp, người đàn bà đang đỏ lửa. Ông định nói với chị là ông vào rừng thăm bẫy, chỉ vậy thôi, thế mà ông cứ lần chần, đi đi lại lại. Cuối cùng ông tắc lưỡi đi luôn. Đến gần trưa, khi đã thăm gần hết lượt bẫy, ông mừng rú thấy một con hoẵng đang treo ngược trên cần bẫy của mình. Cái bẫy này ông đặt để săn một con lợn "một" (lợn rừng chỉ còn một móng chân), nhưng con lợn tinh ranh ấy vẫn thoát nạn, chỉ có con hoẵng ngốc nghếch này đã thế mạng cho nó. Biết làm sao chú hoẵng dốt nát? – Ông vừa nói nó vừa lầm bầm – "Giờ này nó đang đứng cười mày đấy, con lợn "một" ấy, hoẵng ạ". Ông vác con hoẵng trên vai trở về. Ông tính con hoẵng này sẽ không bán, ông sẽ mổ thịt mời hàng xóm đến đánh chén một bữa no say. Đã lâu ông chưa có một cuộc nhậu nào cho ra hồn. "Đời một người khi nào cũng bán, bán, bán, còn ra cái gì!", ông nghĩ vậy. Và khi say, ông sẽ bảo cô giáo hát, hoàn toàn những bài dân ca loại hảo hạng cho ông nghe một bữa thật đã đời. Rượu, thịt, ca hát... Có gì đã đời hơn

không? Ông mỉm cười một mình, hăm hở bước. Cũng có thể khi say, thật say kia, ông nói rằng ông yêu con người ấy. Ông tin con người ấy sẽ nhận lời... Đó là lời của ngăn trái quả tim ông, đồng thời khi đó, từ ngăn phải quả tim lại vang lên những lời gắt gỏng: "Không được. Tầm bậy. Nó như con như cháu mình...". Ông bước khập khễnh trên những lối mòn dốc, lắm đá. Con hoẵng mỗi lúc một nặng thêm...

Vừa chạm vào ngõ nhà mình, ông đã hét toáng lên:

– Cô giáo ơi! Ra xem này! Một con hoẵng...

Người đàn bà từ trong bếp chạy ra. Chị nhảy lên reo to:

– Ôi chao, tuyệt! Hoan hô...

Ông cười, vất con hoẵng xuống sân, hể hả tuyên bố:

– Chén hết! Không bán... Tôi sẽ tổ chức một cuộc nhậu tầm cỡ thế giới đại đồng! Cô vào bắc nước sôi đi.

Người đàn bà tung tăng đi đun nước. Chị huýt sáo "Con gái huýt sáo nghe thích thích". Ông tủm tỉm cười. Ông đi loanh quanh con hoẵng một lúc mới sực nhớ ra là cần phải đi mài dao. Ông vừa mài vừa nhẩm tính số đầu người cần mời, có thể làm được bao nhiêu món, những loại gia vị phải kiếm cho ra...

– Ê! Bác Nông! Xin chào con người của núi rừng hùng vĩ!

Ông giụt mình quay lại. Hắn, trời ơi!: Hắn! Hắn đó kìa! Vẫn cái thằng cà kheo, 25 tuổi... vẫn cái va-ly da và cái đàn măngđôlin!

– Ối chà, con hoẵng to quá. Tuyệt! Hắn đặt một chân lên con hoẵng, ngoái về phía ông, cười.

Ông tiến về phía hắn. Trống ngực đập thình thình...

– Anh đi đi...

– Cái gì? – Cái mặt đang hợn hớn của hắn bỗng méo xệch.

– Anh đi đi... Anh cút đi. Cút ngay...

– Ô?

– Cút đi! Tôi bảo... cút đi! – Ông gầm lên.

Hắn vẫn trố mắt nhìn ông, không hiểu đầu cua tai nheo gì cả. Rồi hắn sững người, như mọc dưới đất lên một người đàn bà đứng sừng sững trước mặt hắn. Đó là người đàn bà hắn bỏ rơi. Hắn há hốc mồm nhìn chị. Chị trân trối nhìn hắn, hai thái dương giật giật,

đôi mắt trắng ra, dại hẳn đi. Chị chỉ tay về phía hắn định nói một câu gì nhưng cứ ú ớ... Hắn co cẳng chạy, vất cái va-ly da và cái đàn măngđôlin mà chạy. Ông xách dao rượt theo. Ông đuổi, cốt là để không bao giờ hắn có thể quay lại được nữa...

Ông trở về, mệt mỏi lê từng bước. Rốt cuộc hắn cũng mò về thung lũng này, cái thằng khốn kiếp ấy... Ông bước vào nhà: Trời ơi... người đàn bà đang nhảy múa, những vòng lượn man rợ, những tiếng thét chói tai!

– Đấy nha... đừng có hòng nha... Gió mùa thu mẹ ru con ngủ... Ôi chàng là chàng ơi... Đế quốc Mỹ rút khỏi miền Nam Việt Nam. Cút khỏi! Cút khỏi! Hí ha ha...

Gần như ông bay về chiếc khèn bè. Ông thổi. Lại vang vang các bài dân ca Roaltol và Adângcon. Nhưng lần này chiếc khèn thần thánh của ông hình như đã mất hết hiệu lực. Ông thổi hoài mà người đàn bà vẫn cứ nhảy múa, vẫn cứ hét. Mặt trời đã rụng bên kia đỉnh núi, người đàn bà vẫn còn cuốn theo những vòng múa man rợ, như có con quỷ nào đó đang xốc nách chị tung hê...

Ông không chịu buông rời chiếc khèn bè. Hy vọng trong ông không tắt, không thể tắt được! Nhất định chiếc khèn bè sẽ thắng cuộc, chiếc khèn thần thánh của ông... Ông dồn hết sức lực của năm mươi năm có mặt trên đời này để đẩy hơi vào chiếc khèn bè... Đã rất khuya. Đã gà gáy. Lại gà gáy... Ông cứ thổi, mồ hôi đổ ướt dầm dề thân thể ông. Các làn điệu dân ca Roaltol và Adângcon vẫn nổi chìm trong những tiếng thét điên dại của người đàn bà kia. Và, len lỏi trong các nhịp điệu u sầu của các bài dân ca ấy là một lời ca khác, một lời ca đằm thắm, ngọt ngào từ đáy ngực ông bay lên... "ngủ đi em... ngủ đi... anh đang ru cho em ngủ đây... đang ru đây... cầu cho em tỉnh lại... cầu... anh sẽ không đánh mất em nữa đâu... Không bao giờ..."

Ông thổi hoài, thổi hoài... ông thấy mình nhẹ dần, nhẹ dần... hai chân dường như không bén đất, lơ lửng. Ông nghe tiếng khèn bè đang bay lên, chao đảo, lại lên cao, cao mãi... phía trời xanh.

Trại sáng tác văn học
Suối Hoa –1996

THÙY LINH
(Sinh 1959)

Tên thật của chị là Trần Nguyệt Tuệ, sinh trưởng tại Hà Nội. Thùy Linh tốt nghiệp Học viện An ninh quốc gia khóa 1976-1981, nhưng văn chương lại là nghiệp của chị. Năm 1986-1989 Thùy Linh học trường viết văn Nguyễn Du (Hà Nội) và sau đó tu nghiệp tại Học viện văn học Goocky.

Hiện chị đang công tác tại Hãng phim Truyền hình Việt Nam.

Năm 1986 Thùy Linh đã cho xuất bản tập truyện ngắn đầu tiên của mình: Niệm khúc thiên nga.

Mặt trời bé con của tôi (1983) là truyện ngắn được giải nhất cuộc thi của báo Văn nghệ 1983-1984.

Trong truyện ngắn của mình, Thùy Linh cho mọi người thấy được cái cao cả, cái đẹp, chất lãng mạn sẽ chiến thắng nỗi đau tủi nhục, sự mất mát quá lớn mà cuộc đời giáng xuống con người, giáng xuống tuổi thơ...

*

MẶT TRỜI BÉ CON CỦA TÔI

(truyện ngắn)

Tôi gặp cậu bé Nguyên lần đầu tiên ở nhà một người bạn. Tối hôm ấy đến chơi nhà Hà – đứa bạn thân nhất hồi tôi còn là sinh viên – thấy Hà đang ngồi chơi với một cậu thiếu niên mười bốn, mười lăm tuổi mặc bộ quần áo bộ đội rộng thùng thình. Chẳng hiểu sao tôi bị chú bé ấy thu hút suốt buổi nói chuyện. Có lẽ tại đôi mắt! Đôi mắt như mượn của người lớn lắp vào khuôn mặt còn đầy lông tơ, trông dè dặt và buồn mênh mang. Khi nó cười, thì khuôn mặt bị biến dạng đi, còn vẫn không xua được ánh buồn. Lúc nó về, tôi hỏi Hà được biết, năm Nguyên lên tám tuổi thì bố mẹ bỏ nhau. Thằng anh mười sáu tuổi ở với bố, Nguyên ở với mẹ. Được nửa tháng, thằng anh nhớ em quá nên xin bố cho hai anh em cùng về ở với mẹ. Vài tháng sau, mẹ đi lấy chồng. Theo yêu cầu của người chồng mới, người mẹ bỏ hai đứa con để theo ông ta. Không chịu theo mẹ về với bố dượng hai anh em tự kiếm sống ở với nhau. Năm

Nguyên mười ba tuổi, anh cậu bị bắt đi tù vì tham gia mấy vụ ăn cắp trong nhà máy. Từ đó Nguyên sống một mình.

Hà kể đến đấy thì có khách. Khi về suốt dọc đường tôi cứ nghĩ về cậu bé đáng thương kia. Nhưng tình thương ấy cũng là cơn gió lạ tràn qua, khiến tôi có cảm giác se lạnh trong chốc lát nếu không có một buổi chiều...

Gần hết giờ làm, tôi xin phép trưởng phòng về trước để đong gạo. Đầu tháng, lại sắp tết nên cửa hàng gạo khá đông. Trước tôi có khoảng bốn chục chỗ xếp làng nhàng đủ thứ; bao tải, nón rách, gạch, làn... tôi ngao ngán xếp bao tải vào cuối hàng rồi lên trên đứng. Trước ô cửa bán người ta đứng túm tụm chẳng ra hàng lối. Ai ghi sổ xong phải lách mãi mới ra được chỗ lấy gạo. Tiếng cô bán hàng đang nói với người mua.

– Đong hết nhé, một cân gạo nếp, bảy cân gạo, năm cân mì, năm đồng tám.

– Chị cho em đong một nửa thôi– Người mua là một chú bé.

– Hôm nay không có bao lẻ – Cô ta gắt gỏng.

– Dạ... nhưng... em không đủ tiền.

Hai bên đôi co, những người đứng phía sau lao nhao:

– Đi đong gạo không mang đủ tiền thì làm sao?

– Thôi tránh ra cho người khác lên mua. Mấy ông bà phía trên xích lên cho, đừng để ai chen vào.

Chú bé không mua được gạo lách đám đông chui ra. Hóa ra là Nguyên. Mặt nó bừng bừng, tay cầm cái bao tải bị rách mấy chỗ được buộc túm lại, giận dữ nhìn những người đứng sau vừa phản đối, nó lẩm bẩm câu gì đó rồi bỏ đi. Sau giây phút ngỡ ngàng, tôi chạy theo gọi giật lại:

– Nguyên, quay lại chị bảo.

Nhận ra tôi, đôi mắt dịu đi nó khẽ cười:

– Chị cũng đi đong gạo ạ!

– Em không đủ tiền hả? Chị có đây này, quay lại đong đi.

Nguyên lắc đầu, tôi nắm cánh tay nó lắc nhẹ:

– Tết đến nơi rồi, em còn định để đến hôm nào nữa?

– Dạ... Nó ngập ngừng – Em hết tiền rồi... Vay chị lấy đâu mà trả. Em chẳng đong nữa đâu. – Nó hất nhẹ tay tôi như giận dỗi, bỏ đi. Tôi đứng nhìn theo cái dáng lòng khòng trong bộ áo quần bộ đội rộng thùng thình ấy, cái đầu ngẩng cao vẻ bất cần, tôi chợt hiểu: Nguyên đã khước từ sự thương hại của tôi.

*

Với hoàn cảnh riêng của mình tôi tôi không mặn mà lắm trong việc đón năm mới. Sáng ba mươi tôi dậy sớm đi chợ, nấu nướng. Cả mấy ngày tết, tôi chỉ làm cơm có ngày này, trước là để cúng tổ tiên, ông bà, bố mẹ, sau là để ăn lai rai cả tuần lễ, khỏi phải lịch kịch.

Làm xong, ngồi ăn một mình thấy chán ngắt. Mời mấy đứa bạn nhưng chúng đều từ chối. Cũng phải, tết nhất nhà nào chẳng muốn sum họp đầy đủ, người nào không được may mắn ấy phải chịu. Ăn xong, tôi lấy đĩa thịt gà, đĩa xôi, một khoanh giò, hai cái bánh chưng, gói riêng từng thứ vào tờ báo để đem xuống nhà Nguyên. Sau buổi gặp nó ở cửa hàng đong gạo, tôi nảy ra ý định sẽ tìm đến nhà nó. Mục đích để làm gì tôi không nghĩ đến, chỉ biết Nguyên là đứa trẻ rất đáng thương. Thêm người bạn nhỏ tuổi ấy cũng tốt lắm chứ sao!

Qua ngã tư Cửa Nam, tôi mua một bó hoa hồng trắng. Nhà Nguyên ở gần nhà Hà, nhưng tôi không qua rủ Hà vì sợ mối quan hệ láng giềng sẽ làm Nguyên ngại ngùng. Phòng bốn mươi nhăm, bốn mươi sáu, bốn mươi bảy – đây rồi! Tôi ngập ngừng gõ cửa. Liệu có bị chú bé đuổi ra với túi đồ này không nhỉ? Thái độ của nó hôm đong gạo làm tôi chờn chờn.

– Chị! Sao chị biết nhà em? – Nguyên mở cửa, cười rất tươi chào tôi. Chiếc áo bộ đội mặc vội vẫn chưa cài hết cúc.

Tôi bước vào giữa phòng và chưa biết phải làm gì. Căn phòng ngoài rộng chừng mười hai mét vuông giữa nhà sát tường kê chiếc bàn nhỏ và bốn chiếc ghế, trong góc nhà có một cái tủ con, cánh đã bị mọt thủng lỗ chỗ. Có thể đó là gia sản duy nhất mà bố mẹ nó để lại. Nguyên vào buồng trong, lúc sau đi ra, thấy tôi vẫn đứng như trời trồng giữa nhà, nó kêu lên:

– Chết, chị ngồi xuống ghế đi. Đun bằng "tàu ngầm" đấy ạ, nhanh không? – Nó giơ ấm tích nước còn nghi ngút khói lên, rót ra hai chiếc chén để chồng chơ trên bàn. – Em chẳng có chè đâu, chị uống tạm nước trắng nhé!

– Chị đến chơi, mặc dù chưa được chủ nhân đồng ý. Đứng ngoài cửa lo bị lót lá dắt tay ra ngoài đường, ai dè được chiêu đãi món thanh thủy.

Nghe tôi nói nó cười, nhưng nụ cười ấy nhanh chóng biến mất. Tôi trách mình đã đùa quá sớm. Nguyên ngồi xuống ghế ỉu xìu:

– Cái hôm đi đong gạo em dở hơi quá phải không chị?

– Chuyện vặt ấy mà – Tôi gạt đi. – Thế đã đong gạo được chưa?

– Hôm trước các cô bác xung quanh góp cho em hơn trăm bạc ăn tết. Em đã đong và vẫn còn nguyên đây. – Nó móc túi lôi ra hai tờ năm mươi đồng, một tờ hai mươi đồng và mấy đồng bạc lẻ.

– Chiều nay chị làm cơm cúng ngồi ăn một mình buồn quá, định gọi em xuống nhà chơi luôn, nhưng ngại em... Tôi hất hàm cười với nó.

– Chị ở một mình thôi à?

– Ừ. Tôi kể cho Nguyên nghe qua hoàn cảnh của tôi. Từ lúc đó câu chuyện giữa chúng tôi trở nên thoải mái hơn. Tôi bỗng thấy một chú bé Nguyên khác hẳn, hoạt bát, vui vẻ. Cũng phải thôi, cuộc sống có những nét giống nhau thì dễ đồng cảm và hòa hợp với nhau. Tôi thiếu thốn tình cảm của mẹ từ bé nên rất hiểu sự mất mát ấy trong Nguyên. Nhưng Nguyên khổ hơn tôi gấp vạn lần vì có mẹ mà như không.

Tôi lấy các thứ mang theo từ nhà để lên bàn. Nguyên hấp tấp chạy vào buồng lôi ra hai bát con, một chiếc đĩa và một cái bát ôtô. Nó phân bua:

– Rổ bát nhà em chỉ vậy thôi!

Hà kể cho tôi nghe: một lần bà hàng xóm cho nó mấy miếng thịt kho nó bày lên mâm nhưng để đấy và chỉ ăn muối ớt, ngày hôm sau cũng thế, đến ngày thư ba mới ăn. Thấy tôi trầm ngâm nó hỏi:

– Chị làm sao thế?

– À... không!

– Chị xem, em ăn tết cũng đầy đủ các thứ đây này. Nó đứng dậy đi về phía buồng, vén tấm ni lông, bên trong là chiếc bảng hình chữ nhật. Nguyên kéo chiếc bảng ra giữa nhà, lấy cái ghế chặn phía sau. Trên bảng vẽ lọ hoa đào, mứt tết, bánh chưng, con gà ngậm bông hồng đỏ nằm trên đĩa... Toàn hương vị ngày tết, Nguyên cười:

– Em vẽ đấy, đẹp chứ chị? Giao thừa xong em sẽ kê ở chỗ kia, ai vào cũng thấy ngay.

Tôi không cười được. Sống mũi tôi cay xè như hít phải ớt bột. Tôi sực nhớ bó hoa mua từ lúc nãy vẫn còn để trong túi. Thấy hoa Nguyên chạy lại mừng rỡ:

– Loại hoa này em thích đấy. Để em kiếm cái cắm. Chà, tết năm nay em xôm thật!

Nguyên chạy ra ngoài sân, lúc quay vào mang theo ống bơ đã gỉ. Nó đổ nước vào đấy rồi đưa cho tôi. Tôi giơ chiếc ống bơ lên ngắm nghía, còn đang ngần ngại thì Nguyên giục:

– Chị sợ nó xấu chứ gì? Không lo, em đã có cách, chị cứ cắm vào.

Nguyên lấy hai tờ giấy xanh màu cẩm thạch dán liền lại. Loáng một cái nó đã gấp xong hình chiếc lọ, chụp ra bên ngoài ống bơ. Tôi và nó cùng lùi ra xa ngắm nghía. Tôi trầm trồ:

– Đẹp thật! Hoa trắng trên nền xanh trông rất nổi lại nhã.

Được khen, Nguyên cười gật gù có vẻ khoái chí. Nó kể cho tôi nghe chuyện lớp học, bạn bè như chưa bao giờ có người để nói chuyện. Tôi sống lại thời học sinh với đủ trò nghịch ngợm, khiến nhiều khi bố mẹ, thầy cô phải bực mình. Nỗi buồn man mác ám ảnh tôi suốt cả ngày hôm qua biến đâu mất. Đang kể, chợt nhớ ra điều gì, Nguyên chạy vào buồng, chui tuột xuống gầm giường lôi ra một khúc gỗ dài, một đầu gắn chiếc ống bơ sữa bò trắng tinh, phía trên có thanh sắt dài cong cong. Nguyên lấy tay phủi bụi trên đó như sợ bị đau. Nó khoe:

– Em có cái này nữa cơ. Đàn bầu em tự làm lấy đấy.

Tôi tưởng mình mang đến niềm vui cho Nguyên, không ngờ bị cuốn hút vào thế giới riêng của nó. Hết cái lạ này đến cái lạ khác, vui có, cười ra nước mắt có.

– Bây giờ em đàn cho chị nghe nhé. Nó ghếch một đầu chiếc đàn lên bàn, còn đầu kia để xuống đùi, tay mân mê cái cần cong cong nhìn tôi lưỡng lự – chơi bài gì bây giờ... À phải rồi!

Tiếng đàn rè đục. Tôi chẳng hiểu Nguyên đang chơi bài gì nữa. Một mớ âm thanh lùng bùng bên tai. Một hồi Nguyên ngẩng lên nhìn tôi:

– Chị có biết bài gì không?

– Chịu, em đánh đàn mà cứ như đánh đố ấy.

Nó nhe răng cười đổ lỗi tại cái đàn tự tạo để lâu ngày không đánh nên dây bị gỉ.

– Bài hát này em thích lắm mà không biết đầu đề. Như thế này... Nó e hèm một cái rồi cất tiếng hát bằng cái giọng đang vỡ. *Cầm lá thiếp này lòng hướng vô Nam. Dù xa muôn trùng nhưng tình em vẫn ngàn năm không mờ....* Thôi em chẳng hát nữa kẻo chị lại cười. Chị nghe đoạn này nhé, nghe này...*Tình tình tình gió bay.* Nghe ra chưa?

Tôi rũ ra cười vì kiểu đánh đàn của nó. Mặc tôi cười, Nguyên vừa đánh vừa minh họa bằng lời hát. Hết bài nó hất hàm nhìn tôi:

– Nghe êm chứ chị?

Tôi cũng bắt chước điệu bộ của nó hai tay xoa xoa vào nhau, gật gật đầu ra chiều tán thưởng, nhưng rồi không nín được, tôi cười phá lên. Nguyên ngất ngư cười theo.

Đang vui, Nguyên chậm chạp đứng dậy, dựng đàn vào góc nhà. Nhìn dáng điệu thẩn thờ, buồn bã của nó, tôi hỏi khẽ:

– Em làm sao thế?

– Chị có phải về trước giao thừa không? – Nguyên vẫn đứng góc nhà hỏi, chẳng buồn quay mặt ra.

– Không, chị ở lại đón giao thừa với em. Chị mang theo cả bánh pháo đây này.

– Thật không? Chị ở lại nhá? – Nó quay ngoắt lại, mắt sáng bừng, khiến tôi không dám nhìn thẳng vào đấy. – Thế mà em cứ tưởng...

Hóa ra nó buồn vì tưởng tôi phải về. Nếu Nguyên bé lại một chút hoặc tôi già thêm chục tuổi thì tôi sẽ ôm riết lấy nó vào lòng. Nguyên mấp máy môi định nói câu gì đó nhưng lại thôi, rồi bước nhanh đến bên tôi cuống quýt:

– Chị em mình phải dọn dẹp qua nhà cửa để tý nữa còn đón giao thừa chứ. Chị quét nhà và bày biện lại cho em, em ra đây một tý.

Không đợi tôi trả lời Nguyên chạy vù ra cửa. Lúc quay về cầm theo gói kẹo. Nguyên lấy tờ giấy trắng cắt thành hình hoa và để túi kẹo lên đó.

– Hôm nay được phép chi vào "ngân quỹ". Phải có gì khao chị chứ! Giao thừa xong chị em mình sẽ phá cỗ.

Cỗ của Nguyên là mấy thứ tôi mang đến, thêm túi kẹo nó vừa mua. Tôi bày tất cả lên bàn, cạnh lọ hoa hồng.

Chỉ còn nửa tiếng nữa là giao thừa. Nguyên tìm chiếc que để treo bánh pháo lên đốt. Nó làm rất cẩn thận như chuẩn bị cho một việc trọng đại sắp sữa diễn ra tại đây. Vừa làm, nó vừa nói chuyện với tôi:

– Có mấy thằng bạn rủ em đến nhà nó đón giao thừa. Em chả thích thế, dù sao mình cũng là người lạ.

"Thằng bé nghĩ gớm thật!" Tôi thầm nghĩ: những đứa trẻ như nó thường khôn hơn lũ trẻ cùng tuổi, bởi sớm phải tự quyết định mọi việc của bản thân. Tôi dầu sao cũng còn sự chăm sóc của người cha. Tôi không biết mình sẽ ra sao nếu ba tối mất sớm hơn. Lúc này tôi mới có dịp nhìn kỹ khuôn mặt Nguyên. Phải nói là Nguyên đẹp trai, khuôn mặt thon thả đôi mắt đen mở to được che bởi hàng mi dài cong vút, một đôi mắt đặc con gái. Nhìn hàng ria mờ đen phía trên môi cu cậu tôi bật cười. Nguyên nhìn tôi ngạc nhiên!

– Chị cười gì thế?

– À... Em làm khéo tay hơn con gái ấy – Tôi nói lảng.

– Phải làm cho nó quen tay chứ. Em còn biết khâu nữa cơ. Chị xem này. Nó giơ lưng về phía tôi. Miếng vá bằng bàn tay ở giữa lưng lộ rõ cả đường chỉ.

Tiếng chuông đồng hồ từ vô tuyến ở các nhà xung quanh thong thả gõ từng tiếng. Đó đây đã râm ran tiếng hơi pháo. Nguyên nhìn tôi, hiểu ý, tôi gật đầu.

– Em tắt đèn chị nhé. Để xem ánh lửa từ những quả nổ trông đẹp hơn.

Nguyên xòe diêm châm lửa đốt. Quả pháo cối đầu tiên nổ rất giòn. Mặc dù đã chuẩn bị trước, tôi vẫn hơi giật mình theo phản xạ tự nhiên. Đợi quả pháo cuối cùng nổ xong, tôi bảo Nguyên:

– Năm nay chị em mình sẽ gặp nhiều cái may, vì pháo nổ rất tốt.

Không thấy Nguyên trả lời, tôi nhìn sang. Hai tay vịn vào song cửa sổ, mắt nhìn xa vời vợi. Qua ánh đèn từ ngoài đường hắt vào tôi thấy ở khóe mắt nó hai giọt lệ lớn sắp sửa lăn xuống má. Tự nhiên nước mắt tôi trào ra. Cũng giờ này năm ngoái tôi còn đón giao thừa với ba ở bệnh viện. Nam nay ba bỏ tôi một mình. Ba ơi...

– Chị! Nguyên quay sang tôi giọng nghẹn ngào: Chị... Chị là chị gái của em nhé!

Tôi nhìn nó cười trong khi hai hàng nước mắt kéo vệt trên hai má.

– Nguyên! Chị sẽ là chị của em mãi mãi. Nếu ba còn sống chắc ba sẽ rất thích vì có thêm một cậu con trai đấy!

Nguyên cười rồi đưa tay lên quệt má. Tôi chẳng buồn lau mặt nữa. Chúng tôi đứng như vậy nhìn ra phía xa sáng rực ánh đèn các màu. Xung quanh là tiếng pháo nổ khi xa khi gần, liên tục. Một năm mới bắt đầu.

*

Mẹ tôi mất năm tôi lên tám tuổi, cái tuổi bắt đầu cảm nhận được tình yêu của người mẹ đối với mình một cách có suy nghĩ. Tôi còn nhớ mấy hôm sau khi mẹ mất, ba không khóc nhưng thường nhìn tôi thở dài. Lúc ấy trông ba có vẻ suy nghĩ ghê lắm. Một lần

đi học về tôi khoe với ba là cái Thúy được mẹ nó may cho một cái váy rất đẹp. Mấy hôm sau, thấy ba sưu tầm được ở đâu rất nhiều tranh ảnh những đứa bé mặc váy hỏi tôi thích kiểu nào, rồi ba mang váy đến nhà người quen nhờ họ hướng dẫn cắt và tự tay ba khâu cho tôi. Tứ đó đến khi tôi học hết cấp ba, quần áo của tôi đều do ba may cho. Tốt nghiệp Đại học, ba giục tôi lấy chồng, nhưng tôi bảo chưa tìm được người tâm đầu ý hợp, ba đùa yêu: thế *tâm* với *ý* của con thế nào để ba chọn giùm. Thực ra trong thâm tâm, tôi rất sợ lấy chồng mà phải về nhà chồng, để ba không ai chăm sóc. Hơn nữa chẳng may phải người không tốt, họ đối xử tệ bạc với ba thì tôi sẽ ân hận suốt đời. Năm ngoái ba mất vì bệnh ung thư phổi, tôi đã trải qua giờ phút kinh hoàng khi nghĩ rằng chỉ có một mình tôi ở trên đời.

Trước đây và bây giờ tôi rất nhiều bạn bè, chúng thường xuyên đến chơi với tôi, an ủi tôi làm tôi đỡ đi phần nào cảnh cô đơn. Bọn tôi thường tổ chức các buổi nói chuyện, vui chơi, ăn uống ngay tại nhà tôi. Lúc ấy, tôi rất vui vẻ. Khi mọi người ra về, mình tôi đối diện với bốn bức tường của căn phòng thì sự trống trải lại xâm chiếm tôi.

Cuộc sống của tôi từ ngày có Nguyên khác hẳn. Chúng tôi đến với nhau tự nhiên như sinh ra trên đời này là để có nhau. Tôi cảm thấy thời gian nhàn rỗi của mình có ích hơn khi phải bận rộn, lo toan cho cả người khác. Mặc dù tôi nói bã bọt mép, Nguyên vẫn không chịu từ bỏ nếp sống cũ: sáng đi học, chiều tự học, tối gánh nước thuê cho mấy hàng phở ở đầu phố để kiếm sống. Quen Nguyên một thời gian tôi mới biết, hơn năm nay nó không hề nhận một đồng nào của bố mẹ nó gửi về cho. Nếu họ đến thăm thì nó tìm cách lẩn trốn. Hàng xóm láng giềng khuyên nó không nên như thế Nguyên chẳng nói gì nhưng lần sau vẫn lặp lại như cũ. Người ta bắt gặp có lần Nguyên đứng ở cửa sổ nhìn theo bóng mẹ nó đi chiếc *Diaman* cho đến khi khuất hẳn. Đôi mắt vốn đã buồn lại buồn hơn. Tiếp xúc với Nguyên tôi thấy thằng bé có một nghị lực ghê gớm mà tôi không có được. Sống trong môi trường như vậy mà Nguyên vẫn giữ được mình thật là hiếm!

Học hết lớp chín, Nguyên nói với tôi là xin đi làm. Tôi khuyên thế nào nó vẫn một mực: em không thể nào sống dựa vào lòng tốt

của người khác mãi được. Có điều kiện em sẽ học sau, em hứa với chị như vậy!

Sau khi cân nhắc khá lâu, tôi đã kiếm được việc làm cho Nguyên theo nguyện vọng của nó. Công việc chủ yếu là phụ việc cho các họa sĩ trong một xưởng họa. Chỗ đó tuy lương ít hơn mấy nơi khác mà tôi đã hỏi, nhưng yên tâm hơn vì Nguyên học hỏi được nhiều điều ở bậc đàn anh cho cái nghề nghiệp mà nó mơ ước và đã chớm bước vào. Hôm lĩnh tháng lương đầu tiên, Nguyên phóng xe thẳng một mạch về nhà tôi, mồ hôi nhễ nhại, một tay thu ra phía sau, khuôn mặt sáng bừng. Chưa khi nào tôi thấy nó tươi tỉnh như thế:

– Hôm nay em được lĩnh lương. Thế là em đã làm ra tiền rồi nhé. Em mua cho chị cái này, đoán xem, cái mà chị vẫn thích ấy.

Thấy tôi đoán sai, nó sốt ruột giơ bắp ngô nướng ra, dứ dứ rồi lại rụt nhanh về.

– Có thế mà đoán không ra.

– Ôi! Đưa cho chị đi Nguyên, chị thèm chảy nước miếng ra đây này. – Tôi kêu toáng lên.

Nguyên rối rít kể chuyện các anh chị ở cơ quan đã chúc mừng nó ra sao, có anh còn tặng nó một chiếc túi để đựng đồ đi làm. Với nó, đó là sự kiện trọng đại trong đời.

– Em mới đi làm một tháng mà thấy khỏe hẳn ra. Chị xem này – Nói đứng dậy vươn vai, hít căng lồng ngực hãy còn phẳng lì của đứa trẻ đang lớn. Trong thâm tâm, tôi luôn mơ ước Nguyên sẽ trở thành một họa sĩ nổi tiếng. Sự mong mỏi ấy nhiều khi trở thành niềm tin chắc chắn trong tôi, bởi Nguyên rất có năng khiếu hội họa và giàu nghị lực.

Chị em quý nhau như vậy nhưng bất cứ sự giúp đỡ nào của tôi hơi thiếu tế nhị một chút là Nguyên khéo léo từ chối ngay. Tôi gọi đùa nó là "mẹ chồng" bởi cái tính khe khắt ấy. Nó cười rồi nói với giọng buồn buồn: "Ở hoàn cảnh em dễ bị người ta nghĩ xấu. Anh em đã vậy, có người cũng tưởng em rồi cũng thế". Cho đến bây giờ tôi vẫn chưa hiểu hết lòng tự trọng của những đứa trẻ như Nguyên lớn đến mức nào?

Một lần, tôi và Nguyên đi chợ, nó xách làn lẽo đẽo đi sau. Gặp một thanh niên mù ăn xin, tôi để vào mê nón anh ta đồng bạc. Lúc ngẩng lên bắt gặp ánh mắt khinh bỉ và mỉa mai của Nguyên. Ra khỏi cổng chợ, nó bảo:

– Sao chị lại cho anh ta? Anh ta vẫn còn khỏe mạnh kia mà?

– Ai muốn vậy đâu em. Em không thấy anh ta mù sao?

– Anh ta mù thì còn chân tay. Thiếu gì việc dành cho người mù, việc gì phải đem khuyết tật của mình để cầu xin của bố thí của người ta. Thà chết đói còn hơn!

Nguyên nói cũng có lý, nhưng nghe cái giọng lạnh lùng ấy tôi không thể chịu được. Tôi bực bội hỏi:

– Em đừng tàn nhẫn như thế. Các cụ đã bảo "giàu hai con mắt, khó đôi bàn tay" đó sao? Nghiêm khắc với mình nhưng phải rộng lượng với người khác chứ!

Suốt dọc đường về, tôi và Nguyên không tranh luận gì thêm. Có lẽ nào nó lạnh lùng với đau khổ của người khác đến thế được chăng? Hay nó bị mất mát quá nhiều trong tình cảm đến mức chai sạn nên khó rung động với nỗi đau của người khác? Nguyên lặng lẽ đi bên tôi, có thể nó liên tưởng đến chuyện của nó. Được, càng hay!

Cuộc sống của chị em tôi êm ả trôi đi. Từ ngày Nguyên đi làm, tôi bắt nó mỗi tháng dành mười đồng gửi tiết kiệm, nói đùa là để cưới vợ. Nó xấu hổ nói lảng: "Nếu thế em chẳng để dành nữa". Ở một mình, nó lôi bạn bè về nhà bày bừa khiếp lên được. Tranh vẽ treo lộn xộn khắp tường, bột màu rơi loang lổ trên nền nhà, chỗ cái ấm, chỗ cái chén. Tuần nào tôi cũng phải lên dọn dẹp hộ nó, nhưng chỉ ngày hôm sau lại đâu vào đấy. Tôi, Nguyên và bạn bè nó thường tổ chức những chuyến chơi xa vào ngày thứ bảy, chủ nhật. Tụi nó mang theo đồ nghề, tới nơi nào có phong cảnh đẹp là mải mê ngồi vẽ và phân công tôi lo bữa ăn. Biết công việc của tôi hay cần đến sách vở, Nguyên rất chịu khó đi lùng các hiệu sách tìm mua cho tôi những cuốn truyện, sách nghiên cứu vừa in. Không hiểu học được ở đâu, nó viết một câu to tướng dán vào tủ sách của tôi: "Kẻ nào cho mượn sách là kẻ ngu. Kẻ nào giả sách lại còn ngu hơn". Tôi thuyết phục mãi nó mới chịu bỏ đi...

Thứ bảy, tôi về sớm một chút, đi mua mấy lạng thịt làm bún chả và gọi dây nói báo cho Nguyên về ăn cơm. Đợi đến bảy giờ tối, vẫn chưa thấy nó đâu, tôi sốt ruột đi ra, đi vào. Gần tám giờ, Nguyên mới lò dò về đến cửa đã liến thoáng không kịp để tôi hỏi han câu nào:

– Chị chờ em lâu lắm phải không? Em có chút việc ở cơ quan. Em đói điên lên đây này. Hôm nay em sẽ ăn hết những thứ chị làm cho mà xem.

– Thì rửa mặt đi đã nào! – Ngồi ăn, Nguyên kể cho tôi nghe hôm qua ở cơ quan nó có đợt khám nghĩa vụ, trúng tuyển năm người, xưởng họa của nó cũng có một anh đi đợt này.

– À quên mất, em được cơ quan cho đi học đấy.

Nó móc túi lấy tờ giấy đưa tôi xem. Đó là công văn quyết định của Nguyên nghỉ công tác từ tháng chín để ôn thi vào trường Cao đẳng mỹ thuật. Nguyên có bằng cấp III bổ túc văn hóa. Gần cuối bữa ăn, Nguyên bảo tôi:

– Chị ơi, em... em... Nó bỏ lửng không nói tiếp. Tôi bỏ bát bún đang ăn dở nhìn nó khó hiểu. Thảo nào đang lúc nói chuyện, tôi có cảm giác như nó định nói chuyện gì đó nhưng còn ngần ngại.

– Chị tính xem em nên đi học hay đi bộ đội? – Nó nhìn tôi không chớp mắt.

Thật khó trả lời. Lâu nay tôi vẫn là người chị khuyên bảo nó lời hay lẽ phải. Bây giờ sẽ phải nói với nó ra sao? Đi bộ đội hay đi học? Nếu suy bì hơn thiệt thì đi học sẽ tốt hơn nhiều. Nguyên sẽ có cả một tương lai mà tôi hằng mong mỏi cho nó. Nhưng khi nó đã cân nhắc giữa việc đi học và đi bộ đội thì có nghĩa nó đã nhận thức được vai trò của người thanh niên và sẵn sàng chấp nhận những khó khăn, vất vả của người lính. Tôi nhìn Nguyên và bỗng thấy nó già dặn hẳn lên. Ừ, nó mười tám tuổi rồi còn gì! Tôi biết, Nguyên đã quyết định, chỉ vì tôn trọng tôi nên mới hỏi như vậy.

– Cái đó tùy em – Tôi nói chậm rãi, mắt không rời vầng trán thông minh được phủ bởi lọn tóc đen phía trước của Nguyên. – Em đã lớn, chị tin em sẽ có quyết định đúng đắn. Nhớ bảo sớm cho chị biết ngày đi.

– Đấy em biết mà, chị bao giờ cũng nói điều phải... Nó ngập ngừng rồi nói rất nhanh: – Hơn nữa em ra đi để bù lại phần nào lỗi lầm của anh em, để người ta hiểu những đứa như em hơn.

Nguyên cầm đĩa và trút hết chả còn lại vào bát của tôi:

– Chị ăn đi, em gắp cho chị chẳng được bao lâu nữa. Hôm nay em đã khám sức khỏe, loại A1 nhá. Chị cứ chê em còm nữa đi.

Ăn xong, Nguyên giành việc rửa bát. Trước khi bê mâm, nó còn lấy khăn mặt ướt và rót cốc nước đưa cho tôi.

*

Thế là Nguyên đi bộ đội đã được sáu tháng. Vắng Nguyên tôi thấy cửa nhà vắng vẻ hẳn. Mỗi tháng Nguyên thường viết cho tôi ba, bốn lá thư. Chẳng có chuyện gì xảy ra mà nó không kể, nào là bà chủ nhà rất thương hay để dành cho củ khoai, củ sắn mỗi khi đi tập về; nào là các trò nghịch ngợm của các cậu lính trẻ... Nó viết: "... Ngoài giờ luyện tập em vẫn tranh thủ vẽ thêm, nghỉ lâu sợ cứng tay mất. Được nhiều nhiều em sẽ gửi về cho chị xem, góp ý và giữ hộ em. Em rất khỏe. Tăng ki-lô so với hồi ở nhà, da đen hơn trông như anh nông dân ấy, chắc chị không nhận ra mất". Thư tôi nhận được cách đây hai tuần Nguyên báo đã đi lên biên giới phía Bắc. Trước đây, tôi chưa khi nào hỏi mà cũng chẳng nghe thấy Nguyên nhắc đến bố mẹ. Đột nhiên hai hôm trước ngày lên đường, Nguyên hỏi tôi:

– Chị thấy em có nên đến chào bố mẹ em không?

Hóa ra trong tâm hồn Nguyên vẫn còn một góc không nhỏ dành cho những người đã sinh ra rồi bỏ rơi mà tôi cứ tưởng không bao giờ Nguyên tha thứ cho họ. Hồi còn bé chỉ là sự giận dỗi, tức tối của con trẻ không được người lớn vuốt ve âu yếm. Nhưng khi lớn lên hiểu biết hết mọi việc diễn ra xung quanh, một mặt nó phán xét, một mặt thèm khát tình yêu của bố mẹ. Bằng cách có thể xa, nhưng ranh giới giữa tình yêu và sự căm thù thực là mỏng manh. Nguyên không căm thù bố mẹ nó, nhưng tình yêu ngày một cạn đi khiến người nó khô cằn. Chính cái đó mới là điều đáng sợ. Tôi rất mừng khi nghe Nguyên nói.

Tối hôm ấy, tôi chuẩn bị cho nó quần áo đẹp nhất và giục đi. Khi Nguyên về, tôi không hỏi chuyện nhưng nhìn đôi mắt nó tôi đoán được chuyện gì xảy ra. Đôi mắt đẹp ấy buồn hơn nhưng bớt sự lạnh lùng, chua chát. Bây giờ tôi mới chợt hiểu sức mạnh ghê gớm của tình yêu mà tạo hóa đã ban cho con người!

Một năm nữa lại trôi qua. Một năm Nguyên làm anh bộ đội...

Tối nay như mọi tối khác. Viết xong bài báo để nộp cho phòng, tôi lôi len ra đan. Đứa bạn đi công tác ở Đức về cho nửa cân len màu xám, tôi dành để đan cho Nguyên. Mầu này rất hợp với đàn ông, hơn nữa ở biên giới mùa đông rất lạnh. Nguyên thường viết thư kể cho tôi nghe về bông tuyết đầu mùa phủ long lanh trên tán lá rừng... Đan thì đan chứ biết làm thế nào mà gửi cho Nguyên được. Khoảng mười giờ đang định dọn dẹp giường đi ngủ thì có tiếng gõ cửa. Ai đến chơi khuya thế nhỉ? Hay là Nguyên về? Tôi mừng rỡ đứng dậy, thì cánh cửa hé mở. Trước mắt tôi là anh bộ đội trạc ba mươi tuổi, quần áo bám đầy bụi đất. Chắc anh ta vừa đi qua chặng đường dài khá vất vả. Thấy vẻ ngạc nhiên, bối rối của tôi, anh ta nói luôn.

– Tôi là Trung, cùng đơn vị với Nguyên.

– Thế ạ! Mời anh vào chơi. Anh vừa trên đó về?

Tôi hấp tấp đi pha nước, hỏi chuyện rối rít khiến khách không nói được câu nào. Bất giác, tôi quay lại nhìn Trung. Anh ta quay mặt đi khi bắt gặp cái nhìn của tôi. Tôi linh cảm có chuyện chẳng lành. Trung vẫn ngồi mân mê cái mũ mềm trong tay. Không chịu được không khí căng thẳng ấy, tôi run run hỏi:

– Có chuyện gì xảy ra với Nguyên phải không anh?

– Vâng... Nguyên... hy sinh.

Anh ấy nói gì thế nhỉ? Tôi thấy mình đang ngồi trên con thuyền bồng bềnh, các bức tường nhà chao đi, chao lại. Tiếng Trung rơi lõm bõm vào tai tôi như tiếng người thở đứt quãng... Chúng tôi đi trinh sát thì lọt vào ổ phục kích của địch... Gần hết đạn mà địch vẫn tràn lên rất đông... Anh Trung phải quay lại báo cáo cho đơn vị biết thôi... Không!... Nghe em, anh còn bé Sơn, đừng để bé Sơn phải mất bố... Tôi hạ sỹ Nguyễn Thành Nguyên ra lịnh cho binh nhất Nguyễn Thành Trung phải chấp hành mệnh lệnh... Khi đơn vị tôi diệt xong

ổ phục kích của địch, đến nơi thì Nguyên đã tắt thở, trên người có chín vết đạn bắn vào... Bóng đèn giữa nhà tỏa ra quầng xanh, đỏ, vàng giống như ánh đèn các mầu rọi vào chỗ chị em mình đứng đón giao thừa hôm nào, đúng không Nguyên?... Có phải Nguyên đấy không?.. Đừng buồn chị nhé, đi bộ đội về em sẽ học cho ra trò cho mà xem... Em sẽ vẽ tặng chị bức tranh to đúng bằng người chị hôm cưới... Mặc thử áo len này đi, chị đan cho em đấy... Ôi, em không giơ tay lên được; đau quá, chúng nó bắn em, cái bọn giặc Tàu ấy. Chúng tưởng thế là chia rẽ được chị em mình chắc...

Ai để hòn than lên ngực tôi thế này? Trời ơi, bức bối quá! Cả chiếc khăn quàng cổ này nữa, vứt đi! Đột nhiên người tôi run bắn lên như chạm phải lửa, nước mắt cứ thế chảy ra không sao ngăn được. Hãy chỉ đứa nào bắn em, Nguyên, chị sẽ trả thù cho em. Đừng bỏ chị, em ơi...!

Không biết tôi sẽ ngồi khóc bao lâu nếu Trung không kéo tôi trở về với thực tại.

– Chị hãy bình tỉnh lại. Nguyên dặn tôi đồ đạc của cậu ấy đưa về cho chị. Đây...

Trung đưa cho tôi chiếc ba lô đã bạc màu đang để dưới chân bàn. Anh xin phép ra về vì đã khuya, trước khi ra cửa, anh còn quay lại bảo tôi:

– Chị đừng tỏ ra mềm yếu; Nguyên không thích thế đâu.

Câu nói ấy như một liều thuốc làm ngưng đọng mọi cảm xúc, mọi suy nghĩ trong tôi: ngưng đọng cơn hoảng loạn đang xâm chiếm tôi. Tôi ngồi lần giở ba lô của Nguyên. Có hai bộ áo quần bộ đội bạc màu. Còn một chiếc áo bộ đội nữ, có lẽ là chiếc áo mà Nguyên đã viết thư kể cho tôi: "Em lấy chiếc áo mới phát nhờ cô cấp dưỡng cắt và tự tay khâu lấy cho chị. Chẳng hiểu có vừa với người chị không?". Một tập tranh vẽ cuộn tròn rất kỹ, xếp giữa mấy bộ quần áo. Và cuối cùng là chiếc hộp sắt nhỏ, dẹt, hình chữ nhật. Tôi mở ra, bên trong có ba bức ảnh đã ngả màu vàng. Một bức ảnh đàn ông, một bức ảnh phụ nữ, đằng sau là chữ Nguyên viết hồi còn bé "Đây là bố", "Đây là mẹ". Còn bức ảnh thứ ba, đứa bé đang lẫy đằng sau có ghi dòng chữ: "... Mặt trời bé con của mẹ".

Lần giở được những thứ ấy ra, chân tay tôi mỏi rã rời như vừa phải làm một việc quá nặng. Không buồn mắc màn, tôi với tay tắt đèn rồi nằm vật ra giường, với chiếc áo len đang đan giở úp lên mặt...

*

Bạn bè, người quen hỏi thăm tôi về Nguyên, thì hoặc là tôi né tránh câu trả lời, hoặc là tôi nói thật điềm tĩnh: "Nguyên hy sinh rồi!". Đó là điều không thể có trong tôi trước đây, một người không biết kiềm giữ niềm vui hay nỗi buồn lâu. Sao lại thế? – Tôi không trả lời rành rẽ được, chỉ biết đó là ảnh hưởng của Nguyên đối với tôi. Em kiên quyết và bình tĩnh trong khó khăn, vui buồn của cuộc sống ngay từ những ngày em chưa làm người lớn. Và, chính vì vậy em sống có trách nhiệm biết bao!

Tôi đã tìm đưa cho bố mẹ Nguyên ảnh chân dung họ thời trẻ. Họ đã khóc. Người đàn ông gục mặt vào song cửa, lặng lẽ lau mắt, còn người phụ nữ thì òa lên. Cả hai nơi tôi không ngồi lại lâu, chẳng phải vì tôi ghét bỏ họ, trái lại tôi còn thương họ nữa, quả thật tôi không thể nói chuyện với họ được. Còn bức ảnh trẻ đang tập lẫy thì tôi giữ, tôi thấy mình có quyền làm việc ấy. Giữ bức ảnh đó, là giữ mãi hình ảnh của Nguyên khi buồn bã, khi cười đùa... là giữ mãi một cuộc đời cho cuộc đời mình. Con người đi qua, ánh sáng còn để lại mãi, phải vậy không? Và, em là mặt trời bé con của chị, phải vậy không, Nguyên?

Tháng 8–1983

NGUYỄN HUY THIỆP
(Sinh 1950)

Ông sinh tại Thanh Trì – Hà Nội, tốt nghiệp Đại học Sư phạm Hà Nội năm 1970. Tổ tiên ông là người Chiêm Thành bại trận, bị người Việt đưa về đây. Bây giờ nơi đây đã thành quê hương của những người Chăm còn lại một thời...

Ra trường, Nguyễn Huy Thiệp theo sự phân công của ngành giáo dục, lên Tây Bắc dạy học. Ông học sử và dạy sử. Mười năm ở Tây Bắc cũng là mười năm Nguyễn Huy Thiệp tiếp cận trực tiếp cuộc sống vô cùng khó khăn của mỗi số phận con người Tây Bắc. Ở đó con người hình thành những tính cách khác nhau, khi cam chịu, khi dữ dội, quyết liệt, khi rất thông minh, sáng suốt khi lại đầy chất hoang tưởng, bạo lực...

Chính mười năm ấy giúp Nguyễn Huy Thiệp nhìn đời không qua bất kỳ một lăng kính nào. Vốn sống rất phong phú, nắm bắt sự vật trong tư duy biện chứng của một nhà sư phạm, tôn trọng tính trung thực của một sử gia giúp Nguyễn Huy Thiệp có nhiều tác phẩm được bạn đọc yêu thích.

Với Nguyễn Huy Thiệp, cuộc đời hình như không cần nhà văn tô vẽ. Bản thân cuộc đời sinh động đa màu sắc, có ác và có thiện, có sáng suốt thông minh và có ngu muội, có đẹp, thật đẹp, và có xấu, cực xấu.

Mỗi nhân vật của Nguyễn Huy Thiệp đều mang những tính cách khác nhau, như được khắc, được họa bởi những chi tiết rất đời thường có khi rất cao thượng, nhưng có khi rất tầm thường, dung tục nữa... Con người là thế, con người Việt Nam là thế. Có người không thích Nguyễn Huy Thiệp vì trong tiềm thức của tác giả thật khó có sự hoàn mỹ, hoàn thiện trong mỗi con người, ngay cả vĩ nhân cũng là Con Người. Ở mỗi Con Người tự thân khi sinh ra, lớn lên, sống giữa đời thường, giữa những bối cảnh xã hội có nhiều nghịch cảnh, thật không dễ thoát ra khỏi những tác động tích cực và tiêu cực, tốt và xấu, cao thượng và hèn đớn...

Nguyễn Huy Thiệp xuất hiện vào những năm đầu thời kỳ đổi mới. Khi truyện ngắn Tướng về hưu được đăng trên báo Văn nghệ Hội Nhà văn Việt Nam, dưới thời Nguyễn Ngọc làm Tổng biên tập, thì một luồng gió mới trong văn nghệ đã làm rung chuyển bao tâm hồn, bao con tim của bạn đọc. Có người bị "xốc" vì thấy cuộc đời như lâu nay mình nghĩ, mình tưởng sao lại nhẫn tâm quá! Chua chát quá! Nhưng cũng không

ít bạn đọc bình tĩnh chấp nhận sự thật buồn lâu nay còn lẫn trong những hào quang.

Suy cho cùng, tôi nghĩ, văn học ngoài tính dự báo, còn là sự khám phá những cái còn tranh tối tranh sáng, những cái ẩn khuất giữa những ánh pha lê rực rỡ của xã hội. Nguyễn Huy Thiệp dám nhìn vào sự thật giữa lúc nhiều người còn e dè, còn phân vân. Suy cho cùng, mỗi thế hệ đều có "cách đi" của mình, cách tư duy của mình. Nguyễn Huy Thiệp giương ngọn cờ cho thế hệ anh và anh được bạn đọc đón nhận, tuy cũng không ít người còn do dự, thậm chí còn khó chịu. Nhưng qua thời gian, anh đã được thử thách, tác phẩm anh được đánh giá đúng mức hơn, hiện tượng lên án anh, khen chê anh dần dần rút ngắn khoảng cách lại. Và đấy chính là thành công của Nuyễn Huy Thiệp.

Về căn bản tác phẩm Nguyễn Huy Thiệp nằm trong dòng hiện thực, nhưng cũng không ít tác phẩm của ông lại hàm chứa những thi vị, những lãng mạn, như cổ tích, như huyền thoại thời hiện đại.

Tác phẩm chính: Ngọn gió Hua Tát (truyện ngắn, 1989); Tướng về hưu (truyện ngắn, 1989); Nguyễn Huy Thiệp (tác phẩm và dư luận, 1990); Con gái thủy thần (truyện ngắn, 1992); Như những ngọn gió (truyện ngắn, 1995); Tuyển tập Nguyễn Huy Thiệp (1996)...

HOÀNG LẠI GIANG

*

CON GÁI THỦY THẦN

(truyện ngắn)

"Cái tình chi
Mượn màu son phấn ra đi..."
(Lời hát cổ)

TRUYỆN THỨ NHẤT

Chắc nhiều người còn nhớ trận bão mùa hè năm 1956.

Trận bão ấy, ở bãi Nổi trên sông Cát, sét đánh cụt ngọn cây muỗm đại thụ. Không biết ai nói trông thấy có đôi giao long quấn chặt lấy nhau vẫy vùng làm đục cả một khúc sông. Tạnh mưa,

dưới gốc cây muỗm, có một đứa bé mới sinh đang nằm. Đứa bé ấy là con thủy thần để lại.

Dân trong vùng gọi đứa bé ấy là Mẹ Cả. Ai nuôi Mẹ Cả, tôi không biết, nghe phong thanh ông từ đền Tía đón về nuôi. Lại đồn thím Mòng trên phố chợ đón về nuôi. Lại đồn các *xơ* trong nhà tu kín đón về, đặt tên thánh cho Mẹ Cả là Gianna Đoàn Thị Phượng.

Chuyện Mẹ Cả ám ảnh tôi suốt thời niên thiếu. Một bận, mẹ tôi đi chợ Xuôi về, kể chuyện Mẹ Cả cứu hai cha con ông Hội bên Đoài Hạ. Ông Hội làm nhà, mang đứa con gái tám tuổi đi đào cát. Hố cát khoét hàm ếch, sụt xuống, vùi lấp cả hai cha con. Mẹ Cả đang bơi trên sông, trông thấy, hóa phép thành ra con rái cá ra sức đào bới, cứu được hai người.

Một lần, ông Tư Chung đào giếng bảo đào được cái trống đồng. Phòng văn hóa huyện về xin mang trống đi. Khi qua sông, tự dưng sấm chớp đùng đùng, sóng to gió lớn cộn lên. Mẹ Cả bơi trên sông bảo: "Vứt trống xuống đây". Thuyền chòng chành sắp ụp, mọi người đành vứt trống xuống cho Mẻ Cả. Mẹ Cả ngồi trên mặt trống đánh thùng thùng. Thế là sấm tan mưa tạnh. Mẹ Cả ôm trống lặn xuống đáy sông.

Chuyện Mẹ Cả lung tung lắm, nửa hư nửa thực. Tuổi thơ của tôi u buồn và bề bộn việc, mà việc nào cũng vất vả cả, tôi cũng chẳng có thì giờ để ý đến chuyện người dưng.

Nhà tôi làm ruộng, đào đá ong và làm thêm nghề lột giang đan mũ. Làm ruộng chẳng nói, ai cũng biết rồi, chẳng dễ dàng gì. Mười bốn tuổi, tôi là thợ cày chủ lực trong hợp tác xã. Bốn giờ sáng, ông đội trưởng đội cày gọi cổng: "Chương ơi, hôm nay cày chân ruộng Gò mả nguỵ nhé!". Thế là tôi bổ dậy, ăn vội vàng bát cơm nguội rồi đi. Trời còn tối, chuột đồng chạy rào rào trong các vạt ngô ven bãi. Tôi nửa thức nửa ngủ, chân nam đá chân chiêu, cứ nhằm phía quầng sáng điện thị xã mà đánh trâu đi. Chân ruộng Gò mả nguỵ ở đó. Đây là chân ruộng xấu nhất cánh đồng, đất cằn bạc phếch bạc phơ, thỉnh thoảng lại có đá ngầm. Tôi cày một mạch đến trưa, thấy đứng bóng thì tháo trâu về. Mẹ tôi bảo: "Chương ơi, ông Nhiêu dặn đá ong nhà mình tháng này thiếu tám chục viên, hôm trước bố con mới nộp hơn bốn trăm viên". Tôi vác thuổng đi lên đồi Sậy. Đá ong đồi

Sậy thường chỉ đào được sáu lớp thì hết một vỉa, đến lớp đất thịt. Đá ong chỉ đào được những hôm nắng. Hôm mưa thì bùn nhão nhoét, đỏ cành cạch, đá bở. Thường một buổi chiều cật lực, tôi đào dược hai chục viên. Ông Nhiêu đi qua khen: "Có nghề lắm. Ngày xưa tao đào có lần xắn mẹ phải ngón chân cái". Ông chìa bàn chân đi dép cao su cho tôi nhìn thấy ngón chân bị cụt. Chân của ông Nhiêu là chân Giao Chỉ, ngón cái không thẳng mà tõe hẳn ra. Chân này chắc chẳng giày nào mà vừa được. Buổi tối, tôi ngồi lột nan. Giang mua của cánh lái bè, về cạo ra, chặt bỏ mấu, pha nhỏ, cho vào nồi luộc, sau đó phải hấp diêm sinh, mang đi phơi khô, bó lại gác lên nóc nhà. Khi làm thì ngâm vài ngày rồi lấy dao lột. Lột giang phải thật cẩn thận, lột bằng thứ dao đặt ở thợ rèn, lưỡi mỏng dính, đứt tay như chơi. Khi lột, lòng, cật để riêng, sau đó tách thành từng sợi đều đặn thuê trẻ con đan. Mỗi cuộn là hai chục mét, bán cho người có máy khâu may mũ. Mẹ tôi bảo: "Nghề này chẳng giàu được đâu nhưng mà có việc quanh năm để trẻ khỏi nghịch". Những đứa em tôi, bốn tuổi đã biết đan rồi, tay cứ nhoay nhoáy suốt ngày, đi đâu cũng có bó nan cắp nách. Gà gáy canh ba tôi mới đi ngủ. Một ngày đầy ắp công việc. Giấc ngủ kéo đến. Hình ảnh Mẹ Cả chen vào giấc ngủ ở một khe hở nào đó rất nhỏ, không phải thường xuyên, tôi không chắc một năm đã được một lần.

Một dạo, ông Hai Thìn bấy giờ lên chức chủ nhiệm hợp tác xã bảo tôi: "Chương này, trai tráng trong làng đi bộ đội cả, mày thật thà, tao tính rút mày lên làm kế toán, nhưng mày trình độ văn hóa kém quá, thôi mày làm ban kiểm tra với bảo vệ vậy". Tôi hỏi: "Làm ban kiểm tra thì phải làm gì?". Ông Hai Thìn bảo: "Ban kiểm tra là xem chúng tao có ăn bớt ăn xén gì không thì mách với ông Phượng bí thư xã biết. Làm bảo vệ thì hợp tác xã có bãi mía đấy, quân bãi Nổi cứ đến ăn trộm, mày vác súng ra, thấy đứa nào ăn trộm thì bắn chỉ thiên cho chúng nó sợ". Tôi bảo: "Ban kiểm tra cháu chẳng làm đâu, hay gì chuyện mách lẻo. Cháu làm bảo vệ".

Bãi mía ven sông rộng vài chục mẫu, gác cũng khó. Tôi làm một cái chòi, lên đấy nằm đọc truyện. Đọc chẳng vào. Tôi ngủ thiếp đi lúc nào không biết. Có lần mơ thấy đi cày, cày hết chân ruộng Gò mả ngụy thì đến thị xã, cứ cày mãi, dân thị xã phải dắt nhau chạy. Có lần mơ thấy đào đá ong, xắn phải ngón chân cái, một lúc

sau ngón chân cái lại tự mọc ra, lại xắn phải lần nữa, cứ thế vài chục lần, lần nào cũng đau lắm. Lại có lần mơ thấy lột giang, dao cứa đứt cả năm ngón tay, khi ăn cơm phải vục mặt xuống như chó. Đại để giấc mơ của tôi là thế, toàn những việc làm hàng ngày, chẳng ra gì cả. Đấy là vì tôi nghèo tưởng tượng, sau này khôn lớn tôi mới hiểu ra, chứ lúc ấy, mười sáu tuổi, tôi có biết gì.

Một buổi, trăng rất sáng, tôi nhớ đận ấy vào dịp tháng Bẩy, tôi đi gác quanh bãi mía. Ánh trăng soi rõ mồn một, trông thấy cả những rễ mía trông hơi giống đầu rễ si đâm tua tủa ở các đốt cây. Rặng mía hắt bóng thẫm đen chạy dài trên mặt cát đã bị gió làm cho khô se đi nên rất mịn. Thỉnh thoảng, gió đùa rào rào trong bãi mía nghe lạnh cả người. Tôi nghe thấy tiếng mía đổ, chạy ra, thấy mía nằm ngổn ngang trên cát, trông xót lắm. Tôi điên người, bắn một phát sùng chỉ thiên. Năm, sáu đứa trẻ con trần truồng chạy ào ra. Một đứa con gái chừng mười hai tuổi có vẻ như tên cầm đầu còn kéo theo cả một cây mía chạy. Tôi gào lên: "Đứng lại!". Bọn chúng hoảng hốt lao xuống nước, cuống cuồng bơi về phía bãi Nổi.

Tôi vứt súng, cởi quần áo, cũng nhảy xuống sông. Tôi quyết bắt cho được một đứa. Bắt được một đứa sẽ truy cả bọn, công án vẫn thường làm thế.

Đứa con gái kéo cây mía bơi tách ra, đập nước loạn xạ, có vẻ như không biết bơi, lại bơi ngược dòng nên rất chậm. Tôi bơi đuổi theo. Nó quay lại nhìn tôi, lè lưỡi ra, rất tinh nghịch. Tôi bơi chặn đầu, con bé té nước vào mặt tôi. Tôi lặn xuống nước, ước lượng khoảng cách để tóm chân nó. Con bé vùng thoát được. Cứ thế mãi. Con bé bơi ở phía trước, lúc nào cũng giữ một khoảng cách không xa với tôi. Tới gần nửa tiếng đồng hồ trôi qua mà tôi không bắt được nó. Tôi bỗng hiểu ra đối thủ của tôi rất rành sông nước, bắt được không phải chuyện đùa. Con bé lõm tôi để cho bọn kia trốn thoát. Con bé vừa bơi vừa trêu. Tôi tức lắm, đập nước sãi cánh đuổi theo. Con bé cười khanh khách, bơi nhanh ra giữa tim sông. Nó bảo tôi: "Quay về đi, không mất súng thì chết!". Tôi giật mình, thấy nó nói đúng. Con bé bảo tôi: "Mày không bắt được tao đâu, bắt thế nào được Mẹ Cả!". Tôi hoảng hốt, dựng cả tóc gáy. Chẳng lẽ đây là con gái thủy thần? Nước tạt vào mặt tôi ướt sũng. Tôi thoáng thấy tấm lưng trần dẻo dai lcáng nước quẫy ở trước mặt, loang loáng dưới

ánh trăng, thật kinh dị, nhưng đẹp lắm. Thoắt nhiên, tất cả biến mất, tôi bỗng trơ ra giữa dòng sông vắng mênh mông. Tất cả như chẳng hề xảy ra chuyện gì. Dòng sông vẫn cứ như thế từ lâu lắm rồi, từ hôm qua, hôm kia, từ năm trăm năm trước. Tôi thấy ngượng ngùng. Nửa đêm, lại đi trần truồng bơi ở trên sông, khua khoắng lên, mà vì cái gì cơ chứ? Dăm cây mía có đáng là bao? Khi thu hoạch, hợp tác xã vứt đi hàng đống. Hoặc mùa nước, chỉ một trận lụt là vứt đi hàng mẫu là thường. Tôi bỗng thấy buồn, mặc kệ dòng nước đẩy dạt vào bờ. Hóa ra chẳng phải mất nhiều, chỉ vài ba cây. Tôi ngồi xuống bẻ một dóng mía ăn. Mía nhạt thếch. Tôi vứt dóng mía rồi trở về chòi, nằm thao thức đến sáng. Tôi cố nhớ lại khuôn mặt Mẹ Cả mà không nhớ được. Cứ nhắm mắt lại là thấy toàn mặt người quen, tựa như mặt bà Hai Khởi vừa tròn vừa to, mũi trông như vỏ cam sần, hoặc như mặt chị Vĩnh, mà tai tái như dái trâu, như mặt cô Hỷ, đỏ như tôm luộc, mặt anh Dư, xương hàm bạnh ra như mặt ngựa. Chẳng có khuôn mặt nào đáng là người. Mặt nào trông cũng thú vật, đầy nhục cảm, không đểu cáng, dối trá thì cũng nhăn nhúm đau khổ. Tôi tìm một mảnh gương vỡ soi thử mặt mình. Mảnh gương bé quá, không rõ hết mặt. Chỉ thấy trong gương một đôi mắt đờ dại nhìn mình như mắt tượng gỗ trên chùa.

Cuối năm ấy, tôi rút khỏi chân bảo vệ, chuyển sang đội thủy lợi. *"Nhất thổ, nhì mộc"*, công việc xắn mai bốc đất vất vả nhưng tôi sức trẻ nên cứ phăng phăng. Bẵng đi ba năm, hơn nghìn ngày. Kể đất tôi vác có khi đắp được một trái núi con. Thế nhưng quê tôi nào đâu có núi non gì, chỉ bằng phẳng những cánh đồng cằn, những con mương chạy ngang dọc khắp chốn cùng nơi mà đất vẫn khô nẻ.

Năm 1975, đấy là một năm đáng để quan sát ghi nhớ. Quê tôi mở hội rất to. Thi bơi chải trên sông, thi vật, đội văn công tỉnh về biểu diễn. Các đô vật ở Đoài Hạ thắng đậm các đô vật khác trong vùng. Dân bãi Nổi táo tợn là thế, cử ra bốn đô vật bị loại từ vòng đầu. Hạ được bãi Nổi, Đoài Hạ được thể. Đô Thi thúc trống hỏi to: "Không có ai vào *xới* thì tôi lấy giải về cho Đoài Hạ đây này". Trai làng tôi tức lắm, xui tôi vào *xới*. Thú thật, tôi không thạo vật, nhưng tôi có sức. Tay tôi đã bám vào đâu thì thật như kìm, nội công ngoại lực gì tôi không biết, nhưng tôi đã bóp, gạch cũng nát vụn.

Tôi cởi quần áo, mặc độc cái quần đùi nâu. Mọi người cười ồ. Người ta giải thích dài dòng rắc rối, đại để tôi muốn giật giải phải vật với những năm người. Trai làng tôi không chịu, cãi nhau om lên, cuối cùng đi đến thỏa thuận là tôi phải vật thắng hai người khác mới được vật đô Thi là người đang nhiều điểm nhất.

Đô Tiến vào *xới*. Tôi xông vào ngay. Đô Tiến cũng khỏe, khoèo chân tôi. Những hơn nghìn ngày lội bùn vác đất, nên chân tôi chắc lắm, cắm xuống như cọc. Đô Tiến xoay ngang xoay dọc mà tôi vẫn đứng trơ trơ. Hai tay tôi tóm được hai bả vai đô Tiến, cứ thế bóp. Độ ba phút thì đô Tiến đờ ra, mặt tái nhợt, cứ thế quỵ xuống. Trọng tài tuyên bố tôi thắng cuộc.

Đến lượt đô Nhiêu. Đô Nhiêu bé nhỏ, nhanh nhẹn. Hắn nhảy như con choi choi, luồn lách rất khéo. Chỉ sau vài miếng, tôi biết đô Nhiêu lập kế lừa tôi, hắn chỉ chờ tôi đứng lệch trọng tâm là phục xuống bốc, dùng vai gồng ngã. Biết thế, tôi bèn đứng né chân chèo, người hơi ngả ra. Đô Nhiêu cúi xuống, luồn đầu vào hai chân tôi, định hất lên, thế võ rất ác. Tôi đổi chân, khép gối lại, dùng hết lực túm hai mạng sườn, bóp mạnh. Đô Nhiêu oằn oại như con rắn lớn. Một lúc thấy không quẫy được nữa, tôi mới đặt hắn ngửa ra, vỗ mạnh vào rốn. Tiếng reo như sấm. Có ai nhét vào tay tôi một đoạn mía ngắn đã tiện róc rồi. Mọi người xúm xít, lấy áo phẩy vào mặt tôi giống như kiểu người ta săn sóc võ sĩ quyền Anh.

Trống lại nổi lên. Đô Thi to con, hai mắt như mắt lợn luộc. Hắn dạo một đường quyền ngắn trông rất đẹp mắt. Nhiều tiếng xuýt xoa. Tôi cứ lừ lừ đi vào. Đô Thi đứng trước mặt tôi gườm gườm: "Muốn sống, chịu thua ngay đi, con ạ!". Tôi bảo: "Dễ thế!. Đô Thi chửi: "Mẹ mày! Giữ lấy cái mũi! Ông sẽ cho mày sặc tiết cho xem!" Hắn lao vào ngay, đầu gối giơ lên rất nguy hiểm.

Đến hơn mười phút, đô Thi không vật được tôi. Hắn giữ thế võ đánh ngầm. Hắn dùng cùi tay, đầu gối đánh tôi. Trận đấu căng thẳng. Trọng tài là người Đoài Hạ, đáng lẽ bắt lỗi nhưng cứ lờ đi. Tôi tức lắm, vừa đỡ vừa hỏi: "Vật nhau hay đánh nhau thế này?" Đô Thi bảo: "Mẹ mày! Ông đánh cho mày chết mẹ mày đi!" Trống thúc dồn dập, mọi người reo hò nhưng không có ai đứng ra ngăn cản. Rất nhiều tiếng gào khuyến khích đô Thi: "Đánh đi, đánh cho

chết mẹ nó đi!" Một nỗi căm giận trào lên trong tôi. Tôi thấy mắt tôi hoa lên, tai tôi ù đi, máu trào mằn mặn trên môi. Đô Thi nhảy đá song phi, tôi tránh được, thuận tay bắt được cổ chân. Đô Thi giằng ra, nhưng hai tay tôi như hai kìm sắt. Đô Thi lăn lộn trên sàn. Tiếng gào: "Thua rồi, thua rồi" ầm ĩ cả lên. Trọng tài bảo tôi vật không đúng luật. Tôi chẳng nói chẳng rằng, gạt ông ta ra, cứ thế đi đến bàn ôm bọc giải thưởng đi xuống. Có ai vỗ vào vai tôi: "Khá lắm! Du côn lắm!" Tôi không hiểu nghĩa hai chữ du côn, chắc nó tỏ ý khen ngợi.

Ra khỏi *xới* vật, tôi rẽ vào hàng mua cho các em gói kẹo, cho mẹ chiếc lược rồi đi tắt đồng, qua bãi về nhà. Đến sông thì chập choạng tối. Ở khúc quặt, bỗng có tốp người hùng hổ xông ra, đi đầu là đô Thi, đô Nhiêu, đô Tiến. Đô Thi bảo: "Muốn sống đứng lại. Tôi hỏi: "Cướp đường à?" Bọn kia không nói năng gì xông vào đánh ngay. Tôi đánh trả lại cũng ác, nhưng thân cô, thế núng, lát sau tôi ngất đi. Khi tỉnh lại, tôi thấy mình nằm trên ổ rơm, người đau ê ẩm. Mẹ tôi hỏi: "Con có đau không?" Tôi gật đầu. Mẹ tôi khóc: "Chương ơi, con ra tranh hơn thiên hạ làm gì". Mang thân mua vui cho người có nhục không con?". Tôi âm thầm khóc, thấy mẹ tôi nói phải. Mẹ tôi bảo: "Hứa với mẹ đi, đừng bao giờ thế!". Tôi thương mẹ tôi nên hứa, nhưng nghĩ lần sau đi đâu phải dắt theo dao. Tôi hỏi mẹ tôi: "Ai cứu con?" Mẹ tôi mỉm cười: "Mẹ Cả cứu". Tôi định hỏi thêm, nhưng mẹ tôi đã ra ngoài, đi sao lá cúc tần sắc cho tôi uống.

Tôi hồi phục sức khỏe rất nhanh, chủ yếu do trẻ trung, chẳng phải do thuốc. Thuốc có gì đâu, chỉ có lá cúc tần sao khô vừa bóp vừa uống. Khi đi lại được, ý nghĩ đầu tiên của tôi là vác dao tìm đến đô Thi. Thế nhưng hợp tác xã cử tôi đi học một lớp nghiệp vụ kế hoạch ở trên thị xã, giấy báo tập trung gấp quá, tôi đành bỏ dở ý định trả thù.

Lớp học chúng tôi có ba mươi người, học trong sáu tháng. Chúng tôi được học những môn chủ nghĩa xã hội học, lịch sử, chính trị kinh tế học, các nghiệp vụ quản lý kế toán. Lần đầu tiên, tôi biết những danh từ, khái niệm, thuật ngữ rất lạ. Tôi háo hức vô cùng. Sau vài hôm tôi đau đớn nhận ra tôi không học được, chữ nghĩa chuội đi, tôi không làm sao phân biệt được các nguyên tắc nhờ thu nhận trả, các tài khoản, các biểu thống kê, cũng như không hiểu nổi khái niệm

duy tâm, duy vật. Phép biện chứng, theo tôi là sự tiến lên, bất chấp khó khăn, đại để giống như giấc mơ của tôi cày Gò mả ngụy. Quy luật phủ nhận, tôi nghĩ nó giống như trận đòn thù đê tiện của bọn đô Thi, tôi căm ghét nó, nó thành quy luật thì phải trả thù, phải nện đau hơn nó đã nện mình. Tôi học lịch sử, hoàn toàn lẫn lộn về cách phân kỳ. Các thầy cô giáo rất ức, bảo tôi không có khả năng học tập.

Cả lớp không ai thích tôi. Tôi làm mất điểm thi đua. Tôi lố bịch nữa. Cả lớp không ai ăn mặc như tôi. Họ mặc lối thị xã cả, đẹp thật, tôi cũng rất thích nhưng vì không tiền phải chịu. Tôi mặc quần nâu, áo xanh trứng sáo. Còn ăn, mọi người ăn chung, tôi nấu ăn riêng. Ăn chung có mức, tôi ăn tám, chín bát cơm một bữa, ngày ba bữa, mức nào chịu được.

Ở trong lớp, tôi ngồi một xó, tha hồ ngủ gật. Các thầy cô giáo chán nản, thôi hành hạ tôi, bài kiểm tra nào cũng cho điểm năm là điểm trung bình.

Gần tan lớp học, trên bỗng cử cô Phượng về dạy môn kế toán. Cô Phượng học nước ngoài về, tính vui nhộn. Cô mặc *quần bò, áo phông*, áo bỏ trong quần, vai đeo túi, trông giống diễn viên điện ảnh.

Trả bài kiểm tra, cô Phượng bỗng hỏi: "Ai tên Chương?". Tôi bảo: "Em đây". Cả lớp cười ồ, vì cô Phượng trẻ, chỉ bằng tuổi tôi. Cô Phượng nín cười, bảo: "Tôi không hiểu nổi bài viết của anh. Đường lối kế toán của anh đặc biệt bí hiểm". Cả lớp lại cười. Cô Phượng bảo: "Hết giờ mời anh gặp tôi. Tôi sẽ giảng lại cho anh về các quy luật kinh tế".

Hết giờ buổi chiều, tôi tìm cô Phượng. Người ta bảo cô vừa phóng xe máy ra sông. Tôi buồn rầu, khoác cái *xắc cốt* để sách vở, tiền nong, giấy tờ, bỏ đi lang thang.

Loanh quanh thế nào, tôi vòng ra phía bờ sông, bỗng thấy cô Phượng đang ngồi một mình, bên cạnh có chiếc xe máy. Quang cảnh cũng hệt quê tôi, phía trước là sông, phía sau là bãi mía.

Tôi đến gần, thấy cô Phượng khóc, hai tay ôm mặt, bả vai rung rung. Tôi ấp úng chào. Cô Phượng giật mình, ngẩng lên thấy tôi, bèn giận dữ nói: "Cút đi, cái lũ đàn ông khốn kiếp các anh!". Tôi kinh hoàng ngơ ngác, chôn chân tại chỗ. Cô Phượng cầm dép ném

vào mặt tôi. Dép cao gót, có đinh, tôi tránh không kịp, mặt chảy máu. Máu chảy nhiều quá, tôi ngồi thụp xuống, hoa cả mắt. Cô Phượng chạy lại, quỳ xuống, gỡ hai tay tôi, hốt hoảng: "Anh có sao không? Trời ơi sao tôi rồ dại thế này?"

Tôi xuống sông, vã nước rửa vết đau. Cô Phượng cứ loay hoay bên tôi, rối rít xin lỗi. Tôi cho cô xem những vết sẹo trên vai, trên tay mà bọn đô Thi đánh tôi. Tôi bảo: "Không sao cô ạ. Vết thương như thế có gì". Cô Phượng bảo: "Tôi xin lỗi anh. Tôi gặp chuyện buồn phiền quá. Tôi không kìm chế được mình".

Cô Phượng lấy bánh mì, lấy chuối ép tôi ăn. Cô Phượng nói: "Anh tha thứ cho. Tôi yêu, tôi bị phản bội. Tôi không chịu nổi. Nếu anh có yêu, anh mới hiểu". Tôi bảo: "Tôi chưa yêu. Nhưng tôi nghĩ nếu ai phản bội tình yêu thì xấu xa lắm". Cô Phượng cười đau đớn: "Anh chẳng hiểu gì, kẻ phản bội cũng là người tốt, có điều người ta không dám hy sinh".

Cô Phượng ngồi, tay bó gối, trông vừa bé nhỏ, vừa buồn, lại đẹp nữa. Trong tôi trào lên cảm giác thương xót, tựa như thương xót chính em gái tôi.

Cô Phượng bảo: "Tôi đã không đúng. Người ta không dám hy sinh vì tôi là phải. Tôi là đứa con gái xấu xí, phải không anh?". Tôi lắc đầu, tôi nghĩ người nào được yêu cô Phượng thật là hạnh phúc. Tôi bảo cô: "Không phải đâu. Cô đẹp lắm". Cô Phượng cười. Cô cầm cái *xắc cốt* của tôi, đập đập: "Anh đựng cái gì trong này thế?" Tôi ngượng ngập bảo: "Có sách vở, tiền nong, chứng minh thư, thẻ Đoàn". Cô Phượng bảo: "Anh Chương này, nếu anh yêu, anh có dám hy sinh vì người yêu không?". Tôi bối rối không biết trả lời ra sao. Cô Phượng bảo: "Thế này nhé: nếu tôi yêu anh, anh có dám vứt cái túi này xuống sông không?". Tôi gật đầu. Cô Phượng bảo: "Anh vứt đi". Tôi đứng lên cầm cái *xắc cốt* quẳng ra giữa sông. Cái *xắc cốt* chìm nghỉm. Cô Phượng ngạc nhiên, mặt tái đi: "Anh có dám phá tan cái hàng rào kia không?". Tôi lẳng lặng đến hàng rào bao quanh bãi mía, co đứt dây thép gai, nhổ các cọc sắt, uốn cong lại, vứt dưới chân cô.

Cô Phượng bảo: "Anh lại đây". Cô ôm cổ tôi, hôn lên môi. Tôi đờ đẫn. Cô Phượng bảo cô rất sung sướng. "Anh biết không, thế mà tôi đã buồn phiền vì một tên đàn ông ích kỷ. Thật chẳng ra sao!".

Cô Phượng lên xe máy phóng đi, quay lại bảo tôi: "Anh hãy quên những quy luật kinh tế chết tiệt ấy đi".

Tôi sửng sốt. Cái hôn bất ngờ làm tôi ngây ngất. Tôi thấy sung sướng. Cứ thế tôi lội xuống sông, bơi sang bờ bên kia rồi lại bơi về. Trăng rất sáng, tôi thấy cuộc đời thật đẹp tuyệt vời.

Sau hôm ấy, hai hôm sau giải tán lớp học. Cô Phượng không đến, nghe nói có việc phải đi Hà Nội. Tôi buồn rầu thu dọn đồ đạc, chào mọi người rồi đi về làng.

Tôi về làng, được cử làm kế toán trưởng. Được một tháng, ông Hai Thìn bảo: "Mày học hoài cơm". Người ta cách chức tôi, tôi cũng chẳng lấy làm buồn. Tôi trở lại công việc bình thường, công việc của mười năm trước: sáng đi cày, chiều đào đá ong, tối lột giang đan mũ. Công việc nặng nề, nhưng tôi không nguôi nhớ về cô Phượng.

Một lần, tôi kiếm cớ lên thị xã, rẽ vào trường cũ để thăm cô Phượng. Ở đây chẳng còn ai nhận ra tôi. Ông thường trực hỏi: "Cậu hỏi Phượng nào? Trường có nhiều Phượng lắm: Trần Thị Phượng, Quách Thị Phượng, Lê Thị Phượng. Có cô cũng trạc tuổi cậu, cô ấy đi khỏi trường rồi. Cô ấy ngày xưa ở nhà tu kín, tên thánh là Gianna Đoàn Thị Phượng". Tôi giật mình, sững sờ nhớ đến giai thoại ngày xưa kể về Mẹ Cả.

Ông thường trực không biết gì thêm. Đang nghỉ hè, sân trường vắng ngắt. Tôi lang thang ở trong thị xã, không biết hỏi ai. Cuối cùng tôi nảy ý định vào nhà tu kín.

Bà Nhất tiếp tôi. Bà đã luống tuổi, có đôi mắt hết sức u sầu. Bà Nhất bảo: "Gianna Đoàn Thị Phượng ở nhà tu này từ sáu đến mười hai tuổi. Cha mẹ cô ta nhờ tôi nuôi dạy". Tôi ngạc nhiên: "Sao bảo Gianna Đoàn Thị Phượng là Mẹ Cả, là con gái thủy thần?" Bà Nhất bảo: "Cha mẹ Gianna Đoàn Thị Phượng ngoài Hà Nội. Cô ấy là con riêng ông Đoàn Hữu Ngọc, buôn nước mắm". Tôi thẩn thờ buồn bã ra về. Bà Nhất bảo: "Tôi không biết Mẹ Cả của anh, còn Gianna Đoàn Thị Phượng là con của Chúa. Ông Đoàn Hữu Ngọc gửi con vào trường nhà Chúa như gửi con vào nhà trẻ, nhưng Chúa không giận. Chúa tha thứ, Chúa vốn nhân từ".

Đêm ấy, tôi ngồi ngoài hè tường nhà tu kín. Đường phố thị xã xe chạy ầm ầm tôi không ngủ được. Sáng sớm hôm sau, tôi xuôi đường đê tìm đường về đền Tía.

Đền Tía ngay sông, chênh vênh trên một kè đá xây rất công phu. Ông từ giữ đền Tía tên Kiệm, làm nghề đánh cá, trạc sáu mươi tuổi, ở ngay trong đền. Tôi vào trong đền, thấy cá phơi đầy trong sân, gác cả trên hai thanh cột quá giang. Ông Kiệm cho tôi nhắm rượu cá nướng. Ông Kiệm bảo: "Tôi giữ đền này hơn bốn mươi năm, ở một mình, nuôi mỗi con rùa làm bạn". Ông chỉ cho tôi con rùa buộc dây nằm dưới gậm giường. Tôi hỏi ông về Mẹ Cả. Ông Kiệm bảo: "Tôi không biết. Nhưng trận bão ấy thì nhớ. Sét đánh cụt ngọn cây muỗm trên bãi Nổi, cậu phải về đấy hỏi xem".

Tôi ở chơi với ông Kiệm buổi sáng, dọi giúp chỗ mái đền dột. Buổi trưa, tôi chào ông Kiệm, tắt đồng đi về bãi Nổi đi qua Đoài Hạ, tôi hỏi thăm nhà ông Hội, nghe nói ngày xưa cha con ông được Mẹ Cả cứu. Ông Hội đã già, lẫn lộn cả. Ông Hội bảo: "Đào cát. Khoét hàm ếch. Sụt xuống. Nặng lắm, máu ộc ra...". Hỏi gì cũng chỉ nói từng ấy tiếng. Con trai ông Hội bảo tôi: "Ông cụ còn nhớ gì đâu. Tai điếc ba bốn năm rồi". Tôi buồn rầu chào cha con ông rồi về.

Tôi bơi qua sông, đến bãi Nổi. Cây muỗm đại thụ bị sét đánh bao nhiêu năm khô xác, dưới gốc cây, bọn trẻ đốt lửa làm thành cái hốc cây đen sì. Tôi rẽ vào một túp lều canh lưới cạnh đấy. Tôi ngó vào, rùng mình thấy trong xó tối một lão già nằm trên ổ rơm dưới đất. Thấy tôi, lão già hỏi: "Đô Thi đấy à?". Lão già nhổm lên, tôi kinh hoàng thấy lão già chẳng khác gì ma quỷ, râu tóc lởm chởm, đôi mắt đục ngầu. Tôi đoán lão già bị liệt, hai chân teo lại, lông chân trông như lông lợn. Tôi chào lão già, ngạc nhiên thấy lão anh minh lạ thường, nói năng rành rọt. Một lúc sau, qua câu chuyện, tôi biết lão già là bố đô Thi ở bên Đoài Hạ. Lão già bị liệt mấy chục năm rồi, chỉ nằm một chỗ trông lưới.

Trò chuyện mãi, tôi hỏi lão già về chuyện Mẹ Cả. Lão già ôm bụng cười lăn lộn, đôi chân liệt trông rất đáng sợ. Tôi chưa thấy ai khủng khiếp như vậy. Lão già bảo tôi: "Mày có trông thấy cái nia rách kia không?. Đôi giao long quấn nhau ở trong ấy đấy..." Lão già lại cười. Tôi kinh hoàng sợ hãi. Lão già lại bảo: "Hồi ấy tao chưa bị

liệt. Tao bịa ra chuyện Mẹ Cả. Ai cũng tin. Mộ Mẹ Cả kia kìa, mày muốn biết hình Mẹ Cả đào lên mà xem". Lão già chỉ một nấm đất gần kề gốc muỗm. Tôi lấy chiếc mai trong lều ra chỗ nấm đất, đào lên... Tôi đào theo kiểu người ta vẫn đào bốc mộ. Được hơn một mét, tôi lôi dưới ấy lên một khúc gỗ mục chẳng hình thù gì. Tôi ngồi rất lâu bên khúc gỗ ấy. Lão già ma quỷ cũng đã thôi cười, bây giờ chắc ngủ trong lều.

Trước mặt tôi, dòng sông đang thao thiết chảy. Sông chảy ra biển. Biển rộng vô cùng. Tôi chưa biết biển, mà tôi sống nửa cuộc đời rồi đấy... Thời gian cũng thao thiết trôi. Chỉ ít năm nữa là đến năm 2000...

Tôi đứng lên, đi về nhà. Ngày mai tôi đi ra biển. Ngoài biển không có thủy thần.

TRUYỆN THỨ HAI

Khi chào mẹ để đi ra biển, lúc ấy nào tôi có biết rằng biển ở đâu?

Mẹ tôi bảo: "Chương ơi, thế con bỏ mẹ đi à? Bỏ các em con đi à?" Tôi không trả lời, tôi vụt ra ngõ như chạy. Tôi biết, nếu tôi dừng lại lúc này thì tôi sẽ không bao giờ đi nữa. Tôi sẽ quay lại công việc của mười năm trước, tôi sẽ cứ thế cho đến rốt đời: sáng đi cày, chiều đào đá ong, tối lột giang đan mũ. Tôi sẽ kéo mòn kiếp sống của tôi như thế. Như thể bố tôi, như ông Nhiêu, như ông Hai Thìn, như những người dân hiền lành, lam lũ ở quê hương tôi.

Tôi đi... Tôi nhằm hướng mặt trời mọc mà đi. Tôi không mang theo một thứ đồ đạc nào cả trên người, trừ con dao sắc lịm mà tôi cất công sang tận Đoài Hạ để thửa. Con dao này rèn từ nhíp ôtô, mũi nhọn, nước thép xanh biếc.

Ý nghĩ về Mẹ Cả, về Gianna Đoàn Thị Phượng ám ảnh tôi. Con gái quỷ thần, nếu tôi tìm được thấy nàng thì tôi sẽ không hối tiếc gì về cuộc sống. Không hiểu vì sao tôi nghĩ rằng nàng ở đấy, ở ngoài xa kia, ở biển...

Tôi đi qua rất nhiều làng mạc, vừa đi vừa làm thuê kiếm ăn. Những làng quê mà tôi đi qua đều buồn tẻ, tiêu điều. Quanh quẩn

chỉ từng ấy cây: cây lúa, cây ngô, cây khoai lang, vài thứ cây rau quen thuộc. Quanh quẩn từng ấy công việc: cày ruộng, cấy hái, vun trồng.

Sáng sáng tôi tìm đến đứng ở đầu thôn xóm mà tôi đi qua, dưới gốc si hoặc cái quán xiêu vẹo, cũng có khi ở một chợ cóc ven đường. Có nhiều người như tôi, cả đàn ông, cả đàn bà. Họ đều là những người dân quê phiêu tán hoặc những người nghèo trong thôn xóm. Những chợ người này họp từ gà gáy... Những người thuê mướn cầm đuốc soi mặt chúng tôi, nắn chân nắn tay từng người. Họ hỏi: "Có biết làm việc này không? Làm việc kia không?" Họ và chúng tôi thỏa thuận giá cả, thường công lao động một ngày rất thấp, nếu làm thợ đấu thì quy ra thóc chỉ độ hai cân rưỡi đến ba cân một ngày, thợ cấy ít hơn: chỉ độ một cân hai đến một cân tám. Tôi hay nhận những việc ngoài đồng: cấy, gặt, gieo mạ, bón phân. Tôi không thích nhận việc trong nhà. Ở ngoài đồng không khí thoáng đãng hơn, trên đầu tôi là bầu trời tự do, tôi không vướng những mối liên hệ nào đấy đối với con người. Những người thuê mướn tôi cũng chẳng giàu có gì, họ cũng phải làm quần quật, đôi khi họ phải nhịn ăn để dành trả công cho thợ.

Không khí u uất, tù đọng của làng quê làm tôi tái tê cảm giác chua xót. Mọi người rối rít, cuống cuồng để kiếm miếng ăn. Những định kiến, tập tục thật nặng nề. Tôi đã thấy tinh thần gia trưởng hủy hoại bao nhiêu số phận con người. Tôi cũng thấy những ngộ nhận giới tính và đạo đức giết chết vẻ diễm lệ trên các khuôn mặt thiếu nữ. Rất ít thanh niên. Ngoài đồng chỉ có các ông bà già, phụ nữ và trẻ em thất học làm việc.

Sang tháng Ba, công việc đồng áng vãn bớt, tôi không có việc làm thường xuyên. Có nhiều ngày tôi phải nhịn đói. Tôi đi trong đám sương mù bàng bạc dọc bờ đê. Những hạt bụi nước li ti giăng ở trước mặt, ở bên phải, ở bên trái, ở sau lưng. Gió hun hút thổi. *"Cái đói cái rét bằng nhau"*. Người xưa nói thật chẳng ngoa chút nào. Một lần chúng tôi nhìn thấy có ông lão ăn mày chết đói ở bên vệ đê. Một nỗi lo sợ mơ hồ thoáng dậy trong tôi. Tôi bắt đầu nghĩ tới cái chết, điều này trước đây tôi chưa bao giờ nghĩ đến. Đói. Rét. Nỗi cô đơn như gió quất vào mặt. Lòng tôi cồn cào, đau đáu một

nỗi khắc hoải hướng về Mẹ Cả, con gái thủy thần. Nàng là ai? Nàng xấu hay đẹp? Nàng ở đâu, góc biển chân trời nào?

Tôi bắt đầu hình dung thấy nàng. Nàng hiện ra rực rỡ. Những đường nét trên khuôn mặt nàng rõ ràng, đôi lông mày thanh tú, quả cảm. Thoạt nhìn, nàng thậm chí đen đúa và lãnh cảm. Nàng không đẹp. Khoảng cách giữa tôi và nàng là khoảng cách của hai vật thể tự do, vừa đối nghịch, vừa bao trùm. Cả tôi và nàng đều không thừa nhận sở hữu, trong khi đó chúng tôi lại muốn có nhau. Nàng muốn tôi và tôi muốn nàng. Nàng muốn bao trùm tôi và tôi cũng thế. Cả tôi và nàng đều cùng tranh đấu tìm cách giải thoát sự bao trùm đó, hướng tới tự do. Khi tự do là lúc nàng mất tôi và tôi mất nàng. Để có nàng, tôi buộc phải sống kiếp sống của kẻ khổ sai lưu đày, tôi buộc phải vắt kiệt tôi đến chết. Tâm hồn nàng ăn uống thứ thức ăn thật man rợ: đấy là từng miếng sống tươi rói của cuộc đời tôi. Tôi hình dung nàng xé xác tôi bằng bàn tay thon nhỏ, móng sắc. Nàng nhai từng miếng thịt và lè đầu lưỡi nhọn hoắt liếm những giọt máu ứa ra.

Những ý nghĩ trên không phải đến ngay với tôi khi ấy, khi tôi đói khát lang thang trên đường mà mãi sau này tôi mới hiểu ra. Thời tôi đang kể là thời tôi còn mụ mị, đầy những thành kiến ngộ nhận. Tôi là một thanh niên nông dân ngu độn, trong lòng đầy những tình cảm thương người vụn vặt, vừa duy tâm, vừa siêu hình, lại tầm thường nữa. Tôi chưa biết khinh rẻ bản thân, cũng chưa biết khinh rẻ học vấn. Tôi chưa biết cách thương mình. Những vấn vương của tôi về mái nhà, về tình cảm xóm làng bao bọc dưới những sắc màu lãng mạn huyền thoại cũng là một thứ văn hóa thấp kém, có sức trì kéo. Tôi chưa giác ngộ về lẽ tồn tại cá nhân, cũng như của cả bầy người.

Cuối tháng Bảy, tôi nhận đóng gạch cho bà cụ người Sơn Tây. Bà cụ 80 tuổi, có người con trai đi bộ đội đóng quân ở Campuchia. Bà cụ có người con gái năm nay 42 tuổi, lấy chồng ở tận làng xa, tên là Thời, thỉnh thoảng mới về thăm mẹ được một buổi chiều, sấp ngửa dọn dẹp được chốc lát rồi lại đi. Bà cụ ở một mình giữa khu vườn hoang rộng hơn sào đất. Ngôi nhà lợp rạ, vách trát dứng, giỏi lắm trụ được hai ba mùa mưa là đổ. Người con trai làm đại đội trưởng công binh, tên là Thế, chưa có vợ. Bà cụ cho tôi xem những

bức thư anh viết ở Công pông Xom, chữ rất thoắng, lời lẽ rõ ràng là của người con có hiếu:

"U ơi, xin u nương nhẹ thân mình, dù chỉ để cho con đỡ khổ. Con xin hứa sang năm con sẽ về phép, con sẽ làm nhà, lấy vợ. U cứ giấm cho con một cô ở làng, mặt rỗ cũng được, góa chồng cũng được, miễn là người ta yêu thương mình. Chỉ mười ngày phép là xong mọi việc, u sẽ mát lòng mát dạ ở nơi suối vàng. Còn con, con khỏe lắm, được mọi người yêu mến. Con luôn nhớ về u, nỗi nhớ như gai đâm ruột..."

Tôi đào đất, đóng gạch ở ngay trong vườn. Công đóng một viên gạch mộc là năm hào, bà cụ nấu cơm ba bữa cho tôi ăn, trừ tiền gạo với tiền thức ăn, công thực tế chỉ còn ba hào rưỡi. Bà cụ bảo: "Tôi chỉ mong đốt cho nó sáu vạn gạch. Nó xây nhà hết bốn vạn, còn hai vạn thì xây cái bếp. Chú tính, nếu tôi thuê chú cả vào lò, cả ra lò, chú có làm xong trước tiết Đông chí không?". Tôi bảo: "Được". Bà cụ bảo: "Tôi vụng tính quá. Sao tôi lại đi thuê đóng gạch vào mùa mưa. Thế có khổ không? Trước tôi cứ nấn ná. Tại con mẹ Thời cả, tôi đã bảo nó bán cho tôi đôi hoa tai, nó cứ nói dối không bán được. Cũng may gặp chú, chú thương tôi, làm thuê mà như làm cho nhà mình. Cũng là cái số của tôi, để phúc lại được cho con...". Tôi cay xè cả mắt, tôi muốn gào lên cho thấu cả trời xanh. Tôi muốn làm cho dứt hợp đồng để lên đường. Khốn nỗi trời cứ mưa tầm tả, đóng được vài trăm viên gạch lại phải khuân vác che chắn. Tôi đói. Tôi không có việc nào khác. Tôi bắt buộc phải nhận công việc chết rấp này, công việc có cơ khiến tôi trắng tay.

Tôi sẽ không kể lại công việc tôi làm ra sao. Bà cụ dậy từ gà gáy, đi bòn những lá rau khoai lang, rau dền, rau mảnh cộng trong vườn để nấu canh mắm cua. Thức ăn mặn thường là tép rang, muối vừng, cua dạm. Cơm nấu trong cái nồi đất. Bà cụ nấu cơm khéo, cơm dẻo, không bao giờ nát, cháy, cơm mềm chứ không khô, không lại gạo. Tất cả tâm lực bà cụ hướng về sáu vạn viên gạch. Tôi cũng ước ao tâm lực của tôi hướng về một thứ vật chất cụ thể như thế. Nếu như thế được, mà nếu được thế...

Sang tháng Mười, tôi đã đóng xong sáu vạn viên, chuẩn bị đốt một lúc hai lò gạch. Trông đống gạch mộc chất cao mà sướng mắt.

Bà cụ nhỏ bé, gầy yếu đứng lọt thỏm trong đống gạch tấm tức khóc. Tôi bảo: "Nếu mà đốt lò, mấy cây khế, cây chuối trong vườn đều chết hết cả đấy, cụ ạ". Bà cụ bảo: "Chết thì chết". Tôi bảo: "Nếu hết củi là phải dỡ nhà mà đốt đấy, cụ ạ". Bà cụ bảo: "Thì dỡ đi chứ! Sang năm con tôi có nhà mới rồi".

Tôi nổi lửa đốt hai lò gạch, đốt lò kiểu dã chiến, đúng trong ngày Đông chí, rét buốt ruột. Mâm cỗ đốt lò có chai rượu trắng với cái chân giò luộc chấm tương. Tôi uống hết nửa chai rượu, chửi tục một câu rồi kéo mái gianh nhen lửa. Bà cụ nằm trên chõng, đắp chiếc khăn dạ cũ. Bà cụ đang ốm. Tôi dỡ nửa cái mái nhà mới nhen được lửa. Hai lò gạch cháy bùng, đỏ rực. Nóng như thiêu. Trời rét mà tôi đánh độc một cái quần đùi, mồ hôi túa ra như tắm. Lò đốt ba ngày ba đêm. Cây cối trong vườn xém rụi hết. Đến đêm thứ ba thì bà cụ mất. Bà cụ mất rất nhẹ nhàng, không giối giăng gì. Tôi ôm xác bà cụ trên tay đi vòng quanh hai lò gạch như kẻ mộng du. Sáu vạn viên gạch, thế là bà cụ nợ tôi hai trăm mười nghìn đồng.

Sáng hôm sau, chị Thời con gái bà cụ dắt theo đàn con buộc khăn tang trắng chạy về. Chị Thời lần bên xác mẹ, lấy ra đôi hoa tai vàng trả công cho tôi. Tôi giắt đôi hoa tai vàng vào áo bỏ đi khi người ta đóng quan tài cho bà cụ. Tiếng khóc ai oán vọng sau lưng. Tôi đã mất gần nửa năm trời làm việc ở đây. Biển còn xa lắc...

Tôi gõ cửa một tiệm vàng ở thị trấn H. lúc sáng tinh mơ. Bộ dạng tôi chắc kinh khủng lắm: một nửa năm trời tôi không cắt tóc, bộ quần áo từ ngày bỏ nhà ra đi đã sờn rách cả, đồ đạc trên người có một con dao nhọn lưỡi.

Tôi xòe đôi hoa tai vàng dạm bán. Chủ tiệm vàng đi chân đất, quỳ xuống lạy như tế sao: "Làm gì có thứ hoa tai thế này hở cậu? Đây là thứ đồ chơi con nít bán đầy ở chợ. Mới sáng sớm dọn hàng xin cậu thương tôi..."

Tôi ngồi phệt xuống nền gạch đá hoa. Chủ tiệm vàng lấy các đồ nữ trang trong tủ giải thích cho tôi thế nào là vàng tây, vàng ta; thế nào là vàng bảy, vàng mười; thế nào là đồng, là bạch kim, là *saphia*. Tôi nghe như vịt nghe sấm. Chủ tiệm vàng dắt tôi ra quày hàng xén bên đường, chỉ cho tôi xem những thứ hoa tai, nhẫn vàng dùng làm đồ chơi trẻ con. Đôi hoa tai bà cụ trả công cho tôi giống

y hệt thứ ấy, có thể bẻ vụn ra được. Tôi chào ông chủ tiệm vàng tốt bụng mà nhút nhát rồi bỏ đi. Tôi đừng ở ngã ba đường. Sương mù rất dày. Xung quanh tôi vắng ngắt. Tôi rút dao ra và quyết đâm chết người đầu tiên đi qua ở trước mặt tôi lúc này để lấy một nghìn đồng để ăn bát phở. Tôi đói. Tôi đói như một con hắc tinh tinh. Tôi đói như một con lợn rừng. Tôi đói như một con vật ở địa ngục. Tôi đói đã nửa năm nay. Nửa năm tôi ăn độc một thứ rau khoai lang, rau dền, rau mảnh cộng, toàn thứ rau rất dễ mất máu.

Tôi đứng một lúc lâu. Sương tan dần. Một đám các cô các bà gồng gánh đi đến. Một giọng phụ nữ rất chua khúc khích cười: "Phượng ơi, có người chờ để gánh thuê cho mày đi chợ kìa". Đám người dừng trước mặt tôi. Tôi sửng sờ nhận ra khuôn mặt người con gái có tên là Phượng, khuôn mặt đã ám ảnh tôi trong bao giấc mơ. Vẫn khuôn mặt ấy, những đường nét dứt khoát và quả cảm, vừa hồn nhiên vừa lãnh cảm. Cô Phượng bảo: "Có!". Cô Phượng trao gánh cho tôi. Cô Phượng bảo: "Anh gánh gạo cho tôi lên chợ, rồi tôi cho tiền mà đi cắt tóc". Mọi người cười, họ vỗ vai, thụi vào ngực tôi. Tôi không hiểu vì sao như thế. Cô Phượng đi bên tôi, đung đưa cái túi xắc giả da màu đỏ.

Phiên chợ giáp Tết đông như trẩy hội. Cô Phượng bán loáng cái đã xong. Cô Phượng bảo tôi: "Tôi với anh đi ăn bún riêu. Đợi tôi mua ít hàng rồi anh gánh hàng về cho tôi với nhé". Tôi gật đầu rồi đi theo cô Phượng vào quán bún riêu. Tôi húp soạt hai lần là xong bát bún. Cô phì cười, gọi thêm một bát bún nữa. Cô Phượng hỏi tôi: "Anh đói mấy ngày rồi?". Tôi nói, tự dưng nước mắt ứa ra: "Tôi đói đã sáu tháng nay rồi". Mọi người trong quán im bặt, lặng lẽ nhìn tôi. Chắc chẳng ai tin lời tôi nói. Cô Phượng không nói năng gì, bỏ dở bát bún ngồi nhìn tôi ăn. Tôi ăn xong, cô Phượng lại hỏi: "Anh có ăn bánh đúc không?". Tôi gật đầu. Cô Phượng lại gọi thêm cho tôi một nửa mẹt bánh đúc. Cả đời tôi, tôi chưa bao giờ được ăn uống ngon lành như thế.

Tôi gánh hàng đi theo cô Phượng về nhà. Hàng toàn vôi với sơn, tôi không biết mua để làm gì. Nhà cô Phượng ở vùng đất bãi, giống hệt quê tôi, chỉ khác ở đây có nhà thờ đạo Thiên Chúa. Cô Phượng ở với bố, một người cô mù không biết tên thật là gì, chỉ thấy mọi người gọi bà là Maria. Cô Phượng có hai em gái, một cô tên là

Thủy, một cô tên là Liên. Khi đưa tôi về, cô Phượng nói với mọi người: "Tôi nhặt được ông mãnh này ở ngã ba đường. Có vẻ là dân lao động chứ không phải là dân lưu manh giang hồ". Bố cô Phượng hỏi: "Này anh kia, tên gì? Có vướng trộm cắp gì không?". Tôi bảo: "Tôi là Chương. Tôi không ăn trộm vặt". Bố cô Phượng cười: "Tôi biết rồi, tướng anh là tướng người trộm cướp lớn chứ không trộm cắp vặt. Cái dái tai thế kia, cái mũi ống bương thế kia không phải là hạng tầm thường. Chán đời hay sao mà cánh bèo trôi dạt đến đây thế này?". Tôi bảo: "Phận tôi nó thế". Bà Maria lấy tay sờ mặt tôi, thét lên: "Giêsuma! Chúa ơi! Người đâu mà chẳng thấy thịt chỉ thấy toàn đất là đất thế này?'.

Tôi ở nhà cô Phượng. Người ta hứa nuôi tôi một tháng. Bố cô Phượng là trùm xứ đạo. Công việc của tôi là sơn, quét vôi lại toàn bộ nhà thờ. Công việc khó khăn nhất là phải tô sơn lại bức tượng Chúa đứng trên nóc gác chuông, bức tượng cao hai mét, tạc hình Chúa Giêsu mặc áo choàng đỏ giang hai tay ra, chân đứng trên quả cầu tròn. Đây là điểm cao nhất của nóc gác chuông, hoàn toàn không có mặt bằng để dựng dàn giáo. Muốn tô sơn lại bức tượng, tôi chỉ còn có cách buộc thừng vào người rồi chằng thừng vào thân tượng. Hợp đồng công việc của tôi không có bảo hiểm. Bố cô Phượng bảo: "Xứ đạo chúng tôi nuôi anh ba bữa, anh chết thì chúng tôi chôn. Làm xong anh được hai trăm nghìn đồng". Tôi nhớ đến khoảng tiền công đóng gạch cho bà cụ người Sơn Tây mà cười ra nước mắt. Cô Phượng bảo tôi: "Anh nghĩ lại đi. Bức tượng làm cách đây hai trăm năm rồi, vôi vữa không khéo đã mục, leo lên đấy nhỡ chết thì sao?". Tôi bảo: "Chúa giúp tôi. Nếu không thì chẳng có Chúa".

Tôi quét vôi nhà thờ gần một tháng. Đầu tiên, tôi cạo hết lớp vôi cũ rồi phủ lên hai lớp vôi trắng. Ngoài cùng tôi quét vôi vàng. Giúp việc cho tôi là cô Thủy, cô Liên. Bố cô Phượng xem xét công việc. Ông bảo tôi: "Chú em à, tôi chỉ tiếc chú em là kẻ vô đạo. Nếu không, tôi có ba đứa con gái, tôi gả cho chú cả ba". Tôi đỏ bừng mặt. Tôi cười đau đớn. Tôi đâu phải loại chó dái đi tìm chó cái. Trái tim tôi đã thuộc về nàng, thuộc về Mẹ Cả, thuộc về con gái thủy thần...

Sau khi quét vôi xong và sơn lại toàn bộ cửa kính nhà thờ, tôi bắt tay vào việc tô tượng Chúa. Trước ngày tôi trèo lên nóc gác chuông, cô Phượng nấu cho tôi một nồi nước hương nhu bảo tôi tắm

gội. Mọi người trong nhà cô Phượng đều quan tâm săn sóc đến tôi. Họ biết có thể đến ngày mai tôi không còn ở trên cõi đời này nữa. Ông trùm đạo có vẻ bồn chồn. Nửa đêm ông kéo tôi dậy, pha một ấm trà đặc mời tôi. Ông bảo: "Cậu Chương này, hay thôi đừng tô tượng nữa. Tôi cứ lo lắng thế nào". Tôi bảo: "Bác mặc tôi. Công việc nó thế". Ông cụ thở dài: "Ừ! Phải thế đấy. Nếu mệnh hệ nào, cậu có oán tôi không?". Tôi bảo: "Không". Ông cụ nghĩ một lúc rồi lưỡng lự hỏi: "Cậu Chương này, cậu có muốn giối giăng gì không?". Tôi cười: "Nước ta có sáu mươi triệu người thì năm mươi tám triệu cười vào mũi lời giối giăng của tôi". Ông cụ bảo: "Tôi hiểu. Cậu đi ngủ đi".

Tôi đi ngủ. Quả thật tôi chẳng lo lắng gì. Kể từ ngày tôi bỏ nhà ra đi, tôi rất ít nghĩ ngợi về mình. Những khao khát của tôi nhấc tôi lên khỏi mặt đất. Những ý nghĩ của tôi không gắn gì với đời sống và sự tồn tại của bản thân tôi. Hôm nay tôi sống như một con vật hay một ông hoàng có gì quan trọng? Trái tim tôi đã khô héo và cằn cỗi. Tôi biết tất cả những thiện cảm mà cô Phượng, con gái ông trùm đạo dành cho tôi, thậm chí những thiện cảm của cô Thủy, cô Liên dành cho tôi nữa. Tôi biết hết. Tôi không có quyền gắn sinh mạng của tôi với họ, bởi như thế, rốt cuộc tôi cũng lại sống như ông Nhiêu, như ông Hai Thìn hoặc những người dân hiền lành, lam lũ ở quê hương tôi hay là ở xứ đạo này. Một mái nhà gianh với ba bốn trái tim vàng là hết nước. Cô Phượng tôi gặp ở lớp kế toán dạo nào hay cô Phượng con ông trùm đạo ở đây cũng chỉ là một mảnh của nàng, con gái thủy thần, người tôi ước ao gặp gỡ...

Sáng hôm sau, tôi trèo lên nóc gác chuông. Tôi lấy một sợi dây thừng để buộc thòng lọng rồi tròng lên cổ Chúa Giêsu làm điểm tựa. Tôi buộc sợi dây thừng vào quanh người tôi rồi vừa đu vừa làm việc. Cả xứ đạo đứng tụm ở dưới gác chuông nín thở theo dõi công việc của tôi. Chỉ sơ suất, sợi dây thừng đứt hoặc tôi bị mất thăng bằng, tôi sẽ rơi trên cao ba mươi hai mét xuống nền sân đá.

Tôi mải mê làm việc. Không biết bao nhiêu thời gian trôi qua. Trong ống tay Chúa Giêsu có một tổ chim. Những cọng rơm của tổ chim chẳng khác những sợi vàng ròng.

Đến cuối ngày, tôi đã tô xong bức tượng. Một niềm hân hoan khiến tôi nghẹt thở. Phút cuối cùng, không hiểu sao, tôi đã không

kìm được ý thích ngông cuồng là được ký tên trên vầng trán thanh thản của Chúa. Lần vào mái tóc xõa, tôi dùng con dao nhọn lưỡi vạch tên tôi lên đấy. Về việc này, đến sau này tôi phải trả một giá rất đắt, tôi không lường được.

Tôi đứng trên vai bức tượng mắt nhìn về xa. Mặt biển dâng trước mắt tôi, căng như sợi chỉ. Tôi nghe thấy tiếng sóng như tiếng người thở dốc. Những tia hào quang lấp loáng ở một góc biển và không hiểu sao tôi nghĩ đấy là nơi con gái thủy thần trú ẩn.

Tôi xuống sân nhà thờ với sự hân hoan của toàn xứ đạo. Tôi thấy xây xẩm, bải hoải toàn thân. Tôi nằm sấp xuống bậc đá, ngất đi. Tôi thấy hồn tôi nhẹ như sợi khói. Hồn tôi bay là là trên các bậc thềm nhà thờ, trên các mái gianh, mái rạ, trên các ngõ nhỏ, trên các vườn chuối. Hồn tôi bay trên các cánh đồng khô nẻ... Tôi không biết mọi người đưa tôi về nhà từ khi nào nữa.

Nghỉ ngơi dăm hôm, tôi lại lên đường. Tôi mặc bộ quần áo nâu nhuộm vỏ, giắt bên lưng con dao nhọn lưỡi. Cả nhà cô Phượng lưu luyến tiễn đưa tôi. Ông trùm xứ đạo, bà Maria, cô Thủy, cô Liên tiễn đưa tôi đến cuối vườn chuối thì dừng lại. Bà Maria quàng vào cổ tôi sợi dây đeo thánh giá rồi làm dấu trên ngực tôi. Cô Phượng đưa tiễn tôi thêm một quãng ngắn nữa. Cô Phượng bảo tôi: "Anh Chương này, thế anh đi thật à?". Tôi gật đầu, tôi bảo: "Thôi em về đi. Em nhớ cầu nguyện cho anh". Cô Phượng gục đầu vào ngực tôi nức nở: "Thôi anh đi đi, chân cứng đá mềm. Em chẳng giữ được... Xin anh nương nhẹ thân mình, dầu chỉ để cho em đỡ khổ".

Tôi vùng bỏ đi như chạy. Trước mặt tôi là dòng sông. Sông chảy ra biển, biển rộng vô cùng. Tôi chưa biết biển... Thế mà tôi sống nửa cuộc đời rồi đấy. Thời gian cũng thao thiết trôi. Chỉ ít năm nữa đến năm 2000...

Tôi cứ đi... Phía trước mặt tôi còn biết bao điều chờ đợi. Nàng là ai? Con gái thủy thần? Nàng ở đâu? Con gái thủy thần? Là tình chi? Con gái thủy thần? Để tôi mượn màu son phấn ra đi...

*

HUYỀN THOẠI PHỐ PHƯỜNG

(truyện ngắn)

Sinh nhật con gái, bà Thiều làm cơm đãi khách. Dự hôm ấy có hai bà buôn vàng dưới phố, hai ông công chức cùng sở ông Thiều và dăm thanh niên bè bạn của Thoa. Bà Thiều mặc bộ đồ xoa mỡ gà, trẻ đến mười tuổi. Thoa mặc quần *bò*, áo *phông* đỏ, trông lộng lẫy và khá đài các. Vẻ đẹp của cô, theo ý bà mẹ là do "sức sống tinh thần" mang lại. Điều này đáng ngờ, bởi Thoa mới hai mươi tuổi, thi trượt Đại học, rèn luyện trí tuệ chủ yếu thông qua giáo trình của lớp Anh văn buổi tối. Tuy nhiên, chính vẻ trẻ trung, cách đánh hông và cử chỉ tuyệt khéo khi nhăn mũi của cô quả rất ưa nhìn.

Câu chuyện xung quanh bàn ăn thật là thú vị. Bà Thiều gợi lại kỷ niệm của thuở hàn vi. Đây là cách làm sang quen thuộc của người thành đạt. Bài học rút ra ở trường hợp ấy bao giờ cũng là ý chí muôn năm. Khách khứa đều hiểu việc biến đổi một bà bán bún ốc thành nhà triệu phú buôn vàng đâu chỉ đơn thuần là sự vận động ý chí? Nhưng gì thì gì, bởi thức ăn ngon, tất cả những lời chối tai đều nuốt trôi được.

Chuyện đang sôi nổi thì cửa rộng mở và bỗng một người đàn ông huỳnh huych bước vào. Bà Thiều reo lên mừng rỡ:

– Cậu Phúc!

Phòng khách linh hoạt hẳn lên. Phúc là em ruột của bà Thiều, làm việc ở xưởng phim truyện. Ông dáng thấp đậm, râu tóc để rất nghệ sĩ. Bó chặt trong bộ quần áo ghi cộc tay ba túi trông rất khỏe.

– Xin lỗi vì cậu đến muộn... – Phúc vỗ vai cô cháu gái – Cậu mắc việc bận. Cậu đi với một người bạn. Anh ấy đang đứng ngoài đường...

– Sao lại thế? – Bà Thiều gắt yêu – Cậu quen cái thói rẻ người từ bao giờ thế? Bạn bè của cậu cũng là bạn bè của chị. Nhà ta xưa nay gia phong giản dị... Cậu gọi anh ấy vào đi.

– Thôi được... nếu chị đồng ý em sẽ ra mời! – Phúc lại huỳnh huych bước ra và chỉ loáng cái dắt vào một người thanh niên còn trẻ.

– Cậu Hạnh... – Phúc giới thiệu – làm việc ở Vụ...

Thoa chăm chú nhìn. Người này trạc ba mươi tuổi, đôi mắt sáng rực, khóe mép mím lại trông hơi nghiệt ngã. Y mặc bộ đồ bảo hộ lao động. Bộ trang phục ấy giữa phòng khách này trông hơi chướng mắt.

– Vào đây cháu... – Bà Thiều xích ghế lại mời – Hôm nay sinh nhật của em Thoa. Trước lạ sau quen... Khách khứa đều là người nhà người cửa...

Hạnh cười bẽn lẽn. Y đi bắt tay lần lượt mọi người với vẻ bối rối rồi quay lại chỗ ghế ngồi. Bà Thiều hơi ngả sang y để tiếp thức ăn, giống như một thứ cây cao bóng cả độ lượng ngả xuống mặt đất tầm thường.

Bữa ăn có Phúc thú vị hẳn lên. Phúc kể chuyện khéo, ông biết nhiều giai thoại ngộ nghĩnh của giới văn nghệ. Trong một bữa ăn phong lưu, thật chẳng có món gì đáng gia giảm hợp vị hơn là món ấy. Giới này, theo con mắt nghiêm khắc của các vị công chức cùng sở ông Thiều, là bọn người lông bông và vô tích sự, đầu óc rặt những tư tưởng rối ren, nhưng theo con mắt trẻ trung của đám thanh niên thì lại là những thần tượng rất đáng khâm phục. Bà Thiều có vẻ tự hào về cậu em trai. Bà nói:

– Cậu ấy – chỉ ông Phúc – có chí lắm!

– Ăn nhằm gì! – Ông Phúc phản đối – Ở trong cuộc đời em thất bại rồi! Có chí phải kể lớp trẻ bây giờ. Như cậu Hạnh này – Ông Phúc vỗ vai người bạn của mình – Mới ba mươi tuổi mà đã khẳng định tài năng. Chỉ tự học thôi mà đỗ được bằng Đại học!

– Anh nói thế thôi... Tài năng mà nghèo thì buồn ghê lắm. Nếu đã tài năng thì phải cực giàu! – Hạnh nhìn bà Thiều tìm sự đồng tình.

– Cháu nói như thế có phải không cô?

– Cô biết rõ! – Bà Thiều bối rối vì ánh mắt nhìn khá bạo dạn của người trẻ tuổi – Các anh các chị bây giờ khác xưa nhiều lắm!– Cậu ấy chỉ mơ được thành triệu phú! – Ông Phúc mỉm cười.

– Đây là ước mơ tốt! – Một vị công chức khẳng định như đinh đóng cột.

– Thế anh đã làm cách gì để thành người giàu có? -Thoa hỏi chen vào.

– Chưa có cách gì! – Hạnh cười ngượng nghịu – Cuộc đời đầy những bất ngờ. Tôi chờ thần may mắn đến...

– Ê hê... Ông Phúc cười lớn – Cậu hãy chịu khó mua xổ số đi! Hai cú độc đắc là thành triệu phú! – Rồi chợt nhớ ra, ông rút ở túi áo ngực ra hai chiếc vé xổ số. Ông trịnh trọng nói – Nhân danh định mệnh... Tôi có hai vé xổ số vừa mua... Hôm nay sinh nhật cháu Thoa, cậu xin tặng cháu một vé. Hoan hô những cô thiếu nữ ở tuổi hai mươi! Còn một vé – Ông đút vào túi áo ngực của Hạnh – Tôi xin tặng cậu. Hoan hô những tài năng trẻ còn đang nhú mầm!

– Rõ rởm! – Hai công chức đưa mắt nháy nhau.

– Ông ấy đến là hồn nhiên! – Hai bà buôn vàng khúc khích.

Còn mấy thanh niên bè bạn của Thoa thì vừa ghen tị lại vừa khó chịu. Tỏ ra bất cần, họ tấn công vào món nộm mực một cách điềm đạm.

*

Sau bữa ăn bọn trẻ kéo nhau lên gác mở nhạc tưng bừng. Hai ông công chức vội xin về, bởi công việc nhà nước giao bao giờ cũng đều quan trọng và thiếu thì giờ. Hai bà buôn vàng ngồi lại bàn với bà Thiều việc đi lễ chùa. Ông Phúc lim dim ngủ (ông có tật, hễ đã no cơm rượu say là mắt díu lại). Hạnh ngồi với nhóm các bà. Được sự bảo trợ của em bà chủ, y đã trở nên thân thuộc đối với gia đình.

Hạnh chăm chú nghe câu chuyện, thỉnh thoảng lại chen vào vài câu đưa đẩy. Sinh ở nông thôn, y ít có dịp tiếp xúc với gia đình thượng lưu thành thị. Hạnh nhìn cuộc sống của bọn người giàu với nhiều khao khát thèm muốn. Hạnh nghèo, y sợ những sự thiếu thốn. Chao ôi, nếu y có một căn nhà với đủ tiện nghi! Nếu y có tiền! Y không phải lo đến chuyện sinh hoạt. Y sẽ làm việc, sẽ sáng tạo, có thể y thành một người xuất chúng. Hiện giờ, Hạnh ở nhờ nhà một ông chú họ xa lắc tận mãi ven thành. Chỗ ở của Hạnh chỉ kê vừa cái giường một, tất cả sách vở cộng với nồi niêu xoong chảo nhét

dưới gầm giường. Hàng tháng, Hạnh trả cho ông chú một khoản tiền nhà, Khoản tiền này cứ tăng lên bất chấp cố gắng cải thiện tình cảm ruột rà mà y cố công vun đắp. Ông chú họ (vốn đạp *xích lô*) xử thế với y khá là giản dị theo tinh thần câu ngạn ngữ *"đã quen, phải lèn cho đau"*.

Hạnh sống cô đơn. Cuộc sống thành phố với bao lạc thú gây nên nhiều ước mơ. Nhưng Hạnh biết rõ những lạc thú ấy chứa đầy cạm bẫy. Vốn hay quan sát, y đã chứng kiến ở thành phố này các "họa sĩ" trẻ, các "thi sĩ" trẻ, các nhà "bác học" tràn đầy hứa hẹn đã bị cà phê, thuốc lá và những cám dỗ tình ái đánh gục thế nào. Một số không bị những lạc thú ấy quyến rũ thì lại sa vào cơm áo gạo tiền và bị bao nhiêu lo lắng đời thường đánh quỵ. Hạnh không sợ những điều ấy. Từ tuổi mười tám, Hạnh đã xây dựng cho mình nếp sống khắc kỷ đặc biệt. Hạnh không hút thuốc, không uống rượu, không phí phạm tiền nong vào các trò cao hứng, ngông cuồng. Dưới một bề ngoài bình thản và ít cởi mở, Hạnh dấu trong lòng một tham vọng lớn và trí tưởng tượng hừng hực bốc lửa. Hạnh hiểu giàu có mới là điều kiện để thành đạt. Không có đồng tiền, sự nghiệp lập thân chỉ là chuyện hão. Dè xẻn, tiết kiệm từng đồng hào một – đấy là điều Hạnh luôn phải nhắc mình.

Mấy bà buôn vàng đã hoạch định xong cho chuyến đi lễ ngày rằm. Nào là hương hoa, xin sớ, đặt oản, tiền *xích lô*, tiền công đức... Sơ sơ, hạnh nhẩm chi phí lên tới hàng chục nghìn.

– Còn nữa... – Bà Thiều bỗng chợt nghĩ ra – Phải lấy cái vé xổ số của cậu Phúc cho con bé Thoa mang đi xin lộc!

– Bà chị phải xếp vào đấy bảy trăm nghìn *tiền âm phủ!*. – Một bà mặc áo phin nõn mỉm cười – Chị cứ nghe em cầu thánh đổi *tiền âm phủ* thành tiền dương thế là xong! Thánh thần bây giờ cũng sòng phẳng lắm. Em xin đánh cược thế nào cũng trúng!

– Thật nhá! – Bà Thiều thú vị – Cô cược là trúng chứ gì? Cô dám đánh cược một chỉ vàng không?

– Đối với người khác thì em không dám, nhưng với bà chị thì em phải chiều! – Bà khách cười nịnh rồi rút cái nhẫn ở ngón tay út đặt trên mặt tráp.

– Được rồi!– Bà Thiều bắt tay bà khách dứt khoát. – Thế nhưng tôi không có nhẫn một chỉ vàng đâu! – Rồi sực nhớ ra, bà Thiều đứng dậy gọi với lên nhà – Thoa ơi! Xuống dưới này con, con!

Thoa ở trên gác băng xuống. Mùi nước hoa thơm nồng quện mùi mồ hôi.

– Gớm! – Bà Thiều nhăn mặt – Nhảy nhót thế nào mà sống với áo ướt đầm đìa thế, con đưa cái nhẫn một chỉ của con ra đây cho mẹ! Cô Duyên cược là cái vé xổ số của con thế nào cũng trúng giải bảy trăm nghìn. Không trúng thì mẹ con mình cũng được chỉ vàng lộc của cô Duyên...

Thoa giơ bàn tay ra phía trước mặt rồi bỗng giật mình:

– Thôi chết! Cái nhẫn của con vẫn đeo ở đây mà rơi đâu mất rồi! Buổi sáng ngủ dậy còn thấy cơ mà?

– Cha bố cô! – Bà Thiều chồm dậy – Chỉ toàn ăn tàn phá hại! Có đi tìm ngay không bà lại cho một trận bây giờ!

Mọi người rối rít. Ông Phúc tỉnh ngủ. Thoa lục lọi tung cả tủ quần áo. Bà Thiều rền rĩm:

– Con với cái! Từ Tết đến giờ phá hại năm sáu chục nghìn! Nợ ơi là nợ! Bố mày đang ở nước ngoài chứ nếu ông ấy ở nhà thì ông ấy giết!

Các vị khách nữ thấy chủ bối rối muốn lãng ra về.

Bà Thiều níu lại:

– Cô Duyên... Cứ để nhẫn lại đây. Tôi bù tiền mặt cũng được chứ gì?

– Được tôi... – bà khách tỏ ra dễ dãi – Nếu chị trúng giải chị nhớ chia lộc cho em là được. Chị nhớ chồng bảy trăm nghìn đồng âm phủ đấy nhé!

– Được rồi...– Bà Thiều cố nặn ra một nụ cười. Bà xin lỗi khách rồi tiễn họ ra ngoài cửa. Quay vào nhà, bà tát một cái bất ngờ làm cô con gái ngã lạng. Thoa bật lên khóc nức nở...

Hạnh đứng lặng im. Ông Phúc vừa lục lọi tung cả đống quần áo vừa can bà chị:

– Chị nên bình tĩnh mới được, còn bạn bè nó trên gác kìa... Thoa này, cháu thử nhớ lại xem có tháo cái nhẫn rồi để đâu không?

– Có lẽ... Thoa hơi nhăn trán suy nghĩ. Có khi lúc cháu làm gà rồi rơi ngoài rãnh...

Mọi người kéo nhau xuống bếp, Hạnh cũng đi theo. Y bỗng bị lây tâm trạng lo lắng của mọi người.

Bà Thiều lật úp rổ đựng lông gà. Thoa mếu máo khóc. Ông Phúc cầm chiếc que đun gẩy gẩy những con thủy tức ở rãnh nước bẩn, Hạnh bảo:

– Anh tìm như thế không được! – Y xắn tay áo rồi đưa tay mò dọc theo cái rãnh đầy bùn, lõng thõng nước bẩn, thậm chí còn có cả cục phân người.

Dễ đến mười phút. Bỗng Hạnh reo lên mừng rỡ:

– Đây rồi! – Hạnh giơ cái nhẫn vừa mò được lên cao.

Bà Thiều bỗng cười sằng sặc. Thoa mừng đến méo cả miệng. Cô nhìn người khách trẻ trung với sự hàm ơn cảm động. Từ phút ấy, Hạnh đã trở nên hoàn toàn tin cậy đối với gia đình.

Tiễn Hạnh ra về, bà Thiều dặn đi dặn lại:

– Thế nào hôm rằm cũng đến ăn cơm với cô, cháu nhé!

*

Hạnh nằm trằn trọc, y cố gắng ngủ mà không ngủ được. Chuyến đi lễ rằm cùng với mẹ con bà Thiều để lại một ấn tượng mạnh. "Mẹ kiếp... Hạnh nghĩ: Bọn người này họ coi đồng tiền như rác. Mỗi kỳ *sóc vọng* tiêu pha đến mấy chục nghìn...". Hạnh nghĩ số tiền ít ỏi mà mình phải gắng chi tiêu dè xẻn hàng ngày mà rối cả lòng. Thường thường, chỉ những khi nào thật đắc ý lắm hoặc thật mệt mỏi y mới dám ăn một bát cháo lòng. Món ăn bình dân này hợp với túi tiền. Hạnh ăn một cách cầu kỳ. Rắc hạt tiêu thật đậm, cho thêm một ít ớt bột lên trên. Ăn nhẩn nha, tận hưởng cái thú của từng miếng một. Mỗi miếng có mỗi vị riêng. Miếng dạ dày thú ở vị sừn sựt khi nhai. Miếng lòng non ngọt. Miếng gan bùi. Miếng giồi đậm. Nếu vớ được miếng cổ hũ thì thật tuyệt vời. Để ăn bát cháo, Hạnh phải cúp đi một khoản chi tiêu nào đấy, thí dụ một tuần phải bớt đi một món

ăn mặn. Đấy là luật Hạnh đề ra nghiêm khắc với mình. Y tin ở sự cơ chỉ. Tiết kiệm! Tiết kiệm một cách ngặt nghèo, đấy là tất cả sức mạnh mà Hạnh có được.

Hôm nay, riêng tiền *xích lô* của hai mẹ con bà Thiều cũng đến bạc nghìn. Chỉ riêng khoản chi phí ấy cũng gấp ba lần số tiền mà Hạnh kiếm được trong tháng. Hạnh khẽ thở dài, y không xác định được ngay tình cảm của mình đối với bà Thiều cũng như đối với cô con gái. Cả hai mẹ con, Hạnh thấy rõ ràng biểu hiện của thứ căn bệnh của bọn người giàu: bệnh buồn chán. Tình trạng no đủ ngồi rồi đẻ ra bệnh ấy. Cả hai mẹ con đều thấy dấu hiệu của thứ tì vết hư hỏng đạo lý, thứ tì vết mơ hồ có thể cảm thấy mà khó diễn đạt thành lời. Nó ở ánh mắt, nụ cười, ở ngay trong cách trang phục của họ. A ha! Hạnh tự nhủ, y rất có thể nhồi vào hai tâm hồn ấy một ngọn lửa nhỏ cho nó bùng lên. Hạnh có sức lực, y thừa tài năng để làm việc ấy. Biết đâu điều ấy mang lại cho y những cơ hội tốt. Ở họ, họ có khả năng trả giá bạc nghìn để mua một niềm vui hoặc một phép lạ. Hạnh cười gằn: "Cuộc sống ở thành phố này thiếu gì phép lạ?"

Hạnh đưa tay, vớ lấy quyển sách đầu giường. Từ trong quyển sách rơi ra chiếc vé xổ số ông Phúc cho y hôm trước. Hạnh giật mình. Tất cả nghi lễ xoay quanh chiếc vé xổ số mẹ con bà Thiều mang đi xin lộc hôm nay sống dậy trong y. Chiếc vé của Hạnh bất hạnh chừng nào. Cũng là chiếc vé cùng một *xê ri*, hoàn toàn giống nhau về mặt hình thức, nhưng chiếc vé kia được một sự bảo trợ vô hình. Bà Thiều đã đưa chiếc vé đi lễ gần một chục chùa, cuối cùng chiếc vé cùng cả bọc *tiền âm phủ* được đặt lên tay tượng thần đồng đen trong đền Trấn Vũ. Hạnh thấy ớn lạnh. Mùi hương trầm thơm, không khí lạnh lẽo trang nghiêm trong đền thờ thánh gây nên cảm giác thiêng liêng. Bảy trăm nghìn! Trời ơi, cả một số tiền lớn lao kinh khủng. Cả một cơ nghiệp, cả một gia tài. Đấy là sự nghiệp! Đấy là hạnh phúc mà y mong muốn! "Nhất định trúng... Hạnh lẩm bẩm – Chiếc vé trúng giải độc đắc mất thôi! Một sự thành kính đến thế, những chi phí lớn đến thế... Bao nhiêu lễ vật! Liệu thánh thần nào có thể vô tình?". Hạnh khẽ rên lên, y toát cả mồ hôi trán. Hạnh có cảm giác như sốt. Chiếc vé ấy trúng mất thôi. Hạnh đã nghe thấy các tay cao thủ số *đề* tiên đoán lần này sẽ *đổ* 36. Chiếc vé ấy đuôi

36! Chiếc vé của y đuôi 37! Như vậy, chiếc vé của y chỉ sai mỗi hàng đơn vị. Thật là chua xót.

Hạnh ngủ thiếp đi, tay nắm chặt chiếc vé bất hạnh. Trong giấc ngủ, cứ chập chờn hình ảnh pho tượng đồng đen cao lớn. Pho tượng đứng lên đi lại, bật cười ha hả. Pho tượng đặt thanh kiếm dài xuống ghế, bàn tay có những móng dài xòe trước mặt y những xấp tiền mới. Hạnh nghe rõ cả âm thanh loạt soạt những tờ giấy bạc...

Nửa đêm, Hạnh choàng thức dậy, bỗng một tia chớp lóe lên:

– Nếu ta đánh tráo chiếc vé xổ số bất hạnh của ta với chiếc vé kia thì sẽ thế nào?

*

Bà Thiều nằm trên *đi văng*, mặc bộ đồ xoa mỏng dính, mắt ngó trông quầy bán đồ mỹ phẩm nữ trang. Chiếc quầy hàng nhỏ thừa sức nuôi sống hai mẹ con bà. Căn nhà tĩnh lặng, nghe rõ tiếng kêu ro ro của chiếc tủ lạnh để ở góc nhà. Bà Thiều lơ đãng lật một tập ảnh khỏa thân nước ngoài. Cách giải trí này bà vẫn ngang nhiên phô ra với khách để chứng minh rằng đầu óc của bà tự do tân tiến và ghét thói đạo đức giả cổ hủ lỗi thời.

Có tiếng gõ cửa. Bà Thiều nhỏm dậy nhìn ra.

– Ai đấy?

– Hạnh đây... – Tiếng ho húng hắng có vẻ bồn chồn.

Bà Thiều mở cửa. Hạnh mặc bộ đồ khá diện bước vào. Như thể tiện tay, y cài chốt cửa ra vào.

– Đi đâu mà bảnh thế cháu?

– Nhớ cô quá! – Hạnh cười cầu tài. Ánh mắt ve vuốt người đàn bà. Cô có một sức thu hút mọi người đến khiếp! Em Thoa có nhà không cô?

– Em nó đi học tiếng Anh. Ngoài giờ buổi tối, ban ngày thỉnh thoảng nó đi học nhóm.

Hạnh nhếch mép cười. Y đã từng biết các nhóm học này. Các cô cậu thanh niên nhà giàu hoàn toàn có thể học tập ở đấy khá nhiều tri thức, dĩ nhiên – trừ ngoại ngữ.

Hạnh hỏi:

– Cô đi lễ chùa về có mệt không cô?

– Chẳng mệt tí nào! Bà Thiều vui vẻ. Cứ đi lễ chùa là cô lại khỏe như vâm mới lạ. Thần thánh cũng linh thiêng thật! Ngay cả đường đi chùa Hương cheo leo là thế mà năm nào cô cũng đi đấy nhé. Cứ ngậm ít sâm, vừa đi vừa *nam mô* niệm Phật phù hộ độ trì...

– Phật sẽ phù hộ cô thôi... – Hạnh cười khe khẽ, y đang suy nghĩ rất lung. Thần kinh y căng như sợi dây đàn, những sợi gân xanh hai bên thái dương giần giật. Chiều nay mở số, Hạnh không thể nào chần chừ được nữa. Hạnh đoán chắc chắn chiếc vé ấy trúng. Đây là cơ hội giúp mình thoát khỏi cảnh nghèo. "Dứt khoát... Hạnh nghĩ. Ta phải lập tức trở thành tình nhân của mụ dù bằng mọi giá. Thời giờ thật chật chội quá! Cần đổi bằng được chiếc vé lập tức bây giờ..."

– Cô độc đáo lắm! – Hạnh thả mồi câu. Những người phụ nữ độc đáo bây giờ rất hiếm!

– Thế cô độc đáo chỗ nào? – Bà Thiều thú vị và khép vạt áo ra phía đàng trước.

– Cô đã độc đáo trên toàn cơ thể – Hạnh nói và giọng bỗng dưng đổi khác, đôi mắt xoáy vào bờ vai tròn lẳn của người đàn bà, hai bên cơ hàm tự dưng cứng lại. Trông cô hấp dẫn như một thiếu nữ đương thì.

Bà Thiều hơi thoáng hốt hoảng. Điều này giống như linh cảm của con gà mái bị con gà trống ngổ ngáo săn đuổi. Tuy nhiên, ý thích mơn trớn và thích phiêu lưu háo hức sống dậy trong lòng bà. Dục vọng trỗi lên thành một động tác bất cẩn; chiếc khuy bấm nơi ngực áo tuột ra.

Hạnh chồm hẳn dậy và xô người đàn bà ngã xuống *đi văng*.

Bà Thiều rên rỉ. Ý thức phẩm giá khiến bà có những cử chỉ chống cự yếu ớt.

Bà Thiều nhắm mắt, hoàn toàn mất vẻ tự chủ. Hạnh thở khò khè, y hỏi bằng một giọng nói gần như van lơn.

– Chiếc vé xổ số đâu rồi?

Bà Thiều khựng lại, bà không hiểu ngay được câu nói ấy.

– Chiếc vé xổ số đâu rồi? – Hạnh hơi quát lên, giọng đanh lại như tiếng kim loại va đập vào nhau.

Phải mấy phút bà Thiều mới hiểu ra được câu hỏi của Hạnh và hiểu ra được tình thế bi kịch của bà.

– Con Thoa để trong chiếc ví xách tay của nó! – Bà Thiều nói như nghẹn ngào và nỗi xấu hổ ê chề choán lấy người bà khi bà thấy Hạnh rời khỏi *đi văng*, đứng lên thẩn thờ như người mất trí. Vừa may lúc ấy, ngoài cửa vang lên tiếng gọi và tiếng đập cửa dồn dập của Thoa.

Thoa ngơ ngác, ngạc nhiên khi cửa mở ra thấy bà mẹ mình nước mắt ròng ròng đang rúm người lại trên chiếc *đi văng*. Cửa sập ngay sau lưng cô và Hạnh đứng chắn ngay cạnh, nét mặt lạnh lùng, đôi mắt y như hai cục lửa:

– Đừng có gào lên! – Hạnh quát khe khẽ – Cô lấy chiếc vé xổ số trong ví xách tay ra đây!

Thoa run bắn người, cô nhìn bà Thiều, nhìn Hạnh bằng đôi mắt thất thần, hốt hoảng.

Bà Thiều nói nghẹn ngào:

– Con lấy chiếc vé ra đưa cho nó!

Thoa run bần bật, cô hấp tấp mở cái ví xách tay. Chiếc vé xổ số của cô rơi ngay xuống đất. Hạnh chồm nhặt lấy, nhét chiếc vé xổ số vào người rồi thong thả lấy chiếc vé của mình ném vào người bà Thiều.

Mọi việc diễn ra chỉ trong nháy mắt. Hạnh sửa quần áo rồi luồn ra ngoài không nói năng gì. Thoa khóc nức nở rồi ngã vật xuống như một thân cây mảnh dẻ vừa bị đốn khỏi mặt đất.

Bà Thiều đứng dậy lấy quần áo mặc vào người rồi quát tướng lên:

– Khóc cái gì? Cha bố cô! Có im đi ngay không bà lại cho cái tát bây giờ!

Lặng im một lát rồi nhận thấy mình vô lý, bà bỗng kéo cô con gái đang lả người đi, mềm nhũn vào lòng bà, rồi nói với giọng tỉnh táo không ngờ:

– Cứ sống đi con, rồi con sẽ hiểu cuộc đời. Khốn nạn! Khốn nạn vô cùng! Con phải biết rằng chính mẹ của con cũng là một con đàn bà khốn nạn!

ĐOẠN KẾT

Buổi chiều hôm ấy, xổ số đặc biệt giải trăm nghìn rơi vào con số 20437, đúng vào chiếc vé xổ số của Hạnh ném trả cho Thiều... Nghe nói Hạnh đã phát điên. Ông chú họ vốn đạp *xích lô* đã phải đưa y đi viện tâm thần. Bà Thiều trúng giải xổ số. Bà mất một chỉ vàng cho cô Duyên. Cuối năm ấy, chồng bà cùng cậu con trai du học nước ngoài về nước. Thoa đã lấy chồng, chồng cô làm việc ở Xưởng phim truyện cùng với ông Phúc.

Trong một thời gian, ở trong thành phố lưu truyền một bài đồng dao mà rất ít người hiểu được xuất xứ:

Xổ số đặc biệt
Giải bảy trăm nghìn
Món quà phẩm hạnh
Lộc của thần linh
Số trời may mắn
Đâu đến chú mình
Đỏ đen nhân thế
Hữu sự hữu tình...

*

TRƯƠNG CHI

(truyện ngắn)

"Ngày xưa có anh Trương Chi
Người thì thậm xấu hát thì thậm hay"
(TRUYỆN CỔ)

Trương Chi đứng ở đầu mũi thuyền. Chàng trật quần đái vọt xuống dòng sông. Phía xa kia là chân trời rực hồng ráng đỏ. Nhà nàng ở phía ấy. Sương xuống lạnh. Một nỗi buồn da diết choán ngợp lòng chàng. Chàng gác chèo và mặc kệ dòng sông cuốn con thuyền đi.

Chàng hát:

"Nỗi buồn của ta ơi
Như cục đá đè nặng tim ta
Nào ai thấu?
Phía xa kia là quê nhà
Tuổi trẻ mờ sương
Những ký ức mờ sương
Những ước mơ đâu cả rồi?
Những mơ ước của ta?
Ta đã mơ rất say đắm
Mơ hoa lá, những bài ca,
Những tiếng đàn,
Những nụ cười, những đồng lúa chín,
Những lâu đài rực rỡ,
Ta đã mơ thấy nàng
Trong suốt và đỏ chói
Những mơ ước đâu cả rồi?
Những mơ ước của ta?
Có ai về đó không?
Về quê nhà ta
Chào giúp một câu
Cho bớt nỗi sầu
Những mơ ước đâu cả rồi?
Những ước mơ say đắm khôn nguôi
Nỗi buồn của ta ơi
Như cục đá đè trĩu tim ta
Ai thấu chăng tình ta?"

Tiếng hát vút cao. Đêm xuống. Bóng tối mù mịt. Trương Chi rùng mình vì sự vắng lặng xung quanh. Không ai đáp lại chàng. Sự

vắng lặng kinh hoàng. Chỉ có tiếng giun dế, tiếng ễnh ương, tiếng chó sủa. Trương Chi úp mặt vào hai lòng bàn tay chai sạn. Chàng khóc. Không có nước mắt. Chàng cắn vào ngón tay. Một đốt ngón tay đứt trong miệng chàng. Chàng nhổ mẩu ngón tay xuống sông. Trời tối, không thấy máu. Chàng thò ngón tay xuống dòng nước xiết. Dòng nước mơn man khiến chàng dễ chịu. Chàng duỗi chân, ngả người vào lòng thuyền. Chàng nói:

– Cứt!

Nói xong chàng nhắm mắt lại. Bốn nghìn năm trước chàng đã mất ngủ thế này. Bốn nghìn năm trước chàng đã đau đớn thế này, chàng đã căm giận thế này.

Việc gặp My Nương xốc lại toàn bộ suy nghĩ của chàng. Trước kia, Trương Chi chỉ hình dung mơ hồ có những cuộc sống khác, lối sống khác. Chàng chỉ ngờ ngợ rằng cuộc đời chàng tẻ nhạt, nhàm chán. Rằng thân phận chàng chẳng ra gì. Rằng con thuyền này, những vật dụng này chẳng ra gì. Rằng thân xác chàng xấu xí, chẳng ra gì. Cả ngay tiếng hát của chàng cũng thế, vô nghĩa, chẳng ra gì. Tuy nhiên, việc tự khép kín, thói lười nhác an phận, thêm một chút khinh bạc nữa và những cố gắng không mỏi để kiếm miếng ăn khiến chàng giữ được bên ngoài vẻ thường. Không ai ngờ vực chàng. Không ai sợ hãi chàng. Chàng sống giữa bầy. Chàng cười nói. Chàng chịu đựng. Chàng mua bán. Chàng chấp nhận. Mọi ước lệ của thói đời lướt qua chàng không dấu vết. Chàng cũng lướt qua nó, những ước lệ của thói đời ấy không dấu vết. Giờ đây, gặp My Nương rồi, chàng hiểu chắc chắn rằng cuộc sống của chàng thật là cứt, là cứt chó, không sao ngửi được. Không phải chỉ riêng chàng, mà cả bầy. Tất cả đều thối hoắc.

– Cứt!

Trương Chi gầm lên khe khẽ. Những bức bối cồn cào lòng chàng.

Chàng hát:

"Đêm nay là đêm nao
Này người tình ơi
Rồi nàng cũng thành một bà lão
lụ khụ, đáng kính
và cô đơn thôi!

Bây giờ nàng cứ cười đi
Ta đâu mếch lòng
Nàng còn trẻ tuổi
Nàng hiểu làm sao
Những khao khát nực cười của ta
Ta vốc một nắm gió
Ném vào khoảng không kia
Nheo một bên mắt
Tay đút túi
Ta không khiến nàng bận tâm
gió đi đâu
Dạt đến chân trời nào
Nàng biết quái gì?
Gió đi đâu?
Đến bao giờ thành bão?
Trên con thuyền này
Ta bắt quyết
Luyện phép một mình
Ai thấu lòng ta?
Nàng cứ cười đi
Và chớ có tin
Nàng có tin ai đâu
Thói của nàng là thế
Nàng được giáo dục như thế từ bé tí
Nàng chỉ tin ở bạo lực
Ta biết thừa
Ai thấu lòng ta
Những khát khao của ta
Những cuồng vọng của ta
Những tín ngưỡng của ta
Với con thuyền này
Ta chèo qua số phận
Ta chèo qua thời gian
Ta chèo một mình..."

Trương Chi không hát nữa. Chàng lại nói:

– Cứt!

Nói xong chàng nhỏm dậy. Chàng thấy đói. Chàng phải kiếm ăn đã. Chàng lái thuyền vào bờ. Ở hai ven bờ, suốt từ thượng nguồn đến tận hạ nguồn, chàng đã đặt mỗi bên một nghìn cái đó. Nhấc đó lên là có cái ăn. Đây là cá, là cua, là ếch nhái.

Trương Chi bắt cá ném vào lòng thuyền. Chàng dùng hai hòn đá nhen lửa nướng cá. Chàng ăn cá nhưng được vài miếng chàng lại nhổ đi. Chàng lại nói:

– Cứt!

Hình ảnh My Nương hiện ra. Trương Chi thở dài. Nàng ngả người trên nệm. Nàng lấy những ngón tay thon thả gỡ tóc. Nàng bảo chàng:

– Hát đi!

Viên quan trưởng bảo chàng:

– Hát ca ngợi công danh đi!

Trương Chi tức nghẹn họng. Chàng biết, hát về điều ấy thật là trò cứt. My Nương mỉm cười khuyến khích chàng. Chàng đã mềm lòng trước nụ cười ấy. Chàng khò khè trong cổ. Chưa bao giờ chàng hát một bài hát thô bỉ thế này. Bài hát chỉ toàn "ấy a" với lại "huầy dô". Bài hát đông người.

My Nương bảo:

– Hay lắm!

Bọn hoạn quan đứng quanh cười ré lên:

– Hát như cứt!

My Nương tỏ vẻ thương xót:

– Hát về tình yêu đi!

Viên quan trưởng ngăn lại:

– Đừng! Nên hát về sự nhẫn nhục!

My Nương làm một cử chỉ khuyến khích. Trong cuộc đời bạc bẽo của chàng, Trương Chi chưa được ai khuyến khích bao giờ.

Chàng hát, mắt hướng về viên quan trưởng:

"Sự nhẫn nhục bắt đầu từ đâu?
Ngày xưa, ta tưởng nó bắt đầu từ bản tính ta

Từ đầu ngón chân, ngón tay ta,
Hóa ra không phải
Sự nhẫn nhục bắt đầu từ mày!"

Viên quan trưởng ngăn lại:

– Đừng hát!

Trương Chi luống cuống. Chàng thấy khổ quá. Giữa sông nước có ai chỉ bảo chàng đâu? Sự nhẫn nhục, thói hãnh tiến, lòng tham, tính thiện... Tất cả như nhau hết, vụn vặt và vô nghĩa lý. Chàng chỉ có một mình. Ngày cũng một mình. Đêm cũng một mình. Mưa nắng như nhau hết.

Bọn hoạn quan cười ré lên:

– Hát như cút!

My Nương cười, Trương Chi rất thích giọng nàng cười. Tiếng cười rung trong ngực chàng.

Viên quan trưởng bảo:

– Hát ca ngợi tiền bạc đi!

Bọn hoạn quan reo lên.

My Nương làm một cử chỉ mơn trớn. Chẳng có ai nhận ra cử chỉ ấy. Chỉ có riêng chàng biết.

Trương Chi luống cuống, lại một bài hát toàn "ấy a" với lại "huầy dô". Có chỗ chàng lại bắt chước tiếng chó sủa, tiếng gà cục tác và tiếng dê kêu nữa. Bài hát đông người...

Bọn hoạn quan cười ré lên:

– Hát như cút!

My Nương cười rũ rượi. Chàng biết, sau tiếng cười độ lượng kia nàng sẽ mím môi lại. Nàng có tật thế.

Trương Chi rùng mình. Chàng thấy lo sợ cho chàng. Chàng biết rõ mình. Chàng có thể chịu được đói khổ, nhọc nhằn, thói nhẫn tâm, sự đểu cáng. Thậm chí cả sự hạ nhục của bọn người nông nổi và thiển cận nữa, không sao. Chàng chỉ sợ khi chính bản thân chàng lâm vào tình thế phải tự hạ nhục bản tính mình, thế là mất hết, không còn tiếng hát, không còn Trương Chi.

Trương Chi ngó quanh. Bọn hoạn quan, những gã đồng cô, những tên hề lùn, bọn bói toán, tướng số, lang băm... xúm xít, ép chặt lấy chàng.

Trương Chi sợ hãi. Chàng mong nhìn thấy một người đánh cá, chỉ đánh cá mương thôi cũng được, chẳng cần đến loại người đánh cá kình. Chàng sẽ vững tâm.

My Nương giúp chàng. Nàng bảo:

– Hát về tình yêu đi!

Trương Chi nhắm mắt lại. Chàng thấy bồng bềnh như đứng trên thuyền. Đến lúc này, chàng biết chàng phải cất giọng tự hát cho mình, bởi không chàng sẽ mất hết, mất cả cuộc đời. Chỉ bằng tình yêu của chàng, tình yêu chân thực và nồng cháy của chàng mới hòng cứu vớt được. Không phải là My Nương, không chỉ là My Nương. Dù cho My Nương có là một con phượng hoàng kiêu hãnh hoặc một con nhện xấu xí cũng vậy. Với chàng lúc này tất cả đều như nhau. Tình yêu của chàng hướng về tuyệt đối. Nàng là cái bẫy của số phận chàng.

Chàng hát:

"Tình yêu, bài ca mà Trương Chi hát
Cất lên từ trái tim bị thương tổn
Ngọn cờ nàng phất trên ta là tình yêu
Và tiếng trống trận là nhịp tim ta
Kẻ thù của ta
Chúng sẽ bôi nhọ tên ta
Còn ta
Ta sẽ vung ra trước chúng
Lưỡi mác của tình yêu
Xuyên qua tim ta
Và qua tim nàng
Này người tình ơi
Thực ra, nàng còn rỗng tuếch và tẻ nhạt
Tâm hồn nàng có những con rắn hoài nghi
trơn tuột nằm phục
Nàng gian lận trong bài bạc

Nàng đánh giá điều thiện như cách nàng
đánh giá đồ trang sức và tài sản
Nàng ngờ vực ngọn gió
Và gieo gặt nhờ kích thích thói xấu
Mồi thính của nàng
Là quyền lợi và danh dự hão huyền
Ta đâu cần một bữa cơm
Đâu cần một manh áo
Cơm ta thiếu gì?
Áo ta cần chi?
Ta ở trên đất đai của tổ tiên ta
Và quăng lưới trên dòng sông của tổ tiên ta
Những khao khát của ta
Hướng về tuyệt đối...
Ta là Trương Chi
Ta ca ngợi tình yêu
Nở từ hạt thiện
Và bông hoa của tự nhiên
Là sự chân thực lạnh buốt..."

Tiếng hát Trương Chi cao vút. Xung quanh im bặt. Những giọt nước mắt long lanh trên mắt My Nương. Nàng chưa từng được nghe ai hát thế này. Bọn hoạn quan, những gã đồng cô, những tên hề lùn, bọn bói toán, tướng số, lang băm... đứng dạt cả ra. Trương Chi vẫn hát, đôi chân của chàng như bốc khỏi đất, chàng đang bay lên.

Chàng hát:

"Hãy ca hát tình yêu
Hỡi những trái tim lãnh cảm
Những trái tim sắt đá
Bạo lực chỉ gây oán thù
Nòi giống phải trả giá
Ta là Trương Chi
Ta hát cho tình yêu
Vẻ đẹp tự nhiên
Sự chân thực lạnh buốt..."

Chàng hát:

"Ta là Trương Chi
Ta hát cho tình yêu
Đây là thanh danh ta
Và thanh danh nàng..."

Chàng hát:

"Ta là Trương Chi
Ta hát cho tình yêu
Tình yêu không xúc phạm được
Bởi nó kiêu hãnh và tinh tế..."

Chàng hát:

"Ta là Trương Chi
Ta hát cho tình yêu
Tình yêu cần hy sinh
Bởi nó không khoan nhượng..."

Chàng hát:

"Sự ngu ngốc hay khôn ngoan với tình yêu
đều như nhau
Sự ràng buộc hay không ràng buộc cũng thế..."

Chàng hát:

"Tình yêu không mất đi và không sinh ra
Tình yêu tuyệt đối..."

Chàng hát:

"Ta là Trương Chi
Bài ca ta cất lên từ trái tim bị thương tổn
Này người tình ơi
Xin đừng vì sự thương tổn trái tim ta mà
tổn thương trái tim nàng
Chúng ta đi qua cuộc đời bạc bẽo này, giả dối này
Nàng cứ sống đi rồi sẽ hiểu
Những chân trời nào nàng sẽ qua...
Và những gì làm trái tim ta đau
Ghi dấu trên thanh danh ta...

Và trên cả thanh danh nàng...
Có một thứ tình yêu bất tử..."

Trương Chi im bặt. Chàng cũng không biết chàng đã bay tới bến sông từ khi nào nữa. Hình ảnh My Nương biến mất đâu rồi, trước mặt chàng là sông nước trắng xóa một màu, trời mây trắng xóa một màu.

Trương Chi chèo thuyền ra giữa tim sông. Chàng lại nói:

– Cứt!

Chàng từ trên thuyền bước xuống xoáy nước giữa sông. Ở trên trời, trên mặt đất, trên biển cả và các dòng sông đều có những hốc đen bí mật. Những xoáy nước trên sông là những hốc đen như thế.

*

Trong truyện cổ, người ta kể rằng khi hát xong câu hát cuối cùng:

"Kiếp này đã dở dang nhau
Thì xin kiếp khác duyên sau lại lành".

Trương Chi đã nhảy xuống sông tự trầm. Hồn chàng nhập vào thân cây bạch đàn. Người ta lấy gỗ bạch đàn tiện thành bộ chén tiến vua. My Nương rót nước, nhìn thấy hình ảnh Trương Chi trong chén. Giọt nước mắt nàng lăn xuống, cái chén bạch đàn vỡ tan.

Tôi – người viết truyện ngắn này – căm ghét sâu sắc cái kết thúc truyền thống ấy. Quả thực, cái kết thúc ấy là tuyệt diệu và cảm động, trí tuệ dân gian đã nhọc lòng làm hết sức mình.

Còn tôi, tôi có cách kết thúc khác. Đấy là bí mật của riêng tôi. Tôi biết giây phút rốt đời Trương Chi cũng sẽ văng tục. Nhưng đấy không phải là lỗi ở chàng.

My Nương sống suốt đời sung sướng và hạnh phúc.

Điều ấy vừa tàn nhẫn, vừa phi lý.

Lẽ đời là thế.

*

THƯƠNG NHỚ ĐỒNG QUÊ

(truyện ngắn)

Tôi là Nhâm. Tôi sinh ở làng quê, lớn lên ở làng quê. Đi trên đường Năm nhìn về làng tôi chỉ thấy một vệt xanh nhô trên đồng vàng. Xa mờ là vòng cung Đông Sơn, trông thì gần nhưng từ làng tôi đến đấy phải năm mươi cây số. Làng tôi gần biển, mùa hè vẫn có gió biển thổi về.

Tháng Năm âm lịch là mùa gặt. Mẹ tôi, chị Ngữ, chú Phụng với tôi ra đồng từ mờ sáng. Ba người gặt, còn tôi gánh lúa.

Tôi gánh lúa về nhà, đi men theo đường mương. Nắng gắt lắm, ngoài trời có lẽ phải bốn mươi độ. Bùn non bên vệ mương nứt nẻ, bong cong lên như bánh đa.

Tôi mơ mộng lắm, hay nghĩ. Bố tôi là thiếu tá, cán bộ trung cấp kỹ thuật hải quân, vẫn đi ra các đảo lắp *ra đa* với máy thông tin, mỗi năm về phép một lần. Bố tôi thuộc hết tên các đảo. Mẹ tôi chẳng bao giờ đi xa khỏi làng. Mẹ tôi bảo: "Ở đâu chẳng thế, chỗ nào cũng toàn là người". Chú Phụng thì khác, chú Phụng đã đi nhiều nơi, chú Phụng bảo tôi khi chỉ có hai chú cháu với nhau: "Trong thiên hạ không phải chỉ có người đâu, có các thánh nhân, có yêu quái". Nhà chú Phụng toàn phụ nữ: mẹ vợ, vợ, bốn đứa con gái. Chú Phụng đùa: "Chú đẹp giai nhất nhà".

Chị Ngữ là chị dâu tôi, lấy anh Kỷ. Anh Kỷ đang làm công nhân trên mỏ thiếc Tĩnh Túc Cao Bằng. Chị Ngữ là con ông giáo Quỳ. Ông giáo Quỳ có nhiều sách. Mọi người vẫn bảo ông là "đồ gàn", lại bảo ông là "lão dê già", "Quỳ dê". Ông giáo Quỳ có hai vợ, vợ cả sinh ra chị Ngữ, chị dâu tôi. Vợ hai là thím Nhung, vừa là thợ may, vừa bán quán, sinh ra thằng Văn bạn tôi. Thím Nhung trước kia là gái giang hồ ở Hải Phòng. Ông giáo Quỳ lấy về làm vợ nên uy tín chẳng còn gì.

Tôi gánh được chục gánh lúa thì đầy ùn cả sân. Tôi gọi cái Minh dọn rơm để có chỗ xếp lúa. Cái Minh em gái tôi người nhỏ quắt, đen đúa nhưng mắt sáng, lại dai sức. Cái Minh chui ở bếp ra, mặt đỏ gay, mồ hôi ướt đầm hai bên vạt áo.

Tôi ra bể nước mưa múc đầy cả một gáo dừa uống ừng ực. Nước mát lịm. Mẹ tôi vẫn hay chan cơm nước mưa ăn với cà muối. Mẹ tôi không ăn được thịt mỡ.

Sân nóng hừng hực, hơi nóng mờ mờ bốc lên ngây ngất. Mùi lúa ngột ngạt.

Đường làng đầy rơm rạ phơi ngổn ngang. Tôi đi qua cổng nhà dì Lưu thấy có đám người xúm đông. Cái Mị con dì Lưu gọi tôi: "Anh Nhâm!" Tôi vào thấy ông Ba Vện bưu điện xã đang nhét thư báo vào túi bạt sau yên xe đạp. Cái Mị bảo tôi: "Có điện của chị Quyên ngoài Hà Nội".

Dì Lưu là em mẹ tôi, bị liệt mấy năm nay. Chú Sang chồng dì Lưu đang công tác bên Lào, chú là kỹ sư cầu đường. Anh trai chú Sang ngoài Hà Nội có con gái là Quyên đi học Đại học bên Mỹ. Hồi bé Quyên đã có lần về thăm quê.

Tôi cầm bức điện đọc: *"Cô Lưu cho người ra ga đón cháu Quyên 14 giờ ngày..."* Tôi hỏi cái Mị: "Chiều nay à?". Cái Mị gật đầu.

Dì Lưu nằm nghiêng tựa lưng vào tường. Lúc nào dì Lưu cũng nằm như thế đã sáu năm nay. Dì Lưu bảo tôi: "Nhâm giúp dì ra đón em Quyên nhé". Tôi bảo: "Nhà cháu đang gặt". Dì Lưu bảo: "Để đấy đã. Gặt ở khoảnh nào?" Tôi bảo: "Gặt ở khoảnh gieo *bào thai hồng*".

Cái Mị cầm bức điện ra đồng để nói với mẹ tôi. Cái Mị cùng tuổi cái Minh em tôi nhưng cái Mị trắng hơn. Nó hay nói, hay làm nũng. Cái Mị bảo: "Anh Nhâm ơi, hôm nào anh làm cho em cái lồng lấy ổi". Lồng lấy ổi làm bằng cây nứa tươi, đầu lồng hơi giống hom giỏ, có hàm răng mở ra. Tôi bảo: "Em kiếm nứa đi". Cái Mị bảo: "Em có rồi. Mai anh làm nhé". Tôi nhẩm việc, thấy kín hết chỗ từ sớm đến khuya. Cái Mị bảo: "Mai đấy". Tôi bảo: "Ừ". Nhà cái Mị có ba cây ổi, nó trèo ổi gãy cành có lần suýt ngã.

Chú Phụng đọc tờ điện báo nói: "Sao lại bưu cục S.N.N.? Thế là nghĩa lý gì? Bọn ở thành phố nhiều mưu kế lắm". Mẹ tôi bảo: "Dì Lưu đã nhờ thì Nhâm đi đi. Cái áo mới mẹ để ở hòm, lấy mà mặc". Tôi bảo cái Mị: "Em về đi. Anh phải gặt đến trưa, ăn cơm rồi đi luôn".

Cái Mị về một mình. Bóng nó cứ ngụp dần trên cánh đồng xa tít tắp đang gặt nhạm nhở. Tôi cầm liềm. Quơ một vòng sát chân

rạ. Giật mạnh. Bước sang trái. Quơ liềm. Giật mạnh. Lại bước sang trái. Lại quơ liềm. Lại giật mạnh. Cứ thế. Cứ thế mãi. Đất trên mặt ruộng ẩm ướt. Những con châu chấu nhỏ xíu nhảy lách tách.

Đến giữa trưa thì đồng vắng lắm. Nhìn ra chỉ có bốn người nhà tôi giữa đồng. Mẹ tôi ngồi bên vệ cỏ nhể gai ở chân. Chị Ngữ đội nón, khăn trùm mặt, quấn xà cạp đến tận mắt cá chân, ngơ ngẩn nhìn về dãy núi xa phía vòng cung Đông Sơn. Chú Phụng xếp lúa để gánh về. Chú Phụng hỏi: "Mày về luôn chứ?" Tôi khô khốc miệng, không nói được, chỉ gật đầu. Hai chú cháu tôi mỗi người một gánh đi về. Chú Phụng đi trước, tôi đi sau. Gánh lúa rất nặng. Tôi thấy chân mình run lắm nhưng cố bước. 100 bước. 200 bước. 1000 bước. 2000 bước. Cứ thế. Cứ thế mãi. Rồi cũng đến nhà.

Cái Minh dọn cơm cho tôi ăn rồi vội vàng mang cơm ra đồng cho mẹ tôi và chị Ngữ.

Tôi ăn cơm. Cơm có rau khoai lang luộc, cà muối, cá tép kho khế. Tôi ăn một lèo sáu bát cơm. Bây giờ đang mệt, nếu không mệt tôi đánh thông đấu gạo.

Tôi ra giếng tắm, thay quần áo. Tôi lấy chiếc áo mới ra mặc, nhưng thấy ngượng nên thôi. Tôi mặc chiếc áo bộ đội bạc màu của bố tôi. Tôi sang nhà dì Lưu lấy xe đạp. Dì Lưu bảo: "Cháu cầm lấy ít tiền". Dì Lưu đưa tôi năm nghìn nhưng tôi chỉ lấy hai nghìn. Hai nghìn là hơn cân thóc. Dì Lưu hỏi: "Nhâm còn nhớ mặt em Quyên không?". Tôi gật đầu, thực ra tôi không nhớ lắm, nhưng gặp tôi cũng nhận ra.

Tôi đạp xe ra ga. Từ làng tôi đến ga tám chín cây số. Lâu lắm tôi mới đi xa thế này.

Con đường đất men theo rìa làng, qua đình làng, qua đầm sen rồi theo bờ mương ngược về huyện lỵ. Tôi nghĩ. Những ý nghĩ của tôi mung lung.

Tôi nghĩ
Tôi nghĩ về sự đơn giản của ngôn từ
Sự bất lực của hình thức biểu đạt
Mà nỗi nhọc nhằn đầy mặt đất
Sự vô nghĩa trắng trợn đầy mặt đất
Những số phận hiu hắt đầy mặt đất

Bao tháng ngày trôi đi
Bao kiếp người trôi đi
Sự khéo léo của ngôn từ nào kể lại được
Ai nhặt cho tôi buổi sáng mai này
Nhặt được ánh hoang vắng
trong mắt em gái tôi
Nhặt được sợi tóc bạc trên đầu mẹ tôi
Nhặt được niềm hy vọng hão huyền
trong lòng chị dâu tôi
Và nhặt được mùi vị nghèo nàn trên
cánh đồng quê?
Tôi rốt ráo bắn tỉa từng ý nghĩ
Tìm cách săn đuổi cho nó vào chuồng
Và tôi hú gọi trên cánh đồng lòng
Tru lên như con sói hoang
Tôi gắng gặt một lượm sống
Bó buộc lỏng lẻo bởi dải băng ngôn từ
Tôi hú gọi trên cánh đồng người
Tôi nhặt những ánh mắt đời
Hòng dõi theo ánh mắt tôi
Dõi vào cõi ý thức
Cõi ý thức mênh mông xa vời
Dầu tôi biết vô nghĩa, vô nghĩa, vô nghĩa mà thôi.

Ga chiều huyện lỵ vắng vẻ. Mấy con gà rã cánh đi trên sân ga. Có khoảng chục người chờ ở cổng. Vẳng lại tiếng nhạc ở băng cát – xét nhà nào đang mở. Tiếng hát của ca sĩ Nhã Phương chậm rãi: *"Người đi qua đời tôi, có nhớ gì không người? Em đi qua đời tôi, có nhớ gì không em?"* Hàng phở, hàng giải khát. La liệt là những sạp hàng quần áo, giày dép, đường sữa, thuốc lá. Ô tô chạy xuôi chạy ngược.

Trời rất trong. Nắng bừng bừng. Cả phố huyện say nắng.

Tiếng còi tàu hú từ xa dè dặt, vui mừng. Có ai nói to: "Tàu về". Cả phố huyện vẫn mơ màng. Lại có ai gắt lên: "Tàu về". Tiếng còi tàu hăm dọa, chói óc. Mọi người bỗng nhiên rối rít, cuống cuồng. Những bà, những chị, những đứa trẻ bán hàng rong chạy xuôi chạy

ngược. Tiếng rao hàng chen nhau: "Nước đây! Ai bánh nào! Ai nước nào! Ai bánh nào! Ai nước nào!"

Tôi dắt xe đứng một chỗ nhìn. Người trên tàu ra đứng ngồi ngổn ngang ở ngay bậc cửa. Đây là ga lẻ. Đồng quê tôi vô danh. Nơi tôi đứng đây vô danh.

Khoảng hơn chục người lần lượt qua cổng soát vé. Tôi nhận ra mấy thầy cô giáo cấp ba trường huyện. Bộ đội. Mấy người buôn chuyến. Mấy người thợ sắt. Một ông to béo, đeo kính râm, mắt kính vẫn còn dán tem. Một thanh niên cao, gầy, tóc rễ tre, đôi mắt tư lự. Tôi biết người này. Đấy là nhà thơ Văn Ngọc. Sau anh Ngọc là một cặp vợ chồng già. Quyên.

Quyên xõa tóc, mặc áo *pun*, quần *gin*, đeo kính, khoác túi. Quyên trông khác hẳn mọi người bởi toàn bộ thần thái toát ra.

Quyên qua cửa soát vé, nhìn quanh. Nhận ra tôi ngay. Quyên bảo: "Tôi là Quyên. Có phải cô Lưu dặn anh đón tôi không?" Tôi bảo: "Vâng". Quyên cười: "Cám ơn anh. Anh là thế nào với cô Lưu? Anh tên gì?" Tôi bảo: "Tôi là Nhâm, tôi là con ông Hùng". Quyên hỏi: "Thế anh có họ hàng gì với tôi không?" Tôi bảo: "Không". Quyên gật đầu: "Tốt. Cô Lưu thuê anh à?" Tôi nhìn cái bóng tôi sẫm trên nền xi măng. Tôi, thân phận tôi, ở đâu người ta cũng nhận là kẻ làm thuê, làm mướn.

Chiều xuống chậm. Những bóng râm chạy đuổi nhau lướt trên mặt đất. Chiều đánh rỗng nội tâm của ai hy vọng lý giải điều gì có nghĩa.

Quyên hỏi: "Nhà anh cấy bao nhiêu sào? Mỗi sào bao nhiêu thóc? Được bao nhiêu tiền?" Tôi bảo: "Mỗi sào được hơn ba nồi, khoảng gần tạ, mỗi cân thóc một nghìn tư". Quyên nhẩm: "Hai mươi triệu tấn thóc cho sáu mươi triệu người". Tôi bảo: "Có ai chỉ nghĩ đến ăn".

Qua đầm sen gặp sư Thiều. Sư Thiều chào. Tôi chào lại. Sư Thiều bảo: "Tôi vẫn nhớ dành cho cậu cây *hồng tú cầu*". Tôi bảo: "Để lúc nào qua chùa con xin". Tôi thú chơi hoa. Ông giáo Quỳ bảo: "Đấy là thú của kẻ biết đời chó lắm". Sư Thiều bảo: "Có lấy ít sen về cắm lọ không?" Đầm sen của chùa mùa này nhiều hoa.

Tôi dựng xe đẩy thuyền cho sư Thiều. Chiếc thuyền thúng chỉ vừa người ngồi. Chèo khua nước. Quyên bảo: "Tôi muốn đi thuyền". Tôi gọi sư Thiều.

Sư Thiều ghé thuyền vào.

Sư Thiều ôm bó hoa sen đặt lên bờ. Quyên trèo lên thuyền. Tôi đẩy thuyền ra.

Sư Thiều bảo: "Chiều người lụy ta". Tôi cười. Tôi và sư Thiều ngồi ở trên bờ. Chiều vẫn xuống chậm. Nắng hoe vàng. Trong lòng tôi rỗng hoác, rỗng lắm, một khoảng rỗng không.

Quyên lên bờ. Sư Thiều mời ăn ngó sen. Sư Thiều hỏi: "Ngon không?" Quyên bảo: "Ngon".

Nấn ná một lát rồi về. Sư Thiều chào. Quyên chào lại. Quyên ôm bó hoa sen. Sư Thiều tần ngần đứng trông theo.

Tôi đi trước. Quyên đi sau. Quyên hỏi tôi về sư Thiều.

CHUYỆN SƯ THIỀU

Sư Thiều mồ côi cha mẹ. Năm 15 tuổi có người trông thấy tướng lạ bảo: "Nên xuất gia, trong trần gian không có chỗ chứa cậu". Sư Thiều nghe lời, đi du phương nhiều nơi, tìm hiểu qua nhiều bậc thiện tri thức nhưng chẳng ngộ. Sư Thiều nói: "Nay Phật ở nơi không có Phật". Lại nói:

"Đạo không tâm hợp người
Người không tâm hợp đạo".

Sư Thiều tìm thấy một nền chùa cũ bèn phát công đức, tìm cách tu dựng lại, không hiểu sao gọi là "Bạch xỉ tự" (Chùa trắng răng). Sư Thiều hay đọc thơ, có câu:

"Cô luân độc chiếu giang sơn tịnh
Tự tiếu nhất thinh thiên địa kinh".

Nghĩa là:

"Một vầng riêng chiếu non sông lặng
Chợt cười một tiếng đất trời kinh".

Lại có câu:

"Lộ phùng kiếm khách tu trình kiếm
Bất thị thi nhân mạc hiến thi".

Nghĩa là:

"Gặp tay kiếm khách nên trình kiếm
Chẳng phải nhà thơ chớ hiến thơ".

Sư Thiều bảo: "Phật dạy con người tu một cách thực tế, tìm lại bản lai diện mục của mình. Phật quá thực tế nên không phải ai cũng hiểu."

*

Tôi và Quyên về nhà. Dì Lưu nước mắt lã chã gọi: "Cháu! Cháu ơi!" Quyên ngồi bên giường bảo: "Bố mẹ cháu nhớ ngày giỗ ông nhưng bận không về được, bảo gửi cho cô chú ít tiền". Dì Lưu bảo: "Cô chú không cần tiền, chỉ cần tình cảm". Quyên lấy ở túi ra năm triệu đồng đưa cho dì Lưu. Quyên bảo: "Chị cho Mị cái áo". Cái Mị cười bẽn lẽn bảo: "Em cám ơn chị". Tôi bảo dì Lưu: "Cháu về đây". Tôi nhét trả dì Lưu hai nghìn đồng xuống gối rồi về.

Ở nhà đang tuốt lúa. Chị Ngữ hỏi: "Con bé Quyên có xinh không?" Tôi bảo: "Xinh!"

Ăn cơm xong thì tối mịt. Trời đổ mưa rào. Sấm sét nổ vang trời. Cả nhà tôi lục đục chuyển thóc ra khỏi chỗ dột. Xong mọi việc thì đồng hồ đã 11 giờ khuya. Trời vẫn mưa. Tôi bỗng thấy bồn chồn lòng dạ, không ngồi yên được. Tôi bảo mẹ tôi: "Con muốn ra đồng bắt ếch. Mưa này có nhiều ếch". Mẹ tôi bảo: "Con không sợ sấm sét ư con?". Tôi cười. Mẹ tôi chẳng hiểu nụ cười của tôi đâu. Tôi cười như một tên thổ phỉ, cười như một gã nặc nô, cười như một tên quỷ sứ cười móng chân tay mình sao lại đen dài như thế.

BÀI HÁT PHỤ ĐỒNG BẮT ẾCH

Hồn ếch ta đã về đây
Phải nằm khô cạn, ta nay lên bờ
Ở bờ những hốc cùng hang
Chăn chiếu chẳng có trăm đường xót xa
Lạy trời cho đến tháng ba
Được trận mưa lớn ta ra ngồi ngoài

Ngồi ngoài rộng rãi thảnh thơi
Phòng khi mưa nắng ngồi ngoài kiếm ăn
Trước kia ta vẫn tu thân
Ta tu chẳng được thì thân ta hèn
Ta gặp thằng bé đen đen
Nó đứng nó nhìn nó chẳng nói chi
Ta gặp thằng bé đen sì
Tay thì cái giỏ tay thì cần câu
Nó có chiếc nón đội đầu
Khăn vuông chít tóc ra màu xinh thay
Nó có cái quạt cầm tay
Nó có ống nứa bỏ đầy ngóe con
Nó có chiếc cán thon thon
Nó có sợi chỉ son son dài dài
Ếch tôi mới ngồi bờ khoai
Nó giật một cái đã sai quai hàm
Mẹ ơi lấy thuốc cho con
Lấy những lá ớt cùng là xương sông
Ếch tôi ở tận hang cùng
Bên bờ rau muống phía trong bè dừa
Thằng Măng là con chú Tre
Nó bắt tôi về làm tội lột da
Thằng Hành cho chí thằng Hoa
Mắm muối cho vào cay hỡi đắng cay
Bụt ơi bụt hiện xuống đây
Lượm oan hồn ếch đón bay về trời
Trăm năm lẫn lộn khóc cười
Kiếp ếch kiếp người cay hỡi đắng cay...

Đồng vắng lặng. Tiếng ếch ộp oạp. Tiếng ễnh ương rất vang, rất to. Tiếng côn trùng rỉ rắc.

Mưa.

Mưa miên man.

Tôi cầm đèn pin, chân xéo bừa lên các chân rạ ẩm ướt. Ếch có nhiều, đờ đẫn dưới ánh đèn, chỉ cần bắt cho vào rọ. Sấm sét nổ

vang trời. Chớp lóe sáng. Vũ trụ mở ra vô cùng vô tận. Gió ào ào, nghe như có muôn vàn cánh chim bay đang vỗ trên đầu. Một cảm giác kinh dị xâm chiếm toàn thân khiến tôi bủn rủn. Tôi rõ ràng thấy có một bóng hình vĩ đại đang lướt nhanh qua, đang chuyển vận mãnh liệt trên đầu. Tôi nằm áp xuống bờ rạ, tâm trạng bàng hoàng, thổn thức. Tôi tin chắc ở lực lượng siêu việt bên trên tôi kia, đang chuyển vận rầm rộ kia, thấu hiểu tất cả, phân minh lắm, rạch ròi, chắc chắn bảo dưỡng tính thiện trong tâm linh con người, có khả năng an ủi, âu yếm đến từng số phận. Điều ấy khiến tôi an lòng.

Tôi đã đúng
Tôi an lòng bởi sự lựa chọn hình thức biểu đạt này
Hình thức khó khăn, tầm thường, vô nghĩa, phù phiếm
Để sáng danh giá trị thiện tri thức
Trên cánh đồng hoang này
Cánh đồng hoang của mê muội và cái ác nhỏn nhơ
Ai đấy?
Ai cất lên tiếng sáo nỉ non trong đêm
Và những anh linh nào, những hồn ma nào quờ quạng
Tiếng thở nào rất khẽ
Nụ cười nào rất khẽ
Cất lên ghê rợn từ hàm răng trắng
Những tiếng thì thầm nào
Những lời rên rỉ côn trùng, không nghĩa lý gì
Chỉ riêng tiếng sáo mục đồng nhỏ nhoi, phiêu bồng
Đi hoang trên cánh đồng lòng
Đi hoang trên cánh đồng người
Kẻ tha nhân nào sống sót
Gã tri âm nào lắng nghe
Cội rễ nào gọi về
Rung tiếng tơ đồng
Đêm vô minh này còn ai thức chong
Ai rảo bảo phiêu du trên đồng
Trong cõi trần ai mênh mông?

Mưa ngớt dần. Tôi đi qua khoảnh ruộng này, khoảnh ruộng khác. Bọn ếch cũng biến đâu mất. Thỉnh thoảng chỉ thấy một con

nhái bén phóng vèo theo rạch nước. Thấp thoáng chân trời phía vòng cung Đông Sơn ánh lửa le lói. Tôi cảm giác thấy mình lạc hướng. Tôi không biết bây giờ là mấy giờ nhưng bỗng nhiên nghe thấy tiếng gà kêu. Tiếng gà kêu khắc khoải, chẳng trình tự gì, khi đổ hồi, khi tiếng một. Tôi đi lúc lâu chẳng thấy có con ếch nào, bỗng nhiên nhận ra mình đã lạc đến tận rạch sông Cấm lúc nào chẳng biết. Trên trời, đơn độc một vì sao Mai.

Mãi đến tận mờ sáng tôi mới lần về đến rìa làng. Không khí rất sạch. Làng quê quen thuộc, yên tĩnh. Sau mưa, quang cảnh hiện lên vừa đỏm dáng, vừa tinh khiết.

Qua nhà thím Nhung, tôi dừng lại. Ngôi nhà nhỏ nép ven đường. Phiên liếp hé mở. Một bóng người vội vã lách ra. Người ấy trông trước trông sau rồi vụt chạy nhanh khuất sau bụi duối. Trộm chăng? Tôi định kêu lên thì nhận ra chú Phụng. Một lát, thím Nhung mở cửa bước ra, vẻ bình thản, mặc bộ đồ váy ngủ phong phanh. Thím Nhung hơn ba mươi tuổi, người cân đối, xinh đẹp.

Tôi xách giỏ ếch đi sau chú Phụng. Đến chỗ rẽ, chú Phụng ngoái lại thấy tôi. Chú Phụng hỏi: "Ếch có nhiều không?" Tôi không trả lời. Chú Phụng thoáng giật mình. Chú căn vặn: "Mày sao thế?" Tôi bỗng thấy buồn da diết. Tôi buồn cho thím Nhung, buồn cho chú Phụng, cho ông giáo Quỳ. Tôi buồn cho tôi.

Chú Phụng bỏ đi, vẻ bất cần. Tôi về nhà. Hóa ra cũng chỉ có khoảng hai chục con ếch. Chị Ngữ bảo: "Chẳng bõ. Thế mà cũng đi suốt đêm". Mẹ tôi cười: "Chắc cu cậu vừa bắt ếch, vừa ngủ gật". Cái Minh sửa soạn đến trường để sinh hoạt hè. Nó mặc quần *phăng* xanh, áo trắng, đây là bộ diện nhất mà nó chỉ mặc trong dịp hội hè. Cái Minh ghé tai tôi bảo: "Em biết anh đi đâu rồi, nhưng em không nói. Không phải anh đi bắt ếch". Cái Minh cười. Tôi nhìn vào mắt nó. Nó *biết*. Tôi đâu ngờ rằng chỉ vài giờ sau tôi phải đã khóc nó. Nó *biết*, đơn giản vì gần như nó đã *trải qua, thấu suốt*. Đến lúc ấy, lúc nó chết, chỉ còn hơn bốn giờ nữa để nó đùa cợt và *ngộ* cho xong hết thảy mọi điều.

Mẹ tôi bảo: "Con mang mấy con ếch sang cho nhà bác giáo Quỳ nhắm rượu". Tôi bảo: "Vâng". Nói xong đi tắm.

Mẹ tôi và chị Ngữ ra đồng dỡ lạc. Đấy cũng là công việc của tôi buổi sáng.

Tôi xách xâu ếch qua nhà ông giáo Quỳ. Qua nhà dì Lưu thấy Quyên gọi: "Anh gì ơi". Tôi bảo: "Tôi là Nhâm. Cái Mị đâu rồi?" Quyên bảo: "Mị đến trường. Anh đi đâu cho tôi đi với".

Chúng tôi đến nhà ông giáo Quỳ.

CHUYỆN ÔNG GIÁO QUỲ

Ông giáo Quỳ dạy cấp một, tính thương người, hay đọc sách từ nhỏ. Lớn lên, cha mẹ đi hỏi vợ cho, ông giáo Quỳ bảo: "Cô đừng lấy tôi rồi khổ một đời". Người kia bảo: "Khổ cũng lấy". Ông giáo Quỳ bảo: "Lấy tôi thì đừng sợ nghèo là một, đừng sợ nhục là hai, đừng ghen tuông là ba, phải trọng liêm sỉ là bốn". Người kia bảo: "Biết trọng liêm sỉ thì ba việc trước là thường". Hai vợ chồng lấy nhau ăn ở tâm đắc. Ông giáo Quỳ về sau bị đuổi việc vì dạy trẻ con không chịu dạy theo sách giáo khoa, cứ tục ngữ ca dao mà dạy. Một lần đi chấm thi ở Hải Phòng, thấy cô gái giang hồ đang bụng mang dạ chửa không có nơi sinh nở thì đưa về làm vợ hai, vợ cả cũng chẳng nói gì, còn cấp tiền cho để làm nhà riêng. Biết vợ hai phong tình, vẫn hay đi lại với nhiều người, ông giáo Quỳ cũng mặc, chỉ bảo: "Cô ngủ với ai thì nhớ đòi tiền, không có tiền thì lấy thóc hay lấy lợn vịt thế vào chứ đừng ngủ không". Cả làng cười, ông giáo Quỳ cũng mặc. Ông giáo Quỳ hay uống rượu, rượu vào thơ ra, có nhiều bài nghe cũng được.

Ông giáo Quỳ ở nhà một mình, nằm võng đọc sách. Tôi và Quyên chào. Ông giáo Quỳ vội nhỏm dậy pha nước. Chúng tôi ngồi ở chõng tre dưới dàn thiên lý. Ông giáo hỏi Quyên: "Cô học đại học bên Mỹ thì lợi cho ai?" Quyên bảo: "Lợi cho cháu, cho gia đình, cho đất nước". Ông giáo Quỳ cười: "Đừng nghĩ đến lợi, nghĩ đến lợi nhọc mình".

Chúng tôi ngồi ăn khoai sọ chấm muối vừng. Ông giáo Quỳ cầm quyển sách nhét xuống chiếu. Quyên bảo: "Bác làm thế nát mất sách rồi còn gì". Ông giáo Quỳ cười: "Nát thì thôi. Đọc sách để có tri thức. Có tri thức để sống đời mình có nghĩa".

Nắng lọc qua dàn hoa rải những vệt nắng trên đất. Cả ông giáo Quỳ, cả Quyên, cả tôi đều cùng im lặng. Tôi muốn ra đồng. Quyên bảo: "Tôi về lần này rất muốn có một ấn tượng đúng về đồng quê. Anh đi đâu cho tôi đi với". Tôi lưỡng lự. Ông giáo Quỳ cười: "Cô ấy là đàn bà, sao lại chối từ đàn bà được?"

Chúng tôi chào ông Quỳ rồi ra đồng. Quyên bảo: "Cánh đồng rộng quá... Anh có biết cánh đồng bắt đầu từ đâu không?"

Cánh đồng bắt đầu từ nơi rất sâu trong lòng tôi
Trong máu thịt tôi đã có cánh đồng
Đứng bên ni đồng mênh mông bát ngát
Đứng bên tê đồng bát ngát mênh mông.
Tôi làm sao quên được nơi mẹ sinh tôi
Mẹ đã buộc cuống rốn tôi bằng sợi chỉ
Tắm gội cho tôi bằng nước ao đầm trước
Tôi biết khóc cũng vô ích vì tất cả phải chờ đợi
Phải chờ đợi từ tháng giêng đến tháng chạp
Tháng giêng trồng đậu, tháng hai trồng cà
Tôi đi qua rất nhiều bờ ngang bờ dọc lầm lạc
Đi qua rất nhiều gian khó, thô tục
Tôi phải gieo trồng, gặt hái trên cánh đồng này
Phải thuộc tên nhiều loài sâu bọ
Còn cánh đồng thì khi mưa, khi nắng
Nơi thì bừa cạn, nơi thì cày sâu
Rồi ngày kia
(Cái ngày xung tháng hạn)
Có một người đàn bà đến làm cho tôi đau
Nàng dạy tôi thói bạc tình
Bằng cách phản bội tôi như có thể phản bội một người thường
Tôi lẳng lặng chôn nỗi căm ghét cuối cánh đồng.
Trong mạch đất hiểm có hình lưỡi kiếm
Những bông hoa mơ ước héo trên tay
Công việc trở nên nặng nề hơn trước
Tôi bán những sản vật làm ra với giá rẻ như bèo
Đã có những mùa thu hoạch lớn

Tôi cũng đã phá sản đôi lần
Khi chiều xuống, hoàng hôn tĩnh lặng
Tôi không kịp xem những vết sẹo trên người
Chỉ biết rằng tôi đã mang thương tích
Đêm
Những vì sao thắp nến trên bầu trời
Tôi đắp tấm vải liệm sực mùi đồng nội lên người
Khi ấy, bạn ơi, bạn trẻ ơi
Bạn hiểu cho tôi
Tôi đã gắng làm cho cánh đồng phì nhiêu

Tôi dẫn Quyên đi qua cánh đồng màu. Quyên hỏi: "Giá nông phẩm quê anh năm nay tăng giảm thế nào?" Tôi bảo: "Tăng 0,4%". Quyên bảo: "Chết thật! Thế mà hàng công nghiệp tăng 2,2%. Thế giá phân bón thế nào?". Tôi bảo: "Đạm tăng 1,6%, lân tăng 1,4%". Quyên hỏi: "Quê anh có dùng điện không?" Tôi bảo: "Không". Quyên bảo: "Giá điện tăng 2,2%".

Khoảng 10 giờ sáng là khoảng thời gian đông người trên đồng, có nhiều phụ nữ, trẻ em. Họ là những nguồn lao động chính. Đàn ông quê tôi phiêu lưu, lại nhiều ảo tưởng, họ ôm ấp ước mơ làm giàu nên hay bỏ ra ngoài thành phố tìm việc, đi buôn bán. Cũng có người lặn lội vào tận miền trong đào vàng, đào hồng ngọc. Khi về, tính tình họ đổi khác, họ trở nên những con thú dữ độc. Chú Phụng là người như vậy.

CHUYỆN CHÚ PHỤNG

Nguyễn Viết Phụng, nhà nghèo, học hết cấp hai thì thôi học. Phụng làm nhiều nghề: thợ cày, thợ xây, thợ mộc, đánh xe bò... Năm 20 tuổi Phụng đi bộ đội. Ba năm sau về làng lấy vợ. Vợ hơn Phụng bốn tuổi, đẻ liền ba năm bốn đứa con gái (lần thứ ba sinh đôi). Phụng quyết chí làm giàu, bán đồ đạc ở nhà lấy hai đồng cân vàng dắt lưng vào miền trong đào vàng. Bặt đi hơn năm chẳng có tin tức gì, một hôm lù lù trở về, người ngợm gầy như xác ve, mặt phù như cái lệnh. Phụng nằm liệt giường, vợ tần tảo thuốc thang nửa năm trời, nhà nghèo lại nghèo thêm. Sau trận ốm, Phụng tính nết đổi khác, có lần chém người bị thương, dân làng ai cũng sợ. Cũng có

khi Phụng bỗng khóc hu hu, cứ chắp tay lạy vợ lạy con. Về sau may bố mẹ vợ chuyển ra thành phố với người con trai ở nước ngoài về, cho không ngôi nhà với ba sào vườn nên đời thay đổi. Vợ Phụng là người tháo vát, chăn nuôi giỏi, lại có nghề làm đậu phụ. Bốn đứa con gái đứa nào cũng chịu khó giúp mẹ. Phụng ở nhà, dọn cho mình một mình một buồng, cấm vợ con vào. Thỉnh thoảng, Phụng vẫn đi lại với thím Nhung và mấy bà góa nạ dòng. Vợ con Phụng hỏi: "Sao anh cứ xa lánh chúng tôi?" Phụng bảo: "Báu gì mà ở gần tao. Thịt của tao rất độc. Cắn vào tao là cắn phải bả chó. Tao thương mẹ con mày, muốn mẹ con mày trong sạch đấy thôi".

Tôi và Quyên đi qua đấu đất giữa đồng. Ở dưới đấu đất, những bụi thầu dầu, rau dền gai mọc đầy. Có cả những cây ngô đồng hoa đỏ lá xanh. Quyên hỏi: "Sao gọi là đấu đất?" Tôi bảo: "Ngày xưa, vua Ba Vành đào nơi này để đong quân, như ta đong thóc". Quyên hỏi: "Khoảng bao nhiêu người?" Tôi bảo: "Hai mươi người một *ngũ*, hai trăm người một *cơ*". Tôi và Quyên đến khoảnh ruộng mẹ tôi và chị Ngữ đang dỡ lạc. Nước xăm xắp luống, nhấc cây lạc lên là bật gốc. Quyên xắn quần, cũng lội xuống bứt lạc. Quyên bảo: "Nhàn thật". Mẹ tôi bảo: "Cô ơi, đấy là cô mới chỉ *cưỡi ngựa xem hoa* đấy thôi. Cô thử tính xem từ khi hạt lạc gieo xuống luống này, đến khi kết hạt mẹ con tôi vất vả lấm láp thế nào!" Chị Ngữ ví von: *"Ai ơi bưng bát cơm đầy. Dẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần"*.

Tôi đạp phải ổ dế. Lấy cuốc bới ra, hàng nghìn con dế đất béo núc ních bò nhung nhúc. Mẹ tôi, chị Ngữ bỏ dỡ lạc bắt dế. Mẹ tôi xuýt xoa: "Ôi chao, phúc đức đầy nhà rồi các con ơi!" Chị Ngữ mừng: "Cả nhà ta rồi giàu nhất làng!"

Khoảng gần trưa, thấy ở đường Năm có đám đông kêu la khóc lóc đang chạy. Mẹ tôi tự dưng ngã chúi xuống ruộng, thất thanh gọi tôi: "Nhâm ơi Nhâm". Tôi và chị Ngữ sợ hãi, tưởng mẹ tôi trúng gió. Mẹ tôi mặt tái đi, tay giơ tới trước mặt như sờ nắn ai. Mẹ tôi gọi: "Nhâm ơi Nhâm. Sao em Minh con máu me đầy người thế này?" Chị Ngữ lay mẹ tôi: "U ơi u, sao u nói gở thế?"

Có mấy người từ đám đông trên đường Năm bỗng chạy tách ra, băng qua đồng. Có ai gào to thảm thiết: "Bà Hùng ơi (Hùng là tên bố tôi), mau ra mà nhận xác con đây này". Anh Ngọc tóc dựng

ngược, cái anh nhà thơ mà tôi đã gặp ở ga chiều nay, chạy ở phía trước. Anh nói không ra hơi, tôi nghe loáng thoáng, chỉ biết rằng cái Minh em tôi và cái Mị con dì Lưu đèo nhau đi học về, qua ngã ba thì bị chiếc ô tô chở cột điện cán chết.

Mẹ tôi lăn lộn giữa ruộng lạc đang dỡ nham nhở. Những con dế đất bay quanh, bay một quãng lại bò, lại rúc đầu xuống bùn. Chị Ngữ đứng lặng, mắt ngơ ngẩn thất thần nhìn về dãy núi xa phía vòng cung Đông Sơn, tựa như không hiểu sao bỗng dưng trời cao phũ phàng đến thế.

Anh Ngọc, tôi và Quyên chạy ra đường. Nước mắt tôi giàn giụa. Cái Minh mới 13 tuổi. Cái Mị mới 13 tuổi. Tôi còn chưa kịp làm cho cái Mị cái lồng lấy ổi. Còn cái Minh em tôi, con bé rất thảo, nó suốt đời mặc quần áo vá, nó bao giờ cũng dành cho tôi những quà ngon nhất.

Chiếc xe tải chở ba cây cột điện đổ nghiêng ở bên vệ đường. Người ta dùng kích để nâng bánh xe, tìm cách kéo xác cái Minh và cái Mị ra. Cái Minh nằm nghiêng, cái Mị nằm sấp, đè lên nhau. Chiếc xe đạp rúm ró bên cạnh.

Tôi đưa tay lên miệng để bịt âm thanh thổn thức trong cổ cứ thế bật ra. Tôi thương các em tôi quá. Rất đông những con ruồi bu quanh hai lỗ mũi cái Minh, cái Mị. Anh Ngọc nhà thơ không biết lấy ở đâu ra nắm hương đốt huơ huơ trước mặt hai đứa, khói hương quẩn lại một chỗ không bay lên được.

Tôi sẽ không kể gì về cái chết của cái Minh, cái Mị nữa. Chiều hôm ấy phải làm đám ma cho hai em tôi. Cũng giống như mọi đám ma ở làng, ở đây có rất nhiều nước mắt, nhiều lời than vãn. Tôi và một thanh niên trong làng cáng dì Lưu ra tận ngoài đồng rồi lại cáng về. Quyên cũng đi theo. Anh Ngọc có làm bài thơ về sự việc này. Tôi không hiểu sao anh làm thơ được ở trong hoàn cảnh nhẫn tâm như thế.

BÀI THƠ "ĐÁM MA TRINH NỮ TRÊN ĐỒNG" CỦA NHÀ THƠ BÙI VĂN NGỌC

Tôi đi đưa đám ma trinh nữ trên đồng
Cái chết trắng, cái chết trắng xóa

Những con bướm trắng, những bông hoa trắng
Những tâm hồn trắng, những cuộc đời trắng.

Ơi hời, tôi đưa đám ma trinh nữ trên đồng
Tôi đào huyệt, dài một mét tám, ngang bảy mươi phân
Tôi đào huyệt, sâu một mét rưỡi
Ơi hời, tôi chôn vào đây tinh thần sơ nguyên

Ơi hời, này là vật hiến tế cho đất đai
Trinh nữ vẹn tuyền, cái chết trắng xóa
Những con bướm trắng, những bông hoa trắng
Những tâm hồn trắng, những cuộc đời trắng

Ơi hời, tôi lót vào ngực bài thơ trắng tinh
Bẻ một cành xanh mà che mắt nhìn
Gió phơ phất, hồn bay phơ phất
Hồn bay lên, trên cánh đồng người

Tôi đi đưa đám ma trinh nữ trên đồng
Trong ngày như thế, trong một ngày dương
Trong ngày như thế, trong một ngày thường
Ơi hời, tôi đi lẫn trong đám đông, trong số đông, trong lòng người, trong nỗi đau thương, trong thê lương, trên quê hương...

Chiều hôm sau tôi đưa Quyên ra ga. Dì Lưu nói mãi nhưng Quyên cứ nằng nặc đòi về. Chúng tôi đi theo con đường đất men bên rìa làng qua đầm sen rồi dọc bờ mương ngược về huyện ly. Qua đầm sen chúng tôi ngồi nghỉ. Quyên bảo: "Tôi ở đây ba ngày mà sao dài quá".

Ga chiều huyện ly vắng vẻ. Vẫn chỉ có khoảng hơn chục người đứng ở sân ga đợi tàu. Vẳng lại tiếng cát-xét nhà nào đang mở. Tàu vào ga. Hành khách lần lượt lên tàu. Mấy thầy cô giáo cấp ba trường huyện. Bộ đội. Mấy người buôn chuyến. Một thanh niên đeo kính trắng, tay xách va li. Hai cặp vợ chồng già. Quyên.

Quyên bảo: "Anh gì ơi! Tôi đi nhé! Cám ơn anh đã đi tiễn tôi".

Tôi đứng ở sân ga rất lâu. Tàu đi khuất. Tôi linh cảm thấy không bao giờ còn gặp Quyên nữa.

Tôi qua cửa soát vé về làng. Nhìn phía trước chỉ thấy một vệt xanh nhô trên đồng vàng, xa mờ là vòng cung Đông Sơn. Ở đấy tôi có rất nhiều thương nhớ.

Ngày mai trời nắng hay mưa? Thực ra bây giờ với tôi, trời nắng hay mưa thảy đều vô nghĩa. Tôi là Nhâm. Ngày mai tôi 17 tuổi. Có phải đấy là tuổi đẹp nhất đời người ta không?

*

MƯA NHÃ NAM

(truyện ngắn)

Ở Nhã Nam, tháng Tư có mưa.

Tôi sẽ kể chuyện này cho anh, vì anh, anh bạn ạ, bởi đến năm mươi tuổi anh sẽ thành ông lão.

Tôi sẽ kể chuyện này cho chị, vì chị, chị bạn ạ, bởi đến bốn mươi tuổi chị sẽ trở thành bà lão.

Tôi sẽ kể chuyện này cho cậu, cậu câm miệng đi, cậu còn trẻ quá, cậu là thằng ngốc.

Tôi sẽ kể chuyện này cho cô, vì cô sẽ đi lấy chồng. Lúc ấy chỉ toàn những nhọc nhằn thôi, không ai kể chuyện cho cô nghe cả.

Ở Nhã Nam, tháng Tư có mưa.

Chuyện thế này... Một câu chuyện nhỏ về Hoàng Hoa Thám.

Tôi không chắc ông Hoàng Hoa Thám, tức Đề Thám, tức Hùm xám Yên Thế trong lịch sử có giống ông Đề Thám mà tôi kể không? Còn ông Đề Thám như tôi biết (tôi biết rõ ông ta): ông ta là một anh hùng, cũng là một người nhu nhược.

Đấy là khoảng năm..., thời kỳ người Pháp giảng hòa với Đề Thám. Vốn hay đùa nhả trong chính trị, người Pháp thỉnh thoảng có mời Đề Thám về Hà Nội hoặc Bắc Giang chơi. Lần ấy, thống sứ

Bắc Kỳ là ông Mô-ren thông qua công sứ Bắc Giang có mời Đề Thám đến Bắc Giang dự một buổi tiếp tân.

Cả Dinh dẫn người đưa thư đến gặp Đề Thám.

– Có nên đi không? – Đề Thám hỏi các thủ hạ của mình.

– Đi chứ! – Những người già quả quyết.

Thế đấy, những người già! Với họ chẳng có việc gì là đáng kể. Trước mặt họ là cái chết. Những cơ hội tốt nhất trong đời họ bỏ lỡ cả rồi.

– Đi làm gì! – Cả Dinh, Cả Trọng, Cả Huỳnh cau có trả lời.

Thế đấy, các bác Cả! Các bác Cả thường rất khoảnh. Chúng ta thông cảm với họ, nếu chúng ta *tự mình* như họ, *trần lực* như họ, không có ai để bàn bạc, không có ai đáng bàn bạc, họ phải tự gánh lấy *trách nhiệm* của họ, *nghĩa vụ* của họ, *giá trị* của họ.

– Thế còn bà? – Đề Thám hỏi bà Ba Cẩn. Bà Ba là người phụ nữ đáng kể nhất trong cuộc đời Đề Thám. Bà là người phụ nữ duy nhất có mặt nơi này, giữa những tên tuổi hào kiệt lừng danh của phong trào nông dân Yên Thế.

– Ông nên làm điều có nghĩa, – Bà Ba trả lời rồi thở dài. Bà có tật như thế khi phải băn khoăn, lưỡng lự điều gì.

Đề Thám bảo mọi người lui ra để ông ngồi lại một mình. Ông nghĩ. Những ý nghĩ của ông bắt đầu phiêu lãng. Thường ý nghĩ của ông bắt đầu từ một vật gì đó cụ thể, tức thời đập vào mắt ông. Thí dụ từ bông hoa hồng.

Này bông hoa hồng
Giá trị của mày là khoảnh khắc
Ai biết mày khi đang kết nụ?
Ai để ý mày khi mày úa tàn?
Ôi hoa hồng, hoa hồng
Phút giây này thật tuyệt vời
May cho kẻ tình nhân gặp mày lúc này
Môi hồng của thiếu nữ cũng thua mày
Hương trầm kia sánh sao được vị thơm nơi nhụy hoa?
Và những cánh mỏng mịn mà kia,
khiến tất cả vật khác thành phàm tục

Hoa hồng, ôi hoa hồng
Ta tiếc cho kẻ vô tình quên bẵng mày
Và giật mình ghen tị với kẻ vô danh nhanh tay
Không biết ai hái mày hôm qua
Kẻ ấy cư xử ra sao với mày?
Hắn có chôn mày trong tim không?
Trái tim ấy có rộng lượng không,
có đủ chỗ cho mày ngụ không?
Trái tim ấy có đủ máu không?
Ước không có giông bão lọt vào đấy
Rồi mày cũng nát tan thôi, em ạ, cô em ạ,
Hắn không đáng kể gì, hắn không biết cách
"Chơi hoa nào đã mấy người biết hoa"...

Đề Thám *không* nghĩ như thế, dĩ nhiên rồi. Có điều, hôm ấy trong đồn Phồn Xương ông đã cầm lên tay một bông hoa hồng. Ông nghĩ về điều khác. Ông đặt mình vào vị trí của Mô-ren, vào vị trí của những người Pháp. Ông cho rằng buổi tiếp tân chẳng quan trọng gì và sự có mặt hay không có mặt của ông đều chứa hiểm họa. Ông sẽ mang tiếng hèn nhát nếu ông từ chối. Ông sẽ thành lố bịch nếu ông có mặt.

– Thế lố bịch hơn hay hèn nhát hơn? – Đề Thám tự hỏi. – Thôi thì lố bịch còn hơn hèn nhát!

– Tôi sẽ đi, đi một mình, đi ngựa... Sẽ ăn mặc như một chàng rể... – Đề Thám vừa nói với bà Ba Cẩn vừa đội lên đầu chiếc khăn xếp trứ danh thửa mãi tận phố Hàng Lọng Hà Nội, chiếc khăn quái đản: không thể dùng làm mũ, cũng không thể dùng để lau mặt được.

– Ông muốn đi ngựa thì đi... nhưng đến Bắc Giang tôi sẽ cho phu kiệu đón. – Bà Ba nói vậy rồi lại thở dài.

Đề Thám bực mình: ông không thích người ta quan tâm nhiều quá đến mình. Ông bảo:

– Đừng làm phiền tôi.

– Nhưng ông làm phiền mọi người. – Bà Ba bẻ lại.

Sự đời là thế. Bà Ba có lý của bà Ba, cũng như bà Cả có lý của bà Cả vậy.

Đề Thám giật cương, thúc con ngựa ô ra khỏi cổng đồn Phồn Xương. Ông cho ngựa đi bước một, lang thang trong rừng. Ông thích như thế.

Đây là thiên nhiên: cành cây xòa trước mặt, tiếng chim hót, những giọt nước mưa đọng lại trên cây, mùi lá mục ẩm ướt, những con chim xanh, con chim đỏ, con chim vàng, những cánh mối ướt rụi, những con bọ nhảy, tiếng vượn kêu não nùng, bông hoa bé xíu... Tất cả hương vị, màu sắc của thiên nhiên đều chân thực, thanh khiết, đều khiến ta cảm động đến tận đáy sâu tâm hồn.

Đề Thám đi miết. Có thể ông nghĩ gì đấy về tuổi ấu thơ đắng cay tủi nhục, những ngày ông phải đi ở tận mãi Tiên Lữ, Hưng Yên. Có thể ông nghĩ về Đề Nắm (Lương Văn Nắm), người đã trao quyền cho ông ở vùng Yên Thế, Nhã Nam này. Có thể ông nghĩ về cái mà ta vẫn gọi là "trường tranh đấu", sự sống hoặc cái chết.

Đề Thám đi xuyên qua rừng mỡ, rừng dẻ, rừng lim và rừng nhội gai. Ông trông thấy một con phượng hoàng bay qua trước mặt. Ông nói:

– Nếu ta nhìn thấy mày hai mươi năm trước thì thích.

Đến giữa trưa thì Đề Thám rẽ vào nhà một người quen ở gần Kế. Đây là nhà ông đồ Hoạt. Ông đồ Hoạt có nhà. Các ông đồ thường chẳng đi đâu cả: các ông ở trong *bổn phận* mình, trong *kiến thức* của mình (thực ra là của những con thú to hơn), trong *thành kiến* của mình, trong *giá trị* của mình.

Ông đồ Hoạt là người hay chữ, hay thơ. Và như thế, nghĩa là ông chẳng giàu có gì.

Ở nhà ông đồ, Đề Thám được đón tiếp như người nhà. Thoắt cái, đã thấy bà đồ Hoạt bưng lên một mâm lòng lợn, có cả một đĩa phèo nõn nà. Mùi mắm tôm chanh, mùi rau húng thơm lừng. Bà đồ Hoạt cười bảo Đề Thám:

– Chị vẫn biết chú thích món này!

Ông đồ Hoạt nói:

– Bà gọi ông Lũy với thằng Hoạt ra đây cùng ngồi.

Ông Lũy là ông hàng xóm, người nổi tiếng về tài ăn trộm trâu bò của bọn hào lý trong vùng. Hoạt là con trai duy nhất của ông bà đồ, bị khoèo tay, tính tình e thẹn.

Bữa rượu vui vẻ, thân mật. Mọi người đều ta thán về nạn sưu thuế, thói nhũng lạm, thái độ mất dạy của bọn quan liêu.

– Thời đại chó má!

Mọi người đều thấy đúng là thời đại chó má. Họ dốc vào họng thứ rượu nấu bằng sắn, thứ rượu mạnh đến nỗi có thể châm lửa đốt cháy được, để hòng làm dịu đi nỗi phiền muộn.

Đề Thám kể cho mọi người nghe chuyện bắt sống chủ bút tờ báo *"L'Avenir du Ton Kin"*[1] mấy năm trước, chuyện trung tá Péroz đến đồn Phồn Xương thương lượng để ký khế ước ngừng chiến.

Đang câu chuyện, Đề Thám hỏi ông Lũy:

– Ông có đủ thịt ăn không?

– Nhờ giời, – tay trộm trả lời, – không phải lúc nào cũng ăn thịt bò, nhưng thịt gà thịt vịt cũng ngon.

Đề Thám nói:

– Nếu ông ở chỗ tôi, tay Ba Biều sẽ nện cho ông một trận rồi tống ông vào trại. Tôi không thích trộm cắp vặt vãnh.

Ông Lũy bảo:

– Tôi không đến chỗ ông vì thế, tôi biết tôi chẳng ra gì vì vướng nợ đời. Tôi giành công bằng theo lối trâu bò gà vịt chứ không phải theo lối con người. Chỉ xin ông đừng khinh tôi.

– Tôi không khinh ông, – Đề Thám nói, – nhưng cũng chẳng trọng.

– Đa tạ ông. – Ông Lũy đứng dậy chắp tay vái. – Ông và bác đồ cho tôi lỗi phép.

Ông Lũy đi ra. Mâm rượu còn lại ba người. Ông đồ Hoạt nói:

– Anh Đề ạ, cái đầu anh thật kiêu hãnh, thật đáng giá. Toàn quyền Đông Dương[2] thật hà tiện khi đặt giá đầu anh 30 ngàn quan.

Đề Thám cười:

– Bác vẫn làm thơ đấy chứ?

---

1. Tương lai xứ Bắc kỳ.
2. Pôn Đu-me (Paul Doumer).

– Vẫn làm... Thế mới đê tiện. – Ông đồ Hoạt đỏ mặt. – Còn anh, anh cũng làm thơ theo lối của anh phải không?

Đề Thám nói:

– Không... Tôi không biết chữ.

Ông đồ Hoạt lắc đầu:

– Mặc xác anh! Anh vẫn là một nhà thơ đáng kể nhất! Ai bảo anh sống thế? Anh là một tên thi sĩ ma vương! Anh làm sao tránh được danh hiệu đáng sợ ấy! Anh đã làm những điều mà bọn văn chương suốt đời thèm muốn. Chúng không làm sao biến được ngọn bút của chúng thành ngọn giáo hay cái câu liêm!

– Giáo hay câu liêm, thì tôi có thừa, – Đề Thám nói, – nhưng tôi khát khao điều ấy...

Điều ấy, nào, bác Cả,
bác biết là điều gì không?
Đâu là giá trị tinh thần, vật chất nơi bác?
Chúng ta chỉ vẻn vẹn có mạng sống này thôi
Trăm năm là ngắn, một ngày dài ghê
Những con đường chúng ta đi qua
Tất cả đều xám xịt, lầm bụi
Mỗi cung đường, mỗi vận hạn
đều xám xịt, lầm bụi
Mà vầng trăng kia xa lắc
Vầng trăng kia lơ lửng trên đầu
Có đôi mắt nào mở to trong tim ta
Và mỗi cái chớp mắt đều khiến ta nhói lòng
Sẽ phải khởi nghĩa thôi,
phải tranh đấu cùng số phận
Trăm năm trước cũng thế,
trăm năm sau cũng vậy
Ta phải dấn thân, phải đốt lửa
Ngọn cờ ta phất lên là giá trị cuộc đời
Bác Cả, cuộc chiến này thật khốn nạn
Bác có chối cũng chẳng được
Làm người chỉ có một lần,
làm người thật khó...

Đề Thám hỏi:

– Thằng Hoạt bao giờ lấy vợ?

– Chắc nó ở vậy. – Ông đồ thở dài. – Không hiểu sao đàn bà chỉ thích những tên đàn ông nhăng nhít, dê cụ, khả ố, đểu cáng... Thằng Hoạt nhà tôi lại đứng đắn quá.

Đề Thám cười:

– Tôi nhớ tôi đã ăn lễ dạm hỏi nhà này rồi. Thằng Hoạt sẽ làm rể Chánh Trương cơ mà?

– Đúng vậy. – Ông đồ gật đầu. – Tôi đã hỏi con bé Xoan cho nó. Trầu cau đưa rồi, cuối năm nay cưới nhưng Chánh Trương lại muốn chạy làng, định gả con Xoan cho lão nghị Trường. Lão ấy góa vợ, nhà giàu nứt đố đổ vách.

– Tôi biết nghị Trường, – Đề Thám nói. – Thằng già ấy lẩm cẩm lẫn lộn, khôn như cáo, nói chuyện với ai cũng chỉ gật đầu.

– Anh Đề! Anh hãy giúp đỡ chúng tôi. – Ông đồ năn nỉ. – Anh vốn hào hiệp... Anh đừng để con trai tôi xổng con bé ấy.

Đề Thám nhìn Hoạt. Cậu thanh niên e thẹn thở dài. Ngoài cổng xôn xao, trông ra đã thấy Thống Luận, Bang Kinh và mấy phu kiệu thập thò đứng đón. Bà Ba Cẩn không quên lời hứa. Đề Thám biết rằng bà Ba đã đúng trong trường hợp này: ông không thể vào dinh công sứ Bắc Giang như một *phần tử cực đoan lãng mạn*, ông buộc phải tiền hô hậu ủng như một *đại diện cho nhiều người*.

Đề Thám lên kiệu. Ông bảo ông đồ:

– Tôi sẽ gắng làm hết sức.

Hoạt chào Đề Thám, đôi mắt chứa chan hy vọng.

Đề Thám nói với Bang Kinh:

– Mang con ngựa ô đi theo. Khi về tôi về bằng ngựa.

Bảy giờ tối, Đề Thám đến dinh công sứ Bắc Giang. Các quan chức và sĩ quan Pháp đi ra đón ông. Họ ngạc nhiên trước người anh hùng nổi tiếng, người được coi là "đại diện cho tâm hồn An Nam"[1] trông y hệt một tay địa chủ nông thôn họ vẫn thường gặp: cũng khăn xếp đen, áo lương, quần trắng, đi giày Gia Định. Đề Thám

1. Lời của nghị sỹ Met-si-my ở nghị viện Pháp ngày 18-11-1909.

khác người là ở thần thái, ở tinh thần tự chủ cao, nhãn quan bao quát rộng, nếu có kể thêm thì đấy là sự buồn nản thất vọng về phẩm cách con người nói chung thỉnh thoảng lộ ra ở khóe nhìn vô hồn nơi ông.

Đề Thám trông thấy đám quan chức người Việt đứng túm lại thật hèn hạ. Ông nhận ra nghị Trường, Chánh Trương và cả Xoan, con gái lão, người đã đính hôn với con trai ông đồ Hoạt.

Tôi sẽ không kể gì về buổi tiếp tân này. Theo sử sách ghi chép thì người Pháp ở giới thượng lưu thời ấy đều nhẹ dạ, ngông cuồng, xa hoa; đa phần người Pháp "thực dân" còn lại trong các guồng máy cai trị cồng kềnh, lại vừa ngu vừa ác. Bầu không khí tinh thần của thời "thuộc địa nửa phong kiến" ấy đại để như sau: thói ham tiền hám của trộn lẫn với lòng thèm khát khoái lạc vui chơi, chế độ nô lệ tàn bạo bày ra trắng trợn ở các hầm mỏ, đồn điền; đám nha lại người Việt coi thuế là nguồn thu chủ yếu để xây lợp mái nhà Tổ quốc, có chỗ xây lợp bằng đá thật, có chỗ xây lợp bằng các tờ báo lá cải và chứng từ kế toán giả mạo, "con rồng tre An Nam" tìm cách nhảy chồm lên trong tiếng tom chát ở các ổ chứa và tiếng vỗ tay trong các hội đoàn, thỉnh thoảng lại giật mình co lại bởi tiếng súng kíp hoặc súng hỏa mai tự chế ngoài biên giới... Việt Nam đầu thế kỷ XX là một đất nước nghèo nàn, gần như mọi rợ...

Buổi tiếp tân không làm Đề Thám thú vị chút nào. Lựa dịp thuận tiện, Đề Thám nói với Chánh Trương:

– Tôi muốn nói chuyện với con gái ông.

Tôi không biết Đề Thám đã nói với Xoan những gì hôm ấy, chỉ biết rằng cô rất bối rối xúc động.

Cô gái, lời nói nào làm cô bối rối xúc động?
Những lưỡi dao cứa vào sĩ diện cô ư?
– Không phải!
Những lời tán tỉnh rườm rà hoa mĩ ư?
– Cũng không phải nốt!

Ngôn ngữ trở nên ghê tởm,
nhớp nhúa trên miệng bọn tiểu nhân
Tôi biết một thứ ngôn ngữ giản dị như đất
Thứ ngôn ngữ mộc mạc, thẳng băng

Tựa như tiếng tù và
Như tiếng kèn đồng
Như tiếng chuông vọng...
Có một thứ ngôn ngữ thức tỉnh con người
Buộc họ soi vào lòng mình
như soi mặt xuống lòng hồ
Có thứ ngôn ngữ của người anh hùng,
của người chính trực
Nó làm ta bối rối xúc động
Ta không trốn được
Thứ ngôn ngữ không hề phù phiếm,
cũng chẳng tân kỳ
Thứ ngôn ngữ của giống nòi truyền lại
Thứ ngôn ngữ của lương tri
không bao giờ mất...

Đề Thám ra về trước khi buổi tiệc kết thúc. Không có bất trắc gì xảy ra cho ông và các thủ hạ đi theo. Đề Thám chia tay với mọi người ở triền đê sông Thương, ông lên con ngựa ô rồi theo con đường mòn rẽ vào rừng, ở đấy có lối đi tắt về Nhã Nam.

Đề Thám đến cửa rừng thì thấy Xoan đứng đó. Sự biến động trong tinh thần khiến khuôn mặt vốn trắng hồng của cô gái tái nhợt hẳn đi.

Xoan nói:

– Em van ông... ông hãy cho em đi theo. Đi đâu cũng được...

– Cô phải về đi, – Đề Thám nói. – Cô phải chọn Hoạt.

– Không... – Xoan nức nở.

Đề Thám đón Xoan lên con ngựa ô rồi thúc con ngựa vào rừng. Đêm trong rừng mênh mông và hư ảo lắm. Tiếng côn trùng rỉ rắc. Mùi hương rừng nồng nàn. Bóng tối sẫm đen trên các tán lá cây, sẫm đen nơi hốc đá, sẫm đen cả trên mặt đất. Rừng vô tình, vô cảm, thản nhiên, lạnh lùng, tàn nhẫn. Rừng muôn đời là thế. Thiên nhiên muôn đời là thế: vô tình, vô cảm, thản nhiên, lạnh lùng, tàn nhẫn. Tất cả đều đẩy con người về nơi tận cùng ý thức cá nhân chính nó. Con người tự co lại như con sâu, cái kiến, thúc thủ trong phần sinh

linh vừa bé mọn, vừa cô đơn, vừa bất lực; nó chớp đôi mắt phấp phỏng lo âu trong tâm hồn nó và tự hỏi mình: là ai? đi đâu? thế nào? làm gì? tiến đến đâu? bao giờ thành tựu? bao giờ kết thúc?

Đề Thám và Xoan đến chỗ có hai ngả rẽ một vào căn cứ Hố Chuối và một về Kế thì mưa. Mưa tháng Tư là thứ mưa đầu mùa ở vùng nhiệt đới. Nhoằng một ánh chớp, một làn gió thoảng qua là mưa liền, không sao lường được. Bắt đầu tưởng là cơn mưa bóng mây không phải ngại gì, bỗng thoắt là mưa đá, sấm rền, sét nổ. Mưa như roi quất, tàn bạo, hung hãn. Mây đen cuồn cuộn, gió giật liên hồi rồi mưa như những thác nước trên cao đổ xuống ào ào. Con ngựa không thể đi được vào trong hẻm núi. Đề Thám gầm lên một tiếng như lời chửi rủa, cũng gần như lời than thở rồi thúc đầu gối vào *ức phải* con ngựa cho nó chạy xuống cánh đồng, ngả rẽ về Kế. Một lúc sau, hai người đã ở trong nhà ông đồ Hoạt.

– Ta đã biết mà. – Ông đồ bảo Xoan. – Ta biết con sẽ là một người con dâu thảo hiền, tín nghĩa...

Bà đồ cuống cuồng giục Xoan đi thay áo quần kẻo lạnh. Hoạt vung vẩy cánh tay khoèo, khuôn mặt tràn trề hạnh phúc.

– Anh Đề! – Ông đồ nắm lấy vạt áo Đề Thám. – Anh hãy ở lại đến mai hãy về...

– Không! – Đề Thám lắc đầu. Những giọt nước mưa mặn chát ướt đầm trên khuôn mặt ông. Ông nhảy lên ngựa rồi phóng thẳng vào trong màn mưa dày đặc, màn đêm dày đặc.

Mưa như thế, bắt đầu từ lâu rồi
Trên mặt đất, những con bọ cứ bò lổm ngổm
Tôi không biết con người khát khao
điều gì trong cõi sống này?
Hình như điều thiện bắt đầu từ
tình yêu phải không?
Điều thiện buồn tẻ vì nó nhạt nhẽo
Điều thiện tầm thường vì nó an toàn
Điều thiện tệ hại vì nó giết đi đam mê
Anh có sợ điều thiện không?
Chị có sợ điều thiện không?
Và em nữa?

Em có bao giờ ghê tởm điều thiện
bằng như điều ác?
Rồi mưa cùng với thời gian
sẽ xóa đi thôi, xóa hết
Xóa tất cả, rửa đi tất cả
Người ta sẽ rửa chúng ta đi
như rửa xương khi bốc mộ
Trong đêm không có ánh mặt trời
Chúng ta bị rửa đi như rửa xương khi bốc mộ
Tất cả xương người đều như thế:
Tất cả đều rời rạc, đen đúa, khô khan
Chúng ta bị rửa đi như rửa xương khi bốc mộ
Có cơn mưa nào?
Có đôi mắt nào nhòa ướt cho anh?

Đề Thám phóng ngựa vào rừng. Mưa quất vào mặt ông bỏng rát. Ông bỗng òa khóc. Ông òa khóc cho mình, cho người, cho tất cả những hữu hạn của chính mình, của mỗi người. Đề Thám sụt sùi như một người thường; một anh bán bánh đa mật ở chợ Kế, một viên công chức quèn, một chàng thợ bạc vụng về, một ông giáo nghèo... Ông khóc như một người nhu nhược nhất đời, một người suốt đời thỏa hiệp, không bao giờ dám bước qua lằn ranh bổn phận, nghĩa vụ, cương tỏa. Ông khóc như chưa bao giờ là một anh hùng, một người khởi nghĩa.

Đề Thám đi suốt đêm mưa trong rừng. Người ta kể rằng sáng sớm hôm sau ông cầm đầu một toán quân đánh đồn binh Pháp ở Kép, tất cả binh sĩ trong đồn đều bị giết sạch. Từ đấy chấm dứt thời kỳ hòa hoãn giữa ông và người Pháp.

Mấy năm trước tôi gặp bà cụ Xoan ở huyện lỵ Yên Thế gần đồn Phồn Xương, nơi bây giờ trở thành một phố chợ sầm uất. Bà cụ già 84 tuổi, tóc bạc trắng, trông rất hiền lành. Tôi hỏi bà cụ về cuộc đời bà cụ trải qua, bà cụ kể lể không biết bao nhiêu những điều cơ cực nhọc nhằn xảy ra trong cuộc đời mình: nào người chồng tính nết dở hơi thô bạo, nào đói kém, nào con, nào cháu, nào tật bệnh, nào chiến tranh... Tôi đứng trên quả đồi khô cằn toàn sỏi nơi bà cụ phát hoang để xây dựng cơ nghiệp cho gia đình mình, trong lòng vô cùng

cảm động thương xót. Tôi hỏi điều gì đã làm bà cụ vượt qua được hết nhọc nhằn gian khó trong bao nhiêu năm tháng ấy, bà cụ cười móm mém để lộ hai hàm lợi không còn một cái răng nào rồi vạch áo cho tôi xem tấm ngực trần hom hem với đôi vú teo tóp răn reo. Bà cụ nói:

– Ông ấy muốn thế... Tôi không phụ lời tôi hứa... Ông ấy là nguồn an ủi suốt cuộc đời tôi...

– Ông ấy là ai hả cụ?

– Ông ấy kia kìa... – Bà cụ chỉ về bức tượng xi măng cốt thép đứng trên đỉnh đồi ở gần di tích Phồn Xương. – Ông ấy chẳng hề nói năng gì cả...

Tôi biết Đề Thám đã không hề nói năng gì cả từ năm 1913, hơn 80 năm rồi...

Hôm tôi ở Nhã Nam trời cũng mưa, nhưng là cơn mưa bóng mây, một thứ mưa xoàng.

Tôi kể chuyện này đến đây là hết.

*

NHỮNG NGỌN GIÓ HUA TÁT
(MƯỜI TRUYỆN TRONG BẢN NHỎ)

(truyện ngắn)

Tặng Nguyễn Hồng Hưng
N.H.T

Ở Tây Bắc có một bản nhỏ người Thái đen nằm cách chân đèo Chiềng Đông chừng dặm đường. Bản tên là Hua Tát.

Bản Hua Tát ở trong thung lũng hẹp và dài, ba bề bốn bên là núi cao bao bọc, cuối thung lũng có hồ nước nhỏ, nước gần như không bao giờ cạn. Xung quanh hồ, khi thu đến, hoa cúc dại nở vàng đến nhức mắt.

Từ thung lũng Hua Tát đi ra bên ngoài có nhiều lối. Lối đi chính rải đá, vừa một con trâu. Hai bên lối đi này đầy những cây *mè loi*[1], tre, vầu, bứa, muỗm và hàng trăm thứ cây dây leo không biết tên gọi là gì. Lối đi này đã in dấu chân nhiều người. Trong số đó, từng nghe có cả một vị hoàng đế.

Thung lũng Hua Tát ít nắng. Ở đây quanh năm cứ lung bung một thứ sương mù bàng bạc nên nhìn người và vật thì chỉ nhìn thấy những nét nhòa nhòa đại thể mà thôi. Đây là thứ không khí huyền thoại.

Ở Hua Tát, những chuyện cổ như những bông hoa dại, màu vàng nhạt, bé như khuy áo, điểm đâu đó quanh rào trong các ngõ nhỏ. Đàn ông ngậm hoa này trong miệng uống rượu không bao giờ say. Nó cũng giống như những viên đá cuội trắng, có gân đỏ, mảnh như sợi chỉ nằm kín đáo nơi lòng suối. Phụ nữ thích những viên sỏi này. Họ nhặt nó về ủ trong áo lót đủ một trăm ngày. Khi làm đệm cho chồng, họ giấu viên sỏi ấy vào trong. Có lời nguyền rằng, người chồng nằm trên đệm ấy sẽ không bao giờ mơ tưởng đến những phụ nữ khác.

Hua Tát là một bản nhỏ cô đơn. Người dân ở đây sống giản dị, chất phác. Công việc nương rẫy nhọc nhằn vất vả. Cả việc săn bắt cũng thế. Tuy nhiên, người dân ở đây lại rất rộng lòng mến khách.

Đến Hua Tát, khách sẽ được mời ngồi bên bếp lửa, uống sừng rượu cần với xeo thịt rừng sấy khô.

Nếu khách là người công minh, chính trực, chủ nhà sẽ mời khách nghe một câu chuyện cổ. Có thể những chuyện cổ ấy nói nhiều đến nỗi đau khổ con người, nhưng chính hiểu rõ những đau khổ ấy mà ở trong ta nảy nở ra sự sáng suốt đạo đức, lòng cao thượng, tính người.

Những người sống trong chuyện cổ bây giờ đều không còn nữa. Ở Hua Tát, họ đã biến thành đất bụi và tro than cả[2]. Tuy vậy, linh hồn của họ vẫn bay thấp thoáng trên các *khau cút*[3] nhà sàn.

Như những ngọn gió.

---

1. Một thứ nứa nhỏ.
2. Người Thái đen có tục chôn người chết hoặc hỏa táng.
3. Biểu tượng trên nóc nhà sàn.

Truyện thứ nhất
TRÁI TIM HỔ

Ngày ấy, ở Hua Tát có một cô gái tên là Pùa. Sắc đẹp của nàng khắp các mường không ai bì kịp, da trắng như trứng gà bóc, tóc mượt và dài, môi như son đỏ. Chỉ khổ một nỗi là Pùa bị liệt hai chân, suốt năm suốt tháng nằm một chỗ.

Hồi xẩy ra chuyện này Pùa mười sáu tuổi. Tuổi mười sáu là tuổi của mùa xuân, tuổi của tình yêu. Tình yêu có thể có nhiều nhưng mà mùa xuân thiếu nữ chỉ có một. Năm mười sáu tuổi là tháng đầu của mùa xuân, đến tuổi mười chín thì có khi đã sang mùa thu rồi.

Mùa xuân ở Hua Tát đầy ắp tiếng khèn bè. Tiếng khèn quấn quýt chân sàn, *chân quản*[1] nhà các cô gái. Cỏ dưới chân các cầu thang không mọc được. Ở đấy phẳng lì một lớp đất bạc.

Sàn nhà Pùa không có những tiếng khèn bè. Không ai đi lấy cô gái liệt cả hai chân làm vợ. Đàn ông thương xót, đàn bà thương xót, đến cả trẻ con cũng thương xót Pùa. Người ta cúng ma, tìm thuốc cho Pùa. Vô hiệu, đôi chân của nàng vẫn không nhúc nhích.

Năm ấy, Hua Tát sống trong mùa đông khủng khiếp. Trời trở chứng, cây cối khô héo vì sương muối, nước đóng thành băng. Mùa đông ấy, trong rừng Hua Tát xuất hiện một con hổ dữ. Hổ rình rập suốt ngày đêm quanh bản. Bản hoang vắng hẳn, không ai dám ra nương ra rẫy. Buổi tối, chân các cầu thang được rấp rào gai kỹ lưỡng, các cửa nhà đóng chặt. Sáng sáng, thấy vết chân hổ vòng quanh từng ngôi nhà một. Cả bản sống trong nơm nớp lo âu.

Người ta đồn con hổ có trái tim khác thường, trái tim nó chỉ bằng hòn sỏi và trong suốt. Trái tim ấy là bùa hộ mệnh, cũng là vị thuốc thần. Ai có trái tim ấy sẽ được may mắn, giàu sang suốt cả cuộc đời. Trái tim ấy nếu mang ngâm rượu sẽ chữa được mọi thứ bệnh hiểm nghèo. Liệt chân như Pùa, uống thứ thuốc ấy sẽ khỏi được.

---

1. Sàn ở rẻ.

Tin đồn như con chim cắt chuyền khắp thung lũng. Ở bếp lửa, sân *quản*, dưới suối, trên nương, đâu đâu người ta cũng nói về trái tim hổ. Tin đồn bay xuống cả vùng đồng bằng của người Kinh, bay lên cả đỉnh núi cao của người H'mông. Tin đồn bao giờ cũng thế, qua miệng những kẻ ngu dốt thì quái lạ thay, thường thú vị hơn qua miệng những người từng trải.

Có rất nhiều người đi săn con hổ. Có người Thái, người Kinh, người H'mông... Người thì muốn săn hổ để lấy trái tim làm bùa hộ mệnh, người thì muốn lấy trái tim làm thuốc. Trách họ thế nào? Đời người ta, ai đã chẳng từng săn đuổi bao điều phù du?

Trong đám thợ săn, đông nhất là số trai bản Hua Tát. Họ muốn lấy được trái tim hổ để về chữa bệnh cho Pùa.

Việc săn hổ kéo dài gần hết mùa đông. Nhưng, như có phép lạ, con hổ tinh khôn biết tránh những nơi người ta phục nó. Những người đi săn bị nó săn lại. Hơn mười người chết vì con hổ dữ. Tiếng khóc than lẫn với tiếng gió hú dài âm âm trong bản. Người ta nản chí dần, số người đi săn rụng nhanh như bứa chín cây, cuối cùng chỉ còn một người. Người ấy là Khó.

Khó là trai bản Hua Tát. Chàng mồ côi cha mẹ, sống như con don, con dim. Con don, con dim sống thui thủi, đi con đường riêng, ăn uống thế nào không ai biết được. Khó chẳng bao giờ tham dự những cuộc hội tụ, hội hè ở bản. Phần vì Khó nghèo, phần Khó xấu trai. Chàng bị đậu mùa, mặt rỗ chằng chịt. Người Khó dị dạng: hai tay dài chấm đầu gối, đôi chân khẳng khiu, lúc nào đi cũng như chạy. Con don, con dim có đi bao giờ?

Thấy Khó đi săn nhiều người ngạc nhiên. Người ta lại càng ngạc nhiên khi thấy Khó săn hổ không phải để lấy bùa phép may mắn cho chàng mà để lấy thuốc về chữa cho Pùa. Đêm đêm, họ thấy Khó đứng dưới chân sàn nhà Pùa đờ đẫn như kẻ si tình, cũng giống như tên ăn trộm.

Người bản Hua Tát không biết Khó đi con đường nào tìm vết hổ. Đường của con don, con dim, hổ cũng không biết. Con hổ thấy sự nguy hiểm. Nó thay đổi chỗ ở, thay đổi đường đi. Khó và con hổ săn nhau từng giờ...

Một đêm, người ta đang ngồi kể chuyện ở sàn nhà Pùa thì nghe thấy tiếng súng nổ. Tiếng súng kíp âm như tiếng sấm. Có tiếng hổ gầm dữ dội vang trong khe núi.

Hổ chết rồi! Đúng Khó bắn chết hổ rồi! Cả bản kinh hoàng xôn xao như rừng gặp bão. Người ta reo hò. Nhiều người vừa reo vừa trào nước mắt. Trai bản đốt đuốc lên rừng tìm Khó.

Gần sáng, người ta mới tìm thấy Khó và xác con hổ đã chết. Cả hai lăn xuống vực sâu dưới suối. Khó bị gãy lưng, mặt chàng đầy vết cào cấu của hổ. Con hổ bị bắn toác đầu. Viên đạn bắn gần xé rách trán hổ xuyên vào tận óc.

Nhưng, điều kỳ lạ nhất là ngực con hổ đã bị rạch đi, trái tim nó không còn đấy nữa. Vết rạch bằng dao còn mới, máu bết hai bên vết rạch chảy ròng ròng, sủi thành bọt như bong bóng. Đã có kẻ nào đánh cắp trái tim con hổ!

Tất cả trai bản Hua Tát lặng im, cúi gằm mặt xuống. Họ hổ thẹn, căm giận, chua xót.

Hơn mười người chết trong mùa đông ấy vì con hổ dữ. Thêm hai người nữa chết dần sau câu chuyện đó. Hai người ấy là Pùa và Khó...

Người bản Hua Tát đã chôn con hổ ngay nơi nó chết. Không ai nhắc lại huyền thoại về sự mầu nhiệm của trái tim hổ. Người ta đã quên nó đi như quên bao điều cay đắng xảy ra trên thế gian này. Điều ấy cũng cần.

Còn nhớ chuyện ấy, bây giờ có lẽ chỉ rất ít người.

Truyện thứ hai
CON THÚ LỚN NHẤT

Ngày ấy, ở Hua Tát có một gia đình ngụ cư không biết ở *mường* nào chuyển đến. Họ dựng nhà ở ngoài rìa bản, chỗ gần rừng ma. Nhà ấy chỉ có hai vợ chồng đều luống tuổi. Họ đi đâu cũng có nhau. Người vợ lúc nào cũng âm thầm, im lặng, suốt ngày không hề thấy nói một tiếng. Người chồng cao lớn, gầy guộc,

mặt sắt lại, mũi như mỏ chim. Đôi mắt của lão đục và sâu hoắm, phảng phất những tia lân tinh lạnh lẽo.

Người chồng là tay thợ săn cự phách. Khẩu súng kíp trong tay lão như có mắt. Mỗi khi khẩu súng giơ lên, ít khi có chim chóc hoặc thú rừng nào thoát chết. Đằng sau nhà lão, lông chim, xương thú chất đầy thành đống. Những đống lông chim xơ xác đen xỉn như màu mực tàu, còn những đống xương thú màu đá vôi thì lốm đốm những vệt nước tủy vàng khè, hôi hám. Những đống ấy to như những cái mả. Lão thợ săn như là hiện thân thần Chết của rừng. Chim chóc và thú rừng sợ hãi lão. Cánh thợ săn ở Hua Tát vừa ghen tị, vừa bất bình với lão. Lão không tha bất cứ con vật nào trong tầm súng của mình. Có người kể rằng đã tận mắt nhìn thấy lão bắn chết một con công đang múa. Một con công đang múa nhé: cái đầu cong như lá lúa, cái đuôi xòe nửa vòng cung với đủ sắc màu, tia nắng mặt trời hắt ánh lửa lấp lánh như vàng, đôi chân kheo khéo lượn vòng. Chỉ có tình yêu thì mới lượn vòng tinh tế như thế. Con công đang múa, thế mà – "Đùng" – khẩu súng trong tay lão già giật lên, phụt ra một lưỡi lửa đỏ. Con công ngã gục, cái cánh có ánh cầu vồng ngũ sắc nhòe máu. Vợ lão già đến, khô đét, đen ngòm, âm thầm nhặt con công cho vào cái *lếp*[1] sau lưng.

Tuy vậy, suốt đời lão già chỉ săn được những con chim, con thú bình thường. Lão già chưa bao giờ săn được con thú lớn ba bốn tạ thịt. Khẩu súng lão chỉ bắn được những con vật nhỏ ngu ngốc. Đấy chính là điều lão già khổ tâm, dằn vặt.

Cả bản Hua Tát xa lánh vợ chồng lão, không ai nói chuyện, chơi bời với gia đình lão. Nhìn thấy vợ chồng lão, người ta tránh ngoắt đi. Cứ thế, lão thợ săn sống cô đơn bên người vợ âm thầm.

Cuối năm ấy, ở Hua Tát động rừng, cây cối xơ xác, chim chóc trốn biệt, không có dấu chân một con thú nào trong rừng. Chưa bao giờ người Hua Tát sống vất vả thế. Người ta đồn là Then bắt đầu trừng phạt. Lão thợ săn ngụ cư kiếm ăn cũng rất khó khăn. Vợ chồng lão lang thang khắp rừng. Lần đầu tiên trong đời lão già gặp phải cảnh này. Ba tuần trăng, khẩu súng của lão không hề được nổ.

---

1. Giỏ đeo.

Lão già dậy từ gà gáy canh ba vác súng đi đến tối mịt. Người vợ gầy của lão không còn có sức đi theo chồng nữa. Mụ ở nhà nhóm lửa chờ đợi. Ngọn lửa mụ nhóm như có ma ám, không đỏ mà lại xanh lét như mắt chó sói.

Lần ấy lão già đi vắng cả tuần liền. Người lão mệt lả. Đầu gối lão chùn xuống, các bắp thịt nhão ra tưởng chừng có thể dùng tay bấu được như bấu những con vắt nhẽo bết máu. Lão đã lết khắp nơi mà không gặp gì. Đến một con chim sâu, thậm chí một con bướm lão cũng không thấy. Lão hoang mang sợ hãi. Then đã trừng phạt thế gian như lời người ta đồn đại hay chăng?

Cuối cùng, mệt lả, lão già kiệt sức phải lết về nhà. Đến con suối đầu bản, lão dừng lại nhìn về nhà mình. Nhà lão có ánh lửa, cái ánh lửa xanh lét, chắc là vợ lão vẫn thức đợi chồng. Lão nhắm nghiền đôi mắt đục và sâu hoắm lại. Ngẫm nghĩ một lát, lão lộn lại rừng. Mũi lão đã đánh hơi thấy mùi thú... Lão gặp may thật. Lão đã nhìn thấy nó. Cái con công ấy đang múa. Kìa, đôi chân con công di chuyển nhẹ nhàng về phía bên phải, cái đuôi xòe thành đường tròn lại dịch về phía bên trái, cái ánh xanh gay gắt trên túm lông đầu của nó rực rỡ làm sao! Lão già giương súng lên: "Đùng"! Phát súng nổ. Lão nghe thấy tiếng rú thất thanh. Lão chạy lại con thú bị bắn ngã. Đấy là vợ lão. Mụ đi ra rừng đợi lão, tay mụ còn cầm bộ lông chim công.

Lão thợ săn nằm sấp xuống, úp mặt vào vũng máu trên lớp lá mục nồng nồng, ngái và hoi như mùi chuột.

Miệng lão hộc lên như tiếng lợn lòi. Lão nằm thế rất lâu. Mây đen sà xuống thấp, khu rừng tối sẫm, nóng hâm hấp như da người sốt. Gần sáng, lão già bỗng đứng phắt dậy nhanh như con vượn. Lão nảy ý định lấy xác vợ lão làm mồi để săn con thú, con thú lớn nhất đời mình. Lão nằm trong bụi cây gần cái xác thối rữa của vợ lão một sải tay, đạn lên nòng, khắc khoải chờ đợi. Nhưng Then đã trừng phạt lão. Không có con thú nào đến với lão, chỉ có cái chết đến với lão.

Ba ngày sau, người ta lôi cái xác còng queo của lão ra khỏi bụi cây. Một vết đạn xuyên qua trán lão. Lão đã bắn được con thú lớn nhất đời mình.

Truyện thứ ba
NÀNG BUA

Ở Hua Tát có một người đàn bà đặc biệt là Lò Thị Bua. Đi ra đường không ai chào hỏi nàng. "Quỷ dữ đấy! Đừng gần nó!" Các bà mẹ dặn con như thế. Các bà vợ dặn chồng như thế.

Bua là một thiếu phụ duyên dáng. Người nàng cao lớn, đôi hông to khỏe, thân hình lẳn chắc, bộ ngực nở nang mềm mại. Nàng lúc nào cũng tươi cười, tràn trề thứ ánh sáng cuốn hút lòng người.

Bua ở một mình với chín đứa con của nàng. Không ai biết bố chúng là ai. Ngay với Bua, nàng cũng không biết đích xác bố của từng đứa một. Rất nhiều người đàn ông đến với nàng rồi sau đó bỏ rơi nàng. Những anh chàng thiếu niên miệng còn hơi sữa chưa đủ kinh nghiệm làm bố, những ông già từng trải, những người thợ săn dũng cảm, những kẻ hà tiện... Mỗi người đến với Bua một cách và họ ra đi cũng chẳng có ai giống nhau. Chuyện tình ái, giống đực thường khôn ngoan và vô trách nhiệm, giống cái thì nhẹ dạ và tận tụy quá. Bua nồng nàn với tất cả những người đàn ông đến với nàng và cũng lãnh đạm với tất cả những người đàn ông bỏ rơi nàng. Những đứa con không bố sinh ra tự nàng lo liệu lấy chúng. Bua không quyến luyến, gắn bó với bất cứ người đàn ông nào trong bản. Nàng sống trơ trơ trước mắt mọi người. Nàng có chú ý đến dư luận không, nào ai biết được?

Cái hộ gia đình đông đúc của nàng Bua sống vui vẻ, hòa thuận và nghèo túng. Đàn bà trong bản nổi khùng, họ rít lên những lời khinh rẻ qua kẽ răng. Thực ra lòng họ sợ hãi. Đàn ông trong bản cười cợt, thèm thuồng. Họ ngồi cạnh nhau quanh các bếp lửa, nước dãi nhỏ ra bên khóe mép, đôi mắt long lanh, trơn tuột.

Ở Hua Tát, mọi người đều có gia đình nền nếp của mình. Ai cũng phải sống theo phong tục cổ truyền, vợ có chồng, con có bố. Thật chưa bao giờ có một gia đình quái gở thế này? Vợ không chồng! Con không bố! Chín đứa con! Chín đứa mà chẳng đứa nào giống một đứa nào! Những lời đàm tiếu như nạn dịch lan nhanh trong bản. Ở đàn bà, đấy là nạn dịch bọ gà. Ở đàn ông, đấy là nạn dịch sốt... Kẻ bị hành hạ nhiều nhất là đám phụ nữ. Họ buộc cánh đàn ông phải

có cách gì giải quyết ổn thỏa việc này. Hoặc là phải đuổi Bua đi, hoặc là tìm ra bố những đứa trẻ. Sao lại để một gia đình như thế ở trong cộng đồng Hua Tát? Những đứa trẻ lớn lên rồi chúng sẽ trở thành trai bản, gái bản. Chúng sẽ phá vỡ tất cả nền nếp cổ truyền.

Cuộc họp của cánh đàn ông trong bản Hua Tát nhiều lần dự định không thành. Nhiều người đàn ông thấy mình có lỗi ở trong chuyện ấy. Lương tâm họ cắn rứt. Đứng ra nhận con thì không dám. Họ sợ miệng lưỡi của các bà vợ nông nổi, thủy chung. Họ sợ dư luận. Đáng sợ hơn cả còn là cuộc sống nghèo túng.

Năm ấy, không hiểu sao rừng Hua Tát củ mài nhiều vô kể. Người ta đào được những củ mài to tướng dễ như bỡn. Những củ mài xốp, thơm hanh hanh và ngậy, ninh lên bở tơi, ăn hơi tê rát vòm miệng rất thú. Nàng Bua và lũ con cũng kéo nhau đi đào. Rừng hào phóng và bao dung với tất cả mọi người.

Một bữa, lần theo rễ củ, Bua và lũ con đào được một cái hũ sành sứt mẻ, nước da lươn đã xỉn vì năm tháng. Bua gạt lớp đất ở miệng hũ sành và nàng ngạc nhiên thấy hũ chứa đầy những thoi vàng, thoi bạc lấp lánh. Bua rụng rời, run rẩy cả người, đầu gối nàng quỵ xuống, những giọt nước mắt sung sướng ràn rụa. Lũ con xúm xít xung quanh, sợ hãi nhìn mẹ.

Thoắt một cái, người đàn bà nghèo khó và bị khinh rẻ trở thành giàu có nhất bản, nhất *mường*.

Bây giờ, cuộc họp của cánh đàn ông về Bua không còn cần nữa. Người ta lần lượt tìm đến nhà Bua để nhận con mình. Các bà vợ nông nổi và thủy chung giục giã chồng mình đi nhận con về. Hóa ra không phải là chín ông bố, cũng không phải là hai chục nữa. Bọn họ có đến cả năm chục người. Tuy nhiên, Bua không thừa nhận những người đàn ông ấy là bố của những đứa trẻ. Họ đến và ai cũng được một món quà tặng làm vui lòng các bà vợ nền nếp của mình.

Cuối năm ấy, Bua lấy một người thợ săn hiền lành, góa vợ và không con cái. Có lẽ đây mới là tình yêu của nàng vì nàng đã rơi những giọt nước mắt hạnh phúc trong đêm hợp cẩn. Với những người đàn ông trước, ở nàng không có những giọt lệ ấy.

Đáng lẽ ra Bua sẽ sinh với người chồng được thừa nhận của mình một đứa con nữa, đứa con thứ mười, nhưng người đàn bà ấy không quen sinh nở trong sự đầy đủ và nền nếp cổ truyền. Nàng đã chết khi trở dạ đẻ giữa đống mền chăn ấm áp.

Đám ma nàng, cả cộng đồng Hua Tát đi đưa. Cả đàn ông, cả đàn bà, cả trẻ con nữa. Người ta tha thứ cho nàng, có lẽ nàng cũng tha thứ cho họ.

Truyện thứ tư
TIỆC XÒE VUI NHẤT

Hà Thị E là con gái trưởng bản Hà Văn Nó. Hiếm có người xinh đẹp như E. Lưng như lưng kiến vàng, mắt long lanh như sao Khun Lú – Nàng Ủa[1], tiếng nói của nàng dịu dàng. Khi nàng cười, tiếng cười trong vắt và vô tư lự. E xinh đẹp đã đành nhưng đức hạnh của nàng cũng ít có người bì kịp. Nàng là niềm tự hào của người Hua Tát. Cả bản mong nàng tìm được người chồng xứng đáng. Trưởng bản Hà Văn Nó cũng muốn thế, các bô lão trong bản cũng muốn thế. Trao người con gái xinh đẹp như E cho người chồng không xứng đáng là có tội với Then vì nàng là quà tặng của Then với người Hua Tát. Chọn ai bây giờ? Người ta đưa việc chọn chồng của E ra bàn. Người muốn xin làm con rể trưởng bản Hà Văn Nó có rất nhiều. Trai trong bản Hua Tát cũng có, trai ngoài bản Hua Tát cũng có. Các bô lão trong bản Hua Tát thức trắng một đêm, uống hết năm vò rượu cần, rồi quyết định sẽ làm một cuộc thi tài để chọn một người nào có *đức tính quý nhất mà khó kiếm nhất* làm chồng của E. Đức tính quý nhất và khó kiếm nhất là đức tính gì? Ai là người có đức tính ấy? Các chàng trai ngồi tụm bên các bếp lửa bàn bạc, không biết bao nhiêu là rượu và thịt tiêu ma. Lớp trẻ bây giờ không thể suy nghĩ bằng nước lã được, đã đành...

Một bữa kia có một chàng trai dáng vẻ hùng dũng đến nói với trưởng bản và các bô lão:

---

1. Nhân vật trong truyện cổ. Sao Khun Lú – Nàng Ủa: Sao Hôm, Sao Mai.

– Dũng cảm là đức tính quý nhất và khó kiếm nhất. Tôi là người có đức tính ấy!

– Cứ chứng minh xem! – Trưởng bản trả lời.

Chàng trai đi vào rừng. Đến chiều chàng vác về một con lợn lòi bị chàng bắn chết. Con lợn lòi đến hơn tạ thịt, lông cứng tua tủa như lông nhím, chết rồi mà hai con mắt đỏ lừ của nó vẫn ngầu sắc máu. Chàng vứt con lợn xuống sàn, mắt chàng long lanh sáng, người chàng như có hào quang. Mọi người đều khen ngợi chàng.

Trưởng bản hỏi con gái:

– Con xem, chàng trai thực dũng cảm. Chàng ấy đã chứng minh đức tính dũng cảm của mình...

E mỉm cười, trái tim nàng rung động khi nhìn thấy đôi mắt dũng cảm của người cầu hôn. Đôi mắt ấy có ánh lửa. Nhưng vốn thông minh, E biết, những người dũng cảm sẽ mải mê với sự nghiệp của mình.

E trả lời:

– Đúng thế, thưa cha! Chàng trai đã chứng minh đức tính dũng cảm của mình... đức tính thật là đáng quý... Nhưng thưa cha, đức tính ấy đáng quý nhưng chắc không khó kiếm vì mới từ sáng đến chiều chàng đã chứng minh được nó...

Các bô lão gật gù. Người ta đồng ý với lời E nói. Con lợn được mổ thịt. Cả bản *xòe* suốt đêm để mừng đức tính dũng cảm, đức tính đáng quý nhưng không khó kiếm. Nhiều người con trai chân chính ở rừng có đức tính này...

Một lần khác, có chàng trai trông thông minh, sáng sủa đến nói với trưởng bản và các bô lão:

– Khôn ngoan là đức tính đáng quý và khó kiếm! Tôi là người có đức tính ấy!

– Cứ chứng minh xem! – Các bô lão nói với chàng trai.

Chàng trai đi vào rừng. Đến chiều chàng mang về một đôi rái cá còn nguyên vẹn. Rái cá là con vật khôn ngoan nhất rừng, nó vô cùng thính nhậy, bẫy nó gần như là việc sức người không thể làm được. Chàng trai mỉm cười, mắt chàng long lanh sáng, người chàng như có hào quang. Mọi người đều khen ngợi chàng.

Trưởng bản nói với con gái:

– Con xem, chàng trai thực khôn ngoan. Chàng ấy đã chứng minh đức tính khôn ngoan của mình...

E mỉm cười, lại một lần nữa trái tim của nàng rung động. Đôi mắt người cầu hôn có ánh lửa, có dông bão. Nhưng, những người khôn ngoan bao giờ cũng sẽ đau khổ, thậm chí bất hạnh. Họ biết quá nhiều...

E trả lời:

– Thưa cha, chàng trai đã chứng minh được đức tính đáng quý của mình. Nhưng thưa cha, đức tính ấy đáng quý nhưng chắc cũng không khó kiếm vì mới từ sáng đến chiều, chàng lại chứng minh được nó...

Các bô lão gật gù. Người ta làm thịt đôi rái cá. Cả bản lại *xòe* suốt đêm để mừng đức tính đáng quý nhưng không khó kiếm. Những người con trai chân chính ở rừng đều cần có đức tính này...

Một lần khác nữa, có một chàng trai béo phị cưỡi ngựa đến bản. Chàng béo nói:

– Giàu có là đức tính đáng quý và khó kiếm nhất. Tôi là người giàu có.

Chàng béo đổ ra sàn không biết bao nhiêu là vàng và bạc trắng. Mọi người hoa mắt. Trưởng bản và các bô lão nín lặng. Chưa bao giờ họ thấy có người giàu có như thế.

– Giàu có là điều không phải chứng minh!... – Chàng béo nói.

Các bô lão gật gù. Trưởng bản cũng gật gù! Chàng béo mỉm cười, mắt chàng có ánh lửa, có dông bão, có cả đêm tối nữa. Người chàng như có hào quang.

Trưởng bản hỏi E:

– Thế nào, con gái ta... Giàu có có phải là đức tính đáng quý và khó kiếm không con?

– Khó kiếm thì đúng, – E trả lời. – Nhưng giàu có thì không phải đức tính. Giả dối thì đúng là một đức tính... Không thể giàu có mà không giả dối...

Các bô lão cười phá lên. Người ta lại *xòe* suốt đêm để mừng con người giàu có.

Cuối cùng có một chàng trai trong bản Hua Tát tìm đến gặp trưởng bản và các bô lão. Đấy là Hặc, chàng trai mồ côi, người thợ săn xuất sắc nhất bản. Hặc nói với mọi người:

– Trung thực là đức tính đáng quý và khó kiếm nhất!

– Cứ chứng minh xem! – Mọi người bảo chàng. Hặc trả lời:

– Trung thực không phải là cái vòng bạc ở cổ đưa ra cho mọi người trông thấy, sờ tay vào nó.

Mọi người xôn xao, các bô lão bàn tán. Trưởng bản tức giận, mặt ông đỏ bừng như lửa.

– Phải chứng minh! – Trưởng bản hét lên, ông đã nhìn thấy đôi mắt trìu mến của E nhìn Hặc.

– Ai tin mày? Ai bảo mày có đức tính trung thực? – Trưởng bản hỏi.

– Then biết! – Hặc trả lời.

– Cả con cũng biết! – E nói nghiêm trang.

– Điên rồ! – Trưởng bản gầm lên. Ông nhìn sang các bô lão cầu cứu. Ông biết, người già bao giờ cũng tìm ra được lối thoát đơn giản cho mọi rắc rối trên đời.

– Hãy cầu Then đi! – Một vị bô lão bảo Hặc. – Trời đang hạn hán, tất cả *mó* nước[1] đều đã cạn khô. Nếu con trung thực, con hãy cầu Then mưa xuống!

Trưa hôm sau, dân bản Hua Tát lập đàn cầu đảo, không khí oi nồng ngột ngạt. Hặc bước lên đàn, chàng ngước đôi mắt trang nghiêm nhìn trời. Chàng nói:

– Con sống trung thực, dầu biết trung thực bao giờ cũng chịu đau khổ thiệt thòi. Tuy nhiên, nếu lòng trung thực chuộc được tội lỗi và mang tình yêu đến được cho thế gian này, xin trời mưa xuống...

---

1. Nguồn nước chảy từ núi.

Trời cao tĩnh lặng. Bỗng nhiên từ đâu đó xa xôi có một cơn gió mơ hồ thổi về. Tất cả ngọn cây trên rừng xào xạc. Mặt đất bắt đầu xuất hiện những cơn lốc nhỏ.

Buổi chiều, bầu trời đầy mây vần vũ và khi đêm xuống thì mưa như trút.

Lần ấy, người ta đã *xòe* suốt một tuần trăng để mừng đám cưới của Hặc với con gái trưởng bản. Đây là tiệc *xòe* vui nhất ở bản Hua Tát. Cả bản đều say khướt. Từng cái cột nhà, thậm chí đến từng cái cây trong vườn cũng được mời uống một sừng rượu đại.

Truyện thứ năm
SÓI TRẢ THÙ

Ở Hua Tát có gia đình thợ săn họ Hoàng. Đến đời Hoàng Văn Nhân thì tiếng tăm của gia đình này đã vang dội khắp các bản mường. Nhân bắn rất giỏi, ông luôn là người cầm chịch trong các mùa săn. Ông không biết sợ là gì. Điều này giống như cha ông, ông nội ông và cụ nội ông.

Nhân có hai vợ nhưng cả hai bà đều không có con cái. Ngoài năm mươi tuổi, Nhân lấy thêm một bà vợ nữa và may mắn thay, bà ba sinh hạ cho ông được một đứa bé đẹp như tiên đồng. Ông Nhân đặt tên cho con là Hoàng Văn San.

Từ năm tuổi, San đã theo cha vào rừng. Ông Nhân quyết chí rèn cặp cho con cũng thành một chàng thợ săn lão luyện. Các bô lão trong bản khuyên ông:

– Hãy để thằng San qua tuổi mười ba là tuổi ma bắt. Hãy biết sợ rừng, cho nó vào rừng sớm quá là không tốt đâu!

Ông Nhân trả lời:

– Năm tuổi cha tôi cũng đã cho tôi vào rừng rồi đấy!

Các bô lão bảo:

– Thời xưa khác, thời nay khác. Cha ông có bốn người con, còn ông chỉ có một...

Ông Nhân cười khẩy. Bọn trẻ chúng ta cũng hay cười khẩy với những người già như thế. Ta không biết rằng lời nói của những người già đôi khi giống như những lời tiên tri. Người già biết sợ, có điều sợ không phải là điều đáng thích thú gì...

San lớn dần lên, tám tuổi thì nó đã bẫy được cả gà lôi, mười tuổi thì nó đã bắn được mười phát trúng bảy. Ông Nhân thấy rằng cũng đã đến lúc phải cho con mình đi săn thú dữ. Năm mười hai tuổi, ông Nhân cho con đi săn chó sói.

Lần ấy, phường săn đi theo ông Nhân dễ có ba chục người. Chó sói là loài thú khôn ngoan và cũng không kém kiêu hãnh ở rừng. Nó ác độc và mưu mẹo. Khi bị phường săn tấn công, nó tản ra và chịu hy sinh một số con mồi để cứu những con chủ yếu nhất đàn. Ông Nhân là người có kinh nghiệm, ông để một số thợ săn đuổi theo những con sói mồi, còn ông và những người khác không chịu buông tha những con chủ yếu. Ông không mắc mưu con sói đầu đàn. Đó là một con sói cái đã già, lông hung hung đỏ. Khi chạy, nó nằm rạp xuống mặt đất và phóng theo một đường chữ chi ngoằn ngoèo. Ông Nhân quyết chí bám riết, dồn nó đến tận cùng hang.

San theo sát bố. Nó đã quen với tiếng rú rít của lũ sói. Ông Nhân dạy con biết cách phân biệt các tín hiệu của loài sói, đâu là tiếng lệnh, tiếng gọi, tiếng kêu sợ hãi, thậm chí đến cách vẫy đuôi cũng có những dấu hiệu riêng. Cho đến cuối ngày, đàn sói đã bị phường săn tiêu diệt gần hết.

Phường săn dồn con sói cái đầu đàn vào hang của nó, cái hang sâu, ở đó có những cột nhũ đá rêu bám xanh rì. Con chó sói đã già, từng túm lông lưng đã chuyển sang lốm đốm bạc. Bị dồn vào hang, nó chống cự ác liệt, mắt nó đỏ ngầu. Không hiểu lúc đó nó đã nghĩ gì. Một thoáng, nó nhìn chăm chú ông Nhân như để nhận dạng rồi nó lao vào góc sâu nhất nơi có đàn con đang chụm vào nhau. Nó cố ngoạm được một con sói con thì phát súng nổ. Ông Nhân lia cả vào lưng con sói một chùm đạn ghém. Con sói đầu đàn đè lên con sói bé xíu mà nó cắn răng vào giữa đỉnh đầu. Phường săn ào vào, lôi xác con sói đầu đàn và bắt những con sói con. Thằng San gỡ con sói con trong miệng của con sói mẹ mang về. Đây là con sói con đẹp nhất trong đàn sói nhỏ.

Con chó sói con lớn lên giữa lũ chó nhà. Nó có vết răng cắn ở đỉnh đầu, nơi đó thành sẹo lông không mọc được. Con chó sói con được nuôi trong nhà ông Nhân. Nó quen với người, tính nết gần giống chó nhà, chỉ có con mắt và điệu bộ là khác. Mắt nó dữ dằn, điệu bộ của nó lấm lét. Ông Nhân và cả thằng San đều cùng không thích con sói con này. Tuy nhiên, con sói không hề bao giờ trái ý người, vật trong nhà. Nó tránh mọi sự va chạm, tính nết của nó ôn hòa rất đỗi lạ lùng. Nó không tranh ăn với những con chó khác, không gây sự với ngựa, dê hoặc lợn, gà. Nó sống lầm lũi và rất biết điều. Hình như nó biết mọi người trong nhà đều không thích nó.

Thời gian trôi qua, thấm thoắt thằng San đến tuổi mười ba. Ông Nhân định ngày cúng ma cho con. Ông bảo người nhà giết hai con lợn, nhân thể giết luôn con chó sói để thết bà con trong bản.

Hôm ấy, khi người nhà chuẩn bị động dao giết lợn thì xảy ra một việc kinh người. Thằng San ngồi cạnh bố, nó mặc bộ áo lanh đẹp nhất. Nó đã ra dáng vẻ một ông chủ. Ông Nhân bảo con đi xem công việc người làm. Thằng San gật đầu, nó nhảy ba bước xuống cái cầu thang bằng gỗ *vàng kiềng*, không may cái ống quần lanh vướng vào then ngang của cái cầu thang. Nó ngã xuống đất ngay nơi xích con chó sói. Con sói đang nằm lim dim thì bỗng giật mình chồm dậy. Thằng San đập đầu xuống một hòn đá cạnh con chó sói, miệng vập vào cái dây sắt buộc vào cổ nó. Máu trào ra từ miệng thằng San. Vết máu đỏ từ miệng thằng San thức tỉnh từ trong tiềm thức mơ hồ của con dã thú một điều gì đấy. Nó chồm lên nhe hàm răng nhọn và trắng nhởn tớp vào giữa cổ thằng San nơi có những vệt lang ben mờ mờ. Người nhà ông Nhân hốt hoảng chạy lại. Con chó sói như điên dại không buông tha thằng bé. Nó cắn, cào, nhay, nhá, nó rứt từ cổ thằng San ra từng mảnh thịt, từng sợi gân và dây chằng bê bết máu. Thằng San chết ngay, mắt trợn ngược. Cổ nó hõm vào một khoảng đỏ lòm, từ đấy máu phun ra phì phì, sủi cả bong bóng. Máu phun đầy mặt con sói, nhuộm đỏ cái đầu lông lá bù xù.

Người ta vất vả lắm mới kéo được con sói ra. Ông Nhân cầm rìu tiến về con sói nước mắt ròng ròng. Người ta dạt ra hai bên nhường chỗ cho ông. Ông Nhân run bắn cả người. Con sói rúm lại, xích quấn vào dưới cầu thang. Dừng lại một lát, bỗng nhiên ông

Nhân vung rìu và cứ liên hồi chém vào sợi dây xích sắt. Lưỡi rìu quằn lại, các sợi mắt xích đứt tung. Con sói tru lên một tiếng rồi phóng chạy về phía rừng, trên cổ vẫn còn lòng thòng một đoạn dây ngắn. Đám người đứng quanh ông Nhân sững sờ. Ông Nhân buông rìu quỳ xuống xác đứa con duy nhất, những ngón tay gầy trơ cả khớp xương cày trên mặt đất bê bết máu.

Truyện thứ sáu
ĐẤT QUÊN

Lò Văn Pành là ông già nổi tiếng ở bản Hua Tát. Hơn tám mươi tuổi, hàm răng của ông vẫn đều tăm tắp như răng chàng trai mười bảy tuổi. Cối đá giã gạo, ông dùng một tay cử lên như bỡn. Ông làm bằng ba người khác. Uống rượu cũng vậy, sức ông có thể chấp nổi muôn người. Tráng đinh trong bản Hua Tát nhìn ông kiêng nể.

Ông Pành có ba vợ, tám đứa con và khoảng ba chục đứa cháu. Họ sống hòa thuận và khá sung túc. Gia đình cũng giống như những lò than, các cục than có sức tỏa ấm cho nhau nhưng rồi sau đó lại thiêu đốt nhau. Gia đình nào mà chẳng thế?

Sẽ không có chuyện gì xảy ra nếu như ông Pành chỉ sống quanh quẩn ở trong thung lũng Hua Tát. Nhưng đùng một cái, ông bỗng nảy sinh ý định đi về Mường Lum mua trâu. Thực ra nếu chỉ mua trâu chẳng phải vất vả nhiều đến thế, chỉ cần sang bản Chi, bản Mạt, ông Pành có thể mua được những con trâu cày hạng nhất. Nhưng Mường Lum là nơi thời trẻ ông Pành ở đó. Ký ức xa xưa sống dậy trong ông.

Mường Lum là vùng đất xa xôi hẻo lánh tận cuối Châu Yên. Tiếng Thái Mường Lum nghĩa là *đất quên*. Ở đây có những khu rừng nguyên sinh từ thời thượng cổ, cây cối bạt ngàn, chim thú nhiều vô kể.

Hôm ấy, ông Pành cưỡi ngựa đến gần Mường Lum thì trời đã tối. Một cơn mưa đá dữ dội ập đến.

Ông Pành nhìn quanh xem có chỗ nào trú được nhưng chỉ mênh mông rặt đồi cỏ gianh lá sắc như dao. Đá ở trên cao ào ào trút

xuống. Con ngựa sợ hãi không chịu đi nữa, miệng nó hý vang, móng cào xuống đất.

Ông Pành nhảy vội xuống ngựa, miệng chửi rủa, ông chưa bao giờ thấy trận mưa nào dữ dội đến thế. Gió to quá, những giọt mưa đá quất vào người ông đau điếng. Đêm dần ập xuống, sấm sét rền vang làm đất rung chuyển, con ngựa dứt đứt dây cương chạy vụt xuống đồi. Ông Pành định đuổi theo thì bỗng nhiên thấy có bóng đen nhỏ chạy về phía mình. Ông định thần lại. Đấy là cô gái đi làm nương về, gặp mưa bất thần, nàng sợ hãi vừa chạy vừa ngã, luôn miệng kêu trời. Gặp ông Pành, nàng kiệt sức ngã quỵ vào tay ông.

Mưa như trút, những cục đá văng như đạn ghém. Ông Pành đứng lom khom che chở cho cô gái, cô gái úp mặt vào hai bàn tay, toàn thân run rẩy. Cô tựa vào bộ ngực trần vạm vỡ của ông tin cậy. Ông Pành an ủi:

– Đừng sợ... đừng sợ... Cơn giận của Then sẽ qua đi thôi...

Họ đứng như thế giữa đồi cỏ gianh, xung quanh mưa đá sấm rền. Ông Pành ngợp trong diệu huyền. Cả cuộc đời từng trải của ông, ông chưa bao giờ có cảm giác ấy. Ông biết đây chính là điều ông vẫn hằng khao khát mong tìm. Hơn cả tình yêu, hơn cả những người phụ nữ mà ông đã gặp, cảm giác này như là *hạnh phúc*.

Khi trời mưa tạnh thì ở trên cao bắt đầu le lói một thứ ánh hồng mờ ảo. Cô gái ngượng ngập rút tay ra khỏi bàn tay ông Pành. Ông chưa bao giờ thấy ai lại đẹp như vậy. Nàng vùng chạy. Ông luống cuống đuổi theo, vấp ngã nhưng rồi cuối cùng ông nắm được tay nàng.

– Em tên là gì? – Ông hỏi. – Ngày mai ta đến cầu hôn... Em có bằng lòng ta không?

Cô gái bối rối, mãi sau nàng mới ấp úng:

– Em là Muôn... Ở bản Mường Lum...

Nàng đẩy ông ra rồi chạy xuống đồi, đôi bắp chân trắng nõn nà. Ông Pành ngồi thụp xuống đất, mồ hôi vã ra, bủn rủn. Một niềm sung sướng tràn ngập lòng ông. Ông nằm vật ra giữa đám cỏ gianh ướt sũng, mặc cho những con kiến đen to tướng bò lung tung trên tấm ngực trần. Ông thiếp đi cho đến lúc con ngựa tinh khôn tìm

thấy ông, lấy cái miệng nóng hổi nhay nhay vào cái tai to, có những chùm lông đen loăn xoăn của ông để lôi dậy.

Trưa hôm sau, ông Pành dắt ngựa vào bản tìm đến nhà Muôn. Ông quỳ xuống, chồng cả đống bạc hoa xòe dự định mua trâu cho ông bố Muôn. Biết lời cầu xin của khách, bố Muôn cười vang, ông gọi vợ con và dân bản đến. Mọi người cười cợt bàn tán. Ông Pành vẫn cứ trơ trơ giữa lời nhạo báng sắc tựa dao chích. Muôn nấp sau khe cửa nhìn ra. Nàng thấy hay hay và thấy câu chuyện còn có vẻ buồn cười nữa. Quả thật, nàng đã quên khuấy đi cơn mưa đá đêm qua, những giọt nước mắt và cuộc gặp gỡ trên đồi.

Một mực khăng khăng, ông Pành nhắc đi nhắc lại những lời cầu hôn. Thực quá đáng, mọi người không thể còn cười được nữa. Cuối cùng, bố Muôn đành phải đặt ra điều kiện:

– Thôi được, ông muốn làm rể tôi thì ông ở đây làm sao hạ được cây gỗ lim to nhất ở đỉnh Phu Luông mang về. Cây gỗ ấy sau này sẽ là căn nhà của ông và con Muôn đấy...

Mọi người lại cười phá lên. Không ai ở đây không biết cây gỗ lim ấy, vòng gốc của cây gỗ lim tám người đứng ôm không xuể. Nó mọc trên đỉnh núi đá vôi cao đến nỗi đứng ở trên ấy nhìn xuống thì bản Mường Lum chỉ bé như mái nhà sàn.

– Được! Xin ông hãy giữ lấy lời! – Ông Pành trả lời như dao chém đá.

Người ta đồn rằng hôm sau ông Pành leo lên đỉnh núi, bập được nhát rìu đầu tiên vào gốc cây lim thì ông kiệt sức. Ông chết vì bị vỡ tim.

Đám tang ông Pành, Muôn không đi đưa. Hôm ấy, nàng bận đi chợ Yên Châu xem đám chọi gà. Chiều về nàng cũng gặp mưa, nhưng mà lần này trời không mưa đá.

Truyện thứ bảy
CHIẾC TÙ VÀ BỊ BỎ QUÊN

Trên gác xép nhà trưởng bản Hà Văn Nó có chiếc tù và không biết đã từ đời nào sót lại. Chiếc tù và này bằng

sừng trâu, khảm bạc, rạn nứt, mạng nhện chăng đầy, tò vò làm tổ ở trong. Không ai chú ý đến nó. Nó nằm đây, lăn lóc, vất vưởng.

Năm ấy, bỗng dưng trong rừng Hua Tát xuất hiện một loại sâu đen kỳ lạ. Chúng bé như những cái tăm, bám đầy chi chít trên những cành lá. Đi vào rừng hay đi lên nương, cứ nghe tiếng sâu bật mình lách tách, tiếng rào rào nghiến lá của chúng mà rợn cả người. Không có thứ lá cây nào mà loài sâu ấy lại không ăn được. Từ lá lúa, lá tre, cả lá của những cây song, cây mây đầy gai cũng bị chúng nhai ngấu nghiến.

Trưởng bản Hà Văn Nó gầy rộc. Ông cùng với dân bản tìm đủ mọi cách để diệt loài thần trùng ấy. Họ rung cây, đốt lửa, hun khói, dội nước nóng và nước lá ngón. Tất cả mọi cách thảy đều vô hiệu. Loài sâu sinh nở nhanh chóng lạ lùng.

Bản Hua Tát tiêu điều như có dịch hạch. Người ta đã bàn đến chuyện dời bản Hua Tát về nơi khác. Các bô lão họp bàn. Mọi người mời thày mo về cúng.

Trưởng bản Hà Văn Nó sai người giết trâu, giết lợn để xin trời đất quỷ thần phù hộ. Thầy mo bảo:

– Cái xương ông tổ họ Hà đang rữa, biến thành sâu bọ, phải lôi cái xương ra ánh mặt trời mà rửa mới hết được sâu.

Trưởng bản giật mình. Họ Hà ở đây có tục thiêu người khi chết. Sau khi thiêu xong, xương cốt được cho vào cái tiểu sành mang đi cất giấu. Ở trong dòng họ chỉ có một người đàn ông duy nhất biết được nơi cất giấu này. Trước khi chết, người ấy chọn ra một người trong họ để kế tục mình. Có lời nguyền rằng nếu thù ghét nhau, kẻ địch chỉ cần tìm được xương ấy mang tán trộn vào thuốc súng bắn đi là cả dòng họ tuyệt diệt. Họ Hà không ít kẻ thù. Bây giờ nếu mang ra rửa, làm lộ nơi giấu, khác nào tạo cho kẻ thù cơ hội tốt.

Trưởng bản nghĩ ngợi. Ông biết kẻ thù đang rình rập ông từng bước, nhưng chẳng lẽ cứ để nạn sâu phá hoại quê hương?

Một đêm cuối tháng, trưởng bản thức dậy rồi gọi con trai là Hà Văn Mao theo mình. Mao mười tám tuổi, tuấn tú, thông minh, trí lự hơn người.

Hai cha con trưởng bản bí mật ra đi. Nơi cất giấu hài cốt của họ Hà ở một hang sâu tít trên đỉnh núi. Ngoài cửa hang, một cây si

già buông rễ phủ kín. Rạch qua lớp rễ ken dày mới chui được vào trong đó. Vất vả lắm, khi ánh mặt trời le lói thì hai cha con trưởng bản mới đưa được cái tiểu sành ra được cửa hang.

Trưởng bản mở nắp tiểu sành, bày xương ra đất, dùng rượu rửa. Xương cốt còn nguyên không hề mủn nát như lời thầy mo nói. Ở giữa đám xương có một sợi dây bằng bạc cực kỳ tinh xảo. Mao hỏi cha:

– Dây này để làm gì vậy?

– Không biết! – Trưởng bản nghĩ ngợi. – Có thể nó dùng để buộc hay đeo vũ khí gì chăng?

– Con thích nó! – Mao bảo cha và chàng giắt sợi dây bạc vào người.

Hai cha con trưởng bản rời hang, cắt đường xuống núi. Họ đến chỗ ngoặt cách hang không xa thì thấy một toán người lạ nằm phục. Trưởng bản nhận ra kẻ thù. Ông sai con chạy về bản gọi người ứng cứu, còn ông ở lại chặn đường.

Trưởng bản lập kế. Ông tìm cách nhử kẻ thù ra xa hang sâu bí mật. Trong thế không cân bằng này, tính mạng của ông như treo sợi tóc.

Mao về bản. Chàng lập tức gọi ngay những tay súng cừ khôi nhất bản lên rừng để cứu cha mình. Tiếng súng thưa thớt trên rừng khiến lòng chàng như lửa đốt.

Đến trưa, họ mới tìm thấy trưởng bản. Ông bị trói dưới gốc cây xa cái hang bí mật đến chục dặm đường. Khẩu súng hết đạn vứt dưới chân ông. Kẻ thù đã cắt lưỡi ông vì không chịu khai nơi dòng họ cất giấu hài cốt.

Mao đưa cha mình về bản. Trưởng bản không chết, nhưng từ bữa ấy ông thành người câm, không còn nói được.

Nạn sâu phá hoại vẫn cứ lan tràn càng ngày càng tệ hại. Mao nổi giận, chàng sai cắt lưỡi thầy mo rửa hận cho cha, rồi chàng ra lệnh chuẩn bị dời bản đi sang đất khác.

Hôm dọn đồ đạc, Mao thấy cái tù và ở trên gác xép. Trên tù và có một lỗ nhỏ buộc dây. Chàng sực nhớ ra sợi dây bằng bạc lấy trong đám xương cụ tổ. Chàng bèn lấy sợi dây đeo tù và. Chiếc tù và cũ bỗng dưng trông đẹp hẳn lên. Mao cầm tù và rúc thử một

hồi. Thật kỳ lạ! Khi tiếng tù và vừa mới cất, những con sâu đen trên cây tự dưng quằn quại rồi rơi xuống đất.

Mao ngạc nhiên, chàng cầm tù và rúc thử vài lần. Những con sâu đen rụng xuống như mưa. Chàng sung sướng, vội vã sai ngay mọi người dừng việc dọn nhà.

Cả bản reo hò theo Mao lên rừng. Sáng ngày hôm ấy, chiếc tù và cũ không ngớt rúc lên âm thanh kỳ lạ của nó. Sâu đen rơi xuống rào rào, người ta chỉ cần vun lại giết đi. Nạn sâu phá hoại chỉ trong một ngày đã bị diệt sạch.

Diệt xong nạn sâu, dân bản Hua Tát mở hội ăn mừng. Chiếc tù và cũ được đặt trang trọng trên ngai thờ.

Từ đấy, ở bản Hua Tát, sáng sáng lại có một hồi tù và vang dội cất lên. Tiếng tù và cổ xưa nhắc nhở mọi người nhớ đến tổ tiên, báo hiệu cuộc sống bình yên không có sâu hại.

Chiếc tù và lúc nào cũng đeo bên mình ông già câm Hà Văn Nó. Chiếc tù và ấy trông cũng bình thường, chẳng khác mấy tí những chiếc tù và thường gặp. Thậm chí còn như xấu xí, tiếng kêu cũng chẳng to hơn.

Truyện thứ tám

SẠ

Kẻ điên rồ nhất ở bản Hua Tát là Sạ. Sạ là con út ông Pành, người từng lập nên cả một gia đình đông đúc có tám người con và gần ba chục đứa cháu; ông già nổi tiếng khắp các bản mường.

Từ nhỏ, Sạ đã nghịch ngợm và thích phiêu lưu. Suốt đời chàng mơ làm nên sự tích phi thường. Bỏ qua hết thảy những lời khuyên nhủ, chàng chỉ khăng khăng một mực làm theo ý thích của mình. Uống rượu? Ai có thể uống luôn một lúc hai mươi sừng rượu, hãy đọ với chàng! Săn hoẵng ư? Ai có thể đuổi theo con hoẵng hơn ba ngày trời để cho con hoẵng đến nỗi phải nằm vật ra đứt ruột, hãy đọ với chàng! Ai có thể tung *còn* được nhanh và khéo hơn chàng? Ai có thể làm cho chiếc khèn bật ra âm thanh quyến rũ hơn chàng? Và nữa, ai có thể chinh phục trái tim phụ nữ tài giỏi hơn chàng?

Có lần bản Hua Tát vất vả một ngày mới bắt hết số cá thả ở dưới hồ lên thuyền. Chỉ còn chờ lúc chia cá thì Sạ lật úp thuyền xuống nước. Mặc kệ những lời kêu la chửi rủa, Sạ cười sằng sặc, chàng nhảy xổ vào đám cá trắng bạc đang quẫy tứ tung chàng vừa phóng thích.

Sạ điên rồ đến nỗi chỉ vì một lời thách đố là chàng nhảy ngay vào lửa. Đối với chàng, lời khen của đứa bé con hoặc một phụ nữ còn quý hơn cả lượng vàng. Thế nhưng – điều này cũng ác như mọi thói đời, dân bản Hua Tát chẳng ai đi khen chàng cả. Người ta không gọi tên chàng. "Thằng Điên"... "Thằng Rồ"... "Kẻ Khùng"... đấy là tên gọi của chàng. Chàng như một con thú lạ sống giữa mọi người. Sạ sống như thế bứt rứt đau khổ. Chàng ngờ vực trí tuệ, khả năng mình. Ở trong đám hội, chàng vui đấy, nhưng chỉ lúc sau chàng lại im lặng như hóa đá. Chàng ngồi suốt ngày, suốt tháng, chế tạo ra thứ đồ chơi hay thứ vũ khí gì đấy, nhưng khi làm xong chàng lại vứt đi. Không ai dám đặt lòng tin hay dám giao phó việc gì cho con người đầy bất trắc đó. Nỗi cô đơn khủng khiếp giày xé tim chàng. Niềm ham sống và những khát vọng mãnh liệt bứt chàng ra mọi nếp thường. Năm ba mươi tuổi, nghe theo lời rủ rê của một gã buôn muối ở dưới xuôi lên, Sạ bỏ Hua Tát ra đi cũng với ý muốn lập nên sự tích phi thường ở vùng đất khác.

Sạ đi rồi, cuộc sống ở bản Hua Tát như buồn tẻ hơn. Các vụ đánh lộn không còn ác liệt như trước. Phụ nữ cũng ít ngoại tình. Không còn có những tiệc *xòe* thâu đêm suốt sáng. Nụ cười ít hơn. Thậm chí đến cả chim chóc bay qua bầu trời Hua Tát vỗ cánh cũng như uể oải. Người ta trở nên cau có, công việc đè lên vai họ nặng nề hơn trước. Cho đến lúc ấy, người ta mới thấy nhớ Sạ, mới thấy Sạ đi là điều đáng tiếc.

Tin tức về Sạ thỉnh thoảng do gã buôn muối mang đến làm mọi người kinh ngạc. Nghe nói, chàng đang tham gia giúp việc Cần Vương ở mãi dưới xuôi. Một dạo, nghe nói chàng đang đi sứ ở một nước nào xa xôi ghê lắm. Lại có một dạo, nghe nói chàng bị đi đày vì đã tham gia âm mưu phản lại triều đình.

Phụ nữ bắt đầu lấy Sạ ra để làm gương dạy dỗ chồng mình. Người bản Hua Tát nhắc đến tên Sạ để mà so sánh việc nọ việc kia

với người bản khác. Thậm chí, người ta còn dẫn những việc hồi xưa ở bản Sạ chẳng hề làm. Tên tuổi của chàng thành niềm tự hào của họ.

Thế rồi năm tháng qua đi. Người ta nghĩ Sạ chắc đã gửi xác nơi đất khách quê người, thì một ngày kia Sạ bỗng trở về.

Không còn chàng Sạ trẻ trung và vui nhộn nữa. Đấy là ông lão lụ khụ hệt người rừng, một chân cụt, đôi mắt già nua bắt đầu có nước đọng trong đồng tử.

Được hỏi chuyện, Sạ trả lời dè dặt về quãng đời oanh liệt ông từng trải qua. Những lời đồn đại do gã buôn muối kể lại phần nào có thật.

Người bản Hua Tát dựng lên cho Sạ một mái nhà sàn. Ông sống bình thường như mọi người khác. Có ai nhắc lại chuyện cũ thì ông lảng tránh.

Sạ lấy vợ. Hai vợ chồng già sinh được một đứa con trai. Sống được đến bảy mươi tuổi thì ông mới mất. Trước khi mất, nghe đồn ông nói lại rằng:

– Quãng đời bình thường cuối cùng ta sống ở bản Hua Tát như mọi người đời, mới thực chính là sự tích phi thường mà ta lập được.

Có thể thế chăng? Không thấy người dân Hua Tát bàn tán gì về câu nói ấy. Nhưng đám tang Sạ, người ta cử hành trang trọng hệt như đám tang một vị vương hầu.

Truyện thứ chín
NẠN DỊCH

Ở Hua Tát có cặp vợ chồng Lù, Hến. Họ thân nhau từ nhỏ. Lớn lên, hai người yêu nhau, lấy nhau, sinh con đẻ cái. Họ thuộc cử chỉ, tính nết, đến cả ý nghĩ của nhau. Chẳng bao giờ hai người xa nhau. Đến kỳ Hua Tát có nạn dịch tả, hai người gắn bó với nhau kể đến năm chục năm trời.

Dịch tả ở Mường La, Mai Sơn tràn đến Hua Tát vào một ngày thời tiết kỳ lạ: vừa nắng chang chang, vừa mưa như trút. Hơi nước ở trên mặt đất hầm hập bốc lên nghi ngút gai lạnh cả người. Trẻ

con chết trước rồi đến người già. Người nghèo chết trước rồi đến người giàu. Người tốt bụng chết trước rồi đến lượt những kẻ đê tiện. Trong nửa tuần trăng, ở bản Hua Tát ba chục người chết. Người ta đào vội đào vàng những hố chôn người, rồi rắc vôi bột lên trên. Đến đêm thần Chết mở tiệc *xòe* dưới vầng trăng đỏ quạch.

Người Hua Tát chống trả dịch tả bằng rượu mạnh, gừng giã nhỏ trộn tỏi và ớt. Người ta đổ ộc vào miệng những đứa bé con đang bú sữa mẹ hàng bát những thứ nước ấy. Chúng khóc thét lên vì gan ruột cào xé. Có hề gì, đằng nào thì sống ở đời gan ruột chẳng phải cào xé nhiều lần.

Khi có nạn dịch thì Lù đang ở xa nhà. Thói ham mê rong chơi cờ bạc từ nhỏ đã làm hại ông biết bao nhiêu lần thì đến bây giờ đền đáp cho ông chính bằng sự sống. Suốt thời gian ấy Lù đang mải bận vào hội đỏ đen trong mãi Mường Lum. Mười ngày liền, vận đỏ không rời ông lấy một khắc, thậm chí cả đi đái Lù cũng vẫn bắt được tiền. Các tay cờ bạc ngờ ông hẳn có bùa chú. Đến ngày cuối cùng, với tay nải đầy bạc hoa xòe, Lù giã biệt ra về, để lại cho các thân chủ những nỗi tuyệt vọng đắng cay.

Qua chợ Yên Châu, Lù mua một con ngựa không thèm mặc cả khiến cho tay buôn ngựa người Kinh hết sức sửng sốt, đấm ngực thùm thụp tiếc rẻ. Tay này vào quán, buồn cho mình, nốc bí tỉ đến nỗi mất hết số tiền bán ngựa. Lù ngật ngưỡng, cưỡi con ngựa mới về nhà, lòng phơi phới.

Đến đầu bản, Lù sửng sốt thấy hàng rào cắm lá xanh. Vôi bột trắng xóa khắp nơi. Trên các *khau cút* nhà sàn đầy những con quạ béo núc.

Người ta ngăn Lù không cho vào bản. Họ chỉ đường ra ngoài rừng ma, nơi các con Lù vừa chôn mẹ chúng sáng nay. Bà Hếnh đã chết, ngôi mộ mới rắc đầy vôi bột là mộ của bà.

Đau đớn điên cuồng, Lù phóng ngựa ra chỗ chôn vợ. Phủ phục trước mộ, Lù kêu gào nức nở.

– Hếnh ơi... – Lù khóc. – Tôi sống ra sao bây giờ khi không có bà? Đi làm nương về lấy ai đun nước cho tôi rửa mặt? Săn được con hoẵng, ai làm món *lạp* cho tôi... Lấy ai chia sẻ niềm vui, nỗi buồn?

Lù khóc lâu lắm. Ký ức sống dậy khiến ông đau đớn. Ông thấy thương vợ vô cùng. Ông nhận ra mình bạc bẽo, vô tình, thấy vợ cao thượng, chịu đựng. Càng nghĩ ông càng ân hận, thương cảm. Từ những miếng ăn Hếnh cũng nhường nhịn, những miếng vải đẹp Hếnh cũng dành dụm... Tất cả vì ông, vì con, Hếnh sống với ông như một người chị, người mẹ, một người đầy tớ. Còn ông hơn năm mươi năm, ông đã làm gì cho Hếnh?

Gục đầu trước mộ, Lù bỗng nghe thấy có tiếng rên rỉ dưới đất vọng lên. Tiếng rên của Hếnh! Ông đã quen thuộc từng hơi thở của vợ nên nhận ra ngay. Gạt sang một bên những nỗi kinh hoàng, Lù cuống cuồng vội vã bới đất, lòng thầm hy vọng có sự nhầm lẫn nào chăng?

Càng đào sâu, tiếng rên càng rõ. Lù điên cuồng vui sướng. Tay ông tóe máu mà không cảm thấy đau. Cuối cùng ông bật được nắp quan tài, thấy Hếnh còn đang thoi thóp.

Lôi vợ ra khỏi quan tài. Lù vội vã đặt lên yên ngựa, ôm túi bạc phóng sang bản Chi để tìm thầy thuốc. Người ta ngăn ông không cho vào bản. Lù đổ một nửa số bạc cho người gác để thuyết phục họ. Cuối cùng người ta cũng cho hai người vào bản, có điều phải để lại hai phần ba túi bạc.

Vào trong bản, Lù tìm đến nhà thầy thuốc. Chồng cả số bạc hoa xòe còn lại, Lù xin thầy thuốc hết lòng cứu Hếnh.

Lù không lường được tai họa của việc ông làm. Ông bị lây bệnh. Cả hai người chết ngay đêm hôm ấy. Thầy thuốc đã lấy số bạc của ông tổ chức đám ma cho cả hai người.

Hai người chôn cùng một huyệt. Khi lấp đất, người ta rắc vôi bột và ném xuống một vốc bạc trắng hoa xòe.

Dưới ba thước đất, chắc hẳn linh hồn Lù sẽ ngậm cười. Nạn dịch ở bản Hua Tát sau đó ít lâu thì hết. Nỗi kinh hoàng về nạn dịch ấy đến mấy thế hệ sau mới được xóa nhòa. Ngôi mộ chôn Lù và Hếnh, bây giờ là một đụn đất khá cao, trên mọc đầy những cây song, cây mây gai góc, những người già ở bản Hua Tát đặt tên là mộ tình chung thủy, còn bọn trẻ con gọi là mộ hai người chết dịch.

Truyện thứ mười
NÀNG SINH

Sinh là một thiếu nữ mồ côi ở bản Hua Tát. Nghe nói ngày xưa mẹ nàng bị ma chài, để nàng trong rừng. Nàng gầy gò, bé nhỏ, trông rất đáng thương. Nàng không bao giờ được ăn miếng ngon, mặc váy áo đẹp. Thân phận *côn hươn*[1], nàng sống thui thủi như con chim cút.

Ở Hua Tát, trên đường đi vào rừng ma, có cái miếu nhỏ. Miếu này thờ chàng Khó, người từng giết con hổ dữ thuở nào. Trong miếu có hòn đá nhỏ bằng nắm tay người, để trên bệ gạch. Hòn đã nhẵn thín như bào, sâu trong lớp đá có những vân đỏ li ti như mạch máu người. Ai muốn cầu xin thì sờ tay vào hòn đá, ghét sát miệng vào kể lể với nó. Hòn đá nằm trên bệ thờ từ bao đời rồi, chứng kiến rất nhiều cuộc đời, rất nhiều số phận. Hòn đá trở thành một thứ ngẫu vật thiêng liêng, ban đêm có người trông thấy hòn đá tỏa sáng như một cục lửa. Những nỗi đau khổ, những lời cầu xin tích tụ trong hòn đá nhỏ.

Một bận, có một người khách lạ từ dưới xuôi lên, ông ta cao lớn, cưỡi trên một con ngựa ô khỏe mạnh. Ông rẽ vào nhà trưởng bản, thăm các bô lão, la cà khắp nơi đây đó, ông hiểu rất rõ phong tục ở bản. Dân bản Hua Tát đoán ông là người buôn cao hoặc lông thú hiếm. Ông rất nhiều tiền, cư xử hào hiệp và sang trọng lắm.

Một bữa, ông khách qua miếu chàng Khó, trông thấy hòn đá định cầm lên xem. Nhưng thật lạ lùng, ông không làm sao nhấc được hòn đá lên khỏi bệ thờ. Ngạc nhiên, ông về gọi dân bản đến xem. Người ta xúm xít xung quanh miếu nhỏ. Ông khách thử cho từng người lần lượt vào miếu để nhấc hòn đá lên tay, nhưng đều bất lực. Hòn đá nặng đến kinh người.

– Chắc có chuyện gì uẩn khúc? – Ông khách căn vặn mọi người. – Trong bản liệu còn có ai chưa đến miếu này nhấc thử?

---

1. Đẳng cấp thấp nhất.

Người ta soát lại thấy thiếu Sinh. Người ta quên bẵng mất nàng.

Ông khách bảo với mọi người đi tìm Sinh đến. Nàng đang đi đào củ mài mãi trong nguồn nước.

Sinh đến miếu thờ. Mọi người rẽ lối cho nàng. Ông khách bảo nàng nhấc thử hòn đá. Như có phép lạ, Sinh nhấc hòn đá lên tay dễ dàng như bỡn. Mọi người ngạc nhiên, tất cả reo hò sửng sốt.

Sinh cầm hòn đá đưa cho ông khách. Ánh sáng mặt trời chiếu vào đôi bàn tay nàng, đôi tay chai sạn, ngón không ra ngón. Sinh bóp khẽ vào cái ngẫu vật thiêng liêng. Hòn đá bỗng tan thành nước trước mắt mọi người. Những giọt nước ấy trong như nước mắt, chảy qua kẽ tay nàng rơi xuống mặt đất, in hình trên đó như những ngôi sao.

Ông khách lặng người rồi khóc. Ông xin dân bản được đón Sinh đi. Ông sắm váy mới, áo mới cho nàng. Sinh bỗng trở nên xinh đẹp lạ thường.

Hôm sau, ông khách rời bản Hua Tát ra đi. Người ta đồn rằng về sau Sinh rất sung sướng. Ông khách là một Hoàng đế cải trang vi hành.

Ở Hua Tát, con đường rải đá đi ra bên ngoài thung lũng, con đường nhỏ, vừa lối đi, hai bên đầy cây *mè loi*, tre, vầu, bứa, muỗm và hàng trăm thứ cây dây leo không biết tên gọi là gì, con đường đó được gọi là *Đường Nàng Sinh*.

Cái con đường ấy còn đến bây giờ.

MỤC LỤC
Tập IV (1976-2000)

• Lời Nhà xuất bản 5
• Lời đầu sách 7
• Lời giới thiệu 9
• Lời dẫn tập IV 17
1. NGUYỄN MINH CHÂU (1930-1989) 19
+ Mảnh trăng cuối rừng (truyện ngắn) 19
+ Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành (truyện ngắn, 1983) 35
2. NGUYỄN DẬU (1930-2002) 94
+ Rùa Hồ Gươm (truyện ngắn) 94
3. TRẦN CÔNG TẤN (sinh năm 1933) 122
+ Ba đời chồng (truyện ngắn, 1953) 123
+ Hương tràm (truyện ngắn, 1997) 133
+ Rừng bạc đầu thương nhớ (truyện ngắn, 2000) 137
4. MA VĂN KHÁNG (sinh năm 1936) 145
+ Mùa lá rụng trong vườn (tiểu thuyết, 1985) 146
5. HOÀNG NGỌC HÀ (sinh năm 1936) 366
+ Hoàng hôn buồn (tiểu thuyết, 1991) 366
6. HOÀNG LẠI GIANG (sinh năm 1938) 622
+ Tình yêu và tội lỗi (tiểu thuyết, 1988) 623
7. TRẦN HUY QUANG (sinh năm 1943) 829
+ Nửa mặt người (tiểu thuyết, 1995) 830
8. BÃO VŨ (sinh năm 1942) 1019
+ Người đi chuyến taxi cuối ngày (truyện ngắn, 1997) 1019

9. TRẦN THÙY MAI (sinh năm 1954) 1030
+ Cánh cửa thứ chín (truyện ngắn, 1997) 1030
+ Thương nhớ Hoàng Lan (truyện ngắn, 2000) 1037
10. NGUYỄN QUANG LẬP (sinh năm 1956) 1046
+ Tiếng khèn bè (truyện ngắn, 1996) 1046
11. THÙY LINH (sinh năm 1959) 1061
+ Mặt trời bé con của tôi (truyện ngắn, 1983) 1061
12. NGUYỄN HUY THIỆP (sinh năm 1950) 1077
+ Con gái thủy thần (truyện ngắn) 1078
+ Huyền thoại phố phường (truyện ngắn) 1098
+ Trương Chi (truyện ngắn) 1108
+ Thương nhớ đồng quê (truyện ngắn) 1118
+ Mưa Nhã Nam (truyện ngắn) 1134
+ Những ngọn gió Hua Tát (truyện ngắn) 1145

TỔNG MỤC LỤC

TỔNG MỤC LỤC
VĂN XUÔI LÃNG MẠN VIỆT NAM*
(1887-2000)

TẬP I (1887–1932)

Quyển 1

• Lời dẫn tập I

1. NGUYỄN TRỌNG QUẢN (1865-1911)
   + Thầy Lazaro Phiền (truyện, 1887)
2. NGUYỄN CHÁNH SẮT (1869-1947)
   + Nghĩa hiệp kỳ duyên (Chăng Cà Mum, tiểu thuyết, 1920)
   + Lòng người nham hiểm (tiểu thuyết, 1926)
3. TRẦN QUANG NGHIỆP (? - ?)
   + Lửa tình (tiểu thuyết, 1931)
4. LÊ HOẰNG MƯU (Mộng Huê Lầu) (1879-1941)
   + Người bán ngọc (tiểu thuyết, 1931)
5. NGUYỄN TRỌNG THUẬT (1883-1940)
   + Quả dưa đỏ (tiểu thuyết, 1925)
6. HỒ BIỂU CHÁNH (1885-1958)
   + Chút phận linh đinh (tiểu thuyết, 1928)
   + Khóc thầm (tiểu thuyết, 1929)

Quyển 2

• Lời dẫn tập I

7. TẢN ĐÀ NGUYỄN KHẮC HIẾU (1889-1939)
   + Giấc mộng con (tập 1 và 2, tiểu thuyết, 1917-1932)
8. BỬU ĐÌNH (1903-1931?)
   + Mảnh trăng thu (tiểu thuyết, 1931)
9. HUỲNH THỊ BẢO HÒA (1896-1982)
   + Tây phương mỹ nhân (tiểu thuyết, 1927)

10. HOÀNG NGỌC PHÁCH (1896-1973)
+ Tố Tâm (tiểu thuyết, 1925)
11. TAM LANG VŨ ĐÌNH CHÍ (1900-1983)
+ Giọt lệ sông Hương (tiểu thuyết, 1929)
+ Đời Hoàng Oanh (tiểu thuyết, 1930)
12. ĐẶNG TRẦN PHẤT (1902-1929)
+ Cành hoa điểm tuyết (tiểu thuyết, 1921)

TẬP II (1933–1945)

Quyển 1

• Lời dẫn tập II
13. KHÁI HƯNG (1896-1947)
+ Dọc đường gió bụi (truyện ngắn)
+ Tiếng dương cầm (truyện ngắn)
+ Linh hồn thi sĩ (truyện ngắn)
+ Tuổi mộng mơ (truyện ngắn)
+ Biến đổi (truyện ngắn)
+ Dưới ánh trăng (truyện ngắn)
+ Thời chưa cưới (truyện ngắn)
+ Sư tuệ (truyện ngắn)
+ Trăng thu (truyện ngắn)
+ Cái ve (truyện ngắn)
+ Mười năm yêu dấu (truyện ngắn)
+ Hồn bướm mơ tiên (tiểu thuyết, 1933)
+ Nửa chừng xuân (tiểu thuyết, 1934)
+ Thoát ly (tiểu thuyết, 1937)
14. NHẤT LINH (1906-1963)
+ Lạnh lùng (tiểu thuyết, 1936)
+ Đoạn tuyệt (tiểu thuyết, 1936)
+ Đôi bạn (tiểu thuyết, 1937)

Quyển 2

• Lời dẫn tập II

15. KHÁI HƯNG và NHẤT LINH
    + Gánh hàng hoa (tiểu thuyết, 1934)
    + Đời mưa gió (tiểu thuyết, 1934)
16. NGUYỄN CÔNG HOAN (1903-1977)
    + Tắt lửa lòng (tiểu thuyết, 1933)
    + Lá ngọc cành vàng (tiểu thuyết, 1935)
17. LÊ VĂN TRƯƠNG (1906-1964)
    + Cô giáo tỉnh lỵ (tiểu thuyết, 1943)
18. NGUYỄN KHẮC MẪN (1906-2002)
    + Nỗi lòng (tiểu thuyết, 1938)
19. THẾ LỮ (1907-1989)
    + Thoa (truyện ngắn, 1942)

Quyển 3

• Lời dẫn tập II

20. PHAN VĂN DẬT (1907-1987)
    + Diễm Dương Trang (tiểu thuyết, 1935)
21. ĐỖ ĐỨC THU (1909-1979)
    + Đứa con (tiểu thuyết, 1943)
22. NGUYỄN TUÂN (1910-1987)
    + Chùa đàn (truyện, 1945)
23. THẠCH LAM (1910-1942)
    + Ngày mới (tiểu thuyết, 1939)
    + Tình xưa (truyện ngắn, 1942)
    + Dưới bóng hoàng lan (truyện ngắn, 1942)
24. NGỌC GIAO (1911-1997)
    + Cô gái làng Sơn Hạ (truyện ngắn, 1942)
25. THANH CHÂU (1912. Hiện đang ở TP.HCM)
    + Bóng người ngày xưa (truyện ngắn, 1941)
    + Hoa tigôn (truyện ngắn, 1937)
    + Vườn chanh (truyện ngắn)
26. LƯU TRỌNG LƯ (1912-1991)
    + Chiếc cáng xanh (truyện, 1941)
    + Khói lam chiều (truyện, 1941)
27. TRẦN HUYỀN TRÂN (1913-1989)
    + Những cánh hoa vàng (truyện ngắn, 1942)
    + Mưa dầm (truyện ngắn)
    + Yêu (truyện ngắn)

Quyển 4

• Lời dẫn tập II

28. VŨ BẰNG (1913-1984)
    + Mơ về một cuộc chọi trâu (truyện ngắn)
29. BÌNH NGUYÊN LỘC (1914-1988)
    + Rừng mắm (truyện ngắn, 1957)
    + Đò dọc (truyện, 1949)
30. HÀN THẾ DU (sinh 1916)
    + Bóng mây chiều (tiểu thuyết, 1935)
31. XUÂN DIỆU (1916-1985)
    + Phấn thông vàng (truyện ngắn, 1939)
    + Cái dây không đứt (truyện ngắn, 1939)
    + Sợ (truyện ngắn, 1939)
    + Suối cá vàng (truyện ngắn, 1939)
    + Suối tóc đẹp (truyện ngắn, 1939)
    + Tỏa nhị kiều (truyện ngắn, 1939)
    + Thư tình mùa thu (truyện ngắn, 1939)
32. HỒ DZẾNH (1916-1991)
    + Ngày gặp gỡ (truyện ngắn, 1943)
    + Em Dìn (truyện ngắn, 1943)
    + Sáng trăng suông (truyện ngắn, 1943)
33. THÂM TÂM (1917-1950)
    + Bến trúc trăng vàng nhớ cố nhân (truyện ngắn, 1941)
    + Bông lan trần mộng (truyện ngắn, 1942)
    + Giăng soi vườn cải hoa vàng (truyện ngắn, 1942)
    + Cung đàn ly hương (truyện ngắn, 1942)
    + Khà một giấc bên Hồng (truyện ngắn, 1942)
    + Tháng ba sấm động (truyện ngắn, 1942)
34. BÙI HIỂN (sinh năm 1919. Hiện sống ở Hà Nội)
    + Nắng mới (truyện ngắn, 1941)
35. ĐỖ TỐN (sinh năm 1920-1973?)
    + Điệu thu ca (trong tập Hoa Vông Vang, truyện ngắn, 1995)
    + Duyên số (trong tập Hoa Vông Vang, truyện ngắn, 1995)
    + Hoa Vông vang (trong tập Hoa Vông Vang, truyện ngắn, 1995)
    + Định mệnh (trong tập Hoa Vông Vang, truyện ngắn, 1995
36. HOÀNG CẦM (sinh năm 1922. Hiện sống ở Hà Nội)
    + Thoi mộng (tiểu thuyết, 1943)

TẬP III (1946–1975)

Quyển 1

• Lời dẫn tập III

37. LÝ VĂN SÂM (1921-2000)
    + Kôn-Trô (truyện, 1941?)
    + Rửa hờn (truyện ngắn)
38. NGUYỄN VĂN XUÂN (sinh năm 1921)
    + Bão rừng (tiểu thuyết, 1955)
39. VÕ HỒNG (sinh năm 1921)
    + Gió cuốn (tiểu thuyết, 1969)
    + Hoài cố nhân (truyện ngắn, 1959)
    + Ngày xưa (truyện ngắn, 1959)
    + Hà Vi (truyện ngắn, 1959)
40. HÀ MINH TUÂN (1929-1992)
    + Vào đời (tiểu thuyết, 1962)

Quyển 2

• Lời dẫn tập III

41. VŨ HẠNH (S. 1926)
    + Cô gái Xà Niêng (tiểu thuyết, 1973)
42. LÊ KHÂM (1930-1995)
    + Bên kia biên giới (tiểu thuyết, 1958)
43. NGUYỄN THẾ PHƯƠNG (1930-1989)
    + Đi bước nữa (tiểu thuyết, 1960)
    + Nắng (tiểu thuyết, 1965)
44. VĂN LINH (sinh năm 1932)
    + Mùa hoa dẻ (tiểu thuyết, 1957)
45. NGUYỄN THÀNH LONG (1925-1991)
    + Lặng lẽ Sa Pa (truyện ngắn, 1970)
    + Đà Lạt hoa hương (truyện ngắn, 1975)

Quyển 3

• Lời dẫn tập III

46. MẠC PHI (1926-1996)
    + Rừng động (tiểu thuyết, 1975)

47. VŨ BÃO (sinh năm 1931)
    + Sắp cưới (tiểu thuyết, 1957)
48. LÊ PHƯƠNG (sinh năm 1933)
    + Thung lũng Cô-tan (tiểu thuyết, 1972)
49. ĐỖ CHU (sinh năm 1944)
    + Phù sa (truyện ngắn, 1966)
    + Hương cỏ mật (truyện ngắn, 1963)
50. NGUYỄN THỊ NHƯ TRANG (sinh năm 1939)
    + Tiếng mưa (truyện ngắn, 1967)
    + Chuyện thời con gái (truyện ngắn, 1997)

TẬP IV (1976–2000)

• Lời dẫn tập IV
51. NGUYỄN MINH CHÂU (1930-1989)
    + Mảnh trăng cuối rừng (truyện ngắn)
    + Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành (truyện ngắn, 1983)
52. NGUYỄN DẬU (1930-2002)
    + Rùa Hồ Gươm (truyện ngắn)
53. TRẦN CÔNG TẤN (sinh năm 1933)
    + Ba đời chồng (truyện ngắn, 1953)
    + Hương tràm (truyện ngắn, 1997)
    + Rừng bạc đầu thương nhớ (truyện ngắn, 2000)
54. MA VĂN KHÁNG (sinh năm 1936)
    + Mùa lá rụng trong vườn (tiểu thuyết, 1985)
55. HOÀNG NGỌC HÀ (sinh năm 1936)
    + Hoàng hôn buồn (tiểu thuyết, 1991)
56. HOÀNG LẠI GIANG (sinh năm 1938)
    + Tình yêu và tội lỗi (tiểu thuyết, 1988)
57. TRẦN HUY QUANG (sinh năm 1943)
    + Nửa mặt người (tiểu thuyết, 1995)
58. BÃO VŨ (sinh năm 1942)
    + Người đi chuyến taxi cuối ngày (truyện ngắn, 1997)
59. TRẦN THÙY MAI (sinh năm 1954)
    + Cánh cửa thứ chín (truyện ngắn, 1997)
    + Thương nhớ Hoàng Lan (truyện ngắn, 2000)

60. NGUYỄN QUANG LẬP (sinh năm 1956)
+ Tiếng khèn bè (truyện ngắn, 1996)
61. THÙY LINH (sinh năm 1959)
+ Mặt trời bé con của tôi (truyện ngắn, 1983)
62. NGUYỄN HUY THIỆP (sinh năm 1950)
+ Con gái thủy thần (truyện ngắn)
+ Huyền thoại phố phường (truyện ngắn)
+ Trương Chi (truyện ngắn)
+ Thương nhớ đồng quê (truyện ngắn)
+ Mưa Nhã Nam (truyện ngắn)
+ Những ngọn gió Hua Tát (truyện ngắn)

*. Xin độc giả thông cảm, trong Tổng mục lục này có tác giả, tác phẩm chúng tôi chưa chắc chắn được năm sinh hay năm mất, có trường hợp ở Từ điển này ghi khác Từ điển khác hay trong các bộ Tuyển. Và ở một số tác phẩm cũng gặp trường hợp tương tự.

VĂN XUÔI LÃNG MẠN VIỆT NAM (1887-2000)

TẬP IV (1976–2000)

*

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP TP. HỒ CHÍ MINH
62 NGUYỄN THỊ MINH KHAI – Q.1 – TP.HCM
ĐT: 8225340 – 8296764 – 8220405
FAX: 84.8222726 – EMAIL: nxbtphcm@vnn.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Giám đốc TRẦN ĐÌNH VIỆT

Biên tập:
Phó giám đốc HOÀNG MAI

Sửa bản in:
Phòng văn học NXB

Bìa + Biên tập mỹ thuật:
NGỌC ANH – VĂN ĐƯỢC

Vi tính:
CẨM HÀ – NGỌC HUỆ – KHÁNH CHI

In 1500 cuốn, khổ 16 x 24 cm, tại Xí nghiệp in FAHASA. Đóng xén tại DNTNSX NGÔI SAO – ĐT: 8640798. Giấy đăng ký KHXB số: 81–2005/CXB/64–65/THTPHCM ngày 2/11/2005. In xong và nộp lưu chiểu Quý 1/2006.

Văn xuôi lãng mạn VIỆT NAM 1887 – 2000

Tập IV **1976–2000**

Với tinh thần đổi mới tư duy của Đảng, chúng tôi coi tất cả những nhà văn Việt Nam, dù trước đây đứng ở bên kia chiến tuyến, nhưng hôm nay sống giữa lòng chế độ ta hoặc đang ở nước ngoài mà lòng vẫn đau đáu nỗi nhớ nước, thương nòi, vẫn ăm ắp tình cảm về dân tộc và xây dựng cho nền văn hóa mới ngày càng tốt đẹp... đều là những ngòi bút cần được tôn trọng và cần có chỗ đứng trong bộ tuyển này. Và đây cũng là cách thể hiện tinh thần hòa hợp dân tộc của Đảng nhằm đoàn kết xây dựng một nước Việt Nam giàu mạnh, giàu mạnh về tinh thần cũng như giàu mạnh về vật chất.

Vietnamese Romantic Prose 1887–2000

Volume IV 1976–2000

In the spirit of the Vietnamese Cummunist Party's renovation of the thinking, we see all the Vietnamese writers who in the past though belonging to the other side of the front, now living in the country or living abroad but still manifesting their patriotism and a great will to build a new radiant culture are worthy of due respect and should have their footing in this anthology. And this is also the manifestation of our Party's spirit of national reconciliation, in order to unite the people struggling for the cause of building a rich and strong Vietnam, both spiritually and materially.

0109904

Giá: 170.000 đ